

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh  
Luân Quán Hội Nghĩa  
Quyển 2**

**妙法蓮華經**

**綸貫會義**

**卷二**

**Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật  
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Đức Phong - Huệ Trang - Diệu Âm Trịnh Lộc**

# **NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

*(trang trống)*





**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa  
Quyển 2**

**妙法蓮華經論貫會義卷二**

**Đất Cổ Ngô, hậu học Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật  
古吳後學藕益智旭述**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giáo duyệt: Đức Phong - Huệ Trang - Diệu Âm Trịnh Lộc**

*13. Trì Phẩm Đệ Thập Tam*

**持品第十三**

*Phẩm thứ mười ba: Phẩm Trì*

Hai vạn Bồ Tát phụng mạng hoàng kinh; vì thế gọi là phẩm Trì. Lại khuyên tám mươi vạn ức na-do-tha [Bồ Tát] hoàng kinh; do vậy gọi là phẩm Trì. Đây là phẩm thứ tư thuộc phần Lưu Thông của Tích Môn, kinh văn được chia làm hai phần:

- Một là nói về sự thọ trì.
- Hai là khuyên trì.

*13.1. Nói về sự thọ trì*

*13.1.1. Hai vạn Bồ Tát phụng mạng trì kinh trong cõi này*

*(Kinh) Nhĩ thời, Dược Vương Bồ Tát Ma Ha Tát, cập Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ nhị vạn Bồ Tát quyển thuộc câu, giai ư Phật tiền, tác thị thệ ngôn: - Duy nguyện Thế Tôn bất dĩ vi lự. Ngã đẳng ư Phật diệt hậu, đương phụng trì, độc tụng, thuyết thử kinh điển. Hậu ác thế chúng sanh thiện căn chuyển thiểu, đa tăng thượng mạn, tham lợi cúng dường, tăng bất thiện căn, viễn ly giải thoát. Tuy nan khả giáo hóa, ngã đẳng đương khởi đại nhân lực, độc tụng thử kinh, trì thuyết, thư tả, chủng chủng cúng dường, bất tích thân mạng.*

**(經)爾時，藥王菩薩摩訶薩，及大樂說菩薩摩訶薩，與二萬菩薩眷屬俱，皆於佛前，作是誓言：「惟願世尊不以為慮。我等於佛滅後，當奉持，讀誦，說此經典。後惡**

**世眾生善根轉少，多增上慢，貪利供養，增不善根，遠離解脫。雖難可教化，我等當起大忍力，讀誦此經，持說，書寫，種種供養，不惜身命」。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Dược Vương (Bhaiṣajyarāja) Bồ Tát Ma Ha Tát, và Đại Nhạo Thuyết (Mahāpratibhāna) Bồ Tát Ma Ha Tát, cùng với hai vạn Bồ Tát quyển thuộc, đều đối trước đức Phật, thốt lời thề rằng: - Kính mong đức Thế Tôn đừng lo nghĩ. Sau khi đức Phật diệt độ, chúng con sẽ phụng trì, đọc tụng, nói kinh điển này. Chúng sanh trong đời ác sau này, thiện căn chuyển thành ít đi, nhiều tăng thượng mạn, tham lợi lộc cúng dường, tăng thêm bất thiện căn, xa lìa giải thoát. Tuy khó thể giáo hóa, chúng con sẽ dấy lên nhẫn lực to lớn, đọc tụng kinh này, gìn giữ, giảng nói, biên chép, cúng dường đủ mọi cách, chẳng tiếc thân mạng).*

### 13.1.2. Hàng Thanh Văn phát thệ lưu thông [kinh này] trong cõi khác

*(Kinh) Nhĩ thời, chúng trung ngũ bách A La Hán đắc thọ ký giả, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã đẳng diệc tự thệ nguyện u di quốc độ, quảng thuyết thử kinh”. Phục hữu Học, Vô Học bát thiên nhân đắc thọ ký giả, tùng tòa nhi khởi, hiệp chưởng hướng Phật, tác thị thệ ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng diệc đương u tha quốc độ, quảng thuyết thử kinh. Sở dĩ giả hà? Thị Sa Bà quốc trung, nhân đa tệ ác, hoài tăng thượng mạn, công đức thiểu bạc, sân trực, siểm khúc, tâm bất thật cố.*

**(經)爾時，眾中五百阿羅漢得受記者，白佛言：「世尊！我等亦自誓願於異國土，廣說此經」。復有學，無學八千人得受記者，從座而起，合掌向佛，作是誓言：「世尊！我等亦當於他國土，廣說此經。所以者何？是娑婆國中，人多弊惡，懷增上慢，功德淺薄，瞋濁，諂曲，心不實故」。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, trong đại chúng, năm trăm vị A La Hán đã được thọ ký bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng tự thệ nguyện rộng nói kinh này ở cõi khác”. Lại có tám ngàn vị Học và Vô Học đã được thọ ký, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về đức Phật, thốt lời thề rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ ở trong quốc độ khác, rộng nói kinh này. Vì lẽ nào vậy? Vì trong cõi Sa Bà này, lắm kẻ tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, sân hận, uế trước, siểm khúc, tâm chẳng chân thật).*

Hỏi: - Các vị Thanh Văn ấy đã thành đại sĩ, vì sao chẳng thề hoàng kinh trong cõi này?

Đáp: - Nhằm dẫn khởi những người sơ tâm mới hành Bồ Tát chẳng thề lưu thông kinh trong đời ác khổ sở. Lại còn vì muốn mở ra phẩm An Lạc Hạnh vậy!

### *13.1.3. Các tỳ-kheo-ni xin được thọ ký*

#### *13.1.3.1. Thọ ký cho bà Đại Ái Đạo và sáu ngàn vị ni*

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni, dữ Học Vô Học tỳ-kheo-ni lục thiên nhân câu, từng tòa nhi khởi, nhất tâm hiệp chưởng, chiêm ngưỡng tôn nhan, mục bất tạm xả. Ư thời, Thế Tôn cáo Kiều Đàm Di: - Hà cố ưu sắc nhi thị Như Lai? Nhữ tâm tương vô vị ngã bất thuyết nhữ danh, thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký da? Kiều Đàm Di! Ngã tiên tổng thuyết nhất thiết Thanh Văn, giai dĩ thọ ký. Kim dực nhữ tri ký giả. Tương lai chi thế, đương u lục vạn bát thiên ức chư Phật pháp trung, vi đại pháp sư, cập lục thiên Học Vô Học tỳ-kheo-ni câu vi pháp sư. Nhữ như thị tiệm tiệm cụ Bồ Tát đạo, đương đắc tác Phật, hiệu Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Kiều Đàm Di! Thị Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật, cập lục thiên Bồ Tát, chuyển thứ thọ ký đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)爾時，佛姨母摩訶波闍波提比丘尼，與學無學比丘尼六千人俱，從座而起，一心合掌，瞻仰尊顏，目不暫捨。於時，世尊告憍曇彌：「何故憂色而視如來？汝心將**

**無謂我不說汝名，授阿耨多羅三藐三菩提記耶？憍曇彌！我先總說一切聲聞，皆已授記。今欲汝知記者。將來之世，當於六萬八千億諸佛法中，為大法師，及六千學無學比丘尼俱為法師。汝如是漸漸具菩薩道，當得作佛，號一切眾生喜見如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。憍曇彌！是一切眾生喜見佛，及六千菩薩，轉次授記得阿耨多羅三藐三菩提」。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, dì của đức Phật là tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Mahāprajāpatī Gautamī), cùng với sáu ngàn vị tỳ-kheo Học và Vô Học, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhất tâm chấp tay, chiêm ngưỡng tôn nhan, mắt chẳng tạm rời. Lúc đó, đức Thế Tôn bảo bà Kiều Đàm Di: - Vì sao bà lộ vẻ buồn rầu nhìn Như Lai? Chẳng phải là trong tâm bà cho rằng ta không nhắc đến tên bà để thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ư? Nay Kiều Đàm Di! Trước đó, ta đã nói chung, đều đã thọ ký cho hết thấy các Thanh Văn. Nay bà muốn biết chuyện thọ ký thì trong đời tương lai, bà sẽ làm đại pháp sư trong pháp của sáu vạn tám ngàn ức chư Phật, và sáu ngàn tỳ-kheo-ni Học và Vô Học đều làm pháp sư. Bà dần dần trọn đủ Bồ Tát đạo như thế, sẽ được thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến (Sarvarūpasamdarśana)<sup>1</sup> Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nay Kiều Đàm Di! Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật và sáu ngàn Bồ Tát sẽ lần lượt thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho nhau).*

Kiều Đàm Di (Gautamī) còn dịch là Kiều Đáp Ma, tức Cù Đàm (Gautama)<sup>2</sup>, do phiên âm tiếng Phạn nặng hay nhẹ. Phương này dịch là

<sup>1</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến: Bồ Tát nơi nhân địa tu hạnh từ nhẫn, được hết thấy chúng sanh trông thấy đều hoan hỷ. Vì thế, dùng danh xưng này để đặt tên cho Phật hiệu nơi quả địa”.

<sup>2</sup> Do bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề là vợ vua Tịnh Phạn thuộc thị tộc Thích Ca, họ Gautama (còn phiên âm là Cù Đàm, Cồ Đàm, hoặc Kiều Đáp Ma), nên bà cũng được



Địa Tội Thắng, chính là dòng họ Sát-lợi tôn quý. Vì thế, dùng danh xưng ấy để gọi.

### **13.1.3.2. Thọ ký cho Da Thân Đà La**

*(Kinh) Nhĩ thời, La Hầu La mẫu Da Thân Đà La tỳ-kheo-ni tác thị niệm: “Thế Tôn ư thọ ký trung, độc bất thuyết ngã danh”. Phật cáo Da Thân Đà La: - Nhữ ư lai thế bách thiên vạn ức chư Phật pháp trung, tu Bồ Tát hạnh, vi đại pháp sư, tiếm cụ Phật đạo, ư Thiện Quốc trung, đương đắc tác Phật, hiệu Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật thọ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp.*

**(經)爾時，羅睺羅母耶輸陀羅比丘尼作是念：「世尊於授記中，獨不說我名」。佛告耶輸陀羅：「汝於來世百千萬億諸佛法中，修菩薩行，為大法師，漸具佛道，於善國中，當得作佛，號具足千萬光相如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。佛壽無量阿僧祇劫」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, mẹ của La Hầu La là tỳ-kheo-ni Da Thân Đà La (Yasodharā) nghĩ như thế này: “Trong khi thọ ký, đức Thế Tôn chỉ không nói đến một mình tên tôi”. Đức Phật bảo Da Thân Đà La: - Bà trong pháp của trăm ngàn vạn ức chư Phật trong đời mai sau, tu Bồ Tát hạnh, làm đại pháp sư, dần dần trọn đủ Phật đạo, trong cõi Thiện Quốc (Bhadrā), sẽ được thành Phật, hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng (Raśmīśatasahasraparipūrṇadhvaṃsa)<sup>3</sup> Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự*

---

gọi là Gautamī (tức phu nhân hoặc người nữ thuộc họ Gautama). Bà có hai người con với vua Tịnh Phạn tức công chúa Sundari Nanda (Tôn Đà Lợi Nan Đà) và Nanda (tôn giả Nan Đà). Khi biết đức Phật sắp nhập Niết Bàn, bà đã đến đánh lễ và xin phép nhập diệt trước. Khi trở về, bà nhập Thiên Định và nhập diệt vài ngày sau đó. Lúc ấy, bà đã 120 tuổi.

<sup>3</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật tướng hảo trang nghiêm, thân có quang minh vô lượng; vì thế, dùng điều này để lập danh hiệu”.

*Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật thọ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp).*

### **13.1.3.3. Các tỳ-kheo-ni lãnh ngộ**

*(Kinh) Nhĩ thời, Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni, cập Da Thâu Đà La tỳ-kheo-ni, tịnh kỳ quyển thuộc, giai đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu, tức u Phật tiền, nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Tôn đạo sư, an ổn thiên nhân. Ngã đẳng văn ký, tâm an cụ túc.*

**(經)爾時，摩訶波闍波提比丘尼，及耶輸陀羅比丘尼，并其眷屬，皆大歡喜，得未曾有，即於佛前，而說偈言：「世尊導師，安隱天人。我等聞記，心安具足」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề và tỳ-kheo-ni Da Thâu Đà La cùng với quyển thuộc đều hết sức hoan hỷ, đạt được chưa từng có, liền đối trước đức Phật, nói kệ rằng: - Đức Thế Tôn đạo sư, an ổn trời và người, chúng con nghe thọ ký, tâm an ổn trọn đủ).*

### **13.1.3.4. Các tỳ-kheo-ni phát nguyện**

*(Kinh) Chư tỳ-kheo-ni thuyết thị kệ dĩ, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng diệc năng u tha phương quốc, quảng tuyên thử kinh.*

**(經)諸比丘尼說是偈已，白佛言：「世尊！我等亦能於他方國，廣宣此經」。**

*(Kinh: Các tỳ-kheo-ni nói bài kệ ấy xong, bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng có thể ở trong quốc độ phương khác rộng tuyên nói kinh này).*

Khiêm tốn nhường cõi này, ý muốn giống như các Thanh Văn trong phần trên. Hoặc có thể là các vị ni và Thanh Văn đều do duyên đã chín muồi ở phương khác.

Phần thứ nhất, “nói về sự thọ trì” đã xong.

## **13.2. Khuyển trì**

### **13.2.1. Trường Hàng**

**13.2.1.1. Phật nhìn đại chúng**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn thị bát thập vạn ức na-do-tha chư Bồ Tát Ma Ha Tát.*

**(經)爾時，世尊視八十萬億那由他諸菩薩摩訶薩。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nhìn tám mươi vạn ức na-do-tha các vị Bồ Tát Ma Ha Tát).*

Đại chúng thấy đức Phật ngậm khuyển, nhưng chẳng truyền dạy. Trong phần trên, tuy Ngài không đặc biệt truyền bảo, nhưng đã nêu ra công đức trì kinh sâu dày, dẫn chứng phân minh. Phật Đa Bảo và các phân thân [của Phật Thích Ca] từ xa đến khuyển lon [đại chúng] phát tâm. Sự lẫn nghĩa của lòng ân cần ấy đều vẹn toàn. Có ai muốn vâng theo mạng lệnh, hãy nên phát thệ, chẳng phiến phải rườm lời nữa! Lại vì hộ trì ý nguyện [hoàng dương kinh này] ở phương khác của hàng Thanh Văn, cho nên [đức Phật] chẳng xưng dương.

**13.2.1.2. Bồ Tát thỉnh cầu [đức Phật] sắc truyền**

*(Kinh) Thị chư Bồ Tát giai thị A Duy Việt Trí, chuyển bất thoái pháp luân, đắc chư Đà La Ni, tức tùng tòa khởi, chí u Phật tiền, nhất tâm hiệp chưởng, nhi tác thị niệm: - Nhược Thế Tôn cáo sắc<sup>4</sup> ngã đẳng trì thuyết thử kinh giả, đương như Phật giáo, quảng tuyên tu pháp.*

**(經)是諸菩薩皆是阿惟越致，轉不退法輪，得諸陀羅尼，即從座起，至於佛前，一心合掌，而作是念：「若世尊告敕我等持說此經者，當如佛教，廣宣斯法」。**

*(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy đều là A Duy Việt Trí, chuyển pháp luân bất thoái, đạt được các Đà La Ni, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tới trước đức Phật, nhất tâm chấp tay, nghĩ như thế này: - Nếu đức Thế Tôn truyền dạy chúng con hộ trì, tuyên nói kinh này, chúng con sẽ làm đúng như lời đức Phật dạy, rộng tuyên nói pháp này).*

---

<sup>4</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Cáo sắc là lời truyền lệnh của người bề trên cho kẻ dưới, cũng có nghĩa là răn bảo”.

### 13.2.1.3. Suy nghĩ vì sao đức Phật vẫn im lặng

(Kinh) Phục tác thị niệm: - Phật kim mặc nhiên, bất kiến cáo sắc, ngã đương vân hà?

(經)復作是念：「佛今默然，不見告敕，我當云 何？」

」

(Kinh: Lại nghĩ như thế này: - Nay đức Phật im lặng, chẳng truyền bảo, chúng ta nên làm như thế nào?)

### 13.2.1.4. Tùy thuận ý Phật bèn phát nguyện

(Kinh) Thời, chư Bồ Tát kính thuận Phật ý, tịnh dục tự mãn bốn nguyện, tiện ư Phật tiền, tác sư tử hống, nhi phát thệ ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng ư Như Lai diệt hậu, châu toàn vãng phản thập phương thế giới, năng linh chúng sanh thụ tả thử kinh, thọ trì, đọc tụng, giải thuyết kỳ nghĩa, như pháp tu hành, chánh ức niệm, giai thị Phật chi oai lực. Duy nguyện Thế Tôn tại ư tha phương dao kiến thủ hộ.

(經)時，諸菩薩敬順佛意，并欲自滿本願，便於佛前，作師子吼，而發誓言：「世尊！我等於如來滅後，周旋往反十方世界，能令眾生書寫此經，受持，讀誦，解說其義，如法修行，正憶念，皆是佛之威力。惟願世尊在於他方遙見守護」。

(Kinh: Khi đó, các Bồ Tát kính thuận ý Phật và muốn tự thỏa mãn bốn nguyện, liền đối trước Phật, thực hiện sư tử hống để phát thệ rằng: - Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con qua lại trọn khắp mười phương thế giới, có thể khiến cho chúng sanh biên chép kinh này, thọ trì, đọc tụng, giải nói ý nghĩa, tu hành đúng như pháp, nghĩ nhớ chánh đáng, đều là do oai lực của Phật. Kính mong đức Thế Tôn ở nơi phương xa nhìn thấy, thủ hộ [chúng con]).

Phần thứ nhất là Trường Hàng trong đoạn thứ hai là Khuyến Trì đã xong.

### **13.2.2. Kệ tụng**

Kệ tụng là Cô Khởi<sup>5</sup>. Các vị Bồ Tát thỉnh cầu, hộ trì, hoằng truyền kinh này, cho nên tự trần thuật phương pháp và đường lối hoằng kinh. Bởi lẽ, trong phẩm Pháp Sư, [đức Phật] đã nói phương pháp, đường lối. Trong phần Kiến Bảo Tháp, Ngài lại tuyên mộ, tìm kiếm người vận dụng phương pháp, đường lối ấy. Trong phẩm Đề Bà Đạt Đa, Ngài lại dẫn dụng phương pháp và đường lối [hoằng truyền kinh] trong quá khứ. [Trong phẩm đó], Phật Thích Ca là người vâng hành theo khuôn khổ ấy. Vì thế, kinh nói Ngài dùng thân làm giường, tòa cho [thầy ngồi, hoặc dựa] v.v... Phẩm này nói đến đường lối, khuôn phép [hoằng truyền kinh] trong đời ác. Phẩm An Lạc Hạnh mới là bắt đầu thực hành khuôn phép. Vì thế nói “*trụ nhĩn nhục địa*” (trụ trong địa vị nhĩn nhục) v.v... như trong phần sau sẽ rộng nói. Nếu chẳng như vậy, hoằng truyền kinh sẽ chẳng có khuôn phép, như mình trần xông vào trận, sẽ bị thương tổn chẳng sai ngoa! Lời khuyên “*mặc áo giáp*” đâu phải là nói suông! Xét theo kinh văn, thì gồm có bốn phần:

- Nêu rõ mặc áo [Như Lai] để hoằng truyền kinh.
- Nêu rõ nhà [Như Lai] để hoằng truyền kinh.
- Nêu rõ ngồi trên tòa [Như Lai] để hoằng truyền kinh.
- Tổng kết bằng lời thỉnh cầu [đức Phật] chứng tri.

#### **13.2.2.1. Nêu rõ mặc áo Như Lai để hoằng truyền kinh**

##### **13.2.2.1.1. Tổng luận thời tiết để nói rõ chuyện mặc áo [Như Lai]**

*(Kinh) Tức thời, chư Bồ Tát câu đồng phát thanh, nhi thuyết kệ ngôn: - Duy nguyện bất vi lự, u Phật diệt độ hậu, khủng bố ác thế trung, ngã đẳng đương quảng thuyết.*

**(經)即時，諸菩薩俱同發聲，而說偈言：「惟願不為慮，於佛滅度後，恐怖惡世中，我等當廣說。」**

*(Kinh: Ngay khi đó, các vị Bồ Tát đều cùng phát ra tiếng, nói kệ rằng: - Kính mong chớ lo nghĩ, sau khi Phật diệt độ, trong đời ác đáng sợ, chúng con sẽ rộng nói).*

---

<sup>5</sup> Gọi là Cô Khởi vì thể loại kệ tụng này không nhằm nhắc lại ý nghĩa trong phần Trường Hàng trước đó.

### **13.2.2.1.2. Nói riêng về cảnh kham nhẫn**

Đoạn này chia thành ba phần [nhằm phân loại các đối tượng mà người hoằng kinh phải chịu đựng]:

- Một là kẻ thông minh tà kiến, tức những kẻ thế tục.
- Hai là kẻ tăng thượng mạn trong nhà Phật.
- Ba là kẻ tăng thượng mạn tiềm xung thánh nhân.

Đối với hạng thứ nhất vẫn có thể nhẫn, hạng thứ hai khó nhẫn hơn, hạng thứ ba khó nhẫn nhất. Càng về sau, lại càng khó nhận biết hơn.

#### **13.2.2.1.2.1 [Nhẫn đối với] kẻ thông minh tà kiến**

*(Kinh) Hữu chư vô trí nhân, ác khẩu mạ lỵ đả đàng, cập gia đao trượng giả, ngã đả đàng giai đương nhẫn.*

**(經)有諸無智人, 惡口罵詈等, 及加刀杖者, 我等皆當忍。**

*(Kinh: Có những kẻ vô trí, nói ác và chửi rủa, dùng đao, trượng đánh đập, chúng con sẽ đều nhẫn).*

#### **13.2.2.1.2.2. [Nhẫn đối với] kẻ tăng thượng mạn trong nhà Phật**

*(Kinh) Ác thế trung tỳ-kheo, tà trí, tâm siểm khúc, vị đắc vị vi đắc, ngã mạn tâm sung mãn.*

**(經)惡世中比丘, 邪智心諂曲, 未得謂為得, 我慢心充滿。**

*(Kinh: Tỳ-kheo trong đời ác, tà trí, tâm siểm khúc, chưa đắc bảo đã đắc, tâm ngã mạn tràn trề).*

#### **13.2.2.1.2.3. [Nhẫn đối với] kẻ tăng thượng mạn tiềm xung thánh nhân**

*(Kinh) Hoặc hữu A Luyện Nhã, nạp y tại không nhàn, tự vị hành chân đạo, khinh tiện nhân gian giả. Tham trước lợi dưỡng cố, dữ bạch y thuyết pháp, vị thế sở cung kính, như Lục Thông La Hán.*

*Thị nhân hoài ác tâm, thường niệm thế tục sự, giả danh A Luyện Nhã, háo xuất ngũ đẳng quá, nhi tác như thị ngôn: “Thử chư tỳ-kheo đẳng, vị tham lợi dưỡng cố, thuyết ngoại đạo luận nghị. Tự tác thử kinh điển, cuồng hoặc thế gian nhân. Vị cầu danh văn cố, phân biệt u thị kinh”. Thường tại đại chúng trung, dục hủy ngũ đẳng cố, hướng quốc vương đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, cập dư tỳ-kheo chúng, phỉ báng thuyết ngã ác. Vị thị tà kiến nhân, thuyết ngoại đạo luận nghĩa.*

**(經)或有阿練若，納衣在空閑，自謂行真道，輕賤人間者。貪著利養故，與白衣說法，為世所恭敬，如六通羅漢。是人懷惡心，常念世俗事，假名阿練若，好出我等過，而作如是言：「此諸比丘等，為貪利養故，說外道論議。自作此經典，誑惑世間人。為求名聞故，分別於是經」。常在大眾中，欲毀我等故，向國王大臣，婆羅門居士，及餘比丘眾，誹謗說我惡。謂是邪見人，說外道論義。**

*(Kinh: Hoặc kẻ trụ Lan Nhã, y chăm<sup>6</sup>, trụ chỗ vắng, tự nói hành chân đạo, khinh rẻ người trong đời! Vì tham đắm lợi dưỡng, thuyết pháp cho tại gia, được cõi đời cung kính, như Lục Thông La Hán. Kẻ đó ôm lòng ác, thường nghĩ chuyện thế tục, giả danh trụ Lan Nhã, chuộng nói lỗi chúng con, mà nói như thế này: “Cái lũ tỳ-kheo này, vì tham chuộng lợi dưỡng, nói luận thuyết ngoại đạo. Tự soạn kinh điển này, dối lừa người thế gian. Vì cầu mong tiếng tăm, phân biệt giảng kinh này”. Hẳn thường trong đại chúng, muốn phỉ báng chúng con, bảo quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, và các tỳ-kheo khác, phỉ báng, vạch lỗi con, quở là phường tà kiến, nói luận nghĩa ngoại đạo).*

A Luyện Nhã (Araṇya) còn gọi là A Lan Nhã, cũng gọi là A Lan Na, hoặc gọi là A Luyện Nhi, phương này dịch là Vô Tránh (無諍, không tranh chấp), cũng dịch là Vô Huyên Tạp Xứ (無喧雜處, chỗ chẳng ồn ào, tạp loạn). Nếu sống trong chỗ A Luyện Nhã, đây là vì muốn điều phục phiền não. Nay [kẻ đó] tự đề cao mình, miệt thị kẻ khác, chẳng phải là hạnh Vô Tránh. Do đó, nói là “giả danh A Luyện Nhã”. Trong Tỳ Ni

<sup>6</sup> Áo ca-sa do các mụn vải (các mảnh vải nhỏ) chằm lại (khâu dính lại với nhau).

Tạng (Luật Tạng), và pháp hội Bảo Lương Tự trong kinh Đại Bảo Tích<sup>7</sup>, cùng với kinh Bảo Vân<sup>8</sup>, kinh Phật Tạng<sup>9</sup> v.v... mỗi mỗi đều nói cặn kẽ

<sup>7</sup> Kinh Đại Bảo Tích (Mahāratnakūṭasūtra) gồm 120 quyển là một bộ kinh rất lớn, vốn là tổng tập của nhiều bộ kinh nhỏ. Mỗi bộ kinh nhỏ được gọi là “một hội” trong ấy (có tất cả bốn mươi chín hội), mở đầu bằng hội Tam Tự Luật Nghi, và kết thúc bằng hội Quảng Bác Tiên Nhân. Trong số đó, hội thứ năm là hội Vô Lượng Thọ Như Lai (do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch), được gọi là bản Đường dịch của kinh Vô Lượng Thọ. Hội thứ bốn mươi bốn là hội Bảo Lương Tự (Ratnarāsi). Chủ đề chính yếu của kinh này là các pháp tu hành của Bồ Tát và các lời thọ ký thành Phật. Trong bốn mươi chín hội, có hai mươi ba hội do các vị dịch kinh từ đời Tấn đến thời Tùy – Đường như Trúc Pháp Hộ (đời Tấn), Mạn Đà La Tiên (đời Lương), Phật Đà Phiến Đa (đời Nguyên Ngụy), Thật Xoa Nan Đà (đời Đường), Na Liên Đề Da Xá (thời Bắc Tề), Nguyệt Bà Thủ Na (đời Nguyên Ngụy), Đạt Ma Cấp Đa (đời Tùy), Nhiếp Đạo Chân (đời Tây Tấn) v.v... Những bản dịch này được gọi chung là Cựu Dịch. Hai mươi sáu hội còn lại do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch thì được gọi là Tân Dịch. Các chủ đề được nêu ra trong kinh này rất rộng từ Bát Nhã Tánh Không (hội thứ mười sáu, tức hội Văn Thù Thuyết Bát Nhã), hội thứ hai, thứ ba, thứ bảy, thứ mười một, và thứ hai mươi bốn nói về giáo nghĩa của Mật Giáo (chẳng hạn hội thứ ba nói về Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ), hội thứ năm nói về bốn nguyện của A Di Đà Phật, hội thứ nhất và hội thứ hai mươi ba nói về Luật Nghi v.v... Hội Bảo Lương Tự giải thích ý nghĩa của Sa-môn, nêu ra hai mươi hai món cầu, tám pháp che lấp hạnh Sa-môn, ba mươi hai pháp phải hành của Bồ Tát, các phép Thật Quán đối với Trung Đạo, tướng trạng cầu tâm, hai thứ tâm bất tịnh của người xuất gia, bốn loại Sa-môn v.v...

<sup>8</sup> Kinh Bảo Vân (Ratnameghasūtra) là một bộ kinh được xếp vào hệ thống Kinh Tập trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, chủ yếu luận định về Thiên Định, Không Quán, và tâm tánh. Đại Vân hàm nghĩa sánh ví Phật pháp như vàng mây to có thể tuôn mưa nhuần thấm đại địa, khiến cho muôn loài tăng trưởng. Theo kinh văn, kinh này còn có tên là Trừ Cái Chướng Bồ Tát Sở Vấn, hoặc Trừ Cái Chướng Bồ Tát Chi Sở Thọ Trì, hoặc Chi Nhất Thiết Cái Bồ Tát Sở Vấn Pháp Môn, hoặc kinh Bảo Tích Công Đức, hoặc kinh Bảo Vũ Pháp Môn. Trong Đại Tạng, kinh này gồm bốn bản dịch:

- Đại Vân Kinh, bảy quyển, do ngài Mạn Đà La Tiên xứ Phù Nam dịch vào đời Lương.
- Đại Thừa Bảo Vân Kinh, tám quyển, do ngài Tu Bồ Đề xứ Phù Nam dịch vào thời Nam Trần.
- Bảo Vũ Kinh, mười quyển, do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch vào đời Đường dưới thời Vũ Tắc Thiên.
- Trừ Cái Chướng Bồ Tát Sở Vấn Kinh, hai mươi quyển, do ngài Pháp Hộ và Duy Tịnh dịch vào thời Bắc Tống.

Kinh này được các vị luận sư như Thanh Biện, Nguyệt Xứng, Liên Hoa Giới của Ấn Độ và Tông Khách Ba (Tsongkhapa), Đạt Ba Trát Tây Nam Gia (Dagpo Tashi Namgyal), Tướng Công Khang Sở (Jamgon Kongtrul) đời thứ nhất v.v... của Tây Tạng trích dẫn rất nhiều trong các bộ luận của họ.



về hạnh A Luyện Nhã. Nếu chưa tương ứng, hãy nên tầm sư vấn đạo, sao lại giữ lấy sự ngu muội, tự cho là đúng? Nguyên các hành giả hãy nên tự suy xét cẩn kẽ.

Phần thứ hai, “nêu riêng cảnh kham nhẫn” đã xong!

### *13.2.2.1.3. Nêu ý nghĩa mặc áo [Như Lai] để hoằng kinh*

*(Kinh) Ngã đấng kính Phật cố, tất nhẫn thị chư ác, vì tư sở khinh ngôn: “Nhữ đấng giai thị Phật”. Như thử khinh mạn ngôn, giai đương nhẫn thọ chi. Trước kiếp ác thế trung, đa hữu chư khủng bố. Ác quỷ nhập kỳ thân, mạ lỵ hủy nhục ngã. Ngã đấng kính tín Phật, đương trước nhẫn nhục khải. Vị thuyết thị kinh cố, nhẫn thử chư nan sự. Ngã bất ái thân mạng, dẫn tích vô thượng đạo. Ngã đấng u lai thế, hộ trì Phật sở chúc. Thế Tôn tự đương tri: Trước ác thế tỳ-kheo, bất tri Phật phương tiện, tùy nghi sở thuyết pháp, ác khẩu nhi tàn túc, sở sở kiến tận xuất, viễn ly u tháp tự. Như thị đấng chúng ác, niệm Phật cáo sắc cố, giai đương nhẫn thị sự.*

**(經)我等敬佛故，悉忍是諸惡，為斯所輕言：「汝等皆是佛」。如此輕慢言，皆當忍受之。濁劫惡世中，多有諸恐怖。惡鬼入其身，罵詈毀辱我。我等敬信佛，當著忍辱鎧。為說是經故，忍此諸難事。我不愛身命，但惜無上道。我等於來世，護持佛所囑。世尊自當知：濁惡世比丘，不知佛方便，隨宜所說法，惡口而嘖蹙，數數見擯出，遠離於塔寺。如是等眾惡，念佛告救故，皆當忍是事。**

*(Kinh: Chúng con do kính Phật, đều nhẫn các ác ấy. Bị họ khinh rẻ nói: “Các người đều là Phật”. Lời khinh mạn như thế, sẽ đều nhẫn,*

---

<sup>9</sup> Kinh Phật Tạng (Buddhapitakaduḥṣīlanirgraha) do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm Hoằng Thi thứ bảy (405) đời Diêu Tần. Bộ kinh này được tôn xưng là kính chiếu yêu cho người học Phật, vì trong kinh này, đức Phật đã chỉ ra các chỗ sai lầm trong học Phật. Kinh gồm bảy phẩm: Chư Pháp Thật Tướng, Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng, Tịnh Giới, Tịnh Pháp, Vãng Cổ, Tịnh Kiến, Liễu Giới, Chúc Lụy. Kinh luận định cẩn kẽ về vô sanh, vô diệt, vô tướng, vô vi, và Thật Tướng của các pháp, quả trách các thứ tội tướng, nêu bày quả báo to lớn do bất tịnh thuyết pháp v.v...

chịu đựng. Trong đời ác kiếp trước, có nhiều nỗi hoảng sợ. Kẻ ác quý dựa thân, chửi bới, hủy nhục con. Chúng con kính tin Phật, sẽ mặc giáp nhẫn nhục. Do vì nói kinh này, nhẫn các chuyện khó ấy. Con chẳng yêu thân mạng, chỉ tiếc đạo vô thượng. Con trong đời tương lai, hộ trì lời Phật dạy. Thế Tôn hãy tự biết! Tỳ kheo đời trước ác, chẳng biết Phật phương tiện, tùy cơ nghi thuyết pháp, buông lời ác, cau mặt, nhiều lượt bị trục xuất, xa lìa nơi tháp, chùa. Các điều ác như thế, do nghĩ Phật dạy răn, đều nhẫn các chuyện ấy).

“Khải” (鎧) là áo giáp. “Nhẫn nhục khai” (Áo giáp nhẫn nhục) tức là có thể nhẫn nhục, dấn vào trong đời ác, vẫn chẳng bị thương tổn. Ví như vào trong chiến trận mà có áo giáp, chẳng bị tổn thương bởi đao, tên. Cần phải biết tứ giáo, mỗi giáo đều có áo giáp nhẫn nhục.

Như trong kinh Trung A Hàm, tỳ-kheo Hắc Xi (Kaḷāra) mách với Đức Phật: “Xá Lợi Phất chửi con, cần nhẫn con”. Đức Phật liền gọi ngài Xá Lợi Phất, hỏi rằng: “Ông có thật sự chửi mắng, cần nhẫn tỳ-kheo Hắc Xi hay không?” Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Kẻ tâm chưa định thì có lẽ sẽ cần nhẫn, mắng chửi. Tâm con đã định, làm sao cần nhẫn, mắng chửi cho được? Như sừng trâu gãy chẳng đụng chạm, quấy nhiễu người khác. Như đũa bé tàn tật hổ thẹn, chẳng nỡ hại người khác. Tâm con như đất, nước, lửa, gió, đối với tịnh và bất tịnh, đại tiện, tiểu tiện, mũi rãi đều hứng chịu mà chẳng chửi bới. Tâm như chổi quét, tịnh và bất tịnh đều quét. Lại như đồ đựng bị hư nứt chứa mỡ, để qua một ngày, luôn rỉ từng giọt. Tự quán chín lỗ thường rò rỉ thứ bất tịnh, sao lại chửi bới, cần nhẫn người khác cho được? Lại như rắn, chó v.v... đã chết, buộc vào cổ đũa bé thanh tịnh, hổ thẹn, tự ngượng, chẳng chửi bới, cần nhẫn người khác”.

Đức Phật hỏi: “Đối với kẻ ác như thế, ông quán như thế nào?” Ngài Xá Lợi Phất đáp rằng: “Người có năm loại: Một là thân thiện, khẩu và ý bất thiện, chỉ nghĩ tới điều thiện của người ấy, chẳng nghĩ tới điều bất thiện. Như tỳ-kheo áo chàm, thấy vải rách bám phân, tay trái nắm lấy, tay phải căng ra, cắt bỏ chỗ bất tịnh, giữ lấy chỗ thanh tịnh. Nghĩ dùng điều thanh tịnh nơi thân của người ấy để làm khuôn phép cho thân ta, vứt bỏ [điều ác nơi] khẩu và ý của kẻ đó để răn dè khẩu và ý của ta. Hai là người khẩu hạnh thanh tịnh, nhưng thân và ý bất tịnh, cũng nghĩ tới khẩu [thanh tịnh] của người ấy, bỏ đi thân hạnh và ý hạnh. Như người bị nóng bức quá khát, gắp cái ao có nhiều cỏ, gạt cỏ ra, vốc nước

đề mát thân, hết khát. Ba là ý tịnh, thân, khẩu bất tịnh, vẫn chỉ nghĩ tới ý, chẳng màng đến thân và khẩu. Như đi đường nóng bức, quá khát, chỉ có chút nước nơi đầu chân trâu. Nếu dùng tay vốc nước, ắt nước sẽ vẫn đục, hãy nên quỳ sát hai gối, hai tay bám xuống đất, miệng hút lấy nước để trừ nóng và khát. Bốn là tam nghiệp đều bất tịnh, tuy chẳng thể dùng, hãy nên đau đầu nghĩ tưởng, như trên đường thấy người bệnh, bèn sắp đặt ổn thỏa cho người ấy, nghĩ tới người ấy bất tịnh, khiến cho người ấy gặp được bậc thiện tri thức đối trị ba nghiệp của kẻ đó, chẳng để kẻ đó đọa trong tam đồ. Năm là ba nghiệp đều tịnh, thường nghĩ tới người ấy để tự uốn nắn chính mình, mong được bằng, nguyện được bằng, như ao nước trong mát, có nhiều các loại hoa cỏ, kẻ khát nước nóng bức vào trong đó liền thoải mái, thường nghĩ tới cảnh giới để trừ điều ác của ta”. Đó là [giáo huấn] trong giáo pháp Tam Tạng, dùng khổ, vô thường, bất tịnh, vô ngã, và không làm áo giáp.

Nho gia nói: “Kiến hiền tư tề, kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh” (Thấy người hiền bèn mong được bằng, thấy kẻ chẳng hiền, trong tâm bèn tự phản tỉnh). Lại nói: “Tam nhân hành, tất hữu ngã sư; trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi. Kỳ bất thiện giả nhi cải chi” (Ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta; chọn lấy điều tốt lành của người ấy mà vâng theo. Đối với điều chẳng tốt của người ấy bèn sửa đổi) cũng là nghĩa này. Luận Tỳ Bà Sa nói: “Nghĩ câu chửi là một lời nói, những điều khác đều là tiếng kêu réo. Suốt ngày kêu réo, liên quan gì đến ta” (chữ A Câu Lô Xa (Akrośa) [trong tiếng Phạn] được phương này dịch là “mạ” (chửi bới). Câu Lô Xá (krośa) được phương này dịch là “hoán thanh” (tiếng kêu réo). Nay ta chẳng nên đọc chữ A, vì nếu có chữ A, sẽ gọi là “chửi bới”. Nếu chẳng có chữ A, sẽ là tiếng kêu réo).

Hơn nữa, ở nơi này, [một từ ngữ] có thể là lời lẽ hèn hạ, thô lậu, nơi phương khác lại là lời khen ngợi. Nếu ta nghĩ đó là lời thô hèn, sẽ chẳng có chỗ nào được vui sướng (Lệ này rất nhiều, như Thi La (Giới) và Sạn Đề (Nhẫn Nhục)<sup>10</sup>, ở cõi này chẳng phải là từ ngữ đẹp đẽ, nhưng nơi cõi kia (Thiên Trúc) thì là hai môn Ba La Mật. Lại như ngay trong cõi này, Nam Bắc gọi bằng danh xưng khác nhau, đất Chiết và đất Mân gọi khác nhau. Ở phương kia là khen ngợi, nơi phương này là hủy báng, chẳng thể nêu trọn). Lại quán chữ [bị coi là] chửi bới ấy, nếu đảo ngược lại chữ ấy, sẽ thành khen ngợi (như thấy khách ra đi, nêu nói “khứ tảo”

---

<sup>10</sup> Nếu chỉ xét theo mặt chữ Hán, thì Thi trong Thi La (尸羅) có nghĩa là “xác chết”, còn Sạn trong Sạn Đề (羼提) là “tạp loạn, lẫn lộn”.

(đi sớm thế) sẽ thành ý giữ khách. Nếu nói “*tảo khứ*” (đi cho sớm) thì thành ý xua đuổi! Xua đuổi tức là chửi, giữ lại tức là khen ngợi. Lại như lúc đang ăn, gặp khách đến, nếu nói “*lai tảo*” (đến sớm quá), tức là chửi. Nếu nói “*tảo lai*” (hãy đến sớm) tức là ý khen ngợi. Người đời chấp trước, nắm chặt thứ tự trước sau, đều cùng cho là khen hay chửi, tình kiến hư vọng tích tụ, [chẳng biết là] ngôn từ và âm thanh tánh Không!)

Lại nữa, chửi là một chút phần của Giới, một chút phần của Nhập, một chút phần của Âm, chửi là phần nhỏ, chẳng chửi là phần nhiều (trong mười tám giới, [chửi] là chút phần của Thanh Giới. Trong mười hai Nhập, [chửi] là chút phần của Thanh Nhập. Trong Ngũ Âm, nó là chút phần của Sắc Âm. Chỉ có chút phần ấy là chửi, những thứ khác chẳng phải là chửi). Lại nữa, kẻ nào thành tựu chửi? Kẻ chửi thành tựu! Thành tựu nơi hấn, liên quan gì đến ta? (Kẻ đó tự nắm giữ âm thanh để thành danh từ, câu chữ, mà gọi là “chửi”, như cái mặt xấu xí, liên quan gì đến tấm gương!) Hơn nữa, Chửi là một chữ, một chữ chẳng thành chửi. Hai chữ sẽ thành chửi, chẳng có lúc nào đồng thời nói hai chữ! Nếu nói chữ sau thì chữ trước đã mất! Lại nữa, người chửi và kẻ bị chửi trong cùng lúc, ngay trong một sát-na đều diệt mất, liên quan gì đến ta? [Suy nghĩ] giống như thế chính là dùng Tích Không (phân tích cái Không) để làm áo giáp.

Lại nữa kẻ chửi và kẻ bị chửi đều giống như huyễn nhân (kẻ huyễn hóa), chữ dùng để chửi và âm thanh chửi bới giống như tiếng vang trong hang. Quán kỹ thật ngã và thật pháp đều trọn chẳng thể được, có sao chẳng nhận? Đây chính là dùng Tức Không làm áo giáp. Hơn nữa, phạm phu chẳng thể chửi bới Không, dấy các ưu não, tăng trưởng tam độc. Vì thế có tam đồ pháp giới. Hoặc do cương chế an trụ nơi Nhân, cho nên có nhân thiên pháp giới. Thánh nhân hiểu chửi là Không, tự đoạn kết sử, vì thế có Nhị Thừa pháp giới. Lại còn sanh tâm đại bi đối với kẻ chửi bới, nghĩ cách dẹp trừ nỗi khổ cho kẻ đó. Như con do cuồng mê chửi mẹ, mẹ thường nghĩ xót thương, mong cho con khỏi bệnh. Vì thế có chư Phật, Bồ Tát pháp giới. Theo thứ tự quán sát Chửi như thế, bèn sanh ra mười pháp giới sai biệt bất đồng; đó là dùng “*tức Giả*” làm áo giáp.

Kinh này nói “*niệm Phật cáo sắc cố, giai đương nhân thị sự*” (do nghĩ tới lời Phật răn truyền, đều nhận được chuyện ấy). Phật chính là Phật Bảo, “*cáo sắc*” chính là Pháp Bảo, Phật và Pháp chẳng hai, tức là Tăng Bảo. Nhất Thể Tam Bảo phạm thánh bình đẳng, chư Phật đã ngộ, chúng sanh vẫn còn mê. Ta là chúng sanh bỏ mê về ngộ, trì nói kinh này,

biết rõ tâm ta “trên là bằng với chư Phật, dưới là bằng với chúng sanh”. Chư Phật ngộ chính là tâm ta ngộ, chúng sanh mê chính là tâm ta mê. Áo giáp như thế chính là “từ bi thất” (nhà từ bi), tức tòa “pháp Không”. Một thứ thành áo giáp, hết thấy đều là áo giáp. Đó chính là áo giáp trong Viên Giáo.

Phần thứ nhất, “nói về chuyện mặc áo [Như Lai] để hoằng kinh” đã xong.

#### **13.2.2.2. Vào nhà [Như Lai] để hoằng kinh**

*(Kinh) Chư tụ lạc, thành ấp, kỳ hữu cầu pháp giả, ngã giai đáo kỳ sở, thuyết Phật sở chúc pháp.*

**(經)諸聚落城邑，其有求法者，我皆到其所，說佛所囑法。**

*(Kinh: Các làng xóm, thành ấp, nếu có người cầu pháp, con đều đến chỗ họ, nói pháp Phật phó chúc).*

#### **13.2.2.3. Ngồi trên tòa [Như Lai] để hoằng kinh**

*(Kinh) Ngã thị Thế Tôn sứ, xử chúng vô sở úy. Ngã đương thiện thuyết pháp, nguyện Phật an ổn trụ.*

**(經)我是世尊使，處眾無所畏。我當善說法，願佛安隱住。**

*(Kinh: Con là sứ Thế Tôn, trong chúng chẳng sợ hãi. Con sẽ khéo thuyết pháp, nguyện Phật an ổn trụ).*

#### **13.2.2.4. Tổng kết bằng chuyện thỉnh cầu chứng tri**

*(Kinh) Ngã u Thế Tôn tiền, chư lai thập phương Phật, phát như thị thế ngôn, Phật tự tri ngã tâm.*

**(經)我於世尊前，諸來十方佛，發如是誓言，佛自知我心。**

*(Kinh: Con đối trước Thế Tôn, và chư Phật mười phương, phát lời thề như thế, Phật tự biết tâm con).*

Phẩm Trì đã xong.

#### 14. An Lạc Hạnh Phẩm Đệ Thập Tứ

### 安樂行品第十四

Phẩm thứ mười bốn: An Lạc Hạnh

Giải thích phẩm này, chia thành ba phần:

- Một là giải thích dựa theo sự tướng.
- Hai là giải thích bằng cách kèm thêm kinh văn.
- Ba là giải thích dựa theo pháp môn.

Mỗi phần đều có giải thích đại lược hay chi tiết.

- Giải thích đại lược dựa theo sự tướng: Thân chẳng có nguy hiểm, cho nên An. Tâm chẳng ưu não, cho nên Lạc. Thân tâm an lạc, cho nên có thể tiến nhập hạnh hồng kinh bằng khẩu nghiệp.

- Giải thích đại lược kèm thêm kinh văn thì trước hết là nói kèm thêm kinh văn trong phẩm trước: Mặc áo Như Lai thì Pháp Thân an. Vào nhà Như Lai, do tâm giải thoát nên lạc. Do ngòi tòa của Như Lai, cho nên Bát Nhã hướng dẫn hạnh thăng tấn. Lại nữa, kèm thêm kinh văn trong phẩm này: Do trụ nhãn nhục địa, cho nên thân an; do trọn chẳng bộp chộp nên tâm lạc. Do quán Thật Tướng của các pháp, cho nên hạnh thăng tấn.

- Giải thích đại lược dựa theo pháp môn: An là bất động, Lạc là vô thọ (chẳng tiếp nhận), Hạnh là vô hành. “*Bất động*”: Lược đạo sanh tử, Niết Bàn của Nhị Thừa chẳng thể động. Đã chẳng duyên theo nhị biên, cho nên Pháp Thân chẳng lay động. An trụ bất động như núi Tu Di, thì gọi là pháp môn “*thường trụ bất động*”. Trong phần trước, kinh văn có nói: “*Thân thể cập thủ túc, tịch nhiên an bất động. Kỳ tâm thường đảm phạ, vị tăng hữu tán loạn*” (Thân thể và chân tay, vắng lặng, an bất động, tâm thường luôn tĩnh lặng, chưa từng có tán loạn). Đây chính là nghĩa này. “*Vô thọ*” là chẳng nhận lãnh năm thứ cảm nhận của phàm phu, cho đến ngũ thọ sanh kiến của Viên Giáo cũng đều chẳng tiếp nhận (Trước hết là xét theo ngoại đạo, bốn câu (có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không) và tuyệt ngôn (dứt bật nói năng) được gọi là “*ngũ thọ*” (năm thứ cảm nhận). Kế đó, xét theo Tạng, Thông, Biệt Giáo, đối với mỗi giáo đều có bốn môn và một môn tuyệt ngôn, cũng gọi là “*ngũ thọ*”. Sau đó, xét theo bốn môn và một môn tuyệt ngôn của Viên

Giáo, nếu chưa chứng Thật mà sanh chấp trước nơi kiến giải thì cũng gọi là Ngũ Thọ. Thấu hiểu giáo, nhập Lý, Lý chẳng có gì để tiếp nhận thì mới gọi là “chẳng thọ”). Có thọ sẽ có khổ, chẳng có thọ sẽ chẳng khổ. Chẳng khổ, chẳng vui, bèn gọi là “đại lạc”. “Vô hành”: Nếu có cái để hứng chịu, thì sẽ có cái để hành. “Vô thọ” thì chẳng có gì để hành, chẳng hành hạnh phàm phu, chẳng hành hạnh hiền thánh. Cho nên nói là “vô hành”, mà hành Trung Đạo. Vì thế gọi là Hành.

Kế đó, giải thích chi tiết theo sự tướng. An lạc chính là Đại Niết Bàn, tức là đặt tên dựa theo quả. Hạnh chính là đạo Niết Bàn, đặt tên dựa theo nhân. Như thường kiến ngoại đạo (kẻ ngoại đạo chấp mọi thứ là thường hằng) hành khô hạnh, tức là nhân lẫn quả đều khô. Như đoạn kiến ngoại đạo mặc sức chấp giữ lạc, cho nên nhân là lạc, mà quả là khổ. Như “tích pháp” Nhị Thừa (hàng Nhị Thừa tư duy bằng cách phân tích các pháp) tu tập bằng phương pháp vụng về, đổ công vất vả cùng cực thì mới nhập Niết Bàn, tức là nhân khổ, quả vui. Nay kinh này là “*như thật xảo độ*” (khéo léo tu tập như thật), cho nên nhân lẫn quả đều vui. Đại Kinh nói: “*Định khổ hành giả, vị chư phàm phu. Khổ lạc hành giả, Thanh Văn, Duyên Giác. Định lạc hành giả, vị chư Bồ Tát*” (Kẻ chắc chắn làm chuyện khổ là phàm phu. Người làm chuyện khổ lẫn vui là Thanh Văn, Duyên Giác. Người chắc chắn làm chuyện vui là các Bồ Tát).

Nay trong hàng Bồ Tát, càng phải nên phân biệt:

- Tam Tạng Bồ Tát có giáo mà chẳng có người.
- Tam thừa trong Thông Giáo thì nhân lẫn quả đều lệch lạc.
- Biệt Giáo Bồ Tát thì nhân thiên lệch, nhưng quả viên mãn.
- Viên Giáo Bồ Tát thì nhân lẫn quả đều viên.

Nay do diệu nhân và diệu quả đều vui, đều viên mãn, cho nên gọi là An Lạc Hạnh.

Kế đó, giải thích chi tiết bằng cách nói kèm thêm kinh văn: An Lạc Hạnh là Niết Bàn đạo. Niết Bàn có ba nghĩa, tức là tam đức bí tạng (Pháp Thân, Bát Nhã, và giải thoát). Hạnh có ba nghĩa, tức là Chỉ Hạnh, Quán Hạnh, và Từ Bi Hạnh:

- Chỉ Hạnh thì ba nghiệp nhu hòa, trái nghịch hay thuận theo đều vắng lặng, tức là thấu hiểu Pháp Thân hạnh, tức là “áo Như Lai” được nói trong kinh văn thuộc phần trước.

- Quán Hạnh là trí huệ nhất Thật Tướng, là quang minh vô phân biệt, tức là thấu hiểu hạnh Bát Nhã, tức là “tòa Như Lai” được nói trong kinh văn thuộc phần trước.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

- Từ Bi Hạnh là Tứ Hoàng Thệ Nguyên, rộng độ hết thảy, tức là thấu hiểu giải thoát hạnh, tức là “*nhà Như Lai*” được nói trong kinh văn thuộc phần trên.

Gộp chung ba hạnh ấy thành Niết Bàn đạo. Gộp chung ba đức, sẽ thành cảnh của hạnh. Cảnh được gọi là An Lạc, còn đạo được gọi là Hạnh. Đại Luận nói: “*Bồ Tát từ sơ phát tâm, thường quán Niết Bàn hành đạo, do luôn dùng ba pháp để hướng dẫn ba nghiệp làm hạnh, vì ba nghiệp thanh tịnh chính là sáu căn thanh tịnh*”. Sáu căn nếu thanh tịnh, sẽ phát khởi tương tự giải mà được nhập Chân. Khi ở quả thì gọi là Phật nhãn, Phật nhĩ v.v... còn cái Nhân được gọi là Chỉ Hạnh, quả được gọi là Đoạn Đức. Lại nữa, nhân được gọi là Quán Hạnh, quả được gọi là Trí Đức. Nhân được gọi là Từ Bi Hạnh, quả được gọi là Ân Đức.

Lại nữa, nhân được gọi là Tam Nghiệp, quả được gọi là Tam Mật. Khi ở nhân thì từ bi hướng dẫn ba nghiệp lợi lạc người khác, nơi quả thì gọi là tam luân (thân luân, khẩu luân, ý luân) giáo hóa chẳng nghĩ bàn. Khi quán như thế, chẳng còn phân biệt. Trong hết thảy các pháp, đều có tánh an lạc. Hết thảy chúng sanh chính là Đại Niết Bàn, chẳng thể diệt nữa. Hành nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo; do đó gọi là An Lạc Hạnh. Hạnh ấy ứng hợp với ý nghĩa Niết Bàn. Kinh đó (tức kinh Đại Bát Niết Bàn) còn nói có một hạnh là Như Lai hạnh. Như Lai là người, An Lạc là pháp. Như Lai là người an lạc. An lạc là Như Lai pháp. Nói tóm gọn, nghĩa này chẳng khác, mà Biệt cũng chẳng khác. Kinh đó nói “*cây báu bằng vàng bạc*” nhằm sánh ví rừng báu vô lậu, ứng hợp “áo Tịch Diệt Nhân” trong kinh này.

Kinh ấy nói “*sông lớn phủ cát vàng đổ thẳng vào biển Tây*” nhằm sánh ví trí huệ Nhất Thật, ứng với “tòa Không pháp” trong kinh này. Kinh ấy nói “*nữ nhân đắc đạo chẳng có siểm khúc*” nhằm sánh ví vô duyên đại từ, ứng hợp với “từ bi thất” trong kinh này. Kinh đó gọi là “*vô dư nghĩa*” (chẳng có nghĩa nào khác), còn kinh này gọi là Vô Thượng Đạo. Kinh ấy lại nói tới Thánh Hạnh tức là Như Lai tòa, Thiên Hạnh là Như Lai y. Phạm Hạnh, Bệnh Hạnh và Anh Nhi Hạnh chính là Như Lai thất (nhà Như Lai).

Hỏi: - Đại Kinh nói “*thân cận quốc vương, đeo cung, mang tên để chế phục kẻ ác*”. Kinh này dạy “*xa lìa kẻ quyền thế. Hãy khiêm hạ, từ thiện*”, [tức là hai kinh] cương nhu khá trái nghịch, sao lại [bảo hai kinh] chẳng khác?

Đáp: - Đại Kinh riêng luận định về sự chiết phục, trụ trong địa vị “*con một*”, chưa từng chẳng nhiếp thọ. Kinh này riêng nói về sự nhiếp



thọ, nhưng [như phẩm Đà La Ni nói] “*đầu phá tác thất phân*” (đầu nút làm bảy miếng)<sup>11</sup>, há chưa từng chiết phục ư? Tuy mỗi kinh đều nêu riêng một phương diện, nhưng Lý ắt trọn đủ bốn [Tất Đàn]. “*Thời tiết thích đáng, cơ nghi xứng hợp*” chính là ý nghĩa Thế Giới Tất Đàn. “*Nhiếp thọ*” tức là ý nghĩa Vị Nhân Tất Đàn. “*Chiết phục*” chính là ý nghĩa Đối Trị Tất Đàn. “*Ngộ đạo*” chính là ý nghĩa Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Kế đó, giải thích cặn kẽ theo pháp môn, sẽ được gọi là “bất động môn”, “bất thọ môn”, và “bất hành môn”. Nói cặn kẽ thì như mười thứ “*ba pháp*” trong sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa, cứ chuẩn theo đó sẽ biết. Nếu coi nghĩa này là Tứ Tất Đàn thì ba pháp khác nhau chính là Thế Giới Tất Đàn. Giải Thoát chính là Vị Nhân Tất Đàn. Bát Nhã tức là Đối Trị Tất Đàn. Pháp Thân tức Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Hỏi: - An Lạc Hạnh có thứ tự như thế nào?

Đáp: - Viên hạnh Pháp Hoa, một hạnh là vô lượng hạnh chẳng thể nghĩ bàn, há định ra trước sau? Nay một mực nói theo kinh văn thì trong phẩm Pháp Sư đã chỉ bày đại lược chuyện hoằng kinh, tức là lấy chuyện “*lợi ích kẻ khác*” làm gốc. Vì thế, trước hết nói đến chuyện “*nhập thất*” (vào trong nhà của Như Lai). Phẩm này biện định chuyện hoằng kinh trong đời ác, an định các thứ bức bách, não hại. Do vậy, trước hết nói đến chuyện “*mặc áo*” [Như Lai]. Trước sau hiển hiện lẫn nhau. Nếu xét theo hạnh để nói, các pháp từ thuở đầu thường là tướng tịch diệt. Do trái nghịch tịch diệt mà dấy lên tướng, trước hết, hãy nên dùng Bát Nhã để trừ sạch. Đó là “*ngôi tòa Như Lai*”. Các pháp chẳng sanh mà Bát Nhã sanh, đồng thể từ bi. Vì thương xót chúng sanh mà hành đạo. Kế đó, “*nhập Như Lai thất*” (vào nhà của Như Lai). Đã dùng từ bi để hóa độ cõi đời, ắt sẽ dính dáng tới trái nghịch hay thuận tùng, chắc chắn cần phải an nhẫn.

Kế đó, “*trước Như Lai y*” (mặc áo Như Lai). Nhưng tuy nói theo thứ tự, khi hành chẳng theo thứ tự. Khi hành, nhập Không tức là có đủ hết thấy các pháp, hưởng hồ là Từ và Nhẫn ư?

Tứ An Lạc Hạnh:

- Một là Chỉ Quán từ bi hướng dẫn thân nghiệp.

---

<sup>11</sup> Trong phẩm Đà La Ni của kinh này, các vị La Sát nữ như Lam Bà, Hoa Xi v.v... sau khi nói thần chú ủng hộ người thọ trì kinh Pháp Hoa, đã nói kệ rằng: “*Nhược bất thuận ngã chú, não loạn thuyết pháp giả, đầu phá tác thất phân, như A Lê thụ chi*” (Nếu chẳng thuận chú này, não loạn bậc thuyết pháp, đầu nút thành bảy miếng, như cành cây A Lê).

- Hai là Chỉ Quán từ bi hướng dẫn khẩu nghiệp.
- Ba là Chỉ Quán từ bi hướng dẫn ý nghiệp.
- Bốn là Chỉ Quán từ bi hướng dẫn thệ nguyện.

Do thân nghiệp có Chỉ, bèn lìa nghiệp thô nơi thân. Do có Quán, cho nên chẳng có thân, chẳng có thân nghiệp, chẳng có cái có thể lìa, chẳng có cái để đạt được, cho nên chẳng đọa vào địa vị phàm phu. Do có từ bi, siêng tu thân nghiệp, rộng lợi ích hết thảy, sẽ chẳng đọa vào địa vị Nhị Thừa. Do có Chỉ Hạnh, mặc áo Như Lai. Do có Quán Hạnh, ngồi tòa Như Lai. Do có từ bi, vào nhà Như Lai. Chỉ Hạnh lìa lỗi, tức thành tựu Đoạn Đức. Quán Hạnh chẳng chấp trước, tức thành tựu Trí Đức. Từ bi lợi lạc kẻ khác, tức thành tựu Ân Đức. Ân Đức giúp cho Trí Đức thành tựu. Trí Đức có thể thông đạt Đoạn Đức; đó gọi là “*thân nghiệp An Lạc Hạnh*”. Các thệ nguyện nơi khẩu và ý cũng giống như thế. Đó là ý nghĩa tồn tại của phẩm này. Nếu các vị đại Bồ Tát vâng mạng hoàng kinh, biết Quyền Thật sâu xa, rộng biết Tiệm và Đốn, lại thấu đạt cơ duyên, thần lực tự tại, chẳng có não loạn nào trong đời ô trược có thể chướng ngại, ngăn trở được, sẽ chẳng đợi chỉ dạy phương pháp. Nhưng nếu là kẻ mới nương vào cái tâm ban đầu, muốn tu viên hạnh, vào cõi ô trược để hoàng kinh, bị ô trược bức não, tự hạnh chẳng lập, cũng chẳng có công năng hóa độ người khác, ắt cần phải chỉ dạy An Lạc Hạnh.

Đây là phẩm kinh thứ năm thuộc phần Lưu Thông của Tích Môn, chia thành hai phần: Một là hỏi, hai là đáp.

### **14.1. Thưa hỏi**

#### **14.1.1. Tán tán bậc Bồ Tát hạnh sâu trong phẩm trước có thể hoàng kinh đúng như pháp**

*(Kinh) Nhĩ thời, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị chư Bồ Tát thậm vi hy hữu, kính thuận Phật cố, phát đại thệ nguyện: Ư hậu ác thế, hộ trì, độc thuyết thị Pháp Hoa kinh.*

**(經)爾時，文殊師利法王子菩薩摩訶薩白佛言：「世尊！是諸菩薩甚為希有，敬順佛故，發大誓願：於後惡世，護持，讀說是法華經。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát Ma Ha Tát bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ Tát này rất là hy*

*hữu, do kính thuận Phật nên phát thệ nguyện lớn: Trong đời ác mai sau, hộ trì, đọc, nói kinh Pháp Hoa này).*

**14.1.2. Thưa hỏi “hàng Bồ Tát mới hành [Bồ Tát đạo] thì nên hoằng kinh trong đời ác như thế nào?”**

*(Kinh) Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát u hậu ác thế, vân hà năng thuyết thị kinh?*

**(經)世尊! 菩薩摩訶薩於後惡世, 云何能說是經? 」**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát trong đời ác mai sau, như thế nào thì sẽ có thể nói kinh này?)*

**14.2. Trả lời**

**14.2.1. Nêu chung các đề mục**

*(Kinh) Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: - Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát u hậu ác thế, dục thuyết thị kinh, đương an trụ tứ pháp.*

**(經)佛告文殊師利: 「若菩薩摩訶薩於後惡世, 欲說是經, 當安住四法。**

*(Kinh: Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: - Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát trong đời ác mai sau muốn nói kinh này, hãy nên an trụ trong bốn pháp).*

**14.2.2. Giải thích phương pháp tu hành**

**14.2.2.1. Thân an lạc hạnh**

**14.2.2.1.1. Trường Hàng**

**14.2.2.1.1.1. Nêu đề mục**

*(Kinh) Nhất giả, an trụ Bồ Tát hành xứ, thân cận xứ, năng vị chúng sanh diễn thuyết thị kinh.*

**(經)一者、安住菩薩行處, 親近處, 能為眾生演說是經。**

*(Kinh: Một là an trụ trong hành xứ và thân cận xứ của Bồ Tát, sẽ có thể vì chúng sanh diễn nói kinh này).*

Hướng theo lý nói đại lược thì gọi là Hành Xứ, tức là xét theo chánh hạnh. Kèm theo sự để nói cận kề thì gọi là Thân Cận Xứ, tức là xét theo trợ hạnh. Nhưng giải nói [các hạnh An Lạc] thì có chi tiết hay đại lược, chứ Lý chẳng có cận hay sâu. Giải thích cận kề như sau:

#### 14.2.2.1.1.2. Giải thích

##### 14.2.2.1.1.2.1. Giải thích Hành Xứ

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Vân hà danh Bồ Tát Ma Ha Tát hành xứ? Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát trụ nhĩ nhục địa, nhu hòa, thiện thuận, nhi bất tốt bạo, tâm diệc bất kinh<sup>12</sup>. Hựu phục ư pháp vô sở hành<sup>13</sup>, nhi quán chư pháp như thật tướng<sup>14</sup>, diệc bất hành, bất phân biệt. Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát hành xứ.*

**(經)文殊師利！云何名菩薩摩訶薩行處？若菩薩摩訶薩住忍辱地，柔和，善順，而不卒暴，心亦不驚。又復於法無所行，而觀諸法如實相，亦不行，不分別。是名菩薩摩訶薩行處。**

*(Kinh: Này Văn Thù Sư Lợi! Thế nào là Hành Xứ của Bồ Tát Ma Ha Tát? Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát trụ nơi nhĩ nhục địa, nhu hòa, khéo tùy thuận, chẳng bộp chộp, tâm cũng chẳng kinh sợ, lại còn đối với pháp tuy*

---

<sup>12</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nhĩ nhục bao gồm:

- Nhĩ nại trước sự lăng nhục của các hữu tình, đó gọi là Sanh Nhẫn.

- Chịu đựng các họa hoạn do phi tình (chẳng phải hữu tình) gây ra, đó là Pháp Nhẫn.

Có thể an trụ bất động đối với hai thứ ấy thì gọi là trụ Nhĩ Nhục địa. Ôn hòa, mềm mỏng, khiêm nhường, chẳng siểm nịnh thì gọi là Nhu Hòa. Tùy theo lẽ đáng nên mà tùy thuận phương tiện, nhưng tâm chẳng cong vạy, quanh quẹo, thì gọi là Thiện Thuận. Gấp rút, bộp chộp thì gọi là Tốt Bạo. Trấn định thì gọi là Bất Kinh”.

<sup>13</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chẳng chấp trước người hành và chuyện được hành, tức là tuy hành mà như chẳng có gì để hành thì gọi là ư pháp vô sở hành”.

<sup>14</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Quán sát các pháp bình đẳng không hai thì là Như, lý vốn không tịch nên gọi là Thật, do giả lập danh từ nên gọi là Tướng. Không và Giả bất nhị, tức là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đệ. Lý Đệ Nhất Nghĩa Đệ, tâm hạnh xứ diệt, chẳng thể duyên theo suy nghĩ, cho nên nói ‘diệc bất hành’. Ngôn ngữ dứt bật, chẳng thể diễn nói, giải thích, cho nên nói là bất phân biệt”.

*hành mà như chẳng hành, quán tướng như thật của các pháp, cũng chẳng hành, chẳng phân biệt. Đó gọi là Hành Xứ của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

Giải thích đoạn này có ba phần:

- Một là xét theo một pháp, tức là một Thật Đế.
- Hai là xét theo hai pháp, tức là Sanh Nhẫn và Pháp Nhẫn.
- Ba là xét theo ba pháp, tức là Tam Đế chẳng thể nghĩ bàn.

1) Xét theo một Thật Đế, đó là chỗ để hết thấy các pháp quay về. Nó làm gốc cho hết thấy, nhưng trọn khắp, chẳng phân biệt, là chỗ nương về của hết thấy. Vì thế nói là “*trụ nhân nhục địa*”. Do các pháp quy vào, cho nên gọi là Địa. Các hạnh đều ngưng dứt, cho nên gọi là Nhẫn Nhục. Đây là hạnh “*hành mà chẳng hành*”, tức “áo của Như Lai!” (Lý tuy chẳng có hành, nhưng nương theo Lý mà hành. Hành sao cho Lý ngưng bật thì gọi là Bất Hành. Hành tức là Bất Hành. Vì thế nói “*hành hạnh chẳng hành mà hành*”). Đó là cái gốc của hết thấy. Vì thế nói “*nhu hòa, thiện thuận*” v.v... Các hạnh do đạt được lý mà thành tựu. Ví như vạn vật do có đất mà sanh. Nếu đạt được cái gốc nơi Lý, tại chỗ cương mà có thể nhu, nơi nghịch mà có thể thuận, nơi cấp bách mà có thể an định, nơi kinh hoàng mà có thể an tĩnh, vô lượng công đức sanh từ đất Nhất Thật Trung Đạo. Đất chẳng sanh gì mà sanh ra công đức. Đây chính là hạnh “*chẳng hành mà hành*”, tức “*nhà của Như Lai*” (nương theo lý ‘chẳng hành’ mà hành nơi hạnh), trọn khắp chẳng phân biệt. Vì thế nói “*hựu phục ư pháp...*” (lại còn đối với pháp), ngụ ý: Biết rõ hành và bất hành, tánh và tướng chẳng hai, thấy lẽ Thật nơi các pháp, thì gọi là “*chẳng phân biệt*”. Nhưng cũng không có tướng “*chẳng phân biệt*” để có thể đạt được! Đó là “*diệc bất hành, bất phân biệt*” (cũng chẳng hành, chẳng phân biệt), tức là hạnh “*chẳng hành, chẳng không hành*”, chính là “*Như Lai tòa*” (đối với pháp [tuy hành, mà thấy như] chẳng có gì để hành, cho nên nói “*phi hành*” (chẳng phải hành). Cũng do chẳng hành, chẳng phân biệt, cho nên nói là “*phi bất hành*”). Chẳng có tam hạnh (Chỉ Hạnh, Quán Hạnh, Từ Bi Hạnh), mà là tam hạnh, cho nên gọi là Hành, có cùng một Thật Đế. Vì thế gọi là Xứ. Trước hết, “*xét theo pháp để giải thích Hành Xứ*” đã xong.

2) Kế đó, [xét theo hai pháp] Sanh Nhẫn và Pháp Nhẫn, tức là Sanh Không và Pháp Không. Đó là chỗ khác biệt so với Nhị Thừa. Sanh Không của Nhị Thừa chỉ phá Ngã Chấp trong tam giới. Pháp Không của Nhị Thừa chỉ phá pháp chấp “*tà nhân duyên, vô nhân duyên*” trong tam

giới. Nay nói rõ Nhị Không (Sanh Không và Pháp Không) theo Viên Giáo. Xét theo “*giả danh ‘mười pháp giới’ chính là Trung Đạo*”, sẽ chẳng còn có giả danh “*mười pháp giới*” để đạt được. Vì thế gọi là Sanh Không. Xét theo “*Thật pháp của mười pháp giới chính là Trung Đạo*”, sẽ chẳng còn Thật pháp trong mười pháp giới để có thể đạt được, cho nên gọi là Pháp Không. Nếu mở rộng ra, sẽ là Tứ Nhẫn, tức Phục Nhẫn, Thuận Nhẫn, Vô Sanh Nhẫn, và Tịch Diệt Nhẫn. Hoặc là Ngũ Nhẫn, tức là [Tứ Nhẫn trên đây] kể thêm Tín Nhẫn. Hoặc thành sáu nhẫn, tức là [Ngũ Nhẫn] kể thêm Hòa Tùng Nhẫn (nhẫn pháp hòa thuận, vâng theo). Hoặc đối ứng với bốn mươi hai địa vị [Bồ Tát trong Viên Giáo] mà thành bốn mươi hai món Nhẫn. Một địa vị bèn có công đức của bốn mươi hai địa vị; một Nhẫn há chẳng có bốn mươi hai Nhẫn pháp ư?

Nay lại xét theo Tứ Nhẫn để giải thích kinh văn, nhưng rất khác với Biệt Giáo. Phục Nhẫn và Thuận Nhẫn của Biệt Giáo chính là địa vị Sanh Nhẫn, cho nên nông cạn. Vô Sanh Nhẫn và Tịch Diệt Nhẫn thuộc địa vị Pháp Nhẫn thì sâu. Viên Giáo chẳng như vậy. Hai Nhẫn và bốn Nhẫn đều thông trước sau, vì sao? Lý Nhị Không chính là Trung Đạo. Thoạt đầu tu bốn môn Nhẫn, nhập Trung Đạo, thấy lý Nhị Không, cho đến hậu tâm, cũng chỉ cùng tận lý Nhị Không. Vì thế, Đại Kinh nói: “*Phát tâm tất cánh nhị bất biệt*” ([Vừa mới] phát tâm và [đã chứng đắc] rất ráo hai thứ chẳng sai khác). Nếu xét theo “*chẳng sâu hay cạn*” để phán định bốn môn Nhẫn thì từ sơ phát tâm, chế phục trọn vẹn ngũ trụ, đạt tới kim cang đánh<sup>15</sup>, đều gọi là Phục Nhẫn. Do trước và sau đều chẳng trái nghịch Thật Tướng, cho nên đều gọi là Thuận Nhẫn. Do sơ tâm (vừa mới phát tâm) và hậu tâm (đã chứng đắc) đều chẳng khởi tâm nhị biên, cho nên đều gọi là Vô Sanh Nhẫn. Do sơ tâm và hậu tâm đều ngưng dứt các hạnh, cho nên đều gọi là Tịch Diệt Nhẫn (phàm phu đang mê. Đó là Lý Tức Nhị Không Tứ Nhẫn. Nghe kinh sanh giải thì gọi là Danh Tự Nhị Không Tứ Nhẫn. Chế phục trọn vẹn ngũ trụ thì là Quán Hạnh Nhị Không Tứ Nhẫn. Sáu căn thanh tịnh thì là Tương Tự Nhị

---

<sup>15</sup> Trong Pháp Hoa Kinh Huyền Thiêm Chứng Thích, quyển năm, pháp sư Trí Thuyên viết: “*Nói kim cang đánh thì kim cang ví như Định, Đánh chính là tam-muội. Kinh Nhân Vương Hộ Quốc chẳng nói đến Đẳng Giác, [kim cang đánh] chính là sau khi đã viên mãn tâm Thập Địa*”. Ngài Trí Viên trong Duy Ma Kinh Lược Sớ Thù Dụ Ký, quyển bốn, chú giải phẩm Phật Quốc đã viết: “*Kim cang đánh tức là bậc Đẳng Giác nhập Kim Cang Dự Định, có thể phá tan vô minh cội gốc, cho nên gọi là Kim Cang Đánh, còn gọi là Kim Cang Tâm. Do môn Định này như Kim Cang có thể phá tan tất cả môn Hoặc khó phá*”.

Không Tứ Nhẫn. Bốn mươi một địa vị (tức là từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác) chính là Phần Chứng Nhị Không Tứ Nhẫn. Diệu giác cực quá (Phật quả rốt ráo) chính là Cứu Cánh Nhị Không Tứ Nhẫn). Kinh nói “*trụ nhẫn nhục địa*” tức là trụ trong “*Nhị Không Tứ Nhẫn địa*”.

“*Nhu hòa*” chính là Phục Nhẫn. “*Thiện thuận*” v.v... chính là Thuận Nhẫn. Nghe nổi khổ sanh tử, chẳng bộp chộp sanh lòng sợ hãi. Nghe niềm vui Niết Bàn, chẳng bộp chộp cầu chứng. Nghe Phật thương và vô thương, Nhị Thừa thành Phật hay chẳng thành Phật, sanh tử và Niết Bàn khác nhau hay chẳng khác, Phật đạo dài, ngắn, khó, dễ, hay chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng khó, chẳng dễ v.v... đều chẳng kinh sợ. Vì thế gọi là Thuận Nhẫn. Lại còn đối với “*pháp chẳng có gì để hành*” (tức tuy hành mà chẳng thấy có hành) mà quán tưởng như thật của các pháp. Đó chính là Vô Sanh Nhẫn. “*Cũng chẳng hành, chẳng phân biệt*”, tức là Tịch Diệt Nhẫn. Hai món đầu (Phục Nhẫn và Thuận Nhẫn) gọi là Sanh Nhẫn, hai món sau gọi là Pháp Nhẫn. Từ đầu tới cuối, dùng lý Nhị Không để nhẫn các pháp, tức là “*mặc áo Như Lai*”. An trụ nơi lý Nhị Không, tức là “*ngôi tòa của Như Lai*”. Thương xót các chúng sanh, tức là “*vào nhà Như Lai*”. Nhị Không Tứ Nhẫn là Hạnh, Lý tức là Xứ. Vì thế nói là “*Bồ Tát hành xứ*”. Xét theo hai pháp để giải thích Hành Xứ đã xong!

3) Kế đó, xét theo Tam Đế chẳng thể nghĩ bàn [để giải thích Hành Xứ]. Trụ Nhẫn Nhục địa, luận định chung Tam Đế. Như có đất để nương cậy thì mới có thể nhẫn nhục. “*Nhu hòa, thiện thuận*”: Khéo thuận theo Chân Đế, có thể nhẫn các thứ kiến ái<sup>16</sup>, nóng, lạnh v.v... hư vọng trong tam giới và ngoài tam giới, chẳng sanh tâm bộp chộp. “*Diệc bất kinh*” (Cũng chẳng kinh sợ), tức là an trụ trong Tục Đế, nhẫn các căn duyên, tương xứng, thích đáng cơ nghi. Vì thế chẳng bộp chộp. Thấu hiểu, kham nhẫn trái nghịch và thuận từng, cho nên tâm chẳng kinh sợ. “*U pháp vô sở hành*” v.v... (Đối với pháp [tuy hành mà như] chẳng có gì để hành) tức là an trụ trong Trung Đế, có thể nhẫn thọ Nhị Biên. Vì thế nói “*vô sở hành*”. Chánh trụ Trung Đạo, cho nên nói “*quán như thật tướng*”.

---

<sup>16</sup> Kiến ái: Các thứ chấp trước hư vọng do mê Lý như tà kiến, ngã kiến v.v... thì gọi là Kiến, còn tham, dục, sân, khú v.v... tức các thứ phiền não do mê Sự thì gọi là Ái. Nói cách khác Kiến chính là Kiến Hoặc, còn Ái là Tư Hoặc. Do Ái là cội gốc của các khổ do chấp trước, nên dùng Ái để gọi chung Tư Hoặc.

Do cũng chẳng đạt được Trung hay Thật, cho nên nói “*diệc bất hành, bất phân biệt*” (cũng chẳng hành, chẳng phân biệt). Đây chính là dựa trên đất Tam Đế, cho nên gọi là Xứ. Kham nhẫn nổi nhục ngũ trụ, cho nên gọi là Hạnh. Hạnh cũng là ba, tức là:

- Chỉ Hạnh chính là hành mà chẳng hành; đó là “mặc áo Như Lai”.

- Quán Hạnh tức là chẳng phải hành, chẳng phải không hành; đó là “ngồi tòa Như Lai”.

- Từ Bi Hạnh tức là chẳng hành mà hành; đó là “vào nhà Như Lai”.

Đây là xét theo ba pháp để giải thích Hành Xứ của Bồ Tát, hồng nêu rõ phương pháp và đường lối để hoằng kinh vậy.

#### **14.2.2.1.1.2.2. Giải thích Thân Cận Xứ**

##### **14.2.2.1.1.2.2.1. Xét theo sự xa lìa để luận định sự thân cận**

Tức là kèm thêm Giới môn để giúp cho Chỉ Quán, hồng thành tựu lòng từ bi, mà cũng là nói rộng “*hành mà chẳng hành*” thuộc “*trụ nhẫn nhục địa*” trong phần trên. Kinh văn được chia thành mười đoạn, từ đoạn thứ nhất là “*xa lánh kẻ quyền thế*” cho đến điều thứ mười là “*xa lìa sự nuôi nấng*”. Trong đó, điều thứ chín là sanh tử, điều thứ năm tức là Niết Bàn của chúng tánh Nhị Thừa. Hai đằng đều xa lìa, cho nên gọi là “*thân cận Trung Đạo*”.

##### **14.2.2.1.1.2.2.1.1. Xa lìa kẻ quyền thế**

*(Kinh) Vân hà danh Bồ Tát Ma Ha Tát thân cận xứ? Bồ Tát Ma Ha Tát bất thân cận quốc vương, vương tử, đại thần, quan trưởng.*

**(經)云何名菩薩摩訶薩親近處? 菩薩摩訶薩不親近國王, 王子, 大臣, 官長。**

*(Kinh: Thế nào là chỗ thân cận của Bồ Tát Ma Ha Tát? Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng thân cận quốc vương, vương tử, đại thần, trưởng quan).*



Do sợ người mới hành sẽ dựa dẫm thế lực, đánh mất chánh đạo. Thoạt đầu tựa hồ là điều lợi ích nhỏ nhặt, nhưng lâu ngày sẽ là tổn hại to lớn.

**14.2.2.1.1.2.2.1.2. Xa lìa tà nhân, tà pháp**

*(Kinh) Bất thân cận chư ngoại đạo, Phạm Chí, Ni Kiên Tử đấng, cập tạo thế tục văn bút, tán vịnh ngoại thư, cập lộ già da đà, nghịch lộ già da đà giả.*

**(經)不親近諸外道，梵志，尼犍子等，及造世俗文筆，讚詠外書，及路伽耶陀，逆路伽耶陀者。**

*(Kinh: Chẳng thân cận các ngoại đạo, Phạm Chí, Ni Kiên Tử v.v... và kẻ biên soạn, viết lách thế tục, ca ngợi, ngâm vịnh sách vở ngoại đạo, và lộ già da đà, nghịch lộ già da đà).*

Phạm Chí còn gọi là Tịnh Duệ (淨裔, hậu duệ của dòng dõi thanh tịnh), tức kẻ tại gia thờ phụng Phạm thiên. Ni Kiên Tử (Nirgrantha)<sup>17</sup>, phương này dịch là Ly Hệ (lìa trói buộc), là tiếng gọi chung những kẻ xuất gia ngoại đạo. Lộ-già-da-đà (Lokāyatika, thuận theo thế gian), còn gọi là Vi Đà (Vedas), là kinh sách của ngoại đạo tại Tây Vực, nương theo ái kiến mà giải đáp, giải thích. “*Nghịch*” có nghĩa là gạn hỏi (cật vấn), tức là nương theo ái kiến để bắt bẻ! Chánh quán chưa thành, rất cần phải ngăn ngừa, cắt đứt, sợ [thân cận những thứ đó sẽ] nhiễm đắm tập khí, mê mất chánh lý.

**14.2.2.1.1.2.2.1.3. Xa lìa những trò hung bạo, nguy hiểm**

---

<sup>17</sup> Hiểu theo nghĩa rộng, Ni Kiên Tử là từ ngữ chỉ toàn thể ngoại đạo tại Ấn Độ. Hiểu theo nghĩa hẹp, Ni Kiên Tử gọi đầy đủ là Ni Kiên Đề Nhã Đề Tử (Nirgrantha-jñāniputra, còn phiên âm là Ni Can Tử), tức là một trong lục sư ngoại đạo, là người sáng lập ra đạo Jain (Kỳ Na Giáo, tuy tín đồ đạo Jain thường nói ông ta chỉ là người kế thừa đời thứ 24 của các vị sáng tổ (Tirthankara, vị thầy siêu việt) của đạo Jain). Ông ta thường được đệ tử tôn xưng là Đại Hùng (Mahāvīra). Do một số tu sĩ của họ thường trần truồng, chỉ mang theo một cái chổi kết bằng lông thú để xua đuổi ruồi bọ, cho nên kinh Phật thường gọi Kỳ Na Giáo là Lỗa Hình Ngoại Đạo. Kinh thường dùng chữ Ni Kiên Tử để chỉ các tín đồ của giáo phái này.

*(Kinh) Diệc bất thân cận chư hữu hung hý, tương xoa, tương phác<sup>18</sup>, cập Na La đẳng chủng chủng biến hiện chi hý.*

**(經)亦不親近諸有兇戲，相扱，相撲，及那羅等種種變現之戲。**

*(Kinh: Cũng không thân cận các thứ trò chơi biến hiện có tánh chất hung bạo, đấm nhau, vật nhau, và Na La v.v...)*

Na La (Nāḷa) phương này dịch là Lự, tức là trò thi đấu sức mạnh. Cũng chẳng thân cận [những trò ấy] vì sợ tán loạn, phóng dật.

#### 14.2.2.1.1.2.2.1.4. Xa lìa Chiên-đà-la

*(Kinh) Hựu bất thân cận Chiên-đà-la<sup>19</sup>, cập súc trư, dương, kê, cẩu, điền liệp, ngư bộ, chư ác luật nghi. Như thị nhân đẳng hoặc thời lai giả, tắc vị thuyết pháp, vô sở hy vọng.*

**(經)又不親近旃陀羅，及畜豬，羊，雞，狗，畋獵，漁捕，諸惡律儀。如是人等或時來者，則為說法，無所希望。**

*(Kinh: Lại chẳng thân cận Chiên-đà-la, và những kẻ nuôi lợn, dê, gà, chó, săn bắn, bắt cá, các [kẻ hành theo] ác luật nghi. Nếu có lúc hạng người như vậy tìm đến, liền vì họ thuyết pháp, nhưng chẳng mong mồi).*

Thân cận Chiên-đà-la sẽ khiến cho người ta chẳng có lòng Từ.

---

<sup>18</sup> Hòa thượng Thánh Nghiêm giảng: “Tương xoa còn gọi là Sai Quyền, giống như đấm bốc (boxing) trong hiện thời. Tương phác là vật nhau, quăng ném nhau”.

<sup>19</sup> Chiên-đà-la (Caṇḍāla) còn phiên âm Chiên Đồ La, dịch nghĩa là Đồ Tể, Bạo Lê (hung bạo, dữ dằn), Cháp Ác, Hiểm Ác Nhân (kẻ hiểm ác), thuộc địa vị thấp nhất trong chủng tánh Thủ Đà La (giai cấp nông nô, thợ thuyền). Họ chuyên làm những nghề bị coi thường trong xã hội như coi ngục, buôn bán rong, đồ tể, săn bắn, thiêu xác v.v... Hiểm theo một nghĩa nghiêm ngặt như trong luật Mã Nỗ (Manu), Chiên-đà-la là con của một người thuộc giai cấp Thủ Đà La với một phụ nữ thuộc chủng tánh Bà-la-môn. Do những người này thường làm nghề hạ tiện, dơ bẩn, cho nên từ ngữ Chiên-đà-la về sau thường dùng để chỉ kẻ hung ác, thích giết chóc, tàn nhẫn v.v...

**14.2.2.1.1.2.2.1.5. Xa lìa hàng Nhị Thừa**

*(Kinh) Hựu bắt thân cận cầu Thanh Văn tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, u-u-bà-tắc, u-u-bà-di, diệc bắt vấn tán. Nhược u phòng trung, nhược kinh hành xứ, nhược tại giảng đường trung, bất cộng trụ chỉ. Hoặc thời lai giả, tùy nghi thuyết pháp, vô sở hy cầu.*

**(經)又不親近求聲聞比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，亦不問訊。若於房中，若經行處，若在講堂中，不共住止。或時來者，隨宜說法，無所希求。**

*(Kinh: Lại chẳng thân cận tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, u-u-bà-tắc, u-u-bà-di cầu Thanh Văn, cũng chẳng chào hỏi. Dù là ở trong nhà, hoặc chỗ kinh hành, hoặc trong giảng đường, đều chẳng cùng họ ở chung. Nếu có lúc họ tìm đến, sẽ tùy nghi thuyết pháp, chẳng mong cầu gì).*

Gần hàng Nhị Thừa, sẽ khiến cho người ta xa lìa Bồ Đề. Tại Tây Trúc, Đại Thừa và Tiểu Thừa đều ở riêng, chẳng xen tạp. Vì thế nói là “*hoặc lai*” (có khi đến). Đã chẳng tiếp nhận Đại pháp, chẳng phương ngại chí hướng Tiểu Thừa, cho nên nói “*tùy nghi thuyết pháp*”.

**14.2.2.1.1.2.2.1.6. Xa lìa dục tướng**

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Hựu Bồ Tát Ma Ha Tát bắt ưng u nữ nhân thân, thủ năng sanh dục tướng tướng, nhi vị thuyết pháp, diệc bất nhạo kiến. Nhược nhập tha gia, bất dữ tiểu nữ, xử nữ, quả nữ đẳng cộng ngữ.*

**(經)文殊師利！又菩薩摩訶薩不應於女人身，取能生欲想相，而為說法，亦不樂見。若入他家，不與小女，處女，寡女等共語。**

*(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Lại Bồ Tát Ma Ha Tát chớ nên đối với thân người nữ chấp giữ ý tưởng, coi đó là hình tướng có thể nảy sanh dục vọng mà vì họ thuyết pháp, cũng chẳng thích thấy. Nếu vào*

nhà người khác, chẳng cùng bé gái, gái trinh, gái góa v.v... trò chuyện).

Dục tướng có thể sát hại tâm Bồ Đề mạnh nhất.

#### **14.2.2.1.1.2.2.1.7. Xa lìa hạng bất nam**

*(Kinh) Diệt phục bất cận ngũ chủng bất nam chi nhân, dĩ vi thân hậu.*

**(經)亦復不近五種不男之人，以為親厚。**

*(Kinh: Cũng lại đừng thân cận năm loại bất nam, coi là thân thiết).*

Do kẻ bất nam có thể hoại loạn chí hướng Bồ Đề nhất. Năm loại bất nam là:

- Một là sanh bất nam, tức là ở trong thai, hoặc lúc mới sanh ra đã thiếu nam căn.

- Hai là kiện bất nam (“kiền” (犍) là thiếu), tức là do cắt bỏ hay bị hư nát.

- Ba là đố bất nam (“đố” là ghen ghét), tức là do kẻ khác dâm dục, [kẻ đố] chột sanh ra nam căn, nhưng không dùng được.

- Bốn là biến bất nam, tức là thấy người nam, [kẻ đố] liền biến thành nữ. Thấy người nữ, liền biến thành nam.

- Năm là bán bất nam, tức là nửa thág sử dụng được, nửa thág chẳng thể.

Những kẻ ấy đều là xưa kia đã tạo ác nghiệp, nay cảm ác báo, chẳng kham tải đạo, chẳng phải là pháp khí của Phật. Vì thế, gọi là “trọng nạn” (nạn lớn), chẳng được phép xuất gia, và cũng chớ nên thân thiết với họ.

#### **14.2.2.1.1.2.2.1.8. Xa lìa nguy hại**

*(Kinh) Bất độc nhập tha gia. Nhược hữu nhân duyên, tu độc nhập thời, đản nhất tâm niệm Phật.*

**(經)不獨入他家。若有因緣，須獨入時，但一心念 佛**

。

*(Kinh: Đừng một mình vào nhà người khác. Nếu lúc có nhân duyên, cần phải một mình đi vào, chỉ nhất tâm niệm Phật).*

Một mình vào nhà kẻ khác, sợ chuốc phải nỗi nguy hại. Nhất tâm niệm Phật, chướng nạn đều trừ!

#### 14.2.2.1.1.2.2.1.9. Xa lìa sự chê gièm

*(Kinh) Nhược vị nữ nhân thuyết pháp, bất lộ xỉ tiếu, bất hiện hung úc, nãi chí vị pháp, do bất thân hậu, huống phục dư sự.*

**(經)若為女人說法，不露齒笑，不現胸臆，乃至為法，猶不親厚，況復餘事。**

*(Kinh: Nếu vì người nữ thuyết pháp, chớ cười lộ răng, chẳng để lộ ngực, cho đến vì pháp còn chẳng nên thân thiết, huống hồ các chuyện khác!)*

Theo Luật, nếu vì kẻ nữ thuyết pháp, cần phải có người nam biết tốt xấu ở bên cạnh. Nếu chẳng có kẻ nam hiểu biết, chẳng được nói hơn năm sáu câu, [những điều này] đều nhằm xa lìa ty hiềm, ngờ vực, chẳng khiến cho kẻ khác tăng trưởng tâm bất thiện.

#### 14.2.2.1.1.2.2.1.10. Xa lìa chuyện nuôi nấng

*(Kinh) Bất nhạo súc niên thiếu đệ tử, sa di, tiểu nhi, diệc bất nhạo dĩ đồng sư.*

**(經)不樂畜年少弟子，沙彌，小兒，亦不樂與同師。**

*(Kinh: Chẳng thích nuôi đệ tử, sa di nhỏ tuổi, trẻ nhỏ, cũng chẳng thích cùng thầy với chúng nó).*

Thiếu niên tập tánh chưa định, [nếu người muốn hoằng kinh Pháp Hoa mà] tự mình nuôi, sẽ trở ngại cho việc tu tập chánh nghiệp. Cùng thầy, ắt sẽ nhiều loạn sự thịnh ích (thưa hỏi cầu pháp ích). Kinh văn

trong phần trước chỉ nói “*trụ nhĩn nhục địa*” tức là trực tiếp duyên theo lý. Nay giới môn nêu rộng các duyên tạo thành các nỗi nhục, phải nên xa lìa. Chẳng cầm đao, trượng, mà cũng chẳng vứt bỏ, chỉ dùng chánh huệ để xa lìa. Mười pháp như thế đều được các giáo dạy như thế, chỉ là đối với chuyện lìa Nhị Thừa, các giáo sai khác đôi chút. Nay hoàng dương diệu điển, cần phải phó chúc cho người thuộc Viên Giáo.

Giải thích theo quán tâm thì phải nên chia thành hai loại Tổng và Biệt. Tổng thì không gì chẳng phải là pháp giới, có gì để có thể lìa? Có gì để chẳng lìa? Chẳng lìa, chẳng không lìa, mà bàn luận “lìa” đó thôi! Vẫn giống như chẳng xa lìa, chẳng thân cận, mà luận định thân cận. Sơ tâm tuy hiểu “hết thấy vốn là không”, nhưng cần phải nhiều lượt xa lìa. Nói theo Biệt thì xa lìa giáo chủ oai thế của tam giáo, pháp nhị biên chính là tà pháp. Kẻ nhị biên được gọi là “*tà nhân*”. Thần thông do hai phép Quán được gọi là “*hung hý*” (trò chơi hung bạo). Tam Hoặc là Chiên-đà-la giết mạng Tam Trí. Ý tưởng diệt độ Thiên Không được gọi là “*Nhị Thừa chúng*”. Quán lệch về Chân hay Tục, cho đến Trung Đạo pháp ái, đều gọi là “*dục tướng*”. Diệt Sắc, trụ vào Không thì là “*bất nam*”. Phương tiện quán trí đều gây hại cho sự tốt cùng viên mãn. Hết thấy tục cảnh được gọi là “*cơ hiểm*” (chê gièm). Thiện căn trong ba giáo trước được gọi là “*thiếu niên, trẻ nít*”.

Phần thứ nhất, “dựa theo xa lìa để luận định thân cận” đã xong.

#### ***14.2.2.1.1.2.2.2. Xét theo sự thân cận để luận định thân cận***

Chính là kèm theo Định môn để giúp cho Chỉ Quán, thành tựu từ bi, cũng là mở rộng ý “*nhu hòa, thiện thuận, chẳng bộp chộp, tâm cũng chẳng kinh sợ, hành mà chẳng hành*” trong phần trước. Trong phần trên, [kinh văn] đã nói thẳng thừng “*chẳng bộp chộp, chẳng kinh sợ*”. Nay rộng nêu cái tâm tu Định, chỗ tu Định, và điều cốt yếu trong tu Định. Do sức của Định, sẽ ở trong chỗ gấp rút mà an bình, trong kinh hãi mà an định.

*(Kinh) Thường hảo tọa Thiền, tại ư nhàn xứ, tu nhiếp kỳ tâm. Văn Thù Sư Lợi! Thị danh sơ thân cận xứ.*

**(經)常好坐禪，在於閑處，修攝其心。文殊師利！是名初親近處。**

(**Kinh:** Thường thích tọa Thiền, ở nơi thanh vắng, tu tập, thâm nhiếp cái tâm. Nay Văn Thù Sư Lợi! Đó gọi là chỗ thân cận thứ nhất).

“*Thường thích tọa Thiền*” là cái tâm tu Định. Thích Thiền pháp nơi Trung Đạo Thật Tướng, tức là đối với Dục trong ngũ pháp, kèm thêm tinh tấn, niệm, xả huệ, nhất tâm. “*Tại u nhàn xứ*” (Ở nơi thanh vắng) tức là chỗ tu Định, tức là Xứ trong năm duyên. “*Tu nhiếp kỳ tâm*” (Tu tập, thâm nhiếp cái tâm) chính là điều trọng yếu trong tu Định, tức là quở trách ngũ dục, vứt bỏ Ngũ Cái, điều phục ngũ sự. Trong hai mươi lăm môn phương tiện, kinh văn trong phần trước đã nói kèm thêm Giới môn, lia mười thứ não loạn, tức là điều thứ nhất “*trì giới thanh tịnh*”. Nay nói “*tại u nhàn xứ*” (ở nơi thanh vắng) tức là điều thứ ba “*nhàn cư tĩnh xứ*” (ở nơi thanh vắng). Đã ở nơi thanh vắng, đương nhiên sẽ gồm thâm điều thứ tư “*tức chư duyên vụ*” (dứt các duyên và sự vụ), chỉ lược đi chẳng nói đến điều thứ hai là “*y thực cụ túc*” (áo cơm đầy đủ) và điều thứ năm là “*có thiện tri thức*”.

Nếu xét theo quán tâm để luận định trọn đủ năm duyên, thì Tam Quán là áo, Thiền Duyệt Pháp Hỷ là thức ăn. Chư Phật, Bồ Tát, Lục Độ, đạo phẩm, pháp tánh, Thật Tế, đều là thiện tri thức. “*Quở trách ngũ dục*” tức là nói đến sắc, thanh, hương, vị, xúc, những thứ ấy đều là giặc cướp bóc công đức. Biết rất rõ lỗi của chúng, ngưng dứt tham nhiễm. “*Vứt bỏ Ngũ Cái*”: [Ngũ Cái] tức là tham dục, sân khuê, ngu nghệ, điệu hời (lao chao, thường làm chuyện gì rồi lại sanh lòng hối hận), và nghi hoặc [đều phải nên xả trừ]. Chúng nó che lấp Định, Huệ, cho nên cần phải nhanh chóng trừ bỏ. Như chặt bỏ cây cối có chất độc, như kiếm chế kẻ trộm cắp. “*Điều hòa ngũ sự*”, tức là nói điều hòa ăn uống sao cho chẳng đói, chẳng no. Điều hòa ngũ nghệ sao cho chẳng thiếu ngủ, chẳng ngủ quá nhiều. Điều hòa cái thân sao cho chẳng buông lung, chẳng tất bật. Điều hòa hơi thở sao cho chẳng thô rít, chẳng thở gấp. Điều tâm sao cho chẳng chìm đắm, chẳng phập phều. Hai mươi pháp ấy, mỗi pháp đều có sự tướng, lý quán, nói cận kề thì như sách Ma Ha Chi Quán [đã dạy], người cần biết hãy nên tìm đọc. “*Hành ngũ pháp*” do muốn đạt được Sơ Thiền, cũng tu năm pháp, cho đến các môn Thiền cũng giống như thế.

Nay xét theo Viên quán thì là muốn từ nhị biên mà chánh nhập Trung Đạo. Chẳng xen tạp nhị biên thì là Tinh, tùy ý lưu nhập thì là Tấn. Duyên gắn chặt với pháp giới, nhất niệm pháp giới là Niệm. Tu phương tiện Trung Quán thì gọi là Xả Huệ. Dứt bật nhị biên, tâm thủy lắng trong, có thể biết pháp tướng sanh diệt trong thế gian. Đây là “*cái tâm*

*bất nhị, thanh tịnh thường chuyên nhất”, sẽ có thể thấy Bát Nhã. Dùng hai môn Giới và Định ấy để làm tiền phương tiện. Vì thế nói tổng kết là “phần Thân Cận Xứ đầu tiên”.*

#### **14.2.2.1.1.2.2.3. Xét theo “chẳng xa lìa, chẳng thân cận” để luận định thân cận**

Đây là nói kèm thêm Huệ môn để giúp đỡ Chỉ Quán, thành tựu lòng từ bi, cũng là nói rộng “nơi pháp không có gì để hành, mà quán tướng như thật của các pháp, cũng chẳng hành, chẳng phân biệt”, cũng như “chẳng hành, chẳng bất hành” trong phần trên.

##### **14.2.2.1.1.2.2.3.1. Nêu chung cảnh trí**

*(Kinh) Phục thứ, Bồ Tát Ma Ha Tát quán hết thấy các pháp Không.*

**(經)復次，菩薩摩訶薩觀一切法空。**

*(Kinh: Lại nữa, Bồ Tát Ma Ha Tát quán hết thấy các pháp là Không).*

“Quán” chính là quán trí Trung Đạo. “Hết thấy các pháp” chính là cảnh thuộc mười pháp giới. “Không” tức là Đệ Nhất Nghĩa Đế chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chỉ luận về trí, thì trí chẳng có gì để quán, cho nên nêu lên “hết thấy” để hiển thị [các pháp] đều là Không. Cái Không ấy chính là Thật Tướng của các pháp, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt cùng tận. Nay Bồ Tát sơ tâm vận dụng Trung Đạo Chỉ Quán để quan sát. Thường nói là “từ đầu đến cuối, đều dùng tri kiến của Phật để tu hành”. Vì thế, có thể khai, thị, ngộ, nhập. Trong chặng giữa, vĩnh viễn không có các tướng cong vạy!

##### **14.2.2.1.1.2.2.3.2. Giải thích riêng**

*(Kinh) Như Thật Tướng bất diên đảo, bất động, bất thoái, bất chuyển. Như hư không vô sở hữu tánh. Nhất thiết ngữ ngôn đạo đoạn, bất sanh, bất xuất, bất khởi, vô danh, vô tướng, thật vô sở hữu, vô lượng, vô biên, vô ngại, vô chướng.*



**(經)如實相不顛倒，不動，不退，不轉。如虛空無所有性。一切語言道斷，不生，不出，不起，無名，無相，實無所有，無量，無邊，無礙，無障。**

*(Kinh: Như Thật Tướng chẳng điên đảo, bất động, chẳng lui sụt, chẳng chuyển. Như hư không chẳng có tánh sở hữu. Hết thảy ngôn ngữ dứt bật, chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng dậy lên, chẳng có tên, chẳng có tướng, thật sự vô sở hữu, vô lượng, vô biên, chẳng ngăn ngại, chẳng ngăn chướng).*

Câu “*như Thật Tướng*” nhằm giải thích riêng cảnh thuộc mười pháp giới để quán. Từ “*bất điên đảo*” trở đi, giải thích riêng về trí Trung Đạo có thể quán. Nhị biên và Tam Đế chẳng một, chẳng khác, thì gọi là Như. Chẳng phải là bảy loại phương tiện, cho nên gọi là Thật. Dùng Thật để làm tướng, cho nên nói “*như thật tướng*” (đối ứng nhị biên với Trung thì Trung ắt có Tam Đế. Tuy là ba mà chẳng phải là ba, thì gọi là “chẳng một, chẳng khác”. Tam Đế như thật, do đối ứng với bảy loại phương tiện mà biện định sai khác. Cho nên nói là Thật. Thật chính là vô tướng, tướng trọn khắp hết thảy). “*Bất điên đảo*”: Chẳng có bốn thứ điên đảo “thường, lạc, ngã, tịnh” của phàm phu, chẳng có bốn thứ điên đảo “vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh” của Nhị Thừa, cũng chẳng có bốn thứ điên đảo “thường, lạc, ngã, tịnh” xuất Giả, tức là “chẳng tươi tốt, chẳng khô héo, cùng chiếu tươi tốt lẫn khô héo”. Đó chính là Chánh Trung Đạo Quán. “*Bất động*” là chẳng bị lay động bởi hai thứ tử (Phân Đoạn và Biến Dịch). “*Bất thoái*” là tâm luôn tịch diệt, tự nhiên lưu nhập biển Tát Bà Nhã (Sarvajña, Nhất Thiết Trí). “*Bất chuyển*”: Chẳng như phàm phu luân chuyển sanh tử, chẳng như Nhị Thừa chuyển phàm thành thánh.

“*Như hư không*”: Chỉ có danh tự, danh tự chẳng thể được. Trung Đạo quán trí cũng chỉ có danh tự, cầu chẳng thể được! “*Vô sở hữu tánh*”: Chẳng có tự tánh, chẳng có tha tánh, chẳng có cộng tánh, chẳng có vô nhân tánh. “*Nhất thiết ngữ ngôn đạo đoạn*” (Hết thảy ngôn ngữ dứt bật): Lìa bốn câu, tuyệt bách phi. Vì thế, chẳng thể nghĩ bàn. “*Bất sanh*”: Hoặc (phiền não) và trí lý đều chẳng sanh, tức là “cái bị phá” (sở phá) và “cái có thể phá” (năng phá) do xưng lý nên đều chẳng sanh, tức là hạnh, vị, nhân, quả v.v... đều chẳng sanh. “*Bất xuất*”: Được Như Lai đối trị, toàn thể chính là [tâm tánh], cho nên chẳng thể xuất, rốt ráo

chẳng còn phát khởi. “*Bất khởi*” là do nhập Lý. Hết thấy phương tiện lý giáo đều là tịch diệt. “*Vô danh*”: Hết thấy các tên gọi đều chẳng thể diễn nói được, tức là từ “chẳng điên đảo” cho đến bất khởi cũng chẳng đáng gọi là “*danh tự*” vậy! “*Vô tướng*”: Hết thấy các tướng đều chẳng thể hình dung, tức là từ “chẳng điên đảo” cho đến “bất khởi” cũng đều chẳng đủ để hình dung. “*Vô danh*” chính là tánh Không. “*Vô tướng*” chính là tướng Không. “*Thật vô sở hữu*” là lần nữa tán thán Quán Thế chẳng phải là Hữu trong nhị biên. “*Vô lượng*”: Chẳng phải là các pháp số Âm, Nhập, Giới v.v... “*Vô biên*”: Chẳng phải các pháp có ngăn hạn, Thiên, Tiểu v.v... “*Vô ngại*”: Nhập khắp hết thấy các pháp. “*Vô chướng*”: Chẳng có một pháp nào có thể che lấp, ngăn trở. Tuy nói nhiều câu, chỉ nhằm nêu bày: Trí có thể quán vô tướng, vô tác, và cái cảnh được quán đều tương xứng với Thật Tướng đó thôi!

#### **14.2.2.1.1.2.2.3.3. Kết luận**

*(Kinh) Đản dĩ nhân duyên hữu, tùng điên đảo sanh. Cố thuyết: “Thường nhạo quán như thị pháp tướng”. Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhị thân cận xứ.*

**(經)但以因緣有，從顛倒生。故說：「常樂觀如是法相」。是名菩薩摩訶薩第二親近處。**

*(Kinh: Chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh. Vì thế nói: “Thường thích quán pháp tướng như thế”. Đây gọi là chỗ thân cận thứ hai của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

“*Đản dĩ nhân duyên hữu*” (Chỉ do nhân duyên mà có) là kết luận. Trong phần trên, đã thẳng thừng nói về Trung Đạo quán huệ, nay nói về sự song chiếu nhị biên. Lý tánh rốt ráo thanh tịnh. Như trong phần trên đã nói, [lý tánh] chẳng phải là hiểu, chẳng phải là mê hoặc, nhưng do mê hoặc đối với nhân duyên mà sanh ra sanh tử, từ thấu hiểu nhân duyên mà sanh ra Niết Bàn. Sanh tử và Niết Bàn như sáu con rồng múa! Do từ điên đảo mà có sanh tử; do từ sanh tử mà có Niết Bàn. Vì thế, [Niết Bàn và sanh tử] đều từ điên đảo mà sanh! Do có sanh tử và Niết Bàn, cho nên có mười pháp giới và hết thấy các pháp để có thể nói. Nhưng hết thấy các pháp trong mười pháp giới rốt ráo đều là Không, đều là tướng như thật (trong phần trên đã trực tiếp nói đến Trung Đạo Quán Huệ, nhưng phần

nhieu xét theo song phi (hai bên đều chẳng có), nhưng há có Trung Đạo chẳng chiếu nhị biên? Ở đây, nhắc lại chuyện “chiếu nhị biên” để kết lại phần kinh văn, hồng hiển thị cái Thể chẳng thể nghĩ bàn của Trung Quán).

Lại do nhân duyên mà có, cho nên có Niết Bàn. Từ điên đảo mà sanh, cho nên sanh trong sanh tử. Do có Niết Bàn và sanh tử, cho nên có thể nói. Nhưng cái Thể của Trung Đạo Thật Tướng chứng Niết Bàn mà chẳng phải là Niết Bàn, ở trong sanh tử mà chẳng phải là sanh tử, trọn chẳng thể nói. Vì thế, Bồ Tát thường thích quán. Quán Niết Bàn là Chân Đế, sanh tử là Tục Đế. Cái Thể để Niết Bàn và sanh tử nương vào chẳng phải là Niết Bàn hay sanh tử, mà là Trung Đế (đây cũng là tách nhân duyên và điên đảo thành nhị biên, ý nghĩa càng rõ rệt. Nhưng sanh tử vốn thuộc về nhân duyên, lại còn thuộc về phía điên đảo, cho nên gọi là “điên đảo”. Nếu thấu đạt nhân duyên, sẽ có Niết Bàn. Vì thế, phán định câu đầu tiên thuộc về Niết Bàn. Hơn nữa, ba loại Niết Bàn đều do quán nhân duyên mà có. Hai loại sanh tử đều từ Tam Hoặc điên đảo mà sanh. Chỉ ra mê, trở về ngộ, cho nên có ngôn thuyết).

Lại dùng câu “*đản dĩ nhân duyên hữu, tòng điên đảo sanh*” (chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh) để kết luận cảnh Tam Đế chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, “*thuyết*” là giáo pháp chẳng thể nghĩ bàn. “*Thường nhạo quán*” (Thường thích quán) là Tam Quán chẳng thể nghĩ bàn (hết thấy các pháp điên đảo sanh từ nhân duyên, không gì chẳng phải là diệu cảnh. Do diệu cảnh vốn có ấy mà nói đến Trung Đạo diệu quán trong phần trên. Nương vào diệu thuyết ấy, thường thích quán diệu cảnh như thế). Ba tiểu mục trên đây chính là cùng dựa vào cảnh và trí để giải thích đã xong.

Nay lại dựa theo kinh văn của cả ba tiểu mục trên đây, hoàn toàn xét theo Quán để giải thích. Trước hết, nói “*quán nhất thiết pháp không như thật tướng*” (quán tướng như thật của hết thấy các pháp không) chính là nêu ra cái Thể của Quán. Thật Tướng chính là cái được quán. Dùng “*đối tượng được quán*” (sở quán) để hiển lộ “*chủ thể thực hiện quán*” (năng quán) thì phép Quán mới có cái Thể. [Các câu kinh] từ “*bất điên đảo*” trở đi, đều nhằm giải thích quán tướng. Chẳng bị nhị biên, tám món điên đảo lay động, cho nên nói “*bất đảo, bất động*” (chẳng điên đảo, chẳng dao động). Chẳng đọa vào hai địa vị phàm phu và Nhị Thừa, cho nên nói là “*bất thoái, bất chuyển*”. Chẳng phải là vị lai, cho nên “*bất sanh*”. Chẳng phải quá khứ, cho nên “*bất xuất*”. Chẳng phải là hiện tại, cho nên “*bất khởi*”. Thích Luận nói: “*Như hư không chẳng*

*nhập, chẳng xuất, chẳng trụ tướng*”. Nhiếp Đại Thừa Luận cũng nói như thế. Chẳng có chỗ nhập nơi vị lai (do chẳng từ hiện tại mà nhập vị lai, tức là “*bất sanh*”). Chẳng có chỗ xuất trong quá khứ (do chẳng từ hiện tại để ra khỏi quá khứ). Chẳng có chỗ trụ trong hiện tại (hiện tại chẳng trụ, tức là chẳng khởi). Những điều khác đều có thể hiểu như trong phần trên.

Kinh văn lại có mười chín câu. Câu đầu tiên là Tổng, mười tám câu sau đó đối ứng với mười tám món Không trong kinh Đại Phẩm [Bát Nhã]:

- “*Như Thật Tướng*” tức là Đệ Nhất Nghĩa Không.
- “*Bất điên đảo*” tức là Nội Không, nghĩa là trong thì chẳng có Lục Nhập, chấp trước Ngã và Ngã Sở (cái của ta), cho nên chẳng điên đảo.
- “*Bất động*” tức là Ngoại Không, chính là ngoài thì chẳng bị sáu trần dao động.
- “*Bất thoái*” chính là Nội Ngoại không, vì mười hai Nhập đều là Không, cho nên nói là “*bất thoái*”.
- “*Bất chuyển*” tức Không Không, do Không phá sạch các pháp. Các pháp đều là cái bị phá (sở phá), còn Không là cái có thể phá (năng phá). Chẳng còn các pháp, chỉ có Không tồn tại. Cái Không ấy cũng là Không. Cho nên nói là Không Không. Không đã là không, chẳng còn gì để có thể chuyển; cho nên nói là “*bất chuyển*”.
- “*Như hư không*” tức là Đại Không. Có chấp thì mới tính đến phá; cho nên nói “*như hư không*”.
- “*Vô sở hữu tánh*” tức là Tất Cánh Không. Các pháp chẳng thừa sót, cho nên nói là Tất Cánh Không. Do đã rốt ráo là Không, cho nên chẳng có tánh.
- “*Nhất thiết ngữ ngôn đạo đoạn*” (Hết thầy nói năng dứt bật) tức là Nhất Thiết Không. Hết thầy là Không thì chẳng thể nói; vì thế, nói năng dứt bật!
- “*Bất sanh*” tức là Hữu Vi Không. Hữu Vi là do nhân duyên hòa hợp. Đã chẳng hòa hợp, cho nên chẳng sanh.
- “*Bất xuất*” tức là Vô Vi Không. Vô vi được gọi là xuất ly. Xuất ly Pháp Không, cho nên nói là “*bất xuất*”.
- “*Bất khởi*” chính là Vô Thi Không. Tìm cầu cái nguyên sơ chẳng thể được, vì thế “*bất khởi*”.
- “*Vô danh*” chính là tánh Không.
- “*Vô tướng*” chính là Tướng Không. Hai điều này dễ hiểu.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

- “*Thật vô sở hữu*” chính là Bất Khả Đắc Không.
- “*Vô lượng*” chính là Hữu Pháp Không. Có pháp thì sẽ có hạn lượng. Có hạn lượng đã là Không, cho nên nói “*vô lượng*”.
- “*Vô biên*” tức là Vô Pháp Không. Chẳng có pháp chính là biểu hiện của Biên (ngăn mé, chùng hạn). Nay do đã là Không, cho nên nói “*vô biên*”.
- “*Vô ngại*” tức là Hữu Pháp Vô Pháp Không, cả hai (Hữu Pháp và Vô Pháp) đều chẳng thể được. Cho nên nói là “*vô ngại*”.
- “*Vô chướng*” tức Tán Không, trở ngại, ngăn chướng đều chẳng thể được. Vì thế nói là “*vô chướng*”.

Mười tám món Không đều là Trung Đạo chánh huệ, đều gọi là Không. Thuận theo mười tám loại cảnh, nên nói là “*mười tám món*”. Đại Kinh nói: “*Như Lai thường tu thập bát Không nghĩa*” (Như Lai thường tu mười tám nghĩa Không). Do vậy, dùng mười tám món Không để giải thích mười tám câu.

Lại còn dựa theo mười tám món Không có thể nói “*câu đầu là Tổng, các câu sau là Biệt*”. Trong phần trước, xét theo thể tướng, cũng có thể nói là “*Tổng Thể, Biệt Thể, Tổng Tướng, Biệt Tướng*”. Lại nữa, phần trước là cùng dựa theo cảnh và trí để giải thích. Kế đó, hoàn toàn dựa theo Quán để giải thích. Nhưng Quán ắt phải có quán cảnh. Vì thế, có thể chỉ hoàn toàn dựa theo Quán. Cảnh có thể phát khởi Quán, cũng có thể chỉ hoàn toàn dựa theo cảnh [để giải thích]. Nay riêng hoàn toàn dựa theo cảnh để giải thích, tức là Bồ Tát quán hết thấy các pháp không gì chẳng đều là Không. Hết thấy các pháp đều là tướng như thật. Hết thấy các pháp đều chẳng điên đảo. Hết thấy các pháp đều bất động, đều bất thoái, đều bất chuyển. Hết thấy các pháp đều như hư không, chẳng có tánh sở hữu. Hết thấy ngôn ngữ dứt bật, chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng khởi. Hết thấy các pháp đều vô danh. Hết thấy các pháp đều vô tướng. Hết thấy các pháp đều thật sự chẳng sở hữu. Hết thấy các pháp đều vô lượng. Hết thấy các pháp đều vô biên. Hết thấy các pháp đều vô ngại, vô chướng. Điều này hiển thị các pháp trong bách giới thiên như, mỗi pháp không gì chẳng phải là Thật Tướng. Ngay từ Quyền mà là Thật, ngay từ Tục mà chính là Chân. Chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh, cho nên có nói năng. Điều này hiển thị bản thể vô tướng của Thật Tướng. Tùy thuộc cái duyên là nhiễm hay tịnh, mà tạo trọn đủ mười giới, bách giới thiên như, hết thấy các pháp. Ngay nơi Thật mà chính là Quyền. Đã là Chân mà là Tục. Quyền và Thật bất nhị. Đó chính

là Nhị Đế viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Thể của chúng chính là lẫn nhau, bèn gọi là Nhất Thật Đế.

Nói là Không thì hết thấy đều là Không. Nói là Có thì hết thấy đều là Có. Nói là Trung thì hết thấy đều là Trung. Lại gọi là “*viên dung Tam Đế*”. Chẳng phải là “một, hai, ba”, mà là “một, hai, ba”. Tuy là “một, hai, ba”, nhưng nơi chân lý chẳng có tên gọi “một, hai, ba”. Lại gọi nó là “*viên diệu Vô Đế*”. Thường thích quán pháp tướng như thế tức là chánh quán nơi cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, kết luận là “*chỗ thân cận thứ hai*”.

Hỏi: - Trong phần trước đã nói “*Hành Xứ là chánh hạnh, Thân Cận Xứ là trợ hạnh*”; nay sao Thân Cận Xứ thứ hai lại được gọi là Chánh Quán?

Đáp: - Trong phần trước đã chẳng nói rồi đó sao? Dựa theo lý để nói đại lược thì gọi là Hành Xứ. Phần nói đại lược gọi là Chánh. Kèm theo sự để nói cận kề thì gọi là Thân Cận Xứ. Nói cận kề thì gọi là Trợ. Tuy nói có sơ lược hay chi tiết, nhưng Lý chẳng có sâu hay cạn. Chánh Hạnh và Trợ Hạnh trong Viên Giáo thì Chánh lẫn Trợ đều Viên, thật sự là diệu lý Viên đạo chẳng chánh, chẳng trợ. Xét theo phần kinh văn nói cận kề, sẽ có thể quán Thiền lý, bèn gọi là Trợ.

Trong phần thứ nhất của An Lạc Hạnh, phần Trường Hàng đã xong.

#### **14.2.2.1.2. Kệ tụng**

##### **14.2.2.1.2.1. Trùng tụng đề mục**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược hữu Bồ Tát, ư hậu ác thế, vô bố úy tâm, dục thuyết thị kinh, ưng nhập Hành Xứ, cập Thân Cận Xứ.*

**(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若有菩薩，於後惡世，無怖畏心，欲說是經，應入行處，及親近處**

◦  
*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu có hàng Bồ Tát, trong đời ác mai sau, chẳng có lòng sợ hãi, muốn tuyên nói kinh này, hãy nên nhập Hành Xứ, cùng với Thân Cận Xứ).*

##### **14.2.2.1.2.2. Trùng tụng phân giải thích**

Trong phần Trường Hàng, Hành Xứ và Thân Cận Xứ được tách ra để giải thích, nhưng trong kệ tụng, gộp chung ý nghĩa để trùng tụng, chẳng theo thứ tự, nhằm hiển thị kinh văn nói đại lược hay chi tiết, nhưng lý chẳng có cạn hay sâu.

#### 14.2.2.1.2.2.1. Trùng tụng dựa theo xa lìa để luận định thân cận

*(Kinh) Thường ly quốc vương, cập quốc vương tử, đại thần, quan trưởng, hung hiểm hý giả, cập Chiên-đà-la, ngoại đạo, Phạm Chí. Diệc bất thân cận, tăng thượng mạn nhân, tham trước Tiểu Thừa, Tam Tạng học giả, phá giới tỳ-kheo, danh tự La Hán, cập tỳ-kheo-ni. Hảo hý tiểu giả, tham trước ngũ dục, cầu hiện diệt độ, chư ưu-bà-di, giai vật thân cận. Nhược thị nhân đẳng, dĩ hảo tâm lai, đáo Bồ Tát sở, vị văn Phật đạo. Bồ Tát tác dĩ, vô sở úy tâm, bất hoài hy vọng, nhi vị thuyết pháp. Quả nữ, xử nữ, cập chư bất nam, giai vật thân cận, dĩ vi thân hậu. Diệc mạc thân cận, đồ nhi, khôi khoái, điền liệp, ngư bộ, vị lợi sát hại, phiến nhục tự hoạt, huyển mại nữ sắc. Như thị chi nhân, giai vật thân cận. Hung hiểm tương phác, chủng chủng hy hý, chư dâm nữ đẳng, tận vật thân cận. Mạc độc bình xứ, vị nữ thuyết pháp. Nhược thuyết pháp thời, vô đắc hý tiểu. Nhập lý khát thực, tương nhất tỳ-kheo. Nhược vô tỳ-kheo, nhất tâm niệm Phật. Thị tác danh vi, Hành Xứ, Cận Xứ. Dĩ thị nhị xứ, năng an lạc thuyết.*

**(經)常離國王，及國王子，大臣官長，兇險戲者，及旃陀羅，外道梵志。亦不親近，增上慢人，貪著小乘，三藏學者，破戒比丘，名字羅漢，及比丘尼。好戲笑者，深著五欲，求現滅度，諸優婆夷，皆勿親近。若是人等，以好心來，到菩薩所，為聞佛道。菩薩則以，無所畏心，不懷希望，而為說法。寡女處女，及諸不男，皆勿親近，以為親厚。亦莫親近，屠兒魁膾，畋獵漁捕，為利殺害，販肉自活，銜賣女色。如是之人，皆勿親近。兇險相撲，種**

**種嬉戲，諸淫女等，盡勿親近。莫獨屏處，為女說法。若說法時，無得戲笑。入里乞食，將一比丘。若無比丘，一心念佛。是則名為，行處近處。以此二處，能安樂說。**

*(Kinh: Thường rời lìa quốc vương, cùng với các vương tử. Đại thần, hàng trưởng quan. Kẻ chơi đùa hung hiểm, cùng bọn Chiên-đà-la, ngoại đạo và Phạm Chí. Cũng đừng nên thân cận, những kẻ tăng thượng mạn, tham đắm nơi Tiểu Thừa, kẻ học pháp Tam Tạng, hàng tỳ-kheo phá giới, La Hán mang danh sông, và các tỳ-kheo-ni. Kẻ ưa chuộng cười đùa, đắm chấp sâu ngũ dục, cầu diệt độ hiện tại, các hàng ưu-bà-di, đều chớ nên thân cận. Nếu như hạng người ấy, vì hão tâm tìm tới, đến chỗ của Bồ Tát, để được nghe Phật đạo. Bồ Tát liền vận dụng, cái tâm chẳng sợ hãi, chẳng ôm lòng mong mỏi, để vì họ thuyết pháp. Gái góa và gái trinh, cùng các loại bất nam, đều đừng nên thân cận, coi họ là thân thiết. Cũng chớ nên thân cận, kẻ đồ tể, đao phủ, săn bắn và đánh cá, vì lợi mà giết hại, bán thịt để tự sống, kẻ buôn bán nữ sắc. Các hạng người như thế, đều chớ nên thân cận. Hung hiểm quăng ném nhau, đủ mọi thứ trò vui, cùng các dâm nữ thầy, tận lực đừng thân cận. Đừng ở riêng chỗ khuất, vì nữ nhân thuyết pháp. Nếu lúc cần thuyết pháp, chớ nên đùa giỡn cười. Vào trong làng khát thực, dắt theo một tỳ-kheo. Nếu chẳng có tỳ-kheo, hãy nhất tâm niệm Phật. Các điều ấy gọi là, Hành Xứ, Thân Cận Xứ. Do bởi hai xứ ấy, có thể an lạc nói).*

Kẻ “tăng thượng mạn” tức là [nói tới] hạng người tọa Thiền được đôi chút khinh an, bèn xằng bậy nói [chính mình] đã chứng đắc. “Tham trước Tiểu Thừa, Tam Tạng học giả” (Kẻ tham đắm Tiểu Thừa, học Tam Tạng) có nghĩa là kẻ chuyên cầu tìm danh tướng, có học vấn sông do tai nghe, miệng nói, chẳng chịu quán tâm tu chứng! “Danh tự La Hán” tức là kẻ giả danh trụ A Luyện Nhã. “Thâm trước ngũ dục” (Đắm chấp sâu ngũ dục) chính là kẻ chuyên ưa chuộng ngũ trần sắc, thanh, hương, vị, xúc. “Cầu hiện diệt độ” (Cầu diệt độ trong hiện tại) tức là kẻ chỉ cầu quả chứng Tiểu Thừa, chẳng có lòng đại từ bi. Đắm chấp ngũ dục thuộc về bên sanh tử; cầu diệt độ thuộc về bên Niết Bàn. Đối với cả hai bên đó, đừng nên thân cận. Hãy nên thân cận Trung Đạo, [ý nghĩa ấy] đã rõ lắm rồi! Đó chính là những điều được kể ra trong phần Thân Cận Xứ của đoạn Trường Hàng, nhưng trong phần kết luận, lại nói là



Hành Xứ và Thân Cận Xứ. Do vậy biết Chánh hay Trợ chỉ là xét theo nói chi tiết hay đại lược, chắc chắn chẳng có sâu hay cạn!

**14.2.2.1.2.2.2. Trùng tụng chẳng xa lìa, chẳng thân cận**

*(Kinh) Hựu phục bất hành, thượng trung hạ pháp, hữu vi, vô vi, thật, bất thật pháp, diệc bất phân biệt, thị nam, thị nữ. Bất đắc chư pháp, bất tri, bất kiến. Thị tức danh vi, Bồ Tát hành xứ.*

**(經)又復不行，上中下法，有為無為，實不實法，亦不分別，是男是女。不得諸法，不知不見。是則名為，菩薩行處。**

*(Kinh: Lại còn chẳng có hành, các pháp thượng, trung, hạ, hữu vi hay vô vi, pháp thật và chẳng thật, cũng lại chẳng phân biệt, là nam hay là nữ. Các pháp đều chẳng được, chẳng biết và chẳng thấy. Đó bèn được gọi là, hành xứ của Bồ Tát).*

Biệt Giáo gọi là thượng pháp. Thông Giáo gọi là trung pháp. Tạng Giáo gọi là hạ pháp, [các pháp ấy] đều mở ra để nhập Viên. Lại chẳng có các pháp Tạng, Thông, Biệt để có thể đạt được; vì thế “bất hành” (chẳng hành). Hoặc, Nghiệp, Khổ v.v... của lục phàm pháp giới được gọi là pháp hữu vi, hữu lậu. Công đức và trí huệ của tứ thánh pháp giới được gọi là pháp vô lậu. Tánh Chân Như bình đẳng của mười pháp giới được gọi là pháp vô vi. Sắc tâm hữu vi tạm có Thể và Dụng, được gọi là “thật pháp”, chẳng tương ứng với hạnh. Nương vào phận vị giả lập của sắc tâm thì gọi là “pháp chẳng thật”.

Lại nữa, hoặc có hữu vi được gọi là “pháp chẳng thật”, do tánh của nó sanh diệt. Vô vi được gọi là “thật pháp”, do tánh chẳng thay đổi. Hoặc có hữu lậu được gọi là “pháp chẳng thật”, do trái nghịch với Tánh. Vô lậu được gọi là “thật pháp”, do vì xứng tánh, hoặc là hết thảy đều thật, cả hai đều được gọi là Đế (hữu vi là Tục Đế, vô vi là Chân Đế). Hết thảy chẳng thật, tình có, lý không. Do lý có, tình không (hữu lậu thì là “tình có, lý không”. Do lý là không, nên gọi là “chẳng thật”. Vô lậu thì do “lý có, tình không”, do tình là không, cho nên gọi là “chẳng thật”). Nay đều chẳng hành, do quán các pháp như Thật Tướng, thì hữu vi cũng là Thật Tướng, chẳng còn là hữu vi. Vô vi cũng là Thật Tướng, chẳng còn vô vi. Thật cũng là Thật Tướng, chẳng còn là Thật. “Chẳng thật”

cũng là Thật Tướng, chẳng còn “chẳng thật”. Cho nên chẳng hành! Đây là trùng tụng ý “*ư pháp vô sở hành, nhi quán chư pháp như thật tướng*” (đối với pháp chẳng có gì để hành, mà quán tướng như thật của các pháp).

“*Diệc bất phân biệt thị nam, thị nữ*” (Cũng chẳng phân biệt là nam hay nữ): Nam chính là Huệ, nữ chính là Định. Pháp Định Huệ tánh vốn dứt bất nói năng, cho nên chẳng thể phân biệt. “*Bất đắc chư pháp*” (Chẳng đạt được các pháp) do tướng thường tự tịch diệt. “*Bất tri, bất kiến*” (Chẳng biết, chẳng thấy): Xa lìa tướng hý luận của “chủ thể giữ lấy” (năng thủ) và “cái được giữ lấy” (sở thủ). Đây là trùng tụng ý “*diệc bất hành, bất phân biệt*” (cũng chẳng hành, chẳng phân biệt).

*(Kinh) Nhất thiết chư pháp, không vô sở hữu, vô hữu thường trụ, diệc vô khởi diệt. Thị danh trí giả, sở thân cận xứ.*

**(經)一切諸法，空無所有，無有常住，亦無起滅。是名智者，所親近處。**

*(Kinh: Hết thấy các pháp, Không vô sở hữu, chẳng có thường trụ, cũng chẳng khởi, diệt, là thân cận xứ, của người có trí).*

Đây là trùng tụng đại lược đoạn kinh văn “*quán nhất thiết pháp Không...*” (quán hết thấy các pháp là Không...) [Nói] “*vô hữu thường trụ*” (chẳng có thường trụ) nhằm ngăn trở [chấp trước đối với] Chân Đế. [Lại nói] “*diệc bất khởi diệt*” (cũng chẳng dấy lên, hay diệt mất): Ngăn trở sự chấp trước đối với Tục Đế. Chân lẫn Tục đều bị ngăn che, chân thật hiển thị Trung Đạo. Tuy nói đại lược, nhưng ý nghĩa trọn vẹn.

*(Kinh) Điên đảo phân biệt, chư pháp hữu vô, thị thật, phi thật, thị sanh, phi sanh. Tại ư nhàn xứ, tu nhiếp kỳ tâm, an trụ bất động, như Tu Di sơn. Quán nhất thiết pháp, giai vô sở hữu, do như hư không, vô hữu kiên cố, bất sanh, bất xuất, bất động, bất thoái, thường trụ nhất tướng, thị danh Cận Xứ.*

**(經)顛倒分別，諸法有無，是實非實，是生非生。在於閑處，修攝其心，安住不動，如須彌山。觀一切法，皆**

**無所有，猶如虛空，無有堅固，不生不出，不動不退，常住一相，是名近處。**

*(Kinh: Diên đảo phân biệt, các pháp có, không, là thật, chẳng thật, là sanh, chẳng sanh. Ở nơi thanh vắng, tu nhiếp tâm mình. An trụ bất động, như núi Tu Di, quán hết thấy pháp, đều vô sở hữu. Giống như hư không, chẳng hề kiên cố. Chẳng sanh, chẳng xuất, bất động, bất thoái, thường trụ một tướng, là chỗ thân cận).*

Đây là trùng tụng ý “từ diên đảo mà sanh”, cho nên nói là “dùng làm cảnh được quán”, kiêm trùng tụng “xét theo xa lìa để luận định thân cận” hòng làm phương tiện. Sau đó, trùng tụng “chánh quán hết thấy các pháp đều là Không...” Kinh văn trong phần trước nói kèm thêm Giới và Định, hợp thành chỗ thân cận thứ nhất. Huệ được gọi là chỗ thân cận thứ hai. Nay gộp chung Định và Huệ để trùng tụng, nhưng trùng tụng Giới môn thì đã tổng kết cả hai môn Hành Xứ và Thân Cận Xứ, hiển thị Tam Học dung thông lẫn nhau, Lý và Sự chẳng hai.

Hỏi: - Trong phần trên đã nói “chẳng có thường trụ”, nay nói “thường trụ nhất tướng” là vì lẽ nào?

Đáp: - Nếu đối ứng với “khởi, diệt” mà nói là thường trụ, đó chính là tình chấp so đo. Vì thế, cần phải phá. Đã phá tình kiến so đo thì lý vốn là thường trụ. Lại nữa, đối với “khởi, diệt” mà nói là “thường trụ” thì [thành ra] có hai tướng! Nay hết thấy các pháp đều vô sở hữu, cho nên chẳng khởi, chẳng diệt. Bản thể thường trụ, cho nên được gọi là “nhất tướng”. Nhất tướng chính là Thật Tướng. Thật Tướng tức là các pháp mà chẳng phải là các pháp. Các pháp chính là phi pháp. Vì thế, gọi là Thật Tướng.

Phần thứ hai, “giải thích ý nghĩa của kệ tụng” đã xong.

### **14.2.2.1.2.3. Hạnh thành tựu**

#### **14.2.2.1.2.3.1. Nêu ra hạnh thành tựu**

*(Kinh) Nhược hữu tỳ-kheo, u ngã diệt hậu, nhập thị Hành Xứ, cập Thân Cận Xứ, thuyết tư kinh thời, vô hữu khiếp nhược.*

**(經)若有比丘，於我滅後，入是行處，及親近處，說斯經時，無有怯弱。**

*(Kinh: Nếu có các tỳ-kheo, sau khi ta diệt độ, tiến nhập Hành Xứ này, và môn Thân Cận Xứ, khi nói bộ kinh này, sẽ chẳng có khiếp nhược).*

Sự đã thành thì biểu hiện ra ngoài sẽ chẳng sai lệch; lý đã thành thì nội tâm không trầm trệ, cho nên “*chẳng khiếp nhược*”.

#### **14.2.2.1.2.3.2. Giải thích do hạnh thành tựu bèn được an lạc**

*(Kinh) Bồ Tát hữu thời, nhập w tĩnh thất, dĩ chánh ức niệm, tùy nghĩa quán pháp. Từng Thiên Định khởi, vị chư quốc vương, vương tử, thần dân, Bà-la-môn đẳng, khai hóa diễn swng, thuyết tư kinh điển. Kỳ tâm an ổn, vô hữu khiếp nhược.*

**(經)菩薩有時，入於靜室，以正憶念，隨義觀法。從禪定起，為諸國王，王子臣民，婆羅門等，開化演暢，說斯經典。其心安隱，無有怯弱。**

*(Kinh: Bồ Tát có lúc, vào trong tĩnh thất, dùng chánh ức niệm, theo nghĩa quán pháp. Từ Thiên Định dậy, vì các quốc vương, vương tử, quan, dân, Bà-la-môn thầy, khai hóa, diễn bày, nói kinh điển này. Tâm họ an ổn, chẳng có khiếp nhược).*

Đây là giải thích cái nhân an lạc. Do tu Thiên Định, dứt các lỗi ác, đắ Nhân Vô Ngã, bên ngoài thì chẳng tổn. Do tu trí huệ, lìa các chấp trước, đắ Pháp Vô Ngã, bên trong chẳng điên đảo. Vì vậy, tâm chẳng khiếp nhược. Chẳng khiếp nhược thì gọi là An Lạc.

#### **14.2.2.1.2.3.3. Trùng tụng tổng kết**

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thị danh Bồ Tát, an trụ sơ pháp, năng w hậu thế, thuyết Pháp Hoa kinh.*

**(經)文殊師利！是名菩薩，安住初法，能於後世，說法華經。**

*(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Đó gọi là Bồ Tát, an trụ pháp đầu tiên, có thể trong đời sau, nói kinh Pháp Hoa này).*

Phần thứ nhất, “hạnh An Lạc nơi thân” đã xong.

#### **14.2.2.2. Khẩu an lạc hạnh**

##### **14.2.2.2.1. Trường Hàng**

###### **14.2.2.2.1.1. Nêu ra đề mục**

*(Kinh) Hưu Văn Thù Sư Lợi! Như Lai diệt hậu, w Mạt Pháp trung, dục thuyết thị kinh, wng trụ An Lạc Hạnh.*

**(經)又文殊師利! 如來滅後, 於末法中, 欲說是經, 應住安樂行。**

*(Kinh: Lại này Văn Thù Sư Lợi! Sau khi Như Lai diệt hậu, trong đời Mạt Pháp, muốn nói kinh này, hãy nên trụ trong An Lạc Hạnh).*

###### **14.2.2.2.1.2. Giải thích**

Phần này chia làm hai:

Một là Chỉ Hạnh, hai là Quán Hạnh. Chỉ Hạnh nhằm ngăn ngừa sai trái, tức là “áo của Như Lai”. Quán Hạnh thuyết pháp, là “tòa của Như Lai”. Lại nữa, Chỉ Hạnh đẹp khổ, Quán Hạnh ban vui, tức là “nhà của Như Lai”.

###### **14.2.2.2.1.2.1. Chỉ Hạnh**

###### **14.2.2.2.1.2.1.1. Chẳng nói lỗi [của người khác]**

*(Kinh) Nhược khẩu tuyên thuyết, nhược độc kinh thời, bất nhạo thuyết nhân, cập kinh điển quá.*

**(經)若口宣說, 若讀經時, 不樂說人, 及經典過。**

*(Kinh: Hoặc là miệng tuyên nói, hoặc khi đọc kinh điển, chẳng thích nói khuyết điểm, của người và kinh điển).*

Người khác dẫu có lỗi, liên quan gì đến ta? Chỉ nên trong tâm tự phản tỉnh [chính mình có phạm lỗi ấy hay chẳng], rảnh đâu mà chê bai kẻ khác! Nếu thích đàm tiếu lỗi của kẻ khác, sẽ giống như phô bày phân nhơ, xông sục cả mình lẫn người, tổn hại, bức não thật nặng, chẳng phải là An Lạc Hạnh! Hết thầy các kinh điển đều là phương tiện tùy thuận cơ nghi để nói của Như Lai, như ăn thạch mật, ở giữa [chén mật] hay ngoài

rià đều ngọt, há có khuyết điểm? Rao nói khuyết điểm của kinh điển đều là vì chẳng hiểu diệu lý Quyền Thật, cho nên cũng chẳng phải là An Lạc Hạnh.

#### **14.2.2.2.1.2.1.2. Chẳng khinh mạn**

*(Kinh) Diệc bất khinh mạn, chư dư pháp sư.*

**(經)亦不輕慢，諸餘法師。**

*(Kinh: Cũng đừng nên khinh mạn các vị pháp sư khác).*

Chẳng cậy Viên mà miệt thị Thiên, chẳng trọng Thật mà khinh Quyền. Phật còn dùng phương tiện lạ để giúp hiển thị Đệ Nhất Nghĩa Đế, [phàm phu như bọn ta] há nên tự hợm hĩnh, chẳng hộ trì căn cơ của chúng sanh ư?

#### **14.2.2.2.1.2.1.3. Chẳng khen ngợi hay hủy báng**

*(Kinh) Bất thuyết tha nhân, hảo ác, trường đoản. Ư Thanh Văn nhân, diệc bất xưng danh, thuyết kỳ quá ác. Diệc bất xưng danh, tán thán kỳ mỹ.*

**(經)不說他人，好惡長短。於聲聞人，亦不稱名，說其過惡。亦不稱名，讚歎其美。**

*(Kinh: Chẳng nói điều tốt xấu, hay dở của kẻ khác. Đối với bậc Thanh Văn, cũng chẳng nêu tên họ, kể lỗi, vạch khuyết điểm. Cũng chẳng nêu tên họ để khen ngợi điều tốt lành).*

Con người đều chẳng thích nghe [kẻ khác phôi bày] khuyết điểm của chính mình, cho nên chẳng bàn tán khuyết điểm. Ca ngợi kẻ khác trước mặt người này, sẽ giống như hủy báng người này! Vì thế, chẳng ca ngợi ưu điểm. Đại Luận nói: “Kẻ tự ca ngợi thì là phùng kiêu căng. Kẻ tự gièm chê chính mình là phùng dối gạt người! Ca ngợi kẻ khác thì là phùng siểm nịnh, hư ngụy. Kẻ hủy báng người khác thì là hạng người sàm tặc. Người trí hãy nên dùng bốn món Tát Đàn để trừ tính, suy

lường, hòng tự bảo vệ mình và bảo vệ người khác”. Kinh Nhật Tạng<sup>20</sup> lại nói: “*Sơ, trung, hậu dạ, giảm tinh thụ miên, tinh tấn tọa Thiền, tụng kinh, tu đạo, bối xả sanh tử, hướng Niết Bàn lộ. Bất xưng tha đoãn, bất thuyết kỳ trường, khiêm hạ, ty tốn, bất tự kiêu cao, y phục tri túc, bất phóng dật hành, hệ niệm tư duy, tâm bất trì tán. Ư nhất thiết chúng sanh, khởi từ bi tâm*” (Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, giảm bớt ngủ nghỉ, tinh tấn tọa Thiền, tụng kinh, tu đạo, trái bỏ sanh tử, hướng theo con đường Niết Bàn. Chẳng kể lỗi của kẻ khác, chẳng nói ưu điểm của chính mình. Khiêm tốn, nhún nhường, chẳng tự kiêu căng, cao ngạo, dùng sự biết đủ làm y phục, chẳng làm chuyện buông lung. Hệ niệm tư duy, tâm chẳng rong ruổi, tán loạn, dấy lòng từ bi đối với hết thảy chúng sanh). Đây chính là tướng trạng của An Lạc Hạnh. Đối với hạng người Thanh Văn, do căn tánh của họ bất định, nếu tán thán Nhị Thừa, có thể sẽ khiến cho họ thoái thất Đại Thừa, chấp lấy Tiểu Thừa. Nếu hủy báng, chê bai Nhị Thừa, sẽ có thể khiến cho họ Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều mất sạch, hai đàng đều chẳng giữ lấy!

#### **14.2.2.2.1.2.1.4. Chẳng oán hiềm**

*(Kinh) Hữu diệc bất sanh oán hiềm chi tâm.*

**(經)又亦不生怨嫌之心。**

*(Kinh: Cũng lại chẳng sanh tâm oán hiềm).*

Nếu nói người đó hoặc pháp đó gây hại cho đạo của ta, tức là tâm hờn oán. Nếu bảo người đó, pháp đó hèn kém, tức là tâm tự hiềm. Hễ tâm cơ dấy động, bèn thốt ra lời nói. Để ngăn dứt cội nguồn của sự kể lỗi, cho nên chẳng sanh tâm oán hiềm! Kinh Đại Tập dạy: “*Quá khứ Câu Lưu Tôn Phật pháp trung, hữu nhất tỳ-kheo phát Bồ Đề tâm, tụng*

---

<sup>20</sup> Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Đẳng Đại Thừa Nhật Tạng Kinh, gồm mười quyển, mười ba phẩm, do ngài Na Liên Đề Da Xá dịch vào đời Tùy, thuộc hệ thống kinh Đại Tập. Trong kinh ấy, đức Phật ngự tại Trúc Viên (Trúc Lâm Tinh xá) ở thành Vương xá, dạy các pháp quán nhân duyên bất tịnh, xa-ma-tha v.v... để khiến cho các tỳ-kheo sợ hãi tội lỗi. Sau đó, bốn phương chư Phật đều sai Bồ Tát mang thần chú đến pháp hội ấy, đức Phật bèn tuyên nói đại pháp. Ngài lại dạy dưới chân núi Khư La Chỉ phía dưới núi Tu Di có Quang Vị đại tiên chuyên thuyết pháp cho các long vương, đồng thời xưng dương công đức của các vị Phật trong Tinh Tú Kiếp v.v...

*trì Đại Tiểu Thừa pháp tụ các bát vạn tứ thiên, ý hiềm đầu đà tỳ-kheo bất tụng kinh điển, do như chu ngọt. Do thử, đọa ngục, thọ đại khổ não. Từ địa ngục xuất, thọ La Sát thân, chí Hiền Kiếp Phật, Lô Lô Chí Phật thời, phương thoát quỷ thân”* (Trong pháp của Câu Lưu Tôn Phật thời quá khứ, có một tỳ-kheo phát Bồ Đề tâm, tụng trì pháp tụ Đại Thừa và Tiểu Thừa, mỗi đảng đều tám vạn bốn ngàn, ý chê gièm đầu-đà tỳ-kheo chẳng tụng kinh điển giống như cái cây bị cụt ngọn. Do vậy, đọa vào địa ngục, chịu khổ não to lớn. Từ địa ngục thoát ra, thọ thân La Sát, tới thời Lô Lô Chí Phật là vị Phật [cuối cùng] trong Hiền Kiếp mới thoát thân quỷ). Người thường còn như thế, huống hồ [người hành] An Lạc Hạnh ư? Vì hoằng dương kinh điển Đại Thừa, hộ trì người hành hạnh Tiểu Thừa, tâm niệm há chẳng nên cẩn thận ư? Oán hờn, trách móc, ty hiềm, chê trách, oán thì sâu, ty hiềm thì cạn, nhưng dù cạn hay sâu đều bỏ thì mới gọi là Chánh Hạnh. Đó chính là nói đến cái tâm của An Lạc Hạnh nơi miệng nhằm chế ngự cái miệng!

Phần thứ nhất, Chi Hạnh đã xong.

#### **14.2.2.2.1.2.2. Quán Hạnh**

*(Kinh) Thiện tu như thị an lạc tâm cố, chư hữu thính giả, bất nghịch kỳ ý. Hữu sở nạn vấn, bất dĩ Tiểu Thừa pháp đáp, dẫn dĩ Đại Thừa nhi vị giải thuyết, linh đắc Nhất Thiết Chúng Trí.*

**(經)善修如是安樂心故，諸有聽者，不逆其意。有所難問，不以小乘法答，但以大乘而為解說，令得一切種智】。**

*(Kinh: Do khéo tu cái tâm an lạc như thế, hễ có người nghe, sẽ chẳng trái nghịch ý họ. Có ai cất vấn, chẳng dùng pháp Tiểu Thừa để đáp, chỉ dùng Đại Thừa để giải nói cho họ, khiến cho họ đắc Nhất Thiết Chúng Trí).*

Quán các pháp Không, chẳng chấp giữ. Nếu tâm chẳng chấp, sẽ chẳng trái nghịch ý người khác, chẳng trái nghịch pháp tướng. Vì thế, chẳng dùng pháp Tiểu Thừa để đáp.

Nếu thấy [người đó] chẳng có căn cơ Đại Thừa, bèn nói pháp Tiểu Thừa cho người ấy, khiến cho người ấy đạt được lợi ích nơi phương tiện. Nếu chẳng thấy [người đến hỏi pháp] không có căn cơ Đại Thừa mà nói



pháp Tiêu Thừa cho người ấy, sợ rằng sẽ trở ngại nhân duyên Đại Thừa của người đó. Vì thế, người thuộc địa vị sâu, có trí biết căn cơ, sẽ có thể tùy nghi thuyết pháp. Người mới hành chẳng có năng lực soi xét căn cơ, chỉ nên nói pháp Đại Thừa!

Phần thứ nhất, “kinh văn Trường Hàng của khẩu An Lạc Hạnh” đã xong.

#### **14.2.2.2.2. Kệ tụng**

##### **14.2.2.2.2.1. Trùng tụng nêu bày đề mục**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Bồ Tát thường lạc, an ổn thuyết pháp. Ư thanh tịnh địa, nhi thi sàng tòa. Dĩ du đồ thân, tháo dục trần uế, trước tâm tịnh y, nội ngoại câu tịnh.*

**(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「菩薩常樂，安隱說法。於清淨地，而施牀座。以油塗身，澡浴塵穢，著新淨衣，內外俱淨。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Bồ Tát thường vui sướng, an ổn mà thuyết pháp. Ở nơi đất thanh tịnh, bèn đặt bày giường, tòa. Dùng dầu để bôi thân, tắm gội sạch bụi dơ, khoác mặc áo mới sạch, trong ngoài đều thanh tịnh).*

Phần Trường Hàng chỉ nói “*ưng trụ*” (hãy nên trụ). Ở đây, riêng nêu ra hành tướng. “*An ổn thuyết pháp*” là muốn cho người được nói trong đoạn trước sẽ đạt được đạo an ổn và cái quả an ổn, tức là “*vào nhà Như Lai*”. Ở nơi chỗ đất thanh tịnh, đặt bày giường, tòa, tức là “*ngôi tòa của Như Lai*”. Bốn câu kể từ “*dĩ du đồ thân*” (dùng dầu để bôi thân) tức là “*mặc áo Như Lai*”. Dùng ba pháp ấy để hướng dẫn khẩu nghiệp thì gọi là An Lạc Hạnh.

#### **14.2.2.2.2.2. Trùng tụng giải thích**

##### **14.2.2.2.2.2.1. Trùng tụng Chỉ Hạnh**

Phần Trường Hàng nói theo phương diện Chỉ Thiện (điều thiện do ngăn dứt lỗi ác), còn kệ tụng nói theo phương diện Hành Thiện (làm lành).

**14.2.2.2.2.1.1. Trùng tụng hạnh thứ hai “chẳng khinh mạn”**

*(Kinh) An xử pháp tòa, tùy vấn vị thuyết.*

**(經)安處法座，隨問為說。**

*(Kinh: Ngồi yên trên pháp tòa, tùy theo hỏi mà nói).*

Khinh mạn thì chẳng tùy thuận, “tùy” nghĩa là chẳng khinh mạn.

**14.2.2.2.2.1.2. Trùng tụng hạnh thứ ba “chẳng tán thán hay hủy báng”**

*(Kinh) Nhược hữu tỳ-kheo, cập tỳ-kheo-ni, chư ưu-bà-tắc, cập ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, quần thần, sĩ dân, dĩ vi diệu nghĩa, hòa nhan vị thuyết. Nhược hữu nạn vấn, tùy nghĩa nhi đáp.*

**(經)若有比丘，及比丘尼，諸優婆塞，及優婆夷，國王王子，群臣士民，以微妙義，和顏為說。若有難問，隨義而答。**

*(Kinh: Nếu có hàng tỳ-kheo, cùng với tỳ-kheo-ni, các vị ưu-bà-tắc, và hàng ưu-bà-di, quốc vương, và vương tử, quần thần và dân chúng, đều dùng nghĩa vi diệu, vui vẻ nói với họ. Nếu có kẻ cất vấn, thuận theo nghĩa mà đáp).*

Chỉ nương theo nghĩa lý, chẳng bàn điều tốt xấu của kẻ khác. “Tùy nghĩa đáp” có hai nghĩa: Một là có thể đáp, hai là chẳng thể đáp. Như vấn đáp và cất vấn để phân định thượng hạ, dù thắng hay thua thì tự mình biết. Đó là lời lẽ của người trí, trường hợp này thì có thể đáp. Nếu [là hạng người] mặc tình khoái ý, kẻ nào dám trái nghịch sẽ giết ngay. Đó là giọng điệu của vua chúa. Nếu hay, dở, đúng, sai đều chẳng biết, chỉ mong giành phần thắng mà thôi! Đó là ngôn luận của kẻ ngu. Đối với hai loại ấy, đều chớ nên đáp.

**14.2.2.2.2.1.3. Trùng tụng hạnh đầu tiên “chẳng nói dối”**

*(Kinh) Nhân duyên thí dụ, phu diễn phân biệt, dĩ thị phương tiện, giai sử phát tâm. Tiệm tiệm tăng ích, nhập u Phật đạo.*

**(經)因緣譬喻，敷演分別，以是方便，皆使發心。漸漸增益，入於佛道。**

*(Kinh: Nhân duyên và thí dụ, phô diễn và phân biệt, sử dụng phương tiện ấy, khiến họ đều phát tâm. Dần dần sẽ tăng tấn, tiến hướng nhập Phật đạo).*

Nếu chuộng kẻ lỗi của người khác và kinh điển, sẽ sanh ra ý niệm độc hại. Nay do chẳng nói lỗi, sẽ khiến cho người khác phát tâm tiến nhập Phật đạo. Phật đạo sanh từ lòng hoan hỷ.

**14.2.2.2.2.1.4. Trùng tụng hạnh thứ tư “chẳng oán hiềm”**

*(Kinh) Trừ lãn nọa ý, cập giải đãi tưởng, ly chư ưu não, từ tâm thuyết pháp.*

**(經)除懶惰意，及懈怠想，離諸憂惱，慈心說法。**

*(Kinh: Trừ khử ý lười nhác, và ý tưởng giải đãi, lià bỏ các ưu não, từ tâm mà thuyết pháp).*

Tâm oán hiềm dấy lên, sẽ lười nhác, ưu não. Nay do từ tâm thuyết pháp, sẽ tinh tấn, vui sướng.

Phần thứ nhất, “trùng tụng Chỉ Hạnh” đã xong.

**14.2.2.2.2.2.2. Trùng tụng Quán Hạnh**

*(Kinh) Trú dạ thường thuyết, vô thượng đạo giáo. Dĩ chư nhân duyên, vô lượng thí dụ, khai thị chúng sanh, hàm linh hoan hỷ. Y phục, ngọa cụ, ẩm thực, y dược, nhi ư kỳ trung, vô sở hy vọng. Đản nhất tâm niệm, thuyết pháp nhân duyên, nguyện thành Phật đạo, linh chúng diệc nhĩ. Thị tác đại lợi, an lạc cúng dường.*

**(經)晝夜常說，無上道教。以諸因緣，無量譬喻，開示眾生，咸令歡喜。衣服臥具，飲食醫藥，而於其中，無所希望。但一心念，說法因緣，願成佛道，令眾亦爾。是則大利，安樂供養。**

(**Kinh:** Suốt ngày đêm thường nói, giáo pháp vô thượng đạo. Vận dụng các nhân duyên, và vô lượng thí dụ, để khai thị chúng sanh, khiến họ đều hoan hỷ. Y phục, đồ trải nằm, thức ăn và thuốc thang, nhưng đối với các thứ đó, tâm chẳng hề mong mỏi. Chỉ có nhất tâm niệm, nhân duyên thuyết pháp thôi, nguyện sẽ thành Phật đạo, khiến mọi người cũng thế. Đó chính là lợi lớn, an lạc mà cúng dường).

“Thuyết vô thượng đạo” chính là “chỉ dùng pháp Đại Thừa để đáp”.

“Nguyện thành Phật đạo, linh chúng diệc nhĩ” (Nguyện sẽ thành Phật đạo, khiến đại chúng cũng thế) tức là trùng tụng “khiến cho [mọi người] đều đắc Nhất Thiết Chúng Trí”.

Phần thứ hai, “trùng tụng ý giải thích” đã xong.

#### **14.2.2.2.3. Trùng tụng hạnh thành tựu**

##### **14.2.2.2.3.1. Nêu ra hạnh thành tựu**

(**Kinh**) *Ngã diệt độ hậu, nhược hữu tỳ-kheo, năng diễn thuyết tu, Diệu Pháp Hoa kinh.*

**(經)我滅度後，若有比丘，能演說斯，妙法華經。**

(**Kinh:** Sau khi ta diệt độ, nếu có bậc tỳ-kheo, có thể diễn thuyết kinh, Diệu Pháp Liên Hoa này).

**14.2.2.2.3. Nói rõ “do trong tâm chẳng có lỗi lầm, nạn bên ngoài chẳng sanh, như chẳng có vật hôi thối, ruồi nhặng sẽ không bu đến”**

(**Kinh**) *Tâm vô tật khuể, chư não chương ngại, diệc vô ưu sầu, cập mạ ly giả. Hựu vô bố úy, gia đao trượng đẳng, diệc vô tấn xuất, an trụ nhĩ cố.*

**(經)心無嫉恚，諸惱障礙，亦無憂愁，及罵詈者。又無怖畏，加刀杖等，亦無擯出，安住忍故。**

(**Kinh:** Tâm chẳng có ghét, giận, các não chẳng chương ngại, cũng chẳng bị ưu sầu, và bị chửi rủa. Lại chẳng có kinh sợ, chẳng bị đao gây hại, cũng chẳng bị xua đuổi, do an trụ nơi nhĩ).

**14.2.2.2.3. Nói rõ “do trong tâm có thiện pháp, cho nên hạnh thành tựu”**

*(Kinh) Trí giả như thị, thiện tu kỳ tâm, năng trụ an lạc, như ngã thượng thuyết.*

**(經)智者如是，善修其心，能住安樂，如我上說。**

*(Kinh: Bậc trí như thế đó, khéo tu cái tâm mình, hay trụ trong an lạc, như ta đã nói trên).*

Nếu trong tâm chẳng có làm lỗi, sẽ như phần kinh văn Trường Hàng đã nói. Trong tâm có điều thiện thì như phần Kệ Tụng đã nói.

#### **14.2.2.2.2.4. Phẩm định công đức**

*(Kinh) Kỳ nhân công đức, thiên vạn ức kiếp, toán số thí dụ, thuyết bất năng tận.*

**(經)其人功德，千萬億劫，算數譬喻，說不能盡。**

*(Kinh: Công đức của người ấy, trải ngàn vạn ức kiếp, dùng toán số, thí dụ, vẫn chẳng thể nói hết).*

Phần thứ hai, “khâu An Lạc Hạnh” đã xong.

#### **14.2.2.3. Ý an lạc hạnh**

##### **14.2.2.3.1. Trường Hàng**

##### **14.2.2.3.1.1. Nêu đề mục**

*(Kinh) Hựu Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát Ma Ha Tát u hậu Mạt thế, pháp diệt thời, thọ trì, đọc tụng tư kinh điển giả.*

**(經)又文殊師利！菩薩摩訶薩於後末世，法欲滅時，受持，讀誦斯經典者。**

*(Kinh: Lại này Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát Ma Ha Tát vào cuối thời Mạt mai sau, khi pháp sắp diệt, thọ trì, đọc tụng kinh điển này).*

##### **14.2.2.3.1.2. Giải thích**

“Chỉ Hạnh” là áo, “Quán Hạnh” là tòa. “Đẹp khổ, ban vui” là nhà.

**14.2.2.3.1.2.1. Chỉ Hạnh**

**14.2.2.3.1.2.1.1. Chẳng ghen ghét, dối trá**

*(Kinh) Vô hoài tật đố, siểm cuống chi tâm.*

**(經)無懷嫉妬，諂誑之心。**

*(Kinh: Chẳng ôm lòng ghen ghét, siểm khúc, dối gạt).*

Chẳng chịu nổi người khác vẻ vang thì là “tật đố” (ghen ghét, ganh tỵ). Do vì tham nên sân; sân cấu nặng nề nhất. Cong vạy lừa gạt người khác thì gọi là Siểm. Giấu diếm chống đối, làm ra vẻ thuận tưng, chẳng kham rắn dạy, tham và si làm Thế, hết sức trái nghịch đạo. Dối trá làm ra vẻ có đức để mong cầu lợi dưỡng, thì gọi là Cuống. Do vì tham, si, đọa vào pháp tà mạng, xằng bậy tiếp nhận [người khác] cung kính, chúc khỏ vô cùng. Vì vậy, các cái tâm như vậy đều là chướng ngại to lớn cho người học đạo. Nếu có một thứ đó, còn chẳng thể đạt được Bồ Đề của Nhị Thừa, huống hồ hoàng dương, lưu thông đại pháp, thượng cầu, hạ hóa ư? An Lạc Hạnh Bồ Tát cần phải gấp trừ bỏ!

**14.2.2.3.1.2.1.2. Chẳng khinh rẻ, chửi bới**

*(Kinh) Diệc vật khinh mạ học Phật đạo giả, cầu kỳ trường đoản.*

**(經)亦勿輕罵學佛道者，求其長短。**

*(Kinh: Cũng chớ khinh rẻ, chửi bới người học Phật đạo, tìm kiếm điều hay, thói dở của họ).*

Họ đã phát tâm học Phật, tức là đã thuộc số các vị Phật trong vị lai. Dẫn cho tập tánh phiền não khác nhau, có hay, có dở, chỉ nên học theo điều hay của họ để tự mình được lợi ích, chớ bới tìm khuyết điểm để chống trái họ.

**14.2.2.3.1.2.1.3. Chẳng nã loạn**

*(Kinh) Nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cầu Thanh Văn giả, cầu Bích Chi Phật giả, cầu Bồ Tát đạo giả, vô đắc nã chi, linh kỳ nghi hối, ngữ kỳ nhân ngôn: “Nhữ đẳng khứ đạo thậm*

*viễn, chung bất năng đắc Nhất Thiết Chứng Trí. Sở dĩ giả hà? Nhữ thị phóng dật chi nhân, ư đạo giải đãi cố”.*

**(經)若比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷求聲聞者，求辟支佛者，求菩薩道者，無得惱之，令其疑悔，語其人言：「汝等去道甚遠，終不能得一切種智。所以者何？汝是放逸之人，於道懈怠故」。**

*(Kinh: Nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cầu Thanh Văn, cầu Bích Chi Phật, cầu Bồ Tát đạo, chẳng được nào loạn, khiến cho người ấy nghi ngờ, hối hận, chẳng được nói với người ấy: “Các người cách đạo rất xa, trọn chẳng thể đắc Nhất Thiết Chứng Trí. Vì lẽ nào vậy? Vì các người là kẻ buông lung, giải đãi nơi đạo”).*

Mỗi chúng trong tứ chúng đều có người cầu tam thừa. Tam thừa do họ cầu có ý nghĩa chung cho cả ba giáo Tạng, Thông, Biệt. Ba giáo pháp ấy đều là phương tiện thiện xảo của Như Lai, khéo khuyên dụ dần dần, vì Thật mà thực thi Quyền. Nếu tứ chúng có thể nương theo đó để cầu đạo, sẽ tự có thể dần dần được dẫn dắt trở về Viên. Nếu cậy mình hiểu biết Viên Giáo, chê trách họ cách đạo còn xa, tự cậy chính mình có đôi chút hạnh môn bèn quở trách họ buông lung, giải đãi; họ bị quở trách, sẽ sanh lòng ngờ vực, hối hận, sẽ chẳng thể tiến lên nắm giữ viên lý, sẽ lui sụt, chẳng thể tuân thủ ba Quyền giáo. Đây chính là não loạn hành nhân, chuốc lỗi chẳng nhỏ vậy! Nếu biết căn cơ và có trí nhãn thì có thể tán đồng hay phủ quyết thích nghi!

#### **14.2.2.3.1.2.1.4. Chẳng tranh giành**

*(Kinh) Hựu diệc bất ưng hý luận chư pháp, hữu sở tranh cạnh.*

**(經)又亦不應戲論諸法，有所爭競。**

*(Kinh: Lại cũng chẳng nên hý luận các pháp, có những chuyện tranh đua).*

Người thuộc địa vị Danh Tự hiểu văn nghĩa sơ sài, chưa thể niệm nào cũng quán tâm, thường đối với chuyện giải thích văn nghĩa dấy lên chuyện tranh cãi. Chỉ riêng tranh cãi kiêu đó, đã gọi là Hý Luận. Huống

hồ kẻ có tập khí buông lung, ăn nói trào phúng, bỡn cợt, khiến cho tâm thần ô trược, tán loạn, tăng trưởng sự buông lung, chẳng phải là An Lạc Hạnh. Rất nên răn dè!

Phần thứ nhất, Chỉ Hạnh đã xong.

#### **14.2.2.3.1.2.2. Quán Hạnh**

##### **14.2.2.3.1.2.2.1. Dùng đại bi tưởng để đối trị sự ghen ghét, dối trá**

*(Kinh) Đương u nhất thiết chúng sanh, khởi đại bi tưởng.*

**(經)當於一切眾生，起大悲想。**

*(Kinh: Hãy nên phát khởi ý tưởng đại bi đối với hết thảy chúng sanh).*

Đã dấy lòng đại bi, thì sẽ dẹp khổ, há còn nở lòng ghen ghét, siểm khúc, dối gạt ư?

##### **14.2.2.3.1.2.2.2. Tưởng như cha lành để đối trị sự khinh rẻ, chửi mắng**

*(Kinh) Ư chư Như Lai, khởi từ phụ tưởng.*

**(經)於諸如來，起慈父想。**

*(Kinh: Đối với các đức Như Lai, tưởng như cha lành).*

Đã học Phật đạo, tức là vị lai Phật. Phật chính là vị cha đại từ bi của chúng ta, há có thể khinh rẻ, chửi mắng, bới móc điều hay, thói dở của người ấy nữa chăng?

##### **14.2.2.3.1.2.2.3. Tưởng như đại sư để đối trị sự náo loạn**

*(Kinh) Ư chư Bồ Tát, khởi đại sư tưởng. Ư thập phương chư đại Bồ Tát, thường ưng thâm tâm, cung kính lễ bái.*

**(經)於諸菩薩，起大師想。於十方諸大菩薩，常應深心，恭敬禮拜。**



*(Kinh: Đối với các Bồ Tát, khởi lên ý tưởng coi như đại sư. Đối với các vị Bồ Tát trong mười phương, thường hãy nên thâm tâm cung kính lễ bái).*

Tứ chúng trong tam thừa, không ai chẳng phải là Bồ Tát, có đức hạnh giáo huấn, đều là thầy của chúng sanh, thường phải nên thâm tâm kính lễ, há có nên nào loạn khiến cho họ hoài nghi ư?

#### **14.2.2.3.1.2.2.4. Bình đẳng thuyết pháp để đối trị sự tranh chấp**

*(Kinh) U nhất thiết chúng sanh, bình đẳng thuyết pháp. Dĩ thuận pháp cố, bất đa, bất thiếu, nãi chí thâm ái pháp giả, diệc bất vị đa thuyết.*

**(經)於一切眾生，平等說法。以順法故，不多，不少。乃至深愛法者，亦不為多說。**

*(Kinh: Đối với hết thảy chúng sanh, bình đẳng thuyết pháp. Vì thuận theo pháp, cho nên [thuyết pháp] chẳng nhiều, chẳng ít. Thậm chí đối với kẻ yêu mến pháp sâu xa, cũng chẳng vì họ nói nhiều).*

Văn tùy nghĩa, nghĩa tùy văn, thì gọi là bình đẳng. Bình đẳng thì chẳng thiên lệch, chấp trước, cho nên chẳng dấy lên tranh chấp. “*Dĩ thuận pháp cố, bất đa, bất thiếu*” (Vì thuận theo pháp, cho nên [thuyết pháp] chẳng nhiều, chẳng ít): Cần nhắc căn cơ là lợi hay độn, thuận theo căn khí mà trao truyền. Nói nhiều sẽ trở thành hý luận, do kẻ đó chẳng kham lãnh nhận, thông hiểu, chỉ uổng phí văn từ, chẳng có lợi ích thật sự. Nếu có thể lãnh nhận, giải ngộ, sẽ như long vương Sa Kiệt La tuôn mưa xuống biển cả, cho đến vi trần nói, cỗi nước nói, vẫn chẳng là nhiều.

Phần thứ hai là giải thích đã xong.

#### **14.2.2.3.1.3. Kết lại hạnh thành tựu**

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thị Bồ Tát Ma Ha Tát ư hậu Mạt thế, pháp diệt thời, hữu thành tựu thị đệ tam an lạc hạnh giả, thuyết thị pháp thời, vô năng nào loạn.*

**(經)文殊師利！是菩薩摩訶薩於後末世，法欲滅時，有成就是第三安樂行者，說是法時，無能惱亂。**

*(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát trong cuối đời Mạt mai sau, khi pháp sắp diệt, hễ thành tựu hạnh an lạc thứ ba này, lúc nói pháp này, sẽ chẳng có gì có thể nào loạn được).*

Đây là do Chỉ Hạnh mà thành, sự ác chẳng thể quấy nhiễu được!

*(Kinh) Đắc hảo đồng học, cộng đọc tụng thị kinh, diệc đắc đại chúng nhi lai thính thọ. Thính dĩ năng trì. Trì dĩ năng tụng. Tụng dĩ năng thuyết. Thuyết dĩ năng thư. Nhược sử nhân thư, cúng dường kinh quyển, cung kính, tôn trọng, tán thán.*

**(經)得好同學，共讀誦是經，亦得大眾而來聽受。聽已能持。持已能誦。誦已能說。說已能書。若使人書，供養經卷，恭敬，尊重，讚歎」。**

*(Kinh: Có đồng học tốt đẹp cùng đọc tụng kinh này, cũng được đại chúng đến nghe nhận. Nghe rồi có thể trì, trì rồi có thể tụng, tụng rồi có thể nói, nói rồi có thể biên chép. Nếu có thể khiến cho người khác biên chép, cúng dường kinh quyển, cung kính, tôn trọng, tán thán).*

Điều này do Quán Hạnh mà thành: Người thù thắng nhóm đến.  
Phần Trường Hàng của Ý An Lạc Hạnh đã xong.

#### 14.2.2.3.2. Kệ tụng

Lược đi không trùng tụng phần nêu đề mục.

##### 14.2.2.3.2.1. Trùng tụng phần giải thích

##### 14.2.2.3.2.1.1. Trùng tụng Chỉ Hạnh

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược dục thuyết thị kinh, đương xả tật, khuể, mạn, siểm cuồng, tà ngụy tâm, thường tu chất trực hạnh, bất khinh miệt u nhân, diệc bất hý luận pháp, bất linh tha nghi hối, vân nhữ bất đắc Phật.*

**(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若欲說是經，當捨嫉恚慢，諂誑邪偽心，常修質直行，不輕蔑於人，亦不戲論法，不令他疑悔，云汝不得佛。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu muốn nói kinh này, nên bỏ ghen, giận, mạn, siểm cuống, tâm tà ngụy, thường tu hạnh chất trực, chẳng khinh miệt người khác, cũng chẳng hý luận pháp, chẳng khiến họ nghi hối, nói “ngươi chẳng thành Phật”).*

Bốn câu đầu trùng tụng điều thứ nhất “không ghen ghét, dối gạt”. Hai chữ “khuể mạn” (sân hận và ngạo mạn) chính là cái gốc của ghen ghét. Hai chữ “tà ngụy” là cước chú của “siểm cuống”. “Thường tu hạnh chất trực” (Thường tu hạnh chất trực) chính là nói đến cách đối trị. Câu thứ năm trùng tụng điều thứ hai tức “chẳng khinh rẻ, chửi rủa”. Câu thứ sáu trùng tụng điều thứ tư “chẳng tranh giành”. Hai câu cuối, trùng tụng điều thứ ba “chẳng não loạn”.

#### 14.2.2.3.2.1.2. Trùng tụng Quán Hạnh

*(Kinh) Thị Phật tử thuyết pháp, thường nhu hòa năng nhẫn, từ bi u nhất thiết, bất sanh giải đãi tâm. Thập phương đại Bồ Tát, mãn chúng cố hành đạo. Ứng sanh cung kính tâm, thị tác ngã đại sư. Ư chư Phật Thế Tôn, sanh vô thượng phụ tướng, phá u kiêu mạn tâm, thuyết pháp vô chướng ngại.*

**(經)是佛子說法，常柔和能忍，慈悲於一切，不生懈怠心。十方大菩薩，愍眾故行道。應生恭敬心，是則我大師。於諸佛世尊，生無上父想，破於憍慢心，說法無障礙**

。

*(Kinh: Phật tử ấy thuyết pháp, thường nhu hòa, nhẫn nhục, từ bi với hết thảy, chẳng sanh tâm giải đãi. Mười phương đại Bồ Tát, thương chúng sanh hành đạo. Nên sanh tâm cung kính, coi là bậc đại sư. Với chư Phật Thế Tôn, nghĩ cha lành vô thượng, phá cái tâm kiêu mạn, thuyết pháp chẳng chướng ngại).*

Bài kệ thứ nhất, trùng tụng điều thứ nhất là “đại bi tướng”. Bài kệ thứ hai, trùng tụng điều thứ ba “tướng như đại sư”. Nửa bài kệ kế đó, trùng tụng điều thứ hai “tướng như cha lành”. Nửa bài kệ cuối, trùng tụng điều thứ tư “bình đẳng thuyết pháp”.

Phần thứ nhất, “trùng tụng lời giải thích” đã xong.

#### **14.2.2.3.2.2. Trùng tụng hạnh thành tựu**

*(Kinh) Đệ tam pháp như thị, trí giả ưng thủ hộ, nhất tâm an lạc hạnh, vô lượng chúng sở kính.*

**(經)第三法如是，智者應守護，一心安樂行，無量眾所敬。**

*(Kinh: Pháp thứ ba như thế, bậc trí nên thủ hộ, nhất tâm an lạc hạnh, vô lượng chúng cùng kính).*

Phần thứ ba, Ý An Lạc Hạnh đã xong.

#### **14.2.2.4. Thệ nguyện an lạc hạnh**

##### **14.2.2.4.1. Trường Hàng**

##### **14.2.2.4.1.1. Nêu ra hành pháp**

##### **14.2.2.4.1.1.1. Nêu đề mục**

*(Kinh) Hựu Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát Ma Ha Tát w hậu Mạt thế, pháp diệt thời, hữu trì thị Pháp Hoa kinh giả.*

**(經)又文殊師利！菩薩摩訶薩於後末世，法欲滅時，有持是法華經者。**

*(Kinh: Lại này Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát Ma Ha Tát trong đời Mạt mai sau, lúc pháp sắp diệt, có người trì kinh Pháp Hoa này).*

##### **14.2.2.4.1.1.2. Giải thích**

##### **14.2.2.4.1.1.2.1. Nêu rõ cảnh sở duyên của thệ nguyện**

*(Kinh) Ư tại gia, xuất gia nhân trung, sanh đại từ tâm. Ư phi Bồ Tát nhân trung, sanh đại bi tâm.*

**(經)於在家，出家人中，生大慈心。於非菩薩人中，生大悲心。**

*(Kinh: Đối với người tại gia, xuất gia, sanh tâm đại từ. Đối với kẻ chẳng phải là Bồ Tát, hãy sanh tâm đại bi).*

Đã phát tâm tam thừa xuất thế thì gọi là “*tại gia*”. Người xuất gia hoàn toàn chưa phát tâm thì gọi là “*phi Bồ Tát nhân*” (kẻ chẳng phải là Bồ Tát). Trong số người đã phát tâm, người chưa đoạn Thông Hoặc, ở trong tam giới, thì gọi là “*tại gia nhân*”. Đã đoạn Thông Hoặc, thoát khỏi tam giới, thì gọi là “*xuất gia nhân*”. Điều này bao gồm trọn hết ba thừa trong Tạng Giáo và Thông Giáo cũng như bốn mươi tâm trong Biệt Giáo. “*Phi Bồ Tát nhân*” bao gồm trọn hết lục đạo tứ sanh. Cảnh mười pháp giới như thế, mỗi cảnh đều có Khổ và Tập cần phải dẹp trừ, hãy đều nên khởi lòng đại bi. [Mỗi giáo] đều có Đạo và Diệt phải nên ban cho, đều phải nên dấy lòng đại từ. Nhưng người đã phát tâm, mầm thiện đã nảy sanh, do điều thiện ấy mà thành tựu tốt đẹp. Vì vậy, dấy lòng đại từ. Lòng từ ấy có thể dẹp trừ nổi khổ do Tam Hoặc. Kẻ chưa phát tâm, tập khí ác đặc biệt mạnh mẽ, do điều ác ấy phải nên cứu vớt, cho nên dấy lòng đại bi. Lòng bi ấy có thể ban cho niềm vui Tam Đức. Đó gọi là “*duyên theo Vô Tác Đế, dấy lên thệ nguyện Vô Tác*”.

#### 14.2.2.4.1.1.2.2. Nêu ra nguyên do của thệ nguyện

*(Kinh) Ứng tác thị niệm: Như thị chi nhân, tắc vi đại thất. Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp, bất văn, bất tri, bất giác, bất vấn, bất tín, bất giải.*

**(經)應作是念：如是之人，則為大失。如來方便隨宜說法，不聞，不知，不覺，不問，不信，不解。**

*(Kinh: Hãy nên nghĩ như thế này: Người như thế chính là bị mất mát to lớn. Đối với phương tiện tùy nghi thuyết pháp của Như Lai, [kẻ đó] chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu).*

“*Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp*” là nói chung giáo pháp trong cả một đời [đức Phật], dù Đốn hay Tiệm, dù Đại hay Tiểu, dù

Viên hay Thiên, dù Hiền hay Mật, hoặc định, bất định, cho đến nói kèm theo, hoặc nói đơn độc, hoặc là đối lập, hoặc dung hòa, hoặc khai, hoặc hiển, hoặc phé, hoặc lập, mỗi mỗi đều là phương tiện thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn! Mỗi mỗi đều là tùy thuận thích đáng với chúng sanh. Kẻ chẳng phải là Bồ Tát sẽ chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay Quyền pháp. Tại gia, xuất gia Bồ Tát chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu diệu pháp. Do chẳng nghe, cho nên chẳng có Văn Huệ nơi tam thừa. Do chẳng biết, cho nên chẳng có Tư Huệ nơi tam thừa. Do chẳng hay, nên chẳng có Tu Huệ nơi tam thừa. Do chẳng hỏi, nên chẳng có Văn Huệ nơi Nhất Thừa. Do chẳng tin, nên chẳng có Tư Huệ nơi Nhất Thừa. Do chẳng hiểu, nên chẳng có Tu Huệ nơi Nhất Thừa. Đây đều là vì mê đối với Đạo và Diệt nơi Bản, cho nên đều là các thứ Khổ và Tập trong và ngoài tam giới, chẳng thấu đạt bản thể của Khổ và Tập chính là Đạo, Diệt! Đây chính là nguyên do dấy lên thế nguyện rộng lớn!

#### **14.2.2.4.1.1.2.3. Chánh lập thế nguyện**

*(Kinh) Kỳ nhân tuy bất vấn, bất tín, bất giải thị kinh, ngã đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thời, tùy tại hà địa, dĩ thân thông lực, trí huệ lực, dẫn chi linh đắc trụ thị pháp trung.*

**(經)其人雖不問，不信，不解是經，我得阿耨多羅三藐三菩提時，隨在何地，以神通力，智慧力，引之令得住是法中。**

*(Kinh: Người ấy tuy chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, khi ta đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ tùy theo người ấy thuộc địa vị nào mà dùng sức thần thông, sức trí huệ dẫn dắt, khiến cho người ấy được trụ trong pháp này).*

Trong phần trước đã nói về nguyên do của sự thế nguyện, cùng nêu ra chẳng có Tam Huệ Quyền Thật. Nay chỉ xét theo “không có Viên Giác Tam Huệ” để lập thế. Do Thật có thể nhiếp Quyền, chỉ thiếu Viên huệ, vẫn còn đáng thương! Huống hồ những kẻ đang trầm mê, càng phải nên đau đáu xót thương. “Thần thông lực” chính là sức từ “áo Như Lai” và “nhà Như Lai”, chẳng khởi Diệt Định, hiện các oai nghi. Trước hết, dùng Định để lay động họ. “Trí huệ lực” là sức từ “tòa của Như Lai”, từ

biện tài trang nghiêm. Sau đó, dùng Huệ để cứu bạt, dẫn dắt họ trụ trong pháp này, ắt vì Thật mà thực hiện Quyền, khai Quyền hiển Thật.

Phần thứ hai, “giải thích” đã xong.

#### **14.2.2.4.1.1.3. Kết luận về hạnh thành tựu**

##### **14.2.2.4.1.1.3.1. Nói về lừa dối**

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thị Bồ Tát Ma Ha Tát ư Như Lai diệt hậu, hữu thành tựu thứ đệ tứ pháp giả, thuyết thị pháp thời, vô hữu quá thất.*

**(經)文殊師利！是菩薩摩訶薩於如來滅後，有成就此第四法者，說是法時，無有過失。**

*(Kinh: Đây Văn Thù Sư Lợi! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy sau khi Như Lai diệt hậu, thành tựu pháp thứ tư này, lúc nói pháp này, sẽ chẳng có lầm lỗi).*

Dây lòng đại từ bi là thành tựu hạnh “nhập Như Lai thất”. Biết các Bồ Tát, chẳng phải Bồ Tát v.v... đánh mất Tam Huệ Quyền Thật, chính là thành tựu hạnh “ngôi tòa Như Lai”. Hoàng thệ chế phục cái tâm, từ đầu tới cuối chẳng mệt mỏi, chính là thành tựu hạnh “áo của Như Lai”. Do thành tựu hạnh “Như Lai thất” (nhà của Như Lai), chẳng có lỗi lầm sâu cấu. Do thành tựu hạnh “ngôi tòa Như Lai”, chẳng có lỗi lầm siểm khúc, dối lừa. Do thành tựu hạnh “áo Như Lai”, chẳng có lỗi lầm giải đãi. Đã tự dẹp khổ, lại còn dẹp khổ trọn khắp cho người khác, có ý nghĩa giống như thành tựu Chỉ Hạnh.

##### **14.2.2.4.1.1.3.2. Nêu ra lợi ích**

###### **14.2.2.4.1.1.3.2.1. Nêu ra điều lợi ích**

*(Kinh) Thường vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, đại thân, nhân dân, Bà-la-môn, cư sĩ đẳng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Hư không chư thiên vị thính pháp cố, diệt thường tùy thị. Nhược tại tụ lạc, thành ấp, không nhân, lâm trung, hữu nhân lai dục nạn vấn giả, chư thiên trú dạ thường vị pháp cố, nhi vệ hộ chi, năng linh thính giả giai đắc hoan hỷ.*

**(經)常為比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、國王、王子、大臣、人民、婆羅門、居士等供養，恭敬，尊重，讚歎。虛空諸天為聽法故，亦常隨侍。若在聚落，城邑，空閑，林中，有人來欲難問者，諸天晝夜常為法故，而衛護之，能令聽者皆得歡喜。**

*(Kinh: Thường được tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, Bà-la-môn, cư sĩ v.v... cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Chư thiên trong hư không vì nghe pháp, cũng thường theo hầu. Nếu ở trong xóm làng, thành ấp, chỗ thanh vắng, hoặc trong rừng, có người đến muốn vấn hỏi, chư thiên ngày đêm thường vì pháp mà bảo vệ, khiến cho người nghe đều được hoan hỷ).*

Do thành tựu hạnh “*Như Lai thất*”, được trời, người cúng dường. “*Tùy thị thính pháp*” (Theo hầu nghe pháp) là hạnh “*áo Như Lai*” thành tựu. “*Chư thiên bảo vệ, [kẻ khác] chẳng thể vấn hỏi*” là do hạnh “*tòa Như Lai*” thành tựu. Người nghe hoan hỷ là tự mình đã đạt được an lạc, làm cho trọn khắp người khác cũng được vui sướng, có ý nghĩa giống như Quán Hạnh thành tựu!

#### 14.2.2.4.1.3.2.2. Kết lại lời giải thích

*(Kinh) Sở dĩ giả hà? Thử kinh thị nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật thần lực sở hộ cố.*

**(經)所以者何？此經是一切過去，未來，現在諸佛神力所護故。**

*(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Do kinh này được gia hộ bởi thần lực của hết thảy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật).*

Tam thế chư Phật đều cùng thủ hộ kinh điển mâu nhiệm như thế. Người nói kinh há chẳng đạt được lợi ích to lớn như vậy ư?

Phần thứ nhất, “nói về hành pháp” đã xong.

#### 14.2.2.4.1.2. Tán thán kinh



**14.2.2.4.1.2.1. Dựa theo pháp, tán thán đại lược**

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thị Pháp Hoa kinh u vô lượng quốc trung, nãi chí danh tự bất khả đắc văn, hà hưởng đắc kiến thọ trì, đọc tụng.*

**(經)文殊師利！是法華經於無量國中，乃至名字不可得聞，何況得見受持，讀誦。**

*(Kinh: Đây Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này trong vô lượng cõi, thậm chí còn chẳng thể được nghe danh tự, hưởng hồ là được thấy, thọ trì, đọc tụng).*

Chư Phật xuất thế lâu xa khó gặp gỡ. Ngay như khi Phật xuất thế, [vẫn phải] giữ kín điều trọng yếu này đã lâu. Vì thế, nghe tên còn chẳng thể được, hưởng hồ được thấy ư? Huống hồ thọ trì ư? Huống hồ đọc tụng ư? Có nghĩa là nay được thấy, thọ trì, đọc tụng [kinh này], thì chính là nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn, hãy nên trân trọng, tu hành đúng như lời dạy.

**14.2.2.4.1.2.2. Dùng thí dụ để tán thán cận kề**

**14.2.2.4.1.2.2.1. Thí dụ chẳng ban cho viên châu**

**14.2.2.4.1.2.2.1.1. Lập thí dụ**

**14.2.2.4.1.2.2.1.1.1. Oai thế chế phục các nước**

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thí như cường lực Chuyển Luân Thánh Vương, dục dĩ oai thế hàng phục chư quốc.*

**(經)文殊師利！譬如強力轉輪聖王，欲以威勢降伏諸國。**

*(Kinh: Đây Văn Thù Sư Lợi! Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có sức mạnh mẽ, muốn dùng oai thế để hàng phục các nước).*

Luân Vương ví như Như Lai hóa độ cõi đời. “Chư quốc” ví như các cảnh Âm, Nhập, Giới.

**14.2.2.4.1.2.2.1.1.2. Tiểu vương chẳng tuân phục**

*(Kinh) Nhi chư tiểu vương bất thuận kỳ mạng.*

**(經)而諸小王不順其命。**

*(Kinh: Nhưng các tiểu vương chẳng tuân theo mạng lệnh vua).*

“Tiểu vương” ví như các phiến não ma “kiến, ái” v.v... tức là phùng giặc cướp thường được gọi là “vua trong rừng”. Chưa được vô lậu điều phục thì gọi là “bất thuận kỳ mạng”.

#### **14.2.2.4.1.2.2.1.1.3. Khởi binh thảo phạt**

*(Kinh) Thời, Chuyển Luân Vương khởi chủng chủng binh, nhi vãng thảo phạt.*

**(經)時，轉輪王起種種兵，而往討伐。**

*(Kinh: Khi đó, Chuyển Luân Vương dấy các thứ quân tới đánh dẹp).*

Giới như áo giáp cứng, Định như doanh trại, thành lũy. Huệ như vũ khí sắc bén, Phương pháp trong Thất Hiền như tiền quân. Phương pháp của Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm là thứ quân. Phương pháp của A Na Hàm, A La Hán là hậu quân. Đối tượng bị phá là tám vạn bốn ngàn loại giặc cướp như Tam Độc v.v... Người phá giặc chính là binh lính tám vạn bốn ngàn pháp môn (tức tám vạn bốn ngàn pháp uẩn trong Tiểu Thừa).

#### **14.2.2.4.1.2.2.1.1.4. Do [binh tướng] có công nên hoan hỷ ban thưởng**

*(Kinh) Vương kiến binh chúng chiến hữu công giả, tức đại hoan hỷ, tùy công thưởng tứ. Hoặc dĩ điền trạch, tỵ lạc, thành ấp, hoặc dĩ y phục, nghiêm thân chi cụ, hoặc dĩ chủng chủng trân bảo, kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, tượng, mã, xa thặng, nô tỳ, nhân dân.*

**(經)王見兵眾戰有功者，即大歡喜，隨功賞賜。或與田宅，聚落，城邑。或與衣服，嚴身之具。或與種種珍寶，金，銀，琉璃，磲磔，碼瑙，珊瑚，琥珀，象，馬，車乘，奴婢，人民。**

## **Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2**

*(Kinh: Vua thấy các binh sĩ chiến đấu có công, liền hết sức hoan hỷ, tùy theo công mà ban thưởng. Hoặc ban cho ruộng, nhà, làng xóm, thành ấp. Hoặc ban cho y phục, vật dụng trang hoàng nơi thân. Hoặc ban cho các thứ trân bảo, vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, nhân dân).*

Ruộng ví như Thiên Định, nhà ví như giải thoát, làng xóm ví như Sơ Quả, Nhị Quả. Ấp sánh ví Tam Quả. Thành ví như Niết Bàn, tức đệ tứ quả. Y phục ví như Tâm, Nhẫn, các thiện pháp. Vật dụng trang sức thân thể ví như hết thảy thiện pháp trợ đạo. Các thứ bầy báu ví như bầy khoa vô lậu đạo phẩm. Voi, ngựa, xe cộ ví như Tận Trí và Vô Sanh Trí của Nhị Thừa. Nô tỳ ví như thân thông. Nhân dân ví như thiện pháp hữu lậu.

### **14.2.2.4.1.2.2.1.1.5. Chỉ không ban cho bảo châu**

*(Kinh) Duy kể trung minh châu, bất dĩ dĩ chi. Sở dĩ giả hà? Độc vương đành thượng hữu thử nhất châu. Nhược dĩ dĩ chi, vương chư quyền thuộc tất đại kinh quái.*

**(經)唯髻中明珠，不以與之。所以者何？獨王頂上有此一珠。若以與之，王諸眷屬必大驚怪。**

*(Kinh: Chỉ có viên minh châu trong búi tóc là chẳng dùng để ban cho. Vì lẽ nào vậy? Chỉ riêng trên đỉnh đầu nhà vua có một viên châu ấy. Nếu đem cho thì các quyền thuộc của nhà vua sẽ hết sức kinh hãi, ngạc nhiên).*

Có kẻ căn cơ “thoát khỏi Phân Đoạn” dấy động thì gọi là “*tiểu công huân*”. Có kẻ căn cơ “thoát khỏi Biến Dịch” dấy động thì là “*đại công huân*”. Nếu chưa được Đại Thừa huân tập, bỗng ban cho viên châu trong búi tóc, quyền thuộc sẽ kinh hoảng, ngạc nhiên. Ví như căn cơ Đại Thừa của chúng sanh chưa phát khởi, bỗng nói kinh này, không chỉ Nhị Thừa nghi hoặc, ngay cả Bồ Tát cũng kinh động, lẩy làm lạ.

Phân thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

### **14.2.2.4.1.2.2.1.2. Đối ứng thí dụ với pháp**

**14.2.2.4.1.2.2.1.2.1. Đối ứng thí dụ oai thế hàng phục các nước với pháp**

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Như Lai diệt phục như thị, dĩ Thiên Định, trí huệ lực, đắc pháp quốc độ, vương ư tam giới.*

**(經)文殊師利！如來亦復如是，以禪定，智慧力，得法國土，王於三界。**

*(Kinh: Này Văn Thù Sư Lợi! Như Lai cũng giống như thế, dùng sức Thiên Định và trí huệ, đạt được cõi nước pháp, làm vua trong tam giới).*

“Thiên Định, trí huệ lực, đắc pháp quốc độ”: Thiên Định là hạnh từ nhẫn thành tựu. Phước đức trang nghiêm là giải thoát đức. Trí huệ là do hạnh “Không tòa” thành tựu. Trí huệ trang nghiêm chính là Bát Nhã đức. Dùng hai phép tu ấy để hiển thị một tánh, tương ứng với [thí dụ] Chuyển Luân Thánh Vương trong phần trên. Tuy là dòng dõi nhà vua, do có sức mạnh mẽ, cho nên được lên ngôi cao tột; vì thế nói “*đắc pháp quốc độ*” (đạt được cõi nước pháp), tức là chúng cõi Thường Tịch Quang. “*Vương ư tam giới*” (Vua trong tam giới): Thống nhiếp ba cõi Thật Báo, Phương Tiện và Đồng Cư, tương ứng với “*dục dĩ oai thế hàng phục chư quốc*” (muốn dùng oai thế hàng phục các nước), khiến cho họ đoạn Tam Hoặc, thoát khỏi hai loại tử (Biến Dịch và Phần Đoạn), thuận theo pháp tánh.

**14.2.2.4.1.2.2.1.2.2. Đối ứng thí dụ “tiểu vương chẳng thuận tùng” với pháp**

*(Kinh) Nhi chư ma vương, bất khảng thuận phục.*

**(經)而諸魔王，不肯順伏。**

*(Kinh: Nhưng các ma vương chẳng chịu thuận theo, phục tùng).*

Nơi tam giới thuộc Đồng Cư bèn có ma vương Ái Kiến (Kiến Tư Hoặc), tam giới trong cõi Phương Tiện thì có ma vương Trần Sa, tam giới trong Thật Báo thì có ma vương Vô Minh. Chúng đều chẳng thuận theo pháp tánh.

**14.2.2.4.1.2.2.1.2.3. Đối ứng với pháp chuyện dấy binh chinh phạt**

*(Kinh) Như Lai hiện thánh chư tướng, dữ chi cộng chiến.*

**(經)如來賢聖諸將，與之共戰。**

*(Kinh: Các tướng hiền thánh của Như Lai cùng chiến đấu với bọn chúng).*

Tức là Thất Hiền tiên quân cho đến Tứ Quả hậu quân, giao chiến với các phiến não ái kiến trong tam giới.

**14.2.2.4.1.2.2.1.2.4. Đối ứng với pháp chuyện “có công được vua hoan hỷ ban thưởng”**

*(Kinh) Kỳ hữu công giả, tâm diệt hoan hỷ, u tứ chúng trung, vị thuyết chư kinh, linh kỳ tâm duyệt. Tứ dĩ Thiên Định, giải thoát, vô lậu, căn, lực chư pháp chi tài. Hựu phục tứ dữ Niết Bàn chi thành, ngôn đắc diệt độ, dẫn đạo kỳ tâm, linh giai hoan hỷ.*

**(經)其有功者，心亦歡喜，於四眾中，為說諸經，令其心悅。賜以禪定，解脫，無漏，根，力諸法之財。又復賜與涅槃之城，言得滅度，引導其心，令皆歡喜。**

*(Kinh: Do họ có công, tâm Phật cũng hoan hỷ, ở trong tứ chúng, vì họ nói các kinh, khiến cho tâm họ vui sướng. Ban cho các pháp tài như Thiên Định, giải thoát, vô lậu, căn, lực... Lại còn ban thưởng thành Niết Bàn, nói là “được diệt độ”, hướng dẫn tâm họ, khiến cho họ đều hoan hỷ).*

Có thể hàng phục kiến ái thì gọi là “có công”, những điều khác dễ hiểu!

**14.2.2.4.1.2.2.1.2.5. Đối ứng với pháp chuyện “chỉ không cho châu”**

*(Kinh) Nhi bất vị thuyết thị Pháp Hoa kinh.*

**(經)而不為說是法華經。**

*(Kinh: Nhưng chẳng vì họ nói kinh Pháp Hoa này).*

Tuy trừ trước chúng, căn cơ Đại Thừa chưa phát. Vì thế, chẳng vì họ nói. Phần thứ nhất, “thí dụ về chẳng cho viên minh châu” đã xong.

**14.2.2.4.1.2.2.2. Thí dụ ban cho viên châu**

**14.2.2.4.1.2.2.2.1. Lập thí dụ**

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Như Chuyển Luân Vương kiến chư binh chúng hữu đại công giả, tâm thậm hoan hỷ, dĩ thử nan tín chi châu, cửu tại kế trung, bất vọng dữ nhân, nhi kim dữ chi.*

**(經)文殊師利! 如轉輪王見諸兵眾有大功者, 心甚歡喜, 以此難信之珠, 久在髻中, 不妄與人, 而今與之。**

*(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Như vua Chuyển Luân thấy các quân lính có công to, tâm rất hoan hỷ, dùng viên châu khó tin ấy ở trong búi tóc đã lâu, chẳng tùy tiện cho người khác, mà nay đem cho).*

Như Ý châu vương tròn sáng ví như Trung Đạo Thật Trí, thể toàn vẹn ba đức, “viên” tức là Pháp Thân đức, “minh” tức là Bát Nhã đức. Châu Như Ý tuôn ra chất báu, tức Giải Thoát đức. Cự quả được tôn sùng, cho nên ở trên đỉnh đầu của vua. Kẻ bày tội từ trước tới nay chưa hề thấy nghe, vì thế gọi là “nan tín” (khó tin). Thật vì Quyền mà ẩn, cho nên nói “cửu tại kế trung” (ở trong búi tóc đã lâu). Tháo búi tóc tức là khai Quyền. “Cho châu” tức là hiển Thật.

**14.2.2.4.1.2.2.2.2. Đối ứng với pháp**

*(Kinh) Như Lai diệt phục như thị, w tam giới trung, vi đại pháp vương, dĩ pháp giáo hóa nhất thiết chúng sanh. Kiến hiện thánh quân, dữ ngũ ám ma, phiền não ma, tử ma cộng chiến, hữu đại công huân, diệt tam độc, xuất tam giới, phá ma vông. Nhĩ thời, Như Lai diệt đại hoan hỷ. Thử Pháp Hoa kinh năng linh chúng sanh chí Nhất Thiết Trí, nhất thiết thế gian đa oán, nan tín, tiên sở vị thuyết, nhi kim thuyết chi.*

**(經)如來亦復如是, 於三界中, 為大法王, 以法教化一切眾生。見賢聖軍, 與五陰魔, 煩惱魔, 死魔共戰, 有**

**大功勳，滅三毒，出三界，破魔網。爾時，如來亦大歡喜。此法華經能令眾生至一切智，一切世間多怨，難信，先所未說，而今說之。**

*(Kinh: Như Lai cũng giống như thế, ở trong tam giới, làm đại pháp vương, dùng pháp giáo hóa hết thấy chúng sanh. Thấy quân hiền thánh giao chiến với ngũ âm ma, phiền não ma, tử ma, có công huân to lớn, diệt tam độc, thoát tam giới, xé rách lưới ma. Lúc bấy giờ, Như Lai cũng rất hoan hỷ. Kinh Pháp Hoa này có thể khiến cho chúng sanh đạt tới Nhất Thiết Trí, hết thấy thế gian phân nhiều oán hận, khó tin, trước kia chưa từng nói mà nay nói ra).*

Kinh Đại Tập nói: “Tri khổ, hoại Âm Ma. Đoạn Tập, ly phiền não ma. Chứng Diệt, ly tử ma. Tu Đạo, hoại thiên tử ma” (Biết khổ, hoại Âm Ma. Đoạn Tập là phiền não ma. Chứng Diệt, là tử ma. Tu Đạo, hoại thiên ma). Đây là xét theo Tiểu Thừa phá tứ ma trong tam giới mà nói. Nhưng Tiểu Thừa tu đạo xuất thế, chỉ có thiên ma chẳng thể ngăn chướng, cho nên nói là “hoại thiên tử ma”. Thật ra, chưa thể hàng phục thiên ma.

Chỉ có Ứng Thân của Như Lai trong tám tướng thành đạo là thị hiện hàng phục thiên ma. Nay nói “dĩ ngũ âm ma, phiền não ma, tử ma cộng chiến, diệt tam độc, xuất tam giới” (cùng giao chiến với ngũ âm ma, phiền não ma, tử ma, diệt tam độc, ra khỏi tam giới), tức là thành tựu Phần Đoạn. Lại nói “hữu đại công huân, phá ma vông” (có công huân lớn, xé rách lưới ma), tức là căn cơ Đại Thừa đã phát khởi. Vì thế nói “đại hoan hỷ nhi thuyết thử nan tín chi diệu kinh” (rất hoan hỷ mà nói kinh màu nhiệm khó tin này).

***(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thử Pháp Hoa kinh thị chư Như Lai đệ nhất chi thuyết. Ư chư pháp trung, tối vi thâm thâm, mật hậu tứ dĩ, như bỉ cường lực chi vương, cứu hộ minh châu, kim nãi dĩ chi. Văn Thù Sư Lợi! Thử Pháp Hoa kinh chư Phật Như Lai bí mật chi tạng. Ư chư kinh trung, tối tại kỳ thượng, trường dạ thủ hộ, bất vọng tuyên thuyết. Thử w kim nhật, nãi dĩ nhữ đẳng nhi phu diễn chi.***

**(經)文殊師利！此法華經是諸如來第一之說。於諸法中，最為甚深，末後賜與，如彼強力之王，久護明珠，今乃與之。文殊師利！此法華經諸佛如來秘密之藏。於諸經中，最在其上，長夜守護，不妄宣說。始於今日，乃與汝等而敷演之」。**

*(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này là lời dạy bậc nhất của các Như Lai. Trong các pháp, rất sâu tột cùng, ban cho sau cùng, [giống như] mình châu được nhà vua mạnh mẽ gìn giữ lâu ngày, nay bèn ban cho. Nay Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của chư Phật Như Lai. Trong các kinh là tối thượng, đêm dài thủ hộ, chẳng tùy tiện tuyên nói. Ngày nay mới phô diễn cho các ông).*

Đã kết hợp pháp với thí dụ xong, lại nêu thí dụ nhằm phù hợp khí khai, ân cần tán thán, không gì chẳng trọn đủ. Muốn cho người nghe sanh ý tưởng khó gặp gỡ, nương vào An Lạc Hạnh để kính yêu, thọ trì, hoàng dương.

Phần Trường Hàng của thế nguyện An Lạc Hạnh đã xong.

#### 14.2.2.4.2. Kệ tụng

##### 14.2.2.4.2.1. Trùng tụng hành pháp

###### 14.2.2.4.2.1.1. Trùng tụng hạnh thành tựu

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thường hành hạnh nhẫn nhục, ai mãn nhất thiết, nãi năng diễn thuyết, Phật sở tán kinh.*

**(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「常行忍辱，哀愍一切，乃能演說，佛所讚經。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Thường hành hạnh nhẫn nhục, tâm xót thương hết cả, bèn có thể diễn nói, kinh được Phật tán thán).*

Trong phần trước đã nói chung hạnh thành tựu, nay trùng tụng sự hiển thị riêng biệt. Câu thứ nhất trùng tụng hạnh “mặc áo [Như Lai]” thành tựu. Câu kế tiếp, trùng tụng hạnh “nhập thất” (vào nhà Như Lai)



thành tựu. “*Diễn thuyết*” là trùng tụng hạnh “*ngồi tòa của Như Lai*” thành tựu.

#### **14.2.2.4.2.1.2. Truy tụng hành pháp**

##### **14.2.2.4.2.1.2.1. Trùng tụng cảnh sở duyên của thế nguyện**

*(Kinh) Hậu Mạt thế thời, trì thử kinh giả, u gia, xuất gia, cập phi Bồ Tát, ưng sanh từ bi.*

**(經)後末世時，持此經者，於家出家，及非菩薩，應生慈悲。**

*(Kinh: Vào đời Mạt sau này, người thọ trì kinh này, với tại gia, xuất gia, và chẳng phải Bồ Tát, nên sanh lòng từ bi).*

##### **14.2.2.4.2.1.2.2. Trùng tụng nguyên do dấy lên thế nguyện**

*(Kinh) Tư đẳng bất văn, bất tín thị kinh, tắc vi đại thất.*

**(經)斯等不聞，不信是經，則為大失。**

*(Kinh: Bọn họ chẳng được nghe, chẳng tin tưởng kinh này, chính là mất mát to lớn).*

##### **14.2.2.4.2.1.2.3. Trùng tụng lập thế nguyện**

*(Kinh) Ngã đắc Phật đạo, dĩ chư phương tiện, vị thuyết thử pháp, linh trụ kỳ trung.*

**(經)我得佛道，以諸方便，為說此法，令住其中。**

*(Kinh: Ta đã đắc Phật đạo, bèn dùng các phương tiện, vì họ thuyết pháp này, khiến họ trụ trong đó).*

Phần thứ nhất, “trùng tụng hành pháp” đã xong.

##### **14.2.2.4.2.2. Trùng tụng tán thán kinh**

Chỉ trùng tụng phần dựa theo thí dụ để rộng tán thán, chẳng trùng tụng sự tán thán đại lược dựa theo pháp. Phần Trường Hàng lại có hai thí dụ và hai phần đối ứng thí dụ với pháp, nay kê tụng chia thành hai phần:

Một là trùng tụng chung hai thí dụ. Hai là trùng tụng chung hai phần đối ứng với pháp.

#### **14.2.2.4.2.2.1. Trùng tụng chung hai thí dụ**

*(Kinh) Thí như cường lực, Chuyển Luân chi vương, binh chiến hữu công, thưởng tứ chư vật, tượng, mã, xa thặng, nghiêm thân chi cụ, cấp chư điền trạch, tុ lạc, thành ấp, hoặc dĩ y phục, chủng chủng trân bảo, nô tỳ, tài vật, hoan hỷ tứ dĩ. Như hữu dũng kiện, năng vi nan sự, vương giải kế trung, minh châu tứ chi.*

**(經)譬如強力，轉輪之王，兵戰有功，賞賜諸物，象馬車乘，嚴身之具，及諸田宅，聚落城邑，或與衣服，種種珍寶，奴婢財物，歡喜賜與。如有勇健，能為難事，王解髻中，明珠賜之。**

*(Kinh: Ví như vua mạnh mẽ, bậc Chuyển Luân thánh vương, quân chiến đấu có công, ban thưởng cho các vật, voi, ngựa, và xe cộ, các vật trang nghiêm thân, và thưởng cho ruộng nhà, thôn xóm, hoặc thành ấp, hoặc ban cho y phục, đủ mọi thứ trân bảo, nô tỳ và của cải, đều hoan hỷ thưởng cho. Như có kẻ mạnh mẽ, có thể làm chuyện khó, vua bèn tháo búi tóc, thưởng cho viên minh châu).*

Ba bài kệ đầu trùng tụng thí dụ “chẳng ban cho bảo châu”, bài kệ cuối cùng trùng tụng thí dụ “ban thưởng bảo châu”.

#### **14.2.2.4.2.2.2. Trùng tụng hai phần đối ứng với pháp**

*(Kinh) Như Lai diệt nhĩ, vi chư pháp vương, nhĩ nhục đại lực, trí huệ bảo tạng, dĩ đại từ bi, như pháp hóa thế. Kiến nhất thiết nhân, thọ chư khổ não, dục cầu giải thoát, dĩ chư ma chiến. Vị thị chúng sanh, thuyết chủng chủng pháp. Dĩ đại phương tiện, thuyết thử chư kinh. Ký tri chúng sanh, đắc kỳ lực dĩ, mặt hậu nãi vị, thuyết thị Pháp Hoa. Như vương giải kế, minh châu dĩ chi. Thử kinh vi tôn, chúng sanh trung thượng. Ngã thường thủ hộ, bất vọng khai thị. Kim chánh thị thời, vị nhữ đẳng thuyết.*

**(經)如來亦爾，為諸法王，忍辱大力，智慧寶藏，以大慈悲，如法化世。見一切人，受諸苦惱，欲求解脫，與諸魔戰。為是眾生，說種種法。以大方便，說此諸經。既知眾生，得其力已，末後乃為，說是法華。如王解髻，明珠與之。此經為尊，眾經中上。我常守護，不妄開示。今正是時，為汝等說。**

*(Kinh: Như Lai cũng như thế, là vua của các pháp, sức nhẫn nhục to lớn, có kho báu trí huệ, do lòng đại từ bi, đúng như pháp độ đời. Thấy hết thấy mọi người, đang chịu các khổ não, mong muốn được giải thoát, cùng các ma chiến đấu. Bèn vì chúng sanh ấy, nói ra các thứ pháp. Dùng phương tiện to lớn, để nói các kinh điển. Đã biết các chúng sanh, đều đắc lực cả rồi, cuối cùng sẽ vì họ, nói kinh Pháp Hoa này. Như vua gỡ búi tóc, đem minh châu ban cho. Kinh này đáng tôn quý, đứng đầu trong các kinh. Ta thường luôn thủ hộ, chẳng tùy tiện khai thị. Nay chính là phải lúc, bèn vì các ông nói).*

Ba bài kệ rưới đầu trùng tụng đối ứng pháp với thí dụ “chẳng cho châu”. Ba bài kệ sau, trùng tụng đối ứng pháp với chuyện “cho châu”.

Phần thứ hai, “giải thích phương pháp tu hành” đã xong.

### ***14.2.3. Nêu chung tướng thực hành thành tựu***

#### ***14.2.3.1. Kết khuyến tứ hạnh***

*(Kinh) Ngã diệt độ hậu, cầu Phật đạo giả, dục đắc an ổn, diễn thuyết tư kinh, ưng đương thân cận, như thị tứ pháp.*

**(經)我滅度後，求佛道者，欲得安隱，演說斯經，應當親近，如是四法。**

*(Kinh: Sau khi ta diệt độ, hễ ai cầu Phật đạo, mong muốn được an ổn, diễn nói bộ kinh này, thì phải nên thân cận, bốn pháp như thế đó).*

#### ***14.2.3.2. Nêu ra ba quả báo để khuyến nhủ***

Cũng gọi là “*ba chương thanh tịnh*”. Phần này lại chia thành ba tiểu đoạn:

**14.2.3.2.1. Chuyển báo chương, tức chuyển hiện báo**

*(Kinh) Độc thị kinh giả, thường vô ưu não, hựu vô bệnh thống, nhan sắc tiền bạch.*

**(經)讀是經者，常無憂惱，又無病痛，顏色鮮白。**

*(Kinh: Người đọc bộ kinh này, thường chẳng có ưu não, lại chẳng bị đau bệnh, vẻ mặt trắng, sáng tươi).*

Thường chẳng có ưu sầu, khổ não, [tức là] chuyển cái tâm trong hiện báo. Lại chẳng có bệnh khổ v.v... tức là chuyển sắc diện trong hiện báo.

**14.2.3.2.2. Chuyển nghiệp chương báo, tức là chuyển sanh báo**

*(Kinh) Bất sanh bần cùng, ty tiện xú lậu.*

**(經)不生貧窮，卑賤醜陋。**

*(Kinh: Chẳng sanh làm bần cùng, hèn hạ và xấu xí).*

Do cái nhân ác nghiệp, bèn cảm ác quả. Trì kinh thì sẽ chẳng tạo nghiệp bần tiện. Do vậy, chẳng sanh vào chỗ hèn tệ!

**14.2.3.2.3. Chuyển phiền não chương, tức là chuyển hậu báo**

**14.2.3.2.3.1. Nói riêng: Chuyển biến ba món phiền não chương**

**14.2.3.2.3.1.1. Chuyển tham chương**

*(Kinh) Chúng sanh nhạo kiến, như mộ hiền thánh. Thiên chư đồng tử, dĩ vi cấp sử.*

**(經)眾生樂見，如慕賢聖。天諸童子，以為給使。**

*(Kinh: Chúng sanh ưa thích thấy, như ngưỡng mộ hiền thánh. Các đồng tử cõi trời, sẽ làm kẻ hầu hạ).*

Người lăm tham dục sẽ bị kẻ khác coi thường, khinh mạn. Lại còn chướng ngại sanh làm Phạm Thiên. Nay chuyển tham dục chướng, cho nên được chúng sanh tôn kính, ngưỡng mộ, các đồng tử cõi trời làm kẻ hầu!

#### **14.2.3.2.3.1.2. Chuyển sân chướng**

*(Kinh) Đao trượng bất gia, độc bất năng hại. Nhược nhân ác mạ, khẩu tắc bế tắc. Du hành vô úy, như sư tử vương.*

**(經)刀杖不加，毒不能害。若人惡罵，口則閉塞。遊行無畏，如師子王。**

*(Kinh: Đao, gây chẳng thể đánh, chất độc chẳng thể hại. Nếu kẻ nào rửa sả, miệng hẳn sẽ tắc nghẽn. Đạo chơi không sợ hãi, giống như sư tử chúa).*

Xả sân sẽ trừ đao tiễn bên trong. Vào trong chiến trận thì những thứ sắc bén bên ngoài chẳng thể gây tổn thương được!

#### **14.2.3.2.3.1.3. Chuyển si chướng**

*(Kinh) Trí huệ quang minh, như nhật chi chiếu.*

**(經)智慧光明，如日之照。**

*(Kinh: Quang minh của trí huệ, chiếu như vàng mặt trời).*

Phần thứ nhất, “nói riêng về sự chuyển biến của ba món phiền não chướng” đã xong.

#### **14.2.3.2.3.2. Nói chung về sự chuyển đổi hết thấy phiền não chướng**

Do An Lạc Hạnh đã là hạnh của Như Lai; cho nên người hoằng kinh biểu hiện sẵn sự thành tựu nơi quả. Hãy nên biết công năng hoằng dương có sức mạnh chẳng nhỏ. Hơn nữa, chuyện trong trăm ngàn vạn ức kiếp đều ở trong một niệm mộng, biểu thị diệu pháp chẳng thể nghĩ bàn. Vô lượng trong một, một trong vô lượng, tướng ấy hiện tiền, sau này chắc chắn sẽ đắc quả. Suốt đời hoằng giáo, công siêu lũy kiếp!

**14.2.3.2.3.2.1. Trong mộng, thấy được dự vào địa vị Thập Tín Tương Tự**

*(Kinh) Nhược ư mộng trung, dẫn kiến diệu sự. Kiến chư Như Lai, tọa sư tử tòa, chư tỳ-kheo chúng, vì nhiều thuyết pháp. Hựu kiến long thần, A Tu La đấng, số như Hàng sa, cung kính hiệp chưởng. Tự kiến kỳ thân, nhi vị thuyết pháp.*

**(經)若於夢中，但見妙事。見諸如來，坐師子座，諸比丘眾，圍繞說法。又見龍神，阿修羅等，數如恆沙，恭敬合掌。自見其身，而為說法。**

*(Kinh: Hoặc là ở trong mộng, chỉ thấy chuyện màu nhiệm. Thấy các vị Như Lai, ngồi trên tòa sư tử, thấy các vị tỳ-kheo, vây quanh nghe thuyết pháp. Lại thấy các rồng, thần, hàng A Tu La thấy, số như cát sông Hằng, đều cung kính chấp tay. Tự thấy thân chính mình, đang vì họ thuyết pháp).*

Hai câu đầu, nói gộp chung cho các câu kinh văn [trong đoạn này]. Bốn câu kế đó, thấy Phật, nghe pháp, biểu thị “trên là cầu Phật đạo”. “Vị long thần đấng thuyết pháp” (Vị rồng, thần thuyết pháp) biểu thị “dưới hóa độ chúng sanh”.

**14.2.3.2.3.2.2. Trong mộng, nhập địa vị Kiến Đạo thuộc Sơ Trụ**

*(Kinh) Hựu kiến chư Phật, thân tướng kim sắc, phóng vô lượng quang, chiếu ư nhất thiết. Dĩ phạm âm thanh, diễn thuyết chư pháp. Phật vị tứ chúng, thuyết vô thượng pháp, kiến thân xử trung, hiệp chưởng tán Phật. Văn pháp hoan hỷ, nhi vị cúng dường, đắc Đà La Ni, chứng bất thoái trí. Phật tri kỳ tâm, thâm nhập Phật đạo, tức vị thọ ký, thành tối Chánh Giác. Nhữ thiện nam tử, đương ư lai thế, đắc vô lượng trí, Phật chi đại đạo. Quốc độ nghiêm tịnh, quảng đại vô tỷ. Diệc hữu tứ chúng, hiệp chưởng thỉnh pháp.*

**(經)又見諸佛，身相金色，放無量光，照於一切。以**

**梵音聲，演說諸法。佛為四眾，說無上法，見身處中，合掌讚佛。聞法歡喜，而為供養，得陀羅尼，證不退智。佛知其心，深入佛道，即為授記，成最正覺。汝善男子，當於來世，得無量智，佛之大道。國土嚴淨，廣大無比。亦有四眾，合掌聽法。**

*(Kinh: Lại còn thấy chư Phật, thân tướng sắc vàng ròng, phóng vô lượng quang minh, chiếu soi khắp hết thấy. Dùng âm thanh thanh tịnh, để diễn nói các pháp. Phật bèn vì tứ chúng, diễn nói vô thượng pháp. Tự thấy mình trong đó, chắp tay tán thán Phật. Nghe pháp lòng hoan hỷ, bèn thực hiện cúng dường, đạt được Đà La Ni, chứng được trí bất thoái. Phật biết tâm người ấy, đã thâm nhập Phật đạo, thọ ký cho người ấy: Thành Chánh Giác cao tốt. Các ông thiện nam tử! Sẽ ở trong đời sau, đạt được vô lượng trí, đạo to lớn của Phật. Quốc độ đều nghiêm tịnh, rộng lớn chẳng sánh bằng. Cũng sẽ có tứ chúng, chắp tay lắng nghe pháp).*

Thấy thân mình ở trong ấy, biểu thị nhập Thật. Nghe pháp hoan hỷ, biểu thị ngộ viên nhân. Sở chứng giống như Hoan Hỷ Địa trong Biệt Giáo, đạt được Đà La Ni, tức ba món Tổng Trì. Chứng bất thoái trí tức là ba món Bất Thoái. Thọ ký thành Phật tức là thọ ký Vô Sanh trong hiện tiền.

#### ***14.2.3.2.3.2.3. Mộng thấy dự vào địa vị Tu Đạo trong Tru, Hạnh, Hồi Hướng***

*(Kinh) Hựu kiến tự thân, tại sơn lâm trung, tu tập thiện pháp, chứng chư Thật Tướng, thâm nhập Thiên Định, kiến thập phương Phật.*

**(經)又見自身，在山林中，修習善法，證諸實相，深入禪定，見十方佛。**

*(Kinh: Lại thấy chính thân mình, ở trong chốn núi rừng, tu tập các thiện pháp, chứng được các Thật Tướng, thâm nhập các Thiên Định, trông thấy mười phương Phật).*

“Thiền pháp” là dấy lên huệ hạnh và hành hạnh xứng tánh, tức là bảy khoa đạo phẩm, mười Ba La Mật, tứ đẳng, tứ nhiếp, tam-muội, tổng trì v.v... hết thấy các Phật đạo. Thật Tướng chính là Trung Đạo. Trung Đạo chẳng phải một, chẳng phải nhiều. Do phá bốn mươi phẩm Hoặc, liền có bốn mươi lượt phần chứng Trung Đạo. Vì thế nói là “*chứng chư Thật Tướng*”. “*Thâm nhập Thiền Định*” tức là Thủ Lăng Nghiêm Định, chẳng dùng hai tướng để thấy Như Lai. Vì thế nói “*thấy thập phương Phật*”. Lại nữa, hậu tâm Bồ Tát nhập Kim Cang Định, chư Phật hiện tiền quán đánh thọ chức. Vì thế nói “*thấy thập phương Phật*”.

#### 14.2.3.2.3.2.4. Mộng nhập địa vị Cứu Cánh Diệu Giác

*(Kinh) Chư Phật thân kim sắc, bách phước tướng trang nghiêm. Văn pháp vị nhân thuyết, thường hữu thị hảo mộng. Hựu mộng tác quốc vương, xả cung điện, quyền thuộc, cập thượng diệu ngũ dục, hành nghệ u đạo tràng. Tại Bồ Đề thụ hạ, nhi xử sư tử tòa, cầu đạo quá thất nhật, đắc chư Phật chi trí. Thành vô thượng đạo dĩ, khởi nhi chuyển pháp luân. Vị tứ chúng thuyết pháp, kinh thiên vạn ức kiếp, thuyết vô lậu diệu pháp, độ vô lượng chúng sanh. Hậu đương nhập Niết Bàn, như yên tận đặng diệt.*

**(經)諸佛身金色，百福相莊嚴。聞法為人說，常有是好夢。又夢作國王，捨宮殿眷屬，及上妙五欲，行詣於道場。在菩提樹下，而處師子座，求道過七日，得諸佛之智。成無上道已，起而轉法輪。為四眾說法，經千萬億劫，說無漏妙法，度無量眾生。後當入涅槃，如煙盡燈滅。**

*(Kinh: Chư Phật thân kim sắc, tướng trăm phước trang nghiêm. Nghe pháp vì người nói, thường sẽ có mộng lành. Lại mộng làm quốc vương, bỏ cung điện, quyền thuộc, và ngũ dục thượng diệu, đi tới chỗ đạo tràng. Ở dưới cội Bồ Đề, ngồi trên tòa sư tử, cầu đạo quá bảy ngày, đạt được trí chư Phật. Đã thành vô thượng đạo, đứng lên chuyển pháp luân. Vì tứ chúng thuyết pháp, trải ngàn vạn ức kiếp, nói diệu pháp vô lậu, độ vô lượng chúng sanh. Sau sẽ nhập Niết Bàn, như khói hết, đèn tắt).*



Mộng tám tướng thành Phật nhằm hiển thị Diệu Giác. Từ Tu Đà Hoàn cho đến Bích Chi Phật đều có mộng, chỉ riêng Phật không có mộng, do chẳng có nghi, chẳng có tập khí. Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương<sup>21</sup> nói khi sắp chứng Thập Địa, đều là trước tiên nằm mộng. Mộng chính là độc đầu ý thức<sup>22</sup>, xứng hợp với thùy miên tâm sở, huyền hiện các thứ cảnh giới trong ba đời. Mộng tương ứng với chuyện quá khứ, tức là hình bóng của tập khí. Nếu tương ứng với chuyện trong

---

<sup>21</sup> Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương gồm mười quyển do ngài Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường. Đây là một bản dịch khác của kinh Kim Quang Minh (Suvānaprabhāsottama-sūtra), được coi là bản hoàn bị nhất trong các bản dịch kinh Kim Quang Minh. Kinh này cùng với kinh Pháp Hoa và Nhân Vương Hộ Quốc được coi là kinh trấn quốc tức tai, thường được đọc tụng trong các pháp hội để cầu quốc thái dân an, tiêu tai giải nạn. Sở dĩ được coi là kinh trấn quốc vì trong kinh có dạy đọc tụng kinh này sẽ được Tứ Thiên Vương ủng hộ đất nước bình an. Điểm tương đồng với kinh Pháp Hoa là trong phẩm Thọ Lượng, Tín Tướng Bồ Tát hoài nghi Phật Thích Ca thọ mạng ngắn ngủi, tứ phương Phật liền hiện thân giảng rõ Phật có thọ mạng dài lâu, cũng như dạy cách sám hối. Đặc biệt là bài Thiên Nữ Thiên Chú trong phần Thập Chú của khóa tụng buổi sáng sau chú Lăng Nghiêm trích từ kinh này. Phẩm Không trong kinh này cũng đã nói về giáo nghĩa Bát Nhã khá cặn kẽ. Theo các sách về mục lục kinh điển, kinh này có năm bản dịch:

1. Kim Quang Minh Kinh, bốn quyển, do ngài Đàm Vô Sám dịch vào đời Lương.
2. Kim Quang Minh Đế Vương Kinh, bảy quyển, do ngài Chân Đế dịch vào đời Trần.
3. Kim Quang Minh Cánh Quảng Đại Biện Tài Đà La Ni Kinh, năm quyển, do ngài Đa Xá Quật Đa dịch vào đời Bắc Châu.
4. Hiệp Bộ Kim Quang Kinh, tám quyển, do ngài Bảo Quý biên tập vào đời Tùy.
5. Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh, mười quyển, do ngài Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường.

Hiện thời, Đại Tạng Kinh chỉ thu nhập bản thứ nhất, thứ tư và thứ năm, hai bản kia chỉ được lưu giữ được một phần trong các tạng kinh cổ.

Đối với tông Thiên Thai, kinh này cũng được coi là một giáo điển trọng yếu vì tổ Trí Giả đại sư đã soạn tác phẩm Kim Quang Minh Kinh Huyền Nghĩa và Kim Quang Minh Kinh Văn Cú để chú giải.

<sup>22</sup> Gọi là Độc Đầu Ý Thức nhằm nhấn mạnh ý thức khởi lên chẳng liên quan đến năm thức trước, vì thông thường do năm căn tiếp xúc năm trần, sẽ dẫn lên năm thức (nhãn thức, nhĩ thức...) dẫn khởi ý thức phát sanh, tạo thành các chủng tử được chứa vào A Lại Da Thức. Độc đầu ý thức gồm có bốn loại:

- Ý thức trong mộng.
- Ý thức trong Định.
- Ý thức trong khi cuồng loạn.
- Ý thức trong khi suy tưởng tán loạn.

vị lai, tức là điềm báo trước tốt xấu. Nay trì “*kinh vương*” (vua của các kinh), có giấc mộng lành, vị lai chẳng hư huyền, chính là điều tốt lành.

Phần thứ hai, “*nêu ra ba thứ quả báo để khuyên nhủ*” đã xong.

### **14.2.3.3. Tổng kết**

*(Kinh) Nhược hậu ác thế trung, thuyết thị đệ nhất pháp, thị nhân đắc đại lợi, như thượng chư*

**(經)若後惡世中，說是第一法，是人得大利，如上諸功德】。**

*(Kinh: Nếu trong đời ác sau, nói pháp bậc nhất này, người ấy được lợi lớn, các công đức như trên).*

Phẩm An Lạc Hạnh này vốn đặc biệt chỉ bày đường lối hoàng pháp cho kẻ sơ tâm, có đủ quán pháp của mười thừa. Nay chỉ bày đại lược, khiến cho [hành nhân] có chỗ để duyên tâm. Quán tướng như thật của các pháp:

- Phép Quán thứ nhất là cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Đối với người tại gia và xuất gia khởi tâm đại từ. Đối với kẻ chẳng phải Bồ Tát, khởi tâm đại bi.

- Thứ hai là thật sự phát Bồ Đề tâm. Đối với mỗi nghiệp trong ba nghiệp, đều có Chỉ Hạnh và Quán Hạnh.

- Thứ ba là thiện xảo an tâm. Quán hết thấy các pháp là Không, bình đẳng.

- Thứ tư là phá pháp trọn khắp, cũng chẳng hành, chẳng phân biệt.

- Thứ năm là biết thông, tắc, ba nghiệp và thệ nguyện chính là Tứ Niệm Xứ của Viên Giáo. Nương vào Viên Giáo mà đoạn nhị ác, sanh nhị thiện, thành tựu Như Ý, Căn, Lực, Giác, Đạo.

- Thứ sáu là điều hòa đạo phẩm thích đáng, là mười thứ não loạn v.v...

- Thứ bảy đối trị nhằm giúp cho khai hiển.

- Điều được thấy trong mộng biểu thị địa vị thứ tám, chẳng bộp chộp, tâm cũng chẳng kinh hoảng.

- Thứ chín là có thể an nhẫn. Đối với pháp, chẳng thấy có gì để hành.

- Thứ mười là lìa pháp ái, gộp chung tứ hạnh.

Mười phép Quán đã đều nói đại lược.

Lại luận định tỉ mỉ, trong mỗi hạnh, đều trọn đủ mười pháp. Lại nữa, mười pháp là chánh. Tứ hạnh là trợ. Dù bốn hay mười, đều dính dáng nhân quả. Lại nữa, bốn hạnh là Tổng, mười Quán là Biệt. Dù tổng hay biệt, đều thông ngang lẫn dọc, mười pháp hướng dẫn lý không gì chẳng rốt cùng, sự an bài sắp đặt trong tứ hạnh há hạn cuộc nơi khởi đầu? Diệu hạnh Viên đạo từ đầu đến cuối chẳng khác! Nghĩa Lục Tức đã rõ, đã có chỗ để đặt chân. Phần thứ nhất, “khai Quyền hiển Thật trong Tích Môn” đã xong. Giải thích phẩm An Lạc Hạnh cũng xong; kế đó, giải thích phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

### **15. Tùng Địa Dũng Xuất Phẩm Đệ Thập Ngũ**

#### **從地涌出品第十五**

*Phẩm thứ mười lăm: Từ dưới đất vọt lên*

Thầy nghiêm, đạo tôn quý, tận tụy vâng hành. Do mạng lệnh của Như Lai, [các vị Bồ Tát từ] bốn phương ồ ạt vọt lên. Vì thế nói là phẩm Tùng Địa Dũng Xuất (đạo ở nơi thầy, vì thế là “đạo tôn quý”. Thầy có đạo nên là “thầy nghiêm”. Do thầy nghiêm, cho nên mạng lệnh của thầy chẳng thể trái. Do đạo tôn quý, nên thầy hạ mạng lệnh, [các đệ tử] ắt phải nhóm tới). “Mạng lệnh”:

- Một, do cuối phẩm Kiến Bảo Tháp có nói: “Phật dục dĩ thử Diệu Pháp Hoa Kinh phó chúc hữu tại” (Đức Phật mong có người để phó chúc kinh Diệu Pháp Liên Hoa này). Mạng lệnh ấy chính là mạng lệnh chung.

- Hai, do trong phần đầu phẩm này, các vị Bồ Tát ở phương khác thỉnh Phật cho phép hoằng pháp, đức Phật ngăn lại, bảo: “Ngã thử Sa Bà thế giới, tự hữu lục vạn Hằng hà sa đấng” (Thế giới Sa Bà của ta tự có Bồ Tát nhiều như số cát trong sáu vạn sông Hằng). Đó chính là mạng lệnh riêng. Đây là Thế Giới Tất Đàn.

Hóa độ chúng sanh khắp ba đời, tạo lợi ích rộng lớn không ngần hạn. Một vàng trắng có vạn bóng, ai có thể suy lường? Triệu vời [các vị Bồ Tát từ phương dưới] tới để thị hiện, càng nhân mạnh thêm lợi ích do hoằng kinh. Vì thế nói là phẩm Tùng Địa Dũng Xuất (đó là Vị Nhân Tất Đàn).

Hư không lặng lẽ, chẳng sáng, chẳng tối, hoặc là do [chúng sanh] chấp Tích mà ản khuất Bản, [đức Phật phải] triệu vời [các đệ tử từ] thuở

xưa để chỉ bày hiện tại, phá chấp trước đối với “gần” (tức chấp trước “Nhu Lai chỉ mới thành Phật trong đời này hơn bốn mươi năm”) để hiển lộ chuyện “xa” (Ngài đã thành Phật từ vô lượng vô biên chảng thể nghĩ bàn kiếp trước). Vì thế nói là phẩm Tùng Địa Dũng Xuất (“Hư không” là sánh ví Lý. Lý chẳng có sáng hay tối. Nương theo Lý mà thành tựu Sự. Sự có Bản và Tích. Hoặc chấp Tích gần gũi mà đánh mất Bản xa xôi. Đối với Bản Tích mà còn mê, hướng hồ đối với chuyện Nhất Thừa chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, các đệ tử thuộc Bản sống trong hư không thuộc phương dưới. Vị thầy thuộc Bản địa, ngự trong hư không đã lâu. Nay thầy trò đều ở trong hư không trong hiện thời. Hư không lâu đời và hư không hiện thời, hư không thuộc phương dưới và hư không thuộc phương trên, tuy về Thể là một, nhưng đệ tử nơi Bản vốn đã biết cận Tích, chứ các đệ tử trong hiện thời vẫn mê nơi viễn Bản. Vì sự chấp trước đối với Cận (mê chấp đối với cận Tích), [đức Phật] bèn triệu vời [các đệ tử] xưa kia để chỉ bày [cho các đệ tử trong] hiện tại. Nay đệ tử [trong hiện tại] do nghi mà thỉnh vấn, được nghe nói [thọ lượng lâu xa của Như Lai] mới phá điều ác “*chấp gần*”. Đó là Đối Trị Tất Đàn).

Nơi Tịch Diệt đạo tràng, cha trẻ tuổi, lại còn uống thuốc Chủng Trí trẻ trung đã lâu, cho nên già chẳng bằng trẻ. Con đã già nua nơi Tịch Quang cũng từ lâu đã nhận lấy toa thuốc bất tử thường trụ, cho nên trẻ mà như già, chỉ bày lực dụng của thuốc ấy, khiến cho [chúng sanh nghe pháp này sẽ] đều hay biết. Vì thế nói phẩm Tùng Địa Dũng Xuất (đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Kinh văn chép “*tùng hà sở lai, dĩ hà nhân duyên tập?*” (từ chỗ nào đến? Do nhân duyên gì mà tụ tập?) Hãy nên biết nhân duyên Tứ Tất Đàn; vì thế “*dũng xuất*” (món Tất Đàn thứ nhất thuộc kinh văn trong phẩm này. Ý thứ hai kèm thêm kinh văn trong phẩm sau. Món Tất Đàn thứ ba và thứ tư tham chiếu phẩm sau, đều nhằm giúp thành tựu chuyện “*hiển viễn*” trong phần sau. “*Thiện sanh, ác phá*” là do đã thấy Bản. Vì thế biết Thế Giới Tất Đàn chính là nguyên do của ba món Tất Đàn (Vị Nhân, Đối Trị, Đệ Nhất Nghĩa) sau đó. Nay phẩm Dũng Xuất chuyên thuộc Thế Giới Tất Đàn).

**\* Phần “*khai cận, hiển viễn*” thuộc Bản Môn**

Chia thành ba phần:

- Một, từ đầu phẩm này cho tới câu “*nhữ đẳng tự đương nhân thị đắc văn*” (chính các ông sẽ do đó mà được nghe) là Tự Đoạn (đoạn kinh văn tương ứng với Tự Phần của Bốn Môn).

- Hai, từ “*nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Di Lặc Bồ Tát*” (lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Di Lặc Bồ Tát) trở đi cho đến phần đầu phẩm Phân Biệt Công Đức, ngài Di Lặc nói kệ, chính là đoạn Chánh Thuyết [của Bốn Môn].

- Ba, từ “*nhĩ thời, Phật cáo Di Lặc*” (Lúc bấy giờ, Phật bảo Di Lặc) cho đến hết phẩm Thường Bất Khinh, gồm ba phẩm rưỡi, chính là đoạn Lưu Thông [của Bốn Môn].

### **15.1. Tự đoạn (Tự phần của Bốn Môn)**

#### **15.1.1. Từ dưới đất vọt lên**

##### **15.1.1.1. Bồ Tát trong phương khác thỉnh cầu hoàng kinh**

*(Kinh) Nhĩ thời, tha phương quốc độ chư lai Bồ Tát Ma Ha Tát quá bát Hằng hà sa số, v đại chúng trung khởi, hiệp chưởng tác lễ, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược thính ngã đẳng v Phật diệt hậu, tại thử Sa Bà thế giới, cần gia tinh tấn, hộ trì, đọc tụng, thư tả, cúng dường thị kinh điển giả, đương v thử độ nhi quảng thuyết chi.*

**(經)爾時，他方國土諸來菩薩摩訶薩過八恒河沙數，於大眾中起，合掌作禮，而白佛言：「世尊！若聽我等於佛滅後，在此娑婆世界，勤加精進，護持，讀誦，書寫，供養是經典者，當於此土而廣說之」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đến từ các quốc độ ở phương khác nhiều hơn số cát trong tám sông Hằng, từ trong đại chúng đứng dậy, chắp tay làm lễ, bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu cho phép chúng con sau khi đức Phật diệt độ, ở trong thế giới Sa Bà này, càng thêm siêng năng, tinh tấn, hộ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường kinh điển này, chúng con sẽ rộng nói trong cõi này).*

Các Bồ Tát ở phương khác đã nghe phần Lưu Thông thuộc Tích Môn xong, ngưỡng mộ phước thù thắng do lưu thông kinh, cho nên nguyện trụ trong cõi này để hoằng truyền, tuyên dương.

##### **15.1.1.2. Như Lai chẳng hứa khủ**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng: - Chử! Thiện nam tử! Bất tu nhữ đẳng hộ trì thử kinh. Sở dĩ giả hà? Ngã Sa Bà thế giới tự hữu lục vạn Hằng hà sa đẳng Bồ Tát Ma Ha Tát. Nhất nhất Bồ Tát, các hữu lục vạn Hằng hà sa quyển thuộc. Thự chư nhân đẳng năng ư ngã diệt hậu, hộ trì, đọc tụng, quảng thuyết thử kinh.*

**(經)爾時，佛告諸菩薩摩訶薩：「止！善男子！不須汝等護持此經。所以者何？我娑婆世界自有六萬恒河沙等菩薩摩訶薩。一一菩薩，各有六萬恒河沙眷屬。是諸人等能於我滅後，護持，讀誦，廣說此經」。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Phật bảo các vị Bồ Tát Ma Ha Tát: - Thôi! Thiện nam tử! Chẳng cần các ông hộ trì kinh này. Vì lẽ nào vậy? Thế giới Sa Bà của ta tự có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát nhiều như số cát trong sáu vạn sông Hằng. Mỗi vị Bồ Tát đều có quyển thuộc nhiều như số cát trong sáu vạn sông Hằng. Những người ấy sau khi ta diệt độ sẽ có thể hộ trì, đọc tụng, rộng nói kinh này).*

Như Lai ngăn trở, có ba nghĩa:

- Một, các ông ai nấy đều đã có trách nhiệm của chính mình. Nếu trụ trong cõi này, sẽ bỏ phước lợi ích trong cõi kia!

- Hai, Bồ Tát ở phương khác kết duyên sự với cõi này nông cạn. Dầu muốn tuyên nói, truyền trao, ắt chẳng có lợi ích to lớn.

- Ba, nếu [đức Phật] lại chấp thuận, sẽ chẳng thể triệu vời [các Bồ Tát thuộc] phương dưới. Nếu các Bồ Tát từ phương dưới chẳng đến, sẽ chẳng thể “*phá cận, hiển viễn*”.

Hỏi: - Chư Phật, Bồ Tát phân thân tán ảnh trọn khắp mười phương, khuyến dụ, giáo hóa hết thảy, há có đây, kia, mà nói là “trách nhiệm của chính mình” và “phước bỏ phương kia?”

Đáp: - Tâm của Phật, Bồ Tát thật sự chẳng có đây hay kia, nhưng căn cơ thì có tồn tại hay không; từ vô thủy vốn đã là như vậy! Thoạt đầu, Phật, Bồ Tát kết duyên từ chỗ này, mà Phật, Bồ Tát cũng thành thực từ chỗ này. Do vậy, cần phải triệu vời [các Bồ Tát] từ phương dưới. Triệu vời các Bồ Tát từ phương dưới tới cũng có ba nghĩa:

- Một, họ là đệ tử của ta, phải nên hoằng dương pháp của ta.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

- Hai, do [họ có] duyên sâu rộng, họ có thể tạo lợi ích trọn khắp trong cõi này và trọn khắp các cõi ta đã phân thân.

- Ba, nhằm khai cận, hiển viễn (do mỗi vị [Bồ Tát từ các quốc độ ở phương khác] đều có trách nhiệm riêng của chính họ, sẽ chẳng có Thế Giới Ích [đôi với chúng sanh trong cõi Sa Bà]. Do kết duyên sự nông cạn, chẳng có Vị Nhân Ích. Chẳng thể phá [chấp trước “Phật Thích Ca mới thành Phật”] gần đây, sẽ không có Đối Trị Ích. Chẳng hiển lộ [Như Lai đã thành Phật từ lâu] xa, sẽ chẳng có Đệ Nhất Nghĩa Ích. Do không có bốn điều lợi ích, cho nên [đức Phật] ngăn trở. Con hoàng pháp của cha, sẽ có Thế Giới Ích. Kết duyên sâu rộng, bèn có Vị Nhân Ích. Khai cận (chỉ ra Phật Thích Ca thành Phật mới hơn bốn mươi năm chỉ là thị hiện), bèn có Đối Trị Ích. Hiển viễn (chỉ ra Phật Thích Ca thật sự đã thành Phật từ bao kiếp trước), bèn có Đệ Nhất Nghĩa Ích. Do có bốn điều lợi ích, cho nên triệu vời).

### *15.1.1.3. [Bồ Tát] từ phương dưới vọt lên*

#### *15.1.1.3.1. Người kết tập kinh trần thuật sự tướng*

##### *15.1.1.3.1.1. Vọt lên*

*(Kinh) Phật thuyết thị thời, Sa Bà thế giới tam thiên đại thiên quốc độ, địa giai chấn liệt, nhi w kỳ trung, hữu vô lượng thiên vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát đồng thời dũng xuất.*

**(經)佛說是時，娑婆世界三千大千國土，地皆振裂，而於其中，有無量千萬億菩薩摩訶薩同時涌出。**

*(Kinh: Lúc đức Phật nói như thế, trong tam thiên đại thiên quốc độ của thế giới Sa Bà, đất đều rung động, nứt ra, nhưng ở trong đó, có vô lượng ngàn vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát cùng lúc vọt ra).*

Đất che phủ quyền thuộc tại Bôn, như Tích ấn Bôn. Nay khai Tích hiển Bôn, cho nên đất nứt ra để biểu thị.

##### *15.1.1.3.1.2. Thân tướng [của các vị Bồ Tát ấy]*

*(Kinh) Thị chư Bồ Tát, thân giai kim sắc, tam thập nhị tướng, vô lượng quang minh.*

**(經)是諸菩薩，身皆金色，三十二相，無量光明。**

(*Kinh*: Các vị Bồ Tát ấy, thân đều sắc vàng, ba mươi hai tướng, vô lượng quang minh).

### **15.1.1.3.1.3. Trụ xứ**

(*Kinh*) **Tiên tận tại thử Sa Bà thế giới chi hạ, thử giới hư không trung trụ.**

**(經)先盡在此娑婆世界之下，此界虛空中住。**

(*Kinh*: Trước đó, họ đều ở phía dưới thế giới Sa Bà này, cõi ấy trụ trong hư không).

[Chánh kinh nói] “*tại thử thế giới chi hạ*” (ở phía dưới thế giới này) tức là chẳng thuộc vào thế giới này. Cõi ấy trụ trong hư không, cho nên chẳng thuộc vào thế giới dưới đó (tức thế giới ở phương dưới của Sa Bà). Chẳng phải đây, chẳng phải kia, chính nhằm biểu thị cõi Trung Đạo Thường Tịch Quang. “*Thường*” tức là Thường Đức. “*Tịch*” tức Lạc Đức. “*Quang*” tức là Pháp Thân. “*Tịch*” tức là giải thoát. “*Quang*” chính là Bát Nhã. Tam Đức (Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát) không gì chẳng phải là “*thường, lạc, ngã, tịnh*”. Tứ Đức (thường, lạc, ngã, tịnh) không gì chẳng chính là “*tức Giả, tức Không, tức Trung*”. Đó là tạng bí mật chẳng ngang, chẳng dọc. Chẳng phải chính là cõi này, nhưng chẳng phải là lìa cõi này; vì thế dùng “*thế giới chi hạ*” (ở phía dưới thế giới), và “*thử giới hư không trung trụ*” (trụ trong hư không của cõi này) để biểu thị.

“*Trụ*”: Dùng pháp bất trụ để trụ trong tạng bí mật. Hãy nên biết vốn có Tứ Đức để làm “chỗ nương vào” (sở y). Tu đạt được Tứ Đức để làm “chủ thể nương vào” (năng y). Năng và Sở đều có cái thân để có thể nương vào, nương tựa vào Năng và Sở của cõi nước sở y, hai nghĩa đều bình đẳng thì mới là tướng trạng của thân và cõi nước Tỳ Lô Giá Na. Vì thế, khi một người thành Phật, pháp giới đều là y báo và chánh báo của vị Phật ấy. Một vị Phật đã là như thế, hãy nên biết hết thầy chư Phật cũng lại như thế! Tầng tầng đều trọn khắp, tầng tầng dung nhập lẫn nhau, tầng tầng hiển hiện lẫn nhau, tầng tầng dung nạp lẫn nhau. Lại nữa, chư Phật đã là như thế, hãy nên biết “*phân chứng*” của hết thầy các vị Bồ Tát cũng là như thế.

Lại nữa, Tu Đức mãn phần của chư Phật, Bồ Tát đã là như thế, hãy nên biết tất cả Tánh Đức của hết thầy chúng sanh cũng lại là như



thế, không gì chẳng phải là trọn khắp lẫn nhau, nhập vào lẫn nhau, hiển hiện lẫn nhau, dung nạp lẫn nhau, nhưng mê và ngộ rất khác! Vì thế, tuy “tức” (chúng sanh chính là Phật, Phật chính là chúng sanh, phiền não chính là Niết Bàn, Niết Bàn chính là phiền não v.v...) mà thường sáu (tức Lục Tức Phật). Do pháp tánh bình đẳng, cho nên tuy sáu mà thường tức. Vì vậy, y báo và chánh báo của A Tỳ hoàn toàn ở trong tự tâm của bậc cực thánh, thân và cõi nước của Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng lìa một niệm của kẻ phàm phu bậc hạ!

#### **15.1.1.3.1.4. Nghe theo mạng lệnh [triệu tập]**

*(Kinh) Thị chư Bồ Tát văn Thích Ca Mâu Ni Phật sở thuyết âm thanh, tùng hạ phát lai.*

**(經)是諸菩薩聞釋迦牟尼佛所說音聲，從下發來。**

*(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy nghe âm thanh của Thích Ca Mâu Ni đã nói, bèn từ phương dưới đến đây).*

Tức là do nghe mạng lệnh mà đến, do hồng pháp mà đến, do phá chấp mà đến, do hiển Bồn mà đến.

#### **15.1.1.3.1.5. Quyển thuộc**

*(Kinh) Nhất nhất Bồ Tát giai thị đại chúng xướng đạo chi thủ, các tương lục vạn Hằng hà sa quyển thuộc, hướng tương ngũ vạn, tứ vạn, tam vạn, nhị vạn, nhất vạn Hằng hà sa đẳng quyển thuộc giả, hướng phục nãi chí nhất Hằng hà sa, bán Hằng hà sa, tứ phân chi nhất, nãi chí thiên vạn ức na-do-tha phần chi nhất, hướng phục thiên vạn ức na-do-tha quyển thuộc, hướng phục ức vạn quyển thuộc, hướng phục thiên vạn, bách vạn, nãi chí nhất vạn, hướng phục nhất thiên, nhất bách, nãi chí nhất thập, hướng phục tương ngũ, tứ, tam, nhị, nhất đệ tử giả, hướng phục đơn kỷ nhạo viễn ly hạnh. Như thị đẳng tỷ, vô lượng vô biên, toán số thí dụ sở bất năng tri.*

**(經)一一菩薩皆是大眾唱導之首，各將六萬恒河沙眷屬，況將五萬，四萬，三萬，二萬，一萬恒河沙等眷屬者，況復乃至一恒河沙，半恒河沙，四分之一，乃至千萬億**

**那由他分之一，況復千萬億那由他眷屬，況復億萬眷屬，況復千萬，百萬，乃至一萬，況復一千，一百，乃至一十，況復將五，四，三，二，一弟子者，況復單己樂遠離行。如是等比，無量無邊，算數譬喻所不能知。**

*(Kinh: Mỗi vị Bồ Tát đều là bậc đứng đầu xướng suất, hướng dẫn của đại chúng, mỗi vị đem theo sáu vạn Hằng hà sa quyển thuộc, lại còn có vị dẫn theo năm vạn, bốn vạn, ba vạn, hai vạn, một vạn Hằng hà sa quyển thuộc. Cho đến còn có vị dẫn theo một Hằng hà sa, nửa Hằng hà sa, một phần tư, cho đến một phần ngàn vạn ức na-do-tha phần, hướng hồ ngàn vạn ức na-do-tha quyển thuộc, hướng hồ ức vạn quyển thuộc, hướng hồ ngàn vạn, trăm vạn, cho đến một vạn. Hướng hồ lại có vị [dẫn theo] một ngàn, một trăm, cho đến mười [quyển thuộc]. Có vị còn dẫn theo năm, bốn, ba, hai, một đệ tử. Hướng hồ còn có vị là người thích hạnh viễn ly đến một mình. Số nhiều vô lượng vô biên ngàn ấy, [dẫu dùng] toán, số, thí dụ [để tính đếm], đều chẳng thể biết được).*

Mỗi vị đều có phẩm đức của bậc đạo sư, có thể dẫn chúng sanh đến chỗ có của báu. Hãy nên biết một đã chẳng phải là một mình, mà sáu vạn quyển thuộc cũng chẳng phải là nhiều! Nếu xét theo pháp môn: Một chính là nhất đạo thanh tịnh. Hai là phước và trí. Ba là Giới, Định, Huệ. Bốn chính là Tứ Đệ. Năm là ngũ nhân. Sáu chính là Lục Độ. Mỗi độ có đủ mười pháp giới. Mỗi giới đều có mười lần mười liền thành một trăm (mỗi giới đều có mười giới kia, nên mười giới thành một trăm). Hễ có trăm liền có ngàn. Thập Thiện bèn có vạn, một độ trọn đủ con số vạn, [cho nên] Lục Độ chính là sáu vạn pháp môn! Nhiều chẳng phải là nhiều, một chẳng phải là một. Chẳng nhiều, chẳng một, mà là nhiều, là một.

Phản trần thuật của người kết tập kinh đã xong.

#### **15.1.1.3.2. Nêu ra sự thăm hỏi**

##### **15.1.1.3.2.1. Tam nghiệp cúng dường**

###### **15.1.1.3.2.1.1. Nói về sự cúng dường**

*(Kinh) Thị chư Bồ Tát tùng địa xuất dĩ, các nghệ hư không thất bảo diệu tháp Đa Bảo Như Lai, Thích Ca Mâu Ni Phật sở. Đáo dĩ,*

*hướng nhị Thế Tôn, đầu diện lễ túc, cập chí chư bảo thụ hạ sư tử tòa thượng Phật sở, diệc giai tác lễ, hữu nhiều tam táp, hiệp chưởng cung kính, dĩ chư Bồ Tát chủng chủng tán pháp nhi dĩ tán thán, trụ tại nhất diện, hân nhạo chiêm ngưỡng ư nhị Thế Tôn.*

**(經)是諸菩薩從地出已，各詣虛空七寶妙塔多寶如來、釋迦牟尼佛所。到已，向二世尊，頭面禮足，及至諸寶樹下師子座上佛所，亦皆作禮，右遶三帀，合掌恭敬，以諸菩薩種種讚法而以讚歎，住在一面，欣樂瞻仰於二世尊**

◦

*(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy từ đất hiện ra xong, đều tới diệu tháp bằng bảy báu trên hư không là nơi của Đa Bảo Như Lai và Thích Ca Mâu Ni Phật. Đã đến nơi, bèn hướng về hai đức Thế Tôn, đầu mặt lễ dưới chân, và đến chỗ các đức Phật đang ngự trên tòa sư tử dưới các cây báu, cũng đều làm lễ, nhiều theo chiều phải ba vòng, chắp tay cung kính, dùng các cách tán thán của Bồ Tát để tán thán, đứng qua một bên, vui thích, chiêm ngưỡng hai đức Thế Tôn).*

“Làm lễ, nhiều theo chiều bên phải” là thân nghiệp cúng dường. Các thứ tán thán là khẩu nghiệp cúng dường. “Vui thích chiêm ngưỡng” là ý nghiệp cúng dường. Dùng ba nghiệp chẳng thể nghĩ bàn ấy để cúng dường tam thân chẳng thể nghĩ bàn, hòng làm “chủ thể cảm vờ” (năng cảm), cho nên Phật dùng thần lực để ứng, khiến cho đại chúng cho rằng thời gian dài lâu là ngắn ngủi, từ ngay nơi hẹp mà thấy rộng vậy!

#### **5.1.1.3.2.1.2. Nêu ra thời gian đã trải qua**

*(Kinh) Thị chư Bồ Tát Ma Ha Tát tùng sơ dũng xuất, dĩ chư Bồ Tát chủng chủng tán pháp nhi tán ư Phật. Như thị thời gian kinh ngũ thập tiểu kiếp. Thị thời, Thích Ca Mâu Ni Phật mặc nhiên nhi tọa, cập chư tứ chúng diệc giai mặc nhiên.*

**(經)是諸菩薩摩訶薩從初涌出，以諸菩薩種種讚法而讚於佛。如是時間經五十小劫。是時，釋迦牟尼佛默然而坐，及諸四眾亦皆默然。**

*(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy từ lúc mới vọt ra, dùng các cách tán thán của Bồ Tát để tán dương đức Phật, thời gian như thế trải qua năm mươi tiểu kiếp. Khi đó, Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi yên lặng, và tứ chúng cũng đều im lặng).*

Dùng các cách tán thán để tán Phật, trải qua năm mươi tiểu kiếp, há chỉ là trăm ngàn Hằng hà sa kê? Vì thế biết Phạn văn (nguyên văn bằng tiếng Phạn của kinh Pháp Hoa) chất tới tám dặm vẫn chưa đủ là nhiều!

Hỏi: - Phật Thích Ca trụ thế chỉ tám mươi năm, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Tương truyền Ngài nói kinh Pháp Hoa trong tám năm, sao lại có năm mươi tiểu kiếp này?

Đáp: - Như cái thất vuông vức một trượng của ngài Duy Ma Cật có thể chứa ba vạn hai ngàn tòa sư tử, mỗi tòa cao tám vạn bốn ngàn do-tuần<sup>23</sup>. Đã theo chiều ngang luận định lớn nhỏ, nhỏ có thể chứa đựng

---

<sup>23</sup> Theo phẩm Bất Tư Nghị của Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh, khi đại chúng theo ngài Văn Thù Sư Lợi đến thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cật, tôn giả Xá Lợi Phất thấy trong cái thất vuông vức một trượng của cư sĩ chẳng có bàn ghế gì, chỉ duy nhất có cái giường nơi ngài Duy Ma Cật đang nằm, bèn nghĩ: “Các vị Bồ Tát và hàng đại đệ tử sẽ ngồi ở nơi đâu?” Ngài Duy Ma Cật bèn cất vắn: “Nhân giả vì pháp mà đến? Hay vì sàng tòa mà đến?” Nhân đó, giảng cho ngài Xá Lợi Phất về sự không chấp trước. Kế đó, ngài Duy Ma Cật hỏi Văn Thù Bồ Tát cõi nào có tòa sư tử đẹp nhất. Bồ Tát Văn Thù bảo qua khỏi ba mươi sáu Hằng hà sa cõi Phật từ phương Đông của thế giới Sa Bà, có thế giới tên Tu Di Tướng, Phật hiệu Tu Di Đăng Vương, thân Phật cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, tòa sư tử cũng cao ngang đó, trang nghiêm tốt đẹp bậc nhất. Ngài Duy Ma Cật liền hiện sức thần thông, khiến cho ba vạn hai ngàn tòa sư tử nương theo thân lực của đức Phật ấy vào trong thất của ngài Duy Ma Cật chẳng bị ngăn ngại. Cõi Sa Bà cũng chẳng bị chèn ép chật chội. Ngài Duy Ma Cật mời các vị Bồ Tát và đại đệ tử ngồi lên tòa đó. Tức thời, các đại Bồ Tát liền hiện thân cao bằng tòa ngồi lên đó, còn các vị sơ phát tâm Bồ Tát và Thanh Văn thì không ngồi được. Ngài Duy Ma Cật bảo ngài Xá Lợi Phất và các vị Bồ Tát, đại đệ tử đánh lễ Tu Di Đăng Vương Phật, thân hình của họ liền cao bằng tòa sư tử, đều ngồi lên được. Khi ngài Xá Lợi Phất thắc mắc, ngài Duy Ma Cật bèn giải thích: Chư Phật và chư Bồ Tát có pháp giải thoát tên là Bất Khả Tư Nghị. Trụ trong pháp đó, có thể đem núi Tu Di nhét vào hạt cải, hoặc

lớn, thì theo chiều dọc luận định lâu dài hay tạm thời, há tạm thời chẳng thể dung lâu dài ư?

Hỏi: - Nếu là như vậy, coi kéo dài nửa ngày là năm mươi tiểu kiếp, có sao kinh văn trong phần sau nói “*do thân lực của Phật khiến cho các đại chúng thấy như nửa ngày*”?

Đáp: - Chẳng phải là kéo dài nửa ngày thành năm mươi tiểu kiếp, mà là nạp năm mươi tiểu kiếp vào nửa ngày. Cũng giống như từ xa đem tòa đại sư tử của cõi [Tu Di] Đấng Vương Phật bỏ vào cái thất vuông vức một trượng, chẳng biến cái thất vuông vức một trượng thành tòa sư tử.

Hỏi: - “*Thời*” (thời gian) chẳng phải là thật pháp (pháp thật sự tồn tại), dài hoặc ngắn vốn là Không, có sao lại hý luận là có “*nạp vào*” vậy?

Đáp: - Nếu xét theo Chân Đế thì lớn, nhỏ, lâu dài, hay tạm thời, thấy đều bình đẳng. Nếu xét theo Tục Đế thì “*lớn, nhỏ, dài lâu, tạm thời*” vẫn tự rành rành! Nếu xét theo tình chấp mê muội, chẳng biết toàn thể Tục chính là Chân, cho nên khi nói theo Tục thì lớn vốn tự lớn, nhỏ sẽ tự nhỏ, lâu dài tự lâu dài, tạm thời sẽ tự tạm thời, chẳng dung nhiếp lẫn nhau. Khi nói theo Chân, sẽ một mực quét sạch! Nếu xét theo chư Phật, Bồ Tát, [các Ngài] đã liễu đạt “*Chân, Tục chẳng hai*”, cho nên chẳng phải chỉ là “*một sự nhiếp hết thấy Lý*”, mà còn là “*một sự nhiếp hết thấy các sự*”.

Do đó, cái thất vuông vức một trượng chứa đựng tòa sư tử, tòa sư tử chẳng nhỏ, cái thất vuông vức một trượng chẳng lớn. Như vậy thì sẽ hiểu nửa ngày dung nạp năm mươi kiếp, năm mươi kiếp chẳng rút ngắn, nửa ngày cũng chẳng kéo dài. Lại nữa, nếu luận theo cảnh giới của Tịch Quang và Thật Báo, Bồ Tát ở phương dưới thường đối diện xưng dương, Như Lai im lặng, thường tiếp nhận sự tán thán ấy, cho đến tột cùng đời vị lai, chẳng hề chán mệt, cũng chẳng ngưng nghỉ. Nếu luận theo cơ duyên của Đồng Cư Uế Độ, ắt Phật trụ thể tám mươi năm. Nơi mặt Sự, cần phải xướng “*nhập Diệt*”, cho nên khiến cho đại chúng tưởng như nửa ngày.

Nếu luận theo cơ duyên của cõi Phương Tiện Tịnh Độ, tức là đã phá Kiến Tư trong tam giới, nhưng chưa phá vô minh Biệt Hoặc, sẽ phải nên thấy Bồ Tát tán thán trải qua năm mươi kiếp. Do vậy biết từ ngay

---

cho nước bốn biển vào một lỗ chân lông mà chúng sanh trong ấy đều không hay biết v.v...

Linh Sơn này, theo chiều ngang luận định bốn cõi, chúng sanh do phước mỏng, thấy Phật nhập diệt. Đó là tướng trạng trong cõi Đồng Cư. Năm mươi tiểu kiếp tán thán Phật, nghiêm nhiên chưa tan, chính là tướng trạng trong cõi Phương Tiện. Trong A-tăng-kỳ kiếp, thường tại núi Linh Thú, “*chúng sanh thấy kiếp tận, cõi này của ta luôn an ổn*”. Đó là tướng trạng trong cõi Thật Báo Tịnh Quang.

Hỏi: - Nếu trong cõi Phương Tiện, Bồ Tát tán thán năm mươi tiểu kiếp, nay vẫn còn chưa giải tán, vậy thì mười ba phẩm kinh sau phẩm này do đâu mà có?

Đáp: - Thần lực của Phật chẳng thể nghĩ bàn, vì kẻ này thị hiện dài, vì kẻ kia mà thị hiện ngắn. Ba đời nhập vào lẫn nhau, cũng chẳng có nơi chốn. Như người hành hạnh An Lạc nằm mộng còn có thể trải qua ngàn vạn ức kiếp, há chẳng thể thâm nhiếp chuyện vị lai vào trong hiện tại, ngõ hầu chúng sanh trong cõi này sẽ được hưởng lợi ích do lưu thông [kinh Pháp Hoa] sau khi đức Phật đã diệt độ ư?

### **15.1.1.3.2.1.3. Thân lực của Phật gia trì**

*(Kinh) Ngũ thập tiểu kiếp, Phật thân lực cố, linh chú đại chúng vị như bán nhật. Nhĩ thời, tứ chúng diệc dĩ Phật thân lực cố, kiến chư Bồ Tát biến mãn vô lượng bách thiên vạn ức quốc độ hư không.*

**(經)五十小劫，佛神力故，令諸大眾謂如半日。爾時，四眾亦以佛神力故，見諸菩薩徧滿無量百千萬億國土虛空。**

*(Kinh: Do thân lực của Phật khiến cho các đại chúng nghĩ năm mươi tiểu kiếp giống như nửa ngày. Lúc bấy giờ, tứ chúng cũng do thân lực của Phật, thấy các Bồ Tát trọn khắp hư không của vô lượng trăm ngàn vạn ức quốc độ).*

Nếu xét theo Chân Đế thì thời kiếp vốn là Không. Nay xét theo Tục Đế, năm mươi tiểu kiếp là thật. Vì thế, người đã phá vô minh biết là năm mươi tiểu kiếp; kẻ chưa phá vô minh chẳng kham nổi lâu dài, do thân lực của Phật, khiến cho họ nghĩ là như nửa ngày, chẳng sanh tâm mệt mỏi. Lại nữa, chư Phật Bồ Tát trọn khắp hư không trong vô lượng quốc độ, há chỉ nhục nhãn chẳng thể thấy xa xôi cùng tột, ngay như thiên nhãn còn chẳng thể nhìn trọn! Nhưng nay tứ chúng do thân lực của Phật, bèn có thể thấy trọn khắp. Hãy nên biết là dài mà nói là ngắn do bởi mê

tình (tình kiến mê muội) chưa trừ. Tuy hẹp mà thấy là rộng, chính vì căn cơ mâu nhiệm phát khởi. Hơn nữa, là dài mà nói là ngắn, mang ý nghĩa biểu thị “*Bổn bị Tích ẩn lấp*”. Tích cần phải phơi bày, cho nên tuy hẹp mà thấy là rộng, mang ý nghĩa biểu thị “*Tích chứa đựng trong Bổn*”. Bổn cần phải được hiển lộ.

Lại nữa, nhìn theo Phật nhãn thì dài và ngắn bình đẳng, rộng và hẹp bình đẳng. Theo Lý thì chẳng phải Bổn, chẳng phải Tích. Nhìn bằng bốn loại mắt kia (nhục nhãn, thiên nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn) thì người đã hiểu sẽ thấy dài, thấy rộng, đúng như thật mà biết viễn Bổn. Kẻ mê hoặc sẽ thấy ngắn, thấy hẹp, bèn chấp cận Tích. Nay do mê đối với dài mà nói là ngắn, cũng nói là “*do Phật thần lực*”, nhằm hiển thị “Phật có thể tùy thuận tình kiến [của chúng sanh]”. Ngay như do hẹp mà thấy rộng, vẫn nói là “*do thần lực của Phật*”, nhằm hiển thị “Phật có thể phá tình kiến”. Hơn nữa, chưa bàn tới thọ lượng, dẫu dài mà khiến cho thấy là ngắn, [các vị Bồ Tát] từ phương dưới đã vọt lên. Vì thế, tuy hẹp mà khiến cho thấy là rộng. Thấy mưa to biết là rộng to. Thấy hoa [sen] sum suê, biết là ao sâu. Thấy “cái được biến hóa” (sở hóa) nhiều ngàn ấy, ắt biết “cái có thể biến hóa” (năng hóa) lâu xa rất lớn. Đã khai hiển, há đại chúng mê hoặc mãi? Vì thế, trong phẩm Như Lai Thần Lực thuộc phần sau, [các đức Như Lai hiện tướng thân biến] trọn trăm ngàn năm, sau đây mới thâm nhiếp tướng lưỡi, chẳng còn nói “*cho là như nửa ngày*”.

Phần thứ nhất, “tam nghiệp cúng dường” đã xong.

#### ***15.1.1.3.2.2. Trần thuật lời thăm hỏi***

***(Kính) Thị Bồ Tát chúng trung, hữu tứ đạo sư: Nhất, danh Thượng Hạnh. Nhị, danh Vô Biên Hạnh. Tam, danh Tịnh Hạnh. Tứ, danh An Lập Hạnh. Thị tứ Bồ Tát w kỳ chúng trung, tối vi thượng thủ xướng đạo chi sư. Tại đại chúng tiền, các cộng hiệp chưởng, quán Thích Ca Mâu Ni Phật nhi vấn tấn ngôn: “Thế Tôn! Thiếu bệnh, thiếu não, an lạc hạnh phủ? Sở ưng độ giả, thọ giáo dị phủ? Bất linh Thế Tôn sanh bì lao da?” Nhĩ thời, tứ đại Bồ Tát nhi thuyết kệ ngôn: “Thế Tôn an lạc, thiếu bệnh, thiếu não, giáo hóa chúng sanh, đắc vô bì quyện. Hựu chư chúng sanh, thọ hóa dị phủ? Bất linh Thế Tôn, sanh bì lao da?”***

**(經)是菩薩眾中，有四導師：一、名上行。二、名無邊行。三、名淨行。四、名安立行。是四菩薩於其眾中，最為上首唱導之師。在大眾前，各共合掌，觀釋迦牟尼佛而問訊言：「世尊！少病，少惱，安樂行不？所應度者，受教易不？不令世尊生疲勞耶？」爾時，四大菩薩而說偈言：「世尊安樂，少病少惱，教化眾生，得無疲倦。又諸眾生，受化易不？不令世尊，生疲勞耶？」**

*(Kinh: Trong các vị Bồ Tát ấy, có bốn vị đạo sư, một là Thượng Hạnh (Viśiṣṭacārita), hai là Vô Biên Hạnh (Anantacārita), ba là Tịnh Hạnh (Viśuddha -cārita), bốn là An Lập Hạnh (Supraṭiṣṭhitacārita)<sup>24</sup>. Bốn vị Bồ Tát ấy là bậc thầy xướng suốt, hướng dẫn thượng thủ cao tột nhất trong các vị ấy. Các Ngài ở trước đại chúng, đều cùng chấp tay nhìn Thích Ca Mâu Ni Phật mà thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Ngài ít bệnh, ít phiền não, có an vui hay chẳng?”<sup>25</sup> Những kẻ đáng được hóa độ có tiếp nhận giáo hóa dễ dàng hay không? Chẳng khiến cho đức Thế Tôn sanh mệt nhọc hay chẳng?” Lúc bấy giờ, bốn vị đại Bồ Tát bèn nói kệ rằng: “Thế Tôn được an lạc, ít bệnh, ít phiền não, Ngài giáo hóa chúng sanh, có chẳng mệt nhọc chẳng? Lại nữa, các chúng sanh, có dễ nghe dạy chẳng? Chẳng khiến cho Thế Tôn, sanh mệt nhọc đó chẳng?”)*

Đầu tiên, nêu ra bốn vị đạo sư, vì muốn [khiến cho người nghe kinh sẽ được] khai thị ngộ nhập bốn mươi địa vị [Bồ Tát trong Viên Giáo]. Như trong kinh Hoa Nghiêm, chỉ nêu ra Pháp Huệ, Công Đức Lâm, Kim Cang Tràng, Kim Cang Tạng [lần lượt nói] bốn mươi địa vị<sup>26</sup>.

<sup>24</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Biểu thị vượt khỏi Không và Hữu nên tên là Thượng Hạnh. Vượt khỏi bờ mé Đoạn và Thường nên gọi là Vô Biên Hạnh. Lìa cấu nhiễm, nên gọi là Tịnh Hạnh. Chẳng bị sanh tử lay động, nên gọi là An Lập Hạnh”.

<sup>25</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Như Lai do thương xót chúng sanh vướng mắc trong kết sử là bệnh, là não, là chẳng an lạc. Chúng sanh chẳng có kết sử chính là Như Lai ít bệnh, ít não, được an lạc. Do đó Bồ Tát thưa hỏi như vậy. Lại còn thuận theo pháp thế gian, cho nên thưa hỏi như vậy”.

<sup>26</sup> Pháp Huệ Bồ Tát là thượng thủ của các vị Bồ Tát có chữ Huệ (Pháp Huệ, Nhất Thiết Huệ, Thắng Huệ...) vân tập đến cung trời Đao Lợi. Pháp Huệ Bồ Tát giảng



Tên của bốn vị ấy (bốn vị thượng thủ Bồ Tát trong phẩm này) đều có chữ Hạnh, tức là thành tựu An Lạc Hạnh. Thượng Hạnh là khai tri kiến của Phật, vượt khỏi chín pháp giới. Vô Biên Hạnh là “*thị Phật tri kiến*” (chỉ bày tri kiến của Phật). Một hạnh chính là hết thảy các hạnh. Tịnh Hạnh là ngộ Phật tri kiến, Lý và Sự dung hội màu nhiệm. An Lập Hạnh là “*nhập Phật tri kiến*”, tự an, an người khác, giống như đại địa.

Trong lời thưa hỏi bao gồm phần Trường Hàng (văn xuôi) và trùng tụng, mỗi phần đều có hai ý: Một là hỏi Như Lai an lạc, hai là hỏi chúng sanh dễ độ [hay không]? “An lạc” chính là tự hành, “dễ độ” chính là hóa độ người khác; nói chung chẳng ra ngoài ba thứ “áo, nhà, tòa” [của Như Lai]. Ba thứ “áo, tòa, nhà” chính là An Lạc Hạnh. Phẩm trước dùng [ba điều ấy] để đốc thúc bậc Bồ Tát mới hành. Nay [các vị Bồ Tát từ dưới đất] vọt lên hỏi Phật, cũng chẳng qua là nói an lạc hạnh hay không mà thôi! Vì thế biết: Viên Hạnh từ đầu đến cuối có cùng một lý, Phật là an lạc hạnh rốt ráo, Bồ Tát là phần chứng an lạc hạnh. Phẩm trước nói về quán hạnh An Lạc Hạnh, cho đến hết thảy chúng sanh không gì chẳng phải là “*lý tức An Lạc Hạnh*”.

### **15.1.1.3.2.3. Đức Phật trả lời an lạc**

*(Kính) Nhĩ thời, Thế Tôn u Bồ Tát đại chúng trung, nhi tác thị ngôn: - Như thị, như thị! Chư thiện nam tử! Như Lai an lạc, thiếu bệnh, thiếu nã. Chư chúng sanh đẳng dị khả hóa độ, vô hữu bì lao. Sở dĩ giả hà? Thị chư chúng sanh thế thế dĩ lai, thường thọ ngã hóa, diệt u quá khứ chư Phật cung kính, tôn trọng, chủng chư thiện căn. Thử chư chúng sanh thử kiến ngã thân, văn ngã sở thuyết, tức giai tín thọ, nhập Như Lai huệ, trừ tiên tu tập học Tiểu Thừa giả. Như thị chi nhân, ngã kim diệt linh đắc văn thị kinh, nhập u Phật huệ.*

---

Thập Trụ. Công Đức Lâm Bồ Tát là thượng thủ trong mười vị Bồ Tát có chữ Lâm trong danh hiệu (Công Đức Lâm, Thắng Lâm, Vô Úy Lâm, Tàm Quý Lâm...) vân tập đến cung trời Dạ Ma. Ngài Công Đức Lâm giảng Thập Hạnh. Tại cung trời Đâu Suất, các vị Bồ Tát có chữ Tràng vân tập như Kim Cang Tràng, Kiên Cố Tràng, Dũng Mạnh Tràng, Quang Minh Tràng... Ngài Kim Cang Tràng giảng Thập Hồi Hương. Tại cung trời Tha Hóa Tự Tại, các vị Bồ Tát có chữ Tạng vân tập như Kim Cang Tạng, Bảo Tạng, Liên Hoa Tạng, Đức Tạng, Liên Hoa Đức Tạng... Ngài Kim Cang Tạng vì đại chúng giảng Thập Địa.

(經)爾時，世尊於菩薩大眾中，而作是言：「如是，如是！諸善男子！如來安樂，少病，少惱。諸眾生等易可化度，無有疲勞。所以者何？是諸眾生世世已來，常受我化，亦於過去諸佛恭敬，尊重，種諸善根。此諸眾生始見我身，聞我所說，即皆信受，入如來慧，除先修習學小乘者。如是之人，我今亦令得聞是經，入於佛慧」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở trong đại chúng Bồ Tát mà nói như thế này: - Đúng như vậy, đúng như thế! Đây các thiện nam tử! Như Lai an lạc, ít bệnh, ít não. Các hàng chúng sanh dễ hóa độ, chẳng mệt nhọc. Vì sao vậy? Các chúng sanh ấy từ nhiều đời đến nay thường được ta giáo hóa, và cũng cung kính, tôn trọng quá khứ chư Phật, gieo các thiện căn. Các chúng sanh ấy vừa mới thấy thân ta, nghe ta nói pháp, liền đều tin nhận, nhập Như Lai huệ, trừ những kẻ trước đó đã tu tập, học pháp Tiểu Thừa. Đối với kẻ như thế, ta nay cũng khiến cho họ được nghe kinh này, nhập vào trí huệ của Phật).

Đức Phật đáp “an lạc, dễ độ” là do hai chuyện thành tựu lẫn nhau: Do an lạc nên dễ độ; do dễ độ cho nên an lạc. Từ “sở dĩ giả hà” (vì có sao vậy) trở đi, giải thích nguyên do “dễ độ”: Do các chúng sanh đời đời được giáo hóa, nhưng có hai loại:

- Một là kẻ đã gieo các căn lành, vừa mới thấy thân ta, nghe nói Hoa Nghiêm liền đều tin nhận, nhập trí huệ của Như Lai, hoặc nghe Phương Đẳng, Bát Nhã cũng nhập Phật huệ.

- Hai là người trước đó đã tu tập Tiểu Thừa, sẽ dần dần được điều phục. Cho tới thời Pháp Hoa, cũng khiến cho họ nghe kinh, được nhập Phật huệ (Đối với Phương Đẳng và Bát Nhã, hàng Tiểu Thừa cũng có người ngầm nhập, nhưng chẳng nêu tỏ, cho nên ở đây chẳng nhắc tới). Do vậy biết Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Phật huệ chẳng khác, chớ nên thấy có ưu việt hay kém cỏi. Thế nhưng, Phật huệ tuy đồng, giáo tướng sai khác đôi chút.

Lại đối chiếu theo Hoa Nghiêm và Pháp Hoa để biện định, nêu ra đại lược mười điều khác biệt:

1. Thứ nhất, “*thỉ kiến, kim kiến*”. Lúc mới thành đạo trong thời Hoa Nghiêm thì gọi là “*thỉ kiến*”. Thời Pháp Hoa lâu sau mới nói Thật, vì thế gọi là “*kim kiến*”. Thỉ kiến và kim kiến, Phật huệ chẳng khác.

2. Thứ hai, “*khai hợp*” và “*bất khai hợp*”: Thời Hoa Nghiêm như mặt trời chiếu tới núi cao, nói ngay vào Đốn, cho nên chẳng cần khai hợp (tách ra hay gộp lại). Vì kẻ chẳng nhập, liền khai Đốn nói Tiệm, lần lượt điều phục, khiến cho họ dần dần trở về Đốn. Vì thế, Pháp Hoa là “*đã khai bèn hợp*” (trước thời Pháp Hoa, khai tam thừa. Đến thời Pháp Hoa, gộp chung tam thừa thành Nhất Thừa). Khai và hợp tuy khác, nhưng hai thứ Đốn chẳng khác.

3. Thứ ba, “*ngang, dọc, cặn kẽ, sơ lược*”: Hoa Nghiêm nhanh chóng, thẳng thừng, tiến nhập theo chiều dọc để nhập pháp giới. Vì thế nói là “*thụ quang*” (theo chiều dọc thì nói rộng, tức nói chi tiết). Do chẳng cần trải qua phương tiện, cho nên nói là “*hoành lược*” (theo chiều ngang thì đại lược). Pháp Hoa trải đủ năm vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) tức là “*hoành quang*” (theo chiều ngang thì nói rộng). Được nhập Phật huệ cũng là “*thụ quang*”. Nhưng đã nhập pháp giới, sẽ tự thông đạt hết thảy các phương tiện; [vì thế] hai kinh chẳng khác nhau!

4. Thứ tư, “*Bổn và Tích bất đồng*”: Hoa Nghiêm coi đức Tỳ Lô Giá Na Phật là Bổn, trăm ngàn ức Thích Ca là Tích. Pháp Hoa thì coi thành Phật đã lâu là Bổn, [đức Thích Ca thị hiện thành Phật] nơi Tịch Diệt đạo tràng là Tích. Như vậy Bổn trong Hoa Nghiêm chỉ là Tích của Pháp Hoa. Lại nữa, Hoa Nghiêm tuy nói “*thấy Như Lai vừa mới thành đạo*”, hoặc “*thấy Như Lai thành đạo đã vô lượng kiếp*”, cũng có ý nghĩa ngầm hiển lộ Bổn, nhưng chưa nói rõ ràng, rành rẽ “*Phật đã thành đạo lâu xa đường ấy*”. Đây là chẳng phải Bổn, chẳng phải Tích, pháp giới có cùng một Lý. Bổn đã lâu, Tích thì gần; chuyện được ẩn và hiển khác biệt.

5. Thứ năm, “*được gia bị để nói*” và “*chẳng gia bị để nói*”: Trong kinh Hoa Nghiêm, chỉ có phẩm A Tăng Kỳ và [Như Lai] Tùy Hảo [Quang Minh] do đức Phật tự nói, các phẩm khác đều do các vị Bồ Tát được Phật gia bị mà nói. Pháp Hoa thì tam châu của Tích Môn và Thọ Lượng của Bổn Môn hoàn toàn do đức Phật tự nói. Tuy là gia bị [hàng Bồ Tát] nói hay tự nói, lý thường bình đẳng, nhưng hóa nghi (phương cách giáo hóa) sai khác.

6. Thứ sáu, “*biến đổi cõi nước*” hay “*chẳng biến đổi*”: Hoa Nghiêm thì ngay từ ướ mà tịnh, biểu thị đại đạo viên mãn, trực tiếp, cho nên chẳng cần biến đổi [cõi nước]. Pháp Hoa chuyển ướ thành tịnh, biểu

thị hội Quyền về Thật, cho nên cần phải ba lượt biến đổi. Dù biến đổi hay chẳng biến đổi, Tịnh Độ chẳng hủy, cho nên chẳng khác!

7. Thứ bảy, nhiều chỗ hay không nhiều chỗ: Kinh Hoa Nghiêm gồm bảy xứ chín hội, tức là có nhiều chỗ. Pháp Hoa thì [chỉ nói tại] Linh Thứu và trong hư không, cho nên chẳng có nhiều chỗ. Chỗ tuy nhiều hay ít, nhưng lý thường bình đẳng.

8. Thứ tám, “quở trách, phủ định” hay “không quở trách, phủ định”: Trong hội đầu của Hoa Nghiêm hoàn toàn chẳng có Thanh Văn, cho nên chẳng quở trách, phủ định. Pháp Hoa chính vì nhằm phá chấp trước Tiểu Thừa, cho nên có quở trách, phủ định. Hơn nữa, trong phẩm Nhập Pháp Giới [của kinh Hoa Nghiêm], hàng Nhị Thừa như điếc, như câm, cho nên có quở trách, phủ định. Pháp Hoa thọ ký [mọi căn cơ] đều thành Phật, cho nên chẳng có quở trách, phủ định! Hoa Nghiêm chỉ tiếp độ hai loại căn cơ ngoài tam giới, như chữa hai thứ bệnh nặng và bệnh nhẹ chẳng chết, còn dễ đạt được công lao. Pháp Hoa có thể trị định tánh Thanh Văn, giống như khiến cho hạt giống hư nát lại nảy mầm, đạt được công lao càng lạ lùng!

9. Thứ chín, “trực hiển và khai hiển”: Hoa Nghiêm hạnh to lớn, đường lối trực tiếp, được gọi là “trực hiển Thật”. Pháp Hoa thì phủ quyết pháp Thanh Văn, gọi là “*khai Quyền hiển Thật*”. Cái Thật được hiển lộ ấy rốt cuộc bất nhị.

10. Thứ mười, “lợi căn và độn căn”: Kẻ lợi căn ngộ ngay trong thời Hoa Nghiêm. Kẻ độn căn thì đến thời Pháp Hoa mới ngộ. Lợi độn tuy khác, ngộ lý là một! Có thể khiến cho kẻ độn căn giải ngộ, công càng khó gấp bội!

Xét theo lẽ thích nghi khác nhau, đại lược thì có mười loại khác nhau, nhưng Chung Trí pháp giới bình đẳng chẳng sai biệt. Vì thế nói: “*Thử kiến ngã thân, văn ngã sở thuyết, tức giai tín thọ, nhập Như Lai huệ. Trừ tiên tu tập học Tiểu Thừa giả, ngã kim diệc linh đắc văn thị kinh, nhập u Phật huệ*” (Vừa mới thấy thân ta, nghe lời ta nói, đều liền tin nhận, nhập vào trí huệ của Phật. Trừ những kẻ trước đó đã tu tập, học pháp Tiểu Thừa, nay ta cũng khiến cho họ được nghe kinh này, nhập trí huệ của Phật). Kinh văn đã nói rõ ràng tại đó, chẳng cần nghi nữa! Các vị sư (các vị chú giải hoặc giảng sư thuở trước) do thấy duyên khác nhau, bèn chạy theo duyên mà hiểu sai khác, mê muội chẳng biết phản tỉnh, cách đạo ngày càng xa! Nếu hiểu Lý giống hệt như nhau, ngàn cỗ xe sẽ đi cùng một lối, Phật huệ chẳng khác biệt. Nhưng Hoa Nghiêm nói kèm thêm Biệt Giáo để giảng về Phật huệ. Phương Đẳng thì đối ứng với

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

tam thừa để giảng Phật huệ. Bát Nhã thì nói kèm thêm Nhị Thừa để giảng Phật huệ. Chỉ có Pháp Hoa vạch rõ những pháp nói kèm thêm, nói đối ứng, nói phụ thêm, cho đến Tam Tạng chỉ là pháp sanh diệt, nhưng đều thành Phật huệ. Do vậy, viên lý được diễn nói trong pháp này hay các pháp kia chẳng khác. Tuy giáo pháp có thể diễn nói thuận hay tạp sai khác, nhưng đều đặc biệt được gọi là Diệu, vì [các pháp ấy] chẳng hư huyền vậy. Cổ nhân nói: “*Hoa Nghiêm liễu nghĩa mãn tự thường trụ. Pháp Hoa bất liễu nghĩa chẳng mãn, chẳng thường*”. Nay sử dụng câu ấy để cùng nói thì “nhập từ thuở đầu” là liễu nghĩa, “cho đến nay mới nhập” là bất liễu nghĩa, cũng phải nên là “nhập từ ban đầu là Phật huệ, nay mới nhập sẽ chẳng phải là Phật huệ”. Nếu Phật huệ đã là như nhau, thì liễu nghĩa [và bất liễu nghĩa] cũng bình đẳng. Mãn và thường cũng thế. Lại nữa, các vị bên Địa Luận Tông cho rằng “*Hoa Nghiêm là viên tông, Pháp Hoa chẳng phải là chân tông*”, nay cũng dùng đoạn kinh văn này để xóa trừ sự chấp trước ấy!

### *15.1.1.3.2.4. Kệ tụng tùy hỷ*

*(Kinh) Nhĩ thời, chư đại Bồ Tát nhi thuyết kệ ngôn: - Thiện tai, thiện tai! Đại hùng Thế Tôn, chư chúng sanh đẳng, dị khả hóa độ, năng vấn chư Phật, thậm thâm trí huệ, văn dĩ tín hành, ngã đẳng tùy hỷ.*

**(經)爾時，諸大菩薩而說偈言：「善哉善哉，大雄世尊，諸眾生等，易可化度，能問諸佛，甚深智慧，聞已信行，我等隨喜」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, các vị đại Bồ Tát bèn nói kệ rằng: - Lành thay, lành thay! Đại hùng Thế Tôn, các hàng chúng sanh, dễ được hóa độ, hay hỏi chư Phật, trí huệ rất sâu, nghe rồi tin, hành. Chúng con tùy hỷ).*

“*Có thể hỏi*” là như trong kinh Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã, đều có bậc Bồ Tát đương cơ hỏi pháp. Cho đến kinh Pháp Hoa, ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) ba lượt thỉnh, đều là “*có thể hỏi*”. Điều được hỏi chính là trí huệ rất sâu, đó gọi là Như Lai huệ!

### *15.1.1.3.2.5. Như Lai trần thuật, tán thán*

*(Kinh) Ở thời, Thế Tôn tán thán thượng thủ chư đại Bồ Tát: - Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Như đấng năng u Như Lai phát tùy hỷ tâm.*

**(經)於時，世尊讚歎上首諸大菩薩：「善哉！善哉！善男子！汝等能於如來發隨喜心」。**

*(Kinh: Ngay khi đó, đức Thế Tôn tán thán các vị đại Bồ Tát thượng thủ: - Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Các ông có thể phát tâm tùy hỷ đối với Như Lai).*

Bồ Tát tùy hỷ người có thể hỏi, có thể tin. Đức Phật bèn tán thán các vị ấy có thể phát tâm tùy hỷ đối với Như Lai, ngụ ý nêu rõ: Những người có thể hỏi đều là bậc cổ Phật thị hiện dấu tích, cho nên Bồ Tát tùy hỷ sự rủ lòng thị hiện ấy. Như Lai trần thuật, tán thán Bồn của họ, cũng ngầm hiển lộ thọ lượng.

Phần thứ nhất, tức “Tự phần trần thuật chuyện từ dưới đất vọt lên” đã xong.

### **15.1.2. Tự phần: Nghi vấn**

#### **15.1.2.1. Bồ Tát trong cõi này nghi vấn**

##### **15.1.2.1.1. Phần Trường Hàng trần thuật nghi niệm**

*(Kinh) Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát cập bát thiên Hằng hà sa chư Bồ Tát chúng, giai tác thị niệm: “Ngã đấng từng tích dĩ lai, bất kiến, bất văn như thị đại Bồ Tát Ma Ha Tát chúng từng địa dũng xuất, trụ Thế Tôn tiền, hiệp chưởng, cúng dường, vân tán Như Lai”.*

**(經)爾時，彌勒菩薩及八千恒河沙諸菩薩眾，皆作是念：「我等從昔已來，不見，不聞如是大菩薩摩訶薩眾從地涌出，住世尊前，合掌，供養，問訊如來」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát và các vị Bồ Tát nhiều như số cát trong tám ngàn sông Hằng đều nghĩ như thế này: “Từ trước đến nay, chúng ta chẳng thấy, chẳng nghe các vị đại Bồ Tát Ma Ha Tát như thế từ dưới đất vọt lên, ở trước đức Thế Tôn, chấp tay cúng dường, thưa hỏi Như Lai”).*

“*Di Lạc và các vị Bồ Tát đều nảy sanh nghi niệm*” có bốn ý nghĩa:

- Một, kể từ sau Tịch Diệt đạo tràng cho đến trước pháp tòa này, mười phương đại sĩ đến dự hội [thuyết pháp của đức Phật] chẳng dứt. Tuy chẳng thể nói rõ ngần hạn, nhưng con dùng trí lực của bậc Bồ Xứ đều biết, đều thấy, có sao đối với các vị này, chẳng biết một vị nào? Lại nữa, con du hóa mười phương, phụng sự, thân cận chư Phật. Đối với hết thấy các hải hội đều am hiểu. Ngay như đối với chỗ đã từng trải của họ, cũng chẳng biết dù đến hay đi, dù tìm cầu vẫn chẳng biết. Chẳng biết thì sẽ không có Thế Giới Ích. Cho nên cần phải nghi hoặc, hỏi han.

- Hai, các vị đại sĩ đó là bậc tiền bối liễu đạt, ngài Di Lạc là mặt học thuộc lớp sau. Lớp sau chẳng biết lớp trước, chẳng hạn như ngài Văn Thù chẳng biết cảnh giới của nữ nhân nhập Định. Nữ nhân chẳng biết cảnh giới của Khí Chư Âm Cái Bồ Tát (Sarvanīvaraṇa-*viṣkambhin*)<sup>27</sup>. Do chẳng biết, sẽ chẳng hiểu sự nội thiện của họ. Do tự

---

<sup>27</sup> Đây là một câu chuyện được trích từ bộ Chư Phật Yếu Tập Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào thời Tây Tấn. Theo đó, trong cõi Phổ Quang của Thiên Vương Như Lai, ngồi bên trái Thiên Vương Như Lai có một nữ nhân tên là Ly Ý. Cô này ngồi xếp bằng, tán nhập Phổ Nguyệt Ly Cầu Quang Minh tam-muội rất sâu. Ngài Văn Thù Sư Lợi dốc trọn đại thân thông, chẳng thể nào khiến cho cô ta xuất Định. Ngài bèn thưa hỏi Thiên Vương Phật về duyên do. Sau khi dạy rõ công hạnh của cô Ly Ý, Thiên Vương Phật bảo: “Chỉ có Như Lai mới có thể khiến cho cô ta xuất Định, và cũng chỉ có Khí Chư Âm Cái Bồ Tát cũng có thể làm như thế”. Phật dạy: Trong thế giới Cẩm Tràng, có Phật hiệu là Sư Tử Ứng Tượng Đảnh Hồng Như Lai đang thuyết pháp. Khí Chư Âm Cái Bồ Tát đang du hóa trong cõi ấy. Sau đó, Thiên Vương Phật giảng rõ: Trong chín mươi sáu ức trăm ngàn câu-chi A-tăng-kỳ kiếp trước, cô Ly Ý đã từng tu tập. Về sau, cô ta khuyên ngài Văn Thù sơ phát đạo tâm. Số người được cô hóa độ giống như ngài Văn Thù nhiều như cát sông Hằng nơi các quốc độ trong mười phương, mà cô Ly Ý lại được Khí Chư Âm Cái Bồ Tát khuyên phát đạo tâm. Khí Chư Âm Cái Bồ Tát cũng là người khuyên Thiên Vương sơ phát đạo tâm. Khí Chư Âm Cái Bồ Tát là cách dịch khác của danh xưng Trừ Cái Chướng Bồ Tát. Danh hiệu của Ngài còn được dịch là Trừ Nhất Thiết Cái Chướng, Hàng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại v.v... Theo Mật Giáo, Ngài là chủ tôn trong Trừ Cái Chướng Viện thuộc Thai Tạng Mạn Đà La. Đại Nhật Kinh Sớ nói Ngài dùng tâm Bồ Đề thanh tịnh soi tỏ các pháp, cho nên đạt được Trừ Cái Chướng tam-muội, thấy Thật Tướng của tám vạn bốn ngàn phiền não, thành tựu tám vạn bốn ngàn bảo tu môn. Trong Thai Tạng Mạn Đà La, Ngài được mô tả tay trái cầm hoa sen, trên hoa có Như Ý Châu, tay phải kết ấn Thí Vô Úy, thí Như Ý Châu cho hết thấy chúng sanh, thỏa mãn nguyện vọng của họ. Ngài có mật hiệu là Ly Não Kim Cang. Trong Đại Tạng Kinh còn có các bộ Trừ Cái Chướng Bồ Tát Sở Vấn Kinh, Bảo Vũ Kinh,

thiện chẳng sanh, sẽ chẳng có Vị Nhân Ích. Vì thế, cần phải nghi hoặc, hỏi han.

- Ba, các vị đại sĩ ấy vốn do căn bản Thật Tướng, ứng hiện trong mười phương, giáo hóa riêng biệt. Tất cả chân ứng đều chẳng phải là cảnh giới của ngài Di Lạc. Đã chẳng biết đạo “*lợi vật*” (lợi lạc chúng sanh) của họ, tức là chẳng biết bệnh, sẽ chẳng có Đối Trị Ích. Vì thế, cần phải nghi hoặc, hỏi han.

- Bốn, đức Phật phó thác chuyện hoằng kinh, triệu tập các vị đại sĩ. Các vị đại sĩ tuân phụng nghiêm mạng của thầy nên tới nhóm họp, ngầm khai thọ lượng. Đại chúng trong hội khi ấy chẳng thể biết được [điều đó]. Đã không biết ý chỉ bí mật của Như Lai, sẽ chẳng có Đệ Nhất Nghĩa Ích. Cho nên cần phải nghi hoặc, thưa hỏi.

Nhưng ngài Di Lạc nơi Tích thuộc địa vị Bồ Xứ, Bốn cũng phải nên sâu, sao lại chẳng biết như thế? Điều này có hai ý nghĩa:

- Nếu dựa theo Thật để luận định, Ngài mới thành Bồ Xứ gần đây, sẽ chẳng biết Bốn lâu xa.

- Nếu dựa theo Quyền để luận định thì Bốn cao, Tích thấp, Ngài vì chúng sanh mà nêu lên nghi hoặc vậy!

#### **15.1.2.1.2. Kệ tụng nêu lên thắc mắc**

##### **15.1.2.1.2.1. Thắc mắc [các vị Bồ Tát ấy] từ đâu đến, do duyên nào mà đến**

*(Kinh) Thời, Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát tri bát thiên Hàng hà sa chư Bồ Tát đẳng tâm chí sở niệm, tịnh dục tự quyết sở nghi, hiệp chương hướng Phật, dĩ kệ vấn viết: - Vô lượng thiên vạn ức, đại chúng chư Bồ Tát, tích sở vị tăng kiến, nguyện Lương Túc Tôn thuyết. Thị tùng hà sở lai? Dĩ hà nhân duyên tập? Cự thân, đại thân thông, trí huệ phá tư nghi. Kỳ chí niệm kiên cố, hữu đại nhân nhục lực. Chúng sanh sở nhạo kiến, vị tùng hà sở lai?*

**(經)時，彌勒菩薩摩訶薩知八千恒河沙諸菩薩等心之所念，并欲自決所疑，合掌向佛，以偈問曰：「無量千萬**

---

Đại Thừa Bảo Vân Kinh, kinh Viên Giác, Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thần Biến Gia Trì Kinh, Vô Cấu Tịnh Quang Đại Đà La Ni Kinh, và Đại Cát Tường Thiên Nữ Thập Nhị Khế Nhất Bách Bát Danh Vô Cấu Đại Thừa Kinh nói về Trừ Cái Chương Bồ Tát.



**億，大眾諸菩薩，昔所未曾見，願兩足尊說。是從何所來？以何因緣集？巨身大神通，智慧叵思議。其志念堅固，有大忍辱力。眾生所樂見，為從何所來？**

*(Kinh: Khi đó, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát biết tâm niệm của các vị Bồ Tát nhiều như số cát trong tám ngàn sông Hằng, và mong giải quyết điều nghi của chính mình, chấp tay hướng về đức Phật, dùng kệ hỏi rằng: - Vô lượng ngàn vạn ức, đại chúng các Bồ Tát, xưa kia chưa từng thấy. Nguyên Lương Túc Tôn nói, họ từ đâu mà đến, nhân duyên nào nhóm họp? Thân to, thần thông lớn, trí huệ chẳng nghĩ bàn. Chí niệm họ kiên cố, có sức đại nhẫn nhục, chúng sanh ưa thích thấy, từ chỗ nào mà đến?)*

Một là hỏi họ từ nơi nào đến? Hai là hỏi do nhân duyên gì mà đến? “*Cự thân, đại thần thông*” (Thân to, thần thông lớn): Tán thán đã “vào nhà Như Lai”. “*Trí huệ phả tư nghị*” (Trí huệ chẳng nghĩ bàn): Tán thán đã “ngồi tòa của Như Lai”. “*Kỳ chí niệm kiên cố, hữu đại nhẫn nhục lực*” (Chí niệm họ kiên cố, có sức đại nhẫn nhục): Tán thán “mặc áo Như Lai”. Ba điều ấy đều là tự hành đức. “*Chúng sanh sở nhạo kiến*” (Chúng sanh ưa thích thấy) là tán thán hóa tha đức (phẩm đức giáo hóa người khác).

#### **15.1.2.1.2.2. Trần thuật số lượng quyền thuộc**

*(Kinh) Nhất nhất chư Bồ Tát, sở tương chư quyền thuộc, kỳ số vô hữu lượng, như Hằng hà sa đẳng. Hoặc hữu đại Bồ Tát, tương lục vạn Hằng sa. Như thị chư đại chúng, nhất tâm cầu Phật đạo. Thị chư đại sư đẳng, lục vạn Hằng hà sa, câu lai cúng dường Phật, cập hộ trì thị kinh. Tương ngũ vạn Hằng sa, kỳ số quá u thị. Tứ vạn cập tam vạn, nhị vạn chí nhất vạn. Nhất thiên, nhất bách đẳng, nãi chí nhất Hằng sa. Bán cập tam tứ phần. Ưc vạn phần chi nhất. Thiên vạn na-do-tha, vạn ức chư đệ tử, nãi chí u bán ức, kỳ số phục quá thượng. Bách vạn chí nhất vạn, nhất thiên cập nhất bách, ngũ thập dữ nhất thập, nãi chí tam, nhị, nhất. Đơn kỷ vô quyền thuộc, nhạo u độc xử giả, câu lai chí Phật sở. Kỳ số chuyển quá thượng. Như thị chư đại chúng, nhược nhân hành trừ số, quá u Hằng sa kiếp, do bất năng tận tri.*

(經)一一諸菩薩，所將諸眷屬，其數無有量，如恒河沙等。或有大菩薩，將六萬恒沙。如是諸大眾，一心求佛道。是諸大師等，六萬恒河沙，俱來供養佛，及護持是經。將五萬恒沙，其數過於是。四萬及三萬，二萬至一萬。一千一百等，乃至一恒沙。半及三四分。億萬分之一。千萬那由他，萬億諸弟子，乃至於半億，其數復過上。百萬至一萬，一千及一百，五十與一十，乃至三二一。單己無眷屬，樂於獨處者，俱來至佛所。其數轉過上。如是諸大眾，若人行籌數，過於恒沙劫，猶不能盡知。

(Kinh: Mỗi mỗi vị Bồ Tát, dẫn theo các quyển thuộc, số ấy chẳng hạn lượng, nhiều như cát sông Hằng. Hoặc có đại Bồ Tát, dẫn sáu vạn Hằng sa. Các đại chúng như thế, nhất tâm cầu Phật đạo. Các vị đại sư thầy, sáu vạn Hằng hà sa, đều tới cúng dường Phật, và hộ trì kinh này. Dẫn năm vạn Hằng sa, số ấy nhiều hơn thế. Bốn vạn và ba vạn, hai vạn tới một vạn, một ngàn, một trăm thầy, cho đến một Hằng sa, nửa và ba bốn phần, một phần của ức vạn. Ngàn vạn na-do-tha. Vạn ức các đệ tử, cho đến chỉ nửa ức. Số ấy lại hơn thế, trăm vạn đến một vạn, một ngàn và một trăm, năm mươi và mười người, cho đến ba, hai, một, đơn độc không quyển thuộc, người thích ở một mình, đều đến chỗ đức Phật. Số ấy nhiều hơn thế. Các đại chúng như vậy, nếu người phát thẻ đếm, hơn một Hằng sa kiếp, vẫn chẳng thể biết trọn).

### 15.1.2.1.2.3. Hỏi họ đã học pháp với vị thầy nào

(Kinh) Thị chư đại oai đức, tinh tấn Bồ Tát chúng, thùy vị kỳ thuyết pháp, giáo hóa nhi thành tựu? Tùng thùy sơ phát tâm? Xưng dương hà Phật pháp? Thọ trì hành thùy kinh? Tu tập hà Phật đạo?

**(經)是諸大威德，精進菩薩眾，誰為其說法，教化而成就？從誰初發心？稱揚何佛法？受持行誰經？修習何佛道？**

*(Kinh: Các vị đại oai đức, tinh tấn Bồ Tát ấy, ai vì họ thuyết pháp? Giáo hóa mà thành tựu? Từ ai sơ phát tâm? Xưng dương Phật pháp gì? Thọ trì, hành kinh gì? Tu tập Phật đạo nào?)*

**15.1.2.1.2.4. Kết lại lời thỉnh giải quyết mối nghi**

**15.1.2.1.2.4.1. Kết lại lời tán thán**

*(Kinh) Như thị chư Bồ Tát, thần thông đại trí lực.*

**(經)如是諸菩薩，神通大智力。**

*(Kinh: Các Bồ Tát như thế, sức thần thông, đại trí).*

**15.1.2.1.2.4.2. Xin giải đáp họ từ chỗ nào đến**

*(Kinh) Tứ phương địa chấn liệt, giai tùng trung dũng xuất. Thế Tôn, ngã tích lai, vị tăng kiến thị sự. Nguyên thuyết kỳ sở tùng, quốc độ chi danh hiệu. Ngã thường du chư quốc, vị tăng kiến thị chúng. Ngã u thử chúng trung, nãi bất thức nhất nhân.*

**(經)四方地振裂，皆從中涌出。世尊我昔來，未曾見是事。願說其所從，國土之名號。我常遊諸國，未曾見是眾。我於此眾中，乃不識一人。**

*(Kinh: Bốn phương đất rung nứt, đều từ đó vọt ra. Thế Tôn, con xưa nay, chưa từng thấy chuyện này! Mong nói từ đâu đến, danh hiệu của cõi nước. Con thường dạo các nước, chưa từng thấy bọn họ. Trong số các người ấy, con chẳng biết một ai!)*

**15.1.2.1.2.4. Xin giải đáp do duyên gì họ [nhóm đến]**

*(Kinh) Hốt nhiên tùng địa xuất, nguyện thuyết kỳ nhân duyên.*

**(經)忽然從地出，願說其因緣。**

*(Kinh: Bỗng dưng từ đất ra, nguyện nói nhân duyên ấy).*

15.1.2.1.2.4. Nêu rõ đại hội cùng thỉnh cầu

*(Kinh) Kim thử chi đại hội, vô lượng bách thiên ức, thị chư Bồ Tát đẳng, giai dục tri thử sự. Thị chư Bồ Tát chúng, bồn mạt chi nhân duyên. Vô lượng đức Thế Tôn, duy nguyện quyết chúng nghi.*

**(經)今此之大會，無量百千億，是諸菩薩等，皆欲知此事。是諸菩薩眾，本末之因緣。無量德世尊，唯願決眾疑」。**

*(Kinh: Nay trong đại hội này, vô lượng trăm ngàn ức, các hàng Bồ Tát thấy, đều muốn biết chuyện ấy: Nhân duyên đầu đến cuối, của các Bồ Tát ấy. Thế Tôn vô lượng đức, mong giải quyết nghi hoặc).*

Đã nói muốn biết nhân duyên từ đầu đến cuối, thì dù là họ đến từ chỗ nào, hay duyên do [vì sao các vị Bồ Tát ấy] nhóm đến; nói chung, đều cầu Phật giải đáp rõ ràng.

Phần thứ nhất, “Bồ Tát cõi này nghi vấn” đã xong.

15.1.2.2. Bồ Tát trong cõi khác nghi vấn

*(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni phân thân chư Phật tòng vô lượng thiên vạn ức tha phương quốc độ lai giả, tại u bát phương, chư bảo thụ hạ sư tử tòa thượng, kết gia phu tọa, kỳ Phật thị giả, các các kiến thị Bồ Tát đại chúng, u tam thiên đại thiên thế giới tứ phương tòng địa dũng xuất, trụ u hư không, các bạch kỳ Phật ngôn: “Thế Tôn! Thử chư vô lượng vô biên A-tăng-kỳ Bồ Tát đại chúng tòng hà sở lai?” Nhĩ thời, chư Phật các cáo thị giả: “Chư thiện nam tử! Thử đãi tu du. Hữu Bồ Tát Ma Ha Tát danh viết Di Lạc, Thích Ca Mâu Ni Phật chi sở thọ ký thứ đương tác Phật, dĩ vấn tư sự, Phật kim đáp chi. Nhữ đẳng tự đương nhân thị đắc văn”.*

**(經)爾時，釋迦牟尼分身諸佛從無量千萬億他方國土來者，在於八方，諸寶樹下師子座上，結加趺坐，其佛侍者，各各見是菩薩大眾，於三千大千世界四方從地涌出，住於虛空，各白其佛言：「世尊！此諸無量無邊阿僧祇菩**

**薩大眾從何所來？」爾時，諸佛各告侍者：「諸善男子！且待須臾。有菩薩摩訶薩名曰彌勒，釋迦牟尼佛之所授記次當作佛，已問斯事，佛今答之。汝等自當因是得聞」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, chư Phật phân thân của Thích Ca Mâu Ni từ vô lượng ngàn vạn ức quốc độ ở phương khác đến, ngồi xếp bằng trên tòa sư tử dưới các cây báu trong tám phương, thị giả của các Ngài mỗi vị đều thấy đại chúng Bồ Tát ấy tại bốn phương của tam thiên đại thiên thế giới, từ dưới đất vọt lên, trụ trong hư không, [thấy rồi], đều bạch với đức Phật của mình rằng: “Bạch Thế Tôn! Vô lượng vô biên A-tăng-kỳ đại chúng Bồ Tát này từ đâu mà đến?” Khi đó, chư Phật mỗi vị đều bảo thị giả: “Các thiện nam tử! Hãy chờ trong giây lát. Có Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Di Lặc, được Thích Ca Mâu Ni Phật thọ ký sẽ kế tiếp Ngài thành Phật, đã hỏi chuyện ấy. Nay Phật sẽ đáp, các ông sẽ nhờ đó mà được nghe”).*

Quyển thuộc của phân thân [chư Phật] theo chiều ngang khắp mười phương cũng chẳng biết Bốn địa, chưa có tứ ích (bốn món Tát Đàn), cho nên có cùng nghi vấn giống như ngài Di Lặc. Chư Phật đều chẳng giải đáp, đều đợi Phật Thích Ca giải đáp cho ngài Di Lặc. Lời hỏi của ngài Di Lặc có sự tích chẳng nhẹ; cả một đời giáo hóa của đức Thích Ca, Ngài chưa từng nói rõ. Do cuộc vấn đáp này, rộng hiển thị sự trường thọ của Như Lai. Sự huyền bí to lớn ấy cần phải đợi Phật Thích Ca tự mở ra. “*Nhữ tự đương văn*” (Các ông sẽ tự được nghe): Phân thân nhóm đến, vốn là để chứng minh. Cho nên [phân thân chư Phật] chẳng nên đáp.

Phần thứ nhất, “*phần Tự của Bốn Môn*” đã xong.

## **15.2. Phần Chánh Thuyết (phần Chánh Tông của Bốn Môn)**

### **15.2.1. Răn nhắc, hứa khả**

#### **15.2.1.1. Trường Hàng**

##### **15.2.1.1.1. Trần thuật, tán thán**

**(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Di Lặc Bồ Tát: -  
Thiện tai! Thiện tai! A Dật Đa! Nãi năng vấn Phật như thị đại sự.**

**(經)爾時，釋迦牟尼佛告彌勒菩薩：「善哉！善哉！**

**阿逸多！乃能問佛如是大事。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Di Lặc Bồ Tát: “Lành thay! Lành thay! Này A Dật Đa! Có thể hỏi Phật đại sự như thế”).*

“Thiện tai” lần thứ nhất trần thuật [câu hỏi ấy] trên là khế hợp tâm Phật. “Thiện tai” lần thứ hai trần thuật [câu hỏi ấy] dưới là khế hợp ý niệm của quần sanh.

“Khai Tích, hiển Bốn” chính là điều chưa được nói rõ trong giáo pháp suốt một đời đức Phật, cho nên đó là đại sự của Phật. Lại cần phải xét theo tu đức và quả vị sâu xa, chẳng xét theo lý thú bình đẳng nơi Tánh Đức, cho nên nói là Sự.

#### 15.2.1.1.2. Răn truyền

*(Kinh) Nhữ đẳng đương cộng nhất tâm, bị tinh tấn khái, phát kiên cố ý.*

**(經)汝等當共一心，被精進鎧，發堅固意。**

*(Kinh: Các ông hãy nên nhất tâm, mặc giáp tinh tấn, phát khởi ý niệm bền vững).*

[Căn dặn] “nhất tâm” tức là răn đừng loạn. “Tinh tấn” là răn đừng biếng trễ. “Kiên cố” là răn đừng lui sụt. Ấy là vì Thật Trí của Như Lai thành tựu đã lâu, Quyền Tích lâu xa, giáo hóa cùng tột ba đời, lợi ích trọn khắp mười phương. Những kẻ thấp hơn bậc Đẳng Giác chẳng thể nghĩ bàn được; đây cũng là thông qua ngài Di Lặc mà răn nhắc [mọi người trong] đại hội.

#### 15.2.1.1.3. Hứa khả

*(Kinh) Như Lai kim dục hiển phát tuyên thị chư Phật trí huệ, chư Phật tự tại thân thông chi lực, chư Phật sư tử phân tán chi lực, chư Phật oai mãnh đại thế chi lực.*

**(經)如來今欲顯發宣示諸佛智慧，諸佛自在神通之力，諸佛師子奮迅之力，諸佛威猛大勢之力」。**

*(Kinh: Nay Như Lai muốn hiển lộ, phát khởi, tuyên nói, chỉ bày trí huệ của chư Phật, sức thần thông tự tại của chư Phật, sức sư tử phấn tấn của chư Phật, sức thế lực to lớn oai nghiêm mạnh mẽ của chư Phật).*

“Chư Phật trí huệ”: Nêu chung quả trí. “Tự tại” là Ngã đức, “thần thông” là Lạc đức. “Phấn tấn trừ cấu” là Tịnh đức. “Đại thế oai mãnh” là Thường đức. Đây chính là chỉ ra Tứ Đức viên mãn, có thể lợi ích trọn khắp chúng sanh trong ba đời. Vì thế, đều gọi là Lực. Xét theo quá khứ rất đời lâu xa, thì gọi là “thần thông tự tại”. Xét ra phân thân nay đang trọn khắp mười phương, thì gọi là Sư Tử Phấn Tấn. Xét theo vị lai, lợi ích chúng sanh mãi mãi chẳng cùng tận, thì gọi là “đại thế oai mãnh”. Hoặc có thể nói “phấn tấn” là tướng trạng tiên khởi, biểu thị sự lợi ích chúng sanh trong tương lai. “Đại thế” là chân động mười phương, tức là lợi ích chúng sanh trong hiện tại, cũng là không gì chẳng thể! Lại nữa, thần thông tự tại chính là “nhà” từ bi rớt ráo. “Sư tử phấn tấn” là “tòa” Pháp Không rớt ráo. “Oai mãnh đại thế” chính là “áo” nhần nhục rớt ráo. Chúng ba đức rớt ráo ấy, cho nên sức trọn khắp mười phương ba đời, tạo lợi ích chẳng cùng tận.

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

### 15.2.1.2. Kệ tụng

#### 15.2.1.2.1. Trùng tụng lời răn nhắc

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Đương tinh tấn nhất tâm. Ngã dục thuyết thử sự, vật đắc hữu nghi hối.*

**(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「當精進一心。我欲說此事，勿得有疑悔。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Hãy tinh tấn nhất tâm. Ta muốn nói chuyện này, chớ nên có nghi hối).*

**15.2.1.2.2. Trùng tụng lời hứa khả, lược đi không trùng tụng phần trần thuật, tán thán**

*(Kinh) Phật trí phải tư nghị, như kim xuất tín lực, trụ w nhân thiện trung. Tích sở vị văn pháp, kim giai đương đắc văn. Ngã kim an ủy như, vật đắc hoài nghi cụ. Phật vô bất thật ngữ, trí huệ bất khả lượng, sở đắc đệ nhất pháp, thậm thâm phải phân biệt. Như thị kim đương thuyết, như đẳng nhất tâm thính.*

**(經)佛智叵思議，汝今出信力，住於忍善中。昔所未聞法，今皆當得聞。我今安慰汝，勿得懷疑懼。佛無不實語，智慧不可量，所得第一法，甚深叵分別。如是今當說，汝等一心聽」。**

*(Kinh: Phật trí chẳng nghĩ bàn, ông nay khởi tín lực, trụ vào trong nhân thiện, pháp xưa kia chưa nghe, nay sẽ đều được nghe. Ta nay an ủi ông, đừng ôm lòng nghi sợ. Phật luôn nói chân thật, trí huệ chẳng thể lường, đạt được pháp bậc nhất, rất sâu chẳng phân biệt. Như thế nay sẽ nói, các ông nhất tâm nghe).*

Phần thứ nhất, “răn nhắc, hứa khả” đã xong.

**15.2.2. Chánh thuyết**

Chia thành ba đoạn:

- Từ đây trở đi cho đến hết phẩm Thọ Lượng, chánh thức khai cận hiển viễn.

- Phần Trường Hàng của phẩm Phân Biệt Công Đức là thọ ký chung cho Pháp Thân.

- Ngài Di Lặc nói kệ trình bày chung sự lãnh nhận, tín giải.

Phần thứ nhất lại chia làm hai:

- Một, cho đến hết phẩm này, do [đức Phật] khai hiển đại lược [thọ lượng của Như Lai], thính chúng dấy động chấp trước, sanh nghi.

- Hai, trong phẩm Thọ Lượng, rộng khai hiển hồng đoạn nghi sanh tín.

**15.2.2.1. Khai hiển đại lược**



### **15.2.2.1.1. Trường Hàng**

Do đức Phật chẳng đáp nhân duyên gì mà [các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên] nhóm họp, cho nên kinh văn trong phần sau sẽ thỉnh vấn lần nữa.

#### **15.2.2.1.1.1. Giải đáp thắc mắc ai là thầy của họ**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thử kệ dĩ, cáo Di Lạc Bồ Tát: - Ngã kim u thử đại chúng, tuyên cáo nhữ đẳng. A Dật Đa! Thị chư đại Bồ Tát Ma Ha Tát vô lượng vô số A-tăng-kỳ tùng địa dũng xuất, nhữ đẳng tích sở vị kiến giả, ngã u thị Sa Bà thế giới, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dĩ giáo hóa, thị đạo thị chư Bồ Tát, điều phục kỳ tâm, linh phát đạo ý.*

**(經)爾時，世尊說此偈已，告彌勒菩薩：「我今於此大眾，宣告汝等。阿逸多！是諸大菩薩摩訶薩無量無數阿僧祇從地涌出，汝等昔所未見者，我於是娑婆世界，得阿耨多羅三藐三菩提已教化，示導是諸菩薩，調伏其心，令發道意。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ ấy xong, bảo Di Lạc Bồ Tát: - Nay ta ở trong đại chúng này, tuyên cáo với các ông. Nay A Dật Đa! Các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát này vô lượng, vô số A-tăng-kỳ từ dưới đất vọt lên, các ông trước kia chưa thấy, là do ta ở trong thế giới Sa Bà này, sau khi đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã giáo hóa, chỉ dạy các Bồ Tát ấy, điều phục tâm họ, khiến cho họ phát đạo ý).*

Đây là trước hết giải đáp “ai là người thuyết pháp cho họ, giáo hóa khiến cho họ thành tựu, từ ai mà phát tâm ban đầu”.

#### **15.2.2.1.1.2. Giải đáp họ từ đâu đến**

##### **15.2.2.1.1.2.1. Trả lời**

*(Kinh) Thử chư Bồ Tát giai u thị Sa Bà thế giới chi hạ, thử giới hư không trung trụ. Ư chư kinh điển, độc tụng thông lợi, tư duy phân biệt, chánh ức niệm.*

**(經)此諸菩薩皆於是娑婆世界之下，此界虛空中住。**

**於諸經典，讀誦通利，思惟分別，正憶念。**

*(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy đều ở dưới thế giới Sa Bà, cõi đó ở trong hư không. Đối với các kinh điển, [các Bồ Tát ấy] đều đọc tụng thông suốt, tư duy, phân biệt, suy nghĩ chân chánh).*

“Giới hạ không trung” (Ở phía dưới thế giới này, trong không trung) như đã giải thích đại lược trong phần trước. Đây là giải đáp về trụ xứ, tức là họ đến từ chỗ nào. Từ “*u chư kinh điển*” (đối với các kinh điển) trở đi, trả lời câu hỏi “*xung dương hà Phật pháp, thọ trì hành thùy kinh, tu tập hà Phật đạo*” (xung dương Phật pháp nào, thọ trì, thực hành kinh nào, tu tập Phật đạo nào). “*U chư kinh điển*” (Đối với các kinh điển): Người căn tánh Viên Giác thọ pháp, không pháp nào chẳng viên. Diệu điển Pháp Hoa hết thảy kinh điển trong mười phương ba đời đều gom vào đó, Quyền và Thật chẳng hai, trọn chẳng lấy hay xả pháp nào! Đây là giải đáp về [thắc mắc] “*xung dương*” [kinh điển nào]. “*Độc tụng thông lợi, tư duy phân biệt*” (Đọc tụng thông suốt, tư duy phân biệt) là lời đáp về thọ trì. “*Chánh ức niệm*” là giải đáp [thắc mắc về sự] tu tập.

#### 15.2.2.1.1.2.2. Giải thích

##### 15.2.2.1.1.2.2.1. Giải thích trụ xứ

*(Kinh) A Dật Đa! Thị chư thiện nam tử đấng, bất nhạo tại chúng đa hữu sở thuyết, thường nhạo tĩnh xứ, cần hành tĩnh tấn, vị tăng hựu tức, diệc bất y chỉ nhân thiên nhi trụ.*

**(經)阿逸多！是諸善男子等，不樂在眾多有所說，常樂靜處，勤行精進，未曾休息，亦不依止人天而住。**

*(Kinh: Nay A Dật Đa! Các thiện nam tử này chẳng thích ở trong đại chúng nhiều điều bàn nói, thường thích ở chỗ tĩnh lặng, siêng hành tĩnh tấn, chưa từng nghỉ ngơi, cũng chẳng nương tựa người, trời để ở).*

“*Bất nhạo tại chúng*” (Chẳng thích ở trong đại chúng): Trong tam giới, ngoài tam giới, và Ngũ Âm thì gọi là Chúng. Nhị biên phân biệt gọi là “*đa hữu sở thuyết*” (có nhiều điều bàn nói). “*Tĩnh xứ*” (Chỗ yên tĩnh) chính là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Pháp giới nhất tướng, dứt bật đối

đãi, chẳng còn thừa sót. Vì thế gọi là “*tĩnh xứ*”. “*Cần hành tinh tấn, vị tăng hưu tức*” (Siêng hành tinh tấn, chưa từng nghỉ ngơi): Tâm tâm tuôn rót, tùy ý tương ứng với Tát Bà Nhã (Sarvajña, Nhất Thiết Trí). “*Bát y nhân thiên*” (Chẳng nương tựa trời, người): Người biểu thị Hữu biên, trời biểu thị Không biên. Chẳng nương vào hai bên, cho nên dùng hư không trong cõi này để biểu thị, chứ họ thật sự trụ trong Thường Tịch Quang Pháp Tánh Độ.

**15.2.2.1.1.2.2.2. Giải thích [thắc mắc về] thọ trì, xưng dương, tu tập**

*(Kinh) Thường nhạo thâm trí, vô hữu chướng ngại, diệc thường nhạo u chư Phật chi pháp, nhất tâm tinh tấn, cầu vô thượng huệ.*

**(經)常樂深智，無有障礙，亦常樂於諸佛之法，一心精進，求無上慧」。**

*(Kinh: Thường ưa thích trí sâu, chẳng có chướng ngại, cũng thường ưa thích pháp của chư Phật, nhất tâm tinh tấn cầu trí huệ vô thượng).*

Do họ thường ưa thích trí sâu, chẳng có chướng ngại, cho nên đối với các kinh điển, thấy đều xưng tụng, tán dương. Do họ thường ưa thích pháp của chư Phật, cho nên đọc tụng thông suốt, nhanh nhạy, tư duy, phân biệt. Do họ nhất tâm tinh tấn cầu trí huệ vô thượng, cho nên có thể nghĩ nhớ chân chánh.

Phần thứ nhất là Trường Hàng đã xong.

**15.2.2.1.2. Kế tụng**

**15.2.2.1.2.1. Trùng tụng Trường Hàng**

**15.2.2.1.2.1.1 Trùng tụng lời đáp về thầy**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - A Dật nữ đương tri: Thị chư đại Bồ Tát, từng vô số kiếp lai, tu tập Phật trí huệ, tất thị ngã sở hóa, linh phát đại đạo tâm. Thử đẳng thị ngã tử.*

**(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「阿逸汝當知：是諸大菩薩，從無數劫來，修習佛智慧，悉是我所化，令發大道心。此等是我子。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, mà nói kệ rằng: - A Dật, ông nên biết: Các đại Bồ Tát này, vô số kiếp đến nay, tu tập trí huệ Phật, đều do ta giáo hóa, khiến phát đại đạo tâm. Bọn này là con ta).*

Phân Trường Hàng chỉ nói “đắc Bồ Đề dĩ, hóa linh phát tâm” (sau khi đã đắc Bồ Đề, bèn giáo hóa, khiến cho họ phát tâm), chẳng nói “từ vô số kiếp đến nay”, có thể là ngụ ý “[những người được giáo hóa ấy] chỉ là hàng lợi căn viên đốn, trong một đời bèn siêu việt, chứng đắc”. Ở đây, [kệ tụng] chỉ nói “từ vô số kiếp đến nay, họ do ta giáo hóa”, chẳng nói “sau khi thành đạo”, chắc là có ý nói “chỉ là trong khi tu nhân hạnh, đã giáo hóa khiến cho họ phát tâm”.

Vì thế, đức Phật chỉ đáp ai là thầy của họ, chưa hề khai hiển rành rành.

#### 15.2.2.1.2.1.2. Trùng tụng lời đáp họ từ đâu đến

*(Kinh) Y chỉ thị thế giới, thường hành đầu đà sự. Chí nhạo u kinh xứ, xả đại chúng hội náo, bất nhạo đa sở thuyết. Như thị chư tử đẳng, học tập ngã đạo pháp, trú dạ thường tinh tấn, vì cầu Phật đạo cố. Tại Sa Bà thế giới, hạ phương không trung trụ. Chí niệm lực kiên cố, thường cần cầu trí huệ, thuyết chủng chủng diệu pháp. Kỳ tâm vô sở úy.*

**(經)依止是世界，常行頭陀事。志樂於靜處，捨大眾憤鬧，不樂多所說。如是諸子等，學習我道法，晝夜常精進，為求佛道故。在娑婆世界，下方空中住。志念力堅固，常勤求智慧，說種種妙法。其心無所畏。**

*(Kinh: Nương tựa thế giới này, thường hành chuyện đầu-đà. Chí ưa thích chỗ vắng, bỏ đại chúng ồn ào. Chẳng thích nói năng nhiều. Các con như thế ấy, học tập đạo pháp ta, ngày đêm thường tinh tấn, vì để cầu*

*Phật đạo, trong thế giới Sa Bà, trụ không trung phương dưới. Sức chỉ niệm bền vững, thường siêng cầu trí huệ, nói đủ loại diệu pháp, tâm họ chẳng sợ hãi).*

Phần thứ nhất, “trùng tụng kinh văn Trường Hàng” đã xong.

**15.2.2.1.2.2. Trùng tụng phần khai hiển đại lược**

*(Kinh) Ngã ở Già Da<sup>28</sup> thành, Bồ Đề thụ hạ tọa, đắc thành tối Chánh Giác, chuyển vô thượng pháp luân. Nhĩ nữ giáo hóa chi, linh sơ phát đạo tâm, kim giai trụ bất thoái, tất đương đắc thành Phật. Ngã kim thuyết thật ngữ, như đẳng nhất tâm tín. Ngã tòng cửu viễn lai, giáo hóa thị đẳng chúng.*

**(經)我於伽耶城，菩提樹下坐，得成最正覺，轉無上法輪。爾乃教化之，令初發道心，今皆住不退，悉當得成佛。我今說實語，汝等一心信。我從久遠來，教化是等眾】。**

*(Kinh: Ta ở thành Già Da, ngồi dưới cội Bồ Đề, thành Chánh Giác tối thượng, chuyển pháp luân vô thượng. Do vậy bền giáo hóa, khiến sơ phát đạo tâm, nay đều trụ bất thoái, thấy đều sẽ thành Phật. Ta nay nói lời thật, các ông nhất tâm tin. Từ lâu xa tới nay, ta giáo hóa bọn họ).*

Đã nói “sau khi thành đạo khiến cho họ sơ phát tâm”, lại nói “từ lâu xa đã giáo hóa bọn họ”, tức là đại lược khai cận hiển viễn. Vì thế, [thính chúng] dấy động chấp trước, sanh nghi.

Phần thứ nhất, “[trùng tụng] khai hiển đại lược” đã xong.

---

<sup>28</sup> Thành Già Da (Gayā) là một đô thành của xứ Ma Kiệt Đà (Magadha) thời cổ, nay là thành phố Gayā cách thành phố Patna 86 km về phía Tây Nam, nằm trên sông Falgu (một chi lưu của sông Hằng). Theo Tây Vực Ký của ngài Huyền Trang, thành ấy ít dân cư, chỉ có hơn một ngàn gia đình Bà La Môn. Nơi đây có di tích thành đạo của đức Phật, được gọi là Buddhagayā trong tiếng Phạn, nhưng người Ấn hiện thời gọi là Bodh Gaya. Đây cũng là nơi có di tích tu hành của ba anh em ngài Ca Diếp khi còn theo ngoại đạo thờ lửa, Chánh Giác sơn, cây Bồ Đề, di tích kim cang tòa của đức Phật v.v...

15.2.2.2. Nghi hoặc, thỉnh vấn

15.2.2.2.1. Trùng Hàng

15.2.2.2.1.1. Người kết tập kinh trần thuật

*(Kinh) Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát, cập vô số chư Bồ Tát đấng, tâm sanh nghi hoặc, quái vị tăng hữu, nhi tác thị niệm: - Vân hà Thế Tôn ư thiếu thời gian, giáo hóa như thị vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chư đại Bồ Tát, linh trụ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề?*

**(經)爾時，彌勒菩薩摩訶薩，及無數諸菩薩等，心生疑惑，怪未曾有，而作是念：「云何世尊於少時間，教化如是無量無邊阿僧祇諸大菩薩，令住阿耨多羅三藐三菩提？」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát và vô số các vị Bồ Tát tâm sanh nghi hoặc, lấy làm lạ chưa từng có, nghĩ như thế này: - Sao đức Thế Tôn có thể trong thời gian ngắn giáo hóa vô lượng vô biên A-tăng-kỳ các vị đại Bồ Tát như thế, khiến cho họ trụ trong Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?)*

15.2.2.2.1.2. Phơi bày mối nghi, xin giải đáp

15.2.2.2.1.2.1. Phơi bày mối nghi

15.2.2.2.1.2.1.1. Pháp thuyết

15.2.2.2.1.2.1.1.1. Chấp gần nghi xa<sup>29</sup>

*(Kinh) Tức bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Như Lai vi thái tử thời, xuất ư Thích cung, khứ Già Da thành bất viễn, tọa ư đạo tràng, đắc thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tùng thị dĩ lai, thử quá tứ thập dư niên. Thế Tôn! Vân hà ư thử thiếu thời, đại tác Phật sự, dĩ Phật thế lực, dĩ Phật công đức, giáo hóa như thị vô lượng đại Bồ Tát chúng, đương thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề?*

<sup>29</sup> Chấp trước đức Phật mới thành Phật trong thời gian gần đây, nghi ngờ Ngài chẳng thể giáo hóa các vị Bồ Tát lâu xa đường ấy.

**(經)即白佛言：「世尊！如來為太子時，出於釋宮，去伽耶城不遠，坐於道場，得成阿耨多羅三藐三菩提。從是已來，始過四十餘年。世尊！云何於此少時，大作佛事，以佛勢力，以佛功德，教化如是無量大菩薩眾，當成阿耨多羅三藐三菩提？」**

*(Kinh: Liên bạch cùng đức Phật rằng; - Bạch Thế Tôn! Như Lai khi làm thái tử, rời cung họ Thích, cách thành Già Da chẳng xa, ngồi nơi đạo tràng, được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, từ đó đến nay, mới hơn bốn mươi năm. Bạch Thế Tôn! Sao Ngài có thể trong thời gian ít ỏi ấy, thực hiện Phật sự to lớn, dùng thế lực của Phật, dùng công đức của Phật, giáo hóa vô lượng các vị đại Bồ Tát như thế được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?)*

#### 15.2.2.2.1.2.1.1.2. Cháp xa nghi gần

*(Kinh) Thế Tôn! Thử đại Bồ Tát chúng, giả sử hữu nhân, u thiên vạn ức kiếp, số bất năng tận, bất đắc kỳ biên. Tu đẳng cứu viên dĩ lai, u vô lượng vô biên chư Phật số, thực chư thiện căn, thành tựu Bồ Tát đạo, thường tu phạm hạnh.*

**(經)世尊！此大菩薩眾，假使有人，於千萬億劫，數不能盡，不得其邊。斯等久遠已來，於無量無邊諸佛所，植諸善根，成就菩薩道，常修梵行。**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Các vị đại Bồ Tát này giả sử có người trong ngàn vạn ức kiếp, đếm chẳng thể hết, chẳng biết được chừng hạn. Các vị ấy từ lâu xa đến nay đã gieo thiện căn nơi vô lượng vô biên chư Phật, thành tựu Bồ Tát đạo, thường tu phạm hạnh).*

#### 15.2.2.2.1.2.1.1.3. Kết luận là khó tin

*(Kinh) Thế Tôn! Như thử chi sự, thế sở nan tín.*

**(經)世尊！如此之事，世所難信。**

(*Kinh*: Bạch Thế Tôn! Chuyện như vậy cỗi đời khó tin được!)

Phần thứ nhất là Pháp Thuyết đã xong.

#### 15.2.2.2.1.2.1.2. Lập thí dụ

(*Kinh*) *Thí như hữu nhân, sắc mỹ, phát hắc, niên nhị thập ngũ, chỉ bách tuế nhân, ngôn thị ngã tử.*

**(經)譬如有人，色美，髮黑，年二十五，指百歲人，言是我子。**

(*Kinh*: Ví như có người đẹp đẽ, tóc đen, hai mươi lăm tuổi, chỉ người trăm tuổi nói đó là con của ta).

Đây là thí dụ về sự “chấp gàn, nghi xa” trong phần trên. “Sắc mỹ, phát hắc” (Sắc vóc xinh đẹp, tóc đen) nói chung là người trẻ tuổi vậy.

(*Kinh*) *Kỳ bách tuế nhân, diệc chỉ niên thiếu, ngôn thị ngã phụ, sanh dục ngã đẳng.*

**(經)其百歲人，亦指年少，言是我父，生育我等。**

(*Kinh*: Người trăm tuổi đó, cũng chỉ kể trẻ tuổi, nói đó là cha ta, để nuôi ta thấy).

Đây là sánh ví chuyện “chấp xa, nghi gàn” trong phần trên.

(*Kinh*) *Thị sự nan tín.*

**(經)是事難信。**

(*Kinh*: Chuyện ấy khó tin).

Đây là kết lại thí dụ về sự khó tin.

#### 15.2.2.2.1.2.1.3. Kết hợp thí dụ với pháp

(*Kinh*) *Phật diệc như thị, đắc đạo dĩ lai, kỳ thật vị cửu.*

**(經)佛亦如是，得道已來，其實未久。**



*(Kinh: Phật cũng như thế, đắc đạo đến nay thật ra chưa lâu).*

Đây là ứng thí dụ “tuổi hai mươi lăm, chẳng nên có đứa con đã trăm tuổi”!

*(Kinh) Nhi thử đại chúng chư Bồ Tát đặng, dĩ u vô lượng thiên vạn ức kiếp vị Phật đạo cố, cần hành tinh tấn, thiện nhập xuất trụ vô lượng bách thiên vạn ức tam-muội, đắc đại thần thông, cứu tu phạm hạnh, thiện năng thứ đệ tập chư thiện pháp, xảo u vấn đáp, nhân trung chi bảo, nhất thiết thể gian thậm vi hy hữu!*

**(經)而此大眾諸菩薩等，已於無量千萬億劫為佛道故，勤行精進，善入出住無量百千萬億三昧，得大神通，久修梵行，善能次第習諸善法，巧於問答，人中之寶，一切世間甚為希有。**

*(Kinh: Nhưng các vị đại Bồ Tát trong đại chúng này đã trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp vì Phật đạo mà siêng hành tinh tấn, khéo nhập, xuất, trụ trong vô lượng trăm ngàn vạn ức tam-muội, đắc đại thần thông, tu phạm hạnh đã lâu, khéo có thể theo thứ tự tu tập các thiện pháp, khéo léo hỏi đáp, là của báu trong loài người, rất hy hữu trong hết thấy thể gian).*

Đây là ứng hợp với thí dụ “người trăm tuổi chẳng nên do kẻ hai mươi lăm tuổi sanh ra”.

*(Kinh) Kim nhật Thế Tôn phương vân: Đắc Phật đạo thời, sơ linh phát tâm, giáo hóa, thị đạo, linh hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thế Tôn đắc Phật vị cứu, nãi năng tác thử đại công đức sự!*

**(經)今日世尊方云：得佛道時，初令發心，教化，示導，令向阿耨多羅三藐三菩提。世尊得佛未久，乃能作此大功德事！**

*(Kinh: Ngày nay đức Thế Tôn mới nói: Khi Ngài đắc đạo, khiến cho họ phát tâm ban đầu, giáo hóa, chỉ dạy, khiến cho họ hướng tới Vô*

*Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Thế Tôn thành Phật chưa lâu bèn có thể làm chuyện công đức to lớn này!)*

Đây là ứng hợp với lời kết luận “khó tin” [trong thí dụ].  
Phần thứ nhất, “nêu bày mọi nghi” đã xong!

**15.2.2.2.1.2.2. Xin giải đáp**

**15.2.2.2.1.2.2.1. Nêu rõ ý cầu thỉnh**

**15.2.2.2.1.2.2.1.1. Vì [chúng sanh] hiện tại [mà cầu thỉnh]**

*(Kinh) Ngã đẳng tuy phục tín Phật tùy nghi sở thuyết, Phật sở xuất ngôn, vị tăng hư vọng, Phật sở tri giả, giai tất thông đạt.*

**(經)我等雖復信佛隨宜所說，佛所出言，未曾虛妄，佛所知者，皆悉通達。**

*(Kinh: Chúng con đều vẫn tin lời đức Phật nói thuận theo cơ nghi, Phật chưa từng thốt lời hư vọng, những điều Phật biết thấy đều thông suốt).*

Chúng con tuy chưa biết rõ, do kính ngưỡng mà tin tưởng thôi!

**15.2.2.2.1.2.2.1.2. Vì vị lai [mà cầu thỉnh]**

*(Kinh) Nhiên chư tân phát ý Bồ Tát, ư Phật diệt hậu, nhược văn thị ngữ, hoặc bất tín thọ, nhi khởi phá pháp tội nghiệp nhân duyên.*

**(經)然諸新發意菩薩，於佛滅後，若聞是語，或不信受，而起破法罪業因緣。**

*(Kinh: Nhưng các vị Bồ Tát mới phát ý, sau khi đức Phật diệt độ, nếu nghe lời ấy, có thể chẳng tin nhận, bèn dấy lên nhân duyên tội nghiệp phá pháp).*

Do hạnh nông cạn, sẽ dễ sanh tâm phi báng. Do báng mà đọa vào ác đạo. Hàng Bất Thoái tuy do ngưỡng mộ mà tin tưởng, nhưng chưa biết rõ, sẽ chẳng thể tăng tấn đạo tâm, giảm bớt phiền cấu. Vì thế, cần phải trả lời, giải thích, khiến cho kẻ báng bỏ sanh lòng tin, kẻ đã tin sẽ tăng tấn đạo tâm, giảm bớt phiền cấu.

Phần thứ nhất, “nêu ra ý nghĩa câu thỉnh” đã xong!

**15.2.2.2.1.2.2. Chánh thức cầu giải đáp**

*(Kinh) Dục nhiên Thế Tôn! Nguyên vị giải thuyết, trừ ngã đẳng nghi, cập vị lai thế chư thiện nam tử văn thử sự dĩ, diệt bất sanh nghi.*

**(經)唯然世尊！願為解說，除我等疑，及未來世諸善男子聞此事已，亦不生疑」。**

*(Kinh: Thừa vâng đức Thế Tôn! Nguyên vì con giải nói, trừ mọi nghi cho chúng con, và các thiện nam tử trong đời vị lai nghe chuyện này rồi cũng chẳng sanh nghi).*

Một là thỉnh trừ nghi cho hiện tại, hai là thỉnh trừ nghi cho vị lai. Phần thứ nhất, kinh văn Trường Hàng đã xong.

**15.2.2.2.2. Kệ tụng**

**15.2.2.2.2.1. Trùng tụng nêu bày mỗi nghi**

**15.2.2.2.2.1.1. Trùng tụng Pháp Thuyết**

**15.2.2.2.2.1.1.1. Trùng tụng chấp gần**

*(Kinh) Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Phật tích tùng Thích chủng, xuất gia cận Già Da, tọa u Bồ Đề thụ, nhĩ lai thượng vị cứu.*

**(經)爾時，彌勒菩薩欲重宣此義，而說偈言：「佛昔從釋種，出家近伽耶，坐於菩提樹，爾來尚未久。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Phật xưa từ họ Thích, xuất gia gần Già Da, ngồi dưới cội Bồ Đề, đến nay còn chưa lâu).*

**15.2.2.2.2.1.1.2. Trùng tụng chấp xa**

*(Kinh) Thử chư Phật tử đẳng, kỳ số bất khả lượng, cứu dĩ hành Phật đạo, trụ u thần thông lực, thiện học Bồ Tát đạo, bất nhiễm thế gian pháp, như liên hoa tại thủy, tùng địa nhi dũng xuất, giai khởi cung kính tâm, trụ u Thế Tôn tiền.*

**(經)此諸佛子等，其數不可量，久已行佛道，住於神通力，善學菩薩道，不染世間法，如蓮華在水，從地而涌出，皆起恭敬心，住於世尊前。**

*(Kinh: Các vị Phật tử đây, số lượng chẳng thể lường, hành Phật đạo đã lâu, trụ vào sức thần thông, khéo học đạo Bồ Tát, chẳng nhiễm pháp thế gian, như hoa sen trong nước, từ đất mà vọt lên, đều đầy lòng cung kính, đứng trước mặt Thế Tôn).*

#### 15.2.2.2.1.1.3. Trùng tụng kết luận “khó tin”

*(Kinh) Thị sự nan tư nghị, vân hà nhi khả tín? Phật đắc đạo thậm cận, sở thành tựu thậm đa. Nguyên vị trừ chúng nghi, như thật phân biệt thuyết.*

**(經)是事難思議，云何而可信？佛得道甚近，所成就甚多。願為除眾疑，如實分別說。**

*(Kinh: Chuyện này khó nghĩ bàn, làm sao có thể tin? Phật đắc đạo rất gần, thành tựu lại rất nhiều. Nguyên trừ nghi cho chúng, như thật phân biệt nói).*

Phần thứ nhất, “trùng tụng Pháp Thuyết” đã xong.

#### 15.2.2.2.1.2. Trùng tụng lập thí dụ

*(Kinh) Thí như thiếu tráng nhân, niên thỉ nhị thập ngũ, thị nhân bách tuế tử, phát bạch nhi diện trứ: “Thị đẳng ngã sở sanh”. Tử diệc thuyết thị phụ. Phụ thiếu nhi tử lão, cử thế sở bất tín.*

**(經)譬如少壯人，年始二十五，示人百歲子，髮白而面皺：「是等我所生」。子亦說是父。父少而子老，舉世所不信。**

*(Kinh: Ví như người trẻ khỏe, tuổi mới hai mươi lăm, chỉ người trăm tuổi già, tóc bạc và mặt nhăn: “Bọn này do ta sanh”. Con cũng nói là cha. Cha trẻ mà con già, cõi đời chẳng tin nói!)*

Năm câu đầu trùng tụng thí dụ về “chấp gần, nghi xa”. Câu kế tiếp trùng tụng thí dụ “chấp xa, nghi gần”. Hai câu cuối trùng tụng kết luận “khó tin”.

### **15.2.2.2.2.1.3. Trùng tụng chuyện kết hợp thí dụ với pháp**

*(Kinh) Thế Tôn diệc như thị, đắc đạo lai thậm cận, thị chư Bồ Tát đẳng, chí cố vô khiếp nhược. Tùng vô lượng kiếp lai, nhi hành Bồ Tát đạo, xảo u nan vấn đáp. Kỳ tâm vô sở úy, nhân nhục tâm quyết định. Doan chánh hữu oai đức, thập phương Phật sở tán, thiện năng phân biệt thuyết. Bất nhạo tại nhân chúng, thường háo tại Thiên Định. Vị cầu Phật đạo cố, u hạ không trung trụ.*

**(經)世尊亦如是，得道來甚近，是諸菩薩等，志固無怯弱。從無量劫來，而行菩薩道，巧於難問答。其心無所畏，忍辱心決定。端正有威德，十方佛所讚，善能分別說。不樂在人眾，常好在禪定。為求佛道故，於下空中住。**

*(Kinh: Thế Tôn cũng như thế, đắc đạo rất gần đây, nhưng các Bồ Tát ấy, chí vững, chẳng khiếp nhược. Vô lượng kiếp tới nay, thường hành đạo Bồ Tát, khéo gạn hỏi, giải đáp. Tâm họ chẳng sợ hãi, tâm nhân nhục quyết định. Doan chánh, có oai đức, được mười phương Phật khen, khéo hay phân biệt nói. Chẳng ưa nơi đông người, thường chuộng trụ Thiên Định. Vì mong cầu Phật đạo, trụ hư không phương dưới).*

Nửa bài kệ đầu trùng tụng pháp đối ứng với thí dụ “tuổi mới hai mươi lăm”. Ba bài kệ rưỡi kế đó, trùng tụng đối ứng thí dụ “con trăm tuổi”. Lược đi không trùng tụng kết luận “khó tin”.

Phần thứ nhất, “trùng tụng nêu bày mối nghi” đã xong.

### **15.2.2.2.2.2. Trùng tụng thỉnh cầu giải đáp**

*(Kinh) Ngã đẳng tùng Phật văn, u thử sự vô nghi. Nguyên Phật vị vị lai, diễn thuyết linh khai giải. Nhược hữu u thử kinh, sanh nghi bất tín giả, tức đương đọa ác đạo. Nguyên kim vị giải thuyết! Thị vô lượng Bồ Tát, vân hà u thiếu thời, giáo hóa linh phát tâm, nhi trụ Bất Thoái địa.*

**(經)我等從佛聞，於此事無疑。願佛為未來，演說令開解。若有於此經，生疑不信者，即當墮惡道。願今為解說！是無量菩薩，云何於少時，教化令發心，而住不退地」。**

*(Kinh: Chúng con nghe lời Phật, chẳng nghi ngờ chuyện này. Nguyện Phật vì mai sau, diễn nói khiến hiểu rõ. Nếu ai với kinh này, sanh nghi, chẳng tin tưởng, sẽ đọa vào đường ác. Nguyện nay giải nói cho! Vô lượng Bồ Tát này, sao trong thời gian ngắn, giáo hóa khiến phát tâm, trụ địa vị Bất Thoái).*

Phần thứ nhất, “do [đức Phật] khai hiển đại lược, thính chúng đầy động chấp trước, sanh nghi” đã xong. Giải thích phẩm Tùng Địa Dũng Xuất cũng đã xong, kể đến giải thích phẩm Thọ Lượng.

## **16. Như Lai Thọ Lượng Phẩm Đệ Thập Lục**

### **如來壽量品第十六**

*Phẩm thứ mười sáu: Thọ lượng của Như Lai*

Như Lai là thông hiệu của mười phương ba đời chư Phật, hai loại Phật (Chân Thân, Ứng Thân), ba loại Phật (Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân), Bốn Phật, và Tích Phật. “Thọ” (壽) là “thọ” (受, tiếp nhận). Nói Lượng (量) là bàn định, cân nhắc công đức của mười phương tam thế chư Phật, hai loại Phật, ba loại Phật, Bốn Phật và Tích Phật.

Phẩm này chính là bàn định, cân nhắc công đức của ba loại Phật nơi Bốn Địa. Vì thế, nói là phẩm Như Lai Thọ Lượng. Như Lai có rất nhiều nghĩa, nay chỉ nói về hai thân và ba thân, các loại khác cứ phỏng theo đó để hiểu.

Hai loại là Chân Thân Như Lai và Ứng Thân Như Lai. Như Thành Thật Luận nói: “Thừa như thật đạo, lai thành Chánh Giác, cố danh Như Lai” (Nương vào đạo như thật để đạt thành Chánh Giác, cho nên gọi là Như Lai). Đó chính là hiển thị ý nghĩa của hai thân. Vì sao? “Thừa” là Như Trí, “Thật” là Như Cảnh, Đạo là nhân, Giác là quả. Nếu chỉ luận về Thừa, sẽ là như không có gì để hay biết. Nếu chỉ luận về Thật, sẽ là như không có gì có thể biết. Cảnh và trí hòa hợp, sẽ có nhân quả. Chiếu cảnh

chưa cùng tột thì gọi là Nhân. Tận cùng nguồn cội là Quả. Nhân viên, quả mãn, chính là “*thừa như thật đạo, lai thành Chánh Giác*”. Đó chính là Chân Thân Như Lai. Dùng Như Thật Trí để nương vào đạo như thật, sanh vào tam hữu (ba cõi, tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới), thị hiện thành Chánh Giác; đây chính là Ứng Thân Như Lai (trí huệ của Báo Thân ngầm khéo hợp pháp, thì gọi là Chân Thân. Từ Thể khởi Dụng, thì gọi là Ứng Thân. Chỉ nói hai thân, đã nhiếp trọn Pháp Thân).

Tam thân là Pháp Thân Như Lai, Báo Thân Như Lai, và Hóa Thân Như Lai. Như Đại Luận nói: “*Như pháp tướng giải, như pháp tướng thuyết, cố danh Như Lai*” (Hiểu đúng như pháp tướng, nói đúng như pháp tướng. Vì vậy gọi là Như Lai). Đây chính là trọn đủ ý nghĩa tam thân. Vì sao? “*Như*” tức pháp như, như cảnh, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, có Phật, hay không có Phật, tánh và tướng thường hằng, trọn khắp hết thấy các chỗ, chẳng có gì sai khác. Vì thế, gọi là Như. Bất động mà đến thì gọi là Lai. Đó là xét theo sở chứng (pháp được chứng). Đây chính là Pháp Thân Như Lai. Lại nữa, như trí tương xứng như lý, từ Lý mà gọi là Như, từ trí mà Lai (đến). Vì thế gọi là “*như pháp tướng giải*”. Đây là xét theo năng chứng (chủ thể chứng) thì là Báo Thân Như Lai. Lại do cảnh và trí “*như như hòa hợp*”, cho nên có thể thị hiện thành Chánh Giác ở mọi nơi, chuyên chánh pháp luân. Vì thế nói “*như pháp tướng thuyết*”. Đó là xét theo sự đầy khởi tác dụng, tức là Hóa Thân Như Lai. Kệ rằng: “*Thủy ngân hòa chân kim, năng đồ chư sắc tượng, công đức hòa Pháp Thân, xú xú ứng hiện vãng*” (Thủy ngân và vàng ròng, hay thép các bức tượng. Công đức và Pháp Thân. Tới ứng hiện khắp chốn). Như bóng trăng sáng in xuống khắp muôn sông, cho nên gọi là Ứng, cũng gọi là Hóa. Ba thân ấy chẳng thể giữ riêng lấy một [thân nào]. Vì thế, Đại Kinh nói: “*Pháp Thân diệc phi Niết Bàn, Bát Nhã diệc phi Niết Bàn, giải thoát diệc phi Niết Bàn*” (Pháp Thân cũng chẳng phải là Niết Bàn, Bát Nhã cũng chẳng phải là Niết Bàn, giải thoát cũng chẳng phải là Niết Bàn). Ba pháp trọn đủ, được gọi là Bí Mật Tạng, đặt tên là Đại Niết Bàn.

Hãy nên biết: Đối với tam thân, chẳng thể [nảy sanh ý niệm] “một, khác, ngang, dọc, cùng nhau, khác biệt”. Nắm trọn vẹn ba pháp thì gọi bằng giả danh Như Lai. Kinh văn nói “*phi như, phi dị, phi bỉ thiên Như*” (chẳng phải giống nhau, chẳng phải khác nhau, chẳng phải cái Như thiên lệch) nhằm hiển thị Viên Như, tức là ý nghĩa Pháp Thân Như Lai. Lại nói “*Như Lai như thật tri kiến tam giới chi tướng*” (Như Lai như thật thấy biết tướng của tam giới) tức là Như Như Trí xứng hợp Như Như

Cảnh. Dùng Nhất Thiết Chúng Trí để biết, dùng Phật nhãn để thấy. Đó là ý nghĩa Báo Thân Như Lai. Lại nói “*hoặc thị kỷ thân, kỷ sự, hoặc thị tha thân, tha sự*” (hoặc chỉ bày thân mình, chuyện của chính mình, hoặc chỉ bày thân người khác, chuyện của kẻ khác), đó là ý nghĩa Ứng Thân Như Lai. Nếu chỉ xét tam Như Lai nơi Tánh Đức thì là chiều ngang. Nếu xét tam Như Lai (Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân) nơi Tu Đức thì là theo chiều dọc. Nếu nói trước là Pháp Thân, kể đến là Báo Thân, sau cùng là Ứng Thân thì cũng là theo chiều dọc. Kinh này nói trọn vẹn tam Như Lai chẳng dọc, chẳng ngang. Ba thân dù dọc hay ngang, đều chẳng phải là ý nghĩa trong kinh này, huống hồ Như Lai được nói trong Tam Tạng hoặc Thông Giáo ư? Lại nữa, trước thời Pháp Hoa, cũng nói ý nghĩa ba thân trong Viên Giáo, nhưng đều là ba thân nơi Tích mà thôi! Ba loại Như Lai thuộc “*phát Tích hiển Bốn*” (chỉ ra Tích để hiển lộ Bốn) rất khác với các kinh. Vì thế, trong luận (Pháp Hoa Luận), ngài Thiên Thân viết: “*Do thị hiện thành đại Bồ Đề vô thượng, cho nên chỉ bày ba loại Bồ Đề: Một là Ứng Hóa Bồ Đề, tùy theo đáng nên hiện như thế nào, liền thị hiện như thế đó, như kinh nói [Phật Thích Ca] vượt khỏi cung của dòng họ Thích. Hai là Báo Phật Bồ Đề, Thập Địa trọn vẹn, đạt được thường Niết Bàn, như kinh nói: ‘Từ khi ta thật sự thành Phật đến nay, đã là vô lượng vô biên kiếp’. Ba là Pháp Phật Bồ Đề, tức là Như Lai Tạng, tánh tịnh Niết Bàn bất biến, như kinh nói: ‘Như Lai như thật thấy biết tướng của tam giới’*”. Kinh có đủ các nghĩa ấy, còn luận thì nêu ra danh xưng. Chẳng giải thích như trên đây, sao có thể dung hội kinh và luận ư? Lại nữa, đối với mỗi thân trong tam thân, đều luận đơn và phức. Ý nghĩa Đơn như trên. Pháp Thân phức thì một là tự tánh thanh tịnh Pháp Thân, hai là ly cấu diệu cực Pháp Thân. Báo Thân phức thì một là Tự Thọ Dụng Báo, hai là Tha Thọ Dụng Báo. Ứng Thân phức thì một là Thắng Ứng, hai là Liệt Ứng. Lại còn một là thân ứng hiện trong Phật giới, hai là thân ứng hiện trong chín pháp giới kia. Nếu gộp ba thân đơn và phức ấy thành hai thân, thì hai loại Pháp Thân và Tự Thọ Dụng Báo Thân được gọi là Chân Thân; Tha Thọ Dụng Báo Thân và Thắng Ứng Thân, Liệt Ứng Thân v.v... được gọi là Ứng Thân. Vì thế biết: Dù đơn hay phức, dù hai hay ba, đều là bình đẳng.

Nếu muốn nói rộng thì là bốn thân, mười thân, ba mươi hai thân, vô lượng thân v.v... tách ra hay gộp vào tự tại. Nhiều chẳng là nhiều, ít chẳng là ít. Chẳng ít, chẳng nhiều mà là ít, là nhiều. Nếu chấp vào danh tướng để rồi mong xằng bậy so đo các kinh hơn kém, sẽ cách biệt càng xa vậy! Kế đó, nói về thọ lượng. Chân Như chẳng ngăn cách các pháp;



cho nên gọi là Thọ (受, tiếp nhận). Đó là Pháp Thân Thọ (thọ lượng của Pháp Thân). Do cảnh và trí tương ứng, cho nên gọi là Thọ. Đó là Báo Thân Thọ. Thị hiện trong một giai đoạn, duy trì liên tục chẳng đoạn, cho nên gọi là Thọ. Đó là Ứng Thân Thọ. Cân nhắc thọ mạng như lý của Pháp Thân Như Lai, cân nhắc thọ mạng trí huệ của Báo Thân Như Lai, cân nhắc thọ mạng đồng duyên của Ứng Thân Như Lai. Vì thế nói là Thọ Lượng.

*“Thọ mạng như lý của Pháp Thân Như Lai”*: Có Phật hay không có Phật, tánh và tướng thường hằng. Chẳng luận tương ứng, chẳng luận duy trì liên tục, chẳng phải là vô lượng, chẳng phải là hữu lượng. Vì thế, kinh văn nói: *“Phi như, phi dị, phi thật, phi hư”* (Chẳng như, chẳng khác, chẳng thật, chẳng hư). Do vậy, bàn luận, cân nhắc thọ mạng như lý của Pháp Thân.

*“Thọ mạng trí huệ của Báo Thân Như Lai”*: Dùng Như Như Trí khế hợp Như Như Cảnh. Cảnh phát khởi Trí là Báo. Trí ngầm khế hợp Cảnh là Thọ. Cảnh đã là vô lượng vô biên, thường trụ bất diệt, [cho nên] Trí cũng giống như thế. Ví như hộp to thì nắp to. Vì thế, kinh văn nói: *“Ngã trí lực như thị, cứu tu nghiệp sở đắc, huệ quang chiếu vô lượng, thọ mạng vô số kiếp”* (Trí lực ta như thế, nghiệp tu lâu đạt được. Huệ quang chiếu vô lượng, thọ mạng vô số kiếp). Đó là nói đến thọ mạng trí huệ của Báo Thân.

*“Thọ mạng đồng duyên của Ứng Thân Như Lai”*: Duyên dài, [thọ mạng] sẽ dài; duyên ngắn, ắt [thọ mạng] ngắn ngủi. Như nước trong trăng hiện, trăng thật sự chẳng đến [in bóng trong nước]. Nước đục, bóng trăng mất, trăng cũng chẳng đi. Vì thế, kinh văn nói: *“Số số hiện sanh, số số hiện diệt. Hoặc phục tự thuyết danh tự bất đồng, niên kỷ đại tiểu”* (Nhiều lượt hiện sanh, nhiều lượt hiện diệt. Hoặc lại còn tự nói danh tự khác nhau, tuổi tác lớn nhỏ). Đó là nói đến thọ mạng đồng duyên của Ứng Thân.

Hãy nên biết thọ mạng được nói đó chẳng ra ngoài bốn câu: Một là hữu lượng, hai là vô lượng, ba là vừa hữu lượng vừa vô lượng, bốn là chẳng phải hữu lượng chẳng phải vô lượng. Hữu lượng sẽ vô thường, vô lượng thì thường. Vừa hữu lượng vừa vô lượng thì vừa thường vừa vô thường. Chẳng phải hữu lượng chẳng phải vô lượng thì chẳng phải thường mà cũng chẳng phải vô thường! Nay dùng bốn câu để giải thích theo Biệt và Viên:

- Một, giải thích theo Biệt Giáo. Đối với “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”, lý “cả hai đằng đều chẳng phải” ấy đến tột cùng chính là Pháp Thân. “Thường” tức là Báo Thân. Báo Trí ngằm khế hợp pháp, cũng là “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”. Nhưng sau khi giữ lấy Kim Cang Đạo, chánh trí viên mãn, chẳng còn sanh diệt, cho nên gọi là Thường. Lại dựa theo Duy Thức thì Pháp Thân chẳng sanh, chẳng diệt, cho nên gọi là Thường. Báo Thân được sanh bởi sanh nhân, cho nên chẳng phải là thường. Do [Báo Thân] thành tựu viên mãn, cho nên là chẳng phải là vô thường. Đó chính là “*song phi cú*” (雙非句, câu nói thể hiện ý “cả hai đằng đều chẳng phải”, tức chẳng phải thường, chẳng phải vô thường). “Vừa thường, vừa vô thường” thì là Ứng Thân. Do ứng dụng vô tận, nên cũng là thường. Nhiều lần tuyên xưng “*diệt độ*” nên cũng là vô thường. “Vô thường” tức là tác dụng tăng tấn của trí trước khi đạt được cái tâm kim cương, cho đến phạm phu sanh, diệt, xuất hiện, mất đi, đều là vô thường. Ba loại Phật thì mỗi loại có một câu, phạm phu có một câu, cho nên là nghĩa sai biệt.

- Hai, giải thích chung theo Viên Giáo: Trong ba thân, mỗi thân đều có đủ bốn câu:

a) “*Bốn câu của Pháp Thân*”: Bất sanh, bất diệt, cho nên gọi là Thường. Chẳng phải là Thường theo kiểu so đo điên đảo hư vọng của phạm phu; vì thế gọi là Vô Thường. Tịch mà cùng chiếu cả hai (chiếu lẫn Thường và Vô Thường, chiếu sanh và diệt v.v...); vì thế gọi là “cũng Thường, cũng Vô Thường”. Cùng phá tám món điên đảo của thánh lẫn phạm, cho nên gọi là “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”.

b) “*Bốn câu của Báo Thân*”: Vượt khỏi Nhị Thừa, cho nên gọi là Thường. Do chẳng phải là Thường theo kiểu so đo hư vọng, cho nên gọi là Vô Thường. Trí có thể cùng chiếu cả hai bên, cho nên gọi là “vừa thường, vừa vô thường”. Trí ngằm khế hợp cảnh chân thật, cho nên gọi là “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”.

c) “*Bốn câu của Ứng Thân*”: Ứng dụng bất tuyệt, cho nên gọi là Thường. Thị hiện cùng sanh diệt [giống như phạm phu], cho nên gọi là Vô Thường. Hai nghĩa đều trọn đủ, nên gọi là “vừa thường, vừa vô thường”. Đã chẳng phải là Thật Báo, mà cũng chẳng phải là nghiệp cảm, cho nên gọi là “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”.

Thậm chí phạm phu cũng trọn đủ ba loại “bốn câu” ấy: Tâm tánh tùy duyên bất biến, cho nên gọi là Thường. Như đã nói: Từ vô thủy cho đến tận vị lai, luân hồi sanh tử, tuy sanh nhưng thật sự chẳng sanh, tuy

chết mà thật sự chẳng chết. Đây là tánh trọn đủ “*Pháp Thân thường*”. Tâm tánh ấy bất biến tùy duyên, lưu chuyển trong năm đường, sanh diệt chẳng ngừng, thì gọi là vô thường. Đó là nghĩa “*vô thường*” của Pháp Thân. Do tùy duyên mà bất biến, cho nên cũng là thường. Do bất biến mà tùy duyên, cho nên cũng là vô thường. Đây là ý nghĩa “*song diệc*” (cũng thường, cũng vô thường) của Pháp Thân. Tuy bất biến mà chẳng ngưng lặng; tuy tùy duyên mà chẳng đoạn diệt. Đây chính là ý nghĩa “*song phi*” (chẳng thường, chẳng vô thường) của Pháp Thân.

Xét theo Pháp Thân “*tánh vốn trọn đủ*” thì đã thành ra bốn câu ấy. Nương theo Pháp Thân mà dấy Hoặc, Hoặc chính là Bát Nhã, tức là Báo Thân “*tánh vốn trọn đủ*”, cũng tạo thành bốn câu. Nương theo Hoặc và Khổ mà dấy nghiệp, nghiệp chính là giải thoát, tức là Ứng Thân “*tánh vốn trọn đủ*”, cũng tạo thành bốn câu. Đó chính là Lý Túc Tam Thân của phàm phu, mỗi thân đều có bốn câu. Danh Tự Tứ Cú còn chẳng có, hà huống hạnh và dụng? Người thuộc căn cơ Viên Giáo hiểu xứng lý, cho nên có bốn câu thuộc về Danh Tự Tam Thân, bốn câu thuộc về Quán Hạnh Tam Thân, cho đến đã thành tựu quả thì sẽ là bốn câu thuộc về Cứu Cánh Tam Thân. Từ đầu tới cuối, một thân chính là ba thân, ba thân chính là một thân, chẳng một, chẳng khác, mà cũng chẳng ngang dọc!

Hãy nên biết một Phật thân trọn đủ công đức thọ mạng của các thân, tùy theo duyên cảm vơi mà trông thấy [thọ mạng nơi thân ấy] dài hay ngắn khác nhau. Đại Kinh dạy: “*Phàm phu, Nhị Thừa kiến Phật thọ mạng do như Đông nhật. Bồ Tát sở kiến do như Xuân nhật. Duy Phật kiến Phật thọ mạng vô lượng, do như Hạ nhật*” (Phàm phu, Nhị Thừa thấy thọ mạng của Phật như ngày Đông, Bồ Tát thấy như ngày mùa Xuân, chỉ có Phật thấy thọ mạng của Phật vô lượng như ngày mùa Hạ). Vì lẽ nào vậy? Phàm phu lè tè sát đất bị chướng lấp mờ mịt. Tạng Thông Nhị Thừa tuy đoạn tứ trụ, chẳng thấy Trung Đạo. Nếu xả Phân Đoạn [sanh tử], thọ Pháp Tánh Thân, chưa phá vô minh, sẽ thấy Phật trong cõi Phương Tiện, vẫn là thân Thắng Ứng. Hãy nên biết Nhị Thừa chỉ thấy [thọ mạng của Phật ngắn ngủi như] ngày mùa Đông. Nếu là các vị Bồ Tát chưa dự vào Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo, sẽ thấy [thọ mạng của Phật] giống như phàm phu và Nhị Thừa. Nếu đã phá vô minh cho đến thọ phần chứng Pháp Thân, nói theo phương diện chấp giữ, sẽ là được thấy thọ mạng của Báo Thân. Nói theo phương diện phủ định, sẽ là Tha Thọ Dụng Báo Thân, vẫn gọi là Thắng Ứng. Do chưa tột cùng nguồn cội của Báo Thân, chưa tột cùng pháp tánh; vì thế, thấy thọ

mạng của Phật giống như ngày mùa Xuân. Chỉ có Phật và Phật, tột cùng tánh, thấu tột nguồn, thấy thọ mạng của Pháp Thân giống như ngày Hè. Do vậy, nêu ra cả ba thí dụ để sánh ví:

- Một, trong các pháp thường, hư không bậc nhất. Trong hết thấy thọ mạng, [thọ mạng của] Như Lai bậc nhất. Đây là sánh ví thọ mạng của Pháp Thân chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc, tánh tướng tĩnh lặng.

- Hai, ví như bốn con sông đều đổ vào biển cả. Đây là sánh ví thọ mạng của Báo Thân. Tu tập muôn điều thiện đều cảm vời Phật báo, quy vào biển thọ mạng.

- Ba là ao to A Nậu Đạt (Anavatapta)<sup>30</sup> chảy ra bốn con sông lớn. Đó là sánh ví thọ mạng của Ứng Thân từ Pháp Thân và Báo Thân lưu xuất, tùy duyên mà dài hay ngắn.

Sự luận định, căn nhắc [thọ lượng của Phật] trong phẩm này gồm chung cả ba thân. Nếu nói theo biệt ý, thì chính là nói về Báo Thân. Vì sao vậy? Thuận tiện về nghĩa, dung hội về kinh văn! “*Thuận tiện về ý nghĩa*”: Trí huệ của Báo Thân ngầm ứng hợp trên dưới (trên là ứng hợp chư Phật, dưới là ứng hợp chúng sanh), tam thân rành rành trọn đủ. “*Dung hội kinh văn*”: “*Ngã thành Phật lai, thậm đại cứu viễn*” (Ta kể từ khi thành Phật đến nay đã rất lâu xa). Vì thế, có thể lợi ích chúng sanh suốt ba đời. “Cái được thành tựu” (sở thành) chính là Pháp Thân. “Cái có thể thành tựu” (năng thành) chính là Báo Thân. Do Pháp Thân và Báo Thân hòa hợp bèn có thể lợi ích chúng sanh. Dùng điều này để suy ra, ý nghĩa chủ chốt [trong phẩm này] là luận định công đức của Báo Thân Phật. Các thứ công đức của ba thân như thế đều do [đức Thế Tôn] đã thành tựu dưới cội cây đạo tràng từ bao kiếp lâu xa trong quá khứ trước kia, gọi đó là Bản. Trong khoảng giữa và ngày nay (tức là trong nhiều lượt thị hiện giáng sanh trong cõi này và các cõi khác), [thị hiện] thành tựu [Phật quả] nơi Tịch Diệt đạo tràng, thì gọi là Tích. Chẳng có Bản, sẽ không có gì để thùy Tích (thị hiện dấu Tích). Chẳng có Tích, sẽ chẳng có

---

<sup>30</sup> Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận, quyển mười lăm, cái ao này nằm ở phía Bắc Đại Tuyết sơn (Hy Mã Lạp sơn) và phía Nam Hương Túy sơn (Gandhamādana, tức núi Kailama), dịch nghĩa là ao Vô Nhiệt Não (không khổ não vì nóng bức), rộng tám trăm dặm, dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê ghép thành bờ. Đáy ao rải cát vàng, trong vắt như một tấm gương lớn. Long vương sống trong ấy cũng tên là A Nậu Đạt. Nước trong ao trong mát, chảy theo bốn cửa, tạo thành sông Hằng (Ganges), sông Tín Độ (Sindhu, tức sông Indus), sông Phục Sơ (Vaksa, tức sông Amu Daria hiện thời), và sông Tỳ Đa (Sītā, tức sông Sir Daria hiện thời).

gì để hiển lộ Bản. Bản và Tích tuy khác, đều chẳng thể nghĩ bàn như nhau! Như Bản Tích được nói trong các kinh khác, coi Pháp Thân và Báo Thân thành tựu nơi Tịch Diệt đạo tràng là Bản. Từ Bản khởi lên hai loại Thắng Ứng Thân và Liệt Ứng Thân, đó là Tích. Nay [kinh Pháp Hoa] coi ba thân thành tựu nơi Tịch Diệt đạo tràng cho đến ba thân đã thành tựu từ vô lượng kiếp đến nay đều gọi là Tích, chỉ riêng coi ba thân được thành tựu do thật sự đắc Bồ Đề thuở ban đầu là Bản. Vì thế, khác hẳn các kinh kia.

**\* *Rộng khai hiển [thọ lượng của Như Lai] hòng đoạn nghi sanh tín***  
***16.1. Răn hãy tin tưởng***

Tổng cộng là bốn lần thỉnh, bốn lần răn nhắc [trong Bản Môn], cùng với ba lần thỉnh một lần răn nhắc trong Tích Môn, hợp thành năm lượt răn nhắc, bảy lượt thỉnh, [thể hiện ý nghĩa]: Đối với đại sự đặc biệt lạ lùng, phải nên ân cần trịnh trọng.

***16.1.1. Ba lượt răn nhắc***

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát cập nhất thiết đại chúng: “Chư thiện nam tử! Nhữ đẳng đương tín giải Như Lai thành để chi ngữ”. Phục cáo đại chúng: “Nhữ đẳng đương tín giải Như Lai thành để chi ngữ”. Hựu phục cáo chư đại chúng: “Nhữ đẳng đương tín giải Như Lai thành để chi ngữ”.*

**(經)爾時，佛告諸菩薩及一切大眾：「諸善男子！汝等當信解如來誠諦之語」。復告大眾：「汝等當信解如來誠諦之語」。又復告諸大眾：「汝等當信解如來誠諦之語」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các vị Bồ Tát và hết thảy đại chúng: “Các thiện nam tử! Các ông hãy nên tin hiểu lời chân thành của Như Lai”. Lại bảo đại chúng: “Các ông hãy nên tin hiểu lời chân thành của Như Lai”. Rồi lại bảo các đại chúng: “Các ông hãy nên tin hiểu lời chân thành của Như Lai”).*

“Thành” là trung thành. “Đế” là chân thật. Chẳng lừa dối chúng sanh, lời lẽ dẫn đến lẽ Chân. Trước kia, do căn cơ [của chúng sanh] nông cạn, chỉ có thể thuận theo ý họ để nói. Vì thế, phương tiện thực hiện Quyền, nói tam thừa, nói thọ mạng của Như Lai ngăn ngủi, chưa nói chân thành, thật sự. Nay là nói theo ý mình, cho nên nói lời chân thành, chắc thật.

### **16.1.2. Ba lượt thỉnh**

**(Kinh) Thị thời, Bồ Tát đại chúng, Di Lặc vi thủ, hiệp chưởng, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện thuyết chi. Ngã đẳng đương tín thọ Phật ngữ”. Như thị tam bạch dĩ.**

**(經)是時，菩薩大眾，彌勒為首，合掌，白佛言：**

**「世尊！惟願說之。我等當信受佛語」。如是三白已。**

**(Kinh: Khi đó, đại chúng Bồ Tát do ngài Di Lặc cầm đầu, chấp tay, bạch cùng đức Phật: “Bạch Thế Tôn! Kính mong hãy nói. Chúng con sẽ tin nhận lời Phật”. Bạch ba lần như thế xong).**

Bồ Tát đã vâng nhận lời răn chân thành, chẳng dám nẩy lòng ngờ vực. Hễ đức Phật nói ra, ắt sẽ tin nhận.

### **16.1.3. Ba lượt trùng thỉnh**

**(Kinh) Phục ngôn: - Duy nguyện thuyết chi, ngã đẳng đương tín thọ Phật ngữ.**

**(經)復言：「惟願說之，我等當信受佛語」。**

**(Kinh: Lại nói: - Kính mong hãy nói, chúng con sẽ tin nhận lời Phật).**

### **16.1.4. Răn nhắc lần nữa**

**(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tri chư Bồ Tát tam thỉnh bất chi, nhi cáo chi ngôn: - Nhữ đẳng đế thính.**

**(經)爾時，世尊知諸菩薩三請不止，而告之言：「汝等諦聽。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết các Bồ Tát thỉnh ba lượt không ngừng, bèn bảo rằng: - Các ông hãy nghe kỹ).*

Phần thứ nhất, “răn hãy tin tưởng” đã xong.

## **16.2. Chánh thức giải đáp**

### **16.2.1. Trường Hàng**

#### **16.2.1.1. Khai cận hiển viễn**

##### **16.2.1.1.1. Nêu ra tình kiến chấp gần**

*(Kinh) Như Lai bí mật thần thông chi lực. Nhất thiết thế gian thiên, nhân, cập A Tu La, giai vị kim Thích Ca Mâu Ni Phật xuất Thích thị cung, khứ Già Da thành bất viễn, tọa u đạo tràng, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)如來秘密神通之力。一切世間天、人、及阿修羅，皆謂今釋迦牟尼佛出釋氏宮，去伽耶城不遠，坐於道場，得阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Sức thần thông bí mật của Như Lai. Hết thấy trời, người, và A Tu La trong thế gian đều cho rằng nay Thích Ca Mâu Ni Phật ra khỏi cung họ Thích, cách thành Già Da chẳng xa, ngồi nơi đạo tràng, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Đoạn kinh văn này có ba ý:

- Một, nói đến “*Như Lai bí mật thần thông chi lực*” (sức thần thông bí mật của Như Lai) tức là nói đến pháp để thoát mê.

- Hai, nói “*nhất thiết thế gian thiên, nhân, cập A Tu La*” (hết thấy trời, người và A Tu La trong thế gian) là nói đến đại chúng có thể thoát mê.

- Ba, nói “*giai vị Thích Ca...*” (đều nói Phật Thích Ca...) là nói đến tình kiến do mê mất [thọ mạng] dài lâu của Như Lai mà ra.

“*Bí mật*”: Một thân chính là ba thân thì gọi là Bí. Ba thân chính là một thân thì gọi là Mật. Lại nữa, trước kia chẳng nói thì gọi là Bí. Chỉ có Phật tự biết, cho nên gọi là Mật. “*Thần thông chi lực*” (Sức thần thông):

Tác dụng của ba thân. “*Thân*” là lý tự nhiên bất động, tức Pháp Tánh Thân. “*Thông*” là trí huệ không úng tắc chẳng thể nghĩ bàn, tức là Báo Thân nơi quả. “*Lực*” là vận dụng tự tại, tức Ứng Hóa Thân. Phật trong ba đời, bình đẳng có ba thân. Thật sự đạt được ba thân cho đến nay đã rất lâu. Trong các giáo, giữ kín điều này chẳng nói. Vì thế, hết thầy trời, người, A Tu La đều cho rằng ngày nay đức Phật ở dưới cội Bồ Đề mới đạt được ba thân ấy. Đó chính là chấp gần mà nghi xa vậy.

Nói theo Bồn, chẳng còn nhắc tới Nhị Thừa. Sau khi đã khai bày Nhị Thừa [là pháp quyền biến, tất cả các đệ tử Thanh Văn và Duyên Giác] đều gọi là Bồ Tát. Vì thế, chỉ đối trước Bồ Tát [mà giảng nói]. Bồ Tát được nói gộp trong ba thiện đạo “*thiên, nhân, A Tu La*”. Ba đường ác kia do tội nặng, căn độn, trí ít, hoàn toàn chẳng biết đến cách nói theo tình kiến này. Bồ Tát cũng có ba loại: Hạ phương, phương khác, và cự trụ. Hạ phương tức những vị được hóa độ nơi Bồn; vì thế họ chẳng có sự chấp trước đối với thọ mạng gần đây. Phương khác và cự trụ đều có hai loại:

- Một là từ Pháp Thân mà ứng hiện sanh ra. Đời trước đã đắc Vô Sanh, hoặc trước đó đã nghe phơi bày Tích, hiển lộ Bồn. Dù là đời trước chưa nghe hay đã được nghe, khi báo tận trong đời trước, sẽ thọ Pháp Tánh Thân. Trong địa vị Pháp Thân, đương nhiên được nghe nói [thọ mạng của Như Lai] dài lâu. Vì thế, họ là Ứng Sanh Bồ Tát (hàng Bồ Tát do ứng hiện mà sanh trong thế gian này). Phần nhiều [các vị Bồ Tát ấy] chẳng chấp trước [“Như Lai mới thành Phật”] trong thời gần đây.

- Hai là các vị trong đời này mới đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn và các vị chưa đắc thì sẽ đều cùng nói [chấp trước] như thế!

#### ***16.2.1.1.2. Phá chấp gần để hiển viễn***

Lời răn chân thành, chắc thật trong phần trên chỉ nhằm ý này. Phần này lại chia thành hai [tiểu đoạn]:

- Một, chỉ rõ đức Phật đã thành Phật từ lâu.
- Hai, nêu thí dụ để sánh ví sự dài lâu ấy.

##### ***16.2.1.1.2.1. Chỉ rõ đức Phật đã thành Phật từ lâu***

***(Kinh) Nhiên thiện nam tử, ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp.***



**(經)然善男子，我實成佛已來，無量無邊百千萬億那由他劫。**

*(Kinh: Nhưng thiện nam tử, ta thật sự thành Phật tới nay đã là vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp).*

[Nay do biết đức Phật] thành Phật quá lâu xa, cho nên ý niệm chấp trước [“Phật mới đắc đạo”] gần đây tại thành Già Da liền bị phá.

**16.2.1.1.2.2. Nêu thí dụ để sánh ví sự lâu xa**

**16.2.1.1.2.2.1. Nêu thí dụ để hỏi**

*(Kinh) Thí như ngũ bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ tam thiên đại thiên thế giới, giả sử hữu nhân mạt vi vi trần, quá u Đông phương ngũ bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ quốc, nãi hạ nhất trần. Như thị Đông hành, tận thị vi trần. Chư thiện nam tử! U ý vân hà? Thị chư thế giới, khả đắc tư duy, giáo kế, tri kỳ số phủ?*

**(經)譬如五百千萬億那由他阿僧祇三千大千世界，假使有人抹為微塵，過於東方五百千萬億那由他阿僧祇國，乃下一塵。如是東行，盡是微塵。諸善男子！於意云何？是諸世界，可得思惟，校計，知其數不？」**

*(Kinh: Ví như năm trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ tam thiên đại thiên thế giới, giả sử có người nghiền nát thành vi trần, qua khỏi năm trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ thế giới ở phương Đông mới để xuống một hạt vi trần. Đi về phương Đông như thế cho đến hết số vi trần ấy. Các thiện nam tử! Ý các ông nghĩ sao? Các thế giới ấy có thể tư duy, so sánh, tính toán để biết được con số hay chăng?)*

Ngay như số thế giới đã đặt vi trần còn chẳng thể nói, huống hồ các thế giới chẳng đặt vi trần há có thể nói được ư?

**16.2.1.1.2.2.2. Trả lời**

*(Kinh) Di Lạc Bồ Tát đặng câu bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị chư thế giới vô lượng vô biên, phi toán số sở tri, diệc phi tâm lực sở cập. Nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật dĩ vô lậu trí, bất năng tư duy tri kỳ hạn số. Ngã đặng trụ A Duy Việt Trí địa, ư thị sự trung diệc sở bất đạt. Thế Tôn! Như thị thế giới vô lượng vô biên.*

**(經)彌勒菩薩等俱白佛言：「世尊！是諸世界無量無邊，非算數所知，亦非心力所及。一切聲聞、辟支佛以無漏智，不能思惟知其限數。我等住阿惟越致地，於是事中亦所不達。世尊！如是世界無量無邊」。**

*(Kinh: Các vị như Di Lạc Bồ Tát v.v... đều bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Các thế giới ấy vô lượng vô biên, chẳng thể tính toán để biết được, mà cũng chẳng do tâm lực mà có thể biết được. Hết thấy Thanh Văn và Bích Chi Phật dùng trí vô lậu, chẳng thể tư duy biết nổi chừng hạn của con số ấy. Chúng con trụ trong địa vị A Duy Việt Trí, đối với chuyện này cũng chẳng thông đạt. Bạch Thế Tôn! Các thế giới như thế vô lượng vô biên).*

Một là chẳng thể dùng tính toán hay tâm lực để thấu đạt. Hai là chẳng phải do vô lậu trí mà tư duy được. Ba là bậc A Duy Việt Trí chẳng thông đạt, bởi chỉ có Phật trí là hay biết mà thôi! Vì thế, [cổ nhân sánh ví] “*công đức của Phật như đất nơi đại địa trong mười phương, công đức của bậc Thập Địa như đất trong cõi Diêm Phù*”, chẳng phải là lời hư dối vậy!

#### **16.2.1.1.2.2.3. Gộp chung lại để hiển lộ sự lâu xa**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo đại Bồ Tát chúng: - Chư thiện nam tử! Kim đương phân minh tuyên ngữ như đặng: Thị chư thế giới, nhược trước vi trần cập bất trước giả, tận dĩ vi trần, nhất trần nhất kiếp. Ngã thành Phật dĩ lai, phục quá ư thử bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp.*

**(經)爾時，佛告大菩薩眾：「諸善男子！今當分明宣語汝等：是諸世界，若著微塵及不著者，盡以為塵，一塵一劫。我成佛已來，復過於此百千萬億那由他阿僧祇劫。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo đại chúng Bồ Tát: - Các thiện nam tử! Nay ta sẽ tuyên nói phân minh với các ông: Các thế giới ấy dù đặt vi trần hay chẳng đặt, đều coi trọn hết các vi trần [trong các thế giới ấy], cứ một vi trần là một kiếp, ta thành Phật đến nay lại hơn số ấy trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp).*

Các thế giới dù đặt vi trần hay chẳng đặt vi trần đã là chẳng thể diễn nói, huống hồ số lượng vi trần trong các thế giới ấy? Huống hồ lại còn hơn số lượng ấy? Ngài Tăng Phó nói: “*Bản dịch cổ của ngài La Thập không có bốn chữ ‘nhất trần, nhất kiếp’, có vị cao tăng là Đàm Phó đời Tề tụng kinh, cảm mộng [thần nhân bảo] ‘[kinh ông tụng] thiếu một câu’. Về sau, quả nhiên có được [câu bị thiếu ấy]”*. Kinh Kim Quang Minh nói: “*Nhất thiết hải thủy, khả tri trích số, vô hữu năng tri Như Lai chi thọ*” (Có thể biết số lượng giọt nước trong hết thủy các biển, chẳng ai có thể biết tuổi thọ của Như Lai). Đây cũng là nói Ngài thường trụ trong vị lai, chẳng phải là nói Ngài đã [thành Phật] từ lâu trong quá khứ. Nếu dẫn câu kinh ấy làm chứng, sẽ chẳng tương ứng cho lắm!

Lại có người dựa theo Pháp Thân để giải thích điều này, như thế thì sẽ có hai điều mê:

- Một, Pháp Thân không có khởi đầu, há luận kiếp lâu xa được ư?

- Hai, Pháp Thân bình đẳng, lẽ đâu riêng mình đức Thích Ca thành tựu Pháp Thân trước?

Vì thế, biết [giải thích thọ lượng của Như Lai dựa theo Pháp Thân] là chẳng thấu đạt điều cốt lõi của kinh, cầu sâu mà đâm ra cạn!

Hỏi: - Hết thủy chư Phật có đều hiển Bồn hay không? Nếu có trường hợp hiển và chẳng hiển, sẽ chẳng thể nói “*chư Phật đạo đồng*”, cũng chẳng thể nói “*phương tiện này của ta, chư Phật cũng thế!*” Nếu đều cùng hiển Bồn, chư Phật phải đều cùng nói “*đã thành Phật rất lâu xa*” chứ?

Đáp: - Hiển Bồn thì có thể đồng, nhưng xa hay gần khác nhau. Chẳng hạn như Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh có tám người con, Đại Thông Trí Thắng Phật có mười sáu người con, Phật Thích Ca chỉ có một.

Có con giống nhau, nhưng số lượng không bắt buộc phải như nhau. Lại nữa, phạm thành Phật thì chứng đắc ba thân giống nhau; vì thế nói “*chư Phật đạo đồng*”. Ba đời lợi ích chúng sanh đều như nhau, cho nên nói “*phương tiện này của ta, chư Phật cũng giống như thế*”. Huống hồ Bốn cao, Tích thấp, Bốn thấp, Tích cao, Bốn và Tích đều cao, Bốn và Tích đều thấp, có đến bốn câu, khai hiển trong một giai đoạn [giáo hóa], cần gì phải đều giống hệt như nhau? Chỉ có đối với nguyên nhân khởi đầu và kết quả kết thúc thì xét theo bản thể sở chứng của chư Phật, sẽ là “cùng viên mãn ba thân”, còn tác dụng khởi lên, sẽ là “cùng lợi ích ba đời”. Do vậy, chẳng thể nói có sai khác!

Phần thứ nhất, “khai cận, hiển viễn” đã xong!

### **16.2.1.2 . Nói rõ ba đời đều lợi lạc chúng sanh**

Ở đây, lấy chuyện thành đạo lần đầu tiên làm Thể, làm Bản. Từ Thể khởi tác dụng là Tích. Lại coi lúc đầu tiên thật sự đắc Thể và Dụng là Bản. Từ đó trở đi, tất cả các sự khởi tác dụng trong ba đời đều là Tích. Kinh văn chia làm hai phần: Một là pháp thuyết, hai là thí thuyết.

#### **16.2.1.2.1. Pháp thuyết (dùng pháp để giảng nói)**

##### **16.2.1.2.1.1. Nêu rõ cả ba đời đều lợi ích chúng sanh**

###### **16.2.1.2.1.1.1. Lợi ích chúng sanh trong quá khứ**

###### **16.2.1.2.1.1.1.1. Chỗ lợi ích chúng sanh trong quá khứ**

*(Kinh) Tự từng thị lai, ngã thường tại thử Sa Bà thế giới thuyết pháp, giáo hóa. Diệc u dư xứ, bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ quốc đạo lợi chúng sanh.*

**(經)自從是來，我常在此娑婆世界說法，教化。亦於餘處，百千萬億那由他阿僧祇國導利眾生。**

*(Kinh: Từ đó trở đi, ta thường ở trong thế giới Sa Bà này thuyết pháp, giáo hóa. Cũng ở các nơi khác, trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ cõi để hướng dẫn, lợi ích chúng sanh).*

Cần phải nêu rõ nơi chốn là vì trong phần trước đã nói thành đạo rất lâu, nhưng Ngài ở tại chỗ nào đã lâu? Do vậy nói Ngài thường ở trong thế giới này và các cõi khác để thuyết pháp lợi sanh. Cõi Sa Bà này

chính là chỗ để Bôn Ứng Thân cư trụ. Hiện thời cư trụ là thị hiện, nhưng chẳng dời khỏi Bôn. Chỉ là xưa nay thời điểm khác nhau, người thấy Kiếp Hỏa thiêu đốt thì cho là gần (tức là nghĩ “Phật mới thành đạo gần đây”), người chiếu tỏ Bôn thì thông đạt xa (tức biết Phật đã thành đạo từ chẳng thể nghĩ bàn vô lượng kiếp trước). Vì thế nói: “*Ngã tịnh độ bất hủy, thường tại Linh Thứu sơn*” (Tịnh độ của ta chẳng hủy hoại, ta thường ở núi Linh Thứu). Chẳng lìa Già Da để cầu cõi Thường Tịch nào khác, chẳng ra ngoài Tịch Quang mà riêng có Sa Bà được!

**16.2.1.2.1.1.1.2. Loại trừ mỗi nghi hoặc đối với Tích trong quá khứ**

*(Kinh) Chư thiện nam tử! Ư thị trung gian, ngã thuyết Nhiên Đăng Phật đấng, hựu phục ngôn kỳ “nhập u Niết Bàn”. Như thị giai dĩ phương tiện phân biệt.*

**(經)諸善男子！於是中間，我說然燈佛等，又復言其「入於涅槃」。如是皆以方便分別。**

*(Kinh: Các thiện nam tử! Trong khoảng trung gian ấy, ta nói Nhiên Đăng Phật [thọ ký cho ta] v.v... lại còn nói “nhập Niết Bàn”. [Những điều] giống như vậy đều là phương tiện phân biệt).*

Nghi rằng: Nếu đã thành Phật lâu như thế, có sao trong kinh nói vào thời Nhiên Đăng Phật, [Phật Thích Ca] mới được thọ ký? Lại nữa, đã thành Phật, chứng thân thường trụ, vì sao trong thời Phật Nhiên Đăng, Nho Đồng Bồ Tát (tiên thân của Phật Thích Ca) được thọ ký rồi hoàng pháp, hết tuổi thọ bèn nhập diệt, lại sanh trong các xứ khác? Các điều [cật vấn] như thế chẳng thể nói trọn hết từng điều được! Nay để loại trừ [các mối nghi ấy] bèn nói: “Đó đều là phương tiện phân biệt”. Ví như huyễn sư (người làm ảo thuật) biến hiện huyễn sự, chẳng phải là thật sự vào lúc đó (lúc được Phật Nhiên Đăng thọ ký), Phật Thích Ca mới được thọ ký [lần đầu], cũng chẳng phải là thân Phần Đoạn xả thọ, nhập diệt, mà đều là từ Bôn mà thị hiện các dấu vết vậy!

**16.2.1.2.1.1.1.3. Trong quá khứ, đã lợi ích các chúng sanh đáng được lợi ích như thế nào?**

**16.2.1.2.1.1.1.3.1. Cảm ứng**

*(Kinh) Chư thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh lai chí ngã sở, ngã dĩ Phật nhãn quán kỳ tín đặng, chư căn lợi độn, tùy sở ưng độ.*

**(經)諸善男子！若有眾生來至我所，我以佛眼觀其信等，諸根利鈍，隨所應度。**

*(Kinh: Các thiện nam tử! Nếu có chúng sanh đến chỗ của ta, ta dùng Phật nhãn để xem xét các căn tín, tấn v.v... của họ là lợi hay độn, rồi sẽ tùy theo lẽ đáng nên mà độ họ).*

“Chí ngã sở” (Đền chỗ của ta), tức là hai căn cơ Tiệm và Đốn của chúng sanh trong quá khứ, ngầm đánh độn Pháp Thân. “Phật nhãn quán” tức là Ngài thành Phật đã từ lâu, dùng Phật nhãn để xét soi [căn cơ của người đáng được hóa độ] chẳng hề sai sót; sau đó sẽ dùng Liệt Ứng Thân hay Thắng Ứng Thân hòng lợi ích họ. Căn cơ thiện có hai lực:

- Một, cảm hoa báo trong trời người và Quyền quả trong tam thừa.
- Hai, cảm Thật quả trong Phật đạo.

Nếu dùng pháp nhãn để quán biết muôn điều thiện, tùy thuộc điều thiện ấy là nhẹ hay nặng, mỗi đặng đều đạt được hoa báo và Quyền quả báo, nhưng chẳng thể rõ ràng biết họ sẽ trọn đạt được quả báo nơi Chủng Trí. Nếu dùng Phật nhãn chiếu soi muôn điều thiện, sẽ có thể biết trọn vẹn hoa báo và quả báo từ đầu đến cuối. Kinh này một mực nói dùng Phật nhãn để quán, sẽ có thể biết tất cả muôn điều thiện của chúng sanh, rõ ràng đạt được cái quả nơi Chủng Trí của Phật.

“Tín đặng chư căn” (Các căn như Tín v.v...) chính là Ngũ Căn [trong ba mươi bảy đạo phẩm]. Huệ căn chính là liễu nhân, còn bốn căn Tín, Tấn, Niệm, Định đều thuộc về duyên nhân. Hai thứ thiện căn này, mỗi thứ đều có lợi hay độn, nhiếp chung cơ duyên Đốn và Tiệm. Căn cơ thuộc Đốn dù lợi hay độn đều là căn cơ thuộc Viên Giáo và Biệt Giáo. Căn cơ thuộc Tiệm Giáo dù lợi hay độn đều là căn cơ thuộc về Thông Giáo và Tạng Giáo. Lại nữa, căn cơ Đại Thừa được gọi là Lợi, căn cơ Tiểu Thừa được gọi là Độn. Lại nữa, căn cơ Tiểu Thừa được gọi là Lợi, [căn cơ] nhân thiên thừa được gọi là Độn. Lại nữa, đối với các căn thuộc tứ giáo cho đến các căn cơ thuộc nhân thiên đều luận định là lợi hay độn. Tất cả các thiện căn lợi hay độn của chúng sanh trong mười pháp giới đều là căn cơ. Như Lai đều xét soi, chẳng hề sai sót, tùy thuộc [kẻ ấy]

đáng độ như thế nào, bèn hiện hình hay dùng âm thanh để tạo lợi ích cho kẻ đó!

**16.2.1.2.1.1.1.3.2. Thực hiện sự giáo hóa**

**16.2.1.2.1.1.1.3.2.1. Hai thứ lợi ích bằng hình tướng và âm thanh**

*(Kinh) Xứ xứ tự thuyết danh tự bất đồng, niên kỷ đại tiểu, diệt phục hiện ngôn ‘đương nhập Niết Bàn’. Hựu dĩ chủng chủng phương tiện thuyết vi diệu pháp.*

**(經)處處自說名字不同，年紀大小，亦復現言「當入涅槃」。又以種種方便說微妙法。**

*(Kinh: Ở các nơi, tự nói danh tự khác nhau, tuổi tác lớn nhỏ, cũng lại thị hiện nói “sẽ nhập Niết Bàn”. Lại dùng các thứ phương tiện để nói pháp vi diệu).*

“Danh tự bất đồng, tuổi tác lớn nhỏ”, tức là chẳng phải sanh mà thị hiện sanh. “Sẽ nhập Niết Bàn” tức là chẳng phải diệt mà thị hiện diệt, đều là dùng hình tướng để tạo lợi ích. “Phương tiện thuyết pháp” chính là dùng âm thanh để tạo lợi ích. “Xứ xứ” (Nơi nơi) tức là theo chiều dọc thì là vi trần kiếp số, theo chiều ngang thì là mười phương sát hải. Trong mỗi kiếp, đều trọn khắp mười phương. Trong mỗi cõi, đều trải qua kiếp số nhiều như vi trần, không gì chẳng phải là nơi chốn và thời điểm Như Lai thị hiện dấu tích. “Danh tự bất đồng”: Hoặc thị hiện Thắng Ứng, hoặc thị hiện Liệt Ứng, hoặc thị hiện thân Phật, hoặc thị hiện các thân Bồ Tát, Thanh Văn v.v... Thân đã bất đồng, cho nên danh tự cũng bất đồng. “Niên kỷ đại tiểu” (Tuổi tác lớn hay nhỏ): Đã thị hiện có thân, bèn có thọ mạng dài hay ngắn khác nhau! Đáng nên dùng thị hiện sanh để đắc độ thì đã có thể chốn chốn “chẳng phải sanh mà thị hiện sanh”. Đáng nên thị hiện diệt để đắc độ thì ắt cũng chốn chốn “chẳng phải diệt mà thị hiện diệt”. Vì thế nói “diệt phục hiện ngôn đương nhập Niết Bàn” (cũng thị hiện nói “sẽ nhập Niết Bàn”). “Chủng chủng phương tiện thuyết vi diệu pháp” (Các thứ phương tiện để nói pháp vi diệu): Hoặc Đốn, hoặc Tiệm, hoặc Hiện, hoặc Mật, hoặc Định, hoặc Bất Định, hoặc nói kèm, hoặc nói đơn độc, hoặc đối ứng, hoặc ngụ ý, hoặc thực hiện [quyền biến], hoặc khai, hoặc phé, hoặc lập, nói chung là phương tiện thiện xảo

của Như Lai, luôn khiến cho chúng sanh rốt ráo được thành tựu Nhất Thiết Chúng Trí. Do vậy là vi diệu!

**16.2.1.2.1.1.3.2.2. [Chúng sanh do] đạt được lợi ích bèn hoan hỷ**

**(Kinh) Năng linh chúng sanh phát hoan hỷ tâm.**

**(經)能令眾生發歡喜心。**

**(Kinh: Có thể khiến cho chúng sanh sanh tâm hoan hỷ).**

Do hai cách giáo hóa bằng hình tướng hay âm thanh, khiến cho [những người được hóa độ] đạt được bốn món lợi ích (Tứ Tất Đàn) Quyền và Thật, nhưng nói là “hoan hỷ”, tức là nêu ra một thứ để gồm chung ba thứ còn lại.

Phần thứ nhất, “nói về chuyện lợi ích chúng sanh trong quá khứ” đã xong.

**16.2.1.2.1.1.2. Lợi ích chúng sanh trong hiện tại**

**16.2.1.2.1.1.2.1. Cảm ứng**

**(Kinh) Chư thiện nam tử! Như Lai kiến chư chúng sanh nhạo u Tiểu pháp, đức bạc, cấu trọng giả.**

**(經)諸善男子！如來見諸眾生樂於小法，德薄，垢重者。**

**(Kinh: Các thiện nam tử! Như Lai thấy các chúng sanh là những kẻ chuộng Tiểu pháp, đức mỏng, cấu chướng nặng nề).**

“Như Lai kiến” tức là Phật nhãn soi xét. “Chư chúng sanh nhạo u Tiểu pháp” (Các chúng sanh chuộng Tiểu pháp) chính là căn cơ được thấy [bởi Phật nhãn]. Tham ái hai mươi lăm Hữu tức là căn cơ nhân thiên, thì gọi là “chuộng Tiểu pháp”. “Tự cầu diệt độ trong hiện tiền” tức là căn cơ Nhị Thừa, được gọi là “chuộng Tiểu pháp”. Ưa thích theo thứ tự dần dần tu tập quanh co trong Phật đạo thì chính là căn cơ Bồ Tát thuộc tam giáo, cũng gọi là “chuộng Tiểu pháp”. Cho đến kẻ thích “cận thuyết” (thích nói “Như Lai mới thành đạo trong thời gần đây”) cũng gọi là “chuộng Tiểu pháp”. Vì hai công dụng nơi duyên thiện và liễu thiện nhỏ nhoi, kém cỏi, cho nên gọi là “đức bạc” (đức mỏng manh). Do ba



thứ Hoặc tức Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh sâu dày, nên gọi là “*cấu trọng*”.

Hỏi: - Chẳng phải sanh mà thị hiện sanh, nhằm thực hiện sự giáo hóa Đốn và Tiệm cho bảy loại phương tiện, có thể gọi [những kẻ đó] là “*chuộng Tiểu pháp*”, chứ căn cơ viên đốn đáng nên gọi là “*chuộng Đại pháp*”, sao lại gọi tuốt là “*chuộng Tiểu pháp*” vậy?

Đáp: - Điều này có bốn nghĩa:

- Một, xét theo khi xưa tuy đã phát đại tâm, nhưng chẳng thể chuyên ròng, phần nhiều chấp trước ham muốn hèn tẻ, chẳng thể xuất thế. Vì thế, gọi ham muốn hèn tẻ là “*chuộng Tiểu pháp*”.

- Hai, xét theo hiện tại. Như khi đức Phật chưa xuất thế, hàng trời người tuy có căn cơ Đại Thừa, nhưng tâm đắm nhiễm niềm vui thế gian, hoặc chấp vào tà kiến. Vì thế gọi là “*chuộng Tiểu pháp*”. Hai nghĩa này có cùng ý nghĩa với “*uyển chuyển u địa*” (quần quai trên đất) trong thí dụ thuộc phần sau.

- Ba, xét theo tu hành. Tuy chẳng ưa thích Tiểu pháp ái kiến trong tam giới, nhưng ưa chuộng sự “*hôi đoạn*” (đoạn chúng, diệt thân) trong tam thừa thì cũng gọi là “*Tiểu pháp*”. Tuy chẳng ưa chuộng cận quả trong tam thừa, nhưng thích tu hành một thừa theo Biệt Giáo, chẳng thể nhất tâm viên đốn tu trọn khắp. Vì thế gọi là “*chuộng Tiểu pháp*”.

Ba ý này đều xét theo tu nhân mà nói là “*chuộng Tiểu pháp*”.

- Bốn là xét theo quả môn. Ưa thích nghe “*Phật thành đạo mới gần đây*” thì là Tiểu, [tức là cho rằng Phật] thoát khỏi cung họ Thích mới đắc Bồ Đề, chẳng thích nghe nói [đức Phật đã thành đạo] từ rất lâu xa. Vì thế nói là “*chuộng Tiểu pháp*”. Cái tâm nhỏ nhoi kiêu đó chẳng phải là ngày nay [mới có]. Nếu trước đó họ đã ưa thích Đại pháp, đức Phật sẽ chẳng nói Ngài mới thành Phật. Ngài nói “*mới thành Phật*” đều là vì [chúng sanh] ưa thích Tiểu pháp vậy.

#### **16.2.1.2 .1.1.2.2. Thực hiện sự hóa độ**

##### **16.2.1.2.1.1.2.2.1. Hiện thân hình**

(Kinh) *Vị thị nhân thuyết*: “*Ngã thiếu xuất gia, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”. *Nhiên ngã thật thành Phật dĩ lai, cửu viễn nhược tư, dẫn dĩ phương tiện giáo hóa chúng sanh linh nhập Phật đạo, tác như thị thuyết*.

**(經)為是人說：「我少出家，得阿耨多羅三藐三菩提」。然我實成佛已來，久遠若斯，但以方便教化眾生令入佛道，作如是說。**

*(Kinh: Bèn vì kẻ đó nói: “Ta xuất gia chẳng lâu, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Nhưng kể từ khi ta thật sự thành Phật đến nay, đã lâu dường ấy! Chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ nhập Phật đạo mà nói như thế).*

Đây là nói vì chúng sanh trong hiện tại, chẳng phải sanh mà thị hiện sanh, tuy sanh nhưng thật sự chẳng sanh. Trước đó, đã nói hai căn cơ Đốn và Tiệm cảm vờ Pháp Thân; nay bèn hiện hai thứ Ứng Thân thắng và liệt. Liệt Ứng Thân nhằm thích ứng căn cơ Tiệm. Thắng Ứng Thân nhằm thích ứng căn cơ Đốn. Hai thứ ứng thân ấy đều có tướng thị hiện sanh thân và Pháp Thân. Hai tướng sanh của thân Liệt Ứng chính là do chánh huệ gá vào thai, sanh ra từ hông phải [của mẹ], liền đi bảy bước, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, tự nói: “*Thiên thượng, thiên hạ, duy ngô độc tôn*” (天上天下。唯吾獨尊, trên trời, dưới trời, chỉ có Ngã là độc tôn). Đây chính là tướng sanh ra của sanh thân. Ngồi trên cỏ Cát Tường, ba mươi bốn tâm đoạn hết kết tập, chúng trọn hết năm phần Pháp Thân; đây chính là tướng sanh ra của Pháp Thân. Sanh tướng của hai thân Thắng Ứng thì là ngồi trong cung bằng Chiên Đàn, cùng các vị Bồ Tát ngự trong thai tạng của bà Ma Da, thường nói Đại Thừa, thực hiện Phật sự lớn lao, từ hông phải [của mẹ] sanh ra, trong mười phương, mỗi phương đều đi trọn bảy bước, hiện tướng sư tử hồng. Đây chính là sanh tướng nơi sanh thân. Tại Tịch Diệt đạo tràng, ngồi tòa Bồ Đề, đắc Kim Cang hậu tâm, đoạn sạch vô minh, diệu giác rạng ngời, chiếu tận cùng pháp tánh, Chủng Trí viên minh, vạn đức trọn đủ. Đó là sanh tướng của Pháp Thân. “*Xuất gia*” chính là Liệt Ứng Thân ra khỏi nhà Phần Đoạn, hoặc Thắng Ứng Thân ra khỏi nhà Nhị Tử (hai thứ sanh tử, tức Phần Đoạn và Biên Dịch). “*Đắc Bồ Đề*”: Liệt Ứng Thân đắc Sanh Diệt Tứ Đế, phát khởi vô lậu tận vô sanh trí, thì gọi là Bồ Đề. Thắng Ứng Thân chiếu đạo Nhất Thật nơi Tam Đế, rốt ráo Nhất Thiết Chủng Trí thì là Bồ Đề (Sanh tướng của hai thứ sanh thân thuộc Thắng Ứng và Liệt Ứng chỉ là một phen gá thai rồi xuất sanh, nhưng căn cơ Đại Thừa và Tiêu Thừa sẽ thấy bất đồng. Vì thế, cần phải thật sự hiểu rõ: Chẳng phải

là có hai phen gá thai và xuất sanh. Hai thứ xuất gia, hai thứ thành đạo, hai thứ sanh tướng của Pháp Thân cũng không gì chẳng phải là như vậy! Vì thế nói “*song thùi lưỡng tướng*” (cùng rủ lòng thị hiện hai tướng), cả hai bắt đầu đồng thời). Từ “*nhiên ngã thật thành Phật*” (nhưng ta thật sự thành Phật) trở đi, nói rõ Bốn thật sự chẳng sanh. Các hàng trời, người, A Tu La kia nay mới thấy hai thứ sanh thân và pháp thân ấy, cho rằng “*mới sanh*”. Thật ra, chẳng phải vậy! “*Nhưng ta thật sự thành Phật đã rất lâu xa*”, như trong thí dụ ở phần trên đã nói [thời gian ấy] còn nhiều hơn số vi trần trong cõi nước. Nay thị hiện sanh, nhưng chẳng thật sự sanh. Nếu ngờ rằng “*đã chẳng phải là thật sự sanh, vì sao lại thị hiện sanh?*” Giải rằng: Chỉ là phương tiện để giáo hóa chúng sanh đức mỏng, nghiệp cấu nặng nề, khiến cho họ nhập Phật đạo. Do đó, nói như thế này “*ta xuất gia chẳng lâu bèn đắc Bồ Đề*”. Các kinh Đại Thừa khác chỉ phá hai thứ sanh thân và pháp thân của thân Liệt Ứng “*tuy sanh mà chẳng phải thật sự sanh*”, chẳng phá sanh thân và pháp thân của thân Thắng Ứng. Nay nói “*đã thành Phật rất lâu*”, chính là nhằm phá trừ [chấp trước] “*Pháp Thân của Thắng Ứng kể từ Tịch Diệt đạo tràng mới sanh*”. Do đó, hoàn toàn khác với các kinh khác!

#### **16.2.1.2 .1.1.2.2.2. Thuyết pháp**

##### **16.2.1.2 .1.1.2.2.2.1. Các pháp đã nói trong một đời giáo hóa**

*(Kinh) Chư thiện nam tử! Như Lai sở diễn kinh điển, giai vị độ thoát chúng sanh, hoặc thuyết kỹ thân, hoặc thuyết tha thân, hoặc thị kỹ thân, hoặc thị tha thân, hoặc thị kỹ sự, hoặc thị tha sự, chư sở ngôn thuyết, giai thật bất hư.*

**(經) 諸善男子! 如來所演經典, 皆為度脫眾生, 或說己身, 或說他身, 或示己身, 或示他身, 或示己事, 或示他事, 諸所言說, 皆實不虛。**

*(Kinh: Các thiện nam tử! Kinh điển do Như Lai đã diễn nói đều vì độ thoát chúng sanh, hoặc nói về thân mình, hoặc nói về thân người khác, hoặc chỉ bày thân mình, hoặc chỉ bày thân người khác, hoặc chỉ bày chuyện của mình, hoặc chỉ bày chuyện của người khác, các lời lẽ đã nói đều chân thật chẳng dối).*

“*Sở diễn kinh điển*” là nói khắp tất cả ngũ vị bát giáo trong suốt một đời giáo hóa [của đức Phật]. “*Giai vị độ thoát chúng sanh*” (Đều vì độ thoát chúng sanh): Giải thích chung [các giáo] Đốn, Tiệm, Hiện, Mật, Định, Bất Định, không gì chẳng nhằm ứng với bệnh mà cho thuốc, khiến cho họ được độ thoát. “*Hoặc thuyết kỷ thân...*” (Hoặc nói thân mình...): Nêu đại lược tất cả các chuyện thị hiện sai biệt trong một đời giáo hóa. Nói nhân duyên xưa kia của chính mình thì gọi là “*thuyết kỷ thân*”. Nói các thứ nhân duyên của chư Phật, Bồ Tát, và các đệ tử, thì gọi là “*thuyết tha thân*”. Hiện hình tượng thuộc Phật giới thì gọi là “*thị kỷ thân*”. Hiện hình tượng trong chín pháp giới kia thì gọi là “*thị tha thân*”. Hoặc hiện thân Thắng Ứng thì gọi là “*thị kỷ thân*”. Hiện thân Liệt Ứng thì gọi là “*thị tha thân*”. Hiện chuyện thuộc Phật giới thì gọi là “*thị kỷ sự*”. Hiện chuyện thuộc chín pháp giới thì gọi là “*thị tha sự*”. Hoặc hiện Chủng Trí thì gọi là “*thị kỷ sự*”. Hiện sự đoạn chứng của tiểu trí thì gọi là “*thị tha sự*”. Hiện đại tự tại thì gọi là “*thị kỷ sự*”. Hiện các thứ như chín loại phiền não v.v... thì gọi là “*thị tha sự*”.

“*Chư sở ngôn thuyết giai thật bất hư*” (Những lời nói ra đều chân thật, chẳng dối): Chỉ rõ [những lời dạy của đức Phật] khác với ngụ ngôn trong thế gian. Do vì chúng sanh mà mỗi mỗi đều thị hiện, mỗi mỗi đều có nhân, có quả. Mỗi mỗi đều có khởi đầu và kết thúc. Chỉ là dù nói thân mình, hay thân người khác, chỉ bày thân mình, hay thân người khác, chuyện của chính mình, hay chuyện của người khác, hoàn toàn chẳng có mảy may thốt lời hư huyền, dối trá! Vì thế, có thể độ thoát hết thảy chúng sanh. Ví như huyền sư (nhà ảo thuật) ở ngã tư đường, biến huyền các loài vật như voi, ngựa, trâu, dê... Voi ra voi, ngựa ra ngựa, chẳng có con vật nào chẳng giống hệt, bèn có thể khiến cho kẻ ngu, tiểu trí vui thích. Phật cũng giống như thế, dùng Pháp Tánh Đại Huyền tam-muội trọn khắp mười phương ba đời, biến huyền thân mình, thân người, chuyện mình, chuyện người, chỉ dạy cho kẻ khác, khiến cho các chúng sanh đó đều được thấy nghe, hoàn toàn chẳng có chuyện nào bịa đặt, nói suông, khiến cho chúng sanh hể tin nhận đều được độ thoát.

#### ***16.2.1.2.1.1.2.2.2.2. Giải thích nguyên do vì sao nói thiện xảo***

##### ***16.2.1.2.1.1.2.2.2.2.1. Do chiếu lý Quyền Thật, đó chính là cái gốc để nói năng, chỉ bày***

(*Kinh*) *Sở dĩ giả hà? Như Lai như thật tri kiến tam giới chi tướng, vô hữu sanh tử, nhược thoát, nhược xuất, diệt vô tại thế, cập*

*diệt độ giả, phi thật, phi hư, phi như, phi dị, bất như tam giới, kiến u tam giới. Như tư chi sự, Như Lai minh kiến, vô hữu thác mậu.*

**(經)所以者何? 如來如實知見三界之相, 無有生死, 若退, 若出, 亦無在世, 及滅度者, 非實, 非虛, 非如, 非異, 不如三界, 見於三界。如斯之事, 如來明見, 無有錯謬。**

*(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Như Lai đúng như thật thấy biết tướng của tam giới, chẳng có sanh tử, hoặc thoái, hoặc xuất, cũng chẳng ở đời và diệt độ, chẳng thật, chẳng hư, chẳng như, chẳng khác, chẳng như tam giới mà thấy tam giới. Chuyện như vậy Như Lai thấy rõ, chẳng có sai lầm).*

Một niệm hiện tiền Chân Như pháp tánh vốn chẳng có một pháp nào để có thể đạt được, nhưng chẳng có pháp nào không đầy đủ, chẳng có pháp nào không tạo. Hết thấy phàm thánh bình đẳng, chẳng sai biệt; nhưng phàm phu và hàng Nhị Thừa vương mặc nơi hai loại tử (Phản Đoạn và Biến Dịch), chẳng thể tự độ, tự thoát. Các hàng đại Bồ Tát còn thuộc địa vị tu nhân thì hạn cuộc nơi số lượng, chẳng thể theo chiều dọc trọn khắp, theo chiều ngang cùng tột, đều là do chưa thể chứng triệt để viên mãn Chân Như pháp tánh ấy. Chỉ có Như Lai từ kiếp lâu xa đến nay đã viên mãn chứng triệt để chân pháp tánh ấy. Cho nên Ngài có thể dùng Chung Trí Phật nhãn như thật thấy biết hai thứ tướng tam giới Phản Đoạn và Biến Dịch. Ngay nơi bản thể chính là Chân Như Thật Tướng, biết rõ hai loại sanh tử chẳng phải là sanh tử. Chẳng có thoái thác mà ở trong thế gian: Đã chẳng có sanh tử để lùi bước, sẽ chẳng có sanh tử để thoát ra. Vì thế chẳng có thoát ra mà diệt độ.

“*Chẳng có sanh tử, hoặc thoái, hoặc xuất*” tức là Thật pháp trong mười pháp giới đều là Không. “*Diệt vô tại thế, cập diệt độ*” (Cũng chẳng đang tại thế và diệt độ): Giả danh trong mười pháp giới đều là Không. Sanh tử và Niết Bàn đều bình đẳng, giống như giấc mộng đem qua, cho nên “*chẳng thật*”. Mê là sanh tử, ngộ bèn chứng Niết Bàn, duyên khởi rành rành; vì thế “*chẳng hư huyền*”. Chẳng sai biệt mà mười pháp giới sai biệt, cho nên “*chẳng Như*”. Tức là sai biệt, nhưng một tánh dung thông, cho nên “*chẳng khác*”. Chẳng giống như hai loại người trong tam giới: Hoặc thấy tam giới là Có, hoặc thấy tam giới là Không.

Vì thế nói “*bất như tam giới kiến u tam giới*” (chẳng như tam giới mà thấy tam giới). “*Như tư chi sự*” (Chuyện như thế đó) chính là tổng kết Chân Tục Diệu Đế vừa được diễn tả trong phần kinh văn trước đó, tức là sanh tử mà chẳng có sanh tử, tức là thoái thất mà chẳng thoái thất, tức là thoát ra mà chẳng thoát ra, tức là ở trong thế gian mà chẳng ở trong thế gian, tức là diệt độ mà chẳng diệt, tức là Chân mà chẳng phải Chân, tức là hư mà chẳng phải hư, tức là Như mà chẳng phải Như, tức là dị (khác biệt) mà chẳng phải dị. Có nghĩa là đối với chuyện “*ngay nơi Tục chính là Chân*”, Như Lai dùng trí như lý để thấy rõ, chẳng hề sai lầm. Vì thế, Ngài có thể thuận theo trí mà nói theo ý mình, khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bồn. [Chúng sanh vốn] chẳng có sanh tử mà hư vọng thấy có sanh tử, chẳng có thoái xuất mà hư vọng thấy thoái xuất, chẳng có tại thế mà hư vọng thấy tại thế, chẳng diệt độ mà hư vọng thấy diệt độ, chẳng thật mà hư vọng thấy là thật, chẳng hư mà hư vọng thấy là hư, chẳng như mà hư vọng thấy là như, chẳng khác mà hư vọng thấy là khác. Đó gọi là đối với chuyện “*Chân chính là Tục*”, Như Lai dùng như lượng trí để thấy rõ, chẳng hề sai lầm! Vì thế, có thể thuận theo tình kiến mà nói thuận theo ý của người khác. Do Thật mà thực hiện Quyền, vì Bồn mà rủ lòng thị hiện Tích vậy!

**16.2.1.2.1.1.2.2.2.2. Do tương xứng với căn cơ Tiệm hay Đốn, đó chính là cái duyên để diễn nói, chỉ bày**

*(Kinh) Dĩ chư chúng sanh hữu chủng chủng tánh, chủng chủng dục, chủng chủng hạnh, chủng chủng ức tướng phân biệt cố, dục linh sanh chư thiện căn, dĩ nhược can nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, chủng chủng thuyết pháp, sở tác Phật sự, vị tăng tạm phế.*

**(經)以諸眾生有種種性，種種欲，種種行，種種憶想分別故，欲令生諸善根，以若干因緣，譬喻，言辭，種種說法，所作佛事，未曾暫廢。**

*(Kinh: Do các chúng sanh có các thứ tánh, các thứ dục, các thứ hạnh, các thứ nhớ nghĩ, phân biệt, muốn khiến cho họ sanh các căn lành, liền dùng ngôn ấy nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, các cách thuyết pháp, thực hiện Phật sự, chưa từng tạm bỏ).*

“*Chủng chủng*” (Các thứ) là Đôn, Tiệm, lợi, độn, ngàn vạn sai khác! “*Tánh*” [ở đây phải hiểu là “tập tánh”], tức là do thói quen và ham muốn tạo thành, tức là nói đến các thứ căn cội, chủng tử trong quá khứ. “*Dục*” là sự ưa muốn, tức là từ chủng tử phát khởi mà hiện hành. “*Hạnh*” tức là nghiệp hạnh thiện ác đã tạo do thuận theo các thứ ưa muốn, cho đến các hạnh xuất thế trong tam thừa hay nhất thừa. “*Ức tướng phân biệt*”: Thuận theo những gì đã làm mà sanh ra sự thấu hiểu, tức là tương tự trí huệ. Đối với các thứ tánh, đáng nên sử dụng các thứ Vị Nhân Tất Đàn. Đối với các thứ dục, đáng nên sử dụng các thứ Thế Giới Tất Đàn. Đối với các thứ hạnh, đáng nên sử dụng hai loại Vị Nhân và Đôi Trị Tất Đàn. Đối với các thứ nghĩ nhớ, phân biệt, đáng nên sử dụng các thứ Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Vì lẽ nào vậy? Thuận theo sự hiểu biết nghĩ nhớ của họ mà vì họ thuyết pháp, họ sẽ hiểu rõ ràng Đệ Nhất Nghĩa, cho đến hàng Sơ Địa khi ưa muốn tu hành Đệ Nhị Địa, cũng ắt phải nghĩ nhớ cảnh thuộc Nhị Địa. Đó chính là “*niệm tướng*”. Nếu phát khởi chân giải (sự thông hiểu chân thật) thuộc Nhị Địa thì tức là niệm tướng quán trừ, ngôn ngữ và pháp đều diệt. Cho đến địa vị Phật thì mới rốt ráo lìa khỏi nhớ tướng, đạt được thường tịch chiếu. Vì thế, dùng ngàn ấy nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, các cách thuyết pháp, khiến cho họ sanh trưởng các thiện căn, thực hiện các Phật sự chưa từng tạm bỏ! Thiện căn Quyền Thật có ba loại, năm loại, bảy loại, chín loại khác nhau; vì thế gọi là Chư. Rốt ráo đều quy vào Nhất Thiết Chủng Trí, cho nên gọi là “*Phật sự*”. Tam luân giáo hóa (dùng thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp để giáo hóa) chẳng thể nghĩ bàn, suốt ngày đêm thường diễn nói, khiến cho người khác đạt được lợi ích chẳng hề có gián đoạn, ngưng nghỉ. Do đó nói là “*vị tăng tạm phế*” (chưa từng tạm bỏ).

Phần thứ hai, “nói sự lợi ích chúng sanh trong hiện tại” đã xong!

### ***16.2.1.2 .1.1.3. Lợi ích chúng sanh trong vị lai***

***16.2.1.2 .1.1.3.1. Nói rõ “chẳng diệt độ mà xướng sẽ diệt độ” hòng tạo lợi ích cho vị lai***

***16.2.1.2 .1.1.3.1.1. Nêu rõ nơi Bồn thật sự chẳng diệt***

***(Kính) Như thị ngã thành Phật dĩ lai, thậm đại cứu viễn, thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thường trụ bất diệt. Chư thiện nam tử! Ngã bồn hành Bồ Tát đạo thời, sở thành thọ mạng, kim do vị tận, phục bội thượng số.***

**(經) 如是我成佛已來，甚大久遠，壽命無量阿僧祇劫，常住不滅。諸善男子！我本行菩薩道時，所成壽命，今猶未盡，復倍上數。**

*(Kinh: Như thế đó, ta từ khi thành Phật cho đến nay hết sức lâu xa, thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thường trụ bất diệt. Các thiện nam tử! Khi ta vốn hành Bồ Tát đạo, đã thành tựu thọ mạng cho đến nay vẫn chưa hết, còn gấp bội số trên đây).*

[Nói] “*hết sức lâu xa, thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp*” nhằm nhắc lại chuyện quá khứ trong phần trước. “*Thường trụ bất diệt*” nghĩa là trong vị lai luôn vĩnh viễn tạo lợi ích cho chúng sanh. Từ “*ngã bốn hành*” (ta vốn hành) trở đi, nêu ra cái nhân hồng sánh ví cái quả để nói rõ sự thường trụ. Tức là ở nơi Bốn, trước khi thành Phật, thoát đầu ngũ viên nhân bèn chứng Viên Trụ (Sơ Trụ trong Viên Giáo), phần chứng tuổi thọ của Pháp Thân thường trụ. [Tuổi thọ ấy] đã chẳng thể tận, gấp bội số lượng vi trần đã nói trong phần trên, hưởng hồ quả thọ (thọ mạng khi đắc Phật quả) mà chẳng phải là thường trụ ư? Ví như khi làm Thái Tử, bổng lộc đã chẳng thể tận, hưởng hồ khi lên ngôi vị tôn quý tốt bậc (làm vua), bổng lộc há có thể tận ư? Hãy nên biết thọ mạng của Pháp Thân chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Thọ mạng của Báo Thân có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Thọ mạng của Ứng Thân tùy duyên mà dài hay ngắn, thị hiện có khởi đầu và kết thúc. Ở đây, kinh nói tới thọ mạng do Báo Thân tu được, cho nên trong quá khứ tuy đã dựa theo số vi trần trong cõi nước để làm thí dụ, vẫn là có khởi đầu. Đối với vị lai, bèn nói thẳng thừng “*thường trụ bất diệt*”, tức là chẳng có kết thúc. Nhưng tam thân vốn chẳng phải là một hay khác, kẻ độn căn chỉ thấy thân ứng hóa, chẳng biết đó chính là Báo Thân, chính là Pháp Thân. Do đó, hư vọng so đo vô thường! Kẻ lợi căn đối với thân Ứng Hóa liền ngộ đầy chính là Pháp Thân, hay Báo Thân. Vì vậy, có thể biết là thường trụ!

#### **16.2.1.2 .1.1.3.1.2. Nói rõ phương tiện xưng “diệt độ”**

*(Kinh) Nhiên kim phi thật diệt độ, nhi tiện xưng ngôn “đương thủ diệt độ”. Như Lai dĩ thị phương tiện giáo hóa chúng sanh.*



**(經)然今非實滅度，而便唱言「當取滅度」。如來以是方便教化眾生。**

(*Kinh: Nhưng nay chẳng phải là thật sự diệt độ, mà bèn xưng rằng “sẽ diệt độ”. Như Lai dùng phương tiện ấy để giáo hóa chúng sanh*).

Chúng sanh trong hiện tại thấy Phật, nghe pháp, hoặc mới thấy thân ta, nghe lời ta nói, liền đều tin nhận, nhập Như Lai huệ. Hoặc kẻ trước kia đã tu tập, học pháp Tiểu Thừa, ta nay cũng khiến cho họ được nghe kinh này, nhập vào Phật huệ. Đã nhập Phật huệ, liền biết Như Lai thường trụ bất diệt. [Như Lai] chẳng vì hạng người như thế mà xưng “diệt độ”. Có các đại chúng kết duyên sơ sài, cho đến năm ngàn người rời pháp hội lui về, hoặc những kẻ được dời sang phương khác, hiện thời chưa gieo duyên, hay duyên chưa chín muồi để được độ thoát; các chúng sanh ấy sẽ hữu duyên trong tương lai. Vì thế, [đức Phật] dùng phương tiện xưng “diệt độ” để giáo hóa họ. Hãy nên biết: Tam thân đều có ý nghĩa “*chẳng phải diệt mà xưng diệt*”. Pháp Thân chẳng diệt mà xưng là diệt, như kinh Tịnh Danh nói: “*Pháp bốn bất sanh, kim tắc vô diệt*” (Pháp vốn chẳng sanh, nay thì chẳng diệt). Đó chính là Pháp Thân chẳng diệt. Kinh lại nói: “*Thị tịch diệt nghĩa*” (Là ý nghĩa tịch diệt), tức là Pháp Thân xưng “diệt độ”. Vì sao? Nếu đã liễu đạt, sẽ chẳng xưng tịch diệt; chỉ vì kẻ chưa liễu đạt mà xưng [“sẽ diệt độ”] đó thôi! Lại nữa, nếu nói “*chiếu tịch*” tức là xưng “diệt”. Nếu nói “*tịch chiếu*” tức là xưng “sanh”. Tuy Pháp Thân chẳng sanh, chẳng diệt, nhưng cũng có sanh diệt: Nếu mê tâm chấp trước, sẽ là phiền não sanh mà trí huệ diệt. Nếu giải tâm vô nhiễm, tức là trí huệ sanh mà phiền não diệt. Diệt Hoặc sanh giải, đây chính là vô thường diệt. Nếu giải sanh, Hoặc diệt, thì chính là tịch diệt. Sự sanh diệt ấy đều xét theo pháp tánh mà biện định. Nếu chẳng có hai duyên mê và giải, sẽ chẳng xưng có sự sanh diệt ấy.

“*Báo Thân chẳng diệt mà xưng diệt*”: Ai có trí huệ, ai có phiền não mà nói “trí huệ có thể phá phiền não”? Đây chính là sáng và tối chẳng trừ khử lẫn nhau. Đó chính là ý nghĩa “*Báo Thân bất diệt*”. Chúng sanh chưa hiểu rõ, nghe điều ấy bèn cho rằng chính mình là Phật, sanh lòng kiêu căng, phóng túng, chẳng còn tu đạo. Vì thế, lại xưng rằng: “*Đạo có thể diệt Hoặc. Khi có phiền não thì sẽ chẳng có trí huệ. Khi có trí huệ thì sẽ chẳng có phiền não*”, há chẳng phải là trí huệ có thể diệt phiền não ư?

“*Ứng Thân chẳng diệt mà xướng diệt*”: Ứng là tác dụng của Pháp Thân và Báo Thân. Thể đã là chẳng diệt, há Dụng có cùng tận ư? Tức là Ứng Thân bất diệt. Chỉ vì chúng sanh nếu thường thấy Phật, sẽ sanh tâm kiêu căng, phóng túng. Vì thế xướng “*ngã ư kim dạ đương thủ diệt độ*” (đêm nay ta sẽ diệt độ). Lại nữa, bản thể của Pháp Thân là bất sanh, bất diệt. Báo Thân liễu đạt “*chẳng thể sanh diệt*”. Ứng Thân liên tục chẳng sanh, chẳng diệt. Do đó, ba thân đều chẳng phải là diệt. Nay vì phương tiện giáo hóa chúng sanh, nơi Ứng Thân bèn xướng diệt. Về mặt Sự thì giống như ba thân đều xướng diệt độ.

Phần thứ nhất, “*nói về chuyện chẳng diệt độ mà xướng diệt độ hòng lợi ích chúng sanh*” đã xong.

### ***16.2.1.2 .1.1.3.2. Giải thích ý nghĩa vì sao cần phải xướng “diệt độ”***

#### ***16.2.1.2 .1.1.3.2.1. Chẳng diệt độ sẽ có tổn hại***

*(Kinh) Sở dĩ giả hà? Nhược Phật cứu trụ ư thế, bạc đức chi nhân, bất chủng thiện căn, bần cùng, hạ tiện, tham trước ngũ dục, nhập ư ức tưởng, vọng kiến vãng trung. Nhược kiến Như Lai thường tại bất diệt, tiện khởi kiêu tú, nhi hoài yếm đãi, bất năng sanh nan tao chi tưởng, cung kính chi tâm.*

**(經)所以者何? 若佛久住於世, 薄德之人, 不種善根, 貧窮, 下賤, 貪著五欲, 入於憶想, 妄見網中。若見如來常在不滅, 便起憍恣, 而懷厭怠, 不能生難遭之想, 恭敬之心。**

*(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Nếu Phật trụ thế lâu dài, kẻ đức mỏng, chẳng gieo thiện căn, bần cùng, hèn hạ, tham chấp ngũ dục, sẽ rơi vào lưới ức tưởng, kiến giải hư vọng. Nếu họ thấy Như Lai thường còn chẳng diệt, sẽ liền dấy lòng kiêu căng, phóng túng, lười nhác, chẳng thể sanh ý tưởng khó gặp gỡ và tâm cung kính).*

“*Bất chủng thiện căn*” (Chẳng gieo thiện căn) tức là chẳng sanh hai điều thiện đối với lẽ Chân, sẽ là vô ích. Tư Hoặc tham chấp ngũ dục, Kiến Hoặc rơi vào ức tưởng. Do Kiến Tư mới sanh mà chẳng đoạn, vô minh trùng điệp mà chẳng biết, tức là chẳng đoạn thông ác và biệt ác; đó là có tổn hại! Lại còn dấy lòng kiêu căng, buông lung, tức là tăng thêm

Kiến Hoặc. Ôm lòng lười nhác, biếng trễ, tức là tăng thêm Tư Hoặc. Vì thế có tổn hại. Chẳng sanh ý tưởng khó gặp gỡ, tức là chẳng thể nầy sanh sự hiểu biết đối với Kiến Đê. Chẳng sanh tâm cung kính tức là chẳng thể sanh tâm tư duy đạo. Vì thế vô ích. Nếu thấy nghe ba loại Phật chẳng diệt, sẽ đều có ý nghĩa “kiêu căng, phóng túng”. Nghe Pháp Thân bất diệt, sẽ cho rằng “*chúng sanh như, Di Lạc như, nhất như, vô dị như*”, bình đẳng chính là Chân. Do vậy, sanh tâm kiêu ngạo tăng thượng mạn; [sẽ tưởng làm] “hết thấy phiền não vốn tự chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt, cần gì tu đạo?” Dầu mặc sức buông lung, vẫn cứ bảo đó là nghĩa Tịch Diệt! Lại nghe “*hết thấy chúng sanh chính là Bồ Đề tướng. Bồ Đề tướng chính là phiền não tướng, sáng và tối chẳng trừ khử lẫn nhau, hiển xuất Bồ Đề của Phật*”, liền dấy lòng ngạo mạn, buông lung, chẳng còn tu điều thiện. Giải đãi, buông lung mà bảo là “Báo Thân trí huệ có thể diệt phiền não. Đối với sức vô minh to lớn, Bồ Đề trí của Phật có thể diệt”. [Tương tự], đối với Ứng Thân bất diệt, sẽ nầy sanh kiêu ngạo, phóng túng là điều dễ hiểu!

**16.2.1.2 .1.1.3.2.2. Xương “diệt độ” sẽ hữu ích**

*(Kinh) Thị cố, Như Lai dĩ phương tiện thuyết: “Tỳ-kheo đương tri, chư Phật xuất thế nan khả trị ngộ”. Sở dĩ giả hà? Chư bực đức nhân quá vô lượng bách thiên vạn ức kiếp, hoặc hữu kiến Phật, hoặc bất kiến giả, dĩ thử sự cố, ngã tác thị ngôn: “Chư tỳ-kheo! Như Lai nan khả đắc kiến”. Tư chúng sanh đẳng văn như thị ngữ, tất đương sanh u nan tao chi tưởng, tâm hoài luyến mộ, khát ngưỡng u Phật, tiện chúng thiện căn. Thị cố, Như Lai tuy bất thật diệt, nhi xương diệt độ.*

**(經)是故，如來以方便說：「比丘當知，諸佛出世難可值遇」。所以者何？諸薄德人過無量百千萬億劫，或有見佛，或不見者，以此事故，我作是言：「諸比丘！如來難可得見」。斯眾生等聞如是語，必當生於難遭之想，心懷戀慕，渴仰於佛，便種善根。是故，如來雖不實滅，而言滅度。**

(**Kinh:** Vì thế, Như Lai dùng phương tiện để nói: “Tỳ-kheo nên biết! Chư Phật xuất thế, khó thể gặp gỡ”. Vì lẽ nào vậy? Những kẻ đức mỏng qua khỏi vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, có kẻ thấy Phật, hoặc có kẻ chẳng thấy. Do bởi chuyện này, ta nói như thế này: “Các tỳ-kheo! Như Lai khó thể thấy”. Các chúng sanh đó nghe lời như vậy, ắt sẽ sanh ý tưởng khó gặp, ôm lòng luyến mộ, khát ngưỡng đối với Phật, liền gieo thiện căn. Do vậy, tuy Như Lai chẳng thật sự diệt độ mà nói diệt độ).

“Thị cố, xướng ngôn” (Vì thế, xướng rằng): Tuy pháp vốn chẳng sanh, nhưng nay cũng chẳng diệt, cần phải diệt Hoặc thì mới tịch diệt. Đây là ý nghĩa “*Pháp Thân khó thấy*”. Tuy nói “*trí huệ chẳng diệt phiền não*”, nhưng khi sáng thì sẽ chẳng tối. Các ông nay trọn đủ phiền não, sao có thể có huệ cho được? Hãy nên biết: Trí huệ có thể diệt chướng Hoặc. Đây là ý nghĩa “*Báo Thân khó thấy*”. “*Ứng Thân khó thấy*” dễ hiểu! Chúng sanh nghe xướng diệt độ như thế, sẽ dễ dàng sanh ý tưởng khó gặp đối với tam thân Phật, bèn luyến mộ, khát ngưỡng, ác diệt, thiện sanh. Vì thế, ba thân tuy chẳng thật sự diệt mà xướng diệt.

Phần thứ nhất, “nói về ba đời đều lợi ích chúng sanh” đã xong.

### **16.2.1.2 .1.2. Tổng kết chẳng hư dối**

(**Kinh**) *Hựu thiện nam tử! Chư Phật Như Lai pháp giai như thị, vị độ chúng sanh, giai thật bất hư.*

**(經)又善男子! 諸佛如來法皆如是, 為度眾生, 皆實不虛。**

(**Kinh:** Lại này thiện nam tử! Pháp của chư Phật Như Lai đều như thế, vì độ chúng sanh, đều là chân thật chẳng dối).

Đã thành Phật, sẽ thật sự đắc ba thân, thấy đều bất sanh, bất diệt. Vì các chúng sanh cho đến hết đời vị lai, mà thường hiện sanh, hiện diệt, thật sự đắc ba thân cũng là chân thật chẳng dối. “Hiện sanh, hiện diệt” cũng là chân thật, chẳng dối. Vì vậy, chúng sanh trong ba đời ai nấy đều đạt được lợi ích cũng chẳng hư dối. Nếu chỉ luận định Lý, chẳng luận định Sự, chỉ luận tánh, mà chẳng luận tu, sẽ giống như ngụ ngôn trong thế gian, sao có thể gọi là “*chẳng hư dối*” cho được? Lại nữa, nếu chỉ luận Sự mà chẳng thấu đạt Lý, chỉ luận tu mà chẳng ngộ tánh, sẽ giống như cảnh giới sanh diệt thuộc Quyền Tiểu, sao có thể gọi là chẳng hư dối

cho được? Vì thế, “*đều chân thật, chẳng hư dối*” chính là Quyền Thật Bồn Tích, không gì chẳng phải là chân thật, chắc chắn.

Phần thứ nhất, Pháp Thuyết đã xong.

#### **16.2.1.2.2. Thí thuyết**

##### **16.2.1.2.2.1. Lập thí dụ**

**16.2.1.2.2.1.1. Thí dụ về lương y trị bệnh cho con nhằm sánh ví “lợi ích chúng sanh trong ba đời” của phần trên**

**16.2.1.2.2.1.1.1. Thí dụ “cha đi xa” nhằm sánh ví “lợi ích chúng sanh trong quá khứ”**

*(Kinh) Thí như lương y trí huệ thông đạt, minh luyện phương dược, thiện trị chúng bệnh. Kỳ nhân đa chư tử tức, nhược thập, nhị thập, nãi chí bách số. Dĩ hữu sự duyên, viễn chí dư quốc.*

**(經)譬如良醫智慧聰達，明練方藥，善治眾病。其人多諸子息，若十，二十，乃至百數。以有事緣，遠至餘國**

◦

*(Kinh: Ví như lương y trí huệ thông đạt, hiểu rành các phương thuốc, khéo trị các bệnh. Người ấy có nhiều con cái, hoặc mười, hai mươi, cho đến số trăm. Do có sự duyên, đến nước xa khác).*

Trong phần Pháp Thuyết thuộc phần trước có ba ý: Một là chỗ tạo lợi ích cho chúng sanh, hai là giải trừ mối nghi đối với Tích, ba là nên lợi ích chúng sanh như thế nào. Nay chỉ thí dụ chuyện nên làm như thế nào để lợi ích chúng sanh. Trong phần nên làm như thế nào, lại có [hai tiểu đoạn] là cảm ứng và thực hiện sự giáo hóa, nay đều thí dụ đầy đủ. Ví như lương y khéo trị các căn bệnh, tức là sánh ví cái trí “ta dùng Phật nhãn để nhìn (quan sát căn cơ của chúng sanh) sẽ có thể ứng”. Người ấy có nhiều con cho đến số trăm, sánh ví chuyện “chúng sanh đến chỗ của ta”, tức là căn cơ có thể cảm. Trong phần thực hiện sự giáo hóa, lại có hai loại lợi ích bằng hình tướng và âm thanh, cũng như do được lợi ích bèn hoan hỷ. Nay lược đi, chẳng thí dụ chuyện hoan hỷ. Lại lược đi chẳng thí dụ chuyện dùng âm thanh tạo lợi ích. Trong phần tạo lợi ích bằng hình tướng, lại lược đi chẳng thí dụ chuyện “chẳng sanh mà thị hiện sanh”, chỉ thí dụ ý “*chẳng diệt mà thị hiện diệt*”, tức là “*dĩ hữu sự duyên, viễn chí tha quốc*” (do có sự duyên, đi xa sang nước khác).

Nói tới “*luong y*” thì thầy thuốc có mười loại:

- Một, chữa bệnh, bệnh tăng thêm, chẳng giảm, hoặc có lúc chết mất. Ví như ngoại đạo Không kiến, làm ác bừa bãi, dạy kẻ khác các pháp dấy lên tà kiến, đoạn thiện căn. Pháp Thân đã mất, huệ mạng cũng chết luôn!

- Hai là kẻ chữa bệnh, khiến cho bệnh chẳng tăng, chẳng giảm. Ví như ngoại đạo khổ hạnh có kiến chấp, gieo mình vào gộp đá, gieo thân vào lửa, khổ hạnh làm lạnh, chẳng đắc Thiền Định, chẳng thể đoạn kết sử, cho nên [bệnh phiền não] chẳng tổn (chẳng giảm bớt). Do cũng chẳng đoạn điều lành, cho nên [bệnh phiền não] chẳng tăng.

- Ba là kẻ chữa bệnh chỉ giảm, không tăng, nhưng bệnh đã lành rồi phát trở lại. Ví như ngoại đạo tu Định, đoạn kết sử.

- Bốn là kẻ chữa bệnh có thể khiến cho bệnh đã lành chẳng phát trở lại, nhưng chữa trị chẳng trọn khắp. Ví như hàng Nhị Thừa, chỉ trị một hai loại người hữu duyên, chẳng thể trị khắp hết thầy.

- Năm là kẻ tuy có thể chữa bệnh trọn khắp, nhưng chẳng có phương tiện khéo léo để trị bệnh, [ngõ hầu chẳng khiến cho bệnh nhân] đau khổ. Ví như Lục Độ Bồ Tát từ bi chữa trị rộng khắp, hành hạnh khó, hạnh khổ. Thích Luận gọi hạng người này là “*chuyết độ*” (độ bằng phương cách vụng về).

- Sáu là kẻ chữa bệnh có tài khéo trị bệnh, khiến [cho bệnh nhân] không đau khổ, nhưng chẳng thể chữa trị người ắt phải chết. Ví như Thông Giáo Bồ Tát, hiểu thấu pháp khéo độ, chỉ trị phạm phu qua lại [trong sanh tử], chẳng thể trị hàng Nhị Thừa bại chủng (hạt giống hư lép).

- Bảy là tuy có thể trị bệnh khó chữa, nhưng không thể cùng lúc trị hết thầy các bệnh. Ví như Biệt Giáo Bồ Tát trước khi tiến nhập Sơ Địa.

- Tám là có thể cùng lúc trị hết thầy các bệnh, nhưng không thể khiến cho [bệnh nhân] bình phục như cũ. Ví như Thập Tín Bồ Tát trong Viên Giáo.

- Chín là có thể trị hết thầy [các bệnh], cũng khiến cho [bệnh nhân] bình phục như cũ, nhưng không thể khiến cho họ tốt hơn [thể trạng] vốn sẵn có được! Ví như bốn mươi địa vị [Bồ Tát trong] Viên Giáo.

- Mười là cùng lúc trị hết thầy các bệnh, khiến cho họ bình phục ngay, lại có thể khiến cho họ tốt hơn trước, tức là Như Lai.

(Y sĩ có mười loại, gồm thân trọn tà lẫn chánh, thông khắp Thiên lẫn Viên. Ba loại đầu cũng gọi là y sĩ, khi Phật chưa xuất thế, hết thầy

ngoại đạo đều tự xưng là xuất gia, đều tự lãnh chúng. Trong loại y sĩ thứ ba, nói “bệnh đã lành rồi phát trở lại” tức là tuy đã đoạn Hoặc nơi Sự, vẫn đọa trong tam đồ, do chưa đoạn Kiến Hoặc. Vì thế, sau khi thuận theo Thiên mà thọ sanh, vẫn phải hứng chịu luân hồi. Như kinh A Hàm nói: “*Luong y hữu tứ: Nhất thiện tri bệnh tướng, nhị tri bệnh nhân khởi, tam thiện tri phương trị, tứ tất cánh bất phát*” (Luong y có bốn loại: Một khéo trị chứng bệnh, hai là biết bệnh do nguyên nhân nào phát ra, ba là khéo biết phương cách để chữa trị, bốn là [chữa trị khiến cho] bệnh rốt ráo chẳng phát lại). Nhưng ở đây, hai loại y sĩ thứ tư và thứ năm là trị chứng bệnh (chữa bệnh đang ngọn), do vì lẽ nào? Bệnh trạng mà họ đã biết chẳng thoát khỏi tam giới, hoặc biết nguyên nhân gây ra bệnh, chẳng thoát khỏi y báo và chánh báo. Tất cả phương cách để chữa trị không vượt ngoài “sanh, diệt, vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh!” Nói “*chẳng bị bệnh trở lại*” thì chỉ là “trụ trong hai loại Niết Bàn”. Nếu dùng bốn danh nghĩa áp dụng chung cho các giáo, mỗi giáo sẽ tùy theo giáo nghĩa mà đều sai khác, cho đến Viên Giáo, đối với Lý chẳng trở ngại. Nếu trực tiếp dẫn các điều đó để chứng minh kinh này, sẽ còn chẳng giống với cách khéo trị trong Thông Giáo, sao có thể sánh ví nhiều lượt sanh diệt trong Bản Môn, hết sức chẳng thể! Loại thứ tám chẳng thể khiến cho [bệnh nhân] bình phục là do tự nhập chưa sâu, không thể làm cho người khác thấy Pháp Thân vốn có. Pháp Thân bị vô minh che lấp, có ý nghĩa như bệnh gây hao tổn. Khiến cho lại được thấy [Pháp Thân] thì gọi là “hồi phục”. Loại thứ mười nói “tốt hơn trước khi bệnh”, Pháp Thân vốn sẵn có, nay khiến cho [chúng sanh] chứng cái gốc, thì gọi là “*khôi phục*”, do đối ứng với Tánh Đức vô công dụng. Vì thế, tu tập được gọi là “*vượt quá*”. Nhưng từ Sơ Trụ trở lên, cũng được gọi là “*phần quá*”. Do Hoặc nông cạn vẫn còn, bèn gọi là “*khôi phục*”. Lại do kém hơn cực địa rốt ráo, nên gọi là “*quá*”).

Ba loại thầy thuốc đầu chính là gã thầy thuốc cũ dùng sữa làm thuốc [cho bất cứ căn bệnh nào như] được nói trong Đại Kinh (ở đây là kinh Đại Bát Niết Bàn). Bảy loại sau hoàn toàn là khách y (vị thầy thuốc mới đến). “*Vô xảo thuật*” (Chẳng có thuật khéo): Chỉ dùng pháp “vô thường, khổ, vô ngã” giống như dùng thuốc đắng, chua, mặn. Người thầy thuốc có tài khéo từ xa đến, vẫn cho [bệnh nhân] uống sữa, chính là loại thầy thuốc tối hậu rốt ráo. “*Luong*” là tốt lành, thông hiểu trọn vẹn

tám thuật<sup>31</sup>, ví như tam đạt<sup>32</sup>, ngũ nhãn. “*Trí huệ*” là hai trí Quyền và Thật, biết sâu xa Nhị Đế. “*Thông đạt*”: Ngũ nhãn soi xét căn cơ là Đốn hay Tiệm chẳng sai. “*Minh luyện phương dược*” (Hiểu rành rẽ các toa thuốc) ví như mười hai bộ giáo, văn lý rất sâu. Văn từ có thể diễn nói giống như Phương (toa thuốc), Lý được diễn nói giống như Dược. Dược bao gồm hành và lý, nay nói đến Lý thì Lý đã bao gồm hạnh. “*Thiện trị chúng bệnh*” (Khéo trị các bệnh) ví như có thể thấy biết các căn là lợi hay độn, khéo vận dụng Tứ Tật Đàn.

“*Đa chư tử tức*” (Có nhiều con cái): Con có ba loại:

- Một, chánh nhân Phật tử, tức là hết thầy chúng sanh đều có ba loại tánh đức Phật tánh, tức là Phật tử. Cho nên nói: “*Kỳ trung chúng sanh, tất thị ngô tử*” (Chúng sanh trong ấy đều là con của ta).

- Duyên nhân Phật tử, tức là kẻ từng nghe một câu, một kệ, vâng theo lời dạy mà tu hành, sanh khởi hiểu biết nhỏ nhiệm, tức là liễu nhân tánh. Tu hạnh nhỏ nhặt chính là duyên nhân tánh. Chánh tánh là gốc, gom chung ba tánh ấy (chánh nhân tánh, duyên nhân tánh, liễu nhân tánh), gọi chung là “*duyên nhân*”, do nó có thể giúp phát khởi sự giải ngộ Nhất Thật. Vì thế, [phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa] nói: “*Trường giả chư tử nhược thập, nhị thập, nãi chí tam thập, tiên nhân du hý, nhập hóa trạch dã*” (Các con của ông trường giả hoặc mười, hai mươi, cho đến ba mươi, trước đó do vui chơi mà vào trong nhà lửa).

- Ba, liễu nhân Phật tử, tức là kẻ nghe pháp ngộ đạo. Ba nhân khai phát, chánh nhân lý tâm phát, tức Pháp Thân đức. Liễu nhân huệ tâm phát, tức Bát Nhã đức. Duyên nhân thiện tâm phát, tức giải thoát đức. Gom ba tánh ấy lại, gọi chung là “*liễu nhân*”, do có thể liễu đạt nghĩa Trung Đạo. Vì thế nói: “*Tùng Phật khẩu sanh, tùng pháp hóa sanh, đắc Phật pháp phần, chân thị Phật tử*” (Từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, có phần nơi Phật pháp, thật sự là con của Phật).

Nếu nói theo “con” thuộc loại liễu nhân thì là “*thường được thấy cha, cha chẳng đi xa*”. Nếu nói theo “con” thuộc loại duyên nhân, thì do căn cơ chưa chín muồi, cha liền đi xa, bèn có ý nghĩa “[các con] uống các loại thuốc độc khác”. Nay nói “*đa chư tử tức*” (có nhiều con cái)

---

<sup>31</sup> Bát Thuật tức là tám kỹ năng chữa bệnh của thầy thuốc theo y học cổ: Trị thân, trị bệnh mắt, trị bệnh liên quan đến thai sản, trị bệnh trẻ nhỏ, trị các bệnh do tổn thương, trị bệnh do trúng độc, trị bệnh do trúng tà, và biết cách chiêm tinh để chữa trị đúng thời cơ.

<sup>32</sup> Tam Đạt là Túc Mạng Minh, Thiên Nhãn Minh, và Lậu Tận Minh. Ba thứ này còn gọi là Tam Minh hay Tam Đạt Minh.



chính là gồm thâu trọn khắp các con thuộc loại chánh nhân. “*Nhược thập*” (Hoặc mười): Căn cơ thuộc Phật pháp giới trong mười pháp giới. “*Hai mươi*”: Căn cơ thuộc hai giới Phật và Bồ Tát trong mười pháp giới. “*Nãi chí bách số*” (Cho đến số trăm): Mười pháp giới mỗi pháp giới đều có đủ mười pháp giới kia, cho nên là một trăm. Trăm giới đều có ba nhân thuộc tánh đức, và có ý nghĩa “*sinh ra điều lành*”. Vì thế đều gọi là “*tử tử*” (con cái). “*Dĩ hữu sự duyên*” (Do có duyên sự): Ví như căn cơ trong cõi này nông cạn, duyên trong phương khác đã chín muồi. “*Viễn chí tha quốc*” (Đi xa sang nước khác): Ví như chẳng diệt mà hiện diệt độ, đó cũng chính là “*diệt phục hiện ngôn đương nhập Niết Bàn*” (cũng lại thị hiện nói là “sẽ nhập Niết Bàn”).

**16.2.1.2.2.1.1.2. Thí dụ “cha trở về” nhằm sánh ví “lợi ích chúng sanh trong hiện tại”**

**16.2.1.2.2.1.1.2.1. Thí dụ về sự cảm ứng**

*(Kinh) Chư tử u hậu ẩm tha độc dược, dược phát muộn loạn, uyển chuyển u địa.*

**(經)諸子於後飲他毒藥，藥發悶亂，宛轉於地。**

*(Kinh: Sau đó, các con uống loại thuốc độc khác, thuốc độc phát ra, điên loạn, quẫn quai trên mặt đất).*

Đây là sánh ví mối tương quan giữa căn cơ và ứng hiện trong phần kinh văn trước đó: Thấy các chúng sanh ưa thích Tiểu pháp, đức mỏng, nghiệp cấu nặng nề. Thuở đức Phật tại thế, không chỉ người đã nghe pháp sẽ đạt được giải hạnh đôi chút, dầu kẻ chẳng thấy nghe, cũng đạt được lợi ích. Như kẻ mù từ thuở lọt lòng chẳng thấy vầng mặt trời, vẫn nhờ vào mặt trời mà sanh sống. Phật chẳng diệt mà thị hiện diệt độ, không chỉ đại địa tối tăm, dầu là kẻ đã từng kết duyên, chỉ vì Thông Hoặc chưa đoạn, sẽ dần dần đắm nhiễm thuốc độc Kiến Tư Hoặc. Do vậy, nói là “*ẩm tha độc dược*” (uống loại thuốc độc khác). Do chẳng biết lẽ xuất yếu, cho nên nói là “*muộn loạn*” (điên đảo, cuồng loạn). Luân chuyển trong sáu đường, cho nên nói là “*uyển chuyển u địa*” (quẫn quai trên mặt đất).

**16.2.1.2.2.1.1.2.2. Thí dụ về thực hiện giáo hóa**

**16.2.1.2.2.1.1.2.2.1. Thí dụ về hiện hình**

*(Kinh) Thị thời, kỳ phụ hoàn lai quy gia. Chư tử ẩm độc hoặc thất bổn tâm, hoặc bất thất giả, dao kiến kỳ phụ, giai đại hoan hỷ, bái quy, vãn tấn: “Thiện an ổn quy! Ngã đẳng ngu si, ngộ phục độc dược, nguyện kiến cứu liệu, cánh tứ thọ mạng”.*

**(經)是時，其父還來歸家。諸子飲毒或失本心，或不失者，遙見其父，皆大歡喜，拜跪，問訊：「善安隱歸！我等愚癡，誤服毒藥，願見救療，更賜壽命」。**

*(Kinh: Khi đó, cha họ trở về nhà. Các con do uống chất độc hoặc đánh mất bổn tâm, hoặc chẳng bị mất, từ xa trông thấy cha mình, đều hết sức hoan hỷ, quỳ lạy, hỏi han: “Cha khéo trở về an ổn! Chúng con ngu si, uống lầm thuốc độc, nguyện cha cứu chữa, ban cho thọ mạng”).*

“Hoàn lai quy gia” sánh ví ý nghĩa “thị nhân thuyết ngã thiếu xuất gia đắc Tam Bồ Đề” (những kẻ đó nói ta xuất gia trong thời gian ngắn bèn đắc Chánh Giác) nói trong phần trên, tức là “chẳng phải là sanh mà thị hiện sanh”. “Hoặc thất bổn tâm” ví như kẻ tham đắm tam giới, đánh mất các thiện căn đã gieo dù Đốn hay Tiệm trước đó. “Hoặc bất thất giả”: Sánh ví những kẻ tuy đắm chấp ngũ dục, nhưng chẳng đánh mất thiện căn tam thừa. “Dao kiến kỳ phụ” (Từ xa trông thấy cha mình) ví như lúc Phật xuất thế, chúng sanh cũng trông thấy sắc thân, nhưng do Kiến Tư chướng ngại, ngăn cách ngũ phần [Pháp Thân], mà chẳng được thân cận, phụng sự Pháp Thân. Cho nên nói là “dao” (遙, xa xôi). Thấy nghe Phật xuất thế, sẽ đều có các chuyện “*ra thích, cung kính, cầu được cứu vớt*” trọn như các kinh đã nói!

#### **16.2.1.2.2.1.1.2.2.2. Thí dụ về thuyết pháp**

Kinh văn trong phần trên đã nói cặn kẽ về các pháp đã nói trong suốt một đời giáo hóa [của đức Phật], và giải thích nguyên do nói thiện xảo, tức là soi xét theo lý, soi xét căn cơ. Nay chỉ nói chung ba ý:

- Một, đức Phật chấp nhận lời thỉnh bèn chuyển pháp luân Đốn hay Tiệm.

- Hai, thí dụ về sự khuyển răn.

- Ba, thí dụ về chuyện đạt được lợi ích.

**16.2.1.2.2.1.1.2.2.2.1. Đức Phật chấp nhận lời thỉnh, bèn chuyển pháp luân Đốn Tiệm**

*(Kinh) Phụ kiến tử đặng, khổ não như thị, y chư kinh phương, cầu hảo dược thảo, sắc, hương, mỹ vị, giai tất cụ túc, đảo si hòa hợp, dữ tử linh phục.*

**(經)父見子等，苦惱如是，依諸經方，求好藥草，色，香，美味，皆悉具足，擣篩和合，與子令服。**

*(Kinh: Cha thấy các con khổ não như thế, dựa theo sách thuốc, tìm các loại dược thảo tốt lành, sắc, hương, vị ngon thấy đều đầy đủ, già, lọc, pha trộn, đưa cho con uống).*

“*Kinh phương*” (Sách thuốc) ví như hết thầy các giáo điển dù Đốn hay Tiệm. “*Dược thảo*” ví như hết thầy các pháp môn dù Đốn hay Tiệm, đều là chánh pháp xuất thế; vì thế gọi là “*hảo*”. “*Sắc*” ví như các giới của Đại, Tiểu Thừa. Giới ngăn ngừa [các sai trái nơi] thân và miệng, sự tương hiển lộ rành rành. “*Hương*” ví như các môn Thiên dù Lý hay Sự, công đức đều huân ướp trọn khắp. “*Vị*” ví như các huệ dù Quyền hay Thật, có thể chứng lý vị thuộc Không. “*Giai tất cụ túc*” (Thầy đều trọn đủ): Bất luận Đốn, Tiệm, Đại, Tiểu, Thiên, Viên, đều có Tam Học. Hơn nữa, *Sắc* là Pháp Thân, do có ý nghĩa thể chất. *Hương* là giải thoát, do có ý nghĩa “*lìa hôi thối*”. *Vị* là Bát Nhã, do có ý nghĩa “*chứng giác*”. Hết thầy các pháp môn Đại, Tiểu, Thiên, Viên đều nắm giữ ba đức ấy làm Thể. “*Giã*” ví như Không tam-muội, “*rây lọc*” ví như Vô Tướng tam-muội. “*Hòa hợp*” ví như Vô Tác tam-muội. Đại, Tiểu, Thiên, Viên đều có ba loại tam-muội ấy. Mỗi môn tam-muội đều có đủ ba thứ Giới, Định, Huệ, cũng đều lấy Tam Đức làm thể tánh của chúng, chỉ có sáng tỏ hay tối tăm khác nhau mà thôi!

Lại nữa, Không Quán như già, Giả Quán như rây lọc, Trung Quán như hòa hợp. Tam Quán đều chẳng lìa Giới, Định, Huệ, cũng là đều chẳng ra ngoài thể tánh của Tam Đức. Đem các pháp ấy trao cho chúng sanh dù Đốn hay Tiệm, khiến cho họ tu hành, thì gọi là “*linh phục*” (bảo uống).

**16.2.1.2.2.1.1.2.2.2.2. Thí dụ về sự khuyên răn**

(Kinh) Nhi tác thị ngôn: “Thử đại lương dược, sắc, hương, mỹ vị, giai tất cụ túc. Nhữ đẳng khả phục, tốc trừ khổ não, vô phục chúng hoạn”.

(經)而作是言: 「此大良藥, 色, 香, 美味。皆悉具足。汝等可服, 速除苦惱, 無復眾患」。

(Kinh: Mà nói như thế này: “Thuốc rất tốt lành này, sắc, hương, vị ngon thay đều đầy đủ. Các con nên uống, sẽ mau chóng trừ khổ não, chẳng còn các bệnh”).

“Nhữ đẳng khả phục” (Các con nên uống) là khuyên. “Tốc trừ khổ não” (Mau chóng trừ khổ não) là răn. Khuyên lon, răn các con hãy sớm uống, răn đừng trì hoãn. Các kinh dù Đốn hay Tiệm đều có khuyên và răn.

#### 16.2.1.2.2.1.1.2.2.2.3. Thí dụ về sự đạt được lợi ích

(Kinh) Kỳ chư tử trung bất thất tâm giả, kiến thử lương dược, sắc hương câu hảo, tức tiện phục chi, bệnh tận trừ dã.

(經)其諸子中不失心者, 見此良藥, 色香俱好, 即便服之, 病盡除愈。

(Kinh: Những đứa chẳng đánh mất bồng tâm trong các con thấy thuốc tốt lành ấy sắc lẫn hương đều tốt đẹp, liền uống vào, bệnh hết, khỏe mạnh).

“Các con” gồm khắp mười pháp giới. Vì thế, riêng nêu ra những ai không đánh mất bồng tâm sẽ có thể đạt được lợi ích trong hiện tại. Từ lúc đức Phật mới thành đạo cho đến cuối cùng khi Ngài nhập Niết Bàn, những kẻ đắc độ đều do chẳng đánh mất thiện căn tam thừa. Thấy sắc và hương tốt đẹp, liền uống vào, do uống vào bèn đạt được vị, do đạt được vị, bệnh được lành, ví như do Giới sanh Định, do Định phát Huệ, có thể đoạn Tam Hoặc.

Phần “thí dụ lợi sanh trong hiện tại” thuộc thí dụ “cha trở về” đã xong.

**16.2.1.2.2.1.1.3. Thí dụ uống thuốc bèn hết bệnh nhằm sánh ví “lợi ích chúng sanh trong vị lai”**

Kinh văn trong phần trước có hai ý: Một là chẳng diệt mà xướng “diệt độ”; kế đó, giải thích vì sao cần phải xướng diệt độ. Đối với ý thứ nhất, lại có hai ý: Một là vốn thật sự chẳng diệt, hai là giải thích vì phương tiện mà xướng diệt độ. Đoạn văn thứ hai cũng có hai ý: Một, chẳng diệt sẽ có tổn hại; hai, nói rõ xướng diệt độ sẽ hữu ích. Nay đều thí dụ đầy đủ thì chia thành bốn [tiểu đoạn]:

- Một, thí dụ “chẳng diệt độ sẽ có tổn hại”.
- Hai, thí dụ “do phương tiện mà xướng diệt độ”.
- Ba, thí dụ “xướng diệt sẽ hữu ích”.
- Bốn, thí dụ “nơi Bốn thật sự chẳng diệt”.

**16.2.1.2.2.1.1.3.1. Thí dụ “[Phật] chẳng diệt độ sẽ có tổn hại”**

*(Kinh) Đu thất tâm giả, kiến kỳ phụ lai, tuy diệt hoan hỷ, vẫn tán, cầu sách trị bệnh. Nhiên dĩ kỳ dược, nhi bất khảng phục. Sở dĩ giả hà? Độc khí thâm nhập, thất bản tâm cố, u thử hảo sắc hương dược, nhi vị bất mỹ.*

**(經)餘失心者，見其父來，雖亦歡喜，問訊，求索治病。然與其藥，而不肯服。所以者何？毒氣深入，失本心故，於此好色香藥，而謂不美。**

*(Kinh: Những đứa khác đã mất bản tâm, thấy cha trở về, tuy cũng hoan hỷ, hỏi han, cầu mong được chữa bệnh, nhưng cho chúng nó thuốc, chúng lại chẳng chịu uống. Vì lẽ nào vậy? Độc khí đã ngấm sâu, do mất bản tâm, đối với thuốc có sắc hương tốt đẹp ấy, cho là chẳng tốt).*

“Đu thất tâm” (Những kẻ đánh mất bản tâm khác) ví như kẻ kết duyên nông cạn trong đời xa xưa và những kẻ trước kia chưa kết duyên, chẳng thể đắc độ trong thuở đức Phật tại thế hiện tại, cần phải tới khi đức Phật đã diệt độ rồi thì mới dần dần chín muồi, độ thoát, tức là căn cơ [đắc độ] trong vị lai. “Độc khí thâm nhập” ví như kẻ tham chấp ngũ dục [đã nói] trong phần trên, rơi vào trong lưới ức tướng vọng kiến. Tuy thuốc sắc lẫn hương tốt lành, nhưng cho là không ngon lành, tức là chẳng thể trì giới, tu Định. Do vậy, rốt cuộc chẳng thể đạt được lý vị, ví

như kẻ dấy lòng kiêu căng, phóng túng, ôm lòng biếng nhác trong phần trên.

**16.2.1.2.2.1.1.3.2. Thí dụ “do phương tiện mà xướng diệt độ”**

*(Kinh) Phụ tác thị niệ: “Thử tử khả mẫn! Vị độc sở trúng, tâm giai điên đảo. Tuy kiến ngã hỷ, cầu sách cứu liệu, như thị hảo dược, nhi bất khảng phục. Ngã kim đương thiết phương tiện, linh phục thử dược”. Tức tác thị ngôn: “Nhữ đẳng đương tri, ngã kim suy lão, tử thời dĩ chí. Thị hảo lương dược, kim lưu tại thử, nhữ khả thủ phục, vật ưu bất sai”. Tác thị giáo dĩ, phục chí tha quốc, khiển sứ hoàn cáo: “Nhữ phụ dĩ tử”.*

**(經)父作是念：「此子可憊！為毒所中，心皆顛倒。雖見我喜，求索救療，如是好藥，而不肯服。我今當設方便，令服此藥」。即作是言：「汝等當知，我今衰老，死時已至。是好良藥，今留在此，汝可取服，勿憂不差」。作是教已，復至他國，遣使還告：「汝父已死」。**

*(Kinh: Cha nghĩ như thế này: “Đứa con này đáng thương! Do bị trúng độc, tâm đều điên đảo, tuy thấy ta liền hoan hỷ, cầu xin cứu chữa, nhưng thuốc tốt lành này, chẳng chịu uống vào. Nay ta nên bày phương tiện khiến cho nó uống thuốc này”. Liền nói như sau: “Các con nên biết, cha nay đã già suy, giờ chết đã đến. Thuốc tốt lành này nay để lại đây, các con có thể lấy uống, đừng lo chẳng lành bệnh”. Dạy như thế xong, lại đến nước khác, sai người trở lại báo: “Cha người đã chết”).*

“Tử thời dĩ chí” (Giờ chết đã đến) ví như sẽ nhập Niết Bàn. “Để lại thuốc tốt lành” ví như lưu lại kinh giáo, pháp môn. “Phục chí tha quốc” (Lại sang nước khác) ví như thị hiện diệt độ ở phương này, thị hiện sanh trong phương khác. Vì thế, kinh văn trong phần trước có câu: “Duy nguyện Thế Tôn tại u tha phương đạo kiến thủ hộ” (Kính mong đức Thế Tôn từ phương xa trông thấy, thủ hộ). “Khiển sứ” (Sai người [trở về báo tin]), hoặc coi “âm thanh to lớn bảo trọn khắp” khi Phật nhập Niết Bàn là người đưa tin, hoặc vận dụng thần thông, hoặc dùng xá-lợi, hoặc dùng kinh giáo v.v... để làm sứ giả. Nay dùng Tứ Y Bồ Tát để nói với chúng sanh rằng: “Phật đã diệt độ, chỉ lưu lại pháp này, ta nay tuyên

*duong, hoằng truyền. Các vị nên tiếp nhận, hành theo”. Mai sau, nếu chẳng có Tứ Y truyền thuật kinh pháp, chúng sanh sao có thể tự biết Phật đã diệt? Vì thế dùng Tứ Y làm sứ giả để sai khiến.*

**16.2.1.2.2.1.1.3.3. Thí dụ về “xương diệt độ sẽ hữu ích”**

*(Kinh) Thị thời, chư tử văn phụ bồi táng, tâm đại ưu não, nhi tác thị niệm: “Nhược phụ tại giả, từ mẫn ngã đấng, năng kiến cứu hộ. Kim giả xả ngã, viễn táng tha quốc”, tự duy cô lộ, vô phục thị hốt, thường hoài bi cảm. Tâm toại tỉnh ngộ, nãi tri thử dược sắc hương mỹ vị, tức thủ phục chi, độc bệnh giai dĩ.*

**(經)是時，諸子聞父背喪，心大憂惱，而作是念：「若父在者，慈愍我等，能見救護。今者捨我，遠喪他國」，自惟孤露，無復恃怙，常懷悲感。心遂醒悟，乃知此藥色香美味，即取服之，毒病皆愈。**

*(Kinh: Bấy giờ, các con nghe cha đã chết, tâm hết sức lo sầu, áo não, bèn nghĩ thế này: “Nếu cha ta còn sống, nhân từ thương xót chúng ta, sẽ có thể cứu vớt, che chở. Nay cha bỏ ta, chết nơi đất khách xa xôi”, thường ôm lòng bi cảm, tự nghĩ mình cô cút, trợ trợ, chẳng còn có nơi nương cậy, tâm bèn tỉnh ngộ, mới biết thuốc ấy sắc hương, vị ngon, liền lấy uống vào, bệnh vì trúng độc đều khỏi hẳn).*

**16.2.1.2.2.1.1.3.4. Thí dụ “vốn thật sự chẳng diệt”**

*(Kinh) Kỳ phụ văn tử tất dĩ đắc sai, tâm tiện lai quy, hàm sử kiến chi.*

**(經)其父聞子悉已得差，尋便來歸，咸使見之。**

*(Kinh: Cha nghe con đều đã lành bệnh, liền trở về cho [các con] đều thấy).*

Do vì sau khi [đức Phật] diệt độ, chúng sanh tỉnh ngộ, uống thuốc “tu hành” để làm nhân duyên, sẽ có thể cảm sự ứng hóa trong vị lai. Như kinh Di Giáo dạy: “Kỳ vị độ giả, diệt giai dĩ tác đắc độ nhân duyên” (Đối với kẻ chưa được độ, cũng đều tạo thành nhân duyên sẽ đắc độ).

Cũng có kẻ do tinh tấn siêng khổ đạt mức, liền ở ngay trong đạo tràng mà cảm vờ, thấy chư Phật, [chẳng hạn] như Thiên Thai đại sư đích thân thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Đó là chứng nghiệm của chuyện “uống thuốc hết bệnh”. Vì thế biết: Tuy diệt, nhưng thật ra chẳng diệt, lợi ích trọn khắp vị lai.

Phần thứ nhất, “thí dụ về thuốc tốt lành trị bệnh cho các con, sánh ví chuyện lợi ích chúng sanh trong ba đời được nói trong phần trước” đã xong.

**16.2.1.2.2.1.2. Thí dụ về lợi ích thật sự do con được chữa trị, nhằm sánh ví phần tổng kết “chân thật chẳng dối” trên đây**

*(Kinh) Chư thiện nam tử! Ý ông vân hà? Phải hữu nhân năng thuyết thử lương y hư vọng tội phủ?” “Bất dã Thế Tôn!”*

**(經)諸善男子！於意云何？頗有人能說此良醫虛妄罪不？」「不也世尊！」**

*(Kinh: “Các thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao? Há có kẻ nào có thể nói vị lương y ấy mắc tội hư vọng hay chẳng?” “Thưa không, bạch Thế Tôn!”)*

Phần thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

**16.2.1.2.2.2. Kết hợp thí dụ với pháp**

*(Kinh) Phật ngôn: - Ngã diệt như thị, thành Phật dĩ lai, vô lượng, vô biên, bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp, vị chúng sanh cố, dĩ phương tiện lực. Ngôn đương diệt độ, diệt vô hữu năng như pháp thuyết ngã hư vọng quá giả.*

**(經)佛言：「我亦如是，成佛已來，無量，無邊，百千萬億那由他阿僧祇劫，為眾生故，以方便力。言當滅度，亦無有能如法說我虛妄過者」。**

*(Kinh: Đức Phật nói: - Ta cũng giống như thế, từ khi thành Phật đến nay, trong vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp, do vì chúng sanh mà dùng sức phương tiện, nói sẽ diệt độ, cũng*



*chẳng có kẻ nào có thể theo đúng như pháp mà nói ta phạm lỗi hư vọng được).*

Thành Phật tới nay đã vô lượng kiếp tức là ứng hợp với thí dụ “lợi ích chúng sanh trong quá khứ”. Nói “*sẽ diệt độ*” ứng hợp thí dụ “lợi ích chúng sanh trong đời vị lai”. Đối với hiện tại thì dễ biết; vì thế, lược đi chẳng nói đối ứng. “*Cũng không ai có thể nói ta hư vọng*” ứng hợp thí dụ về lợi ích thật sự do chữa cho các con lành bệnh. Phần trước đã chỉ rõ quá khứ lâu xa, nay ý nghĩa kết hợp [thí dụ với pháp] ở đây nhằm phô bày “*vị lai thường trụ*”, có cùng ý nghĩa với các kinh Đại Niết Bàn và Kim Quang Minh.

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

### **16.2.2. Kệ tụng**

#### **16.2.2.1. Trùng tụng hiển viễn**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Tự ngã đắc Phật lai, sở kinh chư kiếp số, vô lượng bách thiên vạn, ức tải A-tăng-kỳ.*

**(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「自我得佛來，所經諸劫數，無量百千萬，億載阿僧祇。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Từ khi ta thành Phật, trải qua các kiếp số, vô lượng trăm ngàn vạn, ức tải A-tăng-kỳ).*

Chẳng trùng tụng tình kiến “chấp gàn”, chỉ trùng tụng hiển viễn. “*Úc, tải*”<sup>33</sup> đều là danh xưng của các con số.

---

<sup>33</sup> Tải là một con số rất lớn. Tính theo thứ tự thì các con số lớn là vạn, ức, triệu, kinh, tỷ, nương, câu, giảm, chánh, tải. Và cách tính cũng chia thành bốn:

- Hạ số: Tức là mỗi số sau gấp 10 lần số trước. Vạn là mười ngàn, ức là một trăm ngàn, cho đến Tải là 10 lũy thừa mười bốn (tức là 14 con số không sau số 1).

- Vạn tấn: Mỗi số sau gấp một vạn lần số trước, tức là Vạn là mười ngàn, ức là một vạn vạn, cho đến Tải là 10 lũy thừa 44.

- Trung số: Tức là một Úc vẫn là một vạn, kể từ Úc trở đi, mỗi số sau là 10 lũy thừa tám của số trước. Chẳng hạn một triệu là mười lũy thừa sáu, một kinh là mười lũy thừa 24, cho đến Tải là mười lũy thừa tám mươi.

**16.2.2.2. Trùng tụng ba đời đều lợi ích chúng sanh**

**16.2.2.2.1. Trùng tụng Pháp Thuyết**

**16.2.2.2.1.1. Trùng tụng nêu rõ chuyện ba đời đều lợi ích chúng sanh**

**16.2.2.2.1.1.1. Trùng tụng quá khứ**

**16.2.2.2.1.1.1.1. Trùng tụng trong quá khứ đã nên làm như thế nào để lợi ích chúng sanh**

*(Kinh) Thường thuyết pháp giáo hóa, vô số ức chúng sanh, linh nhập u Phật đạo. Nhĩ lai vô lượng kiếp, vị độ chúng sanh cố, phương tiện hiện Niết Bàn.*

**(經)常說法教化，無數億眾生，令入於佛道。爾來無量劫，為度眾生故，方便現涅槃。**

*(Kinh: Thường thuyết pháp giáo hóa, vô số ức chúng sanh, khiến tiến nhập Phật đạo. Tới nay vô lượng kiếp, vì để độ chúng sanh, phương tiện hiện Niết Bàn).*

“Thuyết pháp giáo hóa” là trùng tụng lợi ích bằng âm thanh. “Khiến nhập Phật đạo” là trùng tụng [chúng sanh] đạt được lợi ích. “Phương tiện nhập Niết Bàn”: Trùng tụng do “chẳng diệt mà thị hiện diệt” trong việc tạo lợi ích do hình tướng, tức là gồm cả chuyện “chẳng sanh mà thị hiện sanh”.

**16.2.2.2.1.1.1.2. Trùng tụng chỗ lợi ích chúng sanh trong quá khứ**

*(Kinh) Nhi thật bất diệt độ, thường trụ thử thuyết pháp.*

**(經)而實不滅度，常住此說法。**

*(Kinh: Nhưng thật chẳng diệt độ, thường ở đây thuyết pháp).*

**16.2.2.2.1.1.1.3. Trùng tụng chuyện quét sạch môi nghi đối với Tích trong quá khứ**

*(Kinh) Ngã thường trụ u thử, dĩ chư thân thông lực, linh diên đảo chúng sanh, tuy cận nhi bất kiến.*

---

- Thượng số: Mỗi số sau gấp bội số trước, tức một vạn là 10 ngàn (10 lũy thừa 4), ức là mười lũy thừa tám, triệu là mười lũy thừa 16, cho đến Tái là 10 lũy thừa 4096!

**(經)我常住於此，以諸神通力，令顛倒眾生，雖近而不見。**

*(Kinh: Ta thường trụ nơi đây, dùng các sức thần thông, khiến chúng sanh điên đảo, tuy gần nhưng chẳng thấy).*

Tuy gần mà chẳng thấy; vì thế, chỉ thấy Nho Đồng (tiền thân của Phật Thích Ca) được [Phật Nhiên Đăng] thọ ký và mạng chung v.v...

Phần thứ nhất, “trùng tụng chuyện quá khứ” đã xong.

#### **16.2.2.2.1.1.2. Trùng tụng hiện tại**

##### **16.2.2.2.1.1.2.1. Trùng tụng cảm ứng**

*(Kinh) Chúng kiến ngã diệt độ, quảng cúng dường xá-lợi, hàm giai hoài luyến mộ, nhi sanh khát ngưỡng tâm. Chúng sanh ký tín phục, chất trực, ý nhu nhuễn. Nhất tâm dục kiến Phật, bất tự tích thân mạng.*

**(經)眾見我滅度，廣供養舍利，咸皆懷戀慕，而生渴仰心。眾生既信伏，質直意柔輒。一心欲見佛，不自惜身命。**

*(Kinh: Chúng thấy ta diệt độ, rộng cúng dường xá-lợi, đều ôm lòng luyến mộ, mà sanh tâm khát ngưỡng. Chúng sanh đã tin phục, chất trực, ý mềm mỏng, nhất tâm muốn thấy Phật, chẳng tự tiếc thân mạng).*

Trong phần nói về sự cảm ứng thuộc phần kinh văn Trường Hàng đã nói “nhạo ư Tiểu pháp, đức bạc, cấu trọng” (chượng Tiểu pháp, đức mỏng, cấu chướng nặng nề), nay phần trùng tụng nêu ra “cúng dường, khát ngưỡng” v.v... [tức là trong phần trước], đã dựa theo ý nghĩa “chẳng biết [Như Lai thành Phật] đã lâu” để nói, phần này dựa theo ý nghĩa “có thể cảm vờ Phật ứng Tích giáo hóa” để nói. Lại nữa, tuy luyến mộ, khát ngưỡng, thậm chí chẳng tiếc thân mạng, nhưng dùng Phật nhân để xem xét, [sẽ thấy các chúng sanh ấy] luôn thích “đức Phật mới thành Phật gần đây” và Tiểu pháp mà thôi!

##### **16.2.2.2.1.1.2.2. Trùng tụng sự thí hóa**

*(Kinh) Thời ngã cập chúng tăng, câu xuất Linh Thứu sơn, ngã thời ngữ chúng sanh: “Thường tại thử bất diệt. Dĩ phương tiện lực cố, hiện hữu diệt bất diệt”.*

**(經)時我及眾僧，俱出靈鷲山，我時語眾生：「常在此不滅。以方便力故，現有滅不滅」。**

*(Kinh: Ta cùng với chúng tăng, đều ra khỏi Linh Thứu. Khi đó, bảo chúng sanh: “Thường ở đây chẳng diệt. Do vì sức phương tiện, hiện có diệt, chẳng diệt”).*

“*Câu xuất Linh Thứu sơn*” (Đều ra khỏi núi Linh Thứu): Trùng tụng chuyện hiện hình. “*Ngã thời ngữ chúng sanh*” (Lúc đó, ta bảo các chúng sanh): Trùng tụng chuyện thuyết pháp. Trong phần Trường Hàng nói về thuyết pháp, trước hết nói các giáo pháp đã được nói trong suốt một đời giáo hóa [của đức Phật]. Kế đó, giải thích nguyên do nói thiện xảo. Đoạn kinh văn ấy rất rộng, nay trùng tụng rất sơ lược. Câu “*thường tại thử bất diệt*” (thường ở đây, chẳng diệt) chỉ nhằm trùng tụng chuyện “hiển Thật”. Hai câu “*dĩ phương tiện lực...*” (dùng sức phương tiện) trùng tụng đại lược chuyện “trương xúng căn cơ”.

Phân thứ hai, “trùng tụng lợi ích trong hiện tại” đã xong.

### **16.2.2.2.1.1.3. Trùng tụng vị lai**

Kinh văn Trường Hàng gồm hai phần: Một, nói rõ chẳng diệt mà xướng diệt độ; hai là giải thích ý nghĩa [vì sao] cần phải xướng diệt độ. Trong phần thứ nhất, lại có hai ý: Một, nêu rõ vốn thật sự chẳng diệt; hai, nói rõ do phương tiện mà xướng diệt độ. Nay chẳng trùng tụng theo thứ tự, một là trùng tụng “do phương tiện mà xướng diệt độ”, kiêm trùng tụng ý nghĩa “[vì sao] cần phải xướng diệt độ”. Hai là trùng tụng “vốn thật sự chẳng diệt độ”, kiêm giải thích rộng nguyên do chẳng thấy hay được thấy [Phật].

#### **16.2.2.2.1.1.3.1. Trùng tụng do phương tiện mà xướng diệt độ, kiêm trùng tụng ý nghĩa “cần phải xướng diệt độ”**

*(Kinh) Dư quốc hữu chúng sanh, cung kính tín nhạo giả, ngã phục u bỉ trung, vị thuyết vô thượng pháp. Nhữ đẳng bất văn thử, dẫn*

*vị ngã diệt độ. Ngã kiến chư chúng sanh, một tại u khổ não. Cố bất vị hiện thân, linh kỳ sanh khát ngưỡng, nhân kỳ tâm luyến mộ, nãi xuất vị thuyết pháp.*

**(經)餘國有眾生，恭敬信樂者，我復於彼中，為說無上法。汝等不聞此，但謂我滅度。我見諸眾生，沒在於苦惱。故不為現身，令其生渴仰。因其心戀慕，乃出為說法**

。

*(Kinh: Nước khác có chúng sanh, lòng cung kính, tin ưa, ta lại trong cõi ấy, nói cho pháp vô thượng. Ông chẳng nghe điều này, chỉ nói ta diệt độ. Ta thấy các chúng sanh, chìm đắm trong khổ não. Cho nên chẳng hiện thân, khiến họ sanh khát ngưỡng. Do tâm họ luyến mộ, bèn xuất thế thuyết pháp).*

Bài kệ thứ nhất, trước hết, nói rõ bất diệt. Nửa bài kệ kể đó, trùng tụng lời giải thích ý nghĩa vì sao cần phải xưng “diệt độ”. Hai câu sau, trùng tụng “xưng diệt độ sẽ hữu ích”.

Phần “thành tựu căn cơ trong vị lai” đã xong.

**16.2.2.2.1.1.3.2. Trùng tụng “vốn thật sự chẳng diệt,” kèm thêm lời giải thích căn kẽ nguyên do thấy hay chẳng thấy Phật**

*(Kinh) Thần thông lực như thị, u A-tăng-kỳ kiếp, thường tại Linh Thứu sơn, cập dư chư trụ xứ. Chúng sanh kiến kiếp tận, đại hỏa sở thiêu thời. Ngã thử độ an ổn, thiên nhân thường sung mãn. Viên lâm, chư đường các, chủng chủng bảo trang nghiêm. Bảo thụ đa hoa quả, chúng sanh sở du lạc, chư thiên kích thiên cổ, thường tác chúng kỹ nhạc. Vũ Mạn Đà La hoa, tán Phật cập đại chúng.*

**(經)神通力如是，於阿僧祇劫，常在靈鷲山，及餘諸住處。眾生見劫盡，大火所燒時。我此土安隱，天人常充滿。園林諸堂閣，種種寶莊嚴。寶樹多華果，眾生所遊樂，諸天擊天鼓，常作眾伎樂。雨曼陀羅華，散佛及大眾。**

*(Kinh: Sức thân thông như thế, trong A-tăng-kỳ kiếp, thường tại núi Linh Thứu, và các trụ xứ khác. Chúng sanh thấy kiếp tận, lúc đại hỏa thiêu đốt, cõi ta vẫn an ổn, trời người thường đầy ắp. Vườn rừng, các điện gác, các thứ báu trang nghiêm. Cây báu nhiều hoa quả, chúng sanh thường vui chơi. Chư thiên giống trống trời, thường tấu các kỹ nhạc. Mưa hoa Mạn Đà La, tán Phật và đại chúng).*

Đây là trùng tụng “vốn thật sự chẳng diệt”. “*Thường tại Linh Thứu sơn*”: Chỉ lúc Ứng Thân thường cư trụ trong cõi này khi xét theo Bản. “*Cập dư chư trụ xứ*” (Và các trụ xứ khác): Tại Bản, Ứng Thân cũng trọn khắp mười phương trong các chốn dù tịnh hay uế. Nơi Bản đã ngụ tại các xứ thì Tích cũng chẳng chuyển dời. Nhưng chúng sanh hư vọng thấy kiếp tận, chứ cõi Phật vốn chẳng sanh diệt, tức là cõi Đồng Cư này chính là Phương Tiện, Thật Báo, và Tịch Quang diệu độ. Vì sao nói vậy? “*Ngã thứ độ an ổn*” (Cõi này của ta an ổn) chính là Phật đã chứng pháp an ổn, tức là cõi Thường Tịch Quang. Do Phật có thể chứng, tức là cõi Tự Thọ Dụng Báo. “*Thiên nhân thường sung mãn*” (Trời, người thường đầy ắp): Thập Địa là trời, ba mươi tâm (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) là người, tức cõi Tha Thọ Dụng Báo. “*Chúng sanh sở du lạc*” (Chúng sanh thường vui chơi) tức cõi Phương Tiện Hữu Dư, là nơi chín loại phương tiện chúng sanh cư trụ. Trống trời, kỹ nhạc và hoa trời v.v... chính là ngũ trần thù thắng nhiệm màu thuộc Tục Đế trong cõi Thật Báo, mà cũng chính là ngũ trần thuộc pháp tánh Chân Đế trong cõi Phương Tiện.

*(Kinh) Ngã Tịnh Độ bất hủy, nhi chúng kiến thiêu tận, ưu bố chư khổ não. Như thị tất sung mãn. Thị chư tội chúng sanh, dĩ ác nghiệp nhân duyên, quá A-tăng-kỳ kiếp, bất văn Tam Bảo danh.*

**(經)我淨土不毀，而眾見燒盡，憂怖諸苦惱。如是悉充滿。是諸罪眾生，以惡業因緣，過阿僧祇劫，不聞三寶名。**

*(Kinh: Tịnh Độ ta chẳng hủy, đại chúng thấy cháy sạch, lo sợ, các khổ não. Như thế thường đầy ắp. Chúng sanh tội khổ ấy, do nhân duyên ác nghiệp, trải A-tăng-kỳ kiếp, chẳng nghe tên Tam Bảo).*

Đây là giải thích nguyên do chẳng thấy: Do mắc tội vì ác nghiệp! Ba loại Tịnh Độ Tịch Quang, Thật Báo, và Phương Tiện thấy đều chẳng

hủy. Do nhân duyên ác nghiệp, hư vọng thấy chấy sạch. Nơi các chúng sanh ấy, chính là “*đồng phận vọng kiến*” (cái thấy hư vọng do cùng thuộc một loại nghiệp cảm). Nhưng Phật, Bồ Tát thấy rõ: Đây vẫn chỉ là cái thấy hư vọng do biệt nghiệp mà thôi.

*(Kinh) Chư hữu tu công đức, nhu hòa, chất trực giả, tắc giai kiến ngã thân, tại thử nhi thuyết pháp.*

**(經)諸有修功德，柔和質直者，則皆見我身，在此而說法。**

*(Kinh: Có người tu công đức, tánh nhu hòa, chất trực, sẽ đều thấy thân ta, đang thuyết pháp tại đây).*

Đây là giải thích nguyên do được thấy: Do vì tu duyên nhân và liễu nhân. Chữ Chư chỉ chung duyên tu và chân tu Quyền Thật trong tam thừa. “*Công đức*” chính là nhà Như Lai. “*Nhu hòa*” là áo Như Lai. “*Chất trực*” là tòa Như Lai. Hành ba pháp tương tự thành tựu, sẽ thấy Phương Tiện Ứng Thân của Như Lai. Hành thành tựu ba pháp phần chứng, sẽ thấy Báo Thân của Như Lai trong cõi Thật Báo. Hành thành tựu ba pháp rốt ráo, sẽ thấy Pháp Thân trong cõi Tịch Quang của Như Lai.

*(Kinh) Hoặc thời vị thử chúng, thuyết Phật thọ vô lượng, cửu nãi kiến Phật giả, vị thuyết Phật nan trị.*

**(經)或時為此眾，說佛壽無量，久乃見佛者，為說佛難值。**

*(Kinh: Có lúc vì chúng này, nói Phật thọ vô lượng, rất lâu mới thấy Phật, nói Phật khó gặp gỡ).*

Đây là tổng kết nguyên do chúng sanh có người thấy, có người không thấy. Vì thế, khiến cho Như Lai nói khác nhau. Có nghĩa là tuy hiển thuyết bất đồng, nhưng đều là chân thật chẳng dối.

Phần thứ nhất, “trùng tụng ba đời lợi ích chúng sanh” đã xong!

#### **16.2.2.2.1.2. Trùng tụng tổng kết chẳng hư dối**

*(Kinh) Ngã trí lực như thị, huệ quang chiếu vô lượng. Thọ mạng vô số kiếp, cứu tu nghiệp sở đắc. Nhữ đẳng hữu trí giả, vật u thử sanh nghi, đương đoạn linh vĩnh tận, Phật ngữ thật bất hư.*

**(經)我智力如是，慧光照無量。壽命無數劫，久修業所得。汝等有智者，勿於此生疑，當斷令永盡，佛語實不虛。**

*(Kinh: Trí lực ta như thế, huệ quang chiếu vô lượng. Thọ mạng vô số kiếp, do tu lâu đạt được. Các ông bậc có trí, đừng sanh nghi chuyện này, hãy nên dứt hẳn nghi, lời Phật thật chẳng dối).*

Bài kệ thứ nhất trùng tụng pháp của chư Phật Như Lai đều là như thế. Phần Trường Hàng dẫn chứng chư Phật để chứng minh cho ta (Phật Thích Ca). “*Cứu tu nghiệp sở đắc*” (Do nghiệp tu đã lâu mà đạt được): Nêu rõ phẩm này diễn nói thọ lượng của Như Lai; đó là xét theo tu đắc (do tu mà đạt được), chứ tánh đắc (có sẵn trong tánh) thì không có khởi đầu, không có kết thúc, chúng sanh và Phật có cùng một Thể. Tu đắc thì có khởi đầu có kết thúc. Phật Phật đạo đồng, chỉ riêng chuyện này (thọ lượng của Báo Thân) là có khởi đầu, cho nên có chuyện đã thật sự thành Phật trong quá khứ gần đây hay đã lâu xa. Vì thế, cho đến tận vị lai, thường trụ bất diệt. Bài kệ kế tiếp trùng tụng ý nghĩa “vì độ chúng sanh [mà nói phương tiện], đều là chân thật chẳng dối”. Kết lại bằng lời khuyên hãy đoạn “chấp gần” (chấp đức Phật mới chỉ thành Phật trong một thời gian ngắn) để rời sanh nghi.

Phần thứ nhất, “trùng tụng Pháp Thuyết” đã xong.

#### **16.2.2.2. Trùng tụng Thí Thuyết**

##### **16.2.2.2.1. Trùng tụng lập thí**

*(Kinh) Như y thiện phương tiện, vị trị cuồng tử cố, thật tại nhi ngôn tử, vô năng thuyết hư vọng.*

**(經)如醫善方便，為治狂子故，實在而言死，無能說虛妄。**

*(Kinh: Lương y phương tiện khéo, vì trị con bệnh cuồng, còn sống nói đã chết, chẳng thể nói hư vọng).*



Ba câu đầu chỉ trùng tụng ý nghĩa “chẳng diệt mà hiện diệt độ”, tức hiển thị phương tiện lợi ích chúng sanh trong ba đời. Lại hiển thị “tuy diệt mà thật sự chẳng diệt”. Quá khứ lâu xa, vị lai thường trụ, đều chân thật chẳng dối. Câu thứ tư, trùng tụng ý nghĩa “tổng kết chẳng hư dối”.

#### **16.2.2.2.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ với pháp**

*(Kinh) Ngã diệc vi thế phụ, cứu chư khổ hoạn giả, vị phạm phu diên đảo, thật tại nhi ngôn diệt. Dĩ thường kiến ngã cố, nhi sanh kiêu tữ tâm, phóng dật trước ngũ dục, đọa u ác đạo trung.*

**(經)我亦為世父，救諸苦患者，為凡夫顛倒，實在而言滅。以常見我故，而生憍恣心，放逸著五欲，墮於惡道中。**

*(Kinh: Ta là cha cõi đời, cứu kẻ khổ, hoạn nạn. Vì phạm phu diên đảo, thật còn mà nói diệt. Do họ thường thấy ta, sẽ sanh kiêu, buông lung, phóng dật, chấp ngũ dục, đọa vào trong đường ác).*

Đây cũng là trùng tụng chung ý nghĩa “chẳng diệt mà hiện diệt độ”, kiêm trùng tụng “chẳng diệt sẽ tồn tại”, nêu rõ “xương diệt độ là phương tiện”.

*(Kinh) Ngã thường tri chúng sanh, hành đạo, bất hành đạo. Tùy sở ưng khả độ, vị thuyết chủng chủng pháp. Mỗi tị tác thị ý: Dĩ hà linh chúng sanh, đắc nhập vô thượng huệ, tức thành tựu Phật thân.*

*(Kinh: Ta thường biết chúng sanh, hành đạo, chẳng hành đạo. Tùy đáng nên hóa độ, mà nói các thứ pháp. Thường suy nghĩ thế này: Dùng gì khiến chúng sanh, nhập được vô thượng huệ, mau thành tựu thân Phật).*

Đây là trùng tụng ý nghĩa tổng kết trong phần kết hợp thí dụ với pháp: Không hư vì đó là phương tiện của lương y trị bệnh cho con.

Phần thứ nhất, “khai cận hiên viển” đã xong. Giải thích phẩm Như Lai Thọ Lượng cũng xong; kế đó, sẽ giải thích phẩm Phân Biệt Công Đức.

### ***17. Phân Biệt Công Đức Phẩm Đệ Thập Thất***

## **分別功德品第十七**

*Phẩm thứ mười bảy: Phân Biệt Công Đức*

Phẩm này có thọ ký và lãnh giải. Sự lưu thông trong phần Thọ Ký và Lưu Thông đều có [mức độ] cạn hay sâu khác nhau; vì thế nói là Phân Biệt.

Đức Phật nói thọ lượng, hai loại đệ tử Bồn và Tích đều đạt được các thứ lợi ích. Cho đến Tứ Tín trong hiện tại và Ngũ Phẩm sau khi [đức Phật] diệt độ, cũng đều được lợi ích. Vì thế nói là Công Đức (đệ tử thuộc Bồn tức là các vị từ dưới đất vọt lên. Đệ tử nơi Tích tức là các vị tại Linh Sơn).

### ***17.1. Thọ ký chung cho hàng Pháp Thân***

#### ***17.1.1. Người kết tập kinh trên thuật chung***

*(Kinh) Nhĩ thời, đại hội văn Phật thuyết thọ mạng kiếp số trường viển như thị, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chúng sanh đắc đại nhiều ích.*

**(經)爾時，大會聞佛說壽命劫數長遠如是，無量無邊阿僧祇眾生得大饒益。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đại hội nghe đức Phật nói thọ mạng kiếp số dài lâu như thế, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chúng sanh đạt được lợi ích to lớn).*

#### ***17.1.2. Như Lai phân biệt [các công đức]***

*(Kinh) Ư thời, Thế Tôn cáo Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát: - A Dật Đa! Ngã thuyết thị Như Lai thọ mạng trường viển thời, lục bách bát thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa chúng sanh đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.*

**(經)於時，世尊告彌勒菩薩摩訶薩：「阿逸多！我說是如來壽命長遠時，六百八十萬億那由他恆河沙眾生得無生法忍。」**

*(Kinh: Khi đó, đức Thế Tôn bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát: - Nay A Dật Đa (Ajita)! Khi ta nói thọ mạng dài lâu của Như Lai, sáu trăm tám mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa chúng sanh đắc Vô Sanh Pháp Nhân).*

Tam châu thuyết pháp trong Tích Môn, ba loại căn cơ đều được thọ ký, đều là địa vị Kiến Đạo Vô Sanh Pháp Nhân<sup>34</sup> thuộc Sơ Trụ. Nay nghe Bốn Môn, lại có ngàn ấy chúng sanh được nhập Sơ Trụ trong Viên Giáo. Vì thế biết [kinh Pháp Hoa] là lời tuyên xưng tột bậc trong giáo pháp suốt một đời [của đức Phật], có lợi ích khó thể nghĩ tưởng!

**(Kinh) Phục hữu thiên bội Bồ Tát Ma Ha Tát, đắc Văn Trì Đà La Ni môn.**

**(經)復有千倍菩薩摩訶薩，得聞持陀羅尼門。**

*(Kinh: Lại có gấp ngàn lần Bồ Tát Ma Ha Tát, đạt được Văn Trì Đà La Ni<sup>35</sup> môn).*

Người trước đó đã chứng Vô Sanh, nay nghe lời tuyên xưng tột bậc trong Bốn Môn, chuyên nhập [địa vị] Tu Đạo, tăng trưởng đạo viên mãn, mẫu nhiệm, giảm thiểu Biên Dịch Sanh Tử, chứng Thập Trụ trong Viên Giáo, đắc đại Văn Trì, diệu pháp viên đốn. Có thể thọ, có thể trì, giống như biển cả có thể thọ trì trọn khắp mưa của long vương.

**(Kinh) Phục hữu nhất thế giới vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát đắc nhạo thuyết vô ngại biện tài.**

**(經)復有一世界微塵數菩薩摩訶薩得樂說無礙辯才。**

*(Kinh: Lại có một thế giới vi trần số<sup>36</sup> Bồ Tát Ma Ha Tát đắc nhạo thuyết vô ngại biện tài<sup>37</sup>).*

<sup>34</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Vô Sanh Pháp Nhân: Chân trí an trụ trong Thật Tướng Lý Thể của hết thảy các pháp vốn chẳng sanh diệt, chẳng dấy lên nghiệp hạnh”.

<sup>35</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Văn Trì Đà La Ni: Đã đắc Vô Sanh, đối với giáo pháp đã được nghe, liền nhớ giữ chẳng quên”.

Đây là tầng tấn trí huệ, tổn giảm phiền não sanh tử, chứng Giả thuộc Thập Hạnh chẳng thể nghĩ bàn trong Viên Giáo. Hằng sa Phật pháp ngang dọc đều gồm thâu, cho nên có thể tự tại diễn nói, biện tài vô ngại.

*(Kinh) Phục hữu nhất thế giới vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát đắc bách thiên vạn ức vô lượng Toàn Đà La Ni.*

**(經)復有一世界微塵數菩薩摩訶薩得百千萬億無量旋陀羅尼。**

*(Kinh: Lại có một thế giới vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát đắc trăm ngàn vạn ức vô lượng Toàn Đà La Ni<sup>38</sup>).*

Đây là tầng trưởng trí huệ, tổn giảm phiền não sanh tử, chứng pháp Thập Hội Hương thuộc Viên Giáo, Lý Sự viên dung, Chân Tục chẳng hai, vô lượng trong một, một trong vô lượng, trùng trùng xoay chuyên, tổng trì lẫn nhau.

*(Kinh) Phục hữu tam thiên đại thiên thế giới vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát năng chuyển bất thoái pháp luân.*

**(經)復有三千大千世界微塵數菩薩摩訶薩能轉不退法輪。**

*(Kinh: Lại có một tam thiên đại thiên thế giới vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát có thể chuyển pháp luân bất thoái).*

Đây là tầng trưởng trí huệ, tổn giảm sanh tử phiền não, chứng Sơ Địa trong Viên Giáo, tâm luôn tưới rót biển Tát Bà Nhã (Sarvajñā, Nhất Thiết Trí), chuyển trọn ba thứ bất thoái luân.

---

<sup>36</sup> Thế giới vi trần số: Số lượng bằng số vi trần trong một thế giới (một tiểu thế giới là một hệ thống vũ trụ gồm có một núi Tu Di, nhật, nguyệt, và bốn bộ châu vây quanh núi Tu Di).

<sup>37</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện Tài: Văn Trì chỉ có thể tự hiểu. Nhạo thuyết (ưa thích nói) là kiêm giáo hóa chúng sanh, ý nghĩa càng thêm thù thắng*”.

<sup>38</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Toàn Đà La Ni: Xoay chuyển Không và Giả, thông đạt trăm ngàn vạn ức vô lượng pháp môn*”.

*(Kinh) Phục hữu nhị thiên trung thiên quốc độ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát năng chuyển thanh tịnh pháp luân.*

**(經)復有二千中千國土微塵數菩薩摩訶薩能轉清淨法輪。**

*(Kinh: Lại có số lượng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần thuộc nhị thiên trung thiên quốc độ<sup>39</sup> có thể chuyển pháp luân thanh tịnh).*

Đây là tăng trưởng trí huệ, tổn giảm sanh tử phiền não, chứng Nhị Địa trong Viên Giác, tự lìa cấu như Tam Hoặc, cũng khiến cho người khác lìa cấu chướng Tam Hoặc. Vì thế nói là “*chuyển pháp luân thanh tịnh*”.

*(Kinh) Phục hữu tiểu thiên quốc độ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát, bát sanh đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)復有小千國土微塵數菩薩摩訶薩，八生當得阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Lại có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần thuộc các quốc độ trong một tiểu thiên thế giới, sau tám đời sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Đây là tăng trưởng trí huệ, tổn giảm sanh tử phiền não, chứng Tứ Địa trong Viên Giác, chỉ còn sót lại tám phẩm Vô Minh vi tế. Vì thế nói là “*bát sanh đương đắc Bồ Đề*” (tám đời sẽ đắc Bồ Đề). Đoạn một phẩm, nhập Ngũ Địa. Đoạn hai phẩm, nhập Lục Địa. Đoạn ba phẩm, nhập Thất Địa. Đoạn bốn phẩm, nhập Bát Địa. Đoạn năm phẩm, nhập Cửu Địa. Đoạn sáu phẩm, nhập Thập Địa. Đoạn bảy phẩm, nhập Đẳng Giác. Đoạn sạch tám phẩm, nhập Diệu Giác. Mỗi lần đoạn một phẩm vô minh, chính là tổn giảm Biên Dịch Sanh Tử, tăng thêm hiểu rõ một phần Trung Đạo.

---

<sup>39</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Một ngàn tiểu thế giới là một tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Do vậy có thể biết nhị thiên trung thiên tức là hai đại thiên thế giới”.

*(Kinh) Phục hữu tứ tứ thiên hạ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát, tứ sanh đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)復有四四天下微塵數菩薩摩訶薩， 四生當得阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Lại có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần trong bốn tứ thiên hạ<sup>40</sup>, qua bốn đời sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Đây là tăng trưởng trí huệ, tồn giảm sanh tử phiền não, đã chứng Bát Địa trong Viên Giáo, chỉ còn sót lại bốn phẩm vi tế Vô Minh. Giảm tồn một phẩm sanh tử phiền não, nhập Cửu Địa. Tồn giảm hai phẩm sanh tử phiền não, nhập Thập Địa. Tồn ba phẩm sanh tử phiền não, nhập Đẳng Giác. Tồn giảm hết sạch bốn phẩm sanh tử phiền não, liền thành Diệu Giác.

*(Kinh) Phục hữu tam tứ thiên hạ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát, tam sanh đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)復有三四天下微塵數菩薩摩訶薩， 三生當得阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Lại có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần trong ba tứ thiên hạ, qua ba đời sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Đây là tăng trưởng trí huệ, tồn giảm sanh tử phiền não, chứng Cửu Địa trong Viên Giáo, cho nên chỉ còn dư lại ba đời.

*(Kinh) Phục hữu nhị tứ thiên hạ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát, nhị sanh đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)復有二四天下微塵數菩薩摩訶薩， 二生當得阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Lại có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần trong hai tứ thiên hạ, sau hai đời sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

---

<sup>40</sup> Tứ Thiên Hạ chính là cõi chúng ta đang sống. Do ở dưới ngay tầng trời của Tứ Thiên Vương cho nên gọi là Tứ Thiên Hạ. Lại do tầng này có bốn đại châu (Diêm Phù Đề, Cù Da Ni, Phất Bà Đề, và Uất Đan Việt), cho nên gọi là Tứ Thiên Hạ.

Đây là tăng trưởng trí huệ, tôn giảm sanh tử phiền não, chứng Thập Địa trong Viên Giáo. Vì thế, chỉ còn sót lại hai đời.

*(Kinh) Phục hữu nhất tứ thiên hạ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát, nhất sanh đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)復有一四天下微塵數菩薩摩訶薩，一生當得阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Lại có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần trong một tứ thiên hạ, trong một đời sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Đây là tăng trưởng trí huệ, tôn giảm sanh tử phiền não, chứng Đẳng Giác trong Viên Giáo. Vì thế, chỉ còn sót lại một đời.

*(Kinh) Phục hữu bát thế giới vi trần số chúng sanh giai phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.*

**(經)復有八世界微塵數眾生皆發阿耨多羅三藐三菩提心。**

*(Kinh: Lại có chúng sanh bằng số vi trần trong tám thế giới đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Đây chính là kẻ phàm phu lè tè sát đất, do sức nghe kinh, chứng Thập Tín của Viên Giáo, phát sanh tương tự tâm. Trong Bốn Môn, đặc đạo nhiều như thế đó, hết thấy các kinh đều chẳng sánh bằng. Ấy là do từ Bốn mà thị hiện Tích, chón chón khơi mở, dẫn dắt, gặp gỡ trong khoảng giữa, nhiều lần được thành thực. Đời này thì [dùng giáo pháp thuộc] năm vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) để điều phục từng bước một, thâm tập, gom năm quy về dung hội Pháp Hoa. Ví như nhà nông mùa Xuân sanh thành, mùa Hạ tăng trưởng, cày cuốc, gieo hạt, chăm bón, mùa Thu thu hoạch, mùa Đông tàng ẩn. Thu hoạch, hái gặt một phen. Từ đây về sau, dầu có người đặc đạo thì cũng đều được gom về [Nhất Thừa].

Hỏi: - Thọ ký cho Pháp Thân, vì sao lại thiếu các vị thuộc Ngũ Địa, Lục Địa, Thất Địa vậy?

Đáp: - Chuyện này chẳng thể suy nghĩ mà hòng biết được! Chỉ có Như Lai có thể phân biệt. Chỉ có bậc Bồ Xứ là có thể lãnh nhận, ngộ giải! Cần gì cứ phải sanh nghi như thế?

Hỏi: - Các pháp như Văn Trì Đà La Ni v.v... nếu đối chiếu với các địa vị trong các kinh văn thuộc phần trước, vì sao lại có đôi chút khác biệt?

Đáp: - Các danh tự như Vô Sanh Nhẫn v.v... đều thông với Thiên, Viên, Quyền, Thật, vốn chẳng nhất định, chỉ cần giải thích để [người nghe] lãnh hội viên lý. Nay xét theo ý nghĩa thuận tiện, mà phân định như thế. Nếu muốn dung thông lẫn nhau, có gì là chẳng thể? Hãy nên biết chỉ có các thứ tự như tám đời, bốn đời v.v... Những điều khác xét theo nghĩa để giải thích tương ứng là được rồi.

Phần thứ hai, “Như Lai phân biệt [các công đức do nghe thọ mạng của Như Lai]” đã xong.

### ***17.1.3. Điền lành biểu thị sự lợi ích trong Viên Giáo***

*(Kinh) Phật thuyết thị chư Bồ Tát Ma Ha Tát đắc đại pháp lợi thời, u hư không trung, vũ Mạn Đà La hoa, Ma Ha Mạn Đà La hoa, dĩ tán vô lượng bách thiên vạn ức bảo thụ hạ sư tử tòa thượng chư Phật. Tịnh tán thất bảo tháp trung sư tử tòa thượng Thích Ca Mâu Ni Phật, cập cứu diệt độ Đa Bảo Như Lai, diệt tán nhất thiết chư đại Bồ Tát cập tứ bộ chúng. Hựu vũ tế mạt Chiên Đàn, trầm thủy hương đăng. Ư hư không trung, thiên cổ tự minh, diệu thanh thâm viển. Hựu vũ thiên chủng thiên y, thùy chư anh lạc, chân châu anh lạc, Ma Ni châu anh lạc, Như Ý Châu anh lạc, biến u cứu phương. Chúng bảo hương lô thiêu vô giá hương, tự nhiên châu chí, cúng dường đại hội. Nhất nhất Phật thượng, hữu chư Bồ Tát chấp trì phan, cái, thứ đệ nhi thượng, chí u Phạm Thiên. Thị chư Bồ Tát dĩ diệu âm thanh, ca vô lượng tụng, tán tán chư Phật.*

**(經)佛說是諸菩薩摩訶薩得大法利時，於虛空中，雨曼陀羅華，摩訶曼陀羅華，以散無量百千萬億寶樹下師子座上諸佛。并散七寶塔中師子座上釋迦牟尼佛，及久滅度多寶如來，亦散一切諸大菩薩及四部眾。又雨細末栴檀，**



沉水香等。於虛空中，天鼓自鳴，妙聲深遠。又雨千種天衣，垂諸瓔珞，真珠瓔珞，摩尼珠瓔珞，如意珠瓔珞，徧於九方。眾寶香鑪燒無價香，自然周至，供養大會。一一佛上，有諸菩薩執持幡，蓋，次第而上，至於梵天。是諸菩薩，以妙音聲，歌無量頌，讚歎諸佛」。

*(Kinh: Khi đức Phật nói các Bồ Tát Ma Ha Tát ấy đạt được lợi ích to lớn nơi pháp, ở trong hư không, mưa hoa Mạn Đà La, hoa Ma Ha Mạn Đà La, dùng để rải lên chư Phật trên các tòa sư tử dưới vô lượng trăm ngàn vạn ức cây báu, và rải lên Thích Ca Mâu Ni và Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu [đang ngự] trên tòa sư tử trong tháp bảy báu. Cũng rải lên hết thấy các vị đại Bồ Tát và bốn bộ chúng. Lại mưa các thứ bột mịn Chiên Đàn, trầm thủy hương v.v... Ở trong hư không, trống trời tự kêu, tiếng màu nhiệm sâu xa. Lại mưa ngàn loại áo trời, rải các chuỗi anh lạc: Anh lạc bằng chân châu, anh lạc bằng Ma Ni châu, anh lạc bằng Như Ý Châu trọn khắp chín phương. Các thứ lò hương báu đốt hương vô giá, tự nhiên lan tỏa trọn khắp, cúng dường đại hội. Trên mỗi vị Phật, có các vị Bồ Tát cầm nắm phan, lọng, lần lượt cao dần lên đến tận Phạm Thiên. Các vị Bồ Tát ấy dùng âm thanh màu nhiệm, ca vô lượng kệ tụng để tán thán chư Phật).*

Trong đoạn này, cũng có sáu điềm lành:

- Một là điềm lành mưa hoa.
- Hai là điềm lành mưa hương. [Điềm lành thứ nhất và thứ hai] biểu thị phước và huệ viên mãn, nhiệm màu, tức tự hành đức.
- Ba là điềm lành trống trời.
- Bốn là điềm lành áo trời và anh lạc. [Điềm lành thứ ba và thứ tư] biểu thị giáo hạnh viên mãn, màu nhiệm, tức hóa tha đức.
- Năm là điềm lành đốt hương cúng dường.
- Sáu là điềm lành phan, lọng, tán thán. [Hai điềm lành này] biểu thị tự hành và hóa tha viên mãn, màu nhiệm, cùng quy vào cực quả.

Trước hết, hư không mưa hoa: Hư không biểu thị pháp tánh bình đẳng. Từ pháp tánh ấy, sanh ra huệ hoa viên diệu thuộc bốn mươi địa vị chân thật. Kinh văn trong phần trước đã mượn phân thân [của Phật Thích Ca] để biểu thị Ứng Thân, Phật Thích Ca biểu thị Báo Thân, Phật Đa

Bảo biểu thị Pháp Thân. Nay trước hết, rải [hoa cúng dường] phân thân chư Phật, kể đến là Phật Thích Ca rồi Phật Đa Bảo, mang ý nghĩa hiển thị tuy ba thân “chẳng một, chẳng khác”, nhưng do được thấy Ứng Thân mà biết Tu Đức của Báo Thân và Tánh Đức của Pháp Thân. Cũng rải lên hết thấy các Bồ Tát và tứ chúng, tức là biểu thị đại hội đều đạt được viên nhân diệu huệ, đều thành diệu quả tam thân chẳng sai biệt. Bội mận Chiên Đàn, trầm thủy... chính là các thứ hương phước đức, cũng xuất sanh từ pháp tánh, cũng dùng chúng để phụng cúng tam thân, cúng khắp tứ chúng, nhưng kinh vẫn nói lược qua.

“*Thiên cổ tự minh*” (Trông trời tự kêu) biểu thị viên âm diễn bày giáo pháp sâu mâu. “*Thiên chủng thiên y*” (Ngàn loại áo trời) biểu thị áo Tịch Diệt Nhân che khắp hết thấy. “*Thùy chư anh lạc*” (Rủ các chuỗi anh lạc): Biểu thị bốn loại anh lạc gồm Giới, Định, Huệ và Đà La Ni nhiếp hóa chúng sanh, khiến cho họ sanh lòng vui sướng. Ma Ni được phương này dịch là Như Ý; lại nói là Như Ý Châu, hoặc là đôi khi trùng lập, ghép chung tiếng Hán và tiếng Phạn (tức là nói “*Ma Ni Như Ý Châu*”). [Ở đây, kinh vẫn] dùng bốn lần chữ “*anh lạc*” chắc là để diễn tả bốn thứ anh lạc Giới, Định v.v... “*Biển u cửu phương*” (Trọn khắp chín phương): Vốn từ phương trên tuôn xuống, trọn khắp tám phương và dưới đất.

Hỏi: - Sao không như là Hoa Nghiêm đã nói “*sung mãn mười phương*”?

Đáp: - Hoa Nghiêm dùng “mười” để biểu thị vô tận, kinh này dùng “một” để biểu thị “*đồng quy*”. Nay nói “*trọn khắp chín phương*” chính là biểu thị lý một Phật giới. Trọn khắp cả chín giới, chín giới không gì chẳng phải là một Phật giới.

“*Chúng bảo hương lô thiêu vô giá hương, tự nhiên châu chí cúng dường đại hội*” (Các thứ lò hương báu đốt hương vô giá, tự nhiên lan tỏa trọn khắp cúng dường đại hội): Tức là biểu thị tự hành diệu đức luôn hướng tới cực quả. Trước đó đã mưa hoa, mưa hương, nhằm biểu thị phước huệ. Nay thì đốt hương, tức là dùng “đốt” để biểu thị huệ, dùng “hương” để biểu thị phước. Cúng dường tam thân của chư Phật trong đại hội, cũng dùng đó để [cúng dường] trọn khắp Bồ Tát, và tứ chúng là các vị Phật trong tương lai. Vì thế nói là “*tiến hướng cực quả*”. Nói “*tự nhiên*” nghĩa là chẳng dùng đến sức người, cũng từ pháp tánh hư không mà hiển hiện. “*Hữu chư Bồ Tát*” (Có các Bồ Tát): Cũng là tự nhiên hóa hiện các hình tượng Bồ Tát, cũng từ pháp tánh hư không mà sanh ra. “*Phan*” có nghĩa là “*chuyển*”, tức là biểu thị tăng trưởng trí huệ, tồn

giảm phiền não. “Cái” (Lọng) có nghĩa là “che phủ”, tức là biểu thị từ bi lợi ích chúng sanh. “Thứ đệ nhi thượng” (Theo thứ tự mà lên cao), tức là biểu thị từ nhân đến quả. “Chí u Phạm Thiên” (Đến trời Phạm Thiên): “Phạm” có nghĩa là thanh tịnh, tức biểu thị Tứ Đức rất ráo. “Diệu âm ca tụng tán thán chư Phật” tức là biểu thị dùng âm thanh Phật đạo khiến cho hết thảy đều được nghe. Trong phần trước đã dùng trống trời để biểu thị giáo pháp hóa độ người khác, dùng áo trời và anh lạc để biểu thị hạnh hóa độ người khác. Nay còn dùng phan và lọng để biểu thị hạnh. “Ca tán” (Ca vịnh tán thán) biểu thị giáo pháp. Hai loại diệu đức hóa độ người khác cùng tiến nhập cực quả. Lợi ích trong Viên Giáo sâu xa, cho nên hiện điềm lành để biểu thị. Các kinh Hoa Nghiêm và Phật Đảnh (Thủ Lăng Nghiêm) nói đại pháp xong, đều hiện tướng lành lạ lùng, há kinh này lại riêng chẳng vậy ư?

Phần thứ hai, “thọ ký chung cho Pháp Thân” đã xong.

## **17.2. Ngài Di Lặc thừa bày sự lãnh ngộ chung**

Trong phần Tích Môn trước đó, Bồ Tát cũng ngộ, nhưng đại sự chưa xong, cho nên chẳng trần thuật. Nay Bản Môn đã [diễn bày] xong, cho nên cây vào bậc Bồ Xứ để trần thuật chung.

### **17.2.1. Trùng tụng sự giải ngộ của đại chúng khi đó**

*(Kinh) Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát tùng tòa nhi khởi, thiên dẫn hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật nhi thuyết kệ ngôn:*

**(經)爾時，彌勒菩薩從座而起，偏袒右肩，合掌向佛而說偈言：**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai phải, chấp tay, hướng về đức Phật mà nói kệ rằng).*

Hết thảy các vị Bồ Tát phần chứng Pháp Không thì gọi là Tòa. Nay từ chỗ ngồi đứng dậy, biểu thị “chẳng trụ vào pháp đã chứng”, lần lượt tăng tấn. Bản là Thật, Tích là Quyên, trước nay chưa phơi bày, giống như vai phải bị che phủ. Nay đã khơi mở xong, cho nên dùng “thiên dẫn hữu kiên” (trật vai áo phải) để biểu thị. Bản và Tích tuy khác, nhưng chẳng thể nghĩ bàn như nhau. Vì thế dùng “chấp tay” để biểu thị.

Tăng trưởng trí huệ, tôn giảm sanh tử phiền não, mau chóng tiến hướng cực quả, vì thế, dùng “*hương về đức Phật*” để biểu thị.

*(Kinh) Phật thuyết hy hữu pháp, tích sở vị tăng văn. Thế Tôn hữu đại lực, thọ mạng bất khả lượng. Vô số chư Phật tử, văn Thế Tôn phân biệt, thuyết đắc pháp lợi giả, hoan hỷ sung biến thân.*

**(經)「佛說希有法，昔所未曾聞。世尊有大力，壽命不可量。無數諸佛子，聞世尊分別，說得法利者，歡喜充徧身。」**

*(Kinh: Phật nói pháp hiếm có, xưa chưa hề được nghe. Thế Tôn có đại lực, thọ mạng chẳng thể lường. Vô số các Phật tử, nghe Thế Tôn phân biệt, nói pháp lợi đạt được, hoan hỷ ngập tràn thân).*

#### **17.2.2. Trùng tụng các lời phân biệt công đức của Như Lai**

*(Kinh) Hoặc trụ bất thoái địa, hoặc đắc Đà La Ni, hoặc vô ngại nhạo thuyết, vạn ức Toàn tổng trì.*

**(經)或住不退地，或得陀羅尼，或無礙樂說，萬億旋總持。**

*(Kinh: Hoặc trụ bất thoái địa, hoặc đắc Đà La Ni, hoặc vô ngại nhạo thuyết, vạn ức Toàn Tổng Trì).*

[Nói] “*bất thoái địa*” (địa vị chẳng thoái chuyển) tức là trùng tụng Vô Sanh Pháp Nhân. Sơ Trụ là địa vị Niệm Bất Thoái, [cứ phỏng theo đó] cũng biết các địa vị khác!

*(Kinh) Hoặc hữu đại thiên giới, vi trần số Bồ Tát, các các giai năng chuyển, bất thoái chi pháp luân. Phục hữu trung thiên giới, vi trần số Bồ Tát, các các giai năng chuyển, thanh tịnh chi pháp luân. Phục hữu tiểu thiên giới, vi trần số Bồ Tát, dư các bát sanh tại, đương đắc thành Phật đạo. Phục hữu tứ, tam, nhị, như thử tứ thiên hạ, vi trần chư Bồ Tát, tùy số sanh thành Phật. Hoặc nhất tứ thiên hạ, vi trần số Bồ Tát, dư hữu nhất sanh tại, đương thành Nhất Thiết Trí.*

*Như thị đẳng chúng sanh, văn Phật thọ trường viễn, đắc vô lượng vô lậu, thanh tịnh chi quả báo.*

**(經) 或有大千界，微塵數菩薩，各各皆能轉，不退之法輪。復有中千界，微塵數菩薩，各各皆能轉，清淨之法輪。復有小千界，微塵數菩薩，餘各八生在，當得成佛道。復有四三二，如此四天下，微塵諸菩薩，隨數生成佛。或一四天下，微塵數菩薩，餘有一生在，當成一切智。如是等眾生，聞佛壽長遠，得無量無漏，清淨之果報。**

*(Kinh: Hoặc có đại thiên giới, vì trần số Bồ Tát, ai nấy đều hay chuyển, pháp luân chẳng thoái chuyển. Lại trung thiên thế giới, vì trần số Bồ Tát, ai nấy đều có thể, chuyển pháp luân thanh tịnh. Lại có tiểu thiên giới, vì trần số Bồ Tát, chỉ sót lại tám đời, sẽ được thành Phật đạo. Lại có bốn, ba, hai, tứ thiên hạ như thế, vì trần các Bồ Tát, vài đời sẽ thành Phật. Hoặc một tứ thiên hạ, vì trần số Bồ Tát, còn sót lại một đời, sẽ thành Nhất Thiết Trí. Các chúng sanh như thế, nghe Phật thọ dài lâu, đắc vô lượng vô lậu, quả báo rất thanh tịnh).*

[Nói] “vô lượng vô lậu” nhằm [biểu thị] khác với Nhị Thừa. Do diệu nhân cảm vời, cho nên nói là “*thanh tịnh*”. Do cõi nước chẳng chướng ngại, cho nên nói là “*quả báo*”.

*(Kinh) Phục hữu bát thế giới, vì trần số chúng sanh, văn Phật thuyết thọ mạng, giai phát vô thượng tâm.*

**(經) 復有八世界，微塵數眾生，聞佛說壽命，皆發無上心。**

*(Kinh: Lại có tám thế giới, vì trần số chúng sanh, nghe Phật nói thọ mạng, đều phát vô thượng tâm).*

Phần thứ hai, “trùng tụng các công đức do Như Lai phân biệt” đã xong.

### **17.2.3. Trùng tụng tướng lành biểu thị lợi ích viên mãn**

*(Kinh) Thế Tôn thuyết vô lượng, bất khả tư nghị pháp, đa hữu sở nhiều ích, như hư không vô biên. Vũ thiên Mạn Đà La, Ma Ha Mạn Đà La. Thích, Phạm như hằng sa, vô số Phật độ lai, vũ Chiên Đàn, trầm thủy, tân phân nhi loạn trụ, như điều phi không hạ, cúng tán ư chư Phật.*

**(經)世尊說無量，不可思議法，多有所饒益，如虛空無邊。雨天曼陀羅，摩訶曼陀羅，釋梵如恆沙，無數佛土來，雨栴檀沉水，繽紛而亂墜，如鳥飛空下，供散於諸佛**

。

*(Kinh: Thế Tôn thuyết vô lượng, pháp chẳng thể nghĩ bàn, có nhiều điều lợi ích, như hư không vô biên. Mưa Mạn Đà La trời, Ma Ha Mạn Đà La. Thích, Phạm như hằng sa, từ vô số cõi Phật, tuôn Chiên Đàn, trầm thủy, phát phối rơi tán loạn, như chim đang đáp xuống, cúng tán lên chư Phật).*

Đây là trùng tụng hai điệp lành mưa hoa và mưa hương, đều là rải cúng dường chư Phật. Thêm vào hai câu “Thích, Phạm” để biểu thị các căn cơ trọn khắp mười phương.

*(Kinh) Thiên cổ hư không trung, tự nhiên xuất diệu thanh. Thiên y thiên vạn chủng, toàn chuyển nhi lai hạ.*

**(經)天鼓虛空中，自然出妙聲。天衣千萬種，旋轉而來下。**

*(Kinh: Trống trời trong hư không, tự nhiên vang tiếng diệu. Ngàn vạn loại áo trời, xoay tròn rồi rơi xuống).*

Đây là trùng tụng hai điệp lành trống trời và áo trời, lược đi chẳng trùng tụng anh lạc. Đối với áo trời, có thêm chữ Vạn, nhằm hiển lộ ý che phủ rất nhiều.

*(Kinh) Chúng bảo diệu hương lô, thiêu vô giá chi hương, tự nhiên tất châu biển, cúng dường chư Thế Tôn.*

**(經)眾寶妙香鑪，燒無價之香，自然悉周徧，供養諸世尊。**

*(Kinh: Các lò hương báu diệu, đốt loại hương vô giá, tự nhiên đều trọn khắp, cúng dường các Thế Tôn).*

Đây là trùng tụng điềm lành “đốt hương cúng dường”. Phần Trường Hàng nói là “đại hội”, nay [kệ tụng] nói là Thế Tôn. Hãy nên biết “đại hội” đều là tam thế Phật.

*(Kinh) Kỳ đại Bồ Tát chúng, chấp thất bảo phan cái, cao diệu vạn ức chủng, thứ đệ chí Phạm Thiên. Nhất nhất chư Phật tiền, bảo tràng, huyền thắng phan, diệp dĩ thiên vạn kệ, ca vịnh chư Như Lai.*

**(經)其大菩薩眾，執七寶幡蓋，高妙萬億種，次第至梵天。一一諸佛前，寶幢懸勝幡，亦以千萬偈，歌詠諸如來。**

*(Kinh: Các vị đại Bồ Tát, cầm phan lọng bảy báu, cao đẹp vạn ức thứ, lần lượt tới Phạm Thiên. Ở trước mỗi đức Phật, treo tràng báu, phan đẹp, cũng dùng ngàn vạn kệ, ca vịnh các Như Lai).*

Đây là trùng tụng điềm lành “phan, lọng, tán thán”.

*(Kinh) Như thị chủng chủng sự, tích sở vị tăng hữu. Văn Phật thọ vô lượng, nhất thiết giai hoan hỷ. Phật danh văn thập phương, quảng nhiều ích chúng sanh. Nhất thiết cụ thiện căn, dĩ trợ vô thượng tâm.*

**(經)如是種種事，昔所未曾有。聞佛壽無量，一切皆歡喜。佛名聞十方，廣饒益眾生。一切具善根，以助無上心。**

*(Kinh: Các thứ chuyện như thế, xưa kia chưa từng có. Nghe Phật thọ vô lượng, hết thấy đều hoan hỷ. Phật tiếng rền mười phương, rộng lợi ích chúng sanh. Hết thấy vẹn thiện căn, giúp đỡ tâm vô thượng).*

Bài tụng này kết lại các điềm lành biểu thị sự lợi ích viên mãn. Các tướng lành chẳng giống với lẽ thường, cho nên nói là “*tích sở vị tàng hữu*” (xưa kia chưa từng có).

Phần thứ hai, Chánh Thuyết (Chánh Tông Phần) của Bản Môn đã xong.

Đoạn thứ ba là Lưu Thông. Phẩm này cùng với tất cả mười một phẩm kinh rười trong phần sau đều thuộc về Lưu Thông. Nay xét theo phương diện gần thì ba phẩm rười là phần Lưu Thông của Bản Môn, có hai ý:

- Một, tứ tín và ngũ phẩm hoàn toàn do nghe nói thọ mạng dài lâu mà khởi nguồn. Hai phẩm Tùy Hỷ Công Đức và Pháp Sư Công Đức chỉ nhằm nói rõ công đức nhân quả thuộc sơ phẩm (phẩm đầu tiên trong ngũ phẩm, tức tùy hỷ). Phẩm Thường Bất Khinh chỉ nhằm dẫn chứng “*phước do tán thán, tội do hủy báng*”. Hãy nên biết ba phẩm rười này chính là để lưu thông Bản Môn, giống như từ phẩm Pháp Sư cho tới An Lạc Hạnh là phần Lưu Thông của Tích Môn.

- Hai, đã coi phần Biệt Tự trong phẩm Tự thứ nhất là phần Tự của Tích Môn, mà Tích Môn đã có đủ ba đoạn (Tự, Chánh Tông, Lưu Thông), cho nên ba phẩm rười này (tức nửa phần còn lại của phẩm Phân Biệt Công Đức với Tùy Hỷ Công Đức và Pháp Sư Công Đức) chính là phần Lưu Thông của Bản Môn. [Như vậy thì] Bản Môn cũng có đủ ba đoạn. Bản và Tích mỗi môn đều có ba đoạn, được gom thành phần Chánh Thuyết [của toàn thể kinh này]. Dùng năm chuyện thuộc Thông Tự để làm Tự Phần cho cả hai môn (Bản Môn và Tích Môn). Tám phẩm kể từ Chúc Lụy trở đi là phần Lưu Thông cho cả hai môn, thể cách trọn vẹn, chính đáng, mà mắt phân minh.

Nay xét theo ba phẩm rười [thuộc Bản Môn] mà được chia thành ba ý:

- Một phẩm rười nhằm nói rõ công đức của cái nhân thuộc sơ phẩm để khuyên lưu thông.

- Hai, phẩm Pháp Sư Công Đức nhằm nói rõ công đức của cái quả thuộc sơ phẩm hòng khuyên lưu thông.

- Ba, phẩm Thường Bất Khinh dẫn tội phước do tin nhận hay hủy báng làm chứng hòng khuyên lưu thông.

### ***17.3. Nói rõ công đức của cái nhân thuộc sơ phẩm để khuyên lưu thông***

#### ***17.3.1. Nêu ra tứ tín trong hiện tại***



**17.3.1.1. Nhất niệm tín giải**

**17.3.1.1.1. Trường Hàng**

**17.3.1.1.1.1. Nêu tướng mạo**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát: - A Dật Đa! Kỳ hữu chúng sanh văn Phật thọ mạng trường viễn như thị, nãi chí năng sanh nhất niệm tín giải.*

**(經)爾時，佛告彌勒菩薩摩訶薩：「阿逸多！其有眾生聞佛壽命長遠如是，乃至能生一念信解。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát: - Nay A Dật Đa! Có chúng sanh nghe thọ mạng của Phật dài lâu như thế, tối thiểu là có thể sanh một niệm tin hiểu).*

Trong phần trước, đã phân biệt người nghe thọ mạng dài lâu của đức Phật sẽ đạt được lợi ích sâu rộng. Người chưa nhập Sơ Trụ, ngộ Vô Sanh Nhân. Người đã chứng nhập Sơ Trụ, sẽ tăng trưởng trí huệ, tôn giảm nghiệp cấu sanh tử, địa vị gần với bậc cực thánh. Người chưa phát tâm, sẽ phát tâm vô thượng, dự vào hàng Thập Tín. Những người ấy đều đã gieo chủng tử sâu đậm trong đời trước, nay [chúng tử] chín muồi, được độ thoát. Hai địa vị Vô Sanh và Phát Tâm hoàn toàn thuộc vào bậc đương cơ. “*Tăng trưởng trí huệ, tôn giảm Biến Dịch sanh tử*” chung cho cả ba chúng Ảnh Hưởng, Phát Khởi và Đương Cơ. Vì thế, thuộc vào phần Thọ Ký của đoạn Chánh Thuyết. Nay khởi đầu phần Lưu Thông, xét theo người mới kết duyên. Người chưa dự vào Thập Tín, hoặc do được nghe đại lược trong hội này, hoặc từ các vị Bồ Tát trong hiện tại mà lần lượt được nghe, [tức là] nghe thọ mạng của đức Phật dài lâu như thế, dẫu thời gian nghe rất ngắn ngủi, mà cũng chẳng nghe được nhiều, cho nên nói “*nãi chí năng sanh nhất niệm tín giải*” (tối thiểu có thể sanh một niệm tin hiểu). Nói tốt bậc, do thời gian [được nghe] ngắn ngủi, [cho nên] đạt được lợi ích nông cạn. “*Nhất niệm*” chính là một niệm tâm nhỏ bé trong hiện tiền. “*Tín giải*” là tin vào Lý được chứng bởi đức Phật nơi Bản Địa, [Lý ấy] chính là diệu lý pháp giới. Lý ấy chẳng phải Thật, chẳng phải Quyền, mà có thể là Thật, có thể là Quyền. Tự hành ngầm khế hợp Lý thì gọi là Thật. Các thứ phương tiện hóa độ người khác thì gọi là Quyền. Lý ấy chẳng phải Bản, chẳng phải Tích, mà có thể là Bản, có thể là Tích. Thoạt đầu, chứng Thể và Dụng của Quyền và Thật thì gọi

là Bốn. Sau khi đã chứng, thực hiện Thể và Dụng của Quyền Thật thì gọi là Tích. Lại còn tin hiểu lý ấy chính là lý được chứng đã lâu bởi đức Thích Ca, đó cũng là chỗ chúng sanh mê muội đã lâu, mà đây cũng là chỗ cùng trọn đủ của một niệm nhỏ bé trong hiện tiền. Vì thế nói: “*Như tâm, Phật diệc nhĩ. Như Phật, chúng sanh nhiên. Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt*” (Giống như tâm, Phật cũng thế. Giống như Phật, chúng sanh cũng thế. Tâm, Phật và chúng sanh, ba điều ấy chẳng sai biệt).

Thuận theo chỗ được nghe như thế, bỗng dưng sáng tỏ; thuận theo lời nói mà nhập, chẳng bị vướng mắc, tin “*hết thấy các pháp đều là Phật pháp*” (ngay nơi Quyền chính là Thật, đó là Chân chẳng thể nghĩ bàn). Lại tin “*Phật pháp chẳng cách biệt hết thấy các pháp*” (ngay nơi Thật mà chính là Quyền, tức là Tục chẳng thể nghĩ bàn). Chẳng đạt được Phật pháp, chẳng đạt được hết thấy các pháp (đó là “*song giá*”, tức cùng ngăn che đôi bên), mà thấy hết thấy các pháp, cũng thấy Phật pháp (song chiếu cả hai câu ấy, đó chính là Trung chẳng thể nghĩ bàn). Tuy một mà chính là ba (nêu ra bất cứ một Đé nào, đều trọn đủ Tam Đé), tuy ba mà là một (tuy chia thành Tam Đé, chỉ là nhất tâm), cũng là hành nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo (chín pháp giới chẳng phải là đạo, thuận là tác dụng của diệu đạo thuộc Phật pháp giới, [đó là] giải thích câu “*hết thấy các pháp đều là Phật pháp*” trên đây). Hành nơi Phật đạo mà thông đạt hết thấy các đạo (giải thích câu “*Phật pháp chẳng ngăn cách hết thấy các pháp*” trên đây). Chẳng đạt được Phật đạo, chẳng đạt được hết thấy các đạo (giải thích về “*song giá*”, tức là phủ định cả hai bên), mà thông đạt hết thấy Phật đạo và hết thấy các đạo (song chiếu). Vô sở hữu mà có (Tam Đé đều có); tuy có mà vô sở hữu (Tam Đé đều là Không), chẳng phải là sở hữu, chẳng phải là vô sở hữu (Tam Đé đều chẳng phải có, chẳng phải không), giống như đường trước cửa thông đạt hết thấy Đông, Tây, Nam, Bắc, chẳng bị ngăn ngại. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, hễ có đối tượng [để nhận biết] thì đều là như thế (bản thể của lục trần là pháp giới, dù xưa hay nay, không gì chẳng phải là Tam Đé viên diệu). Chẳng nghi là Tín, hiểu rõ là Giải, tức là cái tâm nhất niệm tín giải vậy (trên đây là xét theo chuyện nghe pháp mà tín giải, tức là “*tín hạnh*”). Nếu ngồi tư duy, thuận theo điều được tư duy mà rỗng rang khai ngộ, thông đạt Tam Đé, cũng giống như thế (lại dựa theo tư duy mà sanh một niệm tín giải, tức là “*pháp hạnh*”). Tín giải như thế chính là Sơ Tâm

trong Thập Tín, chưa đạt được sáu căn thanh tịnh, chưa nhập chánh vị Thiết Luân<sup>41</sup>.

**17.3.1.1.1.2. Nói rõ công đức**

**17.3.1.1.1.2.1. Tổng luận vô lượng**

*(Kinh) Sở đắc công đức, vô hữu hạn lượng.*

**(經)所得功德，無有限量。**

*(Kinh: Đạt được công đức chẳng có hạn lượng).*

**17.3.1.1.1.2.2. Suy lường hồng hiển thị [công đức] rất nhiều**

**17.3.1.1.1.2.2.1. Nêu ra Ngũ Độ để suy lường Bản**

*(Kinh) Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cổ, ư bát thập vạn ức na-do-tha kiếp hành ngũ Ba La Mật, Đàn Ba La Mật, Thi La Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật, Tỳ Lê Da Ba La Mật, Thiên Ba La Mật, trừ Bát Nhã Ba La Mật.*

**(經)若有善男子，善女人，為阿耨多羅三藐三菩提故，於八十萬億那由他劫行五波羅蜜、檀波羅蜜、尸羅波羅蜜、羼提波羅蜜、毗梨耶波羅蜜、禪波羅蜜，除般若波羅蜜。**

---

<sup>41</sup> Ở đây, Thiết Luân là một địa vị của Viên Giác Bồ Tát theo giáo nghĩa tông Thiên Thai. Tức là theo tông Thiên Thai, các địa vị chứng đắc được chia thành Thiết Luân, Đồng Luân, Ngân Luân, Kim Luân, Lưu Ly Luân, và Ma Ni Luân. Tổ Thiên Thai (Trí Giả đại sư) đã dựa theo giáo nghĩa của kinh Bồ Tát Anh Lạc Bản Nghiệp để lập ra sáu luân. Phẩm Hiền Thánh Học Quán của kinh ấy đã đem quả báo hiền thánh phối ứng với các danh hiệu của Luân Vương mà lập ra Đồng Bảo Anh Lạc, Ngân Bảo Anh Lạc, Kim Bảo Anh Lạc v.v... nhằm phối ứng với các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, gọi chung là Lục Luân Đối Vị. Ngài Thiên Thai đã dùng ý ấy để lập ra Lục Luân, coi Thiết Luân là địa vị Thập Tín, lược bỏ địa vị Thủy Tinh Anh Lạc (tương ứng với Diệu Giác). “Luân” có nghĩa là vận chuyển và nghiền nát. Nói đơn giản, Thiết Luân là địa vị Thập Tín, Đồng Luân là địa vị Thập Trụ, Ngân Luân là địa vị Thập Hạnh, Kim Luân là địa vị Thập Hồi Hướng, Lưu Ly Luân tức địa vị Thập Địa, Ma Ni Luân tức địa vị Đẳng Giác. Những điều trên đây được chép trong bộ Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoàng Quyết.

(**Kinh:** Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà trong tám mươi vạn ức na-do-tha kiếp hành năm Ba La Mật, tức Đàn Ba La Mật (Dāna-pāramitā, Bố Thí Độ), Thi La Ba La Mật (Śīla-pāramitā, Giới Độ), Sạn Đề Ba La Mật (Ksānti-pāramitā, Nhẫn Độ), Tỳ Lê Da Ba La Mật (Vīrya-pāramitā, Tinh Tấn Độ), và Thiền Ba La Mật (Dhyāna-pāramitā, Thiền Độ), ngoại trừ Bát Nhã Ba La Mật).

Bát Nhã (Prajñā) tức là chánh huệ trong hiện thời, vì thế nói “ngoại trừ Bát Nhã”.

Hỏi: - Đã lìa Bát Nhã thì năm Độ trước chẳng nên gọi là Ba La Mật!

Đáp: - Xét theo người thuộc Biệt Giáo, vì cầu Vô Thượng Bồ Đề đều trọn hết năm độ ấy thì cũng được gọi là Độ (Ba La Mật), do trong Biệt Giáo, sau khi đã viên mãn tâm Thập Hồi Hướng thì được gọi là “giả biên tế”.

Hỏi: - Biệt Giáo cũng có Bát Nhã theo thứ tự, so ra vẫn tương đồng, có sao lại loại ra?

Đáp: - Theo chiều dọc, chẳng luận Không và Giả Bát Nhã, có thể coi là tương đồng. Nhưng đã chứng Trung thì sẽ chẳng khác, gọi là Thể bình đẳng. Vì thế, cần phải loại trừ.

### **17.3.1.1.1.2.2.2. Phán định công đức tín giải rất nhiều**

(**Kinh**) *Dĩ thị (ngũ độ) công đức, tỷ tiền (nhất niệm tín giải) công đức, bách phần, thiên phần, bách thiên vạn ức phần, bất cập kỳ nhất, nãi chí toán số, thí dụ sở bất năng tri.*

**(經)以是 (五度) 功德, 比前 (一念信解) 功德, 百分, 千分, 百千萬億分, 不及其一, 乃至算數, 譬喻所不能知。**

(**Kinh:** Đem công đức của (Ngũ Độ) ấy so với công đức (của một niệm tín giải) trên đây, thì trong trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, [công đức tu trì Ngũ Độ] chẳng thể bằng một phần [của công đức nhất niệm tín giải], cho đến dùng toán số, thí dụ [để suy lường], đều chẳng thể biết được).

### **17.3.1.1.1.3. Chỉ ra Vị và Hạnh Bất Thoái**

*(Kinh) Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân hữu như thị công đức, u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thoái giả, vô hữu thị xứ.*

**(經)若善男子，善女人有如是功德，於阿耨多羅三藐三菩提退者，無有是處」。**

*(Kinh: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân có công đức như thế mà thoái thất Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì chẳng có lẽ ấy).*

Trong Biệt Giáo, Lục Tâm còn thoái thất, Thất Tâm bất thoái. Nay Sơ Tâm trong Viên Giáo đã bất thoái, do công đức của việc nghe thọ lượng giúp sức từ bên ngoài, sẽ thuận theo mà tín giải trọn vẹn, [được công đức] từ bên trong huân tập, cho nên bất thoái.

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

#### **17.3.1.1.2. Kệ tụng**

##### **17.3.1.1.2.1. Trùng tụng công đức**

##### **17.3.1.1.2.1.1. Trùng tụng sự suy lường để hiển thị công đức rất nhiều**

##### **17.3.1.1.2.1.1.1. Trùng tụng “nêu ra ngũ Độ để suy lường Bốn”**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược nhân cầu Phật huệ, u bát thập vạn ức, na-do-tha kiếp số, hành ngũ Ba La Mật. U thị chư kiếp trung, bồ thí, cúng dường Phật, cập Duyên Giác đệ tử, tịnh chư Bồ Tát chúng. Trân dị chi ẩm thực, thượng phục dữ ngọc cụ, Chiên Đàn lập tinh xá, dĩ viên lâm trang nghiêm. Như thị đẳng bồ thí, chủng chủng giai vi diệu. Tận thử chư kiếp số, dĩ hồi hướng Phật đạo. Nhược phục trì cấm giới, thanh tịnh vô khuyết lậu, cầu u vô thượng đạo, chư Phật chỉ sở thán. Nhược phục hành nhân nhục, trụ u điều nhu địa. Thiết chúng ác lai gia, kỳ tâm bất khuynh động. Chư hữu đắc pháp giả, hoài u tăng thượng mạn, vị tư sở khinh não, như thị diệc năng nhẫn. Nhược phục cần tinh tấn, chí niệm thường kiên cố. U vô lượng ức kiếp, nhất tâm bất giải tức. Hựu u vô số kiếp, trụ u không nhàn xứ, nhược tọa, nhược kinh hành, trừ thụy, thường nhiếp tâm. Dĩ thị nhân duyên cố, năng sanh chư Thiên Định, bát thập ức vạn kiếp, an trụ tâm bất loạn. Trì thử nhất tâm phước, nguyện cầu vô thượng đạo. Ngã đắc Nhất*

*Thiết Trí, tận chư Thiên Định trí. Thị nhân w bách thiên, vạn ức kiếp số trung, hành thử chư công đức, như thượng chi sở thuyết.*

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若人求佛慧，於八十萬億，那由他劫數，行五波羅蜜。於是諸劫中，佈施供養佛，及緣覺弟子，并諸菩薩眾。珍異之飲食，上服與臥具，栴檀立精舍，以園林莊嚴。如是等佈施，種種皆微妙。盡此諸劫數，以迴向佛道。若復持禁戒，清淨無缺漏，求於無上道，諸佛之所歎。若復行忍辱，住於調柔地。設眾惡來加，其心不傾動。諸有得法者，懷於增上慢，為斯所輕惱，如是亦能忍。若復勤精進，志念常堅固。於無量億劫，一心不懈息。又於無數劫，住於空閑處，若坐若經行，除睡常攝心。以是因緣故，能生諸禪定，八十億萬劫，安住心不亂。持此一心福，願求無上道。我得一切智，盡諸禪定智。是人於百千，萬億劫數中，行此諸功德，如上之所說。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu người cầu Phật huệ, trong tám mươi vạn ức, na-do-tha kiếp số, hành năm Ba La Mật. Ở trong các kiếp đó, bố thí cúng dường Phật, và đệ tử Duyên Giác, cùng các vị Bồ Tát. Các thức ăn quý lạ, áo đẹp, đồ trải nằm, tinh xá bằng Chiên Đàn, dùng vườn rừng trang nghiêm. Bố thí như thế đó, các thứ đều vi diệu. Trọn hết các kiếp số, để hồi hướng Phật đạo. Nếu lại giữ giới cấm, thanh tịnh, chẳng thiếu sót, cầu nơi đạo vô thượng, được chư Phật khen ngợi. Nếu lại hành nhẫn nhục, trụ địa vị điều nhu. Nếu các ác đưa đến, tâm chẳng bị khuynh động. Những kẻ đã hiểu pháp, ôm lòng tăng thượng mạn. Bị bọn họ khinh não, như thế vẫn nhẫn được. Nếu lại siêng tinh tấn, chí niệm thường kiên cố. Trong vô lượng ức kiếp, nhất tâm chẳng lười nghỉ. Lại trong vô số kiếp, trụ trong chỗ thanh vắng, dù ngồi hay kinh hành, trừ ngủ, thường nhiếp tâm. Do bởi nhân duyên ấy, hay sanh các Thiên Định,

*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

*tám mươi ức vạn kiếp, an trụ tâm chẳng loạn. Phước do trì nhất tâm, nguyện cầu đạo vô thượng. Ta đấng Nhất Thiết Trí, trọn các trí Thiên Định. Người ấy trong trăm ngàn, muôn ức kiếp số đó, hành các công đức ấy, như trên đây đã nói).*

**17.3.1.1.2.1.2. Trùng tụng suy lường công đức tín giải rất nhiều**

*(Kinh) Hữu thiện nam nữ đấng, văn ngã thuyết thọ mạng, nãi chí nhất niệm tín, kỳ phước quá u bỉ.*

**(經)有善男女等，聞我說壽命，乃至一念信，其福過於彼。**

*(Kinh: Có các thiện nam nữ, nghe ta nói thọ mạng, dẫu chỉ một niệm tin, phước này hơn phước trước).*

Phần thứ nhất, “trùng tụng chuyện so lường nhằm hiển thị công đức rất nhiều” đã xong.

**17.3.1.1.2.1.2. Trùng tụng tổng luận vô lượng**

*(Kinh) Nhược nhân tất vô hữu, nhất thiết chư nghi hối, thâm tâm tu du tín, kỳ phước vi như thử.*

**(經)若人悉無有，一切諸疑悔，深心須臾信，其福為如此。**

*(Kinh: Nếu người đều chẳng có, hết thảy các nghi hối, thâm tâm tin chốc lát, phước ấy như thế đó).*

“Tu du” tức là một niệm.

Phần thứ nhất, “trùng tụng công đức” đã xong.

**17.3.1.1.2.2. Trùng tụng Vị Hạnh Bất Thoái**

**17.3.1.1.2.2.1. Nói rõ “chẳng dễ tín giải”**

*(Kinh) Kỳ hữu chư Bồ Tát, vô lượng kiếp hành đạo, văn ngã thuyết thọ mạng, thị tắc năng tín thọ.*

**(經)其有諸菩薩，無量劫行道，聞我說壽命，是則能信受。**

*(Kinh: Nếu có các Bồ Tát, hành đạo vô lượng kiếp, nghe ta nói thọ mạng, bèn có thể tin nhận).*

“Kỳ hữu chư Bồ Tát” (Có các Bồ Tát): Nói đến các vị độn căn Bồ Tát, hành đạo trải qua vô lượng kiếp, thiện căn thuần thực thì mới có thể tin nhận. Nếu căn cơ chưa chín muồi, Phật sẽ chẳng vì kẻ đó nói. Dầu có được nghe, kẻ đó ắt ngờ vực. Vì thế, tín giải đúng là chẳng dễ. Nay nếu là bậc lợi căn, vừa nghe liền có thể sanh một niệm tín giải, liền có thể bằng với các Bồ Tát khổ hạnh đã lâu, lại còn vượt hơn họ!

### 17.3.1.1.2.2.2. *Đã tín giải, ắt sẽ phát nguyện, cho nên đắc bất thoái*

*(Kinh) Như thị chi nhân đẳng, đánh thọ<sup>42</sup> thử kinh điển: “Nguyện ngã u vị lai, trường thọ độ chúng sanh, như kim nhật Thế Tôn, chư Thích trung chi vương, đạo tràng sư tử hống, thuyết pháp vô sở úy. Ngã đẳng vị lai thế, nhất thiết sở tôn kính, tọa u đạo tràng thời, thuyết thọ diệt như thị”.*

**(經)如是之人等，頂受此經典：「願我於未來，長壽度眾生，如今日世尊，諸釋中之王，道場師子吼，說法無所畏。我等未來世，一切所尊敬，坐於道場時，說壽亦如是」。**

*(Kinh: Những người như thế đó, cung kính nhận kinh này: - Nguyện con trong vị lai, trường thọ độ chúng sanh, như Thế Tôn ngày nay, là vua trong họ Thích, đạo tràng sư tử rống, thuyết pháp chẳng sợ hãi. Chúng con trong mai sau, được hết thảy tôn kính, lúc ngồi nơi đạo tràng, nói thọ mạng cũng thế).*

---

<sup>42</sup> Hiểu theo nghĩa đen, “đánh thọ” có thể hiểu theo hai nghĩa: Đánh lễ thọ trì, hoặc trân trọng giống như đặt trên đầu mà tiếp nhận. Như vậy “đánh thọ” có nghĩa là tiếp nhận hết sức cung kính, trân trọng vâng giữ.



“*Như thị chi nhân đặng*” (Những người như thế) chỉ cả hai hạng người lợi căn lẫn độn căn. Hễ nghe rồi tín giải, ắt sẽ cung kính tiếp nhận, phát nguyện, cho nên chắc chắn bất thoái.

Hỏi: - Người mới thành đạo gần đây thì chẳng thể nói lâu dài như thế, sao lại đều nói là “cũng như thế”?

Đáp: - Nói “như thế” nghĩa nói là đến trường thọ. Nếu đạt được trường thọ, sẽ tột cùng đời vị lai, ắt sẽ vượt hơn số đó, chẳng phải chỉ là như thế! Nay [nói] từ lúc thật sự thành đạo trở đi, cho nên nêu ra số kiếp nhiều như vi trần.

Phần thứ hai, “trùng tụng Vị Hạnh Bất Thoái” đã xong.

### **17.3.1.1.2.3. Trùng tụng tướng mạo**

*(Kinh) Nhược hữu thâm tâm giả, thanh tịnh nhi chất trực, đa văn năng tổng trì, tùy nghĩa giải Phật ngữ. Như thị chi nhân đặng, ư thử vô hữu nghi.*

**(經)若有深心者，清淨而質直，多聞能總持，隨義解佛語。如是之人等，於此無有疑。**

*(Kinh: Nếu ai có thâm tâm, thanh tịnh, lại chất trực, đa văn, hay tổng trì, hiểu nghĩa lời Phật dạy. Những người như thế đó, chẳng nghi ngờ chuyệ này).*

Phần Trường Hàng nói thẳng thừng “*nãi chí năng sanh nhất niệm tín giải*” (dẫu chỉ có thể sanh một niệm tin hiểu) rồi so sánh nêu rõ công đức. Phần này chánh thức giải thích tướng mạo, hồng tỏ rõ “khó đạt được một niệm tín giải”. Nếu muốn đối với chuyện Phật thọ dài lâu này mà chẳng nghi, bất luận tu lâu hay mới tu, đều cần phải có thâm tâm. Lại còn phải thanh tịnh, chất trực. Lại còn phải đa văn, tổng trì, có thể hiểu theo nghĩa, chẳng thuận theo văn tự (tức là thấu hiểu nghĩa lý ẩn tàng trong giáo pháp, chẳng chấp trước văn tự). Có đủ ba pháp ấy thì mới có thể một niệm tín giải, như thế thì một niệm tín giải há dễ dàng ư? Tín giải đã chẳng dễ dàng, cho nên công đức chẳng thể không nhiều.

“*Thâm tâm*” là cái tâm “*thượng cầu, hạ hóa*” (trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh), biết rõ tâm, Phật, và chúng sanh về lý vốn chẳng hai. Nương vào đó, dấy khởi Vô Tác Tứ Hoàng Thế. Vì thế, gọi là “*thâm tâm*”, tức “Như Lai thất” (nhà Như Lai). Thanh tịnh, chất trực,

tức là chẳng bị ngũ trụ ô nhiễm, chánh niệm Chân Như, tức “áo của Như Lai”. Đa văn và có thể tổng trì, thuận theo nghĩa mà hiểu lời Phật dạy, tức là thuận theo điều được nghe bèn có thể tổng trì hết thầy các pháp, trì hết thầy các nghĩa, sẽ có thể hiểu những lời Như Lai đã nói là “tùy theo tình” (tức là thuận theo tình kiến chấp trước của chúng sanh để nói) hay “tùy theo trí”. Vì thế, tuy nghe ít mà hiểu nhiều nghĩa, cũng gọi là “đa văn”, tức “Như Lai tòa”. Có ba pháp quán hạnh ấy, bèn có thể tin hiểu rõ ráo ba pháp. Đã tin lý rõ ráo của ba pháp, bèn cũng có thể chẳng ngờ đối với tất cả các chuyện thuộc Bốn Tích trong địa vị rõ ráo.

Phần thứ nhất, “một niệm tín giải” đã xong.

### *17.3.1.2. Thấu hiểu ý thú trong ngôn từ*

*(Kinh) Hựu A Dật Đa! Nhược hữu văn Phật thọ mạng trường viễn, giải kỳ ngôn thú, thị nhân sở đắc công đức vô hữu hạn lượng, năng khởi Như Lai vô thượng chi huệ.*

**(經)又阿逸多！若有聞佛壽命長遠，解其言趣，是人所得功德無有限量，能起如來無上之慧。**

*(Kinh: Lại này A Dật Đa! Nếu có người nghe nói thọ mạng dài lâu của đức Phật, thấu hiểu ý thú trong ngôn từ, người ấy đạt được công đức chẳng có hạn lượng, có thể dấy lên trí huệ vô thượng của Như Lai).*

Một niệm tín giải trước đó như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Ở đây là hiểu ý thú trong ngôn từ, sẽ có thể nêu đại lược [ý nghĩa] tương tự cho người khác. Vì vậy, có thể phát khởi trí huệ vô thượng cho cả mình lẫn người.

### *17.3.1.3. Nghe rồi gìn giữ, cúng dường*

*(Kinh) Hà hương quảng văn thị kinh. Nhược giáo nhân văn, nhược tự trì, nhược giáo nhân trì, nhược tự thư, nhược giáo nhân thư, nhược dĩ hoa, hương, anh lạc, tràng phan, tăng cái, hương du, tô đặng cúng dường kinh quyển, thị nhân công đức vô lượng, vô biên, năng sanh Nhất Thiết Chứng Trí.*

**(經)何況廣聞是經。若教人間，若自持，若教人持，若自書，若教人書，若以華，香，瓔珞，幢幡，繒蓋，香油，蘇燈供養經卷，是人功德無量無邊，能生一切種智。**

*(Kinh: Huống hồ nghe rộng kinh này. Hoặc dạy người khác nghe, hoặc tự trì, hoặc dạy người khác trì, hoặc tự chép, hoặc bảo người khác chép, hoặc dùng hoa, hương, anh lạc, tràng, phan, lọng lụa, đèn dầu thơm, dầu tô để cúng dường kinh quyển<sup>43</sup>, người ấy công đức vô lượng, vô biên, có thể sanh Nhất Thiết Chủng Trí).*

Rộng nghe, rộng trì, rộng viết, rộng tu cúng dường, công đức tự hành và hóa độ người khác sẽ giúp đỡ bên ngoài, khiến cho [người ấy] nhanh chóng nhập nội trí. Vì thế, có thể sanh ra Nhất Thiết Chủng Trí.

#### **17.3.1.4. Tin sâu, quán thành tựu**

*(Kinh) A Dật Đa! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân văn ngã thuyết thọ mạng trường viễn, thâm tâm tín giải, tác vi kiến Phật thường tại Kỳ Xà Quật sơn, cộng đại Bồ Tát, chư Thanh Văn chúng vi nhiều thuyết pháp. Hựu kiến thử Sa Bà thế giới, kỳ địa lưu ly thân nhiên, bình chánh, Diêm Phù Đà kim dĩ giới bát đạo, bảo thụ hàng liệt. Chư đài, lâu quán, giai tất bảo thành. Kỳ Bồ Tát chúng hàm xử kỳ trung. Nhược hữu năng như thị quán giả, đương tri thị vi thâm tín giải tướng.*

**(經)阿逸多！若善男子，善女人間我說壽命長遠，深心信解，則為見佛常在耆闍崛山，共大菩薩，諸聲聞眾圍遶說法。又見此娑婆世界，其地琉璃坦然，平正，閻浮檀金以界八道，寶樹行列。諸臺，樓觀，皆悉寶成。其菩薩眾咸處其中。若有能如是觀者，當知是為深信解相。**

---

<sup>43</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Kinh quyển là nói đến hết thầy các kinh điển do đức Phật đã nói. Cúng dường kinh quyển phải hiểu là theo đúng lời dạy mà tu hành, hoàn toàn chẳng phải là coi kinh điển như thứ để thờ phụng, chỉ dùng hoa, hương để cúng dường mà thôi!”

(**Kinh:** *Này A Dật Đa! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe ta nói thọ mạng dài lâu, thâm tâm tin hiểu, tức là thấy Phật thường ở núi Kỳ Xà Quạt, cùng với các đại Bồ Tát, các vị Thanh Văn vây quanh thuyết pháp. Lại thấy thế giới Sa Bà này, đất bằng lưu ly phẳng phiu, ngay ngắn, dùng vàng Diêm Phù Đà để phân ranh đường thông tám phương, cây báu bày hàng. Các đài, lầu gác đều do chất báu tạo thành. Các vị Bồ Tát ấy đều ở trong đó. Nếu có ai có thể quán như thế, hãy nên biết đó là tướng tín giải sâu đậm).*

“Thấy đức Phật thường ở Linh Sơn cùng các vị đại Bồ Tát, các vị Thanh Văn thuyết pháp” chính là tướng trạng của cõi Phương Tiện Hữu Dư. Lại thấy đất Sa Bà bằng lưu ly, cho đến [trông thấy] Bồ Tát đều ở trong ấy; đó là tướng trạng của cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Lý có tướng ấy. Nay nương theo Lý đề tu Quán; vì thế, quán thành tựu sẽ liền có thể thấy tướng. Lại nữa, thấy tướng ấy, tuy chưa thật sự chứng, nhưng do quán lực, sẽ tạm thấy hai cõi. Nếu diệt được một phần Tam Hoặc thì mới là vĩnh viễn tương ứng. Trong cõi Hữu Dư có Thanh Văn, chính là Nhị Thừa thuộc Tạng Giáo và Thông Giáo đã đoạn Thông Hoặc, xuất sanh trong đó, nhưng vốn chỉ là danh tự (gọi phân biệt như vậy). Trong cõi Thật Báo, thuần là các Bồ Tát, cũng là Tha Thọ Dụng. Nhưng nương vào phép Quán này, sẽ dần dần thâm nhập, dần dần thành tựu. Nhập Sơ Trụ của Viên Giáo, sẽ tùy ý thấy trọn khắp, ứng dụng không ngăn ngại.

Hỏi: - Xứng Lý tu Quán, chỉ quán nhất niệm diệu lý là đủ rồi, cần gì phải dựa theo cõi nước để nói rõ tướng tín giải sâu đậm?

Đáp: - Sơ tâm trong Tạng Giáo và Thông Giáo đều diệt Âm, Nhập, hưởng hò có thể thấy cõi nước. Sơ tâm trong Biệt Giáo cũng đã phá Âm, hậu tâm bèn thấy cõi nước để võng<sup>44</sup>. Chỉ có Viên Giáo là quán nhất niệm tam thiên, Tam Đế trọn đủ, tức là “một tâm chính là hết thấy các tâm, một thân là hết thấy các thân, một cõi là hết thấy các cõi”. Trong một niệm cùng quán “thân, tâm, cõi nước” dù Không, Giả, hay Trung, đều chẳng có trước sau. Vì thế, khi Quán thành tựu, một tâm thấy hết thấy các tâm, một thân thấy hết thấy các thân, một cõi thấy hết thấy các cõi, do hiện trong thân của mười phương chư Phật, cho nên trong

---

<sup>44</sup> Để võng là cái lưới của Đế Thích. Trong mỗi mắt lưới có một viên châu, mỗi viên châu sẽ phản chiếu ánh sáng của các viên châu khác, hiện bóng trong các viên châu khác, trùng trùng vô tận. Vì thế, cõi Đế Võng chỉ có nghĩa là cõi nước trùng trùng vô tận, Sự Sự vô ngại.

Thường Tịch Quang nơi tự tâm, thấy trọn khắp mười phương hết thảy các thân và cõi. Nếu chỉ quán tâm mà chẳng quán trọn khắp, có khác gì Quyền Thừa? Nếu chỉ quán cõi của đức Tỳ Lô Giá Na, ắt sẽ mê cảnh của chính mình. Nếu hiểu rõ tâm và cảnh, tự sẽ chính là tha, tha chính là tự. Quán cõi nước đã là như thế, [quán] “thân, tâm, Phật” cũng thế. Vì vậy, nghe nói trường thọ, cần phải liễu giải tông chỉ. Do đó, nghe trường thọ trong Bốn Môn có lợi ích gấp bội các kinh khác. Ấy là do điều được nghe khác hẳn lẽ thường.

Phần thứ nhất, “nói về tứ tín trong hiện tại” đã xong.

### **17.3.2. Ngũ phẩm sau khi đức Phật đã diệt độ**

Chia thành hai phần:

- Một, liệt kê [danh tướng] ngũ phẩm, so lường đại lược công đức của bốn phẩm sau [trong ngũ phẩm].

- Hai, phẩm Tùy Hỷ Công Đức sẽ so lường cận kề công đức của phẩm đầu (tức tùy hỷ).

Đã so lường cận kề xong, nhờ vào đó để suy ra các điều thù thắng, ngõ hầu [người nghe] có thể tự lãnh hội ý nghĩa, đức Phật chẳng tôn công nói nhiều, khéo nói dường ấy!

#### **17.3.2.1. Liệt kê năm phẩm**

##### **17.3.2.1.1. Trường Hàng**

###### **17.3.2.1.1.1. Trực tiếp dấy lên tâm tùy hỷ**

*(Kinh) Hựu, phục Như Lai diệt hậu, nhược văn thị kinh nhi bất hỷ tư, khởi tùy hỷ tâm, đương tri dĩ vi thâm tín giải tướng.*

**(經)又，復如來滅後，若聞是經而不毀訾，起隨喜心，當知己為深信解相。**

*(Kinh: Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu nghe kinh này mà chẳng hỷ báng, chê gièm, dấy lòng tùy hỷ, hãy biết đó đã là tướng tín giải sâu đậm).*

Phẩm đầu tiên chỉ nêu ra “người” (tức đối tượng để biện định công đức) mà thôi, phần suy lường sẽ được nói trong phẩm sau.

###### **17.3.2.1.1.2. Kể thêm thọ trì, đọc tụng**

17.3.2.1.1.2.1. *Nêu tướng người (đối tượng thực hiện hành vi thọ trì và đọc tụng)*

*(Kinh) Hà hưởng đọc tụng, thọ trì chi giả.*

**(經)何況讀誦，受持之者。**

*(Kinh: Hưởng hồ người đọc tụng, thọ trì).*

17.3.2.1.1.2.2. *So lòng công đức*

*(Kinh) Tư nhân tắc vi đánh đỏi<sup>45</sup> Như Lai. A Dật Đa! Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân bất tu vị ngã phục khởi tháp tự, cập tác tăng phùng, dĩ tứ sự cúng dường chúng tăng. Sở dĩ giả hà? Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, độc tụng thị kinh điển giả, vị dĩ khởi tháp, tạo lập tăng phùng<sup>46</sup>, cúng dường chúng tăng, tắc vị dĩ Phật xá-lợi khởi thất bảo tháp, cao quảng tiệm tiểu chí u Phạm Thiên, huyền chư phan cái, cập chúng bảo linh, hoa, hương, anh lạc, mật hương, đồ hương, thiêu hương, chúng cổ kỹ nhạc, tiêu, địch, không hầu, chủng chủng vũ hý, dĩ diệu âm thanh ca bài, tán tụng, tắc vi u vô lượng thiên vạn ức kiếp tác thị cúng dường dĩ.*

**(經)斯人則為頂戴如來。阿逸多！是善男子，善女人不須為我復起塔寺，及作僧坊，以四事供養眾僧。所以者何？是善男子，善女人受持，讀誦是經典者，為已起塔，造立僧坊，供養眾僧，則為以佛舍利起七寶塔，高廣漸小至於梵天，懸諸幡蓋，及眾寶鈴，華，香，瓔珞，末香，塗香，燒香，眾鼓伎樂，簫，笛，箜篌，種種舞戲，以妙音聲歌唄，讚頌，則為於無量千萬億劫作是供養已。**

*(Kinh: Người ấy chính là đầu đội Như Lai. Nay A Dật Đa! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy chẳng cần vì ta dựng tháp, chùa, và xây tăng phùng nữa, hoặc dùng tứ sự để cúng dường chúng tăng. Vì lẽ nào vậy?*

<sup>45</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đánh đỏi tức là phụng trì (kính vâng gìn giữ). Kinh điển là toàn thân của Như Lai. Phụng trì kinh điển chính là đánh đỏi Như Lai”.

<sup>46</sup> “Tăng phùng” chính là tăng xá, là phòng ốc để chư tăng cư trú.

*Thiên nam tử, thiên nữ nhân ấy thọ trì, đọc tụng kinh điển này là đã dựng tháp, tạo lập tăng phùng, cúng dường chúng tăng, chính là đã dùng xá-lợi của Phật để dựng tháp bảy báu, cao rộng, nhỏ dần, cao đến Phạm Thiên. Treo các phan, lọng, và các linh báu, hoa, hương, anh lạc, hương bột, hương bôi, hương đốt, tấu các kỹ nhạc, tiêu, sáo, đàn không hầu, các thứ ca vũ, dùng âm thanh màu nhiệm để ca vịnh tán tụng, tức là đã trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp cúng dường như thế rồi).*

“*Bất tu vị ngã phục khởi tháp tự...*” (Chẳng cần vì ta tạo dựng tháp, chùa nữa...): Sợ kẻ sơ tâm bị sự duyên lắm nổi khuấy động, trở ngại tu tập chánh nghiệp. “*Tắc vi dĩ Phật xá-lợi*” (Tức là đã dùng xá-lợi của Phật): Ý nói lý được diễn tả trong kinh này chính toàn thân xá-lợi của Pháp Thân. Kinh văn diễn tả [lý ấy] chẳng khác diệu tháp cao rộng bằng bảy báu. Năng (kinh là chủ thể diễn tả lý ấy) và sở (lý ấy chính là toàn thân xá-lợi của Pháp Thân, được diễn tả bởi kinh này) hòa hợp chẳng hai, cũng là Đệ Nhất Nghĩa Tăng. Vì thế, chẳng thờ chuyên trì kinh này chính là cúng dường rộng lớn. Bỏ Sự tuân theo Lý, lợi ích rộng nhiều. Nếu đạt tới hậu tâm, Lý Quán đã thuần thực, dầu dính lú bên ngoài, chẳng trở ngại nội quán, Sự sẽ giúp đỡ đạo, như dầu nhiều thì lửa mạnh, thuận dòng, căng buồm, lại thêm chèo chống, thế ắt chuyển dời nhanh chóng.

Hỏi: - Nếu trì kinh tức là dựng tháp, cho đến chính là Đệ Nhất Nghĩa Tăng, chẳng cần dựng tháp, cúng tăng; vậy thì trì kinh cũng chính là Đệ Nhất Nghĩa giới, chẳng cần trì giới nữa ư?

Đáp: - Trì kinh chính là thuận theo lý giới, tùy ý chẳng phạm tánh tội<sup>47</sup>, và cũng tự tùy ý trì thiên thứ nhất và thiên thứ hai. Đó gọi là “*thừa cấp, giới hoãn*”, chẳng phải là hoàn toàn không có giới. Nếu đạt đến mức “*kiêm hành Lục Độ*” thì năm thiên, bảy tự<sup>48</sup>, tánh nghiệp, giá

---

<sup>47</sup> Tánh Tội tức là tội lỗi thuộc về tự tánh. Còn gọi là Tự Tánh Tội, Tánh Trọng, Thật Tội, hàm nghĩa: Bất luận trong hoàn cảnh nào, hề phạm sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, thì đều thuộc về hành vi có tội lỗi nơi bản chất, cho nên gọi là Tánh Tội.

<sup>48</sup> Ngũ Thiên Thất Tự (hay gọi tắt là Thiên Tự) tức là cách phân loại các giới trong Cụ Túc Giới của tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni. Tùy quan điểm phân loại khác nhau mà Cụ Túc Giới được chia thành năm loại (ngũ thiên) hay bảy loại (thất tự). Do bản chất tế nhị của giới tướng, chúng tôi chỉ nêu danh xưng, không đi sâu vào chi tiết để các vị sơ tâm khỏi tạo khẩu nghiệp do không hiểu kỹ giới tướng, bản chất và dụng ý của các giới bèn tùy tiện phê phán, chỉ trích hàng xuất gia.

Ngũ Thiên là:

nghiệp<sup>49</sup>, thấy đều thanh tịnh, tức là “*thừa và giới đều cấp*”. Lại nữa, phạm là người tu Viên Quán, cần phải tự suy nghĩ lý. Nếu sơ tâm niệm nào cũng thường ở trong bốn thứ tam-muội, ở ngoài hai thiên (tức chẳng phạm Ba La Di và Tăng Già Bà Thi Sa), đối với tất cả tánh tội, có lẽ trái phạm đôi chút. Nếu chưa thể chuyên tâm nơi bốn loại tam-muội, thì đối với năm thiên, bảy tụ, giới Bồ Tát trọng hay khinh, đều chẳng thể vi phạm đôi chút; đây mới là hợp nhất với ý chỉ chánh yếu của giáo môn trong một đời [đức Phật]. Vì lẽ nào vậy? Xuất gia Bồ Tát giữ vững trọn đủ Tỳ Ni Thiên Tụ, chính là ý nghĩa của giới Đại Thừa. Hết thấy đều là như thế, huống hồ chỉ gìn giữ Thiên Tụ ư? Tám vạn luật nghi theo kinh Phạm Võng còn chưa đủ coi là tướng trì giới! Chỉ vì căn khí trong cõi này kém cõi, đành phải lấy sự kiềm chế nhỏ nhặt hòng thành tựu oai nghi to lớn. Vẫn cần phải hiểu “*khai, giá, nặng, nhẹ, chế duyên (duyên do chế định giới luật), tiêm, đốn, có ý nghĩa xả hay không, phân định tội lỗi theo thứ tự, cách sám hối không để tội lỗi cách ngày*”<sup>50</sup>. Lại có thất chúng<sup>51</sup> giống nhau hay khác nhau, [hiểu rõ] chỗ giống nhau và khác nhau của giới Đại Thừa và Tiểu Thừa thì mới tự hành. Hãy cân nhắc

---

1) Ba La Di (Pārājika, dịch nghĩa là Đoạn Đầu): Phạm giới thuộc loại này sẽ không còn tư cách là tăng sĩ, giống như người đã bị đứt đầu không thể sống được nữa.

2) Tăng Già Bà Thi Sa (Saṅghāvasesa, dịch nghĩa là Tăng Tàn): Phạm tội này, tư cách tỳ-kheo bị tàn khuyết, phải đối trước đại chúng tăng sám hối để cầu duy trì giới.

3) Ba Dật Đề (Pāyattika, dịch nghĩa là Đọa): Người phạm các tội ấy sẽ đọa địa ngục.

4) Ba La Đề Đề Xá (Pratidesāniya, dịch nghĩa Hướng Bỏ Hối): Nhẹ hơn loại trên, cần phải đối trước tăng đoàn sám hối.

5) Đột Cát La (Duṣkṛta, dịch nghĩa là Ác Tác), tức các lỗi ác nhẹ do vô tình hay không cẩn thận.

Thất Tụ là ngoài năm loại trên lại có thêm hai loại là Thâu Lan Giá (Sthūlātyaya, dịch nghĩa là Chướng Thiện Đạo) và Ác Thuyết (Durbhāsita). Kinh Đại Bát Niết Bàn có nêu ra một thí dụ về tội Thâu Lan Giá: Tỳ-kheo thấy tràng hoa cúng Phật đã héo, vứt bỏ đi, tự tiện lấy chỉ khâu hoa để dành mà không thưa với chúng tăng để được chúng tăng cho phép sử dụng, vị tỳ-kheo ấy phạm tội Thâu Lan Giá.

<sup>49</sup> Tánh nghiệp và giá nghiệp tức là các nghiệp gây tạo nên tánh tội hay giá tội. Giá tội là tội lỗi không thuộc về tánh tội, nhưng có thể dẫn đến các tánh tội, chẳng hạn hành vi uống rượu tuy là giá tội, nhưng xét theo nghiệp thì lại là tánh nghiệp, do người say sưa có thể dẫn đến các hành vi sát, đạo, dâm, vọng.

<sup>50</sup> Tức là hề phạm lỗi, vừa nhận biết liền sám hối ngay, không chần chừ để đến ngày hôm sau mới sám hối.

<sup>51</sup> Bảy chúng là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na, ưu-bà-tắc, và ưu-bà-di.



## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

theo đúng phẩm vị của chính mình để chọn lựa thích đáng thời nghi, đừng hâm mộ bản lãnh to lớn để rồi mê muội đối với sự “mất còn” (còn giữ giới hay không), đừng chấp theo kinh văn Tiểu Thừa để rồi mê mất quán đạo! Nếu hiểu ý trong đoạn kinh văn này, trước hết, hãy nên dùng Lý và Giáo để quyết định; kế đến là kiểm điểm hạnh vị [của chính mình]. Nếu chẳng phải như vậy, sẽ là phường chim kêu, chuột rúc<sup>52</sup>, há luận phẩm vị nữa ư? Kính xin hãy nhận lấy di ngôn của đức Phật, cung kính vâng giữ chút phần!

### *17.3.2.1.1.3. Cộng thêm dạy bảo người khác*

#### *17.3.2.1.1.3.1. Nêu tướng trạng người [thực hiện hạnh dạy người khác]*

*(Kinh) A Dật Đa! Nhược ngã diệt hậu, văn thị kinh điển, hữu năng thọ trì, nhược tự thư, nhược giáo nhân thư.*

**(經)阿逸多！若我滅後，聞是經典，有能受持，若自書，若教人書。**

*(Kinh: Đây A Dật Đa! Nếu sau khi ta diệt độ, có người nghe kinh điển này, mà có thể thọ trì, hoặc tự mình chép, hoặc bảo người khác chép).*

#### *17.3.2.1.1.3.2. So lường công đức*

*(Kinh) Tắc vi khởi lập tăng phường, dĩ xích Chiên Đàn tác chư điện đường tam thập hữu nhị, cao bát Đa La thụ, cao quảng nghiêm hảo. Bách thiên tỳ-kheo ư kỳ trung chỉ. Viên lâm, dục trì, kinh hành, thiền quật, y phục, ẩm thực, sàng nhục, thang dược, nhất thiết lạc cụ, sung mãn kỳ trung. Như thị tăng phường, đường các, nhược can bách*

---

<sup>52</sup> Tức là thành ngữ “thử tức, điều không” được nhắc đến trong sách A Di Đà Kinh Yếu Giải. Đây là thành ngữ chế giễu kẻ học Phật không hiểu biết, nhưng thích phô trương, nên cứ lặp lại như vẹt, hoặc chỉ thích bàn suông, ăn nói lớn lối, chẳng chân chánh tu hành. Nghe nói: “Phật tức tâm, tâm tức Phật” thì cũng cứ lặp lại “tức tức” giống như tiếng chuột kêu “tức tức” (chữ Tức (即) có âm Quan Thoại là Jí, khá giống với tiếng chuột kêu chít chít), mà chẳng hiểu “tức tức” là gì. Lại nghe nói: “Vạn pháp là không” thì cũng nói: “Không, không” giống như tiếng chim kêu trên không trung, mà chẳng hiểu “không không” là gì.

*thiên vạn ức. Kỳ số vô lượng, dĩ thử hiện tiền cúng dường u ngã cập tỳ-kheo tăng. Thị cố, ngã thuyết Như Lai diệt hậu, nhược hữu thọ trì, độc tụng, vị tha nhân thuyết, nhược tự thụ, nhược giáo nhân thụ, cúng dường kinh quyển, bất tu phục khởi tháp tự, cập tạo tăng phòng, cúng dường chúng tăng.*

**(經)則為起立僧坊，以赤梅檀作諸殿堂三十有二，高八多羅樹，高廣嚴好。百千比丘於其中止。園林，浴池，經行，禪窟，衣服，飲食，牀褥，湯藥，一切樂具，充滿其中。如是僧坊，堂閣，若干百千萬億。其數無量，以此現前供養於我及比丘僧。是故，我說如來滅後，若有受持，讀誦，為他人說，若自書，若教人書，供養經卷，不須復起塔寺，及造僧房，供養眾僧。**

*(Kinh: Tức là tạo dựng tăng phòng. Dùng Chiên Đàn đỏ để cắt các điện đường ba mươi hai chỗ, cao bằng tám cây Đa La (Tāla)<sup>53</sup>, cao rộng, trang nghiêm đẹp đẽ. Trăm ngàn tỳ-kheo ở trong đó. Vườn rìng, ao tắm, chỗ kinh hành, hang ngồi Thiên, y phục, thức ăn, giường đệm, thuốc men, hết thảy các vật vui sướng đầy áp trong đó. Tăng phòng, điện gác như thế trăm ngàn vạn ức ngàn ấy, số đến vô lượng, dùng các*

---

<sup>53</sup> Đa La là một loại cây thuộc họ Cọ, tên tiếng Anh là Palmyra Palm (tên khoa học là *Borassus Flabellifer*), tức là cây Thốt Nốt trong tiếng Việt (do mô phỏng tên gọi Th'not trong tiếng Khmer). Cây có thể cao đến 30 mét. Cây có trái ăn được. Tại Bangladesh, người ta còn trích lấy nhựa từ trái của loại cây này để nấu với sữa làm thành món ăn ngọt gọi là Taal-kheer (Kheer là tiếng gọi chung các món cháo sữa, có thể thêm quế, hạnh nhân cắt lát mỏng; hoặc đôi khi còn thêm xoài vào), hoặc dùng để chế đường thốt nốt. Lá cây rất to, có hình quạt, có thể rộng đến hơn hai mươi mét, chia thành nhiều phiến nhỏ. Lá cây này thường được lược sơ qua với bột nghệ và muối, rồi đem phơi khô. Sau khi đánh bóng sẽ cắt thành từng miếng hình chữ nhật dài 30 cm, rộng 6 cm để chếp kính. Kính chếp bằng cách dùng kim xuyên trên lá, sau đó bôi mực để chữ hiện ra (kính kiểu này thường được gọi là "bối điệp kính văn"). Lá cũng được sử dụng làm quạt (đa phần quạt dùng để che mặt khi làm lễ của các sư Nam Tông tại Sri Lanka làm bằng lá cây này) hoặc lợp nhà, đan rổ rá, đệm, nón v.v... Gỗ của cây này có thể sử dụng để xây cất nhà cửa hoặc các vật dụng như bàn, ghế, tủ v.v... Thậm chí, tại Indonesia, rễ cây này được phơi khô để làm kẹo nhai vật gọi là Odiyal.

*thứ đó để hiện tiền cúng dường ta và các tỳ-kheo tăng. Vì thế ta nói: Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có kẻ thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói, hoặc tự chép, hoặc bảo người khác chép, cúng dường quyển kinh, chẳng cần dựng chùa, tháp và xây tăng phòng, cúng dường chúng tăng nữa).*

Trong phần trước, chỉ là chính mình đọc tụng, thọ trì, thì đã là trọn đủ cúng dường Tam Bảo, huống hồ nay lần lượt dạy cho người khác, ắt công đức pháp thí há chẳng phải là sự cúng dường cao tột nhất ư?

#### **17.3.2.1.1.4. Cộng thêm kiêm hành Lục Độ**

##### **17.3.2.1.1.4.1. Nêu ra tướng người**

*(Kinh) Huống phục hữu nhân năng trì thị kinh, kiêm hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí huệ.*

**(經)況復有人能持是經，兼行佈施，持戒，忍辱，精進，一心，智慧。**

*(Kinh: Huống hồ lại còn có người có thể trì kinh này, kiêm hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí huệ).*

Viên Quán sâu dần, dầu dính dáng Sự, vẫn chẳng trở ngại chánh hạnh. Vì thế, dùng Sự để giúp Lý, gọi là Kiêm Hạnh.

##### **17.3.2.1.1.4.2. So lường công đức**

*(Kinh) Kỳ đức tối thắng vô lượng, vô biên. Thí như hư không, Đông, Tây, Nam, Bắc, tứ duy, thượng, hạ, vô lượng vô biên. Thị nhân công đức diệt phục như thị vô lượng, vô biên, tât chí Nhất Thiết Chúng Trí.*

**(經)其德最勝無量，無邊。譬如虛空，東，西，南，北，四維，上，下，無量無邊。是人功德亦復如是無量，無邊，疾至一切種智。**

*(Kinh: Đức ấy tối thắng vô lượng, vô biên. Ví như hư không, Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên, dưới, vô lượng vô biên. Công đức*

*của người ấy cũng vô lượng, vô biên giống như thế, mau đạt tới Nhất Thiết Chứng Trí).*

**17.3.2.1.1.5. Cộng thêm chánh hành Lục Độ**

**17.3.2.1.1.5.1. Nêu ra tướng người [tu chánh hạnh Lục Độ]**

*(Kinh) Nhược nhân độc tụng, thọ trì thị kinh, vị tha nhân thuyết, nhược tự thư, nhược giáo nhân thư. Phục năng khởi tháp, cập tạo tăng phòng, cúng dường, tán thán Thanh Văn chúng tăng. Diệc dĩ bách thiên vạn ức tán thán chi pháp tán thán Bồ Tát công đức. Hựu vị tha nhân chủng chủng nhân duyên, tùy nghĩa giải thuyết thử Pháp Hoa kinh. Phục năng thanh tịnh trì giới, dữ nhu hòa giả, nhi cộng đồng chí, nhân nhục vô sân, chí niệm kiên cố, thường quý tọa Thiền, đắc chư thâm Định, tinh tấn dũng mãnh, nhiếp chư thiện pháp, lợi căn trí huệ, thiện đáp vấn nạn.*

**(經)若人讀誦，受持是經，為他人說，若自書，若教人書。復能起塔，及造僧房，供養，讚歎聲聞眾僧。亦以百千萬億讚歎之法讚歎菩薩功德。又為他人種種因緣，隨義解說此法華經。復能清淨持戒，與柔和者，而共同止，忍辱無瞋，志念堅固，常貴坐禪，得諸深定，精進勇猛，攝諸善法，利根智慧，善答問難。**

*(Kinh: Nếu ai đọc tụng, thọ trì kinh này, vì người khác nói, hoặc tự chép, hoặc bảo người khác chép, lại có thể dựng tháp, và tạo tăng phòng, cúng dường tán thán các vị tăng Thanh Văn. Cũng dùng trăm ngàn vạn ức cách tán thán để tán thán công đức của Bồ Tát. Lại vì người khác, dùng các thứ nhân duyên để thuận theo nghĩa mà giải nói kinh Pháp Hoa này. Lại có thể trì giới thanh tịnh, cùng với người nhu hòa ở chung, nhân nhục, chẳng sân, chí niệm vững vàng, thường chuộng tọa Thiền, đạt được các Định sâu, tinh tấn, dũng mãnh, nhiếp các thiện pháp, lợi căn, trí huệ, khéo trả lời các thứ cất vấn).*

Trong An Lạc Hạnh, [đức Thế Tôn dạy] “chẳng thân cận người cầu Thanh Văn”, cũng chẳng kể lỗi họ, cũng chẳng ca ngợi họ. Nay nói “cúng dường, tán thán các vị tăng Thanh Văn” là vì lẽ nào? Thoạt đầu

tâm quán nông cạn, sợ nhiễm tập khí Tiểu Thừa. Vì thế, răn đừng thân cận. Nay quán sâu, lực lớn, cho nên cúng dường, tán thán họ, liền có thể hóa độ họ tiến nhập Đại Thừa. Lại còn giúp đỡ rất lớn cho diệu quán Quyền Thật bất nhị. Trong kinh văn, Thiên được nói trước Tinh Tấn, nhưng ý nghĩa chẳng có trước hay sau!

### **17.3.2.1.1.5.2. So lường công đức**

*(Kinh) A Dật Đa! Nhược ngã diệt hậu, chư thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng thị kinh điển giả, phục hữu như thị chư thiện công đức, đương tri thị nhân dĩ thú đạo tràng, cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tọa đạo thụ hạ. A Dật Đa! Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân nhược tọa, nhược lập, nhược hành xứ, thử trung tiện ưng khởi tháp, nhất thiết thiên nhân giai ưng cúng dường như Phật chi tháp.*

**(經)阿逸多！若我滅後，諸善男子，善女人受持，讀誦是經典者，復有如是諸善功德，當知是人已趣道場，近阿耨多羅三藐三菩提，坐道樹下。阿逸多！是善男子，善女人若坐，若立，若行處，此中便應起塔，一切天人皆應供養如佛之塔」。**

*(Kinh: Nay A Dật Đa! Nếu sau khi ta diệt độ, các thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng kinh điển này, lại có các thiện công đức như thế, hãy nên biết người ấy đã đến đạo tràng, gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ngồi dưới gốc đạo thụ. Nay A Dật Đa! Chỗ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy dù ngồi, dù đứng, hay đi, ở nơi đó đều nên dựng tháp, hết thấy trời, người đều nên cúng dường như tháp của Phật).*

“Dĩ thú đạo tràng, tọa đạo thụ hạ” (Đã đến đạo tràng, ngồi dưới đạo thụ): Thuộc địa vị Thiết Luân, chẳng lâu sau sẽ được nhập Đồng Luân, có thể dùng tám tướng thành Phật. “Tọa, lập, hành xứ, tiện ưng khởi tháp, giai ưng cúng dường như Phật tháp” (Đối với chỗ [người ấy] ngồi, đứng, đi, hãy nên dựng tháp, đều nên cúng dường như tháp thờ Phật): Thoạt đầu nương vào người mà gọi là Như Lai. Kết lại năm phẩm

này thì ba phẩm đầu là Văn Huệ, phẩm thứ tư là Tu Huệ, phẩm thứ năm là Tu Huệ, đều là trước khi đạt đến Thập Tín. Hoặc có người nói phẩm tùy hỷ thứ nhất chính là nhập địa vị Tín tâm (Sơ Tín), chia một phẩm thành hai tâm, năm phẩm chính là mười tín tâm, tức là địa vị Thiết Luân lục căn thanh tịnh. Nay tôi cho rằng: Hai cách giải thích ấy xét theo Lý đều chấp thuận được. Nếu là lợi căn thuộc Viên Giáo, một niệm tùy hỷ, thoát đầu phiền cấu rơi trước, cho đến [khi đạt tới phẩm thứ năm là] Chánh Hành [Lục Độ], Trần Sa cũng hết, tức là Trương Tự Như Lai, thuộc địa vị Thiết Luân. Nếu Giải tuy viên đốn, nhưng sự chướng (chướng ngại nơi mặt Sự) chưa trừ, chỉ có thể chế phục trọn vẹn ngũ trụ, chủng tử của Thông Hoặc vẫn còn, thì là Quán Hạnh Như Lai. Phẩm phu trọn đủ trói buộc [bởi phiền não] mà có thể biết được tạng bí mật của Như Lai! Nếu đem ngũ phẩm đối ứng với Tứ Tín trong phần trước thì hai phẩm đầu chính là nhất niệm tín giải. Phẩm thứ ba là hiệu ý thú trong ngôn từ. Phẩm thứ tư chính là Văn Trì cúng dường. Phẩm thứ năm là tin sâu, quán thành tự. Nghĩa lý của chúng bình đẳng, phẩm bốn và năm chẳng khác, chỉ là sau khi đã diệt độ, bèn thêm địa vị đọc tụng làm phẩm thứ hai đó thôi!

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

### **17.3.2.1.2. Kệ Tụng**

#### **17.3.2.1.2.1. Trùng tụng phẩm thứ hai [trong ngũ phẩm]**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược ngã diệt độ hậu, năng phụng trì thử kinh. Tư nhân phước vô lượng, như thượng chi sở thuyết. Thị tác vi cụ túc, nhất thiết chư cúng dường. Dĩ xá-lợi khởi tháp, thất bảo nhi trang nghiêm. Biểu sát thậm cao quảng, tiệp tiểu chí Phạm Thiên. Bảo linh thiên vạn ức, phong động xuất diệu âm. Hựu ư vô lượng kiếp, nhi cúng dường thử tháp: Hoa, hương, chư anh lạc; thiên y, chúng kỹ nhạc. Nhiên hương du, tô đăng, châu táp thường chiếu minh. Ác thế, Pháp Mạt thời, năng trì thị kinh giả, tác vi dĩ như thượng, cụ túc chư cúng dường.*

**(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若我滅度後，能奉持此經。斯人福無量，如上之所說。是則為具足，一切諸供養。以舍利起塔，七寶而莊嚴。表刹甚高廣，**

**漸小至梵天。寶鈴千萬億，風動出妙音。又於無量劫，而供養此塔：華香諸瓔珞，天衣眾伎樂。然香油蘇燈，周匝常照明。惡世法末時，能持是經者，則為已如上，具足諸供養。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Sau khi ta diệt độ, hay phụng trì kinh này, người đó phước vô lượng; như trên đây đã nói. Đó chính là trọn đủ, hết thảy các cúng dường. Dem xá-lợi dựng tháp, bảy báu để trang nghiêm. Biểu sát<sup>54</sup> rất cao rộng, nhỏ dần đến Phạm Thiên. Ngàn vạn ức linh báu, gió lay phát diệu âm. Lại trong vô lượng kiếp, cúng dường tòa tháp ấy. Hoa, hương, chuỗi anh lạc. Áo trời, các kỹ nhạc. Thắp đèn dầu thơm, tô, thường chiếu sáng quanh khắp. Thời Mạt Pháp đời ác, người hay trì kinh này, tức là đã trọn đủ, cúng dường như trên đây).*

#### **17.3.2.1.2.2. Trùng tụng phẩm thứ ba**

*(Kinh) Nhược năng trì thử kinh, tức như Phật hiện tại. Dĩ Nguưu Đâu Chiên Đàn, khởi tăng phòng cúng dường. Đường hữu tam thập nhị, cao bát Đa La thụ. Thượng soạn, diệu y phục. Sàng ngọa giai cụ túc. Bách thiên chúng trụ xứ. Viên lâm, chư dục trì. Kinh hành cập Thiên quật. Chủng chủng giai nghiêm hảo.*

**(經)若能持此經，則如佛現在。以牛頭栴檀，起僧房供養。堂有三十二，高八多羅樹。上饌妙衣服。牀臥皆具足。百千眾住處。園林諸浴池。經行及禪窟。種種皆嚴好**

。

---

<sup>54</sup> Biểu Sát chính là một kiến trúc thường đặt trên đỉnh tháp hoặc trên nóc đại điện, gồm nhiều vòng tròn nhỏ chồng lên nhau, hoặc chia thành nhiều tầng, hình dạng giống như một trụ tràng phan, tượng trưng cho các tầng long nhằm trang nghiêm kiến trúc ấy. Kiến trúc này còn gọi là Tướng Luân, gồm rất nhiều bộ phận hợp thành (tính từ dưới lên trên là lộ bàn, phục bát, thọ luân, phong đặc, thủy yên, long xa và bảo châu).

(*Kinh*: Nếu hay trì kinh này, sẽ như Phật hiện diện. Dùng Ngưu Đầu Chiên Đàn<sup>55</sup>, dựng tầng phòng cúng dường. Ba mươi hai tòa điện, cao tám cây Đa La. Cổ ngon, y phục đẹp. Giường nằm đều đầy đủ. Trăm ngàn chỗ để ở. Vườn rừng, các ao tắm. Chỗ kinh hành, hang Thiền. Các thứ trang nghiêm, đẹp).

**17.3.2.1.2.3. Trùng tụng phẩm thứ tư**

(*Kinh*) *Nhược hữu tín giải tâm, thọ trì, đọc tụng giả, nhược phục giáo nhân thư, cập cúng dường kinh quyển. Tán hoa, hương, mật hương, dĩ Tu Mạn, Chiêm Bạc, A Đề Mục Đa Già, huân du thường nhiên chi. Như thị cúng dường giả, đắc vô lượng công đức, như hư không vô biên, kỳ phước diệc như thị.*

**(經)若有信解心，受持讀誦者，若復教人書，及供養經卷。散華香末香，以須曼蒼蔔，阿提目多伽，熏油常然之。如是供養者，得無量功德，如虛空無邊，其福亦如是**

◦

(*Kinh*: Nếu ai tâm tin hiểu, thọ trì và đọc tụng, hoặc dạy người khác chép, và cúng dường kinh quyển. Rải hoa, hương, hương bột, hoa Tu Mạn, Chiêm Bạc, A Đề Mục Đa Già, dầu thơm thường thắp đèn.

---

<sup>55</sup> Ngưu Đầu Chiên Đàn (Gośīrṣaka Candana) chính là Xích Chiên Đàn. Do loại cây này sanh trưởng ở núi Ngưu Đầu nên gọi là Ngưu Đầu Chiên Đàn. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Núi Ma La Da sanh ra hương Chiên Đàn, gọi là Ngưu Đầu. Nếu dùng để bôi thân, dẫu vào hầm lửa, chẳng bị lửa đốt cháy”. Sách Tây Vực Ký chép: “Nơi bờ biển phía Nam nước ấy, có núi Mạt Lạt Da. Núi cao ngất, nhiều hang, hốc, khe suối. Trong ấy có cây Bạch Đàn, cây Chiên Đàn Nễ Bà... chẳng thể phân biệt. Chỉ có vào lúc giữa mùa Hạ, lên cao, nhìn ra xa, cây nào có rần quăn quanh thì biết [chính là cây Ngưu Đầu Chiên Đàn], bởi cây ấy bầm chất mát lạnh, cho nên rần thích cuộn quanh. Đã trông thấy, họ liền bắn tên vào thân cây để ghi nhớ, đợi đến mùa Đông sẽ đốn lấy”. Theo Phật Quang A Hàm Tạng, loại cây này có màu như chất đồng đỏ, thơm nhất trong các loại Chiên Đàn, mùi thơm tồn tại rất lâu. Thời cổ, người ta dùng loại gỗ này để chế tạo tượng Phật, điện đường, vật dụng quý v.v... Bột gỗ có thể dùng làm thuốc, dầu của nó để làm nguyên liệu chế dầu thơm. Rặng núi Malaya nay nằm giữa tiểu bang Kerala và Tamil Nadu của Ấn Độ, là một phần của rặng Tây Ghats (mạch núi này chạy qua các tiểu bang Gujarat, Maharashtra, Goa, Karnataka, Kerala và Tamil Nadu).



*Người cúng dường như thế, được vô lượng công đức. Như hư không vô biên, phước ấy cũng như thế).*

Kinh văn Trường Hàng chỉ nói kiêm hành bố thí. Nay kệ tụng nói “*cúng dường kinh quyển*”, tức là kiêm thêm ý phụng hành. Tu Mạn Hoa (Sumanā)<sup>56</sup> được phương này dịch là Thiện Nhiếp Ý Hoa. Hoa Chiêm Bặc (Campaka)<sup>57</sup> phương này dịch là Hoàng Hoa. A Đề Mục Đa Già (Atimukta)<sup>58</sup>, phương này dịch là Long Thi Hoa, còn dịch là Thiện Tư Di Hoa.

#### ***17.3.2.1.2.4. Trùng tụng phẩm thứ năm***

***(Kinh) Huống phục trì thử kinh, kiêm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhạo Thiên Định, bất sân, bất ác khẩu. Cung kính u thập miểu, khiêm hạ chư tỳ-kheo, viễn ly tự cao tâm, thường tư duy trí huệ. Hữu vấn nạn bất sân, tùy vấn vị giải thuyết. Nhược năng hành thị hạnh, công đức bất khả lượng. Nhược kiến thử pháp sư, thành tựu như thị đức. Ứng dĩ thiên hoa tán, thiên y phú kỳ thân. Đầu diện tiếp túc lễ, sanh tâm như Phật tướng. Hựu ưng tác thị niệ: Bất cửu nghệ đạo thụ, đắc vô lậu, vô vi, quảng lợi chư nhân thiên. Kỳ sở trụ chỉ xứ, kinh hành, nhược tọa, ngọa, nãi chí thuyết nhất kệ, thị trung ưng khởi tháp. Trang nghiêm linh diệu hảo, chủng chủng dĩ cúng dường. Phật***

---

<sup>56</sup> Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa chú giải: “*Tu Mạn Na còn gọi là Tu Ma Na, Tô Na Na, sắc trắng lẫn vàng, rất thơm. Cây không to, cao chừng ba bốn thước, hoa rủ xuống như hình cái lọng*”. Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa nói: “*Hoa Tu Mạn Na được phương này dịch là Duyệt Ý Hoa, vì hình dáng lẫn màu sắc đều xinh đẹp, khiến cho người trông thấy tâm vui sướng, cho nên có tên như vậy*”.

<sup>57</sup> Loại hoa này còn gọi là Chiêm Ba, Chiêm Bốc Già, Chiêm Bà Ca, Thiêm Ba (tùy theo cách phiên âm) v.v... dịch nghĩa là Uất Kim Hoa, hay Hoàng Hoa. Cũng có người cho rằng đây là hoa dành dành, nhưng xét ra, hoa dành dành không phù hợp với các miêu tả về loại hoa này. Theo kinh Trường A Hàm, hoa Chiêm Bặc thân cây to lớn, vỏ cây, cánh hoa và nhựa cây đều thơm ngát. Sắc hoa óng ánh như vàng, mùi hương lan tỏa mây dậm. Có thuyết cho rằng đây là hoa Mộc Lan (Magnolia), nhưng hoa Mộc Lan vẫn không phù hợp với những miêu tả trên đây.

<sup>58</sup> A Đề Mục Đa Già, thường được gọi là Hiptage trong tiếng Anh, tên khoa học là Hiptage Bengalensis, là một loại cây mọc thành bụi, dây leo, thân có những sợi tơ màu vàng. Hoa trắng hồng, rất thơm, trái có ba cánh có thể bay theo gió, thường mọc rất phổ biến tại Bengal. Người Hoa còn gọi loại hoa này bằng cách danh xưng Phi Diên, Viên Vĩ Đằng, Ngưu Khiên Đằng, Hồng Dược Đầu, Phong Tranh Quả, Hoàng Ngưu Diệp, Hồng Long v.v...

*tử trụ thử địa, tác thị Phật thọ dụng. Thường tại u kỳ trung, kinh hành cập tọa ngọa.*

**(經)況復持此經，兼佈施持戒，忍辱樂禪定，不瞋不惡口。恭敬於塔廟，謙下諸比丘，遠離自高心，常思惟智慧。有問難不瞋，隨問為解說。若能行是行，功德不可量。若見此法師，成就如是德。應以天華散，天衣覆其身。頭面接足禮，生心如佛想。又應作是念：不久詣道樹，得無漏無為，廣利諸人天。其所住止處，經行若坐臥，乃至說一偈，是中應起塔。莊嚴令妙好，種種以供養。佛子住此地，則是佛受用。常在於其中，經行及坐臥」。**

*(Kinh: Huống hồ trì kinh này, kiêm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, chuộng Thiền Định, chẳng sân, chẳng nói ác. Đồi tháp miếu cung kính. Khiêm hạ với tỷ-kheo, xa lìa tâm tự cao, thường tư duy trí huệ. Bị căn vắn chẳng sân, giải nói theo lời hỏi. Nếu hay hành hạnh ấy, công đức chẳng thể lường. Nếu thấy pháp sư ấy, thành tựu đức như thế, nên dùng hoa trời rải, dùng áo trời phủ thân. Dầu mặt áp chân lễ, sanh tâm tưởng như Phật. Lại nên nghĩ thế này: Chẳng lâu tới đạo thụ, đắc vô lậu, vô vi, rộng lợi các trời, người. Nơi người ấy cư trụ, kinh hành và ngồi, nằm, cho tới nói một kệ, nên xây tháp tại đó. Trang hoàng cho đẹp đẽ, dùng các thứ cúng dường. Phật tử trụ nơi đây, chính là Phật thọ dụng. Thường trụ ở trong đó, kinh hành và ngồi, nằm).*

Phần thứ nhất, liệt kê năm phẩm, so lường đại lược công đức của bốn phẩm sau đã xong. Giải thích phẩm Phân Biệt Công Đức đã xong; kế đó giải thích phẩm Tùy Hỷ Công Đức.

## **18. Tùy Hỷ Công Đức Phẩm Đệ Thập Bát**

### **隨喜功德品第十八**

*Phẩm thứ mười tám: Tùy Hỷ Công Đức*

“Tùy”: Nghe pháp sâu thẳm, uyên áo, tùy thuận Sự Lý chẳng hai, chẳng khác. “Hỷ” là mừng cho mình, mừng cho người. “Lý” chính là bản tánh của một niệm tâm hiện tiền, tức là cái Thể của Thật Tướng pháp giới. Chẳng phải Bồn, chẳng phải Tích, gọi là Lý Bồn. Chẳng phải Thật, chẳng phải Quyền, gọi là Thật Lý. “Sự” là Như Lai đã chứng diệu lý ấy từ lâu xa. Vì thế gọi là Bồn. Từ Bồn, hiện ra các thứ ứng hóa trọn khắp mười phương ba đời. Do vậy gọi là Tích. Bồn là Tu Đức tự hành khế lý; Tích là diệu dụng lợi tha sau khi đắc quả. Hai chuyện Bồn và Tích cùng nương vào một Lý. Vì thế nói: “*Bồn và Tích tuy khác, nhưng chẳng thể nghĩ bàn như nhau*”. Nói thẳng thừng Lý Sự viên diệu như thế, thì gọi là Thật. Các thứ phương tiện hướng dẫn chúng sanh thì gọi là Quyền. Chẳng có Thật thì Quyền chẳng có gì để nương vào! Chẳng có Quyền, Thật sẽ không do đâu hiển lộ được. Gọi Thật Lý, Thật Sự là Lý; gọi Quyền Lý, Quyền Sự là Sự. Sự và Lý tuy khác, ngoài tâm chẳng có pháp, cũng là chẳng thể nghĩ bàn giống hệt như nhau. Nay “*thuận Lý*” là nghe bồn địa lâu xa của Phật, chứng diệu lý đã lâu xa, tín thuận chẳng trái nghịch, chẳng có mảy may nghi ngờ, trầm trệ. “*Thuận Sự*” là nghe nói Phật lợi ích chúng sanh suốt ba đời, ngang lần dọc đều gồm thâu, trọn khắp hết thảy các xứ, cũng chẳng có mảy may nghi ngờ, trầm trệ. Từ ngay nơi Sự rộng rãi mà thấu đạt Lý sâu, từ Lý sâu mà thấu đạt Sự rộng. Chẳng hai mà là hai, cho nên nói là Sự Lý. Chẳng khác mà là khác, cho nên nói Bồn Tích (Bồn và Tích đều là nói theo Sự). Tuy hai, tuy khác, nhưng chẳng hai, chẳng khác (Lý trọn đủ tam thiên, Sự tạo tam thiên, cùng ở trong một niệm. Vì thế, tuy hai mà chẳng hai. Sự Lý nơi Bồn và Sự Lý nơi Tích chẳng thể nghĩ bàn như nhau. Vì thế, tuy khác mà chẳng khác!)

Tín giải như thế thì gọi là Tùy. Do Như Lai đã chứng Thật Tướng trong một niệm hiện tiền này, Bồn, Tích, Quyền Thật đều chẳng thể nghĩ bàn. Ta và chúng sanh có cùng tâm tánh ấy. Phật đã là như thế, ta và chúng sanh cũng sẽ đạt được! Vì thế, mừng cho mình, mừng cho người khác, cho nên gọi là Hỷ. Hơn nữa, tuy Bồn, Tích, Quyền, Thật tánh vốn sẵn đủ, Như Lai xuất thế hơn bốn mươi năm, chưa hiển lộ lẽ chân thật. Người thuộc bảy phương tiện chẳng nghe lẽ chân thật. Mừng cho ta và người: [Vì nghe kinh Pháp Hoa], do cái tâm phàm phu mà hiểu biết giống như Phật; dùng con mắt [phàm tục] bầm sanh mà thấy giống như Như Lai. Tri kiến như thế rốt ráo pháp giới, sâu rộng không ngần mé, không gì sánh bằng. Cho nên gọi là Tùy Hỷ. Do thuận Lý, bèn có Thật công đức. Do thuận Sự, bèn có Quyền công đức. Do mừng cho chính

mình, bèn có công đức trí huệ tự hành. Do mừng cho người khác, có công đức từ bi hóa độ người khác. Do gộp chung Quyền, Thật, Tự, Tha để nói, cho nên gọi là phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Đó là ý nghĩa Thế Giới Tất Đàn (Lý Sự, Bản Tích, Tự Tha xưa nay đối ứng. Vì thế là Thế Giới).

Người thứ năm mươi [do lần lượt được nghe nói lại kinh Pháp Hoa rồi tùy hỷ] chính là người sơ sai nhất trong sơ phẩm (phẩm thứ nhất trong ngũ phẩm, tức Tùy Hỷ), chỉ có một niệm diệu giải, chỉ có một niệm mừng cho mình, mừng cho người khác, chưa có viên hạnh, ân chưa thấm đến người khác, mà đã đạt được công đức chẳng thể sánh bằng. Huống hồ người được nghe đầu tiên trong hội ư? Huống hồ người đọc tụng, giảng nói, kiêm hành chánh hạnh ư? Huống hồ lại còn [thuộc vào các địa vị] Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, cho đến Đăng Giác, Diệu Giác ư? Ai nghe công đức sâu màu như thế mà chẳng kính ngưỡng, hâm mộ? Như Lai nói điều này khiến cho chúng sanh ngưỡng vọng. Vì thế gọi là phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Đó là ý nghĩa Vị Nhân Tất Đàn. Trong phần trước đã ca ngợi công đức trì kinh, đại chúng khi ấy đều cho rằng đã nhập địa vị “*chân nhân*” (cái nhân chân thật), đã đạt tới đức ấy. Đối với kẻ sơ sai nhất trong những kẻ sơ tâm, dấy lên ý tưởng yếu ớt, bỗng nghe chỗ tốt đẹp chắc thật, mầm mống đã nảy sanh trăm mối. Chim Ca Lãng Tàn Già còn đang ở trong trứng, tiếng hót đã vượt xa các loài chim, [người được nghe công đức] hy hữu, đặc biệt, lạ lùng [của kinh Pháp Hoa], ý tưởng khinh thường đã được cởi gỡ, cho nên gọi là phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Đó là ý nghĩa Đối Trị Tất Đàn.

Hàng ngoại đạo đắc Ngũ Thông có thể dời núi, cạn biển, nhưng chẳng thể chế phục kiến ái (Kiến Tư Hoặc), chẳng sánh bằng người đắc pháp Noãn. Bạc Nhị Thừa Vô Học đều thoát các quả sanh bởi chủng tử, nhưng vẫn còn bị Niết Bàn trói buộc, chẳng biết nhân và quả ấy đều là Quyền. Bạc Thông Giáo tu nhân tuy khéo léo, phát tâm chẳng biết [chỗ có của báu ở ngoài] năm trăm do-tuần, tuy đắc quả, chỉ trừ Tứ Trụ Thông Hoặc. Hàng Biệt Giáo tuy vượt xa Nhị Thừa, nhưng tu cái nhân thiên lệch, đường nẻo lại vụng về, chẳng được Phật khen ngợi, đều chẳng sánh bằng người tùy hỷ thoát đầu. Nay đức Phật nêu ra quán hạnh sơ tâm để [người nghe] sẽ so sánh, hòng nhận biết cực quả vượt xa các giáo. Vì thế nói là phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Đây chính là xét theo giáo để hiển thị Độ Nhất Nghĩa vậy!

**\* So lường cận kề công đức của phẩm đầu tiên**

**18.1. Hỏi**

*(Kinh) Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thị Pháp Hoa kinh tùy hỷ giả, đắc kỳ sở phước?” Nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Tôn diệt độ hậu, kỳ hữu văn thị kinh, nhược năng tùy hỷ giả, vi đắc kỳ sở phước?*

**(經)爾時，彌勒菩薩摩訶薩白佛言：「世尊！若有善男子，善女人聞是法華經隨喜者，得幾所福？」而說偈言：「世尊滅度後，其有聞是經，若能隨喜者，為得幾所福？」**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh Pháp Hoa này rồi tùy hỷ, sẽ được bao nhiêu phước?” Ngài bèn nói kệ rằng: - Thế Tôn diệt độ rồi, có kẻ nghe kinh này, nếu có thể tùy hỷ, sẽ được bao nhiêu phước?)*

Phẩm trước đã so lường công đức của bốn phẩm sau, chẳng nói đến phẩm đầu. Vì thế, ngài Di Lạc thừa dịp nêu câu hỏi.

## **18.2. Đức Phật trả lời**

### **18.2.1. Trường Hàng**

#### **18.2.1.1. Trả lời công đức của người trong tâm tùy hỷ**

**18.2.1.1.1. Xét theo sự lần lượt dạy bảo lẫn nhau, nêu ra công đức của người cuối cùng để hiển thị công đức của người đầu tiên trong những người sơ tâm**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Di Lạc Bồ Tát: - A Dật Đa! Như Lai diệt hậu, nhược tùy-kheo, tùy-kheo-ni, ưu-bà-tức, ưu-bà-di, cập dư trí giả, nhược trưởng, nhược ấu, văn thị kinh tùy hỷ dĩ, tòng pháp hội xuất, chí u dư xứ. Nhược tại tăng phùng, nhược không nhân địa, nhược thành áp hạng mạch, tụ lạc, điền lý, như kỳ sở văn, vị phụ mẫu, tông thân, thiện hữu tri thức, tùy lực diễn thuyết. Thị chư nhân đẳng văn dĩ tùy hỷ, phục hành chuyển giáo. Dư nhân văn dĩ, diệc tùy hỷ chuyển giáo. Như thị triển chuyển, chí đệ ngũ thập. A Dật Đa! Kỳ đệ ngũ thập thiện nam tử, thiện nữ nhân tùy hỷ công đức, ngã kim thuyết chi, như đương thiện thính.*

(經)爾時，佛告彌勒菩薩摩訶薩：「阿逸多！如來滅後，若比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，及餘智者，若長，若幼，聞是經隨喜已，從法會出，至於餘處。若在僧坊，若空閑地，若城邑巷陌，聚落，田里，如其所聞，為父母，宗親，善友知識，隨力演說。是諸人等聞已隨喜，復行轉教。餘人聞已，亦隨喜轉教。如是展轉，至第五十。阿逸多！其第五十善男子，善女人隨喜功德，我今說之，汝當善聽。

(*Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát: - Nay A Đạt Đa! Sau khi Như Lai diệt độ, nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, và những người có trí khác dù lớn hay bé, nghe kinh này bèn tùy hỷ, từ pháp hội trở ra, tới các chỗ khác, hoặc là tại tăng phòng, hoặc chỗ thanh vắng, hoặc nơi đường phố của chốn thành ấp, thôn xóm, làng quê, đúng như điều đã được nghe, vì cha mẹ, họ hàng, bạn lành, người quen biết, tùy sức diễn nói. Những người ấy nghe xong tùy hỷ, lại dạy cho người khác. Người khác nghe xong, cũng tùy hỷ, dạy lại cho người khác nữa. Xoay vần như thế cho đến người thứ năm mươi. Nay A Đạt Đa! Ta nay sẽ nói công đức tùy hỷ của thiện nam tử hay thiện nữ nhân thứ năm mươi ấy, ông hãy nên khéo nghe!)*

Lần lượt tới người thứ năm mươi, có ý nghĩa “càng về sau, càng kém hơn người trước đó”. Vì sao? Nương vào Tứ Y để hoằng pháp, ắt phải có biện tài. Nghe rồi tùy hỷ, pháp vị ắt sâu đậm. Tới khi người ấy từ pháp hội trở ra, tùy sức diễn nói, tuy nói đúng như điều đã được nghe, lý chắc chắn chẳng sai lầm, nhưng biện thuyết trang nghiêm chưa chắc đã có thể giống như pháp sư, huống hồ có thể vượt hơn ư? Xoay vần như thế, người thứ hai, thứ ba, hoặc hai mươi, đã dần dần chẳng bằng, huống hồ tới người thứ năm mươi, há chẳng càng thua kém hơn ư? Hơn nữa, bốn mươi chín người trước đó đều có công đức dạy lại. Nay đối với người thứ năm mươi, chỉ luận một niệm tùy hỷ, chẳng luận sẽ lại dạy cho người khác! Hãy nên biết [người thứ năm mươi] đúng là quá xa xôi lọt lọt so với những người thuộc phẩm đầu (tùy hỷ)! Nay xét theo kẻ xa

vòi nhất ấy để nói rõ công đức của một niệm tùy hỷ thì công đức của những người trước đó chẳng cần nói cũng biết. Nói “*triển chuyển chỉ ngũ thập giả*” (xoay vần đến người thứ năm mươi) chỉ nhằm nêu rõ pháp vị dần dần nhạt bớt, công đức dần dần kém hơn, chẳng cần phải giải thích theo ý nghĩa biểu pháp.

#### **18.2.1.1.2. So lường Bốn**

*(Kinh) Nhược tứ bách vạn ức A-tăng-kỳ thế giới lục thú tứ sanh chúng sanh: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, nhược hữu hình, vô hình, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng, vô túc, nhị túc, tứ túc, đa túc. Như thị đẳng tại chúng sanh số giả, hữu nhân cầu phước, tùy kỳ sở dục ngu lạc chi cụ, giai cấp dữ chi. Nhất nhất chúng sanh dữ mãn Diêm Phù Đề kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chư diệu trân bảo, cập tượng, mã, xa thặng, thất bảo sở thành cung điện, lâu các đẳng. Thị đại thí chủ như thị bố thí mãn bát thập niên dĩ, nhi tác thị niệm: “Ngã dĩ thí chúng sanh ngu lạc chi cụ, tùy ý sở dục. Nhiên thử chúng sanh giai dĩ suy lão, niên quá bát thập, phát bạch, bì trứu, tương tử bất cửu. Ngã đương dĩ Phật pháp nhi huân đạo chi”. Tức tập thử chúng sanh, tuyên bố pháp hóa, thị giáo lợi hỷ. Nhất thời giai đắc Tu Đà Hoàn đạo, Tư Đà Hàm đạo, A Na Hàm đạo, A La Hán đạo, tận chư hữu lậu, w thâm Thiền Định, giai đắc tự tại, cụ bát giải thoát.*

**(經)若四百萬億阿僧祇世界六趣四生眾生：卵生，胎生，濕生，化生，若有形，無形，有想，無想，非有想，非無想，無足，二足，四足，多足。如是等在眾生數者，有人求福，隨其所欲娛樂之具，皆給與之。一一眾生與滿閻浮提金，銀，琉璃，磑磑，碼碯，珊瑚，琥珀，諸妙珍寶，及象，馬，車乘，七寶所成宮殿，樓閣等。是大施主如是佈施滿八十年已，而作是念：「我已施眾生娛樂之具，隨意所欲。然此眾生皆已衰老，年過八十，髮白，皮皺**

，將死不久。我當以佛法而訓導之」。即集此眾生，宣佈法化，示教利喜。一時皆得須陀洹道，斯陀含道，阿那含道，阿羅漢道，盡諸有漏，於深禪定，皆得自在，具八解脫。

(*Kinh*: Như chúng sanh thuộc tứ sanh sáu đường trong bốn trăm vạn ức A-tăng-kỳ thế giới: Sanh bằng trứng, sanh bằng thai, sanh nơi âm ướt, hóa sanh, hoặc hữu hình, vô hình, có tư tưởng, chẳng có tư tưởng, chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng, không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân. Đối với số lượng chúng sanh như thế đó, có người cầu phước, tùy theo các vật ưa thích mà chúng sanh mong muốn đều ban cho. Với mỗi chúng sanh, đều cho vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, các món trân bảo nhiệm màu đầy ắp Diêm Phù Đề (Jambudvīpa), và voi, ngựa, xe cộ, cung điện, lầu gác v.v... do bảy báu tạo thành. Vị đại thí chủ đó bố thí như thế tròn tám mươi năm xong, bèn nghĩ thế này: “Ta đã thí cho chúng sanh vật ưa thích, thuận theo ý họ mong muốn. Nhưng các chúng sanh này đều đã già suy, tuổi quá tám mươi, tóc bạc, da nhăn, không lâu sau sẽ chết. Ta nên dùng Phật pháp để dạy bảo họ”. Liên nhóm họp các chúng sanh ấy, tuyên nói pháp giáo hóa, chỉ dạy, khiến cho họ được lợi ích, vui mừng. Cùng lúc đắc đạo Tu Đà Hoàn (Srota-āpanna), đạo Tư Đà Hàm (Sakṛdāgāmin), đạo A Na Hàm (Anāgāmin), đạo A La Hán (Arhat), hết các hữu lậu, nơi Thiên Định sâu đều được tự tại, đủ tám món giải thoát).

“Lục thú” (Sáu đường): Trời, người, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Phương pháp thọ sanh chẳng ra ngoài bốn loại: Ở trong vỏ thì gọi là Trứng, ở trong bụng là Thai, do hơi nóng là Thấp, biến đổi là Hóa. Chư thiên chỉ hóa sanh; loài người có đủ tứ sanh, nhưng phần nhiều là thai sanh. Tu La tứ sanh, địa ngục hóa sanh. Quỷ và súc sanh đủ bốn cách sanh. “Hữu hình” tức là Dục Giới và Sắc Giới. “Vô hình” là Vô Sắc Giới. “Hữu tướng” là Không Xứ Thiên (Ākāśānantyāyatana) và Thức Xứ Thiên (Vijñānānantyāyatana). “Vô tướng” là Vô Sở Hữu Xứ Thiên (Ākiñcanyāyatana). “Phi hữu tướng phi vô tướng” tức là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên (Naivasamjñānāsamjñāyatana).

### 18.2.1.1.3. Hỏi



*(Kinh) U như ý vân hà? Thị đại thí chủ sở đắc công đức, ninh vi đa phủ?*

**(經)於汝意云何? 是大施主所得功德, 寧為多不? 」**

*(Kinh: Ý ông nghĩ sao? Vị đại thí chủ ấy đạt được công đức há có nhiều chăng?)*

#### 18.2.1.1.4. Đáp

*(Kinh) Di Lặc bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị nhân công đức thâm đa, vô lượng, vô biên. Nhược thị thí chủ dẫn thí chúng sanh nhất thiết lạc cụ, công đức vô lượng, hà hưởng linh đắc A La Hán quả.*

**(經)彌勒白佛言: 「世尊! 是人功德甚多, 無量, 無邊。若是施主但施眾生一切樂具, 功德無量, 何況令得阿羅漢果」。**

*(Kinh: Ngài Di Lặc bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Người ấy công đức rất nhiều, vô lượng, vô biên. Nếu vị thí chủ ấy chỉ thí cho chúng sanh hết thảy các vật vui thích, công đức đã là vô lượng, hưởng hồ khiến cho họ đắc quả A La Hán).*

#### 18.2.1.1.5. Thật sự so lường

*(Kinh) Phật cáo Di Lặc: - Ngã kim phân minh ngữ như: Thị nhân dĩ nhất thiết lạc cụ, thí u tứ bách vạn ức A-tăng-kỳ thế giới lục thú chúng sanh, hựu linh đắc A La Hán quả, sở đắc công đức, bất như thị đệ ngũ thập nhân văn Pháp Hoa kinh nhất kệ tùy hỷ công đức, bách phần, thiên phần, bách thiên vạn ức phần, bất cập kỳ nhất. Nãi chí toán số, thí dụ, sở bất năng tri! A Dật Đa! Như thị đệ ngũ thập nhân triển chuyển văn Pháp Hoa kinh tùy hỷ công đức, thượng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ, hà hưởng tối sơ u hội trung văn nhi tùy hỷ giả. Kỳ phước phục thắng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ, bất khả đắc tỷ!*

**(經)佛告彌勒: 「我今分明語汝: 是人以一切樂具, 施於四百萬億阿僧祇世界六趣眾生, 又令得阿羅漢果, 所**

**得功德，不如是第五十人聞法華經一偈隨喜功德，百分，千分，百千萬億分，不及其一。乃至算數，譬喻，所不能知！阿逸多！如是第五十人展轉聞法華經隨喜功德，尚無量無邊阿僧祇，何況最初於會中聞而隨喜者。其福復勝無量無邊阿僧祇，不可得比！**

*(Kinh: Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Ta nay nói rõ ràng với ông: Người ấy dùng hết thầy các vật vui thích thí cho chúng sanh trong sáu đường thuộc bốn trăm vạn ức A-tăng-kỳ thế giới, lại khiến cho họ đắc quả A La Hán, [người ấy] đạt được công đức chẳng bằng công đức của người thứ năm mươi nghe một bài kệ của kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ, chẳng sánh bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn vạn ức phần. Cho đến dùng toán số, thí dụ [để suy lường], đều chẳng thể biết. Nay A Dật Đa! Công đức tùy hỷ của người thứ năm mươi do được lần lượt nghe kinh Pháp Hoa còn là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ như thế, huống hồ người đầu tiên trong hội nghe rồi tùy hỷ! Phước ấy lại vượt hơn vô lượng vô biên A-tăng-kỳ lần, chẳng thể sánh bằng!)*

Người nhận bố thí trọn khắp bốn trăm vạn ức A-tăng-kỳ thế giới chẳng thể coi là không nhiều! Trước hết, ban cho họ sự vui sướng thế tục tròn tám mươi năm; sau đó, ban cho pháp lạc chứng tứ thánh quả, chẳng thể coi là không lớn! Nhưng chẳng sánh bằng người có một niệm tùy hỷ trọn vẹn sau rốt nhất, vì một niệm ấy ắt sẽ trọn hết hư không giới, trọn hết thời vị lai, phổ độ hết thầy, khiến cho người ấy thành Phật. Công đức cuối cùng chẳng lìa một niệm tối sơ. Lại dựa theo ý so sánh trong Đại Luận để giải thích ý chỉ này. Phước của toàn thể người trong Diêm Phù Đề châu (Jambudvīpa) chẳng bằng phước của một người thuộc Tây Cù Da Ni châu (Aparagodānīya, Tây Ngưu Hóa Châu). Phước của toàn thể người trong Tây Châu chẳng bằng phước của một người thuộc Đông Phát Bà Đề châu (Pūrvavideha, Đông Thắng Thần Châu). Phước của toàn thể mọi người thuộc ba châu (Diêm Phù Đề, Cù Da Ni, Phát Bà Đề) chẳng sánh bằng phước của một người thuộc Bắc Uất Đan Việt châu (Uttarakuru, Bắc Câu Lô Châu). Phước của toàn thể người trong khắp cả bốn châu chẳng sánh kịp [phước của] một vị trong tứ thiên vương. Bốn vị thiên vương chẳng sánh bằng một vị Đế Thích. Cho đến Đệ Lục Thiên

(Tha Hóa Tự Tại Thiên) chẳng sánh bằng phước của một vị Phạm Thiên. Lại nữa, Sơ Thiên chẳng sánh bằng Nhị Thiên, Nhị Thiên chẳng sánh bằng Tam Thiên, Tam Thiên chẳng sánh bằng Tứ Thiên. Cho đến Vô Sở Hữu Xứ chẳng sánh bằng Phi Phi Tướng Xứ. Phi Phi Tướng Xứ cực tôn quý trong ba cõi, chẳng sánh bằng phước của Tu Đà Hoàn. Phước của Tu Đà Hoàn chẳng sánh bằng Nhị Quả. Nhị Quả chẳng sánh bằng Tam Quả. Tam Quả chẳng sánh bằng Tứ Quả. Tứ Quả chẳng sánh bằng Bích Chi Phật. Tạng Giáo Nhị Thừa chẳng sánh bằng bậc Nhị Thừa thấu hiểu pháp trong Thông Giáo. Bậc Nhị Thừa thấu hiểu pháp [trong Thông Giáo] chẳng sánh bằng xuất Giả Bồ Tát. Thông Giáo Bồ Tát chẳng sánh bằng sơ tâm trong Biệt Giáo do nghe Trung. Bậc hậu tâm Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo chẳng sánh bằng tùy hỷ sơ tâm trong Viên Giáo do nghe Viên Giáo. Vì thế biết kinh Hoa Nghiêm so sánh công đức phát tâm vẫn chưa là kỳ lạ. Kinh này so sánh công đức tùy hỷ khó tin nhất! Nhưng một niệm tùy hỷ liền trọn đủ mười thừa. Nếu hiểu mười thừa, ắt công đức sẽ có căn cứ. Xin hãy hiểu đại lược như thế.

“Tùy” là thuận Sự, thuận Lý, Sự Lý chính là cảnh chẳng thể nghĩ bàn. “Hỷ” là mừng cho mình, mừng cho người, tức là Bồ Đề tâm. Một niệm tùy hỷ chẳng tán loạn tức là Chỉ, chẳng hôn trầm tức là Quán, chính là khéo léo an tâm. Thuận Lý chế phục trọn vẹn vô minh Kiến Tư. Thuận Sự, chế phục trọn vẹn Trần Sa và Vô Minh. Đó là cách phá trọn khắp. Liễu đạt Quyền và Thật chẳng hai, tức là biết thông và tắc, chỉ trong một niệm tâm, tin hiểu Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn. Đó là Niệm Xứ của Viên Giáo. Pháp vốn sẵn trọn đủ bảy khoa đạo phẩm, điều hòa thích đáng! Đã tùy hỷ, xót xa, bi thương, ắt cần phải tu Ngũ Hối<sup>59</sup>, đó là giúp mở mang. Đã có thể tín thuận Sự Lý, Bỏ Tích, quyết chẳng dùng phàm tình hư vọng để suy lường bậc thượng thánh. Đó là biết địa vị. Thuận Sự, thuận Lý, các loại ma dù cứng cõi hay mềm mỏng đều chẳng thể động. Đó là “có thể an nhẫn”. Thật tâm chuyên chú nơi Thật cảnh,

---

<sup>59</sup> Ngũ Hối là năm phương pháp hay năm bước cần phải thực hiện trong khi tu sám hối nhằm diệt tội, tăng phước. Tông Thiên Thai đề xướng Ngũ Hối gồm sám hối, khuyến thỉnh (khuyên mời mười phương chư Phật chuyển pháp luân), tùy hỷ, hồi hướng và phát nguyện (tổ Thiên Thai đề xướng điều này trong bộ Ma Ha Chỉ Quán). Trong khi đó, Mật Tông lại đề xướng Ngũ Hối hơi khác. Ngũ Hối trong Mật Tông gồm quy mạng, sám hối, tùy hỷ, khuyến thỉnh, và hồi hướng (quan điểm này được đề xướng trong bộ Kim Cang Đánh Liên Hoa Bộ Tâm Niệm Tụng Nghi Quỹ). Do quan điểm này trùng với các nguyện trong Phổ Hiền Thập Đại Nguyện Vương, nên cách tu Ngũ Hối của Mật Tông đôi khi còn được gọi là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Tán.

Thật duyên theo thứ đệ nầy sanh. Thật lần lượt chuyên vào Thật; đó là lìa pháp ái. Công đức như thế, há tài thí của thế gian hoặc pháp thí của tiểu quả có thể sánh bằng ư? Viên quán như thế, há kẻ tu Trung Quán theo thứ tự có thể sánh bằng được ư?

Phần thứ nhất, “giải đáp về công đức của người tùy hỷ từ trong nội tâm” đã xong.

### **18.2.1.2. Nói rõ công đức của người được nghe pháp từ bên ngoài**

#### **18.2.1.2.1. Tự đến nghe**

*(Kinh) Hựu A Dật Đa! Nhược nhân vị thị kinh cố, vãng nghệ tăng phùng, nhược tọa, nhược lập, tu du thánh thọ, duyên thị công đức, chuyển thân sở sanh, đắc hảo thượng diệu tượng, mã, xa thặng, trân bảo liên dư, cập thừa thiên cung.*

**(經)又阿逸多! 若人為是經故, 往詣僧坊, 若坐, 若立, 須臾聽受, 緣是功德, 轉身所生, 得好上妙象, 馬, 車乘, 珍寶輦輿, 及乘天宮。**

*(Kinh: Này A Dật Đa! Nếu có người vì kinh này, đi đến tăng phùng, dù ngồi, hay đứng, nghe nhận trong khoảnh khắc, do công đức ấy, khi chuyển sanh vào thân sau, sẽ được voi, ngựa, xe cộ tốt đẹp nhất, kiệu cúng trân quý và ngự nơi cung trời<sup>60</sup>).*

#### **18.2.1.2.2. Chia chỗ ngồi**

*(Kinh) Nhược phục hữu nhân, ư giảng pháp xứ tọa, cánh hữu nhân lai, khuyến linh tọa thánh. Nhược phân tòa linh tọa, thị nhân công đức chuyển thân đắc Đế Thích tọa xứ, nhược Phạm Vương tọa xứ, nhược Chuyển Luân Thánh Vương sở tọa chi xứ.*

---

<sup>60</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tự đến nghe kinh, do tâm niệm thuần hay tạp mà chia thành ba phẩm: Hạ phẩm chuyển sanh làm kẻ phú quý, được quả báo có voi, ngựa, xe cộ đẹp đẽ. Trung phẩm thì được làm vua có quả báo kiệu cúng bằng châu báu. Thượng phẩm thì được sanh lên trời, hưởng quả báo đi đến đâu cung điện theo sát thân, cho nên nói là thừa cung điện”.

**(經)若復有人，於講法處坐，更有人來，勸令坐聽。若分座令坐，是人功德轉身得帝釋坐處，若梵王坐處，若轉輪聖王所坐之處。**

*(Kinh: Nếu lại có người ngồi nơi chỗ giảng pháp, lại có người khác đến, bèn khuyên ngồi nghe, hoặc chia chỗ cho ngồi. Công đức của người ấy là trong đời sau sẽ được chỗ ngồi của Đế Thích, hoặc chỗ ngồi của Phạm Vương, hoặc chỗ ngồi của Chuyển Luân Thánh Vương).*

**18.2.1.2.3. Khuyên người khác**

*(Kinh) A Dật Đa! Nhược phục hữu nhân ngữ dư nhân ngôn: “Hữu kinh danh Pháp Hoa, khả cộng vãng thính”, tức thọ kỳ giáo, nãi chí tu du gian vãn. Thị nhân công đức chuyển thân đắc dữ Đà La Ni Bồ Tát cộng sanh nhất xứ, lợi căn, trí huệ. Bách thiên vạn thể chung bất ám á. Khẩu khí bất xú, thiết thường vô bệnh, khẩu diệp vô bệnh. Xỉ bất cấu hắc, bất hoàng, bất sơ, diệp bất khuyết lạc, bất sai, bất khúc. Thần bất hạ thù, diệp bất khiên súc, bất thô sáp, bất sang chần, diệp bất khuyết hoại, diệp bất oa tà, bất hậu, bất đại, diệp bất lê hắc, vô chư khả ó. Tỳ bất biến thể, diệp bất khúc lệ. Diện sắc bất hắc, diệp bất hiệp trường, diệp bất dữ khúc, vô hữu nhất thiết bất khả hỷ tướng. Thần, thiết, nha xỉ tất giai nghiêm hảo. Tỳ tu cao trực, diện mạo viên mãn, my cao nhi trường. Ngạch quảng bình chánh, nhân tướng cụ túc. Thể thể sở sanh, kiến Phật vãn pháp, tín thọ giáo hối.*

**(經)阿逸多！若復有人語餘人言：「有經名法華，可共往聽」，即受其教，乃至須臾間聞。是人功德轉身得與陀羅尼菩薩共生一處，利根，智慧。百千萬世終不瘡啞。口氣不臭，舌常無病，口亦無病。齒不垢黑，不黃，不疎，亦不缺落，不差，不曲。唇不下垂，亦不褻縮，不麤澀，不瘡疹，亦不缺壞，亦不局斜，不厚，不大，亦不黧黑，無諸可惡。鼻不匾匾，亦不曲戾。面色不黑，亦不陘長，亦不窳曲，無有一切不可喜相。唇，舌，牙齒悉皆嚴好。**

**鼻脩高直，面貌圓滿，眉高而長。額廣平正，人相具足。  
世所生，見佛聞法，信受教誨。**

(*Kinh*: *Này A Dật Đa! Nếu lại có người nói với người khác: “Có kinh tên là Pháp Hoa, hãy nên cùng đến nghe”. [Người đó] liền vâng lời, dấu chỉ tới nghe trong khoảnh khắc. Công đức của người ấy (người khuyên đi nghe kinh) là thân sau sẽ được sanh cùng một chỗ với Đà La Ni Bồ Tát<sup>61</sup>, lợi căn, trí huệ. Trong trăm ngàn vạn năm, trọn chẳng cảm ngong. Hơi miệng chẳng thối, lưỡi thường không bệnh, miệng cũng không bệnh. Răng chẳng đen dơ, chẳng vàng, chẳng thừa, cũng chẳng thiếu rụng, chẳng so le, chẳng cong vẹo. Môi chẳng trề, cũng chẳng co rút, chẳng thô rít, chẳng gẻ nhọn, cũng chẳng thiếu khuyết (môi trót hoặc sứt môi), hư hoại, cũng chẳng cong quặp, chẳng dày, chẳng to, cũng chẳng đen đúa, không có các hình dạng khó ưa. Mũi chẳng tẹt xẹp, cũng chẳng cong vẹo. Sắc mặt chẳng đen, mặt chẳng hẹp dài, cũng chẳng cong gãy, chẳng có hết thấy các tướng khó ưa. Môi, lưỡi, răng lợi thấy đều ngay ngắn, đẹp đẽ, mũi dài, cao, thẳng, diện mạo viên mãn, lông mày cao dài. Trán rộng phẳng phiu. Tướng người trọn vẹn, đời đời sanh ra đều thấy Phật, nghe pháp, tin nhận lời răn dạy).*

Đoạn kinh văn này cũng nêu ra công đức nơi sáu căn. “Lợi căn” là sáu căn đều nhạy bén. “Trí huệ” là công đức nơi ý. “Chẳng cảm ngong” là công đức nơi lưỡi. “Dài cao, thẳng” là công đức nơi mũi. “Thấy Phật” là công đức nơi mắt. “Nghe pháp” là công đức nơi tai. Các điều khác là công đức nơi thân. Phần sau (tức phẩm Pháp Sư Công Đức) nói sáu căn thanh tịnh chính là công đức nơi địa vị Tương Tự. Ở đây là công đức trước khi đạt tới địa vị Tương Tự. Nhưng năm mươi công đức ấy, hoặc trọn đủ, hoặc chẳng trọn đủ, hoặc đạt được một, hai phần, tùy theo sức công đức, chẳng thể nhất loạt như nhau được! Lại nữa, Tùy Hỷ là địa vị Quán Hạnh, nay nói ba loại là tự đến [nghe kinh], chia chỗ ngồi, và khuyên người khác [nghe kinh], chưa bàn tới Lý Quán, tức là địa vị Danh Tự. Công đức của [địa vị] Danh Tự mà còn là như thế, huống hồ [địa vị] Quán Hạnh ư? Huống hồ Tương Tự Phần Chứng và Cứu Cánh ư?

<sup>61</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đà La Ni Bồ Tát là bậc Bồ Tát đã đắc Tổng Trì, theo Thập Địa Luận, đó là Ngũ Địa Bồ Tát trong Viên Giáo”.

18.2.1.2.4. Nghe trọn vẹn rồi tu hành

*(Kinh) A Dật Đa! Nhữ thử quán thị khuyến u nhất nhân linh vãng thính pháp, công đức như thử, hà hướng nhất tâm thính thuyết, độc tụng, nhi u đại chúng vị nhân phân biệt, như thuyết tu hành.*

**(經)阿逸多！汝且觀是勸於一人令往聽法，功德如此，何況一心聽說讀誦，而於大眾為人分別，如說修行」。**

*(Kinh: Nay A Dật Đa! Ông hãy xem khuyên một người, khiến cho người ấy đến nghe pháp, công đức như thế đó, hướng hô nhất tâm nghe nói, đọc, tụng, ở trong đại chúng vì người khác phân biệt, tu hành đúng như lời dạy).*

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

18.2.2. Kệ tụng

18.2.2.1. Trùng tụng công đức do nội tâm tùy hỷ

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược nhân u pháp hội, đắc văn thị kinh điển, nãi chí u nhất kệ, tùy hỷ vị tha thuyết. Như thị triển chuyển giáo, chí u đệ ngũ thập. Tối hậu nhân hoạch phước, kim đương phân biệt chi. Như hữu đại thí chủ, cung cấp vô lượng chúng, cụ mãn bát thập tuế, tùy ý chi sở dục. Kiến bỉ suy lão tướng, phát bạch nhi diện trứu, xỉ sơ, hình khô kiệt. Niệm kỳ tử bất cứu, ngã kim ưng đương giáo, linh đắc u đạo quả. Tức vị phương tiện thuyết, Niết Bàn chân thật pháp. Thế giai bất lao cố, như thủy mát, bào, diêm. Nhữ đẳng hàm ưng đương, tât sanh yếm ly tâm. Chư nhân văn thị pháp, giai đắc A La Hán, cụ túc lục thần thông, tam minh, bát giải thoát. Tối hậu đệ ngũ thập, văn nhất kệ tùy hỷ, thị nhân phước thắng bỉ, bất khả vi thí dụ. Như thị triển chuyển văn, kỳ phước thượng vô lượng. Hà hướng u pháp hội, sơ văn tùy hỷ giả.*

**(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若人於法會，得聞是經典，乃至於一偈，隨喜為他說。如是展轉教，至於第五十。最後人獲福，今當分別之。如有大施主，供給無量眾，具滿八十歲，隨意之所欲。見彼衰老相，髮**

白而面皺，齒疎形枯竭。念其死不久，我今應當教，令得於道果。即為方便說，涅槃真實法。世皆不牢固，如水沫泡燄。汝等咸應當，疾生厭離心。諸人聞是法，皆得阿羅漢，具足六神通，三明八解脫。最後第五十，聞一偈隨喜，是人福勝彼，不可為譬喻。如是展轉聞，其福尚無量。何況於法會，初聞隨喜者。

(*Kinh*: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này bèn nói kệ rằng: - Nếu ai trong pháp hội, được nghe kinh điển này, dầu chỉ một bài kệ, tùy hỷ vì người nói. Lần lượt dạy như thế, tới người thứ năm mươi. Người cuối cùng được phước, nay sẽ phân biệt nói. Như có đại thí chủ, cung cấp vô lượng chúng, trọn đủ tám mươi năm, thuận lòng họ mong muốn. Thấy họ tướng già suy, tóc bạc và mặt nhăn, răng thưa, thân còm cõi. Nghĩ không lâu sẽ chết, ta nay nên dạy họ, khiến họ đắc đạo quả. Liền phương tiện giảng nói, pháp Niết Bàn chân thật. Đòi đều không chắc chắn, như bọt nước, gợn nắng. Các người hãy đều nên, mau sanh lòng chán lìa. Mọi người nghe pháp ấy, đều đắc A La Hán, trọn đủ sáu thần thông, tam minh, tám giải thoát. Người năm mươi cuối cùng, nghe một kệ tùy hỷ, được phước hơn thí chủ, chẳng thể thí dụ được! Lần lượt nghe như thế, còn hưởng phước vô lượng. Huống hồ trong pháp hội, nghe tùy hỷ đầu tiên).

#### 18.2.2.2. Trùng tụng công đức của người nghe pháp ngoài pháp hội

##### 18.2.2.2.1. Trùng tụng [công đức] của người khuyên kẻ khác

(*Kinh*) Nhược hữu khuyên nhất nhân, tương dẫn thính Pháp Hoa, ngôn thử kinh thâm diệu, thiên vạn kiếp nan ngộ. Tứ thọ giáo vãng thính, nãi chí tu du văn. Tư nhân chi phước báo, kim đương phân biệt thuyết: Thế thế vô khẩu hoạn, xỉ bất sơ hoàng hắc. Thần bất hậu, khiên, khuyết, vô hữu khả ó tướng. Thiệt bất cần, hắc, đoản. Ty cao tu thả trực. Ngạch quảng nhi bình chánh. Diện mục tất đoan nghiêm, vị nhân sở hỷ kiến. Khẩu khí vô xú uế. Ưu Bát hoa chi hương, thường tùng kỳ khẩu xuất.



**(經)若有勸一人，將引聽法華，言此經深妙，千萬劫難遇。即受教往聽，乃至須臾聞。斯人之福報，今當分別說：世世無口患，齒不疎黃黑。唇不厚褰缺，無有可惡相。舌不乾黑短。鼻高脩且直。額廣而平正。面目悉端嚴，為人所喜見。口氣無臭穢。優鉢華之香，常從其口出。**

*(Kinh: Nếu ai khuyên một người, dẫn dụ nghe Pháp Hoa, nói kinh ấy sâu màu, ngàn vạn kiếp khó gặp. Liên nghe lời tới nghe, dầu chỉ trong giây lát. Phước báo của kẻ đó, nay sẽ phân biệt nói: Đời đời miệng chẳng bệnh, răng chẳng thưa, vàng, đen. Môi chẳng dày, tím, khuyết, chẳng có tướng đáng ghét. Lưỡi chẳng khô, đen, ngắn. Mũi cao, dài và thẳng. Trán rộng mà phẳng phiu. Diện mạo đều đoan nghiêm, người khác thích trông thấy. Hơi miệng chẳng hôi thối. Mùi hương hoa Ưu Bát, thường từ miệng phả ra).*

#### **18.2.2.2. Trùng tụng chuyện tự đến nghe**

*(Kinh) Nhược cố nghệ tăng phùng, dục thánh Pháp Hoa kinh. Tu du văn hoan hỷ, kim đương thuyết kỳ phước: Hậu sanh thiên nhân trung, đắc diệu tượng, mã xa, trân bảo chi liên dư, cập thừa thiên cung điện.*

**(經)若故詣僧坊，欲聽法華經。須臾聞歡喜，今當說其福：後生天人中，得妙象馬車，珍寶之輦輿，及乘天宮殿。**

*(Kinh: Có ý đến tăng phùng, muốn nghe kinh Pháp Hoa. Nghe giây lát, hoan hỷ. Nay sẽ nói phước đó: Sau sanh trong trời, người, được voi, xe ngựa đẹp, kiệu cúng bằng trân bảo, và ngự cung điện trời).*

#### **18.2.2.2.3. Trùng tụng chuyện chia chỗ ngồi**

*(Kinh) Nhược ư giảng pháp xứ, khuyến nhân tọa thánh kinh. Thị phước nhân duyên đắc, Thích, Phạm, Chuyển Luân tòa.*

**(經)若於講法處，勸人坐聽經。是福因緣得，釋梵轉輪座。**

*(Kinh: Nếu ở chỗ giảng pháp, khuyên người ngồi nghe kinh. Nhân duyên phước sẽ đắc, tòa Thích, Phạm, Chuyển Luân).*

#### 18.2.2.2.4. Trùng tụng nghe trọn đủ, tu hành

*(Kinh) Hà hưởng nhất tâm thính, giải thuyết kỳ nghĩa thú, như thuyết nhi tu hành, kỳ phước bất khả hạn.*

**(經)何況一心聽，解說其義趣，如說而修行，其福不可限。**

*(Kinh: Hưởng hồ một dạ nghe, giải nói nghĩa thú ấy, tu hành đúng lời dạy, phước đó chẳng thể ngần).*

Phần thứ nhất, “dùng công đức nơi nhân để khuyên lưu thông” đã xong. Giải thích phẩm Tùy Hỷ Công Đức cũng xong; kể đó, giải thích phẩm Pháp Sư Công Đức.

### 19. Pháp Sư Công Đức Phẩm Đệ Thập Cửu

#### 法師功德品第十九

*Phẩm thứ mười chín: Công đức của pháp sư*

“*Pháp sư*” tức là năm loại pháp sư: Thọ trì, đọc tụng v.v... như đã giải thích cặn kẽ trong phẩm Pháp Sư thuộc phần trước. Năm loại hạnh ấy bắt đầu từ Danh Tự cho đến Phân Chứng, đều có thể thực hiện. Bất cứ hạnh nào, đều do ngũ phẩm mà thanh tịnh lục căn; nhưng ngũ phẩm thuộc về Quán, còn năm loại [pháp sư] thuộc về Sự. Vì thế, “*đọc tụng*” được nói trong phẩm này chưa chắc là đã nói đến hạng người thứ hai [trong năm loại người được nói trong phẩm Phân Biệt Công Đức]. “*Giải nói*” trong phẩm này chưa chắc là nói đến hạng người thứ ba. Phẩm Tùy Hỷ Công Đức trên đây đã nói rõ công đức của kẻ sơ tâm trong phẩm thứ nhất, còn phẩm này xét chung năm sự, bất luận hành chuyện gì, sẽ đều đạt được sáu căn thanh tịnh. Đã nói là “*đương đắc*” (sẽ đạt được), tức là nêu ra cái quả để khuyên, chính là [nêu ra] công đức đạt được bởi năm

loại pháp sư. Nhưng muốn thanh tịnh sáu căn, cần phải tu quán pháp thuộc mười thừa, hoặc dùng đọc để tu mười pháp Quán, hoặc dùng tụng để tu mười pháp Quán, hoặc dùng giải nói để tu mười pháp Quán, hoặc dùng biên chép để tu mười pháp Quán.

Bậc thượng căn quán cảnh liền thanh tịnh sáu căn. Trung căn thì từ hai tới sáu căn trong lục căn sẽ được thanh tịnh. Hạ căn vận dụng trọn mười pháp, đối với lục căn thanh tịnh đều là phần chứng. Năm căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) thanh tịnh được gọi là “ngoại trang nghiêm” (trang nghiêm bên ngoài). Ý căn thanh tịnh gọi là “nội trang nghiêm” (trang nghiêm bên trong). Lại nữa, từ địa ngục cho đến sắc tượng của hết thầy chư Phật đều hiện trong thân thì gọi là “nội trang nghiêm”. Dùng Phổ Hiện Sắc Thân tam-muội, hiện hình tượng của mười pháp giới, hóa độ hết thầy, gọi là “ngoại trang nghiêm”. Thân căn đã là như thế, năm căn kia cũng thế.

Thọ trì đã là như vậy, bốn chuyện kia (đọc, tụng, giải nói, biên chép) cũng thế. Phẩm Tùy Hỷ đã là như thế, bốn phẩm kia càng bội phần. Tương Tự đã là như thế, Phần Chân sẽ đều như thế. Vì thế nói là phẩm Pháp Sư Công Đức. Đó là ý nghĩa Thế Giới Tất Đàn. Hành giả nghe nói công đức lợi ích ấy, vui mừng khôn ngăn, siêng cầu chẳng chán! Tín và Tinh Tấn tăng gấp bội. Vì thế nói là phẩm Pháp Sư Công Đức. Đó là ý nghĩa Vị Nhân Tất Đàn. Nghe nói điều này xong, biết sâu xa Đại Thừa có thể lực lớn, quyết chẳng mắc vào lưới ngò! Vì thế nói phẩm Pháp Sư Công Đức. Đó là ý nghĩa Đồi Trại Tất Đàn. Kẻ sơ sài nhất nơi Tương Tự Giải mà [công đức] gấp trăm ngàn vạn lần tốt bậc nơi Nhị Thừa, chỉ ra cái khởi đầu để hiển lộ cái chung cục, càng hiểu Đệ Nhất Nghĩa Đế chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế nói là phẩm Pháp Sư Công Đức. Đó là ý nghĩa Nhập Lý vậy.

*\* Nêu ra công đức của cái quả nơi phẩm đầu (phẩm tùy hỷ) để khuyên lưu thông*

### **19.1. Liệt kê số lượng**

**(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát:**  
**- Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì thị Pháp Hoa kinh, nhược đọc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, thị nhân đương đắc bát bách nhãn công đức, thiên nhị bách nhĩ công đức, bát bách ty công đức, thiên nhị bách thiệt công đức, bát bách thân công đức, thiên nhị bách ý công đức. Dĩ thị công đức trang nghiêm lục căn, giai linh thanh tịnh.**

**(經)爾時，佛告常精進菩薩摩訶薩：「若善男子，善女人受持是法華經，若讀，若誦，若解說，若書寫，是人當得八百眼功德，千二百耳功德，八百鼻功德，千二百舌功德，八百身功德，千二百意功德。以是功德莊嚴六根，皆令清淨。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát (Satatasamitābhiyukta): - Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh Pháp Hoa này, dù đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, người ấy sẽ được tám trăm công đức nơi mắt, một ngàn hai trăm công đức nơi tai, tám trăm công đức nơi mũi, một ngàn hai trăm công đức nơi lưỡi, tám trăm công đức nơi thân, một ngàn hai trăm công đức nơi ý. Dùng công đức ấy để trang nghiêm sáu căn khiến cho đều thanh tịnh).*

Ngũ phẩm quán hạnh theo chiều dọc xét theo một người. Năm loại pháp sư theo chiều ngang bao gồm năm loại người. Nhưng quán bất cứ loại người nào, cũng đều có thể thanh tịnh trọn vẹn sáu căn, tức là theo chiều dọc mà chẳng phải là dọc. Bất cứ người nào cũng đều có thể kiêm hành năm sự, tức là theo chiều ngang mà chẳng ngang. Nay nhờ vào “ngang mà chẳng phải là ngang” để đối ứng với “dọc mà chẳng phải là dọc”. Tin tưởng, lãnh nhận gọi là Thọ, gánh vác là Trì. Thọ tức là Tùy (thuận theo), Trì chính là Hỷ. Vì thế, dùng thọ trì để mô phỏng phẩm Tùy Hỷ. Đọc và tụng còn dùng để tương ứng với phẩm thứ hai, giải nói tương ứng với phẩm thứ ba. Biên chép và cúng dường tương ứng với hai phẩm thứ tư và thứ năm, do trong mỗi phẩm, ấy tương ứng với quán pháp của mười thừa. Vì thế, sẽ đạt được quả báo sáu căn thanh tịnh. Tám trăm hay một ngàn hai trăm [công đức] v.v... chỉ là dựa theo kinh Đại Phật Đảnh (kinh Lăng Nghiêm) để giải thích các tướng là do Tánh Đức tu được, cả hai nghĩa đều thành tựu. Ấy là vì một niệm tâm tánh hiện tiền vốn sẵn theo chiều dọc cùng tột, theo chiều ngang trọn khắp. Do theo chiều dọc cùng tột, cho nên huyền hiện ba đời. Do theo chiều ngang trọn khắp, cho nên huyền hiện bốn phương. Xét theo đời thì đời nào cũng có phương, ba lần bốn cũng là mười hai. Xét theo phương thì phương nào cũng có đời, bốn lần ba cũng là mười hai! Do vậy, nói “ba lần bốn” hay “bốn lần ba” uyển chuyển thành mười hai. Bất cứ mỗi phương hay mỗi

đời nào, ắt cũng đều có mười pháp giới. Đó là một trăm hai mươi. Trong mỗi pháp giới, đều có Thập Như (tánh như thị, tướng như thị v.v...). Cho nên [mười nhân với một trăm hai mươi] thành một ngàn hai trăm. Vì thế nói: “*Lưu xuất, biến ba tầng từ một thành mười, trăm, ngàn*” (Vốn chỉ là nhất tâm, lần biến đổi thứ nhất là ba lần bốn hoặc bốn lần ba thành mười hai. Tầng thứ hai, do [mười hai nhân với] mười giới mà thành một trăm hai mươi. Tầng thứ ba, [một trăm hai mươi ấy] nhân với Thập Như mà thành một ngàn hai trăm).

Xét theo mười phương ba đời, hết thấy mười pháp giới, cũng chỉ có con số “một ngàn hai trăm” này đủ để gồm trọn hết. Xét theo mỗi chúng sanh, ai nấy cũng đều có đủ con số một ngàn hai trăm ấy, chẳng thừa, chẳng thiếu! Xét theo mỗi chúng sanh, đã trọn đủ con số một ngàn hai trăm ấy. Xét theo mỗi căn, cũng hoàn toàn có đủ con số một ngàn hai trăm ấy. Đây là pháp tánh chẳng thể nghĩ bàn. Toàn chân thành vọng, toàn vọng tức chân. Nơi thánh chẳng tăng, nơi phàm không giảm. Nơi sáu căn chẳng nhiều, nơi một căn chẳng ít! Vì thế gọi là Tánh Đức. Chúng sanh do mê Tánh Đức ấy mà tu hành trái nghịch, đến nỗi khiến cho tác dụng của sáu căn có nhiều, có ít! Mắt thì thấy đằng trước mà chẳng thấy đằng sau, đối với bốn góc thì bỏ sót một nửa; vì thế chỉ có tám trăm [công đức]. Tai nghe trọn khắp mười phương; vì thế là một ngàn hai trăm [công đức]. Mũi thì thờ ra bên giữ hơi, hít vào liền biết mùi, giữa hai khoảng ấy sẽ chẳng có lực dụng thù thắng; vì thế chỉ có tám trăm [công đức]. Lưỡi tuyên dương vô tận, cho nên có một ngàn hai trăm [công đức]. Thân thì có tiếp xúc mới biết là vừa lòng hay trái ý, [hễ các trần] tách khỏi thân thì chẳng biết; cho nên chỉ có tám trăm. Ý ngầm dung hợp pháp thế gian hay xuất thế gian, tốt cùng bờ mé; cho nên là một ngàn hai trăm [công đức]. Đó là xét riêng theo mê tình để nói. Người thuộc Viên Giáo nương theo Tánh Đức ấy mà dứt khởi sự thuận tu, sáu căn sẽ dùng lẫn cho nhau, chẳng còn hơn kém! Một căn chiếu trọn khắp hết thấy các cảnh, một cảnh đối ứng trọn khắp hết thấy các căn. Căn căn, trần trần, hiển lộ trọn vẹn pháp giới. Đó là riêng xét theo khai ngộ để nói. Nay trên là thuận theo khai ngộ, cho nên nói “*công đức trang nghiêm thanh tịnh*”; dưới thuận theo mê tình, cho nên vẫn là tám trăm hay một ngàn hai khác nhau! Kinh văn chép: “*Tuy vị đắc Thiên Nhân*” (Tuy chưa đắc Thiên Nhân), tức là dưới thì thuận theo mê tình. Lại nói: “*Nhục nhân lực như thị*” (Sức của nhục nhân là như thế), tức là trên thì thuận theo khai ngộ. Một căn đã là như thế, các căn khác đều có thể suy ra mà biết!

## 19.2. Giải thích riêng biệt

### 19.2.1. Nhãn căn

(Kinh) “Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân phụ mẫu sở sanh thanh tịnh nhục nhãn kiến w tam thiên đại thiên thế giới nội ngoại sở hữu sơn, lâm, hà, hải, hạ chí A Tỳ địa ngục, thượng chí Hữu Đảnh, diệc kiến kỳ trung nhất thiết chúng sanh, cập nghiệp nhân duyên, quả báo, sanh xứ, tất kiến, tất tri”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược w đại chúng trung, dĩ vô sở úy tâm, thuyết thị Pháp Hoa kinh, như thính kỳ công đức. Thị nhân đắc bát bách, công đức thù thắng nhãn. Dĩ thị trang nghiêm cố, kỳ mục thậm thanh tịnh, phụ mẫu sở sanh nhãn, tất kiến tam thiên giới, nội ngoại Di Lâu sơn, Tu Di cập Thiết Vi, tịnh dư chư sơn lâm, đại hải, giang hà thủy, hạ chí A Tỳ ngục, thượng chí Hữu Đảnh xứ, kỳ trung chư chúng sanh, nhất thiết giai tất kiến. Tuy vị đắc Thiên Nhãn, nhục nhãn lực như thị.

(經)是善男子，善女人父母所生清淨肉眼見於三千大千世界內外所有山，林，河，海，下至阿鼻地獄，上至有頂，亦見其中一切眾生，及業因緣，果報，生處，悉見，悉知」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若於大眾中，以無所畏心，說是法華經，汝聽其功德。是人得八百，功德殊勝眼。以是莊嚴故，其目甚清淨，父母所生眼，悉見三千界，內外彌樓山，須彌及鐵圍，并餘諸山林，大海江河水，下至阿鼻獄，上至有頂處，其中諸眾生，一切皆悉見。雖未得天眼，肉眼力如是」。

(Kinh: “Thiện nam tử, thiện nữ nhân do cha mẹ sanh ra mà thấy tam thiên đại thiên thế giới trong ngoài tất cả núi, rừng, sông, biển, dưới là tới địa ngục A Tỳ, trên là đến trời Hữu Đảnh. Cũng thấy hết thấy chúng sanh trong đó và nghiệp nhân duyên, quả báo, chỗ họ sanh sống, đều thấy, đều biết”. Lúc bấy giờ, đức

*Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu ở trong đại chúng, dùng tâm không sợ hãi, nói kinh Pháp Hoa này, ông hãy nghe công đức. Người ấy đắc tám trăm, mắt công đức thù thắng. Do được trang nghiêm vậy, mắt hết sức thanh tịnh, nhục nhãn cha mẹ sanh, thấy trọn cõi tam thiên, trong ngoài núi Di Lô (Meru), Tu Di (Sumeru) và Thiết Vi (Cakravāḍa), và các núi rừng khác. Nước biển cả, sông ngòi, dưới tới ngục A Tỳ, trên đến trời Hữu Đảnh. Các chúng sanh trong đó, hết thấy đều thấy trọn. Dầu chưa đắc Thiên Nhãn, sức nhục nhãn như thế).*

Xét ngũ nhãn theo thứ tự, nhục nhãn thường thấy Hiển Đôi Sắc<sup>62</sup>, thiên nhãn thấy chướng ngoại sắc<sup>63</sup>, huệ nhãn quán Không, pháp nhãn quán Tục, Phật nhãn quán Trung. Xét theo thiên nhãn thì trên có thể thấy dưới, dưới chẳng thể thấy trên<sup>64</sup>. Báo đắc thiên nhãn của Phạm Vương thấy trọn khắp các cõi thuộc quyền thống trị, nhưng chẳng thể thấy các cõi bên cạnh. Thiên nhãn của Nhị Thừa có thể thấy đại thiên thế giới, nhưng tác ý thì thấy, chẳng tác ý sẽ không thấy. Lại như ngài Mục Kiền Liên dùng tám ngàn tam-muội, có thể thấy tám ngàn thế giới. Ngài Xá Lợi Phất dùng một vạn tam-muội có thể thấy một vạn thế giới v.v... Hoàn toàn là do nhập Định mới thấy, xuất Định sẽ chẳng thấy. Nay kinh nói rõ nhục nhãn do cha mẹ sanh thành có thể thấy đại thiên trong, ngoài, trên, dưới, hoàn toàn chẳng do người khác dạy bảo. Hãy nên biết đó chính là nhục nhãn viên dung, một mắt là hết thấy các mắt. Chỉ trong nhục nhãn mà có đủ tác dụng của ngũ nhãn:

- Thấy đại thiên tức là tác dụng của thiên nhãn.
- Thấy nghiệp nhân duyên quả báo tức là tác dụng của pháp nhãn.
- Do thanh tịnh nên chẳng có Kiến Tư Hoặc, tức là tác dụng của huệ nhãn.
- Do thanh tịnh, nên chế phục Vô Minh Hoặc, tức là tác dụng của Phật nhãn.

---

<sup>62</sup> Hiển Đôi Sắc: Sắc tướng có thể thấy bằng mắt thường.

<sup>63</sup> Chướng ngoại sắc: Sắc tướng bị ngăn che bởi một vật khác, chẳng hạn như vật ở sau bức tường thì mắt thường chẳng thể nhìn xuyên qua tường được. Sắc tướng ấy được gọi là Chướng Ngoại Sắc.

<sup>64</sup> Ý nói: Cõi trên có thể thấy cõi dưới, nhưng cõi dưới chẳng thấy cõi trên, như chư thiên trời Tứ Thiên Vương có thể thấy nhân gian, ngựa quý, súc sanh, A Tu La, địa ngục v.v... rành rành, nhưng chẳng thể thấy cảnh tượng trên trời Đạo Lợi.

Đại Kinh nói: “*Tuy thị nhục nhãn, danh vi Phật nhãn*” (Tuy là nhục nhãn, mà gọi là Phật nhãn). Do chính là Phật nhãn, nên gọi là “*thanh tịnh*”. Do trọn đủ ngũ nhãn, nên gọi là “*trang nghiêm*”, tức là tương tự Phật nhãn, mà cũng là tương tự Phật ngũ nhãn. Do là thân phần đoạn, cho nên gọi là “*phụ mẫu sở sanh nhục nhãn*” (nhục nhãn do cha mẹ sanh ra). Vì thế, thuận theo mê tình mà nói tám trăm [công đức]. Đã chứng tương tự giải, cho nên giống như ngũ nhãn xứng tánh của Như Lai. Do thuận theo khai ngộ mà nói đến công đức. Lại chuẩn theo kinh văn trong phần sau, cũng phải nên thấy trọn Phật, và các vị Bồ Tát, Thanh Văn v.v... Cũng phải nên thấy trọn thanh, hương, vị, xúc và pháp v.v... Đã đắc tương tự viên dung ngũ nhãn, ắt sẽ đắc tương tự lực căn dùng lẫn cho nhau, nhưng kinh văn lược đi [chẳng nói căn kẽ].

Ba câu đầu trong phần kệ đã hiển thị trọn vẹn ba khuôn khổ. “*Nhược ư đại chúng trung*” (Nếu ở trong đại chúng) tức là “*nhà Như Lai*”. “*Dĩ vô sở úy tâm*” (Dùng tâm chẳng sợ hãi) tức là “*áo Như Lai*”. “*Thuyết thị Pháp Hoa kinh*” (Nói kinh Pháp Hoa này) là “*tòa Như Lai*”. Ba khuôn khổ hoàng kinh, mười thừa trọn đủ. Vì thế, đạt được sáu căn thanh tịnh, há có phải là bỗng dung ư? Di Lô được phương này dịch là Quang, tức là một trong bảy rặng Kim Sơn.

### **19.2.2. Nhĩ Căn**

*(Kinh) “Phục thứ Thường Tinh Tấn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì thử kinh, nhược độc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, đắc thiên nhị bách nhĩ công đức. Dĩ thị thanh tịnh nhĩ, văn tam thiên đại thiên thế giới, hạ chí A Tỳ địa ngục, thượng chí Hữu Đảnh. Kỳ trung nội ngoại chủng chủng ngữ ngôn âm thanh: Tượng thanh, mã thanh, ngưu thanh, xa thanh, đề khốc thanh, sấu thán thanh, loa thanh, cổ thanh, chung thanh, linh thanh, tiểu thanh, ngữ thanh, nam thanh, nữ thanh, đồng tử thanh, đồng nữ thanh, pháp thanh, phi pháp thanh, khổ thanh, lạc thanh, phàm phu thanh, thánh nhân thanh, hỷ thanh, bất hỷ thanh, thiên thanh, long thanh, Dạ Xoa thanh, Càn Thát Bà thanh, A Tu La thanh, Ca Lô La thanh, Khẩn Na La thanh, Ma Hầu La Già thanh, hỏa thanh, thủy thanh, phong thanh, địa ngục thanh, súc sanh thanh, ngạ quỷ thanh, tỳ-kheo thanh, tỳ-kheo-ni thanh, Thanh Văn thanh, Bích Chi Phật thanh, Bồ Tát thanh, Phật thanh. Dĩ yếu ngôn chi, tam thiên đại thiên thế giới trung nhất thiết nội ngoại sở hữu chư thanh, tuy vị đắc Thiên*



Nhĩ, dĩ phụ mẫu sở sanh thanh tịnh thường nhĩ, giai tất văn tri. Như thị phân biệt chủng chủng âm thanh, nhi bất hoại nhĩ căn”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Phụ mẫu sở sanh nhĩ, thanh tịnh vô trước uest. Dĩ thử thường nhĩ văn. Tam thiên thế giới thanh. Tượng, mã xa, ngư thanh. Chung, linh, loa, cổ thanh. Cầm, sắt, không hầu thanh. Tiêu, địch chi âm thanh. Thanh tịnh hảo ca thanh. Thính chi nhi bất trước. Vô số chủng nhân thanh. Văn tất năng giải liễu. Hựu văn chư thiên thanh, vi diệu chi ca âm, cập văn nam nữ thanh. Đồng tử, đồng nữ thanh. Sơn, xuyên, hiểm cốc trung, Ca Lăng Tần Già thanh, Mạng Mạng đẳng chư diệu, tất văn kỳ âm thanh. Địa ngục chúng khổ thống, chủng chủng sở độc thanh. Ngạ quỷ cơ khát bức, cầu sách ẩm thực thanh. Chư A Tu La đẳng, cư tại đại hải biên, tự cộng ngôn ngữ thời, xuất u đại âm thanh. Như thị thuyết pháp giả, an trụ u thử gian, dao văn thị chúng thanh, nhi bất hoại nhĩ căn. Thập phương thế giới trung, cầm thú minh tương hô. Kỳ thuyết pháp chi nhân, u thử tất văn chi. Kỳ chư Phạm Thiên thượng, Quang Âm cập Biến Tịnh, nãi chí Hữu Đảnh Thiên, ngôn ngữ chi âm thanh. Pháp sư trụ u thử, tất giai đắc văn chi. Nhất thiết tỳ-kheo chúng, cập chư tỳ-kheo-ni. Nhược độc tụng kinh điển, nhược vị tha nhân thuyết. Pháp sư trụ u thử, tất giai đắc văn chi. Phục hựu chư Bồ Tát, độc tụng u kinh pháp. Nhược vị tha nhân thuyết, soạn tập giải kỳ nghĩa. Như thị chư âm thanh, tất giai đắc văn chi. Chư Phật đại thánh tôn, giáo hóa chúng sanh giả, u chư đại hội trung, diễn thuyết vi diệu pháp. Trì thử Pháp Hoa giả, tất giai đắc văn chi. Tam thiên đại thiên giới, nội ngoại chư âm thanh. Hạ chí A Tỳ ngục, thượng chí Hữu Đảnh thiên, giai văn kỳ âm thanh, nhi bất hoại nhĩ căn. Kỳ nhĩ thông lợi cố, tất năng phân biệt tri. Trì thị Pháp Hoa giả, tuy vị đắc Thiên Nhĩ, đản dụng sở sanh nhĩ, công đức dĩ như thị.

(經)「復次常精進！若善男子，善女人受持此經，若讀，若誦，若解說，若書寫，得千二百耳功德。以是清淨耳，聞三千大千世界，下至阿鼻地獄，上至有頂。其中內外種種語言音聲：象聲，馬聲，牛聲，車聲，啼哭聲，愁歎聲，螺聲，鼓聲，鐘聲，鈴聲，笑聲，語聲，男聲，女

聲，童子聲，童女聲，法聲，非法聲，苦聲，樂聲，凡夫聲，聖人聲，喜聲，不喜聲，天聲，龍聲，夜叉聲，乾闥婆聲，阿修羅聲，迦樓羅聲，緊那羅聲，摩睺羅伽聲，火聲，水聲，風聲，地獄聲，畜生聲，餓鬼聲，比丘聲，比丘尼聲，聲聞聲，辟支佛聲，菩薩聲，佛聲。以要言之，三千大千世界中一切內外所有諸聲，雖未得天耳，以父母所生清淨常耳，皆悉聞知。如是分別種種音聲，而不壞耳根」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「父母所生耳，清淨無濁穢。以此常耳聞。三千世界聲。象馬車牛聲。鐘鈴螺鼓聲。琴瑟箜篌聲。簫笛之音聲。清淨好歌聲。聽之而不著。無數種人聲。聞悉能解了。又聞諸天聲，微妙之歌音，及聞男女聲。童子童女聲。山川險谷中，迦陵頻伽聲，命命等諸鳥，悉聞其音聲。地獄眾苦痛，種種楚毒聲。餓鬼饑渴逼，求索飲食聲。諸阿修羅等，居在大海邊，自共言語時，出於大音聲。如是說法者，安住於此間，遙聞是眾聲，而不壞耳根。十方世界中，禽獸鳴相呼。其說法之人，於此悉聞之。其諸梵天上，光音及徧淨，乃至有頂天，言語之音聲。法師住於此，悉皆得聞之。一切比丘眾，及諸比丘尼。若讀誦經典，若為他人說。法師住於此，悉皆得聞之。復有諸菩薩，讀誦於經法。若為他人說，撰集解其義。如是諸音聲，悉皆得聞之。諸佛大聖尊，教化眾生者，於諸大會中，演說微妙法。持此法華者，悉

皆得聞之。三千大千界，內外諸音聲。下至阿鼻獄，上至有頂天，皆聞其音聲，而不壞耳根。其耳聰利故，悉能分別知。持是法華者，雖未得天耳，但用所生耳，功德已如是。

(*Kinh*: “Lại này Thường Tinh Tấn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, sẽ đắc một ngàn hai trăm công đức nơi tai. Dùng tai thanh tịnh ấy, nghe trong tam thiên đại thiên thế giới, dưới là tới địa ngục A Tỳ, trên là đến trời Hữu Đảnh, các thứ ngôn ngữ âm thanh trong ngoài nơi đó: Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng trâu, tiếng xe, tiếng gào khóc, tiếng sầu than, tiếng tù và, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng cười, tiếng nói, tiếng nam, tiếng nữ, tiếng trẻ trai, tiếng trẻ gái, tiếng pháp, tiếng phi pháp, tiếng khổ, tiếng lạc, tiếng phạm phu, tiếng thánh nhân, tiếng mừng, tiếng chẳng mừng, tiếng trời, tiếng rồng, tiếng Dạ Xoa, tiếng Càn Thát Bà, tiếng A Tu La, tiếng Ca Lô La, tiếng Khẩn Na La, tiếng Ma Hầu La Già, tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió, tiếng địa ngục, tiếng súc sanh, tiếng ngạ quỷ, tiếng tỳ-kheo, tiếng tỳ-kheo-ni, tiếng Thanh Văn, tiếng Bích Chi Phật, tiếng Bồ Tát, tiếng Phật. Nói chung, hết thảy tất cả các thứ tiếng trong ngoài tam thiên đại thiên thế giới. Tuy chưa đắc Thiên Nhĩ, dùng tai bình thường thanh tịnh do cha mẹ sanh ra, thấy đều nghe biết, phân biệt các thứ âm thanh như vậy, nhưng chẳng hoại nhĩ căn”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Tai do cha mẹ sanh, thanh tịnh, chẳng như bản. Dùng tai thường ấy nghe, tiếng trong cõi tam thiên. Tiếng voi, ngựa, xe, trâu. Tiếng chuông, linh, ốc, trống. Tiếng cầm, sắt, không hầu. Âm thanh của tiêu, sáo. Tiếng ca hay thanh tịnh. Tuy nghe, chẳng chấp trước. Tiếng vô số loại người, nghe rồi đều hiểu được. Lại nghe tiếng chư thiên, tiếng ca ngâm vi diệu. Và nghe tiếng nam, nữ. Tiếng bé trai, bé gái. Núi, sông, hang hiểm trở. Tiếng Ca Lãng Tần Già (Kalaviṅka), tiếng Mạng Mạng (Jīvakajīvaka)<sup>65</sup> ... các chim. Đều nghe âm thanh ấy. Địa ngục các đau khổ, các thứ tiếng khổ độc, ngạ quỷ đói khát bức, tiếng cầu tìm thức ăn. Các loài A Tu La, ở bên cạnh biển cả, lúc cùng nhau trò chuyện, vang ra

<sup>65</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Mạng Mạng, còn gọi là Cộng Mạng, một thân hai đầu, mỗi đầu có ý thức riêng biệt”.

âm thanh lớn. Người thuyết pháp như thế, an trụ ở nơi đây, vắng nghe các tiếng ấy, nhưng chẳng hư nhĩ căn. Trong mười phương thế giới, tiếng cảm thú gọi nhau. Người thuyết pháp khi ấy, ở đây thấy đều nghe. Âm thanh của ngôn ngữ, trên cõi trời Phạm Thiên, Quang Âm (Ābhāsvara) và Biến Tịnh (Śubhakarṣna)<sup>66</sup>, cho đến trời Hữu Đảnh. Âm thanh các ngôn ngữ, pháp sư ở nơi đây, thấy đều được nghe thấy. Hết thấy các tỳ-kheo, và các tỳ-kheo-ni, hoặc đọc tụng kinh điển, hoặc vì người khác nói. Pháp sư trụ nơi đây, thấy đều nghe thấy rõ. Lại có các Bồ Tát, đọc tụng các kinh pháp, hoặc vì người khác nói, soạn tập, giải ý nghĩa. Các âm thanh như thế, thấy đều được nghe thấy. Chư Phật đại thánh tôn, đáng giáo hóa chúng sanh, ở trong các đại hội, diễn nói pháp vi diệu. Người trì kinh Pháp Hoa, thấy đều được nghe thấy. Cõi tam thiên đại thiên, các âm thanh trong ngoài, dưới tới ngục A Tỳ, trên đến trời Hữu Đảnh, đều nghe âm thanh ấy, mà chẳng hoại nhĩ căn. Do vì tai thông sáng, đều hay phân biệt biết. Người trì kinh Pháp Hoa, tuy chưa đắc Thiên Nhĩ, nhưng nơi tai bảm sanh, công đức đã như vậy).

Nghe trọn khắp mười pháp giới trong ngoài cõi đại thiên, nghe tiếng của lục đạo, tức là nhục nhĩ và thiên nhĩ. Nghe Nhị Thừa, tức là huệ nhĩ. Nghe Bồ Tát tức là pháp nhĩ. Nghe Phật tức là Phật nhĩ. Lại tai do cha mẹ sanh ra tức là nhục nhĩ. Có thể nghe trong ngoài tức là thiên nhĩ. Nghe mà chẳng chấp trước chính là huệ nhĩ. Đều có thể phân biệt biết rõ, tức là pháp nhĩ. Cùng lúc nghe lẫn nhau, chẳng thể nghĩ bàn, tức là Phật nhĩ.

### **19.2.3. Tỳ căn**

**(Kinh) “Phục thứ Thường Tinh Tấn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì thị kinh, nhược độc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, thành tựu bát bách tỳ công đức. Dĩ thị thanh tịnh tỳ căn, văn u tam thiên đại thiên thế giới thượng, hạ, nội, ngoại chủng chủng chư hương: Tu Mạn Na hoa hương, Xà Đề hoa hương, Mạt Lợi hoa hương, Chiêm Bạc hoa hương, Ba La La hoa hương,**

---

<sup>66</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Quang Âm là tức Nhị Thiên Thiên trong Sắc Giới. Chư thiên cõi này miệng thường phóng quang để giao tiếp thay cho ngôn ngữ. Biến Tịnh Thiên thuộc Tam Thiên Thiên, cõi trời ấy quang minh thanh tịnh trọn khắp nên có tên như thế”.

*xích liên hoa hương, thanh liên hoa hương, bạch liên hoa hương, hoa thụ hương, quả thụ hương, Chiên Đàn hương, trầm thủy hương, Đa Ma La Bạt hương, Đa Già La hương, cập thiên vạn chủng hòa hương. Nhược mật, nhược hoàn, nhược đồ hương. Trì thị kinh giả, u thử gian trụ, tất năng phân biệt. Hựu phục biệt tri chúng sanh chi hương: Tượng hương, mã hương, ngư dương đặng hương, nam hương, nữ hương, đồng tử hương, đồng nữ hương, cập thảo mộc tùng lâm hương. Nhược cận, nhược viên, sở hữu chư hương, tất giai đắc văn, phân biệt bất thác. Trì thị kinh giả, tuy trụ u thử, diệc văn thiên thượng chư thiên chi hương: Ba Lợi Chất Đa La, Câu Bệ Đà La thụ hương, cập Mạn Đà La hoa hương, Ma Ha Mạn Đà La hoa hương, Mạn Thù Sa hoa hương, Ma Ha Mạn Thù Sa hoa hương, Chiên Đàn, trầm thủy, chủng chủng mật hương, chư tạp hoa hương. Như thị đặng thiên hương hòa hợp sở xuất chi hương, vô bất văn tri. Hựu văn chư thiên thân hương, Thích Đề Hoàn Nhân tại thắng điện thượng, ngũ dục ngu lạc hy hý thời hương. Nhược tại Diệu Pháp Đường thượng, vị Đạo Lợi chư thiên thuyết pháp thời hương. Nhược u chư viên du hý thời hương, cập dư thiên đặng nam nữ thân hương, giai tất dao văn. Như thị triển chuyển, nãi chí Phạm Thế. Thượng chí Hữu Đảnh chư thiên thân hương, diệc giai văn chi. Tịnh văn chư thiên sở thiêu chi hương, cập Thanh Văn hương, Bích Chi Phật hương, Bồ Tát hương, chư Phật thân hương, diệc giai dao văn, tri kỳ sở tại. Tuy văn thử hương, nhiên u tỵ căn bất hoại, bất thác. Nhược dục phân biệt, vị tha nhân thuyết, ức niệm bất mậu”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thị nhân tỵ thanh tịnh, u thử thế giới trung. Nhược hương, nhược xú vật, chủng chủng tất văn tri. Tu Mạn Na, Xà Đề, Đa Ma La, Chiên Đàn, trầm thủy cập quế hương. Chủng chủng hoa quả hương. Cập chư chúng sanh hương. Nam tử nữ nhân hương. Thuyết pháp giả viên trụ, văn hương tri sở tại. Đại thế Chuyển Luân Vương, tiểu Chuyển Luân cập tử, quần thần chư cung nhân. Văn hương tri sở tại. Thân sở trước trân bảo, cập địa trung bảo tạng, Chuyển luân vương bảo nữ. Văn hương tri sở tại. Chư nhân nghiêm thân cụ, y phục cập anh lạc, chủng chủng sở đồ hương. Văn hương tri kỳ thân. Chư thiên nhược hành, tọa, du hý cập thân biến. Trì thị Pháp Hoa giả, văn hương tất năng tri. Chư thụ hoa quả thật, cập tô du hương khí. Trì kinh giả trụ thử, tất tri kỳ sở tại. Chư sơn thâm hiểm xứ, Chiên Đàn thụ hoa phu, chúng sanh tại trung giả, văn hương tất năng tri. Thiết Vi sơn, đại hải, địa trung chư chúng sanh. Trì kinh giả*

văn hương, tất tri kỳ sở tại. A Tu La nam nữ, cập kỳ chư quyển thuộc. Đâu tránh du hý thời, văn hương giai năng tri. Khoáng dã, hiểm ải xứ, sư tử, tượng, hổ, lang, dã ngưu, thủy ngưu đặng, văn hương tri sở tại. Nhược hữu hoài nhâm giả, vị biện kỳ nam nữ, vô căn cập phi nhâm, văn hương tất năng tri. Dĩ văn hương lực cố, tri kỳ sơ hoài nhâm, thành tựu, bất thành tựu. An lạc sản phước tử. Dĩ văn hương lực cố, tri nam nữ sở niệm, nhiệm dục si khuể tâm. Diệc tri tu thiện giả. Địa trung chúng phục tạng, kim ngân chư trân bảo, đồng khí chi sở thịnh. Văn hương tất năng tri. Chủng chủng chư anh lạc, vô năng thức kỳ giá, văn hương tri quý tiện, xuất xứ cập sở tại. Thiên thượng chư hoa đặng, Mạn Đà, Mạn Thù Sa, Ba Lợi Chất Đa thụ, văn hương tất năng tri. Thiên thượng chư cung điện, thượng trung hạ sai biệt, chúng bảo hoa trang nghiêm, văn hương tất năng tri. Thiên viên lâm thắng điện, chư quán, diệu pháp đường. Tại trung nhi ngu lạc, văn hương tất năng tri. Chư thiên nhược thính pháp, hoặc thọ ngũ dục thời, lai vãng hành tọa ngọa, văn hương tất năng tri. Thiên nữ sở trước y, hảo hoa hương trang nghiêm, châu toàn du hý thời, văn hương tất năng tri. Như thị triển chuyển thượng, nãi chí u Phạm Thế. Nhập Thiên, xuất Thiên giả, văn hương tất năng tri. Quang Âm, Biến Tịnh thiên, nãi chí u Hữu Đảnh, sơ sanh cập thoái một, văn hương tất năng tri. Chư tỳ-kheo chúng đặng, u pháp thường tinh tấn. Nhược tọa, nhược kinh hành, cập độc tụng kinh điển. Hoặc tại lâm thụ hạ, chuyên tinh nhi tọa Thiên. Trì kinh giả văn hương, tất tri kỳ sở tại. Bồ Tát chí kiên cố, tọa Thiên, nhược độc tụng, hoặc vị nhân thuyết pháp, văn hương tất năng tri. Tại tại phương Thế Tôn, nhất thiết sở cung kính, mãn chúng nhi thuyết pháp, văn hương tất năng tri. Chúng sanh tại Phật tiền, văn kinh giai hoan hỷ. Như pháp nhi tu hành, văn hương tất năng tri. Tuy vị đắc Bồ Tát, vô lậu pháp sanh ty, nhi thị trì kinh giả, tiên đắc thử ty tướng.

(經)「復次常精進！若善男子，善女人受持是經，若讀，若誦，若解說，若書寫，成就八百四千萬功德。以是清淨鼻根，聞於三千大千世界上，下，內，外種種諸香：須曼那華香，闍提華香，末利華香，蒼蔔華香，波羅羅華香，赤蓮華香，青蓮華香，白蓮華香，華樹香，果樹香，旃檀

香，沉水香，多摩羅跋香，多伽羅香，及千萬種和香。若末，若丸，若塗香。持是經者，於此間住，悉能分別。又復別知眾生之香：象香，馬香，牛羊等香，男香，女香，童子香，童女香，及草木叢林香。若近，若遠，所有諸香，悉皆得聞，分別不錯。持是經者，雖住於此，亦聞天上諸天之香：波利質多羅，拘鞞陀羅樹香，及曼陀羅華香，摩訶曼陀羅華香，曼殊沙華香，摩訶曼殊沙華香，旃檀，沉水，種種末香，諸雜華香。如是等天香和合所出之香，無不聞知。又聞諸天身香，釋提桓因在勝殿上，五欲娛樂嬉戲時香。若在妙法堂上，為忉利諸天說法時香。若於諸園遊戲時香，及餘天等男女身香，皆悉遙聞。如是展轉，乃至梵世。上至有頂諸天身香，亦皆聞之。并聞諸天所燒之香，及聲聞香，辟支佛香，菩薩香，諸佛身香，亦皆遙聞，知其所在。雖聞此香，然於鼻根不壞，不錯。若欲分別，為他人說，憶念不謬」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「是人鼻清淨，於此世界中。若香若臭物，種種悉聞知。須曼那闍提，多摩羅旃檀。沉水及桂香，種種華果香。及諸眾生香。男子女人香。說法者遠住，聞香知所在。大勢轉輪王，小轉輪及子，群臣諸宮人。聞香知所在。身所著珍寶，及地中寶藏，轉輪王寶女。聞香知所在。諸人嚴身具，衣服及瓔珞，種種所塗香。聞香知其身。諸天若行坐，遊戲及神變。持是法華者，聞香悉能知。諸樹

華果實，及酥油香氣。持經者住此，悉知其所在。諸山深險處，栴檀樹華敷，眾生在中者，聞香悉能知。鐵圍山大海，地中諸眾生。持經者聞香，悉知其所在。阿修羅男女，及其諸眷屬。鬥爭遊戲時，聞香皆能知。曠野險隘處，師子象虎狼，野牛水牛等，聞香知所在。若有懷妊者，未辨其男女，無根及非人，聞香悉能知。以聞香力故，知其初懷妊，成就不成就。安樂產福子。以聞香力故，知男女所念，染欲癡恚心。亦知修善者。地中眾伏藏，金銀諸珍寶，銅器之所盛。聞香悉能知。種種諸瓔珞，無能識其價，聞香知貴賤，出處及所在。天上諸華等，曼陀曼殊沙，波利質多樹，聞香悉能知。天上諸宮殿，上中下差別，眾寶華莊嚴，聞香悉能知。天園林勝殿，諸觀妙法堂。在中而娛樂，聞香悉能知。諸天若聽法，或受五欲時，來往行坐臥，聞香悉能知。天女所著衣，好華香莊嚴，周旋遊戲時，聞香悉能知。如是展轉上，乃至於梵世。入禪出禪者，聞香悉能知。光音徧淨天，乃至於有頂，初生及退沒，聞香悉能知。諸比丘眾等，於法常精進。若坐若經行，及讀誦經典。或在林樹下，專精而坐禪。持經者聞香，悉知其所在。菩薩志堅固，坐禪若讀誦，或為人說法，聞香悉能知。在在方世尊，一切所恭敬，愍眾而說法，聞香悉能知。眾生在佛前，聞經皆歡喜。如法而修行，聞香悉能知。



。 雖未得菩薩，無漏法生鼻，而是持經者，先得此鼻 相 ]

◦

(*Kinh*: “Lại này Thường Tinh Tấn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, sẽ thành tựu tám trăm công đức nơi mũi. Dùng tỵ căn thanh tịnh ấy để ngửi các thứ mùi hương trong tam thiên đại thiên thế giới, trong, ngoài, trên dưới: Mùi hoa Tu Mạn Na, mùi hoa Xà Đê (Jati)<sup>67</sup>, mùi hoa Mạt Lợi (Mallikā)<sup>68</sup>, mùi hoa Chiêm Bạc, mùi hoa Ba La La (Pātala)<sup>69</sup>, mùi hoa sen đỏ, mùi hoa sen xanh, mùi hoa sen trắng, mùi cây có hoa, mùi cây ăn trái, mùi Chiên Đàn, mùi trầm thủy, mùi Đa Ma La Bạt (Tamāla), mùi Đa Già La (Tagara)<sup>70</sup>, và ngàn vạn các thứ hương hòa hợp: Hoặc bột, hoặc viên, hoặc hương bôi. Người trì kinh này ở nơi đây đều có thể phân biệt. Lại còn phân biệt biết từng mùi của chúng sanh: Mùi voi, mùi ngựa, mùi trâu, dê v.v... mùi nam, mùi nữ, mùi bé trai, mùi bé gái, và mùi hương thảo mộc, rừng rậm. Dù gần hay xa, tất cả các mùi đều ngửi thấy, phân biệt chẳng sai. Người trì kinh này tuy trụ ở đây, cũng ngửi thấy mùi của chư thiên trên cõi trời: Mùi cây Ba Lợi Chát Đa La (Pāracitraka)<sup>71</sup>, cây Câu Bệ Đà La (Kovidāra)<sup>72</sup>, và mùi hoa Mạn Đà

---

<sup>67</sup> Hoa Xà Đê, còn phiên âm là Xà Đế, Xà Để, dịch nghĩa là Sanh Hoa hay Thật Hoa, có tên khoa học là *Jasminum Grandiflorum*, thuộc họ Nhục Đậu Khấu. Do vậy, hoa này còn được gọi là hoa Nhục Khấu, hoặc hoa Đậu Khấu, hay hoa Kim Tiền. Hoa có màu trắng, phía ngoài phớt hồng, hương thơm nồng. Loại hoa này thường thấy rất nhiều ở Nepal và chân núi Hy Mã Lạp Sơn.

<sup>68</sup> Hoa Mạt Lợi là một loại hoa nhài (Jasmine), có tên khoa học là *Jasminum Sambac*, thường gọi là Arabic Jasmine. Loại hoa nhài này mọc thành chùm đến mười hai hoa, cánh trắng, mỗi hoa có từ năm đến chín cánh rất thơm, nở về đêm. Hoa khép lại lúc ban ngày. Tuy gọi là Arabic Jasmine, hoa này mọc phổ biến tại Nam Á và Đông Nam Á. Người Ba Tư đã đem giống hoa này về Trung Đông và giới thiệu sang Âu Châu nên hoa này mới có danh xưng ấy.

<sup>69</sup> Pātala có nghĩa màu đỏ nhạt. Danh xưng này thường được dùng để chỉ nhiều loại hoa khác nhau. Phổ biến nhất là loại hoa *Bignonia Suaveolens*, hoa có hình loa kèn màu hồng nhạt, rất thơm.

<sup>70</sup> Tagara là một loại hoa màu trắng (có tên tiếng Anh là Indian Valerian, hoa Cam Tùng), năm cánh thon dài, thơm ngát, thường được dùng làm thuốc. Hoa này thuộc họ Valerianeaceae (Nữ Lang).

<sup>71</sup> Ba Lợi Chát Đa La dịch nghĩa là Hương Biến Thụ (cây tỏa hương trọn khắp), hoặc Thiên Thụ Vương (cây chúa trên cõi trời) hoặc Giác Thác Trang Nghiêm (trang

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

*La, mùi hoa Ma Ha Mạn Đà La, mùi hoa Mạn Thù Sa, mùi hoa Ma Ha Mạn Thù Sa, Chiên Đàn, trầm thủy, các thứ hương bột, mùi của các thứ hoa. Mùi sanh từ các thứ hương trời hòa hợp như thế, không gì chẳng ngửi thấy. Lại ngửi thấy mùi hương nơi thân của chư thiên: Mùi hương lúc Thích Đề Hoàn Nhân ở trong cung điện thù thắng, hưởng thụ ngũ dục, vui chơi, hoặc mùi hương khi [ông ta] ở Diệu Pháp Đường vì chư thiên Đạo Lợi thuyết pháp. Hoặc mùi hương khi dạo chơi nơi các vườn, và mùi hương nơi thân của chư thiên nam nữ khác, thấy đều từ xa ngửi thấy. Lần lượt như thế cho đến trời Phạm Thế, cho tới mùi hương nơi thân của chư thiên Hữu Đảnh, cũng đều ngửi thấy. Và ngửi thấy mùi hương do chư thiên đốt, và mùi Thanh Văn, mùi Bích Chi Phật, mùi Bồ Tát, mùi nơi thân chư Phật, cũng đều ngửi thấy từ xa, biết các Ngài ở nơi đâu. Tuy ngửi các mùi ấy, nhưng tỵ căn chẳng hoại, chẳng sai lầm. Nếu muốn phân biệt, vì người khác nói, sẽ nhớ nghĩ chẳng sai lầm”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Người ấy mũi thanh tịnh, ở trong thế giới này, vật dù thom hay thối, các thứ đều ngửi biết. Tu Mạn Na, Xà Đề, Đa Ma La, Chiên Đàn, trầm thủy và quế hương. Mùi các thứ hoa quả, và mùi các chúng sanh. Mùi nam tử, nữ nhân. Người thuyết pháp ở xa, ngửi mùi biết ở đâu. Vua Chuyển Luân thế lớn, tiểu Chuyển Luân và con, quần thần, các cung nhân, ngửi mùi biết ở đâu. Thân đeo khoác trân bảo, và kho báu trong đất, Chuyển Luân Vương bảo nữ, ngửi mùi biết ở đâu. Vật trang hoàng thân người, y phục và chuỗi ngọc, các thứ hương để bôi, ngửi mùi biết thân họ. Chư thiên đi hay ngồi, vui chơi và thần biến. Người trì Pháp Hoa ấy, ngửi mùi đều biết trọn. Hoa, quả, hạt các cây, và mùi hương bơ, dầu. Người trì kinh ở đây, đều biết được nơi chốn. Các núi sâu, chốn hiểm, cây Chiên Đàn trở hoa, chúng sanh ở trong đó, ngửi hương đều biết trọn. Núi Thiết Vi, biển cả, các chúng sanh trong đất. Người trì kinh ngửi mùi, đều biết được nơi chốn. A Tu La nam nữ, cùng với các quyến thuộc, khi đấu tranh, vui chơi, ngửi hương đều biết trọn. Nơi hoang vu hiểm trở, sư tử, voi, hổ, sói, trâu rừng, trâu nước thảy, ngửi mùi biết chỗ ở. Nếu có người mang thai, chưa phân định trai, gái, thiếu căn hoặc phi nhân,*

---

nghiêm xen kẽ). Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa nói cành, rễ, thân, lá, hoa, quả của nó đều tỏa hương xông khắp trời Đạo Lợi.

<sup>72</sup> Câu Bệ Đà La (còn viết là Kudara) là một loại hắc đàn, dịch nghĩa là Địa Pháp Thụ, có tên khoa học là Bauhinia Variegata (hoa Ban), mọc nhiều quanh sườn Tây của Hy Mã Lạp Sơn. Theo Lập Thế A Tỳ Đàm Luận, cây này thân cao lớn, hình dạng đẹp đẽ, cành lá um tùm, có thể che mưa tránh gió.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

*ngửi mùi đều biết trọn. Do bởi sức ngửi mùi, biết người mới hoài thai, thành tựu hay không thành. An lạc sanh con phước. Do nhờ sức ngửi mùi, biết nam nữ ý niệm, nhiễm dục, tâm si, giận. Cũng biết người tu thiện. Các kho tàng trong đất, vàng, bạc, các trân bảo, chỗ có chứa chất đồng, ngửi mùi đều biết hết. Đủ mọi thứ anh lạc, chẳng thể biết giá trị, ngửi mùi biết mắc rễ, xuất xứ và chỗ có. Các loại hoa cõi trời, Mạn Đà, Mạn Thù Sa, cây Ba Lợi Chất Đa, ngửi mùi đều biết trọn. Các cung điện cõi trời, thượng, trung, hạ sai khác. Các hoa báu trang nghiêm, ngửi mùi đều biết trọn. Vườn rừng trời, điện đẹp, đền đài, diệu pháp đường, vui sướng ngự trong đó, ngửi mùi đều biết trọn. Nếu chư thiên nghe pháp, hoặc lúc hưởng ngũ dục. Qua lại, đi, ngồi, nằm, ngửi mùi đều biết trọn. Thiên nữ khoác áo trời, hoa hương tốt trang nghiêm, lúc qua lại vui chơi, ngửi mùi đều biết trọn. Dần cao hơn như thế, cho đến trời Phạm Thế, kể nhập Thiên, xuất Thiên, ngửi mùi đều biết trọn. Trời Quang Âm, Biến Tịnh, cho đến trời Hữu Đảnh, mới sanh và mất đi. Ngửi mùi đều biết trọn. Các bậc tỳ-kheo tăng, nơi pháp thường tinh tấn, tĩnh tọa hoặc kinh hành, và đọc tụng kinh điển. Hoặc ở dưới rừng cây, chuyên tinh để tọa Thiên. Người trì kinh ngửi mùi, đều biết chỗ của họ. Bồ Tát chí kiên cố, tọa Thiên hoặc đọc tụng. Hoặc vì người thuyết pháp, ngửi mùi đều biết trọn. Thế Tôn khắp mọi nơi, được hết thấy cung kính, thương chúng sanh thuyết pháp. Ngửi mùi đều biết trọn. Chúng sanh đối trước Phật, nghe kinh đều hoan hỷ, đứng như pháp tu hành. Ngửi mùi đều biết trọn. Tuy chưa đắc Bồ Tát, mũi vô lậu pháp sanh, nhưng người trì kinh đó, được trước tướng mũi này).*

Mũi do cha mẹ sanh ra tức nhục ty. [Ngửi khắp các mùi] trong ngoài đại thiên tức là thiên ty. Chẳng nhiễm, chẳng chấp, tức huệ ty. Phân biệt chẳng lầm, tức pháp ty. Cùng lúc dùng lẫn cho nhau, tức là Phật ty. Đây là nói rõ [các căn] dùng lẫn cho nhau rõ ràng, cặn kẽ nhất. Biết tốt xấu, biện định sang hèn, phân định sự trang nghiêm nơi cung trời v.v... tức là mũi có tác dụng của mắt. Đọc kinh, thuyết pháp, ngửi mùi đều biết trọn, tức là mũi có tác dụng của tai. Hoa quả, hạt của các thứ cây và mùi bơ dầu [người trì kinh đều ngửi biết], tức là mũi có tác dụng của lưỡi. Nhập Thiên, xuất Thiên, Thiên có tám cảm xúc, ngũ dục vui đùa, cũng là Xúc Trần, tức là mũi có tác dụng của thân. Tâm nhiễm, dục, si khuê, cũng biết người tu thiện, tức là mũi có tác dụng của ý. Phàm mê tình, chấp kiến, tác dụng của mũi sẽ kém cõi nhất. Vì thế Lục Thông của Tiểu Thừa chỉ nói Nhãn, Nhĩ, Thân, Ý, chẳng nói đến hai thứ

thần thông nơi mũi và lưỡi. Nhưng lưỡi có thể thuyết pháp, vẫn còn thù thắng hơn đôi chút. Mũi chỉ để thở, chẳng thể làm gì khác! Nay riêng chương này nêu căn kẽ tác dụng thù thắng của nó, chánh hiền viên thông diệu tánh, quả thật chẳng có hơn kém! Chỉ là thuận theo mê tình, bèn nói tám trăm [công đức]. Tương tự Phật ty sẽ rành rành là một ngàn hai trăm [công đức]!

#### **19.2.4. Thiệt căn**

*(Kinh) “Phục thứ Thường Tinh Tấn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì thị kinh, nhược độc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, đắc thiên nhị bách thiệt công đức. Nhược hảo, nhược xú, nhược mỹ, bất mỹ, cập chư khổ sát vật, tại kỳ thiệt căn, giai biến thành thượng vị, như thiên cam lộ, vô bất mỹ giả. Nhược dĩ thiệt căn, u đại chúng trung hữu sở diễn thuyết, xuất thâm diệu thanh, năng nhập kỳ tâm, giai linh hoan hỷ, khoái lạc. Hựu chư thiên tử, thiên nữ, Thích, Phạm chư thiên, văn thị thâm diệu âm thanh, hữu sở diễn thuyết, ngôn luận thứ đệ, giai tất lai thính, cập chư long, long nữ, Dạ Xoa, Dạ Xoa nữ, Càn Thát Bà, Càn Thát Bà nữ, A Tu La, A Tu La nữ, Ca Lô La, Ca Lô La nữ, Khẩn Na La, Khẩn Na La nữ, Ma Hầu La Già, Ma Hầu La Già nữ, vị thính pháp cố, giai lai thân cận, cung kính, cúng dường, cập tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, quần thần, quyền thuộc, tiểu Chuyển Luân Vương, đại Chuyển Luân Vương, thất bảo, thiên tử, nội ngoại quyền thuộc, thừa kỳ cung điện, câu lai thính pháp. Dĩ thị Bồ Tát thiện thuyết pháp cố, Bà-la-môn, cư sĩ, quốc nội nhân dân, tận kỳ hình thọ, tùy thị cúng dường. Hựu chư Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật thường nhạo kiến chi. Thị nhân sở tại phương diện, chư Phật giai hướng kỳ xú thuyết pháp, tất năng thọ trì nhất thiết Phật pháp. Hựu năng xuất u thâm diệu pháp âm”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thị nhân thiệt căn tịnh, chung bất thọ ác vị. Kỳ hữu sở thực đạm, tất giai thành cam lộ. Dĩ thâm tịnh diệu thanh, u đại chúng thuyết pháp. Dĩ chư nhân duyên dụ, dẫn đạo chúng sanh tâm. Văn giả giai hoan hỷ, thiết chư thượng cúng dường. Chư thiên, long, Dạ Xoa, cập A Tu La đẳng, giai dĩ cung kính tâm, nhi cộng lai thính pháp. Thị thuyết pháp chi nhân, nhược dục dĩ diệu âm, biến mãn tam thiên giới, tùy ý tức năng chí. Đại, tiểu Chuyển Luân Vương, cập thiên tử, quyền thuộc, hiệp chưởng cung kính tâm, thường lai thính thọ*

*pháp. Chư thiên, long, Dạ Xoa, La Sát, Tỳ Xá Xà, diệc dĩ hoan hỷ tâm, thường nhạo lai cúng dường. Phạm thiên vương, ma vương, Tỳ Tại, Đại Tỳ Tại, như thị chư thiên chúng, thường lai chí kỳ sở, chư Phật cập đệ tử, văn kỳ thuyết pháp âm, thường niệm nhi thủ hộ, hoặc thời vị hiện thân.*

**(經)「復次常精進！若善男子，善女人受持是經，若讀，若誦，若解說，若書寫，得千二百舌功德。若好，若醜，若美，不美，及諸苦澀物，在其舌根，皆變成上味，如天甘露，無不美者。若以舌根，於大眾中有所演說，出深妙聲，能入其心，皆令歡喜，快樂。又諸天子，天女，釋梵諸天，聞是深妙音聲，有所演說，言論次第，皆悉來聽，及諸龍、龍女、夜叉、夜叉女、乾闥婆、乾闥婆女、阿修羅、阿修羅女、迦樓羅、迦樓羅女、緊那羅、緊那羅女、摩睺羅伽、摩睺羅伽女，為聽法故，皆來親近，恭敬，供養，及比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，國王，王子，群臣，眷屬，小轉輪王，大轉輪王，七寶，千子，內外眷屬，乘其宮殿，俱來聽法。以是菩薩善說法故，婆羅門，居士，國內人民，盡其形壽，隨侍供養。又諸聲聞，辟支佛，菩薩，諸佛常樂見之。是人所在方面，諸佛皆向其處說法，悉能受持一切佛法。又能出於深妙法音」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「是人舌根淨，終不受惡味。其有所食噉，悉皆成甘露。以深淨妙聲，於大眾說法。以諸因緣喻，引導眾生心。聞者皆歡喜，設諸上供養。諸天龍夜叉，及阿修羅等，皆以恭敬心，而共來聽法。是**

說法之人，若欲以妙音，徧滿三千界，隨意即能至。大小轉輪王，及千子眷屬，合掌恭敬心，常來聽受法。諸天龍夜叉，羅刹毗舍闍，亦以歡喜心，常樂來供養。梵天王魔王，自在大自在，如是諸天眾，常來至其所，諸佛及弟子，聞其說法音，常念而守護，或時為現身」。

(*Kinh*: “Lại này Thường Tinh Tấn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, sẽ được một ngàn hai trăm công đức nơi lưỡi. Dù tốt hay xấu, dù ngon, hay không ngon, và các vật đáng rít, ở trên cái lưỡi ấy, đều biến thành vị ngon lành nhất như cam lộ cõi trời, không gì chẳng ngon lành. Nếu dùng cái lưỡi ấy để diễn thuyết trong đại chúng, phát ra tiếng sâu xa, mâu nhiệm, sẽ có thể lọt vào tâm họ, khiến cho họ đều hoan hỷ, sung sướng. Lại nữa, các thiên tử, thiên nữ, Đế Thích, Phạm Vương, chư thiên nghe âm thanh diễn nói sâu xa, mâu nhiệm ấy, ngôn luận có thứ lớp, thấy đều đến nghe. Và các rồng, long nữ, Dạ Xoa, Dạ Xoa nữ, Càn Thát Bà, Càn Thát Bà nữ, A Tu La, A Tu La nữ, Ca Lô La, Ca Lô La nữ, Khẩn Na La, Khẩn Na La nữ, Ma Hầu La Già, Ma Hầu La Già nữ vì nghe pháp đều đến thân cận, cung kính, cúng dường. Và tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, quân thần, quyền thuộc, tiểu Chuyển Luân Vương, đại Chuyển Luân Vương, bảy báu, ngàn con<sup>73</sup>, quyền thuộc trong ngoài, nương theo cung điện của họ, đều đến nghe pháp. Do vị Bồ Tát ấy khéo thuyết pháp, Bà-la-môn, cư sĩ, nhân dân trong nước cho đến hết tuổi thọ, luôn theo hầu, cúng dường. Các

---

<sup>73</sup> Bảy báu ở đây là bảy món báu của Chuyển Luân Vương. Khi Luân Vương lên ngôi, bảy báu sẽ tự nhiên xuất hiện:

- Kim luân bảo: Bánh xe báu có ngàn căm. Chuyển Luân Vương ngự trên bánh xe ấy bay đi khắp bốn đại châu.
  - Tượng Bảo (voi báu): Hình dáng trắng sạch, đoan nghiêm như hoa sen trắng.
  - Mã Bảo: Ngựa báu lông óng đỏ như ngọn lửa, bờm và đuôi ánh sắc vàng ròng.
  - Nữ bảo (cô gái đẹp): Hình dung đoan chánh, xinh đẹp bậc nhất.
  - Ma Ni bảo châu: Có thể tuôn ra các thứ báu theo lòng mong muốn.
  - Chủ Tạng Thần: Người có của cải nhiều vô lượng, sẵn sàng phụng sự Chuyển Luân các tài vật cần dùng, biết các kho tàng trong lòng đất.
  - Chủ Binh Thần: Dũng mãnh, kiên cường, có tài điều khiển quân đội bậc nhất.
- Ngoài bảy báu, Chuyển Luân Vương còn có một ngàn con trai.

*Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật lại thường thích trông thấy. Chỗ người ấy ở, chư Phật đều hướng về chỗ đó thuyết pháp, [người ấy] đều có thể thọ trì hết thấy Phật pháp. Lại có thể phát ra pháp âm sâu mầu”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Người ấy lưỡi thanh tịnh, trọn chẳng nếm vị xấu. Hễ ăn nuốt thứ gì, đều biến thành cam lộ. Dùng diệu thanh sâu tịnh, thuyết pháp trong đại chúng. Dùng thí dụ, nhân duyên, hướng dẫn tâm chúng sanh. Người nghe đều hoan hỷ, bày đồ cúng dường diệu. Các trời, rồng, Dạ Xoa, và A Tu La thấy, đều dùng tâm cung kính, cùng nhau đến nghe pháp. Nếu người thuyết pháp ấy, muốn dùng tiếng mầu nhiệm, trọn khắp cõi tam thiên, tùy ý liền đạt tới. Chuyển Luân Vương lớn, bé, ngàn con trai, quyến thuộc, chấp tay, tâm cung kính, thường tới nghe nhận pháp. Các trời, rồng, Dạ Xoa (Yakṣa), La Sát (Rākṣasas), Tỳ Xá Xà (Piśāca)<sup>74</sup>, cũng dùng tâm hoan hỷ, thường thích đến cúng dường. Phạm thiên vương, ma vương, Tự Tại, Đại Tự Tại, các chúng trời như thế, thường đến chỗ người ấy. Chư Phật và đệ tử, nghe tiếng thuyết pháp ấy, thường nghĩ nhớ thủ hộ, hoặc có lúc hiện thân).*

[Lưỡi do] cha mẹ sanh ra tức nhục thiết. Có thể nói trong mười pháp giới, tức ý nghĩa ngũ thiết đã rõ rệt rồi. Có thể nói trong mười pháp giới tức là thiên thiết. Chẳng hoại tức huệ thiết. Chẳng sai lầm tức pháp thiết. Cùng lúc dùng lẫn nhau tức là Phật thiết.

Hỏi: - Các vị xấu đắng rít, chạm vào lưỡi đều biến thành vị ngon lành nhất, sao các sắc chạm vào mắt chẳng biến thành diệu sắc?

[Đáp]: - Các bản chú giải cũ trả lời: Chẳng phỏng theo lệ đó được, vì vị có tôn hại hay lợi ích. Tôn thì biến đổi, chẳng tôn thì không biến đổi. Các sắc chẳng hoại mắt, cho nên không phỏng theo lệ ấy. Nay tôi giải thích không giống vậy! Hết thấy các sắc chẳng đồng Phật sắc. Hết thấy các thanh đồng Phật thanh. Cho đến hết thấy các pháp đều đồng Phật pháp, đều cùng bình đẳng thanh tịnh, đâu có phỏng theo cùng một lệ vẫn chẳng trở ngại gì! Biết trọn khắp hết thấy các sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chẳng loạn, chẳng sai lầm, đâu phân biệt cũng chẳng trở

---

<sup>74</sup> Tỳ Xá Xà, còn phiên âm là Tát Xá Giá, Tỳ Xá Giá, Tịch Xá Chá, Tỳ Xá Trá, dịch nghĩa là Điên Quỷ, Điên Cuồng Quỷ, Đạm Tinh Quỷ, Thực Tinh Khí Quỷ, Thực Thi Quỷ (quỷ ăn xác chết), Thực Huyết Nhục Quỷ, Xan Thi Quỷ (quỷ ăn xác chết) v.v... Đây là một loài quỷ thường ăn xác chết và tinh khí của con người, có thể gây ra điên cuồng, bệnh tật cho con người. Có khả năng biến hóa thành mọi hình dáng để quấy nhiễu nạn nhân. Chúng thường lẫn quần nơi các nghĩa địa, ngõ vắng vào lúc hoàng hôn.

ngại gì! Tuy chẳng chấp trước mà có thể phân biệt, há giống như Nhị Thừa quán Không ư? Tuy phân biệt mà chẳng hoại các căn, há giống như phàm phu vương mắc nơi Có? [Các cách chú giải cũ chính là] đối với căn tự tại mà lại hiểu là có trở ngại trợ trợ vậy!

### **19.2.5. Thân căn**

*(Kinh) “Phục thứ Thường Tinh Tấn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì thị kinh, nhược độc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, đắc bát bách thân công đức, đắc thanh tịnh thân như tịnh lưu ly, chúng sanh hỷ kiến. Kỳ thân tịnh cố, tam thiên đại thiên thế giới chúng sanh sanh thời, tử thời, thượng, hạ, hảo, xú, sanh thiện xú, ác xú, tất w trung hiện, cập Thiết Vi sơn, Đại Thiết Vi sơn, Di Lô sơn, Ma Ha Di Lô sơn đẳng chư sơn, cập kỳ trung chúng sanh, tất w trung hiện. Hạ chí A Tỳ địa ngục, thượng chí Hữu Đảnh, sở hữu cập chúng sanh, tất w trung hiện. Nhược Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật thuyết pháp, giai w thân trung, hiện kỳ sắc tượng”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược trì Pháp Hoa giả, kỳ thân thậm thanh tịnh. Như bỉ tịnh lưu ly, chúng sanh giai hỷ kiến. Hựu như tịnh minh kính, tất kiến chư sắc tượng. Bồ Tát w tịnh thân, giai kiến thể sở hữu. Duy độc tự minh liễu, dư nhân sở bất kiến. Tam thiên thế giới trung, nhất thiết chư quân manh, thiên, nhân, A Tu La, địa ngục, quỷ, súc sanh. Như thị chư sắc tượng, giai w thân trung hiện. Chư thiên đẳng cung điện, nãi chí w Hữu Đảnh, Thiết Vi cập Di Lô, Ma Ha Di Lô sơn, chư đại hải thủy đẳng, giai w thân trung hiện. Chư Phật cập Thanh Văn, Phật tử Bồ Tát đẳng. Nhược độc, nhược tại chúng, thuyết pháp tất giai hiện. Tuy vị đắc vô lậu, pháp tánh chi diệu thân. Dĩ thanh tịnh thường thể, nhất thiết w trung hiện.*

**(經) 「復次常精進！若善男子，善女人受持是經，若讀，若誦，若解說，若書寫，得八百身功德，得清淨身如淨琉璃，眾生喜見。其身淨故，三千大千世界眾生生時，死時，上，下，好，醜，生善處，惡處，悉於中現，及鐵圍山，大鐵圍山，彌樓山，摩訶彌樓山等諸山，及其中眾**



生，悉於中現。下至阿鼻地獄，上至有頂，所有及眾生，悉於中現。若聲聞、辟支佛、菩薩，諸佛說法，皆於身中，現其色像」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若持法華者，其身甚清淨。如彼淨琉璃，眾生皆喜見。又如淨明鏡，悉見諸色像。菩薩於淨身，皆見世所有。唯獨自明了，餘人所不見。三千世界中，一切諸群萌，天人阿修羅，地獄鬼畜生。如是諸色像，皆於身中現。諸天等宮殿，乃至於有頂，鐵圍及彌樓，摩訶彌樓山，諸大海水等，皆於身中現。諸佛及聲聞，佛子菩薩等。若獨若在眾，說法悉皆現。雖未得無漏，法性之妙身。以清淨常體，一切於中現」。

*(Kinh: “Lại này Thường Tinh Tấn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, sẽ đắc tám trăm công đức nơi thân, có được thân thanh tịnh như lưu ly sạch, chúng sanh thích thấy. Do thân ấy thanh tịnh, nên chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới khi sanh, khi chết, trên, dưới, tốt, xấu, sanh trong chốn thiện hay chốn ác, đều hiện trong thân. Và các núi như núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Di Lô, núi Ma Ha Di Lô v.v... cùng với chúng sanh trong ấy đều hiện trong đó. Dưới là đến địa ngục A Tỳ, trên là đến trời Hữu Đảnh, tất cả chúng sanh đều hiện trong đó. Nếu Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật thuyết pháp, sẽ đều hiện hình ảnh trong thân”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu người trì Pháp Hoa, thân sẽ rất thanh tịnh. Như lưu ly thanh tịnh, chúng sanh đều thích thấy. Lại như gương sáng sạch, đều thấy các hình sắc. Bồ Tát nơi tịnh thân, thấy tất cả trong đời. Chỉ riêng mình hiểu rõ, người khác chẳng trông thấy. Trong tam thiên thế giới, hết thấy các quân manh, trời, người, A Tu La, địa ngục, quỷ, súc sanh, các hình sắc như thế, thấy đều hiện nơi thân. Cung điện của chư thiên, cho đến trời Hữu Đảnh. Thiết Vi và Di Lô, núi Ma Ha Di Lô, biển cả, các dòng nước, đều hiện ở trong thân. Chư Phật và Thanh*

*Văn, Phật tử, Bồ Tát thấy. Ở riêng hay trong chúng, thuyết pháp thấy đều hiện. Tuy chưa đắc vô lậu, thân pháp tánh màu nhiệm, dùng thân thường thanh tịnh, hết thấy đều hiện trong).*

Tất cả thể gian đều hiện trong thân [người trì kinh Pháp Hoa], đó là tác dụng của nhục thân. Trên đến trời Hữu Đảnh hiện bóng nơi thân, đó là tác dụng của thiên thân. Nhị Thừa hiện hình nơi thân, đó là tác dụng của huệ thân. Bồ Tát hiện trong thân, tức là tác dụng của Pháp Thân. Phật hiện trong thân, tức tác dụng của Phật thân. Cùng lúc hiện thân trọn vẹn, cùng lúc dùng lẫn nhau (Phật thân). Cùng lúc chẳng sai lầm (Pháp Thân). Cùng lúc chẳng chấp trước (huệ thân).

#### **19.2.6. Ý căn**

*(Kinh) “Phục thứ Thường Tinh Tấn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân Như Lai diệt hậu, thọ trì thị kinh, nhược độc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, đắc thiên nhị bách ý công đức. Dĩ thị thanh tịnh ý căn, nãi chí văn nhất kệ, nhất cú, thông đạt vô lượng vô biên chi nghĩa. Giải thị nghĩa dĩ, năng diễn thuyết nhất cú, nhất kệ, chí u nhất nguyệt, tứ nguyệt, nãi chí nhất tuế. Chư sở thuyết pháp, tùy kỳ nghĩa thú, giai dĩ Thật Tướng bất tương vi bối. Nhược thuyết tục gian kinh thư, trị thể ngữ ngôn, tư sanh nghiệp đẳng, giai thuận chánh pháp. Tam thiên đại thiên thế giới lục thú chúng sanh tâm chi sở hành, tâm sở động tác, tâm sở hý luận, giai tất tri chi. Tuy vị đắc vô lậu trí huệ, nhi kỳ ý căn thanh tịnh như thử. Thị nhân hữu sở tư duy trừ lượng, giai thị Phật pháp, vô bất chân thật, diệc thị tiên Phật kinh trung sở thuyết”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thị nhân ý thanh tịnh, minh lợi, vô trước uế. Dĩ thử diệu ý căn, tri thượng trung hạ pháp. Nãi chí văn nhất kệ, thông đạt vô lượng nghĩa, thứ đệ như pháp thuyết. Nguyệt, tứ nguyệt, chí tuế. Thị thể giới nội ngoại, nhất thiết chư chúng sanh. Nhược thiên, long, cập nhân, Dạ Xoa, quỷ thần đẳng. Kỳ tại lục thú trung, sở niệm nhược can chủng, trì Pháp Hoa chi báo, nhất thời giai tất tri. Thập phương vô số Phật, bách phước trang nghiêm tướng, vị chúng sanh thuyết pháp, tất văn năng thọ trì. Tư duy vô lượng nghĩa, thuyết pháp diệc vô lượng. Chung thử bất vong thác. Dĩ trì Pháp Hoa cố, tất tri chư pháp tướng. Tùy nghĩa thức thứ đệ, đạt danh tự ngữ ngôn. Như sở tri diễn thuyết. Thử nhân hữu sở thuyết, giai thị tiên Phật pháp. Dĩ diễn thử pháp cố, u chúng vô sở úy. Trì Pháp Hoa kinh giả, ý*

*căn tịnh nhược tư. Tuy vị đắc vô lậu, tiên hữu như thị tướng. Thị nhân trì thử kinh, an trụ hy hữu địa, vị nhất thiết chúng sanh, hoan hỷ nhi ái kính. Năng dĩ thiên vạn chủng, thiện xảo chi ngữ ngôn, phân biệt nhi thuyết pháp, trì Pháp Hoa kinh cổ.*

(經)「復次常精進！若善男子，善女人如來滅後，受持是經，若讀，若誦，若解說，若書寫，得千二百意功德。以是清淨意根，乃至聞一偈，一句，通達無量無邊之義。解是義已，能演說一句，一偈，至於一月，四月，乃至一歲。諸所說法，隨其義趣，皆與實相不相違背。若說俗間經書，治世語言，資生業等，皆順正法。三千大千世界六趣眾生心之所行，心所動作，心所戲論，皆悉知之。雖未得無漏智慧，而其意根清淨如此。是人有所思惟籌量，皆是佛法，無不真實，亦是先佛經中所說」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「是人意清淨，明利無濁穢。以此妙意根，知上中下法。乃至聞一偈，通達無量義，次第如法說。月四月至歲。是世界內外，一切諸眾生。若天龍及人，夜叉鬼神等。其在六趣中，所念若干種，持法華之報，一時皆悉知。十方無數佛，百福莊嚴相，為眾生說法，悉聞能受持。思惟無量義，說法亦無量。終始不忘錯。以持法華故，悉知諸法相。隨義識次第，達名字語言。如所知演說。此人有所說，皆是先佛法。以演此法故，於眾無所畏。持法華經者，意根淨若斯。雖未得無漏，先有如是相。是人持此經，安住希有地，為一切眾生，歡喜而愛

**敬。能以千萬種，善巧之語言，分別而說法，持法華經故】。**

*(Kinh: “Lại này Thường Tinh Tấn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Như Lai diệt độ, thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, sẽ đắc một ngàn hai trăm công đức nơi ý. Dùng ý căn thanh tịnh ấy, dầu chỉ nghe một kệ, một câu, bèn thông đạt vô lượng vô biên nghĩa. Đã hiểu nghĩa ấy rồi, có thể diễn nói một câu, một kệ trong một tháng, bốn tháng, cho tới một năm. Những lời thuyết pháp thuận theo nghĩa thú, đều chẳng trái nghịch Thật Tướng. Nếu nói kinh sách thế tục, các lời lẽ làm khuôn phép cho cõi đời, các nghề nghiệp kiếm sống v.v... đều thuận theo chánh pháp. Đối với tâm hạnh, những vận hành trong tâm, hý luận trong tâm của chúng sanh thuộc sáu đường trong tam thiên đại thiên thế giới, thấy đều hay biết. Tuy chưa đắc trí huệ vô lậu, nhưng ý căn đã thanh tịnh như thế. Những điều người ấy suy nghĩ, trừ tính, cân nhắc đều là Phật pháp, không gì chẳng chân thật, mà cũng là những điều đã được nói trong kinh của cổ Phật”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Người ấy ý thanh tịnh, sáng nhạy, không trước uế. Dùng diệu ý căn ấy, biết pháp thượng, trung, hạ. Dầu chỉ nghe một kệ, thông đạt vô lượng nghĩa. Đúng pháp nói thứ tự. Một, bốn tháng, tới năm. Trong ngoài thế giới này, hết thấy các chúng sanh, dù trời, rồng, và người, Dạ Xoa, các quỷ thần... Ở trong khắp sáu đường, suy nghĩ bao nhiêu thứ. Do báo trì Pháp Hoa, cùng lúc đều biết hết. Mười phương vô số Phật, tướng trăm phước trang nghiêm, vì chúng sanh thuyết pháp, đều nghe rồi thọ trì, tư duy vô lượng nghĩa. Thuyết pháp cũng vô lượng. Đầu cuối, chẳng quên làm. Do trì kinh Pháp Hoa, đều biết các pháp tướng. Theo nghĩa biết thứ tự, hiểu danh tự, ngôn ngữ. Diễn thuyết theo chỗ biết. Người ấy hề nói năng, đều là pháp cổ Phật. Vì diễn thuyết pháp ấy, trong chúng chẳng sợ hãi. Người trì kinh Pháp Hoa, ý căn tịnh dường ấy. Tuy chưa đắc vô lậu, đã có tướng ấy trước. Người ấy trì kinh này, an trụ hy hữu địa, được hết thấy chúng sanh, hoan hỷ mà yêu kính. Hay dùng ngàn vạn loại, ngôn ngữ đều hay khéo, phân biệt mà thuyết pháp. Do trì Pháp Hoa vậy).*

Các sản nghiệp kiếm sống trong thế gian đều thuận chánh pháp, tức là nhân ý tịnh. Sở hành trong tâm, động tác của chư thiên đều biết, chính là thiên ý tịnh. Bốn tháng biểu thị Tứ Đế. Một năm là mười hai

tháng, tức biểu thị Thập Nhị Nhân Duyên. Đều chẳng trái nghịch Thật Tướng tức là huệ ý tịnh. Một tháng biểu thị Đại Thừa, tức pháp ý tịnh. Những điều suy lường đều đã được nói trong kinh Phật của Phật quá khứ, tức là Phật ý tịnh. Cùng lúc viên minh, cùng lúc giúp nhau, cùng lúc chẳng nhiễm, cùng lúc chẳng sai lầm.

Phần thứ hai, “nêu ra công đức nơi cái quả của phẩm đầu để khuyên lưu thông” đã xong! Giải thích phẩm Pháp Sư Công Đức cũng đã xong; kế đó sẽ giải thích phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát.

## **20. Thường Bất Khinh Bồ Tát Phẩm Đệ Nhị Thập**

### **常不輕菩薩品第二十**

*Phẩm thứ hai mươi: Thường Bất Khinh Bồ Tát*

Trong tâm giữ sự hiểu biết chẳng khinh thường, ngoài thì kính trọng cảnh chẳng khinh. (Thế Giới Tất Đàn) là thân lập hạnh chẳng khinh. (Vị Nhân Tất Đàn): Miệng tuyên nói giáo pháp bất khinh. (Đôi Trị Tất Đàn): Làm con mắt chẳng khinh cho mọi người. (Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn) chính là kiến giải chẳng khinh. Pháp Hoa Luận viết: “*Vị Bồ Tát này biết chúng sanh có Phật tánh, chẳng dám khinh rẻ*”. Phật tánh gồm năm điều:

- Chánh nhân Phật tánh là tánh chung khắp đương nhiên sẵn có (nhân quả chung cho mê lẫn ngộ).

- Duyên nhân Phật tánh và liễu nhân Phật tánh: Chủng tử vốn có, chẳng phải là nay mới có (vẫn là xét theo Tánh Đức mà nêu ra hai nhân (duyên nhân và liễu nhân), nhằm đối ứng với trường hợp mới huân tập, do tu giới mà đạt được).

- Quả Phật tánh (Bồ Đề).

- Quả quả Phật tánh (Niết Bàn) nhất định sẽ đạt được, quyết chẳng hư dối.

(Khi liễu nhân đạt tới quả, đổi tên thành Bồ Đề. Duyên nhân khi đạt tới quả, đổi tên thành Niết Bàn. Lại nữa, ba nhân nơi Phật tánh khi đạt tới quả, liễu nhân được gọi là “ba loại Bồ Đề”, duyên nhân được gọi là “ba loại Niết Bàn”).

Đó gọi là hiểu “*bất khinh*”. Dùng sự hiểu biết đó để đối xử với người khác, [thấu hiểu] người khác cũng giống như thế; đó gọi là cảnh “*kính trọng, chẳng khinh*”. Do kính trọng cảnh ấy, cho nên gọi là “*hạnh chẳng khinh*”. Tuyên nói lời ấy, sẽ gọi là “*giáo pháp chẳng khinh*”. Xưa

kia, kẻ hủy báng dùng từ ngữ ấy (Bất Khinh) để đặt tên cho vị ấy; nay người kết tập kinh dùng danh xưng này để đặt tên cho phẩm. Đó là giải thích theo nhân duyên.

Xét theo giáo, Tạng Giáo và Thông Giáo chẳng diễn nói Trung Đạo Phật tánh. [Tuy vậy], Biệt nhập Thông, Thông chứa Biệt (tức là giáo pháp thuộc Thông Giáo mà có chứa đựng phần nào giáo nghĩa của Biệt Giáo) thì nói hai loại người có Phật tánh và ba hạng người chẳng có Phật tánh. Biệt Giáo thì chỉ nói đến chánh nhân Phật tánh, chẳng nói đến có duyên nhân và liễu nhân Phật tánh, huống hồ có quả tánh và quả quả tánh ư? Nay nói “*nhữ đẳng giai đương tác Phật*” (các vị đều sẽ thành Phật) là vì có năm loại Phật tánh, tức là khai hiển Viên Giáo vậy. Vì thế, kinh Kiến Thật Tam Muội chép: “*Phật vị phụ vương thuyết: ‘Nhất thiết giai thị Phật’. Vương vấn: ‘Nhất thiết chúng sanh tức thị Phật phủ?’ Phật đáp: - Nhược như thật kiến chúng sanh, ư kỳ tức thị Phật*” (Đức Phật nói với phụ vương: “Hết thấy đều là Phật”. Vua hỏi: “Hết thấy chúng sanh chính là Phật ư?” Đức Phật đáp: “Nếu như thật thấy chúng sanh thì họ chính là Phật”). Nay dùng lời ấy để suy diễn tương đồng: Nếu chẳng như thật thấy Phật, sẽ thấy họ (chúng sanh) chẳng phải là thánh! Ví như lúc mới học bắn tên, trật nhiều, trúng ít. Nếu lấy mặt đất làm đích để bắn, không mũi tên nào chẳng bắn trúng! Nếu phân biệt hiền thánh, ai đúng, ai sai? Nếu nhìn như thật, [mọi người đều] chính là Phật.

Xét theo Bản Tích, Bản đã thành Phật, hết sức lâu xa. Trong chặng giữa, thị hiện dấu tích, lại ở trong thời Oai Âm Vương Phật làm Thường Bất Khinh. Lưu thông Bản Tích Tứ Nhất (giáo nhất, nhân nhất, hạnh nhất, lý nhất), hóa độ chúng sanh, nay lại thị hiện dấu tích thành Chánh Giác, nhiều lượt vô tận, do thế lực to lớn, oai mãnh.

Xét theo quán tâm, Khổ chính là chánh nhân Phật tánh, Hoặc chính là liễu nhân Phật tánh, Nghiệp tức duyên nhân Phật tánh. Liễu nhân chính là Quả Phật tánh. Duyên nhân chính là Quả Quả Phật tánh. Lại nữa, khi ba nhân đạt tới quả, liền đổi tên thành ba loại Bồ Đề, ba loại Niết Bàn. Vì vậy, do ba nhân nơi Tánh Đức mà thành quả tánh và quả quả tánh. Một niệm trọn đủ ba nhân và năm nhân, chẳng dọc ngang, chẳng đồng, chẳng khác. Hết thấy chúng sanh không ai đều chẳng phải là như vậy. Thường hiểu như thế thì chính là Thường Bất Khinh.

***\*Dẫn “phước do tin, tội do hủy báng” làm chứng để khuyên lưu thông 20.1 Trường Hàng***

**20.1.1. Cùng nhắc đến tội và phước đã nói trong phẩm trước**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Đắc Đại Thế Bồ Tát Ma Ha Tát: - Như kim đương tri, nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di trì Pháp Hoa kinh giả, nhược hữu ác khẩu, mạ lỵ, phỉ báng, hoạch đại tội báo như tiền sở thuyết. Kỳ sở đắc công đức như hương sở thuyết nhân, nhĩ, ty, thiết, thân, ý thanh tịnh.*

**(經)爾時，佛告得大勢菩薩摩訶薩：「汝今當知，若比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷持法華經者，若有惡口，罵詈，誹謗，獲大罪報如前所說。其所得功德如向所說眼，耳，鼻，舌，身，意清淨。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Đắc Đại Thế (Mahāsthāmaprāpta)<sup>75</sup> Bồ Tát Ma Ha Tát: - Ông nay hãy nên biết, nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di trì kinh Pháp Hoa, mà nếu có kẻ ác khẩu, chửi bới, phỉ báng, sẽ mắc tội báo như trong phần trước (tức phẩm Pháp Sư) đã nói, [người trì kinh sẽ] đạt được công đức như trong*

---

<sup>75</sup> Đắc Đại Thế là cách dịch khác của danh xưng Đại Thế Chí. Do trí huệ quang của Ngài chiếu trọn khắp hết thảy, khiến cho chúng sanh lia tam đồ, đặc vô thượng lực. Lại nữa, khi Ngài đi, hết thảy các cõi trong mười phương thế giới đều chấn động. Vì thế gọi là Đại Thế Chí. Theo kinh Quán Vô Lượng Thọ, Ngài luôn niệm A Di Đà Phật, dùng quang minh trí huệ chiếu trọn khắp hết thảy, oai thế tự tại, khiến cho mọi người được vô thượng lực, tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ. Do Ngài dùng pháp môn Niệm Phật để tu hành chúng quả, cho nên được tôn xưng là Tịnh Tông Sơ Tổ trong pháp giới. Ngài thường được tạc tượng với dung mạo hiền từ, đứng bên phải A Di Đà Phật, tay cầm kinh văn, hoặc ngọc như ý, nhưng phổ biến nhất là cầm cành hoa sen. Đầu đội mão trời, trong mão trời có bảo bình chứa đựng quang minh chẳng thể nghĩ bàn, có thể hiện trọn khắp sự nghiệp của chư Phật. Theo kinh Bi Hoa, trong quá khứ lâu xa, có thế giới tên là San Đê Lam. Trong cõi ấy, Chuyển Luân Vương Vô Tránh Niệm có một ngàn con trai. Trưởng tử là Bất Huyền, con thứ hai là Ni Ma. Vua Vô Tránh Niệm phát nguyện, tu hành thành Phật, tức tiền thân của A Di Đà Phật. Bất Huyền thành Quán Thế Âm, Ni Ma thành Đại Thế Chí Bồ Tát. Trong Tạng Truyền Phật giáo, Kim Cang Thủ Bồ Tát được coi là thân phần nộ của Đại Thế Chí Bồ Tát. Trong khi đó, Đông Mật coi Kim Cang Thủ Bồ Tát là thân phần nộ của Phổ Hiền Bồ Tát. Tại Trung Hoa, chùa Quảng Giáo tại Lang Sơn (thuộc thành phố Nam Thông, tỉnh Giang Tô) do ngài Tăng Già đại thánh khai sơn vào năm Tống Chương thứ hai (669) đời Đường được coi là đạo tràng của Đại Thế Chí Bồ Tát. Tô Ân Quang cũng được coi là hóa thân của Đại Thế Chí Bồ Tát.

*phần trước (tức phẩm Pháp Sư Công Đức) đã nói mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thanh tịnh).*

**20.1.2. Cùng nêu quả báo do tin tưởng hay hủy báng trong quá khứ**

**20.1.2.1. Nói về Sự Bỏn** (tức là nói về Oai Âm Vương Phật thời quá khứ, coi chuyện của ngài Bất Khinh là gốc)

**20.1.2.1.1. Vị Phật đầu tiên**

**20.1.2.1.1.1. Thời tiết**

*(Kinh) Đắc Đại Thế! Nãi vãng cổ tích, quá vô lượng vô biên bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp.*

**(經)得大勢! 乃往古昔, 過無量無邊不可思議阿僧祇劫。**

*(Kinh: Đắc Đại Thế! Thuở xa xưa kia, qua khỏi vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp).*

Tuy nói là “vô lượng vô biên”, nhưng nếu so với phẩm Thọ Lượng nói “trần kiếp” (số kiếp nhiều như số vi trần) thì [vô lượng vô biên vẫn là] khá gần! Cho nên biết đây chính là tướng thị hiện tu nhân sau khi đã thật sự đắc quả.

Hỏi: - Trước đó đã phơi bày Tích, hiển lộ Bỏn, nay sao lại nêu ra nhân hạnh nơi Tích?

Đáp: - Chính vì đã hiển Bỏn, đại chúng trong pháp hội thuở ấy biết rõ chuyện thời Phật Nhiên Đăng, chuyện thời Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật, chuyện thời Đại Thông Trí Thắng Phật, chuyện thời Oai Âm Vương Phật như đã nói, hoàn toàn thuộc về phương tiện hóa độ người khác trong khoảng trung gian, hoàn toàn thuộc về sức thần thông tự tại, sức sư tử phấn tấu, đại thế lực oai mãnh.

Hỏi: - Sau khi đã đắc Phật quả, quyền biến thị hiện hạnh Bất Khinh, cho nên chỉ lưu truyền một câu “*sẽ thành Phật*” bèn thanh tịnh sáu căn. Nếu thật sự là sơ tâm, sợ rằng chưa chắc đã được như vậy?

Đáp: - Phạm nói đến Quyền thì đều nhằm dẫn khởi Thật. Nếu Thật hạnh mà chẳng được như thế, ắt Quyền hạnh ủng công thực hiện! Huống hồ hiểu “*bất khinh*” chính là sơ tâm nhất niệm tùy hỷ. Công đức của sơ tâm đã là chẳng thể nghĩ bàn! Nương theo giải mà lập hạnh, ắt



thanh tịnh sáu căn, cần gì phải ngờ? Nhưng hạnh Bất Khinh chẳng phải là chuyên lễ bái, nói cặn kẽ thì như kinh văn trong phần sau sẽ nói.

#### **20.1.2.1.1.2. Danh hiệu**

*(Kinh) Hữu Phật danh Oai Âm Vương, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.*

**(經)有佛名威音王、如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。**

*(Kinh: Có Phật hiệu là Oai Âm Vương (Bhīṣmagarjitasvararāja)<sup>76</sup>, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).*

#### **20.1.2.1.1.3. Tên kiếp và cõi nước**

*(Kinh) Kiếp danh Ly Suy, quốc danh Đại Thành.*

**(經)劫名離衰，國名大成。**

*(Kinh: Kiếp tên là Ly Suy (Vinirbhoga), cõi tên Đại Thành<sup>77</sup> - Mahāsambhavā).*

#### **20.1.2.1.1.4. Thuyết pháp**

*(Kinh) Kỳ Oai Âm Vương Phật u bỉ thế trung, vị thiên, nhân, A Tu La thuyết pháp. Vị cầu Thanh Văn giả, thuyết ứng Tứ Đế pháp, độ sanh, lão, bệnh, tử, cứu cánh Niết Bàn. Vị cầu Bích Chi Phật giả, thuyết ứng thập nhị nhân duyên pháp. Vị chư Bồ Tát, nhân A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thuyết ứng Lục Ba La Mật pháp, cứu cánh Phật huệ.*

---

<sup>76</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật là pháp vương, viên âm trọn khắp, oai thế chế phục mười phương, vì thế tên là Oai Âm Vương”.

<sup>77</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Gặp thời hưng thịnh nên kiếp có tên là Ly Suy. Y báo do nhân duyên to lớn cảm vời, vì thế cõi nước tên là Đại Thành”.

**(經)其威音王佛於彼世中，為天，人，阿修羅說法。為求聲聞者，說應四諦法，度生，老，病，死，究竟涅槃。為求辟支佛者，說應十二因緣法。為諸菩薩，因阿耨多羅三藐三菩提，說應六波羅蜜法，究竟佛慧。**

*(Kinh: Oai Âm Vương Phật trong đời ấy, vì trời, người, A Tu La thuyết pháp. Vì người cầu Thanh Văn mà nói tương ứng pháp Tứ Đế, độ thoát sanh, lão, bệnh, tử, rốt ráo Niết Bàn. Vì người cầu Bích Chi Phật mà nói pháp tương ứng mười hai nhân duyên. Vì các Bồ Tát, do Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà nói tương ứng pháp Lục Ba La Mật, rốt ráo Phật huệ).*

Trước là phương tiện thí tam thừa, sau rốt ráo Phật huệ là “hiền nhất”, đều giống như đức Phật trong hiện tại.

#### **20.1.2.1.1.5. Thọ mạng của Phật**

**(Kinh) Đắc Đại Thế! Thị Oai Âm Vương Phật thọ tứ thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa kiếp.**

**(經)得大勢! 是威音王佛壽四十萬億那由他恆河沙 劫**

*(Kinh: Đắc Đại Thế! Vị Oai Âm Vương Phật ấy thọ bốn mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa kiếp).*

#### **20.1.2.1.1.6. Chánh Pháp và Tượng Pháp**

**(Kinh) Chánh Pháp trụ thế, kiếp số như nhất Diêm Phù Đề vi trần. Tượng Pháp trụ thế, kiếp số như tứ thiên hạ vi trần. Kỳ Phật nhiều ích chúng sanh dĩ, nhiên hậu diệt độ.**

**(經)正法住世，劫數如一閻浮提微塵。像法住世，劫數如四天下微塵。其佛饒益眾生已，然後滅度。**

*(Kinh: Chánh Pháp trụ thế kiếp số như số vi trần trong một Diêm Phù Đề. Tượng Pháp trụ thế kiếp số như số vi trần trong một tứ thiên hạ. Vị Phật ấy lợi ích chúng sanh rồi sau đó mới diệt độ).*

Phần thứ nhất, “nói về vị Phật đầu tiên” đã xong.

#### **20.1.2.1.2. Hai vạn ức Phật kế đó theo thứ tự [xuất thế]**

*(Kinh) Chánh Pháp, Tượng Pháp diệt tận chi hậu, w thử quốc độ, phục hữu Phật xuất, diệt hiệu Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như thị thứ đệ hữu nhị vạn ức Phật, giai đồng nhất hiệu.*

**(經)正法，像法滅盡之後，於此國土，復有佛出，亦號威音王如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。如是次第有二萬億佛，皆同一號。**

*(Kinh: Sau khi Chánh Pháp và Tượng Pháp diệt hết, trong quốc độ ấy, lại có Phật xuất thế, cũng hiệu là Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Có hai vạn ức Phật theo thứ tự như thế, đều có cùng một hiệu).*

Sau khi Chánh Pháp và Tượng Pháp diệt hết, vị Phật sau đó mới xuất thế. Cơ duyên độ thoát do chúng sanh đã gieo được chín muồi, cho nên pháp ứng hiện như thế.

Phần thứ nhất, Sự Bồn đã xong.

#### **20.1.2.2. Nói về Bồn Sự**

Riêng nói về chuyện của ngài Bất Khinh trong thời đức Phật Oai Âm Vương đầu tiên, ngài Bất Khinh chính là đức Bồn Sư Thế Tôn thị hiện Tích, trùng lặp thị hiện chuyện thuộc Bồ Tát đạo nơi bồn hạnh.

##### **20.1.2.2.1. Cùng nêu tên của hai vị trong Bồn**

*(Kinh) Tội sơ Oai Âm Vương Như Lai ký dĩ diệt độ, Chánh Pháp diệt hậu, u Tượng Pháp trung, tăng thượng mạn tỳ-kheo hữu đại thế lực. Nhĩ thời, hữu nhất Bồ Tát tỳ-kheo, danh Thường Bất Khinh.*

**(經)最初威音王如來既已滅度，正法滅後，於像法中，增上慢比丘有大勢力。爾時，有一菩薩比丘，名常不輕**

。

*(Kinh: Khi vị Oai Âm Vương Như Lai đầu tiên đã diệt độ, sau khi Chánh Pháp đã diệt, trong thời Tượng Pháp, tăng thượng mạn tỳ-kheo có thế lực lớn. Lúc bấy giờ, có một vị Bồ Tát tỳ-kheo tên là Thường Bất Khinh - Sadāparibhūta).*

Vào lúc Bốn, trong thời Tượng Pháp của Oai Âm Vương Phật tội sơ, kẻ hủy báng khi đó được gọi là “tăng thượng mạn”, còn người tin tưởng trong thuở ấy được gọi là Thường Bất Khinh. Kẻ tăng thượng mạn do chấp giữ Quyền giáo, tu Quyền hạnh, có chút sở đắc, chẳng biết địa vị theo thứ tự sâu hay cạn, ngộ nhận Tứ Thiên Noãn pháp là Tứ Quả, lầm lạc sanh ý tưởng thỏa mãn. Bọn họ thuộc loại tỳ-kheo “vô văn” (không được nghe chánh pháp), dẫu không phạm tội lớn là áp bức ngài Bất Khinh, cũng ắt bị đọa lạc, đều bị đọa lạc. Phải nên coi họ như chủng tánh bậc hạ trong Viên Giáo, cho nên ngài [Thường Bất Khinh] dùng lễ bái và thọ ký để làm nhân duyên đắc độ [cho những người ấy].

**20.1.2.2.2. Nói về hai tướng tin tưởng và hủy báng**

**20.1.2.2.2.1. Nói về điều đạt được của người tin tưởng**

*(Kinh) Đắc Đại Thế! Dĩ hà nhân duyên danh Thường Bất Khinh? Thị tỳ-kheo phạm hữu sở kiến, nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, u-bà-tắc, u-bà-di, giai tất lễ bái, tán thán, nhi tác thị ngôn: “Ngã thâm kính nhữ đẳng, bất cảm khinh mạn. Sở dĩ giả hà? Nhữ đẳng giai hành Bồ Tát đạo, đương đắc tác Phật”. Nhi thị tỳ-kheo, bất chuyên độc tụng kinh điển, dẫn hành lễ bái. Nãi chí viễn kiến tứ chúng, diệc phục cố vãng lễ bái, tán thán, nhi tác thị ngôn: “Ngã bất cảm khinh u nhữ đẳng. Nhữ đẳng giai đương tác Phật”.*

(經)得大勢！以何因緣名常不輕？是比丘凡有所見，若比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，皆悉禮拜，讚歎，而作是言：「我深敬汝等，不敢輕慢。所以者何？汝等皆行菩薩道，當得作佛」。而是比丘，不專讀誦經典，但行禮拜。乃至遠見四眾，亦復故往禮拜，讚歎，而作是言：「我不敢輕於汝等。汝等皆當作佛」。

(Kinh: Đắc Đại Thế! Do nhân duyên gì mà tên là Thường Bất Khinh? Vị tỳ-kheo ấy hề trông thấy dù là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, hay ưu-bà-di, thấy đều lễ bái, tán thán, nói như thế này: “Tôi kính trọng các vị sâu xa, chẳng dám khinh mạn. Vì lẽ nào vậy? Quý vị đều hành Bồ Tát đạo, sẽ đều thành Phật”. Nhưng vị tỳ-kheo ấy chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ hành lễ bái. Thậm chí hề thấy tứ chúng từ xa, cũng có ý đến đó lễ bái, tán thán, mà nói như thế này: “Tôi chẳng dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật”).

Tên là Thường Bất Khinh, tức Nhân Nhất. “Phàm hữu sở kiến” (Hề trông thấy) tức là Lý Nhất. “Giai tất lễ bái” (Thấy đều lễ bái) tức là Hạnh Nhất. “Nhi tác thị ngôn” (Mà nói như thế này) tức là Giáo Nhất. Đây là tự hành Tứ Nhất (Lý Nhất, Nhân Nhất, Hạnh Nhất, Giáo Nhất). “Nhữ đẳng” (Các vị) tức là Nhân Nhất. “Giai hành Bồ Tát đạo” (Đều hành Bồ Tát đạo) tức là Hạnh Nhất. “Đương đắc tác Phật” (Sẽ đều thành Phật) là chứng Lý Nhất. Nói ba điều Nhất ấy, chính là Giáo Nhất. Đây chính là Tứ Nhất trong sự hóa độ người khác của đức Phật. Đó là phương tiện trong các phương tiện nhằm đối ứng với tứ chúng phần nhiều dấy lên tăng thượng mạn trong thưở ấy, chấp pháp nhỏ nhất trong các Tiểu pháp (Tạng Giáo đã là phương tiện, Noãn pháp lại là phương tiện của Tạng Giáo. Tứ Quả đã là nhỏ, Tứ Thiên lại là nhỏ nhất trong các Tiểu pháp). Vì thế, dùng Thật Nghĩa của Đại Thừa để khai thị, huấn dụ, chẳng dám khinh mạn, nhằm đối trị lỗi lầm tăng thượng mạn. Nói “nhữ đẳng giai hành Bồ Tát đạo” (các vị đều hành Bồ Tát đạo): Tứ Niệm Xứ là Ma Ha Diễn (Mahāyāna, Đại Thừa), Noãn pháp, Tứ Thiên, hoàn toàn giúp đỡ Thật Tướng. Nếu biết sở hành là Bồ Tát đạo, thì từ đầu đến cuối lý bình đẳng, địa vị theo thứ tự rành rành, sẽ trọn chẳng khởi tăng

thượng mạn. “*Bất chuyên độc tụng, đản hành lễ bái*” (Chẳng chuyên đọc tụng, chỉ hành lễ bái): Chỉ bày tướng trạng của phẩm đầu, tức phẩm Tùy Hỷ [trong ngũ phẩm], tùy hỷ hết thấy các pháp, đều có tánh chất an lạc, đều là một Thật Tướng. Tùy hỷ hết thấy mọi người, [vì ai nấy] đều có ba Phật tánh (chánh nhân, liễu nhân và duyên nhân Phật tánh). Người có tâm sẽ đều được thành Phật, chính là chánh nhân tánh. Đọc tụng di pháp Quyền thừa của Oai Âm Vương Phật tức là liễu nhân tánh. Noãn pháp, Tứ Thiên đều là Bồ Tát đạo, tức là duyên nhân tánh. Vì thế, chẳng dám khinh mạn, mà kính trọng sâu xa. Kính người, kính pháp, chẳng dấy lên tranh đua, chính là ý nghĩa tùy hỷ, cho đến “*viễn kiến tứ chúng...*” (thấy tứ chúng từ đằng xa...) biểu thị Tứ Nhất nơi Bản. Thấy tứ chúng từ đằng xa, biểu thị Nhân Nhất nơi Bản. “*Cố vãng lễ bái*” (Cố ý đến chỗ họ lễ bái) biểu thị Hạnh Nhất nơi Bản. “*Nhi tác thị ngôn*” (Mà nói như thế này) biểu thị Giáo Nhất nơi Bản. “*Giai đương tác Phật*” (Đều sẽ thành Phật) biểu thị Lý Nhất nơi Bản. Dùng Tứ Nhất nơi Bản Tích để cưỡng ép kẻ tăng thượng mạn, khiến cho họ thành tựu diệu chủng (chủng tử màu nhiệm) viên đốn. Có thể nói đó là cốt lõi hoàng truyền phần Chánh Thuyết (Chánh Tông) vậy. Lại chẳng khinh mạn, kính trọng sâu xa, tức là “*Như Lai tòa*”. Chịu đựng các đánh chửi chính là “*áo Như Lai*”. Dùng tâm từ bi thường hành như thế chẳng đổi, tức “*Như Lai thất*”. Lại nữa, kính trọng sâu xa là ý nghiệp. Nói lời chẳng khinh rẻ chính là khẩu nghiệp. Cố ý đến lễ bái chính là thân nghiệp. Ba điều này tương ứng với từ bi, tức là Thệ Nguyện An Lạc Hạnh. Có thể nói là đã đạt được lợi ích màu nhiệm trong Lưu Thông.

Hỏi: - Luật Tiểu Thừa và Đại Thừa đều chế định tỳ-kheo chẳng lễ người thế tục, sao Bất Khinh Bồ Tát lại lễ trọn khắp tứ chúng?

Đáp: - Vì độ kẻ tăng thượng mạn, khiến cho họ đạt được hai lợi ích gần và xa (trong tứ chúng, có người nhận, hoặc chẳng nhận [sự lễ bái ấy]). Tiếp nhận thì đạt được lợi ích gần, chẳng tiếp nhận thì đạt được lợi ích xa). Đại Quyền phương tiện biết căn cơ, chẳng trở ngại phá cách (vượt ngoài khuôn khổ) bốn hạnh An Lạc của hàng sơ tâm, [chứ nếu không vì độ kẻ tăng thượng mạn], sẽ cần phải nương theo kinh văn trong giới luật.

Hỏi: - Kinh Đại Thừa [dạy] lễ người biết pháp, trong kinh Tịnh Danh, [các tỳ-kheo đến thăm bệnh] lễ người thế tục (tức các tỳ-kheo lễ cư sĩ Duy Ma Cát), [so với chuyện ngài Thường Bất Khinh lễ tứ chúng ở đây] giống và khác nhau như thế nào?

Đáp: - Khác nhau! Đại kinh chuyên nói về cách thức tỏ bày chí nguyện cung kính, do từ người đó thỉnh pháp mà đạt được lợi ích, cho nên quên bằng tình kiến mà kính lễ. Còn trong kinh Tịnh Danh là do có ân đạt được Pháp Nhãn [từ những lời quở trách, chỉ dạy của cư sĩ Duy Ma], cho nên không tuân theo quy củ thông thường. Vì thế, chẳng quản trái phạm quy tắc mà lễ kính. Nếu xét theo chánh nghi của Đại Thừa, trong quy tắc thường hằng của người thoát tục, trọn chẳng có quy định “*vì đạo mà lễ kẻ thế tục*”. Nay ngài Bất Khinh lập hạnh, đã chẳng phải là do thỉnh pháp mà đạt được lợi ích, hay do báo ân, lại chẳng thuộc luật Đại Tiểu Thừa chế định, thẳng thừng là sau khi đã đắc quả bèn làm chuyện tu nhân, là phương tiện vượt ngoài khuôn khổ nhằm hóa độ người khác, chẳng thể coi đó là khuôn mẫu! Vì thế, đem so với Tứ An Lạc Hạnh để biện định, Lý tuy chẳng khác, nhưng về Sự thì có bảy điểm khác biệt:

- Một, An Lạc Hạnh là an trụ nơi pháp tòa, thuận theo lời hỏi mà nói. Ở đây là từ xa trông thấy tứ chúng, cố ý qua chỗ họ lễ bái.

- Hai, An Lạc Hạnh thì có người cất vấn thì mới trả lời cho người ấy. Ở đây là bị quăng ngói, đá, đánh đập, vẫn cương tuyên nói.

- Ba, An Lạc Hạnh thường chuộng tọa Thiên tại chỗ thanh vắng. Ở đây thì chẳng chuyên đọc tụng, cứ vào trong đại chúng để giải bày.

- Bốn, An Lạc Hạnh thì dẫu đối với kẻ yêu mến pháp sâu xa, vẫn chẳng vì kẻ đó nói nhiều. Ở đây thì dẫu bị hư vọng báng bổ, vẫn cương xưng dương!

- Năm, An Lạc Hạnh thì thoát đầu tu Lý Quán, quán mười tám pháp Không, Còn ở đây là tuyên nói một câu kiến giải “*sẽ thành Phật*”.

- Sáu, An Lạc Hạnh là giáo hóa kẻ thuận tùng, hộ trì luật nghi. Ở đây vì giáo hóa kẻ trái nghịch, bỏ mất các pháp tắc thông thường.

- Bảy, An Lạc Hạnh là sơ tâm thành tựu hạnh, mộng thấy được Phật thọ ký. Ở đây thì sau khi đắc quả, thị hiện rộng thọ ký cho người khác.

Lại so sánh phẩm này với phẩm Pháp Sư Công Đức, [hành giả trong] phẩm ấy hoằng dương toàn bộ kinh văn, còn phẩm này hoằng truyền đại lược ý kinh. Tuy nói toàn thể hay đại lược khác nhau, nhưng cái quả đạt được chẳng hai. Lại dùng ý này đối chiếu với các kinh giáo khác, sẽ có bốn điểm khác biệt:

- Một, sanh lòng tin đối với kinh điển Tiểu Thừa, chưa phải là cái nhân thành Phật. Nay thì dẫu hủy báng kinh này, vẫn trở thành chủng tử mẫu nhiệm.

- Hai, các kinh chỉ nói giáo hóa, hoằng truyền cho người tín thuận, phẩm này thì lễ người thế tục, giáo hóa những kẻ trái nghịch để lưu thông kinh.

- Ba, các kinh khác đối với chuyện biểu thị Quyền và Thật còn bị cách trở, phẩm này phơi bày những điều được khơi mở, không gì chẳng phải là Tứ Nhất.

- Bốn, các kinh khác biểu lộ Tích vẫn chưa trọn hết, phẩm này biểu thị cả hai tướng Bốn và Tích.

**20.1.2.2.2. Nói về những mắt mát của người hủy báng**

*(Kinh) Tứ chúng chi trung, hữu sanh sân khuể, tâm bất tịnh giả, ác khẩu, mạ ly, ngôn: “Thị vô trí tỳ-kheo tòng hà sở lai? Tự ngôn ngã bất khinh nhữ, nhi dữ ngã đẳng thọ ký đương đắc tác Phật. Ngã đẳng bất dụng như thị hư vọng thọ ký”.*

**(經)四眾之中，有生瞋恚，心不淨者，惡口，罵詈，言：「是無智比丘從何所來？自言我不輕汝，而與我等授記當得作佛。我等不用如是虛妄授記」。**

*(Kinh: Trong tứ chúng, có kẻ sanh sân khuể, tâm bất tịnh, bèn ác khẩu, chửi bới rằng: “Gã tỳ-kheo vô trí này từ chỗ nào đến? Tự nói tôi chẳng dám khinh ngài, còn thọ ký chúng ta sẽ đều làm Phật. Chúng ta chẳng cần sự thọ ký hư vọng như thế”).*

Đây là nói về kẻ tăng thượng mạn, chẳng tin Tứ Nhất, cho nên hủy báng, chửi rủa. Chẳng cần sự thọ ký hư vọng như thế, tức là chẳng tin Giáo Nhất. Coi thọ ký là hư vọng, tức là chẳng biết những gì chính mình đang hành chính là Bồ Tát đạo, tức là chẳng tin Hạnh Nhất. Chẳng biết “chúng ta sẽ đều thành Phật”, tức là chẳng tin Nhân Nhất và Lý Nhất.

*(Kinh) Như thử kinh lịch đa niên, thường bị mạ ly, bất sanh sân khuể, thường tác thị ngôn: “Nhữ đương tác Phật”. Thuyết thị ngữ thời, chúng nhân hoặc dĩ trượng, mộc, ngôa, thạch, nhi dĩ trích chi. Tự tẩu viễn trụ, do cao thanh xướng ngôn: “Ngã bất cảm khinh u nhữ đẳng. Nhữ đẳng giai đương tác Phật”. Dĩ kỳ thường tác thị ngữ cố, tăng thượng mạn tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, u-bà-tắc, u-bà-di, hiệu chi vi Thường Bất Khinh.*



(經)如此經歷多年，常被罵詈，不生瞋恚，常作是言：「汝當作佛」。說是語時，眾人或以杖，木，瓦，石，而打擲之。避走遠住，猶高聲唱言：「我不敢輕於汝等。汝等皆當作佛」。以其常作是語故，增上慢比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，號之為常不輕。

(Kinh: Trải qua nhiều năm như thế, thường bị chửi rủa, chẳng sanh sân khuê, thường nói như thế này: “Quý vị sẽ thành Phật”. Lúc nói lời ấy, mọi người hoặc dùng gậy, gỗ, ngói, đá, đánh ném. Chạy tránh, đứng đằng xa, vẫn lớn tiếng xưng rằng: “Tôi chẳng dám khinh các vị. Các vị đều sẽ thành Phật”. Do thường nói lời ấy, các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di tăng thượng mạn gọi Ngài là Thường Bất Khinh).

[Chánh kinh nói] “bị chửi không giận, thường nói lời ấy”, hòng kết lại tướng tín tâm sâu đậm chẳng thoái chuyển. “Bị đánh ném bằng gậy, đá v.v...” nhằm kết lại [ý nghĩa] Tứ Nhất khai Quyền hiển Thật. “Chạy tránh, đứng đằng xa, vẫn lớn tiếng xưng. Do hủy báng, chê gièm, bèn gọi Ngài là Thường Bất Khinh”: Kết lại ý họ chẳng tiếp nhận Tứ Nhất khai cận hiển viễn.

Hỏi: - Hơn bốn mươi năm, đức Thích Ca chẳng chú trọng nói ngay, còn Thường Bất Khinh hễ trông thấy ai đều lỗ mắng nói, là vì lẽ nào?

Đáp: - Đối với kẻ đã có thiện căn, đức Phật Thích Ca dùng Tiểu pháp để gìn giữ họ. [Trong thuở ấy], đối với kẻ vốn chẳng có thiện căn, ngài Thường Bất Khinh dùng pháp Đại Thừa để cưỡng ép họ.

Phần thứ hai, “cùng nêu ra tướng tin tưởng và hủy báng” đã xong.

### 20.1.2.2.3. Cùng nêu quả báo của tin tưởng và hủy báng

#### 20.1.2.2.3.1. Nêu quả báo của người tin tưởng

##### 20.1.2.2.3.1.1. Nêu bày quả báo

(Kinh) Thị tỳ-kheo lâm dục chung thời, u hư không trung, cụ văn Oai Âm Vương Phật tiên sở thuyết Pháp Hoa kinh nhị thập thiên vạn ức kệ, tất năng thọ trì, tức đắc như thượng nhân căn thanh tịnh,

nhĩ, ty, thiệt, thân, ý căn thanh tịnh. Đắc thị lục căn thanh tịnh dĩ, cánh tăng thọ mạng nhị bách vạn ức na-do-tha tuế. Quảng vị nhân thuyết thị Pháp Hoa kinh. Ư thời, tăng thượng mạn tứ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di khinh tiện thị nhân, vị tác Bất Khinh danh giả, kiến kỳ đắc đại thần thông lực, nhạo thuyết biện lực, đại thiện tịch lực, văn kỳ sở thuyết, giai tín phục, tùy tùng. Thị Bồ Tát phục hóa thiên vạn ức chúng, linh trụ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Mạng chung chi hậu, đắc trị nhị thiên ức Phật, giai hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ư kỳ pháp trung, thuyết thị Pháp Hoa kinh. Dĩ thị nhân duyên, phục trị nhị thiên ức Phật, đồng hiệu Vân Tụ Tại Đăng Vương. Ư thứ chư Phật pháp trung, thọ trì, độc tụng, vị chư tứ chúng thuyết thử kinh điển cổ, đắc thị thường nhĩ thanh tịnh, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý, chư căn thanh tịnh. Ư tứ chúng trung thuyết pháp, tâm vô sở úy. Đắc Đại Thế! Thị Thường Bất Khinh Bồ Tát Ma Ha Tát cúng dường như thị nhược can chư Phật, cung kính, tôn trọng, tán thán, chũng chư thiện căn. Ư hậu, phục trị thiên vạn ức Phật, diệc u chư Phật pháp trung, thuyết thị kinh điển, công đức thành tựu, đương đắc tác Phật.

(經)是比丘臨欲終時，於虛空中，具聞威音王佛先所說法華經二十千萬億偈，悉能受持，即得如上眼根清淨，耳，鼻，舌，身，意根清淨。得是六根清淨已，更增壽命二百萬億那由他歲。廣為人說是法華經。於時，增上慢四眾比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷輕賤是人，為作不輕名者，見其得大神通力，樂說辨力，大善寂力，聞其所說，皆信伏，隨從。是菩薩復化千萬億眾，令住阿耨多羅三藐三菩提。命終之後，得值二千億佛，皆號日月燈明。於其法中，說是法華經。以是因緣，復值二千億佛，同號云自在燈王。於此諸佛法中，受持，讀誦，為諸四眾說此經典故，得是常眼清淨，耳鼻舌身意，諸根清淨。於四眾中說

**法，心無所畏。得大勢！是常不輕菩薩摩訶薩供養如是若干諸佛，恭敬，尊重，讚歎，種諸善根。於後，復值千萬億佛，亦於諸佛法中，說是經典，功德成就，當得作佛。**

*(Kinh: Vị tỳ-kheo ấy khi sắp mạng chung, ở trong hư không, nghe trọn vẹn hai mươi ngàn vạn ức bài kệ của kinh Pháp Hoa do Oai Âm Vương Phật đã nói trước đó, đều có thể thọ trì, liền được nhãn căn thanh tịnh như trên, tai, mũi, lưỡi, thân, ý căn đều thanh tịnh. Đã đắc sáu căn thanh tịnh như thế rồi, thọ mạng lại tăng thêm hai trăm vạn ức na-do-tha năm, rộng vì người khác nói kinh Pháp Hoa này. Lúc đó, tứ chúng tăng thượng mạn tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di khinh rẻ vị ấy, đặt tên cho Ngài là Bất Khinh, thấy Ngài đắc sức thần thông to lớn, sức nhạo thuyết biện tài, sức đại thiện tịch, nghe lời Ngài nói đều tin phục, vâng theo. Vị Bồ Tát ấy lại giáo hóa ngàn vạn ức người, khiến cho họ trụ trong Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau khi mạng chung, được gặp hai ngàn ức Phật, đều có hiệu là Nhật Nguyệt Đẳng Minh (Candrasūryapradīpa). Ở trong pháp của chư Phật, nói kinh Pháp Hoa này. Do nhân duyên ấy, lại được gặp hai ngàn ức Phật, có cùng hiệu là Vân Tụ Tại Đẳng Vương (Meghasvararāja). Ở trong pháp của các vị Phật ấy, thọ trì, đọc tụng, do vì các tứ chúng nói kinh điển này, đạt được mắt phàm thanh tịnh, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các căn thanh tịnh. Ở trong tứ chúng thuyết pháp, tâm không sợ hãi. Nay Đắc Đại Thế! Vị Thường Bất Khinh Bồ Tát Ma Ha Tát ấy cùng dường ngàn ấy chư Phật như thế, cung kính, tôn trọng, tán thán, gieo các thiện căn. Sau đó, lại gặp gỡ ngàn vạn ức Phật, cũng ở trong pháp của chư Phật nói kinh điển này, công đức thành tựu, sẽ được thành Phật).*

Hỏi: - Ngài Bất Khinh là Phật Thích Ca thị hiện Tích, đối với kẻ đáng nên dùng thân Bồ Tát tỳ-kheo đắc độ, liền hiện thân Bồ Tát tỳ-kheo để thuyết pháp cho kẻ đó. Lại còn chẳng sanh mà hiện sanh, chẳng diệt mà hiện diệt. Có nhiên chẳng nghi. Còn như khi lâm chung nghe trọn vẹn kinh Pháp Hoa do Oai Âm Vương Phật đã nói mà đạt được sáu căn thanh tịnh, sao chẳng dùng quả Phật để hiện thân, còn phải đợi nghe [kinh Pháp Hoa] từ vị Phật khác, [trước đó, các] căn còn chưa tịnh, do vấn đề thì mới tịnh vậy?

Đáp: - Đã thuộc về sự thị hiện sau khi đắc quả, có gì là chẳng được? Trước hết, sáu căn chưa thanh tịnh chính là Bệnh Hạnh trong

Viên Giáo. Lâm chung, nghe kinh thọ trì, chính là Anh Nhi Hạnh trong Viên Giáo. Sức đại thân thông tức là “Nhu Lai thất”. Sức nhạo thuyết biện tài tức là “Nhu Lai tòa”. Sức đại thiện tịch tức là “áo Nhu Lai”. Dùng ba pháp ấy để trang nghiêm sáu căn, có thể khiến cho tứ chúng chuyên hủy báng thành tin tưởng.

Lại hỏi: - Vốn đã thành Phật, cứ sao lại nói “gieo các thiện căn”, cho đến “công đức thành tựu, sẽ được thành Phật?”

Đáp: - Ví như Đào Châu Công (Phạm Lãi) khéo có thuật lạ để làm giàu, trụ ở một chỗ, buôn bán kiếm được vạn ức. Lại bỏ đi, chẳng mang theo một đồng, sang xứ khác, tay trắng lập nghiệp, thành công kinh doanh vạn ức. Lại bỏ đi, sang xứ khác, lại kinh doanh giàu vạn ức. Đức Phật cũng như thế, công đức nơi Bốn địa hoàn toàn để đó chẳng dùng tới, lại thị hiện tu nhân, lại thị hiện đắc quả, trọn khắp mười phương, trọn khắp ba đời, nhiều lượt chẳng thôi, chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế nói: “*Thọ mạng thành tựu khi ta hành Bồ Tát đạo nơi Bốn đến nay vẫn chưa hết. Khi đã thành Phật, chẳng dùng tới thọ mạng đã thành tựu khi tu Bồ Tát*”. Vậy thì khi thị hiện Tích, cũng chẳng dùng tất cả công đức nơi Bốn địa. Lại nữa, kinh Phạm Võng chép: “*Ngô kim lai thử thế giới bát thiên phản, vị thử Sa Bà thế giới, tọa kim cang hoa quang vương tòa*” (Ta nay đến thế giới này tám ngàn lần, vì thế giới Sa Bà này, ngồi trên tòa kim cang hoa quang vương). Ngài đã thị hiện thành Phật tám ngàn lượt trong Sa Bà. Đối với phân thân của Ngài trọn khắp các xứ thuộc phương khác, cũng có thể phỏng theo đó mà biết. Ở đây, kinh đã luận định chung ba thứ báo của người tin tưởng:

- Sáu căn thanh tịnh bèn tăng thêm thọ mạng. Đó là hiện báo.
- Mạng chung gặp Phật. Đó là sanh báo.
- Lại gặp chư Phật, cho đến sẽ được làm Phật. Đó là hậu báo.

### ***20.1.2.2.3.1.2. Dung hội xưa nay để kết luận***

***(Kinh) Đắc Đại Thế! U ý vân hà? Nhĩ thời, Thường Bất Khinh Bồ Tát khởi dị nhân hồ? Tắc ngã thân thị. Nhược ngã w tức thế, bất thọ trì, độc tụng thử kinh, vị tha nhân thuyết giả, bất năng tât đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ngã w tiên Phật sở, thọ trì, độc tụng thử kinh, vị nhân thuyết cố, tât đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.***

**(經)得大勢！於意云何？爾時，常不輕菩薩豈異人乎？則我身是。若我於宿世，不受持，讀誦此經，為他人說者，不能疾得阿耨多羅三藐三菩提。我於先佛所，受持，讀誦此經，為人說故，疾得阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Nay Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao? Thường Bất Khinh Bồ Tát thuở đó há có phải là ai khác? Chính là thân ta. Nếu ta trong đời trước chẳng thọ trì, đọc tụng kinh này, vì người khác nói, sẽ chẳng thể mau chóng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ta ở chỗ chư Phật quá khứ, do thọ trì, đọc tụng kinh này, vì người khác nói mà mau chóng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Phần đầu là kết luận để dung hội. Kế đó, từ “*nhược ngã u túc thế*” (nếu ta trong đời trước) trở đi, nêu ra tấm gương của người tin tưởng để khuyên nên thuận tùng. Như Đào Châu Công tay trắng lại sang xứ khác, nếu chẳng vận dụng thuật lạ để làm giàu, sẽ chẳng thể mau chóng kinh doanh vạn ức. Hãy nên biết Pháp Hoa chính là “*thuật lạ*” để mau chóng thành Phật.

Phần thứ nhất, “*nêu ra quả báo của người tin tưởng*” đã xong.

#### **20.1.2.2.3.2. Nói về quả báo của kẻ hủy báng**

##### **20.1.2.2.3.2.1. Nêu ra quả báo**

*(Kinh) Đắc Đại Thế! Bĩ thời tứ chúng, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, dĩ sân khuể ý khinh tiện ngã cố, nhị bách ức kiếp, thường bất trị Phật, bất văn pháp, bất kiến tăng, thiên kiếp u A Tỳ địa ngục, thọ đại khổ não. Tất thị tội dĩ, phục ngộ Thường Bất Khinh Bồ Tát giáo hóa A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)得大勢！彼時，四眾比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，以瞋恚意輕賤我故，二百億劫，常不值佛，不聞法，不見僧，干劫於阿鼻地獄，受大苦惱。畢是罪已，復遇常不輕菩薩教化阿耨多羅三藐三菩提。**

(**Kinh:** *Này Đắc Đại Thế! Khi đó, tứ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di do ý sân khuể, khinh rẻ ta mà trong hai trăm ức kiếp, thường chẳng gặp Phật, chẳng nghe pháp, chẳng thấy tăng, ngàn kiếp ở trong địa ngục A Tỳ chịu khổ não to lớn. Tội đó đã hết, lại gặp Thường Bất Khinh Bồ Tát giáo hóa Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Do báng mà đọa khổ. Do nghe thọ ký “*sẽ thành Phật*” mà cái duyên viên đốn. Lại do sức thệ nguyện rộng lớn của Thường Bất Khinh Bồ Tát nhiếp thọ mà lại được gặp gỡ, tiếp nhận giáo hóa.

Hỏi: - Tứ chúng thưở đó đã đều tin phục, vâng theo, có sao vẫn đọa khổ lâu dài?

Đáp: - Điều này có hai ý:

- Một, do thân đánh, miệng chửi, đã trở thành nghiệp nặng, theo đúng lý phải thọ báo. Nêu ra ý này nhằm cảnh tỉnh hành nhân chớ nên vừa nghe lọt qua tai liền nổi sân, dấy lỗi.

- Hai, trải qua thời gian đã lâu, trong tứ chúng có kẻ còn, người mất. Người còn thì tin phục, kẻ mất chưa hối hận. Lại nữa, trong số kẻ tin phục, vâng theo, hối lỗi có cạn và sâu, hành có siêng năng hay biếng nhác. Nếu hối sâu, tu hành siêng năng, chắc cũng chẳng đọa! Dầu bị đọa, dễ thoát ra. Nếu hối cạn, tu hành biếng nhác, tự nhiên sẽ bị đọa trước, sau đó mới đạt được lợi ích. Nếu kẻ chưa hối, sẽ đọa khổ lâu dài. Nhưng do được Bồ Tát nhiếp thọ, rốt cuộc sẽ được độ thoát.

Hỏi: - Nếu do phỉ báng mà đọa khổ, có sao Bồ Tát tạo ra cái nhân gây khổ vậy?

Đáp: - Bọn họ đã ôm lòng tăng thượng mạn. Dầu chẳng hủy báng, ắt cũng đọa khổ! Nay do báng bị đọa, tạo thành cái nhân xa [để được độ thoát]. Như người ngã xuống đất, vẫn phải từ đất đứng lên. Vì thế, dùng chánh báng để tiếp dẫn kẻ tà đọa.

Hỏi: - Vì sao chẳng dùng sức thần thông khiến cho họ đều liền tin phục, vâng theo?

Đáp: - Chư Phật Bồ Tát không vị nào chẳng muốn thế, nhưng do chúng sanh cơ nghi mỗi người mỗi khác, sẽ có kẻ rốt cuộc nếu chẳng rơi vào địa ngục, chắc chắn chẳng chịu phát tâm. Ví như lương y vì trị bệnh ngặt, chẳng thể không dùng châm cứu và thuốc đắng!

### **20.1.2.2.3.2.2. Kết luận dung hội xưa nay**

*(Kinh) Đắc Đại Thế! Ư như ý vân hà? Nhĩ thời, tứ chúng thường khinh thị Bồ Tát giả, khởi dị nhân hồ? Kim thử hội trung Bạt Đà Bà La đẳng ngũ bách Bồ Tát, Sư Tử Nguyệt đẳng ngũ bách tỷ-kheo, Ni Tư Phật đẳng ngũ bách Ưu-bà-tắc, giai w A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề bất thoái chuyển giả thị.*

**(經)得大勢! 於汝意云何? 爾時, 四眾常輕是菩薩者, 豈異人乎? 今此會中跋陀婆羅等五百菩薩, 師子月等五百比丘, 尼思佛等五百優婆塞, 皆於阿耨多羅三藐三菩提不退轉者是。**

*(Kinh: Nay Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao? Tứ chúng thuở đó thường khinh rẻ Bồ Tát há có phải là ai khác? Nay trong hội này là năm trăm vị Bồ Tát như Bạt Đà Bà La (Bhadrapāla), năm trăm vị tỷ-kheo như Sư Tử Nguyệt (Simhacandrā), năm trăm ưu-bà-tắc như Ni Tư Phật (Sugatacetanā), đều chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Phần thứ hai, “cùng nói quả báo do tin tưởng và hủy báng xưa kia” đã xong.

### 20.1.3. Khuyến trì

*(Kinh) Đắc Đại Thế! Đương trì thị Pháp Hoa kinh, đại nhiều ích chư Bồ Tát Ma Ha Tát, năng linh chí w A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị cố, chư Bồ Tát Ma Ha Tát w Như Lai diệt hậu, thường ưng thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, thư tả thị kinh.*

**(經)得大勢! 當知是法華經, 大饒益諸菩薩摩訶薩, 能令至於阿耨多羅三藐三菩提。是故, 諸菩薩摩訶薩於如來滅後, 常應受持, 讀誦, 解說, 書寫是經」。**

*(Kinh: Đắc Đại Thế! Hãy nên biết kinh Pháp Hoa này lợi ích to lớn các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, có thể khiến cho họ đạt tới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, các vị Bồ Tát Ma Ha Tát sau khi Như Lai diệt độ, hãy thường nên thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh này).*

Tiếp nối điều được nói trên đây: Không chỉ người tin tưởng sẽ mau chóng được thành Phật, mà còn khiến cho người hủy báng rốt cuộc đạt được bất thoái. Vì thế, hãy nên siêng năng tu tập năm loại hạnh, tức là thọ trì, đọc, tụng, giải nói, biên chép.

Phần thứ nhất là Trường Hàng đã xong.

## 20.2. Kệ tụng

### 20.2.1. Trùng tụng quả báo do tin tưởng hay hủy báng

#### 20.2.1.1. Trùng tụng Sự Bồn

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Quá khứ hữu Phật, hiệu Oai Âm Vương, thần trí vô lượng, tương đạo nhất thiết. Thiên, nhân, long, thần, sở cộng cúng dường.*

**(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「過去有佛，號威音王，神智無量，將導一切。天人龍神，所共供養**

。

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Đời quá khứ có Phật, hiệu là Oai Âm Vương, thần thông, trí vô lượng, hướng dẫn khắp hết thảy. Trời, người, rồng cùng thần, đều cùng nhau cúng dường).*

#### 20.2.1.2. Trùng tụng Bốn Sự

##### 20.2.1.2.1. Trùng tụng nêu tên hai vị (tức nêu tên Oai Âm Vương Phật và Thường Bất Khinh Bồ Tát)

*(Kinh) Thị Phật diệt hậu, pháp dục tận thời, hữu nhất Bồ Tát, danh Thường Bất Khinh. Thời chư tứ chúng, kế trước u pháp.*

**(經)是佛滅後，法欲盡時，有一菩薩，名常不輕。時諸四眾，計著於法。**

*(Kinh: Sau khi Phật diệt độ, lúc Phật pháp sắp diệt, có một vị Bồ Tát, tên là Thường Bất Khinh. Khi đó, cả bốn chúng, so đo, chấp trước pháp).*



Nói “*kế trước u pháp*” (so đo, chấp trước pháp) nhằm trùng tụng [ý nghĩa đại chúng thuở đó phần nhiều là kẻ] tăng thượng mạn. “*Thị pháp bất khả thị, ngôn từ tướng tịch diệt*” (Pháp ấy chẳng thể chỉ, tướng ngôn từ vắng lặng): Nếu khẳng khẳng cho là có, tức là chấp pháp. Nếu nhất quyết cho là không, cũng là chấp pháp. Khăng khăng cho là “cũng có, cũng không”, cũng là chấp pháp. Khăng khăng bảo “chẳng phải có, chẳng phải không”, cũng là chấp pháp. Khăng khăng bảo “do lia bốn câu cho nên chẳng thể nói” thì cũng là chấp pháp. Vì thế, kinh Phật Tạng dạy: “*Đao luân hại Diêm Phù nhân, kỳ tội do thiếu. Hữu sở đắc tâm thuyết Đại Thừa giả, kỳ tội quá bỉ*” (Dùng vàng đao hại người trong Diêm Phù, tội ấy còn ít. Dùng cái tâm có sở đắc để nói Đại Thừa thì tội còn nhiều hơn thế nữa). Đại Luận nói: “*Chấp trước tranh cãi có và không, cho đến chấp trước tranh cãi chẳng phải có, chẳng phải không cùng với có không ví như da bò, râu rồng<sup>78</sup>, đều chẳng tránh khỏi mỗi họa*”. Trung Luận nói: “*Chư Phật nói pháp Không, vốn vì giáo hóa các cõi. Nếu có kẻ chấp Không, chư Phật chẳng giáo hóa*”. Nếu nói quyết định “các pháp chẳng phải có, chẳng phải không” thì gọi là ngu si luận. Hãy nên biết: Nếu hiểu ý nghĩa Tứ Tất Đàn, tự hành, giáo hóa người khác, sẽ đều có thể chẳng chấp! Nếu chấp vào ý nghĩa Tứ Tất Đàn, tự hành, giáo hóa người khác, sẽ đều gọi là chấp trước pháp. Do chấp pháp, sẽ có cái tâm có sở đắc, sẽ sanh lòng kiêu căng, cao ngạo đối với những chứng đắc kém cõi, hẹp hòi, được gọi là “*tăng thượng mạn*”.

#### **20.2.1.2.2. Trùng tụng cùng nêu chuyện tin tưởng và hủy báng**

**(Kinh) *Bát Khinh Bồ Tát, vãng đáo kỳ sở, nhi ngữ chi ngôn: “Ngã bất khinh nhữ. Nhữ đẳng hành đạo, giai đương tác Phật”. Chư nhân văn dĩ, khinh hủy mạ ly. Bát Khinh Bồ Tát, năng nhẫn thọ chi.***

---

<sup>78</sup> Đây là một điển tích hàm ý “bị trời buộc khó khăn”, như người khoác da bò gặp ánh nắng mặt trời hun đốt, da bò sẽ khô quắt lại, siết chặt thân. Người quán râu rồng xuống nước, sẽ bị râu rồng siết chặt lại, kinh luận dùng chuyện này để sánh ví phước hữu lậu trong nhân thiên. Sách Ma Ha Chi Quán quyển năm viết: “*Nếu muốn xả tam đồ bèn ưa thích Ngũ Giới, Thập Thiện mà tu phước, như đổi chác nơi chợ búa, càng đổi càng thêm tội, giống như cá chui vào ống, thiêu thân lao vào đèn... khát uống nước mặn, râu rồng quán thân vào nước sẽ chuyển thành đau khổ. Da trâu buộc mình, phơi mặt trời càng cứng, kẻ mù vào rừng gai*”.

**(經)不輕菩薩，往到其所，而語之言：「我不輕汝。汝等行道，皆當作佛」。諸人聞已，輕毀罵詈。不輕菩薩，能忍受之。**

*(Kinh: Thường Bất Khinh Bồ Tát, đi đến chỗ của họ, mà nói như thế này: “Tôi chẳng dám khinh ngài. Các ngài đều hành đạo, sẽ đều được thành Phật”. Bọn họ nghe nói xong, khinh, hủy báng, chửi bới. Thường Bất Khinh Bồ Tát, có thể chịu đựng được).*

### 20.2.1.2.3. Trùng tụng cùng nêu ra hai thứ quả báo

#### 20.2.1.2.3.1. Trùng tụng quả báo của người tin tưởng

*(Kinh) Kỳ tội tất dĩ, lâm mạng chung thời, đắc văn thử kinh, lục căn thanh tịnh. Thần thông lực cố, tăng ích thọ mạng. Phục vị chư nhân, quảng thuyết thị kinh. Chư trước pháp chúng, giai mông Bồ Tát, giáo hóa thành tựu, linh trụ Phật đạo. Bất Khinh mạng chung, trị vô số Phật. Thuyết thị kinh cố, đắc vô lượng phước. Tiệm cụ công đức, tất thành Phật đạo. Bỉ thời Bất Khinh, tắc ngã thân thị.*

**(經)其罪畢已，臨命終時，得聞此經，六根清淨。神通力故，增益壽命。復為諸人，廣說是經。諸著法眾，皆蒙菩薩，教化成就，令住佛道。不輕命終，值無數佛。說是經故，得無量福。漸具功德，疾成佛道。彼時不輕，則我身是。**

*(Kinh: Tội ấy đã hết rồi, khi sắp sửa mạng chung, do được nghe kinh này, sáu căn đều thanh tịnh. Do bởi sức thần thông, thọ mạng được tăng trưởng. Lại vì khắp mọi người, rộng nói kinh điển này. Những kẻ chấp trước pháp, đều được Bồ Tát này, giáo hóa khiến thành tựu, khiến trụ trong Phật đạo. Thường Bất Khinh mạng chung, gặp gỡ vô số Phật. Do vì nói kinh này, đạt được vô lượng phước. Dần dần đủ công đức, mau chóng thành Phật đạo. Thường Bất Khinh thuở đó, chính là thân của ta).*

“Kỳ tội tất dĩ” (Tội ấy đã hết rồi): Đã thị hiện Tích, vì kẻ lục căn chưa thanh tịnh, ắt [Bồ Tát] sẽ thị hiện mắc tội có cùng Bệnh Hạnh. Do

vì tội ấy, chuốc lấy nhiều sự đánh, mắng. Do có thể chịu đựng, tội hết, căn tịnh.

### **20.2.1.2.3.2. Trùng tụng quả báo của kẻ hủy báng**

*(Kinh) Thời tứ bộ chúng, trước pháp chi giả, văn Bát Khinh ngôn, nhữ đương tác Phật. Dĩ thị nhân duyên, trị vô số Phật. Thử hội Bồ Tát, ngũ bách chi chúng, tịnh cập tứ bộ, thanh tín sĩ nữ. Kim u ngã tiền, thính pháp giả thị. Ngã u tiền thế, khuyến thị chư nhân, thính thọ tư kinh, đệ nhất chi pháp, khai thị giáo nhân, linh trụ Niết Bàn. Thế thế thọ trì, như thị kinh điển.*

**(經)時四部眾，著法之者，聞不輕言，汝當作佛。以是因緣，值無數佛。此會菩薩，五百之眾，并及四部，清信士女。今於我前，聽法者是。我於前世，勸是諸人，聽受斯經，第一之法，開示教人，令住涅槃。世世受持，如是經典。**

*(Kinh: Bốn bộ chúng thuở đó, là kẻ chấp trước pháp, nghe lời Bát Khinh nói, các vị sẽ thành Phật. Do bởi nhân duyên ấy, gặp gỡ vô số Phật. Bồ Tát trong hội này, số đến năm trăm vị, cùng với bốn bộ chúng, gồm thanh tín nam nữ. Nay chính là những kẻ, đang nghe pháp trước ta. Ta ở trong đời trước, khuyên lơn những kẻ đó, nghe nhận kinh điển này, là diệu pháp bậc nhất, khai thị, dạy người khác, khiến họ trụ Niết Bàn. Đời đời luôn thọ trì, kinh điển như thế đó).*

Phản đầu, “trùng tụng quả báo do tin tưởng hay hủy báng” đã xong!

### **20.2.2. Trùng tụng khuyến trì**

*(Kinh) Ưc ực vạn kiếp, chí bất khả nghị, thời nãi đắc văn, thị Pháp Hoa kinh. Ưc ực vạn kiếp, chí bất khả nghị, chư Phật Thế Tôn, thời thuyết thị kinh. Thị cố hành giả, u Phật diệt hậu, văn như thị kinh, vật sanh nghi hoặc. Ung đương nhất tâm, quảng thuyết thử kinh, thế thế trị Phật, tật thành Phật đạo.*

**(經)億億萬劫，至不可議，時乃得聞，是法華經。億億萬劫，至不可議，諸佛世尊，時說是經。是故行者，於佛滅後，聞如是經，勿生疑惑。應當一心，廣說此經，世世值佛，疾成佛道。**

*(Kinh: Trái ỨC ỨC Vạn kiếp, tới chẳng thể suy nghĩ, khi đó mới được nghe, bộ kinh Pháp Hoa này. Trái ỨC ỨC Vạn kiếp, tới chẳng thể suy nghĩ, các vị Phật Thế Tôn, mới bèn nói kinh này. Vì thế, các hành giả, sau khi Phật diệt độ, nghe kinh như thế này, chớ sanh lòng nghi hoặc. Hãy nên dốc một lòng, rộng nói kinh điển này, sẽ đời đời gặp Phật, mau chóng thành Phật đạo).*

Hỏi: - Phần kinh văn Trường Hàng đã nói rõ kinh này có sự lợi ích to lớn, thậm chí kẻ hủy báng rốt cuộc cũng hưởng lợi ích. Vì sao ỨC ỨC Vạn kiếp cho đến chẳng thể nghĩ [kiếp số], chư Phật mới nói kinh này vậy?

Đáp: - Do có lợi ích Tứ Tất Đàn cho nên có thể nói. Chẳng có bốn lợi ích Tất Đàn, chư Phật sẽ trọn chẳng làm lạc thuyết pháp. Vì thế, muốn hoằng dương đại pháp, trước tiên cần phải hiểu rõ nhân duyên Tứ Tất Đàn.

Phần thứ hai, “nói riêng về hai môn Bổn và Tích” đã xong.

### **\* Phần Lưu Thông của hai môn Bổn và Tích**

Bao gồm tám phẩm kinh, chia thành ba ý:

- Một, hai phẩm Thần Lực và Chúc Lụy nói về chuyện phó chúc lưu thông.

- Hai, năm phẩm từ phẩm Dược Vương trở đi, xét theo sự hóa độ người khác để khuyên lưu thông.

- Ba, phẩm Phổ Hiền Khuyên Phát xét theo tự hành để khuyên lưu thông.

Trong ý thứ nhất:

1) Phẩm Thần Lực nói rõ Bồ Tát vâng mạng hoằng kinh.

2) Phẩm Chúc Lụy nói đến chuyện Như Lai xoa đầu, phó chúc.

Giải thích phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát đã xong; kế đó, giải thích phẩm Như Lai Thần Lực.

## **21. Như Lai Thần Lực Phẩm Đệ Nhị Thập Nhất**

### **如來神力品第二十一**

*Phẩm hai mươi mốt: Như Lai Thần Lực*

[Ý nghĩa của] Như Lai như trong phần trên đã giải thích. “*Thần*” là chẳng lường được. “*Lực*” là vận dụng. “Chẳng lường được” thì cái Thể tự nhiên sâu xa. “Vận dụng” thì sức chuyển biến to lớn. Ở đây, vì phó chúc pháp sâu, [đức Thế Tôn] hiện mười thứ lực mạnh mẽ; cho nên gọi là phẩm Thần Lực (Thần ở bên trong, tức là cái Tông của Thể. Lực là vận dụng, tức là hiển thị tác dụng của kinh. Đức Phật nói Bản Tích, lực dụng của khẩu luân đã nói xong trong phần trước. Nay thân luân lại hiện tác dụng thù thắng để làm giáo pháp, hồng khiến cho đại chúng lưu thông Bản Tích. Vì thế nói là “*Thể sâu, lực lớn*”).

**\* Bồ Tát vãng mạng hoằng kinh**

#### **21.1. Trường Hàng**

##### **21.1.1. Bồ Tát vãng mạng**

*(Kinh) Nhĩ thời, thiên thể giới vi trần đẵng Bồ Tát Ma Ha Tát tùng địa dũng xuất giả, giai u Phật tiền, nhất tâm hiệp chưởng, chiêm ngưỡng tôn nhan, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẵng u Phật diệt hậu, Thế Tôn phân thân sở tại quốc độ diệt độ chi xứ, đương quảng thuyết thử kinh. Sở dĩ giả hà? Ngã đẵng diệt tự dục đắc thị chân tịnh đại pháp, thọ trì, độc tụng, giải thuyết, thư tả, nhi cúng dường chi.*

**(經)爾時， 干世界微塵等菩薩摩訶薩從地涌出者， 皆於佛前， 一心合掌， 瞻仰尊顏， 而白佛言： 「世尊！ 我等於佛滅後， 世尊分身所在國土滅度之處， 當廣說此經。 所以者何？ 我等亦自欲得是真淨大法， 受持， 讀誦， 解說， 書寫， 而供養之」 。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, các vị Bồ Tát nhiều như số vi trần trong một ngàn thế giới từ dưới đất vọt lên, đều ở trước đức Phật, nhất tâm chấp*

*tay, chiêm ngưỡng tôn nhan, mà bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con sau khi đức Phật diệt độ, sẽ ở trong các quốc độ là nơi phân thân của đức Thế Tôn diệt độ mà rộng nói kinh này. Vì lẽ nào vậy? Chúng con cũng tự muốn đạt được đại pháp chân thật thanh tịnh này, thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép để cúng dường).*

Phát thế hoàng kinh gồm ba ý:

- Một, nêu ra thời tiết, tức là sau khi đức Phật diệt độ.
- Hai, nêu ra xứ sở, chính là quốc độ của các phân thân.
- Ba, nêu ra lợi ích. Nếu chẳng lợi ích cho người khác thì cũng mong tự mình đạt được đại pháp chân tịnh, giúp cho mình lẫn người. Thật Thế là Chân, Quyền dụng (tác dụng nơi Quyền) là Tịnh. Quyền Thật bất nhị là Đại; lại chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật thì là Chân. Có thể Quyền, có thể Thật thì là Tịnh, cùng chiếu bất nhị thì gọi là Đại.

### **21.1.2. Đức Phật hiện thân lực**

#### **21.1.2.1. Nêu chung đại chúng đối diện Phật**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn u Văn Thù Sư Lợi đẳng vô lượng bách thiên vạn ức cưu trụ Sa Bà thế giới Bồ Tát Ma Ha Tát, cập chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, nhất thiết chúng tiền, hiện đại thần lực.*

**(經)爾時，世尊於文殊師利等無量百千萬億舊住娑婆世界菩薩摩訶薩，及諸比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，一切眾前，現大神力。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đối trước các vị như Văn Thù Sư Lợi v.v... vô lượng trăm ngàn vạn ức cưu trụ Bồ Tát Ma Ha Tát trong thế giới Sa Bà, và các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v... hết thảy đại chúng, hiện đại thần lực).*

Các vị như Văn Thù v.v... chính là đại chúng được giáo hóa nơi Tích. “Cưu trụ” chính là đại chúng ở phương dưới được giáo hóa nơi Bôn. “Cập chư tỳ-kheo đẳng nhất thiết chúng” (Và các hàng tỳ-kheo

v.v... hết thấy các đại chúng): Từ phương khác đến và từ chỗ của các phân thân Phật mà đến.

### **21.1.2.2. Hiện hiện các tướng để biểu thị trong mười phương**

#### **21.1.2.2.1. Hiện tướng lưỡi và lỗ chân lông phóng quang**

*(Kinh) Xuất quang trường thiết, thượng chí Phạm Thế. Nhất thiết mao khổng phóng ư vô lượng vô số sắc quang, giai tất biến chiếu thập phương thế giới. Chúng bảo thụ hạ sư tử tòa thượng chư Phật, diệc phục như thị xuất quang trường thiết, phóng vô lượng quang. Thích Ca Mâu Ni Phật cập bảo thụ hạ chư Phật hiện thân lực thời, mãn bách thiên tuế, nhiên hựu hoàn nhiếp thiết tướng.*

**(經)出廣長舌，上至梵世。一切毛孔放於無量無數色光，皆悉徧照十方世界。眾寶樹下師子座上諸佛，亦復如是出廣長舌，放無量光。釋迦牟尼佛及寶樹下諸佛現神力時，滿百千歲，然後還攝舌相。**

*(Kinh: Hiện tướng lưỡi rộng dài lên đến trời Phạm Thế. Hết thấy các lỗ chân lông tỏa ra vô lượng vô số ánh sáng có màu, thấy đều chiếu trọn khắp mười phương thế giới. Chư Phật trên tòa sư tử dưới các cây báu cũng giống như thế, hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng quang. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật và chư Phật dưới các cây báu hiện thân lực trọn trăm ngàn năm, sau đấy mới thu lại tướng lưỡi).*

Hiện tướng lưỡi rộng dài biểu thị lời nói thành thật. Người phước đức lưỡi [thè ra] chạm tới chót mũi, Phật trong Tam Tạng (Tạng Giáo) [lưỡi thè ra] chạm tới mí tóc. Nay [tướng lưỡi thè ra] tới trời Phạm Thiên, [tức là] vượt ngoài phạm thánh. Tướng đã hết sức khác thường, lời nói hết sức đáng tin. Hãy nên biết “*khai tam hiển nhất, khai cận hiển viễn*” đều chân thật, chẳng hư dối. Lỗ chân lông tỏa ánh sáng chiếu trọn khắp, biểu thị nhị môn nhất lý. Trong phẩm Tự, [quang minh từ] bạch hào chiếu sang phương Đông, biểu thị “bảy phương tiện thoát đầu thấy một lý”, nay Bốn Môn đã xong, phóng hết thấy quang minh, chiếu hết thấy cõi, có thể khiến cho kẻ sơ tâm lãnh hội rốt ráo Phật huệ, trọn hết trí cảnh. Hóa đạo của phân thân chư Phật cũng tương đồng, cho nên cũng lại [hiện thân lực] giống như thế. “*Trọn trăm ngàn năm*” mang ý nghĩa

biểu thị theo chiều ngang gồm khắp bách giới thiên như, theo chiều dọc tốt cùng mười đời xưa nay. Trong tám năm mà lại trọn trăm ngàn năm [thì ý nghĩa ẩn tàng trong ấy] như đã giải thích “*năm mươi tiểu kiếp*” trong phần trước. Nay đại hội này hoàn toàn phá vô minh, cho nên chẳng cần dùng thần lực khiến cho họ cảm thấy giống như nửa ngày.

#### **21.1.2.2.2. Đẳng hắng và khảy ngón tay**

*(Kinh) Nhất thời khánh khái, câu cộng đàn chỉ. Thị nhị âm thanh biến chí thập phương chư Phật thế giới.*

**(經)一時警咳，俱共彈指。是二音聲徧至十方諸佛世界。**

*(Kinh: Cùng lúc đẳng hắng, và cùng khảy ngón tay. Hai âm thanh ấy vang trọn khắp các thế giới pháp giới trong mười phương).*

“Đẳng hắng” là tướng trạng thông thoáng, lưu loát. Lại còn là biểu hiện sắp nói [điều chi đó, bèn hắng giọng]. Hơn bốn mươi năm chưa thể nói về Thật, nay được thoải mái [diễn bày Thật Đệ], chẳng còn vướng mắc gì! Đại sự đã thông thoáng, trôi chảy; vì thế đẳng hắng. Muốn đem pháp này phó chúc các Bồ Tát, hòng hướng dẫn, tạo lợi ích cho chúng sanh trong đời sau, sắp nói chuyện ấy, cho nên đẳng hắng. Đó chính là biểu thị Giáo Nhất. “*Khảy ngón tay*” là tùy hỷ, tùy hỷ bảy phương tiện cùng nhập Viên đạo. Tùy hỷ các địa vị thuộc Viên Giáo tăng trưởng trí huệ, tôn giảm Biến Dịch sanh tử. Tùy hỷ các Bồ Tát trì chân tịnh đại pháp. Tùy hỷ đời sau đạt được của báu vô thượng, tức là biểu thị Nhân Nhất. Vì vậy, khảy ngón tay và đẳng hắng theo chiều dọc thì cùng tốt ba đời, theo chiều ngang bèn trọn khắp mười phương.

#### **21.1.2.2.3. Đại địa chấn động và thấy trọn khắp đại hội**

*(Kinh) Địa giai lục chủng chấn động. Kỳ trung chúng sanh: Thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, dĩ Phật thần lực cố, giai kiến thử Sa Bà thế giới, vô lượng vô biên bách thiên vạn ức chúng bảo thụ hạ sư tử tòa thượng chư Phật, cập kiến Thích Ca Mâu Ni Phật, cộng Đa Bảo Như Lai, tại bảo tháp trung, tọa sư tử tòa. Hựu kiến vô lượng*



*vô biên bách thiên vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát, cập chư tứ chúng, cung kính vi nhiễu Thích Ca Mâu Ni Phật. Ký kiến thị dĩ, giai đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu.*

**(經)地皆六種震動。其中眾生：天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，以佛神力故，皆見此娑婆世界，無量無邊百千萬億眾寶樹下師子座上諸佛，及見釋迦牟尼佛，共多寶如來，在寶塔中，坐師子座。又見無量無邊百千萬億菩薩摩訶薩，及諸四眾，恭敬圍繞釋迦牟尼佛。既見是已，皆大歡喜，得未曾有。**

*(Kinh: Đại địa đều sáu thứ chấn động. Chúng sanh trong đó: Trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... do thần lực của Phật, đều thấy trong thế giới Sa Bà này, chư Phật trên tòa sư tử dưới vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức các cây báu, và thấy Thích Ca Mâu Ni Phật cùng với Đa Bảo Như Lai ngồi trên tòa sư tử trong tháp báu. Lại thấy vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát và các tứ chúng, cung kính vây quanh Thích Ca Mâu Ni Phật. Đã thấy như thế, đều hết sức hoan hỷ, đạt được điều chưa từng có).*

Đất trong mười phương thế giới đều sáu thứ chấn động, biểu thị chấn động sáu căn của hết thảy chúng sanh hòng được thanh tịnh, cũng biểu thị Viên đạo từ đầu đến cuối sáu lượt phá vô minh, biểu thị Hạnh Nhất. Thấy trọn khắp đại hội trong thế gian này, biểu thị chư Phật đạo đồng, hiện tại và mai sau cũng đều là như thế. Trước đó, năm ngàn người rời đi, ba lượt [đại chúng trong thế giới Sa Bà và các quốc độ do đức Phật Thích Ca biến hóa ra] bị dời [sang phương khác], cho đến nhân, phi nhân v.v... vốn trụ trong mười phương chính là những kẻ căn cơ chưa thuần thực, đã chẳng thể vâng tập tới pháp hội này, nay do thần lực [của đức Bổn Sư và các phân thân chư Phật] đều khiến cho họ từ xa trông thấy [pháp hội Pháp Hoa này], kết duyên hoan hỷ, tức là điều lành chung [biểu thị] họ sẽ đắc độ trong vị lai.

**21.1.2.2.4. Trong hư không vang ra âm thanh**

*(Kinh) Tức thời, chư thiên ở hư không trung, cao thanh xướng ngôn: - Quá thử vô lượng vô biên bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ thế giới, hữu quốc danh Sa Bà. Thị trung hữu Phật, danh Thích Ca Mâu Ni. Kim vị chư Bồ Tát Ma Ha Tát thuyết Đại Thừa kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa, giáo Bồ Tát pháp, Phật sở hộ niệm. Nhữ đẳng đương thâm tâm tùy hỷ, diệc đương lễ bái, cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật.*

**(經)即時，諸天於虛空中，高聲唱言：「過此無量無邊百千萬億阿僧祇世界，有國名娑婆。是中有佛，名釋迦牟尼。今為諸菩薩摩訶薩說大乘經，名妙法蓮華，教菩薩法，佛所護念。汝等當深心隨喜，亦當禮拜，供養釋迦牟尼佛」。**

*(Kinh: Ngay lập tức, chư thiên ở trong hư không, lớn tiếng xướng rằng: - Qua khỏi vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ thế giới, có cõi nước tên là Sa Bà. Trong ấy có Phật, tên là Thích Ca Mâu Ni, nay vì các vị Bồ Tát Ma Ha Tát nói kinh Đại Thừa, tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp, Phật Sở Hộ Niệm. Các ông hãy nên thâm tâm tùy hỷ, cũng nên lễ bái, cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật).*

Tuy do Phật lực khiến cho họ trông thấy đại hội từ xa, nhưng vẫn chẳng biết Phật có danh hiệu như thế nào, do duyên gì mà [đại chúng] tụ tập. Nay chư thiên trong hư không tuyên xướng, khiến cho mọi người nghe biết, khiến cho mọi người tùy hỷ diệu pháp, cúng dường đấng Thế Tôn, tức là biểu thị trong vị lai họ sẽ có Giáo Nhất.

**21.1.2.2.5. Quy mạng từ xa**

*(Kinh) Bĩ chư chúng sanh vẫn hư không trung thanh dĩ, hiệp chưởng hướng Sa Bà thế giới, tác như thị ngôn: “Nam-mô Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam-mô Thích Ca Mâu Ni Phật”.*

**(經)彼諸眾生聞虛空中聲已，合掌向娑婆世界，作如是言：「南無釋迦牟尼佛，南無釋迦牟尼佛」。**

*(Kinh: Các chúng sanh ấy nghe tiếng trong hư không rồi, chấp tay hướng về thế giới Sa Bà, nói như thế này: “Nam-mô Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam-mô Thích Ca Mâu Ni Phật”).*

Chấp tay, xưng Nam-mô, là đệ tử của Phật, biểu thị sẽ là Nhân Nhất trong vị lai.

#### 21.1.2.2.6. Cúng dường từ xa

*(Kinh) Dĩ chủng chủng hoa, hương, anh lạc, phan, cái, cập chư nghiêm thân chi cụ, trân bảo diệu vật, giai cộng dao tán Sa Bà thế giới. Sở tán chư vật tùng thập phương lai. Thí như vân tập, biến thành bảo trướng, biến phủ thử gian chư Phật chi thượng.*

**(經)以種種華，香，瓔珞，旛，蓋，及諸嚴身之具，珍寶妙物，皆共遙散娑婆世界。所散諸物從十方來。譬如雲集，變成寶帳，徧覆此間諸佛之上。**

*(Kinh: Dùng các thứ hoa, hương, anh lạc, phan, lọng, và các vật trang nghiêm thân, các vật trân bảo diệu vật, đều cùng từ xa rải lên thế giới Sa Bà. Các vật được rải từ mười phương đến ví như mây nhóm, biến thành trướng báu, phủ khắp trên chư Phật trong cõi này).*

Các vật được rải biến thành trướng báu, che trên chư Phật, biểu thị “vạn thiện đồng quy”, đều chứa đựng Phật quả, tức là sẽ có Hạnh Nhất trong vị lai.

#### 21.1.2.2.7. Mười phương thế giới thông đạt như một cõi Phật

*(Kinh) Ʈ thời, thập phương thế giới thông đạt vô ngại như nhất Phật độ.*

**(經)於時，十方世界通達無礙如一佛土。**

(*Kinh*: Khi ấy, mùi hương thể giới thông đạt vô ngại như một cõi Phật).

Điều này biểu thị Lý Nhất trong vị lai. Đã ngộ lý “Quyền, Thật, Bồn, Tích chẳng thể nghĩ bàn như nhau”. Sai biệt chính là chẳng sai biệt. Phần thứ hai, “Phật hiện thân lực” đã xong.

### 21.1.3. Kết lại điểm trọng yếu để khuyên thọ trì

#### 21.1.3.1. Xưng tán, phó chúc

(*Kinh*) *Nhĩ thời, Phật cáo Thượng Hạnh đấng Bồ Tát đại chúng: - Chư Phật thân lực như thị vô lượng vô biên bất khả tư nghĩ. Nhược ngã dĩ thị thân lực, ư vô lượng vô biên bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ kiếp, vị chúc lụy cố, thuyết thử kinh công đức, do bất năng tận.*

**(經)爾時，佛告上行等菩薩大眾：「諸佛神力如是無量無邊不可思議。若我以是神力，於無量無邊百千萬億阿僧祇劫，為囑累故，說此經功德，猶不能盡。**

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các vị như Thượng Hạnh v.v... Bồ Tát đại chúng: - Thân lực của chư Phật vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn như thế! Nếu ta dùng thân lực ấy trong vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp vì chúc lụy mà nói công đức của kinh này, vẫn chẳng thể hết).

#### 21.1.3.2. Kết lại điểm trọng yếu để phó chúc

(*Kinh*) *Dĩ yếu ngôn chi, Như Lai nhất thiết sở hữu chi pháp, Như Lai nhất thiết tự tại thân lực, Như Lai nhất thiết bí yếu chi tạng, Như Lai nhất thiết thâm thâm chi sự, giai ư thử kinh tuyên thị, hiển thuyết.*

**(經)以要言之，如來一切所有之法，如來一切自在神力，如來一切秘要之藏，如來一切甚深之事，皆於此經宣示，顯說。**

*(Kinh: Nói tóm lại, hết thấy tất cả các pháp của Như Lai, hết thấy thân lực tự tại của Như Lai, hết thấy tạng bí mật trọng yếu của Như Lai, hết thấy các chuyện rất sâu của Như Lai, đều được tuyên nói, chỉ bày, nêu rõ trong kinh này).*

Tất cả các pháp, hết thấy các pháp, đều là Phật pháp. Đó là tổng kết “*hết thấy đều là diệu danh*”. “*Tự tại thân lực*”: Thông đạt vô ngại, có đủ tám món tự tại, nhằm kết lại diệu dụng. “*Tạng bí mật, trọng yếu*”: Trọn khắp hết thấy các chỗ đều là Thật Tướng, kết lại diệu thể. “*Chuyện rất sâu*”: Hết thấy nhân quả, đại sự duy nhất, kết lại diệu tông, đều được tuyên nói, chỉ bày, nêu rõ trong kinh này, nhằm tổng kết một bộ kinh chỉ có bốn điều trên đây mà thôi, được gom thành cốt lõi để trao truyền.

### *21.1.3.3. Khuyên lơn, khích lệ để phó chúc*

*(Kinh) Thị cố, nữ ử đấng ư Như Lai diệt hậu, ưng nhất tâm thọ trì, đọc, tụng, giải thuyết, thư tả, như thuyết tu hành. Sở tại quốc độ, nhược hữu thọ trì, đọc, tụng, giải thuyết, thư tả, như thuyết tu hành, nhược kinh quyển sở trụ chi xứ, nhược ư viên trung, nhược ư lâm trung, nhược ư thụ hạ, nhược ư tăng phùng, nhược bạch y xá, nhược tại điện đường, nhược sơn cốc, khoáng dã, thị trung giai ưng khởi tháp cúng dường.*

**(經)是故，汝等於如來滅後，應一心受持，讀，誦，解說，書寫，如說修行。所在國土，若有受持，讀，誦，解說，書寫，如說修行，若經卷所住之處，若於園中，若於林中，若於樹下，若於僧坊，若白衣舍，若在殿堂，若山谷，曠野，是中皆應起塔供養。**

*(Kinh: Vì thế, các ông sau khi Như Lai diệt độ, hãy nên nhất tâm thọ trì, đọc, tụng, giải nói, biên chép, tu hành đúng như lời dạy. Ở trong cõi nước, nếu có người thọ trì, đọc, tụng, giải nói, biên chép, tu hành đúng như lời dạy, hoặc chỗ có kinh quyển, hoặc ở trong vườn, hoặc ở trong rừng, hoặc dưới cội cây, hoặc trong tăng phùng, hoặc nhà bạch y, hoặc tại điện đường, hoặc hang núi, đồng hoang, đều nên dựng tháp cúng dường tại đó).*

#### 21.1.3.4. Giải thích việc phó chúc

*(Kinh) Sở dĩ giả hà? Đương tri thị xứ tức thị đạo tràng, chư Phật u thử đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chư Phật u thử chuyển u pháp luân, chư Phật u thử nhi bát Niết Bàn.*

**(經)所以者何? 當知是處即是道場, 諸佛於此得阿耨多羅三藐三菩提, 諸佛於此轉於法輪, 諸佛於此而般涅槃」。**

*(Kinh: Vì có sao vậy? Hãy nên biết chỗ ấy chính là đạo tràng, chư Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tại đó, chư Phật chuyển pháp luân tại đó, chư Phật bát Niết Bàn tại đó).*

Đoạn này nhằm giải thích vì sao chỗ có kinh quyền đều phải nên dựng tháp. Do chỗ ấy chính là đạo tràng. Chỗ đắc đạo, chỗ chuyển pháp luân, chỗ nhập Niết Bàn, đều gọi là “đạo tràng”. Đạo tràng là nói chung, nhằm giải thích “*hết thấy đều là diệu danh*”. “*Đắc Bồ Đề*” là chứng tạng bí mật, trọng yếu, nhằm giải thích diệu thể. “*Chuyển pháp luân*”: Tuyên nói, chỉ bày chuyện rất sâu thuộc tự hạnh, nhân quả Bốn Tích, nhằm giải thích diệu tông.

“*Bát Niết Bàn*”: Chẳng phải diệt mà xướng diệt, thần lực tự tại, giải thích diệu dụng. Đắc Bồ Đề là Pháp Thân, chuyển pháp luân là Bát Nhã, nhập Niết Bàn là giải thoát. Ba pháp hợp thành tạng bí mật, Phật trụ trong đó, tức là đạo tràng, tức là ý nghĩa của tháp. Vì thế, hãy nên dựng tháp để biểu thị rõ rệt.

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

### 21.2. Kệ tụng

#### 21.2.1. Trùng tụng thần lực

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Chư Phật cứu thế giả, trụ u đại thần thông. Vị duyệt chúng sanh cố, hiện vô lượng thần lực. Thiết tướng chí Phạm Thiên, thân phóng vô số quang. Vị cầu Phật đạo giả, hiện thử hy hữu sự. Chư Phật khánh khái thanh, cập đàn chỉ chỉ thanh, châu văn thập phương quốc, địa giai lục chủng động. Dĩ Phật diệt độ hậu, năng trì thị kinh cố, chư Phật giai hoan hỷ, hiện vô lượng thần lực.*

**(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「諸佛救世者，住於大神通。為悅眾生故，現無量神力。舌相至梵天，身放無數光。為求佛道者，現此希有事。諸佛警咳聲，及彈指之聲，周聞十方國，地皆六種動。以佛滅度後，能持是經故，諸佛皆歡喜，現無量神力。」**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Chư Phật đáng cứu đời, trụ trong đại thần thông. Vì vui sướng chúng sanh, hiện vô lượng thần lực. Tướng lưỡi tới Phạm Thiên, thân phóng vô số quang. Vì người cầu Phật đạo, hiện chuyện hiếm có này. Tiếng chư Phật đảnh hắng, và tiếng khảy ngón tay, nghe trọn mười phương cõi, đất chấn động sáu cách. Do Phật diệt độ rồi, ai có thể trì kinh, chư Phật đều hoan hỷ, hiện vô lượng thần lực).*

Đối với mười loại thần lực, chỉ trùng tụng năm thứ đầu, năm thứ sau đều do hai âm thanh chấn động mà hiện, cho nên lược đi. Lại nữa, năm thứ đầu và năm thứ sau biểu thị ý nghĩa chẳng khác biệt, nhưng có hiện tại và vị lai sai khác, cho nên tinh lược.

### **21.2.2. Trùng tụng kết lại những điều trọng yếu, khuyên thọ trì**

#### **21.2.2.1. Trùng tụng xưng tán**

*(Kinh) Chúc lụy thị kinh cổ, tán mỹ thọ trì giả, u vô lượng kiếp trung, do cố bất năng tận. Thị nhân chỉ công đức, vô biên vô hữu cùng, như thập phương hư không, bất khả đắc biên tế.*

**(經)囑累是經故，讚美受持者，於無量劫中，猶故不能盡。是人之功德，無邊無有窮，如十方虛空，不可得邊際。**

*(Kinh: Do chúc lụy kinh này, khen ngợi người thọ trì, trong vô lượng ức kiếp, vẫn chẳng thể cùng tận. Công đức của người ấy, vô biên, chẳng cùng tận, như mười phương hư không, chẳng thể đạt bờ mé).*

Phần kinh văn Trường Hàng chỉ nói công đức của kinh này chẳng thể cùng tận. Nay kệ tụng nói công đức của người ấy (người thọ trì) là vô biên, chẳng thể cùng tận. Do pháp diệu nên người diệu. Do người diệu nên pháp diệu, hiển hiện lẫn nhau!

**21.2.2.2. Trùng tụng kết lại điểm trọng yếu, kèm giải thích**

**21.2.2.2.1. Trùng tụng hết thấy các pháp**

*(Kinh) Năng trì thị kinh giả, tác vi dĩ kiến ngã, diệc kiến Đa Bảo Phật, cập chư phân thân giả. Hựu kiến ngã kim nhật, giáo hóa chư Bồ Tát.*

**(經)能持是經者，則為已見我，亦見多寶佛，及諸分身者。又見我今日，教化諸菩薩。**

*(Kinh: Người hay trì kinh này, chính là đã thấy ta, cũng thấy Phật Đa Bảo, và các vị phân thân. Lại thấy ta ngày nay, giáo hóa các Bồ Tát).*

Tất cả các pháp chẳng ngoài người có thể giáo hóa, người có thể chứng, và đối tượng được giáo hóa. Do chẳng có Nhị Thừa, chẳng nói kèm theo, pháp này thuần diệu. Đó là dùng ba điều để hình dung tổng quát đạo tràng.

**21.2.2.2.2. Trùng tụng thần lực tự tại**

*(Kinh) Năng trì thị kinh giả, linh ngã cập phân thân, diệt độ Đa Bảo Phật, nhất thiết giai hoan hỷ. Thập phương hiện tại Phật, tịnh quá khứ, vị lai, diệc kiến, diệc cúng dường, diệc linh đắc hoan hỷ.*

**(經)能持是經者，令我及分身，滅度多寶佛，一切皆歡喜。十方現在佛，并過去未來，亦見亦供養，亦令得歡喜。**

*(Kinh: Người hay trì kinh này, khiến ta và phân thân, diệt độ Đa Bảo Phật, hết thấy đều hoan hỷ. Mười phương hiện tại Phật, và quá khứ, vị lai, cũng thấy, cũng cúng dường, cũng khiến được hoan hỷ).*



“Hoan hỷ” chính là tác dụng thông suốt của thần lực, cũng chính là Niết Bàn, nơi an ổn nhất.

#### **21.2.2.2.3. Trùng tụng tạng bí yếu**

*(Kinh) Chư Phật tọa đạo tràng, sở đắc bí yếu pháp, năng trì thị kinh giả, bất cử diệt đương đắc.*

**(經)諸佛坐道場，所得秘要法，能持是經者，不久亦當得。**

*(Kinh: Chư Phật ngồi đạo tràng, đạt được pháp bí yếu, người hay trì kinh này, chẳng lâu cũng sẽ được).*

Giống như chư Phật đắc Chánh Giác, chứng được diệu thể bí mật tạng.

#### **21.2.2.2.4. Trùng tụng chuyện rất sâu**

*(Kinh) Năng trì thị kinh giả, u chư pháp chi nghĩa, danh tự cập ngôn từ, nhạo thuyết vô cùng tận. Như phong u không trung, nhất thiết vô chướng ngại. Ư Như Lai diệt hậu, tri Phật sở thuyết kinh, nhân duyên cập thứ đệ, tùy nghĩa như thật thuyết. Như nhật nguyệt quang minh, năng trừ chư u minh. Tư nhân hành thế gian, năng diệt chúng sanh ám, giáo vô lượng Bồ Tát, tất cánh trụ Nhất Thừa.*

**(經)能持是經者，於諸法之義，名字及言辭，樂說無窮盡。如風於空中，一切無障礙。於如來滅後，知佛所說經，因緣及次第，隨義如實說。如日月光明，能除諸幽冥。斯人行世間，能滅眾生闇，教無量菩薩，畢竟住一乘。**

*(Kinh: Người hay trì kinh này, đối với nghĩa các pháp, danh tự và ngôn từ, thích nói chẳng cùng tận. Như gió trong hư không, hết thảy chẳng chướng ngại. Như Lai diệt độ rồi, biết kinh do Phật nói, nhân duyên và thứ tự, thuận nghĩa, như thật nói. Như ánh sáng nhật nguyệt, hay trừ các tối tăm. Người ấy trong thế gian, hay diệt chúng sanh tối, dạy vô lượng Bồ Tát, rốt ráo trụ Nhất Thừa).*

Dùng cốt lõi của nhân quả Nhất Thừa để giáo hóa Bồ Tát, tức là chuyển pháp luân.

Phần thứ hai, “kết lại những điểm trọng yếu và kèm giải thích” đã xong.

### **21.2.2.3. Trùng tụng ý khuyên lớn, khích lệ**

*(Kinh) Thị cố hữu trí giả, văn thử công đức lợi, u ngã diệt độ hậu, ưng thọ trì tư kinh. Thị nhân u Phật đạo, quyết định vô hữu nghi.*

**(經)是故有智者，聞此功德利，於我滅度後，應受持斯經。是人於佛道，決定無有疑」。**

*(Kinh: Vì thế, người có trí, nghe công đức lợi này, sau khi ta diệt độ, nên thọ trì kinh này. Người ấy trong Phật đạo, quyết định chẳng có nghi).*

Lược đi không trùng tụng chuyện dựng tháp cúng dường, chỉ nói “đôi với Phật đạo chẳng nghi ngờ”. Bởi lẽ, tin sâu chỗ ấy chính là đạo tràng. Ở đây, chư Phật đấng Bồ Đề, chuyển pháp luân, nhập Niết Bàn.

Phần thứ nhất, “nói về chuyện Bồ Tát vâng mạng hoàng kinh” đã xong. Giải thích phẩm Như Lai Thần Lực đã xong; kế đó, giải thích phẩm Chúc Lụy.

## **22. Chúc Lụy Phẩm Đệ Nhị Thập Nhị**

### **囑累品第二十二**

*Phẩm hai mươi hai: Chúc Lụy*

“Chúc” là Phật phó chúc (giao phó, căn dặn). “Lụy” là phiền người hãy tuyên truyền. Đây là tuân theo thánh chỉ của Như Lai mà gọi như thế. “Chúc” là cung kính tiếp nhận lời căn dặn, “Lụy” là cam lòng chẳng mệt nhọc. Đây là do Bồ Tát kính thuận mà gọi như vậy. “Chúc” là kim khẩu của Như Lai căn dặn. “Lụy” là Bồ Tát lòng son kính cần gánh vác. Đây là gộp chung trao và nhận lại để luận định. Vì thế, Như Lai vươn mình từ chỗ ngồi đứng dậy, duỗi tay xoa đỉnh đầu [các Bồ Tát], truyền trao pháp khó được. Đại chúng nghiêng mình chấp tay, tuân

phụng lời sắc truyền của đức Thế Tôn, sẽ phụng hành đầy đủ. Ân cần trao nhận; vì thế gọi là phẩm Chúc Lụy.

**22.1. Như Lai xoa đỉnh đầu phó chúc**

**22.1.1. Phó chúc**

**22.1.1.1. Như Lai phó chúc**

**22.1.1.1.1. Chánh thức phó chúc**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật từ pháp tòa (bảo tháp trung) pháp tòa khởi, hiện đại thân lực, dĩ hữu thủ ma vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát đánh, nhi tác thị ngôn: “Ngã u vô lượng bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ kiếp tu tập thị nan đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp, kim dĩ phó chúc nhữ đẳng. Nhữ đẳng ưng đương nhất tâm lưu bố thử pháp, quảng linh tăng ích”. Như thị tam ma chú Bồ Tát Ma Ha Tát đánh, nhi tác thị ngôn: “Ngã u vô lượng bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ kiếp, tu tập thị nan đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp, kim dĩ phó chúc nhữ đẳng. Nhữ đẳng đương thọ trì, độc, tụng, quảng tuyên thử pháp, linh nhất thiết chúng sanh phổ đắc văn tri.*

**(經)爾時，釋迦牟尼佛從（寶塔中）法座起，現大神力，以右手摩無量菩薩摩訶薩頂，而作是言：「我於無量百千萬億阿僧祇劫修習是難得阿耨多羅三藐三菩提法，今以付囑汝等。汝等應當一心流布此法，廣令增益」。如是三摩諸菩薩摩訶薩頂，而作是言：「我於無量百千萬億阿僧祇劫，修習是難得阿耨多羅三藐三菩提法，今以付囑汝等。汝等當受持，讀，誦，廣宣此法，令一切眾生普得聞知。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật từ pháp tòa (trong bảo tháp) đứng dậy<sup>79</sup>, hiện đại thân lực, dùng tay phải xoa đỉnh đầu<sup>80</sup> vô*

<sup>79</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Từ nơi nửa tòa do Đa Bảo Phật chia cho mà đứng dậy, biểu thị từ Đệ Nhất Nghĩa Không khởi vô lượng đại dụng”.

<sup>80</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Xoa đỉnh đầu biểu thị lòng từ ái của đức Phật đối với các đệ tử, dùng tay Quyền Trí xoa đỉnh đầu Thật Trí, biểu thị Quyền chính là Thật, Thật chính là Quyền”.

lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, mà nói như thế này: “Ta trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp tu tập pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khó được này, nay đem phó chúc cho các ông. Các ông hãy nên nhất tâm lưu truyền pháp này, khiến cho nó rộng tăng trưởng”. Xoa đỉnh đầu các Bồ Tát Ma Ha Tát ba lượt như thế, nói như thế này: “Ta trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp tu tập pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khó được này, nay phó chúc cho các ông. Các ông hãy nên thọ trì, đọc, tụng, rộng tuyên dương pháp này, khiến cho hết thảy chúng sanh đều được nghe biết trọn khắp”).

Như Lai dùng tay Quyền Trí thiện xảo, cùng lúc xoa trọn khắp đỉnh đầu Thật Trí của vô lượng Bồ Tát; vì thế nói là “hiện đại thần lực”. Như Lai trao truyền hóa đạo cho họ. Vì thế, dùng tay phải để biểu thị Quyền. Bồ Tát tự hành tiếp nhận đạo, cho nên dùng đỉnh đầu để biểu thị Thật. Duỗi tay xoa đỉnh đầu tức là “thân phó chúc”. Quyền Trí gặp Thật Trí tức là “ý phó chúc”. “Mà nói như thế này” tức là “khẩu phó chúc”. Ba lượt xoa đỉnh đầu, ba lượt căn dặn, ân cần chẳng nhẹ, khiến cho tự hành và hóa độ người khác trọn khắp, khiến cho đạt được Tứ Tất Đàn vĩnh viễn vô tận.

#### **22.1.1.1.2. Giải thích sự phó chúc**

*(Kinh) Sở dĩ giả hà? Như Lai hữu đại từ bi, vô chư xan lận, diệc vô sở úy, năng dĩ chúng sanh Phật chi trí huệ. Như Lai trí huệ, tự nhiên trí huệ. Như Lai thị nhất thiết chúng sanh chi đại thí chủ, như đấng diệc ưng tùy học Như Lai chi pháp, vật sanh xan lận.*

**(經)所以者何? 如來有大慈悲, 無諸慳吝, 亦無所畏, 能與眾生佛之智慧。如來智慧, 自然智慧。如來是一切眾生之大施主, 汝等亦應隨學如來之法, 勿生慳吝。**

*(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Như Lai có đại từ bi, chẳng có các thứ keo kiệt, cũng chẳng sợ hãi, có thể ban cho chúng sanh trí huệ của Phật, trí huệ Như Lai, trí huệ tự nhiên. Như Lai là đại thí chủ của hết thảy chúng sanh, các ông cũng nên học theo pháp của Như Lai, đừng sanh lòng keo kiệt).*

“Có lòng đại từ bi” là “Nhu Lai thất”. “Vô chur xan lạn” (Chẳng có các thứ keo tiếc) là “[Nhu Lai] y rốt ráo”. “Diệc vô sở úy” (Cũng chẳng sợ hãi) là “[Nhu Lai] tòa rốt ráo”. “Phật chi trí huệ” (Trí huệ của Phật) là thật tánh của giác pháp, tức Nhất Thiết Trí. “Nhu Lai trí huệ” (Trí huệ của Nhu Lai) từ tánh khởi tu, từ nhân tới quả, tức Đạo Chung Trí. “Tự nhiên trí huệ”: Thể của nó tự nhiên, song chiếu bất nhị, tức Nhất Thiết Chung Trí. Ba thứ “y, tòa, thất”, mỗi thứ đều có đủ ba trí. Ba và một chính là lẫn nhau, ba và một dung nhập lẫn nhau. Dùng điều này để giáo hóa người khác, gọi là “đại thí chủ”. Thất mà chẳng có y và tòa, hoảng thê sẽ chẳng trọn khắp. Y mà chẳng có thất và tòa, Pháp Thân sẽ chẳng trọn đủ. Tòa mà chẳng có y và thất, sẽ phá Hoặc chẳng trọn vẹn. “Vật sanh xan lạn” (Chớ sanh lòng keo tiếc): Khuyên phần chứng thí chủ hãy nên học theo vị đại thí chủ rốt ráo. Nếu có keo tiếc, tức là chẳng từ bi. Đó là có sợ hãi; vì thế, nêu ra một lời, tức là khuyên hãy vâng theo ba khuôn khổ (y, thất, tòa của Nhu Lai) để hoảng kinh.

### *22.1.1.1.3. Phó chúc răn dạy*

*(Kinh) U vị lai thê, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, tín Nhu Lai trí huệ giả, đương vị diễn thuyết thử Pháp Hoa kinh, sử đắc văn tri, vị linh kỳ nhân đắc Phật huệ cố. Nhược hữu chúng sanh bất tín thọ giả, đương w Nhu Lai dư thâm pháp trung thị giáo lợi hỷ. Nhữ đẳng nhược năng như thị, tắc vi dĩ báo chur Phật chi ân.*

**(經)於未來世，若有善男子，善女人，信如來智慧者，當為演說此法華經，使得聞知，為令其人得佛慧故。若有眾生不信受者，當於如來餘深法中示教利喜。汝等若能如是，則為已報諸佛之恩。**

*(Kinh: Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, tin trí huệ của Nhu Lai, hãy vì người ấy diễn nói kinh Pháp Hoa này, khiến cho người ấy nghe biết, vì khiến cho người ấy đắc Phật huệ. Nếu có các chúng sanh chẳng tin nhận, hãy nên dùng các pháp sâu khác của Nhu Lai để chỉ dạy khiến cho họ đạt được lợi ích, hoan hỷ. Nếu các ông có thể làm như thế thì chính là đã báo ân của chur Phật).*

Trừ Phật huệ ra, những điều khác đều gọi là “*du*”. Vì Thật mà hành Quyền, Quyền chứa đựng Thật. Vì thế, đều gọi là “*thâm*” (sâu). Do đó biết: Chỉ khen ngợi Phật thừa, sẽ chẳng thể thông trọn khắp ba giáo pháp trước (Tạng, Thông, Biệt), chẳng phải là truyền pháp báo ân Phật.

Phần thứ nhất, “Nhu Lai phó chúc” đã xong.

### **22.1.1.2. Bồ Tát lãnh nhận**

*(Kinh) Thời, chư Bồ Tát Ma Ha Tát văn Phật tác thị thuyết dĩ, giai đại hoan hỷ, biến mãn kỳ thân, ích gia cung kính, khúc cung, đê đầu, hiệp chưởng hướng Phật, câu phát thanh ngôn: “Nhu Thế Tôn sắc, đương cụ phụng hành. Dụ nhiên Thế Tôn, nguyện bất hữu lự”. Chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng như thị tam phần câu phát thanh ngôn: “Nhu Thế Tôn sắc, đương cụ phụng hành. Dụ nhiên Thế Tôn! Nguyện bất hữu lự”.*

**(經)時，諸菩薩摩訶薩聞佛作是說已，皆大歡喜，徧滿其身，益加恭敬，曲躬，低頭，合掌向佛，俱發聲音：**

**「如世尊敕，當具奉行。唯然世尊，願不有慮」。諸菩薩摩訶薩眾如是三反俱發聲音：「如世尊敕，當具奉行。唯然世尊！願不有慮」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, các Bồ Tát Ma Ha Tát nghe Phật nói như thế rồi đều hết sức hoan hỷ trọn khắp cả thân, càng thêm cung kính, khom mình, cúi đầu, chắp tay hướng về đức Phật, đều phát ra tiếng thưa: “Nhu Thế Tôn sắc truyền, chúng con sẽ phụng hành trọn vẹn. Kính vâng đức Thế Tôn, xin chớ có lo”. Các vị Bồ Tát Ma Ha Tát ba lượt đều phát ra tiếng thưa như thế: “Nhu Thế Tôn sắc truyền, chúng con sẽ phụng hành trọn vẹn. Kính vâng đức Thế Tôn! Xin chớ có lo”).*

Hoan hỷ cung kính tức là “ý lãnh nhận”. Khom mình, cúi đầu là “thân lãnh nhận”. “Đều phát ra tiếng thưa trình” chính là khẩu lãnh nhận. “*Nhu Thế Tôn sắc*”: Lãnh nhận lời giao phó. “*Đương cụ phụng hành*” (Sẽ phụng hành trọn vẹn): Hành trọn ba pháp, lãnh nhận sự phó chúc. “*Nguyện bất hữu lự*” (Xin chớ có lo): Lãnh nhận lời giao phó răn

truyền. Như Lai ba lượt giao phó, Bồ Tát ba lượt tiếp nhận, ân cần trình trọng, suốt cả đời chẳng sót!

### **22.1.1.3. Xong việc bèn xướng tán**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật linh thập phương lai chư phân thân Phật các hoàn bốn độ, nhi tác thị ngôn: “Chư Phật các tùy sở an, Đa Bảo Phật tháp hoàn khả như cố”.*

**(經)爾時，釋迦牟尼佛令十方來諸分身佛各還本土，而作是言：「諸佛各隨所安，多寶佛塔還可如故」。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo các vị Phật phân thân đến từ mười phương đều trở về cõi mình, mà nói như thế này: “Chư Phật mỗi vị hãy nên an trụ trong cõi mình hóa độ. Tháp Phật Đa Bảo hãy nên trở lại như cũ”).*

Phân thân [chư Phật] vì mở tháp mà tụ tập. Chuyện mở tháp đã xong, cho nên bảo các vị hãy thuận theo cõi các Ngài vốn an trụ mà trở về từng cõi. Tháp báu vì chứng minh kinh mà hiện đến, nay hai môn Bốn và Tích đã xong, vì thế kính khuyên hãy đóng lại như cũ. Tháp chẳng mở nữa, cho nên các phân thân rời đi chẳng hiện. Tháp vẫn nghe pháp, cho nên trong kinh vẫn thuộc phần sau, tháp tuy đóng nhưng vẫn còn đó.

Hỏi: - Nếu tháp nghe pháp, cũng phải nên chẳng đóng lại?

Đáp: - Do đã chứng minh xong phần Chánh Thuyết, cho nên đóng lại. Do nghe lưu thông nên vẫn còn đó.

Phần thứ nhất là “phó chúc” đã xong.

### **22.1.2. Hoan hỷ**

*(Kinh) Thuyết thị ngữ thời, thập phương vô lượng phân thân chư Phật, tọa bảo thụ hạ sư tử tòa thượng giả, cập Đa Bảo Phật, tịnh Thượng Hạnh đẳng vô biên A-tăng-kỳ Bồ Tát đại chúng, Xá Lợi Phất đẳng Thanh Văn tứ chúng, cập nhất thiết thế gian thiên, nhân, A Tu La đẳng văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ.*

**(經)說是語時，十方無量分身諸佛，坐寶樹下師子座上者，及多寶佛，并上行等無邊阿僧祇菩薩大眾，舍利弗等聲聞四眾，及一切世間天、人、阿修羅等聞佛所說，皆大歡喜。**

*(Kinh: Khi nói lời ấy, mười phương vô lượng phân thân chư Phật ngồi trên tòa sư tử dưới cây báu, và Đa Bảo Phật, cùng với Thượng Hạnh v.v... vô biên A-tăng-kỳ Bồ Tát đại chúng. Xá Lợi Phất v.v... Thanh Văn tứ chúng, và hết thấy trời, người, A Tu La v.v... trong hết thấy các thế gian nghe lời đức Phật dạy, đều hết sức hoan hỷ).*

Chư Phật vì chuyện hóa độ người khác đã toại, cho nên hoan hỷ. Bồ Tát vì tự hành đắc pháp nên hoan hỷ. Lại do người nói thanh tịnh, tức là đức Phật, cho nên hoan hỷ. Do nghe pháp thanh tịnh, tức diệu kinh, cho nên hoan hỷ. Do chúng đắc thanh tịnh, tức là những người đạt được lợi ích trong hiện tại và vị lai, cho nên hoan hỷ.

Phần thứ nhất, “phó chúc lưu thông” đã xong.

Năm phẩm kể từ Dược Vương trở đi là xét theo sự hóa độ người khác để lưu thông. [Phần này] lại chia thành bốn đoạn:

- Một, phẩm Dược Vương khích lệ bậc thầy hoằng pháp hãy nên như ngài Dược Vương, dốc cạn thân lực, trọn hết thân mạng, chỉ mong sao Đại pháp được hoằng truyền rộng rãi, chúng sanh đạt được lợi ích, ngõ hầu các đệ tử có pháp để noi theo.

- Hai phẩm Diệu Âm và Quán Âm khích lệ các đệ tử thọ pháp đừng sanh ý tưởng coi thường đối với người hoằng pháp. Vì lẽ nào vậy? Các vị đại sĩ ở phương khác phụng mạng hoằng kinh, hiện trọn khắp các sắc thân, hình dạng không nhất định! Chớ nên dùng mắt trâu dê để nhìn, chớ nên dùng phàm tình ngu phàm để suy lường.

- Ba là phẩm Đà La Ni nhằm nêu ra chuyện dùng chú để hộ trì.

- Bốn là phẩm Diệu Trang Nghiêm nhằm nói về chuyện thủ hộ người sáng suốt.

Lại nữa, phẩm Dược Vương dùng khổ hạnh để thực hiện Nhất Thừa. Phẩm Diệu Âm và Quán Âm dùng tam-muội để thực hiện Nhất Thừa. Phẩm Đà La Ni dùng Tổng Trì để thực hiện Nhất Thừa. Phẩm Diệu Trang Nghiêm dùng thệ nguyện để thực hiện Nhất Thừa. Phẩm Phổ Hiền dùng thần thông để thực hiện Nhất Thừa. Chân Như Thật Tướng là



cái Thể để thực hiện. Phật giới, nhân giới là chuyện để thực hiện. Các chuyện như khổ hạnh, tam-muội v.v... là duyên để thực hiện Nhất Thừa. Thuận theo cơ nghi của chúng sanh, cho nên khiến cho người hoằng kinh nêu bày cơ duyên bất đồng, nhưng cái Thể để thực hiện đều là diệu pháp. Tất cả nhân quả hoàn toàn nương vào Nhất Thật. Dùng điều này để lợi ích chúng sanh, cho nên nói “*thực hiện Nhất Thừa*”.

Giải thích phẩm Chúc Lụy đã xong; kế đó, giải thích phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự.

### **23. Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự Phẩm Đệ Nhị Thập Tam**

#### **藥王菩薩本事品第二十三**

*Phẩm thứ hai mươi ba: Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự*

Kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát<sup>81</sup> nói: “*Tích danh Tinh Quang, từng tôn giả Nhật Tạng văn thuyết Phật huệ, dĩ Tuyết Sơn thượng dược cúng dường chúng tăng. Nguyên ngã vị lai, năng trị chúng sanh thân tâm lưỡng bệnh. Cử thế hoan hỷ, hiệu viết Dược Vương*” (Xưa tên là Tinh Quang, từ tôn giả Nhật Tạng nghe nói Phật huệ, dùng thuốc tốt nhất ở Tuyết Sơn để cúng dường chúng tăng, nguyện ta trong vị lai có thể trị hai căn bệnh nơi thân và tâm của chúng sanh. Cả cõi đời hoan hỷ, gọi Ngài là Dược Vương). Kinh Đại Phật Đảnh (Lăng Nghiêm) nói: “*Ngã vô thi kiếp, vi thế lương y, khẩu thường Sa Bà thế giới sở hữu dược vị, thừa sự Như Lai, phân biệt vị nhân, từng thị khai ngộ. Như Lai ấn ngã côn quý Dược Vương, Dược Thượng nhị Bồ Tát danh*” (Trong vô thi kiếp trước, con làm lương y trong thế gian, miệng ném tất cả dược vị trong thế giới Sa Bà, thừa sự Như Lai. Do phân biệt các vị, từ đó mà khai ngộ. Như Lai đặt tên cho anh em con là Dược Vương, Dược

---

<sup>81</sup> Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát Kinh (Bhaiṣajyarāja Bhaiṣajyasamudgata Bodhisattva Sūtra) do ngài Cương Lương Da Xá dịch vào đời Lưu Tống. Kinh trần thuật đức Phật ngự tại tinh xá Thanh Liên Hoa Trì ở nước Tỳ Da Ly giảng về công hạnh của vị Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát, cách quán tưởng, và các nhân duyên trong quá khứ của hai Ngài. Hai Ngài trong đời quá khứ có tên là Tinh Tú Quang và Điện Quang, dùng trái Ha Lê Lặc và đề-hồ làm thuốc cúng dường tỳ-kheo Nhật Tạng. Do bởi nhân duyên ấy, các Ngài đời đời dùng pháp dược để cứu vớt chúng sanh, diệt trừ hết thảy phiền não. Trong nghi thức sám hối Hồng Danh Bảo Sám, năm mươi ba vị Phật từ Phổ Quang Phật cho đến Nhất Thiết Pháp Tràng Mãn Vương Phật được trích từ phần dạy sám hối của kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát này.

Thượng Bồ Tát). Kinh văn trong phẩm này nói Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát nhanh chóng xả thân, lại thiêu hai cánh tay, khinh mạng sống, tôn trọng pháp, mất mạng để duy trì đạo. Nêu chuyện xưa để hiển lộ hiện tại; vì thế nói là phẩm Bốn Sự. Nói các phẩm này, hoàn toàn khiến cho chúng sanh đạt được Tứ Tất Ích (bốn lợi ích Tất Đàn), chẳng cần khăng khăng phân định đoạn nào tương ứng với pháp Tất Đàn nào!

**\* Khích lệ bậc thầy hoàng pháp**

### **23.1. Thừa hỏi**

*(Kinh) Nhĩ thời, Tú Vương Hoa Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Dục Vương Bồ Tát vân hà du u Sa Bà thế giới? Thế Tôn! Thị Dục Vương Bồ Tát hữu nhược can bách thiên vạn ức na-do-tha nan hành khổ hạnh? Thiện tai Thế Tôn! Nguyên thiếu giải thuyết, chư thiên, long, thần, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng. Hựu tha quốc độ chư lai Bồ Tát, cập thử Thanh Văn chúng văn giai hoan hỷ.*

**(經)爾時，宿王華菩薩白佛言：「世尊！藥王菩薩云何遊於娑婆世界？世尊！是藥王菩薩有若干百千萬億那由他難行苦行？善哉世尊！願少解說，諸天、龍、神、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等。又他國土諸來菩薩，及此聲聞眾聞皆歡喜」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Tú Vương Hoa (Nakṣatrarāja-saṃkusumitā-bhijñā) Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Dục Vương (Bhaiṣajyarāja) Bồ Tát dạo chơi trong thế giới Sa Bà như thế nào? Bạch Thế Tôn! Vị Dục Vương Bồ Tát này có ngần nào trăm ngàn vạn ức na-do-tha khổ hạnh khó hành? Lành thay đức Thế Tôn! Xin hãy giải nói đôi chút, chư thiên, rồng, thần, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, phi nhân v.v... và các vị Bồ Tát từ các quốc độ khác đến, cũng như các vị Thanh Văn này nghe rồi sẽ đều hoan hỷ).*

Từ chữ “Thế Tôn” thứ nhất trở đi, hỏi chung về sự du hóa. Từ “Thế Tôn! Thị Dục Vương Bồ Tát nhược hữu...” (Bạch Thế Tôn! Vị

Dược Vương Bồ Tát ấy nếu có...) trở đi, hỏi riêng về khổ hạnh. Từ “*thiện tai*” (lành thay) trở đi là xin giải đáp. Du hóa là lợi tha, khổ hạnh là tự lợi. Du hóa cũng là khổ hạnh, khổ hạnh cũng là lợi tha. [Từ phẩm này] cho đến kinh văn thuộc các phẩm sau như Diệu Âm v.v... nói chung chẳng ngoài hai hạnh tự lợi và lợi tha. Tự hành nói chung chẳng ngoài Trí Đức, Đoạn Đức, phước, huê. Lợi tha chẳng ngoài tam-muội và thần thông. Hỏi chung về sự du hóa, thì du hóa ắt sẽ trọn đủ tất cả các thân trong mười pháp giới, hoàn toàn giống như Diệu Âm và Quán Âm, nhưng [phẩm này] chỉ nêu ra khổ hạnh nhằm thích hợp cơ nghi. Vì được thỉnh nên đáp như vậy, ý ở nơi khổ hạnh.

### **23.2. Trả lời**

**23.2.1. Chỉ đáp [câu hỏi về] khổ hạnh, du hóa là nói tới Phổ Hiện Sắc Thân tam-muội, hoặc nói tới hai phẩm sau**

#### **23.2.1.1. Nói về Sự Bốn**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Tú Vương Hoa Bồ Tát: - Nãi vãng quá khứ vô lượng Hằng hà sa kiếp, hữu Phật hiệu Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Kỳ Phật hữu bát thập ức đại Bồ Tát Ma Ha Tát, thất thập nhị Hằng hà sa đại Thanh Văn chúng. Phật thọ tứ vạn nhị thiên kiếp, Bồ Tát thọ mạng diệc đẳng. Bĩ quốc vô hữu nữ nhân, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh A Tu La đẳng, cập dĩ chư nạn. Địa bình như chường, lưu ly sở thành. Bảo thụ trang nghiêm, bảo trướng phủ thượng, thùy bảo hoa phan, bảo bình, hương lô, châu biến quốc giới. Thất bảo vi đài, nhất thụ nhất đài. Kỳ thụ khứ đài tận nhất tiền đạo. Thử chư bảo thụ giai hữu Bồ Tát, Thanh Văn nhị tọa kỳ hạ. Chư bảo đài thượng, các hữu bách ức chư thiên, tác thiên kỹ nhạc, ca tán u Phật dĩ vi cúng dường.*

**(經)爾時，佛告宿王華菩薩：「乃往過去無量恆河沙劫，有佛號日月淨明德、如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。其佛有八十億大菩薩摩訶薩，七十二恆河沙大聲聞眾。佛**

壽四萬二千劫，菩薩壽命亦等。彼國無有女人，地獄，餓鬼，畜生阿修羅等，及以諸難。地平如掌，琉璃所成。寶樹莊嚴，寶帳覆上，垂寶華幡，寶瓶，香爐，周徧國界。七寶為臺，一樹一臺。其樹去臺盡一箭道。此諸寶樹皆有菩薩、聲聞而坐其下。諸寶臺上，各有百億諸天，作天技樂，歌歎於佛以為供養。

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Phật bảo Tú Vương Hoa Bồ Tát: - Trong quá khứ vô lượng hằng hà sa kiếp trước kia, có Phật hiệu là Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai (Candrasūryavimalaprabhāsaśrī), Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị Phật ấy có tám mươi ức đại Bồ Tát Ma Ha Tát, bảy mươi hai Hằng hà sa các vị đại Thanh Văn. Phật thọ bốn vạn hai ngàn kiếp. Bồ Tát thọ mạng cũng như thế. Nước ấy không có nữ nhân, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La v.v... cùng với các nạn. Đất bằng phẳng như lòng bàn tay, do lưu ly hợp thành. Cây báu trang nghiêm, trướng báu phủ bên trên, treo rủ các phan báu, bình báu, lò hương tròn khắp cõi nước. Bảy báu làm đài, cứ mỗi cây là một đài. Cây cách đài một tầm mũi tên. Các cây báu ấy đều có Bồ Tát, Thanh Văn ngồi dưới gốc. Trên các đài báu, đều có trăm ức chư thiên tấu các kỹ nhạc trời, ca tụng, tán thán Phật để cúng dường).*

### **23.2.1.2. Nói về Bốn Sự**

#### **23.2.1.2.1. Đức Phật thuyết pháp**

*(Kinh) Nhĩ thời, bĩ Phật vị Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát, cập chúng Bồ Tát, chư Thanh Văn chúng, thuyết Pháp Hoa kinh.*

**(經)爾時，彼佛為一切眾生喜見菩薩，及眾菩薩，諸聲聞眾，說法華經。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Phật vì Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến (Sarvarūpasamdarśana)<sup>82</sup> Bồ Tát, và các vị Bồ Tát, các vị Thanh Văn nói kinh Pháp Hoa).*

Cũng giống như nay đức Phật bảo dạy Xá Lợi Phất, hoặc Nhật Nguyệt Đẳng Minh Phật bảo dạy ngài Diệu Quang.

### **23.2.1.2.2. Tu cúng dường**

#### **23.2.1.2.2.1. Cúng dường trong hiện đời**

##### **23.2.1.2.2.1.1. Tu hành đặc pháp**

*(Kinh) Thị Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát nhạo tập khổ hạnh u Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật pháp trung, tinh tấn kinh hành, nhất tâm cầu Phật, mãn vạn nhị thiên tuế dĩ, đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội.*

**(經)是一切眾生喜見菩薩樂習苦行於日月淨明德佛法中，精進經行，一心求佛，滿萬二千歲已，得現一切色身三昧。**

*(Kinh: Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát ưa thích tu tập khổ hạnh trong pháp của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, tinh tấn kinh hành<sup>83</sup>, một lòng cầu Phật, mãn một vạn hai ngàn năm rồi, đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội<sup>84</sup> - Sarvarūpasamdarśana).*

##### **23.2.1.2.2.1.2. Nghĩ báo ân**

##### **23.2.1.2.2.1.2.1. Cúng dường bằng sức tam-muội**

*(Kinh) Đắc thử tam-muội dĩ, tâm đại hoan hỷ, tức tác niệm ngôn: “Ngã đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội, giai thị đắc văn Pháp Hoa kinh lực. Ngã kim đương cúng dường Nhật Nguyệt Tịnh*

---

<sup>82</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến: Vị Bồ Tát này thích tu khổ hạnh, đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội, tự tại hóa độ người khác, được hết thấy chúng sanh thích thấy, cho nên có tên như thế*”.

<sup>83</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Tinh tấn kinh hành tức là tấn tu chuyên ròng, chẳng ngòai, chẳng nằm, đích thân tu tập pháp Ban Châu tam-muội chẳng gián đoạn*”.

<sup>84</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội tức là tự tại thị hiện sắc thân của hết thấy chúng sanh để thuyết pháp cho họ, giống hệt như các vị Diệu Âm và Quán Âm*”.

*Minh Đức Phật, cập Pháp Hoa kinh”. Tức thời nhập thị tam-muội, w hư không trung, vũ Mạn Đà La hoa, Ma Ha Mạn Đà La hoa, tế mật Kiên Hắc Chiên Đàn mẫn hư không trung, như vân nhi hạ, cập vũ Hải Thử Ngạn Chiên Đàn chi hương. Thử hương lục thù giá trị Sa Bà thế giới, dĩ cúng dường Phật.*

**(經)得此三昧已，心大歡喜，即作念言：「我得現一切色身三昧，皆是得聞法華經力。我今當供養日月淨明德佛，及法華經」。即時入是三昧，於虛空中，雨曼陀羅華，摩訶曼陀羅華，細末堅黑栴檀滿虛空中，如雲而下，及雨海此岸栴檀之香。此香六銖價直娑婆世界，以供養佛。**

*(Kinh: Đã đắc tam-muội rồi, tâm hết sức hoan hỷ, liền nghĩ như thế này: “Ta đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội, đều do sức của nghe kinh Pháp Hoa. Ta nay nên cúng dường Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật và kinh Pháp Hoa”. Tức thời nhập tam-muội ấy, ở trong hư không, mưa hoa Mạn Đà La, Ma Ha Mạn Đà La, bột mịn Kiên Hắc Chiên Đàn (Kālānusāri-gandha) đầy khắp hư không, như mây sà xuống, và mưa hương Hải Thử Ngạn Chiên Đàn<sup>85</sup>. Sáu thù<sup>86</sup> hương ấy có giá trị bằng thế giới Sa Bà, dùng để cúng dường Phật).*

Phổ Hiện tam-muội xét theo Lý thì chẳng xuất nhập, biểu thị dùng sức tam-muội, cho nên nói là “nhập”.

### **23.2.1.2.2.1.2.2. Thiêu thân để cúng dường**

---

<sup>85</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Hải Thử Ngạn Chiên Đàn: Loại hương này phát xuất từ vùng duyên hải Nam Ấn Độ, tại vùng núi Ma La Da. Do núi có hình dáng giống như đầu trâu, nên gọi là Ngưu Đầu. Hương xuất phát từ núi này nên cũng gọi là Ngưu Đầu Chiên Đàn”.

<sup>86</sup> Thù là đơn vị đo lường thời cổ. Hai mươi bốn Thù là một Lượng. Trong khi đó, Lượng biến thiên theo thời gian, chẳng hạn thời Chiến Quốc, một Lượng là 15.8g, đời Hán là 13.8g, đời Đường là 41.3g. Đời Minh Thanh là 36.9g. Từ năm 1959 trở đi, Trung Quốc quy định một Lượng là 50g. Trong khi đó, Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) dùng Lượng là 100g (và đơn vị này được gọi là Công Lượng). Tại Việt Nam, Lượng (thường đọc là Lạng) cũng được hiểu là 100g (áp dụng cho trà, đường, bột, gạo...), nhưng một lượng vàng thì chỉ là 37.5g. Kinh Phật phần lớn dịch vào đời Tùy - Đường, cho nên một Lượng trong kinh Phật ước chừng 41g. Vì thế, một Thù khoảng 1.7g. Kinh thường nói áo của chư thiên chỉ nặng sáu thù.

23.2.1.2.2.1.2.2.1. Thiêu thân

(Kinh) Tác thị cúng dường dĩ, tòng tam-muội khởi, nhi tự niệm ngôn: “Ngã tuy dĩ thân lực cúng dường ư Phật, bất như dĩ thân cúng dường”. Tức phục chư hương: Chiên Đàn, Huân Lục, Đâu Lô Bà, Tất Lực Ca, trầm thủy, giao hương. Hựu ẩm Chiêm Bạc chư hoa hương du, mãn thiên nhị bách tuế dĩ, hương du đồ thân, ư Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật tiền, dĩ thiên bảo y nhi tự triển thân, quán chư hương du, dĩ thân thông lực nguyện, nhi tự nhiên thân, quang minh biến chiếu bát thập ức Hằng hà sa thế giới.

(經)作是供養已，從三昧起，而自念言：「我雖以神力供養於佛，不如以身供養」。即服諸香：栴檀，薰陸，兜樓婆，畢力迦，沉水，膠香。又飲蒼蔔諸華香油，滿千二百歲已，香油塗身，於日月淨明德佛前，以天寶衣而自纏身，灌諸香油，以神通力願，而自然身，光明徧照八十億恆河沙世界。

(Kinh: Cúng dường như thế xong, từ tam-muội dậy, bèn tự nghĩ rằng<sup>87</sup>: “Ta tuy dùng thân lực cúng dường đức Phật, không bằng dùng thân cúng dường”. Liền ăn các thứ hương Chiên Đàn, Huân Lục<sup>88</sup>, Đâu Lô Bà<sup>89</sup>, Tất Lực Ca<sup>90</sup>, trầm thủy, giao hương<sup>91</sup>. Lại uống các thứ dầu

---

<sup>87</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tam-muội là Định, ‘tự nghĩ’ là Huệ. Định có thể sanh ra Huệ. Vì thế nói: ‘Từ tam-muội dậy, bèn tự nghĩ rằng’. Dùng thân lực cúng dường, chẳng qua là ngoại tài. Vì thế, chẳng bằng dùng thân cúng dường. Sắc thân bất tịnh, sao có thể kham cúng dường Phật? Vì thế, cần phải uống các thứ hương, gột rửa cho thanh tịnh”.

<sup>88</sup> Huân Lục là phiên âm của chữ Kundura (còn viết là Kunduru, Kundu, hay Kunduruka) trong tiếng Phạn. Đây chính là Nhũ Hương (Frankincense, Olibanum). Nhũ Hương là nhựa của các loài cây có tên khoa học bắt đầu bằng từ ngữ Boswellia như Boswellia Sacra chẳng hạn. Cây Nhũ Hương cao từ hai tới tám mét, có hoa trắng pha vàng, năm cánh. Cây thường mọc trên triền dốc và nổi tiếng nhất là loại Nhũ Hương từ bán đảo Ả Rập.

<sup>89</sup> Đâu Lô Bà (Turuska), còn được phiên âm là Đâu Lô Bà, Đâu Lô Ba, Đâu Lô Bà, Đô Lô Bà, Đố Lô Bà, Đốt Bà, hoặc Tất Đồ Lô Ca, dịch nghĩa là Bạch Mao Hương, Mao Hương, Hương Thảo, tức là hương Tô Hợp (một loại Nhũ Hương).

*thơm từ các loại hoa như Chiêm Bặc trọn một ngàn hai trăm năm xong, dùng dầu thơm bôi thân. Đối trước Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, dùng áo trời báu để tự quán thân, rưới các dầu thơm, dùng thần thông lực nguyện để tự đốt thân. Ánh sáng chiếu trọn khắp tám mươi ức Hằng hà sa thế giới).*

“Thần thông lực nguyện”: Nói rõ chẳng dùng lửa thế gian, vẫn là nương vào tam-muội đã đạt được để khởi lên thế nguyện lợi lạc người khác, dùng lửa Quán Trí đốt cảnh khó nghĩ. Vì thế, khiến cho quang minh chiếu trọn khắp nhiều cõi nước.

### **23.2.1.2.2.1.2.2.2. Phật tán thán**

*(Kinh) Kỳ (bát thập ức Hằng hà sa thế giới) trung chư Phật đồng thời tán ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai. Nhược dĩ hoa, hương, anh lạc, thiên hương, mật hương, đồ hương, thiên tăng phan cái, cập Hải Thủy Ngạn Chiên Đàn chi hương, như thị đẳng chủng chủng chư vật cúng dường, sở bất năng cập. Giả sử quốc thành, thê tử bố thí, diệc sở bất cập. Thiện nam tử! Thị danh đệ nhất chi thí. Ư chư thí trung, tối tôn, tối thượng, dĩ pháp cúng dường chư Như Lai cố”. Tác thị ngữ dĩ, nhi các mặc nhiên.*

**(經)其(八十億恆河沙世界)中諸佛同時讚言：「善哉！善哉！善男子！是真精進，是真法供養如來。若以華，香，瓔珞，燒香，末香，塗香，天繒幡蓋，及海此岸栴檀之香，如是等種種諸物供養，所不能及。假使國城，妻子**

---

<sup>90</sup> Tát Lực Ca (Śephālikā) là một loại hương chế từ loài cỏ thơm *Trigonella Corniculata* (thường biết với tên gọi là Fenugreek, tức cỏ Hồ Lô Ba hay Khô Đậu). Tuy thế, các nhà nghiên cứu kinh Vệ Đà nói loại thảo mộc này chính là loài cỏ thuốc có tên khoa học *Nyctanthes Arbor-tristis* (loài hoa nhài nở về đêm). Hoa nở vào lúc hoàng hôn và rụng cánh vào sáng hôm sau.

<sup>91</sup> Giao Hương chính là Bạch Giao Hương, tức là nhựa của một loại cây phong (Phong Hương Thụ, có tên khoa học là *Liquidambar Formosana*, tiếng Anh gọi là *Formosa Gum*). Nhựa, lá và quả hạt của cây này đều có thể dùng làm thuốc.



**佈施，亦所不及。善男子！是名第一之施。於諸施中，最尊，最上，以法供養諸如來故」。作是語已，而各默然。**

(*Kinh*: Chư Phật trong (tám mươi ức Hằng hà sa thế giới) cùng lúc khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Đó là thật sự tinh tấn, là pháp cúng dường Như Lai thật sự. Nếu dùng hoa, hương, anh lạc, hương đốt, hương bột, hương bôi, tràng phan lụa cõi trời, và hương Hải Thủy Ngạn Chiên Đàn, dùng các thứ vật như thế để cúng dường, đều chẳng thể sánh bằng. Giả sử bố thí quốc thành, vợ con, cũng chẳng sánh bằng! Này thiện nam tử! Đó gọi là bố thí bậc nhất<sup>92</sup>. Trong các thứ bố thí, sẽ là tôn quý nhất, cao nhất, do dùng pháp để cúng dường Như Lai”. Nói lời ấy xong, đều cùng im lặng).

“Chân pháp cúng dường” (Pháp cúng dường chân thật): Chính là trong thì vận dụng quán trí, quán nhân quả phiền não, đều dùng Không Huệ để gột sạch. Vì thế nói là “chân pháp”. Lại quán dù thân hay lửa, người cúng hay vật để cúng, đều là Thật Tướng, ai đốt, ai cháy, ai cúng, ai nhận? Vì thế gọi là “chân pháp”. Khi quán như thế, khổ là pháp giới, thấy hay nghe đều đạt được lợi ích, cho nên nói là “thừa thừa” (nuơng vào thừa). Nếu chẳng phải như vậy, sẽ trở thành khổ hạnh vô ích!

### 23.2.1.2.2.1.2.2.3. Thời tiết

(*Kinh*) Kỳ thân hỏa nhiên thiên nhị bách tuế. Quá thị dĩ hậu, kỳ thân nãi tận.

**(經)其身火然干二百歲。過是已後，其身乃盡。**

(*Kinh*: Thân ấy đốt cháy trong một ngàn hai trăm năm. Sau thời gian đó, thân ấy mới tận).

---

<sup>92</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Bồ Tát chẳng liễu giải Ngã và Pháp đều là Không, sao có thể khế hội lý Thật Tướng Chân Như, sẽ chẳng thể thiêu thân cúng dường, hành bố thí như pháp. Do vậy, chư Phật xưng tán. Hỏi: Đốt thân cúng dường há chẳng phải là đã phạm tội Thâu Lan Giá trong giới luật do đức Phật chế định ư? Vì sao chư Phật lại tán tán? Đáp: Giới luật Tiểu Thừa thì ngăn cấm, giới luật Đại Thừa cho phép. Vì thế, kinh Phạm Võng chép: - Nếu chẳng đốt thân, hoặc đốt ngón tay để cúng dường chư Phật, sẽ chẳng phải là xuất gia Bồ Tát”.

Trước đó, uống dầu thơm trọn một ngàn hai trăm năm, biểu thị “sử dụng phương tiện đạo”. Trước hết là tịnh trừ các khổ tập mười hai nhân duyên trong tam giới, nay dùng lửa đốt thân, cũng tròn một ngàn hai trăm năm, biểu thị dùng lửa Thật Trí vĩnh viễn trừ hết các Khổ Tập thuộc mười hai nhân duyên ngoài tam giới.

Phần thứ nhất, “khổ hạnh cúng dường trong đời hiện tại” đã xong.

#### **23.2.1.2.2.2. Cúng dường trong đời kế tiếp**

##### **23.2.1.2.2.2.1. Sinh trong vương cung**

*(Kinh) Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát tác như thị pháp cúng dường dĩ, mạng chung chi hậu, phục sanh Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật quốc trung. Ư Tịnh Đức vương gia, kết già phu tọa, hốt nhiên hóa sanh.*

**(經)一切眾生喜見菩薩作如是法供養已，命終之後，復生日月淨明德佛國中。於淨德王家，結跏趺坐，忽然化生。**

*(Kinh: Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát thực hiện pháp cúng dường như thế xong, sau khi mạng chung, lại sanh trong cõi của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật. Ở trong cung vua Tịnh Đức (Vimaladatta), ngồi xếp bằng, bỗng dựng hóa sanh).*

##### **23.2.1.2.2.2.2. Nói Bổn Sự**

*(Kinh) Tức vị kỳ phụ, nhi thuyết kệ ngôn: “Đại vương kim đương tri! Ngã kinh hành bỉ xứ, tức thời đắc Nhất Thiết, Hiện Chư Thân tam-muội, cần hành đại tinh tấn, xả sở ái chi thân”. Thuyết thị kệ dĩ, nhi bạch phụ ngôn: - Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, kim cố hiện tại. Ngã tiên cúng dường Phật dĩ, đắc Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn Đà La Ni. Phục văn thị Pháp Hoa kinh, bát bách thiên vạn ức na-do-tha, chân-già-la, tần-bà-la, a-súc-bà đấng kệ. Đại vương! Ngã kim đương hoàn cúng dường thử Phật.*

**(經)即為其父，而說偈言：「大王今當知！我經行彼處，即時得一切，現諸身三昧，勤行大精進，捨所愛之身」**

。說是偈已，而白父言：「日月淨明德佛，今故現在。我先供養佛已，得解一切眾生語言陀羅尼。復聞是法華經，八百千萬億那由他，甄迦羅，頻婆羅，阿閼婆等偈。大王！我今當還供養此佛」。

*(Kinh: Liền vì cha mình mà nói kệ rằng: “Đại vương nay nên biết! Con kinh hành chón kia, lập tức đắc Nhật Thiết, Hiện Chư Thân tam-muội. Siêng hành đại tinh tấn, bỏ thân đáng yêu mến”. Nói kệ ấy xong, liền bạch với cha rằng: - Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật nay vẫn còn trụ thế. Trước kia, con cúng dường đức Phật ấy rồi, đắc Giải Nhật Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn Đà La Ni. Lại nghe kinh Pháp Hoa này, tám trăm ngàn vạn ức na-do-tha, chân-già-la, tần-bà-la, a-súc-bà<sup>93</sup> các kệ. Tâu đại vương! Nay con sẽ trở về cúng dường đức Phật ấy).*

Thiền thân cúng dường Phật xong, đắc Đà La Ni. Nghe kệ của kinh Pháp Hoa, tức là đắc pháp tánh thân, do thường chẳng rời Phật. Nếu xét theo sự tướng thị hiện thì là trong thân Trung Âm này, được nghe diệu pháp, như Phật còn tự vào cõi Trung Âm để giáo hóa, huông Bồ Tát mà chẳng có thân Trung Âm ư?

### **23.2.1.2.2.2.3. Tới chỗ Phật**

*(Kinh) Bạch dĩ, tức tọa thất bảo chi đài, thượng thăng hư không, cao thất Đa La thụ, vãng đắc Phật sở, đầu diện lễ túc, hợp thập chỉ trao, dĩ kệ tán Phật: “Dung nhan thậm kỳ diệu, quang minh chiếu thập phương. Ngã thích tăng cúng dường, kim phục hoàn thân cận”. Nhĩ thời, Nhật Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát thuyết thị kệ dĩ, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thế Tôn do cố tại thế?”*

---

<sup>93</sup> Chân Già La (Kimkara, kaikara) là một con số lớn (còn phiên âm là Căng Yết La, Hằng Ca La), tức là một ngàn vạn ức.

Tần Bà La (Bimbara) là mười triệu.

A Súc Bà (Akṣobhya) là một vạn tải (nếu tính theo cách đếm nhỏ nhất, thì một Tải là 10 lũy thừa 44, tức sau số 1 có 44 con số không).

**(經)白已，即坐七寶之臺，上升虛空，高七多羅樹，往到佛所，頭面禮足，合十指爪，以偈讚佛：「容顏甚奇妙，光明照十方。我適曾供養，今復還親覲」。爾時，一切眾生喜見菩薩說是偈已，而白佛言：「世尊！世尊猶故在世？」**

*(Kinh: Bạch xong, liền ngồi đài bảy báu, bay lên hư không cao bảy cây Đa La, đến chỗ đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, chắp mười ngón tay, dùng kệ tán Phật: “Dung nhan rất kỳ diệu, quang minh chiếu mười phương. Con vừa mới từng cúng dường, nay trở về thân cận”. Lúc bảy giờ, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát nói bài kệ ấy xong, bạch cùng đức Phật rằng: “Thế Tôn! Vì lẽ nào mà Thế Tôn còn tại thế?”)*

#### 23.2.1.2.2.2.4. Như Lai phó chúc

*(Kinh) Nhĩ thời, Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật cáo Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát: “Thiện nam tử! Ngã Niết Bàn thời đáo, diệt tận thời chí, nhữ khả an thi sàng tòa. Ngã u kim dạ, đương bát Niết Bàn”. Hựu sắc Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát: “Thiện nam tử! Ngã dĩ Phật pháp chúc luy u nhữ, cập chư Bồ Tát, đại đệ tử, tịnh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp. Diệc dĩ tam thiên đại thiên tất bảo thế giới chư bảo thụ, bảo đài, cập cấp thị chư thiên, tất phó u nhữ. Ngã diệt độ hậu, sở hữu xá-lợi, diệc phó chúc nhữ, đương linh lưu bố, quảng thiết cúng dường, ưng khởi nhược can thiên tháp”. Như thị Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật sắc Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát dĩ, u dạ hậu phần, nhập u Niết Bàn.*

**(經)爾時，日月淨明德佛告一切眾生喜見菩薩：「善男子！我涅槃時到，滅盡時至，汝可安施牀座。我於今夜，當般涅槃」。又敕一切眾生喜見菩薩：「善男子！我以佛法囑累於汝，及諸菩薩，大弟子，并阿耨多羅三藐三菩提法**

。亦以三千大千七寶世界諸寶樹，寶臺，及給侍諸天，悉付於汝。我滅度後，所有舍利，亦付囑汝，當令流布，廣設供養，應起若干千塔」。如是日月淨明德佛敕一切眾生喜見菩薩已，於夜後分，入於涅槃。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật bảo Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát: “Thiện nam tử! Thời Niết Bàn của ta đã đến, đã đến lúc diệt tận. Ông hãy nên sắp đặt giường, tòa. Đêm nay, ta sẽ nhập Niết Bàn”. Lại sắc truyền Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát: “Thiện nam tử! Ta đem Phật pháp giao phó cho ông, và các Bồ Tát, đại đệ tử, và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cũng đem tam thiên đại thiên thế giới bảy báu, các cây báu và đài báu, các chư thiên hầu hạ, đều giao phó cho ông. Sau khi ta diệt độ, tất cả xá-lợi cũng phó chúc cho ông. Hãy nên lưu truyền, rộng xếp đặt cúng dường. Hãy nên dựng ngàn đó một ngàn tháp”. Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật sắc truyền Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát như thế xong, trong đêm hôm đó, nhập Niết Bàn).

“Phật pháp” chỉ chung cho các giáo pháp đã nói trong một đời đức Phật. Pháp A Nậu Bồ Đề là nói riêng về kinh Pháp Hoa.

#### 23.2.1.2.2.2.5. Phụng mạng đảm nhiệm hộ trì

##### 23.2.1.2.2.2.5.1. Dựng tháp

(Kinh) Nhĩ thời, Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát kiến Phật diệt độ, bi cảm áo hối, luyến mộ u Phật, tức dĩ Hải Thủ Ngạn Chiên Đàn vi tích, cúng dường Phật thân, nhi dĩ thiêu chi. Hỏa diệt dĩ hậu, thâm thủ xá-lợi, tác bát vạn tứ thiên bảo bình, dĩ khởi bát vạn tứ thiên tháp, cao tam thế giới, biểu sát trang nghiêm, thù chư phan cái, huyền chúng bảo linh.

(經)爾時，一切眾生喜見菩薩見佛滅度，悲感懊悔，戀慕於佛，即以海此岸栴檀為積，供養佛身，而以燒之。

**火滅已後，收取舍利，作八萬四千寶瓶，以起八萬四千塔，高三世界，表刹莊嚴，垂諸幡蓋，懸眾寶鈴。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát thấy Phật diệt độ, bi cảm, áo nã, hồi hận, luyến mộ đức Phật. Liên dùng Hải Thử Ngạn Chiên Đàn chất lại<sup>94</sup> để cúng dường thân Phật rồi thiêu hóa. Sau khi lửa đã tắt, thu thập xá-lợi, làm tám vạn bốn ngàn bình báu [để đựng], dựng tám vạn bốn ngàn tháp. [Mỗi tháp] cao ba thế giới, trang bình báu trang nghiêm [đỉnh tháp], treo rủ phan, lọng, treo các linh báu).*

### 23.2.1.2.2.5.2. Thiêu tay

*(Kinh) Nhĩ thời, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát phục tự niệm ngôn: “Ngã tuy tác thí cúng dường, tâm do vị tức. Ngã kim đương cánh cúng dường xá-lợi”. Tiện ngữ chư Bồ Tát đại đệ tử, cập thiên, long, Dạ Xoa đẳng, nhất thiết đại chúng: “Nhữ đẳng đương nhất tâm niệm. Ngã kim cúng dường Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật xá-lợi”. Tác thí ngữ dĩ, tức ư bát vạn tứ thiên tháp tiền, nhiên bách phúc trang nghiêm tý, thất vạn nhị thiên tuế nhi dĩ cúng dường.*

**(經)爾時，一切眾生喜見菩薩復自念言：「我雖作是供養，心猶未足。我今當更供養舍利」。便語諸菩薩大弟子，及天、龍、夜叉等，一切大眾：「汝等當一心念。我今供養日月淨明德佛舍利」。作是語已，即於八萬四千塔前，然百福莊嚴臂，七萬二千歲而以供養。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát lại tự nghĩ rằng: “Nay ta tuy đã cúng dường như thế, nhưng tâm chưa thỏa. Nay ta phải nên cúng dường xá-lợi”. Liên bảo các Bồ Tát đại đệ tử, và trời, rồng, Dạ Xoa v.v... hết thấy đại chúng: “Các ông hãy nên nhất tâm nghĩ, ta nay cúng dường xá-lợi của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật”.*

---

<sup>94</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chất chứa Chiên Đàn làm củi [để thiêu] nhằm biểu thị tịnh đức của Phật. Trà-tỳ hỏa thiêu nhằm biểu thị sự giáo hóa đã chấm dứt. Thân thu thập xá-lợi, biểu thị vĩnh viễn tịch diệt”.

*Nói lời ấy xong, liền ở trước tám vạn bốn ngàn tháp, đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm suốt bảy vạn hai ngàn năm để cúng dường).*

Hỏi: - Thiêu thân chỉ một ngàn hai trăm năm, có sao thiêu cánh tay thời gian lại dài như thế?

Đáp: - Chuyện trước đó là tự hành, thân hết bèn nhập diệt. Nay vì hoàng pháp, khiến cho chúng sanh hiểu thấu tam thừa, vì thế nói “*khiến cho vô số...*” Đã nói vô số Thanh Văn phát Bồ Đề tâm, do vậy biết là sau khi đức Phật diệt độ, ngài Hỷ Kiến chẳng khiến cho bọn họ trụ trong Tiểu Quả. Trong cõi này cũng thế.

### **23.2.1.2.2.2.5.3. Lợi ích**

*(Kinh) Linh vô số câu Thanh Văn chúng, vô lượng A-tăng-kỳ nhân phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, giai sử đắc trụ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội.*

**(經)令無數求聲聞眾，無量阿僧祇人發阿耨多羅三藐三菩提心，皆使得住現一切色身三昧。**

*(Kinh: Khiến cho vô số người câu Thanh Văn, vô lượng A-tăng-kỳ người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều khiến cho họ đều trụ trong Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội).*

### **23.2.1.2.2.2.5.4. Hiện báo**

*(Kinh) Nhĩ thời, chư Bồ Tát, thiên, nhân, A Tu La đấng kiến kỳ vô tỷ, ưu nã, bi ai, nhi tác thị ngôn: “Thử Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát thị ngã đấng sư, giáo hóa ngã giả, nhi kim thiêu tỷ, thân bất cụ túc”. Ư thời, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát ư đại chúng trung, lập thử thệ ngôn: “Ngã xả lưỡng tỷ, tất đương đắc Phật kim sắc chi thân. Nhược thật bất hư, linh ngã lưỡng tỷ hoàn phục như cố”. Tác thị thệ dĩ, tự nhiên hoàn phục. Do tư Bồ Tát phước đức trí huệ thuần hậu sở trí. Đương nhĩ chi thời, tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động, thiên vũ bảo hoa, nhất thiết nhân thiên đắc vị tăng hữu.*

**(經)爾時，諸菩薩、天、人、阿修羅等見其無臂，憂惱，悲哀，而作是言：「此一切眾生喜見菩薩是我等師，教化我者，而今燒臂，身不具足」。於時，一切眾生喜見菩薩於大眾中，立此誓言：「我捨兩臂，必當得佛金色之身。若實不虛，令我兩臂還復如故」。作是誓已，自然還復。由斯菩薩福德智慧淳厚所致。當爾之時，三千大千世界六種震動，天雨寶華，一切人天得未曾有。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, các vị Bồ Tát, trời, người, A Tu La v.v... thấy Ngài không tay, ưu não, buồn bã, nói như thế này: “Vị Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát này là thầy của chúng ta, giáo hóa chúng ta, mà nay đốt cánh tay, thân chẳng toàn vẹn”. Khi đó, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát ở trong đại chúng, lập lời thề này: “Tôi bỏ hai cánh tay, ắt sẽ đạt được thân kim sắc của Phật. Nếu chân thật chẳng dối, sẽ khiến cho hai tay tôi hồi phục như cũ”. Thề như thế xong, tự nhiên khôi phục, do phước đức và trí huệ thuần hậu của vị Bồ Tát ấy khiến thành như thế. Ngay khi đó, tam thiên đại thiên thế giới sáu loại chấn động, trời mưa hoa báu, hết thấy trời, người đạt được điều chưa từng có).*

Thân kim sắc là nói tới thường sắc rốt ráo của Diệu Giác cực quả.  
Phần thứ hai, “tu cúng dường” đã xong.

### **23.2.1.2.3. Dung hội kết lại xưa nay**

#### **23.2.1.2.3.1. Kết lại để dung hội**

**(Kinh) Phật cáo Tú Vương Hoa Bồ Tát: - Ư như ý vân hà? Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát khởi dị nhân hồ? Kim Dược Vương Bồ Tát thị dã. Kỳ sở xả thân bố thí như thị vô lượng bách thiên vạn ức na-do-tha số.**



**(經)佛告宿王華菩薩：「於汝意云何？一切眾生喜見菩薩豈異人乎？今藥王菩薩是也。其所捨身佈施如是無量百千萬億那由他數。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Tú Vương Hoa Bồ Tát: - Ý ông nghĩ sao? Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát há có phải người nào khác ư? Chính là Dược Vương Bồ Tát trong hiện thời. Ngài xả thân bố thí số đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha như thế).*

### 23.2.1.2.3.2. Khuyên tu

*(Kinh) Tú Vương Hoa! Nhược hữu phát tâm dục đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, năng nhiên thủ chỉ, nãi chí túc nhất chỉ, cúng dường Phật tháp, thắng dĩ quốc thành, thê tử, cập tam thiên đại thiên quốc độ sơn, lâm, hà, trì, chư trân bảo vật nhi cúng dường giả.*

**(經)宿王華！若有發心欲得阿耨多羅三藐三菩提者，能然手指，乃至足一指，供養佛塔，勝以國城，妻子，及三千大千國土山，林，河，池，諸珍寶物而供養者。**

*(Kinh: Nay Tú Vương Hoa! Nếu có người phát tâm muốn đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có thể đốt ngón tay, cho đến một ngón chân để cúng dường tháp của Phật, hơn dùng quốc thành, vợ con và núi, rừng, sông, ao, các bảo vật trong tam thiên đại thiên quốc độ để cúng dường).*

“Thủ chỉ” tức là nói một ngón, hay hai ngón [ngón tay]. “Túc nhất chỉ” tức là trong một bàn chân toàn vẹn, bèn đốt một ngón chân cho cháy sạch. Thân Kiến của chúng sanh khó đẹp trừ nhất. Vì thế, công đức đốt ngón tay vượt xa ngoại thí (bố thí bằng tài vật bên ngoài). Vợ con là ngoại thân, quốc thành v.v... là ngoại tài.

Hỏi: - Trong Tỳ Ni (giới luật) chế định cấm đốt thân, ở đây lại khuyên đốt ngón tay, đó là chuyện như thế nào?

Đáp: - Đại Tiểu Thừa chế định khác biệt, giáo ý (ý nghĩa dạy bảo) khác biệt. Chế định Tiểu Thừa kết tội, chế định Đại Thừa khuyên thiêu.

Vì thế, kinh Phạm Võng dạy: “*Nhược bất thiêu thân tỳ chỉ cúng dường chư Phật, phi xuất gia Bồ Tát*” (Nếu chẳng đốt thân, cánh tay, ngón tay để cúng dường chư Phật, chẳng phải là hàng xuất gia Bồ Tát). Kinh Đại Phật Đảnh (kinh Lăng Nghiêm) dạy: “*Năng u Như Lai tượng tiền, thân nhiên nhất đặng, thiêu nhất chỉ tiết, cập u thân thượng nhiệt nhất hương chú, vô thi túc trái, nhất thời thù tất*” (Có thể đốt trước tượng Như Lai, dùng thân thắp một ngọn đèn, đốt một lóng tay, và ở trên thân đốt một lọn hương thì nợ nần xưa từ vô thủy đến nay sẽ cùng lúc trả sạch). Thuận theo hạnh Tiểu Thừa thì dễ, chẳng thiêu thì có khó khăn chi? Theo hạnh Đại Thừa thật khó, thiêu chẳng dễ đâu nhé! Cõi đời coi “chẳng vâng giữ” là Đại, vậy thì Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều bị khuynh đảo. Hãy nên biết cơ duyên trong cõi này đều là mê đối với Đại và Tiểu, chẳng biết trước là Tiểu sau là Đại, nương theo thứ tự của các tiết Hạ như thế nào? (Phải mở ra tiết Tiểu Hạ để thành tựu tiết Đại Hạ). Trước Đại sau Tiểu, tâm nào thọ? (Vì biết giới pháp tỳ-kheo là điều Đại Thừa phải nên học đó ư? Hay là vì hâm mộ địa vị cao cả của tỳ-kheo mà mong đeo cái danh suông? Hay là vì thoái Đại cầu Tiểu mà học ngược lại Tiểu pháp ư?) Trước Tiểu, sau Đại, có khai những điều ngăn che bởi Tiểu Thừa hay không? Trước Đại sau Tiểu, có ngăn che các pháp được khai của Bồ Tát hay không? (Pháp ngăn che hay cho phép (khai giá) được nói chi tiết trong Bồ Tát Giới Bản. Trước Đại sau Tiểu vẫn gọi là Bồ Tát tỳ-kheo). Trong một giới, hai chúng như thế nào? (Tức là chúng Đại Thừa thì nương theo giới Đại Thừa. Chúng Tiểu Thừa thì nương theo giới Tiểu Thừa). Trong một thân, hai Thể giống và khác (Đại Thừa là vô tác giới thể, đạt đến tột cùng là thân Phật. Vô tác luật nghi của tỳ-kheo đều là phải thọ suốt đời). Đại Thừa đối với Tiểu Thừa đạt được lợi ích do đâu? (Do Trụ Trì Tăng Bảo, làm tấm gương cho trời người, đối với khuôn phép của tỳ-kheo, chẳng thể thiếu sót một điều nào). Tiểu Thừa mà tụng đọc [giới luật] Đại Thừa, sẽ chuốc lấy tổn hại ai lường được (kẻ chưa thọ Đại Giới, chẳng nên trộm nghe, hà hưởng tự tụng?) Hãy nên siêng gắng suy xét, phân định hòng làm chùng tử trong vị lai. Cái thừa để nương theo mà hành trì đều là diệu pháp. Do nương vào Nhất Thật, do lập nhân quả, nương vào cái thừa đã được sử dụng ấy để lợi lạc chúng sanh, chỉ tự xét đức mình, trải cảnh để quán tâm, tương ứng với cái tâm, sẽ thuận tòng chế định nào<sup>95</sup>?

---

<sup>95</sup> Ý nói: Đối với giới luật, phải nghiêm túc suy xét, đừng ham cao chuộng xa, đừng xằng bậy tự cho là mình đã liễu giải Đại Thừa, thấu hiểu Bát Nhã, không còn chấp

Phần thứ nhất, “đáp về khổ hạnh” đã xong!

### 23.2.2. Tán thán kinh

#### 23.2.2.1. Tán thán người có thể trì kinh

*(Kinh) Nhược phục hữu nhân, dĩ thất bảo mãn tam thiên đại thiên thế giới, cúng dường u Phật, cập đại Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán, thị nhân sở đắc công đức bất như thọ trì thử Pháp Hoa kinh nãi chí nhất tứ cú kệ, kỳ phước tối đa.*

**(經)若復有人，以七寶滿三千大千世界，供養於佛，及大菩薩、辟支佛、阿羅漢，是人所得功德不如受持此法華經乃至一四句偈，其福最多。**

*(Kinh: Nếu lại có người dùng bảy báu đầy ấp tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường Phật, và đại Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán, người ấy đạt được công đức chẳng bằng thọ trì kinh Pháp Hoa này dù chỉ một bài kệ bốn câu, phước ấy nhiều nhất).*

Bảy báu dâng cúng tứ thánh (Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán) chẳng bằng trì một kệ. [Bởi lẽ], pháp là thánh sư (thầy của các vị thánh hiền), có thể sanh, có thể dưỡng, có thể thành tựu, có thể tươi nhuận, không gì hơn được pháp.

#### 23.2.2.2. Tán thán pháp được trì

##### 23.2.2.2.1. Tán thán pháp thể

Thể chẳng phải là Thể trong tông thể, mà chỉ chung cả một bộ kinh là Thể. Dụng chẳng phải là dụng trong tông dụng, mà là nói đến ba điều trong một bộ kinh tức là Thể, Tông, Dụng, bao gồm tác dụng dẹp trừ và ban cho như thế đó.

---

tướng, để rời buông lung, tùy tiện, chẳng vâng giữ giới luật, thanh quy. Phải nghiêm túc suy xét bảm tánh của chính mình, rèn luyện cái tâm trong trần cảnh, quan sát tâm mình đã tương ứng với cảnh giới Đại Thừa hay vẫn còn là Tiểu Thừa, để rời sẽ thuận theo cái tâm ấy mà vâng giữ giới luật theo tinh thần Đại Thừa hay Tiểu Thừa.

*(Kinh) Tú Vương Hoa! Thí như nhất thiết xuyên lưu, giang, hà, chư thủy chi trung, hải vi đệ nhất. Thử Pháp Hoa kinh diệc phục như thị, u chư Như Lai sở thuyết kinh trung, tối vi thâm đại.*

**(經)宿王華！譬如一切川流，江，河，諸水之中，海為第一。此法華經亦復如是，於諸如來所說經中，最為深大。**

*(Kinh: Đây Tú Vương Hoa! Ví như trong hết thủy sông ngòi, sông cái, các chỗ có nước, biển là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa này cũng lại như vậy, trong các kinh do Như Lai đã nói là sâu rộng nhất).*

Sông ngòi, sông cái ví như giáo pháp thuộc bốn vị “sữa, lạc, sanh tô, thực tô”. Biển ví như Pháp Hoa là vị đề hồ nói cùng tột Bản địa; đó là sâu nhất. Khai trọn khắp hết thủy tức là lớn nhất.

*(Kinh) Hựu như thổ sơn, hắc sơn, Tiểu Thiết Vi sơn, Đại Thiết Vi sơn, cập thập bảo sơn, chúng sơn chi trung, Tu Di sơn vi đệ nhất. Thử Pháp Hoa kinh diệc phục như thị, u chư kinh trung, tối vi kỳ thượng.*

**(經)又如土山，黑山，小鐵圍山，大鐵圍山，及十寶山，眾山之中，須彌山為第一。此法華經亦復如是，於諸經中，最為其上。**

*(Kinh: Lại như trong các núi: Núi đất, hắc sơn, Tiểu Thiết Vi Sơn, Đại Thiết Vi Sơn, và mười núi báu, núi Tu Di là bậc nhất, kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, trong các kinh là cao hơn hết).*

Tên của mười núi báu<sup>96</sup> xuất phát từ kinh Hoa Nghiêm, Tu Di cũng là bậc nhất. Thổ, hắc, Thiết Vi cố nhiên chẳng phải là núi báu. Chín

---

<sup>96</sup> Mười núi báu được nêu tên trong phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm là Tuyết Sơn (Himālaya), Hương sơn (Gandhamādana), Khư La Đà sơn (Kharādīya, Loa Lâm), Bê Đà Lê sơn (Vaidharī, dịch nghĩa là Chủng Chủng Trì, núi này toàn do các chất báu tạo thành), Do Càn Đà sơn (Yugamdhara, dịch nghĩa là Trì Song), Mã Nhĩ sơn (Asvakarna), Ni Dân Đà La sơn (Nemimdhara, dịch nghĩa là Trì Biên), Chước Ca La sơn (Cakravāda, dịch nghĩa là Luân Vi, hay Kim Cang Luân Vi), Kế Độ Mạt Đề sơn (Ketumati, dịch nghĩa là Tràng Huệ), và Tu Di Lô sơn (Sumeru, Diệu Cao).

thứ khác tuy là báu, nhưng do một, hoặc hai [thứ báu hợp thành]. Thần và rồng sống lẫn lộn trong ấy, chỉ có Tu Di do bốn báu hợp thành, thuần là chư thiên cư trụ. Ví như những điều được diễn giảng trong các giáo khác, có thể nương vào bốn mươi tâm, Thập Địa, hoặc phàm, hoặc hiền, hoặc thánh. Lý đề [các giáo pháp ấy] nương vào hoặc Tục, hoặc Chân, hoặc Trung. Đó là kém hèn. Giáo pháp được nói trong kinh này thì năng y (chủ thể để nương vào) là “thiên chúng” khai thị ngộ nhập, cái được nương vào (sở y) là chất báu “*thường, lạc, ngã, tịnh*”. Vì thế, tối thượng bậc nhất.

*(Kinh) Hựu như chúng tinh chi trung, nguyệt thiên tử tối vi đệ nhất. Thử Pháp Hoa kinh diệc phục như thị, u thiên vạn ức chủng chư kinh pháp trung, tối vi chiếu minh.*

**(經)又如眾星之中，月天子最為第一。此法華經亦復如是，於千萬億種諸經法中，最為照明。**

*(Kinh: Lại như trong các tinh tú, mặt trăng là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa này cũng giống như thế, trong ngàn vạn ức các kinh pháp, [kinh này] chiếu sáng nhất).*

Tinh tú và mặt trăng đều hiện ra vào ban đêm, có thể ví như Quyền Trí. Sao nhiều mà nhỏ, lại chẳng có tròn, khuyết, ví như các kinh diễn nói phương tiện thuận theo tình kiến. Mỗi kinh thích ứng với một căn cơ, chẳng được tự tại. Mặt trăng có một mình mà to lớn, lại có thể tròn, khuyết, ví như kinh này diễn nói phương tiện thuận theo trí huệ, ngay nơi Thật mà chính là Quyền. Mặt trăng chiếu hết thấy các pháp sáng tỏ nhất!

*(Kinh) Hựu như nhật thiên tử năng trừ chư ám. Thử kinh diệc phục như thị, năng phá nhất thiết bất thiện chi ám.*

**(經)又如日天子能除諸闇。此經亦復如是，能破一切不善之闇。**

*(Kinh: Lại như mặt trời có thể trừ các tối tăm. Kinh này cũng lại giống như thế, có thể phá hết thấy các tối tăm bất thiện).*

Mặt trời mọc thì gọi là “ban ngày”, có thể ví như Thật Trí. Các kinh khác chẳng khai hiển “chỉ có Nhất Thật”, cho nên chẳng thể trừ tối tăm “*chấp trước ba thừa*”. Lại chẳng thể trừ sự tối tăm do chấp gần (chấp Như Lai thành Phật mới gần đây). Kinh này còn phá sự tối tăm nơi địa vị Đẳng Giác, hưởng hồ các thứ tối tăm khác mà chẳng phá ư?

*(Kinh) Hựu như chư tiểu vương trung, Chuyển Luân Thánh Vương tối vi đệ nhất. Thử kinh diệc phục như thị, ư chúng kinh trung, tối vi kỳ tôn.*

**(經)又如諸小王中，轉輪聖王最為第一。此經亦復如是，於眾經中，最為其尊。**

*(Kinh: Lại như trong các tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương bậc nhất. Kinh này cũng giống như thế, là tôn quý nhất trong các kinh).*

Tam Tạng giáo như túc tán vương<sup>97</sup>, tam thừa đều khác biệt. Thông Giáo như Thiết Luân Vương, tam thừa đồng vị. Biệt Giáo như Đồng Luân Vương, theo thứ tự diễn nói lý Chân và Trung. Các kinh luận định viên lý còn thiên lệch, cách ngăn giống như Ngân Luân Vương. Đốn giáo nói Tam Đế, nhưng chẳng gồm thâu định tánh Nhị Thừa. Kinh này khai hiển viên, như Kim Luân Vương, [chúng sanh trong] Bắc Châu (Bắc Câu Lô Châu) tan hoại chấp trước, chẳng có ngã sở (chẳng chấp có cái thuộc về chính mình), cũng quy vào sự thông ngự [của Chuyển Luân Vương].

*(Kinh) Hựu như Đế Thích, ư tam thập tam thiên trung vương. Thử kinh diệc phục như thị, chư kinh trung vương.*

**(經)又如帝釋，於三十三天中王。此經亦復如是，諸經中王。**

---

<sup>97</sup> Túc tán vương: Tức là các tiêu vương. Do các tiêu vương trong thế gian quá nhiều ví như đem hạt bắp rải tung trên đất, nên gọi là Túc Tán Vương. Theo Nhân Vương Bát Nhã Kinh Sớ quyển ba: “*Tu Thập Thiện có ba phẩm, thượng phẩm thiện là Thiết Luân Vương giáo hóa một thiên hạ. Trung phẩm Thập Thiện là Túc Tán Vương, hạ phẩm thiện là vua trong những thiện nhân*”. Như vậy, Túc Tán Vương là người kiếp trước đã tu Thập Thiện trung và hạ phẩm, cai trị nước nhỏ.

*(Kinh: Lại như Đế Thích là vua trong Tam Thập Tam Thiên. Kinh này cũng lại như thế, là vua trong các kinh).*

Tam Thập Tam Thiên: Bốn phương, mỗi phương đều có tám thiên vương, có thể sánh ví các giáo mỗi giáo đều có bốn môn tự hành, hóa độ người khác, kinh này đều thống ngự. Vì thế, giống như Đế Thích là vua cõi trời Đạo Lợi.

*(Kinh) Hựu như Đại Phạm Thiên Vương, nhất thiết chúng sanh chi phụ. Thử kinh diệc phục như thị, nhất thiết hiền thánh, học, vô học, cập phát Bồ Đề tâm giả chi phụ.*

**(經)又如大梵天王，一切眾生之父。此經亦復如是，一切賢聖，學，無學，及發菩薩心者之父。**

*(Kinh: Lại như Đại Phạm Thiên Vương là cha của hết thảy chúng sanh. Kinh này cũng giống như thế, là cha của hết thảy hiền thánh, học, vô học, và người phát tâm Bồ Đề).*

Lúc kiếp sắp hết, hết thảy chúng sanh trong thế gian tự nhiên sẽ đắc Nhị Thiên, sanh lên Quang Thiên ([các tầng trời] Thiểu Quang, Vô Lượng Quang và Quang Âm được gọi chung là Quang Thiên). Kiếp hỏa vừa mới bốc lên, Hoại Kiếp rồi thành Không Kiếp, Không Kiếp rồi trở lại Thành Kiếp. Thế giới đã hình thành, chúng sanh trong Quang Thiên có kẻ mạng tận, do sức phước đức, hóa sanh trong Sơ Thiên, tức Đại Phạm Thiên Vương là người duy nhất sanh vào đó đầu tiên, bèn nghĩ thế này: “Cớ sao ở đây chẳng có bạn lữ?” Từ đó về sau, từ Quang Thiên lại có người mạng tận, cũng đến hóa sanh trong Sơ Thiên, tức là Phạm Phụ và Phạm Chúng. Vì thế, Đại Phạm Vương tự bảo “ta là cha của hết thảy chúng sanh”. Đó là suy tính hư vọng, chẳng phải là thật nghĩa. Nay thuận theo cách nói thuộc tình kiến của chúng sanh, mượn chuyện này để so sánh hòng diễn tả đó thôi. Kinh này diễn nói diệu lý Thật Tướng. Thật Tướng có thể sanh trọn khắp hết thảy các pháp, hết thảy hiền thánh, học, vô học và người phát Bồ Đề tâm trong tứ giáo, đều nương vào Thật Tướng mà được thành tựu. Vì thế, [kinh Pháp Hoa] là cha của họ.

*(Kinh) Hựu như nhất thiết phàm phu nhân trung, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật vi đệ nhất. Thử*

*kinh diệc phục như thị, nhất thiết Như Lai sở thuyết, nhược Bồ Tát sở thuyết, nhược Thanh Văn sở thuyết, chư kinh pháp trung, tối vi đệ nhất. Hữu năng thọ trì kinh điển giả diệc phục như thị, u nhất thiết chúng sanh trung, diệc vi đệ nhất.*

**(經)又如一切凡夫人中，須陀洹、斯陀含、阿那含、阿羅漢、辟支佛為第一。此經亦復如是，一切如來所說，若菩薩所說，若聲聞所說，諸經法中，最為第一。有能受持是經典者亦復如是，於一切眾生中，亦為第一。**

*(Kinh: Lại như trong hết thầy kẻ phàm phu, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, thì Bích Chi Phật là bậc nhất. Kinh này cũng giống như thế, trong hết thầy các lời dạy của Như Lai, hoặc lời nói của Bồ Tát, hoặc lời nói của Thanh Văn, và các kinh pháp, đều là bậc nhất. Có ai có thể thọ trì kinh điển này thì cũng giống như thế, trong hết thầy chúng sanh cũng là bậc nhất).*

Bích Chi Phật xuất sanh trong cõi đời không có Phật, chẳng nhờ vào nghe pháp, riêng mình tự ngộ, siêu thoát. Vì thế, phước điền của các Ngài có thể vượt xa Tứ Quả. Những điều được nói trong các kinh khác đều dính líu đến phương tiện, như người thuộc Tứ Quả do Văn, Tư, Tu mới đắc ngộ. Những điều được nói trong kinh này thuần minh thị lý Vô Tác Nhất Thật, chỉ ngộ Thật Tướng, tùy ý khế nhập, như Bích Chi Phật chẳng nhờ vào ngoại duyên.

*(Kinh) Nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật trung, Bồ Tát vi đệ nhất. Thử kinh diệc phục như thị, u nhất thiết chư kinh pháp trung, tối vi đệ nhất.*

**(經)一切聲聞、辟支佛中，菩薩為第一。此經亦復如是，於一切諸經法中，最為第一。**

*(Kinh: Trong hết thầy các Thanh Văn và Bích Chi Phật thì Bồ Tát là bậc nhất. Kinh này cũng lại giống như thế, trong hết thầy các kinh pháp, thật là bậc nhất).*



Tam thừa đều thuộc địa vị tu nhân, chỉ có Bồ Tát là bậc nhất. Các kinh khác nói về người thuộc bảy phương tiện, ví như Nhị Thừa. Kinh này nói về cái nhân viên mãn vô thượng, ví như Bồ Tát, tức là cái nhân bậc nhất vậy.

*(Kinh) Như Phật vì chư pháp vương. Thử kinh diệc phục như thị, chư kinh trung vương.*

**(經)如佛為諸法王。此經亦復如是，諸經中王。**

*(Kinh: Như Phật là vua của các pháp. Kinh này cũng giống như thế, là vua trong các kinh).*

Các kinh nói đức Phật thành Phật mới gần đây nơi Tịch Diệt Đạo Tràng. Kinh này nói đức Phật đã thành Phật rất lâu. Vì thế, bản kinh mẫu nhiệm này thống nhiếp những lời dạy trong cả một đời của đức Phật, tức là quả bậc nhất. Biển cả, núi Tu Di, mặt trời, mặt trăng, Chuyển Luân Vương, Đệ Thích, Đại Phạm Vương, Bích Chi, Bồ Tát, Phật, dùng mười thí dụ để hiển lộ sự tôn quý, mẫu nhiệm [của kinh Pháp Hoa].

Phần thứ nhất, “tán thán pháp thể” đã xong.

#### *2.2.2.2. Tán thán pháp dụng (khen ngợi tác dụng của pháp)*

*(Kinh) Tú Vương Hoa! Thử kinh năng cứu nhất thiết chúng sanh giả. Thử kinh năng linh nhất thiết chúng sanh ly chư khổ não. Thử kinh năng đại nhiều ích nhất thiết chúng sanh, sung mãn kỳ nguyện, như thanh lương trì, năng mãn nhất thiết chư khát pháp giả, như hàn giả đắc hỏa, như khỏa giả đắc y, như thương nhân đắc chủ, như tử đắc mẫu, như độ đắc thuyền, như bệnh đắc y, như ám đắc đăng, như bần đắc bảo, như dân đắc vương, như cổ khách đắc hải, như cự trừ ám. Thử Pháp Hoa kinh diệc phục như thị, năng linh chúng sanh ly nhất thiết khổ, nhất thiết bệnh thống, năng giải nhất thiết sanh tử chi phược.*

**(經)宿王華！此經能救一切眾生者。此經能令一切眾生離諸苦惱。此經能大饒益一切眾生，充滿其願，如清涼池，能滿一切諸渴乏者，如寒者得火，如裸者得衣，如商**

**人得主，如子得母，如渡得船，如病得醫，如闇得燈，如貧得寶，如民得王，如賈客得海，如炬除闇。此法華經亦復如是，能令眾生離一切苦，一切病痛，能解一切生死之縛。**

*(Kinh: Này Tú Vương Hoa! Kinh này có thể cứu hết tất cả chúng sanh. Kinh này có thể khiến cho hết tất cả chúng sanh lìa các khổ não. Kinh này có thể lợi ích rộng lớn hết tất cả chúng sanh, thỏa mãn trọn vẹn nguyện của họ, như ao nước trong mát có thể thỏa mãn hết tất cả những kẻ khát nước, như kẻ lạnh được lửa, như kẻ lỏa lồ được áo, như thương nhân có chủ, như con có mẹ, như vượt sông biển có thuyền, như bệnh có thầy thuốc, như tối tăm mà có đèn, như nghèo nàn được của báu, như dân có vua, như lái buôn gặp biển, như đuốc trừ tối. Kinh Pháp Hoa này cũng lại giống như thế, có thể khiến cho chúng sanh lìa hết tất cả các khổ, hết tất cả đau bệnh, có thể tháo gỡ hết tất cả trói buộc sanh tử)<sup>98</sup>.*

Phần thứ hai, “tán thán pháp được trì” đã xong.

### **23.2.2.3. Nêu rõ phước sâu do trì kinh**

#### **23.2.2.3.1. Phước do trì toàn bộ kinh này**

***(Kinh) Nhược nhân đắc văn thử Pháp Hoa kinh, nhược tự thư, nhược sử nhân thư, sở đắc công đức, dĩ Phật trí huệ trừ lượng đa***

---

<sup>98</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Dựa theo sự diệt ác để tán thán, nhằm hiển thị kinh có tác dụng do lớn. Kinh dùng mười hai thí dụ để tuyên thị:

- Như ao nước, nhằm hiển thị nước lý Pháp Tánh.
- Như lửa, nhằm hiển thị trí huệ chói rực.
- Như áo, nhằm hiển thị trang nghiêm.
- Như chủ, nhằm hiển thị sự hướng về.
- Như mẹ, nhằm hiển thị đại từ.
- Như thuyền, nhằm hiển thị có thể đạt tới bờ kia.
- Như thầy thuốc, nhằm hiển thị có thể khiến cho người nghe được an ổn.
- Như đèn, nhằm hiển thị kinh có thể phá Hoặc.
- Như của báu, nhằm hiển thị pháp diệu.
- Như vua, nhằm hiển thị pháp tự tại.
- Như biển, nhằm hiển thị pháp sâu rộng.
- Như đuốc, nhằm hiển thị trí quang”.

*thiếu, bất đắc kỳ biên. Nhược thư thị kinh quyển, hoa, hương, anh lạc, thiêu hương, mật hương, đồ hương, phan, cái, y phục, chuông chuông chi dăng: Tô dăng, du dăng, chư hương du dăng, Chiêm Bạc du dăng, Tu Mạn Na du dăng, Ba La La du dăng, Bà Lợi Sư Ca du dăng, Na Bà Ma Lợi du dăng cúng dường, sở đắc công đức, diệc phục vô lượng.*

**(經)若人得聞此法華經，若自書，若使人書，所得功德，以佛智慧籌量多少，不得其邊。若書是經卷，華，香，瓔珞，燒香，末香，塗香，幡，蓋，衣服，種種之燈：酥燈，油燈，諸香油燈，蒼蔔油燈，須曼那油燈，波羅羅油燈，婆利師迦油燈，那婆摩利油燈供養，所得功德，亦復無量。**

*(Kinh: Nếu ai được nghe kinh Pháp Hoa này, nếu tự chép, hoặc sai người khác chép, đạt được công đức dùng trí huệ của Phật để suy lường nhiều hay ít, sẽ chẳng biết được ngần mé. Nếu chép quyển kinh này, dùng hoa, hương, anh lạc, hương đốt, hương bột, hương bôi, phan, lọng, y phục, các thứ đèn: Đèn bơ, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm như đèn dầu Chiêm Bạc, đèn dầu Tu Mạn Na, đèn dầu Ba La La<sup>99</sup>, đèn dầu Bà Lợi Sư Ca<sup>100</sup>, đèn dầu Na Bà Ma Lợi<sup>101</sup>, đạt được công đức cũng lại là vô lượng).*

### **23.2.2.3.2. Phước do trì phẩm này**

#### **23.2.2.3.2.1. So lường**

---

<sup>99</sup> Ba La La (Pātali, Pulila), còn phiên âm là Ba Trá La, Ba La Lợi, Ba Trá Ly, dịch nghĩa là Trùng Diệp Thụ, Trùng Sanh Hoa, hoặc Thanh Đồng, có tên khoa học là Bignonia Suaveolens, thuộc loại thân mộc, có hoa tím hình loa kèn, nở vào cuối mùa Xuân, hương thơm nồng đậm.

<sup>100</sup> Bà Lợi Sư Ca (Varṣikāla), còn phiên âm là Bà Sứ Ca, Bà Lợi Sư, Bà Lợi Sứ Ca La, Bà Sư Ba Lợi, dịch nghĩa là Vũ Thời Hoa, nở hoa trắng vào mùa Hạ, rất thơm. Khi hoa này nở sẽ sắp đến mùa mưa, cho nên có tên gọi như vậy.

<sup>101</sup> Na Bà Ma Lợi (Navamālikā), dịch nghĩa là Như Thứ Đệ Hoa, là một loại dây leo, có tên khoa học là Jasminum Sambac, thuộc họ Nhài, hoa bé màu trắng, rất thơm. Tinh dầu chiết từ loại hoa này thường dùng để chế dầu thắp có mùi thơm hay làm nước hoa.

*(Kinh) Tú Vương Hoa! Nhược hữu nhân văn thị Dược Vương Bồ Tát Bản Sự phẩm giả, diệc đắc vô lượng, vô biên công đức. Nhược hữu nữ nhân văn thị Dược Vương Bồ Tát Bản Sự phẩm, năng thọ trì giả, tận thị nữ thân, hậu bất phục thọ. Nhược Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế trung, nhược hữu nữ nhân văn thị kinh điển, như thuyết tu hành, ư thử mạng chung, tức vãng An Lạc thế giới. A Di Đà Phật, đại Bồ Tát chúng vi nhiều trụ xứ, sanh liên hoa trung, bảo tòa chi thượng, bất phục vị tham dục sở nã, diệc phục bất vị sân khuể, ngu si sở nã, diệc phục bất vị kiêu, mạn, tật đố, chur cấu sở nã, đắc Bồ Tát thần thông, Vô Sanh Pháp Nhân. Đắc thị nhân dĩ, nhân căn thanh tịnh. Dĩ thị thanh tịnh nhân căn, kiến thất bách vạn nhị thiên ức na-do-tha Hằng hà sa đặng chur Phật Như Lai. Thị thời, chur Phật dao cộng tán ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ năng ư Thích Ca Mâu Ni Phật pháp trung, thọ trì, độc tụng, tư duy thị kinh, vị tha nhân thuyết, sở đắc phước đức, vô lượng vô biên. Hỏa bất năng phân, thủy bất năng phiêu. Nhữ chi công đức, thiên Phật cộng thuyết, bất năng linh tận. Nhữ kim dĩ năng phá chur ma tặc, hoại sanh tử quân. Chur dư oán địch giai tất tòi diệt. Thiện nam tử! Bách thiên chur Phật dĩ thần thông lực, cộng thủ hộ nhữ. Ư nhất thiết thế gian thiên nhân chi trung, vô như nhữ giả, duy trừ Như Lai. Kỳ chur Thanh Văn, Bích Chi Phật, nãi chí Bồ Tát trí huệ, Thiên Định, vô hữu dữ nhữ đặng giả”. Tú Vương Hoa! Thử Bồ Tát thành tựu như thị công đức trí huệ chi lực. Nhược hữu nhân văn thị Dược Vương Bồ Tát Bản Sự phẩm, năng tùy hỷ tán thiện giả, thị nhân hiện thế, khẩu trung thường xuất thanh liên hoa hương, thân mao khổng trung thường xuất Ngưu Đầu Chiên Đàn chi hương, sở đắc công đức như thượng sở thuyết.*

**(經)宿王華！若有人聞是藥王菩薩本事品者，亦得無量，無邊功德。若有女人聞是藥王菩薩本事品，能受持者，盡是女身，後不復受。若如來滅後，後五百歲中，若有女人聞是經典，如說修行，於此命終，即往安樂世界。阿彌陀佛，大菩薩眾圍繞住處，生蓮華中，寶座之上，不復為貪欲所惱，亦復不為瞋恚，愚癡所惱，亦復不為憍，慢，嫉妬，諸垢所惱，得菩薩神通，無生法忍。得是忍已，**

眼根清淨。以是清淨眼根，見七百萬二千億那由他恆河沙等諸佛如來。是時，諸佛遙共讚言：「善哉！善哉！善男子！汝能於釋迦牟尼佛法中，受持，讀誦，思惟是經，為他人說，所得福德，無量無邊。火不能焚，水不能漂。汝之功德，千佛共說，不能令盡。汝今已能破諸魔賊，壞生死軍。諸餘怨敵皆悉摧滅。善男子！百千諸佛以神通力，共守護汝。於一切世間天人之中，無如汝者，唯除如來。其諸聲聞、辟支佛，乃至菩薩智慧，禪定，無有與汝等者」。宿王華！此菩薩成就如是功德智慧之力。若有人聞是藥王菩薩本事品，能隨喜讚善者，是人現世，口中常出青蓮華香，身毛孔中常出牛頭栴檀之香，所得功德如上所說。

。

*(Kinh: Nay Tú Vương Hoa! Nếu có người nghe phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự này, cũng đạt được vô lượng vô biên công đức. Nếu có nữ nhân nghe phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự này mà có thể thọ trì, hết một thân nữ này, đời sau sẽ không thọ [thân nữ] nữa. Như sau khi đức Như Lai diệt độ, trong năm trăm năm sau, nếu có nữ nhân nghe kinh điển này, đúng như lời dạy mà tu hành, mạng chung nơi đây liền sanh về thế giới An Lạc. A Di Đà Phật và các vị đại Bồ Tát vây quanh chỗ ở, sanh trong hoa sen, ở trên tòa báu, chẳng còn bị tham dục não loạn, cũng chẳng bị sân khuể, ngu si não loạn, cũng chẳng bị các cấu như kiêu, mạn, ghen ghét não loạn, đắc thần thông và Vô Sanh Pháp Nhân của Bồ Tát. Đã đắc môn nhân ấy, nhân căn thanh tịnh. Dùng nhân căn thanh tịnh ấy, thấy chư Phật Như Lai nhiều như số cát trong bảy trăm vạn hai ngàn ức na-do-tha sông Hằng. Khi đó, chư Phật từ xa cùng tán thán rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Ông có thể ở trong pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, thọ trì, đọc tụng, tư duy kinh này, vì người khác nói, thì sẽ đạt được công đức vô lượng vô biên, lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể cuốn trôi. Ngàn vị Phật cùng nói công đức của*

ông đều chẳng thể hết. Ông nay có thể phá các giặc ma, phá hoại quân sanh tử, các oán địch khác thấy đều dẹp tan. Nay thiện nam tử! Trăm ngàn chư Phật dùng sức thần thông cùng thủ hộ ông. Trong hết thấy trời, người thuộc thế gian, không có ai bằng ông, chỉ trừ Như Lai. Trí huệ và Thiên Định của các Thanh Văn, Bích Chi Phật, cho đến Bồ Tát, chẳng có ai bằng ông”. Nay Tú Vương Hoa! Vị Bồ Tát ấy thành tựu sức công đức trí huệ như thế. Nếu có ai nghe phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự này mà có thể tùy hỷ, khen tốt lành, thì người ấy trong đời hiện tại, miệng thường tỏa ra mùi hoa sen xanh. Trong các lỗ chân lông, thường tỏa mùi Ngưu Đầu Chiên Đàn, đạt được công đức như trên đã nói).

Thọ trì phẩm này chẳng thọ thân nữ nữa. Nữ nhân kiến chấp rất nặng nề, nay do công đức khổ hạnh xả thân, bèn có thể dẹp trừ, tu hành đúng như lời dạy, sẽ có thể sanh về thế giới An Lạc, tức là dùng kinh này làm cái nhân cho Tịnh Độ, giống như Thập Lục Quán Kinh, Đại Tiểu A Di Đà Kinh v.v... chẳng hai, chẳng khác. Kinh nói như thế, tu hành ba khuôn phép, bốn hạnh an lạc. Nếu chế phục ngũ trụ, sẽ sanh vào Đồng Cư Tịnh Độ. Nếu thanh tịnh sáu căn, liền sanh vào Phương Tiện Tịnh Độ. Nếu phá vô minh, liền sanh vào Thật Báo Tịnh Độ, cũng lại phân chứng cõi Tịch Quang.

Hỏi: - Tịnh Độ rất nhiều, có gì cứ phải [vãng sanh] cõi An Lạc?

Đáp: - Do nguyện của Như Lai nhiếp thọ chúng sanh. Do căn cơ và túc duyên của chúng sanh sâu dày, chú tâm vào một phương hòng chuyên chú. Do một chính là hết thấy, chẳng thể nghĩ bàn, cho nên các kinh phần nhiều tán dương, nói về cõi An Lạc. Kinh vẫn nói thân và miệng đều tỏa hương, tức là hiện báo (báo ứng trong đời hiện tại), các điều khác là sanh báo và hậu báo.

### **23.2.2.3.2.2. Chúc lụy**

**(Kinh) Thị cố, Tú Vương Hoa! Dĩ thử Dược Vương Bồ Tát Bản Sự phẩm chúc lụy ư nhữ. Ngã diệt độ hậu, hậu ngũ bách tuế trung, quảng tuyên lưu bố ư Diêm Phù Đề, vô linh đoạn tuyệt, ác ma, ma dân, chư thiên, long, Dạ Xoa, Cưu Bàn Trà đẳng, đặc kỳ tiện dã. Tú Vương Hoa! Nhữ đương dĩ thần thông chi lực thủ hộ thị kinh. Sở dĩ giả hà? Thử kinh tắc vi Diêm Phù Đề nhân bệnh chi lương dược. Nhược nhân hữu bệnh, đặc văn thị kinh, bệnh tức tiêu diệt, bất lão, bất tử. Tú Vương Hoa! Nhữ nhược kiến hữu thọ trì thị kinh giả, ưng**

*dĩ thanh liên hoa thịnh mãn mật hương, cúng tán kỳ thượng. Tán dĩ, tác thị niệm ngôn: “Thử nhân bất cứu tất đương thủ thảo, tọa u đạo tràng, phá chư ma quân, đương xuy pháp loa, kích đại pháp cổ, độ thoát nhất thiết chúng sanh lão bệnh tử hải”. Thị cố, cầu Phật đạo giả, kiến hữu thọ trì thị kinh điển nhân, ưng đương như thị sanh cung kính tâm.*

**(經)是故，宿王華！以此藥王菩薩本事品囑累於汝。我滅度後，後五百歲中，廣宣流布於閻浮提，無令斷絕，惡魔、魔民、諸天、龍、夜叉、鳩槃荼等，得其便也。宿王華！汝當以神通之力守護是經。所以者何？此經則為閻浮提人病之良藥。若人有病，得聞是經，病即消滅，不老，不死。宿王華！汝若見有受持是經者，應以青蓮華盛滿末香，供散其上。散已，作是念言：「此人不久必當取草，坐於道場，破諸魔軍，當吹法螺，擊大法鼓，度脫一切眾生老病死海」。是故，求佛道者，見有受持是經典人，應當如是生恭敬心。**

*(Kinh: Vì thế, Tú Vương Hoa! Ta đem phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự này chúc lụy cho ông. Sau khi ta diệt độ, vào năm trăm năm sau cùng, hãy tuyên nói, lưu truyền rộng rãi phẩm kinh này trong Diêm Phù Đề, chớ để đoạn tuyệt, [chẳng để cho] ác ma, ma dân, các trời, rồng, Dạ Xoa, Cưu Bàn Trà v.v... có dịp thuận tiện [hãm hại người trì kinh]. Nay Tú Vương Hoa! Ông hãy nên dùng sức thần thông thủ hộ kinh này. Vì lẽ nào vậy? Kinh này chính là thuốc tốt lành cho bệnh tật của người trong Diêm Phù Đề. Nếu ai có bệnh, được nghe kinh này, bệnh liền tiêu diệt, chẳng già, chẳng chết. Nay Tú Vương Hoa! Nếu ông thấy có người thọ trì kinh này, hãy nên dùng hoa sen xanh chứa đầy hương bột để cúng rải lên người đó. Rải xong, nghĩ như thế này: “Người này chẳng lâu sau, ắt sẽ kết cỏ, ngồi nơi đạo tràng, phá các ma quân, sẽ thổi ốc pháp, sẽ đánh trống pháp, độ thoát biển sanh già bệnh chết của hết thầy chúng sanh”. Vì thế, người cầu Phật đạo thấy có người thọ trì kinh điển này, hãy nên sanh tâm cung kính như thế).*

Chẳng già là vui, chẳng chết là thường, nghe kinh luôn thường lạc giải, bệnh Tam Hoặc tiêu diệt.

Phần thứ nhất là hỏi và phần thứ hai là đáp trong phẩm này đã xong.

### **23.3. Lợi ích**

*(Kinh) Thuyết thị Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự phẩm thời, bát vạn tứ thiên Bồ Tát, đăc Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn Đà La Ni.*

**(經)說是藥王菩薩本事品時，八萬四千菩薩，得解一切眾生語言陀羅尼。**

*(Kinh: Lúc nói phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự này, tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đăc Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn Đà La Ni).*

### **23.4. Phật Đa Bảo khen ngợi**

*(Kinh) Đa Bảo Như Lai ở bảo tháp trung, tán Tú Vương Hoa Bồ Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Tú Vương Hoa! Nhữ thành tựu bất khả tư nghị công đức, nãi năng vấn Thích Ca Mâu Ni Phật như thử chi sự, lợi ích vô lượng nhất thiết chúng sanh.*

**(經)多寶如來於寶塔中，讚宿王華菩薩言：「善哉！善哉！宿王華！汝成就不可思議功德，乃能問釋迦牟尼佛如此之事，利益無量一切眾生」。**

*(Kinh: Đa Bảo Như Lai ở trong tháp báu khen ngợi Tú Vương Hoa Bồ Tát rằng: - Lành thay! Lành thay! Này Tú Vương Hoa! Ông đã thành tựu công đức chẳng thể nghĩ bàn, có thể hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật chuyện như thế, lợi ích vô lượng hết thảy chúng sanh).*

Phần thứ nhất, phẩm Dược Vương khích lệ các pháp sư hoằng pháp đã xong.



Trong phần xét theo sự hóa độ người khác để khuyên lưu thông, tiết thứ hai là khích lệ thọ pháp đệ tử, bao gồm hai phẩm kinh: Một là phẩm Diệu Âm, hai là phẩm Phổ Môn. Nay giải thích phẩm Diệu Âm trước.

#### **24. Diệu Âm Bồ Tát Bản Sự Phẩm Đệ Nhị Thập Tứ**

### **妙音菩薩本事品第二十四**

*Phẩm thứ hai mươi bốn: Diệu Âm Bồ Tát Bản Sự*

Phóng quang minh triệu vời, [Diệu Âm Bồ Tát] từ phương Đông hiện đến, phẩm này được gọi là Bản Sự là do lời hỏi của Hoa Đức Bồ Tát, [đức Bản Sự bèn] nói cặn kẽ nhân duyên quả báo xưa kia [của Diệu Âm Bồ Tát đã] dùng kỹ nhạc và bát báu để cúng Phật. Lại còn nêu rõ tác dụng của Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội; vì thế gọi là phẩm Bản Sự. Hơn nữa, phẩm Dược Vương chỉ nói về bản hạnh, chẳng nói về sự du hóa, phẩm Phổ Môn chỉ nói về sự du hóa, chẳng nói đến bản hạnh [của ngài Quán Âm]; phẩm này nêu trọn vẹn [cả hai chuyện ấy]. Hơn nữa, hai phẩm Dược Vương và Bản Môn đều là do được hỏi cho nên nói, còn phẩm này thì do quang minh [của đức Phật] triệu vời, cho nên do đức Phật tự nói. Đôi bên tỏ lộ lẫn nhau, cùng hiển lộ viên hạnh, chẳng thể nói là hơn hay kém được!

Kinh văn trong phẩm này được chia thành sáu phần:

- Một, [Phật Thích Ca] phóng quang chiếu sang phương Đông triệu vời [Diệu Âm Bồ Tát].
- Hai, [Diệu Âm Bồ Tát] phụng mạng đến [thế giới Sa Bà] ở phương Tây.
- Ba, hoằng kinh trong mười phương.
- Bốn, hai cõi đều được lợi ích.
- Năm, [Diệu Âm Bồ Tát] trở về cõi mình.
- Sáu, [chúng sanh] nghe phẩm này đạo bèn tăng tấn.

#### **24.1. Phóng quang minh triệu vời [Diệu Âm Bồ Tát] từ phương Đông**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật phóng đại nhân tướng nhục kế quang minh, cập phóng mi gian bạch hào tướng quang, biến chiếu Đông phương bách bát vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đấng chư Phật thế giới. Quá thị số dĩ, hữu thế giới danh Tịnh Quang Trang Nghiêm. Kỳ quốc hữu Phật, hiệu Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai,*

**Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, vị vô lượng vô biên Bồ Tát đại chúng cung kính vi nhiễu, nhi vị thuyết pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật bạch hào quang minh biến chiếu kỳ quốc.**

**(經)爾時，釋迦牟尼佛放大人相肉髻光明，及放眉間白毫相光，徧照東方百八萬億那由他恆河沙等諸佛世界。過是數已，有世界名淨光莊嚴。其國有佛，號淨華宿王智如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，為無量無邊菩薩大眾恭敬圍繞，而為說法。釋迦牟尼佛白毫光明徧照其國。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật phóng quang minh từ nhục kế trong tướng đại nhân<sup>102</sup> và quang minh từ tướng bạch hào giữa hai mày, chiếu trọn khắp các thế giới của chư Phật ở phương Đông nhiều như số cát trong một trăm lẻ tám vạn ức na-do-tha sông Hằng. Qua khỏi số đó, có thế giới tên là Tịnh Quang Trang Nghiêm (Vairocanarāsmipratimaṇḍitā). Cõi ấy có Phật, hiệu là Tịnh Hoa Tú Vương Trí (Kamaladalavimalanaksatrarājasamkusumitābhijña)<sup>103</sup> Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, được vô lượng vô biên Bồ Tát đại chúng cung kính vây quanh. Ngài vì họ thuyết pháp. Quang minh từ bạch hào của Thích Ca Mâu Ni Phật chiếu trọn khắp cõi ấy).*

Phật là bậc rốt ráo; vì thế gọi là “đại nhân”. Pháp Thân thanh tịnh vi diệu, trọn đủ ba mươi hai tướng. Mỗi tướng đều là pháp giới; vì thế, gọi là “đại nhân tướng”. Nhục kế (Uṣṇīṣa) và bạch hào (Ūrṇakośa)

<sup>102</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trong ba mươi hai tướng đại nhân của đức Phật, trên đỉnh đầu có tướng nhục kế (tức thịt đùn lên như hình búi tóc). Lúc mở đầu hội Pháp Hoa, đức Phật phóng quang từ tướng bạch hào chiếu sang phương Đông để biểu thị Trung Đạo. Nay phóng quang từ nhục kế, biểu thị diệu lý Nhất Thừa chí cao vô thượng, siêu việt Không và Hữu”.

<sup>103</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Vị Phật này nhân hạnh như hoa sen thanh tịnh, trí quả như vua của các tinh tú, cho nên lập hiệu như thế”.

chính là hai loại trong các tướng đại nhân. Nhục kế biểu thị Diệu Quả viên mãn tốt bậc. Bạch hào biểu thị diệu nhân Trung Đạo, hiển lộ ý nghĩa: Diệu Âm Bồ Tát sau khi đã đắc quả, bèn tu hành cái nhân chẳng khác các vị Văn Thù, Thường Bất Khinh, Dược Vương, Quán Âm, Phổ Hiền v.v...

Hỏi: - Như các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên và Dược Vương v.v... đã đủ để lưu thông diệu pháp, có gì phải triệu vời Diệu Âm từ chốn xa xôi?

Đáp: - Ngài Diệu Âm cũng có duyên với cõi này. Chúng sanh trong cõi này đáng nên từ ngài Diệu Âm mà đạt được được tứ ích (Tứ Tát Đàn), cho nên triệu vời.

Hỏi: - Mười phương Bồ Tát có thể khiến cho chúng sanh trong cõi này đạt được tứ ích, theo đúng lẽ ắt sẽ rất nhiều, có sao ở đây chỉ triệu vời ngài Diệu Âm ở phương Đông, và nói đến ngài Quán Âm ở phương Tây, chẳng nhắc đến tám phương kia?

Đáp: - Điều này có hai ý:

- Một, triệu vời trọn khắp: Nói “trọn khắp”, xét theo mặt Sự thì chẳng trở ngại gì! Kinh Pháp Hoa tại Ấn Độ chát đến tám dặm, làm sao biết [nguyên bản tiếng Phạn] không có phần kinh văn ấy?

- Hai, triệu vời từ phương Đông, nói tới phương Tây, xét theo Lý thì đã đủ rồi! Phương Đông biểu thị khởi đầu, phương Tây biểu thị chung cục. Khởi đầu biểu thị phát tâm, chung cục biểu thị rốt ráo. Phát tâm và rốt ráo hai đàng chẳng khác nhau, có chỗ nào mà chẳng gồm thấu? Đức thánh (Phật) chẳng cần rườm rà, nêu lên một điều để chỉ chung các điều khác vậy!

## **24.2. [Diệu Âm Bồ Tát] phụng mạng đến phương Tây**

### **24.2.1. Duyên do tới cõi này**

#### **24.2.1.1. Người kết tập trần thuật phẩm đức [của Diệu Âm Bồ Tát]**

*(Kinh) Nhĩ thời, Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm quốc trung, hữu nhất Bồ Tát danh viết Diệu Âm, cứu dĩ thực chúng đức bốn, cúng dường, thân cận vô lượng bách thiên vạn ức chư Phật, nhi tất thành tựu thậm thâm trí huệ, đắc Diệu Tràng Tướng tam-muội, Pháp Hoa tam-muội, Tịnh Đức tam-muội, Tú Vương Hý tam-muội, Vô Duyên tam-muội, Trí Ấn tam-muội, Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn tam-muội, Tập Nhất Thiết Công Đức tam-muội, Thanh Tịnh tam-muội, Thần Thông Du Hý tam-muội, Huệ Cụ tam-muội,*

Trang Nghiêm Vương tam-muội, Tịnh Quang Minh tam-muội, Tịnh Tạng tam-muội, Bất Cộng tam-muội, Nhật Toàn tam-muội, đặc như thị đẳng bách thiên vạn ức Hằng hà sa đẳng chư đại tam-muội.

(經)爾時，一切淨光莊嚴國中，有一菩薩名曰妙音，久已植眾德本，供養，親近無量百千萬億諸佛，而悉成就甚深智慧，得妙幢相三昧、法華三昧、淨德三昧、宿王戲三昧、無緣三昧、智印三昧、解一切眾生語言三昧、集一切功德三昧、清淨三昧、神通遊戲三昧、慧炬三昧、莊嚴王三昧、淨光明三昧、淨藏三昧、不共三昧、日旋三昧，得如是等百千萬億恆河沙等諸大三昧。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong cõi Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm, có một vị Bồ Tát tên là Diệu Âm (Gadgadasvara), đã gieo các cội đức từ lâu, cúng dường, thân cận vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật, đã đều thành tựu trí huệ rất sâu, đặc Diệu Tràng Tướng (Dhvajāgrakeyūra) tam-muội, Pháp Hoa (Saddharma-puṇḍarīka) tam-muội, Tịnh Đức (Vimaladatta) tam-muội, Tú Vương Hý tam-muội (Nakṣatrarājavikrīḍita), Vô Duyên (Anilambha) tam-muội, Trí Ẩn (Jñānamudrā) tam-muội, Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn (Sarvarutakauśalya) tam-muội, Tập Nhất Thiết Công Đức (Sarvapūnyasamuccaya) tam-muội, Thanh Tịnh (Prasādatatī) tam-muội, Thân Thông Du Hý (Rddhivikrvikrīḍita) tam-muội, Huệ Cự (Jñānolkā) tam-muội, Trang Nghiêm Vương (Vyūharāja) tam-muội, Tịnh Quang Minh (Vimalaprabhāsa) tam-muội, Tịnh Tạng (Vimalagarbha) tam-muội, Bất Cộng (Apkrtsna) tam-muội, Nhật Toàn (Sūryāvarta) tam-muội, đặc trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa các đại tam-muội như thế đó).

“Đức” chính là hai thứ phước và huệ trang nghiêm. Cúng dường chư Phật, trần thuật cội nguồn của phước huệ. “Thâm thâm trí huệ” (Trí huệ rất sâu): Trần thuật phước chính là huệ. “Chư đại tam-muội” (Các đại tam-muội): Trần thuật huệ chính là phước. Liệt kê đại lược mười sáu danh hiệu [tam-muội] đều là diệu định thuộc viên đạo:

- Diệu thể của Thật Tướng cao rộng vô thượng, vô tướng, mà cũng chẳng phải là không có tướng, thì gọi là Diệu Tràng Tướng tam-muội.

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

- Nhân quả chẳng hai, Quyền Thật chẳng hai, Bản Tích chẳng hai, thì gọi là Pháp Hoa tam-muội.

- Lìa ba Hoặ̣c cấu, chúng tánh thanh tịnh vốn có, gọi là Tịnh Đức tam-muội.

- Quyền Trí chiếu soi căn cơ, khéo hiện ưu khuyết, thì gọi là Tú Vương Hỷ tam-muội (mặt trăng được gọi là Tú Vương, tức là vua của các tinh tú).

- Đại từ bình đẳng, chẳng duyên theo giả danh, chẳng duyên theo Thật pháp, thì gọi là Vô Duyên tam-muội.

- Nhất tâm tam trí, ẩn hết thấy các pháp, gọi là Trí Ẩn tam-muội.

- Ngôn ngữ trong mười pháp giới đều là pháp sanh bởi các nhân duyên, hiểu mỗi thứ đều chính là Không, Giả, Trung. Hết thấy các ngôn ngữ chính là một ngôn ngữ, một ngôn ngữ chính là hết thấy các ngôn ngữ, chẳng phải một, chẳng phải hết thấy, mà là một, là hết thấy, thì gọi là Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn tam-muội.

- Trụ trong một tam-muội, công đức của hết thấy các tam-muội đều nhập vào đó, gọi là Tập Nhất Thiết Công Đức tam-muội.

- Lục căn thanh tịnh, dùng lẫn cho nhau tự tại, gọi là Thanh Tịnh tam-muội.

- Tự tại giáo hóa chúng sanh, đạo trong các thế gian, đối với huyền sự [coi như] con rôi, nhiếp khắp hết thấy, gọi là Thần Thông Du Hỷ tam-muội.

- Đại huệ bình đẳng, chiếu khắp các nẻo đường tối tăm, gọi là Huệ Cự (đuốc huệ) tam-muội.

- Tánh có đủ vạn đức, duyên nhân và liễu nhân dung thông, tùy ý nêu ra một pháp sẽ thông nhiếp hết thấy các pháp, gọi là Trang Nghiêm Vương tam-muội.

- Tam trí (Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, Nhất Thiết Chứng Trí) viên mãn, thanh tịnh, chiếu pháp chẳng sót, gọi là Tịnh Quang Minh tam-muội.

- Một niệm tịnh tâm dung nhiếp vạn đức, gọi là Tịnh Tạng tam-muội.

- Người thuộc bảy phương tiện đều chẳng thể nhập thì gọi là Bất Cộng tam-muội.

- Thật trí chiếu lý nhưng chẳng trụ, gọi là Nhật Toàn tam-muội.

***24.2.1.2. [Diệu Âm Bồ Tát] được quang minh [của Phật Thích Ca] chiếu đến, bèn từ tạ đức Phật [trong cõi của Ngài]***

(Kinh) Thích Ca Mâu Ni Phật quang chiếu kỳ thân, tức bạch Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đương vãng nghệ Sa Bà thế giới, lễ bái, thân cận, cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, cập kiến Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dũng Thí Bồ Tát, Tú Vương Hoa Bồ Tát, Thượng Hạnh Ý Bồ Tát, Trang Nghiêm Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát.

(經)釋迦牟尼佛光照其身，即白淨華宿王智佛言：「世尊！我當往詣娑婆世界，禮拜，親近，供養釋迦牟尼佛，及見文殊師利法王子菩薩、藥王菩薩、勇施菩薩、宿王華菩薩、上行意菩薩、莊嚴王菩薩、藥上菩薩」。

(Kinh: Quang minh của Thích Ca Mâu Ni Phật chiếu vào thân Ngài, liền bạch cùng Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật rằng: - Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ đi qua thế giới Sa Bà để lễ bái, thân cận, cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, và gặp Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dũng Thí (Pradānasūra) Bồ Tát, Tú Vương Hoa Bồ Tát, Thượng Hạnh Ý (Viśiṣṭacāritra) Bồ Tát, Trang Nghiêm Vương (Vyūha-rāja) Bồ Tát, Dược Thượng (Bhaiṣajyasamudgata) Bồ Tát).

#### 24.2.1.3. Đức Phật trong cõi ấy răn nhắc

(Kinh) Nhĩ thời, Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật cáo Diệu Âm Bồ Tát: - Nhĩ mạc khinh bỉ quốc, sanh hạ liệt tướng. Thiện nam tử! Bỉ Sa Bà thế giới cao hạ bất bình, thổ, thạch chur sơn, uế ác sung mãn. Phật thân ty tiểu, chur Bồ Tát chúng kỳ hình diệc tiểu, nhi nhữ thân tứ vạn nhị thiên do-tuần. Ngã thân lục bách bát thập vạn do-tuần. Nhĩ thân đệ nhất đoan chánh, bách thiên vạn phước, quang minh thù diệu. Thị cố, nhữ vãng, mạc khinh bỉ quốc, nhược Phật, Bồ Tát, cập quốc độ, sanh hạ liệt tướng.

(經)爾時，淨華宿王智佛告妙音菩薩：「汝莫輕彼國，生下劣想。善男子！彼娑婆世界高下不平，土，石諸山，穢惡充滿。佛身卑小，諸菩薩眾其形亦小，而汝身四萬二千由旬。我身六百八十萬由旬。汝身第一端正，百千萬福

**，光明殊妙。是故，汝往，莫輕彼國，若佛、菩薩，及國土，生下劣想」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật bảo Diệu Âm Bồ Tát rằng: - Ông đừng coi thường cõi ấy, nghĩ là kém hèn. Đây thiện nam tử! Thế giới Sa Bà ấy cao, thấp chẳng bằng phẳng, các núi bằng đất, đá, dơ xấu đầy dẫy. Thân Phật kém nhỏ, các vị Bồ Tát thân hình cũng nhỏ. Nhưng thân ông cao bốn vạn hai ngàn do-tuần. Thân ta cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần. Thân ông đoan chánh bậc nhất, trăm ngàn vạn phước, quang minh đẹp đẽ đặc biệt. Vì thế, ông đến đó, đừng coi thường dù là Phật, Bồ Tát, hay quốc độ trong cõi ấy, nảy sanh ý niệm cho là hèn kém).*

Diệu Âm Bồ Tát hiểu rành rẽ Bốn Tích, cần gì phiền Phật phải nhắc? [Đó là vì] trong hàng quyến thuộc do Ngài dẫn theo, có thể là có vị chưa thông đạt. Do vậy, nhắc người thuộc bậc thượng để uốn nắn kẻ bậc hạ vậy. Phật chứng pháp tánh bình đẳng, vì chúng sanh mà cõi áo quý báu, mặc áo xấu dơ, thị hiện thân kém cõi, nhỏ bé, và cõi nước xấu ác. Thế nhưng, bản thể của thân và cõi nước nhỏ hèn, xấu ác ấy chính là pháp giới, gì là lớn? Gì là nhỏ? Gì là tịnh? Gì là uế? Hãy nên biết: Chẳng phải nhỏ mà hiện nhỏ, chẳng phải uế mà hiện uế, tức “áo nhần nhục”. Nhỏ vốn chẳng nhỏ, uế vốn chẳng uế, tức là “tòa pháp Không”. Dùng nhỏ, dùng uế để khéo léo tùy thuận chúng sanh, chính là “nhà từ bi”. Phật đã là như thế, Bồ Tát cũng như thế. Vì thế, hãy nên liễu đạt ba khuôn phép (tức áo nhần nhục, tòa pháp Không, nhà từ bi), chớ giữ tình kiến [so đo] hơn kém!

Hỏi: - Trong cõi này, khi thân người cao tám thước thì thân Phật cao một trượng sáu, bất quá là Ngài cao gấp đôi [mọi người]. Thân tướng của Phật, Bồ Tát trong cõi kia (cõi của Diệu Âm Bồ Tát) sai biệt hơn một trăm năm mươi lần là vì lẽ nào?

Đáp: - Đó là tướng Thắng Ứng Thân trong Tịnh Độ. Sự chẳng phải nhất loạt như nhau, chẳng thể phỏng theo cùng một lệ được!

Hỏi: - Đã là quyến thuộc thù thắng, cứ sao có người chưa thông đạt?

Đáp: - Trược nhẹ, phước thù thắng, cho nên là Tịnh Độ. [Bồ Tát] thuộc địa vị Quyền thì trí nông cạn, cho nên cần phải nhắc bảo!

24.2.1.4. Bồ Tát lãnh thọ ý chỉ

(Kinh) Diệu Âm Bồ Tát bạch kỳ Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã kim nghê Sa Bà thế giới, giai thị Như Lai chi lực, Như Lai thần thông du hí, Như Lai công đức trí huệ trang nghiêm.

(經)妙音菩薩白其佛言：「世尊！我今詣娑婆世界，皆是如來之力，如來神通遊戲，如來功德智慧莊嚴」。

(Kinh: Diệu Âm Bồ Tát bạch cùng đức Phật ấy rằng: - Bạch Thế Tôn! Con nay đến thế giới Sa Bà, đều là do sức của Như Lai, thần thông du hí của Như Lai, do công đức trí huệ trang nghiêm của Như Lai).

Đức Phật ấy đã dùng ba pháp để nhấn nhủ, răn dạy, Diệu Âm cũng dùng ba pháp để tiếp nhận ý chỉ. “Giai thị Như Lai chi lực” (Đều là sức của Như Lai): Quy kết chung công sức về Phật lực, cho nên chẳng dám coi thường. “Thần thông du hí”: Cởi áo quý giá, mặc áo hèn tẻ, nhưng thân tướng giả chẳng đổi, tức là “áo nhân nhục”. “Công đức trang nghiêm” chính là “nhà đại từ bi”. “Trí huệ trang nghiêm” chính là tòa “các pháp đều là Không”. Nương vào ba lực ấy của Như Lai, nên mới có thể đi qua thế giới Sa Bà. Nhưng ngài Diệu Âm đã phân chứng ba lực; ở đây, Ngài nêu rõ ba lực rốt ráo của Như Lai, khiến cho quyền thuộc của Ngài chẳng khởi tâm coi thường!

24.2.1.5. Trước hết hiện tướng [biểu thị] sẽ đến [cõi Sa Bà]

24.2.1.5.1. Gởi hoa sen [đến cõi Sa Bà]

(Kinh) U thị, Diệu Âm Bồ Tát bất khởi u tòa, thân bất động dao, nhi nhập tam-muội. Dĩ tam-muội lực, u Kỳ Xà Quật sơn, khứ pháp tòa bất viễn, hóa tác bát vạn tứ thiên chúng bảo liên hoa: Diêm Phù Đà kim vi hành, bạch ngân vi điệp, kim cang vi tu, Chân Thúc Ca bảo dĩ vi kỳ đài.

(經)於是，妙音菩薩不起於座，身不動搖，而入三昧。以三昧力，於耆闍崛山，去法座不遠，化作八萬四千眾寶蓮華：閻浮檀金為莖，白銀為葉，金剛為鬚，甄叔迦寶以為其臺。



*(Kinh: Ngay khi đó, Diệu Âm Bồ Tát chẳng đứng dậy khỏi chỗ ngồi, thân chẳng lay động, bèn nhập tam-muội. Do sức tam-muội, tại núi Kỳ Xà Quật, cách pháp tòa chẳng xa, hóa ra tám vạn bốn ngàn các hoa sen báu: Vàng Diêm Phù Đà làm cọng, bạc trắng làm cánh, kim cang làm tua, báu Chân Thúc Ca<sup>104</sup> dùng làm đài).*

#### **24.2.1.5.2. Ngài Văn Thù thưa hỏi**

*(Kinh) Nhĩ thời, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử kiến thị liên hoa, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị hà nhân duyên tiên hiện thử tướng, hữu nhược can thiên vạn liên hoa: Diêm Phù Đà kim vi hành, bạch ngân vi điệp, kim cang vi tu, Chân Thúc Ca bảo dĩ vi kỳ đài?*

**(經)爾時，文殊師利法王子見是蓮華，而白佛言：**

**「世尊！是何因緣先現此相，有若干千萬蓮華：閻浮檀金為莖，白銀為葉，金剛為鬚，甄叔迦寶以為其臺？」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử thấy các hoa sen ấy, bèn bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà trước hết hiện ra tướng này, có ngàn ấy ngàn vạn hoa sen: Vàng Diêm Phù Đà làm cọng, bạc trắng làm cánh, kim cang làm tua, báu Chân Thúc Ca dùng làm đài?)*

Hỏi: - Nếu ngài Văn Thù có địa vị thấp, khi Diệu Âm Bồ Tát từ tạ đức Phật ấy, chẳng nên nói là “[đến thế giới Sa Bà để] gặp Văn Thù”. Nếu ngài Văn Thù có địa vị cao, khi tướng ấy xuất hiện, có sao Ngài chẳng biết?

Đáp: - Dẫu có địa vị cao, chưa đạt đến Diệu Giác, chẳng biết tướng ấy thì cũng chẳng trở ngại gì! Giả sử Ngài thuộc địa vị thấp, nhưng Ngài có sở trường riêng, cho nên có người từ xa đến cầu kiến,

---

<sup>104</sup> Chân Thúc Ca (Kimśuka), còn được phiên âm là Kiên Thúc Ca, Khẩn Chúc Ca, là tên một loại bảo thạch, dịch nghĩa là Xích Bảo. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa quyển sáu giảng: “Chân Thúc Ca bảo được dịch là Xích Sắc Bảo. Sách Tây Vực Truyền nói: Có loài cây Kiên Thúc Ca, hoa màu đỏ, hình dạng to như bàn tay. Màu của chất báu này giống như hoa ấy, cho nên gọi tên như vậy”. Sách Di Lặc Bồ Tát Thượng Sanh Kinh Sớ của ngài Khuy Cơ giảng: “Chân Thúc Ca bảo hình dạng như diên khuê, tương tự xích lưu ly”.

cũng chẳng có khuyết điểm gì! Huống hồ tuy cùng một địa vị, có khởi đầu, chặng giữa, và cuối cùng. Tuy khởi đầu, chặng giữa và cuối cùng cũng đều tương đồng, nhưng đối với cảnh giới tam-muội đạt được, cũng sẽ có những chỗ chưa thấu đạt. Đôi bên giúp cho nhau, đôi bên tạo lợi ích cho nhau, nếu cùng là cô Phật, sẽ chẳng có cao hay thấp. Ngài Diệu Âm nhằm khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích, cho nên nói là “*cầu kiến*”. Ngài Văn Thù vì đại chúng trong pháp hội chẳng dám hỏi, cho nên thốt lời phát khởi cho mọi người hay biết.

#### **24.2.1.5.3. Phật Thích Ca giải đáp**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: - Thị Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát dục tụng Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật quốc, dĩ bát vạn tứ thiên Bồ Tát vi nhiều, nhi lai chí thử Sa Bà thế giới cúng dường, thân cận, lễ bái u ngã, diệc dục cúng dường, thỉnh Pháp Hoa kinh.*

**(經)爾時，釋迦牟尼佛告文殊師利：「是妙音菩薩摩訶薩欲從淨華宿王智佛國，與八萬四千菩薩圍繞，而來至此娑婆世界供養，親近，禮拜於我，亦欲供養，聽法華經」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: - Vị Diệu Âm Bồ Tát ấy muốn từ cõi của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ Tát vây quanh đến thế giới Sa Bà này để cúng dường, thân cận, lễ bái ta, và cũng cúng dường, nghe kinh Pháp Hoa).*

#### **24.2.1.5.4. Ngài Văn Thù xin được thấy**

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị Bồ Tát chúng hà thiện bản, tu hà công đức, nhi năng hữu thị đại thân thông lực? Hành hà tam-muội? Nguyện vị ngã đẳng thuyết thị tam-muội danh tự, ngã đẳng diệc dục cần tu hành chi. Hành thử tam-muội, nãi năng kiến thị Bồ Tát sắc tướng đại, tiểu, oai nghi tân chi. Duy nguyện Thế Tôn dĩ thân thông lực, dĩ Bồ Tát lai, linh ngã đắc kiến.*

**(經)文殊師利白佛言：「世尊！是菩薩種何善本，修何功德，而能有是大神通力？行何三昧？願為我等說是三昧名字，我等亦欲勤修行之。行此三昧，乃能見是菩薩色相大，小，威儀進止。惟願世尊以神通力，彼菩薩來，令我得見」。**

*(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vị Bồ Tát ấy gieo cội lành gì, tu công đức gì, mà có thể có sức thần thông to lớn ấy? Hành tam-muội nào? Xin hãy vì chúng con nói danh tự của tam-muội ấy, chúng con cũng muốn siêng năng tu hành. Hành tam-muội ấy bèn có thể thấy được sắc tướng lớn nhỏ, oai nghi, cử chỉ của vị Bồ Tát ấy. Kính mong đức Thế Tôn dùng sức thần thông, khiến cho vị Bồ Tát ấy đến [thế giới này], cho con được thấy).*

#### **24.2.1.5.5. Phật Thích Ca nhường công cho Phật Đa Bảo**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: - Thử cửu diệt độ Đa Bảo Như Lai, đương vị nhữ đẳng, nhi hiện kỳ tướng.*

**(經)爾時，釋迦牟尼佛告文殊師利：「此久滅度多寶如來，當為汝等，而現其相」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: - Đa Bảo Như Lai là vị diệt độ đã lâu này sẽ vì các ông mà hiện tướng ấy).*

Ngài Văn Thù tuy hỏi công đức tam-muội, nhưng cốt ý là xin được thấy. Vì thế, [đức Bổn Sư] nhường cho Phật Đa Bảo triệu vời [Diệu Âm Bồ Tát] đến cõi này. Trong phần sau, do Hoa Đức Bồ Tát lặp lại lời hỏi, [đức Phật] sẽ giải đáp về công đức và tam-muội [của Diệu Âm Bồ Tát]. Nhường cho Phật Đa Bảo thực hiện thì [Diệu Âm Bồ Tát] phải nên là đệ tử xưa kia của Đa Bảo Như Lai.

#### **24.2.1.5.6. Phật Đa Bảo truyền bảo [Diệu Âm Bồ Tát] hãy đến**

*(Kinh) Thời, Đa Bảo Phật cáo bử Bồ Tát: - Thiện nam tử lai! Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử dục kiến nhữ thân!*

**(經)時，多寶佛告彼菩薩：「善男子來！文殊師利法王子欲見汝身！」**

*(Kinh: Khi ấy, Đa Bảo Phật bảo vị Bồ Tát ấy: - Thiện nam tử hãy đến! Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử muốn thấy thân ông!)*

Phần thứ nhất, “duyên do [Diệu Âm Bồ Tát] đến [Sa Bà]” đã xong.

#### **24.2.2. Trần thuật sự du hành của [Diệu Âm Bồ Tát]**

##### **24.2.2.1. Chỗ Ngài đi qua cùng với quyền thuộc**

*(Kinh) U thời, Diệu Âm Bồ Tát u bử quốc một, dữ bát vạn tứ thiên Bồ Tát câu cộng phát lai. Sở kinh chư quốc lục chủng chấn động, giai tất vũ u thất bảo liên hoa, bách thiên thiên nhạc, bất cổ tự minh.*

**(經)於時，妙音菩薩於彼國沒，與八萬四千菩薩俱共發來。所經諸國六種震動，皆悉雨於七寶蓮華，百千天樂，不鼓自鳴。**

*(Kinh: Ngay khi đó, Diệu Âm Bồ Tát biến mất trong cõi ấy, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đều cùng lên đường. Các cõi nước đi qua đều sáu thứ chấn động, thấy đều mưa hoa sen bảy báu, trăm ngàn nhạc trời chẳng tấu tự kêu).*

Xưa kia dâng bát báu, nay được hàng pháp khí Bồ Tát tùy tùng. Xưa kia dâng lên âm nhạc, nay được thiên nhạc cùng theo.

##### **24.2.2.2. Trần thuật sắc tướng [của Diệu Âm Bồ Tát] và [chuyện Bồ Tát ngự] lên đài [bảy báu]**

*(Kinh) Thị Bồ Tát mục như quảng đại thanh liên hoa diệp. Chánh sử hòa hợp bách thiên vạn nguyệt, kỳ diện mạo đoan chánh, phục quá u thử. Thân chân kim sắc, vô lượng bách thiên công đức trang nghiêm, oai đức xí thịnh, quang minh chiếu diệu, chư tướng cụ*

*túc như Na La Diên kiên cố chi thân. Nhập thất bảo đài, thượng thăng hư không, khứ địa thất Đa La thụ. Chư Bồ Tát chúng cung kính vi nhiễu, nhi lai nghệ thử Sa Bà thế giới Kỳ Xà Quật sơn.*

**(經)是菩薩目如廣大青蓮華葉。正使和合百千萬月，其面貌端正，復過於此。身真金色，無量百千功德莊嚴，威德熾盛，光明照曜，諸相具足如那羅延堅固之身。入七寶臺，上升虛空，去地七多羅樹。諸菩薩眾恭敬圍繞，而來詣此娑婆世界耆闍崛山。**

*(Kinh: Vị Bồ Tát ấy mắt như cánh hoa sen xanh<sup>105</sup> rộng lớn. Giả sử hòa hợp trăm ngàn vạn mặt trăng, diện mạo của Ngài còn đoan chánh hơn thế. Thân màu vàng ròng, vô lượng trăm ngàn công đức trang nghiêm, oai đức hùng hực, quang minh chiếu sáng rực, các tướng đầy đủ như thân Na La Diên<sup>106</sup> kiên cố. Ngài bước lên đài bảy báu,*

---

<sup>105</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ngài Tăng Triệu nói: - Thiên Trúc có hoa sen xanh, cánh sen rộng lớn, xanh trắng phân minh, có hình dáng như con mắt”.

<sup>106</sup> Na La Diên (Nārāyaṇa): Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ngài La Thập nói: - Lục sĩ cõi trời tên là Na La Diên, đoan chánh, tráng kiện. Niết Bàn Kinh Sớ giảng: - Na La Diên được phương này dịch là Kim Cang”. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa quyển hai mươi bốn lại giảng: “Na La dịch là Nhân, Diên dịch là Sanh Bồn, hàm nghĩa ‘là cội gốc sanh ra nhân loại’, tức là Phạm Vương. Ngoại đạo cho rằng hết thầy con người do Phạm Vương sanh ra, cho nên gọi [Phạm Vương] là Nhân Sanh Bồn”. Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa lại giảng: “Na La Diên là một vị trời trong Dục Giới, có tên khác là Tỳ Nữu Thiên (Vishnu). Kẻ muốn cầu nhiều thân lực hãy thừa sự cúng dường, nếu tinh thành cầu đảo, sẽ được thần gia hộ thân lực”. Sách Đại Nhật Kinh Sớ quyển mười viết: “Tỳ Nữu Thiên có nhiều biệt danh, tức Na La Diên là một biệt danh. Vị này là hóa thân của Phật”. Ấn Độ Giáo coi Na La Diên là một biệt danh của thần Vishnu. Thần Vishnu còn có danh xưng là Purushottama (đáng tối cao), được coi là yếu tố nguyên thủy sanh ra vũ trụ, có công năng sáng tạo, duy trì và chuyển hóa vũ trụ. Ấn Độ Giáo cho rằng khi thế giới lâm vào cảnh xấu ác, thần sẽ hạ phàm dưới dạng hóa thân để duy trì thế giới. Kinh sách Ấn Giáo rằng thần Vishnu có mười hóa thân (Dhasavatara); trong số đó, hai hóa thân Rama và Krishna được sùng bái nhất (thậm chí đối với một số người Ấn, họ chỉ biết đến Krishna, không biết đến thần Vishnu). Thần Vishnu thường được tạc tượng có hình xanh đen, bốn tay, nằm trên hoa sen. Trong Mật Giáo, Na La Diên là một vị thần hộ pháp hộ trì Thai Tạng Giới, đôi khi được dịch là Kim Cang Lực Sĩ. Dù hiểu theo nghĩa nào, Na La Diên Thiên là một vị trời có sức mạnh to lớn, thân thể kiên cố.

*thăng lên hư không, cách đất bảy cây Đa La. Các vị Bồ Tát cung kính vây quanh, đi đến núi Kỳ Xà Quật trong thế giới Sa Bà này).*

**24.2.2.3. Thưa hỏi, truyền đạt ý chỉ [của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật]**

*(Kinh) Đáo dĩ, hạ thất bảo đài. Dĩ giá trị bách thiên anh lạc, trì chí Thích Ca Mâu Ni Phật sở, đầu diện lễ túc, phụng thượng anh lạc, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật vẫn tấn Thế Tôn: Thiếu bệnh, thiếu não, khởi cư khinh lợi, an lạc hạnh phủ? Tứ Đại điều hòa phủ? Thế sự khả nhẫn phủ? Chúng sanh dị độ phủ? Vô đa tham dục, sân khuể, ngu si, tật đố, xan, mạn phủ? Vô bất hiểu phụ mẫu, bất kính sa-môn, tà kiến, bất thiện tâm phủ? Nhiếp ngũ tình phủ? Thế Tôn! Chúng sanh năng hàng phục chư ma oán phủ? Cứu diệt độ Đa Bảo Như Lai tại thất bảo tháp trung, lai thính pháp phủ? Hựu vẫn tấn Đa Bảo Như Lai an ổn, thiếu não, kham nhẫn cứu trụ phủ?*

**(經)到已，下七寶臺。以價直百千瓔珞，持至釋迦牟尼佛所，頭面禮足，奉上瓔珞，而白佛言：「世尊！淨華宿王智佛問訊世尊：少病，少惱，起居輕利，安樂行不？四大調和不？世事可忍不？眾生易度不？無多貪欲，瞋恚，愚癡，嫉妬，慳，慢不？無不孝父母，不敬沙門，邪見，不善心不？攝五情不？世尊！眾生能降伏諸魔怨不？久滅度多寶如來在七寶塔中，來聽法不？又問訊多寶如來安隱，少惱，堪忍久住不？」**

*(Kinh: Đến nơi, xuống đài bảy báu. cầm trăm ngàn chuỗi anh lạc có giá trị đem tới chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật, đầu mặt lễ dưới chân, dâng lên chuỗi anh lạc, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật hỏi thăm đức Thế Tôn: Ít bệnh, ít não, đi đứng nhẹ nhàng, nhanh nhẹn hay không? Có an lạc hay không? Tứ Đại điều hòa hay không? Có thể nhẫn chuyện đời hay không? Chúng sanh có dễ độ hay không? Chẳng có kẻ tham dục, sân khuể, ngu si, ghen ghét, keo*

kiệt, ngạo mạn hay không? Chẳng có kẻ bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính trọng sa-môn, tà kiến, tâm bất thiện hay không? Nhiếp ngũ tình<sup>107</sup> hay không? Bạch Thế Tôn! Chúng sanh có thể hàng phục các ma oán hay không? Đa Bảo Như Lai diệt độ đã lâu, ở trong tháp bảy báu có đến nghe pháp hay không? Lại hỏi thăm Đa Bảo Như Lai an ổn, ít não? Kham nhẫn trụ lâu trong đời hay không?)

#### **24.2.2.4. Xin được thấy Phật Đa Bảo**

*(Kinh) Thế Tôn! Ngã kim dục kiến Đa Bảo Phật thân, duy nguyện Thế Tôn thị ngã linh kiến.*

**(經)世尊! 我今欲見多寶佛身, 惟願世尊示我令 見」**

•

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Con nay muốn thấy thân Phật Đa Bảo, kính mong đức Thế Tôn chỉ bày cho con thấy).*

#### **24.2.2.5. Phật Thích Ca vì [Diệu Âm Bồ Tát] thông truyền**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật ngữ Đa Bảo Phật: - Thị Diệu Âm Bồ Tát dục đắc tương kiến.*

**(經)爾時, 釋迦牟尼佛語多寶佛: 「是妙音菩薩欲得相見」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật nói với Đa Bảo Phật: - Vị Diệu Âm Bồ Tát này muốn được gặp gỡ).*

#### **24.2.2.6. Trong tháp khen ngợi tốt lành**

*(Kinh) Thời, Đa Bảo Phật cáo Diệu Âm ngôn: - Thiện tai! Thiện tai! Nhữ năng vị cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, cập thỉnh Pháp Hoa kinh, tịnh kiến Văn Thù Sư Lợi đấng, cố lai chí thử.*

---

<sup>107</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Các căn như mắt v.v... đối trước trần cảnh có thể sanh ra tình thức, các tình thức sanh từ năm căn, được gọi chung là Ngũ Tình”. Như vậy “nhiếp ngũ tình” có thể hiểu là thâm nhiếp các căn, chẳng mê muội chấp trước đối với tình thức nơi các căn, chẳng nắm níu trần cảnh.

**(經)時，多寶佛告妙音言：「善哉！善哉！汝能為供養釋迦牟尼佛，及聽法華經，并見文殊師利等，故來至此」。**

*(Kinh: Lúc đó, Đa Bảo Phật bảo Diệu Âm rằng: - Lành thay! Lành thay! Ông có thể vì cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật và nghe kinh Pháp Hoa, cùng thấy Văn Thù Sư Lợi v.v... cho nên đến nơi này).*

“Khen ngợi tốt lành” chính là gặp gỡ đã xong, chẳng cần mở tháp.

#### 24.2.2.7. Hỏi đáp về cái nhân xưa kia của [Diệu Âm Bồ Tát]

##### 24.2.2.7.1. Hỏi

*(Kinh) Nhĩ thời, Hoa Đức Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị Diệu Âm Bồ Tát chủng hà thiện căn? Tu hà công đức, hữu thị thần lực?*

**(經)爾時，華德菩薩白佛言：「世尊！是妙音菩薩種何善根？修何功德，有是神力？」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Hoa Đức (Padmaśrī) Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vị Diệu Âm Bồ Tát này đã gieo thiện căn gì? Tu công đức gì mà có thần lực ấy?)*

Diệu Âm chính là hậu thân của phu nhân Tịnh Đức. Hoa Đức chính là hậu thân của vua Diệu Trang Nghiêm, vốn là bậc đại thiện tri thức trong đời trước. Vì thế, nay Ngài vì đại chúng thưa hỏi, hiển thị công đức ấy!

##### 24.2.2.7.2. Đáp

*(Kinh) Phật cáo Hoa Đức Bồ Tát: - Quá khứ hữu Phật danh Vân Lô Âm Vương Đa-đà-a-già-độ, A La Ha, Tam Miệu Tam Phật Đà. Quốc danh Hiện Nhất Thiết Thế Gian, kiếp danh Hỷ Kiến. Diệu Âm Bồ Tát u vạn nhị thiên tuế, dĩ thập vạn chủng kỹ nhạc, cúng dường Vân Lô Âm Vương Phật, tịnh phụng thượng bát vạn tứ thiên*



*thất bảo bát. Dĩ thị nhân duyên quả báo, kim sanh Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật quốc, hữu thị thần lực. Hoa Đức! Ư nhữ ý vân hà? Nhĩ thời, Vân Lô Âm Vương Phật sở Diệu Âm Bồ Tát kỹ nhạc cúng dường, phụng thượng bảo khí giả, khởi dị nhân hồ? Kim thử Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát thị. Hoa Đức! Thị Diệu Âm Bồ Tát dĩ tăng cúng dường, thân cận vô lượng chư Phật, cửu thực đức bổn, hựu trị Hằng hà sa đẵng bách thiên vạn ức na-do-tha Phật.*

**(經)佛告華德菩薩：「過去有佛名雲雷音王多陀阿伽度、阿羅訶、三藐三佛陀。國名現一切世間，劫名喜見。妙音菩薩於萬二千歲，以十萬種伎樂，供養雲雷音王佛，并奉上八萬四千七寶鉢。以是因緣果報，今生淨華宿王智佛國，有是神力。華德！於汝意云何？爾時，雲雷音王佛所妙音菩薩伎樂供養，奉上寶器者，豈異人乎？今此妙音菩薩摩訶薩是。華德！是妙音菩薩已曾供養，親近無量諸佛，久植德本，又值恆河沙等百千萬億那由他佛。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Hoa Đức Bồ Tát: - Quá khứ có Phật tên là Vân Lô Âm Vương (Meghadundubhisvararāja)<sup>108</sup> Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Cõi nước tên là Hiện Nhất Thiết Thế Gian (Sarvarūpasamdarśana), kiếp tên là Hỷ Kiến (Priyadarśana). Diệu Âm Bồ Tát trong một vạn hai ngàn năm, dùng mười vạn loại kỹ nhạc để cúng dường Vân Lô Âm Vương Phật, và dâng lên tám vạn bốn ngàn bát bằng bảy báu<sup>109</sup>. Do nhân duyên quả báo ấy, nay sanh trong cõi của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, bèn có thần lực ấy. Nay Hoa Đức! Ý ông nghĩ sao? Thuở đó, Diệu Âm Bồ Tát ở chỗ Vân Lô Âm Vương Phật, dùng kỹ nhạc cúng dường, dâng hiến bát báu, há phải là ai khác? Chính là vị Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát này trong hiện thời. Nay Hoa Đức! Vị*

<sup>108</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật trí như mây, có thể tuôn mưa pháp, pháp âm như sấm, khiến cho quần manh kinh động, giác ngộ, tự tại nơi pháp, ví như vua. Vì thế gọi là Vân Lô Âm Vương”.

<sup>109</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật chế định khát thực thì dùng bát đựng lớn, nhỏ, đều có dung lượng nhất định. Vì thế gọi là Ứng Lượng Khí. Loại bát ở đây chẳng phải bằng sành hay đá, mà do bảy báu chế thành, cho nên gọi là thất bảo bát”.

*Diệu Âm Bồ Tát* này đã từng cúng dường, thân cận vô lượng chư Phật, gieo cội đức đã lâu. Lại gặp gỡ Hằng hà sa trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật).

Phần thứ hai, “phụng mạng sang phương Tây” đã xong.

### **24.3. Hoằng kinh trong mười phương**

#### **24.3.1. Nói về sự hiện thân thuyết pháp**

*(Kinh) Hoa Đức! Nhữ dẫn kiến Diệu Âm Bồ Tát kỳ thân tại thử, nhi thị Bồ Tát hiện chủng chủng thân, xứ xứ vị chư chúng sanh, thuyết thị kinh điển. Hoặc hiện Phạm Vương thân, hoặc hiện Đế Thích thân, hoặc hiện Tự Tại thiên thân, hoặc hiện Đại Tự Tại thiên thân, hoặc hiện thiên đại tướng quân thân, hoặc hiện Tỳ Sa Môn thiên vương thân, hoặc hiện chuyển luân thánh vương thân, hoặc hiện chư tiểu vương thân, hoặc hiện trưởng giả thân, hoặc hiện cư sĩ thân, hoặc hiện tể quan thân, hoặc hiện Bà La Môn thân, hoặc hiện tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thân, hoặc hiện trưởng giả, cư sĩ, phụ nữ thân, hoặc hiện tể quan phụ nữ thân, hoặc hiện Bà La Môn phụ nữ thân, hoặc hiện đồng nam, đồng nữ thân. Hoặc hiện thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân đẳng thân, nhi thuyết thị kinh. Chư hữu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cập chúng nạn xứ, giai năng cứu tế. Nãi chí u vương hậu cung, biến vi nữ thân, nhi thuyết thị kinh. Hoa Đức! Thị Diệu Âm Bồ Tát năng cứu hộ Sa Bà thế giới chư chúng sanh giả. Thị Diệu Âm Bồ Tát như thị chủng chủng biến hóa hiện thân. Tại thử Sa Bà quốc độ, vị chư chúng sanh thuyết thị kinh điển. Ư thân thông, biến hóa, trí huệ, vô sở tổn giảm. Thị Bồ Tát dĩ nhược can trí huệ, minh chiếu Sa Bà thế giới, linh nhất thiết chúng sanh, các đắc sở tri. Ư thập phương Hằng hà sa thế giới trung, diệc phục như thị. Nhược ưng dĩ Thanh Văn hình đắc độ giả, hiện Thanh Văn hình nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Bích Chi Phật hình đắc độ giả, hiện Bích Chi Phật hình nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Bồ Tát hình đắc độ giả, hiện Bồ Tát hình nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Phật hình đắc độ giả, tức hiện Phật hình nhi vị thuyết pháp. Như thị chủng chủng, tùy sở ưng độ, nhi vị hiện hình, nãi chí ưng dĩ diệt độ nhi đắc độ giả, thị hiện diệt độ. Hoa Đức! Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu đại thân thông trí huệ chi lực, kỳ sự như thị.*

**(經)華德！汝但見妙音菩薩其身在此，而是菩薩現種種身，處處為諸眾生，說是經典。或現梵王身，或現帝釋身，或現自在天身，或現大自在天身，或現天大將軍身，或現毘沙門天王身，或現轉輪聖王身，或現諸小王身，或現長者身，或現居士身，或現宰官身，或現婆羅門身，或現比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷身，或現長者、居士、婦女身，或現宰官婦女身，或現婆羅門婦女身，或現童男、童女身，或現天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等身，而說是經。諸有地獄、餓鬼、畜生、及眾難處，皆能救濟。乃至於王後宮，變為女身，而說是經。華德！是妙音菩薩能救護娑婆世界諸眾生者。是妙音菩薩如是種種變化現身。在此娑婆國土，為諸眾生說是經典。於神通，變化，智慧，無所損減。是菩薩以若干智慧，明照娑婆世界，令一切眾生，各得所知。於十方恆河沙世界中，亦復如是。若應以聲聞形得度者，現聲聞形，而為說法。應以辟支佛形得度者，現辟支佛形，而為說法。應以菩薩形得度者，現菩薩形，而為說法。應以佛形得度者，即現佛形，而為說法。如是種種，隨所應度，而為現形，乃至應以滅度而得度者，示現滅度。華德！妙音菩薩摩訶薩成就大神通智慧之力，其事如是」。**

*(Kinh: Nay Hoa Đức! Ông chỉ thấy thân của Diệu Âm Bồ Tát ở nơi đây, nhưng vị Bồ Tát này hiện đủ loại thân, tại các chốn vì các*

chúng sanh nói kinh điển này. Hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân Tự Tại Thiên (Īśvara), hoặc hiện thân Đại Tự Tại Thiên (Maheśvara), hoặc hiện thân thiên đại tướng quân, hoặc hiện thân Tỳ Sa Môn (Vaiśravaṇa) thiên vương, hoặc hiện thân chuyển luân thánh vương, hoặc hiện các thân tiểu vương, hoặc hiện thân trưởng giả, hoặc hiện thân cư sĩ, hoặc hiện thân tế quan<sup>110</sup>, hoặc hiện thân Bà La Môn, hoặc hiện thân tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc hiện thân phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, hoặc hiện thân phụ nữ của tế quan, hoặc hiện thân Bà La Môn phụ nữ, hoặc hiện thân trẻ trai, trẻ gái, hoặc hiện thân trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v... để nói kinh này. Các chỗ có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và các chỗ hoạn nạn, Ngài đều có thể cứu giúp. Thậm chí ở trong hậu cung của nhà vua, biến thành thân nữ để nói kinh này. Nay Hoa Đức! Vị Diệu Âm Bồ Tát này có thể cứu độ, bảo vệ các chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Vị Diệu Âm Bồ Tát này biến hóa hiện thân đủ loại như thế trong quốc độ Sa Bà này, vì các chúng sanh nói kinh điển này, nhưng thần thông, biến hóa, trí huệ chẳng bị tổn giảm. Vị Bồ Tát này dùng ngàn ấy trí huệ chiếu sáng thế giới Sa Bà, khiến cho hết thảy chúng sanh ai nấy đều biết. Trong các thế giới nhiều như cát sông Hằng thuộc mười phương, cũng lại như thế. Nếu đáng nên dùng hình tướng Thanh Văn để đắc độ, bèn hiện hình tướng Thanh Văn để thuyết pháp. Đáng nên dùng hình tướng Bích Chi Phật để đắc độ, bèn hiện hình tướng Bích Chi Phật để thuyết pháp. Đáng nên dùng hình tướng Bồ Tát để đắc độ, bèn hiện hình tướng Bồ Tát để thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, liền hiện thân Phật để thuyết pháp. Các loại như thế, tùy theo sự đáng độ mà hiện hình tướng, cho đến đáng nên dùng diệt độ để đắc độ, bèn thị hiện diệt độ. Nay Hoa Đức! Diệu Âm

---

<sup>110</sup> Tế quan theo nghĩa gốc là nói về chức quan Trùng Tế (冢宰), còn gọi là Thái Tế. Chức quan Trùng Tế được thiết lập vào đời Tây Châu, thấp hơn Tam Công, là người đứng đầu Lục Khanh. Theo sách Châu Lễ, Lục Khanh bao gồm Trùng Tế, Tư Đồ, Tông Bá, Tư Mã, Tư Khâu, Tư Không. Lục Khanh đôi khi được gọi thành Thiên Quan, Địa Quan, Xuân Quan, Hạ Quan, Thu Quan và Đông Quan, nên Trùng Tế thường được gọi gộp chung là Thiên Quan Trùng Tế. Trùng Tế đứng đầu các quan, đảm nhiệm vai trò đứng đầu guồng máy hành chánh, tương đương với các chức vụ Thượng Thư Lệnh, hoặc Thượng Thư Bộc Xạ về sau này. Dần dần, vai trò này bị thay thế bởi chức vụ Tế Tướng hay Thừa Tướng, và Trùng Tế chỉ là Lại Bộ Thượng Thư. Sau này, chữ Tế Quan thường được dùng như danh xưng phiếm chỉ những người quan cao chức cả.

*Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu sức đại thân thông trí huệ, là chuyện như thế đó).*

Thị hiện ba mươi bốn phàm thân và bốn thân thánh nhân (Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật), kết thành lục đạo mười pháp giới vậy! Điều này tỏ rõ sức khó suy nghĩ của Bồ Tát, tùy loại mà lưu thông kinh. Chúng sanh trông thấy hình tích của Ngài, chẳng suy lường được Bồn, chỉ đành nhận lãnh pháp vị, đừng chọn lựa hình tướng.

### **24.3.2. Hỏi đáp về các tam-muội do Diệu Âm Bồ Tát đã trụ**

#### **24.3.2.1. Hỏi**

*(Kinh) Nhĩ thời, Hoa Đức Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị Diệu Âm Bồ Tát thâm chủng thiện căn. Thế Tôn! Thị Bồ Tát trụ hà tam-muội, nhi năng như thị tại sở biến hiện, độ thoát chúng sanh?*

**(經)爾時，華德菩薩白佛言：「世尊！是妙音菩薩深種善根。世尊！是菩薩住何三昧，而能如是在所變現，度脫眾生？」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Hoa Đức Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vị Diệu Âm Bồ Tát này gieo thiện căn sâu đậm. Bạch Thế Tôn! Vị Bồ Tát này trụ trong tam-muội nào mà có thể biến hiện khắp nơi, độ thoát chúng sanh như thế?)*

“Thâm chủng thiện căn” tức là lãnh ngộ các Phật sự dùng bát báu, kỹ nhạc [cúng dường Phật] trong phần trước. “Trụ hà tam-muội” (Trụ trong tam-muội nào) chính là lời hỏi về nguyên do hiện thân hoằng pháp trong mười pháp giới vậy!

#### **24.3.2.2. Đáp**

*(Kinh) Phật cáo Hoa Đức Bồ Tát: - Thiện nam tử! Kỳ tam-muội danh Hiện Nhất Thiết Sắc Thân. Diệu Âm Bồ Tát trụ thị tam-muội trung, năng như thị nhiều ích vô lượng chúng sanh.*

**(經)佛告華德菩薩：「善男子！其三昧名現一切色身。妙音菩薩住是三昧中，能如是饒益無量眾生」。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Hoa Đức Bồ Tát: - Nay thiện nam tử! Tam-muội ấy tên là Hiện Nhất Thiết Sắc Thân (Sarvarūpasamdarśana). Diệu Âm Bồ Tát trụ trong tam-muội ấy, có thể lợi ích vô lượng chúng sanh như thế).*

Phần thứ ba, “hoàng kinh trong mười phương” đã xong.

#### 24.4. Hai cõi được lợi ích

*(Kinh) Thuyết thị Diệu Âm Bồ Tát phẩm thời, dĩ Diệu Âm Bồ Tát câu lai giả bát vạn tứ thiên nhân, giai đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Thử Sa Bà thế giới vô lượng Bồ Tát diệc đắc thị tam-muội cập Đà La Ni.*

**(經)說是妙音菩薩品時，與妙音菩薩俱來者八萬四千人，皆得現一切色身三昧。此娑婆世界無量菩薩亦得是三昧及陀羅尼。**

*(Kinh: Khi nói phẩm Diệu Âm Bồ Tát, tám vạn bốn ngàn người cùng đến với Diệu Âm Bồ Tát đều đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Vô lượng Bồ Tát trong thế giới Sa Bà này cũng đắc môn tam-muội và Đà La Ni ấy).*

Tam-muội và Đà La Ni có cùng một Thể, nhưng tác dụng khác nhau. Tác dụng về phương diện Tịch thì gọi là tam-muội, tác dụng Trì được gọi là Đà La Ni. Lại nữa, sắc thân biến hiện thì gọi là tam-muội, âm thanh biện thuyết thì gọi là Đà La Ni, chỉ là viên định và viên huệ đó thôi! Đã có thể hiện thân, ắt sẽ có thể thuyết pháp, tức là chẳng có thứ tự cũng được. Theo phẩm Dược Vương, trước đó đã đắc tam-muội, thiêu thân cúng Phật, bèn đạt được tổng trì, cho nên nói có sâu hay cạn cũng được! Nay xét theo hai cõi để nói thì các vị Bồ Tát cùng đến chính là dân trong cõi Tịnh Độ, phước vượt hẳn trí, cho nên chỉ đắc tam-muội. Bồ Tát trong cõi này là người thuộc uế độ, sức nhận trí rất mạnh; vì thế đắc kèm thêm tổng trì.

24.5. [Diệu Âm Bồ Tát] trở về nước mình

(Kinh) Nhĩ thời, Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, cập Đa Bảo Phật tháp dĩ, hoàn quy bốn độ. Sở kinh chư quốc, lục chủng chấn động, vũ bảo liên hoa, tác bách thiên vạn ức chủng chủng kỹ nhạc. Kỳ đạo bốn quốc, dĩ bát vạn tứ thiên Bồ Tát vi nhiều, chí Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật sở, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đạo Sa Bà thế giới nhiều ích chúng sanh, kiến Thích Ca Mâu Ni Phật, cập kiến Đa Bảo Phật tháp, lễ bái, cúng dường. Hựu kiến Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát, cập kiến Dược Vương Bồ Tát, Đắc Cần Tinh Tấn Lực Bồ Tát, Dũng Thí Bồ Tát đẳng, diệc linh thị bát vạn tứ thiên Bồ Tát đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội.

(經)爾時，妙音菩薩摩訶薩供養釋迦牟尼佛，及多寶佛塔已，還歸本土。所經諸國，六種震動，雨寶蓮華，作百千萬億種種伎樂。既到本國，與八萬四千菩薩圍繞，至淨華宿王智佛所，白佛言：「世尊！我到娑婆世界饒益眾生，見釋迦牟尼佛，及見多寶佛塔，禮拜，供養。又見文殊師利法王子菩薩，及見藥王菩薩、得勤精進力菩薩、勇施菩薩等，亦令是八萬四千菩薩得現一切色身三昧」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật và tháp của Đa Bảo Phật xong, trở về cõi mình. Các nước Ngài đi qua đều sáu thứ chấn động, mưa hoa sen báu, tấu trăm ngàn vạn ức các thứ kỹ nhạc. Đã đến nước mình, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ Tát vây quanh, đến chỗ Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con đến thế giới Sa Bà lợi ích chúng sanh, gặp Thích Ca Mâu Ni Phật và thấy tháp của Đa Bảo Phật, lễ bái, cúng dường. Lại thấy Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát, và thấy Dược Vương Bồ Tát (Bhaiṣajyarāja), Đắc Cần Tinh Tấn Lực Bồ Tát (Vīrya-balavegaprāpta), Dũng Thí Bồ Tát (Pradānāsūra) v.v... Cũng khiến cho tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội).

24.6. Nghe phẩm này đạo tăng tấn

*(Kinh) Thuyết thị Diệu Âm Bồ Tát lai vãng phẩm thời, tứ vạn nhị thiên tử đắc Vô Sanh Pháp Nhân, Hoa Đức Bồ Tát đắc Pháp Hoa tam-muội.*

**(經)說是妙音菩薩來往品時，四萬二千天子得無生法忍，華德菩薩得法華三昧。**

*(Kinh: Khi nói phẩm Diệu Âm Bồ Tát đến đi này, bốn vạn hai ngàn thiên tử đắc Vô Sanh Pháp Nhân, Hoa Đức Bồ Tát đắc Pháp Hoa tam-muội).*

Đắc Vô Sanh Nhân là khai Phật tri kiến. Đắc Pháp Hoa tam-muội là tăng tấn trí huệ, tôn giảm phiền cấu sanh tử. Ngài Hoa Đức chính là bậc đương cơ, cho nên đạt được lợi ích sâu gấp bội. Các thiên tử trước đó các căn đã tịnh, nay ngộ viên nhân (cái nhân viên mãn). Vì thế biết Chánh Thuyết và Lưu Thông, phần nào cũng đều có người do chủng tử thuần thực mà đạt được lợi ích giải thoát, công dụng chẳng khác nhau.

Giải thích phẩm Diệu Âm đã xong. Kế đó, giải thích phẩm Phổ Môn.

## **25. Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm Đệ Nhị Thập Ngũ**

### **觀世音菩薩普門品第二十五**

*Phẩm thứ hai mươi lăm: Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn*

“*Quán*” là năng quán trí (cái trí có thể quán), tức là nhất tâm tam trí. Thế Âm chính là cảnh được quán, tức căn cơ trong mười pháp giới. Cảnh và trí cùng được nêu lên, cảm và ứng được gộp chung lại để nêu ra. Vì thế, gọi là Quán Thế Âm. Từ ngữ Bồ Tát thì đã giải thích ý nghĩa trong phần trước. “*Phổ*” là trọn khắp. “*Môn*” có nghĩa là “*có thể thông suốt*”. Dùng một Thật Tướng có thể mở ra thành mười môn Phổ (trọn khắp), chẳng bị chướng ngăn gì! Vì thế gọi là Phổ Môn.

#### **25.1. Giải thích danh xưng của phẩm này**

Phần giải thích được chia thành hai đoạn: Một là Thông, hai là Biệt. Phần Thông Thích lại được chia làm bốn mục:

- Một, liệt kê danh xưng [của các khoa mục để thảo luận].



## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

- Hai, thứ tự [của các khoa mục ấy].
- Ba, giải thích [nội dung của các khoa mục ấy].
- Bốn, liệt kê.

### **25.1.1. Thông Thích** (*phân giải thích chung*)

#### **25.1.1.1. Liệt kê danh xưng**

Một là Nhân Pháp, hai là từ bi, ba là phước huệ, bốn là chân ứng, năm là được châu<sup>111</sup>, sáu là minh hiển (âm thầm hay hiển lộ), bảy là Quyền Thật, tám là Bồn Tích, chín là duyên liễu (duyên nhân và liễu nhân), mười là trí đoạn (Trí Đức và Đoạn Đức).

#### **25.1.1.2. Thứ tự**

Lại có hai ý:

- Một, xét theo Quán để giảng về thứ tự.
- Hai, xét theo Giáo để giảng về thứ tự.

#### **25.1.1.2.1. Xét theo Quán để nói về thứ tự**

Xét theo Quán, muốn nói về quán hạnh, ắt phải có người [thực hiện quán hạnh ấy]. Người ắt phải nắm giữ pháp. Vì thế, [nhân và pháp được] đặt đầu tiên. Kế đến là từ bi. Ấy là vì Quán Âm là người, quán pháp Thật Tướng Phổ Môn, thấu đạt lý Thật Tướng “*chẳng phải người, chẳng phải pháp*”, biết rõ hết thấy chúng sanh cũng đều giống như thế. Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Tâm, Phật, cập chúng sanh. Thị tam vô sai biệt*” (Tâm, Phật và chúng sanh. Ba thứ ấy chẳng sai khác). Lý ấy trọn đủ, chẳng có khuyết giảm, có sao chúng sanh có đủ lý mà lại mê nơi tình, [để rồi] điên đảo, khổ não? Đã quán như thế rồi, liền dấy lên thệ nguyện từ bi “*đẹp khổ, ban vui*”.

Kế đó là Phước Huệ: Trước hết, Nhân và Pháp thành tựu lẫn nhau. Đây là dựa theo Tín. Kế đó, từ bi đẹp khổ, ban vui. Đây là nói về Nguyện. Muốn thỏa mãn nguyện ấy, ắt phải tu hành. Tu hành chẳng ra ngoài phước và huệ. Huệ tức Bát Nhã. Phước tức năm độ (Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục...) giúp đỡ, hướng dẫn lẫn nhau. Do hành thuận theo nguyện, Lý Sự trọn vẹn, sẽ có thể đẹp khổ, ban vui.

---

<sup>111</sup> Được là được thụ vương, Châu là Như Ý Châu. Đây là khoa mục dùng thí dụ để luận định tác dụng của pháp môn.

Kế đó là Chân Ứng: Phước huệ trọn đủ, khế hợp pháp tánh, pháp tánh tức Thật Tướng, thì gọi là Pháp Thân. Pháp Thân đã hiển, từ Chân (chân thân) bèn khởi Ứng (ứng thân).

Kế đó là Dược Châu: Chứng đắc Chân Ứng, đều có thể lợi ích chúng sanh: Phá bệnh Tam Hoặc như cây thuốc chúa (dược thụ vương); có thể tuôn ra báu Tam Đế như Như Ý Châu vương.

Kế đó là Minh Hiển: Chúng sanh cơ cảm, [Bồ Tát] dùng hai thân (Thắng Ứng Thân và Liệt Ứng Thân) để ứng, hoặc Minh (冥, ngấm ngấm, âm thầm) hoặc Hiển (顯, rõ rệt), [chúng sanh] đạt được lợi ích khác nhau.

Kế đó là Quyền Thật: Đạt được lợi ích khác nhau, đều do hai trí lực (Quyền Trí và Thật Trí), nhưng chẳng hề không hợp lẽ.

Kế đó là Bồn Tích: Tuy khéo dùng hai trí (Quyền Trí và Thật Trí) để lợi ích hết thảy, nhưng có hơn, kém khác nhau. Ấy là vì Bồn Tích [gồm có các trường hợp sau]:

- Bồn và Tích đều cao.
- Hoặc Bồn cao Tích thấp, hai trí ắt đều ưu việt.
- Nếu Bồn thấp, Tích cao, hoặc Bồn lẫn Tích đều thấp, hai trí sẽ đều thấp.

Kế đó là Duyên Liễu: Trong phần trên đã nói hành nhân phát tâm tu hành, từ nhân mà đạt được cái quả, giáo hóa người khác, lợi lạc chúng sanh, [công hạnh] sâu hay cạn khác nhau. Từ Nhân Pháp cho tới Chân Ứng, chính là thứ tự trong tự hành. Từ Dược Châu cho tới Bồn Tích, chính là thứ tự trong sự giáo hóa người khác. [Phán định thứ tự như thế] đều là luận định theo chiều thuận, chưa phải là tìm đến căn bản. Nay xét theo chủng tử trong Tánh Đức, nếu là người quán trí, bi tâm thệ nguyện, trí huệ trang nghiêm, hiển xuất chân thân, sẽ đều là liễu nhân làm chủng tử. Nếu là pháp Phổ Môn thì từ tâm thệ nguyện, phước đức trang nghiêm, hiển xuất Ứng Thân, sẽ đều là duyên nhân làm chủng tử.

Kế đó là Trí Đoạn: Lại bàn đến căn nguyên thì chính là luận theo chiều thuận đến rốt ráo, [sẽ thấy]: Khởi đầu là dấy lên liễu nhân của chính mình, kết thúc bằng Bồ Đề đại trí. Khởi đầu bằng dấy lên duyên nhân của chính mình, kết thúc bằng Niết Bàn đoạn đức.

#### **25.1.1.2.2. Xét theo Giáo để luận định thứ tự**

Lại có Thông và Biệt.

### **25.1.1.2.2.1. Thông luận về Giáo**

Thông là năm thời bốn giáo, đối với mỗi điều, đều có thể luận định mười [khoa ý nghĩa trên đây, tức là từ Nhân Pháp, Phước Huệ, cho đến Trí Đạo], thuận theo pháp nghĩa mà lập, chẳng thể thấu hiểu cùng tột sâu thăm được.

Lại như đối với mười cặp [ý nghĩa trên đây] trong Tam Tạng: Dựa theo Ngũ Âm mà gọi là Nhân Đế (tức Nhân trong Nhân Pháp), dựa theo các Độ (Ba La Mật) mà gọi là Pháp. Pháp duyên của Thanh Văn và sanh duyên của Bồ Tát được gọi là Từ Bi. Tam Học của Thanh Văn và Lục Độ của Bồ Tát được gọi là Phước Huệ. Ngũ phần Pháp Thân (Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến) là Chân, tác ý thần thông (khởi lên ý niệm để thực hiện thần thông) là Ứng. Trị bệnh Tứ Trụ là Dược, tuôn mưa báu tam thừa là Châu. Thấy nghe được lợi ích là Hiển. Chẳng thấy, chẳng nghe là Minh (ngắm ngầm). Tương xứng với Chân là Thật, thuận theo tình kiến là Quyền. Tự chứng là Bản, thị hiện là Tích. Một câu một kệ là Liễu Nhân. Điều thiện nhỏ nhất nơi tam nghiệp là Duyên Nhân. Tận vô sanh trí là Trí. Hữu dư, vô dư là Đạo. Thanh Văn chứng dần dần, Bồ Tát đốn thành (thành tựu ngay lập tức). Tam Tạng còn có đủ [mười pháp ấy], thì Thông Giáo và Biệt Giáo có thể biết, chẳng phiền phải rườm rà!

### **25.1.1.2.2.2. Biệt luận về Giáo**

Biệt thì trải qua ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) để nói rõ nhiều hay ít khác nhau:

- Như Đốn giáo thuộc vị sữa, có giáo pháp tên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Đại Phương Quảng là Pháp, Phật chính là Nhân (người). Người ấy nắm giữ pháp, ắt đủ từ bi. Nhân hoa chính là phước huệ nhị nghiêm (hai thứ phước và huệ trang nghiêm). Trang nghiêm quả đức chính là Chân Ứng. Đã có thể lợi lạc chúng sanh, ắt biện định Dược Châu. Chúng sanh đạt được lợi ích, ắt có Minh Hiển (rõ rệt hay ngắm ngầm), nhưng Quyền Thật, Bản Tích, Duyên Liễu, Trí Đạo, luận định chung thì có, luận định riêng thì không. Vì sao vậy? Một thời giáo hóa chúng sanh của đức Phật, được thể hiện bằng Đốn và Tiệm. Nay Hoa Nghiêm là đốn thuyết, Tiệm Giáo chưa được nêu bày. Vì thế, chẳng nói rõ bốn ý (tức chẳng nói rõ bốn ý nghĩa Quyền Thật, Bản Tích,

Duyên Liễu, và Trí Đoạn). [Bối lễ], Tiểu cách biệt Đại, như điếc, như câm, còn bị che lấp bởi Quyền, chưa hiển lộ Thật. Vì thế, chẳng có Quyền và Thật.

Chưa nêu bày sanh thân trong cung vua [Tịnh Phạm] là Tích, chưa chỉ bày Pháp Thân nơi Tịch Diệt Đạo Tràng là Tích, chưa hiển lộ Bản đã thành Phật từ thuở lâu xa. Do đó, chẳng có Bản Tích. Chẳng nói Tiểu Thừa vốn có cái nhân “duyên nhân” và “liễu nhân” nơi Tánh Đức, sẽ nhất quyết đạt được cái quả Trí Đoạn vốn sẵn có. Vì thế, chẳng có hai ý sau.

- Tiếp đó, Tam Tạng giáo thuộc vị lạc, chỉ nói ba nghĩa Nhân Pháp, Từ Bi và Phước Huệ, chẳng có bảy nghĩa như Chân Ứng v.v... Vì sao vậy? Hối thân diệt trí (sau khi đã chứng Hữu Dur Niết Bàn bèn nát thân như tro tàn lửa tắt, trí trụ vào Diệt Tận Định), sao có thể từ Chân khởi Ứng cho được? Đã chẳng có Chân Ứng, dùng gì để lợi ích chúng sanh? Lại còn xét theo Chân Đế, luận định chung thì có mười [khoa như Nhân Pháp, Từ Bi, Phước Huệ v.v...], nhưng Bồ Tát chế phục Hoặc trong ba A-tăng-kỳ kiếp, cũng chẳng thể luận định Chân Ứng v.v... được!

- Kế đó, giáo pháp Phương Đẳng thuộc vị sanh tô, đối với Tiểu mà nói Đại, đạt được từ Nhân Pháp thuộc Đại Thừa Trung Đạo cho đến hai món lợi ích Minh và Hiển, nhưng vẫn còn vướng mắc nơi phương tiện điều phục, thuận thực chúng sanh. Vì thế, chẳng thể nói bốn ý như Quyền Thật, [Bản Tích, Trí Đoạn] v.v...

- Kế đó là giáo pháp Bát Nhã thuộc vị thực tô, tuy đã hiểu pháp Tiểu Thừa đều là Ma Ha Diễn (Đại Thừa), vẫn chưa lãnh hội người Tiểu Thừa cũng kèm theo phương tiện. Do vậy, cũng chỉ có sáu nghĩa, vì chưa nói rõ bốn ý Quyền Thật v.v...

- Nay giáo pháp Pháp Hoa thuộc vị đề hồ, thấu hiểu hàng Tiểu Thừa “*ngươi thật sự là con ta, ta thật sự là cha ngươi. Những điều ngươi hành đều là Bồ Tát đạo, khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bản*”, liễu nghĩa quyết định, chẳng còn nghi nan, đạt được tám ý từ Nhân Pháp thuộc về Trung Đạo cho đến Bản Tích v.v... Đại sự nhân duyên điều phục, thuận thực chúng sanh của chư Phật trong ba đời viên mãn rớt ráo đều trọn đủ trong kinh này. Vì thế, hai vị Nhật Nguyệt Đẳng Minh Phật chỉ nói Pháp Hoa rồi liền chấm dứt sự giáo hóa. Ca Diếp Như Lai cũng giống như thế. Còn như [Phật Thích Ca dạy] giáo pháp Niết Bàn là vì hàng đệ tử độn căn chưa thể ngộ nhập kinh Pháp Hoa, cho nên lại phải bàn luận nguyên do, nói rộng về duyên nhân và

liễu nhân, nhằm nêu rõ ba Phật tánh (chánh nhân Phật tánh, duyên nhân Phật tánh, liễu nhân Phật tánh). Liễu nhân chủng tử trong Tánh Đức hể tu được, sẽ trở thành ba thứ Bát Nhã Trí Đức Bồ Đề. Duyên nhân chủng tử trong Tánh Đức hể tu được, sẽ trở thành ba thứ Giải Thoát Đoạn Đức Niết Bàn.

Tánh Đức chẳng phải là duyên nhân, chẳng phải liễu nhân, mà chính là chánh nhân. Hể tu thành tựu, sẽ là Pháp Thân ba điểm chẳng dục, chẳng ngang<sup>112</sup>. Vì thế biết: Điều được minh thị trong kinh Niết Bàn chính là nói: “*Khởi đầu là tám pháp, rốt cuộc thành tựu Trí Đoạn, trọn đủ mười nghĩa*”. Đã trải khắp ngũ vị đề định luận thứ tự của mười pháp, thì sẽ hiểu: Xét theo bốn giáo, [đáng nên luận định như thế nào].

Lại nữa, sáu ý (Nhân Pháp, Từ Bi, Phước Huệ v.v...) của thời Hoa Nghiêm đối với người lợi căn sẽ thành đề hồ, đối với kẻ độn căn sẽ thành sữa. Đối với ba ý trong Tam Tạng (Nhân Pháp, Từ Bi, và Phước Huệ), người lợi căn ngậm trừ bỏ, cũng trở thành đề hồ, nhưng đối với người độn căn sẽ thành lạc. Sáu ý nghĩa của thời Phương Đẳng, đối với người lợi căn sẽ thành đề hồ, đối với kẻ độn căn sẽ thành sanh tô. Sáu ý của Bát Nhã đối với người lợi nhân sẽ trở thành đề hồ, đối với người độn căn sẽ trở thành thực tô. Tám ý của Pháp Hoa đối với người độn căn cũng thành đề hồ.

Phần thứ ba, “[luận định về] thứ tự” đã xong.

### **25.1.1.3. Giải thích**

#### **25.1.1.3.1. Giải thích Nhân Pháp**

Trước hết, giải thích Nhân Pháp. Nhân chính là giả danh chúng sanh, Pháp chính là Ngũ Âm Thật pháp. Pháp là “cái có thể thành” (năng thành), Nhân là “điều được thành” (sở thành). Nhân Pháp ấy chung cho phàm lẫn thánh. Như Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức chính là pháp thế gian; do nắm nứu các pháp ấy mà trở thành phàm nhân sanh tử! Như Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến là pháp xuất thế, nắm giữ các pháp ấy, sẽ trở thành thánh nhân xuất thế. Vì thế, Đại Luận nói: “*Vô thượng đối với chúng sanh là Phật. Vô thượng đối với pháp là Niết*

---

<sup>112</sup> Đây là một thí dụ trong kinh Đại Bát Niết Bàn, ví như chữ Y trong tiếng Phạn do ba chấm hợp thành. Tánh Đức bao gồm Tam Đức ví như ba chấm hợp thành, ba chấm ấy bình đẳng, chẳng thể tách lìa, cho nên ở đây nói: “*Pháp Thân ba điểm, chẳng ngang, chẳng dục*”.

Bàn”. Nhưng tuy chung cho phạm lẩn thánh, chẳng phải là không sai biệt. Thượng, trung, hạ ác chính là Nhân Pháp để thành tựu tam đồ. Thượng, trung, hạ thiện chính là Nhân Pháp để thành tựu ba thiện đạo. Do đó, có sáu đường sai khác. Nếu luận định cặn kẽ hơn, sẽ là trăm ngàn vạn phẩm.

Nhân Pháp xuất thế cũng lại bất đồng! Như Hữu Môn của Tam Tạng quán ngã nhân của chúng sanh như “*lông rùa, sừng hổ*”, rất ráo chẳng thể được, chỉ có pháp Ngũ Âm. Đó chính là “*nhân không, pháp chẳng không*”. Quán chắc chắn pháp vô thường sanh diệt ấy, có thể chế phục Kiến Ái (Kiến Tư Hoặc), phát sanh các điều thiện Ngũ Âm hữu lậu thuộc các địa vị Noãn, Đảnh v.v... tức là nắm vững pháp phương tiện ấy để thành bậc hiền nhân tự đạo (tương tự đắc đạo). Nếu phát khởi Giới, Định, Huệ v.v... vô lậu chân thật, tức là nắm giữ pháp vô lậu ấy để thành bậc thánh nhân Tứ Quả. Nếu chẳng nghe Thật giáo của Pháp Hoa, tùy ý nương vào Hữu Dur để diệt rồi hôi thân diệt trí, cứ tự cho là “*đã nhập Vô Dur Niết Bàn, Nhân lẩn Pháp đều tịch*”. Thật ra, [kẻ đó] sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dur ở ngoài tam giới. Do nắm giữ pháp Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức thuộc pháp tánh, trở thành người giả danh trong cõi ấy.

Không Môn quán Ngũ Âm hòa hợp, giả gọi là “*người*”. Ba thứ hư giả đều hư huyền, hời hợt, sẽ nhập vào Không, phát sanh [các địa vị] Noãn, Đảnh v.v... như đã nói trong phần trước. Hai môn kia (tức Phi Hữu Phi Không và Diệc Hữu Diệc Không) cũng như thế. Nếu là người hiểu rõ Nhân Pháp trong Ma Ha Diễn thì cũng chẳng nói “*nhân không, pháp bất không*”, cũng chẳng nói “*nắm giữ cái Thể của Thật pháp để trở thành tác dụng của giả nhân*”, chỉ quán tánh của các pháp Âm, Giới, Nhập và giả danh nhân vốn tự Không. Do chẳng diệt nên là Không. Vì thế, Đại Phẩm nói: “*Sắc tánh như ngã tánh, ngã tánh như sắc tánh. Khởi đầu từ sơ tâm, kết thúc nơi hậu tâm, thường quán Nhân và Pháp đều là Không*”. Điều này lại chia thành ba ý:

- Một, chỉ quán Nhị Không (Nhân Không và Pháp Không), phát sanh tương tự giải, tức là nắm lấy pháp thiện hữu lậu như huyền, trở thành người như huyền nơi Tánh địa. Kế đó, phát sanh chân giải, đoạn Kiến Tư Hoặc, tức là nắm lấy các pháp vô lậu giới như huyền v.v... trở thành người như huyền nơi Kiến địa; nhưng do căn độn, chỉ thấy Không, chẳng thấy Bất Không, vẫn giống như “*hôi đoạn*” trong Tam Tạng, chẳng nhận biết là đang sống trong cõi Phương Tiện Hữu Dur, nắm giữ pháp của cõi ấy, trở thành người trong cõi ấy. Nếu là kẻ lợi căn, đã phát

khởi Chân, sẽ không chỉ thấy Không, mà còn thấy Bất Không, biết rõ hai tánh Nhân và Pháp chẳng thể đoạn diệt; tiến nhập Biệt Giáo và Viên Giáo.

- Hai, biết rõ sanh tử Nhân Pháp và xuất thế Nhân Pháp, gọi là Nhi Biên, nhưng Thật Tướng pháp tánh chẳng phải là Nhân, chẳng phải là Pháp, chẳng phải là thế gian, chẳng phải là xuất thế gian. Thế của nó thường trụ. Vì muốn chứng cái Thế của Thật Tướng ấy, trước hết, hãy quán sanh tử Nhân Pháp vốn là Không, đoạn Kiến Tư Hoặc, dựa vào phương tiện Ngũ Âm, trở thành người giả danh nơi Thập Trụ. Kế đó, quán xuất thế Nhân Pháp vốn là Không, chẳng trụ vào xuất thế vô lậu đạo, đoạn Trần Sa Hoặc, dựa vào phương tiện Ngũ Âm, thành tựu người giả danh trong Thập Hạnh. Kế đó, quán nhị biên Nhân Pháp đều là Không, chẳng trụ vào nhị biên, chế phục Vô Minh Hoặc, liền dựa vào phương tiện Ngũ Âm, thành người giả danh thuộc Thập Hồi Hướng. Kế đó, phát khởi Trung Đạo chân minh, phá Vô Minh Hoặc, liền dựa vào pháp Ngũ Âm thường trụ trong cõi Thật Báo, trở thành người giả danh thường trụ thuộc Thập Địa Bồ Tát.

- Ba, biết rõ sanh tử Nhân Pháp và xuất thế Nhân Pháp, mỗi đấng không gì chẳng phải là Chân Như Thật Tướng. Vì thế, Đại Luận nói: *“Bồ Tát thường quán Niết Bàn hành đạo”*. Do quán Nhân Không chính là liễu nhân chủng tử, cho nên Đại Luận nói: *“Vô thượng đối với chúng sanh là Phật”*. Phật chính là Giác, Giác là trí huệ. Đã giác Nhân Không, cũng giác Pháp Không. Vì thế, biết quán Nhân Không chính là liễu nhân chủng tử, quán Pháp Không chính là duyên nhân chủng tử. Do đó, Đại Luận nói: *“Vô thượng trong các pháp là Niết Bàn”*. Đó chính là vì sanh tử âm đã đoạn, Niết Bàn âm bèn dậy lên. Như nước đông thành băng, băng lại tan thành nước. Đại Kinh dạy: *“Nhân diệt thị sắc, hoạch đắc thường Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức, diệc phục như thị”* (Do diệt Sắc ấy mà đạt được Sắc thường hằng. Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng lại giống như thế). Kinh Đại Phẩm nói: *“Bồ Tát hành Bát Nhã thời, đắc vô đẳng đẳng Sắc, đắc vô đẳng đẳng Thọ, Tướng, Hành, Thức”* (Bồ Tát khi hành Bát Nhã, đạt được Sắc chẳng thể sánh bằng, đạt được Thọ, Tướng, Hành, Thức chẳng thể sánh bằng). Hãy nên biết Niết Bàn là pháp vô thượng. Dựa theo pháp ấy để thành tựu vô thượng chúng sanh, bèn được gọi là Phật. Vì thế, biết quán pháp Không là duyên nhân chủng (chủng tử của duyên nhân). Do quán Nhân Pháp là Không, liền biết ba loại Phật tánh. Vì thế, Đại Kinh dạy: *“Chúng sanh, Phật tánh, bất tức lục pháp, bất ly lục pháp”* (Chúng sanh và Phật tánh chẳng phải chính là sáu pháp,

mà cũng chẳng lìa sáu pháp). “*Bất tức*” là nói chánh nhân Phật tánh chẳng phải Âm, chẳng phải Ngã. Do chẳng phải là Âm, cho nên chẳng phải là Pháp. Do chẳng phải là ngã, cho nên chẳng phải là Nhân. Do chẳng phải là Nhân, cho nên chẳng phải là Liễu. Do chẳng phải là Pháp, cho nên chẳng phải là Duyên. Vì thế nói: “*Bất tức lục pháp*” (Chẳng phải chính là sáu pháp). “*Bất ly lục pháp*” (Chẳng lìa sáu pháp): Chẳng lìa chúng sanh Không mà có liễu nhân. Chẳng lìa Ngũ Âm Không mà có duyên nhân. Vì thế nói “*bất ly lục pháp*” (chẳng lìa sáu pháp). Từ sơ phát tâm, Phật quán Nhân và Pháp đều là Không, tu ba Phật tánh (chánh nhân Phật tánh, liễu nhân Phật tánh, duyên nhân Phật tánh), trải qua các địa vị thuộc Lục Tức, thành tựu Lục Tức Nhân Pháp.

Nay Quán Thế Âm Phổ Môn chưa phải là Nhân Pháp rốt ráo, mà là phần chứng Nhân Pháp. Một phen vấn đáp đầu tiên [trong phẩm Phổ Môn này] nhằm giải thích một phần “*nhân vô thượng thì được gọi là Quán Thế Âm*”. Lược vấn đáp sau đó (tức phần hỏi về các phương tiện du hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát), nhằm phần nào giải thích “*nắm giữ pháp vô thượng thì gọi là Phổ Môn*”. Hãy nên biết nhân duyên của Nhân Pháp, cho nên gọi là phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn.

### **25.1.1.3.2. Giải thích theo Từ Bi**

Bi được gọi là “thương xót”, Từ là ái niệm (do yêu mến bèn nghĩ tưởng). Do thương xót nên đẹp khổ; do nghĩ nhớ nên ban vui. Nhưng chỉ khởi từ bi, tâm chẳng bền vững, cần phải phát hoằng thệ để gia trì cho kiên cố. Ví như thợ thuyền tạo vật, tuy các khớp mộng tương ứng, nhưng nếu chẳng gắn keo, trét sơn, sẽ có thể bị rơi rớt. Thệ nguyện như keo, khiến cho cái tâm chẳng lui sụt. Bi tâm thương xót, đẹp các khổ quả tập nhân trong thế gian, hưng khởi hai thệ nguyện, tức là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Từ tâm ái niệm, muốn ban cho sự vui sướng “*đạo nhân diệt quả*” (Đạo là nhân, Diệt là quả) xuất thế, bèn hưng khởi hai thệ nguyện, tức là “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Chỉ là đối với Nhân Pháp trong phần trước, đã nói rõ “*phàm thánh bất đồng*”.

Nay biên định Từ Bi, Đại Thừa và Tiểu Thừa cũng khác. Như hành nhân phụng sự Lục Độ trong Tam Tạng, quán tám nỗi khổ thuộc Phần Đoạn sanh tử, thệ độ vô biên chúng sanh. Quán Kiến Tư điên đảo kết nghiệp, thệ đoạn vô tận phiền não. Quán nhân quả ấy vô thường sanh diệt, lưu chuyển trong mỗi niệm, bèn tu đối trị, thệ học vô lượng pháp



môn. Quán lý vô vi nơi Chân Đế, thề thành Phật đạo vô thượng. Từ bi như thế, tức là duyên theo hữu tác Tứ Đế mà khởi.

Nếu là hành nhân Thông Giáo, do quán tám nỗi khổ sanh tử như huyễn, như hóa, [thế mà] chúng sanh điên đảo, ngỡ là chân thật, [do vậy, hành nhân Thông Giáo] liền khởi thệ nguyện: “*Độ chúng sanh như huyễn*”. Tham, sân, si v.v... như huyễn, như hóa, nhưng chúng sanh điên đảo, bèn “hứng chịu khổ não”, [do vậy, hành nhân Thông Giáo] liền dấy lên thệ nguyện: “*Đoạn Hoặc như huyễn*”. Quán Sắc chính là Không vì nó như huyễn, cho đến “Thức chính là Không”, tức “tham, sân, si v.v... chính là Không vì như huyễn”. Do chẳng diệt nên là Không. Tánh vốn tự Không, Không cũng chẳng thể được, nhưng chúng sanh chẳng thể biết rõ “chính là Không”, [cho nên hành nhân trong Thông Giáo] liền khởi thệ nguyện “*học pháp môn như huyễn*”. Lại quán Niết Bàn, nếu có một pháp vượt khỏi Niết Bàn, ta cũng nói là “như huyễn hóa”. Nhưng chúng sanh cho rằng “*có Phật đạo để có thể cầu*”, khởi ý tưởng so đo, chấp trước đối với Phật, [vì thế, hành nhân Thông Giáo] liền khởi thệ nguyện: “*Thành như huyễn giác, giác như huyễn chúng*”. Từ bi như thế chính là duyên theo Vô Sanh Tứ Đế mà dấy khởi.

Nếu là hành nhân của Biệt Giáo, quán các pháp sanh bởi nhân duyên, giả gọi là “*vô lượng*”. Mười pháp giới sâm la<sup>113</sup>, hãy nên phân biệt nhằm hướng dẫn, lợi ích chúng sanh, há nên chìm đắm trong Không, chấp vào sự chứng đắc! Quán khổ quả ấy, không phải chỉ là một thứ. Phần Đoạn và Biến Dịch đều gọi là Khổ, liền dấy lên thệ nguyện: “*Độ vô lượng nỗi khổ của chúng sanh trong chín pháp giới*”. Do vô lượng Tập, tức là Nhị Hoặc (Kiến Hoặc và Tư Hoặc), Ngũ Trụ, mênh mông như cát bụi, liền khởi thệ nguyện: “*Độ các món Tập trong chín pháp giới*”. Tập đã là vô lượng thì cách đối trị cũng vô lượng. Đó gọi là pháp môn Tam Chỉ Tam Quán, tức là khởi thệ nguyện “*học trọn khắp, hành trọn khắp*”. Đối trị đã vô lượng, Diệt cũng vô lượng; đó gọi là “*bốn loại Niết Bàn*”. Đối với sáu loại vô vi<sup>114</sup>, liền dấy lên thệ nguyện: “*Khiến cho*

---

<sup>113</sup> Sâm la (森羅), đôi khi bị đọc trại thành “*sum la*”, theo nghĩa đen là “la liệt, chi chít như cây cối trong rừng rậm”, hiểu theo nghĩa rộng là “đủ mọi thứ, đủ các chủng loại, chẳng thể kể xiết”.

<sup>114</sup> Đây là sáu loại vô vi theo Bách Pháp Minh Môn Luận. Chúng vốn là một pháp, do chỉ dựa theo đối tượng được duyên bởi pháp tánh mà chia thành sáu thứ phân biệt:

- Hư không vô vi: Chân Như lìa khỏi các phiền não và sở tri chướng, hiển hiện chẳng chướng ngại, giống hệt như hư không.

*người khác cùng chứng*”. Từ bi như thế, chính là duyên theo Vô Lượng Tứ Đế mà đầy khởi!

Nếu là hành nhân Viên Giáo, sẽ quán Chân Như Thật Tướng của hết thấy các pháp, viên dung pháp giới, chẳng trái nghịch, chẳng thuận theo, chẳng phải sáng, chẳng phải tối. Nhưng do vô minh tối tăm, cho nên trái nghịch. Hễ trái nghịch, sẽ có nhân quả Khổ Tập. Do trí huệ sáng suốt, cho nên thuận theo. Thuận theo thì sẽ có nhân quả Đạo Diệt. Duyên theo sự trái nghịch hay tùy thuận nhân quả ấy mà đầy lên hoằng thệ: Ví như nam châm chẳng suy tưởng, cứ tùy ý hút sắt. Từ bi cũng thế, do chẳng tưởng là chúng sanh, cho nên dùng pháp tướng, tùy ý dẹp khổ, ban vui. Vì thế, gọi là Vô Duyên Đại Từ Đại Bi. Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm đã tu lòng Vô Duyên Từ Bi này, trải qua các địa vị thuộc Lục Thức, gần với địa vị Cửu Cánh. Nay lần vấn đáp đầu tiên [trong phẩm này] nhằm nói rõ “*đại bi dẹp khổ*”. Nhất tâm xưng danh, liền được giải thoát. Lần vấn đáp sau đó chính là giải thích “*đại từ ban vui, hiện thân thuyết pháp, khiến cho [tất cả chúng sanh] đều đắc độ*”. Hãy nên biết: Do nhân duyên đại từ, đại bi, cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

### **25.1.1.3.3. Giải thích theo phước huệ**

Giải thích theo phước huệ, cũng gọi là định huệ. Diệu trí tịch chiếu, không chỗ tối tăm nào chẳng [soi thấu, khiến cho] sáng tỏ, như gương sáng đặt trong nhà cao. Phước đức, Thiền Định thuần hậu giúp nhau phát khởi, giống như đèn sáng, dầu sạch, cũng gọi là “*mục tức*”

---

- Trạch diệt vô vi: Do căn cứ trên việc đoạn chương mà đặt tên, tức lìa khỏi các trói buộc, lìa khỏi hết thấy trói buộc hữu lậu, hiển hiện chân lý.

- Phi trạch diệt vô vi: Tự tánh của Chân Như vốn sẵn thanh tịnh, lìa các tạp nhiễm, chẳng do sức chọn lựa của trí vô lậu mà thành, cho nên gọi là Phi Trạch Diệt Vô Vi.

- Bất động vô vi: Chính là sự vô vi được hiển hiện bởi đệ tứ Tịnh Lự. Môn Đệ Tứ Tịnh Lự (Tứ Thiên) chỉ có Xả Thọ, lìa khỏi hai thứ Khổ Thọ và Lạc Thọ, cho nên gọi là Bất Động. Đối với diệt khổ lạc thọ, hiển hiện chân lý tịch tĩnh, cho nên gọi là Bất Động Vô Vi.

- Tướng Thọ Diệt Vô Vi: Hiển hiện sự vô vi trong Diệt Tận Định. Trong Diệt Tận Định, diệt sạch các tâm tướng thuộc lục thức, Khổ Thọ, và Lạc Thọ, cho nên gọi là Tướng Thọ Diệt Vô Vi.

- Chân Như Vô Vi: Vô vi chân thật, thường hằng, chẳng hư vọng, biến đổi, cho nên gọi là Chân Như Vô Vi.

Trong sáu món trên, năm món đầu là giả danh của tướng pháp tánh, món thứ sáu là giả danh của Thể pháp tánh.

(mắt và chân). Mắt và chân đều đầy đủ, vào trong ao thanh lương. Ao chính là Niết Bàn. Niết Bàn được gọi là “hai thứ trang nghiêm, trang nghiêm Pháp Thân”. Giải thích Định Huệ thì cũng có nhiều thứ:

- Tam Tạng coi quán lý vô thường là huệ, coi quán luyện huân tu các thứ Sự Thiên (Thiên theo sự tướng) là phước. Dùng Định để giúp Huệ, phát khởi vô lậu chân thật, chứng chân lý tự nhiên, gọi là Pháp Thân.

- Thông Giáo chỉ coi Thử Pháp (thấu hiểu pháp) khác với Tích Pháp (lãnh hội pháp bằng cách phân tích, chia chẻ), những điều khác giống như Tam Tạng.

- Biệt Giáo thì nương vào tu tập trí huệ và các môn Thiên Định để giúp khai hiển Pháp Thân Trung Đạo.

- Viên Giáo coi Thật Tướng quán trí là huệ, Thật Tướng tịch định là phước, cùng hiển lộ lý “chẳng phải Định, chẳng phải Huệ” thì gọi là Thật Tướng Pháp Thân. Bồ Tát từ sơ phát tâm, tu môn Định Huệ bất nhị này, trải qua các địa vị thuộc Lục Tứ, gần với Cứu Cánh.

Nay phần vấn đáp trước [trong phẩm Phổ Môn chính là] trí quang chiếu sáng tối tăm, ứng theo căn cơ mà đẹp khổ. Đó chính là do huệ trang nghiêm mà đặt tên. Điều được vấn đáp trong phần sau chính là Thủ Lăng Nghiêm Định, hiện trọn khắp các sắc thân, tức là do phước trang nghiêm mà thành tên. Hãy nên biết: Do nhân duyên phước huệ, cho nên có tên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

#### **25.1.1.3.4. Giải thích theo Chân Ứng**

Chân là chẳng hư ngụy, chẳng lay động. Ứng là tương xứng, thích đáng với căn duyên. Nếu khế nhập lý “*Thật Tướng chẳng hư ngụy, bất động*”, sẽ có thể tương xứng, thích ứng với duyên mà ứng. Ví như cầm gương, hễ hình sắc đối trước nó, gương sẽ hiện bóng. Chân và Ứng ấy chẳng hề rời nhau. Như ngoại đạo tu hữu lậu thông (thần thông hữu lậu), tuy có thể biến hóa, nhưng ví như ngói, đá, chẳng hiện bóng sáng, chẳng thể gọi là Ứng. Do chưa phá tứ trụ, chưa hiển lộ Thiên Chân, há có Viên Chân của Trung Đạo? Như tác ý thần thông của Nhị Thừa, cũng chẳng gọi là Ứng. Ví như vẽ vờ, phải tác ý (dấy lên ý niệm suy tưởng) thì mới thành, trọn chẳng thể tương tự! Do chỉ chứng Thiên Chân, thoát khỏi tam giới, chẳng thấu đạt lý Trung Đạo bất động, cho nên chẳng phải là Viên Chân, sẽ do đâu mà khởi Ứng cho được?

Đại Thừa chẳng phải vậy! Đạt được Thật Tướng Chân, ví như có gương sáng, chẳng cần phải tác ý, hình tượng chân thật trong pháp giới hể đối [trước gương, gương] sẽ liền ứng (tức hiện bóng), giống như gương sao chụp hình tượng vậy, chẳng khác với [hình tượng] chân thật [ở ngoài gương]! Như thế thì mới là chân tịch thân ứng. Bồ Tát từ sơ phát tâm, trải qua các địa vị thuộc Lục Túc, gần với Cứu Cánh. Nay phần vấn đáp trước nói rõ “*chân tịch bất động*”, pháp giới đạt được lợi ích chính là từ chân thân mà có tên như thế. Phần vấn đáp sau đó nói rõ Bồ Tát tùy thuận căn cơ mà tạo lợi ích rộng lớn, xuất hiện hay biến mất nhiều cách. Đây là từ Ứng Thân mà đặt tên. Hãy nên biết: Do nhân duyên Chân Ứng, cho nên có tên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

### **25.1.1.3.5. Giải thích theo Dược Châu**

Cây thuốc chúa (dược thụ vương) chữa trị bệnh khổ, [điều này] trích từ kinh Nại Nữ<sup>115</sup>. Như Ý Châu vương có thể mưa các thứ báu, điều này được nói rộng khắp trong các kinh. Tam Tạng, Thông Giáo, Biệt Giáo cũng đều nói rõ chuyện chữa bệnh và tuôn các báu, nhưng chữa trị chẳng trọn khắp, tuôn mưa chẳng trọn khắp. Nay xét theo Viên Giáo để nói thì như kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Hữu thượng dược thụ, kỳ căn thâm nhập, chi diệp tứ bố. Căn, hành, chi, diệp, giai năng dĩ bệnh. Kiến, văn, khứu, xúc, vô bất đắc ích. Bồ Tát diệp nhĩ, đại bi huân thân, hình thanh lợi vật, danh đại dược vương thân. Hựu như Như Ý Châu vương, năng vũ đại thiên trân bảo, tùy ý vô tận. Bồ Tát diệp nhĩ, đại từ huân thân, dĩ chúng sanh lạc, danh Như Ý Châu vương thân*” (Có cây thuốc bậc thượng, rễ nó mọc sâu, cành lá tỏa ra bốn phía. Rễ, thân, cành, lá đều có thể chữa bệnh. Thấy, nghe, ngửi, chạm, không gì chẳng được lợi ích. Bồ Tát cũng thế, đại bi ướp thân, hình tượng và âm thanh đều lợi ích chúng sanh, gọi là thân đại dược vương. Lại như Như Ý Châu vương, có thể tuôn ra thứ báu trân quý khắp cõi đại thiên, tùy ý vô tận. Bồ Tát cũng thế, đại từ hun đúc thân, ban cho chúng sanh vui sướng, gọi là Như Ý Châu vương thân). Đây cũng chính là dựa theo Lục Túc để phán định địa vị.

---

<sup>115</sup> Nại Nữ Kinh có hai bản dịch: Một là Nại Nữ Kỳ Vực Nhân Duyên Kinh do ngài An Thế Cao dịch vào đời Hậu Hán, hai là Nại Nữ Kỳ Bà Kinh cũng do ngài An Thế Cao dịch. Hai bản kinh này nói về nhân duyên tin Phật và hộ trì Phật pháp của bà Nại Nữ và con bà là danh y Kỳ Bà.

Nay phần vấn đáp trước [nêu tỏ] “*cứu trọn khắp các thứ khổ nạn nguy ngập, u ám*”, từ thân được vương mà thành tên. Phần vấn đáp sau do xứng hợp, thích nghi với điều [chúng sanh] mong cầu, mưa pháp vũ to lớn, khiến cho họ đều được độ thoát, từ thân Như Ý Châu vương mà có tên. Hãy nên biết nhân duyên của hai thân (thân được vương và thân như ý châu), cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

### ***25.1.1.3.6. Giải thích theo hai thứ lợi ích Minh và Hiện***

“*Minh*” là ngấm ngấm, kín đáo. “*Hiện*” là hiển lộ. Bậc đại thánh luôn dùng hai thứ lợi ích để làm lợi, an trụ hết thảy, nhưng chúng sanh và những người thuộc các địa vị thấp hèn ngày hưởng dụng [các lợi ích ấy] mà chẳng biết. Ví như mặt trời, mặt trăng chiếu soi thế gian, kẻ mù tuy chẳng thấy, nhưng thật sự đội ân sâu. Thậm chí trong cùng một địa vị, nhưng hạ phẩm chẳng biết tác dụng do thần lực của thượng phẩm. Do chẳng biết, cho nên gọi là “*minh ích*” (lợi ích ngấm ngấm). Hơn nữa, lợi ích của bậc thánh nhân tuy chẳng thể biết, nhưng nếu thánh nhân muốn cho [chúng sanh] hay biết, dẫn cơn trùng v.v... cũng có thể biết được! Do khiến cho hay biết, nên gọi là “*hiển ích*”. Đây cũng là dựa theo Lục Túc để phán định địa vị. Nay trong phần vấn đáp đầu tiên, do chẳng thấy hình tượng, âm thanh, nhưng được [Bồ Tát] che chở, gia hộ sâu kín, đó chính là “*minh ích*” (lợi ích ngấm). Phần vấn đáp sau là do nhìn vào các thân đã biến hiện, nghe Ngài thuyết pháp, đó chính là “*hiển ích*” (lợi ích hiển nhiên). Hãy nên biết: Do nhân duyên ngấm ngấm hay hiển lộ, cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

### ***25.1.1.3.7. Giải thích theo Quyền Thật***

Bây, giải thích theo Quyền Thật. Quyền là tạm sử dụng. Thật thì chẳng phải là tạm sử dụng. Nói đại lược, Quyền Thật có ba thứ:

- Một, tự hành Quyền Thật. Trung Quán là Thật, hai môn Quán kia (Không Quán và Giả Quán) là Quyền.

- Hai, hóa tha Quyền Thật. Do người khác căn tánh bất đồng, hoặc nói Quyền là Thật, hoặc nói Thật là Quyền, chẳng thể phán định. Chỉ là xét theo ý người khác để nói là Quyền hay Thật đó thôi!

- Ba, tự hành và hóa tha cùng hợp lại để luận Quyền Thật. Tự hành có Quyền và Thật, đều gom thành Thật. Hóa tha cũng có Quyền và Thật, nhưng đều gộp chung thành Quyền.

Dùng ba ý này để trải khắp tứ giáo, lại xét theo tự hành Quyền Thật để phán định Lục Tức, như trong phần Huyền Nghĩa và phẩm Phương Tiện đã nói, có thể lãnh hội ý ấy. Nay phần vấn đáp trước tiên chính là xét theo tự và tha gộp chung lại để giảng về Thật Trí lợi ích chúng sanh. Phần vấn đáp sau gộp chung tự và tha để nói về Quyền Trí lợi ích chúng sanh. Hãy nên biết: Do nhân duyên Quyền Thật, cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

#### **25.1.1.3.8. Giải thích theo Bản Tích**

Bồn là thật sự đạt được, Tích là ứng hiện, đều có bốn câu: Bồn cao, Tích thấp; Bồn thấp, Tích cao v.v... Sự tương chằng phải là nhất loạt như nhau, cũng xét theo Lục Tức để phán định địa vị. Nay phần vấn đáp trước [nói rõ] chẳng thể thấy nghe, nhưng đạt được sự gia hộ ngấm ngấm. Đây là xét theo Bồn Địa mà thành tên. Phần vấn đáp sau đó, [Bồ Tát] ứng hiện các thân hình sai khác, thuyết pháp độ thoát [các chúng sanh]. Đây là từ Tích địa mà thành tên. Hãy nên biết: Do nhân duyên Bồn Tích, cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

#### **25.1.1.3.9. Giải thích theo duyên liễu**

Liễu là phát khởi hiển nhiên. Duyên là giúp đỡ, tức giúp đỡ cho Liễu, nhằm hiển lộ, phát khởi Pháp Thân. Liễu chính là Bát Nhã, còn gọi là Huệ Hạnh, còn gọi là Chánh Đạo, cũng gọi là “*trí huệ trang nghiêm*”. Duyên chính là Giải Thoát, cũng gọi là Hành Hạnh, cũng gọi là Trợ Đạo, cũng gọi là “*phước đức trang nghiêm*”. Đại Luận nói: “*Một đàng có thể cày, một đàng có thể gieo. Gieo ví như duyên nhân, cày ví như liễu nhân*”. Luận định chung thì bốn giáo đều có hai nghĩa duyên và liễu. Nay nói thẳng vào cái nhân “*hai thứ trang nghiêm*” (trí huệ trang nghiêm và phước đức trang nghiêm) của Viên Giáo, Phật có đủ hai loại quả trang nghiêm. Xét đến cội nguồn của nhân quả ấy thì căn bản chính là duyên và liễu trong Tánh Đức. Tánh Đức ấy vốn tự có, chẳng phải đến nay mới có. Đại Kinh dạy: “*Nhất thiết chư pháp, bốn tánh tự Không, diệt do Bồ Tát tu tập Không cố, kiến chư pháp Không*” (Hết thấy các pháp, tánh vốn tự Không, cũng do Bồ Tát tu tập Không mà thấy các pháp là Không). Đây chính là liễu nhân chúng tử vốn tự sẵn có. Lại nói: “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Sơ Địa vị Thiên*” (Hết thấy chúng sanh đều có Thiên thuộc địa vị Sơ Địa). Kinh Tư Ích nói: “*Nhất thiết chúng sanh tức Diệt Tận Định*” (Hết thấy chúng sanh chính là Diệt Tận Định).

Đây chính là duyên nhân chủng tử, vốn tự sẵn có. Nương vào duyên liễu chủng tử vốn tự nhiên sẵn có ấy để làm phương tiện tu tập, dần dần tăng trưởng, từ mảy may trở thành cây to cả một ôm tay. Đó gọi là Ma Ha Bát Nhã và Thủ Lăng Nghiêm Định. Khoa này chẳng luận định Lục Tức, chỉ bàn theo Tánh Đức căn bản.

Nay phần vấn đáp trước là từ liễu chủng (liễu nhân chủng tử) mà đặt tên. Phần vấn đáp sau là từ duyên nhân chủng tử mà đặt tên. Hãy nên biết: Do nhân duyên của liễu nhân và duyên nhân, cho nên có tên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

### **25.1.1.3.10. Giải thích theo Trí Đoạn**

Nói theo cách thông thường, Trí chính là công đức hữu vi viên mãn, cũng gọi là Bồ Đề; Đoạn chính là công đức vô vi viên mãn, cũng gọi là Niết Bàn. Nói “*công đức hữu vi*” tức theo ý nghĩa, “khi tu nhân, do trí huệ có tác dụng Chiếu mà tu thành [công đức ấy]”. Vì thế gọi là “*hữu vi*”. Cái nhân tuy vô thường, nhưng quả là thường. Dựa theo nhân mà đặt tên cho quả, nên nói là “*công đức hữu vi viên mãn*”. Nói tới “*công đức vô vi*” tức là như Tiểu Thừa chỉ coi “diệt phiền não chẳng còn” là Đoạn Đức, tức chỉ lia hư vọng thì gọi là giải thoát, chứ thật ra chưa đạt được hết thảy giải thoát. Đây chính là Vô Thế Đoạn Đức. Đại Thừa là Hữu Thế Đoạn Đức, chẳng coi “diệt Vô” là Đoạn Đức, chỉ quan tâm tới chỗ điều phục chúng sanh, ác chẳng thể nhiễm, tùy ý tự tại, chẳng bị phiền lụy trói buộc, thì gọi là Đoạn Đức, đặt tên cho điều này là “*công đức vô vi*”. Vì thế, kinh Tịnh Danh (kinh Duy Ma Cật) dạy: “*Bát đoạn si ái, khởi chư minh thoát*” (Chẳng đoạn si ái, dậy lên sự giải thoát sáng suốt)<sup>116</sup>. Lại nói: “*Ư chư kiến bất động, nhi tu tam thập thất phẩm*.”

---

<sup>116</sup> Trong tác phẩm Duy Ma Kinh Lục Giảng (giảng tại Pháp Cổ Sơn), pháp sư Thánh Nghiêm đã giảng câu này như sau: “*Si ái là gì? Si là ngu si, tức vô minh. Ái là ái dục. Ngu si chướng trí huệ, ái dục sanh phiền não. Căn nguyên của chúng là vô minh, nghiệp báo sanh tử từ ái dục mà có. Do nhân gian chúng ta có ái, nên mới có lấy bỏ. Do có lấy bỏ, mới tạo thành các thứ nghiệp, hứng chịu các thứ báo. Làm một vị Bồ Tát, do tâm địa thanh tịnh, tuy ở trong hoàn cảnh ái dục, chỉ nên quan sát, nhận biết, hiểu rõ ái dục là nhân của các khổ. Do đã thanh tịnh tự tâm, sẽ chẳng bị si ái mê nhiễm. Vì thế thường có thể tự tại giải thoát*”. Tổ Trí Khải (Trí Giả đại sư) trong bộ Duy Ma Kinh Huyền Sớ cũng nói: “*Nếu phải đoạn phiền não để được giải thoát thì là sự giải thoát có thể nghĩ bàn, là cảnh giới của Thanh Văn. Nếu chẳng đoạn phiền não, thì là sự giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế nói chẳng đoạn si ái, mà dậy khởi sự giải thoát sáng suốt. Hỏi: Nếu chẳng đoạn phiền não, sao có thể đạt được giải thoát? Đáp: Ví như kẻ chưa đắc thần thông, nếu ở trong lao ngục, ắt cần*

*Ái kiến vi thị giả, diệc danh Như Lai chủng. Nãi chí Ngũ Vô Giác, giai sanh giải thoát tướng, vô sở nhiễm ngại, danh vi nhất thiết giải thoát”* (Bất động đối với các Kiến mà tu ba mươi bảy đạo phẩm. Ái kiến làm kẻ hầu, cũng gọi là chủng tánh Như Lai. Cho đến Ngũ Vô Giác đều là tướng giải thoát, chẳng bị ô nhiễm, chướng ngại, thì gọi là hết thảy giải thoát), tức là Đoạn Đức vô vi vậy.

Tịch mà thường chiếu, tức là Trí Đức. Tiểu Thừa hôi thân diệt trí, đã chẳng có thân, lấy gì để nhập sanh tử hồng bàn luận điều phục vô ngại, vô nhiễm? Đã chẳng có trí, chiếu tịch<sup>117</sup> ở chỗ nào? Trí Đoạn của Đại Thừa viên mãn tột bậc, cho nên Pháp Thân hiển lộ, tức là ý nghĩa của ba loại Phật tánh viên mãn. Pháp Thân tròn đủ, chính là chánh nhân “chẳng phải nhân, chẳng phải quả” trọn đủ. Vì thế nói: “*Án thì gọi là Như Lai Tạng, hiển thì gọi là Pháp Thân*”. Tuy chẳng phải là nhân, mà gọi là chánh nhân. Tuy chẳng phải là quả, mà gọi là Pháp Thân. Đại Kinh nói: “*Phi nhân, phi quả, danh vi Phật tánh*” (Chẳng phải nhân, chẳng phải quả, gọi là Phật Tánh). Đây chính là chánh nhân Phật tánh vậy. Lại nói: “*Thị nhân phi quả, danh vi Phật tánh*” (Là nhân mà chẳng phải là quả, thì gọi là Phật tánh); đây là xét theo duyên nhân và liễu nhân trong Tánh Đức, đều gọi là nhân. Lại nói: “*Thị quả phi nhân, danh vi Phật tánh*” (Là quả chẳng phải là nhân thì gọi là Phật tánh). Đây là xét theo tu đắc duyên nhân và liễu nhân đều trọn vẹn. Liễu nhân viên mãn thì đổi tên thành Bát Nhã, còn gọi là Đại Bồ Đề Quả. Duyên nhân viên mãn thì đổi tên thành Giải Thoát, cũng gọi là Đại Niết Bàn Quả, đều được gọi là Quả. Phật tánh chung cho nhân lẫn quả, chẳng dọc, chẳng ngang. Ba cái nhân nơi Tánh Đức chẳng dọc, chẳng ngang. Khi quả viên mãn thì gọi là Tam Đức, cũng chẳng dọc, chẳng ngang. Vì thế, kinh Phổ Hiền Quán nói: “*Đại Thừa nhân giả, chư pháp Thật Tướng. Đại Thừa*

---

*phải đực tường, phá vách thì mới chạy thoát. Nếu là người đã đắc thần thông, dẫn ở trong lao ngục, tuy chẳng đực tường, phá vách mà ra vào chẳng trở ngại”*. Mặt học đoán ý của hai vị là: Cảnh giới của kinh Duy Ma là cảnh giới chẳng chấp trước vào nhị biên. Hễ còn thấy có phiền não để đoạn tức là còn vướng vào nhị biên, cho nên bị ngài Duy Ma Cật quở trách là cảnh giới Thanh Văn. Khi đã liễu đạt tánh của phiền não là Không thì phiền não chính là Bồ Đề, cho nên chẳng còn thấy có phiền não để đoạn. Do vậy, tự tại giải thoát.

<sup>117</sup> Chiếu là nói đến tác dụng, Tịch là nói đến bản thể. Chiếu là tác dụng nhận biết, quán sát mọi vật, mọi pháp, mọi hoàn cảnh v.v... tức là chân tâm khởi tác dụng thì gọi là Chiếu. Tuy nhận biết rõ ràng vạn pháp, nhưng tâm chẳng bị vạn pháp ô nhiễm, chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, chẳng chướng ngại v.v... thì gọi là Tịch (vắng lặng).



quả giả, diệc chư pháp Thật Tướng” (Cái nhân của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp. Cái quả của Đại Thừa cũng là Thật Tướng của các pháp). Trí Đức đã mãn, vắng lặng thường chiếu, thuận theo căn cơ mà ứng, cùng lúc giải thoát. Đoạn Đức đã mãn, nơi nơi điều phục, hiện thân thuyết pháp, khiến cho đều đắc độ. Nay thì phần vấn đáp đầu tiên là vì Trí Đức được viên mãn một phần mà đặt tên. Phần vấn đáp sau là từ Đoạn Đức được viên mãn một phần mà đặt tên. Hãy nên biết: Do nhân duyên của Trí Đoạn, cho nên tên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Phần thứ ba, “giải thích [danh xưng của phẩm này dựa theo mười khoa mục]” đã xong.

#### **25.1.1.4. Liệu giản<sup>118</sup>**

##### **25.1.1.4.1. Liệu giản Nhân Pháp**

Hỏi: - Nếu đem Nhân đối ứng với ngài Quán Âm, Pháp đối ứng với Phổ Môn, thì thời Phương Đẳng có Phổ Môn pháp vương tử, nêu ra tên người như thế là nghĩa như thế nào?

Đáp: - Điều này có hai nghĩa:

- Một, Nhân chẳng phải là Pháp, Pháp chẳng phải là Nhân.
- Hai, Nhân chính là Pháp, Pháp chính là Nhân.

Nếu xét theo Hoa Nghiêm, sẽ có hai ý:

- Một là ý nghĩa chẳng theo thứ tự. Nhân chính là Thật Tướng, Thật Tướng chính là Nhân. Nhân và Pháp chẳng hai.

- Hai là ý nghĩa theo thứ tự. Hành nhân thuộc sanh tử trước khi chứng Sơ Địa thì chưa phải là pháp Thật Tướng. Pháp ấy cũng chẳng phải là người đó. Nếu xét theo Hữu Môn của Tam Tạng thì chẳng có giá

---

<sup>118</sup> Theo Phật Quang Đại Từ Điển: Liệu Giản, còn gọi là Liễu Giản, Lượng Giản, Lượng Kiến, hay Liệu Kiến, hàm nghĩa “khéo có thể chọn lựa chánh pháp”. Có nhiều cách hiểu như sau:

- Dùng các loại quan điểm, lập luận để bày tỏ ý kiến chọn lựa của chính mình. Nghĩa này thường được sử dụng nhiều nhất.

- Tông Lâm Tế thì coi Liệu Giản là một phương thức để hướng dẫn học nhân ngộ đạo. Họ nhấn mạnh Dữ (chấp nhận, tán đồng, khẳng định) và Đoạt (phủ định, phản bác), và đề ra các cách nói như đoạt nhân chẳng đoạt cảnh, đoạt cảnh chẳng đoạt nhân v.v...

- Liệu Giản được dùng theo ý nghĩa riêng trong tông Thiên Thai Nhật Bản: Dùng các cách nói, lập luận để điều hòa những chỗ thoát nhìn tương như mâu thuẫn giữa các kinh.

nhân (người giả danh)<sup>119</sup>, chỉ có Thật pháp. Pháp ấy chẳng phải là Nhân. Không Môn dạy dựa theo Thật pháp để thành giả nhân, cũng tức là Nhân và Pháp hai đấng khác nhau. Dầu chẳng lia Nhân để luận Pháp, hoặc chẳng lia Pháp để luận Nhân, Tục có, Chân không, vẫn là ý nghĩa của Nhị Đế trong tam giới, chẳng phải là Nhân và Pháp theo Trung Đạo.

Nếu xét theo Phương Đẳng đối chiếu với Tiểu Thừa để giảng Đại Thừa hòng luận định Nhân Pháp, thì Tiểu Thừa giống như Tam Tạng, Đại Thừa giống như Hoa Nghiêm. Bát Nhã và Niết Bàn cũng thế! Nay Phổ Môn Pháp Vương Tử được nói trong thời Phương Đẳng chính là theo ý nghĩa Đại Thừa, giống như trong kinh này. Phổ Môn trong kinh này là Pháp, há có Pháp mà chẳng có Nhân ư? Phổ Môn [pháp vương tử] trong Phương Đẳng là Nhân, há có Nhân mà chẳng có Pháp ư? Chỉ là Nhân và Pháp nêu bày lẫn nhau.

#### **25.1.1.4.2. Liệu giản từ bi**

Hỏi: - Nếu đại bi dẹp khổ, hễ khổ trừ thì chính là được vui; hoặc đại từ ban vui, đạt được vui chính là dẹp khổ. Do ý nghĩa nào mà tách thành hai?

Đáp: - Luận định chung thì đúng là như thế, nếu luận định riêng biệt thì chẳng phải vậy. Ví như dẹp trừ tội địa ngục, chưa ban cho ngũ trần, thân [người mang tội địa ngục] tuy khỏi đau khổ, nhưng tâm tình chưa thể vui sướng nổi, [cho nên] chẳng gọi là “ban vui”. Lại như bố thí ngũ trần trong địa ngục, năm tình kiến [của tội nhân] tuy vui sướng, chẳng thể gọi là “dẹp khổ”. Vì thuận theo biệt nghĩa, nhằm nêu rõ mỗi bên, cho nên nói riêng biệt (tức là tách Từ và Bi làm hai phương diện).

Lại nữa, ngoại đạo tu Tứ Vô Lượng (từ, bi, hỷ, xả), tự chứng Thiên Định, suy tưởng, vận dụng hư huyền, chẳng có lợi ích thật sự, chẳng thể dẹp khổ, chẳng thể khiến cho người khác được vui sướng. Dầu đắc Định, nhưng đó là pháp thế gian hư vọng; khi báo hết vẫn phải đọa, chẳng thể thoát khổ được! Mình lẫn người đều chẳng có lợi ích. Nhị Thừa tu Tứ Vô Lượng, chỉ tự dẹp nổi khổ Phần Đoạn, chẳng tránh khỏi Biến Dịch, [do vậy], chẳng phải là sự vui rất ráo, mà cũng chẳng lợi ích kẻ khác! Bồ Tát chẳng phải vậy, chẳng phải là hạnh phàm phu, chẳng

---

<sup>119</sup> Gọi là giả nhân hoặc giả danh nhân vì thân người do Tứ Đại Ngũ Âm hòa hợp mà thành, Tứ Đại và Ngũ Âm đều như huyền nên gọi là giả hòa hợp. Tạm gọi kết quả của sự hòa hợp ấy là người, nên gọi là “giả danh nhân”.

phải là hạnh hiền thánh! “*Chẳng phải là phàm phu*”: Chẳng giống như Thiên lạc tự thọ (tự hưởng niềm vui trong Thiên Định). “*Chẳng phải là hiền thánh*”: Chẳng giống tự đẹp khổ, chẳng giống như tự thọ nhận lạc, tức là ban sự vui cho người khác. Do chẳng giống như tự đẹp khổ; tức là đẹp khổ cho kẻ khác. Cũng có nghĩa “*đẹp khổ chính là ban vui, ban vui chính là đẹp khổ*”, chỉ là nói phân biệt đó thôi! Trước là nói “đẹp khổ”, sau là nói “ban vui”.

Lại còn chỉ luận từ bi, chẳng bàn tới hỷ xả. Tứ Vô Lượng Tâm tuy danh xưng có bốn món, nghĩa chỉ có ba! Đại Kinh nói: “*Ưu tát xoa: Ưu tát xoa danh Xả, tức thị lưỡng xả*” (Ưu-tát-xoa (Upekṣa): Ưu-tát-xoa là Xả, tức là xả hai thứ). Từ bi và chẳng từ bi có ý nghĩa “chẳng hai”, chẳng hai mà là hai, tức là từ bi. Hỷ: Do lạc mà sanh hỷ. Thoạt đầu nguyện “*ban vui*”, nhưng chúng sanh khổ sở nặng nề, chẳng thể đạt được lạc, cho nên chẳng thể hỷ. Đã đẹp khổ thì sẽ liền có thể đạt được vui sướng, do thỏa nguyện ban đầu. Vì thế sẽ hỷ.

#### **25.1.1.4.3. Liệt giản phước huệ**

Hỏi: - Vì sao ngài Quán Âm đối với Huệ, hễ xưng niệm thì là “đẹp khổ”? Phổ Môn tương ứng với phước, hễ trông thấy bèn “được vui”?

Đáp: - Huệ là quang minh, trực tiếp đối trị Hoặc tối tăm. Hoặc là sanh tử khổ não. Muốn đối trị nổi khổ do Hoặc tối tăm, há chẳng dùng ánh sáng trí huệ ư? Vì thế, xưng danh bậc trí huệ chính là “*đẹp khổ*”. Pháp là pháp môn, Môn là “*có thể thông*”, thông tới chỗ Niết Bàn an lạc. Thoạt đầu, tu tập pháp này tức là cái nhân để “*đắc lạc*”. Sau đó, chứng pháp này, tức là đạt được lạc quả. Vì thế, đối với pháp Phổ Môn bèn nói là “*dữ lạc*” (ban vui); nhưng có trí huệ là phước đức, phước đức là trí huệ. [Và cũng] có trí huệ chẳng phải là phước đức, phước đức chẳng phải là trí huệ. Đại Thừa và Tiểu Thừa đều có đủ bốn câu:

- Bốn câu của Tiểu Thừa: Như Lục Độ Bồ Tát tu Bát Nhã, chia Diêm Phù Đề thành bảy phần. Đây là trí huệ thế gian, chẳng thể đoạn Hoặc, vẫn thuộc về phước đức. Đó là câu đầu tiên (tức là “vừa là trí huệ, vừa là phước đức”). Gọi phước ấy là trí để dứt tranh cãi. Đó là câu thứ hai (tức “phước đức là trí huệ”). Như vị A La Hán đối bụng mà có thể đoạn Hoặc, bèn gọi là trí huệ mà chẳng phải là phước đức. Đó chính là câu thứ ba (“trí huệ chẳng phải là phước đức”). Như voi chúa trắng được thọ dụng to lớn. Đó gọi là phước đức, chẳng phải là trí huệ xuất thế, mà

cũng chẳng phải là trí huệ thể gian, chẳng được gọi là trí huệ. Đó chính là câu thứ tư (“phước đức chẳng phải là trí huệ”).

- Bốn câu của Đại Thừa: Đối với ba mươi tâm (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) của Biệt Giáo trước khi nhập Sơ Địa, Hành Hạnh gọi là phước đức, Huệ Hạnh gọi là trí huệ. Trí huệ ấy chẳng thể phá vô minh, vẫn thuộc vào phước đức. Đó chính là câu đầu tiên. Phước ấy cũng có thể đối trị “*thủ tướng Hoặc*” (phiền hoặc do chấp tướng), cũng có thể gọi là “*trí huệ*”. Đó chính là câu thứ hai. Nếu là từ Sơ Địa trở lên thì đều gọi là trí huệ, chẳng gọi là phước đức. Đó chính là câu thứ ba. Nếu chưa đạt tới Sơ Địa thì đều gọi là phước đức, chẳng gọi là trí huệ. Đây là câu thứ tư. Nay Viên Giáo nói phước chính là huệ, huệ chính là phước, phước và huệ chẳng hai. Do vậy, Đại Luận nói: “*Người tôn quý, mâu nhiệm như thế sẽ có thể thấy Bát Nhã*”, huệ ấy lẽ nào chẳng định? Lại nói: “*Kiện tướng tam-muội có thể phá cường địch*”, định ấy lẽ nào chẳng có huệ? Chẳng hai mà là hai; vì thế, nói phân biệt đó thôi!

#### **25.1.1.4.3. Liệu giản Chân Ứng**

Cũng có bốn câu: “*Chẳng phải Chân, chẳng phải Ứng*”, “*là Ứng, chẳng phải là Chân*”, “*là Chân, chẳng phải là Ứng*”, “*vừa là Chân, vừa là Ứng*”.

1) “*Chẳng phải Chân, chẳng phải Ứng*”: Xét theo Lý sẽ dễ hiểu. Lại nữa, phạm phu chẳng thấy Lý, cho nên chẳng phải Chân. Chẳng có tác dụng, cho nên chẳng phải Ứng.

2) “*Là Ứng, chẳng phải là Chân*”: Ngoại đạo tu đắc Ngũ Thông, biến hóa cho người khác thì cũng gọi là Ứng, nhưng chẳng kiến đế (thấy lẽ chân thật, chẳng thấy Đạo Đế), chẳng thể gọi là Chân.

3) “*Là Chân, chẳng phải là Ứng*”: Nhị Thừa đoạn kết, kiến đế, cũng được gọi là Chân. Nhưng do hôi thân diệt trí, chẳng thể khởi ứng.

4) “*Vừa là Chân, vừa là Ứng*”: Đây chính là riêng hiển thị “*Trung Đạo là Chân*”. Từ ngay nơi Chân mà luận định Dụng (tác dụng) thì là Ứng. Chân và Ứng chẳng hai, chẳng hai mà là hai. Vì thế, nương theo kinh văn cùng nêu ra. Nói chung, phân vấn đáp trước [trong phẩm Phổ Môn] nêu rõ “*chân thân luôn tạo lợi ích*”; phân vấn đáp sau đó nêu ra “*sự lợi ích có thời hạn nơi ứng thân*”, nhưng sự “*lợi ích thường hằng*” và sự “*lợi ích nơi ứng thân trong một khoảng thời gian*” đều chẳng hề tách lìa, giống như hai con chim cùng bay. Vì thế, nói tột cùng lý thì

“chân thân vừa là hằng, vừa là chẳng hằng”, “ứng thân vừa là gián cách, vừa là chẳng gián cách”.

#### **25.1.1.4.5. Liệu giản về dược châu**

Dược (thuốc) có công năng “chữa bệnh, dẹp khổ”, mà cũng có công dụng quý báu “bảo vệ thân, tăng thọ mạng”. Như Ý Châu vương không chỉ tuôn ra chất báu, mà còn có thể trừ bệnh. Thái tử Đại Thí<sup>120</sup> vào biển có dược châu ấy, cảm về trị bệnh mắt cho cha mẹ. Kinh Đại Phẩm nói: “*Nhược nhân nhãn thống, châu trước thân thượng, bệnh tức trừ dữ*” (Nếu ai bị đau mắt, đặt châu lên thân, bệnh liền được chữa khỏi). Vì thế biết [châu hay dược thụ, mỗi thứ đều] có trọn đủ cả hai nghĩa, nay cũng chỉ là nói riêng biệt theo một bên đó thôi!

#### **25.1.1.4.6. Liệu giản hai thứ lợi ích Minh và Hiện**

Có tất cả ba mươi sáu câu, chi tiết thì như trong sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa [đã nói].

#### **25.1.1.4.7. Liệu giản Quyền Thật**

Cũng có bốn câu:

- Hoặc do Thật Trí mà giải thoát nơi Quyền, bảy nạn (nạn lửa, nạn nước, nạn La Sát v.v...) tiêu trừ; hai điều cầu nguyện (cầu sanh con trai hay sanh con gái) đều được thỏa.

- Hoặc do Thật Trí mà giải thoát nơi Thật, tam độc đều lìa.

- Hoặc do Quyền Trí mà đắc độ nơi Thật, tức là do ba mươi ba thân [ứng hóa] mà [chúng sanh] đắc độ.

- Hoặc do Quyền Trí mà đắc độ nơi Quyền, tức là trong khi sợ hãi, nạn gấp, có thể đạt được vô úy (chẳng sợ hãi).

Hoặc là do cả hai mà độ thoát, hoặc là cả hai đều chẳng độ, chẳng thoát. Nay nương theo kinh văn mà lần lượt nêu ra một bên. Kinh văn

---

<sup>120</sup> Đây là một câu chuyện trong kinh Hiền Ngu: Thái tử Ma Ha Xà Ca Phàn (Đại Thí) là tiền thân của Phật Thích Ca. Thái Tử muốn chấn hưng nước nhà, bèn vào biển tìm Như Ý Châu. Do biết châu ở trên đầu long vương, Thái Tử muốn tát cạn nước biển để lấy, dầu gân xương hư nát, trọn chẳng biếng nhác. Chư thiên cảm động trước lòng chí thành ấy bèn đến giúp. Long vương hoảng sợ, dâng viên châu ấy. Kinh luận thường dùng chuyện này để sánh ví Tinh Tấn Ba La Mật.

trong phần đầu là sự giải thoát theo Quyền, kinh văn trong phần sau là đặc độ theo Thật.

#### **25.1.1.4.8. Liệu giản Bồn Tích**

Luận định chung thì Bồn và Tích đều có thể “đẹp khổ, ban vui”. Vì thế, phẩm [Như Lai] Thọ Lượng nói: “*Văn Phật thọ vô lượng, đắc vô lượng vô lậu, thanh tịnh chi quả báo*” (Nghe Phật thọ vô lượng, đắc quả báo vô lượng, vô lậu rất thanh tịnh), tức là từ Bồn mà đắc lạc. Kinh Thỉnh Quán Âm chép: “*Hoặc du hý địa ngục, đại bi đại thọ khổ*” (Hoặc dạo chơi trong địa ngục, đáng đại bi chịu khổ thay [cho các tội nhân]), tức là từ Tích mà đẹp khổ! Nhưng chúng sanh chẳng thấu đạt cội nguồn, cho nên lưu chuyển, khổ não. Nếu hiểu lý nơi Bồn, liền được giải thoát khỏi khổ, chẳng thấy sự hóa hiện nơi Tích, chẳng thể gieo phước nơi ba nghiệp. Nếu thấy thân, nghe tiếng, đây chính là cái nhân để đạt được vui sướng. Vì thế, cũng một mực nói đến. Nhưng nếu chẳng có Bồn, sẽ không có gì để thù Tích; chẳng có Tích, sẽ không có gì để hiển lộ Bồn, tức là [Bồn và Tích] tuy hai mà chẳng hai.

Hỏi: - Bồn Tích và Chân Ứng có gì khác nhau?

Đáp: - Chân Ứng là biện định theo chiều ngang trong một đời, còn Bồn Tích là luận định theo chiều dọc suốt ba đời.

#### **25.1.1.4.9. Liệu giản duyên liễu**

Hỏi: - Trong duyên liễu đã có điều thiện thuộc Tánh Đức, vậy thì cũng có điều ác trong Tánh Đức hay chẳng?

Đáp: - Có chứ!

Hỏi: - Xiển Đề và Phật đoạn các loại thiện ác nào?

Đáp: - Xiển Đề đoạn sạch tu thiện, chỉ còn tánh thiện tồn tại. Phật đoạn sạch tu ác, nhưng tánh ác còn đó.

Hỏi: - Vì sao chẳng thể đoạn thiện và ác trong Tánh Đức?

Đáp: - Thiện ác trong tánh chỉ là pháp môn “thiện, ác”, tánh chẳng thể thay đổi, trải khắp ba đời, ai có thể hủy, cũng lại chẳng thể đoạn hoại! Ví như ma tuy thiêu kinh, há có thể khiến cho pháp môn thiện đoạn sạch ư? Giả sử Phật thiêu các sách vở dạy điều ác, cũng chẳng thể khiến

cho ác pháp đoạn sạch! Như nhà Tần đốt sách, chôn Nho sĩ<sup>121</sup>, há có thể khiến cho thiện và ác đều bị đoạn sạch ư?

Hỏi: - Xiển Đề chẳng đoạn tánh thiện (điều thiện trong chân tánh), còn có thể khiến cho điều thiện dấy lên. Phật đã chẳng đoạn tánh ác (điều ác trong chân tánh), cũng sẽ khiến cho tu ác dấy lên đó chẳng?

Đáp: - Xiển Đề chẳng thấu đạt tánh thiện. Do chẳng thấu đạt, nên vẫn bị thiện lây nhiễm. Cho nên tu thiện (điều thiện do tu tập mà có) có thể dấy lên, rộng đối trị các điều ác. Tuy Phật chẳng đoạn tánh ác, nhưng tự tại đối với các ác, cho nên chẳng bị ác nhiễm, vĩnh viễn chẳng tu ác. Lại có thể tự tại rộng dùng các pháp môn ác để hóa độ chúng sanh. Suốt ngày sử dụng, nhưng suốt ngày chẳng nhiễm. Do chẳng nhiễm, cho nên chẳng dấy lên, há có thể dùng Xiển Đề làm lệ [để cật vấn ư?] Nếu Xiển Đề có thể thấu đạt thiện ác, sẽ chẳng gọi là Nhất Xiển Đề nữa!

#### **25.1.1.4.10. Liệu giản Trí Đoạn**

Đây là tên gọi khác nhau của cùng một pháp, chẳng hề tách rời. Như người bị trói, vận dụng sức lực bèn được thoát khỏi. Vận dụng sức lực là Trí, thoát khỏi trói buộc thì gọi là Đoạn. Vận dụng sức lực thuộc về tâm; cho nên gọi là “trí huệ trang nghiêm”. Thoát khỏi trói buộc thuộc về thân, cho nên gọi là “phước đức trang nghiêm”. Kinh này chẳng nói cùng một lúc, cho nên cùng nêu lên Trí và Đoạn. Nếu thấu hiểu sâu xa mười ý nghĩa này, hễ hiểu được một điều thì ngàn điều sẽ thuận theo. Giải thích cặn kẽ Quán Thế Âm Phổ Môn thì ý nghĩa chẳng thể cùng tận.

Phần thứ nhất là “giải thích chung” đã xong.

---

<sup>121</sup> Đây là chuyện xảy ra vào năm 34 đời Tần Thủy Hoàng (tức năm 213 trước Công Nguyên). Do quan Bác Sĩ là Thuần Vu Việt căn cứ theo chế định thời cổ, dâng biểu xin vua hãy nên phân phong đất đai cho con em. Điều này trái với ý muốn trung ương tập quyền của hoàng đế. Thừa tướng Lý Tư thừa dịp kết tội các Nho sĩ nệ cổ, chống đối những điều mới mẻ, dùng các trường tư thực để phỉ báng triều chánh, xin vua hạ chiếu đốt tất cả các sách vở trong thiên hạ, trừ sách lịch sử nhà Tần, sách thuốc, và sách bói toán. Kẻ nào đàm luận Thi, Thư, sẽ bị xử tử. Kẻ nào dùng cổ lệ để phản đối thể chế hiện thời sẽ bị diệt tộc. Năm sau, do các phái đoàn phương sĩ và nho sinh do nhà vua sai đi tìm thuốc trường sinh thất bại, kẻ cầm đầu là Lô Sinh bỏ trốn, Tần Thủy Hoàng tức giận, hạ lệnh chôn sống hơn 460 nho sinh tại kinh đô Hàm Dương và đốt bỏ kinh điển của Nho gia. Sử Trung Hoa gọi chuyện này là “*phân thư, khanh Nho*” (đốt sách, chôn các nhà Nho).

**25.1.2. Biệt thích** (tách ra để giải thích ý nghĩa của Quán Thế Âm Phổ Môn)

**25.1.2.1. Giải thích danh xưng Quán Thế Âm**

Do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm? Giải thích chung thì như trong phần trên. Giải thích riêng biệt thì là do nhân duyên cảnh và trí, cho nên tên là Quán Thế Âm. Cảnh và trí cũng có hai: Một là cảnh trí có thể nghĩ bàn, hai là cảnh trí chẳng thể nghĩ bàn!

**25.1.2.1.1. Cảnh trí có thể nghĩ bàn**

Cảnh trí có thể nghĩ bàn lại chia thành hai: Một là xét ngoài lý, hai là xét trong lý.

**25.1.2.1.1.1. Cảnh trí ở ngoài lý**

Cảnh trí ở ngoài lý lại có tất cả bốn câu: Một là cảnh trí tự nhiên. Hai là cảnh trí đối đãi. Ba là cảnh trí nhân duyên. Bốn là cảnh trí dứt bật đối đãi.

1) Cảnh trí tự nhiên: Cảnh tự là cảnh, tánh của nó thường hằng. Trí tự là trí, tánh của nó cũng thường hằng, chẳng do Phật, trời, hay người tạo tác. Vì thế gọi là “*tự nhiên*”. Đó chính là câu “*các pháp tự sanh*”.

2) Cảnh trí đối đãi: Cảnh chẳng tự là cảnh, do đối ứng với trí cho nên có cảnh. Trí chẳng tự là trí, do đối ứng với cảnh cho nên là trí. Vì thế, gọi là “*đối đãi*”, tức là “*chư pháp tha sanh*” (các pháp do các nhân khác mà sanh).

3) Cảnh trí nhân duyên: Không chỉ do cảnh mà có cảnh, cũng chẳng phải chỉ do trí cho nên có cảnh. Do cảnh làm nhân, trí làm duyên, cho nên có cảnh. Chẳng phải do trí nên có trí, cũng chẳng phải chỉ do cảnh cho nên có trí. Do trí làm nhân, cảnh làm duyên, cho nên có trí. Vì thế gọi là nhân duyên, tức là câu “*các pháp cộng sanh*”.

4) Cảnh trí dứt bật đối đãi: Chẳng do cảnh mà có cảnh, chẳng do trí mà có cảnh, chẳng do trí và cảnh làm nhân duyên hòa hợp mà có cảnh thì gọi là “*cảnh dứt bật đối đãi*”. Chẳng do trí mà có trí, chẳng do cảnh mà có trí, chẳng do trí và cảnh làm nhân duyên hòa hợp mà có trí thì gọi là “*trí dứt bật đối đãi*”, tức là “*các pháp do không có nhân mà sanh*”.

Nay sẽ theo thứ tự để phá. Nếu cảnh tự là cảnh, sẽ chẳng nên bị trí chiếu. Nếu trí tự là trí, sẽ chẳng nên chiếu cảnh. Nay cảnh đã được chiếu



bởi trí, tức là cảnh chẳng tự là cảnh. Trí có thể chiếu cảnh, tức trí chẳng phải tự là trí. Sao lại hư vọng so đo là [cảnh trí] tự nhiên vậy?

Nếu do đối đãi với trí mà có cảnh thì cảnh sanh từ trí, cảnh đáng lẽ phải gọi trí, sao lại gọi là cảnh? Như người chỉ nên gọi là người, chẳng nên gọi là gỗ, đá v.v... Lại nữa, nếu cảnh sanh từ trí, khi không có trí, cũng chẳng nên có cảnh! Lại nữa, nếu cảnh sanh từ trí, vậy thì trí lại sanh từ đâu? [Kiến chấp] “do đối đãi cảnh nên có trí” cũng bị phá giống như thế. Sao lại so đo là [cảnh trí] đối đãi?

Nếu cảnh làm nhân do trí làm duyên mà có cảnh, thì sẽ là trong cảnh đã có cảnh; cho nên mới nhờ vào trí làm duyên [để cảnh phát khởi]. Nếu trong cảnh chẳng có cảnh, nhưng nhờ vào trí làm duyên [để có cảnh], tức là trong trí phải có cảnh, thế nhưng [do đã nói] “nhờ vào cảnh làm nhân”, tức là trong trí chẳng có cảnh! [Đã nói] “nhờ vào cảnh làm nhân”, nếu trong cảnh [vốn sẵn] có cảnh, sẽ chẳng cần phải nhờ vào trí [làm duyên] thì mới có cảnh! Nếu trong trí [đã sẵn] có cảnh, sẽ chẳng cần phải nhờ vào cảnh [làm nhân] thì mới có [cảnh; tức là kiến chấp] “cảnh làm nhân, trí làm duyên, cho nên có cảnh” đã hoàn toàn bị phá].

Lại nữa, nếu như mỗi đấng đều có, nhưng vẫn phải nương nhờ vào nhau [để phát khởi], trong một thời phải nên có hai cảnh! Nếu trong cảnh chẳng có cảnh, dầu nhờ vào trí [làm duyên], cũng chẳng nên có cảnh! Nếu trong trí chẳng có cảnh, dầu nương nhờ cảnh [làm nhân], cũng chẳng nên có cảnh! Ví như một hạt cát chẳng có dầu, tuy gộp nhiều hạt cát lại, cũng chẳng thể sanh ra dầu được! Một kẻ mù chẳng thấy, tuy tập hợp nhiều kẻ mù lại, vẫn chẳng thể thấy! [Tương tự, kiến chấp] “trí làm nhân, cảnh làm duyên, cho nên có trí” cũng bị phá giống như thế. Sao lại so đo hư vọng [cảnh trí] là nhân duyên ư?

Nếu [chấp rằng] “chẳng do cảnh cho nên có cảnh” v.v... thì xét theo nhân duyên còn chẳng thể được, huống hồ chẳng có nhân duyên mà có thể gọi là cảnh ư? Trí cũng giống như thế. Một mực nói là “dứt bật”, nhưng xét theo Lý đến cùng tận, sẽ chẳng trở thành dứt bật đối đãi, vì còn nói là “cảnh có hoặc không có nhân duyên”, cũng như do nói “trí có hoặc không có nhân duyên”, sao lại còn so đo hư vọng là “dứt bật đối đãi” vậy?

Những thứ ấy đều là tâm hạnh ở ngoài lý, mà vọng tưởng suy đoán, hý luận phân biệt, rốt cuộc chẳng có thật nghĩa. Vì thế, Trung Luận nói: “*Các pháp chẳng tự sanh, cũng chẳng từ thứ khác mà sanh, cũng chẳng cùng nhau sanh, cũng chẳng phải là không có nhân*”. Vì thế biết là vô sanh, sao lại có bốn thứ chấp trước như vừa nêu trên đây? Hễ

chấp vào một thứ, tự cho là thật, sẽ nói những thứ khác là hư vọng. Do kiến ái (Kiến Tư Hoặc) bèn sanh chấp trước, mê nơi Tứ Đế, tám mươi tám Sử, mênh mông chẳng ngần mé, cho nên mới chuốc vời khổ quả, lưu chuyển chẳng thôi! Tuy dẫn kèm theo kinh luận, dẫn chứng văn tự, [vẫn là] như trùng ăn gỗ, ngẫu nhiên tạo thành chữ, thật sự chẳng thể hiểu đó là chữ hay chẳng phải là chữ. Do chẳng hiểu, bèn từ cảnh và trí mà sanh khởi kiến chấp, như uống cam lộ mà bị tổn hại mạng, chết yểu. Vì thế gọi là “*cảnh và trí ở ngoài lý*”, bị ngài Long Thọ đả phá. Nay chẳng lấy những điều ấy làm cảnh trí để giải thích danh xưng Quán Thế Âm!

#### **25.1.2.1.1.2. Cảnh trí ở trong lý**

Đối với cảnh trí có thể nghĩ bàn ở trong lý, cũng lập thành bốn môn như trên, danh xưng tuy giống nhau, nhưng quán trí thuần thực, chẳng sanh chấp kiến. Do đã hoàn tất, cho nên chẳng tạo cái mới nhằm thành tựu phương tiện đạo, phát sanh Noãn, Đảnh, cho đến mười sáu thứ tâm nhãn trí minh giác. Rõ ràng đặc ngộ, phá các Kiến Hoặc, tương ứng với Lý. Ví như kẻ mù được kim vàng<sup>122</sup> nạo bỏ màng mộng, [mắt sáng trông thấy] rành rành chẳng sai. Chân Quán ấy được gọi là Trí. Cái lý được chiếu [bởi trí ấy] thì gọi là cảnh. Do phát khởi vô lậu, cho nên gọi là “*cảnh trí ở trong lý*”. Tuy thấy lý ấy, rốt cuộc là tác ý để nhập Chân. Vì thế gọi là “*cảnh trí có thể nghĩ bàn*”. Nay nói đến Quán Thế Âm, cũng chẳng do cảnh trí nhân duyên ấy mà đặt tên.

#### **25.1.2.1.2. Cảnh trí chẳng thể nghĩ bàn**

Cảnh trí tuy chẳng phải là “*tự, tha, cộng, vô nhân*”, nhưng dùng Tứ Tất Đản ứng theo duyên để nói thành giả danh tự, hoặc nói “*cảnh tự là cảnh*”, “*trí tự là trí*”, khiến cho kẻ khác hoan hỷ, sanh thiện, diệt ác, nhập lý. Hoặc nói “*do trí nên có cảnh*”, “*do cảnh nên có trí*”, hoặc nói “*cảnh trí nhân duyên*”, hoặc nói “*cảnh trí dứt bật đối đãi*”, khiến cho đạt được bốn thứ lợi ích cũng giống như thế. Nếu chẳng có lợi ích Tứ Tất Đản, chư Phật Như Lai sẽ chẳng nói pháp sông! Tuy nói thành bốn

---

<sup>122</sup> Kim bè (金錐) là một thứ kim chế bằng vàng dùng để nạo màng mộng nơi mắt. Đại Nhật Kinh Sớ quyển hai viết: “*Phật tử! Phật vì ông trừ khử màng mộng vô minh, ví như lương y trong cõi đời khéo dùng kim vàng [trừ bỏ màng mộng che lấp con người]*”.

thuyết (tức các thuyết về cảnh trí như “*cảnh tự là cảnh, trí tự là trí*”, “*do cảnh nên có trí, do trí nên có cảnh*” v.v...), chẳng sanh bốn món chấp trước đối với tánh. Do chẳng chấp, cho nên chẳng có kiến ái. Chúng sanh nghe xong, giống như ngựa giỏi thấy bóng roi, liền có thể phá hoặc, nhập đạo. Vì thế gọi là Trí. Cái được trí ấy chiếu soi thì gọi là Cảnh. Nếu dùng trí chiếu cảnh, nhập Không, coi đó là chúng, sẽ trở thành “*cảnh trí có thể nghĩ bàn ở trong lý thuộc Chân Đế*” như đã nói trong phần trước. Nếu chẳng coi Không là chúng, biết cảnh trí ấy chỉ có danh tự, gọi đó là Cảnh Trí thì danh tự ấy chẳng ở trong, ngoài, hay chằng giữa. Chẳng trụ vào danh tự ấy, mà cũng chẳng không trụ. Do danh tự ấy vô sở hữu, tuy lập ra bốn câu để giảng giải cảnh trí, thật sự chẳng phân biệt bốn câu cảnh trí! Tuy lập ra bốn câu cảnh trí, thật sự chẳng thể có bốn câu cảnh trí. Tuy thấu đạt bốn câu cảnh trí, thật sự chẳng thể dùng bốn câu để suy lường cảnh trí. Ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xur diệt, chẳng thể dùng bốn câu để tư duy, dò lường. Vì thế gọi là “*cảnh trí chẳng thể nghĩ bàn*”. Kinh Kim Quang Minh nói “*bất tư nghị trí chiếu bất tư nghị cảnh*” (trí chẳng thể nghĩ bàn chiếu cảnh chẳng thể nghĩ bàn). Huyền nghĩa như thế được giảng cặn kẽ trong phần Cảnh Diệu và Trí Diệu [của sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa].

Nay nói Quán thì chính là trí chẳng thể nghĩ bàn. Nói Thế Âm chính là cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Nếu xét theo văn từ, hãy nên giải thích Trí trước; kế đó giải thích Cảnh. Nếu xét theo nghĩa, cần phải giảng rõ cảnh Thế Âm trước rồi mới luận bàn Quán Trí. “Thế” có ba thứ:

- Một là Ngũ Âm thế gian.
- Hai là chúng sanh thế gian.
- Ba là quốc độ thế gian.

Đã có Thật pháp, tức là có giả nhân. Giả và Thật hợp thành chánh báo, liền có y báo. Vì thế, gọi là ba loại thế gian. “Thế” có nghĩa là “*cách biệt*”, tức là thế gian gồm mười pháp giới, cũng là mười loại Ngũ Âm, mười loại giả danh, mười thứ y báo cách biệt khác nhau. Vì vậy gọi là Thế. “Gian” có nghĩa là “*sai khác*”. Ba mươi thứ Thế<sup>123</sup> sai biệt, chẳng làm loạn. Do đó gọi là Gian. Nói đến mười pháp giới, mỗi giới đều có nhân, mỗi giới đều có quả. Vì thế gọi là “*pháp*”. Mỗi pháp giới đều có giới hạn rạch ròi, cho nên gọi là Giới. Nay xét ra, mỗi pháp giới lại có mười pháp (Thập Như Thị), tức là Tướng, Tánh, Thể, Lực, Tác,

---

<sup>123</sup> Nói là “*ba mươi thứ Thế*” vì trong một Thế có mười pháp giới, do đó, tam thế (quá khứ, hiện tại, vị lai) là 3x10 thành ba mươi thứ Thế.

Nhân, Duyên, Quả, Báo, Bồn Mạt Cứu Cánh như thế. [Do vậy], mười pháp giới bèn có một trăm pháp. Mười giới dung hội lẫn nhau, bèn có một trăm pháp. Mười giới lại phối ứng lẫn nhau, bèn có một ngàn pháp. Một ngàn pháp như thế đều là các pháp sanh bởi nhân duyên. Lục đạo mê hoặc đối với các pháp nhân duyên, tứ thánh thì hiểu các pháp nhân duyên. Do đó, Đại Kinh nói: “*Vô lậu diệt hữu nhân duyên. Nhân diệt vô minh, tắc đắc xí nhiên Tam Bồ Đề đẳng*” (Vô lậu cũng có nhân duyên. Do diệt vô minh bèn đạt được đèn Chánh Giác rạng ngời). Bản thể của các pháp sanh bởi nhân duyên ấy chính là Tam Đế (Không, Giả, Trung). Do đó, Trung Luận nói: “*Pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là Không, cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa Trung Đạo*”. Vì thế, nêu ra mười loại pháp giới, ba mươi loại thế gian, tức là cảnh được quán.

Cảnh ấy lại gồm có hai, tức là tự và tha. “*Tha*” tức là chúng sanh và Phật. “*Tự*” có đủ ngay trong tâm. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tâm như công họa sư, tạo chủng chủng Ngũ Âm. Nhất thiết chư thế gian, mạc bất do tâm tạo*” (Tâm như thợ vẽ khéo, tạo các thứ Ngũ Âm. Hết thảy các thế gian, không gì chẳng tâm tạo). Lại nói: “*Như tâm Phật diệt nhiên. Như Phật chúng sanh nhiên. Tâm Phật cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt*” (Như tâm, Phật cũng thế. Như Phật, chúng sanh đồng. Tâm, Phật, và chúng sanh, cả ba chẳng sai khác). Vì thế, nêu ra bất cứ một niệm tâm nào, cũng đều trọn đủ ba ngàn tánh tướng<sup>124</sup> trong ba mươi loại thế gian. Nêu ra bất cứ Phật pháp nào, cũng đều trọn đủ ba ngàn tánh tướng của ba mươi loại thế gian. Nêu ra bất cứ một pháp chúng sanh nào, cũng liền trọn đủ ba ngàn tánh tướng trong ba mươi loại thế gian. Hãy nên biết: Dù tự hay tha, mỗi mỗi không gì chẳng phải là diệu cảnh Tam Đế chẳng thể nghĩ bàn!

“*Âm*” tức là căn cơ thuộc khẩu nghiệp trong mười pháp giới. Pháp giới đã bất đồng, âm cũng sai khác. Phát âm thành tiếng, tức là đầy đủ ba nghiệp. Dùng ba nghiệp ấy để làm cơ cảm. Quy kết cái cảnh “*thế âm*” ấy, phải nên có sáu loại:

- Một, quy kết mười pháp giới là cảnh nhân duyên.
- Hai, quy kết thành cảnh Tứ Đế.
- Ba, quy kết thành cảnh Tam Đế.

---

<sup>124</sup> “*Ba ngàn tánh tướng*” tức là ba loại thế gian nói trên (ngũ âm, quốc độ, chúng sanh) phối ứng với một ngàn tánh tướng trong mỗi thế gian (tức là trong mỗi pháp giới đều có đủ mười pháp giới). Do đó, mười pháp giới có một trăm pháp giới. Trong mỗi pháp giới lại có mười món như thị, hợp thành mỗi thế gian có một ngàn món Như, thường gọi là một ngàn tánh tướng).

- Bốn, quy kết thành cảnh Nhị Đế.
- Năm, quy kết thành cảnh Nhất Thật Đế.
- Sáu, quy kết thành cảnh Vô Đế.

Nói cặn kẽ thì như trong sách Huyền Nghĩa đã giảng.

Kể đó, nói về quán trí. Kèm theo cảnh để nói về trí, bèn có năm lượt luận định về Quán. Nếu xét theo nhân duyên bèn luận định bốn loại Quán. Nếu xét theo Tứ Đế, cũng là bốn loại Quán. Nếu xét theo Tam Đế, sẽ có hai loại Quán. Nếu xét theo Nhị Đế, sẽ có bảy loại Quán. Nếu xét theo Nhất Thật Đế, chỉ có một loại Quán. Nếu Vô Đế thì chẳng có Quán. Những điều này cũng được nói cặn kẽ trong sách Huyền Nghĩa.

Nay lại xét theo mười pháp giới để nói về hai loại Tam Đế: Một là Thông, hai là Biệt. Luận theo Thông, thì mười pháp giới đều là pháp sanh bởi nhân duyên, chẳng giới nào không phải là “*tức Không, tức Giả, tức Trung*”. Không là Chân Đế, Giả là Tục Đế, Trung là Trung Đạo Đế Nhất Nghĩa Đế. Biệt luận thì sáu phạm giới (nhân, thiên, A Tu La...) là pháp sanh bởi nhân duyên. Nhị Thừa giới là Không, Bồ Tát giới là Giả, Phật giới là Trung. Cảnh Đế đã có hai ý là Thông và Biệt.

Đối cảnh nói đến Quán, cũng có hai ý: Một là Thứ Đệ Tam Quán, hai là Nhất Tâm Tam Quán. Thứ Đệ là như kinh An Lạc dạy: “*Tùng Giả nhập Không, danh Nhị Đế Quán. Tùng Không nhập Giả, danh Bình Đẳng Quán*” (Tùng Giả nhập Không, gọi là Nhị Đế Quán. Tùng Không nhập Giả, gọi là Bình Đẳng Quán). Hai phép Quán làm phương tiện để nhập Trung Đạo Đế Nhất Nghĩa Quán. Ba món Quán ấy chính là Tam Trí được nói trong kinh Đại Phẩm [Bát Nhã]: Một là Nhất Thiết Trí, hai là Đạo Chung Trí, ba là Nhất Thiết Chung Trí.

Luận định chung thì Quán và Trí chỉ là một pháp, nhưng có tên gọi khác nhau. Luận định riêng thì khi tu nhân gọi là Quán, khi đắc quả thì gọi là Trí. Đại Kinh nêu ra mười hai nhân duyên, có bốn loại Quán, tức hạ trí, trung trí, thượng trí, và thượng thượng trí. Tích Không là hạ, tức Tạng Giáo. Thể Không là Trung, tức Thông Giáo. Tùng Không nhập Giả là thượng, tức Biệt Giáo. Trung Đạo chánh quán là thượng thượng, tức Viên Giáo.

Hãy nên biết Tích Quán và Thể Quán đều thuộc về Nhất Thiết Trí. Nếu đem Tam Trí và Tứ Quán phối ứng với Ngũ Nhân thì:

- Nhục nhãn và thiên nhãn chiêu chuyển thô hay tế, đều là Thế Trí, đều là cái gốc của các quán cảnh.
- Huệ nhãn đối ứng với Không Quán, thuộc về Nhất Thiết Trí.
- Pháp nhãn đối ứng Giả Quán, thuộc về Đạo Chung Trí.

- Phật nhãn đối ứng với Trung Quán, thuộc Nhất Thiết Chung Trí.

Câu kệ “*nhân duyên sở sanh pháp*” (pháp sanh bởi nhân duyên) trong Trung Luận chính là cái gốc của Quán Trí. Ba câu sau đó, theo thứ tự đối ứng với Tam Trí.

Nếu đối ứng với tứ giáo thì câu đầu tiên đối ứng với Tạng Giáo. Ba câu sau theo thứ tự đối ứng với Thông, Biệt, Viên. Vì thế, hễ đối ứng với tứ giáo, nếu chẳng có giáo, sẽ chẳng có Quán. Nương theo giáo để tu Quán, sẽ thành tựu trí. Vì thế, cần phải nói rõ giáo. Giáo ắt phải có chủ, “chủ” chính là Phật. Hoặc có thể là một vị Phật nói tứ giáo, hoặc có thể là thị hiện bốn tướng để nói bốn loại Phật, tức là phải có bốn loại Bồ Xứ Bồ Tát nhằm phù tá Phật hoàng truyền bốn giáo ấy. Hoặc là nói “*tương tịch diệt của các pháp, chẳng thể dùng ngôn ngữ để diễn tả, thì sanh sanh*<sup>125</sup> *còn chẳng thể nói, hướng hồ sanh bất sanh*” v.v... u? Hoặc nói “*do có nhân duyên nên cũng có thể nói*” thì không chỉ là sanh sanh có thể nói, mà cho đến bất sanh bất sanh cũng có thể nói! Dùng cửa Phật giáo để thoát khỏi nỗi khổ sanh tử, chớ nên một mực chấp trước “*vô thuyết*”!

Bậc Bồ Xứ trong Tam Tạng giáo thì trăm kiếp gieo nhân nơi tướng hảo, chế phục Hoặc, chứ chưa đoạn được, chỉ có thể đạt tới Nhân Vị của Thanh Văn. Chỉ vì hạnh Lục Độ thành tựu, thế nguyện sắp mãn, từ bi huân chúng sanh, cũng có thể dẹp khổ, ban vui, tức là xét theo Thế Trí thuộc các pháp sanh bởi nhân duyên. [Vị Bồ Xứ trong Tạng Giáo này] quán âm thanh trong lục đạo thể gian, cho nên gọi là Quán Thế Âm.

Bậc Bồ Xứ trong Thông Giáo quán Chân, đoạn kết sử, chẳng trụ vào Không. Từ Không xuất Giả, Đạo và Quán cùng lưu xuất, du hý thần

---

<sup>125</sup> Đây là một khái niệm dựa theo “*lục bất khả thuyết*” (sáu điều chẳng thể nói) trong kinh Đại Bát Niết Bàn (quyển hai mươi mốt). Tông Thiên Thai phối ứng điều này với tứ giáo, phán định như sau:

- Sanh sanh bất khả thuyết: Tạng Giáo nói nhân duyên là cái có thể sanh (năng sanh), các pháp là cái được sanh (sở sanh), cả hai đều là thật sự có, cho nên gọi là Sanh Sanh. Nếu xét theo Viên Giáo, cả hai điều ấy đều chẳng thể nói được, nên gọi là Sanh Sanh Bất Khả Thuyết.

- Sanh bất sanh bất khả thuyết: Thông Giáo nói bản thể của năng sanh và sở sanh đều là không, cho nên gọi là Sanh Bất Sanh.

- Bất sanh sanh bất khả thuyết: Biệt Giáo nói lý Chân Như chẳng sanh, sanh ra sự là mười pháp giới sai biệt. Vì thế nói là Bất Sanh Sanh.

- Bất sanh bất sanh bất khả thuyết: Viên Giáo nói lý Chân Như và Sự thuộc mười pháp giới chẳng hai, do vậy gọi là Bất Sanh Bất Sanh.

thông, thanh tịnh quốc độ của Phật, tức là dùng Thể Không Nhất Thiết Trí để quán âm thanh của lục đạo thế gian, bèn gọi là Quán Thế Âm.

Bậc Bồ Xứ của Biệt Giáo, Thập Trụ đoạn Kiến Tư Hoặc, thành Nhất Thiết Trí. Thập Hạnh thì dùng tứ môn của tứ giáo để quán Giả, đoạn Trần Sa Hoặc, thành tựu Đạo Chứng Trí. Thập Hồi Hướng tu tập Trung Quán, chế phục vô minh. Sơ Địa đoạn một phần vô minh, thành tựu một phần Nhất Thiết Chứng Trí. Sau khi đã đắc Thập Địa, vô minh sắp hết, quán đánh thọ chức<sup>126</sup>, đại từ, đại bi huân khắp pháp giới, hễ có cơ cảm đều có thể “đẹp khổ, ban vui”, tức là dùng Thứ Đệ Tam Trí để quán âm thanh của mười pháp giới thế gian, cho nên gọi là Quán Thế Âm.

Bậc Bồ Xứ của Viên Giáo từ sơ phát tâm chánh quán Trung Đạo, biết rõ ba ngàn tánh tướng của chúng sanh trong mười pháp giới như hình tượng trong gương, như vàng trắng trong nước, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng thể nói là Có, chẳng thể nói là Không, rốt ráo chẳng thật, nhưng lý Tam Đế rành rành trọn đủ, chẳng trước, chẳng sau, ở trong nhất tâm, chính là một mà luận định là ba, tuy là ba mà luận một. Quán Trí đã là như thế, Đế lý cũng thế. Một Đế chính là Tam Đế, Tam Đế chính là một Đế, tức là từ trong sơ tâm mà quán trọn hết thấy các Phật pháp thuộc Tam Đế.

---

<sup>126</sup> “*Quán đánh thọ chức*” có hai cách hiểu:

- Bồ Tát từ đệ cửu địa khi tiến nhập địa vị thứ mười là Pháp Vân Địa, chư Phật dùng trí thủy để rưới lên đỉnh đầu, chứng minh vị ấy đã nhận chức Pháp Vương Tử.

- Trong Mật Giáo, khi đệ tử đức hạnh và học vấn tốt đẹp, tương xứng, đúng là căn cơ thích đáng để nhận lãnh mật pháp, vị A Xà Lê liền làm lễ quán đánh truyền pháp. Khi đó, để chuẩn bị, hành giả phải tu gia hạnh (các hạnh phụ trợ để thanh tịnh tam nghiệp, chẳng hạn như cách tu Ngöndro (tiếng Phạn là pūrvaka, nghĩa là tiền phương tiện gia hạnh) của Mật Giáo Tây Tạng, tức là phải sám hối đủ mười ngàn lần, thực hiện nghi quỹ cúng dường Mạn Đà La mười ngàn lần, tụng Bách Tự Chú của Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát mười ngàn lần v.v...) rồi mới được vào đàn tràng lãnh thọ pháp. Hành giả cầm hoa gieo vào Mạn Đà La, hoa rơi xuống vị Phật, Bồ Tát, thánh chúng nào được vẽ (hoặc ghi chủng tử) trong Mạn Đà La, sẽ được A Xà Lê truyền trao chân ngôn, thủ ấn, và cách tu pháp chân ngôn của vị tôn thánh ấy. Vị A Xà Lê dùng nước từ năm cái trí bình (đặt ở bốn góc và trung tâm Mạn Đà La) rưới lên đầu hành giả (gọi là “quán đánh”). Chuyện này thường được gọi là “*quán đánh thọ chức*”, hàm nghĩa hành giả được rưới nước trí thủy của mười phương chư Phật, tiếp nhận ngôi vị pháp vương tử.

Ở đây, phải hiểu theo cách thứ nhất.

Vô Duyên Từ Bi ở trong nhất tâm, tu trọn vạn hạnh và các Ba La Mật, nhập địa vị Thập Tín, đã có thể vĩnh viễn già biệt khổ luân trong tam giới, tứ trụ rơi rụng trước, sáu căn thanh tịnh, được gọi là Tương Tự Giải. Tấn nhập sơ tâm của Thập Trụ, liền phá vô minh, khai phát Thất Tướng, đặc “một thân là vô lượng thân” của Như Lai, lặng lẽ ứng với hết thấy, trọn đủ Tam Trí. Từ sự thọ dụng thù thắng mà đặt tên, chỉ gọi là Nhất Thiết Chung Trí. Trọn đủ ngũ nhãn, từ sự thọ dụng thù thắng mà đặt tên, chỉ gọi là Phật nhãn. Vì thế nói là “*khai Phật tri kiến*”. Công đức của Sơ Trụ đã chẳng thể trọn hết, hưởng hồ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, hưởng hồ bậc Đẳng Giác ư? Nếu có thể hiểu như thế, sẽ gọi là Nhân Pháp của Viên Giáo.

Xét theo Vô Tác Tứ Đế, khởi Vô Duyên Từ Bi, tu Định Huệ bất nhị, thành tựu hai thân Chân và Ứng, thật sự trọn khắp pháp giới. Dược Châu (dược thụ vương và Như Ý Châu) ứng trọn khắp hết thấy, ngang hay dọc đều thích ứng căn cơ, hai thứ lợi ích ngấm ngấm và rõ rệt, dùng bảo tạng Kim Cang Bát Nhã chẳng khuyết để dẹp trừ các nỗi khổ vi tế thuộc hai loại sanh tử. Dùng Thủ Lăng Nghiêm pháp giới kiện tướng [tam-muội] và tam điểm Niết Bàn đại tự tại lạc, được gọi là “*nhất tâm tam trí chẳng thể nghĩ bàn*” để quán âm thanh chẳng thể nghĩ bàn thuộc nhất cảnh Tam Đế trong mười pháp giới, thì gọi là Quán Thế Âm.

Hỏi: - Đã quán chúng sanh “chẳng phải có, chẳng phải không”, có sao hành từ bi?

Đáp: - Nếu chẳng hiểu rõ Trung Đạo, sẽ chẳng biết “chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật”. Nếu không biết “chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật” thì cũng chính là “vô Quyền, vô Thật”. Nếu vô Quyền, vô Thật, sẽ chẳng có bốn phen nhân quả. Nếu hiểu rõ Trung Đạo thì Quyền và Thật cùng chiếu. Nếu Quyền và Thật cùng chiếu, sẽ có ba loại nhân quả thế gian và xuất thế gian thuộc Quyền Tứ Đế, và cũng có nhân quả thế gian và xuất thế gian thuộc Nhất Thật Vô Tác Tứ Đế, rành rành trọn đủ trong một niệm tâm. Vì lẽ nào vậy? Dùng Thất Tướng huệ để giác liễu các pháp “chẳng phải không, chẳng phải có” thì gọi là Phật Bảo. Lý pháp tánh được giác ấy trọn đủ Tam Đế thì chính là Pháp Bảo. Giác huệ như thế hòa hợp cùng Lý Sự, gọi là Tăng Bảo.

“*Sự hòa*” (Hòa hợp theo phương diện sự tướng) liền có thánh hiền tăng thuộc ba giáo trước (Tạng, Thông, Biệt). “*Lý hòa*” bèn có hiền thánh tăng thuộc bốn mươi hai địa vị trong Viên Giáo. Vì thế, Đại Kinh dùng chuyện mặt trăng tăng hay giảm để sánh ví Trí Đức và Đoạn Đức. Trăng trước ngày Rằm, ví như trí quang (quang minh trí huệ) dần dần



tăng trưởng, tức là Trí Đức. Quang minh sau Rằm ví như vàng trắng khuyết, dần dần giảm bớt, tức là Đoạn Đức. Bản thể của trắng vốn chẳng có tròn, khuyết, tương sáng cũng chẳng có voi đầy. Thể chẳng thiên lệch hay toàn vẹn ví như Thật Tướng. Ánh sáng có voi đầy ví như Trí Đoạn. Trí quang tăng thêm, tức là các pháp chẳng sanh mà sanh Bát Nhã. Đoạn quang giảm thiểu, tức các pháp chẳng diệt mà phiền não diệt. Tăng giảm như thế, hằng ngày đều có. Trí Đoạn như thế, chón chón đều có đủ. Như là trong ngày Rằm, Thể tròn vẹn, ánh sáng trọn đủ, nhưng trắng chẳng tròn hơn, ánh sáng chẳng mạnh hơn. Điều này ví như Lý Trung Đạo tột cùng, trí Bồ Đề viên mãn. Vì thế nói: “*Bất sanh bất diệt gọi là Đại Niết Bàn*”.

Nếu là ngày Ba Mươi, thể tận, quang diệt, rốt ráo chẳng còn sót gì. Điều này ví như vô minh đã trừ hết, tà vạy, điên đảo vĩnh viễn trừ diệt, chẳng có Hoặc để có thể đoạn. Vì thế nói: “*Bất diệt bất diệt gọi là Đại Niết Bàn*”. Nói về Trí Đoạn của Tăng Bảo như thế, đều là xét theo pháp Trung Đạo Nhất Thật Tướng, hết thấy nhân quả chẳng bị phá hoại, mất mát. Nếu chẳng hiểu “*Trung Đạo chẳng phải Không, chẳng phải Giả*”, chỉ chấp trước đoạn, thường v.v... thì chính là phá nhân quả thế gian và xuất thế gian thuộc Sanh Diệt Tứ Đế, phá Tam Bảo thuộc Tam Tạng Giáo. Nếu chỉ nói “*vô thường sanh diệt*” thì chính là phá Vô Sanh Tứ Đế và Tam Bảo của Thông Giáo. Nếu chỉ nói “*thấu hiểu Chân Đế chẳng sanh, chẳng diệt*” tức là phá Vô Lượng Tứ Đế và Tam Bảo của Biệt Giáo. Nếu chỉ nói theo thứ tự hiển lộ chẳng phải Không chẳng phải Hữu, thì cũng là phá Vô Tác Tứ Đế và Nhất Thể Tam Bảo của Viên Giáo. Truyền dạy lẫn nhau, người phá hoại đánh mất điều trước thì nhiều, kẻ phá hoại đánh mất điều sau thì ít. Nếu nay hiểu ý Viên Giáo, sẽ là hết thấy đều chẳng bị phá hoại, mất mát.

Hỏi: - Nếu viên tu Thật Tướng thì nhất pháp Tam Đế, nhất tâm tam quán trọn đủ các pháp, cũng phải nên là “*một giáo diễn tả trọn đủ bốn giáo*”. [Vậy thì] chỉ cần nói Viên Giáo là đủ rồi, cần gì phải phân biệt bốn giáo như trên đây?

Đáp: - “*Một giáo nói trọn vẹn hết thấy các pháp*” thì chỉ thích đáng cho người lợi căn, còn tứ giáo sai biệt nhằm tương ứng kẻ độn căn. Nếu chẳng do phân biệt theo thứ tự, sẽ do đâu để có thể hiểu viên đốn? Dùng Biệt để hiển Viên; vì thế, trước hết nói bốn giáo. Chẳng hạn như muốn nói rõ Nhất Tâm Tam Quán, trước hết bèn giảng rõ Thứ Đệ Tam Quán. Tuy nói các thứ đạo, thật ra là Nhất Thừa. Nếu có chúng sanh chẳng tin nhận, sẽ được chỉ dạy, đạt lợi ích, hoan hỷ trong các pháp sâu

xa khác của Như Lai. “*Các pháp khác*” chính là ba giáo trước. Đã nhập Phật huệ, phương tiện sẽ tự dứt. Vì thế nói: “*Duy thử nhất sự thật, dư nhị tắc phi chân*” (Chỉ có một sự thật này, hai thứ khác chẳng thật). Vì thế biết: Chỉ một giáo pháp viên đôn, Nhất Thiết Chứng Trí, Trung Đạo chánh quán. Chỉ có điều ấy là Quán Thế Âm nơi Thật, các điều khác đều là nói phương tiện.

Xét theo Bốn Tích, kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi nói: “*Thử Bồ Tát bất khả tư nghị oai thần chi lực. Ư quá khứ vô lượng kiếp tiền, dĩ tác Phật cánh, hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai. Đại bi nguyện lực, an lạc chúng sanh, hiện tác Bồ Tát*” (Vị Bồ Tát này có sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn. Vô lượng kiếp trong thuở quá khứ trước kia, Ngài đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Do đại bi nguyện lực, an lạc chúng sanh, bèn hiện làm Bồ Tát). Kinh Quán Âm Tam Muội lại nói: “*Tiên dĩ thành Phật, hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai, Thích Ca vi bỉ Phật tác khổ hạnh đệ tử*” (Trước kia, Ngài đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Phật Thích Ca làm đệ tử khổ hạnh của đức Phật đó). Kinh Bi Hoa chép: “*Quá khứ Bảo Tạng Phật thời, Chuyển Luân vương đệ nhất thái tử, tam nguyệt cúng Phật cập tỳ-kheo tăng, phát Bồ Đề tâm. Nhược hữu chúng sanh, thọ tam đồ đẳng nhất thiết khổ não, nhược năng niệm ngã, xưng ngã danh tự, vi ngã thiên nhân, thiên nhĩ văn kiến, bất miễn khổ giả, ngã chung bất thành Vô Thượng Bồ Đề. Bảo Tạng Phật ngôn: - Nhữ quán nhất thiết chúng sanh, dục đoạn chúng khổ. Cố kim tự nhữ vi Quán Thế Âm*” (Trong quá khứ, thời Bảo Tạng Phật, Thái Tử thứ nhất của vua Chuyển Luân trong ba tháng cúng Phật và tỳ-kheo tăng, phát Bồ Đề tâm, [phát thệ rằng]: “Nếu có chúng sanh hứng chịu hết thấy các khổ não như tam đồ v.v... mà nếu có thể niệm ta, xưng danh tự của ta, được ngàn mắt ngàn tay của ta thấy nghe mà chẳng khỏi khổ, ta trọn chẳng thành Vô Thượng Bồ Đề”. Phật Bảo Tạng bảo: “Ông quán hết thấy chúng sanh, muốn đoạn các nỗi khổ. Nay ta đặt tên cho ông là Quán Thế Âm”). Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, [trong phần Nhĩ Căn Viên Thông] có nói: “*Ngã niệm vãng tích vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Quán Thế Âm. Ngã u bỉ Phật phát Bồ Đề tâm. Bỉ Phật giáo ngã tụng Văn, Tu, Tu, nhập tam-ma-địa. Sơ u văn trung, nhập lưu vong sở, nãi chí hốt nhiên siêu việt thế xuất thế gian, hoạch nhị thù thắng: Nhất giả, thượng hợp thập phương chư Phật, dữ Phật Như Lai đồng nhất từ lực. Nhị giả, hạ hợp thập phương nhất thiết chúng sanh, dữ chư chúng sanh đồng nhất bi ngưỡng, đắc thành tam thập nhị ứng, thập tứ vô úy, tứ bất tư nghị vô tác diệu đức. Bỉ Phật*

*thán ngã thiện đắc Viên Thông pháp môn, u đại hội trung, thọ ký ngã vì Quán Thế Âm hiệu. Do ngã quán thính thập phương viên minh, cố Quán Âm danh, biến thập phương giới”* (Con nhớ trong vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp xưa kia, có Phật xuất thế, tên là Quán Thế Âm. Con phát tâm Bồ Đề nơi đức Phật ấy. Đức Phật ấy dạy con từ Văn, Tư, Tu nhập tam-ma-địa. Thoạt đầu, từ cái Nghe, tiến nhập dòng tâm thức, quên đi cái được nghe (trần cảnh), cho đến bỗng dung siêu việt thế gian và xuất thế gian, đạt được hai thứ thù thắng: Một là trên hợp với mười phương chư Phật, có cùng một từ lực với Phật Như Lai. Hai là dưới thì hợp với hết thảy chúng sanh trong mười phương, cùng với các chúng sanh cùng một niềm bi ngưỡng, đạt được ba mươi hai ứng thân, mười bốn vô úy, bốn món vô tác diệu đức chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật ấy khen ngợi con khéo đạt được pháp môn Viên Thông, bèn ở trong đại hội, thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm. Do con xem xét, nghe mười phương viên minh, cho nên danh hiệu Quán Thế Âm trọn khắp mười phương cõi). Kinh Quán Thế Âm Đắc Đại Thế Nhị Bồ Tát Thọ Ký chép: “*Thứ A Di Đà Phật hậu, đương thành Chánh Giác, danh Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai*” (Kể đó, sau A Di Đà Phật, [Quán Thế Âm Bồ Tát] sẽ thành Chánh Giác, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai). Bồn Tích như thế khó thể suy lường để biết được!

Giải thích theo quán tâm:

- Quán tâm được sanh bởi nhân duyên, đó là Quán Thế Âm trong Tam Tạng.
- Quán tâm chính là Không, đó là Quán Thế Âm trong Thông Giáo.
- Quán tâm chính là Giả, tức là Quán Thế Âm trong Biệt Giáo.
- Quán tâm tức Trung, đó là Quán Thế Âm trong Viên Giáo.

Lại chỉ trong một tâm niệm nhỏ bé hiện tiền ấy, dấu hôn mê, điên đảo, làm lạc, nhưng Kiến Phần có thể duyên, bản thể của nó không gì chẳng phải là Nhất Tâm Tam Quán. Bản thể của Tướng Phần được duyên [bởi Kiến Phần], không gì chẳng phải là nhất cảnh Tam Đế. Tuy bản thể của chúng đều là diệu trí, diệu cảnh, cảnh và trí chẳng hai; nhưng chúng sanh hằng ngày sử dụng mà chẳng biết, oan uổng hứng chịu luân hồi! Tuy luân hồi, Tánh Đức chẳng giảm. Đó là Lý Tức Quán Thế Âm.

Nếu nghe mà có thể hiểu, sẽ chẳng ở ngoài tâm để riêng hỏi Phật pháp và chúng sanh pháp. Đây chính là Danh Tự Tức Quán Thế Âm.

Nếu đúng như điều đã hiểu để tu Chỉ Quán, chế phục trọn vẹn ngũ trụ. Đó là Quán Hạnh Tức Quán Thế Âm.

Nếu sức Chỉ Quán mạnh mẽ, thô cấu rơi rụng trước, sáu căn thanh tịnh, sẽ là Tương Tự Túc Quán Thế Âm.

Nếu phát khởi chân vô lậu giải thuộc Trung Đạo, khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, sẽ là Phần Chứng Túc Quán Thế Âm.

Nếu viên mãn Bồ Đề, trở về vô sở đắc, rốt ráo thấu hiểu trọn hết Thật Tướng của cõi tam thiên. Đó chính là Cứu Cánh Túc Quán Thế Âm.

### **25.1.2.2. Giải thích từ ngữ Phổ Môn**

Kể đó, giải thích Phổ Môn, lại có hai ý:

- Một, giải thích Môn theo cách nói thông thường.
- Hai, xét theo mười nghĩa để giải thích.

#### **25.1.2.2.1. Giải thích theo đường lối thông thường**

Trong phần giải thích theo cách nói thông thường, lại có bốn ý:

- Một, liệt kê đại lược danh xưng của Môn.
- Hai, chỉ bày tướng trạng của Môn.
- Ba, nêu bày Quyền Thật.
- Bốn, luận định phổ và chẳng phổ.

##### **25.1.2.2.1.1. Liệt kê đại lược danh xưng của Môn**

Như cửa trong thế gian thông tới chỗ ở dù sang hay hèn. Kẻ phàm phu kém hèn dùng Thập Ác Ngũ Nghịch làm cửa để thông tới tam đồ. Kẻ thanh khiết hưởng thượng dùng Ngũ Giới, Thập Thiện, Tứ Thiên, Tứ Định làm cửa để thông tới nhân thiên. Ngoại đạo dùng Đoạn, Thường làm Môn để thông tới Hoặc khổ! Ái (Tu Hoặc) dùng bốn thứ điên đảo làm Môn, Kiến (Kiến Hoặc) dùng bốn câu làm Môn. Thiện ác tuy khác, nhưng nói tóm lại, đều là cửa dẫn tới hữu lậu thế gian, thông tới sanh tử.

Nếu nương vào pháp luân của Phật để làm môn, cũng lại rất nhiều:

- Bốn môn của Tam Tạng thông tới hữu dư và vô dư Niết Bàn.
- Bốn môn của Thông Giáo, gần thì thông tới hóa thành, xa thì thông tới thường trụ.
- Bốn môn của Biệt Giáo dần dần thông tới thường trụ.
- Bốn môn của Viên Giáo nhanh chóng thông tới thường trụ.

Đó chính là bốn lần bốn thành mười sáu giáo môn. Lại có mười sáu quán môn, hợp thành ba mươi hai, đều là ý nghĩa “có thể thông”, chi tiết thì như trong sách Huyền Nghĩa đã nói.

### **25.1.2.2.1.2. Nêu bày tướng trạng của Môn**

Bốn môn trong Tam Tạng (Tạng Giáo), tức A Tỳ Đàm (Abhidharma) là Hữu môn, Thành Thật Luận<sup>127</sup> là Không môn, Côn Lặc<sup>128</sup> là diệc Hữu diệc Không môn (môn vừa Có vừa Không), Xa Nặc<sup>129</sup> là phi Không phi Hữu môn, mỗi mỗi rộng nêu hành pháp để phán định địa vị hiện thánh, do môn thông tới Lý.

---

<sup>127</sup> Thành Thật Luận (Satyasiddhi-sāstra) do ngài Ha Lê Bạt Ma (Harivarman) trước tác, được ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán trong năm 411 tức trong niên hiệu Hoàng Thi nhà Diêu Tần. Thành Thật có nghĩa là “*thành tựu Tứ Đế chân thật*”. Luận quy kết tất cả các hiện tượng và vạn pháp trong vũ trụ đều không có thật thể, đều là Không. Dùng phép Quán như thế để thấu hiểu lý Tứ Đế, dùng bát thánh đạo diệt trừ các phiền não. Vào thời Nam Bắc Triều, đã thành lập một học phái chuyên nghiên cứu bộ luận này, gọi là Thành Thật Tông, và theo cách phán định thông thường, tông này được coi là Tiểu Thừa. Tuy thế, vẫn có những tranh luận giữa việc phán định luận này là Tiểu Thừa hay Đại Thừa. Chẳng hạn ba vị đại pháp sư đời Lương (Quang Trạch Pháp Vân, Trang Nghiêm Tăng Mân, và Khai Thiện Trí Tạng) dựa trên quan điểm của Pháp Hoa - Niết Bàn mà phán định luận này là Đại Thừa, trong khi ngài Gia Tường Cát Tạng lại cho rằng đây là luận Tiểu Thừa.

<sup>128</sup> Côn Lặc là một bộ luận của Tiểu Thừa, do tôn giả Ca Chiên Diên trước tác, luận về lý “diệc Hữu, diệc Vô”. Đại Trí Độ Luận quyển hai giảng: “*Thuở đức Phật tại thế, ngài Ma Ha Ca Chiên Diên hiểu lời Phật, soạn bộ Côn Lặc. Côn Lặc, dịch sang tiếng Hán là Khiếp Tạng, cho đến hiện thời vẫn lưu hành tại Thiên Trúc*”. Trong quyển mười tám của bộ luận ấy lại nói: “*Người trí nhập ba loại pháp môn, quán hết thấy lời Phật, đều là Thật Pháp chẳng hề trái nghịch, những gì là ba môn? Một là Côn Lặc môn, hai là A Tỳ Đàm môn, ba là Không môn. Côn Lặc là gì? Côn Lặc có ba trăm hai mươi vạn chữ, do ngài Đại Ca Chiên Diên trước tác thuở Phật tại thế. Sau khi Phật diệt độ, thọ mạng con người giảm dần, trí nhớ giảm bớt, chẳng thể tụng nhiều, những người đăc đạo bèn soạn thành ba trăm tám mươi bốn ngàn chữ. Nếu ai nhập vào Côn Lặc luận môn thì nghĩa lý vô cùng*”.

<sup>129</sup> Xa Nặc (Chandaka) tức là người hầu của đức Phật khi Ngài còn làm Thái Tử. Khi Thái Tử vượt thành xuất gia, Xa Nặc đã dẫn ngựa Kiên Trắc, mang tóc, và châu báu do Thái Tử trả lại cho vua Tịnh Phạn. Khi Thái Tử thành đạo, bèn theo Phật xuất gia. Thoạt đầu, do ý mình có thân phận tôn quý từ vương cung, Xa Nặc ôm táng ngạo mạn, thường khinh miệt các tăng sĩ thuộc các tầng lớp thấp hơn, tập quán ác khẩu chẳng sửa đổi, bị người đời gọi là Ác Khẩu tỳ-kheo, hoặc Ác Tánh Xa Nặc. Khi Phật sắp nhập diệt, ngài A Nan xin chỉ dạy cách đối trị, đức Phật dạy cách đối trị bằng

Bốn môn của Thông Giáo tức là Hữu như huyễn, Không như huyễn, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không, cũng là mỗi mỗi đều dựa theo hành tướng để phán định địa vị hiện thánh do môn thông tới Lý.

Bốn môn của Biệt Giáo tức là: Quán Phật tánh như nhà tối, bình, bòn, tức là Hữu môn. Quán Phật tánh như hư không, thành Ca Tỳ La trống rỗng, tức là Vô môn. Quán Phật tánh như vàng trong quặng đá, người có phước đạt được của báu, kẻ có tội thấy là đá. Đó là môn “cũng có, cũng không”. Quán Phật tánh lìa nhị biên, tức môn “chẳng có, chẳng không” thuộc Trung Đạo. Mỗi mỗi dùng làm hành tướng để phán định địa vị do Môn thông tới Lý.

Bốn môn của Viên Giáo có danh xưng chẳng sai khác Biệt Giáo, nhưng một môn chính là ba môn, ba môn chính là một môn, chẳng phải một, chẳng phải bốn, không có trái khắp hay riêng biệt sai khác, viên dung chẳng phải bốn môn mà là bốn môn. Mỗi mỗi đều là tướng trạng để phán định hạnh vị chẳng thể nghĩ bàn, cũng do Môn mà thông tới Lý.

### **25.1.2.2.1.3. Nói về Quyền Thật**

Hai giáo Tạng và Thông, dù giáo hay quán, tổng cộng mười sáu môn, cái có thể thông (năng thông) và cái được thông (sở thông) hoàn toàn là Quyền. Trong tám môn<sup>130</sup> giáo và quán của Biệt Giáo thì năng thông là Quyền, sở thông là Thật. Trong tám môn giáo quán của Viên Giáo, năng thông và sở thông đều là Thật.

### **25.1.2.2.1.4. Nói về phổ và chẳng phổ**

Các môn Kiến, Ái v.v... của phàm phu và ngoại đạo còn chẳng thể dẫn đến thoát khỏi tam giới, hướng hồ là Phổ ư? Hai giáo Tạng và Thông chỉ thông tới hóa thành, cũng chẳng phải là Phổ! Biệt Giáo dần dần thông, cũng chẳng phải là ý nghĩa Phổ. Chỉ có giáo và quán của Viên Giáo là pháp môn Thật Tướng, có thể trọn khắp một ngàn tánh

---

mặc tẫn. Sau khi đức Phật nhập diệt, các tỳ-kheo vâng theo cách ấy để đối trị. Xa Nặc hỏi cải, theo A Nan học đạo, đấng A La Hán quả.

<sup>130</sup> Nói “tám môn” tức là đối với giáo bèn có bốn môn (có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không), quán cũng có bốn môn như vậy. Do đó, hợp thành tám môn.

tướng Tam Đế của mười pháp giới, cùng lúc viên thông, viên thông Trung Đạo, cùng chiếu hai Đế. Vì thế, gọi là Phổ Môn.

Phân giải thích Môn theo cách nói thông thường đã xong.

#### **25.1.2.2.2. Dựa theo mười nghĩa để giải thích Phổ Môn**

Lý tốt cùng chẳng thuộc về pháp số, do ứng với duyên hồng lợi lạc chúng sanh mà lập ra một, hai tên, hoặc nhiều đến vô lượng, rộng hay lược (tức một, hai tên hay vô lượng tên) đều thích đáng. Nay ở đây, nêu ra đại lược mười nghĩa: Một là từ bi phổ, hai là hoằng thệ phổ, ba là tu hành phổ, bốn là đoạn Hoặc phổ, năm là nhập pháp môn phổ, sáu là thần thông phổ, bảy là phương tiện phổ, tám là thuyết pháp phổ, chín là cúng dường chư Phật phổ, mười là thành tựu chúng sanh phổ.

Phổ Môn theo đường lối chung như trong phần trên là xét theo pháp, còn mười môn Phổ ở đây đều dựa trên sự tu hành phước đức trang nghiêm. Năm môn đầu (từ bi, hoằng thệ, tu hành, đoạn Hoặc, nhập pháp môn) là tự hành, ba môn kế tiếp (thần thông, phương tiện, thuyết pháp) là hóa độ người khác, hai môn sau cùng (cúng dường chư Phật và thành tựu chúng sanh) nhằm kết lại hai ý trên đây. Trong phần tự hành, bốn môn đầu (từ bi, hoằng thệ, tu hành, đoạn Hoặc) là tu nhân, môn thứ năm (nhập pháp môn) nói về quả. Tu nhân lại gồm hai phần: Hai môn đầu (từ bi và hoằng thệ) là nguyện, môn ba và bốn (tu hành và đoạn Hoặc) là hạnh.

Luận về sự sanh khởi chung [theo thứ tự của mười món Phổ ấy], Bồ Tát thấy hết thấy chúng sanh khổ não, dấy lòng đại từ bi. Cái tâm ấy tuy chưa phải là Bồ Đề tâm, nhưng có thể sanh khởi Bồ Đề tâm. Ví như địa và thủy tuy chưa phải là chủng tử, nhưng có thể khiến cho [hạt giống] nảy mầm. Nay do đại từ bi bèn khởi Bồ Đề tâm cũng giống như thế.

Kế đó là thệ nguyện. Nếu chỉ từ bi, thường là phần nhiều bị thoái đọa. Vì thế nói: “*Ngư tử, Am La hoa, Bồ Tát sơ phát tâm, tam sự nhân trung đả, cập kỳ thành tựu thiếu*” (Cá con, hoa xoài, Bồ Tát sơ phát tâm. Ba chuyện ấy nơi nhân thì nhiều, nhưng thành tựu thì ít) do bất định vậy. Cần phải khởi thệ nguyện, mong quyết đạt được, để duy trì cái tâm ấy, khiến cho Bồ Đề kiên cố.

Tiếp đó là tu hành. Nếu chỉ phát nguyện, chưa lợi ích người khác, như chẳng có tài lực lẫn quyền mưu, sẽ chẳng thể dẹp nạn. Bồ Tát cũng thế, cần phải có “của cải” phước đức, sức thần thông, và mưu lược trí

huệ, thì mới có thể giáo hóa, hướng dẫn. Vì thế, cần phải tu hành để bồi đắp cho nguyện, tức là phương tiện đạo.

Kế đó là đoạn Hoặc, tức vô ngại đạo.

Kế đó, nhập pháp môn, tức là giải thoát đạo.

Đáy chính là thứ tự trong tự hành.

Kế đến là thần thông v.v... [trong Thập Phổ]. Nếu muốn hóa độ người khác, cần phải chỉ bày tam luân: Thần thông là thân luân, phương tiện là ý luân, thuyết pháp là khẩu luân. Trước hết, dùng Định để đả động; sau đó, dùng Huệ để dẹp trừ [phiền não, mê hoặc]. Đó chính là thứ tự trong việc hóa độ người khác.

Kế đó, cúng dường chư Phật nhằm kết lại sự tự hành. Tùy thuận tu hành chính là Pháp Cúng Dường chân thật, là cao quý nhất trong các sự cúng dường. Do đó, Đại Kinh nói: “*Nhữ tùy ngã ngữ, tức cúng dường Phật*” (Ông tùy thuận lời ta thì chính là cúng dường Phật). Vâng theo giáo mà hành chính là kết lại sự tự hành. Thành tựu chúng sanh chính là kết lại sự hóa tha (hóa độ người khác). Bồ Tát nhập các pháp môn, thanh tịnh cõi Phật, đều vì lợi ích hết thảy chúng sanh.

#### **25.1.2.2.2.1. Từ bi phổ**

Giải thích [Thập Phổ, khởi đầu bằng Từ Bi Phổ]: Khởi đầu từ nhân thiên cho đến [hàng Bồ Tát đã] nhập Sơ Địa đều có từ bi. Nói kiểu ấy chính là Thông (nói chung, nói tổng quát), [từ bi] chẳng ra ngoài [ba loại là] chúng sanh duyên, pháp duyên, và vô duyên. Nếu xét theo thứ tự của ba lòng Từ thì khi duyên chúng sanh, do giả danh sai biệt của chúng sanh khác nhau, do nhân quả khổ hay lạc sai khác, vẫn chẳng thể nhập pháp duyên từ, sao có thể gọi là Phổ? Nếu là pháp duyên từ, thì vô nhân, vô ngã, vô chúng sanh. Từ Giả nhập Không, còn chẳng đạt được các giả danh, hà huống là Phổ? Nếu là vô duyên từ thì chẳng duyên theo giả danh trong hai mươi lăm Hữu (tam giới), chẳng duyên theo pháp Niết Bàn của Nhị Thừa. Tuy chẳng duyên theo, nhưng có thể cùng chiếu cả Không lẫn Giả. Dựa theo đó mà đáy lòng Từ thì gọi là Vô Duyên Từ. Tâm thông Tam Đế, bèn gọi là Phổ. Nếu xét theo nhất tâm viên diệu, ba lòng Từ chẳng phải vậy. [Phân tích cận kề như sau]:

#### **25.1.2.2.2.1.1. Chúng Sanh Duyên Từ Bi Phổ**



Như chúng sanh duyên từ bi (lòng từ bi do thấy có chúng sanh đẽ dẽ khổ, ban vui), nếu quán giả danh của chúng sanh trong một pháp giới, sẽ chẳng thể gọi là Phổ. Nay quán giả danh của chúng sanh trong mười pháp giới, mỗi pháp giới đều có [mười món Như Thị là] tướng, tánh, bốn mặt cứu cánh v.v... của mười pháp giới. Mười pháp giới đối ứng lẫn nhau, bèn có “*bách giới, thiên như*”<sup>131</sup> rành rành trọn đủ ở trong một niệm tâm. Ví như mặt người có đủ các tướng cát, hung, kẻ bình phàm chẳng biết, nhưng thầy coi tướng khéo biết. Một tâm của chúng sanh trọn đủ tánh và tướng của bách giới thiên như cũng giống như thế. Phàm phu điên đảo, lý trọn đủ, nhưng mê tình; thánh nhân hay biết, giống như thầy tướng biết ngàn loại tánh tướng ấy đều là các pháp sanh bởi nhân duyên. Nếu là pháp sanh bởi nhân duyên ác, sẽ chính là tánh, tướng khổ cho đến bốn mặt khổ. Do họ chưa giải thoát, do quán nỗi khổ ấy, cho nên [Bồ Tát] dấy lòng đại bi. Nếu là pháp sanh bởi thiện nhân duyên, sẽ có tướng, tánh của lạc cho đến bốn mặt của lạc. Do họ chưa chứng đắc, cho nên quán điều này mà [Bồ Tát] khởi lòng đại từ. Nói chi tiết thì như trong sách Huyền Nghĩa đã giải thích cặn kẽ tánh, tướng v.v... của mười pháp giới. Bồ Tát quán sâu xa ngàn loại tánh tướng của chúng sanh trong mười pháp giới đều trọn đủ trong nhất tâm, tìm kiếm cội nguồn xa xôi, soi chiếu điều ác và điều thiện nơi Tánh Đức, còn tự lãnh hội phân minh; hướng hồ chẳng chiếu tỏ thiện ác do tu đắc ư? Như thấy Tuyết sơn có được vương, mà cũng có cỏ độc. Do quán sự ác độc trong Tánh Đức, sẽ động lòng xót thương, dấy tâm đại bi, muốn dẹp trừ nỗi khổ ấy. Do quán sự thiện lạc trong Tánh Đức, bèn ái niệm hoan hỷ, khởi tâm đại từ, mong ban cho họ sự vui. Mười pháp giới ấy thấu nhiếp hết thấy chúng sanh chẳng còn sót. Duyên theo giả danh của các chúng sanh ấy mà tu từ bi, há chẳng phải là Chúng Sanh Duyên Từ Bi Phổ ư?

Hỏi: - Nỗi khổ nặng nề trong địa ngục chưa dẹp trừ, ban vui bằng cách nào?

Đáp: - Khi chúng sanh vào địa ngục, phần nhiều khởi ba niệm, Bồ Tát thừa dịp [cứu độ]; đây chính là cái nhân ban vui. Vì thế nói là “ban vui”. Lại nữa, Bồ Tát có thể đại bi chịu khổ thay [cho các tội nhân trong địa ngục], khiến cho họ được ngồi nghỉ. Chính nỗi khổ kia (tức nỗi khổ

---

<sup>131</sup> Mỗi pháp giới đều có đủ mười pháp giới (trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La...) nên 10x10 thành một trăm pháp giới. Đó là “bách giới”. Mỗi pháp giới lại có mười như thị (tánh như thị, tướng như thị...), nên 10x100=1.000 món như thị. Đó là Thiên Như.

trong chín pháp giới ngoài địa ngục giới) còn nhẹ; ý nghĩa “ban vui” dễ hiểu.

### **25.1.2.2.2.1.2. Pháp Duyên Từ Bi Phổ**

Kể đó, nói đến Pháp Duyên Từ Bi Phổ. Quán tánh tướng của mười pháp giới, hết thấy thiện ác đều là hư không, mười pháp giới là giả danh. Giả danh thì đều là Không. Đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức trong mười pháp giới thì Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều là Không. Xứ sở trong mười pháp giới, xứ sở đều là Không. Vô ngã, vô ngã sở, đều chẳng thể được, như huyễn, như hóa, chẳng có chân thật, tướng thường tịch diệt, rốt ráo quy vào Không. Có sao chúng sanh cưỡng chấp là thật, chẳng hay, chẳng biết, bị khổ, bị não, chẳng đạt được niềm vui vô vi tịch diệt? Nay muốn dẹp nỗi khổ ấy, khởi đại bi; do muốn ban cho [chúng sanh] niềm vui ấy, bèn dấy lòng đại từ. Vì thế, kinh Tịnh Danh nói: “*Năng vị chúng sanh thuyết như thử pháp, tức chân thật Từ dã*” (Có thể vì chúng sanh nói pháp như thế thì chính là lòng Từ chân thật). Nếu duyên theo pháp của một pháp giới để khởi lòng từ bi, sẽ chẳng thể gọi là Phổ! Nay duyên theo pháp của mười pháp giới, há chẳng phải là Phổ ư?

### **25.1.2.2.2.1.3. Vô Duyên Từ Bi Phổ**

Nếu duyên theo giả danh sai biệt của tánh, tướng v.v... trong mười pháp giới, thì cái giả ấy chẳng phải là giả; mười pháp giới như huyễn, như hóa, Không chẳng phải là Không. Do chẳng phải là Giả, cho nên chẳng duyên theo tánh tướng của mười pháp giới. Do chẳng phải là Không, cho nên chẳng duyên theo Chân trong mười pháp. Đã ngăn che hai bên (Không và Giả), chẳng trụ, chẳng chấp, cho nên gọi là Trung Đạo, mà cũng chẳng có Trung để có thể duyên theo, rốt ráo thanh tịnh. Khi quán như thế, tuy chẳng duyên theo Không và Giả, tùy ý cùng chiếu hai bên (Không và Giả), dấy lên Vô Duyên Từ Bi, dẹp trừ hai thứ tử khổ (Phản Đoạn và Biến Dịch), ban cho niềm vui Trung Đạo như nam châm hút sắt, chẳng có ai dạy bảo mà tự nhiên tương ứng. Vô Duyên Từ Bi thu hút căn cơ Tam Đế chẳng hề sai sót, chẳng cần phải dấy lên ý niệm. Hành giả thoát đầu từ địa vị phàm phu, do tu lòng từ bi ấy, liền nhập Vô Duyên Từ Bi thuộc Ngũ Phẩm Quán Hạnh, tiên nhập Tương Tự Vô Duyên Từ Bi của Thập Tín. Kể đó, nhập Thập Trụ thì mới là phân chứng

Vô Duyên Từ Bi. Cho đến Đẳng Giác, gần với địa vị từ bi tột cùng, phổ huân chúng sanh, bất động mà ứng, như gương sáng hiện hình bóng, như nam châm hút sắt, Tam Đế trọn đủ. Vì thế, gọi là Phổ, do thông tới Trung Đạo. Do đó, gọi là Môn.

#### **25.1.2.2.2. Hoằng thệ phổ**

“*Hoằng thệ*”: Hoằng (宏) là rộng lớn, Thệ là chế ngự. Nguyên là mong cầu, tức là chế ngự cái tâm để rộng cầu pháp thù thắng. Vì thế gọi là Tứ Hoằng Thệ Nguyên. Hoằng thệ vốn thành tựu từ bi, mà từ bi đã duyên theo khổ lạc, [cho nên] Hoằng Thệ cũng xét theo Tứ Đế. Nếu thấy Khổ Đế bức bách, tàn độc, đau xót, bèn nương theo đó dấy lên thệ nguyện. Vì thế nói “*kẻ chưa độ sẽ khiến cho được độ*”. Nếu thấy Tập Đế điên đảo, bị mê hoặc trói buộc, sẽ duyên theo đó dấy lên thệ nguyện. Vì thế nói “*sẽ khiến cho người chưa giải được giải*”, hành thanh tịnh đạo, có thể thoát khỏi sanh tử, đạt tới địa vị an lạc. Chúng sanh chẳng biết, muốn dạy cho chúng sanh trụ yên nơi đạo ấy. Vì thế nói “*kẻ chưa an sẽ khiến cho được an*”. Phiền não diệt mất, sự trói buộc của tử quả<sup>132</sup> bị cắt đứt, thì gọi là Niết Bàn. Chúng sanh chưa chứng, duyên theo đó để dấy lên thệ nguyện. Vì thế nói “*kẻ chưa đắc Niết Bàn, sẽ khiến cho đắc Niết Bàn*”. Cái nhân sanh tử khó biết, khổ quả dễ biết. Vì thế, [trong khi dạy bảo nhân quả, phải nói theo thứ tự] “trước là quả, sau là nhân”. Diệu lý Niết Bàn cần phải có phương tiện thiện. Vì thế, [cần phải nói theo thứ tự] “trước là nhân, sau là quả”. Tứ Đế như thế chẳng ra ngoài nhất tâm. Do mê tâm mà dấy nghiệp, hề có nghiệp liền cảm quả. Muốn biết cội nguồn của quả, thì quả chỉ do Tập. Chế phục cái tâm, dứt nghiệp, tức là sanh tử luân hư hoại. Điều phục phiền não thì gọi là Đạo. Tu hành chẳng lười nhác, khổ nhẫn sẽ sáng tỏ, dấy khởi, tử quả đều đoạn, thì gọi là Diệt. Tuy có bốn thứ sai khác (tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo), rốt cuộc là một niệm, chẳng có pháp nào khác. Tứ Đế đã là như thế, hoằng thệ cũng thế. Chỉ là do phàm phu chán ngán dưới, nắm níu trên, bèn duyên theo đó mà lập thệ. Hễ chưa thấu đạt Tứ Đế, sẽ chẳng gọi là Phổ.

Tạng Giáo và Thông Giáo chỉ thấy Phần Đoạn Tứ Đế, cũng chẳng gọi là Phổ. Biệt Giáo trước hết dựa theo Phần Đoạn rồi mới đến Biến

---

<sup>132</sup> “Tử quả” tức là cái quả sanh bởi chủng tử, nói rộng hơn thì là cái quả sanh bởi phiền não trong quá khứ; đối lập với “quả tử” (chủng tử phát sanh khi quả báo chín muồi).

Dịch, đây cũng chẳng gọi là Phô. Viên Giáo Bồ Tát trong nhất tâm, biết trọn khắp hết thấy Khô, Tập, Diệt, Đạo. “*Biết trọn khắp Tập*”: Kiến ái của phàm phu là hữu tác Tập. Nhị Thừa chấp Không, tức là vô tác Tập. Vì thế, kinh Tịnh Danh nói: “*Pháp danh vô nhiễm. Nhược nhiễm u pháp, thị danh nhiễm pháp, phi cầu pháp dã*” (Pháp là vô nhiễm. Nếu nhiễm nơi pháp thì gọi là nhiễm pháp, chẳng phải là cầu pháp). Lại nói: “*Kết tập vị tận, hoa tặc trước thân*” (Chưa sạch hết kết sử, tập khí thì hoa dính nơi thân)<sup>133</sup>, tức là Biến Dịch Hoặc (chấp trước đối với Biến Dịch sanh tử) hoàn toàn chưa trừ. Đại Kinh nói: “*Nhữ chư tỳ-kheo, u thử Đại Thừa, vị vi chánh pháp trừ chư kết sử, tức Vô Tác Tập dã. Nãi chí thuận đạo pháp ái sanh, diệc thị Vô Tác Tập dã*” (Tỳ-kheo các ông đối với Đại Thừa này, chưa vì chánh pháp trừ các kết sử, thì chính là Vô Tác Tập. Cho đến thuận đạo pháp ái sanh cũng là Vô Tác Tập).

“*Biết trọn khắp Khô*”: Do có Tập, cho nên có thể chuốc khổ. Hữu Tác Tập chuốc vùi nổi khổ Phần Đoạn; Vô Tác Tập chuốc vùi nổi khổ Biến Dịch. Vì thế, Đạo Đế trong tam giới chính là Tập Đế ở ngoài tam giới.

---

<sup>133</sup> Đây là một câu chuyện trong phẩm Quán Chúng Sanh của kinh Duy Ma Cật khi ngài Văn Thù Sư Lợi dẫn các đệ tử Phật đến thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cật. Sau khi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát và Duy Ma Cật đàm luận pháp bất tư nghị và cách quán chúng sanh, trong thất của Duy Ma Cật có một thiên nữ, do thấy các trời người nghe pháp, bèn hiện thân rải hoa lên các vị Bồ Tát và đại đệ tử. Hoa rơi xuống thân các vị Bồ Tát đều rớt, chỉ vương trên thân các vị Thanh Văn. Các vị Thanh Văn dùng trọn hết thần lực phủi hoa, nhưng hoa chẳng rớt. Nhân đó, thiên nữ hỏi Xá Lợi Phất vì sao phủi hoa. Ngài đáp: “Do chẳng như pháp nên phủi hoa”. Thiên nữ liền bảo: “*Vật vị thử hoa bất như pháp. Sở dĩ giả hà? Thị hoa vô sở phân biệt, nhân giả tự sanh phân biệt tương nhĩ. Nhược u Phật pháp xuất gia, hữu sở phân biệt, vị bất như pháp. Nhược vô sở phân biệt, thị tặc như pháp. Quán chư Bồ Tát hoa bất trước giả, dĩ đoạn nhất thiết phân biệt tương cố. Thí như nhân úy thời, phi nhân đắc tiện. Như thị, đệ tử úy sanh tử cố, sắc, thanh, hương, vị, xúc đắc kỳ tiện dã. Dĩ ly úy giả, nhất thiết ngũ dục, vô năng vi dã. Kết tập vị tận, hoa trước thân nhĩ. Kết tập tận giả, hoa bất trước dã*” (Chớ bảo hoa ấy chẳng đúng pháp. Vì lẽ nào vậy? Hoa này chẳng phân biệt. Nhân giả tự sanh phân biệt đó thôi! Nếu người xuất gia trong Phật pháp có phân biệt, sẽ là chẳng đúng pháp. Nếu chẳng phân biệt thì là như pháp. Hãy xem các vị Bồ Tát chẳng dính hoa, do [các Ngài] đã đoạn hết thấy ý tưởng phân biệt. Ví như khi con người sợ hãi thì phi nhân mới thừa dịp [hãm hại]. Cũng giống như vậy, đệ tử vì sợ sanh tử, cho nên sắc, thanh, hương, vị, xúc mới thừa dịp. Do lìa sợ hãi, hết thấy ngũ dục sẽ chẳng làm gì được. Kết sử, tập khí chưa hết, hoa sẽ dính thân. Kết sử, tập khí đã hết, hoa sẽ chẳng dính).

“*Biết trọn khắp Đạo Diệt nhằm đối trị Khổ Tập*”: Ngũ Giới của nhân thiên, Thập Thiện, Tứ Thiên, Tứ Định, bất động, bất xuất. Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên của Tạng Giáo và Thông Giáo thông tới hai loại Niết Bàn hữu dư và vô dư. Biệt Giáo trải qua các địa vị thuộc Biệt, thông tới thường trụ. Nhưng chẳng thể trong một đạo mà có vô lượng đạo; [do vậy], chẳng thể gọi là Phổ Đạo. Trung Đạo của Viên Giáo chính là Thật Tướng. Kinh Phổ Hiền Quán nói: “*Đại Thừa nhân giả, chư pháp Thật Tướng*” (Cái nhân của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp). Tu Đạo như thế thì gọi là “*viên nhân*” (cái nhân viên mãn), cho nên gọi là Phổ Đạo. Đạt được Niết Bàn chính là rốt ráo thường trụ. Hết thấy các phiền não vĩnh viễn chẳng còn thừa sót, ví như kiếp hỏa chẳng còn gì thừa sót. Kinh Phổ Hiền Quán nói: “*Đại Thừa quả giả, chư pháp Thật Tướng*” (Quả của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp). Chứng Diệt như thế thì gọi là “*viên quả*”. Vì thế gọi là Phổ Diệt. Quán Tứ Đế đã trọn vẹn, duyên theo Đế để dấy lên thệ nguyện, lẽ nào chẳng trọn khắp? Vì thế nói là Hoàng Thệ Phổ.

#### **25.1.2.2.2.3. Tu hành phổ**

“*Tu hành*”: Theo thứ tự [tu tập] năm hạnh thì chẳng phải là Phổ. Nhất tâm [tu tập đồng thời] năm hạnh thì mới gọi là Phổ, cạn kẽ thì như đã nói trong phần Hạnh Diệu của sách Huyền Nghĩa.

#### **25.1.2.2.2.4. Đoạn Hoặc phổ**

“*Đoạn Hoặc*”: Nếu từ Giả nhập Không, chỉ đoạn Tứ Trụ, hoa vẫn dính nơi thân, chưa vì chánh pháp trừ các kết sử, chỉ lìa hư vọng, chưa đạt được hết thấy các giải thoát. Cho nên chẳng gọi là Phổ. Nếu từ Không nhập Giả, chỉ trừ Trần Sa, chẳng nương theo căn bản để đoạn, cũng chẳng gọi là Phổ. Nếu Không và Giả chẳng hai, chánh quán Trung Đạo, cội rễ đã nghiêng, cành, lá tự rụng. Như đại địa bị che phủ, thảo mộc đều nát. Vì thế gọi là Đoạn Hoặc Phổ.

#### **25.1.2.2.2.5. Nhập pháp môn phổ**

“*Nhập pháp môn*”: Như Nhị Thừa nhập một pháp môn, chẳng thể nhập hai môn, huống hồ nhiều môn! Nếu tu khắp cách hạnh riêng biệt, giai vị sẽ sâu hay cạn sai khác, cũng chẳng gọi là Phổ. Nếu nhập vương

tam-muội, hết thầy tam-muội đều nhập vào đó. Ví như vua đi đến đâu, ắt có quần thần đi theo. Quần thần lại có kẻ hầu cận. Vương tam-muội cũng giống như thế. Nhất Đế tam-muội chính là Tam Đế tam-muội. Tam Đế tam-muội lại có vô lượng pháp môn làm quyền thuộc, cũng đều nhập vào trong vương tam-muội. Vì thế gọi là “*nhập pháp môn phổ*”.

#### **25.1.2.2.2.6. Thần thông phổ**

“*Thần thông*”: La Hán thấy đại thiên (một tam thiên đại thiên thế giới), Sơ Địa thấy một trăm cõi (một trăm cõi tam thiên đại thiên), Nhị Địa thấy một ngàn cõi v.v... đều là thần thông có hạn lượng, cho nên chẳng gọi là Phổ. Vì lẽ nào vậy? Đã duyên theo cảnh hạn hẹp, phát khởi thần thông cũng nhỏ nhoi. Nay Viên Giáo Bồ Tát duyên trọn khắp cảnh của mười pháp giới, phát khởi thần thông thấy trọn khắp mười pháp giới chẳng có cực hạn. Tam thừa còn chẳng biết tên gọi, huống hồ thấy các cảnh giới ấy! Mắt thấy đã là như vậy, các điều khác cũng có thể suy ra để biết.

#### **25.1.2.2.2.7. Phương tiện phổ**

“*Phương tiện*”: Có tiến hành phương tiện, tức là đạo tiền tự hành phương tiện (phương tiện để chính mình tu hành trước khi đắc quả), có khởi dụng phương tiện (phương tiện để phát khởi công dụng) tức là đạo hậu hóa tha phương tiện (phương tiện hóa độ người khác sau khi đã đắc đạo quả). Nay nói về đạo hậu hóa tha phương tiện. Nếu là tự hành phương tiện của Nhị Thừa và Bồ Tát thuộc các địa vị quyền biến thì chỉ có thể nhập một pháp môn. Do đó, khởi tác dụng hóa độ người khác chỉ có thể ngang bằng với những gì chính mình đã đạt được. [Bởi lẽ đó], đạo tiền hay đạo hậu [của Nhị Thừa và Quyền vị Bồ Tát] đều chẳng được gọi là Phổ. Nay Viên Giáo Bồ Tát dùng Nhị Đế làm phương tiện, gồm thấu hết thầy các phương tiện. Đã nhập Trung Đạo, song chiêu Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế). Thần biến (thần thông biến hóa) của Nhị Đế trọn khắp mười pháp giới, nhưng Trung Đạo chẳng bị tổn giảm, dù là đạo tiền hay đạo hậu, đều gọi là Phổ.

#### **25.1.2.2.2.8. Thuyết pháp phổ**

“*Thuyết pháp*”: Nhị Thừa và Quyền vị Bồ Tát chẳng thể cùng lúc đáp trọn khắp các chúng sanh. Lại nữa, do xứ sở và phong tục khác biệt, chẳng thể khiến cho [chúng sanh nghe pháp] đều hiểu biết. Nay người thuộc Viên Giáo thì cùng lúc diễn pháp, mỗi loài đều hiểu. Dùng một diệu âm trọn khắp mười phương, như đàn Tu La<sup>134</sup> tùy theo ý người mà phát ra tiếng. Vì thế gọi là Thuyết Pháp Phổ.

#### **25.1.2.2.2.9. Cúng dường chư Phật phổ**

“*Cúng dường chư Phật*” có hai ý: Một là Sự, hai là Lý.

1) Sự cúng dường thì như kinh Hoa Nghiêm nói: “*Bất vị đản cúng dường nhất Phật cố, nãi chí bất vị đản cúng dường bất khả thuyết Phật sát vi trần số Phật cố, vị dục biến cúng dường tận pháp giới hư không giới nhất thiết chư Phật cố, bất khởi Diệt định, hiện chư oai nghi, an Thiên, hiệp chương, tán chư pháp vương. Dĩ thân, mạng, tài, nhất thiết cúng cụ, châu chí thập phương*” (Chẳng vì chỉ cúng dường một đức Phật, cho đến chẳng vì cúng dường bất khả thuyết Phật sát vi trần số Phật, mà là vì muốn cúng dường trọn khắp hết thấy chư Phật tận pháp giới hư không giới, chẳng khởi Diệt Tận Định, hiện các oai nghi, an trụ trong Thiên Định, chấp tay, tán thán các đấng pháp vương. Dùng thân thể, sanh mạng, tài vật, hết thấy các vật cúng trọn khắp mười phương) như trong Phổ Hiền Nguyện Vương đã nói.

2) Lý cúng dường là cái tâm viên trí chánh quán được gọi là Giác. Giác tức là Phật. Công đức của vạn hạnh huân tu trí ấy, tức là cúng dường Phật. Vì thế nói Cúng Dường Chư Phật Phổ.

#### **25.1.2.2.2.10. Thành tựu chúng sanh phổ**

“*Thành tựu chúng sanh*”: Ví như lửa đom đóm, đèn, đuốc, tinh tú, mặt trăng tạo lợi ích nhỏ nhoi. Nếu ánh sáng mặt trời chiếu thế gian, sẽ khiến cho trọn khắp hết thấy cỏ cây, rừng rậm đều được sanh trưởng, hoa quả thành tựu. Ngoại đạo như đom đóm, Nhị Thừa như đèn đuốc, tiểu Bồ Tát như tinh tú, Biệt Giáo như mặt trăng. Nay Viên Giáo Bồ Tát giống như vàng mặt trời, lại như mây to, cùng lúc bình đẳng tuôn mưa,

---

<sup>134</sup> Đây là một thí dụ được nhắc đến trong quyển mười bảy của Đại Trí Độ Luận: Do phước báo, A Tu La Vương có một cây đàn, muốn nghe loại âm nhạc nào, đàn tự vang ra khúc nhạc ấy. Dùng tỷ dụ này để sánh ví bậc Pháp Thân Bồ Tát chẳng có tâm phân biệt mà tùy ý ứng hiện thích đáng với căn cơ của chúng sanh.

bốn phương đều trút xuống. Ba loại cỏ, hai loại cây [như đã nói trong phẩm Dược Thảo Dụ] mỗi mỗi đều được sanh trưởng. Vì thế nói là Thành Tụ Chúng Sanh Phổ.

Ý nghĩa của Phổ Môn há có thể cùng tận ư? Nêu đại lược mười nghĩa hòng chỉ bày đầu mối đó thôi! Chỉ quán một niệm tâm tánh hiện tiền, vốn sẵn trọn đủ ba ngàn tánh tướng, tức Không, tức Giả, tức Trung, chính là diệu cảnh Vô Tác Tứ Đế. Duyên theo diệu cảnh ấy để khởi từ bi, từ bi sẽ trọn khắp (Từ Bi Phổ). Lập thệ nguyện rộng lớn, thệ nguyện rộng lớn ắt trọn khắp (Hoàng Thệ Phổ). Nương theo đây để tu hành, một hạnh chính là hết thảy các hạnh. Vì thế là Tu Hành Phổ. Nương theo đây để đoạn Hoặc, một thứ đã đoạn thì hết thảy đều đoạn. Vì thế là Đoạn Hoặc Phổ. Nương theo đây để nhập pháp môn, một pháp môn chính là hết thảy các pháp môn. Vì thế Nhập Pháp Môn Phổ. Nương theo đây để dấy lên thần thông, tức là vô ký hóa hóa<sup>135</sup>, cho nên là Thần Thông Phổ. Nương theo đó dấy phương tiện, thích hợp các thứ cơ duyên Đốn Tiệm Quyền Thật trọn khắp mười pháp giới. Vì thế là Phương Tiện Phổ. Nương theo đó để cúng dường chư Phật, một âm bảo khắp các chúng sanh, cho nên là Thuyết Pháp Phổ. Nương theo đó để cúng dường chư Phật, tam thế chư Phật đều tiếp nhận vật cúng ấy. Cho nên là Cúng Dường Phổ. Nương theo đây để thành tựu chúng sanh, các căn cơ trong pháp giới đều được bốn món lợi ích (Tứ Tác Đàn), cho nên là Thành Tụ Chúng Sanh Phổ.

Tâm tánh của hết thảy chúng sanh chẳng giảm, đó là Lý Túc Phổ Môn. Nghe rồi bèn hiểu, cho nên gọi là Danh Tụ Túc Phổ Môn. Chế phục trọn vẹn ngũ trụ là Quán Hạnh Túc Phổ Môn. Thanh tịnh sáu căn, tức là Tương Tụ Túc Phổ Môn. Khai thị ngộ nhập là Phần Chứng Túc Phổ Môn. Thấu triệt rộng rang pháp giới, cùng tột nguồn cội của tánh, đó là Cứu Cánh Túc Phổ Môn. Giải thích tên phẩm này đã xong.

---

<sup>135</sup> Vô Ký Hóa Hóa là một loại Thiền được xếp vào thể loại Nhất Thiết Hạnh Thiền trong Cửu Chung Đại Thiền. Gọi là Nhất Thiết Hạnh Thiền, hàm nghĩa hết thảy các hành pháp không gì chẳng hàm nhiếp Thiền, vì Thiền có nghĩa là chuyên tâm nhất trí nơi hạnh pháp, buông xả mọi chấp trước, chẳng phải là tọa Thiền mới là hành Thiền. Nhất Thiết Hạnh Thiền lại chia thành mười ba tiểu loại. Vô Ký Hóa Hóa là một tiểu loại trong đó, hàm nghĩa: Tự nhiên có thể ở trong Định mà thực hiện vô ngại các sự biến hóa vô cùng. Do không cần tác ý khởi niệm, cho nên gọi là Vô Ký.



Phẩm này do pháp sư Đàm Ma La Sấm<sup>136</sup> dạy Hà Tây vương Thư Cừ Mông Tôn<sup>137</sup> tụng để trừ bệnh, cho nên [phẩm này] được lưu hành

<sup>136</sup> Pháp sư Đàm Ma La Sấm (Dharmakṣema), còn phiên âm là Đàm Vô Sấm, Đàm Ma Sấm, Đàm Mô Sấm, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Pháp Phong, người xứ Trung Ấn Độ. Ngài còn được gọi là Y Ba Lạc Bô Tát. Phần lớn thư tịch ghi Ngài là người Trung Ấn, nhưng Ngụy Thư (sử ký nhà Ngụy) lại ghi Ngài là người xứ Kế Tân. Ngài đến Trung Hoa vào thời Thập Lục Quốc, là một vị dịch kinh nổi tiếng, được tôn xưng là thi tổ của Niết Bàn Tông. Ngài mồ côi cha khi tròn sáu tuổi. Về sau được pháp sư Đạt Ma Da Xá thu làm đệ tử, học tập Tiểu Thừa. Sau đó, Ngài theo thiền sư Bạch Đầu học Đại Thừa. Đến khi tròn hai mươi tuổi, Sư đã tụng đọc kinh Đại Tiểu Thừa hơn hai trăm vạn chữ. Sư thông hiểu chú thuật, được người Tây Vực gọi là Đại Chú Sư. Về sau, Sư sang nước Kế Tân (có lẽ vì vậy, Ngụy Thư ghi lầm Ngài là người xứ Kế Tân). Sư muốn diễn giảng Đại Thừa, nhưng xứ ấy chuộng Tiểu Thừa, chẳng thích hợp truyền pháp. Sư sang nước Quy Tư (Khố Xa, Kuche). Lâu sau, lại phải dời sang các nước Cô Tạng, Truyền Xá. Sư sợ mất kinh bản, gói đầu lên kinh để ngủ. Bỗng có kẻ lôi dây, Sư giật mình, tưởng là kẻ trộm. Suốt ba đêm như thế, bỗng nghe trên không có tiếng mắng: “*Đấy là tạng giải thoát của Như Lai, sao lại dùng làm gói đầu?*” Sư hổ thẹn, sám hối, đặt kinh trên chỗ cao. Đêm có kẻ đến trộm, chẳng thể nào động vào được. Sáng hôm sau, Sư gánh đi, chẳng thấy nặng nề chút nào. Sư đến vùng Đôn Hoàng, được Tây Hà vương là Thư Cừ Mông Tôn bảo hộ, bắt đầu dịch kinh. Mông Tôn tôn Sư làm quốc sư. Đến sau này, Mông Tôn sai người ám sát Sư. Có hai thuyết giải thích cái chết của Sư:

- Ngụy Thái Vũ Đế (Thác Bạt Đảo) nghe danh tiếng của Sư, đòi Mông Tôn giao nộp Sư cho nhà Ngụy. Mông Tôn sợ Sư tiết lộ quân cơ nên giết chết Sư.

- Theo Lương Cao Tăng Truyện, Sư xin Mông Tôn đi về Tây Vực tìm phần sau kinh Niết Bàn, Mông Tôn sợ Sư sẽ theo phục vụ người khác, nên sai thích khách giết chết Sư. Lúc ấy, Sư mới bốn mươi chín tuổi.

Sư dịch khá nhiều kinh như Đại Bát Niết Bàn Kinh, Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh (một vài hội trong ấy), Phương Đẳng Đại Vân Kinh, Bi Hoa Kinh, Bồ Đề Địa Trì Kinh, Ưu Bà Tắc Giới Kinh, Kim Quang Minh Kinh, Hải Long Vương Bồ Tát Giới Bản v.v...

<sup>137</sup> Thư Cừ Mông Tôn là vua thứ hai nhà Bắc Lương thời Thập Lục Quốc, thuộc sắc dân Hung Nô, vốn thuộc chi họ làm thủ lĩnh người Hung Nô tại Lô Thủy. Thư Cừ vốn là một chức quan của người Hung Nô, do tô tiên nhiều đời làm chức quan này nên dùng làm họ. Mông Tôn học rộng, biết thiên văn, giỏi tài trí, mưu lược xuất chúng, khiến cho các tướng lĩnh của nhà Tiên Tần như Lương Hy, Lữ Quang đều kính sợ, nghi kỵ. Sau khi nhà Tiên Tần diệt vong, Mông Tôn suất lĩnh bộ tộc phù tá Lữ Quang lập ra nhà Hậu Lương. Năm 379, bác của Mông Tôn là Thư Cừ La Cừ theo em của Lữ Quang là Lữ Diên tấn công tướng Khất Phục Càn Quy của nhà Tây Tần. Do Lữ Diên khinh địch nên thất bại tử trận. Lữ Quang đổ thừa thất bại ấy do La Cừ gây ra, hạ lệnh xử tử Thư Cừ La Cừ. Mông Tôn tức giận, triệu tập người trong tộc làm phản, tấn công nhà Tây Lương. Cùng năm, anh họ của Mông Tôn là Thư Cừ Nam Thành tôn Đoàn Nghiệp làm Lương Châu Mục lập ra nhà Bắc Lương. Mông

riêng. Ấy là vì Quán Âm đại sĩ có duyên với phương này nhất. Trí Giả đại sư cũng nói riêng hai quyển Huyền Nghĩa và Nghĩa Số [để giảng giải phẩm này]. Huyền Nghĩa [của phẩm Phổ Môn] cũng chia thành năm tầng, tức là dùng nhân, pháp v.v... để đặt tên như đã nói trong phần trước, coi linh trí hợp với Pháp Thân là Thể, cảm ứng là Tông, từ bi lợi lạc chúng sanh là Dụng, lưu thông giáo pháp thuộc vị đề hồ làm Giáo Tướng.

## **25.2. Giải thích kinh văn phẩm Phổ Môn**

### **25.2.1. Trường Hàng**

#### **25.2.1.1. Lần vấn đáp thứ nhất**

##### **25.2.1.1.1. Hỏi**

*(Kinh) Nhĩ thời, Vô Tận Ý Bồ Tát tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật, nhi tác thị ngôn: - Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát dĩ hà nhân duyên, danh Quán Thế Âm?*

**(經)爾時，無盡意菩薩即從座起，偏袒右肩，合掌向佛，而作是言：「世尊！觀世音菩薩以何因緣，名觀世音？」**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Vô Tận Ý (Akṣayamati)<sup>138</sup> Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai phải, chắp tay hướng về đức Phật mà nói như*

---

Tôn đóng góp rất nhiều công lao. Về sau, do thấy Đoàn Nghiệp kém sáng suốt, lại đem lòng nghi kỵ, nên vào năm 401, Mông Tôn làm phản, giết Đoàn Nghiệp, tự lập làm vua nhà Bắc Lương. Thời Mông Tôn làm vua, nhà Bắc Lương cực thịnh nhất. Hà Tây thường gọi là Hà Tây Tâu Lang (hành lang Hà Tây), hoặc hành lang Cam Túc, là vùng đất ở phía Tây Hoàng hà, nằm giữa vùng đất trũng Tháp Lý Mộc (Tarim) và bình nguyên tỉnh Thiểm Tây. Do nằm giữa cao nguyên Tây Tạng và bình nguyên Mông Cổ, kéo dài từ núi Hạ Lan đến nguồn Tây sông Hoàng Hà. Đây là một tuyến đường trọng yếu để sang các quốc gia Tây Vực thuở xưa. Do vậy, đây là một khu vực giao thương trọng yếu lúc Con Đường Tơ Lụa còn tồn tại. Một người em họ của Mông Tôn là Thư Cừ Kinh Thanh là một người tinh thông tiếng Phạn, hết sức tôn kính ngài Đàm Vô Sấm. Sau khi nhà Ngụy diệt Bắc Lương, Thư Cừ Kinh Thanh lánh xuống Nam Trung Hoa, và dịch nhiều bộ kinh điển như Bát Quan Trai, Quán Di Lạc Bồ Tát Thượng Sanh Đầu Suất Thiên...

<sup>138</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Sách Pháp Hoa Nghĩa Số ghi: ‘Chúng sanh vô tận, đại bi vô cùng, vì thế tên là Vô Tận Ý’. Lại dẫn kinh Đại Tập rằng: - Vị này là bậc Bồ Xứ đại sĩ thuộc thế giới Bất Huyền ở phương Đông của Phổ Hiền Như Lai”. Vô

*thế này: - Bạch Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Đề do nhân duyên nào mà tên là Quán Thế Âm (Avalokiteśvara)?*

“*Nhĩ thời*” (Lúc bấy giờ) tức là lúc nói về vị Bồ Tát ở phương Đông đã xong, kể đó phải nên nói về vị Bồ Tát ở phương Tây (đó là Thế Giới Tát Đàn). Là lúc nói phương Đông sanh thiện đã xong, kể đó phải nên nói phương Tây sanh thiện (Vị Nhân Tát Đàn). Là lúc nói phương Đông đoạn nghi đã xong, kể đó phải nên nói phương Tây đoạn nghi (Đối Tri). Là lúc nói phương Đông đắc đạo đã xong, kể đó, phải nên nói phương Tây đắc đạo (Đệ Nhất Nghĩa).

Vô Tận là cảnh. Đại Phẩm nói Không là vô tận (đó là Chân). Kinh Đại Tập nói tám mươi môn vô tận, kinh Hoa Nghiêm nói mười loại chẳng thể tận<sup>139</sup> (đó là Tục). Kinh Tịnh Danh nói: “*Phù vô tận giả, phi tận, phi vô tận, cố danh vô tận*” (Vô tận: Chẳng tận, chẳng vô tận, thì gọi là vô tận). Đó là Trung.

Ý là trí, tức nhất tâm tam trí. Trí khế hợp cảnh, cảnh tùy thuận trí mà là Không, thì gọi là Vô Tận Ý (đó là Không). Lại nữa, Ý là căn bản của thế gian và xuất thế gian. Trí tùy thuận cảnh. Cảnh nhiều thì trí nhiều, gọi là Vô Tận Ý (đó là Giả). Lại nữa, Ý chính là pháp giới. Hết

---

Tận Ý Bồ Tát đôi khi còn được phiên âm là A Sai Mạt Đề, hoặc A Sai Mạt. Theo kinh Đại Tập, khi đức Phật ngự trong Bảo Trang Nghiêm đường để thuyết pháp, có Bồ Tát tên là Vô Tận Ý từ cõi Bất Huyền của Phổ Hiền Như Lai từ phương Đông hiện đến, rộng nói tám mươi pháp giới Vô Tận, gom thành pháp hội Vô Tận Ý trong kinh ấy. Trong Pháp Hoa Mạn Đà La (theo truyền thống Thai Mật của Pháp Hoa Tông Nhật Bản), hội Pháp Hoa được mô tả bằng ba tầng. Chính giữa tầng trong cùng là hoa sen tám cánh, trung tâm hoa sen là cung điện báu (tức tháp Đa Bảo), Phật Thích Ca ngồi bên trái, Phật Đa Bảo ngồi bên phải trong cung điện ấy. Trên tám cánh sen là tám vị Bồ Tát theo thứ tự: Phương Đông là Văn Thù, Đông Nam là Dược Vương, phương Nam là Diệu Âm, Tây Nam là Thường Tinh Tấn, phương Tây là Vô Tận Ý, Tây Bắc là Quán Âm, phương Bắc là Phổ Hiền, Đông Bắc là Di Lặc. Bốn góc của tầng ấy là bốn vị đại Thanh Văn: Góc Đông Bắc là ngài Ca Diếp, Đông Nam là Thiện Cát (Tu Bồ Đề), Tây Nam là Thân Tử (Xá Lợi Phất), Tây Bắc là Mục Liên...

<sup>139</sup> Thập Bát Khả Tận: Theo phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát trụ trong địa vị Hoan Hỷ (Sơ Địa) dùng mười pháp bất khả tận để sanh khởi trăm ngàn A-tăng-kỳ đại nguyện. Mười pháp bất khả tận chính là: 1) Chúng sanh bất khả tận 2) Thế giới bất khả tận 3) Hư không bất khả tận 4) Pháp giới bất khả tận 5) Niết Bàn bất khả tận 6) Phật xuất thế bất khả tận 7) Chư Phật trí huệ bất khả tận 8) Tâm sở duyên bất khả tận 9) Khởi trí bất khả tận 10) Thế gian chuyển, pháp chuyển và trí chuyển bất khả tận.

thầy đều là pháp giới; vì thế nói “*có thể quán tâm tánh thì gọi là thượng định*” (đó là Trung).

“*Nhi tác thị ngôn*” (Mà nói như thế này): Đủ hai thứ trang nghiêm, vì thế có thể hỏi. “*Dĩ hà nhân duyên*” (Do nhân duyên nào): Nếu xét theo phía chúng sanh thì dùng hai căn cơ thiện và ác làm nhân, linh trí từ bi của thánh nhân làm duyên. Nếu xét theo phía Bồ Tát thì dùng quán trí từ bi làm nhân, chúng sanh cơ cảm làm duyên.

### **25.2.1.1.2. Giải đáp**

#### **25.2.1.1.2.1. Đáp chung**

*(Kinh) Phật cáo Vô Tận Ý Bồ Tát: - Thiện nam tử! Nhược hữu vô lượng bách thiên vạn ức chúng sanh thọ chư khổ não, văn thị Quán Thế Âm Bồ Tát, nhất tâm xưng danh. Quán Thế Âm Bồ Tát tức thời quán kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát.*

**(經)佛告無盡意菩薩：「善男子！若有無量百千萬億眾生受諸苦惱，聞是觀世音菩薩，一心稱名。觀世音菩薩即時觀其音聲，皆得解脫。」**

*(Kinh: Đức Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát: - Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe nói đến vị Quán Thế Âm Bồ Tát này, bèn nhất tâm xưng danh. Quán Thế Âm Bồ Tát ngay lập tức quán âm thanh ấy, [khiến cho họ] đều được giải thoát).*

“*Vô lượng bách thiên vạn ức chúng sanh*” (Vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh): Nêu ra các loại căn cơ trong mười pháp giới. “*Thọ chư khổ não*” (Chịu các khổ não): Nói rõ quả báo bất đồng do biệt nghiệp cảm vời, có các trường hợp: Một người chịu một sự khổ, một người chịu nhiều sự khổ, nhiều người chịu cùng một sự khổ, nhiều người chịu nhiều sự khổ... Nay nói rõ “người nhiều, khổ nhiều”, đều là cảnh để Bồ Tát dẹp khổ và ban vui. Gặp khổ vì sự ác trong hai đời (quá khứ và hiện tại), nghe tên chính là điều thiện trong hai đời (hiện tại và vị lai).

Nhất tâm xưng danh có Sự, có Lý, thiện và ác kết hợp cơ cảm như thế. “*Tức thời quán kỳ âm thanh*” (Ngay lập tức quán âm thanh ấy): Ứng hiện nhanh chóng. “*Giai đắc giải thoát*” (Đều được giải thoát): Ứng

trộn khắp. “*Văn*” (Nghe) cũng có bốn nghĩa, tức là văn văn, văn bất văn, bất văn văn, và bất văn bất văn<sup>140</sup>. Thấu đạt bất cứ một loại nào, sẽ chính là Văn Huệ trong tứ giáo. Nhất tâm xung danh tức Tư Huệ và Tu Huệ trong tứ giáo. “*Sự nhất tâm*” chính là niệm nào cũng tiếp nối, chẳng dấy các ý tưởng tạp loạn. “*Lý nhất tâm*” tức là cái tâm ấy chẳng phải tự, tha, cộng (do nhiều pháp hợp thành), mà cũng chẳng phải là “*vô nhân*” (không có nhân). Thể của năng xung (người xung niệm danh hiệu Bồ Tát) và sở xung (danh hiệu của Bồ Tát) là pháp giới. Sự nhất tâm sẽ giải thoát khó khăn thuộc Sự, Lý nhất tâm sẽ giải thoát khó khăn thuộc Lý. Hễ cảm đều ứng, như “*kêu, mổ*”<sup>141</sup> đồng thời.

Nếu xung niệm nhiều năm, vẫn chẳng đạt được mấy may hiệu quả, chỉ là vì chưa đạt đến Sự nhất tâm, nhưng vẫn có thể tạo thành nhân duyên đặc độ trong vị lai. Vì thế, dẫu tâm tán loạn vừa xung danh hiệu, công chẳng luống uổng, chỉ là hiệu nghiệm nhanh hay chậm đó thôi!

#### **25.2.1.1.2.2. Đáp riêng**

##### **25.2.1.1.2.2.1. Xét theo cơ cảm nơi khẩu nghiệp để nói về sự ứng hiện**

###### **25.2.1.1.2.2.1.1. Nêu ra bảy nạn**

###### **25.2.1.1.2.2.1.1.1. Nạn lửa**

*(Kinh) Nhược hữu trì thị Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu, do thị Bồ Tát oai thần lực cố.*

**(經)若有持是觀世音菩薩名者，設入大火，火不能燒，由是菩薩威神力故。**

*(Kinh: Nếu có người trì danh Quán Thế Âm Bồ Tát, dẫu vào trong lửa, lửa chẳng thể đốt cháy, là do sức oai thần của vị Bồ Tát này).*

---

<sup>140</sup> Đây là một khái niệm thuộc giáo nghĩa của tông Thiên Thai. Thiệu quốc sư giảng: “*Lúc mới chứng đạo, tu đạo bỗng rớt mất (tức là không còn thấy đang tu đạo), chẳng có gì để có thể được, thì gọi là Bất Văn (chẳng nghe). Do nghe mà chứng đắc Đại Bát Niết Bàn như thế, chẳng có tướng nghe, nên gọi là Bất Văn Bất Văn. Chứng dấy lên, Hoặc diệt mất, thì gọi là Văn Bất Văn. Tịch mà thường chiếu, như vừa đánh động liền ứng, thì gọi là Văn Văn. Câu đầu tiên (Bất Văn) là chứng trí, câu thứ hai là chứng lý, câu thứ ba là chứng đoạn, câu thứ tư là chứng ứng”.*

<sup>141</sup> Nguyên văn là “*thối trác*” (啐啄), hàm ý khi trứng gà sắp nở, gà con kêu chíp chíp trong trứng, gà mẹ liền mổ cho trứng nứt ra. Dùng hình ảnh này để sánh ví sự cảm ứng giữa chúng sanh và Phật, Bồ Tát.

Trì danh là thiện, “vào lửa” là ác. Thiện và ác kết hợp thành cơ cảm. Do sức oai thần, lửa chẳng thể đốt, tức là Ứng. Lửa quả báo, dưới là từ địa ngục, trên là đến tầng trời Sơ Thiên, đều luận về cơ ứng (機應, ứng hiện tương ứng với căn cơ). Lửa ác nghiệp dưới là từ địa ngục, trên là đến trời Phi Tướng, đều luận về cơ ứng. Lửa phiền não dưới là từ địa ngục, trên là đến bậc Đăng Giác, đều luận về cơ ứng<sup>142</sup>.

#### **25.2.1.1.2.2.1.1.2. Nạn nước**

*(Kinh) Nhược vị đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh hiệu, tức đắc thiển xứ.*

**(經)若為大水所漂，稱其名號，即得淺處。**

*(Kinh: Nếu bị nước lớn cuốn trôi, xưng danh hiệu Ngài, liền đến được chỗ cạn).*

“Nước cuốn trôi” là ác, xưng danh là thiện. Dùng điều này làm Cẩn, “đến được chỗ cạn” là Ứng. Nước quả báo dưới từ địa ngục, trên đến trời Nhị Thiên. Nước ác nghiệp thông tam giới. Nước phiền não thông chín pháp giới, đều luận về cơ cảm.

#### **25.2.1.1.2.2.1.1.3. Nạn La Sát**

---

<sup>142</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Do thần lực của Bồ Tát mà vào lửa, lửa chẳng thể cháy, chuyện này khó tin, lý cũng khó chứng minh. Nay nêu đại lược Sự Lý để chứng minh như sau:

- Kinh Lăng Nghiêm chép: ‘Tri kiến toàn phục, linh chư chúng sanh, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu’ (Tri kiến xoay chuyển, phục hồi, khiến cho các chúng sanh, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng thể thiêu đốt). ‘Tri kiến toàn phục’ phải hiểu là xoay chuyển cái tri kiến duyên theo trần cảnh quy hồi tự tánh, sẽ khiến cho hỏa trần do thiếu duyên phải tắt mất. Bồ Tát do vậy mà tự chứng sức oai thần, gia bị chúng sanh trì danh hiệu Ngài được thoát nạn lửa. Đó là chứng minh về Lý.

- Sách Ứng Nghiệm Ký chép: ‘Chúc Trường Thư trong niên hiệu Nguyên Khang đời Tấn, sống trong nhà tranh tại Lạc Dương. Nhà hàng xóm bỗng bị hỏa tai, lửa sắp cháy lan qua nhà ông. Ông liền xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, bốn phía đã cháy sạch, riêng nhà ông còn nguyên. Lúc đó, có kẻ chẳng tin, lén vào đêm gió lớn, cầm đuốc quăng lên nóc nhà ông, ba lần quăng đều tắt ngúm, mới tin là thật’. Đó là chứng minh về mặt Sự”.

*(Kinh) Nhược hữu bách thiên vạn ức chúng sanh, vị cầu: Kim, ngân,琉璃, 磔磔, 碼瑙, 珊瑚, 琥珀, 真珠等寶。入於大海, 假使黑風吹其船舫, 飄墮羅刹鬼國。其中若有乃至一人稱觀世音菩薩名者, 是諸人等皆得解脫羅刹之難。以是因緣。名觀世音。*

**(經) 若有百千萬億眾生，為求：金，銀，琉璃，磔磔，碼瑙，珊瑚，琥珀，真珠等寶。入於大海，假使黑風吹其船舫，飄墮羅刹鬼國。其中若有乃至一人稱觀世音菩薩名者，是諸人等皆得解脫羅刹之難。以是因緣。名觀世音。**

*(Kinh: Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sanh vì cầu các thứ báu: Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chân châu v.v... Vào trong biển cả, giả sử gió đen thổi thuyền bè của họ trôi giạt vào nước quỷ La Sát. Trong đó, thậm chí nếu có một người xưng danh Quán Thế Âm Bồ Tát, những người ấy đều được thoát khỏi nạn La Sát. Do nhân duyên ấy, tên là Quán Thế Âm).*

Nạn La Sát này cũng là nạn gió. Quả báo La Sát ở trong Dục Giới. Ác nghiệp La Sát trọn khắp tam giới. Phiền não La Sát thông khắp chín pháp giới. Lại nữa, gió quả báo tới tận trời Tam Thiên. Gió ác nghiệp trọn khắp tam giới. Gió phiền não chung khắp chín pháp giới, đều luận định cơ ứng, đều có thể phỏng theo đó để hiểu.

#### 25.2.1.1.2.2.1.1.4. Nạn đao gậy

*(Kinh) Nhược phục hữu nhân, lâm đương bị hại, xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, bĩ sở chấp đao trượng, tầm đoạn đoạn hoại, nhi đắc giải thoát.*

**(經) 若復有人，臨當被害，稱觀世音菩薩名者，彼所執刀杖，尋段段壞，而得解脫。**

*(Kinh: Nếu lại có người sắp sửa bị hại, xưng danh Quán Thế Âm Bồ Tát, những đao, gậy đang bị [kẻ ác] cầm nắm sẽ gãy từng khúc, người ấy liền được giải thoát).*

Quả báo đao trượng hạn cuộc trong Địa Cư<sup>143</sup>. Ác nghiệp đao trượng trọn khắp tam giới. Phiền não đao trượng thông khắp chín pháp giới.

#### **25.2.1.1.2.2.1.1.5. Nạn quỷ**

*(Kinh) Nhược tam thiên đại thiên quốc độ, mãn trung Dạ Xoa, La Sát, dục lai nã nhân, văn kỳ xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, thị chư ác quỷ thượng bất năng dĩ ác nhãn thị chi, huống phục gia hại.*

**(經)若三千大千國土，滿中夜叉、羅刹，欲來惱人，聞其稱觀世音菩薩名者，是諸惡鬼尚不能以惡眼視之，況復加害。**

*(Kinh: Nếu tam thiên đại thiên quốc độ đầy ấp Dạ Xoa, La Sát, muốn đến nã hại người, nghe người đó xưng danh Quán Thế Âm Bồ Tát, các ác quỷ ấy còn chẳng thể dùng mắt ác để nhìn, huống hồ làm hại).*

Nạn quỷ có thể phỏng theo nạn La Sát trong đoạn trước để hiểu. Nói “đại thiên mãn trung” (Đầy ấp trong cõi đại thiên) là cách nói giả sử, biểu thị ác quỷ phiền não đầy dẫy, chỉ có xưng danh thì mới có thể hàng phục chúng.

#### **25.2.1.1.2.2.1.1.6. Nạn công xiềng**

*(Kinh) Thiết phục hữu nhân, nhược hữu tội, nhược vô tội, sừ<sup>144</sup> giới già tỏa kiểm hệ kỳ thân, xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, giai tất đoạn hoại, tức đắc giải thoát.*

---

<sup>143</sup> Địa Cư có nghĩa là trụ trên núi Tu Di, tức là địa ngục, nhân gian cho đến tầng trời thứ hai (Đạo Lợi Thiên).



**(經)設復有人，若有罪，若無罪，杻械枷鎖檢繫其身，稱觀世音菩薩名者，皆悉斷壞，即得解脫。**

*(Kinh: Nếu lại có người dù có tội hay không có tội, gông cùm xiềng xích trói buộc thân hình, do xưng danh Quán Thế Âm Bồ Tát, [các thứ đó] đều hư gãy, liền được giải thoát).*

“Hữu tội” là điều ác trong đời hiện tại. “Vô tội” là điều ác trong quá khứ. Ở tay gọi là Sứ (杻, còng), ở chân gọi là Giới (械, cùm). Ở đầu gọi là Già (枷, gông), dính vào thân là Tỏa (鎖, xiềng xích). Phong kín gọi là Kiểm (檢), trói buộc là Hệ (繫). Gông xiềng quả báo thuộc Dục Giới. Gông xiềng ác nghiệp trọn khắp tam giới. Gông xiềng phiền não thông khắp chín pháp giới.

#### 25.2.1.1.2.2.1.1.7. Nạn oán tặc

*(Kinh) Nhược tam thiên đại thiên quốc độ mãn trung oán tặc, hữu nhất thương chủ, tương chư thương nhân, tê trì trọng bảo, kinh quá hiểm lộ. Kỳ trung nhất nhân, tác thị xướng ngôn: “Chư thiện nam tử! Vật đắc khùng bố! Nhữ đẳng ưng đương nhất tâm xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu. Thị Bồ Tát năng dĩ vô úy thí u chúng sanh, nhữ đẳng nhược xưng danh giả, u thử oán tặc, đương đắc giải thoát”. Chúng thương nhân văn, câu phát thanh ngôn: “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát”, xưng kỳ danh cố, tức đắc giải thoát.*

**(經)若三千大千國土滿中冤賊，有一商主，將諸商人，齋持重寶，經過險路。其中一人，作是唱言：「諸善男子！勿得恐怖！汝等應當一心稱觀世音菩薩名號。是菩薩能以無畏施於眾生，汝等若稱名者，於此怨賊，當得解脫**

---

<sup>144</sup> Thông thường chữ này hay đọc thành Nữ, nhưng theo tự điển Khang Hy, đọc là Nữ khi nói về một loại cây, lá giống như cây hạnh, vỏ đỏ, nhiều cành cong queo, rất nhiều lá, nở hoa vào tháng Hai. Hoa trở chi chít phủ kín cây, nên đôi khi còn gọi là Vạn Tuế Chi, gỗ nó thường dùng làm cung. Khi nói về gông cùm, xiềng còng v.v... thì phải đọc là Sứ.

」。眾商人聞，俱發聲言：「南無觀世音菩薩」，稱其名故，即得解脫。

(*Kinh*: Nếu trong cõi nước tam thiên đại thiên đầy ấp oán tặc, có một thương chủ dẫn các thương nhân chuyên chở vật quý báu đi qua đường hiểm. Trong ấy, có một người xướng như thế này: “Các thiện nam tử! Đừng nên sợ hãi! Các ông hãy nên nhất tâm xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Vị Bồ Tát ấy có thể ban cho chúng sanh không sợ hãi. Các ông nếu xưng danh Ngài, sẽ được thoát khỏi oán tặc này”. Các thương nhân nghe nói, đều thốt ra tiếng: “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát”. Do xưng danh Ngài, liền được giải thoát).

“Đại thiên mãn trung” (Đầy ấp trong cõi đại thiên) cũng là lời giả thiết. Đoạt mạng gọi là Oán, cướp tài vật gọi là Tặc. Oán tặc quả báo ở trong Dục Giới. Oán tặc ác nghiệp trọn khắp tam giới. Oán tặc phiền não thông khắp chín pháp giới.

Giải thích theo quán tâm, oán tặc đầy khắp trong cõi đại thiên chính là chủng tử phiền não từ vô thủy, nhóm họp trong thức thứ tám, tức Tạng Thức (A Lại Da Thức). “Hữu nhất thương chủ” (Có một người cầm đầu đoàn buôn) tức là thức thứ sáu. “Các thương nhân” là các tâm sở Biến Hành, Biệt Cảnh, và Thiện Tâm Sở. “Trọng bảo” tức pháp xuất thế của tam thừa. “Kinh quá hiểm lộ” (Đi qua đường hiểm): Các pháp đối trị và các phiền não gặp nhau. “Kỳ trung nhất nhân” (Trong ấy có một người): Hoặc là thắng giải, hoặc là thiện huệ, hoặc là tín. “Nhất tâm xưng danh” tức Văn, Tư, Tu trong tứ giáo. “Câu phát thanh” (Cùng thốt ra tiếng): Tâm vương và các tâm sở quyết định tương ứng. “Tức đắc giải thoát” (Liền được giải thoát): Chứng lý được nói trong tứ giáo.

Lại nữa, bảy nạn ấy biểu thị Lục Đại trong thân chúng sanh: Lửa tức Hỏa Đại, nước tức Thủy Đại, gió tức Phong Đại, đao, gậy, gông, xiềng chính là Địa Đại, tam thiên đại thiên biểu thị Không Đại, La Sát và oán tặc biểu thị Thức Đại. Quán Âm Bồ Tát quán sáu đại ấy đều là Như Lai Tạng, mỗi mỗi đều tức là Không, Giả, Trung. Ngài đã tự đạt được giải thoát, cho nên có thể khiến cho người khác được giải thoát. Chúng sanh mê tánh của sáu đại, oan uổng hứng chịu quả báo và các nạn phiền não ác nghiệp. Nhưng ngay trong khi đang mê, Tánh Đức chẳng đổi, vốn có cùng một Thể với Bồ Tát. Vì thế, nghe tên xưng niệm, tùy theo sự hiểu biết là lệch lạc hay viên mãn, hạnh sâu hay cạn, mà đạt được lợi ích

nơi tứ giáo cũng có sai khác. Rốt cuộc, [tới khi] đức Nhất Thiết Chúng Trí, sẽ chẳng sai biệt.

Phần thứ nhất, “nói về bảy nạn” đã xong.

#### **25.2.1.1.2.2.1.2. Kết lại để tán thán**

*(Kinh) Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát oai thần chi lực, nguy nguy như thị.*

**(經)無盡意! 觀世音菩薩摩訶薩威神之力, 巍巍如 是**

•

*(Kinh: Đây Vô Tận Ý! Sức oai thần của Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát vòi vọi như thế).*

“Nguy nguy” tức là cao hiển. Công siêu việt chín pháp giới nên là Cao, danh vang ba cõi nên là Hiền.

Phần thứ nhất, “xét theo căn cơ nơi khẩu nghiệp để nói về sự ứng hiện” đã xong.

#### **25.2.1.1.2.2.2. Xét theo cơ cảm nơi ý nghiệp để nói về sự ứng hiện**

##### **25.2.1.1.2.2.2.1. Tam độc**

*(Kinh) Nhược hữu chúng sanh đa u dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly dục. Nhược đa sân khú, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly sân. Nhược đa ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly si.*

**(經)若有眾生多於婬欲, 常念恭敬觀世音菩薩, 便得離欲。若多瞋恚, 常念恭敬觀世音菩薩, 便得離瞋。若多愚癡, 常念恭敬觀世音菩薩, 便得離癡。**

*(Kinh: Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được lìa dục. Nếu nhiều sân hận, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được lìa sân. Nếu nhiều ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được lìa si).*

Đa dục, sân khuê, và si là ác. “*Thường niệm cung kính*” là thiện. Hai thứ ấy là Cơ, được lìa khỏi [dục, sân, si] chính là Ứng. Sự dục và Sự khuê thuộc vào Dục Giới. Sự si (si nơi sự tướng) thông khắp tam giới. Đối với Lý Tam Độc, Nhị Thừa coi đấng trước nơi Chân là dục, sợ Tục là sân, chẳng liễu giải “*sanh tử và Niết Bàn như huyễn*” là si. Xuất Giả Bồ Tát coi du hý thần thông là dục, quả trách, chán ngán Nhị Thừa là sân, chẳng liễu đạt Trung Đạo là si. Địa tiền Bồ Tát (hàng Bồ Tát chưa chứng Sơ Địa) coi tương tự ái trong Trung Đạo là dục, bỏ cả hai bên là sân, vô minh chưa phá là si. Cho đến Đẳng Giác hậu tâm (bậc Bồ Tát đã chứng Đẳng Giác) hãy còn vô minh vi tế chưa phá tức là vi tế dục khuê chưa trừ.

Nay do đại bi Bồ Tát từ sơ phát tâm, quán các phiền não tham, sân, si ấy đều là pháp sanh bởi nhân duyên, mỗi mỗi đều là Không, Giả, Trung. Do tức Không, cho nên lìa Tam Độc của phàm phu. Do tức Giả, nên lìa Tam Độc của Nhị Thừa. Do tức Trung, nên lìa Tam Độc của Bồ Tát, thành tựu ba loại thiện căn chẳng thể nghĩ bàn, cũng là thành tựu pháp môn “*đại tham, đại sân, đại si*” chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế dạy “*thường niệm cung kính*”, tùy theo hiểu biết thiên lệch hay viên mãn, tùy theo hạnh cạn hay sâu, mà được thoát lìa cũng có đủ loại sai biệt. Rốt ráo đều quy vào chẳng sai biệt.

#### **25.2.1.1.2.2.2. Tán thán để kết luận**

*(Kinh) Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát hữu như thị đẳng đại oai thần lực, đa sở nhiều ích. Thị cố, chúng sanh thường ưng tâm niệm.*

**(經)無盡意！觀世音菩薩有如是等大威神力，多所饒益。是故，眾生常應心念。**

*(Kinh: Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức oai thần to lớn như thế, tạo nhiều lợi ích. Vì thế, chúng sanh thường nên tâm niệm).*

Phần thứ hai, “xét theo căn cơ nơi ý nghiệp” để nói về sự cảm ứng đã xong.

#### **25.2.1.1.2.2.3. Xét theo cơ cảm nơi thân nghiệp để nói về sự ứng hiện**

##### **25.2.1.1.2.2.3.1. Hai điều mong cầu**

*(Kinh) Nhược hữu nữ nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện sanh phước đức, trí huệ chi nam. Thiết dục cầu nữ, tiện sanh đoan chánh hữu tướng chi nữ, túc thực đức bản, chúng nhân ái kính.*

**(經)若有女人，設欲求男，禮拜，供養觀世音菩薩，便生福德，智慧之男。設欲求女，便生端正有相之女，宿植德本，眾人愛敬。**

*(Kinh: Nếu có nữ nhân, nếu mong sanh con trai mà lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, liền sanh con trai phước đức và trí huệ. Nếu muốn cầu con gái, sẽ sanh con gái đoan chánh, có phước tướng, xưa đã gieo cội đức, được mọi người yêu kính).*

Đối với chuyện cầu con trai, cầu con gái, riêng nêu ra nữ nhân vì nữ nhân coi không có con là khổ, sẽ bị chồng lạnh nhạt, vợ coi rẻ<sup>145</sup>, người bên cạnh chê cười. Lễ bái, cúng dường là cơ cảm, sẽ sanh con trai hay con gái là phổ ứng (ứng trọn khắp).

Giải thích theo pháp môn: Đối với tứ giáo, chưa chứng Thật lý đều gọi là “nữ nhân”. Tứ giáo đều luận “Huệ là nam, Định là nữ”. Ấy là do Đại Sĩ từ trước đã chứng Quyền Thật nam nữ, cho nên có thể làm tăng thượng duyên, khiến cho các hành nhân ai nấy đều được thành tựu các môn Định, Huệ. Hơn nữa, Dục Giới có Huệ, không có Định, sẽ là cuồng nam. Vô Sắc Giới có Định, chẳng có Huệ, sẽ là si nữ. Tứ Thiên Thiên thì Định và Huệ quân bình, như con trai phước đức, con gái đoan chánh. Nhưng nam chẳng có công năng phá Hoặc, nữ chẳng có sức xuất sanh vô lậu. Đây cũng là nam nữ vô dụng! Nhị Thừa trong Tạng Giáo và Thông Giáo thì Huệ có thể đoạn Kiến Tư Hoặc, tức là nam có thể thực hiện mọi chuyện. Định có thể phát sanh vô lậu, tức là nữ có thể sanh con nối dõi. Nhưng Huệ chẳng thể phá vô minh hồng thấy Phật tánh, tức là nam mà chẳng phải là nam. Định chẳng thể mang thai con Trung Đạo, tức là nữ giống như thạch nữ<sup>146</sup>. Vì thế, Đại Kinh nói: “Nhị Thừa Định đa, Huệ thiếu, bất kiến Phật tánh. Bồ Tát Huệ đa, Định thiếu, diệc bất kiến Phật tánh dã” (Nhị Thừa Định nhiều, Huệ ít, chẳng thấy Phật tánh.

<sup>145</sup> Vợ trong câu này chính là vợ cả (chánh thất) của chồng, ý nói nếu tiêu thiếp mà không có con cái sẽ bị chồng và vợ cả không xem trọng.

<sup>146</sup> Người nữ không thể sanh con thì gọi là “thạch nữ”.

Bồ Tát Huệ nhiều, Định ít, cũng chẳng thấy Phật tánh). Chỉ có Sơ Địa trong Biệt Giáo hiểu rõ Chân, phát khởi Huệ, Vô Duyên Từ thành tựu, mới gọi là nam nữ thật sự. Sơ Trụ của Viên Giáo khi thấy Trung Đạo, Định Huệ trọn đủ, tướng nam nữ trọn vẹn. Vì thế, nam gọi là phước đức, tức Huệ có Định. Nữ gọi là đoan chánh, tức là Định có Huệ vậy.

### **25.2.1.1.2.3.2. Kết lại để tán thán**

*(Kinh) Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát hữu như thị lực. Nhược hữu chúng sanh cung kính lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát, phước bất đường quyên.*

**(經)無盡意！觀世音菩薩有如是力。若有眾生恭敬禮拜觀世音菩薩，福不唐捐。**

*(Kinh: Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức như thế. Nếu có chúng sanh cung kính lễ bái Quán Thế Âm, phước chẳng luống uổng).*

“Đường quyên” (唐捐) có nghĩa là “phí uổng”. Câu này kèm thêm ý nghĩa giải trừ nghi vấn: Cũng có người lễ bái, nhưng chẳng cầu được con trai, con gái! Chỉ do cơ cạn, cho nên sở cầu chẳng toại, nhưng phước do lễ bái ắt trọn chẳng mất mát.

Phần thứ hai, “biệt đáp” đã xong.

**25.2.1.1.2.3. Khuyên trì danh để đáp** (đó chính là mười bốn món Vô Úy được nói trong kinh Đại Phật Đảnh)

### **25.2.1.1.2.3.1. Khuyên trì danh**

*(Kinh) Thị cố, chúng sanh giai ưng thọ trì Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu.*

**(經)是故，眾生皆應受持觀世音菩薩名號。**

*(Kinh: Vì thế, chúng sanh đều nên thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát).*

Trong phần trước đã nói nhân duyên [vì sao Bồ Tát] có tên là Quán Thế Âm. Sức của Ngài rộng lớn, đã chẳng thể biện định hình chất, chỉ thuật danh, luận đức. Nếu muốn quy ngưỡng, tôn sùng, hãy nên thọ trì danh hiệu. Vì thế, kết lại bằng việc khuyên trì danh. Đó là vì vạn đức

hồng danh, tương xứng triệu vời Thật, chỉ một tên, một chữ ấy về bản chất vốn sẵn trọn đủ ba ngàn tánh tướng, diệu lý Tam Đế, vốn sẵn gồm thâm trọn vẹn: Tiệm, Thiên, Viên, Quyền, Thật diệu trí, lý trí đương nhiên vốn sẵn bất nhị. Bất nhị mà nhị, lý trí rành rành. Nêu một giả danh thì hết thấy giả danh, hết thấy thật pháp, hết thấy quốc độ, không gì chẳng quy hướng vào trong giả danh ấy. Vì thế, công đức do nghe tên đã tự chẳng thể nghĩ bàn. Công đức thọ trì càng chẳng thể nghĩ bàn! Trì danh đã là như thế, suy ra chánh báo, y báo cũng giống như thế. Vì thế biết kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ và diệu kinh này đều là cùng một pháp môn viên đốn hy hữu rất sâu, chẳng có hơn kém.

### *25.2.1.1.2.3.2. So lường*

*(Kinh) “Vô Tận Ý! Nhược hữu nhân thọ trì lục thập nhị ức Hằng hà sa Bồ Tát danh tự, phục tận hình cúng dường ẩm thực, y phục, ngọc cụ, y dược, u nhữ ý vân hà? Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, công đức đa phủ?” Vô Tận Ý ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn!” Phật ngôn: “Nhược phục hữu nhân, thọ trì Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, nãi chí nhất thời lễ bái, cúng dường, thị nhị nhân phước chánh đẳng vô dị, u bách thiên vạn ức kiếp, bất khả cùng tận”.*

**(經)無盡意！若有人受持六十二億恆河沙菩薩名字，復盡形供養飲食，衣服，臥具，醫藥，於汝意云何？是善男子，善女人，功德多不？」無盡意言：「甚多，世尊！」佛言：「若復有人，受持觀世音菩薩名號，乃至一時禮拜，供養，是二人福正等無異，於百千萬億劫，不可窮盡。**

*(Kinh: “Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ Tát, lại suốt đời cúng dường thức ăn, y phục, đồ trải nằm, thuốc men, ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy công đức có nhiều hay chăng?” Vô Tận Ý thưa: “Rất nhiều, bạch Thế Tôn” Đức Phật nói: “Nếu lại có người, thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, cho đến nhất thời lễ bái, cúng dường, phước của hai người ấy giống*

*hệt nhau chẳng khác. Trong trăm ngàn vạn ức kiếp, chẳng thể cùng tận”).*

Kinh văn có bốn ý: Một là so lường Bốn, hai là hỏi, ba là đáp, bốn là chính thức so lường. Trong phần so lường Bốn, cùng nêu ra bốn thứ “nhiều”: “*Sáu mươi hai ức Hằng hà sa*” là phước đức nhiều. “*Thọ trì*” là trì danh nhiều. “*Tận hình*” (Cho đến hết tuổi thọ) là thời tiết nhiều. Tứ sự cúng dường như thức ăn v.v... là chủng tử nhiều. Dùng bốn điều “*nhiều*” ấy để làm cơ sở so lường. Phần vấn đáp dễ hiểu. Trong phần chính thức so lường, còn nêu ra bốn phần “ít” để so sánh với bốn phần “nhiều”. [Đối tượng quy kính] chỉ có một mình đức Quán Thế Âm tức là phước điền ít. Trì danh cũng ít, thậm chí “*nhất thời*”, tức là thời ít. [Chỉ nói] lễ bái, cúng dường, chẳng nói bốn sự, tức là chủng tử ít, nhưng công đức giống hết như nhau không khác. Ấy là vì Chân Như Thật Tế một và nhiều chẳng có tánh, vốn tự bình đẳng. Quán Âm chứng Thật Tế ấy, một chẳng phải là một, giống hết như nhiều. Sáu mươi hai ức [Bồ Tát] chứng Thật Tế ấy, nhiều chẳng phải là nhiều, giống hết như một. Trong một, hiểu vô lượng. Vì thế nói “*sáu mươi hai ức*”. Trong vô lượng hiểu một, cho nên nói Quán Thế Âm. Kinh Chiêm Sát nói: “*Năng văn ngã danh giả, tức vi văn thập phương Phật danh*” (Có thể nghe danh hiệu ta, chính là nghe tên của mười phương Phật) cũng là ý nghĩa này!

### **25.2.1.1.2.3.3. Tán thán để kết luận**

*(Kinh) Vô Tận Ý! Thọ trì Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, đắc như thị vô lượng vô biên phước đức chi lợi.*

**(經)無盡意！受持觀世音菩薩名號，得如是無量無邊福德之利。**

*(Kinh: Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát, đạt vô lượng vô biên lợi ích phước đức như thế).*

Phần vấn đáp thứ nhất “nói rõ ba nghiệp chúng sanh, hiển thị căn cơ làm cảnh, Pháp Thân linh trí ngàm ứng hợp, cảnh và trí làm nhân duyên, thì gọi là Quán Thế Âm” đã xong.

### **25.2.1.2. Lần vấn đáp thứ hai**



25.2.1.2.1. Hỏi

(Kinh) Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát vân hà du thử Sa Bà thế giới? Vân hà nhi vị chúng sanh thuyết pháp? Phương tiện chi lực, kỳ sự vân hà?

(經)無盡意菩薩白佛言：「世尊！觀世音菩薩云何遊此娑婆世界？云何而為眾生說法？方便之力，其事云何？」

(Kinh: Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát dạo trong thế giới Sa Bà này như thế nào? Vì chúng sanh thuyết pháp như thế nào? Sức phương tiện là chuyện như thế nào?)

Lời hỏi có ba ý:

- Một, “dạo chơi như thế nào?” tức là hỏi về thân nghiệp.
- Hai, “thuyết pháp như thế nào?” tức là hỏi về khẩu nghiệp.
- Ba, “phương tiện như thế nào” là hỏi về ý nghiệp.

Tức là sự giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn nơi tam luân (thân, khẩu, ý), cũng gọi là Tam Bất Hộ (chẳng cần phải phòng hộ ba nghiệp), hoặc Tam Vô Thất (ba nghiệp chẳng hề phạm lầm lỗi). “Sự giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn”: Hóa thành thân Phật, đó là hóa thành Phật khẩu, Phật tâm. Cho đến hóa thành thần Chấp Kim Cang, đó là cũng là hóa thành Kim Cang khẩu và Kim Cang tâm. Tuy khéo quyền biến lợi vật, nhưng trí huệ Pháp Thân chẳng bị tổn giảm. Vì thế, kinh Tịnh Danh dạy: “Thiện năng phân biệt chư pháp tướng, u Đệ Nhất Nghĩa nhi bất động” (Khéo có thể phân biệt các pháp tướng, bất động đối với Đệ Nhất Nghĩa). Bất động mà động, được gọi là giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn.

Hỏi: - Ý nghiệp có thể giáo hóa như thế nào?

Đáp: - Thánh ý chẳng thể lường được! Nếu Ngài muốn chỉ bày, dẫn là côn trùng cũng sẽ hiểu biết! Vì thế, Duy Thức nói: “Vô thượng giác giả: Thần lực nan tư, hóa vô lượng loại, giai linh hữu tâm dã” (Vô thượng giác: Thần lực khó nghĩ, giáo hóa vô lượng loài, khiến cho đều có tâm).

“Bất hộ”: Trụ trong pháp môn viên phổ chẳng thể nghĩ bàn, thật sự chẳng dấy ý niệm so đo, suy tính, hoặc toan tính theo thứ tự. Ví như gương sáng, hễ vật đối trước gương, gương liền hiện bóng, chẳng có phân biệt, mà cũng chẳng có trước sau.

“*Vô thất*”: Chúng sanh căn cơ bất đồng, cạn sâu khác nhau. Quán Âm tuy chẳng đầy niệm thích ứng căn cơ, nhưng phù hợp căn cơ chẳng sai sót, khéo hợp kẻ đối trước Ngài, [khiến kẻ đó] ngậm lãnh hội Sự Lý.

**25.2.1.2.2. Đáp**

**25.2.1.2.2.1. Đáp riêng từng điều**

*(Kinh) Phật cáo Vô Tận Ý Bồ Tát: - Thiện nam tử! Nhược hữu quốc độ chúng sanh ưng dĩ Phật thân đặc độ giả, Quán Thế Âm Bồ Tát tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Bích Chi Phật thân đặc độ giả, tức hiện Bích Chi Phật thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Thanh Văn thân đặc độ giả, tức hiện Thanh Văn thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Phạm vương thân đặc độ giả, tức hiện Phạm vương thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Đế Thích thân đặc độ giả, tức hiện Đế Thích thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Tự Tại Thiên thân đặc độ giả, tức hiện Tự Tại Thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Đại Tự Tại Thiên thân đặc độ giả, tức hiện Đại Tự Tại Thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ thiên đại tướng quân thân đặc độ giả, tức hiện thiên đại tướng quân thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Tỳ Sa Môn thân đặc độ giả, tức hiện Tỳ Sa Môn thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ tiểu vương thân đặc độ giả, tức hiện tiểu vương thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ trưởng giả thân đặc độ giả, tức hiện trưởng giả thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ cư sĩ thân đặc độ giả, tức hiện cư sĩ thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ tể quan thân đặc độ giả, tức hiện tể quan thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Bà La Môn thân đặc độ giả, tức hiện Bà La Môn thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thân đặc độ giả, tức hiện tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà La Môn phụ nữ thân đặc độ giả, tức hiện phụ nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ đồng nam, đồng nữ thân đặc độ giả, tức hiện đồng nam, đồng nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân đẳng thân đặc độ giả, tức giai hiện chi, nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Chấp Kim Cang thần đặc độ giả, tức hiện Chấp Kim Cang thần nhi vị thuyết pháp.*

**(經)佛告無盡意菩薩：「善男子！若有國土眾生應以佛身得度者，觀世音菩薩即現佛身而為說法。應以辟支佛**

**身得度者，即現辟支佛身而為說法。應以聲聞身得度者，即現聲聞身而為說法。應以梵王身得度者，即現梵王身而為說法。應以帝釋身得度者，即現帝釋身而為說法。應以自在天身得度者，即現自在天身而為說法。應以大自在天身得度者，即現大自在天身而為說法。應以天大將軍身得度者，即現天大將軍身而為說法。應以毘沙門身得度者，即現毘沙門身而為說法。應以小王身得度者，即現小王身而為說法。應以長者身得度者，即現長者身而為說法。應以居士身得度者，即現居士身而為說法。應以宰官身得度者，即現宰官身而為說法。應以婆羅門身得度者，即現婆羅門身而為說法。應以比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷身得度者，即現比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷身而為說法。應以長者、居士、宰官、婆羅門婦女身得度者，即現婦女身而為說法。應以童男、童女身得度者，即現童男、童女身而為說法。應以天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等身得度者，即皆現之，而為說法。應以執金剛神得度者，即現執金剛神而為說法。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát: - Thiện nam tử! Nếu có quốc độ, chúng sanh đáng nên dùng thân Phật để độ được, Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Bích Chi Phật để độ được, liền hiện thân Bích Chi Phật vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Thanh Văn để độ được, liền hiện thân Thanh Văn vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Phạm vương để độ được, liền hiện thân Phạm vương vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Đế*

## **Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2**

*Thích để độ được, liền hiện thân Đế Thích vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Tự Tại Thiên để độ được, liền hiện thân Tự Tại Thiên vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Đại Tự Tại Thiên để độ được, liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân thiên đại tướng quân để độ được, liền hiện thân thiên đại tướng quân vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Tỳ Sa Môn để độ được, liền hiện thân Tỳ Sa Môn vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân tiểu vương để độ được, liền hiện thân tiểu vương vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân trưởng giả để độ được, liền hiện thân trưởng giả vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân cư sĩ để độ được, liền hiện thân cư sĩ vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân tể quan để độ được, liền hiện thân tể quan vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Bà La Môn để độ được, liền hiện thân Bà La Môn vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di để độ được, liền hiện thân tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà La Môn để độ được, liền hiện thân phụ nữ vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân trẻ trai, trẻ gái để độ được, liền hiện thân trẻ trai, trẻ gái vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v... để độ được, liền hiện [các thân ấy] để vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Cháp Kim Cang Thần<sup>147</sup> để độ được, liền hiện thân Cháp Kim Cang Thần vì kẻ đó thuyết pháp).*

---

<sup>147</sup> Cháp Kim Cang Thần còn gọi là Cháp Kim Cang Dạ Xoa, Kim Cang Thủ, Kim Cang Lực Sĩ, chính là vị thần Dạ Xoa tay cầm kim cang xử hộ vệ Thiên Đế Thích. Khi đức Phật xuất thế, vị này liền giáng hiện Diêm Phù Đề, hộ vệ đức Thế Tôn, thủ hộ đạo tràng. Tuy danh xưng giống nhau, nhưng có nhiều vị Cháp Kim Cang Thần; Tứ Phần Luật nói mỗi vị Phật có năm trăm Cháp Kim Cang Thần theo hộ trì. Theo pháp hội Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ trong kinh Đại Bảo Tích, trong quá khứ có Chuyển Luân vương tên là Dũng Quân Vương, có một ngàn con trai. Vua có hai phu nhân, bỗng có hai đứa bé sanh từ trên đầu gối của hai bà, một tên là Pháp Ý, đứa kia tên Pháp Niệm. Vua biết các con đã phát đạo tâm, muốn biết thứ tự sẽ thành Phật của các con trong tương lai bèn cho rút thăm. Thái tử Tịnh Ý rút được cái thăm đầu tiên, tức là Câu Lưu Tôn Phật. Người rút được cái thăm thứ tư là tiền thân của Phật Thích Ca, người rút được cái thăm cuối cùng chính là tiền thân của Lô Chí Phật. Khi đó, Pháp Ý thệ nguyện: Ta sẽ làm Kim Cang Lực Sĩ để thân cận Phật khi các vị này thành Phật hòng được nghe chuyện bí yếu mật tích của hết thầy chư Phật, tin ưa chẳng hoài nghi. Em trai là Pháp Niệm nguyện sẽ là người khuyên Phật chuyển luân khi các vị vương tử ấy thành đạo. Dũng Quân Vương chính là Định Quang Như Lai.

Nói “*ung dĩ*” (đáng nên dùng) nhằm đáp [câu hỏi] về phương tiện nơi ý nghiệp: Có thể biết căn cơ thích đáng. Nói “*hiện thân*” là đáp về thân nghiệp. Nói “*thuyết pháp*” tức là đáp về khẩu nghiệp. Ba nghiệp vốn chẳng tách rời. Trong đoạn này, nêu ra ba mươi ba thân khác nhau. Nếu gộp cả nhân và phi nhân, sẽ thành ba mươi lăm thân. Kinh Đại Phật Đảnh nói ba mươi hai ứng thân, tách ra thì Độc Giác là một thân riêng, gom bốn thân phụ nữ thành một, lược đi chẳng nói thân Ca Lô La. Kinh vẫn tuy tách ra hay gộp vào, nghĩa chẳng tăng giảm. Nói chung, chỉ là thân trong mười pháp giới đó thôi. Chẳng nói tới thân Bồ Tát chính là vì xét theo Bồ Tát pháp giới, nói cạn kẽ Ngài hiện hình tượng trong chín pháp giới kia, nhằm hiển thị ý nghĩa “*mười pháp giới, mỗi pháp giới đều là tầng tầng vô tận*”. Chẳng nói tới địa ngục giới, vì gộp chung vào phi nhân.

“*Nhược hữu quốc độ chúng sanh*” (Nếu có chúng sanh trong quốc độ) tức là căn cơ trong mười pháp giới thuộc ba loại cõi Thật Báo, Phương Tiện, và Đồng Cư. Trong cõi Thật Báo, thuần coi Bồ Tát là chúng sanh, chỉ có căn cơ thuộc một Phật giới. Trong cõi Phương Tiện, có chín loại chúng sanh, tức Nhị Thừa Vô Học thuộc Tạng Giáo. Thông Giáo thì là những người đoạn Thông Hoặc trong tam thừa, ba mươi tâm trong Biệt Giáo, Thập Tín trong Viên Giáo, có hai loại căn cơ: Một là căn cơ Phật giới, hai là căn cơ Bồ Tát giới. Trong cõi Đồng Cư, trọn đủ chúng sanh thuộc chín pháp giới và căn cơ thuộc mười pháp giới. Tương ứng căn cơ mà ứng hiện, trọn đủ thân Phật trong mười pháp giới.

Lại có tướng khác biệt trong tứ giáo: Bích Chi Phật lại có Duyên Giác và Độc Giác khác nhau. Thanh Văn lại có các loại Tích Pháp, Thế Pháp, Tứ Hương, Tứ Quả, và các vị thị hiện thuận theo ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) lần lượt điều phục khác nhau! Đã hiện thân Phạm Vương, theo đúng lý cũng phải nên hiện thân của hai thiên vương Quang Âm, Biến Tịnh. Đã thị hiện Đế Thích, theo đúng lý cũng phải hiện thân ba thiên vương Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc. Tự Tại tức là chúa trời cõi Dục Giới, Đại Tự Tại tức chúa trời của Tứ Thiên. Đã nói Tỳ Sa Môn, cũng ắt phải hiện thân của ba vị thiên vương kia. Vì thế, kinh Phật Đảnh nói thẳng là Tứ Thiên Vương. Đã nói tiểu vương, cũng ắt hiện đủ bốn loại Chuyển Luân Vương. Đã nói “*nhân, phi nhân v.v...*”, nếu nói đến

---

Một ngàn vị vương tử chính là một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp. Pháp Ý thành Kim Cang Lực Sĩ, còn Pháp Niệm thành Phạm Vương.

người thì già, trẻ, sang, hèn, không gì chẳng gồm thâu. Nói “*phi nhân*” thì địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không gì chẳng thâu gồm! Vì thế, kinh văn trong phần sau nói: “*Dĩ chủng chủng hình du chư quốc độ*” (Dùng các thứ thân hình dạo trong các cõi nước), chỉ có thể lãnh hội ý, há có thể nói trọn hết được!

“*Vị thuyết pháp*” (Vì chúng sanh mà thuyết pháp): Thuận theo sức họ kham nổi, mà [nói ra giáo pháp] hoặc Quyền, hoặc Thật, hoặc Đốn, hoặc Tiệm, hoặc Hiện, hoặc Mật, đều khiến cho [chúng sanh được hóa độ] sẽ chứng đạt được Quyền Thật Tứ Ích, rốt ráo quy vào lợi ích Nhất Thật.

#### **25.2.1.2.2.2. Đáp chung**

*(Kinh) Vô Tận Ý! Thị Quán Thế Âm Bồ Tát thành tựu như thị công đức, dĩ chủng chủng hình, du chư quốc độ, độ thoát chúng sanh.*

**(經)無盡意！是觀世音菩薩成就如是功德，以種種形，遊諸國土，度脫眾生。**

*(Kinh: Vô Tận Ý! Vị Quán Thế Âm Bồ Tát này thành tựu công đức như thế, dùng các thứ thân hình dạo trong các quốc độ để độ thoát chúng sanh).*

Trong phần trước, đáp riêng ba mươi lăm thân, văn rộng nhưng ý hẹp. Phần tổng đáp về công đức như thế ở đây, văn hẹp nhưng nghĩa rộng. “*Dĩ chủng chủng hình*” (Dùng các thứ thân hình) tức là chẳng phải chỉ có ba mươi lăm thân. “*Du chư quốc độ*” (Dạo trong các cõi nước) tức là không hạn cuộc trong thế giới Sa Bà đã rõ rồi!

#### **25.2.1.2.2.3. Khuyến cúng dường**

##### **25.2.1.2.2.3.1. Khuyến bảo**

*(Kinh) Thị cố, nhữ đẳng ưng đương nhất tâm cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát. Thị Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát u bố úy, cấp nạn chi trung, năng thí vô úy. Thị cố, thử Sa Bà thế giới giai hiệu chi vi Thí Vô Úy giả.*

**(經)是故，汝等應當一心供養觀世音菩薩。是觀世音菩薩摩訶薩於怖畏，急難之中，能施無畏。是故，此娑婆世界皆號之為施無畏者」。**

*(Kinh: Vì thế, các ông hãy nên nhất tâm cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát. Vị Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát này có thể ban cho không sợ hãi trong khi sợ hãi, nạn gấp. Vì vậy, thế giới Sa Bà này đều gọi Ngài là đấng Thí Vô Úy).*

Đã tên là Quán Thế Âm, cũng tên là Thí Vô Úy (Abhayamada, ban cho không sợ hãi). Từ đức mà đặt tên. Đức đã vô tận, danh cũng vô tận.

#### 25.2.1.2.2.3.2. Vãng lãnh ý chỉ

##### 25.2.1.2.2.3.2.1. Vãng mạng

*(Kinh) Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim đương cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát”. Tức giải cảnh chúng bảo châu anh lạc, giá trị bách thiên lượng kim, nhi dĩ dữ chi, tác thị ngôn: “Nhân giả! Thọ thử pháp thí trân bảo anh lạc”.*

**(經)無盡意菩薩白佛言：「世尊！我今當供養觀世音菩薩」。即解頸眾寶珠瓔珞，價直百千兩金，而以與之，作是言：「仁者！受此法施珍寶瓔珞」。**

*(Kinh: Vô Tận Ý Bồ Tát bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nay sẽ cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát”. Liền cởi chuỗi anh lạc bằng các bảo châu ở cổ, giá trị trăm ngàn lượng vàng để trao cho, nói như thế này: “Thưa nhân giả! Hãy nhận lấy chuỗi anh lạc pháp thí quý báu này”).*

“Chúng bảo châu anh lạc” tức là các loại châu quý báu kết xen kẽ để cùng trang hoàng đẹp đẽ. Vô Tận Ý địa vị cao, chuỗi anh lạc há chỉ giá trị trăm ngàn lượng! Như nói “trăm họ vạn dân”, không chỉ là một trăm hay một vạn! Lại nữa, cỗ biểu thị lý Nhất Thật thuộc Trung Đạo. Dùng rất nhiều pháp môn vô tận để trang nghiêm Thật Tướng như chuỗi anh lạc đeo ở cổ. “Giải” (Tháo ra) biểu thị hạnh thường xả của Bồ Tát.

Vì thế, hết thầy công đức nguyện hạnh, cho đến Phật trí, Bồ Đề, Niết Bàn đều chẳng trụ, chẳng chấp, không nương cậy, chẳng dựa dẫm. Vì thế nói là Giải.

Kinh Đại Tập nói: “*Giới, Định, Huệ, Đà La Ni dĩ vi anh lạc trang nghiêm Pháp Thân*” (Dùng Giới, Định, Huệ, Đà La Ni làm chuỗi anh lạc để trang nghiêm Pháp Thân). Trăm ngàn là mười vạn, biểu thị Thập Địa, mỗi địa đều có mười vạn đức. “*Pháp thí*”: Tài chính là Pháp, Tài là pháp sanh bởi nhân duyên, tức Không, tức Giả, tức Trung. Tam Đế nhất tâm, hết thầy trọn đủ. Nơi pháp bình đẳng, nơi tài cũng bình đẳng. Thí như thế chính là pháp thí.

### **25.2.1.2.2.3.2.2. Chẳng nhận**

*(Kinh) Thời, Quán Thế Âm Bồ Tát bất khảng thọ chi.*

**(經)時，觀世音菩薩不肯受之。**

*(Kinh: Khi đó, Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng chịu tiếp nhận).*

Xét theo Sự, Vô Tận Ý vâng mạng cúng dường. Tôi chưa vâng mạng, cho nên chẳng nhận. Theo lễ, phải nên khiêm nhường. Xét theo sự biểu thị pháp, chính là chẳng tiếp nhận tác dụng rộng lớn của tam-muội, cho nên không tiếp nhận.

### **25.2.1.2.2.3.2.3. Lại dâng lên**

*(Kinh) Vô Tận Ý phục bạch Quán Thế Âm Bồ Tát ngôn: - Nhân giả! Mẫn ngã đặng cố, thọ thử anh lạc.*

**(經)無盡意復白觀世音菩薩言：「仁者！愍我等故，受此瓔珞」。**

*(Kinh: Vô Tận Ý lại bạch với Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: - Thưa nhân giả! Hãy vì thương xót chúng tôi mà nhận chuỗi anh lạc này).*

Hoặc thỉnh người trên thương xót kẻ dưới, hoặc địa vị ngang nhau cũng có thể thương xót lẫn nhau. Hoặc tôi vì tứ chúng cho nên thí. Do thương tứ chúng mà Ngài tiếp nhận. Dùng “không có gì tiếp nhận” để tiếp nhận các thọ.



**25.2.1.2.2.3.2.4. Đức Phật khuyến bảo**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Quán Thế Âm Bồ Tát: - Đương mãn thử Vô Tận Ý Bồ Tát, cập tứ chúng thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân đẳng cố, thọ thử anh lạc.*

**(經)爾時，佛告觀世音菩薩：「當愍此無盡意菩薩，及四眾天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等故，受是瓔珞」。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: - Hãy nên thương vị Vô Tận Ý Bồ Tát Bồ Tát này và tứ chúng trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v.. mà nhận chuỗi anh lạc ấy).*

Chính vì Bồ Tát do chúng sanh mà bố thí, cũng phải nên vì chúng sanh mà nhận lấy.

**25.2.1.2.2.3.2.5. Nhận lấy rồi dâng cúng**

*(Kinh) Tức thời, Quán Thế Âm Bồ Tát mãn chư tứ chúng, cập u thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân đẳng, thọ kỳ anh lạc, phân tác nhị phần: Nhất phần phụng Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất phần phụng Đa Bảo Phật tháp.*

**(經)即時，觀世音菩薩愍諸四眾，及於天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等，受其瓔珞，分作二分：一分奉釋迦牟尼佛，一分奉多寶佛塔。**

*(Kinh: Ngay khi đó, Quán Thế Âm Bồ Tát thương xót tứ chúng, và trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v... nhận lấy chuỗi anh lạc, chia làm hai phần: Một phần dâng lên Thích Ca Mâu Ni Phật, một phần dâng lên tháp của Đa Bảo Phật).*

Chỉ một chuỗi anh lạc pháp thí, chia thành hai phần, biểu thị một Thật Tướng, toàn thể thành hai cái nhân Lý và Sự. Dâng cúng hai vị Phật, biểu thị dùng hai cái nhân để đạt đến hai cái quả. Lý viên thì là Pháp Phật. Sự viên chính là Báo Phật. Lại còn dùng hai vị Phật để biểu thị hai cái quả.

### **25.2.1.2.2.3.2.6. Kết luận bằng lời khuyên**

*(Kinh) Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát hữu như thị tự tại thần lực, du w Sa Bà thế giới.*

**(經)「無盡意！觀世音菩薩有如是自在神力，遊於娑婆世界」。**

*(Kinh: Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có thần lực tự tại như thế, dạo trong thế giới Sa Bà).*

Phần kinh văn Trường Hàng đã xong

### **25.2.2. Kệ tụng**

Ngài La Thập chẳng dịch [phần này]. Vì thế các bản cũ đều không có [kệ tụng sau phần Trường Hàng của phẩm Phổ Môn]. Các sách Văn Cú lần Nghĩa Sớ cũng đều chẳng giải thích. Sách Tục Cao Tăng Truyện<sup>148</sup> nói: Kệ là do ngài Xà Na Quật Đa<sup>149</sup> dịch, nay các bản lưu

<sup>148</sup> Đây là tác phẩm do ngài Đạo Tuyên biên soạn vào đời Đường, gồm ba mươi quyển, còn gọi là Đường Cao Tăng Truyện, nhằm tiếp nối bộ Cao Tăng Truyện đời Lương, chép tiểu truyện của 414 vị cao tăng (chép kèm thêm 201 vị nữa) từ đời Lương cho đến năm thứ 19 (645) niên hiệu Trinh Quán đời Đường. Bộ sách này cùng với Cao Tăng Truyện (do ngài Huệ Kiêu soạn vào đời Lương), Tổng Cao Tăng Truyện (do ngài Tấn Ninh soạn vào đời Tống), và Đại Minh Cao Tăng Truyện (do ngài Như Tĩnh soạn vào đời Minh) được gọi là Tứ Triều Cao Tăng Truyện. Cao Tăng Truyện chú trọng các vị cao tăng thuộc Giang Nam, còn Tục Cao Tăng Truyện chú trọng các vị tăng từ thời thống nhất Nam Bắc Triều cho đến đầu đời Đường tại Hoa Bắc, nhất là vùng Trường An. Do vậy, hai tài liệu này được coi là sử liệu Phật giáo quý giá để tìm hiểu tình hình Phật giáo thời đó.

<sup>149</sup> Xà Na Quật Đa (Jñānagupta, 523-600, dịch sang tiếng Hán là Trí Đức) là vị cao tăng dịch kinh người xứ Kiện Đà La (Gandhāra) của Ấn Độ. Ngài đến Trung Hoa giữa thời Bắc Châu và Tùy. Sư vốn là con của Tể Tướng xứ Kiện Đà La, nhưng mang chí hướng xuất gia từ bé. Ngài theo học với các vị Xà Na Da Xá và Xà Nhã Na

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

thông đều có ghép thêm [phần Kệ Tụng này]. Vì thế, trong phần Khoa Chú, đã dựa theo các khoa mục do ngài Từ Vân<sup>150</sup> phân định để giải thích. Chia đại lược gồm ba khoa: Một là trùng tụng cả hai lượt hỏi, hai là trùng tụng hai lượt đáp, ba là trùng tụng hai lượt khuyên.

### **25.2.2.1. Trùng tụng hai lượt hỏi**

*(Kinh) Nhĩ thời, Vô Tận Ý Bồ Tát dĩ kệ vẫn viết: - Thế Tôn diệu tướng cụ, ngã kim trùng vẫn bỉ, Phật tử hà nhân duyên, danh vi Quán Thế Âm?*

**(經)爾時，無盡意菩薩以偈問曰：「世尊妙相具，我今重問彼，佛子何因緣，名為觀世音？」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Vô Tận Ý Bồ Tát dùng kệ hỏi rằng: - Thế Tôn diệu tướng vẹn, con nay lại hỏi Ngài, Phật tử do duyên gì, tên là Quán Thế Âm?)*

Câu đầu tiên tán thán Phật đức. Câu thứ hai chứa đựng hai lượt hỏi, hai câu sau riêng trùng tụng tụng lượt hỏi thứ nhất.

### **25.2.2.2. Trùng tụng hai lượt đáp**

#### **25.2.2.2.1. Trùng tụng lời tán thán chung về hạnh nguyện**

---

Bạt Đạt La, theo thầy đi khắp các nước. Ngài đến Trung Hoa trong niên hiệu Vũ Thành (559-560) thời Minh Đế nhà Bắc Châu, thoát đầu trụ tại Thảo Đường Tự ở Trường An. Châu Vũ Đế dựng chùa Tứ Thiên Vương để Ngài dùng làm chỗ dịch kinh. Năm Kiến Đức thứ ba (574), Châu Vũ Đế nghe lời bọn đạo sĩ diệt Phật, buộc Ngài hoàn tục, nhận lãnh tước hiệu, tuân theo lễ pháp Nho Giáo. Ngài từ khước, từ Cam Châu trốn sang lãnh thổ Đột Quyết. Năm 575, Sư suất lãnh mười vị danh tăng sang Tây Vực thỉnh kinh. Bảy năm sau, đem hai trăm sáu mươi quyển kinh Phật về Đột Quyết. Lúc đó, Tùy Văn Đế đã diệt nhà Châu, hưng khởi Phật giáo, bèn xuống chiếu cầu thỉnh Sư trở lại Trung Hoa. Năm Khai Hoàng thứ năm (585), Văn Đế xây chùa Đại Hưng Thiện để làm đạo tràng dịch kinh cho Ngài. Các bộ kinh do Ngài dịch nổi tiếng nhất là Phật Bản Hạnh Tập Kinh, Pháp Cự, Oai Đức, Hộ Niệm, Hiền Hộ...

<sup>150</sup> Từ Vân tức là ngài Tuân Thức Tri Bạch, thường được gọi là Linh Ứng tôn giả, trụ trì chùa Thiên Trúc Linh Sơn tại Hàng Châu đời Tống. Tống Chân Tông ban cho Ngài phong hiệu Từ Vân. Ngài hoàng dương giáo nghĩa tông Thiên Thai. Do Ngài viết nhiều nghi thức sám pháp nên thường được gọi là Từ Vân Sám Chủ.

*(Kinh) Cụ túc diệu tướng tôn, kệ đáp Vô Tận Ý: - Như thính Quán Âm hạnh, thiện ứng chư phương sở. Hoằng thệ thâm như hải, lịch kiếp bất tư nghị. Thị đa thiên ức Phật, phát đại thanh tịnh nguyện.*

**(經)具足妙相尊，偈答無盡意：「汝聽觀音行，善應諸方所。宏誓深如海，歷劫不思議。侍多千億佛，發大清淨願。」**

*(Kinh: Đấng diệu tướng trọn đủ, kệ đáp Vô Tận Ý: - Ông nghe hạnh Quán Âm, khéo ứng các nơi chốn. Thệ rộng sâu như biển, trải kiếp chẳng nghĩ bàn. Hầu nhiều ngàn ức Phật, phát nguyện thanh tịnh lớn).*

Hai câu đầu do người kết tập kinh trần thuật. Sáu câu kế đó, chính là lời giải đáp. “*Như thính*” (Ông nghe): Răn hãy sanh Tam Huệ. Hạnh của đức Quán Âm là nhất tâm tam trí, quán âm thanh của mười pháp giới, khiến cho vô lượng khổ đều cùng lúc giải thoát, tức là đã thành tựu hạnh lợi tha. “*Thiện ứng chư phương sở*” (Khéo ứng hiện các chốn): Bất động chân tâm hiện hình trong ba cõi. Ba mươi hai ứng thân hiện tướng khắp chốn, tức là sức Phổ Môn thần thông. Hai câu này tán thán chung: Quyết đạt được hai thân Chân và Ứng. “*Hoằng thệ thâm như hải*” (Thệ nguyện to lớn sâu như biển): Nêu rõ khi sơ phát tâm, duyên theo Vô Tác Tứ Đế. Vì thế, theo chiều ngang trọn khắp mười cõi, theo chiều dọc thấu triệt Tam Tế, đã rộng còn sâu. “*Lịch kiếp*” (Trải kiếp): Trong khoảng giữa, dùng Hạnh để bồi nguyện, trải qua thời gian lâu xa, hầu cận nhiều vị Phật, phát nguyện to lớn. Vì thế, thành tựu hai thân Chân và Ứng trong hiện thời, ví như nước lớn thuyền lên cao, đất sét nhiều thì tượng Phật to.

#### **25.2.2.2.2. Riêng trùng tụng hai lượt đáp**

##### **25.2.2.2.2.1. Trùng tụng lượt đáp trước**

##### **25.2.2.2.2.1.1. Trùng tụng lời đáp chung**

*(Kinh) Ngã vị nhữ lược thuyết, văn danh cập kiến thân, tâm niệm bất không quá, năng diệt chư hữu khổ.*

**(經)我為汝略說，聞名及見身，心念不空過，能滅諸有苦。**

*(Kinh: Ta vì ông nói lược, nghe tên và thấy thân, tâm niệm chẳng luống uổng, hay diệt khổ ba cõi).*

“Lược thuyết” (Nói đại lược): Chỉ nêu ra những điều trọng yếu. Do “văn danh” (nghe tên) cho nên xưng niệm, đó là cơ cảm thuộc khẩu nghiệp. Do “kiến thân” (thấy thân) cho nên lễ, đó là cơ cảm thuộc thân nghiệp. “Tâm niệm” là cơ cảm thuộc ý nghiệp. “Chư hữu” tức là hai mươi lăm Hữu (tam giới).

**25.2.2.2.2.1.2. Trùng tụng lời đáp riêng**

**25.2.2.2.2.1.2.1. Trùng tụng bảy nạn**

**25.2.2.2.2.1.2.1.1. Trùng tụng nạn thứ nhất: Nạn lửa**

*(Kinh) Giả sử hưng hại ý, thôi lạc đại hỏa khanh. Niệm bỉ Quán Âm lực, hỏa khanh biến thành trì.*

**(經)假使興害意，推落大火坑。念彼觀音力，火坑變成池。**

*(Kinh: Nếu có kẻ muốn hại, đẩy rớt hầm lửa lớn. Do sức niệm Quán Âm, hầm lửa biến thành ao).*

Niệm đức Quán Âm, nếu nói theo phía Phật, Quán Âm là “bỉ” (người kia) tức là xét theo [quan hệ] thầy trò, giả phân chia đây kia. Nếu xét theo phía chúng sanh niệm đức Quán Âm thì là xét theo [quan hệ] cảm ứng, tạm chia thành đây kia. Cảm ứng giữa thầy và trò, không gì chẳng phải là pháp giới. Năng sở rành rành, năng sở cùng dứt. Chúng sanh niệm đức Quán Âm trong tự tâm, Quán Âm tự ứng chúng sanh trong tự tâm. Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn.

**25.2.2.2.2.1.2.1.2. Trùng tụng nạn thứ hai: Nạn nước**

*(Kinh) Hoặc phiêu lưu cự hải, long ngư chư quý nạn. Niệm bỉ Quán Âm lực, ba lãng bất năng một.*

**(經)或漂流巨海，龍魚諸鬼難。念彼觀音力，波浪不能沒。**

*(Kinh: Hoặc trôi giạt biển lớn, các nạn cá, rồng, quỷ. Do sức niệm Quán Âm, sóng gió chẳng nhấn chìm).*

**25.2.2.2.2.1.2.1.3. Trùng tụng nạn rơi xuống núi Tu Di**

*(Kinh) Hoặc tại Tu Di phong, vì nhân sở thôi đọa. Niệm bỉ Quán Âm lực, như nhật hư không trụ.*

**(經)或在須彌峰，為人所推墮。念彼觀音力，如日虛空住。**

*(Kinh: Hoặc tại đỉnh Tu Di, bị người đẩy rơi xuống. Do sức niệm Quán Âm, như mặt trời treo không).*

Xét theo Sự, đây chính là cách nói giả thiết: Giả sử từ núi Tu Di rơi xuống, vẫn không bị tổn thương, huống hồ các núi khác ư? Xét theo sự quán giải, vốn đang ở trên núi chúa Tu Di Thật Tướng tánh đức, bị kẻ ác vô minh đẩy rơi vào biển nhị tử (Phân Đoạn và Biến Dịch), do niệm tam trí và tam đức của Quán Âm, sẽ giống như chư Phật trụ vào không chỗ trụ.

**25.2.2.2.2.1.2.1.4. Trùng tụng nạn đọa núi Kim Cang, phỏng theo nạn núi Tu Di để hiểu**

*(Kinh) Hoặc bị ác nhân trục, đọa lạc Kim Cang sơn. Niệm bỉ Quán Âm lực, bất năng tổn nhất mao.*

**(經)或被惡人逐，墮落金剛山。念彼觀音力，不能損一毛。**

*(Kinh: Hoặc bị kẻ ác đuổi, rơi xuống núi Kim Cang. Do sức niệm Quán Âm, chẳng tổn hại mấy lông).*

**25.2.2.2.2.1.2.1.5. Trùng tụng nạn thứ bảy: Oán tặc**

*(Kinh) Hoặc trị oán tặc nhiều, các chấp đao gia hại. Niệm bỉ Quán Âm lực, hàm tức khởi từ tâm.*

**(經)或值冤賊繞，各執刀加害。念彼觀音力，咸即起慈心。**

*(Kinh: Hoặc gặp oán tặc vây, đều cầm đao làm hại. Do sức niệm Quán Âm, họ liền dấy lòng Từ).*

**25.2.2.2.2.1.2.1.6. Trùng tụng nạn thứ tư: Đao, trượng**

*(Kinh) Hoặc tao vương nạn khổ, lâm hình dục thọ chung. Niệm bỉ Quán Âm lực, đao tầm đoạn đoạn hoại.*

**(經)或遭王難苦，臨刑欲壽終。念彼觀音力，刀尋段段壞。**

*(Kinh: Hoặc khổ vì nạn vua, hành hình sắp chết mất. Do sức niệm Quán Âm, đao liền gãy từng khúc).*

**25.2.2.2.2.1.2.1.7. Trùng tụng nạn thứ sáu: Gông xiềng**

*(Kinh) Hoặc tù cầm già tỏa, thủ túc bị sửu giới. Niệm bỉ Quán Âm lực, thích nhiên đắc giải thoát.*

**(經)或囚禁枷鎖，手足被杻械。念彼觀音力，釋然得解脫。**

*(Kinh: Hoặc tù rạc, gông cùm, tay chân bị còng, xiềng. Do sức niệm Quán Âm, lập tức được giải thoát).*

**25.2.2.2.2.1.2.1.8. Trùng tụng thêm nạn bị nguyên rửa, thuốc độc**

*(Kinh) Chú trở chur độc dược, sở dục hại thân giả. Niệm bỉ Quán Âm lực, hoàn trước u bổn nhân.*

**(經)咒咀諸毒藥，所欲害身者。念彼觀音力，還著於本人。**

*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

*(Kinh: Nguyên rửa, các thuốc độc, toan muốn hại thân hình. Do sức niệm Quán Âm, trở ngược kẻ gây hại).*

[Kẻ ác dùng] cầm chú sai khiến quỷ thần đến giết người khác. Nếu người ấy (người bị giết) có các thứ phước đức bảo vệ, sẽ chẳng thể giết được! Theo đúng pháp, [các cách giết chóc, hãm hại ấy] sẽ trả ngược lại kẻ đầu tiêu. Mật Bộ (kinh điển Mật Giáo) đã nói rất tường tận. Cần phải biết: Cẩn trả lại kẻ xướng suất, cũng lại có Tứ Tắt Đàn. Tô Thức (Tô Đông Pha) sửa [câu “hoàn trước u bốn nhân”] thành “lưỡng gia câu một sự” (hai đảng đều vô sự), [cho thấy ông ta] kiến thức nông cạn, ít ỏi, chẳng biết cái hay của sự chiết phục và nhiếp thọ!

**25.2.2.2.2.1.2.1.9. Trùng tụng nạn thứ năm: Nạn quỷ**

*(Kinh) Hoặc ngộ ác La Sát, độc long, chư quỷ đẳng. Niệm bỉ Quán Âm lực, thời tất bất cảm hại.*

**(經)或遇惡羅刹，毒龍諸鬼等。念彼觀音力，時悉不敢害。**

*(Kinh: Hoặc gặp ác La Sát, rồng độc, các loài quỷ. Do sức niệm Quán Âm, sẽ đều chẳng dám hại).*

**25.2.2.2.2.1.2.1.10. Tụng thêm nạn ác thú**

*(Kinh) Nhược ác thú vi nhiều, lợi nha trảo khả bố. Niệm bỉ Quán Âm lực, tất tâu vô biên phương.*

**(經)若惡獸圍繞，利牙爪可怖。念彼觀音力，疾走無邊方。**

*(Kinh: Nếu ác thú vây quanh, nhe nanh vuốt đáng sợ. Do sức niệm Quán Âm, rảo chạy không tung tích).*

**25.2.2.2.2.1.2.1.11. Tụng thêm nạn rắn, bò cạp**

*(Kinh) Ngoan xà cạp phúc yết, khí độc yên hỏa nhiên. Niệm bỉ Quán Âm lực, tầm thanh tự hồi khí.*



**(經) 虺蛇及蝮蠍，氣毒煙火然。念彼觀音力，尋聲自迴去。**

*(Kinh: Rắn độc và bò cạp, phun hơi độc mù mịt. Do sức niệm Quán Âm, nghe tiếng tự lui chạy).*

**25.2.2.2.1.2.1.12. Tụng thêm nạn giông tố**

*(Kinh) Vân lôi cổ xé điện, giáng bạc, chú đại vũ. Niệm bỉ Quán Âm lực, ứng thời đắc tiêu tán.*

**(經) 雲雷鼓掣電，降雹澍大雨。念彼觀音力，應時得消散。**

*(Kinh: Mây sấm nổ chớp sét, mưa đá, tuôn mưa lớn. Do sức niệm Quán Âm, lập tức bị tiêu tan).*

Trùng tụng bảy nạn trong phần Trường Hàng, thêm vào năm nạn, thành mười hai, đều cần phải xét theo quả báo và ác nghiệp, phiền não, lục đạo, tứ giáo để giải thích từng điều. Nếu xét theo các pháp được biểu thị, sẽ chẳng ngoài Lục Đại: Tu Di và Kim Cang cũng là Địa Đại. Sấm chớp là Hỏa Đại. Mưa đá là Thủy Đại. Thụ, rắn, nguyên rửa đều biểu thị Thức Đại. Bồ Tát từ trong cái nhân, quán sáu đại ấy chính là Không, Giả, Trung. Nay do trong lúc trụ trong sáu thứ Như Thật, bèn cứu các khổ não trọn khắp pháp giới. Nói tóm lại, hết thủy y báo và chánh báo đều là diệu sắc và diệu tâm của đức Quán Âm. Hết thủy chúng sanh tự gây khó khăn trong thánh sắc tâm như trong nhà tối đụng phải vật bấu, tự tổn thương thân mình. Tam nghiệp cầu cứu, cũng chính là Quán Âm. Vì thế, căn cơ đã thành, bèn đứng lúc ứng hiện. Hãy nên niệm nào cũng quán nghĩa này, nào có khác gì Quán Âm lợi lạc chúng sanh!

Phần thứ nhất, “trùng tụng bảy nạn” đã xong.

**25.2.2.2.1.2.2. Trùng tụng tam độc, hai điều mong cầu**

*(Kinh) Chúng sanh bị khổ ách, vô lượng khổ bức thân. Quán Âm diệu trí lực, năng cứu thế gian khổ.*

**(經)眾生被困厄，無量苦逼身。觀音妙智力，能救世間苦。**

*(Kinh: Chúng sanh mắc ách nạn, vô lượng khổ bức thân. Sức diệu trí Quán Âm, hay cứu khổ thế gian).*

Trong tam giới, ngoài tam giới, đều có nỗi khổ Tam Độc, đều có nỗi khổ vì không có con trai, con gái. Vì thế, [khổ não] vô lượng.

Phần thứ nhất, “trùng tụng lời giải đáp đầu tiên” đã xong.

#### **25.2.2.2.2. Trùng tụng lượt đáp sau**

##### **25.2.2.2.2.1. Trùng tụng sự thị hiện**

Phần kinh văn Trường Hàng gồm Biệt và Tổng. Biệt thì nói có ba mươi hai ứng thân, Tổng thì nói thân nhiều, cảnh nhiều. Nay chẳng phân Tổng hay Biệt, chỉ nói chung tam luân giáo hóa (giáo hóa bằng thân, miệng, ý) chẳng thể nghĩ bàn, tức là chia thành ba: Một là thân nghiệp ứng hiện trọn khắp, hai là ý nghiệp quán trọn khắp, ba là khẩu nghiệp thuyết pháp trọn khắp.

##### **25.2.2.2.2.1.1. Thân nghiệp ứng hiện trọn khắp**

*(Kinh) Cự túc thần thông lực, quảng tu trí phương tiện. Thập phương chư quốc độ, vô sát bất hiện thân. Chúng chúng chư ác thú: Địa ngục, quỷ, súc sanh. Sanh, lão, bệnh, tử khổ, dĩ tiệm tất linh diệt.*

**(經)具足神通力，廣修智方便。十方諸國土，無刹不現身。種種諸惡趣：地獄鬼畜生。生老病死苦，以漸悉令滅。**

*(Kinh: Trọn đủ sức thần thông, rộng tu trí phương tiện. Mười phương các quốc độ, không cõi chẳng hiện thân. Các loại đường xấu ác: Địa ngục, quỷ, súc sanh, khổ sanh, lão, bệnh, tử, đều dần dần diệt mất).*

“Cự túc thần thông lực” (Trọn đủ sức thần thông): Diệu dụng nơi toàn thể bách giới thiên như. “Quảng tu trí phương tiện” (Rộng tu trí phương tiện): Quyền Trí và Thật Trí chiếu tánh hòng phát khởi thần thông. Kinh văn trong phần trước chỉ dùng hai chữ Phi Nhân để bao hàm

ba đường ác, nay nêu ra căn kẽ. Vì thế biết Ngài hiện đủ các thân trong mười pháp giới. Phần Đoạn và Biến Dịch, mỗi thứ đều có nỗi khổ tứ tướng. “*Dĩ tiệm tất linh diệt*” (Dần dần đều khiến cho diệt mất): Quy vào Thường Tịch Quang, dù Quyền hay Thật, khuyên dụ dần dần, hợp lại để dùng. Thuốc chẳng chấp theo toa đã rõ vậy!

**25.2.2.2.2.1.2. Ý nghiệp quán trọn khắp**

*(Kinh) Chân quán, thanh tịnh quán, quảng đại trí huệ quán. Bi quán cập từ quán, thường nguyện thường chiêm ngưỡng. Vô cấu thanh tịnh quang, huệ nhật phá chư ám. Năng phục tai phong hỏa, phổ minh chiếu thể gian.*

**(經)真觀清淨觀，廣大智慧觀。悲觀及慈觀，常願常瞻仰。無垢清淨光，慧日破諸暗。能伏災風火，普明照世間。**

*(Kinh: Chân quán, thanh tịnh quán, quán trí huệ rộng lớn. Bi quán và Từ quán, thường nguyện, thường chiêm ngưỡng. Sáng vô cấu thanh tịnh, huệ nhật phá các tối. Trừ tai ương gió lửa, chiếu trọn khắp thể gian).*

Bài kệ thứ nhất nói về cái Thể được chứng. Bài kệ kế tiếp nói đến tác dụng được khởi lên. “*Chân quán*”: Chứng Không chẳng thể nghĩ bàn! “*Thanh tịnh quán*”: Chứng Giả chẳng thể nghĩ bàn. “*Quảng đại trí huệ quán*”: Chứng Trung chẳng thể nghĩ bàn. “*Bi quán*”: Do Tam Quán chẳng thể nghĩ bàn, cùng một niềm bi ngưỡng với các chúng sanh. “*Từ quán*”: Dùng Tam Quán chẳng thể nghĩ bàn để có cùng một từ lực với Phật Như Lai. Do cùng một từ lực, cho nên nói “*thường nguyện, thường chiêm ngưỡng*”. Do cùng một niềm bi ngưỡng nên thường chiêm ngưỡng. Do chứng sâu xa Nhất Tâm Tam Quán, cho nên phát ra quang minh thanh tịnh vô cấu, gọi là “*huệ nhật*”. Có thể phá Tập Đé trong mười pháp giới Tam Hoặc tối tăm, có thể chế phục Khổ Đé do tai ương gió lửa bởi hai thứ Tử trong tam giới, có thể cùng với Diệt và Đạo trong mười pháp giới mà chiếu sáng trọn khắp thể gian.

**25.2.2.2.2.1.3. Khẩu nghiệp thuyết pháp trọn khắp**

*(Kinh) Bi thể giới lôi chấn, từ ý diệu đại vân. Chú cam lộ pháp vũ, diệt trừ phiền não diễm.*

**(經)悲體戒雷震，慈意妙大雲。澍甘露法雨，滅除煩惱燄。**

*(Kinh: Thể bi răn sấm rền, ý từ diệu đường mây. Tuôn mưa pháp cam lộ, diệt trừ lửa phiền não).*

Muốn nói đại pháp, ắt nương vào thân và ý để làm cái gốc để truyền trao pháp. Vì độ chúng sanh, hiện thân thuyết pháp. Vì thế, các thân được hiện được gọi là “đại từ bi thể”. Cùng với ý Từ trong câu kệ đó, nêu lẫn nhau mỗi chữ để cùng phản chiếu lẫn nhau. Trước là dùng giới đức để cảnh tỉnh mọi người, như trời nổi sấm rền, không chúng sanh nào chẳng nghiêm túc. Vì thế nói “bi thể giới lôi chấn”. Dẹp khổ, ban vui chính là “ý đại từ bi”. Vô duyên mà trọn đủ thì gọi là Diệu. Không chúng sanh nào chẳng được che chở, ví như “đại vân” (mây to). Vì thế nói “từ ý diệu đại vân”. Cam lộ của chư thiên uông vào sẽ bắt tử, tuân mưa pháp cũng giống như thế. Người nghe ngộ đạo, chúng mạng thường trụ. Lửa khổ phiền não Tam Hoặc diệt trừ, dẹp khổ và ban vui đồng thời, mười pháp giới đều được đắc độ.

Phần thứ nhất, “trùng tụng sự thị hiện” đã xong.

#### 25.2.2.2.2.2. Trùng tụng hiển cơ hiển ứng

*(Kinh) Tránh tụng kinh quan xứ, bố úy quân trận trung. Niệm bỉ Quán Âm lực, chúng oán tất thoái tán.*

**(經)諍訟經官處，怖畏軍陣中。念彼觀音力，眾冤悉退散。**

*(Kinh: Chỗ cửa quan thưa kiện, trong chiến trận đáng sợ. Do sức niệm Quán Âm, các oán đều lui tan).*

Phần kinh văn Trường Hàng nêu ra ba mươi hai ứng thân. Ứng tuy thuộc về Hiển, còn Cơ thì hoặc là Minh (âm thầm) hay Hiển (rõ rệt), chẳng thể phán định nhất quyết được! Nay phần kệ tụng đã nói “niệm đức Quán Âm” thì hiển nhiên là hiển cơ. “Kiện cáo” và “sợ hãi” cũng là quả báo. Ác nghiệp có thể giải thích là ba thứ phiền não, hoặc có thể

hiểu là nói về những sai lầm trong bảy nạn. Chỉ nói “*chúng oán thoái tán*” (các oán tan lui) có thể là ngầm ứng.

Phần thứ hai, “trùng tụng hai lượt đáp” đã xong.

**25.2.2.2.3. Trùng tụng hai lượt khuyên lớn**

**25.2.2.2.3.1. Trùng tụng lượt khuyên thứ nhất: Hỷ trì danh**

**25.2.2.2.3.1.1. Nói rõ cảnh trí sâu mầu để khuyên thường niệm**

*(Kinh) Diệu Âm, Quán Thế Âm, Phạm âm, hải triều âm. Thắng bỉ thế gian âm, thị cố tu thường niệm.*

**(經)妙音觀世音，梵音海潮音。勝彼世間音，是故須常念。**

*(Kinh: Diệu âm, Quán Thế Âm. Phạm âm, hải triều âm. Vượt hơn tiếng thế gian, vì thế phải thường niệm).*

Đây là nói rõ Bồ Tát có các thứ đức, trọn đủ các loại danh hiệu. Mỗi danh hiệu đều nói lên phẩm đức pháp giới viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, cần phải niệm. Ngay nơi Quyền mà là Thật, nên gọi là Diệu Âm. Ngay nơi Thật mà chính là Quyền, thì gọi là Quán Thế Âm. Khế hợp tánh vốn tịnh thì gọi là Phạm Âm. Khế hợp căn cơ trong mười pháp giới, gọi là Hải Triều Âm. Quyền Thật chẳng hai, tự tha chẳng hai, cho nên vượt xa âm thanh thế gian trong mười pháp giới. Do Quyền chính là Thật, do tha chính là tự, vượt khỏi chín pháp giới được nói trong Biệt Giáo mê Lý, dấy Hoặc. Do Thật chính là Quyền, do tự chính là tha, nên vượt hơn Phật giới được nói trong Biệt Giáo, duyên theo Lý mà đoạn chín pháp giới. Vì thế, một danh hiệu Quán Âm bằng với công đức của sáu mươi hai ức danh hiệu [các vị Bồ Tát khác].

**25.2.2.2.3.1.2. Nói rõ cảm ứng khó lường để khuyên đừng nghi**

*(Kinh) Niệm niệm vật sanh nghi, Quán Thế Âm tịnh thánh. Ư khổ não tử ách, năng vị tác y hốt.*

**(經)念念勿生疑，觀世音淨聖。於苦惱死厄，能為作依怙。**

*(Kinh: Niệm niệm chớ sanh nghi, Quán Thế Âm tịnh thánh. Trong khổ não, nạn chết, hay làm chỗ nương tựa).*

Trừ nghi thì niệm thành. Niệm thành sẽ có thể thoát hai thứ tử. Vì thế, khuyên đừng nghi.

Phần thứ nhất, “trùng tụng lần khuyên hãy trì danh lần thứ nhất” đã xong.

### **25.2.2.2.3.2. Trùng tụng lượt khuyên thứ hai: Hãy cúng dường**

*(Kinh) Cụ nhất thiết công đức, từ nhân thị chúng sanh, phước tụ hải vô lượng. Thị cố ưng đánh lễ.*

**(經)具一切功德，慈眼視眾生，福聚海無量。是故應頂禮」。**

*(Kinh: Đủ hết thấy công đức, mắt từ nhìn chúng sanh, biển phước tụ vô lượng. Vì thế, nên đánh lễ).*

“Đánh lễ” tức là ba nghiệp cúng dường.

Phần thứ nhất, “vấn đáp” đã xong.

### **25.2.2.3. Công đức do nghe phẩm này**

#### **25.2.2.3.1. Ngài Trì Địa tán thán, chứng minh**

*(Kinh) Nhĩ thời, Trì Địa Bồ Tát tức tùng tòa khởi, tiền bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược hữu chúng sanh văn thị Quán Thế Âm Bồ Tát phẩm tự tại chi nghiệp, Phổ Môn thị hiện thần thông lực giả, đương tri thị nhân công đức bất thiếu.*

**(經)爾時，持地菩薩即從座起，前白佛言：「世尊！若有眾生聞是觀世音菩薩品自在之業，普門示現神通力者，當知是人功德不少」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Trì Địa Bồ Tát (Dharaṇīdhara) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch trước đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nghe nghiệp tự tại, sức thần thông Phổ Môn thị hiện của phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát này, hãy nên biết người ấy công đức chẳng ít).*

“*Nghiệp tự tại*” là nói trong bảy nạn, tam độc, hai điều mong cầu (cầu sanh con trai hay con gái) đều đạt được đại tự tại. “*Phổ Môn thị hiện*” tức là phương tiện hiện thân thuyết pháp trong mười pháp giới. Công đức của người nghe đã chẳng ít, huống hồ kẻ thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, đúng như lời dạy mà tu hành ư? Nhưng nếu chẳng riêng giải thích đề mục [của phẩm này] theo [ý nghĩa] Thông và Biệt, sao có thể khiến cho người nghe đạt được công đức to lớn? Vì thế, cần có Trì Địa Bồ Tát tán thán để chứng minh. Kinh Đại Phật Đảnh [phần nói về pháp Địa Đại Viên Thông của Trì Địa Bồ Tát] chép: “*Tỳ Xá Phù Phật ma đảnh, vị ngã đương bình tâm địa, tất thế giới địa nhất thiết giai bình. Ngã tức tâm khai, kiến thân vi trần dữ tạo thế giới sở hữu vi trần, đẳng vô sai biệt, ngộ Vô Sanh Nhân. Văn chư Như Lai tuyên Diệu Liên Hoa Phật tri kiến địa, ngã tiên chứng minh nhi vi thượng thủ*” (Tỳ Xá Phù Phật xoa đỉnh đầu con, bảo con hãy nên bình tâm địa thì đất trong thế gian hết thấy đều bằng phẳng. Tâm con liền khai ngộ, thấy vi trần nơi thân và tất cả vi trần tạo ra thế giới đều bình đẳng chẳng sai biệt, ngộ Vô Sanh Nhân, nghe các đức Như Lai tuyên nói ‘đất’ tri kiến của Phật trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, con chứng minh trước hết, làm bậc thượng thủ). Đó là vì đã ngộ Địa Đại vốn là Như Lai Tạng, liền ngộ cả bảy Đại đều là Như Lai Tạng. Đã ngộ bảy Đại đều là Như Lai Tạng, liền ngộ Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, mười tám giới đều là Như Lai Tạng. Đã ngộ Âm, Nhập, Xứ, Giới đều là Như Lai Tạng, liền ngộ bảy nạn, tam độc, cho đến thân trong mười pháp giới đều là Như Lai Tạng. Vì thế, có thể chứng minh công đức do nghe phẩm kinh này.

#### *25.2.2.3.2. Người kết tập kinh trần thuật lợi ích*

*(Kinh) Phật thuyết thị Phổ Môn phẩm thời, chúng trung bát vạn tứ thiên chúng sanh giai phát Vô Đẳng Đẳng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.*

**(經)佛說是普門品時，眾中八萬四千眾生皆發無等等阿耨多羅三藐三菩提心。**

*(Kinh: Khi đức Phật nói phẩm Phổ Môn này, tám vạn bốn ngàn chúng sanh trong đại chúng đều phát tâm Vô Đẳng Đẳng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

“*Vô đẳng đẳng*”: Vô Thượng Bồ Đề không có gì sánh bằng. Đạt được lý này, sẽ bình đẳng với hết thảy các pháp, đều trở thành vô thượng. Tiên đan như thế, chẳng có gì sánh bằng. Có thể điểm hóa mọi vật khác cũng trở thành tiên đan. Đó là xét theo sự viên mãn khai hiển, theo chiều ngang có thể gồm thâu hết thảy, đều quy vào Nhất Thật. Lại nữa, Phật quả rốt ráo chẳng có gì sánh bằng, khi mới phát tâm, sẽ liền bình đẳng. Như Chuyển Luân Vương chẳng có ai sánh bằng, hoặc Thái Tử mới sanh, liền bằng với vua. Đó là xét theo bản thể của Thật Tướng để bàn luận nhân quả theo chiều dọc. Trước và sau đều hết như nhau. Lại nữa, tâm chính là Lý, Lý chính là tâm. Ngoài tâm chẳng có lý, ngoài lý chẳng có tâm. Tâm và lý chỉ có danh tự, tánh của danh tự là Không, đều chẳng thể nói, đem vật nào để sánh bằng vật nào, cho nên nói là “*vô đẳng đẳng*” ư? Chẳng thể nói mà nói. Nói cái tâm ấy bằng với lý ấy, cho nên nói là “*vô đẳng đẳng*”. Đây là xét theo song giá (cùng phủ định), song chiếu (cùng chấp thuận), chẳng ngang, chẳng dọc, mà là ngang, là dọc. Phát tâm có ba: Một là quán hạnh phát tâm, hai là tương tự phát tâm, ba là phần chứng phát tâm. Nay [phát tâm trong đoạn kinh văn này] ắt là phần chứng. Trong phần xét theo sự hóa độ người khác để khuyên lưu thông, tiểu đoạn thứ hai là “*khích lệ đệ tử thọ pháp*” đã xong.

Giải thích phẩm Phổ Môn đã xong; kế đó, sẽ giải thích phẩm Đà La Ni.

## **26. Đà La Ni Phẩm Đệ Nhị Thập Lục**

### **陀羅尼品第二十六**

*Phẩm thứ hai mươi sáu: Đà La Ni*

Đà La Ni (Dhāraṇī) phương này dịch là Tổng Trì, [hàm nghĩa]: “*Giữ cho điều ác chẳng dậy lên, giữ cho điều thiện chẳng mất*” (đó là Thế Giới Tất Đàn). Lại còn dịch là Giá Trì (遮持, ngăn che, gìn giữ), tức là có thể gìn giữ điều thiện (đó là Vị Nhân Tất Đàn), có thể ngăn che điều ác (đó là Đối Trì Tất Đàn). Ngăn che Biên Ác (điều ác do chấp trước nhị biên), gìn giữ Trung Thiện (điều thiện thuộc vào Trung Đạo). Đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Cách sử dụng [Đà La Ni] trong các kinh khác nhau, hoặc chuyên chữa bệnh, như kinh Liệu Trĩ v.v... Hoặc chuyên hộ pháp như trong kinh văn ở đây, hoặc chuyên diệt tội, như trong [các kinh thuộc thời] Phương Đẳng, hoặc dùng chung để chữa



bệnh, diệt tội, hộ trì kinh như kinh Thịnh Quán Âm v.v... Hoặc là đại thân chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú (chú không có gì sánh bằng) thì chẳng phải là chữa bệnh, chẳng phải là diệt tội, chẳng phải là thủ hộ kinh.

Lại nữa, Mật Bộ có tất cả ba loại:

- Một là Phật Bộ, tự chia thành năm bộ [nhỏ hơn], tức [các Đà La Ni] do Ngũ Phật<sup>151</sup> nói.

- Hai là Bồ Tát Bộ.

- Ba là quỷ thần Bộ.

Trong mỗi bộ đều luận định ba pháp thượng, trung, hạ:

---

<sup>151</sup> Ngũ Phật tức Ngũ Trí Như Lai (còn gọi là Ngũ Thiên Na Phật), tức năm vị Phật biểu thị tác dụng chuyển bát thức thành ngũ trí.

Nếu xét theo Thai Tạng Giới được dạy trong kinh Đại Nhật (Mahavairocana Tantra), Ngũ Trí Như Lai có danh xưng là:

- Đông phương Bảo Tràng Phật (Ratnaketu).

- Nam phương Khai Hoa Phu Vương Phật (Samkusumitaraja).

- Tây phương Vô Lượng Thọ Phật.

- Bắc phương Thiên Cổ Lô Âm Phật (Divyadundubhimeganirghoṣa).

- Trung ương Đại Nhật Phật.

Năm vị Phật này được đặt ở trung tâm của Thai Tạng Mạn Đà La, bốn góc là bốn vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm và Di Lặc, hợp thành đóa sen tám cánh, nên thường gọi là Trung Đài Bát Diệp.

Trong hệ thống Kim Cang Giới (được diễn giảng trong kinh Kim Cang Đảnh) thì năm vị Phật là:

- Đông phương A Súc Bệ Phật (Akṣobhya), tương ứng với Đại Viên Kính Trí.

- Nam phương Bảo Sanh Phật (Ratnashambava), tương ứng với Bình Đẳng Tánh Trí.

- Tây phương A Di Đà Phật (Amitabha), tương ứng với Diệu Quán Sát Trí.

- Bắc phương Bất Không Thành Tựu Phật (Amoghasiddhi), tương ứng với Thành Sở Tác Trí.

- Trung ương Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana), tương ứng Pháp Giới Thể Tánh Trí.

Tuy danh xưng khác nhau, năm vị Phật này trong hai hệ thống Thai Tạng và Kim Cang Giới là một (do xét theo phương diện tu hành mà lập danh xưng khác nhau).

Tương ứng với Ngũ Phật, Kim Cang Giới chia các mật chú thành năm hệ thống, gọi là Ngũ Bộ, tức Phật Bộ của Tỳ Lô Giá Na Phật, Yết Ma Bộ (Karma) của Bất Không Thành Tựu Phật, Liên Hoa Bộ của A Di Đà Phật, Bảo Bộ của Bảo Sanh Phật, và Kim Cang Bộ của A Súc Bệ Phật. Trong mỗi bộ, lại lập ra một vị Bồ Tát làm bộ chủ (giống như trưởng tử của vị Phật đứng đầu bộ ấy), bộ mẫu (vị Bồ Tát nữ tánh thể hiện lực dụng từ bi), minh vương (thân phần nộ có tác dụng chiết phục) v.v... Chẳng hạn như trong Liên Hoa Bộ, bộ chủ là Quán Thế Âm Bồ Tát, bộ mẫu là Độ Mẫu (Tara), minh vương là Mã Đầu Minh Vương (Hayagriva) v.v...

Cách chia thành ba bộ như tổ Ngẫu Ích nói chính là cách chia theo Thai Tạng Bộ.

- Thành tựu, tăng ích thì gọi là thượng pháp.

- Nhưng tai (giải trừ tai nạn), nhiếp triệu (nhiếp thọ và triệu thỉnh) là trung pháp.

- Hàng phục thì gọi là hạ pháp.

Trong thượng pháp, lại chia ra ba phẩm, mỗi phẩm đều có hành nghi (nghi thức, quy cách để thực hiện riêng). Mỗi loại đều có quán pháp (cách quán tưởng vị tôn thánh nói ra thần chú và các chủng tử trong thần chú v.v...). Mỗi loại đều có những điều nghiêm cấm riêng, nhưng đều lấy tâm Vô Thượng Bồ Đề làm chủ. Nếu chẳng có thầy truyền, [mà tự tiện hành trì] thì gọi là “đạo pháp” (盜法, trộm pháp). Nếu trái nghịch hành nghi, ắt chuốc lấy ác báo. Nếu phạm nghiêm cấm, tự tiện nói với người khác sự hiệu nghiệm của pháp tu ấy, ắt sẽ chuốc phải tai vạ lạ lùng. [Các quy định nghiêm ngặt ấy] hoàn toàn là bốn món Tất Đàn hồng lợi ích chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn! Rất cần phải nương theo kinh, mong chớ trái nghịch giáo!

[Đà La Ni dịch nghĩa sang tiếng Hán] theo lối cựu dịch gọi là Chú, tân dịch thì gọi là Chân Ngôn, còn gọi là Minh. [Đà La Ni] có thể là tên của chúa các quỷ thần, cho nên có thể hàng phục quỷ thần (Thế Giới Tất Đàn), hoặc như mật hiệu trong quân đội, xướng lên sẽ sai khiến tương ứng (Vị Nhân Tất Đàn), hoặc như pháp bí mật, kín nhiệm để nghiêm trì điều ác (Đối Trị Tất Đàn), hoặc là mật ngữ của Như Lai. Như vua đòi Tiên Đà Bà (Saindhava)<sup>152</sup>, quần thần chẳng hiểu. Chỉ có bày tôi có trí mới có thể biết. Khi rửa bèn dâng nước, khi uống bèn dâng đồ đựng, khi ăn bèn dâng muối, khi [vua muốn] đi chơi bèn dâng ngựa. Đà La Ni cũng thế, chỉ là một pháp mà có trọn khắp các sức mạnh, chữa lành bệnh, trừ tội, sanh trưởng điều thiện, phù hợp đạo (đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn). Vì thế, giữ nguyên âm đọc (chỉ phiên âm), chẳng phiên dịch [ý nghĩa]<sup>153</sup>.

---

<sup>152</sup> Theo một thí dụ trong kinh Đại Bát Niết Bàn, chữ Tiên Đà Bà có bốn nghĩa là nước, đồ đựng, muối, và ngựa.

<sup>153</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đà La Ni dịch sang tiếng Hán là Tổng Trì, tức là nắm giữ pháp ngôn, chia thành bốn loại là pháp, nghĩa, chú, và nhân. Pháp và Nghĩa là nói dùng huệ và niệm làm Thế, còn Chú thì dùng Định làm Thế, Nhân thì dùng vô phân biệt trí làm Thế. Nói cách khác, dùng niệm lực để tổng trì giáo pháp của Phật, khiến cho chẳng quên thì gọi là Pháp Đà La Ni. Dùng huệ lực để tổng trì nghĩa lý của các pháp thì gọi là Nghĩa Đà La Ni. Dùng Định lực để tổng trì các mật ngữ đã phát khởi nhằm trừ khử khổ hoạn cho chúng sanh, có sự hiệu nghiệm thần diệu

“*Thần chú thủ hộ*”: Hoàng truyền kinh trong đời ác, thường gặp nhiều bức não, tai nạn. Vì thế, dùng chân ngôn để bảo vệ, khiến cho đạo được lưu thông. Kinh văn chia làm bốn phần:

- Một, thưa hỏi công đức trì kinh.
- Hai, giải đáp [công đức ấy] rất nhiều.
- Ba, xin dùng chú thủ hộ.
- Bốn, nghe phẩm này đạt được lợi ích.

### **26.1. Thưa hỏi công đức trì kinh**

*(Kinh) Nhĩ thời, Dược Vương Bồ Tát tức tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, hữu năng thọ trì Pháp Hoa kinh giả, nhược độc tụng thông lợi, nhược thư tả kinh quyển, đắc kỷ sở phước?*

**(經)爾時，藥王菩薩即從座起，偏袒右肩，合掌向佛，而白佛言：「世尊！若善男子，善女人，有能受持法華經者，若讀誦通利，若書寫經卷，得幾所福？」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Dược Vương Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai phải, chắp tay hướng về đức Phật, bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, có ai có thể thọ trì kinh Pháp Hoa, hoặc đọc tụng thông suốt, hoặc biên chép kinh quyển, sẽ được bao nhiêu phước?)*

### **26.2. Giải đáp [công đức ấy] rất nhiều**

*(Kinh) Phật cáo Dược Vương: “Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường bát bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đẵng chư Phật, u nhữ ý vân hà? Kỳ sở đắc phước, ninh vi đa phủ?” “Thậm đa, Thế Tôn!” Phật ngôn: “Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân năng u thị kinh, nãi chí thọ trì nhất tứ cú kệ, độc tụng, giải nghĩa, như thuyết tu hành, công đức thậm đa”.*

---

*chẳng thể lường thì gọi là Chú Đà La Ni. Dùng trí vô phân biệt, an trụ trong hiện thể Thật Tướng của các pháp, bất động, thì gọi là Nhãn Đà La Ni”.*

(經)佛告藥王：「若有善男子，善女人供養八百萬億那由他恆河沙等諸佛，於汝意云何？其所得福，寧為多不？」「甚多，世尊！」佛言：「若善男子，善女人能於是經，乃至受持一四句偈，讀誦，解義，如說修行，功德甚多」。

(*Kinh*: Đức Phật bảo Dược Vương: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường chư Phật nhiều như số cát trong tám trăm vạn ức na-do-tha sông Hằng, ý ông nghĩ sao? Người ấy đạt được phước đức, há có nhiều chăng?” “Bạch Thế Tôn! Rất nhiều”. Đức Phật nói: “Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân có thể đối với kinh này, dầu chỉ thọ trì một bài kệ gồm bốn câu, đọc tụng, hiểu nghĩa, tu hành đúng như lời dạy, công đức rất nhiều”).

### 26.3. Xin phép dùng chú để thủ hộ

#### 26.3.1. Dược Vương Bồ Tát

##### 26.3.1.1. thỉnh cầu

(*Kinh*) Nhĩ thời, Dược Vương Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã kim đương dữ thuyết pháp giả Đà La Ni chú dĩ thủ hộ chi.

(經)爾時，藥王菩薩白佛言：「世尊！我今當與說法者陀羅尼咒以守護之」。

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, Dược Vương Bồ Tát bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con nay sẽ cho người thuyết pháp chú Đà La Ni để thủ hộ họ).

“Chú” là tiếng Hán, hàm nghĩa “cấm chú, chú chúc, chú nguyện”. Do bí mật chẳng phiên dịch, bèn dùng tên gọi ấy. Ở đây, do nêu danh xưng cả Hán lẫn Phạn, cho nên nói là “Đà La Ni chú”.

##### 26.3.1.2. Nói thân chú

(*Kinh*) Tức thuyết chú viết: - An nhĩ, mạn nhĩ. Ma nễ, ma ma nễ. Chỉ lệ, giá lê đệ. Xa mê, xa lý đa vĩ, chiêm đế, mục đế, mục đa lý, sa lý. A vĩ sa lý, tang lý, sa lý. Xoa duệ, a xoa duệ. A kỳ nị. Chiêm đế. Xa

lý. Đà la ni, a lô già bà sa, bả giá tỳ xoa ni. Nễ tỳ thê. A tiện đá la nễ lý thê. A dân, đá ba lệ thâm địa. Âu cứu lệ, mâu cứu lệ. A la lệ, ba la lệ. Thủ ca sai, a tam ma tam lý. Phật đà tỳ cát lợi trật đế. Đạt ma ba lợi sai đế. Tăng già niết cù sa nễ. Bà xá bà xá thâm địa. Mạn đá la. Mạn đá la xoa dạ đa. Bưu lâu đá. Bưu lâu đá kiêu xá lược. Ác xoa la. Ác xoa dã đa dã. A bà lô. A ma nhã na đa dạ.

(經)即說咒曰：「安爾，曼爾。摩禰，摩摩禰。旨隸，遮梨第。賒咩，賒履多瑋，羶帝，目帝，目多履，娑履。阿瑋娑履，桑履，娑履。叉裔，阿叉裔。阿耆膩。羶帝。賒履。陀羅尼，阿盧伽婆娑，簸蔗毗叉膩。禰毗剃。阿便哆邏禰履剃。阿亶，哆波隸輸地。歐究隸，牟究隸。阿羅隸，波羅隸。首迦差，阿三磨三履。佛陀毗吉利婁帝。達磨波利差帝。僧伽涅槃沙禰。婆舍婆舍輸地。曼哆邏。曼哆邏叉夜多。郵樓哆。郵樓哆憍舍略。惡叉邏。惡叉冶多冶。阿婆盧。阿摩若那多夜」。

(Kinh: Liên nói chú rằng: - Anye manye mane mamane, citte carite, same samitāvisānte, mukte muktatame, same avisame sama same jaye kṣaye akṣaye akṣiṇe śānte samite, dhāraṇi āloka-bhāṣe, pratyavekṣaṇi nidhiru, abhyantara-nirviṣṭe abhyantara pārisuddhi, mutkule, araḍe paraḍe sukāṅkṣi, asamasame. Buddhavilokite dharma parikṣite. Saṃghanirghoṣa nirghoṇi. Bhayābhaya-viśodhani manṭre. Mantrākṣayate rute rutaka-uśālye akṣaye akṣaya vanatāye vakkule valoḍa amanyanatāye)<sup>154</sup>.

<sup>154</sup> Phần tiếng Phạn trong phẩm này hoàn toàn dựa theo bản dịch Anh ngữ “Lotus Sutra” của Tsugunari Kubo (Cửu Bảo Kế Thành) và Akira Yuyama (Thang Sơn Chiêu) của Phật Giáo Truyền Đạo Hiệp Hội (Bukkyō Dendō Kyōkai) Nhật Bản do tiến sĩ Yehan Numata (Chiêu Điền Huệ Phạm) sáng lập. Ông Numata vốn là một tu sĩ thuộc phái Tịnh Độ Chân Tông của Nhật Bản, từng theo học thống kê tại Mỹ khi sang Mỹ làm công tác truyền giáo. Trở về Nhật, ông sáng lập công ty Mitutoyo (chuyên sản xuất các dụng cụ đo lường vi mô) thành công vang dội. Ông sáng lập Phật Giáo Truyền Đạo Hiệp Hội vào năm 1965 và chủ trương ấn hành tác phẩm Teachings of Buddha để đặt trong mọi phòng của các khách sạn tại Nhật giống như

### 26.3.1.3. Tán thán

*(Kinh) Thế Tôn! Thị Đà La Ni thần chú, lục thập nhị ức Hằng hà sa đấng chư Phật sở thuyết. Nhược hữu xâm hủy thử pháp sư giả, tắc vi xâm hủy thị chư Phật dĩ.*

**(經)「世尊！是陀羅尼神咒，六十二億恆河沙等諸佛所說。若有侵毀此法師者！則為侵毀是諸佛已」。**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Thần chú Đà La Ni này được chư Phật nhiều như số cát trong sáu mươi hai ức sông Hằng nói ra. Nếu có kẻ nào xâm phạm, hủy báng pháp sư này, tức là đã xâm phạm, hủy báng chư Phật).*

### 26.3.1.4. Ấn khả

*(Kinh) Thời, Thích Ca Mâu Ni Phật tán Dục Vương Bồ Tát ngôn: - Thiện tai! Thiện tai! Dục Vương! Nhữ mãn niệm, ủng hộ thử pháp sư cố, thuyết thị Đà La Ni, v chư chúng sanh đa sở nhiều ích.*

**(經)時，釋迦牟尼佛讚藥王菩薩言：「善哉！善哉！藥王！汝愍念，擁護此法師故，說是陀羅尼，於諸眾生多所饒益」。**

*(Kinh: Khi ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán Dục Vương Bồ Tát rằng: - Lành thay! Lành thay! Nay Dục Vương! Ông do nghĩ thương xót, ủng hộ vị pháp sư ấy mà nói Đà La Ni này, tạo nhiều lợi ích cho các chúng sanh).*

## 26.3.2. Dũng Thí Bồ Tát [nói thân chú ủng hộ]

### 26.3.2.1. Xin phép

---

kiểu hội Gideon Bible của Mỹ đặt Kinh Thánh trong các khách sạn tại Mỹ. Năm 1986, ông chủ trì công trình dịch Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sang tiếng Anh, đồng thời tích cực truyền bá giáo nghĩa của Tịnh Độ Chân Tông tại phương Tây.

*(Kinh) Nhĩ thời, Dũng Thí Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã diệc vị ủng hộ độc tụng, thọ trì Pháp Hoa kinh giả, thuyết Đà La Ni. Nhược thử pháp sư đắc thị Đà La Ni, nhược Dạ Xoa, nhược La Sát, nhược Phú Đan Na, nhược Cát Giá, nhược Cưu Bàn Trà, nhược nga quý đặng, tứ cầu kỳ đoản, vô năng đắc tiện.*

**(經)爾時，勇施菩薩白佛言：「世尊！我亦為擁護讀誦，受持法華經者，說陀羅尼。若此法師得是陀羅尼，若夜叉，若羅刹，若富單那，若吉蔗，若鳩槃荼，若餓鬼等，伺求其短，無能得便」。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Dũng Thí Bồ Tát (Pradānaśūra) bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con cũng vì ủng hộ người đọc tụng, thọ trì kinh Pháp Hoa mà nói Đà La Ni. Nếu vị pháp sư ấy có được Đà La Ni này, dù Dạ Xoa (Yakṣa), dù La Sát (Rākṣasa), dù Phú Đan Na (Pūtana), dù Cát Giá (Kṛtya), dù Cưu Bàn Trà (Kumbhāṇḍa), hay quý đỏi v.v... tìm cầu khuyết điểm của người ấy đều chẳng thể có cơ hội).*

Phú Đan Na là quý gây bệnh nhiệt. Cát Giá là khởi thi quý (quý khiến cho xác chết vùng dậy).

#### 26.3.2.2. Nói thân chú

*(Kinh) Tức u Phật tiền nhi thuyết chú viết: - Toa lệ, ma ha toa lệ. Úc chỉ, mục chỉ. A lệ, a la bà đệ. Niết lệ đệ. Niết lệ đa bà đệ. Y trí nĩ, vi trí nĩ, chỉ trí nĩ, niết lệ trì nĩ. Niết lệ trì bà đế.*

**(經)即於佛前而說咒曰：「唵隸，摩訶唵隸。郁枳，目枳。阿隸，阿羅婆第。涅隸第。涅隸多婆第。伊緻柅，韋緻柅，旨緻柅，涅隸墀柅。涅犁墀婆底」。**

*(Kinh: Liên ở trước đức Phật, mà nói chú rằng: - Jvale mahā-jvale, ukke mukke. Aḍe aḍāvati nṛtye nṛtyāvati iṭṭini viṭṭini ciṭṭini nṛtyani nṛtyāvati).*

#### 26.3.2.3. Tán thán

*(Kinh) Thế Tôn! Thị Đà La Ni thần chú, Hằng hà sa đẵng chư Phật sở thuyết, diệc giai tùy hỷ. Nhược hữu xâm hủy thử pháp sư già, tắc vi xâm hủy thị chư Phật dĩ.*

**(經)「世尊！是陀羅尼神咒，恆河沙等諸佛所說，亦皆隨喜。若有侵毀此法師者，則為侵毀是諸佛已」。**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Thần chú Đà La Ni này được chư Phật nhiều như số cát sông Hằng nói ra, và cũng đều tùy hỷ. Nếu có kẻ xâm phạm, hủy báng vị pháp sư này, tức là đã xâm phạm, hủy báng các đức Phật ấy).*

### 26.3.3. Tỳ Sa Môn [nói thần chú]

#### 26.3.3.1. Xin phép nói

*(Kinh) Nhĩ thời, Tỳ Sa Môn thiên vương hộ thế giả, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã diệc vị mãn niệm chúng sanh, ủng hộ thử pháp sư cố, thuyết thị Đà La Ni.*

**(經)爾時，毗沙門天王護世者，白佛言：「世尊！我亦為愍念眾生，擁護此法師故，說是陀羅尼」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Tỳ Sa Môn thiên vương là bậc hộ trì thế gian, bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con cũng vì nghĩ thương xót chúng sanh, ủng hộ vị pháp sư ấy mà nói Đà La Ni này).*

#### 26.3.3.2. Nói thần chú

*(Kinh) Tức thuyết chú viết: - A lê, na lê, nậu na lê, a na lô, na lý, câu na lý.*

**(經)即說咒曰：「阿梨，那梨，𦵏那梨，阿那盧，那履，拘那履」。**

*(Kinh: Liên nói chú rằng: - Aṭṭe naṭṭe vanaṭṭe anaḍe nāḍi kunāḍi).*

#### 26.3.3.3. Tán thán



*(Kinh) Thế Tôn! Dĩ thị thân chú ủng hộ pháp sư, ngã diệc tự đương ủng hộ trì thị kinh giả, linh bách do-tuần nội, vô chư suy hoạn.*

**(經)「世尊！以是神咒擁護法師，我亦自當擁護持是經者，令百由旬內，無諸衰患」。**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Dùng thân chú này để ủng hộ pháp sư, con cũng sẽ tự ủng hộ người trì kinh này, khiến cho trong vòng một trăm do-tuần không có các suy hoạn<sup>155</sup>).*

#### **26.3.4. Trì Quốc thiên vương [nói thân chú]**

##### **26.3.4.1. thỉnh cầu**

*(Kinh) Nhĩ thời, Trì Quốc thiên vương tại thứ hội trung, dữ thiên vạn ức na-do-tha Càn Thát Bà chúng, cung kính vi nhiễu, tiền nghê Phật sở, hiệp chưởng, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã diệc dĩ Đà La Ni thân chú, ủng hộ trì Pháp Hoa kinh giả.*

**(經)爾時，持國天王在此會中，與千萬億那由他乾闥婆眾，恭敬圍繞，前詣佛所，合掌，白佛言：「世尊！我亦以陀羅尼神咒，擁護持法華經者」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Trì Quốc thiên vương (Dhṛtarāṣṭra)<sup>156</sup> ở trong hội này, cùng với ngàn vạn ức na-do-tha các Càn Thát Bà cung kính vây quanh, đến trước đức Phật, chắp tay, bạch Phật rằng: - Bạch*

---

<sup>155</sup> Theo Đinh Phước Bảo trong Phật Học Đại Từ Điển, “suy hoạn” có nghĩa là các tai ương, hoạn nạn như dịch bệnh, đói kém, chiến tranh v.v...

<sup>156</sup> Trì Quốc thiên vương, phiên âm tiếng Phạn là Đề Đầu Lại Tra, là một trong bốn vị thiên vương của tầng trời thứ nhất trong Dục Giới, thủ hộ phương Đông. Tên gọi của vị thiên vương này hàm nghĩa: “Do lòng từ bi mà bảo vệ chúng sanh, hộ trì đất nước”. Vị này thường được tạc tượng thành hình thiên tướng, mặc giáp trụ, tay cầm đàn tỳ bà (tại Nhật, vị này được tạc tượng tay cầm cung). Tại các tầng lâm, khi tiến vào sơn môn, điện thờ đầu tiên là Thiên Vương Điện, thờ Di Lặc Bồ Tát ngồi chính giữa, bốn góc là bốn vị thiên vương. Trì Quốc thiên vương thống lãnh Càn Thát Bà, Tát Xá Giá (Tỳ Xá Xà), Khẩn Na La... Do hai bộ thuộc hạ của Trì Quốc thiên vương đều là nhạc thần, cho nên tạc tượng Trì Quốc thiên vương cầm đàn tỳ bà, hàm ý: Vị thiên vương này dùng âm nhạc để nhiếp thọ chúng sanh hướng về Phật đạo. Đôi khi kinh Phật còn gọi Trì Quốc thiên vương là Càn Thát Bà vương.

*Thế Tôn! Con cũng dùng thần chú Đà La Ni để ủng hộ người trì kinh Pháp Hoa).*

#### **26.3.4.2. Nói thần chú**

*(Kinh) Túc thuyết chú viết: - A già nễ, già nễ, cù lợi, càn đà lợi, chiên đà lợi, ma đẵng kỳ, thường cầu lợi, phù lâu sa nĩ, át đế.*

**(經)即說咒曰：「阿伽禰，伽禰，瞿利，乾陀利，旃陀利，摩蹬耆，常求利，浮樓莎柁，頰底」。**

*(Kinh: Liên nói chú rằng: - Aḡaḡe ḡaḡe ḡauri ḡandhāri caḡḡāli mātaḡḡi jaḡḡuli vrūsaḡḡi aḡasti).*

#### **26.3.4.3. Tán thán**

*(Kinh) Thế Tôn! Thị Đà La Ni thần chú, tứ thập nhị ức chư Phật sở thuyết. Nhược hữu xâm hủy thử pháp sư giả, tắc vi xâm hủy thị chư Phật dĩ.*

**(經)「世尊！是陀羅尼神咒，四十二億諸佛所說。若有侵毀此法師者，則為侵毀是諸佛已」。**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Đà La Ni thần chú này do bốn mươi hai ức chư Phật đã nói. Nếu có kẻ xâm phạm, hủy báng pháp sư ấy, tức là đã xâm phạm hủy báng các vị Phật ấy).*

#### **26.3.5. La Sát nữ**

##### **26.3.5.1. Nêu tên các La Sát nữ cùng thỉnh**

*(Kinh) Nhĩ thời, hữu La Sát nữ đẵng: Nhất danh Lam Bà, nhị danh Tỳ Lam Bà, tam danh Khúc Xỉ, tứ danh Hoa Xỉ, ngũ danh Hắc Xỉ, lục danh Đa Phát, thất danh Vô Yếm Túc, bát danh Trì Anh Lạc, cửu danh Cao Đế, thập danh Đoạt Nhất Thiết Chúng Sanh Tinh Khí. Thị thập La Sát nữ, dĩ Quỷ Tử Mẫu, tịnh kỳ tử cập quyền thuộc, câu nghệ Phật sở, đồng thanh bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẵng diệc dục ủng hộ độc tụng, thọ trì Pháp Hoa kinh giả, trừ kỳ suy hoạn. Nhược hữu tứ cầu pháp sư đoản giả, linh bất đắc tiện.*

**(經)爾時，有羅刹女等：一名藍婆、二名毗藍婆、三名曲齒、四名華齒、五名黑齒、六名多髮、七名無厭足、八名持瓔珞、九名臯帝、十名奪一切眾生精氣。是十羅刹女，與鬼子母，并其子及眷屬，俱詣佛所，同聲白佛言：「世尊！我等亦欲擁護讀誦，受持法華經者，除其衰患。若有伺求法師短者，令不得便」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, có các La Sát nữ (Rākṣasīs): Một tên là Lam Bà (Lambā), hai tên là Tỳ Lam Bà (Vilambā), ba tên là Khúc Xỉ (Kūṭadantī), bốn tên là Hoa Xỉ (Puṣpadantī), năm tên là Hắc Xỉ (Makuṭadantī), sáu tên là Đa Phát (Keśinī), bảy tên là Vô Yếm Túc (Acalā), tám tên là Trì Anh Lạc (Mālādhāri), chín tên là Cao Đế (Kuntī), mười tên là Đoạt Nhất Thiết Chúng Sanh Tinh Khí (Sarvasattvojoḥārī). Mười La Sát nữ<sup>157</sup> ấy cùng với Quỷ Tử Mẫu (Hārītī), các con bà ta, và quyến thuộc cùng đến chỗ đức Phật, đồng thanh bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng muốn ủng hộ người đọc tụng, thọ trì kinh Pháp Hoa, trừ các suy hoạn. Nếu có kẻ tìm cầu khuyết điểm của pháp sư, sẽ chẳng có cơ hội).*

### 26.3.5.2. Nói thần chú

---

<sup>157</sup> Phật giáo Nhật Bản coi mười La Sát nữ là tùy tùng của Phổ Hiền Bồ Tát. Theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa Tam Muội Da Bí Mật Tam Ma Da, họ là hóa thân của các vị Phật và Bồ Tát:

- Lam Bà là hóa thân của Thượng Hạnh (Viśiṣṭacāritra) Bồ Tát.
- Tỳ Lam Bà là hóa thân của Vô Biên Hạnh (Anantacāritra) Bồ Tát.
- Khúc Xỉ là hóa thân của Tịnh Hạnh (Anantacāritra) Bồ Tát.
- Hoa Xỉ là hóa thân của An Lập Hạnh (Supratīṣṭhitacāritra) Bồ Tát.
- Hắc Xỉ là hóa thân của Phật Thích Ca.
- Đa Phát là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát.
- Vô Yếm Túc là hóa thân của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát,
- Trì Anh Lạc là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát,
- Cao Đế là hóa thân của Di Lạc Bồ Tát.
- Đoạt Nhất Thiết Chúng Sanh Tinh Khí là hóa thân của Đa Bảo Như Lai.

(Kinh) Tức u Phật tiền, nhi thuyết chú viết: - Y đề lý, y đề mẫn, y đề lý, a đề lý, y đề lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, lâu hê, lâu hê, lâu hê, lâu hê, đa hê, đa hê, đa hê, đầu hê, nậu hê.

(經)即於佛前，而說咒曰：「伊提履，伊提泯，伊提履，阿提履，伊提履，泥履，泥履，泥履，泥履，泥履，樓醯，樓醯，樓醯，樓醯，多醯，多醯，多醯，兜醯，毘醯」。

(Kinh: Liên đối trước Phật, mà nói chú rằng: - Itime itime itime itime itime, nime nime nime nime nime, ruhe ruhe ruhe ruhe, stuhe stuhe stuhe stuhe).

### 26.3.5.3. Tán thán

(Kinh) “Ninh thương ngã đầu thương, mạc não u pháp sư. Nhược Dạ Xoa, nhược La Sát, nhược ngạ quỷ, nhược Phú Đan Na, nhược Cát Giá, nhược Tỳ Đà La, nhược Kiền Đà, nhược Ô Ma Lặc Già, nhược A Bạt Ma La, nhược Dạ Xoa Cát Giá, nhược Nhân Cát Giá, nhược nhiệt bệnh, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược chí thất nhật, nhược thường nhiệt bệnh, nhược nam hình, nhược nữ hình, nhược đồng nam hình, nhược đồng nữ hình, nãi chí mộng trung, diệc phục mạc não”. Tức u Phật tiền nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược bất thuận ngã chú, não loạn thuyết pháp giả, đầu phá tác thất phân, như A Lê thụ chi. Như sát phụ mẫu tội, diệc như áp du vương, đầu xứng khi cuồng nhân. Điều Đạt phá tăng tội. Phạm thử pháp sư giả, đương hoạch như thị vương.

(經)「罽上我頭上，莫惱於法師。若夜叉，若羅刹，若餓鬼，若富單那，若吉蔗，若毗陀羅，若犍馱，若烏摩勒伽，若阿跋摩羅，若夜叉吉蔗，若人吉蔗，若熱病，若一日，若二日，若三日，若四日，若至七日，若常熱病，若男形，若女形，若童男形，若童女形，乃至夢中，亦復莫惱」。即於佛前而說偈言：「若不順我咒，惱亂說法者

**， 頭破作七分， 如阿梨樹枝。 如殺父母罪， 亦如壓油殃，  
斗秤欺誑人。 調達破僧罪。 犯此法師者， 當獲如是殃」。**

*(Kinh: “Thà trèo lên đầu con, đừng nỡ hại pháp sư. Dù Dạ Xoa, hoặc La Sát, hoặc ngạ quỷ, hoặc Phú Đan Na, hoặc Cát Giá, hoặc Tỳ Đà La (Vetāla), hoặc Kiền Đà (Skanda), hoặc Ô Ma Lạc Già (Omāraka), hoặc A Bạt Ma La (Apasmāraka), hoặc Dạ Xoa Cát Giá (Yakṣakṛtya), hoặc Nhân Cát Giá (Manuṣyakṛtya)<sup>158</sup>, hoặc nhiệt bệnh, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc cho tới bảy ngày, hoặc thường nhiệt bệnh, hoặc thân nam, hoặc thân nữ, hoặc thân bé trai, hoặc thân bé gái, cho tới trong mộng cũng đừng nỡ hại”. Họ liền đối trước Phật mà nói kệ rằng: - Chẳng thuận chú của ta, nỡ loạn người thuyết pháp, đầu nứt thành bảy miếng, như cành cây A Lê. Như tội giết cha mẹ, cũng như họa ép dầu, cân đong lường gạt người. Tội Điều Đạt<sup>159</sup> phá tăng. Kẻ xâm phạm pháp sư, chuốc ương họa đường ấy).*

Tỳ Đà La<sup>160</sup> là quỷ sắc đỏ. Kiền Đà là quỷ màu vàng. Ô Ma Lạc Già là quỷ màu đen. A Bạt Ma La là quỷ màu xanh. Cành cây A Lê (Arjaka) rơi xuống đất, tự nhiên liền nứt vỡ thành bảy miếng. “Giết cha, giết mẹ, phá tăng” là ba tội trong Ngũ Nghịch. “Áp du ương” (Tội ương do ép dầu): Tây Trúc ép dầu, nghiền mè cho sanh trùng rồi mới ép dầu. [Làm như vậy] thì dầu nhiều mà lại béo, sát nghiệp rất nặng. Kẻ lường cân tráo đấu lừa gạt người khác, khi chi ra thì dùng đấu nhỏ hơn, quả cân nhẹ hơn. Khi thâu vào thì dùng quả cân nặng hơn, đấu to hơn; nghiệp trộm cắp rất nặng. Vì thế, phải răn nhắc kẻ vi phạm, tội ác [do phạm lỗi ấy] chẳng nhẹ!

#### **26.3.5.4. Phát thệ**

---

<sup>158</sup> Theo pháp sư Phổ Hành, Nhân Cát Giá là quỷ khiến cho xác chết vùng dậy giết người, còn Dạ Xoa Cát Giá là quỷ nhập vào xác chết để giết Dạ Xoa.

<sup>159</sup> Điều Đạt là phiên âm tắt của Đề Bà Đạt Đa.

<sup>160</sup> Tỳ Đà La tức là quỷ nhập tràng. Theo Thập Tụng Luật, quyển thứ hai, tại Tây Vực có thuật tụng chú vào xác chết còn nguyên vẹn, triệu quỷ hồn sai khiến thầy ma ấy đi giết người. Các loại quỷ nhập thầy chết ấy được gọi là Tỳ Đà La. Nếu người bị hại có công đức lớn, hoặc nhập Diệt Tận Định, hoặc có vị chú sư mạnh hơn bảo vệ, hoặc được thiên thần bảo vệ, quỷ sẽ quay lại tấn công kẻ sai khiến nó.

*(Kinh) Chư La Sát nữ thuyết thử kệ dĩ, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng diệc đương thân tự ủng hộ thọ trì, độc tụng, tu hành thị kinh giả, linh đắc an ổn, ly chư suy hoạn, tiêu chủng độc dục.*

**(經)諸羅刹女說此偈已，白佛言：「世尊！我等亦當身自擁護受持，讀誦，修行是經者，令得安隱，離諸衰患，消眾毒藥」。**

*(Kinh: Các La Sát nữ nói bài kệ ấy xong, bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ đích thân ủng hộ người thọ trì, độc tụng, tu hành kinh này, khiến cho họ được an ổn, lìa các suy hoạn, tiêu trừ các thuốc độc).*

#### 26.3.5.5. [Đức Phật] ấn khả

*(Kinh) Phật cáo chư La Sát nữ: - Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng dẫn năng ủng hộ thọ trì Pháp Hoa danh giả, phước bất khả lượng, hà huống ủng hộ cụ túc thọ trì, cúng dường kinh quyển, hoa, hương, anh lạc, mật hương, đồ hương, thiêu hương, phan, cái, kỹ nhạc, nhiên chủng chủng dăng: Tô dăng, du dăng, chư hương du dăng: Tô Ma Na hoa du dăng, Chiêm Bạc hoa du dăng, Bà Sư Ca hoa du dăng, Ưu Bát La hoa du dăng. Như thị dăng bách thiên chủng cúng dường giả. Cao Đệ! Nhữ đẳng cập quyển thuộc ưng đương ủng hộ như thị pháp sư.*

**(經)佛告諸羅刹女：「善哉！善哉！汝等但能擁護受持法華名者，福不可量，何況擁護具足受持，供養經卷，華，香，瓔珞，末香，塗香，燒香，幡，蓋，伎樂，然種種燈：酥燈，油燈，諸香油燈：酥摩那華油燈，蒼蔔華油燈，婆師迦華油燈，優鉢羅華油燈。如是等百千種供養者。臯帝！汝等及眷屬應當擁護如是法師」。**

*(Kinh: Đức Phật bảo các La Sát nữ: - Lành thay! Lành thay! Các người có thể ủng hộ người thọ trì tên kinh Pháp Hoa, phước đã chẳng thể lường, huống hồ ủng hộ người thọ trì trọn vẹn quyển kinh, cúng*

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

*dường kính quyển bằng hoa, hương, chuỗi anh lạc, hương bột, hương bôi, hương đốt, phan, lọng, kỹ nhạc, thắp các thứ đèn: Đèn thắp bằng tô, đèn dầu, đèn thắp bằng các thứ dầu thơm: Đèn dầu hoa Tô Ma Na, đèn dầu hoa Chiêm Bạc, đèn dầu hoa Bà Sư Ca, đèn dầu hoa Ưu Bát La. Trăm ngàn loại cúng dường như thế. Nay Cao Đê! Các người và quyển thuộc hãy nên ủng hộ pháp sư như thế).*

Phần thứ ba, “xin phép dùng thân chú” ủng hộ đã xong.

### **26.4. Nghe phẩm này đạt được lợi ích**

*(Kinh) Thuyết thị Đà La Ni phẩm thời, lục vạn bát thiên nhân đắc Vô Sanh Pháp Nhân.*

**(經)說是陀羅尼品時，六萬八千人得無生法忍。**

*(Kinh: Khi nói phẩm Đà La Ni này, sáu vạn tám ngàn người đắc Vô Sanh Pháp Nhân).*

Giải thích các bài chú trong phẩm Đà La Ni đã xong; kể đó, giải thích phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự Phẩm Đệ Nhị Thập Thất.

## **27. Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự Phẩm Đệ Nhị Thập Thất** **妙莊嚴王本事品第二十七**

*Phẩm thứ hai mươi bảy: Bốn Sự của vua Diệu Trang Nghiêm*

Nhân duyên này xuất phát từ kinh khác. Trong thời Mạt Pháp của quá khứ Phật, có bốn vị tỳ-kheo sanh lòng trân trọng tột bậc đối với kinh Pháp Hoa. Thoạt đầu, họ nghiên cứu, tìm cầu, vẫn chẳng ngộ, bèn kết bạn vào núi. Lại vì trợ đạo gian nan, chẳng thể chuyên tâm dốc chí. Một người nói: “Bốn đứa mình nghèo túng, thân còn chẳng giữ nổi, pháp sẽ gởi gắm vào đâu? Ba người các anh chỉ nên dốc hết tánh mạng để tuân phụng đạo, chẳng cần lo nghĩ. Tôi sẽ xả thân lực này, thề cung cấp các thứ cần thiết”. Do vậy, ba người kia có thể dốc trọn lòng thành, công siêu nhiều kiếp, còn người ấy do nhiều lượt lăn lộn trong nhân gian, đạo lực chẳng vững, gặp cỗ xe của vua, hâm mộ sự vinh hoa ấy, do phước lực vun đắp, thuận theo ý niệm mà thọ báo, thường được làm vua trong cõi người và trên trời. Hưởng thụ đã lâu, dần dần dấy lên lầm lỗi. Ba

người kia do đạo nhân trông thấy, bàn bạc cùng nhau tế độ, biết người ấy chấp dục, lại còn tà kiến. Nếu chẳng dùng Ái để lôi kéo, sẽ không có cách nào cứu bạt! Vì thế, một người làm vợ, hai người làm con, chi tiết thì như kinh này đã nói. Vợ tức là Diệu Âm Bồ Tát, vua chính là Hoa Đức Bồ Tát, hai con chính là Dược Vương và Dược Thượng. Diệu Âm hoàng kinh khắp chốn, Dược Vương nói chú hộ pháp, lưu thông diệu điển. Tứ thánh (bốn vị Bồ Tát tức Hoa Đức, Diệu Âm...) công sâu xa, nói duyên trước của họ, cho nên gọi là phẩm Diệu Trang Nghiêm Bốn Sự (đó là Thế Giới Tất Đàn).

Lại nữa, Diệu Trang Nghiêm là công đức của diệu pháp trang nghiêm sáu căn. Vị vua này thuở trước có duyên với diệu pháp. Lúc đạo được hun đúc chín muồi, các căn đều thanh tịnh, tuy chưa đạt Vô Sanh, nhưng Lý ắt đã thấu đạt. Vì thế, điềm lành linh ứng cảm thông, danh hiệu tốt lành đã sớm lập. Chẳng hạn như ngài Thiện Cát (Tu Bồ Đề), tuy chưa phải là hoàn toàn chẳng tranh chấp, đã có hiệu là Không Sanh. Trong phần sau kinh vẫn có nói: *“Bát vạn tứ thiên tuế tinh tấn tu hành Diệu Pháp Hoa kinh, đắc Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm tam-muội”* (Trong tám vạn bốn ngàn năm tinh tấn tu hành kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đắc Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm tam-muội). Do bởi nghĩa này, tên là Diệu Trang Nghiêm (Danh hiệu tốt lành đã sớm lập, tức là Vị Nhân Tất Đàn. Tinh tấn tu hành là Đối Trị Tất Đàn. Đắc tam-muội là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Xét theo Bốn Tích, Tích là một phàm (vua Diệu Trang Nghiêm) ba thánh (phu nhân Tịnh Đức và hai con, tức Tịnh Tạng và Tịnh Nhân). Bốn thì cả bốn vị đều là bậc đại Bồ Tát. Vì muốn hướng dẫn quyền thuộc thuở ấy và các chúng sanh [mà thị hiện như thế].

Xét theo quán tâm, bất động đối với các kiến mà thông đạt chánh kiến, thống lãnh, chế ngự chẳng sót, cho nên tên là Diệu Trang Nghiêm Vương.

Trong tiết thứ tư, tức “hộ trì người khác”, của phần “xét theo sự hóa độ người khác để khuyên lưu thông [kinh Pháp Hoa]”, có sáu tiểu đoạn:

- Một, nêu ra Sự Bốn.
- Hai, cùng nêu ra người được giáo hóa và người giáo hóa.
- Ba, phương tiện để giáo hóa.
- Bốn, người được giáo hóa đạt lợi ích.
- Năm, kết lại để dung hội xưa nay.
- Sáu, nghe phẩm này ngộ đạo.



### **27.1. Nêu ra Sự Bôn**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo chư đại chúng: - Nãi vãng cổ thể, quá vô lượng vô biên bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp, hữu Phật danh Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Đa Đà A Già Độ, A La Ha, Tam Miệu Tam Phật Đà. Quốc danh Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp danh Hỷ Kiến.*

**(經)爾時，佛告諸大眾：「乃往古世，過無量無邊不可思議阿僧祇劫，有佛名雲雷音宿王華智多陀阿伽度、阿羅訶、三藐三佛陀。國名光明莊嚴，劫名喜見。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các đại chúng: - Vào thời xưa kia, cách đây vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, có Phật hiệu là Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai (Jaladharagaritaghoshasusvaranakṣatrarājasam-kusumitābhijña), Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Cõi nước tên là Quang Minh Trang Nghiêm (Vairocanaraśmi-pratimanditā), kiếp tên là Hỷ Kiến - Priyadarśana)<sup>161</sup>.*

### **27.2. Cùng nêu ra người được hóa độ và người hóa độ**

*(Kinh) Bỉ Phật pháp trung, hữu vương danh Diệu Trang Nghiêm. Kỳ vương phu nhân, danh viết Tịnh Đức. Hữu nhị tử: Nhất danh Tịnh Tạng, nhị danh Tịnh Nhãn. Thị nhị tử hữu đại thần lực, phước đức, trí huệ, cứu tu Bồ Tát sở hành chi đạo. Sở vị: Đàn Ba La Mật, Thi La Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật, Tỳ Ly Da Ba La Mật, Thiên Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, Phương Tiện Ba La Mật, từ bi hỷ xả, nãi chí tam thập thất phẩm trợ đạo pháp, giai tất minh liễu, thông đạt. Hựu đắc Bồ Tát Tịnh tam-muội, Nhật Tinh Tú tam-muội, Tịnh Quang tam-muội, Tịnh Sắc tam-muội, Tịnh Chiếu Minh tam-muội, Trường Trang Nghiêm tam-muội, Đại Oai Đức Tạng tam-muội. Ư thử tam-muội, diệc tất thông đạt.*

---

<sup>161</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật pháp như mây, che rợp hết thấy, không căn cứ nào chẳng tiếp độ. Pháp âm như sấm, chẳng trái nghịch, chẳng ẩn khuất, quả trí viên minh, như vua của các tinh tú, rực rỡ chói ngời. Vì thế, hiệu là Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí. Quốc độ được quang minh của Phật trang nghiêm, được mọi người ưa thích thấy. Do đó, cõi nước có tên là Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp tên là Hỷ Kiến”.

(經)彼佛法中，有王名妙莊嚴。其王夫人，名曰淨德。有二子：一名淨藏，二名淨眼。是二子有大神力，福德，智慧，久修菩薩所行之道。所謂：檀波羅蜜、尸羅波羅蜜、羼提波羅蜜、毗離耶波羅蜜、禪波羅蜜、般若波羅蜜、方便波羅蜜、慈悲喜捨，乃至三十七品助道法，皆悉明了，通達。又得菩薩淨三昧、日星宿三昧、淨光三昧、淨色三昧、淨照明三昧、長莊嚴三昧、大威德藏三昧。於此三昧，亦悉通達。

(Kinh: Trong pháp của đức Phật ấy, có vua tên là Diệu Trang Nghiêm (Śubhavyūha)<sup>162</sup>. Phu nhân của nhà vua tên là Tịnh Đức (Vimaladatta). Có hai người con: Một tên là Tịnh Tạng (Vimalagarbha), hai tên là Tịnh Nhãn (Vimalanetra). Hai người con ấy có đại thần lực, phước đức, trí huệ, đã tu tập đạo sở hành của Bồ Tát đã lâu. Tức là: Đàn Ba La Mật (Bồ Thí Ba La Mật), Trì Giới Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật (Nhẫn Nhục Ba La Mật), Tỳ Ly Da Ba La Mật (Tinh Tấn Ba La Mật), Thiền Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, Phương Tiện Ba La Mật, từ bi hỷ xả, cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp, thấy đều hiểu rõ, thông đạt. Lại đắc Bồ Tát Tịnh tam-muội (Vimalasamādhi), Nhật Tinh Tú tam-muội (Nakṣatrarājāditya), Tịnh Quang tam-muội (Vimalanirbhāsa), Tịnh Sắc tam-muội (Vimalarūpa). Tịnh Chiếu Minh tam-muội, Trường Trang Nghiêm tam-muội (Alaṃkārasubha), Đại Oai Đức Tạng tam-muội (Mahā-tejogarbha). Đối với các tam-muội ấy, cũng đều thông đạt).

Vua là người được giáo hóa; phu nhân và hai con là người giáo hóa. Riêng nêu công đức của hai con: Đại thần lực là “áo Như Lai”. Đại phước đức là “nhà Như Lai”. Đại trí huệ là “tòa Như Lai”. Lục Độ cộng thêm Phương Tiện thành bảy. Hoặc là từ Quyền Huệ mở rộng thành

---

<sup>162</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Dùng các phước đức màu nhiệm để trang nghiêm các căn, cho nên gọi là Diệu Trang Nghiêm. Tuy hiện nhiệm tướng, đức vốn thanh tịnh, cho nên tên là Tịnh Tạng. Tạng thức chỉ chứa đựng chủng tử thanh tịnh, cho nên tên là Tịnh Nhãn. Đạt được pháp nhãn thanh tịnh, cho nên có tên là Tịnh Nhãn”.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Phương Tiện, Nguyễn, Lục, Trí, bèn thành Thập Độ. Nay chỉ nói Phương Tiện, tức là gồm chung ba Độ kia (Nguyễn, Lục, Trí). Từ bi hỷ xả là Tứ Vô Lượng Tâm. Ba mươi bảy phẩm (có kinh gọi các phẩm ấy là Chánh Đạo, vì đó là huệ hạnh. Ở đây là nói đến trợ đạo, do bảy khoa được ghép thêm vào theo chiều dọc, ngụ ý: Thập Độ là chánh đạo). Nhưng Thập Độ, Tứ Đẳng (Tứ Vô Lượng Tâm) và ba mươi bảy phẩm của Viên Giáo đều là vô tác diệu đạo xứng tánh, chẳng phải chánh, chẳng phải trợ, một mực tùy theo ý nghĩa mà gọi là chánh hay trợ đó thôi! Trong Thiên có các tam-muội, mỗi phẩm trong đạo phẩm cũng đều có tam-muội. Nay kinh văn nêu tên bảy môn tam-muội, đều là dựa theo công dụng mà đặt tên, chú lý chẳng khác! Lìa trọn vẹn tam cấu, thì gọi là Tịnh tam-muội. Thật Trí như mặt trời, Quyền Trí như tinh tú, Quyền và Thật chẳng hai, gọi là Nhật Tinh Tú tam-muội. Tánh thanh tịnh tỏa quang minh, gọi là Tịnh Quang tam-muội. Hiện trọn khắp các sắc thân, gọi là Tịnh Sắc tam-muội. Quang minh của tự tánh thanh tịnh chiếu rõ các pháp thì gọi là Tịnh Chiếu Minh tam-muội. Thị hiện trang nghiêm chẳng diệt trong một thời gian dài, gọi là Trường Trang Nghiêm tam-muội. Thập Lục oai đức chứa đựng các pháp, gọi là Đại Oai Đức Tạng tam-muội.

### *27.3. Phương tiện giáo hóa*

#### *27.3.1. Đã tới lúc*

*(Kinh) Nhĩ thời, bỉ Phật dục dẫn đạo Diệu Trang Nghiêm vương, cập mãn niệm chúng sanh cố, thuyết thị Pháp Hoa kinh.*

**(經)爾時，彼佛欲引導妙莊嚴王，及愍念眾生故，說是法華經。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật ấy do muốn hướng dẫn vua Diệu Trang Nghiêm và thương xót chúng sanh nên nói kinh Pháp Hoa này).*

Đức Phật ấy xuất thế, thường tuyên nói chánh pháp, thấy căn cơ của nhà vua và chúng sanh đã chín muồi, bèn nói pháp này. Nói kinh Pháp Hoa tức là lúc đặc độ của nhà vua đã tới.

#### *27.3.2. Bàn luận*

(Kinh) Thời, Tịnh Tạng, Tịnh Nhân nhị tử, đáo kỳ mẫu sở, hợp thập chỉ trảo chưởng, bạch ngôn: “Nguyện mẫu vãng nghệ Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật sở, ngã đẳng diệc đương thị tùng, thân cận, cúng dường, lễ bái. Sở dĩ giả hà? Thử Phật u nhất thiết thiên nhân chúng trung thuyết Pháp Hoa kinh, nghi ưng thính thọ”. Mẫu cáo tử ngôn: “Nhữ phụ tín thọ ngoại đạo, thâm trước Bà La Môn pháp. Nhữ đẳng ưng vãng bạch phụ, dữ cộng câu khứ”. Tịnh Tạng, Tịnh Nhân hợp thập chỉ trảo chưởng, bạch mẫu: “Ngã đẳng thị pháp vương tử, nhi sanh thử tà kiến gia”. Mẫu cáo tử ngôn: “Nhữ đẳng đương ưu niệm nhữ phụ, vị hiện thân biến. Nhược đắc kiến giả, tâm tất thanh tịnh, hoặc thính ngã đẳng vãng đáo Phật sở”.

(經)時，淨藏、淨眼二子，到其母所，合十指爪掌，白言：「願母往詣雲雷音宿王華智佛所，我等亦當侍從，親近，供養，禮拜。所以者何？此佛於一切天人眾中說法華經，宜應聽受」。母告子言：「汝父信受外道，深著婆羅門法。汝等應往白父，與共俱去」。淨藏、淨眼合十指爪掌，白母：「我等是法王子，而生此邪見家」。母告子言：「汝等當憂念汝父，為現神變。若得見者，心必清淨，或聽我等往到佛所」。

(Kinh: Khi ấy, hai người con là Tịnh Tạng và Tịnh Nhân tới chỗ mẹ mình, chấp mười ngón tay, thưa rằng: “Xin mẹ tới chỗ Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật, chúng con cũng sẽ theo hầu, thân cận, cúng dường, lễ bái. Vì lẽ nào vậy? Vị Phật ấy đang nói kinh Pháp Hoa trong hét thầy đại chúng trời người, hãy nên nghe nhận”. Mẹ bảo con rằng: “Cha con tin nhận ngoại đạo, chấp sâu pháp Bà La Môn. Các con hãy nên đến thưa với cha để cùng đi”. Tịnh Tạng, Tịnh Nhân chấp mười ngón tay, thưa với mẹ: “Chúng con là pháp vương tử mà sanh vào nhà tà kiến này”. Mẹ bảo con rằng: “Các con hãy nghĩ thương cha mình, mà hiện thân thông biến hóa. Nếu cha con được thấy, tâm ắt thanh tịnh, chắc sẽ cho phép chúng ta đến chỗ Phật”).

Con thưa với mẹ “*đã đến lúc*”, mẹ bảo con hóa độ cha. Con oán thán “*sinh vào nhà tà kiến*”, mẹ quở trách, bảo hãy nghĩ thương xót cha. Đó là xét theo hóa nghi (phương cách giáo hóa). Cơ duyên đã chín muồi, cần phải nên phát khởi. Nếu xét theo Bản, mẹ lẫn con vốn biết. Nếu xét theo thói đời, phải thưa với mẹ trước. Nếu xét theo chuyện lợi tha, thì lòng Từ càng phải đặt hàng đầu.

### **27.3.3. Hóa hiện**

*(Kinh) Ư thị, nhị tử niệm kỳ phụ cố, dững tại hư không, cao thất Đa La thụ, hiện chủng chủng thân biến: Ư hư không trung, hành, trụ, tọa, ngọa. Thân thượng xuất thủy, thân hạ xuất hỏa. Thân hạ xuất thủy, thân thượng xuất hỏa. Hoặc hiện đại thân mãn hư không trung, nhi phục hiện tiểu. Tiểu phục hiện đại, ư không trung diệt, hốt nhiên tại địa. Nhập địa như thủy, lý thủy như địa. Hiện như thị đẳng chủng chủng thân biến, linh kỳ phụ vương tâm tịnh tín giải.*

**(經)於是，二子念其父故，涌在虛空，高七多羅樹，現種種神變：於虛空中，行，住，坐，臥。身上出水，身下出火。身下出水，身上出火。或現大身滿虛空中，而復現小。小復現大，於空中滅，忽然在地。入地如水，履水如地。現如是等種種神變，令其父王心淨信解。**

*(Kinh: Ngay khi đó, hai người con vì nghĩ đến cha, vọt lên hư không cao bảy cây Đa La, hiện các thứ thân biến: Ở trong hư không, đi, đứng, ngồi, nằm. Phía trên thân tuôn nước, phía dưới thân tuôn lửa. Phía dưới thân tuôn nước, phía trên thân tuôn lửa. Hoặc hiện thân lớn, đầy ấp hư không, hoặc lại hiện thân nhỏ, nhỏ lại hiện lớn, biến mất trên không trung, bỗng hiện ra nơi đất. Vào đất như nước, đi trong nước như trên mặt đất. Hiện các thứ thân biến như thế đó, khiến cho phụ vương của họ tâm thanh tịnh, tin hiểu).*

Phần thứ ba, “nói về phương tiện hóa hiện” đã xong.

## **27.4. Người được giáo hóa đạt được lợi ích**

### **27.4.1. Do tin con bèn kính phục thầy [của con]**

(Kinh) Thời, phụ kiến tử thần lực như thị, tâm đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu, hiệp chưởng hướng tử ngôn: “Nhữ đẳng sư vi thị thù? Thù chi đệ tử?” Nhị tử bạch ngôn: “Đại vương! Bỉ Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật kim tại thất bảo Bồ Đề thụ hạ pháp tòa thượng tọa, ư nhất thiết thế gian thiên nhân chúng trung, quảng thuyết Pháp Hoa kinh thị ngã đẳng sư, ngã thị đệ tử”. Phụ ngữ tử ngôn: “Ngã kim diệc dục kiến nhữ đẳng sư, khả cộng câu vãng”.

(經)時，父見子神力如是，心大歡喜，得未曾有，合掌向子言：「汝等師為是誰？誰之弟子？」二子白言：「大王！彼雲雷音宿王華智佛今在七寶菩提樹下法座上坐，於一切世間天人眾中，廣說法華經是我等師，我是弟子」。父語子言：「我今亦欲見汝等師，可共俱往」。

(Kinh: Khi đó, cha thấy thần lực của con như thế, tâm hết sức hoan hỷ, đạt được điều chưa từng có, chấp thảy, hướng về con, nói: “Thầy của các con là ai? Con là đệ tử của ai?” Hai con thưa rằng: “Tâu đại vương! Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật đang ngồi trên pháp tòa bảy báu dưới cội cây Bồ Đề, ở trong hết thảy đại chúng trời người nơi thế gian mà rộng nói kinh Pháp Hoa là thầy của con, con là đệ tử”. Cha bảo con: “Ta nay cũng muốn thấy thầy của các con, có thể cùng đi”).

Nhà vua xưa kia tin nhận ngoại đạo, được trông thấy các sự biến hóa tà vạy [của ngoại đạo] chẳng qua là một hoặc hai chuyện, đã hẹp còn vụng. Do đó, nay thấy thần biến của con liền tin nhận, cầu kiến.

#### 27.4.2. Thưa với mẹ xin xuất gia

(Kinh) U' thị, nhị tử từng không trung hạ, đáo kỳ mẫu sở, hiệp chưởng bạch mẫu: “Phụ vương kim dĩ tín giải, kham nhậm phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. Ngã đẳng vị phụ dĩ tác Phật sự, nguyện mẫu kiến thỉnh, ư bỉ Phật sở, xuất gia tu đạo”. Nhĩ thời, nhị tử dục trùng tuyên kỳ ý, dĩ kệ bạch mẫu: “Nguyện mẫu phóng ngã đẳng, xuất gia tác sa-môn. Chư Phật thậm nan trị, ngã đẳng tùy Phật học, như Ưu Đàm Bát hoa, trị Phật phục nan thị. Thoát chư nạn diệc

*nan, nguyện thính ngã xuất gia”. Mẫu tức cáo ngôn: - Thính như xuất gia, sở dĩ giả hà? Phật nan trị cố.*

**(經)於是，二子從空中下，到其母所，合掌白母：「父王今已信解，堪任發阿耨多羅三藐三菩提心。我等為父已作佛事，願母見聽，於彼佛所，出家修道」。爾時，二子欲重宣其意，以偈白母：「願母放我等，出家作沙門。諸佛甚難值，我等隨佛學，如優曇鉢華，值佛復難是。脫諸難亦難，願聽我出家」。母即告言：「聽汝出家，所以者何？佛難值故」。**

*(Kinh: Khi đó, hai con từ không trung hạ xuống, đến chỗ mẹ, chấp tay thưa với mẹ: “Nay cha đã tin hiểu, kham phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng con đã vì cha làm Phật sự. Mong mẹ cho phép [chúng con] xuất gia tu đạo nơi đức Phật ấy”. Lúc bấy giờ, hai người con muốn nhắc lại ý này, bèn nói kệ rằng: “Xin buông xả chúng con, xuất gia làm sa-môn. Chư Phật rất khó gặp, chúng con theo Phật học, như hoa Ưu Đàm Bát, gặp Phật khó hơn thế. Muốn thoát nạn cũng khó, xin cho con xuất gia”. Mẹ liền bảo rằng: “Cho phép các con xuất gia. Vì lẽ nào vậy? Do Phật khó gặp gỡ”).*

Vua cha đã tin, [căn cơ] của tám vạn bốn ngàn người trong cung lại chín muồi. Vì thế, thưa cùng mẹ, ca tụng, vui mừng, mong cầu xuất gia, mẹ cũng chấp thuận.

### **27.4.3. Lại thúc giục [cha mẹ] đến gặp Phật**

*(Kinh) U thị, nhị tử bạch phụ mẫu ngôn: - Thiện tai, phụ mẫu! Nguyện thời vãng nghệ Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật sở thân cận, cúng dường. Sở dĩ giả hà? Phật nan đắc trị, như Ưu Đàm Bát La hoa. Hựu như nhất nhân chi quy, trị phù mộc khổng, nhi ngã đẳng túc phước thâm hậu, sanh trị Phật pháp. Thị cố, phụ mẫu đương thính ngã đẳng linh đắc xuất gia. Sở dĩ giả hà? Chư Phật nan trị, thời diệc nan ngộ.*

(經)於是，二子白父母言：「善哉，父母！願時往詣雲雷音宿王華智佛所親近，供養。所以者何？佛難得值，如優曇鉢羅華。又如一眼之龜，值浮木孔，而我等宿福深厚，生值佛法。是故，父母當聽我等令得出家。所以者何？諸佛難值，時亦難遇」。

(*Kinh*: Khi đó, hai con thưa với cha mẹ rằng: - Lành thay, thưa cha mẹ! Xin hãy kịp thời đến chỗ Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật để thân cận, cúng dường. Vì lẽ nào vậy? Phật khó thể gặp gỡ, như hoa Ưu Đàm Bát La<sup>163</sup>, như con rùa một mắt gặp được bọng gỗ nổi<sup>164</sup>, nhưng chúng ta do túc phước sâu dày, sanh nhằm lúc gặp gỡ Phật pháp. Vì thế, cha mẹ hãy nên cho phép con xuất gia, vì sao vậy? Chư Phật khó gặp gỡ, thời cũng khó gặp gỡ).

“Nhất nhãn quy” (Con rùa một mắt): Xét theo sự, chỉ là thí dụ về sự khó gặp gỡ. Nếu xét theo sự biểu pháp, phàm mắt cá hay rùa đều là dùng hai mắt để nhìn. Đã nói là “một mắt” thì sẽ thấy chẳng chánh đáng, ở trong biển sanh tử lại là tà kiến, há có thể gặp được bọng gỗ nổi Thật Đế của Phật pháp ư?

#### 27.4.4. Trăn thuật công đức tán thán

<sup>163</sup> Ưu Đàm Bát La (Udumbara), còn gọi là hoa Ưu Đàm, Ô Đàm, hay Đàm hoa, dịch nghĩa là Linh Thụy, hoặc Thụy Ứng. Sách Pháp Hoa Văn Cú giảng: “*Hoa Ưu Đàm, phương này dịch là Linh Thụy, ba ngàn năm mới xuất hiện một lần. Hễ xuất hiện, Kim Luân Vương xuất thế*”.

<sup>164</sup> Đây là một thí dụ được nhắc đến trong nhiều kinh luận nhằm sánh ví chuyện được làm người, được gặp gỡ Phật pháp rất khó khăn. Nói chi tiết nhất là như trong kinh Tạp A Hàm, quyển mười lăm đã chép: “*Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo: ‘Ví như đại địa đều trở thành biển cả, có một con rùa mù từ vô lượng kiếp, trăm năm mới nổi lên một lần. Trong biển có một khúc gỗ nổi, [khúc gỗ ấy] chỉ có một lỗ hổng, trôi giạt trong biển, theo gió trôi nổi Đông, Tây. Con rùa mù trăm năm mới nổi lên một lần, có gặp được bọng cây ấy hay không?’* Ngài A Nan bạch Phật: ‘*Thưa Thế Tôn, chẳng thế! Vì lẽ nào? Con rùa mù ấy nếu đến phía Đông của biển, bọng gỗ đã bị gió thổi, có thể giạt sang phía Tây, Nam, hoặc Bắc, hoặc bốn góc của biển, chẳng dễ gặp được*’. Đức Phật bảo A Nan: - *Rùa mù và bọng gỗ tuy rất khó có thể gặp gỡ, nhưng vẫn còn có thể. Kẻ phàm ngu trôi giạt trong năm đường, tạm được thân người, còn khó hơn thế nữa!*”



*(Kinh) Bỉ thời, Diệu Trang Nghiêm vương hậu cung bát vạn tứ thiên nhân, giai tất kham nhậm thọ trì thị Pháp Hoa kinh. Tịnh Nhãn Bồ Tát u Pháp Hoa tam-muội cứu dĩ thông đạt. Tịnh Tạng Bồ Tát dĩ u vô lượng bách thiên vạn ức kiếp thông đạt Ly Chư Ác Thú tam-muội, dục linh nhất thiết chúng sanh ly chư ác thú cố. Kỳ vương phu nhân đắc Chư Phật Tập tam-muội, năng tri chư Phật bí mật chi tạng. Nhị tử như thị dĩ phương tiện lực thiện hóa kỳ phụ, linh tâm tín giải, hảo nhạo Phật pháp.*

**(經)彼時，妙莊嚴王後宮八萬四千人，皆悉堪任受持是法華經。淨眼菩薩於法華三昧久已通達。淨藏菩薩已於無量百千萬億劫通達離諸惡趣三昧，欲令一切眾生離諸惡趣故。其王夫人得諸佛集三昧，能知諸佛秘密之藏。二子如是以方便力善化其父，令心信解，好樂佛法。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, tám vạn bốn ngàn người trong hậu cung của vua Diệu Trang Nghiêm thấy đều kham nhiệm, thọ trì kinh Pháp Hoa này. Tịnh Nhãn Bồ Tát đã thông đạt Pháp Hoa (Saddharmapundarīka) tam-muội từ lâu. Tịnh Tạng Bồ Tát đã trong vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp thông đạt Ly Chư Ác Thú tam-muội (Sarvasattvapāpajahana), vì muốn khiến cho hết thấy chúng sanh lìa các đường ác. Phu nhân của nhà vua đắc Chư Phật Tập (Sarvabuddhasaṃgīti) tam-muội, có thể biết tạng bí mật của chư Phật. Hai con dùng sức phương tiện như thế khéo giáo hóa cha mình, khiến cho tâm cha tin hiểu, ưa thích Phật pháp).*

Pháp Hoa tam-muội nhiếp hết thấy các pháp quy vào Nhất Thật Tướng như trong phần trước đã nói. Ly Chư Ác Thú tam-muội: Cứu giới Tam Hoặc là cái có thể tiến nhập [đường ác], hai loại sanh tử (Biến Dịch và Phần Đoạn) là cái được tiến nhập. Viên đạo chánh định có thể lìa [các đường ác], tức là hai mươi lăm môn vương tam-muội phá trọn vẹn hai mươi lăm Hữu. Phật Tập tam-muội là tạng Tam Đức bí mật. Phật nhóm họp trong ấy, chỉ có nơi đó là hành xứ của Phật.

**27.4.5. Cùng đến chỗ Phật nghe pháp, cúng dường, thấy tướng lành hoan hỷ**

*(Kinh) U' thị, Diệu Trang Nghiêm vương dữ quần thần quyền thuộc câu. Tịnh Đức phu nhân dữ hậu cung thể nữ quyền thuộc câu. Kỳ vương nhị tử dữ tứ vạn nhị thiên nhân câu, nhất thời cộng nghệ Phật sở. Đáo dĩ, đầu diện lễ túc, nhiễu Phật tam táp, khước trụ nhất diện. Nhĩ thời, bỉ Phật vị vương thuyết pháp, thị giáo lợi hỷ. Vương đại hoan duyệt. Nhĩ thời, Diệu Trang Nghiêm vương cập kỳ phu nhân, giải cảnh chân châu anh lạc giá trị bách thiên, dĩ tán Phật thượng. Ư hư không trung, hóa thành tứ trụ bảo đài. Đài trung hữu đại bảo sàng, phu bách thiên vạn thiên y. Kỳ thượng, hữu Phật kết gia phu tọa, phóng đại quang minh. Nhĩ thời, Diệu Trang Nghiêm vương tác thị niệm: “Phật thân hy hữu, đoan nghiêm thù đặc, thành tựu đệ nhất vi diệu chi sắc”.*

**(經)於是，妙莊嚴王與群臣眷屬俱。淨德夫人與後宮采女眷屬俱。其王二子與四萬二千人俱，一時共詣佛所。到已，頭面禮足，繞佛三匝，卻住一面。爾時，彼佛為王說法，示教利喜。王大歡悅。爾時，妙莊嚴王及其夫人，解頸真珠瓔珞價直百千，以散佛上。於虛空中，化成四柱寶臺。臺中有大寶牀，敷百千萬天衣。其上，有佛結加趺坐，放大光明。爾時，妙莊嚴王作是念：「佛身希有，端嚴殊特，成就第一微妙之色」。**

*(Kinh: Khi đó, vua Diệu Trang Nghiêm cùng với quần thần, quyền thuộc, phu nhân Tịnh Đức cùng với các thể nữ và quyền thuộc trong hậu cung, hai người con của nhà vua cùng với bốn vạn hai ngàn người, đồng thời cùng đến chỗ đức Phật. Đã đến nơi, đầu mặt lễ dưới chân, nhiễu quanh đức Phật ba vòng, rồi lui ra đứng một bên. Lúc bấy giờ, đức Phật ấy vì nhà vua thuyết pháp, chỉ dạy khiến cho được lợi ích, vui mừng. Vua hết sức vui sướng. Lúc bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm và phu nhân tháo chuỗi chân châu anh lạc đeo ở cổ, giá trị trăm ngàn, để rải lên trên đức Phật. Ở trong hư không, hóa thành đài báu có bốn trụ. Trong đài có giường báu lớn, phủ trăm ngàn vạn áo trời báu. Trên đó, có Phật ngồi xếp bằng, tỏa quang minh to lớn. Lúc bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm*

ngữ thể này: “Thân Phật hy hữu, đoan nghiêm đặc biệt thù thắng, thành tựu hình sắc vi diệu bậc nhất”).

Thành tựu hình sắc vi diệu bậc nhất giống như long nữ đã tán thán “Pháp Thân thanh tịnh vi diệu, trọn đủ ba mươi hai tướng”. Đã ngộ Thật Tướng của sắc thân, cho nên Phật liền thọ ký.

#### **27.4.6. Phật thọ ký cho nhà vua**

*(Kinh) Thời, Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật cáo tứ chúng ngôn: - Nhữ đẳng kiến thị Diệu Trang Nghiêm vương, u ngã tiền hiệp chưởng lập phủ? Thử vương u ngã pháp trung tác tỳ-kheo, tinh cần tu tập trợ Phật đạo pháp, đương đắc tác Phật, hiệu Sa La Thụ Vương. Quốc danh Đại Quang, kiếp danh Đại Cao Vương. Kỳ Sa La Thụ Vương Phật hữu vô lượng Bồ Tát chúng, cập vô lượng Thanh Văn. Kỳ quốc bình chánh, công đức như thị.*

**(經)時，雲雷音宿王華智佛告四眾言：「汝等見是妙莊嚴王，於我前合掌立不？此王於我法中作比丘，精勤修習助佛道法，當得作佛，號娑羅樹王。國名大光，劫名大高王。其娑羅樹王佛有無量菩薩眾，及無量聲聞。其國平正，功德如是」。**

*(Kinh: Khi đó, Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật bảo tứ chúng rằng: - Các ông có thấy vua Diệu Trang Nghiêm đang đứng chấp tay trước mặt ta hay không? Vị vua này làm tỳ-kheo trong pháp của ta, siêng năng chuyên ròng tu tập trợ Phật đạo pháp, sẽ được thành Phật, hiệu là Sa La Thụ Vương (Śāleṅdarāja)<sup>165</sup>, cõi nước tên là Đại Quang (Vistīrnavatī), kiếp tên là Đại Cao Vương (Abhyudgatarāja). Vị Sa La Thụ Vương Phật này có vô lượng Bồ Tát chúng, và vô lượng Thanh Văn. Cõi ấy bằng phẳng, công đức như thế).*

#### **27.4.7. Xuất gia tu hành**

---

<sup>165</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Vua phát tâm kiên cố, như cây Sa La, dẫu trời lạnh cách mấy chẳng rụng lá. Vì thế khi thành Phật, hiệu là Sa La Thụ Vương. Xa lìa tà si ám, cho nên quốc độ tên là Đại Quang. Pháp vương cao tột, to lớn nhất, vượt xa chín pháp giới, cho nên kiếp có tên là Đại Cao Vương”.

*(Kinh) Kỳ vương tức thời dĩ quốc phó đệ, dữ phu nhân, nhị tử, tịnh chư quyền thuộc, ư Phật pháp trung, xuất gia tu đạo. Vương xuất gia dĩ, ư bát vạn tứ thiên tuế, thường cần tinh tấn, tu hành Diệu Pháp Hoa kinh. Quá thị dĩ hậu, đắc Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm tam-muội.*

**(經)其王即時以國付弟，與夫人，二子，并諸眷屬，於佛法中，出家修道。王出家已，於八萬四千歲，常勤精進，修行妙法華經。過是已後，得一切淨功德莊嚴三昧**

。

*(Kinh: Vị vua ấy ngay lập tức đem nước giao cho em trai, cùng với phu nhân, hai con, và các quyền thuộc xuất gia tu đạo trong Phật pháp. Vua đã xuất gia, trong tám vạn bốn ngàn năm, thường siêng năng tinh tấn, tu hành kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sau thời gian đó, đạt được Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm (Sarvaḡaṇālamkāravayūha) tam-muội).*

#### 27.4.8. Ca ngợi hai con

*(Kinh) Tức thăng hư không, cao thất Đa La thụ, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thử ngã nhị tử, dĩ tác Phật sự, dĩ thần thông biến hóa, chuyển ngã tà tâm, linh đắc an trụ ư Phật pháp trung, đắc kiến Thế Tôn. Thử nhị tử giả, thị ngã thiện tri thức, vị dục phát khởi túc thể thiện căn, nhiều ích ngã cố, lai sanh ngã gia.*

**(經)即升虛空，高七多羅樹，而白佛言：「世尊！此我二子，已作佛事，以神通變化，轉我邪心，令得安住於佛法中，得見世尊。此二子者，是我善知識，為欲發起宿世善根，饒益我故，來生我家」。**

*(Kinh: Liền bay lên hư không cao bảy cây Đa La, bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Hai đứa con này của con đã làm Phật sự, dùng thần thông biến hóa chuyển tà tâm của con, khiến cho con được an trụ trong Phật pháp, được thấy đức Thế Tôn. Hai đứa con này là thiện*

*tri thức của con, vì muốn phát khởi thiện căn đời trước, lợi lạc con mà sanh vào nhà con).*

**27.4.9. Đức Phật trần thuật hạnh cao vời [của hai vương tử]**

*(Kinh) Nhĩ thời, Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật cáo Diệu Trang Nghiêm vương ngôn: - Như thị! Như thị! Như như sở ngôn. Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân chủng thiện căn cố, thể thể đắc thiện tri thức. Kỳ thiện tri thức năng tác Phật sự, thị giáo lợi hỷ, linh nhập A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đại vương đương tri: Thiện tri thức giả, thị đại nhân duyên. Sở dĩ hóa đạo, linh đắc kiến Phật, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. Đại vương! Nhữ kiến thử nhị tử phủ? Thử nhị tử dĩ tăng cúng dường lục thập ngũ bách thiên vạn ức na-do-tha Hằng hà sa chư Phật, thân cận, cung kính. Ư chư Phật sở thọ trì Pháp Hoa kinh, mãn niệm tà kiến chúng sanh, linh trụ chánh kiến.*

**(經)爾時，雲雷音宿王華智佛告妙莊嚴王言：「如是！如是！如汝所言。若善男子，善女人種善根故，世世得善知識。其善知識能作佛事，示教利喜，令入阿耨多羅三藐三菩提。大王當知：善知識者，是大因緣。所以化導，令得見佛，發阿耨多羅三藐三菩提心。大王！汝見此二子不？此二子已曾供養六十五百千萬億那由他恆河沙諸佛，親近，恭敬。於諸佛所受持法華經，愍念邪見眾生，令住正見」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật bảo vua Diệu Trang Nghiêm rằng: - Đúng như vậy! Đúng như vậy! Đúng như lời ông đã nói. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân do đã gieo căn lành, đời đời sẽ có thiện tri thức. Vị thiện tri thức ấy có thể làm Phật sự, chỉ dạy khiến cho lợi lạc, hoan hỷ, khiến cho người ấy nhập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đại vương hãy nên biết: Thiện tri thức là nhân duyên to lớn, bởi có thể giáo hóa, hướng dẫn, khiến cho được thấy Phật, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đại vương! Ông có thấy hai*

*người con này hay chăng? Hai người con này đã từng cúng dường sáu mươi lăm trăm ngàn vạn ức na-do-tha Hằng hà sa chư Phật, thân cận, cung kính. Ở chỗ chư Phật thọ trì kinh Pháp Hoa, nghĩ thương xót chúng sanh tà kiến, khiến cho họ trụ trong chánh kiến).*

Thiện tri thức có ba loại: Một là ngoại hộ, hai là đồng hạnh, ba là giáo thọ (dạy bảo). Lại có ba loại: Một là chư Phật, Bồ Tát; hai là đạo phẩm Lục Độ; ba là thực tế Thật Tướng. Sáu loại tri thức đều có thể làm Phật sự. Hai loại giáo thọ và Phật, Bồ Tát có thể chỉ dạy tạo lợi ích, hoan hỷ. Ba loại giáo thọ, đồng hạnh và các Bồ Tát có thể giáo hóa, hướng dẫn khiến cho được thấy Phật. Thật Tướng thực tế có thể khiến cho nhập Bồ Đề. Sáu loại [thiện tri thức ấy] đều có sức toàn vẹn, trọn chẳng thể khuyết. Vì thế nói là “đại nhân duyên”.

#### **27.4.10. [Vua] tán thán Phật, tự thề**

*(Kinh) Diệu Trang Nghiêm vương tức tùng hư không trung hạ, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như Lai thậm hy hữu, dĩ công đức, trí huệ cố, danh thượng nhục kế, quang minh hiển chiếu. Kỳ nhãn trường quang, nhi cảm thanh sắc. Mi gian hào tướng, bạch như kha nguyệt. Xỉ bạch tề mật, thường hữu quang minh. Thần sắc xích hảo như tân bà quả”. Nhĩ thời, Diệu Trang Nghiêm vương tán thán Phật như thị đẳng vô lượng bách thiên vạn ức công đức dĩ, w Như Lai tiền, nhất tâm hiệp chưởng, phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Vị tăng hữu dã, Như Lai chi pháp cụ túc thành tựu bất khả tư nghị vi diệu công đức, giáo giới sở hành, an ổn khoái thiện. Ngã tùng kim nhật, bất phục tự tùy tâm hạnh, bất sanh tà kiến, kiêu, mạn, sân khuể, chư ác chi tâm”. Thuyết thị ngữ dĩ, lễ Phật nhi xuất.*

**(經)妙莊嚴王即從虛空中下，而白佛言：「世尊！如來甚希有，以功德，智慧故，頂上肉髻，光明顯照。其眼長廣，而紺青色。眉間毫相，白如珂月。齒白齊密，常有光明。脣色赤好如頻婆果」。爾時，妙莊嚴王讚歎佛如是等無量百千萬億功德已，於如來前，一心合掌，復白佛言：**

「世尊！未曾有也，如來之法具足成就不可思議微妙功德，教戒所行，安隱快善。我從今日，不復自隨心行，不生邪見，憍，慢，瞋恚，諸惡之心」。說是語已，禮佛而出

。

(*Kinh: Vua Diệu Trang Nghiêm liền từ hư không hạ xuống, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Như Lai rất hy hữu, do công đức trí huệ mà nhục kế trên đỉnh đầu, quang minh chiếu rạng ngời. Mắt Ngài dài rộng, có sắc xanh biếc. Tướng bạch hào giữa hai mày trắng như kha nguyệt<sup>166</sup>. Răng trắng, kín, ngay ngắn, thường có quang minh. Màu môi đỏ đẹp, như trái Tàn Bà”<sup>167</sup>. Lúc bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm tán thán vô lượng trăm ngàn vạn ức công đức của Phật như thế xong, liền đối trước Như Lai, nhất tâm chấp tay. Lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chưa từng có vậy. Pháp của Như Lai thành tựu trọn đủ công đức vi diệu chẳng thể nghĩ bàn, dạy răn, tu hành an ổn, vui sướng, tốt lành. Từ hôm nay trở đi, con chẳng còn thuận theo tâm hạnh của chính mình, chẳng sanh tà kiến, kiêu, mạn, sân khuể, các tâm xấu ác”. Nói lời ấy xong, lễ Phật lui ra).*

Liễu đạt sâu xa Thật Tướng. Vì thế, ngoài thì khâm ngưỡng Phật đức, trong là sửa đổi tâm mình, như liễu ngộ “băng và nước có cùng một tánh ướt”. Dùng nước nóng để tiêu băng, vĩnh viễn chẳng còn đông cứng nữa.

Phân thứ tư, “nói về sự lợi ích do được giáo hóa” đã xong!

### 27.5. Kết lại để dung hội cổ kim

(*Kinh) Phật cáo đại chúng: - U ý vân hà? Diệu Trang Nghiêm vương khởi dị nhân hồ? Kim Hoa Đức Bồ Tát thị. Kỳ Tịnh Đức phu*

---

<sup>166</sup> “Kha” là một loại bảo thạch rất trắng sạch, kém hơn ngọc, nhưng rất đẹp, thường dùng để trang trí yên cương cho người quyền quý. Kinh dùng cả Kha lẫn Nguyệt (mặt trăng) để sánh ví sự trắng ngần, tươi sạch.

<sup>167</sup> Tàn Bà (Bimba) là một loài quả có màu đỏ tươi đẹp. Đôi khi còn gọi là Tương Tư Quả. Cây này có thể cao đến mười mét, thân có gai lớn. Mùa Hạ trổ hoa, kết thành trái hình cầu trông như trái cam. Hoa loại cây này có thể dùng để chế nước hoa, rễ và vỏ cây đều có thể dùng làm thuốc.

nhân, kim Phật Tiên Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát thị, ai mãn Diệu Trang Nghiêm vương cập chư quyền thuộc cố, u bỉ trung sanh. Kỳ nhị tử giả, kim Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát thị. Thị Dược Vương, Dược Thượng Bồ Tát thành tựu như thử chư đại công đức, dĩ u vô lượng bách thiên vạn ức chư Phật sở, thực chúng đức bản, thành tựu bất khả tư nghị chư thiện công đức. Nhược hữu nhân thức thị nhị Bồ Tát danh tự giả, nhất thiết thế gian chư thiên nhân dân diệc ưng lễ bái.

(經)佛告大眾：「於意云何？妙莊嚴王豈異人乎？今華德菩薩是。其淨德夫人，今佛前光照莊嚴相菩薩是，哀愍妙莊嚴王及諸眷屬故，於彼中生。其二子者，今藥王菩薩、藥上菩薩是。是藥王、藥上菩薩成就如此諸大功德，已於無量百千萬億諸佛所，植眾德本，成就不可思議諸善功德。若有人識是二菩薩名字者，一切世間諸天人民亦應禮拜」。

(Kinh: Đức Phật bảo đại chúng: - Ý các ông nghĩ sao? Vua Diệu Trang Nghiêm há có phải ai khác? Nay chính là Hoa Đức (Padmaśrī) Bồ Tát. Phu nhân Tịnh Đức nay là Phật Tiên Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng<sup>168</sup> Bồ Tát (Vairocanaraśmipratimāṇḍitādhvajarāja), do thương xót vua Diệu Trang Nghiêm và các quyền thuộc mà sanh trong cõi ấy. Hai người con nay là Dược Vương (Bhaiṣajyarāja) Bồ Tát và Dược Thượng (Bhaiṣajyasamudgata) Bồ Tát. Dược Vương Bồ Tát và Dược Thượng Bồ Tát này thành tựu các công đức to lớn như thế, đã ở chỗ vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật, gieo các cội đức, thành tựu các thiện công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có người nào nhận biết danh tự của hai vị Bồ Tát ấy, hết thấy chư thiên và nhân dân trong thế gian cũng phải nên lễ bái).

## 27.6. Nghe phẩm này ngộ đạo

<sup>168</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật Tiên Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát chính là Diệu Âm Bồ Tát được nói trong phẩm trước. Do Diệu Âm Bồ Tát biến hiện các thứ thân tướng được trang nghiêm bởi các thứ tam-muội như Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội v.v... nên gọi là Trang Nghiêm Tướng”.



*(Kinh) Phật thuyết thị Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự phẩm thời, bát vạn tứ thiên nhân viễn trần ly cấu, u chư pháp trung, đắc pháp nhãn tịnh.*

**(經)佛說是妙莊嚴王本事品時，八萬四千人遠塵離垢，於諸法中，得法眼淨。**

*(Kinh: Khi đức Phật nói phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự, tám vạn bốn ngàn người xa lìa trần cấu, ở trong các pháp, đắc pháp nhãn tịnh).*

Ở trong các pháp, đắc pháp nhãn tịnh, tức là soi tỏ trọn khắp ba ngàn tướng tánh của các pháp giả thật, thông đạt chẳng vướng mắc, chẳng đắm nhiễm. Hoặc là phân chứng, hoặc là tương tự hậu tâm.

Phần thứ hai, “xét theo sự hóa độ người khác để khuyên lưu thông” đã xong.

## **28. Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát Lưu Thông Phẩm Thứ二十八 普賢菩薩勸發流通品第二十八**

*Phẩm thứ hai mươi tám: Phổ Hiền Bồ Tát khuyên lưu, phát khởi lưu thông*

[Phổ Hiền trong] tiếng Phạn là Bát Thâu Bạt Đà (Vishvabhadra), Đại Luận và Quán Kinh đều dịch nghĩa là Biến Cát (徧吉, tốt lành trọn khắp). Kinh này dịch là Phổ Hiền. Phổ có nghĩa là Biến (trọn khắp), Hiền nghĩa là Cát. Đẳng Giác cao tốt nhất trong những người đã chế phục Hoặc, phục đạo<sup>169</sup> trọn khắp. Vì thế gọi là Phổ. Đoạn đạo sắp hết, gần như chẳng còn mấy, đã gần với địa vị cùng tốt, cho nên gọi là Hiền. Như trăng đêm Mười Bốn, gần giống trăng đêm Rằm. Kinh Đại Phật Đảnh nói: “Ngã dụng tâm văn, phân biệt chúng sanh sở hữu tri kiến. Nhược u tha phương Hằng sa giới ngoại, hữu nhất chúng sanh tâm trung phát minh Phổ Hiền hạnh giả, ngã thừa lục nha tượng, phân thân bách thiên, giai chí kỳ xứ. Túng bỉ chương thâm, vị đắc kiến ngã, ngã dữ kỳ nhân ám trung ma đánh, ủng hộ, an úy, linh kỳ thành tựu” (Ta dùng

<sup>169</sup> Phục Đạo có nghĩa là sức chế phục khiến cho Hoặc chướng hữu lậu, vô lậu chẳng thể dậy lên hiện hành.

tâm để nghe, phân biệt tất cả tri kiến của chúng sanh. Nếu ở ngoài các thế giới nhiều như cát sông Hằng nơi phương khác, có một chúng sanh trong tâm phát khởi hạnh Phổ Hiền, ta sẽ cưỡi voi sáu ngà, phân thân trăm ngàn, đều đến chỗ người ấy. Nếu người ấy chướng sâu, chưa được thấy ta, ta sẽ âm thầm xoa đầu người ấy, ủng hộ, an ủi, khiến cho người ấy thành tựu). Nay nói “*khuyến phát*” tức từ ngữ [ngụ ý] “*luyén mộ pháp*”. [Phổ Hiền Bồ Tát] ở nơi nước xa kia, đã nghe trọn vẹn kinh này từ đầu đến đuôi, muốn tự hành và giáo hóa người khác vĩnh viễn chẳng ngại. Vì thế, Ngài từ phương Đông đến [cõi Sa Bà], hòng thỉnh chánh thuyết, khuyên lớn phát khởi [chúng sanh nghe kinh] hãy tự hành, còn thưa hỏi [phương cách] lưu thông, khuyến phát hóa độ người khác. Lại còn dùng thế nguyện để khuyến phát chung. Kinh văn [trong phẩm này] có đủ bốn ý nghĩa Tất Đàn:

- Ta vì cúng dường kinh Pháp Hoa mà tự hiện thân mình. Nếu thấy thân ta, [hành nhân] sẽ hết sức hoan hỷ. Đó là Thế Giới Tất Đàn.

- Do thấy thân ta, càng thêm tinh tấn, liền đắc tam-muội và Đà La Ni. Đó là Vị Nhân Tất Đàn.

- Chẳng có phi nhân nào có thể phá hoại, cũng chẳng bị nữ nhân mê hoặc, làm rối loạn, tức là Đối Trị Tất Đàn.

- Bồ Tát nhiều như số vi trần trong một cõi nước trọn đủ đạo Phổ Hiền, tức là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Dùng bốn môn Tất Đàn ấy làm nhân duyên, cho nên Ngài đến [thế giới Sa Bà] để khuyến phát. Trong phần trước, đã phán định phần Lưu Thông [của kinh Pháp Hoa] được chia thành ba tiết:

- Hai phẩm Như Lai Thần Lực và Chúc Lụy nói về chuyện phó chúc lưu thông.

- Năm phẩm từ Dược Vương trở đi, nêu ra sức hóa đạo (giáo hóa, hướng dẫn) to lớn của Bồ Tát để khuyên lưu thông.

- Phẩm này nêu ra sức thế nguyện rộng lớn của Phổ Hiền Bồ Tát để khuyên lưu thông.

Kinh văn được chia làm bốn tiết:

- Một, Bồ Tát đến cõi này.

- Hai, phát khởi [lưu thông] bằng cách khuyên nhủ.

- Ba, phát khởi bằng cách trần thuật.

- Bốn, lợi ích do khuyến phát.

## **28.1. Bồ Tát đến cõi này**

### **28.1.1. Dâng cúng**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phổ Hiền Bồ Tát dĩ tự tại thần thông lực, oai đức danh văn, dĩ đại Bồ Tát vô lượng vô biên bất khả xưng số, tùng Đông phương lai. Sở kinh chư quốc, phổ giai chấn động, vũ bảo liên hoa, tác vô lượng bách thiên vạn ức chủng chủng kỹ nhạc.*

**(經)爾時，普賢菩薩以自在神通力，威德名聞，與大菩薩無量無邊不可稱數，從東方來。所經諸國，普皆震動，雨寶蓮華，作無量百千萬億種種伎樂。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Phổ Hiền Bồ Tát do sức thần thông tự tại mà oai đức vang dội, cùng với các vị đại Bồ Tát vô lượng vô biên chẳng thể tính kể từ phương Đông đến. Các cõi nước đi qua khắp đều chấn động, mưa hoa sen báu, tấu vô lượng trăm ngàn ức các thứ kỹ nhạc).*

“Tự tại” là Lý Nhất. “Thần thông” là Hạnh Nhất. “Oai đức” là Nhân Nhất. “Danh văn” là Giáo Nhất. Lại nữa, “tự tại” là Thường, “thần thông” là Lạc, “oai đức” là Ngã, “danh văn” là Tịnh. Nói như thế thì một chính là bốn, không đức nào chẳng trọn! Do oai đức nên chấn động. Do nổi danh nên tuôn mưa hoa. Do thần thông nên tấu nhạc. Do tự tại cho nên [các cõi Ngài đi qua] đều động theo. Thuận theo mà mưa, thuận theo mà tấu nhạc, ví như rồng lớn phi hành, giăng mây, tuôn mưa. Đây là tâm lực, pháp lực, chúng sanh lực, ứng hóa lực, bất tư nghị lực cảm vơi. Dùng diệu lực Tứ Đức ấy để từ xa đến khuyên phát Tứ Nhất. Những chỗ Ngài đi qua, tự hành cúng dường, chuyện là như thế đó.

Hỏi: - Kinh Hoa Nghiêm nói Phổ Hiền Bồ Tát nương vào Chân mà trụ, chẳng phải là quốc độ. Nay vì sao nói Ngài từ phương Đông đến?

Đáp: - Kinh kia (kinh Hoa Nghiêm) nêu bày tự thể của pháp do Ngài đã chứng. Kinh này nói theo những gì Ngài ứng tích. Đối với Chân Như pháp tánh, Sơ Trụ đã có thể phần chứng, huống hồ ngài Phổ Hiền ư? Thuận theo sự ứng tích thì cũng nói là Phật Đa Bảo từ phương Đông. Nếu biết ngoài chân tánh chẳng có quốc độ, sẽ biết ngoài chân tánh cũng chẳng phải riêng có Chân để có thể trụ!

### **28.1.2. Hạ hóa**

*(Kinh) Hựu dữ vô số chư thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân đấng, đại chúng vi nhiều, các hiện oai đức thần thông chi lực.*

**(經)又與無數諸天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等，大眾圍繞，各現威德神通之力。**

*(Kinh: Lại cùng vô số các trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v... đại chúng vây quanh, ai nấy hiện sức oai đức thần thông).*

Tùy thuận thích đáng đối với [căn cơ của] người khác mà hiện hình tượng tám bộ [quỷ thân]. Chủ và bạn đều trọn đủ Tứ Đức, nhưng chỉ nêu ra hai đức để gồm thâu hai đức kia. Vì thế nói là “*các hiện oai đức thần thông lực*” (đều hiện sức oai đức thần thông). Hãy nên biết những vị đi theo [Phổ Hiền Bồ Tát] đều là bậc Pháp Thân. Lại còn “cùng với các đại Bồ Tát”, tức là hiện Thật công đức, “cùng với tám bộ” tức là thị hiện Quyền công đức. Quyền và Thật đều trọn đủ Tứ Đức, đều có hai ý nghĩa “trên là dăng cúng, dưới hóa độ [chúng sanh]”.

### **28.1.3. Tu kính**

*(Kinh) Đáo Sa Bà thế giới, Kỳ Xà Quạt sơn trung, đầu diện lễ Thích Ca Mâu Ni Phật, hữu nhiều thất táp.*

**(經)到娑婆世界，耆闍崛山中，頭面禮釋迦牟尼佛，右遶七匝。**

*(Kinh: Đến núi Kỳ Xà Quạt trong thế giới Sa Bà, đầu mặt lễ Thích Ca Mâu Ni Phật, nhiều theo chiều phải bảy vòng).*

Phần thứ nhất, “đến thế giới Sa Bà” đã xong.

## **28.2. Khuyến phát**

### **28.2.1. Thừa hỏi khuyến phát**

#### **28.2.1.1. Hỏi**

**(Kinh) Bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã u Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật quốc, dao văn thứ Sa Bà thế giới thuyết Pháp Hoa kinh, dĩ vô lượng vô biên bách thiên vạn ức chư Bồ Tát chúng, cộng lai thỉnh thọ. Duy nguyện Thế Tôn đương vị thuyết chi: Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân u Như Lai diệt hậu, vân hà năng đắc thị Pháp Hoa kinh?**

**(經)白佛言：「世尊！我於寶威德上王佛國，遙聞此娑婆世界說法華經，與無量無邊百千萬億諸菩薩眾，共來聽受。惟願世尊當為說之：若善男子，善女人於如來滅後，云何能得是法華經？」**

*(Kinh: Bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con ở trong cõi của Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật<sup>170</sup> (Ratnatejo 'bhyudgatarāja), từ xa nghe thế giới Sa Bà nói kinh Pháp Hoa, bèn cùng với vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức các vị Bồ Tát cùng đến nghe nhận. Kính mong đức Thế Tôn hãy vì chúng con nói: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Như Lai đã diệt độ, phải làm như thế nào để được kinh Pháp Hoa này?)*

“Đương vị thuyết chi” (Hãy nên vì chúng con mà nói): Xin hãy nói thẳng vào ý chỉ trọng yếu trong lưu thông. Làm như thế nào để có thể đạt được kinh này, hàm nghĩa “đạt được diệu giải trong sự chánh thuyết lưu thông”. Xin đức Phật chánh thuyết, tức là khuyến phát tự hành, xin lưu thông tức là khuyến phát hóa độ người khác, mong cho quang minh diệu pháp sẽ lưu truyền vô cực. Đây chính là ý nghĩa “luyện mộ pháp” chẳng ngại vậy!

### 28.2.1.2. Đáp

**(Kinh) Phật cáo Phổ Hiền Bồ Tát: - Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu tứ pháp, u Như Lai diệt hậu, đương đắc thị Pháp Hoa kinh: Nhất giả, vị chư Phật hộ niệm. Nhị giả, thực chúng đức bổn. Tam giả, nhập Chánh Định Tự. Tứ giả, phát cứu nhất thiết**

---

<sup>170</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Oai đức cao vời đáng trọng, ví như chất báu (Bảo), đáng tôn kính ngưỡng tột bậc, nên tôn xưng là Thượng Vương. Vì thế có tên là Bảo Oai Đức Thượng Vương”.

*chúng sanh chi tâm. Thiện nam tử, thiện nữ nhân như thị thành tựu tứ pháp, w Như Lai diệt hậu, tất đắc thị kinh.*

**(經)佛告普賢菩薩：「若善男子，善女人成就四法，於如來滅後，當得是法華經：一者、為諸佛護念。二者、植眾德本。三者、入正定聚。四者、發救一切眾生之心。善男子，善女人如是成就四法，於如來滅後，必得是 經」**

•

*(Kinh: Đức Phật bảo Phổ Hiền Bồ Tát: - Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp thì sau khi Như Lai diệt độ, sẽ có được kinh Pháp Hoa này: Một là được chư Phật hộ niệm. Hai là trồng các cội đức. Ba là nhập Chánh Định Tu. Bốn là phát tâm cứu hết tất cả chúng sanh. Thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp như thế, sau khi Như Lai diệt độ, tất sẽ được kinh này).*

Phổ Hiền Bồ Tát đã trình [đức Phật dạy] cả hai chuyện chánh thuyết và lưu thông. Nay đức Phật cũng dùng bốn pháp để giải đáp cả hai chuyện. Trước là giải đáp về chánh thuyết, tức khai Quyền hiển Thật. Tuy đối với chúng sanh, đức Phật đại từ bình đẳng phổ độ, nhưng các chúng sanh mê trái pháp tánh, như cái chậu úp xuống, tự ngăn cách ánh sáng mặt trời. Nếu có thể xa lìa điều ác (Thế Giới Tất Đàn), tuân theo điều thiện (Vị Nhân Tất Đàn), bỏ mê (Đôi Trị Tất Đàn) trở về ngộ (Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn), khai tri kiến [của Phật] cho chúng sanh, hiển lộ tri kiến của Phật, sẽ xứng hợp thánh tâm. Đó chính là “*được chư Phật hộ niệm*” (đấy là Pháp Thân). Nếu tri kiến của Phật được khai, Bát Nhã sẽ tỏa sáng. Đấy là “*thực chứng đức bốn*” (gieo trồng các cội đức). Đó cũng là bất loạn, bất muội (chẳng mê mờ), chẳng lấy, chẳng bỏ; tức là “*nhập Chánh Định Tu*” (đấy là Bát Nhã). Cũng tức là trên thì hợp với từ lực, dưới là cùng một niềm bi ngưỡng, tức là “*phát cứu chúng sanh chi tâm*” (đấy là Giải Thoát). Hãy nên biết bốn pháp chỉ là khai Quyền hiển Thật, chứng Tam Đức trong Viên Giáo.

Lại nữa, “*chư Phật hộ niệm*” chính là khai Phật tri kiến. “*Thực chứng đức bốn*” là thị Phật tri kiến. “*Nhập Chánh Định Tu*” là nhập Phật tri kiến. “*Phát cứu chúng sanh chi tâm*” là ngộ Phật tri kiến. Điều trọng yếu trong Tích Môn đã được gồm thâu trong bốn điều ấy. Lại nữa,

Tích ắt có Bồn, từ Tam Đức của Bồn, cho nên Tích có Tam Đức. Từ Bồn mà khai, thị, ngộ, nhập. Do đó, trong Tích có khai, thị, ngộ, nhập. Nay khai Tích chính là hiển Bồn, Bồn và Tích chẳng hai, chẳng khác. Bởi thế, dùng bốn pháp ấy để đáp lời thưa hỏi về chánh thuyết.

Kế đó, giải đáp về lưu thông. Điều trọng yếu trong lưu thông chỉ là ba hay bốn điều. Nay chư Phật hộ niệm và nhập Chánh Định Tự chính là “mặc áo Như Lai”. Gieo trồng các cội đức chính là “ngồi tòa Như Lai”. Phát tâm cứu chúng sanh chính là “vào nhà Như Lai” [Đó là ba điều chánh yếu trong lưu thông]. Lại nữa, chư Phật hộ niệm chính là thân an lạc hạnh. Gieo trồng các cội đức tức khẩu an lạc hạnh. Nhập Chánh Định Tự tức ý an lạc hạnh. Phát tâm cứu chúng sanh chính là thể nguyện an lạc hạnh. Vì thế, dùng bốn pháp ấy để đáp lời thưa hỏi về lưu thông. Một câu giải đáp ứng với hai lời thỉnh. Nêu ra bốn điều, thâm tóm toàn thể một kinh. Từ phương xa đến khuyến phát, có ý nghĩa như thế đó. Có thể hành bốn pháp, ắt hiểu bản thể của kinh. Vì thế nói “*tát đắc thị kinh*” (ắt đạt được kinh này). Đây chính là kết lại lời thỉnh về chánh thuyết. Có thể truyền tải sự hiểu biết này cho người khác, người khác sẽ đạt được sự tín giải ấy, tức là người thành tựu điều nương tựa thứ nhất [trong Tứ Y, tức “*y pháp, bất y nhân*”]. Nếu thật sự hiểu, sẽ là người thành tựu điều nương tựa thứ hai, thứ ba, và thứ tư. Đây chính là kết lại lời thỉnh về lưu thông vậy.

Phần thứ nhất, “thưa hỏi về sự khuyến phát” đã xong.

### **28.2.2. Thệ nguyện khuyến phát**

#### **28.2.2.1. Thệ nguyện hộ trì người [thọ trì, lưu thông]**

##### **28.2.2.1.1. Giải trừ tai nạn bên ngoài**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phổ Hiền Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! U hậ ngũ bách tuế, trước ác thế trung, kỳ hữu thọ trì thị kinh diễn giả, ngã đương thủ hộ, trừ kỳ suy hoạn, linh đắc an ổn, sử vô tứ cầu đắc kỳ tiện giả. Nhược ma, nhược ma tử, nhược ma nữ, nhược ma dân, nhược vị ma sở trước giả, nhược Dạ Xoa, nhược La Sát, nhược Cựu Bàn Trà, nhược Tỳ Xá Xà, nhược Cát Giá, nhược Phú Đan Na, nhược Vi Đà La đẳng, chư nã nhân giả, giai bất đắc tiện.*

**(經)爾時，普賢菩薩白佛言：「世尊！於後五百歲，濁惡世中，其有受持是經典者，我當守護，除其衰患，令得安隱，使無伺求得其便者。若魔，若魔子，若魔女，若**

**魔民，若為魔所著者，若夜叉，若羅刹，若鳩槃荼，若毘舍闍，若吉蔗，若富單那，若韋陀羅等，諸惱人者，皆不得便。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Phổ Hiền Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Trong đời trước ác năm trăm năm sau, nếu có người thọ trì kinh điển này, con sẽ thủ hộ, diệt trừ sự suy hoạn cho người ấy, khiến cho được an ổn, khiến cho chẳng có ai tìm cầu cơ hội hại người ấy. Dù là ma, dù ma tử, dù ma nữ, dù là ma dân, hoặc kẻ bị ma dựa, hoặc Dạ Xoa, hoặc La Sát, hoặc Curu Bàn Trà, hoặc Tỳ Xá Xà, hoặc Cát Giá, hoặc Phú Đan Na, hoặc Vi Đà La v.v... những kẻ nào hại người khác đều chẳng có dịp làm hại).*

Vi Đà La là quỷ chuyên yếm đảo, phương này dịch là Thiện Diệu.

#### **28.2.2.1.2. Dạy cho nội pháp**

##### **28.2.2.1.2.1. Đi, đứng đọc tụng**

*(Kinh) Thị nhân nhược hành, nhược lập, độc tụng thử kinh, ngã nhĩ thời thừa lục nha bạch tượng vương, dĩ đại Bồ Tát chúng, câu nghệ kỳ sở, nhi tự hiện thân cúng dường, thủ hộ, an úy kỳ tâm, diệc vị cúng dường Pháp Hoa kinh cổ.*

**(經)是人若行，若立，讀誦此經，我爾時乘六牙白象王，與大菩薩眾，俱詣其所，而自現身供養，守護，安慰其心，亦為供養法華經故。**

*(Kinh: Người ấy nếu đi hay đứng đọc tụng kinh này, khi đó, con sẽ cưỡi voi chúa trắng sáu ngà<sup>171</sup> với các vị đại Bồ Tát cùng tới chỗ người ấy để tự hiện thân cúng dường, thủ hộ, an ủi tâm người đó, cũng vì cúng dường kinh Pháp Hoa).*

##### **28.2.2.1.2.2. Nếu ngồi tư duy**

---

<sup>171</sup> Pháp sư Phổ Hành giảng: “Voi trắng sáu ngà biểu thị Lục Độ thanh tịnh, Lục Độ đứng đầu vạn hạnh”.



*(Kinh) Thị nhân nhược tọa tư duy thử kinh, nhĩ thời, ngã phục thừa bạch tượng vương, hiện kỳ nhân tiền. Kỳ nhân nhược u Pháp Hoa kinh, hữu sở vong thất nhất cú, nhất kệ, ngã đương giáo chi, dữ cộng độc tụng, hoàn linh thông lợi. Nhĩ thời, thọ trì, độc tụng Pháp Hoa kinh giả đắc kiến ngã thân, thậm đại hoan hỷ, chuyển phục tinh tấn. Dĩ kiến ngã cố, tức đắc tam-muội cập Đà La Ni, danh vi Toàn Đà La Ni, bách thiên vạn ức Toàn Đà La Ni, Pháp Âm Phương Tiện Đà La Ni, đắc như thị đẳng Đà La Ni.*

**(經)是人若坐思惟此經，爾時，我復乘白象王，現其人前。其人若於法華經，有所忘失一句，一偈，我當教之，與共讀誦，還令通利。爾時，受持，讀誦法華經者得見我身，甚大歡喜，轉復精進。以見我故，即得三昧及陀羅尼，名為旋陀羅尼，百千萬億旋陀羅尼、法音方便陀羅尼，得如是等陀羅尼。**

*(Kinh: Người ấy nếu ngồi tư duy kinh này, khi đó, con lại cưỡi voi chúa trắng hiện trước người ấy. Nếu người ấy quên mất một câu, một kệ trong kinh Pháp Hoa, con sẽ dạy bảo cho người ấy đọc tụng lại được thông suốt. Lúc đó, người thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa được thấy thân con, hoan hỷ rất lớn, càng thêm tinh tấn. Do được thấy con, liền đắc tam-muội và Đà La Ni, tên là Toàn Đà La Ni, trăm ngàn vạn ức Toàn Đà La Ni, Pháp Âm Phương Tiện Đà La Ni, đạt được các Đà La Ni như thế đó).*

“Toàn” là chuyển từ Giả nhập Không. “Trăm ngàn vạn ức”: Chuyển từ Không nhập Giả. “Pháp âm phương tiện”: Dùng hai thứ làm phương tiện để nhập Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đê.

### **28.2.2.1.2.3. Hai mươi một ngày tinh tấn**

*(Kinh) “Thế Tôn! Nhược hậu thế hậu ngũ bách tuế, trước ác thế trung, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cầu sách giả, thọ trì giả, độc tụng giả, thư tả giả, dục tu tập thị Pháp Hoa kinh, u tam thất nhật trung, ưng nhất tâm tinh tấn. Mãn tam thất nhật dĩ, ngã*

đương thừa lục nha bạch tượng, dữ vô lượng Bồ Tát nhi tự vi nhiều, dĩ nhất thiết chúng sanh sở hỷ kiến thân, hiện kỳ nhân tiền, nhi vị thuyết pháp, thị giáo lợi hỷ, diệc phục dữ kỳ Đà La Ni chú. Đắc thị Đà La Ni cố, vô hữu phi nhân năng phá hoại giả, diệc bất vị nữ nhân chi sở hoặc loạn. Ngã thân diệc tự thường hộ thị nhân. Duy nguyện Thế Tôn, thỉnh ngã thuyết thử Đà La Ni chú”. Tức ư Phật tiền, nhi thuyết chú viết: - A đàn địa, đàn đà bà địa, đàn đà bà đế, đàn đà curu xá lệ, đàn đà tu đà lệ. Tu đà lệ, tu đà la bà đế, Phật đà ba chiêm nễ. Tát bà đà la ni a bà đa ni. Tát bà bà sa a bà đa ni. Tu a bà đa ni. Tăng già bà lý xoa ni. Tăng già niết già đà ni, a tăng kỳ. Tăng già bà già địa. Đế lệ. A nọ tăng già đầu lược. A la đế ba la đế. Tát bà tăng già địa tam ma địa già lan địa. Tát bà đạt ma tu ba lợi sát đế. Tát bà tát đóa lâu đà kiêu xá lược a nậu già địa. Tân a tỳ cát lợi địa đế.

(經)世尊！若後世後五百歲，濁惡世中，比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，求索者，受持者，讀誦者，書寫者，欲修習是法華經，於三七日中，應一心精進。滿三七日已，我當乘六牙白象，與無量菩薩而自圍繞，以一切眾生所喜見身，現其人前，而為說法，示教利喜，亦復與其陀羅尼咒。得是陀羅尼故，無有非人能破壞者，亦不為女人之所惑亂。我身亦自常護是人。惟願世尊，聽我說此陀羅尼咒」。即於佛前，而說咒曰：「阿檀地，檀陀婆地，檀陀婆帝，檀陀鳩舍隸，檀陀修陀隸。修陀隸，修陀羅婆底，佛陀波羶禰。薩婆陀羅尼阿婆多尼。薩婆婆沙阿婆多尼。修阿婆多尼。僧伽婆履叉尼。僧伽涅伽陀尼，阿僧祇。僧伽婆伽地。帝隸。阿惰僧伽兜略。阿羅帝波羅帝。薩婆僧伽地三摩地伽蘭地。薩婆達磨修波利刹帝。薩婆薩埵樓駄橋舍略阿毘伽地。辛阿毗吉利地帝」。

(**Kinh:** “Thế Tôn! Nếu trong đời trước ác trong năm trăm năm thuộc đời sau, có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di hoặc tìm cầu, hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, hoặc biên chép, muốn tu tập kinh Pháp Hoa này, trong hai mươi một ngày, hãy nên nhất tâm tinh tấn. Trọn hai mươi một ngày xong, con sẽ cười voi trắng sáu ngà, cùng vô lượng Bồ Tát tự vây quanh, dùng thân mà hết thấy chúng sanh ưa thích thấy để hiện trước người ấy, vì người ấy thuyết pháp, chỉ dạy khiến cho được lợi ích, hoan hỷ. Lại còn truyền trao chú Đà La Ni. Do có được Đà La Ni ấy, sẽ chẳng có phi nhân có thể phá hoại, cũng chẳng bị nữ nhân mê hoặc, gây rối. Con cũng đích thân thường bảo vệ người ấy. Kính mong đức Thế Tôn nghe con nói chú Đà La Ni này”. Liên đối trước Phật, mà nói chú rằng: - *Adaṇḍe daṇḍapati daṇḍāvantani daṇḍakuśale daṇḍa sudhāri sudhāri sudhāra-pati buddha-paśyane sarva-dhāraṇī āvantani sarva-bhāṣyāvartane suāvartane saṃgha-parīkṣani saṃgha-nirghātani asaṃge saṃgāpa-gate tṛadhva-saṃgatulya prāpte sarvasaṃgasama tikrānte sarvadharmā suparīkṣite sarvasattva rutakauśalyānugate simhāvīkrīḍite*).

Phần thứ hai, “dạy cho nội pháp” đã xong.

### **28.2.2.1.3. Dùng thần lực che chở**

(**Kinh**) *Thế Tôn! Nhược hữu Bồ Tát đắc văn thị Đà La Ni giả, đương tri Phổ Hiền thần thông chi lực. Nhược Pháp Hoa kinh hành Diêm Phù Đề hữu thọ trì giả, ưng tác thử niệm: Giai thị Phổ Hiền oai thần chi lực.*

**(經)世尊！若有菩薩得聞是陀羅尼者，當知普賢神通之力。若法華經行闍浮提有受持者，應作此念：皆是普賢威神之力。**

(**Kinh:** *Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát được nghe Đà La Ni này, hãy nên biết là do sức thần thông của Phổ Hiền. Nếu kinh Pháp Hoa lưu truyền trong cõi Diêm Phù Đề, có người thọ trì, hãy nên nghĩ thế này: Đều là do sức oai thần của Phổ Hiền*).

### **28.2.2.1.4. Nêu bày cái nhân thù thắng**

*(Kinh) Nhược hữu thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, giải kỳ nghĩa thú, như thuyết tu hành, đương tri thị nhân hành Phổ Hiền hạnh, u vô lượng vô biên chư Phật sở, thâm chủng thiện căn, vị chư Như Lai thủ ma kỳ đầu.*

**(經)若有受持，讀誦，正憶念，解其義趣，如說修行，當知是人行普賢行，於無量無邊諸佛所，深種善根，為諸如來手摩其頭。**

*(Kinh: Nếu có người thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, thấu hiểu ý nghĩa, tu hành đúng như lời dạy, hãy nên biết người ấy hành hạnh Phổ Hiền, gieo thiện căn sâu xa nơi vô lượng vô biên chư Phật, được Như Lai dùng tay xoa đầu).*

Hành Phổ Hiền hạnh, cùng vị lai Phật được giải thoát. “Thâm chủng thiện căn” (Gieo sâu thiện căn): Chủng tử gieo nơi quá khứ Phật, nay chín muồi nơi Phật hiện tại.

#### 28.2.2.1.5. Chỉ bày cái quả gần

*(Kinh) Nhược dân thư tả, thị nhân mạng chung, đương sanh Đao Lợi thiên thượng. Thị thời, bát vạn tứ thiên thiên nữ tác chúng kỹ nhạc, nhi lai nghênh chi. Kỳ nhân tức trước thất bảo quan, u thể nữ trung ngu lạc khoái lạc. Hà huống thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, giải kỳ nghĩa thú, như thuyết tu hành? Nhược hữu nhân thọ trì, đọc tụng, giải kỳ nghĩa thú, thị nhân mạng chung, vị thiên Phật thọ thủ, linh bất khủng bố, bất đọa ác thú, tức vãng Đâu Suất thiên thượng Di Lặc Bồ Tát sở. Di Lặc Bồ Tát hữu tam thập nhị tướng, đại Bồ Tát chúng sở cộng vi nhiều, hữu bách thiên vạn ức thiên nữ quyến thuộc, nhi u trung sanh, hữu như thị đẳng công đức lợi ích.*

**(經)若但書寫，是人命終，當生忉利天上。是時，八萬四千天女作眾伎樂，而來迎之。其人即著七寶冠，於采女中娛樂快樂。何況受持，讀誦，正憶念，解其義趣，如說修行？若有人受持，讀誦，解其義趣，是人命終，為千**

**佛授手，令不恐怖，不墮惡趣，即往兜率天上彌勒菩薩所。彌勒菩薩有三十二相，大菩薩眾所共圍繞，有百千萬億天女眷屬，而於中生，有如是等功德利益。**

*(Kinh: Nếu chỉ biên chép, người ấy mạng chung, sẽ sanh lên cõi trời Đao Lợi. Khi đó, tám vạn bốn ngàn thiên nữ tấu các kỹ nhạc đến nghênh đón. Người ấy liền đội mão bảy báu, hưởng vui sướng trong các thể nữ. Huống hồ người thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, thấu hiểu nghĩa thú, đúng như lời dạy tu hành? Nếu có người thọ trì, đọc tụng, thấu hiểu nghĩa lý, người ấy mạng chung được ngàn đức Phật xòe tay [đón tiếp], khiến cho chẳng sợ hãi, chẳng đọa vào đường ác, liền sanh vào trời Đâu Suất là chỗ của Di Lạc Bồ Tát. Di Lạc Bồ Tát có ba mươi hai tướng, các vị đại Bồ Tát cùng vây quanh. Có trăm ngàn vạn ức thiên nữ làm quyến thuộc, sanh vào trong đó, có công đức và lợi ích như thế).*

Chỉ có thể biên chép, gần thì sanh vào trời Đao Lợi. Pháp sư trọn đủ năm loại (tức thọ trì, đọc tụng....) sẽ có thể sanh lên trời Đâu Suất, được làm quyến thuộc của bậc Bồ Xứ.

Hỏi: - Sao chẳng sanh về cõi An Lạc?

Đáp: - Nếu phát tịnh nguyện, sẽ tùy theo quán hạnh sâu hay cạn mà sanh vào bốn loại cõi An Lạc (Phương Tiện, Thật Báo, Đồng Cư, Thường Tịch Quang). Chẳng phát tịnh nguyện, sẽ tùy theo mức thành tựu của công đức do ngũ phẩm (thọ trì, đọc tụng, biên chép v.v...) mà sanh vào trời Đâu Suất.

#### 28.2.2.1.6. Tổng kết lời khuyên

*(Kinh) Thị cố, trí giả ưng đương nhất tâm tự thư, hoặc sử nhân thư, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, như thuyết tu hành.*

**(經)是故，智者應當一心自書，若使人書，受持，讀誦，正憶念，如說修行。**

*(Kinh: Vì thế, người có trí hãy nên nhất tâm tự chép, hoặc sai người chép, thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, đúng như lời dạy mà tu hành).*

Phần thứ nhất, “phát nguyện hộ trì người [hành trì, biên chép, đọc tụng...kinh Pháp Hoa]” đã xong.

#### 28.2.2.2. Thệ nguyện hộ trì pháp

*(Kinh) Thế Tôn! Ngã kim dĩ thần thông lực cố, thủ hộ thị kinh. Ư Như Lai diệt hậu, Diêm Phù Đề nội quảng linh lưu bố, sử bất đoạn tuyệt.*

**(經)世尊！我今以神通力故，守護是經。於如來滅後，閻浮提內廣令流布，使不斷絕。**

*(Kinh: Bạch đức Thế Tôn! Con nay do dùng sức thần thông mà thủ hộ kinh này. Sau khi Như Lai diệt độ, sẽ lưu truyền rộng rãi trong Diêm Phù Đề, khiến cho chẳng đoạn tuyệt).*

Phần thứ hai, “khuyến phát” đã xong.

#### 28.3. Trần thuật để phát khởi

##### 28.3.1. Trước là trần thuật sự hộ trì pháp

*(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật tán ngôn: - Thiện tai! Thiện tai! Phổ Hiền! Nhữ năng hộ trợ thị kinh, linh đa sở chúng sanh an lạc, lợi ích. Nhữ dĩ thành tựu bất khả tư nghị công đức, thâm đại từ bi, từng cửu viễn lai, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ý, nhi năng tác thị thần thông chí nguyện, thủ hộ thị kinh. Ngã đương dĩ thần thông lực thủ hộ năng thọ trì Phổ Hiền Bồ Tát danh giả.*

**(經)爾時，釋迦牟尼佛讚言：「善哉！善哉！普賢！汝能護助是經，令多所眾生安樂，利益。汝已成就不可思議功德，深大慈悲，從久遠來，發阿耨多羅三藐三菩提意，而能作是神通之願，守護是經。我當以神通力守護能受持普賢菩薩名者。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật khen rằng: - Lành thay! Lành thay! Nay Phổ Hiền! Ông có thể hộ trì, giúp đỡ kinh này,*

kiến cho nhiều chúng sanh an lạc, lợi ích. Ông đã thành tựu công đức chẳng thể nghĩ bàn, đại từ bi sâu đậm. Từ lâu xa đến nay, ông phát ý Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có thể phát ra nguyện thần thông ấy để thủ hộ kinh này. Ta sẽ dùng sức thần thông thủ hộ người có thể thọ trì danh tự của Phổ Hiền Bồ Tát).

Nghe kinh Pháp Hoa, thọ trì Pháp Hoa, đều do thần lực của ngài Phổ Hiền. Nghe danh hiệu Phổ Hiền, thọ trì danh hiệu Phổ Hiền, đều do thần lực của Như Lai, tức là chuyện được nói kèm thêm trong phần thứ ba, tức dùng thần lực để che chở trong phần “hộ trì người [thọ trì kinh này]”.

### **28.3.2. Trần thuật chuyện hộ trì hành giả**

#### **28.3.2.1. Trần thuật chuyện thứ hai: Dùng nội pháp để dạy**

*(Kinh) Phổ Hiền! Nhược hữu thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tu tập, thư tả thị Pháp Hoa kinh giả, đương tri thị nhân tắc kiến Thích Ca Mâu Ni Phật, như tùng Phật khẩu, văn thử kinh điển. Đương tri thị nhân cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật. Đương tri thị nhân Phật tán “thiện tai”. Đương tri thị nhân vị Thích Ca Mâu Ni Phật thủ ma kỳ đầu. Đương tri thị nhân vị Thích Ca Mâu Ni Phật y chi sở phủ.*

**(經)普賢！若有受持，讀誦，正憶念，修習，書寫是法華經者，當知是人則見釋迦牟尼佛，如從佛口，聞此經典。當知是人供養釋迦牟尼佛。當知是人佛讚「善哉」。當知是人為釋迦牟尼佛手摩其頭。當知是人為釋迦牟尼佛衣之所覆。**

*(Kinh: Phổ Hiền! Nếu có người thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, tu tập, biên chép kinh Pháp Hoa này, hãy nên biết người ấy thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, như từ miệng Phật được nghe kinh điển này. Hãy nên biết người ấy đã cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật. Hãy nên biết người ấy được đức Phật khen “lành thay”. Hãy nên biết người ấy được tay của Thích Ca Mâu Ni Phật xoa đầu. Hãy nên biết người đó được y của Thích Ca Mâu Ni Phật che phủ).*

“*Thấy Phật Thích Ca*”: Không chỉ thấy thân Phổ Hiền Bồ Tát cười trên voi trắng sáu ngà. “*Từ miệng Phật được nghe*”: Không chỉ cùng ngài Phổ Hiền đọc tụng. “*Phật khen lành thay, xoa đầu, y che phủ*”: Không chỉ ngài Phổ Hiền chú nguyện, gia hộ. Khen lành thay là “hạnh Không tòa” thành tựu. Xoa đầu là hạnh “nhà từ bi” thành tựu. Y che phủ là hạnh “áo nhẫn nhục” thành tựu.

### **28.3.2.2. Trần thuật điều thứ tư: Cái nhân thù thắng**

*(Kinh) Như thị chi nhân, bất phục tham trước thế lạc, bất háo ngoại đạo kinh thư, thủ bút, diệc phục bất hỷ thân cận kỳ nhân, cập chư ác giả, nhược đồ nhi, nhược súc trư, dương kê, cẩu, nhược liệt sư, nhược huyễn mại nữ sắc. Thị nhân tâm ý chất trực, hữu chánh ức niệm, hữu phước đức lực. Thị nhân bất vị tam độc sở nã, diệc bất vị tật đố, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn sở nã. Thị nhân thiếu dục, tri túc, năng tu Phổ Hiền chi hạnh.*

**(經)如是之人，不復貪著世樂，不好外道經書，手筆，亦復不喜親近其人，及諸惡者，若屠兒，若畜豬，羊，雞，狗，若獵師，若銜賣女色。是人心意質直，有正憶念，有福德力。是人為三毒所惱，亦不為嫉妬，我慢，邪慢，增上慢所惱。是人少欲，知足，能修普賢之行。**

*(Kinh: Người như thế chẳng còn tham đắm niềm vui thế gian, chẳng chuộng kinh sách và tác phẩm viết lách của ngoại đạo, cũng chẳng ưa thân cận họ và những kẻ ác, như là đồ tể, hoặc kẻ nuôi lợn, dê, gà, chó, hoặc kẻ săn bắn, hoặc kẻ buôn bán nữ sắc. Người ấy tâm ý chất phác, ngay thẳng, nghĩ nhớ chân chánh, có sức phước đức. Người ấy chẳng bị tam độc nã hại, cũng chẳng bị ghen ghét, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn nã hại. Người ấy ít ham muốn, biết đủ, có thể tu hạnh Phổ Hiền).*

### **28.3.3. Trần thuật điều thứ năm: Chỉ bày cái quả gần**

*(Kinh) Phổ Hiền! Nhược Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế, nhược hữu nhân kiến thọ trì, đọc tụng Pháp Hoa kinh giả, ưng tác thị*



*niệm: Thử nhân bất cứu đương nghệ đạo tràng, phá chư ma chúng, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chuyển pháp luân, kích pháp cổ, xuy pháp loa, vũ pháp vũ, đương tọa thiên nhân đại chúng trung sư tử pháp tòa thượng. Phổ Hiền! Nhược u hậu thế thọ trì, độc tụng thị kinh điển giả, thị nhân bất phục tham trước y phục, ngọa cụ, ẩm thực, tư sanh chi vật, sở nguyện bất hư, diệc u hiện thế đắc kỳ phước báo.*

**(經)普賢！若如來滅後，後五百歲，若有人見受持，讀誦法華經者，應作是念：此人不久當詣道場，破諸魔眾，得阿耨多羅三藐三菩提，轉法輪，擊法鼓，吹法螺，雨法雨，當坐天人大眾中師子法座上。普賢！若於後世受持，讀誦，是經典者，是人不復貪著衣服，臥具，飲食，資生之物，所願不虛，亦於現世得其福報。**

*(Kinh: Nay Phổ Hiền! Nếu sau khi Như Lai diệt độ, vào năm trăm năm sau, có ai thấy người thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa, hãy nên nghĩ như thế này: “Người này chẳng lâu sau, sẽ đến đạo tràng, phá các ma chúng, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân, đánh trống pháp, thổi ốc pháp, tuôn mưa pháp, sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử trong đại chúng trời, người”.*

*Này Phổ Hiền! Nếu trong đời sau, ai thọ trì, đọc tụng kinh điển này, người ấy sẽ chẳng còn tham đắm y phục, đồ trải nằm, thức ăn, vật dụng sinh hoạt, sở nguyện chẳng dối, và cũng đạt được phước đức ấy trong đời hiện tại).*

*“Đương nghệ đạo tràng” (Sẽ đến đạo tràng): Ất thành tựu cái quả lâu xa, đâu chỉ là quả gòn [được sanh lên các cõi trời] Đạo Lợi, Đâu Suất! Tuy chẳng tham đắm tứ sự, cũng sẽ đạt được phước báo ấy trong đời hiện tại, đâu phải chỉ mạng chung rồi mới sanh lên trời!*

#### **28.3.4. Trần thuật chuyện thứ nhất: Giải trừ tai nạn bên ngoài**

*(Kinh) Nhược hữu nhân khinh hủy chi ngôn: “Nhữ công nhân nhĩ, không tác thị hạnh, chung vô sở hoạch”. Như thị tội báo,*

*đương thể thể vô nhân. Nhược hữu cúng dường, tán thán chi giả, đương ư kim thể, đắc hiện quả báo. Nhược phục kiến thọ trì thị kinh giả, xuất kỳ quá ác, nhược thật, nhược bất thật, thử nhân hiện thể đắc bạch lại bệnh. Nhược khinh tiếu chi giả, đương thể thể nha xỉ sơ khuyết, xú thân, bình ty, thủ cước liêu lệ, nhân mục giác lão, thân thể xú uế, ác sang nùng huyết, thủy phúc, đoãn khí, chư ác trọng bệnh.*

**(經)若有人輕毀之言：「汝狂人耳，空作是行，終無所獲」。如是罪報，當世世無眼。若有供養，讚歎之者，當於今世，得現果報。若復見受持是經者，出其過惡，若實，若不實，此人現世得白癩病。若輕笑之者，當世世牙齒疎缺，醜唇，平鼻，手腳繚戾，眼目角眦，身體臭穢，惡瘡膿血，水腹，短氣，諸惡重病。**

*(Kinh: Nếu có kẻ khinh miệt, hủy báng, nói như thế này: “Người là kẻ cuồng, uổng công làm chuyện này, trọn chẳng đạt được gì!” Do tội báo như thế, sẽ đời đời không có mắt. Nếu có ai cúng dường, tán thán, sẽ được quả báo hiện tại ngay trong đời này.*

*Nếu lại thấy người thọ trì kinh này, mà nêu ra lỗi lầm, khuyết điểm của người đó, dù thật hay chẳng thật, người ấy trong đời này sẽ mắc bệnh bạch lại<sup>172</sup>. Nếu là kẻ khinh miệt, cười cợt, sẽ đời đời răng lợi thừa thốt, thiếu khuyết, môi xấu, mũi tẹt, chân tay còng quèo, mắt lé lệch lạc, thân thể hôi thối, ghẻ độc mủ máu, bụng phù đầy nước, hụt hơi, các bệnh nặng ngắt nghè).*

Đức Phật dạy cặn kẽ tội hủy báng, khiến cho [người nghe] biết lỗi, ắt sửa, chẳng nã loạn nhau, không chỉ là người trì kinh tai nạn tiêu diệt, mà còn muốn cho kẻ hủy báng được sanh phước. Chẳng hủy báng, chẳng chương nạn, đôi bên an lạc, rộng cứu tế khôn ngần. Lòng từ cùng cực vậy!

### 28.3.5. Tổng kết để khuyên lơn

<sup>172</sup> Bạch lại là một chứng bệnh cùi.

*(Kinh) Thị cố, Phổ Hiền! Nhược kiến thọ trì kinh điển giả, đương khởi viển nghênh, đương như kính Phật.*

**(經)是故，普賢！若見受持是經典者，當起遠迎，當如敬佛」。**

*(Kinh: Vì thế, này Phổ Hiền! Nếu thấy người thọ trì kinh điển này, hãy nên đứng dậy, đón tiếp từ xa, hãy nên như kính Phật).*

Phần thứ ba, “trần thuật để phát khởi” đã xong.

#### **28.4. Lợi ích do phát khởi**

##### **28.4.1. Lợi ích do nghe phẩm này**

*(Kinh) Thuyết thị Phổ Hiền Khuyến Phát phẩm thời, Hàng hà sa đẳng vô lượng vô biên Bồ Tát đắc bách thiên vạn ức Toàn Đà La Ni, tam thiên đại thiên thế giới vi trần đẳng chư Bồ Tát cụ Phổ Hiền đạo.*

**(經)說是普賢勸發品時，恆河沙等無量無邊菩薩得百千萬億旋陀羅尼，三千大千世界微塵等諸菩薩具普賢道。**

*(Kinh: Khi nói phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát này, vô lượng vô biên Bồ Tát nhiều như cát sông Hằng đắc trăm ngàn vạn ức Toàn Đà La Ni. Các vị Bồ Tát nhiều như vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới trọn đủ đạo Phổ Hiền).*

Trăm ngàn vạn ức Toàn Đà La Ni chỉ là pháp giới sai biệt trí mà thôi! “Cụ Phổ Hiền đạo” (Trọn đủ đạo Phổ Hiền) tức là viên mãn Thập Địa, gần với bậc cực thánh.

##### **28.4.2. Lợi ích do nghe kinh này**

*(Kinh) Phật thuyết thị kinh thời, Phổ Hiền đẳng chư Bồ Tát, Xá Lợi Phát đẳng chư Thanh Văn, cập chư thiên, long, nhân, phi nhân đẳng, nhất thiết đại hội, giai đại hoan hỷ, thọ trì Phật ngữ, tác lễ nhi khứ.*

**(經)佛說是經時，普賢等諸菩薩，舍利弗等諸聲聞，及諸天、龍、人、非人等，一切大會，皆大歡喜，受持佛語，作禮而去。**

*(Kinh: Khi đức Phật nói kinh này, các vị Bồ Tát như Phổ Hiền v.v... các vị Thanh Văn như Xá Lợi Phất v.v... và các trời, rồng, nhân, phi nhân v.v... hết thấy đại hội đều hết sức hoan hỷ, thọ trì lời Phật, làm lễ lui ra).*

Ba chuyện hoan hỷ như đã nói trong phần trước. Ở đây vì sao vẫn nói là Thanh Văn? Đó là vì người kết tập kinh vẫn giữ địa vị vốn có của họ. Lại nữa, kinh này nói đến Đại Thừa Thanh Văn, tức là dùng Phật đạo thanh khiến cho hết thấy đều được nghe.

### ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thai Tông Hội Nghĩa hết***



### ***Lời Bạt***

Than ôi! Diệu pháp viên đốn, bao kiếp lâu xa khó gặp gỡ, tôi là kẻ ngu muội, do duyên gì may mắn gặp gỡ? Mỗi lần giờ xem, dường như đã được nghe từ trước, há chẳng phải do sức oai thần của ngài Phổ Hiền, do công thủ hộ của đức Thích Ca ư? Trí Giả đại sư chẳng thể biên soạn thêm, bậc hậu hiền chấp chặt, tranh đấu ào ạt nầy sanh, [khiến cho] pháp môn ‘viên dung, dứt bật đôi đũa’ gần như trở thành tình kiến “đây, kia, đúng, sai!” Tường thành, hào lũy của người hoằng kinh ngày càng cao,

càng sâu. Kẽ ngóng nhìn, nỗi nghi sợ mỗi ngày thêm nẩy! Tai nghe, mắt nhìn, vận tay, đau lòng, chẳng nề hà bản thân kém cỏi, vụng về, đông dài [viết lòi] giới thiệu. Cát bút từ ngày Mồng Năm tháng Mười Một năm Kỷ Sửu, mới viết xong lòi tựa, nằm bệnh mất nửa tháng. Tới ngày Mười Chín, mới có thể miễn cưỡng tiến hành. Sáng tối siêng gắng, tay chẳng ngừng viết, mắt không ngừng đọc, tới ngày Hai Mười Sáu tháng Chạp chỉ hoàn thành ba quyển kinh văn, tính ra được tám quyển Hội Nghĩa, nghỉ ba ngày Tết, tới hôm Nguyên Đán năm Canh Dần, liền thử nhắc bút. Lại phải qua một tháng mới hoàn thành, tính ra Hội Nghĩa gồm mười sáu quyển, vận dụng trọn tâm lực suốt sáu mươi tám ngày. Chao ơi! Từng nghe cổ nhân trong một nén hương, liền có thể tụng rành rẽ một bộ Hoa Nghiêm, nhưng Húc tôi cũng là hạng độn căn, cặm cụi đến mức ấy, cũng đáng chê cười lắm thay! Nhưng nhờ vào lời khuyên như này để tiếp dẫn kẻ sơ học, khiến cho họ dần dần ngộ Thật Tướng của Pháp Hoa, chẳng đến nỗi rớt cuộc gác kiếm, mà cũng chẳng ngó nhìn biển khơi [ngao ngán], thì Thích Ca, Phổ Hiền, và Trí Giả cũng đều soi thấu nỗi khổ tâm của Húc vậy.

Giờ Ty, ngày mồng Một tiết Trọng Xuân năm Canh Dần, gác bút đề lòi bạt.



### ***Phụ lục 1: Pháp Hoa Kinh Hiển Ứng Lục***

*(ghi chép những điều linh ứng hiển nhiên của kinh Pháp Hoa)*

### **法華經顯應錄**

***Tứ Minh Thạch Chi sa-môn Tông Hiếu<sup>173</sup> biên soạn***

---

<sup>173</sup> Tông Hiếu (1151-1214) là một vị cao tăng thời Nam Tống, quê ở Tứ Minh (nay là huyện Ngân, tỉnh Chiết Giang). Sư có pháp tự là Đạt Tiên, hiệu là Thạch Chi. Sư thọ Cụ Túc Giới lúc mười tám tuổi, theo học với các vị Cụ Am Cường và Vân Am Hồng. Sư từng làm trụ trì chùa Thúy La tại Tứ Minh rồi ẩn cư tại Tây Sơn, chuyên

## 四明石芝沙門宗曉編

### I. Pháp Hoa Kinh Hiển Ứng Lục Quyển Thượng

#### 法華經顯應錄卷上

Xưa kia, Vĩnh Minh Trí Giác thiền sư (tổ Vĩnh Minh Diên Thọ) dùng đại biện tài, soạn ra năm bài phú, tức là Hoa Nghiêm Cảm Thông, Kim Cang Chứng Nghiệm, Pháp Hoa Linh Thụy, Quán Âm Hiện Thân (Quán Âm biến hiện thân thông), và Thần Thê An Dưỡng (gợi tâm nơi Cực Lạc), ngõ hầu điểm xuyết thánh giáo, cổ vũ các căn cơ. Có thể nói Ngài có công to lớn đối với pháp vận trong thời Tượng Pháp. Nhưng soạn phú thì đặc biệt chú trọng dùng [phương cách] ca vịnh, tán dương, đối với các sự tích nếu chẳng tìm từ truyện ký, sẽ chẳng thể biết trọn vẹn từ đầu đến cuối được! Vì thế, đối với Hoa Nghiêm bèn có Cảm Ứng Truyện, Kim Cang thì có Ứng Nghiệm Lục, Pháp Hoa thì có Linh Thụy Tập, Quán Âm thì có Cảm Ứng Tập, Tịnh Độ bèn có Vãng Sanh Truyện. Đọc kỹ, xem rộng, sẽ biết sự ứng nghiệm linh dị trong Phật pháp chẳng phải là một vài trường hợp đơn lẻ. Nay Linh Thụy Tập được lưu hành trong cõi đời có hai bản, tức là [một bản] chỉ ghi là Linh Thụy Tập, và [bản kia là] Tục Linh Thụy Tập.

Trong Linh Thụy Tập, ghi chép sáu mươi chuyện, nhưng chẳng ghi tên người sưu tập, biên soạn, chỉ có lời tựa do Dương Hy soạn trong niên hiệu Gia Hựu<sup>174</sup>. Bản này đã có từ lâu, gần đây được khắc in vài lượt; nhưng trong ấy chẳng nêu xuất xứ [của các câu chuyện], mà cũng chẳng phân loại đạo tục. Đối với sự tích của chư Tổ, cũng chẳng ghi chép niên hiệu. Do có các thiếu sót ấy, cho nên chẳng phải là điển tịch mẫu mực.

---

tụng kinh Pháp Hoa. Về sau, Sư trụ tại chùa Diên Khánh, ngoài việc giảng diễn, Sư dốc sức biên soạn Pháp Hoa Kinh Hiển Ứng Lục, Lạc Bang Văn Loại, Minh Lương Sùng Thích Chí, Lạc Bang Di Cảo, Tứ Minh Giáo Hạnh Lục, Tam Giáo Xuất Hưng Tụng Chú, Bảo Vân Chấn Tổ Tập, Kim Quang Minh Chiếu Giải, Thí Thực Thông Lãm, Minh Giáo Biên v.v... Sư từng trích máu chép kinh Pháp Hoa, dùng mực chép các bộ Hoa Nghiêm, Bảo Tích, Bát Nhã, Niết Bàn... Sư từng bỏ tiền đào giếng tại Thành Nam, đặt tên là Pháp Hoa Tuyền, lập đình nghi chân cho khách lữ hành, thí trà nước.

<sup>174</sup> Gia Hựu là niên hiệu thứ chín và là niên hiệu cuối cùng của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) sử dụng từ năm 1056 đến năm 1063.

Tục Linh Thụy Tập do pháp sư Nguyên Dĩnh tại Ngô Hưng biên soạn trong niên hiệu Đại Quán<sup>175</sup> nhằm tiếp nối bản cũ. Sách được chia thành mười khoa, bắt đầu từ ngài Phổ Hiền chứng minh, cuối cùng là Hương Quang tỏ lộ điềm lành. Bản này khá tốt đẹp, đã loại trừ các khuyết điểm trong bản trước, hiềm rằng quê quán [của các nhân vật được nhắc tới trong sách] đã bị mất từ lâu, thường là phần nhiều chẳng được nhắc đến!

Tôi trộm cho rằng bảo điển cùng tột Pháp Hoa quả thật là cội gốc to lớn để thể hiện sự linh hiển của chư Phật, là nguồn cội sâu thẳm để các loài chúng sanh đạt đạo, được bậc á thánh đại sĩ<sup>176</sup> khuyến phát, được các vị thượng thủ của chư thiên hộ trì. Hiện thời, dù hàng xuất gia hay kẻ tại gia, không ai chẳng dốc lòng thành đọc tụng, tâm nghĩ nhớ tột bậc tu tập. Nếu công năng thần diệu, sự tích vĩ đại chẳng được ghi chép trong các sách vở, cõi đời sẽ chẳng được nghe ngôn hạnh của tiên nhân, sao có thể tạo thành đầu mối để khuyến tín cho được? Tông Hiểu lạm dưng vào tặng chúng, chí ưa thích Văn Trì, than thở sâu xa bản cũ chưa toàn vẹn, tục bản lại tàn khuyết. Do vậy, đồ công tìm tòi khắp trong Đại Tạng, các truyện ký của chư tăng trong ba triều, và các nội điển, ngoại thư, [hể tìm được các sự tích linh ứng] dù ẩn hay hiển đều gom góp; cũ, mới cùng xếp bày, hợp thành hai trăm ba mươi chín chuyện. Trước là nêu bày [sự tích của các] bậc cổ thánh, xếp vào đầu sách; kế đó, phân biệt theo bốn thể lệ, tức là cao tăng, cao ni, tín nam, và tín nữ, chia thành hai quyển, đặt tên là Pháp Hoa Hiển Ứng Lục. Đó là vì dựa theo tướng trạng thù thắng do thân khẩu cảm vời trong đời hiện tại [của các vị] thuộc tông Thiên Thai, coi đó là Hiển Cơ Hiển Ứng vậy. Mong sao sách này đều khiến cho người đọc dốc lòng noi Thật Tướng, bàn luận, nghĩ ngợi chân thừa, giữ vững tiết tháo vượt hơn tùng trúc, lòng tinh thành đủ để xuyên thủng đá vàng! Vì thế, lòng thành trần thuật sự ứng nghiệm, khác nào tiếng sáo triệu vời chim phượng hoàng, dùng điều này để biểu tặng cho người đời sau: Một người hiểu sẽ khuyến bảo ngàn vạn người. Không ai chẳng phải là kẻ ở trong tòa nhà hư nát mà hay biết nạn lửa, đào bới [tìm nước] chôn cao nguyên, liền ngự trên cỗ xe cao rộng, thẳng thừng tạo tác cảnh giới rất sâu! Đây chính là điều tôi mong mỏi! Trong các vị được ghi lại, có vị chỉ có sự tích, chẳng có sự cảm ứng [rõ rệt].

---

<sup>175</sup> Đại Quán là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1107 đến năm 1110.

<sup>176</sup> Do các vị Đẳng Giác Bồ Tát đã gần với địa vị Diệu Giác nên gọi là “á thánh”.

Đây lại chính là “hiển cơ minh ứng” (căn cơ hiển nhiên, cảm ứng ngầm ngầm), mong người đọc hãy hiểu cho.

Ngày mồng Một giữa Xuân (tháng Hai) năm Mậu Ngọ (1198) thuộc niên hiệu Khánh Nguyên<sup>177</sup>, Tông Hiếu kính cần đề tựa.

**1. Cổ thánh** (bảy chuyện này đều trích từ kinh Pháp Hoa)

**\* Tháp báu của Phật Đa Bảo do nghe kinh mà từ dưới đất hiện lên**

Trong quá khứ, có vị Phật hiệu là Đa Bảo. Khi vị Phật này hành Bồ Tát đạo, đã phát đại thệ nguyện: “*Nếu ta thành Phật, sau khi diệt độ, các quốc độ trong mười phương, hễ chỗ nào có nói kinh Pháp Hoa, tháp miếu của ta do nghe kinh sẽ vọt lên, hiện ra nơi đó để chứng minh*”. Nay tháp của Đa Bảo Như Lai, do nghe nói kinh Pháp Hoa bèn từ đất vọt ra, khen ngợi: “*Lành thay, lành thay!*” Phật Đa Bảo có nguyện: “*Ai muốn chỉ bày thân ta cho tứ chúng, cần phải nhóm họp phân thân chư Phật của vị Phật ấy. Đã nhóm đủ rồi mới mở tháp được!*” Phật Đa Bảo chia tòa ngồi, Phật Thích Ca cùng ngồi thuyết pháp. Thánh chúa Thế Tôn tuy diệt độ đã lâu, ở trong tháp báu còn vì pháp mà đến, sao mọi người chẳng siêng năng vì pháp?

**\* Phật Thích Ca làm vua cầu kinh chẳng mệt mỏi**

Đức Phật bảo tứ chúng: - Trong quá khứ vô lượng kiếp, ta cầu kinh Pháp Hoa chẳng lười nhác, mệt mỏi. Trong nhiều kiếp, thường làm quốc vương, phát nguyện cầu Vô Thượng Bồ Đề, tâm chẳng thoái chuyển; vì pháp bỏ ngôi vua, giao việc triều chánh cho Thái Tử, đánh trống tuyên lệnh cầu pháp tứ phương: “*Ai có thể vì ta nói Đại Thừa, ta sẽ suốt đời cung cấp, hầu hạ*”. Khi đó, có A Tư tiên đến thưa cùng vua rằng: “*Ta có pháp Đại Thừa tên là kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu chẳng trái nghịch ta, ta sẽ tuyên nói cho nhà vua*”. Vua nghe lời tiên nhân nói, hoan hỷ, hơn hờ, liền theo tiên nhân cung cấp các thứ cần dùng: Hái quả, gánh nước, nhật củi, nấu nướng. Thậm chí dùng thân thể làm giường, tòa [cho tiên nhân dựa, ngồi], thân tâm chẳng mệt mỏi. Khi đó, vua phụng sự trải qua ngàn năm, vì pháp mà siêng năng, chuyên ròng hầu hạ, khiến cho tiên nhân chẳng thiếu thốn. Vị vua khi ấy chính là đức Thích Ca Văn

---

<sup>177</sup> Khánh Nguyên là niên hiệu của Tống Ninh Tông (Triệu Khoách) nhà Nam Tống từ năm 1195 đến năm 1200.



(Thích Ca Mâu Ni Phật). Tiên nhân thuở đó nay là Đê Bà Đạt Đa. [Đức Phật nói]: Do thiện tri thức Đê Bà Đạt Đa khiến cho ta trọn đủ Lục Ba La Mật, thành Đẳng Chánh Giác, rộng độ chúng sanh.

**\* Thường Bất Khinh Bồ Tát lưu thông kinh Pháp Hoa**

Vào thuở xa xưa, trong thời Tượng Pháp của Oai Âm Vương Như Lai, tăng thượng mạn tỳ-kheo có thể lực to lớn. Lúc bấy giờ, có một vị tỳ-kheo tên là Thường Bất Khinh. Vị tỳ-kheo ấy hằng thấy tứ chúng, thấy đều lễ bái, tán thán, nói như thế này: “*Tôi tôn kính quý vị sâu xa, chẳng dám khinh mạn. Các vị hành Bồ Tát đạo, sẽ được thành Phật*”. Vị tỳ-kheo ấy chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ hành lễ bái. Trong tứ chúng, có kẻ sanh lòng sân khuê, tâm bất tịnh, ác khẩu rửa sả: “*Gã vô trí tỳ-kheo này từ đâu đến đây? Chúng ta chẳng cần lời thọ ký hư vọng ấy!*” Mọi người có khi dùng gậy gộc, ngói, đá đánh ném. Vị ấy chạy tránh ra đứng đằng xa, vẫn lớn tiếng xưng rằng: “*Tôi chẳng dám khinh các vị. Các vị sẽ đều thành Phật*”. Do thường nói lời ấy, cho nên bị gọi là Thường Bất Khinh. Vị tỳ-kheo ấy khi lâm chung, nghe từ hư không trọn đủ kinh Pháp Hoa do Oai Âm Vương Phật đã nói trước đó, đều có thể thọ trì, liền được sáu căn thanh tịnh, rộng vì người khác nói kinh Pháp Hoa này. Bất Khinh thuở đó chính là Thích Ca Văn. Nếu trong đời trước ta chẳng thọ trì kinh này, vì người khác giảng nói, sẽ chẳng thể mau chóng đắc Bồ Đề.

Sách Pháp Hoa Văn Cú viết: “*Thích Ca xuất thế, chần chừ chẳng nói. Bất Khinh vừa trông thấy [người khác], bèn lỗ mãng nói, vì lẽ nào? Đáp: [Những kẻ được Thường Bất Khinh nói “chẳng dám khinh”] vốn đã có điều thiện. Phật Thích Ca vì bảo vệ hàng Tiểu Thừa, vì họ chưa có điều thiện [cho nên Ngài chần chừ chẳng nói]. Bất Khinh do thấy họ đã có căn cơ Đại Thừa bèn cưỡng ép*”. Trong bài Uẩn Tế Tụng của ngài Nam Bình Thanh Biện có viết: “*Giương báu chưa dùng, cất hộp ngọc. Thất tinh bóng lạnh, hiện lò mờ. Ân cần nói với người bên cạnh, Long Tuyền trong hộp chớ xem thường*”.

**\* Ngài Hỷ Kiến đốt thân cúng dường kinh mẫu nhiệm**

Trong quá khứ, Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật vì Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát và các Thanh Văn nói kinh Pháp Hoa. Vị Bồ Tát ấy thích tu tập khổ hạnh, nhất tâm cầu Phật đạo, tròn một vạn hai ngàn năm, đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Đã đắc tam-muội

ấy, liền nghĩ rằng: “*Ta đăc tam-muội này đều do sức nghe kinh Pháp Hoa. Ta nay nên cúng dường Phật và kinh Pháp Hoa. Tuy ta đã dùng thần lực để cúng dường, chẳng bằng dùng thân cúng dường*”. Liền đối trước Phật tự đốt thân, quang minh soi trọn khắp các thế giới nhiều như số cát trong tám mươi ức sông Hằng. Chư Phật trong các cõi ấy đồng thời tán thán: “*Lành thay! Lành thay! Là chân tinh tấn, được gọi là pháp cúng dường thật sự*”. Thân ấy cháy trong một ngàn hai trăm năm. Sau khi mạng chung, [Bồ Tát] lại sanh trong cõi của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, trong vương cung của vua Tịnh Đức, bạch với cha rằng: “*Con trước đó đã cúng dường Phật, đạt được Giải Nhất Thiết Chúng Ngữ Ngôn Đà La Ni. Lại nghe kinh Pháp Hoa này*”. Cho đến sau khi đức Phật ấy diệt độ, ngài Hỷ Kiến liền đối trước tám vạn bốn ngàn tháp thờ xá-lợi, đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm suốt bảy vạn hai ngàn năm để cúng dường. Sách Pháp Hoa Văn Cú chú giải: “*Hỷ Kiến nhanh chóng bỏ một thân, lại đốt hai cánh tay, khinh sanh mạng, tôn trọng pháp, mạng mất, đạo còn*”.

**\* *Ngài Diệu Âm từ xa đến nghe kinh Pháp Hoa***

Thích Ca Mâu Ni Phật phóng quang minh từ nhục kế, chiếu trọn khắp các thế giới nhiều như cát trong một trăm lẻ tám vạn ức na-do-tha sông Hằng. Qua khỏi số ấy, có cõi của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật. Cõi đó có Bồ Tát tên là Diệu Âm, đã gieo trồng cội đức từ lâu. Vị Bồ Tát ấy từ cõi của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đến thế giới Sa Bà này, cúng dường Phật Thích Ca, và cũng muốn cúng dường, nghe kinh Pháp Hoa. Khi đó, Diệu Âm Bồ Tát biến mất trong cõi kia, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ Tát tới đây. Lúc ấy, Phật Đa Bảo bảo ngài Diệu Âm rằng: “*Lành thay! Lành thay! Ông có thể vì cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật và nghe kinh Pháp Hoa mà đến nơi đây*”.

**\* *Bốn vị tỳ-kheo tu tập Pháp Hoa thuở trước***

Xưa kia, có bốn vị tỳ-kheo, sanh lòng ân cần, trân trọng tốt bậc đối với kinh Pháp Hoa, nhưng chưa được cam lộ từ giáo pháp bí mật của kinh điển tươi tắn. Do vậy, họ kết bạn vào núi tu hành để cùng mong đăc Phật huệ. Ăn cư lâu ngày, lương thực cạn sạch. Một bữa ăn phải đi vạn dặm, chí xông thấu trời thăm há có thể đạt được ư? Một người bèn nói: “*Bốn người bọn ta nghèo đến nỗi chẳng giữ nổi cái thân, pháp sẽ*

gởi gắm vào đâu? Ba người các anh hãy nên dốc hết tánh mạng phụng sự đạo, một mình tôi sẽ cung cấp các thứ cần dùng cho các anh”. Từ đó, [vị ấy] chống tích trượng nơi xóm làng để tìm cầu các thứ cung cấp, dầu nóng lạnh đáp đối, vẫn cam tâm vui sướng, chẳng bực bội! Vì thế, ba người kia công đức viên thành, lợi ích trong một đời mà thành vô lượng đời. Người kia do nhiều lượt lăn lộn trong nhân gian, nhiều lần gặp thanh sắc, đồ gốm chưa nung khó thể gìn giữ. Ngẫu nhiên thấy bậc vương giả ra vào, xe cộ rộn rịp, tâm sanh động niệm, mền chuộng sự vinh hoa ấy. Do công đức huân tu, theo niệm thọ báo, thường được làm vua trên cõi trời và nhân gian. Phước tuy chẳng thể lường, nhưng vẫn hữu hạn! Ba người đã đắc đạo, tụ lại bàn bạc: “Ta thoát khỏi lòng bầy do công của người này. Ông ta đấm đuổi quả báo, tặng trưởng hữu vi. Từ đây chết đi, sẽ chìm vào hố lửa. May vẫn còn chưa đọa, đúng là lúc hãy nên lập cách giáo hóa”. Một người nói: “Vị vua này chấp dục, lại còn tà kiến. Nếu chẳng dùng ái để lôi móc, sẽ chẳng có cách nào cứu bạt! Một người có thể làm vợ đọa chánh, hai người kia làm con thông minh. Vợ con như thế, ắt vua sẽ thuận theo. Lập cách giáo hóa như thế, ắt vua sẽ cải tà!” Quốc vương khi đó chính là vua Diệu Trang Nghiêm, nay là Hoa Đức Bồ Tát. Người vợ là phu nhân Tịnh Đức, nay là Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát. Hai con khi xưa tức là Tịnh Nhân và Tịnh Tạng, nay là hai vị Bồ Tát Dục Vương và Dục Thượng. Nếu ra cái nhân trước của bốn vị thánh, cho nên phẩm này có tên là Bản Sự. Nói cặn kẽ thì như trong Pháp Hoa Văn Cú. Ngài Nam Bình tụng rằng: *“Tích niên tụ thủ tịch liêu khê, tam bộ thanh vân, nhất đọa nê. Tiểu kỹ lược thi cam chiết giác, đại gia phủ chương nhiếp thiên thê”* (Lược dịch: Năm xưa tụ họp chốn hoang vu, ba người giải thoát, một người mê. Trờ mọn tạm bày thôi đấm đuổi, vỗ tay vượt thoát chốn tam đồ).

**\* *Phổ Hiền Bồ Tát khuyến phát lưu thông***

Lúc bấy giờ, Phổ Hiền Bồ Tát từ phương Đông đến, bạch Phật rằng: *“Con từ cõi nước của Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật, vắng nghe thế giới Sa Bà này nói kinh Pháp Hoa, bèn cùng với các vị đại Bồ Tát cùng đến nghe nhận. Kính xin đức Thế Tôn hãy vì con mà nói: Sau khi đức Như Lai diệt độ, người ta phải làm như thế nào để được kinh Pháp Hoa?”* Đức Phật bảo ngài Phổ Hiền: *“Nếu người đó thành tựu bốn pháp thì sau khi Như Lai diệt độ, sẽ đạt được kinh Pháp Hoa này. Một là được chư Phật hộ niệm, hai là gieo các cội đức, ba là nhập Chánh Định*

Tu, bốn là phát tâm cứu hết thảy chúng sanh. Thành tựu bốn pháp như thế, ắt sẽ đạt được kinh này”. Phổ Hiền bạch Phật rằng: “Trong đời ác trước vào năm trăm năm sau, sẽ có người thọ trì kinh điển này, con sẽ thủ hộ, trừ các suy hoạn cho người ấy. Người ấy dù đi, hay đứng, đọc tụng kinh này, con sẽ liền cười voi trắng sáu ngà, cùng các vị đại Bồ Tát tự hiện thân để cúng dường, thủ hộ, cũng vì cúng dường kinh Pháp Hoa vậy. Nếu người ấy đối với kinh Pháp Hoa quên mất một câu, một kệ, con sẽ dạy cho”.

Sách Pháp Hoa Văn Cú giải thích: “Phật nêu ra bốn pháp thâm tóm trọn vẹn một kinh. Pháp Hoa được trùng diễn, Phật huệ được trùng tuyên. Từ xa đến khuyến phát, có ý nghĩa như thế đó”. Ngài Nam Bình tụng rằng: “Biển Cát tầm thanh đặc đặc lai, cự linh tài tịch tuyệt tiêm ai. Tượng vương hà sự tân di bộ, vị ái Phân Đà mãn thế đài” (Tạm dịch: Theo tiếng, Phổ Hiền đến cõi này. Thần linh tránh né, sạch trần ai. Voi chúa vì đâu dời bước mãi? Do chuộng kinh sen giẫm bậc rêu).

## **2. Cao tăng (gồm một trăm bảy mươi ba người)**

### **\* Tỳ-kheo Ma Ha La tại Thiên Trúc**

Xưa kia, tại nước Thiên Trúc, có một vị tỳ-kheo trụ A Lan Nhã, tên là Ma Ha La, đọc kinh Đại Thừa rất nhiều, đức hạnh hiển hách. Quốc vương chánh tín, từng trải tóc phủ chỗ đất bùn để tỳ-kheo đi qua. Lại có tỳ-kheo đến tâu với vua rằng: “Vị này chẳng đọc nhiều kinh điển, sao bệ hạ lại cúng dường trọng thể?” Vua đáp: “Có một hôm, trăm từng nửa đêm muốn đến gặp vị tỳ-kheo ấy, liền đến chỗ Ngài, thấy Ngài ở trong một cái hang đọc kinh Pháp Hoa. Có một người quang minh sắc vàng ròng, cười voi chúa trắng [ở bên cạnh], chấp tay cúng dường. Trăm vừa mới đến gần, người ấy liền biến mất. Trăm hỏi đại đức: ‘Vì sao trăm đến thì người có quang minh sắc vàng ròng ấy diệt mất?’ Tỳ-kheo bảo: ‘Đây là Biển Cát Bồ Tát. Ngài Biển Cát tự nói: ‘Nếu có ai tụng kinh Pháp Hoa, ta sẽ cười voi trắng đến dạy bảo. Tôi đọc kinh này, ngài Biển Cát tự đến’. Biển Cát chính là Phổ Hiền Bồ Tát trong kinh Pháp Hoa vậy. Trăm nghe xong, lễ dưới chân [vị tỳ-kheo ấy] rồi lui về. Vì thế, trăm nay thường cúng dường” (trích từ Đại Trí Độ Luận).

### **\* Tam Tạng Hộ Pháp sư ở Đôn Hoàng**

Ngài Tam Tạng Đàm Ma La Sát (Dharma-rakṣa), phương này dịch là Pháp Hộ, vốn là người xứ Nhục Chi<sup>178</sup>, tám tuổi là côi tặc. Hề kinh sách nào lướt qua mắt, Sư đều thuộc lòng; mỗi ngày nhớ được một vạn chữ. Sư đi sang phương Tây, trải qua các nước, thông thạo ba mươi sáu loại ngôn ngữ, văn pháp, cách giải thích, âm đọc của chúng. Sư trụ tại Đôn Hoàng đã lâu, người thời ấy gọi Sư là Đôn Hoàng Bồ Tát. Vào thời Vũ Đế nhà Tây Tấn, Sư mang kinh bản tiếng Phạn đến Lạc Dương. Sư còn thông thạo rộng rãi ngữ kinh, sử truyện [của Trung Hoa]. Trong niên hiệu Vĩnh Khang<sup>179</sup>, Sư trụ trong ngôi chùa lớn ở ngoài cửa Thanh Môn của Trường An, dịch bộ Chánh Pháp Hoa Kinh gồm mười quyển, lại còn vì tứ chúng diễn giảng. Sư còn dịch các kinh khác, tổng cộng một trăm năm mươi bốn bộ, đều được sắc truyền lưu thông. Thuở đó, Sư ẩn cư trong núi sâu, trong núi có con suối trong vắt, có thể dùng để tắm rửa. Một hôm, do có tiêu phu nhuộm bản, suối bỗng khô cạn. Ngài Pháp Hộ than rằng: “Người vô đức đến nỗi suối trong ngưng chảy. Đã thiếu thứ cần dùng, ta nên rời đi”. Nói xong, nước suối trong vắt lại trào lên. Chi Độn<sup>180</sup> tán thán: “*Hộ công chứng Tịch, đạo đức uyên mỹ, vi ngâm khung cốc, khô tuyền sáu thủy. Mạc dĩ Hộ Công, thiên đĩnh hoàng ý, trạc túc lưu sa, khuyh bạt huyền trí*” (Hộ công chứng tịch diệt, đạo đức thật sâu màu, khe than chón hang thắm, suối khô bỗng nước trào, ngài Pháp Hộ

---

<sup>178</sup> Nhục Chi, còn đọc là Nguyệt Thị là một sắc dân sống trên vùng thảo nguyên thuộc địa phận tỉnh Cam Túc của Trung Hoa hiện thời vào thế kỷ thứ nhất. Sau khi bị người Hung Nô đánh bại, họ tách thành hai nhóm:

- Đại Nhục Chi di cư tới vùng thung lũng Ili (phía Bắc Thiên Sơn, thuộc biên giới giữa Kazakhstan và Trung Hoa). Sau đó, họ bị người Ô Tôn (Wusun) đánh đuổi, phải di cư đến Khang Cư (Sogdia), cuối cùng đến lãnh thổ Đại Hạ (Bactria). Trong thế kỷ thứ nhất, một bộ tộc của Đại Nhục Chi là Quý Sương (Kushana) trở thành hùng mạnh nhất, lập nên vương triều Quý Sương có lãnh thổ chiếm trọn vùng trũng Tarim và vùng đồng bằng giữa sông Pataliputra và sông Hằng. Vương triều này đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo vào Trung Hoa. Một vài bộ lạc của họ đã di cư đến tận vùng biên giới giữa Tajikistan và Uzbekistan hiện thời.

- Tiểu Nhục Chi di cư về phương Nam đến giáp vùng biên giới Tây Tạng. Một nhóm nhỏ của nhánh này hòa nhập vào tộc người Yết ở Sơn Tây (người Yết sau này lập ra nhà Hậu Triệu).

<sup>179</sup> Vĩnh Khang là niên hiệu của Tấn Huệ Đế (Tư Mã Trung) từ năm 300 đến năm 301.

<sup>180</sup> Chi Độn, tức ngài Chi Đạo Lâm (314-366). Sư vốn họ Quan, tên là Độn, quê ở Trần Lưu tỉnh Hà Nam, nhưng theo gia đình xuống Giang Nam từ bé. Do Sư theo học đạo với một vị tăng xứ Nhục Chi, bèn đổi họ là Chi, pháp hiệu là Đạo Lâm.

cao thẳm, bầm tánh đẹp tốt vời, rửa chân chồn lưu sa, nắm vững lẽ huyền diệu) (theo Lương Cao Tăng Truyện).

**\* Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập thời Diệu Tần**

Pháp sư Cưu Ma La Thập, Hán dịch là Đồng Thọ, người xứ Quy Tư. Bảy tuổi xuất gia, mỗi ngày tụng một ngàn bài kệ. Mẹ Ngài từng dẫn con sang nước Nhục Chi, gặp một vị La Hán bảo: “Sa Di này tới năm ba mươi lăm tuổi, nếu chẳng phá giới, sẽ tuyên dương Phật giáo rộng lớn, độ vô số người. Nếu giới chẳng toàn vẹn, sẽ chỉ là một vị pháp sư tài năng, sáng suốt mà thôi!” Mẹ suy nghĩ lời ấy, một hôm bảo con: “Đôi với giáo pháp sâu thẳm như Phương Đăng, phải nên dốc một tấm lòng son xiền dương rộng lớn. Chỉ có điều tận lực làm như thế thì chẳng có ích cho bản thân con”. Ngài La Thập đáp: “Đạo của bậc đại sĩ là vong thân hòng lợi lạc người khác. Nếu khiến cho đại pháp lưu truyền, sẽ có thể gột rửa cõi tục mông muội. Dầu thân con trong lò than, vạc dầu, cũng chẳng hối hận!” Khi đó, Phù Kiên chiếm đóng Quan Trung<sup>181</sup>. Quan Thái Sử tâu rằng: “Có đức tinh xuất hiện trong phạm dã<sup>182</sup> của ngoại

---

<sup>181</sup> Quan Trung (關中) là vùng đồng bằng nằm ở trung bộ tỉnh Thiểm Tây, ở dưới chân núi Tần Lĩnh. Vùng này thời cổ đất đai trù phú, là một trung tâm kinh tế quan trọng từ đời Tần đến đời Đường. Vì để vào vùng này trong thời Chiến Quốc, phải đi qua bốn cửa ải, tức Đại Tán Quan ở phía Tây, Hàm Cốc Quan ở phía Đông, Vũ Quan ở phía Nam, và Tiêu Quan ở phía Bắc, nên gọi là Quan Trung (ở trong các cửa ải). Kinh đô Trường An (thành phố Tây An hiện thời) chính là kinh đô của nhiều triều đại (Tây Châu, Tần, Tây Hán, Tân, Tây Tấn, Tiền Tần, Hậu Tần, Tây Ngụy, Bắc Châu, Tùy, Đường).

<sup>182</sup> “Phạm dã” (分野) là một khái niệm quan trọng trong thiên văn học cổ của người Hán. Họ chia các ngôi sao trên bầu trời (thật ra, họ chỉ quan tâm hai mươi tám chòm sao, tức Nhị Thập Bát Tú) thành từng khu vực tương ứng với châu quốc của Trung Hoa. Họ căn cứ vào đường dịch chuyển của Tuế Tinh (Mộc Tinh) trong suốt một năm (đường di chuyển ấy được gọi là “hoàng đạo”), mà chia hoàng đạo thành mười hai cung hoàng đạo (còn gọi là Thập Nhị Thứ), tức Tinh Kỷ, Huyền Hiêu, Tu Tứ, Giáng Lâu, Đại Lương, Thật Thâm, Thuần Thủ, Thuần Hỏa, Thuần Vĩ, Thọ Tinh, Đại Hỏa, và Tích Mộc. Chẳng hạn Tinh Kỷ ứng với hai chòm sao Đẩu, Ngu (tương với chòm sao Ma Yết (Scorpion, bò cạp) trong tử vi phương Tây) và khu vực Ngô, Dương Châu của Trung Hoa. Khi nào có sao “lạ” (tức các ngôi sao chưa biết đến trước đó, hoặc các ngôi sao không thuộc một phạm dã nào đó), hoặc các lưu tinh bỗng di chuyển vào một phạm dã khác, quan Thái Sử hoặc vị đứng đầu Khâm Thiên Giám sẽ bói toán để xem điềm cát hung, hoặc tiên đoán vùng đất đó có loạn lạc hay điềm bất tường nào hay không.

quốc, sẽ có bậc đại trí vào phù tá Trung Hoa”. Phù Kiên nói: “Trẫm nghe Tây Vực có sư La Thập, chẳng phải là người đó hay sao?” Vua liền sai Lữ Quang dẫn binh chinh phạt Quy Tư. Lữ Quang đã bắt được ngài La Thập, về tới Lương Châu, nghe Phù Kiên đã bị Diêu Trình làm hại, bèn chiếm đóng vùng Quan Ngoại<sup>183</sup>, tiến xưng quốc hiệu là Hậu Lương.

Diêu Trình chết, con là Diêu Hưng kế vị. Trong sân châu, bỗng mọc cây có cành nhánh giao kết với nhau. Hành trong vườn Tiêu Dao đều biến thành cỏ Xi<sup>184</sup>. Vua cho đó là điềm lành, bèn chinh phạt Lữ Long<sup>185</sup>, đón Sư vào Trường An, dùng lễ quốc sư để đối đãi. Diêu Hưng suất lãnh các sa-môn nghe ngài La Thập giảng kinh trong vườn Tiêu Dao. Biện tài của ngài La Thập vang khắp Hoa Hạ. Sư thấy các bản dịch cũ sai lệch so với bản tiếng Phạn, bèn vào năm Hoằng Thi thứ tám (406), ở chùa Thảo Đường, cùng với hơn tám trăm người như Tăng Triệu v.v... khảo đính các bản dịch kinh trước đó. Sư dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa thành một bộ bảy quyển.

Diêu Hưng nói: “Pháp sư thông minh, giác ngộ siêu quần, thiên hạ không hai, sao có thể để Ngài không có người nối dõi cho được!” Do vậy, đem mười kỹ nữ ép Sư nhận lấy. Từ đó, người tịnh hạnh thẹn nghe nói đến chuyện ấy. Sư tới giảng thuyết, ắt đều bảo trước: *“Vĩ như bần thối sanh ra hoa sen, chỉ quan tâm hoa sen, đừng nhìn vào bần thối!”* Về sau, Sư bỗng ngã bệnh, liền bảo đại chúng: *“Do pháp mà gặp gỡ, vẫn chưa trọn hết tâm lòng, không thể nhờ vào đâu để đáp tạ. Mong cho các kinh đã dịch như Pháp Hoa v.v... đều cùng được truyền bá. Nếu tôi dịch chẳng sai lầm, nguyện sau khi thiêu thân, lưỡi chẳng cháy nát!”* Nói xong, Sư qua đời. Đến khi xà-duy (Jhāpeti, trà-tỳ, hỏa thiêu), quả nhiên lưỡi chẳng cháy tan. Xem chi tiết cận kề trong Lương Tăng

---

<sup>183</sup> Đồi Tần - Hán, do kinh đô đặt tại Trường An thuộc tỉnh Thiểm Tây, cho nên vùng đất ở ngoài ải Hàm Cốc thì gọi là Quan Ngoại (關外). Từ đồi Đường trở đi, vùng đất ngoài ải Nhạn Môn Quan thì gọi là Quan Ngoại. Lữ Quang chiếm đóng vùng đất ở phía Tây tỉnh Thiểm Tây và Cam Túc.

<sup>184</sup> Cỏ Xi (葑) theo sách cổ là một loại cỏ thơm. Hiện thời, các nhà nghiên cứu cho rằng đây là tên gọi khác của loài dược thảo Bạch Chi (白芷), rễ được dùng làm thuốc, có tác dụng chữa phong thấp, trừ mù, giải cảm v.v...

<sup>185</sup> Lữ Long là con trai của Lữ Bảo (em trai Lữ Quang). Khi đó, Lữ Quang chết, em trai của Lữ Long là Lữ Siêu không phục Lữ Toàn (con trai của Lữ Quang), dấy loạn giết chết Lữ Toàn, ủng hộ Lữ Long lên ngôi vua nhà Hậu Lương. Lữ Long làm vua chưa đầy hai năm thì bị Diêu Hưng nhà Diêu Tần công phạt, nhà Hậu Lương diệt vong.

Truyện (Lương Cao Tăng Truyện) và Tấn Thư<sup>186</sup>. Trong Nam Sơn Cảm Thông Truyện<sup>187</sup>, Vi Đà Thiên đã nói: “Ngài La Thập thông minh, khéo hiểu Đại Thừa. Kể từ thời bảy đức Phật, Sư đã truyền bá, dịch thuật, đạt được những điều pháp vương gửi gắm! Thế tục phê phán Sư khuyết giới, chẳng cần bàn tới! Ngài La Thập thuộc địa vị Tam Hiền, há có phải là kẻ lơ mơ ư?”

**\* Pháp sư Huệ Duệ ở Trường An**

Thích Huệ Duệ là người Ký Châu, giữ khí tiết thanh cao, nghiêm túc. Sư tham học khắp nơi, đi tới tận địa giới của Nam Thiên Trúc. Đối với các sách vở ở chốn khác, không gì chẳng hiểu rõ. Chúa nhà Tấn là Diêu Hưng vời Sư vào gặp, trông thấy phong thái, ngôn từ của Sư, vua hết sức tán thưởng, gọi Ngài là Tứ Hải Tiêu Lãnh (người cầm đầu tiêu biểu trong bốn biển). Xưa kia, ngài Pháp Hộ dịch kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Thọ Quyết có câu: “*Thiên kiến nhân, nhân kiến thiên*” (Người thấy trời, trời thấy người). Ngài La Thập dịch kinh Pháp Hoa, đến chỗ đó, bèn nói: “Lời này tương đồng cách nói tại Tây Vực, nhưng lời lẽ quá thô ráp!” Huệ Duệ nói: “Há chẳng phải là trời người giao tiếp đôi bên trông thấy nhau ư?” La Thập vui mừng nói: “Thật vậy!” Sư lãnh ngộ cao vời đường ấy. Kinh phiên dịch vừa xong, [ngài La Thập] bèn sai Huệ Duệ giảng giải. Huệ Duệ bèn châm chước những điều u huyền, chia thành “*cửu triệt*” (九轍, chín khuôn phép, đường lối):

- Một, hôn thánh tương khẩu triệt (phàm thánh gặp gỡ), tức phẩm Tự.
- Hai, thiệp giáo quy Chân triệt (gom các giáo về lẽ chân), là bậc thượng căn (tức phẩm Phương Tiện).

---

<sup>186</sup> Tấn Thư là bộ sử chép về lịch sử nhà Tấn từ thời Tư Mã Ý cho đến năm Nguyên Hy thứ hai (420) đời Tấn Cung Đế, Lưu Dụ phế Tấn Đế, lập ra nhà Lưu Tống. Bộ sử này do hai mươi một người cầm đầu bởi Phòng Huyền Linh, vâng lệnh Đường Thái Tông biên soạn cho đến năm Trinh Quán 22 (648) mới hoàn thành, gồm 130 quyển.

<sup>187</sup> Bộ sách này có tên gọi là Đạo Tuyên Luật Sư Cảm Thiên Thị Truyện (truyện ngài Đạo Tuyên luật sư cảm vị trời hầu hạ), hoặc còn gọi là Luật Tướng Cảm Thông Truyện. Trong ấy có chép nhiều cuộc vấn đáp giữa ngài Đạo Tuyên (tổ Nam Sơn Luật Tông) và vị trời ấy về các sự tướng trong Luật Tông.



## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

- Ba, hưng loại tiêm hình triệt (nêu bày sự thật, vì chúng sanh chấp trước mà phải thị hiện quyền pháp hòng dẫn về Nhất Thừa), tức người trung căn.

- Bốn, thuật kim thông tích triệt (trần thuật chuyện hiện tại, phơi bày Bốn nơi Tích), trung căn lãnh ngộ.

- Năm, chương nhân tấn ngộ triệt (nêu bày cái nhân để kẻ hạ căn được lãnh ngộ), tức là kẻ hạ căn (tiêu biểu là phẩm Hóa Thành).

- Sáu, tán dương hạnh lý triệt, tức phẩm Pháp Sư.

- Bảy, Bốn Tích vô sanh triệt, Đa Bảo bất diệt là Bốn, Thích Ca bất sanh là Tích. Bốn và Tích tuy khác, nhưng đều chẳng thể nghĩ bàn như nhau.

- Tám, cử nhân trung quả triệt (nêu ra cái nhân, gạn hỏi cái quả), tức các phẩm Dũng Xuất và Thọ Lượng.

- Chín, xưng dương viển tế triệt (khen ngợi công đức, lực dụng cùng cực của kinh), tức là từ phẩm Tùy Hỷ cho đến hết phần Lưu Thông.

Ngài Huệ Duệ lại viết lời tựa cho kinh này, xem [lời tựa ấy] trong Đại Tạng. [Lại chỉ rõ] kinh lại có hai mươi tám phẩm sanh khởi (tức là duyên khởi vì sao có hai mươi tám phẩm theo thứ tự). Ngài Kinh Khê khen ngợi [lập luận của ngài Huệ Duệ] hết sức có thứ lớp phân minh. Sư thường hồi hướng, tán dương lợi ích tốt lành [của kinh Pháp Hoa] để nguyện sanh về Tây Phương. Ngày lâm chung, Sư tắm rửa, thay áo, đốt hương, lễ bái, ngời chấp tay, hướng về Tây. Khi Sư mất, [đại chúng] thấy mây thơm năm màu từ trong phòng thoát ra. Cối đời xưng tụng “*Thập Môn tứ thánh*” (Bốn vị thánh nhân môn đồ của ngài La Thập) là Sanh, Triệu, Dung, Duệ. Sư là một trong bốn vị ấy (xem *Lương Cao Tăng Truyện*, “*cửu triệt*” trích từ quyển thứ tám của *Pháp Hoa Văn Cú*).

### **\* *Pháp sư Đạo Sanh ở Hồ Khâu***

Sư húy là Đạo Sanh, lấy họ theo thầy là Trúc<sup>188</sup>. Sư quanh năm đốc chí học tập, lời lẽ trong sáng, mới mẻ, mọi người đều nể phục. Sư

---

<sup>188</sup> Ngài Đạo Sanh họ Ngụy, quê ở Cự Lộc, do nương theo ngài Trúc Pháp Thái xuất gia, nên đổi họ là Trúc. Sau này theo Huệ Duệ, Huệ Nghiêm sang Trường An, mới trở thành đồ chúng của pháp sư La Thập. Sư trước tác Nhị Đề Luận, Phật Tánh Thường Hữu Luận, Pháp Thân Vô Sắc Luận, Phật Vô Sanh Tịnh Độ Luận v.v... có những ý nghĩa độc đáo vượt trước thời đại, nên bị kẻ thù cự chấp chặt văn tự phê phán nặng nề. Nhất là khi Sư đọc bản Nê Hoàn Kinh sáu quyển, liền đề xướng “*Xiển*

thường cho rằng: “Điều trọng yếu để nhập đạo là phải dùng huệ giải làm gốc”. Vì thế, Sư dùi mài nơi các kinh, chẳng nề hà nhọc nhằn, khổ sở, liền đến Quan Trung theo học với ngài La Thập. Do biện luận, vấn đáp cao vòi, Sư thường được xưng tụng là bậc “*thần ngộ*”. Về sau, Sư ẩn giấu tung tích tại chùa Hồ Khâu, đá nơi giảng đài hãy còn.

Có một thuở, Sư ở Bán Đường tụng kinh Pháp Hoa, bỗng có một con trỉ thường đến nghe kinh. Một hôm, chẳng thấy nó, Sư nghĩ tới nó, đêm mộng thấy nó nói: “Con do nghe kinh mà được thay đổi quả báo, nay làm con ở nhà nọ. Đợi sau mấy năm nữa, con sẽ đến phụng sự”. Tới khi Sư dò hỏi, quả đúng là như thế. Đến khi [đứa bé ấy] xuất gia, nào ngờ chưa trưởng thành mà đã mạng chung. Do vậy, Sư đem chôn trong rừng. Một tối, chợt có quang minh chiếu sáng vùng Đường Ô, người trong làng kinh ngạc. Đào lên xem thì thấy cái lưới [của đứa bé ấy] sanh hoa sen xanh. Do đó, dựng tháp, sau này biến thành chùa, tức là chùa Bán Đường hiện thời.

Sư từng lập thuyết: “*Chớ nên thọ báo do hành thiện, hãy đón ngộ thành Phật*”, nhưng kẻ chấp trước văn tự, thủ cựu cho đó là tà thuyết. Sư đối trước đại chúng phát thệ: “*Nếu thuyết do tôi đã lập chẳng trái nghịch kinh, lúc xả mạng sẽ ngồi trên tòa sư tử*”. Về sau, kinh Đại Niết Bàn được dịch ra, quả nhiên phù hợp với các điều Sư đã nói. Sư liền thăng tòa, giảng diễn, người nghe đều giải ngộ, vui sướng. Tiệc pháp sắp hoàn tất, bỗng đuôi của chiếc phát trần [Sư đang cầm nơi tay] lả tả rụng xuống. Sư về mặt đoan nghiêm qua đời, dường như đang nhập Định. Người thời ấy nói: “*Sanh Duệ phát thiên chân*” (Đạo Sanh và Huệ Duệ giác ngộ chân tánh). Vì thế biết Ngài là bậc lỗi lạc (*sự tích chùa Bán Đường trích từ Tục Linh Thụy Tập, các chuyện khác trích từ Lương Cao Tăng Truyện*).

### **\* Đại thiên sư Nam Nhạc Huệ Tư**

Sư húy Huệ Tư, sanh trong nhà họ Lý ở Vũ Tân. Thuở bé, Sư mộng thấy vị Phạm tăng khuyển xuất gia, liền nhập đạo. Sư lập chí mỗi ngày chỉ ăn một bữa, chẳng nhận cúng dường riêng. Suốt mười năm, Sư chuyên tụng Pháp Hoa, bảy năm thường hành Phương Đẳng, suốt chín

---

*Đề cũng có thể thành Phật*” liền bị quy kết là tà ngụy, phản giáo. Sư phải nấu mình tại Hồ Khâu. Sư giảng kinh cho đá nghe, hỏi: “Nêu tôi giảng kinh đúng ý Phật, đá hãy gặt đầu”. Quả nhiên đá gặt đầu. Mãi cho đến khi kinh Niết Bàn được dịch đủ, mọi người mới khâm phục kiến giải lỗi lạc của Sư.

mươi ngày thường ngồi tu Nhất Hạnh tam-muội. Do công phu tinh tấn ấy, Sư thấy thấu triệt sự tích hành đạo suốt ba đời. Tiếp đó, Sư đến chỗ thiền sư Huệ Văn nhà Bắc Tề<sup>189</sup> để theo học Thiền pháp. Sư nhiếp tâm suốt thời gian kết hạ. Cho đến khi an cư mùa Hạ đã hết, tuổi Hạ được tăng thêm, Sư bùi ngùi chẳng chứng được gì! Sư thả lỏng thân, dựa vào vách, trong khoảnh khắc lưng chưa kịp tựa vào vách, đã rỗng rang khai ngộ Pháp Hoa tam-muội và các pháp môn Đại Tiểu Thừa khác.

Về sau, Sư trụ tại núi Đại Tô ở Quang Châu. Tăng tục làm phước, quyên góp cho Sư chép kinh Bát Nhã và kinh Pháp Hoa bằng chữ vàng. Đại chúng thỉnh Sư giảng hai kinh, Sư liền diễn thuật, không gì chẳng sâu thẳm. Sau đó, Sư tới Nam Nhạc, thấy rừng suối thanh tịnh, bèn nói: “Đây là chỗ nền của chùa cũ”. [Đại chúng] vâng lời đào lên, quả nhiên thu được các vật dụng và nền cũ của điện đường. Sư lại tới dưới gộp đá, bảo: “Đời trước, tôi đã tọa Thiền tại đây, bị giặc chém đầu, do đó mạng chung, cho nên mới có đời này”. Mọi người cùng tìm kiếm, bèn tìm được đầu lâu. Sư tìm được, bèn đội lên đầu. Vì thế, dựng tháp để báo ơn trước. Trần Tuyên Đế<sup>190</sup> hạ chiếu vời Sư trụ tại chùa Thê Huyền, tăng tục đều kính ngưỡng.

Sư từng đến chùa Ngõa Quan, gặp mưa mà chẳng ướt, đi trên bùn chẳng bị nhuộm bẩn. Hoặc hiện thân lớn nhỏ, hoặc lặn lẽ ẩn thân. Bình đựng nước thường đầy ắp, dường như có đồng tử cõi trời hầu hạ. Nếu có người hỏi địa vị của Sư, đáp: “Tôi thuộc địa vị Thập Tín”. Ngày lâm chung, Sư nhóm họp môn đồ đông đảo để thuyết pháp, người nghe lạnh lòng. Sư bèn nói: “*Nếu có mười người chẳng tiếc thân mạng, thường tu Pháp Hoa hoặc Ban Châu tam-muội, tôi sẽ tận lực cung cấp. Nếu chẳng có người như vậy, tôi liền đi ngay*”. Chuyện khổ hạnh khó khăn, chẳng có ai đáp lời! Do vậy, Sư liền thâm liễm ý niệm, xưng rằng: “*Thánh chúng đến đón*”, ung dung mạng chung, cảm vời mùi hương lạ đầy nhà, xa gần đều ngửi thấy. Sư thọ sáu mươi bốn tuổi, tức là năm Đại Kiến thứ

---

<sup>189</sup> Bắc Tề (Cao Tề, Hậu Tề) là một triều đại do người Tiên Ty sáng lập vào thời Nam Bắc Triều, tồn tại từ năm 550 tới năm 577, do Văn Tuyên Đế (Cao Dương) vốn là quyền thần nhà Đông Ngụy soán ngôi nhà Đông Ngụy lập ra. Kinh đô là Nghiệp Thành (nay là huyện Lâm Chương, tỉnh Hà Bắc). Nhà Bắc Tề truyền được sáu đời rồi bị Bắc Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) diệt quốc.

<sup>190</sup> Trần Tuyên Đế (530-582) tên thật là Trần Húc, là hoàng đế thứ tư của nhà Trần thuộc Nam Triều thời Nam Bắc Triều. Ông được coi là một vị vua có tài năng và siêng năng coi sóc việc nước.

chín (576) nhà Trần. Từ thuở có Phật pháp đến nay, phần nhiều [tăng sĩ] chú trọng nghĩa môn (giải thích, phô diễn giáo nghĩa), chỉ riêng Sư cùng hoàng dương Định Huệ. Sư thốt lời sâu tột, Thiên Tông Nam Bắc chẳng ai không tuân phụng. Ngài từng được Phổ Hiền Bồ Tát xoa đỉnh đầu, khiến [đầu Sư] bỗng mọc nhục kế, người khác trông thấy đều cho là hiếm có. Sư hành đại từ bi, vâng giữ giới Bồ Tát, chẳng dùng hay mặc các thứ làm bằng da, hoặc lụa là, chỉ khoác áo chàm vá bằng vải thô, xông xáo gió sương. Những điều Sư trước thuật, hoặc truyền dạy đều được chép thành sách, nhưng do lâu ngày, các văn từ của Sư đã bị thất lạc chẳng còn, chỉ còn Pháp Hoa An Lạc Hạnh Nghĩa và Phát Nguyên Văn lưu hành trong cõi đời (*trích từ Đường Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Trí Giả đại sư ở núi Thiên Thai**

Ngài Trí Khải<sup>191</sup> là quốc sư hai triều Trần và Tùy, quê ở Dĩnh Xuyên. [Dòng họ] nhiều đời sống tại huyện Hoa Dung thuộc Kinh Châu. Sư là con thứ hai của quan Thường Thị<sup>192</sup> Trần Khởi Tổ, mẹ họ Từ, mộng thấy mây thom sáng ngời soi vào bụng, bèn mang thai Sư. Tới khi sanh nở, trong nhà hiện thần quang. Sư mỗi mắt có hai tròng như vua Thuấn, lông mày có tám sắc như vua Nghiêu. Bảy tuổi Sư đến chùa, tăng dạy truyền khẩu phẩm Phổ Môn một lượt bèn thông suốt. Mười lăm tuổi, Sư bèn đối trước tượng ở Trường Sa phát thệ, nguyện làm sa-môn gánh vác chánh pháp. Mười tám tuổi, xuất gia tại chùa Quả Nguyên ở Tương Châu. Hai mươi tuổi, xuống tóc, thọ Cụ Túc, liền đến núi Đại Hiền, tụng kinh Pháp Hoa, kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh Phổ Hiền Quán suốt hai mươi ngày. Tụng xong ba bộ kinh ấy, Sư miệng tụng lời vàng, tay viết kinh, vẽ tượng, tâm thần sáng khoải, linh lợi, lại còn vui hưởng Thiền duyệt.

Sau đó, Sư lại đến núi Đại Tô lễ đại thiên sư Huệ Tư. Ngài Huệ Tư trông thấy, than rằng: “Xưa kia cùng nghe kinh Pháp Hoa tại Linh Sơn, túc duyên theo đuổi, nay lại gặp gỡ”. Do vậy, truyền dạy Tứ An Lạc Hạnh thuộc Phổ Hiền đạo tràng. Sư ngày đêm cần mẫn hết mực,

---

<sup>191</sup> Đúng ra, tên Ngài phải đọc là Trí Nghĩ (智顛), nhưng từ trước đến nay sách vở quen ghi tên ngài là Trí Khải (có lẽ do lầm lẫn giữa chữ Khải (覲) và Nghĩ - 顛), cho nên chúng tôi vẫn tuân theo cách đọc này.

<sup>192</sup> Trần Khởi Tổ từng giữ chức Sứ Trì Tiết Tán Kỵ Thường Thị, nên thường gọi là quan Thường Thị.

đúng như lời dạy mà mở mang tâm trí. Trải qua mười bốn ngày, Sư tụng kinh Pháp Hoa đến chỗ ngài Dược Vương xá thân được chư Phật cùng khen ngợi: “*Thị chân tinh tấn, thị chân pháp cúng dường Như Lai*” (Đây là tinh tấn thật sự, là pháp cúng dường Như Lai chân thật). Tụng đến đó, tâm bám chặt nơi khổ hạnh, rỗng rang nhập Định, thấu hiểu Pháp Hoa dường như ánh sáng chiếu từ nơi cao thấu đến hang thẳm, liễu đạt các pháp tướng, dường như gió mát thổi qua thái hư. Ngài Huệ Tư ẩn khả: “*Chẳng phải là ông chẳng chứng, chẳng phải là tôi không biết. Ông nhập Định chính là tiền phương tiện của Pháp Hoa tam-muội. Tổng trì mà ông đã phát chính là Toàn Đà La Ni. Hạng pháp sư chấp trước văn tự dẫu ngàn người vạn kẻ, đều chẳng thể thấu hiểu cùng tột biện tài của ông được. Tôi hâm mộ Nam Nhạc đã lâu, hận pháp chẳng có người giao phó. Ông có thể truyền đăng hóa độ chúng sanh, đừng là kẻ cuối cùng đoạn diệt Phật chúng!*”

Sư tuân phụng lời giáo huấn nghiêm cẩn ấy, bèn chân tích<sup>193</sup> ở Kim Lăng, trụ tại chùa Ngõa Quan, bắt đầu mở ra Pháp Hoa Huyền Nghĩa. Từ đây, diễn giảng suốt tám năm. Sau đó, đồ chúng đông dần, nhưng người đắc đạo ít ỏi. Sư bèn lánh đời, giữ lấy sự huyền nhiệm, ẩn cư tại núi Thiên Thai. Thoạt đầu, Sư nấu mình nơi Ngân Địa, có lúc đi kinh hành trên ngọn Đông Nam, hoặc ở trong phương trượng tụng kinh Pháp Hoa, nhập tam-muội. Lũ ma và ác quỷ tranh nhau đến nhiễu hại, Sư trụ trong Thiên Định, trọn chẳng cảm thấy sự biến hiện quái lạ của các thần. Có lúc nọ, Sư giảng tụng Pháp Hoa, cảm đức Phổ Hiền cười voi trắng giáng xuống trước mặt. Sư thuyết pháp, dùng “*ngũ thời, bát giáo*” để phân thích các kinh trong suốt một đời giáo hóa của đức Phật, không gì chẳng cùng tận. Giáo nghĩa Thiên Thai thật sự do Sư khởi xướng.

Không lâu sau, Sư vâng chiếu trở ra Kim Lăng, giảng đại luận tại Đại Cực Điện, giảng kinh Nhân Vương tại chùa Quang Trạch. Vua nhà Trần lễ Sư ba lạy tỏ lòng tôn kính. Tới khi nhà Tùy thôn tính nhà Trần, Sư bèn ẩn cư tại Lư Sơn. Trong niên hiệu Khai Hoàng<sup>194</sup>, Dượng Đế cư

---

<sup>193</sup> Theo cổ chế, tăng sĩ đi khát thực hoặc du hóa cầm theo tích trượng, gọi là “*chấn tích*”. Do vậy, “*chấn tích*” ở đây có nghĩa là Sư dời sang hành đạo tại Kim Lăng (Nam Kinh).

<sup>194</sup> Khai Hoàng là niên hiệu của Tùy Văn Đế (Dương Kiên) từ năm 581 đến năm 600, lúc này Tùy Dượng Đế (Dương Quảng) còn đang là hoàng tử, với tước hiệu là Tấn Vương. Do Dương Quảng còn là phiên vương (chư hầu làm phen dậu của hoàng đế), cho nên nói là “*cư phiên*”.

phiên, thỉnh Sư làm vị thầy truyền Bồ Tát Giới, ban cho Sư hiệu là Trí Giả. Sau đó, Sư dưỡng già tại Thiên Thai.

Một đêm, Sư bỗng mộng thấy gió to thổi sập bảo tháp. Khi đó, chiếu thư liên tiếp vờn Sư đến chứng minh tượng tại Thạch Thành. Sư bèn cáo bệnh, rồi dặn bảo các đệ tử xướng kinh Pháp Hoa. Sư tự tán thán rằng: “*Pháp môn như cha mẹ, huệ giải bởi đó sanh, Bốn và Tích mệnh mộng, vì diệu khó lường được. Phá búa, đứt dây đàn*<sup>195</sup>, chính là ngày hôm nay”. Lại bảo: “*Nếu ta không lãnh chúng, ắt thanh tịnh lục căn. Vì kẻ khác mà tổn mình, lui sụt xuống ngũ phẩm. Các thầy bạn của ta và Quán Âm đến đón!*” Nói xong, Sư ngồi xếp bằng qua đời, nhằm giờ Mùi ngày Hai Mươi Bốn tháng Mười Một năm Kỷ Ty, tức năm Khai Hoàng 17 (597), xuân thu sáu mươi tuổi, hạ lạc bốn mươi năm. [Triều đình] sắc truyền phong [nhục thể của Sư] trong tháp thiêng thuộc ngọn Tây Nam của rừng Phật Lũng. Mỗi năm, sai sứ giả đúng ngày đến mở tháp cúng tế. Lần mở niêm phong cuối cùng, chẳng thấy toàn thân của Ngài đâu nữa. Ngô Việt Tiễn vương từng truy tặng Ngài thụy hiệu là Pháp Không Bảo Giác.

Kể từ lúc Sư nhập diệt, đến nay đã là sáu trăm lẻ hai năm. Sư hoàng dương Giáo Quán, không chú trọng viết số giải, chỉ dùng biện tài như “*sông treo*”<sup>196</sup> giảng các ý nghĩa vượt ngoài văn tự của kinh. Sư nói Pháp Hoa Huyền Nghĩa và Văn Cú để mở mang diệu giải. Kế đó, diễn giảng [Ma Ha] Chỉ Quán để [hành nhân] nương vào giải mà lập chánh hạnh. Vì thế, ngài Kinh Khê nói: “*Chẳng có Huyền Nghĩa, sẽ không có gì để hướng dẫn. Chẳng có Văn Cú, sẽ không có gì để gìn giữ. Chẳng có Chỉ Quán, sẽ không có gì để thông đạt. Chẳng do một nhà (tông Thiên Thai) [lập giáo], sẽ không có gì để tiến nhập, chính là nói đến điều này đó chẳng? Vĩ đại thay! Đạo sáng cứu đời được thấy trong ba bộ sách của tông Thiên Thai!*” Sư giáo hóa, dẫn dắt hơn sáu mươi châu, đạo ấy

---

<sup>195</sup> Nguyên văn “*xuyết cân, đoạn huyền*”. Đây là thành ngữ ngụ ý đã thôi làm gì đó. Câu này dựa theo một câu nói trong truyện Dương Hùng sách Hán Thư: “*Chung Kỳ tử, Bá Nha đoạn huyền, nhi bất kháng đứt chúng cổ. Quý nhân vong, tắc tượng thạch xuyết cân, nhi bất cầm vọng trác*” (Chung Kỳ chết, Bá Nha cắt đứt dây đàn, chẳng chịu khảy đàn cho mọi người. Thợ nề khéo chết, thợ đá phá búa chẳng dám đẽo bừa bãi).

<sup>196</sup> “*Sông treo*” (Huyền Hà) còn gọi là Địa Thượng Hà tức là lòng sông cao hơn mặt đất chung quanh. Vùng hạ lưu sông Hoàng thuộc địa phận tỉnh Hà Nam và Sơn Đông có hơn 800 km lòng sông cao hơn mặt đất chung quanh khiến nước sông đổ ra biển cuộn cuộn rất hùng mãnh.

càng lâu càng thêm rạn vỡ. Phàm các sự tích của Ngài đều được chép cặn kẽ trong truyện ký riêng và các ghi chép nơi mười hai đạo tràng của Thiên Thai!

**\* *Trình Chiêu luật sư ở Nam Sơn***

Luật chủ Đạo Tuyên là người xứ Đan Đồ, cha là Lại Bộ Thi Lang<sup>197</sup> Tiền Thân. Lúc mẹ mang thai Sư, mộng thấy mặt trắng xuyên vào lòng. Rồi lại mộng thấy một vị Phạm tăng bảo: “Bà đang mang thai luật sư Tăng Hựu đời Lương (Tăng Hựu tức là ngài Tăng Hộ chùa Ân Nhạc tại Diêm Khê đời Nam Tề). Hãy nên cho [đứa bé này] xuất gia để hoằng dương Phật giáo rộng khắp”. Tới lúc Sư mười lăm tuổi, mẹ nhớ lại giấc mộng ấy, liền cho phép con lìa tục. Sư miệt mài tụng các kinh như Pháp Hoa v.v... không gì chẳng thông suốt.

Lúc mười sáu tuổi, Sư xuống tóc, thọ Cụ Túc, chuyên học Tỳ Ni (Luật Tạng). Về sau, Sư lại trung hưng đạo ấy, là người khéo kể tục ngài Ưu Ba Ly. Ba y của Sư đều bằng vải thô, ngày ăn một bữa chỉ toàn đậu. Chấy rận mặc sức sanh sôi, thân hình như gỗ, đất. Sư ở đâu cũng cảm thần hay loài vật dâng hiến hoa quả, cúng dường thức ăn cõi trời. Nếu Sư trượt chân nơi bậc thang, liền có Na Tra nâng đỡ; hoặc đắp đàn bầu (giới đàn), có thần tặng lễ bái, tán thán. Từ năm Càn Phong<sup>198</sup> trở đi, trời người lũ lượt kéo đến, cùng Sư đàm luận các tướng trạng trong Luật học. Vì thế, số sao<sup>199</sup> do Sư trước tác thể hiện được bôn ý của Phật, do cảm thông thần minh mà được như thế, thiên hạ hậu thế đều tôn sùng. Đạo của Sư là “*phòng phi, chỉ ác*” (ngăn ngừa sai trái, dứt điều ác), được gọi là Nam Sơn giáo. Sư soạn bài tựa hoằng truyền kinh Pháp Hoa đặt ở đầu kinh ấy, chỉ thú rộng sâu, ngôn từ cao diệu, trăm vua chẳng sửa đổi

---

<sup>197</sup> Thị Lang là chức quan được lập ra từ thời Hán, vốn đầu tiên là chức quan cận thần của hoàng đế. Về sau, do guồng máy hành chính càng kèn, Thị Lang được phái làm phụ tá cho các Thượng Thư. Lúc mới được bổ vào Thượng Thư Tỉnh, quan viên được gọi là Lang Trung, tròn một năm thành Thượng Thư Lang, tới thiếu ba năm mới được bổ làm Thị Lang. Thị Lang tương đương với phó bộ trưởng (thứ trưởng) hiện thời.

<sup>198</sup> Càn Phong là niên hiệu của Đường Cao Tông (Lý Trị) từ năm 666 đến năm 668. Trước sau, Đường Cao Tông sử dụng 14 niên hiệu khác nhau trong thời gian nhà vua trị vì.

<sup>199</sup> Sư trước tác chú giải Tứ Phần Luật khá nhiều bộ, chẳng hạn như Tứ Phần Luật Xan Phiên Bồ Khuyết Hành Sự Sao, Tứ Phần Luật Xan Bồ Tỳ Cơ Yết Ma Sớ, Tứ Phần Luật Tỳ Kheo Hàm Chú Giới Bồn Sớ, Tứ Phần Luật Tỳ Ni Sao v.v...

được, ngàn đời truyền tụng. Sư nêu bày bốn nguyện rằng: “Mong được sớm thanh tịnh sáu căn, ngưỡng vọng hội tốt lành của đấng Từ Tôn, mau thành Tứ Đức, hướng đến cơ muru huyền diệu nơi lạc độ” (sự tích của Sư có thể thấy trong bộ Đại Tổng Cao Tăng Truyện).

**\* Pháp sư Từ Ân ở Kinh Triệu**

Sư húy Khuy Cơ, là cháu<sup>200</sup> của Uất Trì Kính Đức (Uất Trì Cung) đời Đường, cha là Kim Ngô Vệ Tướng Quân Uất Trì Kính Tông. Mẹ họ Bùi, đêm mộng thấy nuốt mặt trăng, bèn có thai. Sinh ra, Sư mới sáu tuổi đã thông huệ hơn người, lập tức viết binh thư tới mấy ngàn chữ. Thuở đó, Tam Tạng Huyền Trang sang phương Tây, thân nhận một bé trai có trí nhớ rất mạnh. Do vậy, Ngài dẫn nó theo đến gặp ông Tông. Ông Tông gọi Khuy Cơ ra chào. Huyền Trang sai nó đọc [binh thư do Khuy Cơ] đã trước tác. Ngài Huyền Trang cho xem vài lượt, đứa bé đã nhớ như in văn từ đã đọc xong. Ngài Huyền Trang đùa bảo: “Đây là sách cổ”. Kính Tông chẳng tin, Huyền Trang bảo đứa bé nhắc lại, [nó đọc] chẳng sai một chữ. Kính Tông giận con đạo văn, toan giết chết [Khuy Cơ]. Ngài Huyền Trang liền xin cho Khuy Cơ xuất gia. Khuy Cơ nói: “Chấp thuận cho tôi ba chuyện, tức ăn mặn, không kiêng sắc dục, ăn tối, thì tôi liền xuất gia. Nếu không, thà chết dưới kiếm!” Huyền Trang ái mộ [Khuy Cơ] tài năng cao vời, giả vờ chấp thuận. Khuy Cơ nhập đạo tại chùa Đại Từ Ân, khéo thông hiểu Đại Tiêu Thừa. Phàm là luận số hễ đọc qua một lượt, bèn ghi nhớ chẳng sai.

Trước đó, ở Tây Vực, ngài Huyền Trang nhận lãnh Du Già Sư Địa Luận và tông chỉ Duy Thức từ luận sư Giới Hiền, nhưng chưa có ai kế thừa. [Đến nay truyền cho] Khuy Cơ lãnh thọ. Sư hoặc tông, hoặc thích<sup>201</sup>, soạn thuật hơn một trăm bộ sách, nên được gọi là Bách Bộ Luận

---

<sup>200</sup> Uất Trì Kính Tông là em trai của Uất Trì Kính Đức. Uất Trì là một bộ tộc lớn thuộc lớp quý tộc của người Tiên Ty tại nước Vu Điền thời cổ. Họ vốn là người Tắc, tức Tư Cơ Thái (Scythians). Sau khi vào Trung Nguyên, họ trở thành một bộ tộc hùng mạnh của người Tiên Ty, lập nhiều chiến công dưới thời Bắc Ngụy, trở thành một trong tám bộ tộc khai quốc công thần của nhà Bắc Ngụy. Uất Trì có nghĩa là “người chinh phục”, hoặc “người thắng lợi”. Do nỗ lực Hán hóa của nhà Bắc Ngụy, người trong bộ tộc đều lấy chữ Uất Trì làm họ.

<sup>201</sup> Chú giải kinh luận chỉ chú trọng giáo nghĩa chánh yếu hoặc pháp môn chủ chốt trong một bộ kinh thì gọi là “tông kinh”, phán định kinh luận và giải thích từng câu thì gọi là “thích kinh”.



## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Sư. Sư (ngài Khuy Cơ) giáo hóa đồ chúng các nơi, người được lợi ích rất đông. Sư sang phía Đông, tới Bắc Lăng, có người thỉnh Sư giảng kinh Pháp Hoa, Sư bèn soạn bộ Pháp Hoa Huyền Tán Đại Sớ gồm mười quyển. Ngài giải thích tựa đề kinh như sau: “*Nêu lời tuyên xưng tột bậc về giếng mới rộng lớn, phô tỏ danh xưng đẹp đẽ của cả bộ kinh. Pháp chứa đựng khuôn phép, xuyên suốt các điều tốt lành, nên gọi là Diệu. Hoa kèm thêm sự phát khởi tươi đẹp, gồm trọn các điều đẹp đẽ hòng tỏ rõ hoa sen*”. Ngài lập thuyết, dựng tông, xiển dương nghĩa lý uyên áo, các vị tông sư nơi đất Bắc thường nghiên cứu, học tập (*ngôn hạnh của Sư được chép tường tận trong Đại Tổng Tăng Truyện. Chuyện lúc Sư xuất gia được chép trong bộ Thích Thị Biên, quyển năm*).

### **\* Quốc sư Thanh Lương ở Ngũ Đài**

Ngài Thích Trùng Quán họ Hạ Hầu, người xứ Sơn Âm<sup>202</sup>. Sư xuất gia tại chùa Ứng Thiên, tụng kinh Pháp Hoa. Lúc mười bốn tuổi, Sư được ân chuẩn đắc độ<sup>203</sup>. Thoạt đầu, Sư học Nam Sơn Luật Tạng; sau đó, tại Kim Lăng, được truyền thừa Tam Luận. Lại sang núi Thiên Trúc học tập Hoa Nghiêm đại kinh. Về già, Sư trụ tại Tô Châu, nghe thiền sư Kinh Khê truyền dạy Thiên Thai Chỉ Quán, nghe giảng các kinh Pháp Hoa, Duy Ma v.v... Sư lại tham học với các vị Ngưu Đầu Huệ Trung, Kính Sơn Đạo Khâm, thấu đạt pháp Thiền của Nam và Bắc Tông [trong nhà Thiên]. Sư học rộng, nghiên cứu sâu xa, kiến thức sâu rộng, trước tác các bộ sớ giải như Hoa Nghiêm Trình Quán Sớ v.v... Sư tạc tượng, chép kinh chẳng thể kể trọn. Sư từng phát mười đại nguyện để suốt đời tu tập:

- Một, chỉ giữ ba y một bát, chẳng chứa thêm thứ dư thừa nào khác.
- Hai, vứt bỏ danh lợi đương thời như đồ thừa thãi.
- Ba, mắt chẳng nhìn người nữ.
- Bốn, chẳng in bóng nơi nhà người thế tục.
- Năm, quanh năm tụng kinh Pháp Hoa.
- Sáu, miệt mài đọc kinh Đại Thừa.
- Bảy, miệt mài giảng kinh Hoa Nghiêm.
- Tám, cả đời suốt ngày đêm chẳng nằm.

<sup>202</sup> Sơn Âm thuộc Việt Châu (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang).

<sup>203</sup> Tức là được thọ đại giới (Cụ Túc Giới) trước khi đủ mười tám tuổi.

- Chín, chẳng dối gạt đại chúng, khoe tài.
- Mười, chẳng thoái thất lòng đại từ bi.

Sư sống qua chín đời vua, là thầy của bảy hoàng đế<sup>204</sup>. Đường Hiến Tông từng vời Sư vào cung giảng tông chỉ đại lược của kinh Hoa Nghiêm. Vua đẹp dạ, sắc truyền Hữu Ty đúc ấn, phong làm quốc sư, thống lãnh tăng chúng trong thiên hạ. Sư thọ một trăm lẻ hai tuổi, thân cao chín thước hai tấc, ban đêm mắt tỏa sáng, ngày thì nhìn chẳng nháy. Thơ văn của Sư thanh điệu, âm vận như chuông rung. Phạm tăng xưng tụng Sư là hậu thân của ngài Văn Thù. [Sau khi Sư đã mất], trà-tỳ, lưỡi [chẳng cháy], giống như sen hồng, xá-lợi sáng ngời, tươi nhuận. Quan Tướng Quốc Bùi Hữu vâng sắc chỉ soạn bia [nơi tháp thờ xá-lợi của Ngài] (*chuyện ngài sống qua chín triều vua, xem quyển năm bộ Thích Thị Biên. Những điều khác trích từ Đại Tổng Cao Tăng Truyện*).

### **\* Quang thiền sư xứ Cao Ly**

Sa-môn Huyền Quang người đất Hùng Châu (Ungjin) thuộc Hải Đông (Cao Ly, Đại Hàn), từ bé đã chán trần tục, chuyên tu Phạm hạnh. Tới lớn, Sư bèn vượt biển thăm sang Trung Hoa cầu Thiên pháp. Do vậy, du lãm Trung Hoa. Sư đến Hành Sơn, tham yết đại thiền sư Huệ Tư. Ngài Huệ Tư xem xét căn khí của Sư, truyền dạy Tứ An Lạc Hạnh. Huyền Quang thông minh, lanh lợi như búa thần, không chỗ cứng rắn nào chẳng phá được. Sư đã được bẩm thọ bèn hành trì, không lâu sau chứng Pháp Hoa tam-muội. Ngài Huệ Tư ấn khả rằng: “*Sở chứng của ông chân thật, chẳng dối. Hãy nên trở về nước mình, lập bày, thực hiện phương tiện quyền biến để hoằng dương giáo pháp của ta*”. Huyền Quang đánh lễ, từ biệt thầy, quây tích trượng trở lại Giang Nam, ngồi thuyền ra biển cả. Bỗng dưng trong đám mây màu, có người phơ phới, cầm cờ tiết đỏ rực<sup>205</sup> đi tới. Trong hư không có tiếng nói: “*Thiên Đế triệu vời thiền sư Huyền Quang ở Hải Đông đích thân nói pháp môn*”

---

<sup>204</sup> Tổ sống qua các đời vua nhà Đường: Huyền Tông (Đường Minh Hoàng tức Lý Long Cơ), Túc Tông (Lý Hanh), Đại Tông (Lý Dục), Đức Tông (Lý Quát), Thuận Tông (Lý Tung), Hiến Tông (Lý Thuần), Mục Tông (Lý Hằng), Kính Tông (Lý Đàm), Văn Tông (Lý Ngang). Kể từ thời Đường Đại Tông, Ngài được tôn làm Quốc Sư nên nói là “*thầy của bảy hoàng đế*”.

<sup>205</sup> Cờ tiết là biểu hiện của sứ giả. Theo truyền thuyết cổ đại, sứ giả của Thiên Đế hoặc thần tiên bậc cao sẽ cầm cờ tiết màu đỏ.

Ngài chứng đắc tại cung rồng”. Huyền Quang vòng tay thoái thác, chỉ thấy người áo xanh dẫn đường, liền vào cung thành.

[*Sư thấy long cung*] chẳng giống như phủ thự của quan lại trong nhân gian, không đâu chẳng phải là quý thần có mai, có vảy. Đã tới điện báu. Tiếp đó. *Sư* bước lên đài báu, thuận theo lời hỏi mà đàm luận suốt bảy ngày. Xong việc, vua khom mình tiễn biệt. Huyền Quang lại lên thuyền. Người trong thuyền cho biết chỉ mới trôi nổi trên biển nửa ngày mà thôi. Huyền Quang bèn đến Ông Sơn ở Hùng Châu kết lều tranh, [*về sau*] trở thành cảnh chùa. *Sư* thăng đường [*thuyết pháp, trong số các người nghe*], một người chứng Hỏa Quang tam-muội, một người nữa chứng Thủy Quang tam-muội, những người khác như các loài chim bám vào núi Tu Di, đều có cùng một sắc. Đối với chuyện thị hiện nhập diệt, chẳng biết rõ! Trong hai mươi tám vị được thờ tại tổ đường ở Nam Nhạc, *Sư* là một vị trong số đó (*theo Đại Tổng Cao Tăng Truyện*).

#### **\* Thành thiền sư ở Kinh Châu**

Vị tăng Huệ Thành là con nhà họ Đoàn ở Lễ Dương, làm tăng sống tại chùa Thập Trụ. *Sư* tụng kinh Pháp Hoa và Đại Phẩm [Bát Nhã] hai mươi mấy quyển. Về sau, đi khắp nơi hỏi đạo, đến Lư Sơn, gặp gỡ Thiên Thai Khải thiền sư (Trí Giả đại sư). Do nghe giáo nghĩa Lục Túc của Nam Nhạc Huệ Tư đại hòa thượng, liền tới yết kiến. Đã được gặp gỡ, bèn dốc lòng ngưỡng mộ, muốn học Định nghiệp. Ngài Huệ Tư nói: “*Công ông soạn số giải suốt một đời còn chẳng nóng bằng tôi thiêu tay, phí uổng công phu, tiếc thay!*” Huệ Thành phát phần, vứt bỏ, đốt rụi các bản số giải [*do chính mình đã trước tác*]. Suốt từ đêm đến sáng, *Sư* mở mắt tọa Thiền trải qua mười lăm năm. Ngài Huệ Tư lại dạy *Sư* vào đạo tràng Pháp Hoa và Ban Châu để tiêu chương trong ba năm, lại còn dạy bảo chánh pháp. *Sư* bèn chứng Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn tam-muội, so với chuyện “nhắm mắt nhập Quán, mở mắt liền mất”, khác nào một trời một vực. Ngài Huệ Tư nói: “*Trí Khải trước là phát khởi tam-muội, sau chứng tổng trì. Huệ Thành ngang giữa, hai ông giải hạnh ngang nhau*”. Huệ Thành bèn đến Chi Giang ở Kinh Châu dựng chùa. Do đạo đức lan tỏa, chẳng mấy chốc, chùa đã hoàn thành. Vua nhà Trần nhiều lần triệu vời, *Sư* mới đến truyền trao giới pháp rồi quay về. Khi *Sư* sắp siêu hóa, bèn giảng kinh Niết Bàn. Bỗng ngài Trí Giả từ chùa Ngọc Tuyền đến đó, ngâm phù hợp, cùng nhau đàm luận lý huyền diệu hồi lâu rồi *Sư* qua đời (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* *Siêu thiên sư ở Chung Nam***

Sư tên là Huệ Siêu, sanh trong nhà họ Trầm ở Đan Dương. Tánh tình ôn hòa, rộng rãi. Sư xuất gia từ bé, công khóa chuyên tụng Pháp Hoa. Sư nghe danh đại thiên sư Huệ Tư ở Quang Châu, thông tỏ Định lần Huệ, lại còn giỏi giới luật, liền cùng với ngài Trí Giả trông lòng, tịnh tâm, cung kính cầu học. Ngài Huệ Tư nói: “*Huệ Siêu có tâm tánh của người đặc nhân*”. Tới khi sang Hành Sơn, Sư lại cùng ở với ngài Trí Giả, tụng kinh nhiều năm. Về sau, Sư ẩn cư tại Chung Nam, trải tám năm hành đạo, Tam Huệ tăng trưởng gấp bội. Tới niên hiệu Đại Nghiệp<sup>206</sup>, vua xuống chiếu vời Sư vào cung cấm. Nhà Đại Đường khai quốc, Sư càng được trọng vọng tại kinh đô. Từ lúc nhập đạo, Sư liền tụng kinh Pháp Hoa suốt năm mươi mấy năm, hơn cả một vạn lượt. Cho tới khi mắc bệnh, sắp mất, Sư gọi đại chúng bảo rằng: “*Đến đi là chuyện bình thường của chúng ta. Trường sanh chẳng mừng, [sáng sanh] tới chết chẳng sầu. Đệ Nhất Nghĩa Không, thanh tịnh trí quán chính là chỗ nương cậy của ta*”. Nói xong, hướng về Tây, qua đời. Sư có di ngôn dặn đệ thi thể phơi trên hòn đá dưới gốc tùng để thí cho chim, thú. Đệ tử vâng lời dạy, quán xác hơn một tháng, vẻ mặt Sư vẫn như còn sống; sau đó, họ đặt [di thể] vào trong tháp (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* *Quán pháp sư ở Thiên Trúc***

Thích Chân Quán, họ Phạm, người xứ Tiên Đường. Mẹ Ngài tụng kinh Dược Sư và Quán Âm để cầu con, sanh ra Sư. Sư từ bé đã sẵn tiết tháo, trên lưỡi có vân màu tía, tay hiện tướng lạ. Sư tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày hết một quyển. Từ thầy được nghe Thập Tụng Luật, bèn dừng mãnh tu tập. Sư bỗng mộng thấy có người nói: “Ông có căn cơ Đại Thừa, sao lại giữ tiểu đạo?” Sư bèn học Ma Ha Diễn, sáng tỏ mọi nỗi nghi nan, dừng mãnh tiến nhập cửa huyền. Ngạn ngữ thời ấy có câu: “*Tiên Đường có Chân Quán, là một vị tăng rười trong thiên hạ*”. Tuổi Sư xấp xỉ ngài Trí Giả, là pháp huynh, pháp đệ với nhau, đàm luận lễ tịch chiếu cao siêu, vàng đá tương hợp.

---

<sup>206</sup> Đại Nghiệp là niên hiệu của Tùy Dương Đế (Dương Quảng) từ năm 605 đến năm 618.

Về sau, Sư dựng chùa Nam Thiên Trúc ở núi Linh Ân để ở. Sư thường giảng kinh Pháp Hoa, coi đó là tâm yếu, thọ trì, đọc tụng, cung kính biên chép, hoằng dương, trọn đủ hạnh của năm loại pháp sư. Mỗi khi Sư rửa mặt, nước văng ra, đất chẳng thấm ướt, mọi người đều lấy làm lạ. Một ngày nọ, thần Cao Đình thỉnh Ngài giảng Pháp Hoa, cảm vờ thần [nghe giảng xong, xả] đền biến thành chùa. Có quan Tư Mã là Lý Tử Thâm thỉnh Sư giảng Niết Bàn. Giảng tới phẩm Hiện Bệnh, Sư mộng thấy ba người cầm phan đến bảo: “Tịnh Cư Thiên sai chúng tôi đến đón”. Kế đó, Sư ngã bệnh, mộng thấy ngồi cùng xe với ngài Trí Giả, theo châu đức Phật trở về núi. Tỉnh giấc, Sư than rằng: “*Xưa kia đã có người bảo ta đến sáu mươi hai tuổi ắt phải chết. Do sức giảng kinh Pháp Hoa, tăng thêm tuổi thọ mười hai năm. Nay đã bảy mươi bốn tuổi, lại gặp chuyện ứng nghiệm này, sanh mạng ắt đã tới lúc chấm dứt vậy!*” Sư bèn bảo người thân cận: “*Muốn thoát sanh tử, phải nên trì giới, tu Định, học Huệ, hoằng dương, lưu thông chánh pháp, chớ để luống qua!*” Khi đó, [mọi người] nghe trên không trung có tiếng âm nhạc. Tới nửa đêm, Sư liền ngồi xếp bằng mà tịch.

Sư chính là thí tổ khai sơn của chùa Linh Sơn ở Hạ Thiên Trúc, hạnh nghiệp thần dị. Xưa kia, thiền sư Chương An Quán Đảnh đã soạn biệt truyện để ghi chép đức hạnh của Sư, lâu ngày [tác phẩm ấy] đã thất lạc. Nay chỉ thấy [hành trạng của Sư được ghi] trong Tục Cao Tăng Truyện. Mộ tháp của Sư vẫn còn, Từ Vân Tuân Thức sám chủ từng trùng tu. Chuyện này được chép cặn kẽ trong Linh Uyển Tập, đại lược như sau: Sư dốc chí nơi Phật thừa, khế hợp đạo tột bậc, trọn chẳng bị ảnh hưởng bởi thế lực to lớn của đế vương, công, hầu, hoàn toàn chẳng bị kẻ lắm tài khéo, hay biện tài, danh vọng to lớn nhiễu loạn. Vời vọi nêu gương cho đời sau, thăm thẳm chẳng thể phỏng theo được! Nay cửa tháp tự mở, chẳng còn sót một vật gì. Chẳng biết có phải là toàn thân [của Sư] đã theo Phật Đa Bảo [đến mười phương] chứng minh kinh hay không? Hay là giống như ngài Phật Lũng (Trí Giả đại sư) đến khắp nơi giáo hóa đó chẳng? Kính cẩn soạn sáu bài thơ để vĩnh viễn nêu bày khuôn mẫu như sau: “*Chẳng khuất phục vương hầu* (ba lần Sư được vua Tùy vờ vào châu hỏi đạo, Tần Vương hai lượt mời coi phủ, thầy đều viện có bệnh tật để chẳng đến), *giữ vững thân xuất gia, xương trắng đã thành đất, gió lành vẫn mát người. Mộ nát rồi lại đắp, chùa hoang lại trùng tu, riêng mình đất chẳng ướt, không ai sánh gót Ngài*” (những bài thơ khác xem trong Linh Uyển Tập).

**\* Thiên sư Chương An Tổng Trì**

Sư hứy Quán Đảnh, Tổng Trì là thụy hiệu do Ngô Việt Vương phong tặng. Sư sanh trong gia đình họ Ngô ở huyện Chương An (nay thuộc huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang). Kể từ thuở bé, mới ba tuổi, Sư đã có thể theo mẹ xưng danh hiệu Tam Bảo, người thuở đó đều kinh ngạc. Do vậy, Sư được đặt tiểu tự (tên gọi thân mật cho trẻ nhỏ) là Phi Phạm. Đã nhập đạo, mỗi ngày Sư có thể nhớ một vạn chữ. Dốc sức nơi lễ huyền và đạo Nho, bảm thừa pháp Định Huệ của tổ Thiên Thai, nói tiếp chí tổ, củng cố tông phong. Phạm những pháp do tổ Trí Giả nói, đều do Sư ghi chép thành văn bản.

Về già, Sư trụ tại Xúng Tâm tinh xá, liên tục giảng Pháp Hoa, pháp hóa lưu truyền khắp cõi tục, tác dụng thần kỳ chẳng ngần. Thuở đó, có người dân ở thôn Pháp Long, cách núi ba mươi dặm, nhiễm bệnh sắp chết. Con của người ấy chạy đến núi cầu cứu. Sư vì người ấy tụng kinh Pháp Hoa, đốt hương Chiên Đàn. Người bệnh từ xa, ngửi thấy mùi hương bèn lành bệnh. Vùng núi phía Nam của vùng Lạc An được gọi là An Châu, cây biếc, suối trong, nhưng đường đi chẳng thông. Sư đến xem xét, lần quần chẳng rời, bèn phát thệ rằng: *“Nếu cõi đất này khoảng khoát, bằng phẳng, tôi sẽ đến đây giảng kinh Pháp Hoa”*. Chưa đầy mười ngày, cát trắng trào lên khắp nơi, [nơi ấy] phẳng phiu như gương ngọc. Đề đền đáp chí nguyện khi trước, Sư đến đó giảng kinh. Sư lại từng giảng kinh Niết Bàn ở chùa Nhiếp Tĩnh, gặp phải cướp biển đến cướp đoạt. Sư gõ chuông, giảng kinh. Lũ giặc xông vào, thấy cờ quạt của quân đội chói rực ánh mặt trời. Kẻ cầm cung, người vác kích đều cao hơn cả trượng. Do vậy, chúng tháo chạy.

Năm Trinh Quán thứ sáu (632), Sư thị hiện bị bệnh tại chùa Quốc Thanh, chẳng cho chữa trị. Trong thất có mùi hương lạ. Sư bảo đệ tử rằng: *“Kinh Di Lạc nói ngày đức Phật nhập diệt, khói hương như mây. Quý vị hãy thấp nhiều hương, tôi sắp đi rồi”*. Nói xong, Sư qua đời. Khi đó, có thiên sư Trí Hy đã nhập diệt trước vào năm Trinh Quán nguyên niên (627), lúc sắp mất, [ngài Trí Hy] bảo: *“Ta sanh lên trời Đâu Suất, thấy tổ Trí Giả ngồi trên một tòa báu. Các hàng ghế đều có người, chỉ có một chỗ để trống. Thiên tử nói: - Đợi sáu năm nữa, thiên sư Quán Đảnh sẽ lên đây thuyết pháp”*. Ý nghĩa ứng nghiệm của việc [Sư bảo đại chúng] dâng hương chính là vì ngài Từ Thị (Di Lạc Bồ Tát) giảng hạ (theo *Cô Sơn Nhàn Cư Biên*).

**\* Thiên Thai Tảo thiền sư**

Sa-môn Trí Tảo, họ Trương, người xứ Thanh Nghi. Lúc mười bảy tuổi, song thân đều mất. Sư bị bệnh ngặt nghèo, biết là chẳng còn có cơ hội sống sót, ban đêm bỗng thấy mặt trăng, bèn niệm Nguyệt Quang Bồ Tát. Do vậy, lành bệnh, biết sâu xa Tam Bảo là chỗ nương cậy của mình, liền đến chùa An Tĩnh xin xuất gia. Sư chí hướng kiệt xuất, cao vời, ngôn hạnh đều chân thật. Nghe nói ngài Trí Giả ngộ giải siêu quần, bèn tìm đến núi Thiên Thai thọ học. Tổ Trí Giả quan sát căn khí, dạy Sư hành Pháp Hoa tam-muội. Sư tu tập mười bốn ngày, đầu đêm tọa Thiền, thấy một con rồng chín đầu từ dưới đất trời lên, bay lên hư không. Hôm sau, Sư thưa với thầy. Thầy dạy: “*Điều ấy biểu thị chúng sanh trong chín pháp giới nghe kinh Pháp Hoa, trong tương lai sẽ phá vô minh nơi thế gian, nhập pháp tánh Không*”.

Sư lại từng ở chùa Bảo Lâm mong đắc Pháp Hoa tam-muội. Đêm đầu tiên vừa tu, dường như có người đến lắc cánh cửa. Sư hỏi thì có tiếng đáp: “Tôi đến thấp đèn”. Mấy lượt như thế, hỏi đáp đều như trước. Trong chùa có thiền sư Huệ Thành nghe chuyện ấy, bèn nói: “Trong tòa nhà ấy, trước nay có đại ác quỷ. Nay nghe tiếng ấy, ắt sẽ bị hại”. Trời sáng, vị ấy đến gõ cửa hỏi thăm, thấy Sư vẫn còn đó, rất mừng. Nhân đó, Huệ Thành báo lên Vĩnh Dương Vương<sup>207</sup>, vương liền sai mấy chục quân lính và thuộc hạ cầm vũ khí bảo vệ. Sư đáp: “*Mạng do nghiệp, há do phòng vệ*”. Sư cảm tạ, từ khước. Tới đêm thứ hai, quỷ vào đập mọi thứ. Suốt trong hai mươi một ngày luôn gây rối như thế. Sư thản nhiên, chẳng sợ hãi. Hành pháp sắp hoàn tất, thấy một bé trai mặc áo xanh khen ngợi “lành thay!” Nói xong, chẳng thấy đâu nữa! Sư đức hạnh đều vẹn toàn, là người phù tá tổ Trí Giả. Sư triều kiến thiên tử chín lần, hành sự tốt đẹp từ đầu đến cuối. Sư thọ tám mươi ba tuổi mới mất (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Chí thiền sư ở Lư Sơn**

---

<sup>207</sup> Trong lịch sử có tám người được phong Vĩnh Dương Vương, chuyện này lại không ghi rõ niên hiệu, chỉ nói Sư là đệ tử tổ Trí Giả, mà tổ sống vào đời Trần, như vậy có lẽ Vĩnh Dương Vương là Trần Bá Trí, tự Sách Chi, là con trai thứ mười hai của Trần Thế Tổ (Trần Thiển). Ông này là người tính tình đôn hậu, học rộng, từng giữ các chức Thị Trung, Tả Sứ, Tán Kỵ Thường Thị. Về sau làm Thượng Thư Tả Bộc Xạ, kiêm chức Tư Nghiệp Quốc Tử Giám.

Sư là con nhà họ Cố ở Cối Kê, đến tuổi vỡ lòng bèn xuất gia. Sư theo hầu ngài Thiên Thai Trí Giả. Tổ Trí Giả thấy Sư thần thái ung dung, cao vòi, đáng làm gương cho mọi người, bèn đặt tên là Đại Chí. Sư tụng kinh Pháp Hoa, âm thanh mộc mạc, nhàn tĩnh, trong trẻo, lan xa, khiến cho người nghe quên mệt. Về sau, Sư hành hạnh Đầu Đà tại ngọn núi Cam Lộ thuộc Lư Sơn. Có lúc lạc bước vào giữa bầy mãnh thú, chúng đều tránh né. Nếu hết lương thực, Sư chỉ dùng trái cây để duy trì tánh mạng mà thôi. Suốt bảy năm như thế, Sư tọa Thiền, tụng kinh chẳng ngơi.

Về già, Sư trụ tại chùa Phước Lâm. Trong niên hiệu Đại Nghiệp, triều đình phế trừ Phật giáo, Sư cảm khái đại pháp gặp cảnh ngược đãi, bèn mặc đồ tang, khóc lóc buồn bã suốt ba ngày đêm trong Phật đường, thề xả hình hài để nêu tỏ chánh giáo, liền tới Đông Đô dâng biểu<sup>208</sup> rằng: “*Nguyện bệ hạ hưng long Tam Bảo, bản đạo sẽ đốt một tay nơi Tung Nhạc hòng báo ân nước nhà*”. Vua chấp thuận. Sư bèn tổ chức trai đàn lớn, bảy chúng đều tụ tập. Sư nhịn ăn ba ngày, lên một chiếc giàn lớn, dùng vải quấn chặt cánh tay, tưới sáp lên rồi đốt như thắp đuốc. Ánh sáng soi khắp núi non, hang hốc đều sáng ngời. Đại chúng thấy Ngài khổ hạnh, đau lòng tận xương tủy, nhưng ngài Đại Chí thần sắc bất biến, hoặc tụng kinh văn, hoặc tán dương Phật đức, hoặc vì đại chúng thuyết pháp, từng tiếng chẳng ngớt. Thiêu xong, Sư xuống khỏi giàn, ngồi xếp bằng nhập Định, bảy ngày sau liền qua đời. Sư lưu lại hơn bảy mươi trang nguyện văn, ngụ ý muốn làm thiện tri thức cho chúng sanh. Ai đọc cũng đều cảm kích, không ai chẳng rơi lệ! (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

### **\* Duyệt thiền sư ở Kinh Châu**

Vị tăng Đạo Duyệt, họ ngoài đời là Trương, người Kinh Châu. Mười hai tuổi, Sư xuất gia tại chùa Ngọc Tuyên, bản tính trầm ổn, cam sống nghèo hèn, nỗ lực giữ vững khí tiết. Sư quanh năm tụng Pháp Hoa để làm đức nghiệp. Chùa Ngọc Tuyên do tổ Trí Giả khai sơn, chưa có chuông, khánh. Tại đầu nguồn con suối, Sư tìm được một mảnh đá kỳ lạ, đem treo lên, mỗi khi tụng kinh đều gõ một lượt. Tiếng nó vang vọng trong trẻo, người nghe đều nghiêm túc; nẻo u minh nhiều lượt cảm vơi điềm lạnh. Sư biết nhưng chẳng nói. Sư từng bị thủy thũng, bụng to như

---

<sup>208</sup> Bày tôi gởi sớ hoặc công văn để tâu trình lên vua thì gọi là ‘*dâng biểu*’.



cái trống. Một đêm tụng kinh, nước bỗng tuôn ra, thủy thũng nhanh chóng tiêu mất.

Thuở đó, Châu Sán<sup>209</sup> làm giặc cướp bóc, chỉ có mình ngài Đạo Duyệt giữ chùa. Giặc sai Sư dẫn đường, Sư đáp: “Tăng chẳng phải là kẻ dẫn đường! Hình hài hư huyền này phó mặc cho gươm sắc!” Giặc kính nể, tha cho. Lúc đó, Hán Dương Vương thỉnh Sư làm thầy truyền giới, ban cho áo màu. Ngài Đạo Duyệt chẳng nhận. Vương hỏi vì sao không mặc tơ lụa? Ngài Đạo Duyệt đáp: “*Áo bằng tơ tầm tổn mạng, trái nghịch danh xưng nhẫn nhục. Áo vải giản dị, thanh bạch, biểu thị hình tướng từ bi*”. Vương nói: “*Trọng Do<sup>210</sup> chẳng thẹn với lời khen của phu tử. Sa môn từ bi, nhẫn nhục là lẽ đương nhiên!*” (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

### **\* Việt thiền sư ở Thiên Thai**

Vị tăng Trí Việt, sanh trong nhà họ Trịnh ở Nam Dương, từ bé đã mang chí hướng thoát tục. Cha tính chuyện hôn nhân cho Sư, Sư dùng phương tiện tránh né. Thuở đó, Nhạc Dương điện hạ<sup>211</sup> thống lãnh Kinh Châu, lấy làm lạ, cho Sư xuống tóc. Về sau, Sư vấn đạo khắp nơi. Tới

---

<sup>209</sup> Châu Sán vốn là quan huyện thời Tùy, về sau làm phản, quy tụ loạn dân tới mười vạn người, đem quân chiếm đất vùng Hồ Bắc, An Huy, Thiểm Tây, Tứ Xuyên, giết chóc vô số. Hấn từng xưng là Sở Vương, lập ra nước Sở. Nhưng khi thiếu lương, hấn và thuộc hạ đã tàn nhẫn ăn thịt người. Hấn từng đầu hàng nhà Đường, được Đường Cao Tổ Lý Uyên phong làm Sở Vương rồi lại phản Đường, chạy theo Vương Thế Sung chống Đường. Cuối cùng bị Đường vương Lý Thế Dân (tức Đường Thái Tông sau này) giết chết.

<sup>210</sup> Trọng Do, tên tự là Tử Lộ, còn gọi là Quý Lộ, người đất Biện, nước Lỗ, là đệ tử trứ danh của Khổng Tử, được xếp vào hàng Thập Triết (mười môn sinh đặc ý nhất của Khổng Tử). Ông là người theo học với Khổng Tử sớm nhất. Ông nổi tiếng với chuyện đi rất xa đội gạo về nuôi cha mẹ. Có khi quá túng quẫn, phải hái rau lê, rau hoắc cho cha mẹ đỡ lòng. Về sau, ông ra làm thuộc hạ của đại phu nước Vệ là Khổng Khôi, đã khá giả thì cha mẹ không còn nữa. Ông thường đau xót, than thở. Trong tác phẩm *Nhị Thập Tứ Hiếu*, cụ Lý Văn Phức đã viết như sau: “*Thầy Tử Lộ cũng người nước Lỗ, thờ hai thân từng bữa canh lê. Thường khi đội gạo đi về, xa xôi trăm dặm, nặng nề hai vai. Đỉnh hoa biểu từ khơi bóng hạc, gót nam du nhẹ bước tang bồng. Xe trăm cỗ, thóc muôn chung. Ngồi chông đệm ghép, ăn chông vạc cao. Thân phú quý ngấm vào thêm tủi, đức cù lao chạnh tới lòng đau. Nào khi đội gạo, canh rau. Muốn còn như cũ, dễ hầu được chăng?*”

<sup>211</sup> Nhạc Dương điện hạ chính là Tiêu Sát, ông là con trai của Chiêu Minh thái tử (Tiêu Thống), tức là cháu nội của Lương Vũ Đế. Về sau, Tiêu Sát trở thành Lương Tuyên Đế.

Kim Lăng, gặp tổ Trí Giả đang xiển dương, giáo hóa, Sư bèn lắng lòng theo học, thấu đạt sâu xa yếu nghĩa nhà Thiên. Sư lại còn giữ giới phẩm chuyên ròng, tụng kinh Pháp Hoa hơn một vạn bộ. Bình chứa nước luôn đầy, mọi người đều lấy làm lạ. Người theo học với tổ Trí Giả tuy đông, nhưng ngài Trí Việt đứng đầu. Tại Lộ Sơn Tinh xá ở Lâm Hải, tổ Trí Giả sai Trí Việt làm người ảnh hưởng. Suốt hai mươi năm, Sư ngoan ngoãn vâng theo lệnh thầy. Sau đó, Sư dưỡng bệnh tại chùa Quốc Thanh, nằm bên hông phải mà hóa, cảm vùi núi lở, động đất, đạo tục đều thấy nghe (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Quán pháp sư ở Tiên Đường**

Sư Đăng Quán sanh trong nhà họ Tôn ở Phú Dương. Sau khi đã xuất gia, Sư nghe ngài Trí Giả khai pháp ở Phật Lũng, bèn theo nương cậy, thọ học. Sư chuyên tụng Pháp Hoa, lại còn có thể giảng nói. Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư sang giảng tại chùa Pháp Nhẫn ở Dur Hàng. Bỗng một đêm, Sư thấy một vị thần nói: “Con là thần đền Cao Đình tại Tiên Đường. Thầy từng đi qua miếu đình, đệ tử tuần du chẳng gặp, nay đặc biệt đến cầu thầy truyền giới pháp”. Sư liền vì thần thắp hương, tuyên dạy. Tới nửa đêm hôm sau, Sư tắm rửa, thay áo sạch, gọi Huệ pháp sư đến, giảng giải giáo nghĩa Tam Quán rồi nói: “*Ta đích thân được tổ Trí Giả dạy truyền khẩu pháp này*”. Nói xong, Sư ngồi xếp bằng hướng về Tây, xưng danh hiệu Phật và tôn hiệu của tổ Thiên Thai Trí Giả, lặng lẽ qua đời (theo *Linh Thụ Tập*).

**\* Mãn pháp sư đời Lương**

Pháp sư La Thập dịch kinh Pháp Hoa tại Trường An gồm hai mươi tám phẩm. Cung nhân tại Trường An thỉnh Ngài giảng phẩm Đề Bà Đạt Đa, phẩm này bị cất giấu trong nội cung. Kinh được lưu truyền tại Giang Đông<sup>212</sup> chỉ có hai mươi bảy phẩm. Đời Lương, có Mãn pháp sư giảng kinh này một trăm lượt, thiêu thân phụng sự pháp tại Trường

---

<sup>212</sup> Giang Đông là từ ngữ chỉ chung nằm ở phía Đông Trường Giang (sông Dương Tử) tại Hoa Nam. Vùng này còn gọi là Giang Tả, hoặc Giang Biểu. Do đời Đường lập ra khu hành chính Giang Nam Đông Đạo thuộc địa phận Giang Đông, nên về sau vùng này còn gọi là Giang Nam, bao gồm khu vực phía Nam tỉnh An Huy, phía Nam Tô Châu, Giang Tây. Từ ngữ này đôi khi hiểu theo nghĩa phiếm chỉ là vùng đất phía Nam Trường Giang giáp biển.

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

Sa. Sư từng đem phẩm ấy đặt trước phẩm Trì. Đó là do Sư tự xếp đặt, chưa được lưu truyền trong thiên hạ. Đời Trần có đại thiên sư Nam Nhạc Huệ Tư đặt phẩm này sau phẩm Bảo Tháp. Văn bối dùng kinh Chánh Pháp Hoa để đối chiếu, thấy rất tương ứng. Nay bốn biên lạng trong, được thấy cựu bản ở Trường An, cho nên biết hai vị ấy đã thấu hiểu sâu xa ý kinh (*trích từ Pháp Hoa Văn Cú*).

### ***\* Trang pháp sư ở Lư Sơn***

Tỳ-kheo Pháp Trang là người ở Hoài Nam. Sư mười tuổi xuất gia, làm đệ tử tổ Huệ Viễn ở Lư Sơn. Sư bẩm tánh thẳng thắn, chất phác, nổi danh khổ hạnh. Sư lấy chuyện tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh thường tu. Thường trong đêm vắng, nghe trước phòng của Sư có tiếng quân binh thủ vệ, há chẳng phải không duyên cớ mà thành như vậy ư? (*theo Tục Linh Thụy Tập*).

### ***\* Mạng pháp sư đời Hậu Châu***

Tỳ-kheo Huệ Mạng, họ Quách, người xứ Tấn Dương, thân thiết với đạo, nhàm lìa vật chất, châu quận đều tán thán, tôn trọng. Từ mười lăm tuổi, Sư tụng kinh Pháp Hoa, trong vòng hai mươi ngày đã tụng trôi chảy từ đầu đến đuôi. Tới khi xuất gia, Sư chuyên tu Pháp Hoa Sám Pháp. Vào ngày mùng Năm giữa mùa Đông năm Thiên Hòa thứ ba (568)<sup>213</sup> nhà Châu, Sư ngồi xếp bằng, hướng thẳng về Tây, thấy Phật đến đón tiếp, bèn chấp tay thị tịch. Toàn thể đại chúng đều mộng thấy chư thiên giáng hạ, tràng phan chiếu sáng ngời. Lại nghe nhạc lạ, hương lạ, khen ngợi “lành thay!” (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

### ***\* Minh pháp sư ở Thiên Thai***

Sư có tên trước đó là Pháp Kinh, họ Châu, người đất Cối Kê. Thuở bé, Sư gom cát làm tháp, cắt rơm làm điện đường, chấp tay xưng danh hiệu Phật. Bỗng gặp một vị tăng khát thực khuyên rằng: “Con nên sang núi Thiên Thai xuất gia. Nơi đó có bậc Bồ Tát áo mỏng thuyết pháp hóa độ cõi đời”. Đứa trẻ liền đi ngay, theo hầu tổ Trí Giả làm đệ tử. Tổ

---

<sup>213</sup> Thiên Hòa là niên hiệu của Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) nhà Bắc Châu từ năm 566 đến năm 572.

Trí Giả cười bảo: “*Do xưa có nguyện lực, nay được gặp nhau*”. Do vậy, Sư sáng tối châu hầu quanh thầy, chẳng biếng nhác. Thầy nhân đó, dạy Sư tụng một bộ kinh Pháp Hoa, kiêm tu sám pháp. Về sau, Sư theo hầu ngài Trí Giả vào Lư Sơn. Sư ở trong gác đặt bức tượng tốt lành của Đào Khả<sup>214</sup>, muốn soạn Pháp Hoa tam-muội, bỗng thấy một vị tăng nói: “Pháp danh của thầy chưa hay lắm. Hãy nên sửa thành Phổ Minh sẽ chiêu tỏ ba đời!” Từ đấy, Sư đổi pháp hiệu [thành Phổ Minh]. Tuổi già, Sư quay về chùa Quốc Thanh. Phòng Sư đang ở thiếu nước. Sư vừa nghĩ ngợi, trên đá bỗng tuôn ra dòng suối. Sư từng đúc tượng Phật Lô Xá Na cao một trượng sáu, cảm dị nhân thí vàng rồi ẩn mất. Có lúc, Sư ở trong rừng tùng tại Xích Thành hiện thân cao mấy chục trượng, thiên sư Chương An Quán Đảnh đích thân trông thấy. Dõi nhìn tác dụng của Sư, Ngài há có phải là kẻ tầm thường ư? (*theo Tục Linh Thụy Tập*).

### **\* *Thúy pháp sư ở Hà Âm***

Vị tăng Đàm Thúy không rõ họ, xuất gia trụ tại chùa Bạch Mã ở Hà Âm, ăn rau, mặc áo vải, hằng ngày tụng bộ kinh Chánh Pháp Hoa gồm mười quyển, lại còn vì đại chúng giảng nói ý chỉ chung [của kinh ấy]. Bỗng Sư đêm mộng thấy có người gõ cửa, thưa: “Muốn thỉnh pháp sư giảng kinh chín mươi ngày”. Ngài Đàm Thúy chẳng chấp thuận. Người ấy cố kéo nài, Sư liền đi, dường như tỉnh giấc mà chưa tỉnh. Bỗng dựng Sư thấy mình đang ở trong đền thờ thần Bạch Mã Ô, một người đệ tử cũng tham dự. Từ đấy, mỗi ngày Sư đều ngằm đến, kẻ khác chẳng hay biết. Một hôm, có vị tăng trong chùa đi qua đền thờ thần, ngẫu nhiên thấy hai tòa cao: Ngài Đàm Thúy ngồi ở tòa phía Bắc, đệ tử ngồi tòa

---

<sup>214</sup> Bức tượng này chẳng phải là tượng khắc hay vẽ của Đào Khả, mà là tượng Văn Thù Bồ Tát. Nguyên lai, Đào Khả là một danh tướng đời Tây Tấn. Khi ông làm thứ sử Quảng Châu, có ngư dân đến báo: Gần bờ biển, đêm tối thường có ánh sáng chiếu lên. Đào Khả liền sai người tìm kiếm, rốt cuộc tìm được một bức tượng Bồ Tát kim sắc, trên lưng đề “*tượng Văn Thù Sư Lợi do vua A Dục tạo*”. Đào Khả liền thỉnh về thờ tại chùa Hàn Khê ở huyện Vũ Xương, dân chúng quen gọi là “*Đào Khả thụ tượng*” (bức tượng tốt lành của Đào Khả). Tới khi Đào Khả trở về Kinh Châu, sai người chuyển vận bức tượng theo. Dù dùng sức mạnh của nhiều người cộng thêm trâu bò kéo, chỉ miễn cưỡng chuyển được tượng tới kè đá. Khi chuyển tượng lên thuyền, thuyền chìm ngay. Đào Khả biết Bồ Tát không chịu đi, lại rước về thờ tại chùa Hàn Khê như cũ. Về sau, tổ Huệ Viễn dựng chùa Đông Lâm tại Lư Sơn. Chùa xây xong, tổ thấp hương thỉnh cầu, tượng chuyển về đó nhẹ nhàng, không tổn chút công sức nào. Từ đó, tượng được thờ tại chùa Đông Lâm.

phía Nam. Thoảng nghe tiếng giảng nói, lại ngửi thấy mùi hương lạ thơm ngào ngạt. Đạo tục truyền tụng, đều xưng tụng là thần dị. Kết hạ xong, thần cúng một con ngựa trắng, năm con dê trắng, năm mươi xấp lụa để cúng dường công lao giảng pháp. Sư chú nguyện, nhận lấy rồi đi; về sau, chẳng biết kết cục như thế nào (*Theo Lương Cao Tăng Truyện*).

**\* *Sanh tự chủ tại Thành Đô***

Tăng Sanh là người huyện Phi thuộc Thục Quận (Tứ Xuyên). Họ ngoài đời là Viên, làm tăng từ bé. Do có tiếng khồ hạnh, Sư được Thái Thú Thành Đô là Tống Phong thỉnh trụ trì chùa Tam Hiền. Sư tụng kinh Pháp Hoa, lại tu tập Thiền Định. Sư từng tụng kinh trong núi, bỗng có một con cọp đến ngồi chồm hổm trước mặt. Sư tụng kinh xong nó mới đi. Sau này, sau khi tụng niệm, tu tập xong, Sư thường thấy bốn vị thần châu hầu, bảo vệ chung quanh. Tuổi tuy đã già suy, hạnh nghiệp của Sư càng vững bền. Tới khi mắc bệnh, Sư căn dặn môn đệ rồi ngồi xếp bằng mà hóa (*Theo Lương Cao Tăng Truyện*).

**\* *Tự sư tại nước Cao Xương***

Vị tăng Pháp Tự ở Cao Xương<sup>215</sup>, đức hạnh nghiêm cẩn, cao cả, ăn rau, uống nước. Sau đó, Sư vào đất Thục, sống tại vùng mộ của Lưu Sư để hành hạnh Đầu Đà. Hồ, rấn thấy Sư chẳng gây thương tổn. Sư thường ở trong nhà đá, tụng ba kinh Pháp Hoa, Duy Ma, Kim Quang Minh. Trong một Hạ, Sư bỗng ở trong nhà đá, nằm bên hông trái, mạng chung, bảy ngày [thi thể] chẳng hoại. Mùi thơm lôi kéo người khác tìm

---

<sup>215</sup> Cao Xương là một quốc gia cổ ở Tây Vực. Cao Xương là phiên âm của chữ Qocho trong tiếng Uigur (Duy Ngô Nhĩ), thuộc địa bàn thành phố Thổ Lỗ Phiên (Turpan Shehiri) thuộc tỉnh Tân Cương hiện thời. Vùng này thời Tần - Hán là một khu chiếm đóng và đặt đồn điền của người Hán, trực thuộc quyền quản hạt của Lương Châu. Tới thời Bắc Lương, một tay hào phú ở Cao Xương là Hám Sảng do được người Nhu Nhiên (Rouran, Lô Lan) chống lưng, đã tự lập làm Thái Thú, biến nơi này thành một quốc gia độc lập. Cho tới thời Thái Bình Chân Quân (440-451), Thư Cừ Vô Húy đánh bại Hám Sảng, chiếm Cao Xương, đổi tên thành Bắc Lương Cao Xương. Đến năm 460, Cao Xương bị người Nhu Nhiên thôn tính, đưa Hám Bá Châu lên làm vua. Cao Xương trải qua nhiều triều đại do các sắc dân khác nhau chiếm đóng, thành lập các vương triều khác nhau. Cao Xương Quốc tồn tại cho đến năm 640 thì bị nhà Đường thôn tính, đổi thành Cao Xương Huyện. Sau đó, đến năm 840, vùng này bị người Hồi Hột chiếm, gọi là Cao Xương Hồi Hột.

đền. Mỗi tối, tỏa sáng chiếu thấu mấy dặm. Người làng lấy làm lạ, liền dựng tháp mộ nơi di thể. Sư là người thời Tấn (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Nghĩa pháp sư ở Cối Kê**

Sư Pháp Nghĩa, họ ngoài đời là Trúc. Mười ba tuổi nhập đạo, chuyên ròng siêng hành Phạm hạnh, tụng kinh Chánh Pháp Hoa, trụ tại chùa Ngõa Quan. Sau Sư dời sang Bảo Sơn tỉnh xá ở Cối Kê. Năm Hàm Hòa (327)<sup>216</sup> thứ hai, Sư nhiễm bệnh, nhưng tụng niệm, tu tập chẳng thiếu sót. Đêm mộng thấy một vị tăng lôi ruột và bao tử của Sư ra gột rửa cầu uế xong, lại nhét vào trong bụng. Tỉnh giấc, bệnh tật đã tiêu trừ. Vua Tấn từng tuyên triệu Sư vào cung cấm để truyền thọ Ngũ Giới, cung phụng trọng hậu. Tới niên hiệu Đại Hòa, Sư chẳng bệnh tật mà mất. Vua sắc truyền dựng tháp an táng tại Tân Đình Cương, nay là chùa Trung Hưng (*theo Linh Thụ Tập*).

**\* Đạt thượng nhân ở đất Khương**

Trong niên hiệu Long An<sup>217</sup> đời Tấn, vị tăng Huệ Đạt khi đào cam thảo ở Sơn Bắc Lũng, người Khương<sup>218</sup> do đói kém đã bắt người về ăn thịt. Ngài Huệ Đạt bị chúng bắt, nhốt trong cũi. Chúng nó chọn người mập để ăn trước. Huệ Đạt hết sức hoảng sợ, nhất tâm xưng niệm danh hiệu Quán Âm, và tụng phẩm Phổ Môn. Người trong cũi bị chúng ăn sạch, chỉ còn Huệ Đạt và một đứa nhỏ, mạng chỉ còn lại một ngày. Huệ Đạt suốt đêm trì niệm, chẳng bỏ. Tới sáng, bỗng có một con hổ từ trong đám cỏ chạy ra, gào rống chấn động cả núi. Lũ người Khương hoảng sợ, tháo chạy. Cọp bèn cắn cũi thùng thành lỗ rồi bỏ đi. Huệ Đạt và đứa bé vội bỏ chạy, thoát nạn (*theo Thai Tông Biệt Hành Nghĩa Sớ*).

**\* Khoáng pháp sư ở Ngô Hưng**

---

<sup>216</sup> Hàm Hòa là niên hiệu của Tấn Thành Đế (Tư Mã Diễn) từ năm 326 đến năm 334.

<sup>217</sup> Long An là niên hiệu của Tấn An Đế (Tư Mã Đức Tông) nhà Đông Tấn từ năm 397 đến năm 402.

<sup>218</sup> Người Khương còn gọi là Nhĩ Mã (Rma), là một sắc dân thiểu số sống tại vùng Tây Nam Trung Hoa (chủ yếu là tại Tứ Xuyên). Tuy họ có văn tự riêng nhưng đã bị thất truyền. Ngôn ngữ của họ chia thành hai loại lớn là Bắc Khương và Nam Khương thuộc ngữ hệ Tạng Miến (Tibeto-Burman languages).

Pháp sư Trúc Pháp Khoáng, họ ngoài đời là Cao, ngụ cư<sup>219</sup> ở Ngô Hưng. Sư chí hướng cao cả, trác tuyệt, giới hạnh uyên thâm. Do bỗng sư ngã bệnh, Pháp Khoáng vì thầy chí thành cầu đảo, lễ sám suốt bảy ngày đêm. Do vậy, cảm vời quang minh năm màu chiếu vào phòng, bệnh thầy liền khỏi. Về sau, Sư trụ tại thạch thất trong núi Tiềm Thanh, thường diễn nói ý chỉ “*hội tam thừa quy vào nhất thừa*” của kinh Pháp Hoa và cái nhân của Tịnh Độ. Sư thường ngâm vịnh hai bộ (tức kinh Pháp Hoa và kinh Vô Lượng Thọ), có người thì giảng, không có người thì tụng niệm. Tạ An là Thái Thú ở Ngô Hưng, đặc biệt tới chỗ Sư bày tỏ lòng tôn kính. Tấn Giản Văn Đế (Tu Mã Dục) triệu vời, sai Sư làm trai đàn, hành sám pháp để đuổi sao xấu. Sư về già, dời sang chùa Xương Nguyên ở Vũ Huyệt, vì bá tánh cứu vớt khổ ách, không gì chẳng hiệu nghiệm. Có người thường thấy tại chỗ Sư đi hay ngồi, luôn có quỷ thần mấy chục kẻ hộ vệ trước sau. Sư thọ bảy mươi sáu tuổi, quan Thường Thị là Cố Khải soạn truyện ghi chép lại đức hạnh của Sư (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Vị sư bị quên mất tên ở Trường Sa**

Trong năm Kiến Hưng thứ hai (314) đời Tây Tấn (nhằm đời vua Tấn Mẫn Đế Tu Mã Nghiệp), ở phía Tây huyện Trường Sa, cách hơn một trăm dặm, trở hai gốc hoa sen xanh mọc trên đất bằng. Đạo tục tranh nhau đến xem. Do vậy, đào sâu xuống một trượng hai thước đất, tìm được một cỗ quan tài bằng sành. Hoa sen mọc từ chỗ bị hư hoại của quan tài. Mở quan tài ra xem, thấy đầu lâu bị hoa sen xuyên qua. Rễ hoa sen mọc từ chỗ xương má và răng hàm của đầu lâu. Khi đó, có người nói: “*Xưa kia có vị tăng, chẳng biết tên họ, tụng kinh Pháp Hoa mười vạn bộ, không bệnh tật mà hóa, có di ngôn dùng áo liệm bằng giấy, dùng sành làm quan tài. Đây chính là quan tài của Sư*”. Nay dựng chùa trên nền cũ tại Dịch Đình<sup>220</sup>, đặt tên là Liên Hoa vậy (*xem trong Hồng Giác Phạm Văn Tự Thiên Tập*).

---

<sup>219</sup> Không phải dân địa phương mà đến sống ở một vùng nào đó thì gọi là “*ngụ cư*”.

<sup>220</sup> Dịch Đình ở đây là cái đình nghi chân. Thuở xưa, do chuyển vận công văn cho mau chóng, thiết lập dịch trạm. Tại dịch trạm có chỗ cho phu trạm đổi ngựa, uống nước, chuyển công văn cho người khác đưa tiếp v.v... Quy định cứ bao nhiêu dặm thì đặt một dịch trạm. Về sau, trên quan lộ, cứ cách bao nhiêu dặm lại lập cái đình

**\* Hai vị tăng đã quên mất tên thời cổ**

Vị tăng chùa Vương Hầu ở Phạm Dương đã quên mất tên, chuyên lấy việc tụng kinh Pháp Hoa làm công khóa thường nhật. Lúc Sư mới mất, tạm thời chôn dưới đê. Về sau cải táng, hài cốt đều hư nát, chỉ có cái lưỡi chẳng nát. Tại Ung Châu, lại có một vị tăng cũng tụng Pháp Hoa, ẩn cư trong núi Bạch Lộc, cảm một bé trai đến hầu hạ. Tới khi Sư mất, vùi thân dưới gộp đá, các phần khác đều khô quắt, chỉ có cái lưỡi vẫn như cũ! (*trích từ Tam Bảo Cảm Thông Lục*).

**\* Vũ pháp sư ở Ký Châu**

Vị tăng Pháp Vũ người Ký Châu, lúc mười lăm tuổi đã quyết chí xuất gia, làm đệ tử ngài Huệ Thi. Ngài Huệ Thi giới hạnh tinh nghiêm, tu hạnh Đầu Đà. Pháp Vũ có phong phạm cao cả, dũng mãnh, thấu đạt sâu xa đạo của thầy. Do tụng kinh Pháp Hoa, Sư ngưỡng mộ, thề phỏng theo ngài Dược Vương thiêu thân cúng dường Đại Thừa. Khi đó, Tấn Vương nhà Ngụy Tồn là Diêu Tự đang trấn thủ vùng Bồ Bản. Sư đem chuyện ấy tâu với vương, vương bảo: “Nhập đạo có nhiều lối, cần gì cứ phải hủy thân mạng! Chẳng dám cố trái ý, mong thầy hãy suy nghĩ đôi ba lượt”. Chí hướng, thệ nguyện của Pháp Vũ đã sâu nặng, Sư liền uống dầu thơm, dùng vải quấn thân, tưới dầu sáp lên, tụng phẩm Dược Vương rồi nổi lửa tự thiêu. Đạo tục tranh nhau đến xem, đều sanh lòng thương tiếc (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

**\* Thiệu pháp sư ở Lâm Xuyên**

Ngài Huệ Thiệu chẳng biết quê quán. Lúc còn thơ, mẹ mới cá thịt, Sư liền phun ra. Do vậy, chẳng ăn mặn. Tám tuổi, Sư xuất gia làm tăng, thông hiểu kinh Pháp Hoa, dùng khổ hạnh để nêu bày khí tiết. Về sau, do sư tăng yêu cầu, Sư trụ tại chùa Chiêu Đề ở Lâm Xuyên. Sư thường nghĩ ân Phật sâu nặng, thề muốn xả thân để báo đáp, bèn thuê người dẫn củi, chất tại hang đá tại Đông Sơn cao đến một trượng. Chính giữa, khoét một cái khám. Trở về chùa, thưa với thầy, thầy can gián,

---

làm chỗ nghỉ chân cho người đi đường, gọi là Dịch Đình. Đôi khi dịch đình có đặt sẵn củi nước cho hành nhân uống nước hay tự nấu cơm.



## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

nhưng Sư chẳng nghe. Do vậy, chọn ngày mở hội Bát Quan Trai trong núi. Cả xứ tụ về đây nghệt hang núi. Tối đêm, ngài Huệ Thiệu tự chạy hương, cầm đuốc đốt củi rồi vào khám ngồi, tụng phẩm Dược Vương xả thân. Lửa cháy tới trán vẫn nghe tiếng Sư tụng kinh. Đại chúng bỗng thấy một ngôi sao to như cái đầu giáng thẳng xuống lửa, chốc lát bay lên trời, đều cho đó là điềm lành thiên cung nghênh tiếp. Huệ Thiệu từng nói với một vị đồng học: “*Chỗ tôi thiêu thân sẽ mọc một cây ngô đồng, xin đừng chặt*”. Ba ngày sau, quả nhiên cây mọc lên. Đạo tục đều lấy làm lạ. Đó là năm Nguyên Gia 28 (451)<sup>221</sup> đời Tống (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

### *\* Khánh pháp sư ở Lư Sơn*

Vị tăng Huệ Khánh, người xứ Quảng Lăng. Trong niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, Sư trụ tại Lư Sơn, học thông thạo kinh luật, giới hạnh tinh nghiêm. Suốt đêm, Sư tụng các kinh Pháp Hoa, Duy Ma v.v... thường nghe trong bóng tối có tiếng khảy ngón tay tán thán. Sư từng gặp cơn lốc tại Tiểu Lô, thuyền sắp chìm, Huệ Khánh một dạ tụng kinh để cầu an ổn. Thuyền đang bị vùi dập trong sóng, bỗng cảm thấy có người nâng đỡ, kéo đi, chốc lát đến được bờ. Từ đây, Sư tụng niệm, tu tập đến già chẳng lười nhác (*theo Pháp Uyển Châu Lâm*).

### *\* Quỳnh pháp sư ở Quảng Lăng*

Vị tăng Đạo Quỳnh, họ Mã, người xứ Phù Phong. Sư bỏ nhà lễ ngài Đạo Ý làm thầy. Thầy bị bệnh, sai nhóm Đạo Quỳnh bốn người đến Hoắc Sơn hái chung nhũ<sup>222</sup>. Vào hang được mấy dặm, cưỡi bè gỗ vượt sông. Ba người chết chìm, đèn đuốc lại tắt mất. Đạo Quỳnh một mực tụng kinh Pháp Hoa, niệm thánh hiệu Quán Âm. Trong chốc lát, thấy một tia sáng như lửa đóm, noi theo đó thoát ra. Sư lại từng cùng bốn vị đồng học đi về phương Nam lên kinh đô, trong đêm đi trên băng vượt sông. Giữa dòng, băng nứt, đồng học không thể cứu giúp được. Đạo Quỳnh chỉ dựa vào tụng niệm, bỗng dung dưới chân như có vật nâng đỡ.

---

<sup>221</sup> Nguyên Gia là niên hiệu từ năm 424 tới năm 453 của Tống Văn Đế (Lưu Nghĩa Long) nhà Lưu Tống thời Nam Triều.

<sup>222</sup> Thạch nhũ mọc trong lòng hang có hình nón thì gọi là chung nhũ (stalagmite).

Lại thấy ánh sáng đỏ dẫn đường đằng trước, bèn tới được chùa Nam Giản.

Lại có một đêm, Sư nhập Định, chợt thấy bốn người ngồi xe báu mời Đạo Quynh lên xe. Sư lên xe, bỗng thấy đang ở cạnh cầu Trầm Gia tại châu ấy. Bên đường, có một người ngồi trên hồ sàng<sup>223</sup> chỉ huy mọi người: “Trước đó, ta chỉ hạ lệnh cho mọi người biết trụ xứ của Sư thôi, sao lại phiền Sư từ xa đến tận đây? Hãy mau đưa Sư về!” Về đến chùa, mọi người đều chẳng biết Sư mới vừa đi về. Khi đó nhằm niên hiệu Nguyên Gia đời Tống (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

**\* Minh pháp sư ở Lâm Truy**

Trong niên hiệu Kiến Sơ đời Tống, có vị tăng tên Phổ Minh, xuất gia từ bé, tánh tình thuần lương, chất phác, thường ăn rau, mặc áo vải. Sư dùng Pháp Hoa và Duy Ma làm nhật khóa. Khi tụng có áo riêng, tòa riêng, chưa hề hỗn tạp. Thường là khi tụng tới phẩm Khuyến Phát, liền thấy đức Phổ Hiền cưỡi voi đứng trước mặt. Khi Sư tụng kinh Duy Ma, liền nghe trong hư không có tiếng xướng nhạc. Vợ ông Vương Đạo Chân trong làng bệnh ngặt, thỉnh Sư trị chú. Sư mới vừa vào cửa, người bệnh đã chết ngất, bỗng thấy có một vật giống như con lửng chó (raccoon) dài mấy thước, chui theo lỗ chó trốn mất, bà ta liền lành bệnh. Lại có lần Sư đi gần chỗ có nước, có kẻ đồng cốt nói: “Thần minh trông thấy pháp sư đều rảo chạy” (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

**\* Huệ pháp sư ở Việt Châu**

Sa-môn Pháp Huệ, họ Hạ Hầu. Kể từ lúc mười lăm tuổi, Sư đã có kiến thức trác tuyệt, đến lúc thôi để chỏm, ngôn hạnh càng thêm cao cả. Trong niên hiệu Đại Minh<sup>224</sup> đời Tống, Sư sang Vũ Huyệt ở phương Đông, về dưỡng già tại ngọn Thiên Trụ, suốt đời dùng tụng niệm Pháp Hoa làm công khóa chẳng lười nhác, thọ dụng thanh đạm, ăn rau, mặc áo vải mà thôi! Sư thường ở riêng trong một ngôi gác, chẳng dính líu đến nhân gian suốt ba mươi mấy năm. Vương hầu mời mọc, đón rước, Sư

---

<sup>223</sup> Hồ sàng còn gọi là “*giao ý*” là một loại ghé xếp, chỗ mặt ghé để ngồi thường dùng dây bện hoặc các giải băng vải dày căng trên mặt ghé để có thể xếp lại dễ dàng.

<sup>224</sup> Đại Minh là niên hiệu của Tống Hiếu Vũ Đế (Lư Tuân) thuộc Nam Triều từ năm 457 đến năm 464.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

đều chẳng gặp gỡ. Chỉ có Châu Ngung do có tín giải đều sâu là được Sư đặc biệt tiếp kiến. Khi đó, người mộ đức chiêm lễ có thể nhờ theo Châu Ngung<sup>225</sup> mà gặp Sư (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

### *\* Hậu pháp sư ở Kinh Châu*

Ngài Tăng Hậu, họ ngoài đời là Cung, nhiều đời sống ở Tây Lương. Trong niên hiệu Hiếu Kiến<sup>226</sup> đời Tống, Sư tới kinh đô. Đối với các kinh Pháp Hoa, Duy Ma, và Kim Quang Minh, cứ hai ngày là Sư tụng xong một bộ. Như thế cho đến sáu mươi mấy năm chẳng thiếu sót. Về sau, Sư ẩn cư tại một hang đá thuộc rặng núi phía sau kinh thành để làm chỗ tu Thiền và tụng niệm. Một hôm, Sư mắc bệnh nhẹ, bèn thay áo, rửa mặt, súc miệng, oai dung nghiêm túc, chấp tay qua đời, thọ tám mươi chín tuổi. Sư từ thuở mười tám tuổi cho đến lúc xả mạng, hể bóng mặt trời chênh quá Ngọ đôi chút, [mà chưa kịp ăn trưa, Sư] sẽ chẳng thọ trai (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

### *\* Tấn pháp sư ở kinh đô*

Sư tên là Huệ Tấn, là con cháu nhà họ Diêu ở Ngô Hưng. Từ thuở bé đã thích đi khắp nơi hành hiệp, tới bốn mươi tuổi mới tỉnh ngộ. Do vậy, xuất gia, bèn trụ tại chùa Cao Tòa ở kinh đô. Sư chuyên tu Phạm hạnh, một mực đăm bực, thề tụng kinh Pháp Hoa. Sư dụng tâm nhọc nhằn, tụng niệm đến nỗi thành bệnh. Do vậy, Sư phát tâm tạo một trăm bộ kinh Pháp Hoa để sám hối tội lỗi thuở xưa. Bởi đó, hằng ngày tích góp tiền bạc do thí chủ quyên tặng [để thuê người chép kinh]. Kinh chép

---

<sup>225</sup> Châu Ngung, tự là Ngạn Luân, người ở An Thành, huyện Nhữ Nam. Ông nổi tiếng có văn tài từ bé, học rộng, ưa thích Phật giáo. Ông được bạn thân của ông nội là Tiêu Huệ Khai thưởng thức tài năng, mang theo vào đất Thục, làm cố vấn trong quân rồi làm huyện lệnh của Phì Hương và Thành Đô. Ông thường nói Huệ Khai tánh tình quá nghiêm ngặt, thường dùng kinh Phật để khuyên can. Về sau, ông trở thành phủ quân hành tham quân của An Thành Vương Lưu Hoài. Đến năm Kiến Nguyên nguyên niên (479), ông được phong làm huyện lệnh Sơn Âm, rồi thăng làm Thái Tử Bộc, kiêm trước tác, giáo định lễ nhạc. Sau ông ẩn cư ở Chung Sơn, chuyên ăn chay, ở riêng một mình trong lều tranh trong núi. Tuy vậy, về sau do bị triệu vời, ông nhận chức Quốc Tử Bác Sĩ, rồi mất trong khi đang giữ chức Cấp Sự Trung. Ông viết nhiều tác phẩm như Châu Ngung Tập, Châu Dịch Luận, Đầu Hồ Kinh v.v... nhưng đều bị thất truyền.

<sup>226</sup> Hiếu Kiến là niên hiệu của Tống Hiếu Vũ Đế sử dụng từ năm 454 đến 456.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

đủ số thì bệnh cũng lành. Sau đó, Sư càng phúng tụng gấp bội, hồi hướng các phước nghiệp, nguyện sanh Tây Phương. Một hôm, Sư bỗng nghe trên không trung có tiếng nói: “*Đúng như ông ước nguyện, ắt sẽ được vãng sanh*”. Tới năm Vĩnh Minh thứ ba (485) đời Tề [Vũ Đế (Tiêu Trách) thuộc Nam Triều], Sư không bệnh mà hóa, thọ tám mươi lăm tuổi (theo *Luong Cao Tăng Truyện*).

### **\* Quả pháp sư ở kinh đô**

Vị tăng Huệ Quả là người ở Dự Châu. Sư chẳng ăn mặn từ bé, trú tại chùa Ngõa Quan ở kinh đô, để tụng các kinh như Pháp Hoa v.v... Sư từng ở trong nhà xí thấy một con quỳ cung kính thưa: “Xưa kia, tôi làm duy-na, do có chút việc không đúng pháp, phải đọa làm quỳ ăn phân. Tôi từng có ba ngàn đồng, chôn dưới cây thị. Xin pháp sư từ bi dùng món tiền ấy làm phước”. Sư liền bảo đại chúng đem món tiền ấy tạo một bộ kinh Pháp Hoa để truy điệu. Sau đó, Sư bỗng mộng thấy quỳ ấy đến cảm tạ, thưa: “*Đã được sửa thành quả báo tốt đẹp hơn trước rất nhiều*”. Đó là chuyện trong niên hiệu Thái Thi (465-471) đời Lưu Tống (theo *Luong Cao Tăng Truyện*).

### **\* Du pháp sư ở Lư Sơn**

Sư húy là Tăng Du, họ ngoài đời là Châu, người xứ Ngô Hưng. Tuổi hai mươi xuất gia, hạnh nghiệp tinh thuần, trọn đủ. Sư dựng chùa Chiêu Đề ở phía Nam Lư Sơn để ở, thường trì kinh Pháp Hoa, chưa từng thiếu sót chút nào! Một hôm, Sư bảo bạn bè: “*Do kết sử gây lụy tam đồ cho nên có hình hài, nay tình kiến sắp hết, hình thể cũng nên bỏ đi, đường lối của ngài Dược Vương há xa xôi ư?*” Sư bèn chắt củi làm khám, sắp đặt trai tăng, từ biệt đại chúng. Hôm ấy, mưa lác rác, trời kéo mây. Sư bèn phát thệ rằng: “*Nếu tôi bỏ thân chẳng hối tiếc, trời sẽ quang tạnh. Nếu không, trời sẽ đổ mưa to*”. Nói xong, quả nhiên tạnh mưa. Đến đêm, Sư vào khám, chấp tay, ngồi xếp bằng, tụng phẩm Dược Vương Bản Sư. Lửa cháy tới thân, Sư vẫn ngồi thản nhiên. Mọi người thấy một luồng hơi tía tủa lên trời mấy ngày chẳng tan mất. Khi đó, Sư bốn mươi bốn tuổi, nhằm ngày mùng Ba tháng Sáu năm Hiếu Kiến thứ hai (455) đời Tống.

Mười bốn ngày sau, nơi phòng cũ của ngài Tăng Du bỗng mọc hai cây ngô đồng, cành lá sum suê, mọc vươn thẳng tắp. Người hiểu biết bảo

đó là Sa La song thụ, quyết nêu rạng đạo Nê Hoàn (Niết Bàn), chắc ngài Tăng Du có phân, cho nên hiện điềm lành này! Do vậy, Sư có hiệu là Song Đồng Sa Môn. Trưởng biện của Ngô Quận là quan trưởng sử Bình Nam đích thân trông thấy chuyện đó, bèn khen rằng: “*Du du huyền cơ, mang mang chí đạo. Xuất sanh nhập tử, thực vi chí bảo*” (Huyền cơ dằng dặc, đạo cực mênh mang, vào sanh ra tử, đúng là chí bảo). Đó là bài thứ nhất. “*Tự tích Dược Vương, thù hóa tuyệt luân. Vãng vãn kỳ thuyết, kim đồ tư nhân*” (Dấu xưa Dược Vương, giáo hóa tuyệt vời, xưa nghe nói đến, nay đích thân thấy). Đó là bài thứ hai. “*Anh anh sa môn, huệ định tâm cố, ngưng thần hơi tía xong, biểu lộ thành Song Thụ*”. Đó là bài thứ ba. “*Kỳ đức khả nhạo, kỳ tháo khả quý, vãn chi tác hỹ, thức dương phảng phất*” (Đức ngài đáng chuộng, tiết tháo đáng quý, soạn vãn tán dương, phong phạm phảng phất). Đó là bài thứ tư (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

### *\* Ích pháp sư ở Chung Sơn*

Sư tên là Huệ Ích, người xứ Quảng Lăng. Sư xuất gia tại Thọ Xuân, sau này, nấu mình tại chùa Trúc Lâm. Sư khí tiết trác tuyệt, chuyên rông tụng Pháp Hoa, thệ nguyện đốt thân để thực hiện chân pháp cúng dường. Thoạt đầu, Sư thôi ăn ngũ cốc, chỉ uống bơ. Kẻ thấy nghe hủy báng hay tán thán rất nhiều. Sau đó, Sư thôi uống bơ, chỉ nuốt các viên hương. Tuy Tứ Đại yếu ớt, nhưng tinh thần thanh tịnh, chánh niệm. Tống Hiếu Vũ Đế càng thêm kính trọng, ngạc nhiên sâu đậm, sai sứ giả đến can gián Sư thôi làm thế. Sư chẳng nghe theo.

Trong ngày Phật Đản năm Đại Minh thứ bảy (463), Sư đặt cái vạc ở phía Nam của Chung Sơn, chuẩn bị dầu, rồi đến cung khuyết từ biệt hoàng đế. Vua nhìn Sư, sắc mặt bi thương, Sư đôi ba lượt dùng Phật pháp căn dặn rồi lui về. Vua đích thân xa giá đến xem. Khi đó, tứ chúng vội vàng kéo đến. Sư vào trong vạc, dùng bông vải bó thân, tưới dầu lên. Sư sắp nhóm lửa thì vua ngăn lại. Ngài Huệ Ích kiên quyết, chẳng tuân theo, lại nói: “*Thân hèn mạng tẻ nào đáng để thánh ý quan tâm. Kính xin bệ hạ độ hai mươi người xuất gia hòng giúp đỡ Phật pháp*”. Vua đồng ý, Huệ Ích cảm được tự thiêu, chấp tay tụng phẩm Dược Vương. Lửa cháy tới lông mi, lông mày, vẫn nghe tiếng tụng kinh. Mọi người nhìn vào, tiếng kêu đau lòng vang rền hang núi. Vua bỗng nghe trên hư không có tiếng đàn, sáo, mùi hương lạ tỏa ngào ngạt cả ngày mới tan.

Đêm đó, vua lại mộng thấy ngài Huệ Ích chống tích trượng tìm đến, lại căn dặn vua tuân hành Phật pháp. Hôm sau, vua mở đại hội, độ hai mươi người xuất gia, sắc truyền dựng chùa Dược Vương nơi Sư thiêu thân (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

**\* Tông pháp sư ở Pháp Hoa Đài**

Vị tăng Pháp Tông, người xứ Lâm Hải. Thuở bé, Sư thích săn bắn, từng ở Diệm Xuyên bắn trúng con nai có chữa, nó bỗng trở dạ sanh con. Nai mẹ vẫn mang mũi tên liếm con. Pháp Tông hỏi hận nói: “*Tham sống, yêu con, loài có tình thức đều giống nhau*”, bèn bẻ gãy cung tên, xuống tóc làm tăng, khát thực để tự nuôi thân. Mỗi ngày, Sư chỉ ăn một bữa, sáu thời lễ Phật để sám hối tội khiên thuở trước. Sư thường ngâm vịnh hai kinh Pháp Hoa và Duy Ma, tiếng vọng khắp bốn phương. Nam nữ theo Sư thọ Tam Quy, Ngũ Giới hơn ba ngàn người. Sư mở rộng chỗ cư trụ làm tinh xá, dùng kinh đã tụng để đặt tên, nên gọi là Pháp Hoa Đài (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

**\* Đăng pháp sư ở Lu Sơn**

Vị sư Tăng Đăng trụ tại chùa Đại Lâm núi Khuông Lu, chuyên tụng kinh Pháp Hoa suốt ngày đêm chẳng ngớt. Một hôm, Sư bỗng thấy một tòa điện đường bằng bạc từ từ hạ xuống nơi tăng phòng, bỗng biến thành điện vàng. Sư bèn vào điện, ngồi, đứng, kinh hành như thế suốt ba năm. Tấn An Vương (Tiêu Tử Loan, con trai thứ bảy của Tề Vũ Đế Tiêu Trách) nghe nói, nhiều lần xuống chiếu nghênh đón. Do vậy, Sư tạm xuống núi. Vương và tứ chúng nghiêm cẩn cầm hương, hoa xin Sư truyền giới. Ngài Tăng Đăng nói: “Ban ngày nhiều tiếng ồn ào, xen tạp, tâm lắm nổi tán loạn. Hãy nên thọ giới trong đêm khuya thanh vắng”. Đến đêm, đang trong lúc Sư thuyết giới tướng, Tam Quy, khước miệng Sư bỗng tỏa quang minh chiếu khắp đại chúng. Mọi người thấy quang minh, đua nhau lễ bái, ồn ào. Sư liền thôi nói, quang minh tiêu lại. Sư nói: “Ta vốn muốn truyền giới, nhưng kẻ thấy quang minh liền kêu gào. Quang minh hiện ra chỉ là tướng lành thọ giới, chưa phải là chánh duyên đắc giới. Nay làm lại từ đầu”. Đại chúng im lặng, Sư lại thuyết pháp, lại tỏa ra quang minh. Đại chúng lại ồn ào. Do vậy, Sư bèn thôi, [bảo họ] ngày mai lại tới. Sư liền từ biệt, trở về núi. Điện vàng đã hiện lại hồi phục như cũ. Một hôm, Sư bỗng bảo người cùng chùa: “*Nay tôi lên điện vàng,*

*chẳng trở lại nữa!*” Ngay trong hôm ấy, Sư thông dong siêu hóa (theo *Linh Thụy Tập*).

**\* Chí thiên sư ở Dư Hàng**

Thời Đông Tấn, có vị tăng Pháp Chí kết am ở núi Dư Hàng, tụng kinh Pháp Hoa, sáng tối chẳng lười nhác. Có con chim trĩ làm tổ cạnh am. Mỗi khi nghe tiếng tụng kinh, nó bèn bay lượn cạnh tòa, hoặc đứng chầu bên cạnh, tỏ vẻ nghe nhận. Bảy năm như thế, một ngày chim tiêu tụy. Sư vỗ về bảo: “Người tuy thuộc loài chim mà có thể nghe kinh, nếu thoát khỏi thân nghiệp báo, ắt sanh làm người”. Hôm sau, nó chết. Sư liền đem chôn. Đến đêm, Sư vừa nằm nghỉ, mộng thấy một bé trai đến bái tạ: “Con chính là chim trĩ, do nghe thầy tụng kinh mà được thoát thân chim. Đời này, làm con nhà họ Vương trước núi. Nách bên phải có lông chim trĩ, thầy có thể kiểm nghiệm”. Tới sáng, vị tăng đến nhà ấy, hỏi thăm thì đúng là như thế. Một hôm, nhà họ Vương đãi trai tăng. Ngài Pháp Chí vừa đặt chân đến cửa, đứa nhỏ bỗng nói: “Hòa thượng của con đã đến”, mọi người đều lấy làm lạ, ôm đứa bé cho Sư xem. Ngài Pháp Chí vỗ về, bảo: “Đây là bé trĩ của ta”, liền cởi áo nó xem kỹ. Dưới nách nó, quả nhiên có ba cọng lông chim trĩ, [bảo họ]: “Tới bảy tuổi nên cho nó xuất gia”. Cha mẹ nó vâng lời. Tới tuổi, bèn cho nó vào núi. Mười sáu tuổi xuống tóc, do nách nó có lông trĩ, đặt tên là Đàm Dục. Sư truyền dạy kinh Pháp Hoa, nó nhớ không sai một chữ. Đàm Dục chính là tổ thứ hai của núi ấy!

**\* Thiên y Phi Vân đại sư**

Sư húy Đàm Dục, dòng họ xem trong phần trước. Sư đã thành tăng, tham học khắp nơi. Thoạt đầu, Sư đến Lư Sơn, nương tựa pháp sư Huệ Viễn để liễu ngộ tông thừa. Sau đó, vào Quan Trung lễ quán kinh luận do ngài La Thập đã dịch, thông đạt vô ngại, đặc đại biện tài. Về sau, Sư cùng đồng học là Đàm Học sang Cối Kê ở phương Đông, đến núi Tần Vọng, thấy núi có riêng năm ngọn, hai con suối, khí tượng hào hùng, tuyệt vời. Do vậy, bèn xẻ đá, trừ cỏ, tính ở lại trong núi. Sư chuyên tụng Pháp Hoa suốt mười hai năm. Một hôm, lúc sắp hoàng hôn, có một nữ nhân khoác áo màu, tay xách lồng trúc. Trong đó, có một con lợn trắng, hai củ tỏi. Cô ta đứng trước Sư khóc lóc nói: “Thiếp là con gái nhà nợ ở trước núi, vào núi hái rau Vi, trên đường gặp cọp dữ, rảo chạy

đến đây. Trời đã tối, cây cỏ rậm rạp, sài lang tung hoành, trở về sẽ chẳng có lẽ sống, dám xin Sư cho ở nhờ một đêm có được hay chăng?” Sư viện lẽ hiềm nghi, kiên quyết khước từ, chẳng thuận. Cô ta chảy nước mắt, buồn khóc. Bất đắc dĩ, Sư phải nhường cho cô ta nằm trên giường cỏ rồi liền che đầu tụng kinh.

Tối canh ba, cô ta kêu gào bị bệnh, bảo bụng đau quặn, mong Sư xem thử. Sư trao thuốc, cô ta càng đau đớn nhiều hơn, rên siết không dứt tiếng: “Nếu được Sư xoa bụng, may ra sẽ yên đôi chút. Nếu không, sẽ chết. Phật pháp lấy phương tiện từ bi làm gốc. Sư nữ lòng ngời nhìn mà chẳng đưa tay cứu vớt ư?” Sư đáp: “Ta là tăng sĩ đã thọ đại giới, lý đâu xoa bóp thân người nữ!” Cô ta càng khẩn cầu tha thiết. Sư liền dùng khăn vải bọc đầu tích trượng để xoa bóp từ xa. Trong khoảnh khắc, cô ta bảo: “Đã chẳng cần nữa!” Sáng hôm sau, cô ta bước ra sân, áo màu biến thành mây lành, lợn biến thành voi trắng, tỏi hóa thành hai đóa hoa sen. Cô gái chân đạp lên hoa sen, cưỡi voi, ngự lên mây, bảo Sư: “*Ta là Phổ Hiền Bồ Tát. Do chẳng lâu sau, ông sẽ về trong hàng đại chúng của ta, cho nên đặc biệt đến thử. Xem ra, tâm ông như nước, như trăng, chẳng thể ô nhiễm*”. Nói xong, phời phời ra đi. Lúc bấy giờ, trời tuôn mưa hoa, cõi đất đều rung động. Người làng thấy nghe, không ai chẳng ca ngợi. Ngày hôm ấy, Thái Thú là Mạnh Công Nghi sáng sớm thức dậy xem xét công việc, bỗng thấy phương Nam mây lành ùn ùn giăng bủa, ánh sáng chiếu rọi tới sân nhà. Phía dưới mây, mơ hồ có tiếng vàng, đá, tơ trúc. Dò hỏi mới biết là tướng trạng biến hóa do Sư gặp đức Phổ Hiền, bèn tâu trình đạo hạnh của Sư lên triều đình. Ông Mạnh bèn vâng chiếu dựng chùa, đề tên là Pháp Hoa (tức là chùa Thiên Y hiện thời). Khi đó nhằm năm Nghĩa Hy 13 (417) đời Tấn An Đế (Tư Mã Đúc Tông).

Sư thọ bảy mươi tuổi, viên tịch trong núi ấy. Tăng chúng trong chùa dùng chân thân của Sư để tạo thành tượng. Tối khi Đường Vũ Tông phế trừ Phật giáo, tăng chúng đem tượng ấy giấu trong ruột cây tại phía Nam của chùa, cho nên chẳng bị hủy hoại. Vũ Túc Vương nước Ngô Việt phong thụy hiệu là Phi Vân đại sư (*sự tích của Sư được các bộ Cao Tăng Truyện và Pháp Uyển Châu Lâm ghi chép. Đối với chuyện áo trời, lại có truyện ghi chép riêng. Đối với tất cả các chỗ giống nhau hay khác nhau, đều sao lục cân thận, tường tận*).

**\* Minh pháp sư ở Việt Châu**

Sa-môn Hoàng Minh sanh trong nhà họ Doanh ở Côi Kê; xuất gia tại chùa Vân Môn, khí tiết, phẩm hạnh cao vời, mọi người đều chiêm



## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

ngưỡng. Sư tụng kinh Pháp Hoa, tọa Thiền, lễ sám, sáu thời chẳng thiếu sót, cảm vời nước trong tịnh bình thường đầy ắp. Mọi người nói là các thiên đồng tử hầu cận. Một hôm, Sư tọa Thiền xong, bỗng có một con hổ phủ phục trước mặt, một lúc lâu sau mới bỏ đi. Sau đó, Sư sang Thạch Mỗ Nham ở Vĩnh Hưng nhập định, cũng có sơn tinh đến quấy nhiễu. Ngài Hoàng Minh dùng dây lưng trói nó, sơn tinh nhún nhường, tạ lỗi, xin cởi trói, liền nói: “Sau này chẳng dám tới nữa!” Từ đó, nó tuyệt tích. Đó là chuyện vào năm Vĩnh Minh đời Tề (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

### ***\* Dự pháp sư ở kinh đô***

Vị tăng Huệ Dự người xứ Hoàng Long, từ bé đã chuyên học tập. Sư lên kinh đô, trụ tại chùa Linh Tướng, tham học trọn khắp các vị danh sư. Nếu nghe có kẻ phê phán ai đó, liền bịt tai không nghe. Sư tụng các kinh Pháp Hoa, Đại Niết Bàn v.v... Lại còn tu tập Thiền Định. Một hôm, nằm ngủ, Sư chợt mộng thấy ba người gõ cửa, áo mũ rạng rỡ, cảm lộng nghênh tiếp. Hỏi lý do, họ nói: “Từ kỳ của pháp sư đã đến, cho nên chúng tôi đến đón tiếp”. Huệ Dự nói: “Còn có duyên nhỏ chưa xong, có thể trì hoãn một năm hay không?” Họ vâng lời ra đi. Tới đúng ngày ấy năm sau, lại mộng thấy ba người như trước. Do vậy, Sư liền qua đời. Sư cũng sống vào đời Tề (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

### ***\* Quỹ pháp sư ở kinh đô***

Vị tăng Pháp Quỹ đời Tề, họ ngoài đời là Nguyễn. Thuở nhỏ, Sư theo xuất gia tại Kỳ Viên Tự. Bản tánh cung kính, trầm lặng, lấy chuyện tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp. Hễ được cúng thí, Sư đều gom góp để tạc tượng. Gia đình Sư kiều cư (ngụ cư) tại một ngôi chợ lớn tại kinh đô. Một hôm Sư về nhà, lại tới chùa Định Lâm, lại còn ở Kỳ Viên. Sau đó, có người hỏi dò ba chỗ, họ đều nói thấy Sư đến thọ trai. Ngày hôm ấy, Sư trở về phòng cũ, nằm lặng yên qua đời. Thi thể thơm tho, mềm mại, gập hai ngón tay lại. Mọi người cho rằng Sư đã chứng Nhị Quả. Lương Vũ Đế khâm phục sự thần dị, thiết trai tăng tại chùa ấy, sắc truyền nhà chùa vâng chiếu an táng (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

### ***\* Biện pháp sư ở kinh đô***

Đời Tề có sa-môn Siêu Biện tại Đôn Hoàng, đỉnh ngộ từ bé, hành xử sâu xa, trầm tĩnh. Sư ở kinh đô; sau đó, Sư từ kinh đô đến Kiến Khang, qua Đông Việt<sup>227</sup>, tìm đến tham lễ các vị danh sư. Sau đó, Sư quay về trụ tại chùa Định Lâm, nhàn cư dưỡng chí, vui thỏa chốn núi rừng cho đến hết đời. Sư mỗi lần tụng, đều tụng trọn một bộ Pháp Hoa bảy quyển, tâm mãn tiếp, miệng thốt lời, luôn có thừa sức. Sư lễ danh hiệu một ngàn vị Phật hơn một trăm năm mươi vạn lạy. Sư chẳng ra khỏi cửa suốt ba mươi năm, thọ bảy mươi ba tuổi rồi tịch. Toàn thân được chôn tại phía Nam chùa. Ngài Tăng Hựu lập bia ghi chép đức hạnh của Sư (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

**\* Sa môn Trùng pháp sư**

Ngài Bạt Trùng lúc hai mươi tuổi xuất gia làm tăng, căn khí què kệch, chậm lụt, chẳng thể làm thế nào được! Sư bèn lập chí, thề tụng kinh Pháp Hoa để cầu về Tây. Mỗi ngày, Sư ghi nhớ một dòng kinh, hoặc nhớ nửa bài kệ. Siêng khổ như thế tới tám mươi tuổi mới thông suốt cả bộ. Một hôm, Sư ngồi xếp bằng nhập Định, bỗng thấy một vị thần mặc áo đỏ, tay cầm tờ sớ cầu thỉnh, tới nói: “Thiên đế nghênh đón đại đức Bạt Trùng”. Sư nói: “*Ta sanh ra ngu độn, tùy sức tụng trì, chuyên cầu Cực Lạc. Đạo Lợi tuy là chỗ thù thắng, chẳng phải là nơi ta ước nguyện!*” Do vậy, vị thần tạ từ rời đi. Lại một lúc khác, Sư mộng thấy tháp lớn bằng bảy báu, thân Sư đang ở trong tầng thứ năm, nhìn ra xa thấy có thành trì bằng bảy báu chẳng có ngần hạn. Phía ngoài, có hai vị Kim Cang cầm xử đứng hai bên, mấy chục người áo xanh tay cầm phát trần trắng, phẩy bậc thềm. Ngài Bạt Trùng hỏi thì họ đáp: “*Đây chính là bậc thềm của thành báu chốn Tây Phương*”. Sư tỉnh mộng, liền

---

<sup>227</sup> Đông Việt còn gọi là Mân Việt chính là một quốc gia cổ được thành lập tại vùng Phước Kiến hiện thời. Sau khi nước Việt của Câu Tiễn bị Sở diệt quốc, một số người thuộc bộ tộc U Việt chạy tới kết hợp với bộ tộc Mân lập ra quốc gia này, đặt kinh đô tại Đông Dã (thành phố Phước Châu hiện thời). Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Nguyên, đã xóa sổ Mân Việt, lập ra quận Mân Trung. Do người Việt bất khuất, nhà Tần không phái huyện lệnh cai trị, chỉ phong cho lãnh tụ người Việt làm quận trưởng. Cho tới khi Lưu Bang diệt Tần và Hạng Vũ lập ra nhà Hán, đã phong Vô Tự làm Mân Việt Vương. Đó là thời thịnh trị của Mân Việt. Tới thời Hán Vũ Đế, do các mưu mẹo của người Hán gây chia rẽ, cuối cùng Mân Việt hoàn toàn bị diệt quốc. Về sau, khi nói tới Mân Việt thì có nghĩa là phần lớn tỉnh Phước Kiến và một phần tỉnh Giang Tây.

bảo đệ tử: “Ông hãy đem bán y bát của ta để lo liệu cơm chay dâng cúng đại chúng”, lại nói: “Các ông lúc này có thấy ngàn đức Phật hay không?” Mọi người đáp: “Không thấy!” Lại nói: “Có cảm thấy mùi hương lạ thường hay không?” Đáp rằng: “Đều nghĩ thấy”. Sư nói xong, hướng về Tây, lặng lẽ qua đời (*theo Linh Thụ Tập*).

**\* Vân pháp sư ở Kim Lăng**

Pháp sư là người xứ Dương Tiễn, họ ngoài đời là Châu. Lúc mẹ Sư mới sanh ra Sư, thấy mây phủ đầy nhà. Do vậy, dùng chữ Vân làm tiểu tự. Sư bảy tuổi xuất gia, được đặt pháp danh là Pháp Vân. Sư điển trai, anh tuấn, trác tuyệt thuở đó. Lương pháp sư trông thấy, khen ngợi: “Tâm trí của ta chẳng sánh bằng Vân. Ông này ắt sẽ là bậc rường cột nơi đại pháp”. Lúc ba mươi tuổi, Sư giảng Pháp Hoa và Tịnh Danh, biện tài như gió cuốn, học trò tụ về đông đảo. Lương Vũ Đế kính phục, sắc truyền Sư trụ trì chùa Quang Trạch. Pháp Vân từ thuở làm Sa Di đã yêu chuộng Pháp Hoa, chuyên ròng tham cứu, suy niệm, từng đến chỗ vách đá sâu để riêng mình đọc, giảng kinh này. Sư bày đá làm học trò, bẻ cành tùng làm phát trần, tự xưng, tự hướng dẫn, lại còn tự cất vấn. Hơn nữa, số giải tàng tàng, trước sau soi tỏ cặn kẽ lẫn nhau.

Sư từng diễn giảng kinh này tại một ngôi chùa, bỗng cảm hoa trời có hình dạng như tuyết bay rơi xuống đầy trời, tràn vào trong điện, lơ lửng trên hư không chẳng rơi xuống. Sư giảng xong, chúng liền biến mất. Thuở đó, ngài Chí Công đạo siêu việt chư tăng, có lúc tới chỗ ngài Pháp Vân nói: “Tôi muốn hiểu sư tử hống, xin sư hãy giảng cho”. Sư liền lên pháp tòa phân tích, ngài Chí Công khảy ngón tay nói: “Lành thay! Vi diệu quá!” Vũ Đế một hôm đem chuyện trời hạn hán hỏi ngài Chí Công: “Làm cách nào để có mưa?” Chí Công đáp: “Pháp Vân có thể khiến cho trời mưa. Hãy nên thỉnh sư Pháp Vân giảng kinh”. Ngài Pháp Vân giảng kinh Pháp Hoa, đến câu “*kỳ trạch phổ hiệp*” (nhuần thấm tưới khắp), trời liền giáng trận mưa to nhuần thấm. Quan Nghi Đồng<sup>228</sup> là Viên Ngang nói: “Nhà tôi có người thường cúng dường tăng, phát nguyện ‘nguyện đạt được huệ giải như ngài Pháp Vân’, bỗng mộng thấy một vị tăng bảo: ‘Sư Pháp Vân vào thời Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật

---

<sup>228</sup> Viên Ngang làm quan trải hai triều đại Nam Tề và Nam Lương, từng làm quan tới chức Thượng Thư Lệnh, kiêm nhiệm chức Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty nên thường được gọi là Nghi Đồng Viên Ngang.

đã giảng kinh này’, sao có thể sánh bằng được?” (theo Tục Cao Tăng Truyện).

**\* Viễn pháp sư đời Hậu Châu<sup>229</sup>**

Ngài Huệ Viễn làm tăng, khí lượng chẳng cạn. Ngài cao chín thước năm tấc, lưng rộng chín vòng ôm. Ngài lên tòa thuyết pháp như sấm rền khiến sâu bọ tỉnh giấc. Nhằm lúc Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) muốn phế trừ hai giáo Thích và Đạo, triệu các sa-môn vào triều. Vua trần thuật: “Trẫm vâng lãnh mạng trời, nuôi nấng dân đen. Tam giáo lưu truyền trong cõi đời, suy xét lý cùng tột, Nho thì lễ, nghĩa, trung, tiết, thích đáng cho cõi đời, cần phải lập định. Chân Phật thì chẳng có hình tượng, kính ngưỡng từ xa trong tâm, nhưng Phật tháp cao vót, tráng lệ. Đây thật sự là thứ vô tình, sao có thể ban ân huệ, chẳng đáng để giữ lại! Ý trẫm như thế đó, các vị tôn đức nghĩ như thế nào?” Khi đó, hơn năm trăm vị tăng thất sắc, không nói được gì!

Ngài Huệ Viễn từ trong đại chúng bước ra, tâu: “Bệ hạ nói: ‘Chân Phật chẳng có hình tượng’, đúng như Ngài đã nói. Nhưng tại mắt sanh ra linh tri, nhờ vào kinh để nghe Phật pháp, cậy vào tượng để biểu thị lẽ chân. Nếu phế trừ, sẽ chẳng có gì để dấy lòng tôn kính”. Vua nói: “Chân Phật trong hư không đều tự biết”. Huệ Viễn đáp: “Trước thời Hán Minh Đế, kinh tượng chưa truyền đến cõi này, vì lẽ gì chẳng biết?” Vua chẳng đáp được. Ngài Huệ Viễn nói: “Nếu chẳng nhờ vào kinh giáo, trước thời Tam Hoàng chưa có văn tự, nhân loại phải nên hiểu Ngũ Thường rồi chứ?” Vua chẳng đáp được. Huệ Viễn nói: “Nếu cho rằng hình tượng vô tình phải phế bỏ, vậy thì bảy miếu<sup>230</sup> của nước nhà há có phải là hữu tình ư?” Vua nói: “Trẫm cũng không cho rằng bảy miếu là đúng!” Huệ

---

<sup>229</sup> Ở đây ngài Tông Hiểu viết lầm, xét theo sự kiện được nêu trong câu chuyện này thì phải là nhà Bắc Châu (vì Châu Vũ Đế là vua thứ ba của nhà Bắc Châu, do quyền thần Vũ Văn Thái thời Tây Ngụy kiến lập nên móng quyền lực. Sau khi Vũ Văn Thái mất, cháu trai ông ta là Vũ Văn Hộ nắm quyền, buộc Tây Ngụy Cung Đế thoái vị, nhường ngôi cho Vũ Văn Giác tức Hiếu Mẫn Đế, chính thức kiến lập nhà Bắc Châu). Trong khi đó, Hậu Châu là triều đại cuối cùng của thời Ngũ Đại (Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Châu). Hậu Châu do Quách Oai sáng lập năm 951, còn Bắc Châu do Vũ Văn Hộ sáng lập vào năm 557.

<sup>230</sup> Bảy miếu tức miếu thờ tổ tiên của đế vương thời cổ. Lễ Ký quy định thiên tử thờ tổ tiên bảy đời. Miếu thờ Thái Tổ (vua sáng lập triều đại) đặt ở giữa, hai bên mỗi bên có ba miếu thờ dòng Chiêu (bên trái) và ba miếu thờ dòng Mục (bên phải). Tính từ Thái Tổ, nếu thế hệ thuộc đời số lẻ thì thờ bên Mục, số chẵn thì thờ bên Chiêu.

Viễn nói: “*Nếu phé bảy miếu tức là chẳng tôn kính tổ tiên, sao có thể nói là giữ đạo Nho ư? Nếu tam giáo đều phé, lấy gì để trị quốc vậy?*” Vua cũng chẳng đáp được. Huệ Viễn nói: “*Bệ hạ nay dùng sức vua để phá diệt Tam Bảo, địa ngục chẳng chọn lựa sang hèn, sao chẳng sợ hãi?*” Vua nói: “*Chỉ khiến cho trăm họ được vui sướng, nào ngại địa ngục!*” Huệ Viễn đáp: “*Bệ hạ dùng tà kiến hóa độ người khác, dân chúng sẽ theo bệ hạ cùng vào A Tỳ, há có vui chi?*” Vua giận dữ, truyền chư tăng lui ra, sẽ lại triệu tập sau. Từ đó, vua thi hành chánh sách bạo ngược, cùng phé cả hai giáo Phật và Đạo. Ngài Huệ Viễn bèn ẩn cư ở Tây Sơn thuộc Cấp Quận, chuyên tụng kinh Pháp Hoa và Duy Ma, mỗi kinh trọn một ngàn lượt, thâm nhập lý càng sâu, kinh luôn để trong túi đựng sách chẳng bỏ. Tới niên hiệu Đại Tạng<sup>231</sup>, giáo pháp nhà Phật mới bắt đầu khôi phục. Đầu triều đại Đại Tùy, Sư mới lại dự vào hàng tăng chúng<sup>232</sup>, tiếng vang đến cung vua. Vua xuống chiếu sắc truyền Sư đứng đầu các sa-môn ở Lạc Châu để khuông phò Phật pháp. Tuy Huệ Viễn từ chối, vua chẳng thuận, Sư liền phải nhận địa vị ấy (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

### **\* Phương pháp sư ở Dương Châu**

Sa-môn Trí Phương là người đất Thục (Tứ Xuyên), nổi danh xứ Dương Việt (vùng Dương Châu, Tô Châu). Sư [nói năng] từ nghĩa trong sáng, phong phú. Sư giảng kinh Pháp Hoa tới phẩm Bảo Tháp: “*Tháp báu cao đẹp năm trăm do-tuần, ngang dọc mỗi bề hai trăm năm mươi do-tuần*”, bèn nói: “*Sao cứ phải khăng khăng cõi Phật xưa kia có sự cao đẹp ấy, ngay phước địa Dương Châu này cũng rất trang nghiêm. Ngay như tháp Di Thiên bảy tầng cùng nhật nguyệt tranh sáng, tháp Đồng Thái chín tầng đua sắc với khói mây. Giếng vuông thì thả lá sen, thùng tròn thì đặt hoa sen bên cạnh. Giống như để an trụ thì sống ở phương Nam, dường như Ni Khư thì để trấn phương Bắc. Tai nghe, mắt thấy, có thể sánh đôi so lường vậy*”. Ngài thốt lời thành vãn điệu như thế đó. Thuở đó, có pháp sư Bảo Hải. Sư từng đối trước Lương Vũ Đế diễn giảng; hôm ấy, [Bảo Hải] cũng hiện diện, liền cất vấn rằng: “Trong kinh,

<sup>231</sup> Đại Tạng là niên hiệu của Châu Tĩnh Đế (Vũ Văn Xiển, cháu nội của Châu Vũ Đế) sử dụng từ năm 579 đến năm 580.

<sup>232</sup> Vì Châu Vũ Đế phé Phật, đuổi tăng sĩ về nhà, tăng sĩ phải ăn náu, không còn được cạo tóc, hành đạo, cho nên coi như đã không còn tăng tướng. Khi pháp nạn chấm dứt, các vị tăng phải thọ giới lại.

cõi nước ba lượt biến đổi, phương này đổi ướ thành tịnh. [Vậy thì] cũng có thể biến phàm thành thánh hay chẳng?” Ngài Trí Phương đáp: “*Hóa Phật rất nhiều, do [cõi nước] hẹp hòi nên cần phải [biến hóa cho] rộng, chứ phàm thánh vốn tự như thế, cần gì phải nhọc công biến đổi?*” Bảo Hải lại cất vấn: “Nếu nói sáu mươi tiểu kiếp như trong khoảng bữa ăn, chỉ là bậc thánh trông thấy [như thế. Vậy thì] chỉ là thánh thấy, chứ phàm chẳng thể thấy. Nếu phàm và thánh cùng thấy, phàm lẫn thánh đều là thánh hay sao?” Trí Phương cười bảo: “*Cao tòa có bao giờ nói như vậy, mà chính mình tự nói, tự bắt bẻ*”. Bảo Hải nhận biết mình đã lỡ lời, bèn bào chữa: “Cái thưng gỗ ba ngăn, sao gọi là Trí Phương?” Trí Phương liền đáp ngay: “*Ao tù toàn ngói, sỏi, sao gọi là Bảo Hải?*” Mọi người cười xòa, giải tán (theo Tục Cao Tăng Truyện).

**\* Tịnh pháp sư ở Chân Thừa**

Sư Huệ Tịnh người xứ Chân Thừa, gia đình nhiều đời học Nho. Sư bẩm tánh hiểu biết trác tuyệt, mỗi ngày học thuộc tám ngàn câu, hiếm ai sánh bằng, đến nổi thanh danh đẹp lòng vua, quan liêu đều ngưỡng mộ. Năm Trinh Quán 13 (639), vua sắc truyền các học sĩ thuộc tam giáo tranh luận tại điện Hoàng Vãn, vời Huệ Tịnh đến giảng kinh Pháp Hoa, đạo sĩ Thái Hoảng giảng Đạo Luận. Thái Hoảng hỏi: “Kinh đề là Tự Phẩm đệ nhất, chẳng rõ Tự và Đệ phân định như thế nào?” Huệ Tịnh đáp: “*Như Lai nhập định, phóng quang, mưa hoa, chính là nền tảng to lớn để phá Nhị Thừa, lần lượt sẽ nói Nhất Thừa. Vì thế nói là Tự. Đệ là vị trí. Nhất là khởi đầu. Phân Tự đặt ở trước nhất; vì thế nói là đệ nhất*”. Thái Hoảng nói: “Đệ là em, là em thì chẳng được gọi là Nhất. Hễ nói Nhất thì chẳng nói Đệ! Hai chữ mâu thuẫn, sao có thể dung hội cho được?” Huệ Tịnh đáp: “*Trước đó, tôi chẳng nói rồi đó sao. Đệ là vị trí. Nhất là khởi đầu. Tiên sinh chẳng hiểu câu đáp trước, làm lẫn nêu bày lời cất vấn sau đó!*” Thái Hoảng nói: “Lời Sư chẳng ra khỏi mép, sao có thể lãnh hội được?” Huệ Tịnh đáp: “*Bồ Tát thuyết pháp, tiếng vang rền mười phương, đạo sĩ hiện diện tại đó, như mê, như say*”. Thái Hoảng nói: “*Dã can thuyết pháp, do đâu mà nghe được?*” Huệ Tịnh nói: “*Thiên cung phòng vệ nghiêm mật, theo đúng lý chẳng có dấu vết loài thú! Đạo sĩ thần trí mông muội, nói người là súc vật*”. Tâm vua hết sức vui sướng, cả hội hoan hỷ, hớn hở giải tán. Ngài Huệ Tịnh là bậc then chốt trong giáo pháp của chúng ta như thế đó (theo Tục Cao Tăng Truyện).

**\* Tam Tạng Kiệt pháp sư**

Vào đầu niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, có sa-môn Đàm Vô Kiệt (Dharmodgata, Pháp Dũng) ở Hoàng Long siêng rông hành khổ hạnh. Sư thường tụng phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, cùng với hai mươi lăm đồ chúng đi qua phương Tây, sang Thiên Trúc, trải đủ mọi hiểm nạn. Đàm Vô Kiệt chí nguyện càng kiên cố. Đã tới Xá Vệ, trên đường gặp bầy voi, Đàm Vô Kiệt tâm kiên thành tụng niệm, liền cảm sư tử từ trong rừng chạy ra, lũ voi tháo chạy. Lại có bầy trâu rừng rống lên ủa tới, sắp làm hại. Đàm Vô Kiệt miệt mài niệm như cũ, bỗng có con chim kên kên lớn bay tới, lũ trâu kinh hoàng, chạy mất hút. Mọi người được thoát nạn (theo *Pháp Uyển Châu Lâm*).

**\* Lãng pháp sư**

Vị tăng Pháp Lãng, tụng trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa có công. Một đêm, Sư mộng thấy vào cõi âm. Quan cõi âm hỏi hạnh nghiệp xong, liền ghi lời phán định rằng: “*Ba ác đạo bít lấp, đường nhân thiên thông suốt. Thấy Phật, siêng hành, không chỉ ngừng ở hóa thành, có thể chỉ bày cung trời là nơi sẽ thấy vị Phật tương lai*” (theo *Linh Thụy Phú Chú Văn*).

**\* Chiêu thượng nhân ở Tân Châu**

Trong niên hiệu Vĩnh Thái nhà Ngụy, tại chùa Đan Lãnh tại Tân Châu, có vị tăng tên là Tăng Chiêu, bẩm tánh thanh nhàn, thường thích đi đây đó vãn cảnh. Một hôm, Sư tới Huỳnh Sơn, thấy dưới thác nước có một cái hang, liền vào đó. Đi chừng năm sáu dặm, lại ra khỏi hang, thấy có con suối chảy xen trong đá mấy dặm về phía Đông Bắc. Bỗng thấy một căn nhà bụi phủ tới tận đầu gối, nhìn bốn phía là rừng sâu. Trong chốc lát, Sư gặp một vị tăng, khoảng sáu mươi tuổi, lông mày bạc trắng dài hơn một trượng quấn vòng trên tai, vui vẻ tiếp chuyện. Hỏi ra, vị tăng ấy đáp: “Ba người đồng học chúng tôi đến đây lánh đời, một người chưa trở lại, một người thì đang nhập Diệt Định”. Sư lại hỏi: “Hiện thời người nào làm vua?” v.v... Vị tăng lấy thóc lúa giã ra để làm bữa ăn. Vị tăng hỏi Tăng Chiêu: “Ông thường tụng kinh gì?” Tăng Chiêu thưa: “Tụng kinh Pháp Hoa”. Sư gật đầu nói: “Nghiệp tinh tấn rất tốt”. Tăng liền chỉ: “Các kinh ở chái Đông nhà này đều do ta tụng, có muốn nghe

hay không?” Tăng Chiêu chấp tay thưa vâng. Vị tăng liền tụng, âm điệu rõ ràng, Sư tụng từ đêm tới sáng. Tăng Chiêu buồn ngủ, vị tăng bảo: “Ông hãy tự ngủ, ta vẫn thường [thức suốt đêm tụng niệm] như thế”. Sáng hôm sau, tăng lại dọn thức ăn. Tăng Chiêu từ tạ lui về, vị tăng cũng chẳng giữ lại, chỉ nói: “Đồng học của ta đã ra ngoài. Nếu ông được gặp, ắt sẽ đại khai ngộ”. Tăng Chiêu trở về, kết bạn trở lại tìm kiếm, chẳng thấy ở chỗ nào (*Theo Tục Linh Thụy Tập*).

**\* Thừa pháp sư đời Nguyên Ngụy**

Trong thời Nguyên Ngụy, tại phương Bắc có Thừa thiên sư thọ trì Pháp Hoa, tinh tấn chẳng lười nhác. Mạng chung, Sư thác sanh làm con thứ năm nhà họ Tiết ở Hà Đông. Sanh ra, đã có thể nói chuyện đời trước, chẳng thích ở trong cõi tục, ý muốn lại làm tăng. Cha ông ta làm thứ sử Tứ Châu, bèn theo cha đến chỗ trấn nhậm. Tới chùa Thất Đế ở Trung Sơn, ông ta giật mình nhớ chỗ kinh hành thuở trước. Do vậy, tìm đệ tử thuở đó, bảo: “Ông còn nhớ chuyện khi theo tôi vượt sông đến Lang Sơn hay không? Thừa thiên sư nay chính là thân tôi! Bàn thờ linh trong phòng có thể bỏ đi!” Cha mẹ sợ ông ta xuất gia, liền cưới vợ cho. Sau đó, ông ta quên hẳn chuyện túc mạng, nhưng thường sanh lòng chán lìa, giữ mình đốn chánh, sống thanh tịnh (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Trạng pháp sư ở Tề Châu**

Vị tăng Chí Trạng, người Tề Châu, bẩm tánh thuần hậu, giảm bớt muôn duyên, chất trực, chỉ lấy nhân từ làm gốc. Sư trụ tại chùa Hàm Thảo nơi hang sâu thuộc núi Nhân Đầu, quanh năm tụng Pháp Hoa, chưa từng bỏ lỡ chút nào. Hôm Sư sắp mất, Chí Công tâu với Lương Vũ Đế rằng: “*Bậc thánh tăng Tu Đà Hoàn tại chùa Hàm Thảo ở phương Bắc hôm nay diệt độ*”. Trong ngoài nghe tin, đều hướng về đó vọng bái, “ngài Chí Trạng sắp mất!” Ngài Chí Trạng vắng lặng, chẳng còn thừa sót phiền não, đốn nghiêm qua đời. Hai tay đều có một ngón duỗi ra. Khi đó, có vị Phạm tăng luận rằng: “*Duỗi một ngón tay là chứng Sơ Quả*”. Đạo tục tôn sùng, kính trọng, dựng tháp thờ toàn thân Sư tại núi ấy. Chim thú chẳng làm bản tháp, tới nay vẫn còn (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Thiên pháp sư ở Giang Lăng**



Vị tăng tên là Tăng Thiên ở Ngô Quận, sanh từ nhà họ Nghiêm. Sư từ bé đã sắc sảo, thần dị, người quen biết đều lấy làm lạ. Sư theo hầu pháp sư Đạo Tắc, cũng là sự quyền biến biểu lộ ra bên ngoài, coi trọng sâu xa. Ngài Tăng Thiên đến các nơi giảng pháp, biện tài mặc sức tung hoành. Lương Cao Tổ (Lương Vũ Đế)<sup>233</sup> sắc truyền Sư giảng tập giáo nghĩa tại điện Hưng Thiện. Vua coi trọng Sư thông duệ, bèn phong Sư làm gia tăng<sup>234</sup>. Ngài Tăng Thiên từ lúc tròn hai mươi tuổi liền tụng kinh Pháp Hoa, vượt hơn sáu ngàn bộ. Một hôm, Sư đang tĩnh tọa, dường như ngủ thiếp đi, mộng thấy Phổ Hiền Bồ Tát quang minh thom ngát chiếu chạm thân thể, Bồ Tát đích thân xoa đầu. Sư ghi lại chuyện ấy, nhưng chẳng kể với ai. Đến khi đã lớn tuổi, mới dần dần kể cho người cùng chí hướng biết. Đồi mỗi kinh trong mười tám bộ như Pháp Hoa, Đại Phẩm, Niết Bàn v.v... Sư đều giảng mười lượt, đều soạn nghĩa số (sách chú

---

<sup>233</sup> Cao Tổ là miếu hiệu của Lương Vũ Đế. Miếu hiệu là danh xưng để dùng trong khi tuyên số cúng tế các vị đế vương đã qua đời tại Thái Miếu. Miếu hiệu thường chỉ có một chữ đi kèm với Tổ hay Tông (chữ Tổ thường dùng cho vị sáng lập vương triều, hoặc những vị coi như có công ngang với vua sáng lập), trong khi thụy hiệu là tên nhằm ca ngợi đức của nhà vua rất dài. Miếu hiệu thường có ý nghĩa khen chê của người đời sau đối với một vị vua, như Thái Tổ và Cao Tổ là vua khai sáng triều đại. Thái Tông là người phát dương quang đại vương triều. Thế Tổ và Thành Tổ thường là người có công lao không kém vị vua khai sáng. Thế Tông là người khiến cho vương triều bền vững. Hiến Tông, Thánh Tông, Trung Tông là những vị vua khiến cho triều đại trung hưng. Nhân Tông, Duệ Tông, Hiếu Tông là vua nhân ái, hiếu thuận, hiền lương. Triết Tông, Thành Tông, Hưng Tông, Hiến Tông là những vị vua giữ vững sự thành tựu của triều đại trước. Túc Tông hàm nghĩa ý nguyện trung hưng triều đại chưa thành công, có tâm mà không thực hiện được! Tuyên Tông, Cảnh Tông là vừa có công vừa có tội. Đức Tông là vua từng gặp phải cảnh loạn lạc phải đào vong. Ninh Tông hàm ý vua quá nhu nhược. Chân Tông, Huyền Tông, Lý Tông, Thần Tông, Đạo Tông là vua thích chuyện huyền diệu, ưa chuộng Đạo Giáo. Văn Tông là vua nhu nhược, thiếu năng lực. Vũ Tông là vua ưa chuộng vũ lực, thích chinh chiến. Cao Tông là triều đại trở nên suy vi. Mục Tông, Quang Tông là vua có thời gian làm vua quá ngắn ngủi, hầu như không làm được gì. Độ Tông, Thuận Tông, Định Tông hàm nghĩa vua thuộc quá trình chuyển tiếp, ảnh hưởng không lớn. Huệ Tông là không có phương pháp trị quốc, giang sơn bị tàn phá. Hy Tông là vua hủ bại, hôn ám. Ai Tông, Tư Tông là vua mất nước.

<sup>234</sup> “Gia tăng” là vị tăng riêng cho nhà vua học đạo, khác với quốc sư vừa là thầy vừa là người thống lãnh tăng chúng cả nước. Đồi khi quốc sư còn kiêm nhiệm địa vị cố vấn tối cao của nhà vua và hoàng tộc.

giải ý nghĩa) lưu truyền hàng hậu học. Về sau, Sư thị tịch, chôn tại núi Trung Hoa ở Giang Lăng (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Quán pháp sư ở Nam Giản**

Huệ Quán làm tăng, do nghe Tiên pháp sư ở chùa Nam Giản giảng pháp, mà thành người lãnh đạo. Về sau, do mắc bệnh, Sư bèn đóng cửa, không ra ngoài, chuyên tụng Pháp Hoa, kiên thành cầu sám hối, bệnh liền khỏi hẳn. Từ đấy, Sư chẳng bỏ sót hạnh nghiệp ấy. Lương Vũ Đế kính trọng, sắc truyền Sư trụ trì chùa Nam Giản để hoằng dương, giảng giải Pháp Hoa. Sư từ ngữ phong phú, ý nghĩa dồi dào, luôn hơn hẳn các cách diễn đạt của người khác. Vì thế, đương thời có câu ngạn ngữ: “*Ca la ngữ, Huệ Quán lục*” (Chép lại kịp lúc lời sư Huệ Quán nói ra), [hàm ý] người đương thời chép lại [lời Sư giảng giải] coi như châu ngọc (*theo Linh Thụy Tập*).

**\* Nhân thiên sư ở Kinh Châu**

Vị tăng Pháp Nhân người xứ Giang Lăng, xuất gia tại chùa Thiên Hoàng, giới hạnh trọn đủ, chuyên trì Pháp Hoa và Duy Ma, mỗi ngày hai lượt. Do chùa đông người tụ tập, nhiều tiếng ồn ào, Sư bèn qua Phúc Thuyền Nham ở Kinh Châu để hành hạnh Đầu Đà, yên tĩnh quán tưởng suốt ba mươi năm. Sư tự vào núi, chẳng cần ngoại hộ. Lương thực đã cạn sạch, bèn dùng trái cây, hoặc bảy ngày ăn một bữa. Từng có lúc cả một kỳ Kết Hạ (ba tháng) mà chỉ tốn ba đấu gạo, tới ngày Tụ Tứ, hãy còn năm thung. Sư chỉ bó gói trong khám thất, chưa từng bước ra ngoài. Một hôm, bỗng có con voi đến ở phía sau khám. Sư nằm bệnh mười ngày rồi nằm bên hông phải mà hóa. Y bát bụi phủ, hư nát, đại chúng ước lượng chưa đáng giá mười đồng. Khi đó nhằm thời Hậu Lương<sup>235</sup> (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Lâm pháp sư tại Ngọc Tuyền**

---

<sup>235</sup> Hậu Lương (907-923) là một vương triều thời Ngũ Đại, do Châu Ôn (Lương Thái Tổ) soán ngôi nhà Đường. Do trước đó, Châu Ôn (Châu Toàn Trung) được phong là Lương Vương, nên lấy quốc hiệu là Lương. Gọi là Hậu Lương nhằm phân biệt với nhà Nam Lương (Tiền Lương) của Lương Vũ Đế thời Nam Bắc Triều. Do vua sáng lập họ Châu, nên còn gọi là Châu Lương. Đôi khi sử gọi triều đại này là Ngụy Lương theo cách nói phủ nhận của các triều đại cùng thời. Về sau, vương triều này bị diệt bởi nhà Hậu Đường của Lý Tồn Húc.

Vị tăng Pháp Lãm đời Hậu Lương là con nhà họ Nghiêm ở Chi Giang. Sư mới mười lăm tuổi, kiến thức đã khác lạ tốt vời. Sư xuất gia tại chùa Ngọc Tuyền, chẳng mặc lụa là, khát thực tự nuôi thân. Dùng vải thô làm áo, Thiên niệm làm nghiệp, quanh năm tụng Pháp Hoa, chẳng đặt hông xuống giường. Sư đi khắp nơi tham yết, tầm đạo, không nơi xa xôi nào chẳng tới. Sư khí chất, dung mạo thanh cao, nghiêm túc, người trông thấy không ai chẳng ngưỡng mộ phong thái cao cả. Sư từng đến Đại Nhạc, gặp một vị huyện lệnh, xét hỏi giấy thông hành. Pháp Lãm thường mang theo một hộp đựng kinh Pháp Hoa, liền bảo: “Trong hộp này có giấy thông hành”. Quan huyện lục soát, chẳng tìm thấy, bèn tức giận, [chất vấn]. Sư đáp: “*Kinh này là hình tích đã hành của chư Phật, bản đạo noi theo đó để hành. Đây chính là giấy thông hành của Lãm vậy*”. Huyện lệnh bỏ tù Sư, suốt bảy ngày chẳng cho ăn. Sư chỉ nhất tâm tụng kinh. Huyện lệnh bị ác mộng, bèn sám hối, thả Sư. Về sau, Sư ở lại Mặc Sơn, ngồi mát dưới gộp đá. Mọi người ngửi thấy mùi hương lạ, mười ngày mới tan (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

### **\* Lãng Pháp Hoa ở Ngạc Châu**

Tăng Lãng, họ ngoài đời là Hứa, người xứ Nam Dương. Đến tuổi hai mươi bèn lìa tục, dự kỳ thi dành cho tăng sĩ. Sư phần nhiều sống ở Ngạc Châu, thường nuôi một con khỉ và một con chó. Sư dùng bát gỗ thọ thực, thức ăn còn dư thì cho hai con thú ăn. Ăn xong, khỉ cầm bát không, cười chó mà đi. Tăng Lãng mặc cho chó đi lòng vòng, trọn chẳng quản tới. Sư đọc tụng các kinh, riêng lấy Pháp Hoa làm kinh trọng yếu, tịnh tâm tu trì. Mỗi lần tụng là tròn bảy lượt, thậm chí bảy mươi, hoặc bảy trăm lượt, số lượng chẳng ít. Âm thanh phóng khoáng, có khi như tiếng đàn, tiếng sáo. Người bên cạnh nhìn vào, [nhận thấy] Sư chẳng còn thấy nghe, chân tay của Tăng Lãng đều rút vào trong lòng, hình dạng giống như con rùa rúc vào trong mai. Hoặc có lúc Sư ở chốn tửu quán, ăn thịt, uống rượu, đều là chẳng biết do đâu mà có! Vì thế, ngạn ngữ có câu: “*Lãng Pháp Hoa, năm chỗ đều co rút, thịt lợn đầy miệng, má*”. Khi đó, tại ngôi chùa gần đó, có vị tỳ-kheo-ni ngộ giải kinh luận, xướng suốt giảng dạy, người nghe kéo tới như mây đùn. Tăng Lãng nghe vậy, bảo: “Đó là do tà quý gia trì, há có chánh lý? Cần phải đến giáo nghiệm”. Một hôm, Sư đến chùa ấy nhằm lúc vị ni đang giảng nói, Tăng Lãng bèn lớn tiếng quở trách: “Tiểu tỳ! Ta đã đến sao ngươi không xuống khỏi

tòa?” Ni vừa nghe tiếng liền ngã nhào, đứng trước điện đường, mồ hôi tuôn ướt đất, đứng sững bất động. Sư hỏi đến huệ giải, bà ta câm lạng như kẻ si điên. Một trăm ngày sau mới khôi phục bản tánh. Đó là chuyện trong niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* *Kiên pháp sư ở Đông Nhạc***

Thích Hạnh Kiên đời Tùy chẳng biết người xứ nào, thường tu Thiên Quán, giữ tiết tháo hết sức nghiêm cẩn. Do có việc đi qua Thái Sơn, đến đêm, Sư vào miếu thờ thần núi để nghỉ đêm. Người giữ đèn nói: “Nơi đây chẳng có quán xá, chỉ có tòa thần miếu này, nhưng người ngủ lại nơi này, ắt sẽ chết bất ngờ”. Hạnh Kiên nói “chẳng sao”, bèn trải rơm dưới chái miếu. Hạnh Kiên ngồi ngay ngắn, tụng kinh chừng một canh giờ, bỗng thấy vị thần áo mũ rất lớn, hướng về Sư chấp tay. Hạnh Kiên hỏi: “Nghe nói ai nghỉ lại đây phần nhiều bị chết mất, có phải là vì đàn việt làm hại hay không?” Thần đáp: “Do người sắp chết tình cờ tới đây, nghe tiếng đệ tử mà tự chết, chẳng phải là đệ tử giết”. Sư lại hỏi: “Cõi đời truyền tụng Thái Sơn cai trị quỷ đúng không?” Thần nói: “Đệ tử phước bạc, có chuyện ấy”. Hạnh Kiên nói: “Có hai vị tăng đồng học đã chết, nay còn là quỷ hay không?” Thần hỏi tên rồi cho biết: Một người đã sanh trong nhân gian, người kia đang chịu đói khát trong tù ngục. Sư muốn đến gặp, thần sai thuộc hạ dẫn vào trong viện. Sư thấy một người đang kêu gào trong lửa, thân hình biến đổi chẳng nhận biết được, máu thịt cháy khét. Hạnh Kiên chẳng nỡ nhìn, liền trở về chái miếu, lại ngồi cùng với thần. Hạnh Kiên nói: “Tôi muốn cứu vị tăng ấy có được hay không?” Thần đáp: “Được chứ! Có thể vì người ấy chép kinh Pháp Hoa, ắt sẽ được thoát khỏi!” Sau đó, Sư từ biệt thần. Sáng ra, người trông miếu thấy Hạnh Kiên chẳng chết, ngạc nhiên. Hạnh Kiên rời đi, nhanh chóng hoàn nguyện trước. Kinh chép, đóng thành sách xong, cầm đèn miếu. Thần xuất hiện như cũ, Sư báo cho thần biết chuyện ấy. Thần nói: “Sư vì người ấy vừa chép tựa đề kinh, người ấy đã thoát khỏi rồi. Nay ông ta sanh trong nhân gian, nhưng nơi đây không thanh khiết, chẳng nên đặt kinh. Xin thầy lại đem về tặng vào chùa để cúng dường”. Sư bèn giả biệt thần (*theo Đại Tổng Cao Tăng Truyện*).

**\* *Luân pháp sư ở Việt Châu***

Thích Tăng Luân lúc mới năm tuổi, tự thấy quang minh màu trắng đầy nhà, bèn đến chùa Vân Môn ở Việt Châu xin xuất gia. Hạnh tu của Sư là tụng kinh Pháp Hoa. Trong niên hiệu Khai Hoàng, Phật pháp hết sức hưng thịnh. Sư nghe Lý luật sư giảng pháp tại Vũ Dương, bỗng thấy quang minh năm màu giống như bánh xe chiếu vào tự tâm, liền ở trong quang minh lễ năm mươi ba vị Phật. Quang minh vẫn chưa mất, Sư lại lễ năm mươi lăm vị Phật, quang minh mới thu lại. Lúc Sư tám mươi lăm tuổi, bỗng gọi đệ tử, bảo: “Đêm thanh hôm nay, ta sẽ được giải thoát các pháp, tức là thành đạo vô học, chẳng biết thiên đế có đón tiếp hay không?” Nói xong liền qua đời. Ngày an táng, tiết trời hết sức trong trẻo, không mây mà bỗng đổ mưa, mọi người đều lấy làm lạ (theo Tục Linh Thụ Tập).

**\* Siêu pháp sư ở Tề Châu**

Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, có vị tăng Huệ Siêu, lập hạnh tốt vời. Sư thường tụng Pháp Hoa, có một đệ tử đã quên mất tên, đang tuổi cầu học, cũng thông thạo ba quyển kinh Pháp Hoa. Một hôm, đưa đệ tử ấy ngã bệnh, chết ở đất Tề, cách Thái Sơn không xa. Huệ Siêu đến dâng hương, trần thuật căn kẽ ý định vì sao đến đó. Tượng gỗ bỗng phát ra tiếng bảo: “Sư giới hạnh chuyên ròng, gắng gỏi, điều Sư hỏi han, tôi chẳng dám bảm báo”. Liền dẫn Sư đến trước phủ quân<sup>236</sup>. Huệ Siêu hỏi: “Đệ tử tôi nay ở tại chỗ nào?” Phủ quân nói: “Người chết ở nơi đây, chưa có chỗ để sanh về”. Huệ Siêu nói: “Tôi muốn gặp mặt có được hay không?” Phủ quân liền sai người hầu dẫn Sư đi về phía Đông rặng núi mấy chục bước, quả nhiên gặp mặt. Do vậy, Sư hỏi [đưa đệ tử ấy] sướng khổ như thế nào? Đệ tử thưa: “Chỉ bị gò bó, trói buộc, cũng chẳng sướng khổ gì! Nghĩ chỗ sanh về chưa quyết định, xin thầy cứu vớt cho”. Sư hỏi: “Làm công đức gì?” Đệ tử nói: “Xin thầy tạo một bộ kinh Pháp

---

<sup>236</sup> Phủ Quân (府君) là danh xưng hàm ý nhiều nghĩa:

- Cách gọi tôn kính quan Thái Thú hoặc Tri Phủ.
- Tiếng tôn xưng khi nói về cha hay ông nội.
- Tiếng tôn xưng chung đối với người nam đã chết.

Khi nói về các vị thành hoàng một vùng, người Hoa hay gọi là Phủ Quân. Ở đây, Phủ Quân là tiếng tôn xưng thần núi Thái Sơn, tức Đông Nhạc Đại Đế. Trong tín ngưỡng dân gian, Đông Nhạc Đại Đế chủ quản thần hồn người mới chết, thống lãnh các thành hoàng trong thiên hạ. Thần Đông Nhạc xét xử tội báo, thăm vấn trước khi giao tội nhân cho Phong Đô Đại Đế (cai quản địa ngục).

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Hoa, đãi trai tăng một trăm vị”. Sư trở về liền chép kinh, trai tăng. Xong việc, lại đến yết kiến phủ quân. Phủ quân tiếp đãi như trước, Sư kể lại những gì đã làm. Phủ quân nói: “Sư vừa mới chép xong chữ Diệu trong tựa đề kinh, vị ấy đã sanh vào chỗ thù thắng”. Sư hỏi: “Sanh vào nơi đâu?” Phủ quân nói: “Sanh làm con trai nhà giàu họ Vương ở Tề Quận, đơi nó tròn ba tuổi, sẽ có thể đến tìm”. Ba năm sau, Sư liền tìm đến, nói: “Muốn được gặp gỡ con trai đàn việt”. Họ Vương cự tuyệt, nói chẳng có con. Sư bèn kê cặn kẽ lời phủ quân. Người vợ đang ở trong phòng, bảo chồng: “Pháp sư linh cảm dường ấy, có thể cho gặp mặt”, liền ôm con ra đặt ngoài cửa. Đứa trẻ vừa thấy Sư, chạy đến nhào vào thầy, ôm thầy buồn khóc hồi lâu. Cho tới khi nó lớn lên, mang chí nguyện xuất gia, lại trở về phụng sự sư Huệ Siêu (theo *Linh Thụy Tập*).

### *\* Từ thiên sư ở Kỳ Châu*

Vị tăng tên Hiếu Từ sống ở chùa Từ Môn. Từ bé, Sư đã tin theo Tam Giới Phật pháp do thiên sư Tín Hành đề xướng, bèn tu khổ hạnh, thân thường khát thực, mặc y phẩn tảo, sáu thời lễ sám. Hễ trụ nơi đâu, Sư cũng dùng lời sau đây để giáo hóa người khác, đề xướng: “Kẻ tụng kinh Đại Thừa liền vào địa ngục A Tỳ trong mười phương, hãy mau sám hối”. Một lúc nọ, sau khi Sư thuyết pháp ở Kỳ Châu, có vị ưu-bà-di trì kinh Pháp Hoa khuyên những người hữu duyên cùng tụng. Sư nói: “Người trì Pháp Hoa, chẳng thích hợp căn cơ, đáng đọa địa ngục, hãy mau bỏ tụng đi!” Những người khác đều bỏ tụng. Vị ưu-bà-di cầm đầu chẳng tức giận, liền trong ngày đại trai, vạn người tụ hội, đốt hương, phát thệ rằng: “Nếu tôi trì kinh Pháp Hoa chẳng xứng hợp ý Phật, nguyện thân nhiễm bệnh ngặt khiến cho đại chúng trông thấy. Lại nguyện thân này hãm nhập địa ngục ngay khi còn sống. Nếu tôi trì kinh Pháp Hoa xứng thuận ý Phật, nguyện thiên sư liền thọ ngay báo ấy”. [Bà ta] nói xong, Hiếu Từ liền bị thần đánh, mất tiếng, chẳng thể nói được. Những kẻ đề xướng, ghi chép của Sư cũng bị mất tiếng. Trong số đó, có năm vị lão thiên sư cũng chẳng thể nói được. Những người bỏ đọc tụng do thấy sự báo ứng lạ ấy lại đọc tụng như trước (theo *Tự Kính Lục*).

### *\* Sùng pháp sư ở Tương Châu*

Vị tăng Pháp Sùng dốc chí nơi kinh luận, tinh thông Pháp Hoa nhất, soạn số giải bốn quyển. Sư từng tới Lộc Sơn ở Tương Châu. Sơn tinh hóa thành phu nhân tới chỗ ngài Pháp Sùng xin thọ giới. Do vậy,

[son tinh] bỏ ngọn núi đang ở để dựng chùa, chẳng mấy chốc hóa thành cuộc đẹp đẽ ở đất Tương (theo tục Linh Thụy Tập).

**\* Hai vị tăng ở Dương Châu và Kỳ Châu**

Đầu niên hiệu Khai Hoàng, tại Dương Châu có vị tăng tụng thông thạo kinh Niết Bàn, khoe khoang hạnh nghiệp ấy. Tại Đông Sơn ở Kỳ Châu có sa-di chỉ tụng phẩm Phổ Môn. Hai người đều chết bất ngờ, cùng tới âm ty. Diêm Vương liền mời sa-di ngự tòa vàng, tụng kinh mà vị ấy thường tụng, hết sức trịnh trọng. Lại để vị tăng kia ngồi tòa bạc, tụng kinh Niết Bàn, tâm chẳng tôn kính cho lắm. Tụng xong, vua hỏi người giữ sổ sách, rồi bảo: “Hai người đều còn tuổi thọ”, bèn thả về. Vị tăng tụng kinh Niết Bàn ý mình tụng nhiều, tâm rất oán hận, hỏi trụ xứ của sa-di, nguyện sau này sẽ tìm kiếm. Hai người đã sống lại, vị tăng tụng kinh Niết Bàn tới Kỳ Châu, thật sự tìm được sa-di, hỏi han nguyên do. Sa-di thưa: “Con tụng phẩm này có áo riêng, chỗ riêng, đốt hương chú nguyện rồi mới mở miệng [tụng niệm], hành pháp này chẳng biếng nhác, chứ chẳng có thuật gì khác”. Tăng cảm tạ rằng: “Ta có tội sâu lắm! Ta tụng kinh Niết Bàn oai nghi chẳng tề chỉnh, thân và miệng bất tịnh, qua quýt cho xong đó thôi!” Cô nhân có nói: “Nhiều mà ác chẳng bằng ít mà lành”, được chứng nghiệm qua chuyện này. Đây cũng là tinh tấn, nhưng chưa phải là Ba La Mật (theo Chỉ Quán Phụ Hành).

**\* Thái pháp sư ở My Châu**

Thời Đại Tù, có vị tăng tên là Pháp Thái, họ Lữ. Thoạt đầu, Sư làm đạo sĩ đã mười mấy năm, bỗng chán đạo ấy, hỏi tâm về đấng Đại Giác, qua Ty Sơn ở My Châu, theo thầy xuống tóc, trì tụng kinh Pháp Hoa, liền được thông thạo. Sư còn đích thân chép một bộ kinh ấy, có vài điều linh dị. Do vậy, Sư lo liệu hai ngàn đồng, mang kinh tới Ích Châu để trang hoàng. Sư mang kinh tới Tạc Kiền thì cầu gãy, rơi xuống nước. Tuy người hầu vớt được Sư, nhưng mất rương đựng áo. Pháp Thái gào to: “Tiền bạc, vật dụng chẳng quản, sao nữa mất kinh? Có ai vớt được, tôi sẽ biếu hai ngàn đồng”. Khi đó, có người lặn xuống nước tìm kiếm, chỉ tìm được tiền bạc, vật dụng. Pháp Thái bèn đi dọc sông tìm kiếm, bỗng thấy trên cồn bãi có một gói vải, nhặt lấy xem thử, thì ra là kinh. Kinh được cỏ cây nâng đỡ, trọn chẳng ướt chỗ nào! Sư bèn đem trang hoàng, đem về chùa thờ phụng. Thường nghe có mùi hương lạ ngưng đọng, Sư

càng tinh tấn gấp bội. Mỗi đêm tụng niệm một bộ là lệ thường. Trong chùa có Buru pháp sư chuyên giảng dạy, chiều tối xem đọc [kinh điển], ngại Pháp Thái tụng kinh gây phiền, muốn ép Sư đọc nhỏ tiếng. [Buru pháp sư] đến chỗ Sư, bỗng thấy trước cửa phòng Pháp Thái có vô số vị thần đều quỳ gối, chấp tay. Buru pháp sư hổ thẹn, toát mồ hôi, lui về (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* *Cung thượng nhân ở Thành Đô***

Thượng nhân Huệ Cung, họ ngoài đời là Châu, là người ở phủ Thành Đô, xuất gia tại chùa Thiệu Đề, kết bạn với vị tăng Huệ Viễn để siêng năng học đạo, mong thành pháp khí. Huệ Viễn sang Trường An nghe giảng Thành Thật Luận rồi trở về quê giảng dạy, trác tuyệt không ai bằng! Huệ Cung sang Kinh Dương, tham phỏng học đạo rồi quay về. Thấm thoát đã ba mươi năm. Đêm hội ngộ chuyện trò, Huệ Viễn nói năng như nước chảy, Huệ Cung câm lặng, chẳng đáp được. Huệ Viễn chê cười, Huệ Cung nói: “Tôi bảm tánh cực ngu, chẳng hiểu biết gì!” Huệ Viễn hỏi: “Có tụng nổi một kinh nào chẳng?” Huệ Cung đáp: “Biết tụng phẩm Phổ Môn”. Huệ Viễn vẫn khinh thường. Huệ Cung nói: “Quyên kinh tuy nhỏ, nhưng do chính miệng đức Phật tuyên thuyết. Tôi sẽ vì huynh tụng một lượt”. Huệ Cung liền trải tòa tụng niệm. Vừa mới cất tiếng, liền cảm thấy có mùi hương; kế đó thấy hoa trời rơi tán loạn, nhạc trời vang rền. Tụng kinh xong, [các thứ tướng lành] ngưng dứt. Huệ Viễn làm lễ, tán thán, xin Huệ Cung lưu lại dạy bảo. Huệ Cung nói: “Chẳng phải là sức của tôi, mà là sức của chư Phật”. Huệ Cung bèn giũ áo rời đi, chẳng biết kết cục như thế nào! (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* *Ẩn thiên sư ở Kinh Châu***

Thiên sư Pháp Ẩn trụ đã lâu ở phía Đông rừng Phúc Thuyền tại Kinh Châu, dùng chuyện tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp của chính mình. Sư thường hận chưa rảnh để quán tâm, bèn sang Tùng Tư để hỏi phương cách nơi thiên sư Pháp Thường, đạt được lý thú sâu xa. Một hôm, Sư đến từ biệt bạn cũ là Hồ Quân Nghĩa, nhưng không gặp, bèn đề trên vách: “Ngày tháng năm đó, tôi sẽ đi xa”. Sau đó, Sư bỗng nói với chư tăng rằng: “Hôm nay tôi sẽ ngủ một giấc dài, ngày mai chẳng thức dậy”. Mọi người chen chúc ngoài cửa xem, thấy Sư nằm bên hông phải,



## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

như ve thoát xác. Xem năm tháng Sư đã đề trên vách khi trước, không gì chẳng phù hợp! (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

### *\* Sung pháp sư ở Lư Sơn*

Sư tên là Pháp Sung, con nhà họ Tất ở Cửu Giang, chán đời xuất gia, thường trì Pháp Hoa và Đại Phẩm rất nhiều lượt, nhưng chưa ghi nhớ. Sư trụ tại chùa Hóa Thành ở Lư Sơn, lại tu tập chánh định, chẳng dính dáng nhân gian, thường khuyên chúng tăng chẳng cho người nữ vào chùa: [Nêu cho họ vào], trên là tổn hại sự giáo hóa của Phật, dưới là sẽ vướng vào lời đồn thổi của thế tục. Có kẻ chẳng thuận theo, Pháp Sung nói: “Chánh giáo chẳng lưu hành, theo nghĩa phải nên sớm chết, còn lo gì cõi nước không tuôn phụng giới ư?” Liên ngâm sang đỉnh Hương Lô, gieo thân cho nát xương, thề sanh Tịnh Độ. Có người thấy Sư rơi xuống, liền tìm kiếm thì thấy ngài Pháp Sung thân thể chẳng bị tổn hại, tưng kinh như cũ. Vì thế, khấn khoản mời Sư về chùa. Tăng cảm động trước chuyện Sư dùng cái chết để can gián, liền thôi cho nữ nhân vào chùa. Sáu năm sau, Sư mất, đang lúc nắng gắt, nhưng thi thể chẳng hư nát, thơm tho như hoa lan. Đó là chuyện trong niên hiệu Khai Hoàng (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

### *\* Tú thượng nhân ở Hoàng Châu*

Cuối đời Tùy, có vị tăng Huyền Tú, sống tại chùa Tùy Hoa ở Hoàng Châu, tánh thanh cao, ôn hòa, thường tụng Pháp Hoa luôn có tướng lạ, nhưng Sư chẳng cho đó là lạ. Lúc đó, đang mùa Hạ nắng gắt, bạn bè sai người hầu tới mời Sư đi hóng mát. Kẻ hầu đến trước phòng cửa Sư, bỗng thấy có người ngựa chen chúc canh giữ, hoảng sợ quay về. Bạn bè đích thân đến đó, thấy đúng như vậy, xoay mình đi vào cửa sau, thấy binh giáp càng nhiều, chật ních không trung, chẳng thể đếm nổi. Tú chúng truyền tụng sôi nổi, đều nói là “*thần dị*” (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

### *\* Sanh pháp sư ở Tê Châu*

Thích Tăng Sanh ở Tê Châu, tánh thích cô độc. Thoạt đầu, Sư không trụ một nơi cố định. Chỉ cần là chốn già lam, chẳng cần biết có tăng chúng hay không, Sư liền tạm ở nơi đó, khát thực để tự sống. Sư tụng kinh Pháp Hoa [tại đó] tròn một ngàn bộ liền dời sang nơi khác.

Trong niên hiệu Khai Hoàng, Sư tới chùa Linh Nham trì tụng. Một đêm, bỗng thấy thần nhân mấy chục người phủ phục lắng nghe. Tăng Sanh hỏi: “Các vị là ai?” Thần thưa: “Đệ tử là sơn thần, sống ở đây đã bảy trăm năm. Nay nghe tiếng pháp sư tụng kinh, đặc biệt tới nghe nhận; xin thầy vì chúng con tụng niệm”. Rất lâu sau họ mới rời đi. Từ đấy, họ thường tới. Kế đó, Sư sang chùa Pháp Tạng ở Tương Châu để lo khắc Đại Tạng. Sư thắp đèn trong mắt để cúng dường Đại Thừa, tụng niệm không ngừng. Về sau, Sư tịch tại đó (*theo Linh Thụ Tập*).

**\* Lượng pháp sư ở Tô Châu**

Trong niên hiệu Đại Nghiệp, tại Hồ Khâu có sư Tăng Lượng, mười hai tuổi xuất gia, học đạo, chỉ tụng Pháp Hoa. Tụng chưa đầy bốn mươi ngày, đã thông suốt cả bộ. Sư đi về phương Nam, đến Côi Kê, đối trước tượng Tam Sanh<sup>237</sup> ở huyện Diêm và tháp xá-lợi ở Mậu Sơn, ở mỗi nơi đều đốt một ngón tay nhằm biểu thị dùng huệ đặng để cúng dường. Sau đó, Sư quay về quê cũ, trụ tại chùa Bắc Thiên. Một hôm, Sư bỗng đòi nước nóng để tắm rửa, từ biệt các đàn việt, ngồi ngay ngắn, qua đời, cảm mùi hương lạ đầy phòng (*theo Linh Thụ Tập*).

**\* Hiển thiên sư nước Bá Tế<sup>238</sup>**

---

<sup>237</sup> Đây chính là tượng Di Lặc Bồ Tát, thường được gọi là Giang Nam Đệ Nhất Đại Phật. Tượng được điêu khắc từ năm Vĩnh Minh thứ tư (386) nhà Nam Tề cho đến năm Thiên Giám 15 (516) đời Lương, mất ba mươi năm mới hoàn tất. Do tượng là công sức của ba vị Tăng Hộ, Tăng Thục và Tăng Hựu nối tiếp nhau chủ trì tạo tác, nên gọi là Tam Sanh Tượng. Tượng Di Lặc ngồi xếp bằng, tòa ngồi cao 2m, thân cao 13,74m, đầu cao 3,8m. Tượng được tạc dưới hình thức Bồ Đại hòa thượng, có dung mạo thanh nhã, hoan hỷ, siêu thoát, trí huệ. Tuy tượng rất to, nhưng rất đẹp đẽ, sinh động, không hề thô vụng.

<sup>238</sup> Bá Tế (Baekje, hoặc Paekche), còn phiên âm là Bách Tế, là một vương quốc cổ nằm ở phía Tây Nam bán đảo Đại Hàn, tồn tại từ thế kỷ 18 trước Công Nguyên cho đến năm 660, là một trong ba vương quốc cổ của Đại Hàn (tức Cao Câu Ly (Goguryeo, đôi khi còn gọi là Cao Lê), Tân La (Silla) và Bách Tế). Vương quốc Bách Tế được sáng lập bởi Ôn Tộ vương (Onjo), con trai thứ ba của Châu Mông (Jumong). Châu Mông là người sáng lập vương quốc Cao Câu Ly. Vương quốc này lần lượt đóng đô tại thành Úy Lễ (Wiriyeseong, tức Hanam ngày nay), Hùng Tân (Unjin, còn gọi là Hùng Châu), cuối cùng là Tử Tỳ (Sabi, nay thuộc quận Phù Dư (Buyeo), phía Tây Đại Hàn). Thời cực thịnh, Bách Tế kiểm soát toàn bộ miền Tây Đại Hàn, kể cả một phần lãnh thổ Liêu Tây của Trung Hoa. Dân Bách Tế giỏi hàng hải, buôn bán khắp vùng Đông Á và góp phần lớn trong việc truyền bá Phật giáo

Sa-môn Huệ Hiền ở nước Bá Tế, xuất gia từ bé, có chí lớn, chỉ tụng kinh Pháp Hoa. Nếu Sư cầu phước hoặc thỉnh nguyện, không gì chẳng như ý. Sư nghe giảng Tam Luận, liền đến nghe nhận. Pháp vừa nhiệm vào tâm thức, huệ giải càng tăng. Thoạt đầu, Sư trụ tại chùa Tu Đức ở nước ấy, có đại chúng thì giảng, không có thì thanh tịnh tụng niệm. Tứ phương vắng nghe đạo phong, đều đến tham yết, xin chỉ dạy. Sư phiền chán phải đón tiếp, bèn qua núi Đạt Noa<sup>239</sup> ở phương Nam. Núi ấy hết sức sâu và hiểm trở, Huệ Hiền ngồi trong ấy, chuyên tu hành như cũ, rốt cuộc chết tại đó. Đồng học đặt thi thể Sư trong hang đá. Cọp ăn sạch thân thể, chỉ còn đầu lâu và lưỡi còn lại. Trải qua ba năm, lưỡi đỏ tươi, mềm mại hơn trước; về sau biến thành màu tím, cứng như đá. Đạo tục ngưỡng mộ vô cùng, dựng tháp để ghi nhớ. Đó là chuyện xảy ra vào đầu niên hiệu Trinh Quán đời Đường (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* *Hỷ pháp sư ở Kinh Châu***

Vị tăng Pháp Hỷ sanh trong nhà họ Lý ở Tương Dương. Bảy tuổi, Sư xuất gia tại chùa Thanh Khê ở Kinh Châu. Đại chúng trong chùa hơn bốn mươi người, Pháp Hỷ làm sa-di, tu hạnh Đầu Đà hầu hạ tăng chúng. Ngày thì nấu nướng, đêm thì tụng niệm, tu tập. Trong núi chẳng có dầu, dùng củi để thắp sáng. Mỗi đêm, Sư tụng một trang kinh. Tuy học các kinh, Sư chỉ lấy Pháp Hoa làm cốt lõi. Tùy Văn Đế sắc truyền Sư trụ tại chùa Thiên Định. Lúc tuổi già, do mong được cảm thông, Sư thề tụng kinh Pháp Hoa một ngàn lượt. Do vậy, chẳng ở trong phòng cũ mà đi vòng quanh nhiều tháp. Trong hai oai nghi, thề hành đủ số một vạn tám trăm hạnh trong bốn nguyện. Tăng chúng trong chùa bỗng thấy cỗ xe báu trắng ngựa trắng vào phòng Pháp Hỷ, tìm thì chẳng thấy. Đó là chuyện cảm thông vậy!

Về sau, Sư về dưỡng già tại Lô Lăng. Năm Trinh Quán thứ sáu (632), Sư nhiễm bệnh, gọi môn nhân đến bảo: “*Vô thường đã tới, chớ*

---

sang Nhật Bản. Năm 660, Bách Tế bị liên quân Tân La và nhà Đường đánh bại dưới triều vua Nghĩa Từ (Uija), bị sát nhập vào vương quốc Thống Nhất Tân La (Tongsilsilla).

<sup>239</sup> Tức là núi Hán Noa (Hallasan), đôi khi viết theo kiểu Hán tự (Hanja) là Hán Nã sơn, vốn là một núi lửa nằm trên đảo Jeju (Té Châu) ở cực Nam Hàn quốc. Qua nhiều triều đại, núi lần lượt có tên là Buak (Phủ Nhạc), Seonsan (Tiên sơn), Wonsan (Viên sơn), Jinsan (Trần sơn), Dumuak (Đầu Vô Nhạc), Burasan (Phủ La sơn), và Yeongjusan (Doanh Châu sơn).

chú trọng ôn náo, phiền nhiễu. Tam giới hư vọng, chỉ là nhất tâm”. Đại chúng bỗng nghe ở phía Bắc khu rừng có tiếng âm nhạc và xe cộ văng vẳng; do vậy, thưa với Pháp Hỷ. Pháp Hỷ nói: “*Đã xả quả báo thế gian, như thế nào lại sanh vào chỗ vui sướng?*” Trong khoảnh khắc, mùi hương lạ đầy thât, Sư ngồi ngay ngắn mà hóa (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Thông pháp sư ở Chung Nam**

Vị tăng tên Hội Thông là người xứ Ung Châu, từ bé đã ưa thích học đạo, tánh cương nghị, tiết tháo cao cả. Sư ẩn cư tại Báo Lâm Cốc ở núi Chung Nam để chuyên dốc sức đọc kinh Pháp Hoa. Do thấy ngài Dục Vương xả thân, Sư liền mong phỏng theo, riêng gom góp gỗ củi hòng thực hiện. Cuối niên hiệu Trinh Quán, trong đêm thanh, Sư tụng phẩm Bồn Sự của Bồ Tát, dùng lửa đốt thân. Khói lửa hừng hực, Sư nghiêm nhiên ngồi xếp bằng tụng kinh như cũ. Lúc đó, mọi người bỗng thấy từ phương Tây có luồng sáng trắng to lớn xuyên vào đồng lửa. Thiêu xong, [đại chúng] gom góp di hài, liền dựng tháp thù thắng để lưu truyền hành trạng bất hủ của Sư (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Thông pháp sư ở Ngưu Đầu**

Sa-môn Trí Thông ở Tử Châu, họ ngoài đời là Trần. Tám tuổi xuất gia, làm đệ tử của pháp sư Chánh Đạo, chuyên tụng Pháp Hoa, và dùng kinh ấy để giảng dạy. Sư trụ trong núi Ngưu Đầu, oai nghi giữ giới, hàng phục các đạo sĩ. Thường có hai con ngỗng đến nghe thuyết pháp. Sư giảng hơn trăm lượt, hai lần phóng quang. Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư từ biệt đại chúng mà mất. Toàn thể nhà cửa, điện đường trong chùa đều chấn động, biến thành sắc trắng trong khoảng một bữa ăn (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Mân pháp sư ở Tô Châu**

Sư húy Huệ Mân, người xứ Hà Đông. Chín tuổi xuất trần, lại còn siêng tu bạch nghiệp (thiện nghiệp), tụng kinh Pháp Hoa, sau một tháng liền thông thạo. Mười lăm tuổi, Sư thỉnh pháp nơi Quang pháp sư ở Tân La, tài hoa bộc phát, được khen ngợi là túc sĩ (bậc lão thành học rộng). Lúc mười lăm tuổi, Sư trở về chùa Thi Quang Hưng ở Hải Diêm giảng

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

kinh Pháp Hoa. Mùi hương lạ, tiếng khảy ngón tay nhiều lượt vang trên không trung. Thính chúng như mây đùn, đều nói là điềm lành. Sau đó, Sư dời sang chùa Thông Huyền, kết đồ chúng hành đạo mười bảy năm, chân không ra khỏi cổng chùa. Cuối đời Tùy, ly loạn, vùng Ngô Trung đói kém, tứ chúng chạy nạn, chỉ có ngài Huệ Mân kiên quyết thà chết giữ chùa, tu Thiền, tụng niệm. Triều đại nhà Đường mở ra, Sư trụ tại chùa Nam Giản. Hai con thỏ, một con báo cùng thân cận, ở chung với Sư. Ba ngày trước khi Sư sắp mất, mùi hương lạ ngập nhà, toàn thể đại chúng hỏi Sư, Sư đáp: *“Ngày mai ta sẽ ra đi; sanh tử là chuyện thường của con người. Gởi thân trong cõi đời như mây trôi, ai nấy hãy nghĩ tới vô thường, sớm cầu tự độ”*. Tới hạn, quả nhiên Sư thuận theo vô thường mà hóa (*Theo Tục Cao Tăng Truyện*).

### ***\* Đạt pháp sư ở Ly Sơn***

Trong niên hiệu Trinh Quán, có vị tăng tên Huệ Đạt, sống tại Tân Lương Tự ở Ly Sơn. Sư dốc chí tụng kinh Pháp Hoa, tính ra hơn sáu ngàn lượt. Trong các oai nghi đi, ngồi, tiếng tụng niệm chẳng dứt. Sư giữ lòng yêu tiếc sanh mạng của chúng sanh, một mực nhìn xuống, trên đất nếu có trùng, bọ, liền xoay mình tránh né. Có người gạn hỏi, Sư đáp: *“Bọn chúng và tôi sanh tử bất định, đâu có biết ai sẽ thành Chánh Giác trước! Há nên khinh thường?”* Sau này, Sư ngồi xếp bằng qua đời, người khác cho là Sư đang nhập Định. Lưu lại năm đêm mới biết Sư đã qua đời từ lâu. Thân thể lại chẳng hư thối, bèn chôn luôn cả giường trong hang đá (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

### ***\* Tục thượng nhân ở Ung Châu***

Lúc nhà Đường vừa mở nước, tại huyện Lễ Tuyên ở Ung Châu có vị tăng tên Di Tục, từ bé đã tụng kinh Pháp Hoa trọn mấy ngàn lượt. Một hôm, Sư nhiễm bệnh sắp mất, liền căn dặn bạn là Huệ Khoách rằng: *“Do đọc tụng, tôi mong điềm lành ứng hiện để sanh tín tâm cho cõi tục. Sau khi tôi chết, chôn rồi thì mười năm sau xin hãy đào lên. Nếu lười hư hoại thì biết tôi đọc tụng chẳng có công hiệu gì! Nếu vẫn còn, xin hãy báo với đạo tục xây dựng một tháp để biểu thị tướng trạng linh ứng”*. Nói xong, qua đời. Về sau, [Huệ Khoách] làm theo lời dặn, thấy máu thịt của Sư đã tan hết sạch, chỉ còn lưỡi chẳng hư hoại, bèn đựng lưỡi trong hộp, dựng tháp ở gộp đá phía Nam Cam Cốc (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* *Pháp sư Cao Tịch thời cổ***

Vị tăng Cao Tịch làm bạn với Nhẫn pháp sư chùa Kiến Sơ, tụng thông thạo kinh Pháp Hoa, nhưng không tinh tường giới luật. Một hôm, Sư bệnh sắp mất, Nhẫn pháp sư hỏi: “Ông chết rồi, sẽ thọ sanh ở đâu? Xin hãy báo cho biết”. Cao Tịch nói: “Trước nay, tôi thường cảm khái chuyện ấy. Nếu do thiện ác trong chôn âm thầm [mà sanh về đâu], chắc chắn sẽ báo cho ông biết”. Sau đó, Sư mất. Suốt hai năm vẫn chẳng có tin tức. Tới năm thứ ba, Nhẫn pháp sư bèn đến nhà Cao Tịch, cùng người nhà trèo lên núi. Nhẫn pháp sư ngồi một mình, trong lúc mộng lung, thấy Cao Tịch bảo: “Lúc lâm chung đã ước hẹn, muốn báo tin đã lâu, nhưng vì sự duyên chẳng thực hiện được, cho nên đến trễ. Tôi nay làm tiểu lại ở Thái Sơn, cũng chẳng khổ cho lắm”. Nhẫn pháp sư hỏi: “Ông bình sanh tụng kinh, nghe pháp, sao lại có quả báo như thế?” Cao Tịch nói: “Do nhờ đó mà được như vậy. Nếu không, còn kém hơn nữa”. Nói xong ản mất. Do vậy, Nhẫn pháp sư càng thêm tinh tấn (*xem ở cuối bản in kinh Pháp Hoa thời cổ*).

**\* *Vị tăng chùa Ngô Chân***

Trong niên hiệu Trinh Quán, vị tăng tên là Diên Cán thuộc chùa Ngô Chân núi Vương Thuận, ban đêm đi qua Lam Khê, bỗng nghe tiếng tụng kinh Pháp Hoa. Âm thanh ấy tuy nhỏ nhưng vang xa. Lúc đó, trăng sao đã mờ, ngó bốn phía mây chục dậm không có ai. Vị tăng nghiêng tai nghe kỹ, rồi vội trở về, tìm bạn đến cùng tìm kiếm. Họ nhận thấy âm thanh ấy từ trong đất vang ra, bèn đánh dấu chỗ ấy. Tới sáng hôm sau đào lên, từ trong đất vùi, tìm được một chiếc đầu lâu, màu sắc đã khô xỉn, chỉ riêng môi và lưỡi tươi nhuận. Sư liền mang về, dùng hộp đá đựng, cất bên hông đại điện. Từ đó, mỗi đêm thường nghe tiếng tụng kinh Pháp Hoa. Nam nữ ở Trường An kéo nhau đến xem. Trong niên hiệu Khai Nguyên, bỗng bị vị tăng xứ Tân La lấy trộm hộp ấy đem đi. Tăng chúng trong chùa đuổi theo thì ông ta đã về tới Hải Quốc (Đại Hàn) rồi (*theo Thái Bình Quảng Ký*).

**\* *Vị tăng chùa Huyền Pháp***

Tại phường An Ấp ở Trường An có chùa Huyền Pháp, vốn là nhà cũ của người trong làng là Trương Tàn. Trương Tàn từng cúng dường

một vị tăng. Vị tăng ấy chuyên niệm kinh Pháp Hoa cả mười mấy năm. Đồ đệ của Tần bỗng vu cáo vị tăng ấy thông dâm với một đứa hầu gái, lại còn do chuyện khác mà giết chết Sư. Sau đó, trong nhà ấy nghe tiếng tụng kinh Pháp Hoa chẳng ngớt suốt ngày đêm. Trương Tần biết Sư bị oan, thẹn hồi chẳng kịp. Vì thế, đổi nhà thành chùa (*theo Thái Bình Quảng Ký*).

**\* Vị tăng chùa Trĩ Sơn**

Ở ngoài thành Quế Phủ, cách Giang Đông năm dặm có chùa Trĩ Sơn. Thoạt đầu, có một vị tăng dựng am nơi đây, hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa, lại còn có thể giảng nói. Bỗng có một con trĩ thường đến xếp cánh lắng nghe. Hết quyển thứ năm, trĩ chẳng đến nữa! Tám năm sau, nhà dân dưới chân núi sanh ra một đứa con trai. Đứa bé mới tám tuổi, chẳng ăn mặn, chẳng đùa giỡn, kiên quyết muốn xuất gia với vị tăng ấy. Cha mẹ cho nó đi tu. Một hôm, Sư tắm rửa, bảo nó chà lưng giùm. Nó nhất quyết không chịu cởi áo. Sư hỏi, nó đáp: “Con đời trước chính là chim trĩ. Do nghe Sư giảng kinh, tụng niệm mà được quả báo làm người. Nay dưới nách vẫn còn lông chim trĩ. Vì thế chẳng cởi áo”. Do vậy, Sư dạy nó năm quyển đầu của kinh ấy, giống như nó đã quen học tập từ trước. Hai quyển sau nó chẳng thể học. Từ đó, núi ấy dùng chim trĩ để gọi tên. Do có núi bèn dựng chùa, chùa đến nay hãy còn (*theo Giới Sát Loại*).

**\* Thông pháp sư ở Dương Châu**

Vị tăng tên Trí Thông trụ tại chùa Bạch Mã ở Dương Châu, chuyên tu tập Tam Luận, rồi qua sông, trụ tại chùa An Lạc. Gặp lúc nhà Tùy mất nước, Sư nghĩ cách quay về chẳng được, bèn núp trong lau lách bên sông, tụng kinh Pháp Hoa. Suốt bảy ngày Sư chẳng đói, luôn có bốn con cọp đi tuần chung quanh. Trí Thông nói: “Ta đã mười ngày không ăn, mạng chỉ trong hơi thở, người có thể ăn thịt ta”. Hổ thốt ra tiếng người: “Tạo trời, lập đất, chẳng có lẽ ấy!” Bỗng thấy có một ông cụ kẹp nách một chiếc thuyền nhỏ tới nói: “Sư muốn vượt sông thì lên thuyền”. Bốn con hổ nhìn thấy bèn ứa lệ. Trí Thông nói: “Giữ gìn trong lúc nguy ngập, cứu nạn chính là lúc này”. Bèn cùng bốn con hổ lên thuyền, thuận lợi vượt sang bờ Nam. Thuyền cập bờ, thuyền và ông cụ bỗng chẳng thấy đâu nữa! Trí Thông dẫn bốn con hổ nghỉ tại phía Tây tháp Tây Hà,

kinh hành, thiên tụng, thề không ngủ. Đồ chúng theo Sư tám mươi mấy người. Nếu có chuyện hung hiểm, hổ sẽ rống to. Do vậy, mọi người sẽ cảnh giác. Tới giữa niên hiệu Trinh Quán, lúc Sư đã chín mươi chín tuổi, trong ngày Phật Đản, Sư đốt lò hương, lễ khắp các vị thánh tăng, trở về tĩnh thất, ngồi đốn nghiêm qua đời (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* *Hưởng pháp sư ở Thê Hà***

Pháp Hưởng người xứ Dương Châu, thân cao tám thước. Cốt cách, bộ dáng khôi ngô. Mười sáu tuổi xuất gia, Sư tu tập siêng khổ, tụng thông suốt kinh Pháp Hoa, coi đó là đức nghiệp. Đến già, Sư sang chùa Tây Hà, lập thêm Pháp Hoa Đường để hành Pháp Hoa tam-muội của tổ Trí Giả. Tĩnh tấn suốt hai mươi một ngày, thu được điềm lành linh nghiệm to lớn. Sư nhận biết, nhưng chẳng nói. Có một thuở nợ, cọp xâm hại nhân dân suốt mấy chục ngày. Đạo tục thiết đại trai cầu giải nạn, hổ bỗng xông vào chỗ hành lễ, quắp một người mang đi. Sư đuổi theo sau, kêu nó đứng lại: “Sao lại lỗ măng vậy? Nay đang cử hành trai đàn, hãy thả người ra”. Hổ liền thả người ấy. Sau đó, các con hổ đều kéo đến. Sư dùng trượng gõ đầu hổ, giảng thuyết chánh pháp. Từ đấy, chúng chẳng còn làm hại nữa! (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* *Thành pháp sư ở Chung Nam***

Vị tăng tên Pháp Thành ở Ung Châu, từ bé đã dĩnh ngộ khác thường. Sư xuất gia tại chùa Lam Điền, theo hầu ngài Tăng Hoàng. Tăng Hoàng cũng là một vị tăng thần dị. Pháp Thành vâng lời thầy răn, tụng kinh Pháp Hoa, lấy đó làm bạch nghiệp. Lại hành trì Pháp Hoa tam-muội, từng mộng thấy đức Phổ Hiền khuyên biên chép đại giáo. Sư liền cậy người chép tám bộ Bát Nhã, lại chép kinh Hoa Nghiêm, cảm chim có màu lạ nhảy múa nơi án chép kinh. Sư chép kinh Hoa Nghiêm ở nơi đất trống, do có chuyện phải đi, chưa kịp thu dọn. Mưa to trút tầm tã. Tới khi trở về, án chép kinh vẫn còn nguyên đó, các thứ khác đều bị cuốn trôi. Tới giữa niên hiệu Trinh Quán, Sư ngã bệnh, có chí nguyện sanh lên trời Đâu Suất, bèn nói: “Nay có đồng tử đến đón, ta đi đây”. Nói xong, miệng phóng quang minh, mùi hương lạ đầy thất, điềm nhiên ngồi qua đời. Sư tụng kinh Pháp Hoa mỗi kỳ kết Hạ năm trăm lần, những lúc khác thì trì kèm thêm, vẫn được hai lượt. Nếu như gặp khách đến mà chưa tụng xong bộ kinh, sẽ chẳng nói chuyện chi khác. Tính đại



lược trong mười năm, số các bộ kinh được tụng phải hơn một vạn (theo Tục Cao Tăng Truyện).

**\* Diễm pháp sư ở Tô Châu**

Sa-môn Trí Diễm đời Đường là con nhà họ Châu ở Ngô Quận. Mẹ Sư họ Trương, nằm mộng thấy lên ngôi trên tướng luân<sup>240</sup> của tháp chùa Thông Huyền, bèn sanh ra Sư. Tám tuổi, Sư xuất gia, phong cách kiên cường, tài hoa, tài năng khác vời. Mười hai tuổi, Sư đọc trôi chảy kinh Pháp Hoa, ai nấy đều gọi là “*thần đồng*”. Tới khi chính thức xuống tóc (thọ Cụ Túc Giới), Sư liền ra ngoài (du phương tham học) để nghe giảng, thông huệ khai phát. Sau đó, Sư ẩn cư tại núi Vũ Khâu ở Tô Châu. Ngoài lúc giảng giải, tu luyện, Sư đều tu Phổ Hiền sám, tụng kinh Pháp Hoa, tính ra ba ngàn bộ. Lò hương chưa đốt, tự tỏa khói thơm tho. Bình chứa nước để dùng vào ban tối mới cạn, đã ngậm tràn đầy nước, dường như có các đồng tử cỡi trời hâu hạ vậy. Sư lại hành ba thứ Tịnh nghiệp, tu tập mười sáu phép Quán màu nhiệm (các phép Quán trong Quán Kinh), từng dẫn dắt hơn năm trăm người. Mỗi tháng, Sư tổ chức trai hội giảng kinh, trải hơn mười năm, thệ nguyện giống hết như Lu

---

<sup>240</sup> Tướng Luân (相輪) là một cấu trúc có hình cột dài, thường đặt trên đầu các tháp hoặc nóc các tòa điện (nhất là trong các đền chùa của Nhật Bản), mô phỏng lọng nhiều tầng che Phật trong quá khứ. Tướng luân gồm một trụ dài, xuyên qua các thành phần như sau (tính từ trên đỉnh xuống):

- Bảo Châu (宝珠): Có hình cầu hoặc giọt nước mắt, đôi khi phần này được tạo hình có các tia lửa bao quanh (trong trường hợp này, nó được gọi “*hỏa viêm bảo châu*”). Đôi khi trong phần này, có đặt ngọc quý hoặc xá-lợi.
- Phần kế tiếp gọi là Long Xa (竜車), thường chỉ là một khối cầu, nhỏ hơn một chút so với phần Bảo Châu.
- Phần kế tiếp gọi là Thủy Yên (水煙) gồm bốn miếng kim loại, khắc rỗng, nhiều họa tiết, đặt vuông góc 90 độ.
- Phần kế tiếp là Phong Đạc (風鐸), gồm nhiều chiếc chuông nhỏ gắn quanh phần Thủy Yên.
- Dưới đó là Cửu Luân (九輪) gồm chín miếng đồng hoặc kim loại có hình bát úp, mô phỏng lọng sáu nhiều tầng. Tuy thế, đôi khi phần này chỉ có tám hay bảy miếng.
- Phần Thọ Hoa (受花) bằng kim loại mô phỏng đóa sen có cánh cong lên. Thường là hoa sen tám cánh, đôi khi làm thành hai tầng cánh.
- Phần Phục Bát (伏鉢) có hình bát úp ngược.
- Cuối cùng là Lộ Bàn (露盤) là phần đế của tướng luân.

Son, nào có khác gì? Trước sau, Sư giảng Pháp Hoa và Duy Ma mỗi kinh đều ba mươi lượt. Giảng Quán Kinh một trăm lần. Tới khi gần mất, Sư răn nhắc, khích lệ học trò, thản nhiên qua đời (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Tạng pháp sư ở Việt Châu**

Pháp sư Cát Tạng người xứ Kim Lăng, bảy tuổi xuất gia, nương cậy pháp sư Hưng Hoàng Lăng. Đối với những chỗ quyết nghị, Sư khéo thông đạt lẽ uyên áo. Do sang chơi Bách Việt, Sư ngụ tại chùa Gia Tường, giảng kinh, diễn giáo. Người hỏi đạo kéo đến như mây. Tùy Dạng Đế khâm phục, sắc truyền Sư trụ tại chùa Nhật Nghiêm. Khi đó, đại chúng ưa thích, tôn sùng diệu kinh, Sư liền vì họ phân tích. Bốn bộ chúng nghe tiếng, cầu thỉnh muôn cách. Sư từng chép hai ngàn bộ kinh Pháp Hoa, tạo hai mươi lăm bức tượng. Lại dựng Phổ Hiền Đường, cung kính đối trước thánh tượng tọa Thiền, tụng niệm. Tới thời Vũ Tắc Thiên đời Đường, do khâm kính đức hạnh của Sư, xuống chiếu mời Sư trụ trì chùa Diên Hưng. Khi đó, Sư tuổi đã cao, bệnh phát ra, triều đình ban tặng thuốc thang. Ngài Cát Tạng biết sắp thọ chung, soạn bộ luận Tử Bất Bô (chết chẳng sợ hãi). Nội dung đại lược như sau: “*Tử do sanh mà có, hã y nên sợ sanh. Nếu ta chẳng sanh, do đâu mà có tử?*” Viết xong, bỗng vào lúc sáng sớm, Sư tắm gội, thay áo, thắp hương, niệm Phật, an nhiên ngồi qua đời. Sư giảng Pháp Hoa hơn một trăm lượt, lại còn giảng Đại Phẩm, Đại Luận, Hoa Nghiêm, Duy Ma, mỗi kinh đều mười lượt, lại còn viết số giải lưu hành trong cõi đời (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Bạt pháp sư ở Tương Châu**

Vị tăng ở Tương Dương là Trí Bạt, con nhà họ Trương, sáu tuổi xuất gia tại chùa Thường Tế trong quận ấy. Hằng ngày, Sư tụng năm trang kinh Pháp Hoa. Đối với nghĩa lý trong kinh, áng chừng có chỗ nắm vững, bèn nói: “*Kinh này chính là đại sự xuất thế to lớn của chư Phật. Một người đắc đạo, chẳng hoảng dương sẽ không được!*” Sư thề suốt đời nương tựa, hành trì để khai hóa cho kẻ tục nhân mộng muội được nghe hiểu trọn vẹn. Sư vâng mạng lệnh của pháp sư Cát Tạng ở kinh đô trần thuật lại, Trí Bạt nói: “*Nhất Thừa là mây, bèn chia thành ba. Cũng có thể là Nhất Thừa tuôn mưa, chia thành ba [trận mưa] hay không?*” Đại chúng chẳng đáp được. Ngài Cát Tạng nói: “*Câu hỏi này của ông*

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

*Bạt đã thấu đạt sâu xa ý chỉ của kinh!*” Ngài bèn phó chúc đại pháp [cho Trí Bạt]. Về sau, Sư trụ tại chùa Kỳ Xà, thường giảng Pháp Hoa, mỗi năm giảng năm lần. Một hôm, Sư bỗng cáo biệt đại chúng, mọi người đều chẳng lường được ý Sư. Sư liền ngồi xếp bằng mà hóa (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

### *\* Huýnh pháp sư ở Biện Châu*

Sư tên là Công Huýnh, họ ngoài đời là Biên. Sáu tuổi xin theo Phật, mẹ lấy làm lạ, dạy truyền miệng kinh Quán Âm, Sư liền thuộc ngay. Mười sáu tuổi, Sư được thỏa chí. Do vậy, vào Thái Sơn, theo hầu Hoảng pháp sư. Công Huýnh nói: *“Khoanh tay ngồi yên trong núi rừng chính là đường lối tốt lành cho riêng mình, còn như duy trì những đường lối khác, chẳng dùng cách giáo hóa khuyên dụ sẽ chẳng thể được!”* Sư bèn đi về phương Nam tham học, trụ tại chùa Huệ Phước nơi đất Biện (Khai Phong, tỉnh Hà Nam), chuyên dùng Pháp Hoa làm công khóa trọng yếu, soạn năm quyển sớ, thường giảng diễn trong trấn. Mỗi lần Sư giảng đến phẩm Dược Thảo Dụ, trời ất đổ mưa, mọi người đều lấy làm lạ. Sư giảng kinh Pháp Hoa từ đầu đến cuối, tính ra năm mươi lần, còn giảng giải các kinh khác, chưa dễ nêu trọn. Về sau, Sư mất tại chùa ấy. Trước hôm Sư mất, có mùi hương lạ và quang minh. Ngài Công Huýnh trông thấy [điềm lành ấy], bèn nói: *“Nguyện nương theo điềm lành này sanh về Tịnh Độ”*. Nước trong cái giếng Sư uống, lúc Sư mất bỗng khô cạn. Tổng táng xong xuôi mấy hôm sau, nước mới lại đầy tràn như cũ (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

### *\* Chứng pháp sư ở kinh đô*

Ông nội của pháp sư Trí Chứng chính là vua Minh Đế nhà Tiêu Lương<sup>241</sup>. Sư trụ tại chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô, coi nhẹ địa vị,

---

<sup>241</sup> Tiêu Lương (502-557) còn gọi là Nam Lương, Tiền Lương, hoặc Nam Triều Lương chính là triều đại do Tiêu Diễn (Lương Vũ Đế) sáng lập. Do đất phong của Tiêu Diễn là Lương Quận, nên khi làm hoàng đế, nhà vua đã chọn quốc hiệu là Lương. Lãnh thổ nhà Lương bao gồm trọn vùng Hoa Nam gồm 107 châu và 586 quận, kinh đô là Kiến Khang (Nam Kinh). Lương Minh Đế tên thật là Tiêu Vị. Cha của Tiêu Vị là Nhạc Dương Quận Vương Tiêu Sát (con trai của Chiêu Minh Thái Tử Tiêu Thống) bất hòa với Tiêu Dịch (con trai thứ bảy của Lương Vũ Đế). Khi Tiêu Dịch lên ngôi, trở thành Lương Nguyên Đế, Tiêu Sát bèn quy thuộc nhà Tây Ngụy,

vinh hoa, ưa chuộng đạo nghiệp. Gia đình Sư nhiều đời thờ Phật, đặc biệt tôn sùng kinh Pháp Hoa. Người trên kẻ dưới trong họ đều kiên thành tụng niệm. Sư từng soạn sớ giải cho kinh, ngâm thâu thập lời phê chú của mấy vị [cổ đức chú giải trước đó], in hẳn trong tâm tưởng. Soạn xong, Sư báo người trong họ dâng lên vua Đường. Sư thường tự diễn giảng, hoằng dương. Cha của Sư giữ chức Thái Phủ Khanh<sup>242</sup>, tâm chuộng thiện pháp, từ trẻ tới già, tụng trọn một vạn lượt. Lại sai người sao chép, tính ra hơn một ngàn bộ. Mỗi ngày vào chầu vua, ắt sai kẻ hầu bưng kinh đi trước. Hễ công việc rảnh rỗi đôi chút, ông liền đọc tụng. Ban đồng triều ngưỡng mộ, coi là tuyệt luân. Kể từ Phật pháp truyền sang phương Đông, họ Tiêu quả thật là gương mẫu cho thiên hạ về hành trì Pháp Hoa (*theo Tăng Truyền Truyện*).

Vị quan trong cõi tục là Tiêu Tử Lương đã tạo một ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Ông mộng thấy một người tặng cho một bộ kinh, nói có chỗ sai lầm, tức là trong phẩm Thọ Lượng thuộc quyển thứ năm thiếu mất câu “*nhất trần nhất kiếp*” (mỗi vi trần là một kiếp), đó chính là chỗ cốt lõi tội bậc của Pháp Hoa. Do vậy, ông ghi thêm câu đó, bèn cảm điềm lành có chim sẻ trắng bay lượn (*chuyện này trích từ bài văn chú giải bài Linh Thụy Phú của thiền sư Diên Thọ. Ông Tiêu Tử Lương ắt là quan Thái Phủ Khanh [cha của pháp sư Trí Chứng]; do vậy chép thêm vào đây*).

### *\* An pháp sư ở Trường Sa*

Vị tăng tên Pháp An trụ tại chùa Kiến Nguyên, nghe Sùng pháp sư giảng giải, thông đạt rộng rãi các lẽ huyền diệu trọng yếu. Sư lại quanh năm tụng Pháp Hoa, giảng giải bốn mươi lần. Bốn góc giảng tòa bồng

---

được phong làm Lương Vương, cai quản vùng Tương Dương, Kinh Châu. Tiêu Sát bèn tự xưng đế, cũng lấy quốc hiệu là Lương, lấy Giang Lăng làm kinh đô. Sử gọi nước Lương này là Tây Lương, tồn tại ba mươi năm, truyền được ba đời vua. Tây Lương về sau bị Tùy Văn Đế (Dương Kiên) diệt quốc.

<sup>242</sup> Thái Phủ Khanh gọi đầy đủ là Thái Phủ Tự Khanh, tức là người đứng đầu Thái Phủ Tự. Thái Phủ Tự là cơ quan được thiết lập từ thời Bắc Tề, có nhiệm vụ chưởng quản kho tàng của cung đình và các cơ sở thương mại do hoàng gia làm chủ (việc thương mại này được gọi là “hoàng thương”). Đến đời Tùy, Thái Phủ Tự quản lý toàn bộ việc mậu dịch tại các châu quận, quản lý bổng lộc của các quan liêu, điều hành vật giá. Đồng thời, triều đình còn thiết lập Thiếu Phủ Giám chuyên lo kiến tạo cung điện, sản xuất vật dụng cho triều đình. Đến thời Minh - Thanh, Thái Phủ Tự và Thiếu Phủ Giám bị gộp chung vào bộ Công.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

sanh một bụi hoa, có mùi mấy nhánh. Trắng vàng xen kẽ, cao năm sáu tấc, hình dạng giống như hoa sen, thơm tho, tỏa sáng chói ngời. Có kẻ nghi là do khí hậu nóng ẩm mà trở hoa. Lại qua mấy ngày sau, ở bên giảng sàng (chỗ pháp sư ngồi giảng) và chỗ ngồi của đại chúng đều sanh tám chín cành hoa, [hoa nở] suốt một tháng mới héo tàn. Đạo tục xúm lại xem, đều nói là điềm lành do giảng kinh. Về sau, Sư mất tại Trường Sa (theo *Linh Thụ Tập*).

### **\* Hương pháp sư ở Giang Đô**

Vị tăng Huệ Hương họ Lưu, thường tụng kinh Pháp Hoa, kiêm giảng giải nghĩa sâu. Về sau, Sư tới Giang Đô ở Hoài Dương, trụ tại thôn Cố Đình, mọi người thỉnh Sư giảng kinh này. Khi đó, Sư đã một trăm lẻ một tuổi, dáng vẻ vẫn tráng kiện, bỗng bảo đại chúng: “Tôi phải đi rồi”. Nói xong, Sư chấp tay ngồi ngay ngắn, qua đời. Họ liền chôn Sư ở Đồng Sơn. Về sau, tiều phu thường nghe tiếng tụng kinh ở chỗ chôn Sư. Một hôm, quan Tư Mã Triệu Nguyên Khác đi qua đó, thấy một đóa hoa sen, kinh ngạc hỏi han. Người trong thôn thưa đó là mộ của Hương pháp sư. Nguyên Khác sai thuộc hạ đào lên, thấy một khối xương trắng, nhưng lưỡi vẫn ngiêm nhiên đỏ tươi. Rễ sen sanh từ cái lưỡi đó. Trông thấy tướng lành linh dị ấy, châu quận dâng sớ. Vua sắc truyền dựng tháp để tôn sùng, kính phụng tại đó (theo *Linh Thụ Tập*).

### **\* Pháp sư Bảo Thông**

Ngài Bảo Thông tu tập Phạm hạnh chuyên ròng, quanh năm tụng phẩm Đà La Ni của kinh Pháp Hoa, khá có linh dị. Khi đó, trong thôn Dương Kiều, có người họ Triệu, vợ bị thần ám, mời Bảo Thông đến trì chú. Bảo Thông tới nơi, thần liền hiện hình. Bảo Thông nói: “Thần ở trong thôn, lẽ ra phải nên tạo phước, sao lại ngược ngạo ám người?” Thần thưa: “Đây chẳng phải là do đệ tử làm, mà lũ tiểu quỷ thuộc hạ gây ra”. Bèn gọi tiểu quỷ tới trước mặt trách phạt. Do vậy, vợ họ Triệu lành bệnh. Sau đó, vợ họ Triệu lại phát bệnh, ca ngâm suốt ngày! Họ lại đến báo với ngài Bảo Thông. Bảo Thông lại đến nơi, thấy con quỷ đã từng bị quở trách ở trước giường bệnh. Bảo Thông nói: “Trước kia đã từng răn trị, sao ngươi lại tái phạm? Nếu ngươi không đi, ta sẽ tụng chú khiến cho đầu ngươi nứt thành bảy miếng như cành cây A Lê”. Quỷ bèn khấu đầu

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

xin Sư thương xót. Từ đó trở đi, bệnh khỏi hẳn, quỷ chẳng còn tới nữa (theo *Linh Thụ Tập*).

### *\* Nghi thiền sư ở Tô Châu*

Thiền sư Tăng Nghi trụ tại chùa Khai Nguyên ở Tô Châu. Tại đại Phật điện, Sư bỗng thấy một phụ nữ ôm con tới thưa với Sư: “Con tôi mắc bệnh, xin Sư tụng một bộ kinh Pháp Hoa”. Thiền sư vừa tụng xong, liền có một người áo đỏ, đeo gươm tới lễ bái, thưa: “Hôm trước, vợ tôi vì con bị bệnh, nhờ thầy tụng kinh, nay đã lành bệnh, đặc biệt đến cảm tạ. Nghe nói Sư xây đại điện, kính dùng mười ngàn đồng để góp sức. Đệ tử là Hứa tướng quân”. Sư hỏi: “Ông ở nơi đâu?” Họ Hứa nói: “Ở sau nhà của Sư”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Sư sai người đào đất tìm kiếm, thấy một bộ hài cốt, có bội kiếm đặt ngang thân. Mọi người đều than lạ. Sư làm lễ cúng, an táng (theo *Linh Thụ Tập*).

### *\* Chiêu sư ở Biện Châu*

Vị tăng Thân Chiêu là người Biện Châu. Lúc Sư chín tuổi, gặp thời ly loạn, quyền thuộc chết sạch, chỉ còn Sư và mẹ bơ vơ, không nơi nương tựa. Không lâu sau, mẹ chết. Sư bèn nương theo Minh Trí luật sư xuất gia. Phàm những gì được nghe giảng giải một lượt, Sư đều chẳng quên. Sư chỉ lấy tụng kinh Pháp Hoa làm đức nghiệp. Sư lại nuôi một con chó, đi đâu nó cũng đi theo. Tới khi Sư ngã bệnh, chó tru suốt đêm, mọi người chẳng biết vì lẽ gì. Tới khi Sư đã tịch, họ mới hiểu điếm báo của con chó. Tới khi an táng, chó phủ phục, khóc ròng, bỏ ăn mà chết (theo *Linh Thụ Tập*).

### *\* Trang pháp sư ở Kinh Châu*

Trong niên hiệu Cảnh Long<sup>243</sup> đời Đường, có vị tăng tên Huyền Trang<sup>244</sup>, người xứ Giang Lăng. Nhập đạo từ bé, Sư thông hiểu rộng rãi Đại Thừa và Tiểu Thừa. Sư thông hiểu kinh Pháp Hoa nhất, coi như tánh

---

<sup>243</sup> Cảnh Long là niên hiệu của Đường Trung Tông (Lý Hiễn) từ năm 707 đến năm 710.

<sup>244</sup> Vị này không phải là Tam Tạng pháp sư Huyền Trang (thường gọi là Đường Tam Tạng hoặc Đường Tăng), vì ngài Đường Tam Tạng Huyền Trang pháp sư (602-664) họ Trần, quê ở Lạc Dương, sống vào thời Đường Thái Tông và Đường Cao Tông.

mạng. Suốt năm mươi năm, mỗi ngày tụng bảy lượt. Su từng tụng ra tiếng trong tĩnh thất, cảm thiên nhân giáng hạ lắng nghe. Khi Su thiết trai, giảng giải, điềm lành lũ lượt. Hiếu Hòa Đế<sup>245</sup> coi trọng đức hạnh của Su, thiết trai để Su giảng giải tại Lâm Quang Điện. Huyền Trang dâng biểu xin hồi hương, vua xuống chiếu ban cho ngự thi, trăm quan cùng họa vện. Xem chi tiết trong Đại Tổng Cao Tăng Truyện.

**\* Triệt thiên sư ở Giáng Châu**

Thiên sư Pháp Triệt, người Giáng Châu. Từ bé đã cần mẫn, thông thuộc kinh Pháp Hoa, thường coi đó là hạnh nghiệp để khuyên dụ, giáo hóa hết thầy. Su lập điện đường tại Tây Hà thuộc Cô Sơn, sáng lập già-lam. Chỗ ấy vốn chẳng có nước, một hôm, đất sụt xuống, dòng suối trong tuôn ra. Vì thế, thứ sử Tần Châu là Phòng Nhân Dụ đích thân xin vua ban biển đề tên chùa, dùng ngay chữ Hãm Tuyền làm tên. Su còn khéo trì chú, có nhiều ứng nghiệm. Tháng Hai năm Vĩnh Huy thứ hai (651) đời Đường [thuộc triều vua Đường Cao Tông], Su biết mình sắp chết, căn dặn đồ chúng, rời ngòai thẳng qua đời. Khi đó, sắc trời quang đặng, mưa hoa như tuyết, thơm ngát nhưng không tan. Cành lá cây cỏ đều có màu trắng như bột, [hiện tượng ấy kéo dài] tròn đôi ba ngày rồi mới biến mất. Su mất đã ba năm, thân vẫn ngòai yên, bất hoại. Công hạnh của Su đúng là khó nghĩ bàn (*theo Linh Thụy Tập*).

**\* Nghĩa pháp sư ở Sơn Âm**

Thích Đại Nghĩa là con nhà họ Từ ở Sơn Âm, sanh ra đã sáng láng hơn người. Lên bảy tuổi, cha dạy đọc sách, mỗi ngày Su nhớ mấy ngàn

---

<sup>245</sup> Đường Trung Tông có thụy hiệu là Hiếu Hòa Hoàng Đế, về sau Đường Huyền Tông tôn phong là Hiếu Hòa Đại Thánh Hoàng Đế, rồi lại dâng thụy hiệu lần nữa là Đại Hòa Đại Thánh Đại Chiêu Hiếu Hoàng Đế. Do vậy, Sử thường gọi ông là Hiếu Hòa Đế. Ông từng làm vua lần thứ nhất khi cha là Đường Cao Tông qua đời vào năm 684. Chưa đầy một tháng, ông bị mẹ là Vũ Tắc Thiên phế truất, ép nhường ngòai cho em là Lý Đán (Đường Duệ Tông) kế vị. Năm 698, ông lại được Vũ Tắc Thiên chỉ định làm Thái Tử. Đến năm 705, do Tể Tướng Trương Gián Chi, Thị Lang Thôi Huyền Vĩ, tả vũ lâm tướng quân Hoàn Nhan Phạm v.v... dùng cấm quân đảo chánh Vũ Tắc Thiên (Sử gọi là Thần Long Chánh Biến) thành công, lại đưa Lý Hiển lên ngòai vua trở lại. Trong lịch sử, ông là người duy nhất có ông nội (Đường Thái Tông), cha (Đường Cao Tông), mẹ (Vũ Tắc Thiên), em trai (Đường Duệ Tông), con (Đường Thương Đế Lý Trọng Mậu), cháu trai (Đường Huyền Tông Lý Long Cơ là con trai thứ ba của Đường Duệ Tông) đều là hoàng đế, rất hiếm thấy.

câu. Mười hai tuổi, Sư đi tu tại chùa Linh Ân ở Sơn Âm. Kinh giáo hễ đọc rồi đều thông thuộc, mọi người đều kính sợ. Nhằm lúc Đường Trung Tông kế vị, ban ân cho mở giới đàn thế độ tăng chúng. Sư thi đậu hạng nhất trong cuộc khảo hạch về kinh Pháp Hoa. Từ đấy, Sư tu tập, nghe kinh, hoàng dương xiển hóa tại chùa Xứng Tâm. Trong niên hiệu Khai Nguyên<sup>246</sup>, Sư chôn cha mẹ; do vậy, vào Phật Lũng ở Thiên Thai đọc Đại Tạng hòng báo ân cù lao. Sư yết kiến ngài Tả Khê, theo học Chỉ Quán, siêu nhiên ngộ tâm. Để hoàn tất đại sự, Sư bình sanh tụng Pháp Hoa và Niết Bàn, giữ giới Đại Tiểu Thừa làm hạnh nghiệp. Lúc Sư mất, đại chúng đều nghe trên hư không có tiếng tấu nhạc cõi trời (*theo Đại Tổng Cao Tăng Truyện*).

**\* Tu pháp sư ở Thiên Thai**

Pháp sư Quảng Tu họ ngoài đời là Lưu, người xứ Đông Dương. Bẩm tánh kiên nghị, thông sáng hơn người. Khi trưởng thành, Sư nương cậy tổ mười bốn của tông Thiên Thai là Thúc pháp sư, đạt được hết truyền thừa của thầy. Người học chen nhau theo hầu, lăm phen chật ních ngoài cửa. Sư hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa, Duy Ma, và Kim Quang Minh v.v... sáu thời hành đạo. Tuổi già càng thêm vững chí. Mỗi năm, Sư tu sám hối bốn mươi chín ngày. Đó chính là môn thứ tư tức Tùy Tự Ý tam-muội trong Chỉ Quán. Sau đó, Sư truyền trao Tam Quán cho môn nhân và tín chúng tại gia. Trong niên hiệu Hội Xương<sup>247</sup>, Sư mất tại chùa Thiên Lâm, di quan sang kim địa nơi Phật Lũng. Đệ tử là Lương Vấn tạo mộ phần, hỏa táng, thâu được hơn một ngàn viên xá-lợi, bèn dựng tháp để thờ (*theo Đại Tổng Cao Tăng Truyện*).

**\* Doan Pháp Hoa ở Minh Châu**

Theo Đại Tổng Cao Tăng Truyện ghi chép, vị tăng Toại Doan, họ ngoài đời là Trương, chẳng biết quê quán. Sư xin xuất gia tại chùa Đức Nhuận. Chùa ấy chính là Hám Trạch Thư Đường của quan Ngô Thái Phó (tức là chùa Đông Phổ Tế tại Từ Khê hiện thời). Sư là người chất trực, thanh cao, thuần hậu, chẳng giao du bừa bãi. Được thầy truyền dạy

---

<sup>246</sup> Khai Nguyên là niên hiệu của Đường Huyền Tông từ năm 713 đến năm 741.

<sup>247</sup> Hội Xương là niên hiệu của Đường Vũ Tông (Lý Viêm) sử dụng từ năm 841 đến năm 847.



kinh Pháp Hoa, Sư tụng đọc như đã quen từ trước, mọi người đều kinh hãi, tán thán. Trong mười hai thời, miệng niệm chẳng bỏ sót. Tới già vẫn chẳng lười nhác. Năm Hàm Thông thứ hai (861) đời Đường [Ý Tông], sau khi ngồi xếp bằng, Sư thanh thản, an định qua đời. Trong khoảnh khắc, miệng sanh ra bảy đóa sen xanh, tinh khiết, thơm tho ngào ngạt. Xa gần chen nhau đến xem. Do vậy, [môn đệ] tạo khám, chôn Sư dưới chân núi Đông Sơn. Suốt hai mươi mấy năm, trong tháp nhiều lượt hiện quang minh. Tới khi mở tháp ra xem, hình chất hết như còn sống, lại rước về chùa, đắp sơn để gìn giữ. Đến nay, chân thân Ngài vẫn còn đó (nghe nói lại).

Đối với chuyện bảy cành hoa sen, tôi từng hỏi dò bậc kỳ túc, họ đều nói “Trước đó vẫn còn, sau loạn Kiến Viêm<sup>248</sup> mới bị mất”. Nhưng chân thân của Sư còn đó, cổ điện oai nghiêm, tiên hiền đều kính sợ. Có người làm thơ để lưu truyền đức hạnh của Ngài. Trương Ngang làm thơ rằng: *“Tặng sử danh vẫn tại, vân khám hương hỏa thâm. Thử thân phi cố vật, bất hoại bốn tòng tâm. Môn tĩnh hồ sơn bích, đình hàn cối bá âm. Hậu nhân hoàn khả kế, chân giáo quyển hoàng kim”* (Danh lừng trong tặng sử, khám mây hương lửa dày, thân chẳng phải vật cũ, chẳng hoại tâm thuở đầu. Cửa tĩnh, núi hồ biếc, sân lạnh rợp bóng tùng. Người đời sau kế tục, chân giáo quý tựa vàng). Vị tăng Bảo Xung đề thơ rằng: *“Kinh tích tụng bạch liên, thân di kỷ bách niên? Sắc thân di thử địa, chân tánh tại hà thiên? Hồ nguyệt doanh hoàn khuyết, nham hoa lạc phục nghiên. Duy sư công đức cốt, đoan tọa nhược an Thiên”* (Đã tụng kinh sen từ thuở trước, tinh thân truyền lại mấy trăm năm? Sắc thân để lại nơi này nhỉ? Chân tánh tầng trời nào ngự đây? Trăng in mặt hồ tròn rồi khuyết, gành đá hoa rơi, bông lại đơm. Chỉ có xương Sư ngồi công đức, đoan tọa an vui trong lẽ Thiên) (hai bài thơ ấy được khắc vào đá).

### **\* Tổ pháp sư ở Kinh Triệu**

Vị tăng Thủ Tổ bản tánh cao cả, bén nhạy tuyệt luân. Sư trụ tại chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô, luôn lấy việc tụng niệm, hành trì làm chuyện quan trọng nhất. Sư không bước chân ra khỏi cổng chùa suốt ba

---

<sup>248</sup> Kiến Viêm (1127-1130) là niên hiệu của Tống Cao Tông (Triệu Cấu). Trong năm Kiến Viêm thứ ba (1129), thống chế Miêu Phó và thứ sử Oai Châu Lưu Chánh Ngạn phát động binh biến (làm phản, đảo chánh), ủng hộ đưa Thái Tử Triệu Phu mới ba tuổi lên ngôi, bức Cao Tông thoái vị. Sự gọi chuyện này là “*Kiến Viêm binh biến*”. Về sau, phe phản loạn bị Trương Tuấn và Hàn Thế Trung của nhà Tống dẹp tan.

mười năm, tụng kinh Pháp Hoa ba vạn bảy ngàn bộ. Hằng đêm, thường có con lửng chó (raccoon) đi vây quanh nghe kinh. Khi Sư thọ trai, sẽ có chim quạ đậu trên tay mổ thức ăn. Trong niên hiệu Trường Khánh (821-825) đời Đường, có vị tăng là U Huyền đề tặng rằng: “*Tam vạn liên kinh tam thập xuân, bán sanh bất đạp viện môn trần*” (Ba vạn kinh sen ba mươi xuân, nửa đời chẳng dính bụi ngoài sơn môn), quả thật là câu thơ hay đáng sao lục (*Theo Đại Tổng Tăng Truyện*).

**\* Tam Bạch hòa thượng ở Gia Hòa**

Sư tên là Nguyên Huệ, là hậu duệ của quan Bình Nguyên Nội Sử Lục Cơ đời Tấn. Thuở còn trẻ chỏm, Sư đã dĩnh ngộ, trưởng thành thì ôn nhuận. Sau khi xuất trần, thọ giới, Sư vào Ngũ Đài Sơn chiêm lễ thánh tích. Trở về, Sư an cư tại chùa Kiến Hưng, lập chí “*trì tam bạch*” (giữ ba thứ trắng). Trong niên hiệu Hội Xương<sup>249</sup> gặp nạn [triều đình] sa thải [tăng sĩ]. Đến đời Đường Tuyên Tông, Sư lại dự vào dòng pháp. Trong niên hiệu Hàm Thông (860-874), Sư đưa xá-lợi xương Phật sang Phụng Tường, đốt ngón cái bên trái, miệng tụng kinh Pháp Hoa, ngón cái bèn mọc lại. Bình sanh, Sư tụng kinh Pháp Hoa chẳng đếm nổi số. “*Tam bạch*” là cơm trắng, nước trắng, muối trắng. Thân lại chẳng còn đụng chạm, miệng tụng chân kinh, ý chẳng duyên theo hư vọng. Ba điều ấy minh bạch, cho nên có danh hiệu đẹp đẽ ấy. Vì thế, người đất Ngô gọi Sư là Tam Bạch hòa thượng (*theo Đại Tổng Tăng Truyện*).

**\* Sở pháp sư ở Ôn Châu**

Thích Hồng Sở đời Đường, người xứ Vĩnh Gia. Hồng Sở và anh em khí độ rộng rãi, đều chuộng thoát tục. Song thân cũng bằng lòng, anh em giúp đỡ lẫn nhau, thẳng thừng tụng trì, tu tập kinh Pháp Hoa. Khi đó,

---

<sup>249</sup> Hội Xương là niên hiệu của Đường Vũ Tông (Lý Viêm). Năm 845, do mê đắm Đạo Giáo, nghe theo mưu mô của đạo sĩ Triệu Quy Chân, Vũ Tông tấn công Phật giáo trên quy mô lớn. Trừ bốn ngôi quốc tự Từ Ân, Tiên Phước, Tây Minh, Trang Nghiêm tại Trường An, mỗi chùa giữ lại 10 tăng sĩ trông nom, toàn bộ chùa miếu trong cả nước bị phá hoại hay đóng cửa, tượng Phật, chuông khánh bằng đồng bị nấu chảy để đúc tiền, các thứ dụng cụ khác bằng kim loại sẽ đúc thành nông cụ. Tăng sĩ bị đuổi về đời, ruộng nương và tài sản bị sung công. Sự gọi cuộc đàn áp này là “*Hội Xương pháp nạn*”. Cho tới năm Hội Xương thứ bảy (847), Vũ Tông chết, pháp nạn mới chấm dứt.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

chùa Đại Vân hoang vu, bỏ phế, Đường Chiêu Tông sắc truyền trùng tu, Sư trông coi cho hoàn thành. Lương Thái Tổ (Châu Ôn) ban y tía và phong hiệu, Sư từ tạ chẳng nhận. Khi đó, Trịnh Thuyết tặng thơ rằng: “*Giá thượng tử y nhàn bất trước, án đầu kim tự tọa trường khan*” (Chẳng màng y tía phơi trên giá, chữ vàng trên án chẳng buồn nhìn). Sư bản tánh rộng rãi, từ bi, mặt không có sắc giận, mắt chẳng ngó xéo, chẳng thốt lời hư vọng. Sư giảng kinh Pháp Hoa tới năm mươi lượt. Có lúc, giảng đường bỗng sanh một đóa hoa sen, đài to, cánh kép, tỏa hương thơm ngát. Mọi người đua nhau khen lạ. Sư còn trích máu chép một bộ kinh này, cho đến nay vùng Vĩnh Gia coi là của báu truyền đời (*theo Đại Tống Tăng Truyện*).

### *\* Cử pháp sư ở Việt Châu*

Vị tăng Hồng Cử chính là anh của sư Hồng Sở [vừa nói trên đây]. Sư xuất gia tại chùa Long Cung ở đất Việt, tinh thông kinh Pháp Hoa. Do vậy, đắc độ. Về sau, Sư qua Trường An học Tỳ Ni. Do đọc chữ ở bia chùa Hóa Độ, mắt mới lướt qua hai hàng, có vị Cử Nhân trông thấy, yêu cầu Sư đọc lại, [Sư đọc lại] chẳng sai một chữ. Sư có trí nhớ mạnh mẽ dường ấy. Sư ngày đêm tụng kinh, thường thấy quỷ thần phù trợ, hộ vệ, hoặc vì Sư thêm hương, thêm đèn. Tới niên hiệu Trường Hưng nhà Lý Đường<sup>250</sup>, Sư không bệnh, ngồi mất. [Đệ tử đặt Sư vào trong khám], cho tới canh ba, Sư gõ tay vào cửa khám nói: “Do thiện hữu ở cõi Phật hiềm ta ăn mặc bất tịnh, cho nên chuyển về [để thay đổi]”. Thay đổi [y phục] xong, Sư lại ngồi ra đi. Đến ngày thứ bảy, đỉnh đầu Sư vẫn còn ẩm. Sau khi an táng, thường có một con hổ nhiễu quanh tháp kêu gào (*theo Đại Tống Tăng Truyện*).

### *\* Hồi pháp sư ở Đông Kinh*

Thích Trinh Hồi, họ Bao, người Ngô Quận. Mười ba tuổi, xuất gia tại chùa Long Hưng, giữ tánh trầm tĩnh, tranh giành từng giây phút để tu tập, [cho nên] qua khỏi một năm, Sư đã tụng lưu loát kinh Pháp Hoa,

---

<sup>250</sup> Trường Hưng là niên hiệu của Đường Minh Tông (Lý Tự Nguyên) nhà Hậu Đường từ năm 930 đến năm 934. Hậu Đường (hoặc Lý Đường) là triều đại thứ hai thời Ngũ Đại, chỉ tồn tại 14 năm. Triều đại này do Lý Tồn Úc sáng lập sau khi diệt nhà Hậu Lương của Châu Ôn, với danh nghĩa khôi phục Đường triều, cho nên cũng xưng quốc hiệu là Đường.

dùng đó làm thường nghiệp. Mỗi ngày, Sư tụng trọn hai bộ. Mười chín tuổi, xuống tóc. Từ đấy, quanh vùng Y Lạc<sup>251</sup>, hễ chỗ nào có giảng pháp, không đâu Sư chẳng tới nghe. Trong niên hiệu Thiên Hựu (904-907) đời Đường, Sư tới trú ngụ tại chùa Tướng Quốc ở kinh đô, giảng kinh Pháp Hoa khoảng mười lượt, nhưng người ta chưa quy hướng, kính trọng. Sư biết là “bán hàng hóa lạ lùng” cũng phải có thời cơ. Sau đó, Sư gặp thủ lĩnh Tống Châu là ông Không ngưỡng mộ cao hạnh của Sư, bèn bỏ ra bổng lộc dựng điện đường để Sư giảng Pháp Hoa quanh năm tại Tây Tháp Viện. Từ đấy bèn ứng cơ.

Sư lại giở xem Đại Tạng để mở rộng tri kiến. Phàm là ngôn từ của bách gia chư tử trong sách vở thế gian, Sư chẳng ngó tới, răn môn nhân rằng: “*Các thuyết dị đoan khiến cho chân tâm của ta bị chìm đắm rối loạn, cần gì phải học tập? Ta chỉ nguyện sư tử hống, trọn chẳng làm chó rình gào rú!*” Về sau, khi sắp mất, Sư tự chuẩn bị nước nóng tắm gội, thay áo sạch sẽ, ngâm xương phẩm Thượng Sanh, lễ Phật. Sư bỗng hướng vọng hư không, thưa: “*Nhọc công thánh chúng xếp hàng trên không tới đón*”. Đồ đệ, bạn hữu khi đó đều nghe tiếng nhạc trời. Trong khoảnh khắc, Sư qua đời (*theo Đại Tổng Cao Tăng Truyện*).

### **\* Vị tăng chùa Thanh Y ở Đàm Châu**

Tại ngõ Bắc trên đường phố tại cửa Đàm Châu có chùa Thanh Y. Xưa kia, có vị tăng đã quên mất tên, tụng kinh Pháp Hoa tại nơi đây, thường đạt được linh dị, cõi đời chẳng thể lưu truyền cạn kể. Có lúc, cảm vời hai đồng tử mặc áo xanh tới phụng dưỡng. Sau khi Sư mất, được an táng, bỗng trên mộ sanh hai đóa hoa sen. Đào lên xem thì ra hoa sen mọc từ lưỡi. Khi đó, châu quận ghi lại chuyện đó, trình tâu triều đình. Do vậy, vua ban cho tấm biển đề tên là “*chùa Thanh Y*”, dựng chùa tại đó (*theo Linh Thụ Tập*).

### **\* Kinh đề trên vách đá tại chùa Cô Sơn ở Hàng Châu**

Chùa Cô Sơn ở Tây Hồ tại Hàng Châu. Vách đá khắc kinh Pháp Hoa ở trong chùa. Thoạt đầu vào năm Nguyên Hòa 12 (817), khi Nghiêm Hưu Phục làm Thứ Sử, vị tăng tên Huệ Minh đã bắt đầu có cái

---

<sup>251</sup> Y Lạc là sông Y Thủy và Lạc Thủy là hai con sông bao quanh Lạc Dương, nên Lạc Dương cũng thường được gọi là Y Lạc. Tấn Giao là kinh đô Trường An.

tâm thực hiện, hoàn tất vào năm Trường Khánh thứ tư (824), khi Bạch Cư Dị làm Thứ Sử. Vách khắc kinh theo chiều dọc là sáu thước năm tấc, theo chiều ngang là năm mươi bảy thước sáu tấc. Tiền chuyển vận do Nghiêm Hưu Phục, Bạch Cư Dị, thứ sử Hồ Châu Thôi Huyền Lượng, thứ sử Mục Châu Vi Văn Khác, thứ sử Xử Châu Vi Công Lập, thứ sử Cù Châu Trương Duật, thứ sử Tô Châu Lý Lượng, thứ sử Việt Châu Nguyên Chấn, thứ sử Xử Châu Trần Hồ [cùng đóng góp]. Thứ sử Bạch xin tôi đề văn. Tôi thấy sở dĩ vị tăng mưu tính cho khắc kinh lên đá, cho đề văn lên bia, là vì muốn cho chẳng hư hoại. Nay văn đã khắc trên bia, kinh đã khắc trên đá, lại là chuyện do chín vị chư hầu xướng suất, cúng tiền. Nói gần thì cũng đáng gọi là do biểu lộ sự tôn sùng khác thường mà thành chuyện bất hủ. Nói xa xôi, thì chẳng biết có phần mấy vạn năm, bị trời đất cùng chèn ép, bị âm dương cùng nung nấu, bị lửa gió cùng tàn phá, tên gọi và hình hài đều diệt, bốn biển chín châu đều là một hạt vi trần trong cõi thái hư, sao biết là bất hủ được chăng? Do suy nghĩ như thế thì [xét ra] mưu tính của vị tăng cũng ổn vậy. Ngự Sử Nguyên Chấn ghi (theo Đường Văn Túy).

**\* Kinh khắc trên vách đá tại Pháp Hoa Viện ở Tô Châu**

Trong Pháp Hoa Viện chùa Trọng Huyền ở Tô Châu, dùng vách đá để khắc kinh đạo Phật. Khai thị ngộ nhập tri kiến của chư Phật, dùng liễu nghĩa độ vô biên, dùng Viên Giáo phổ độ vô cùng, không gì tôn quý bằng kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Chứng Vô Sanh Nhẫn, tạo Bất Nhị môn, trụ giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, không gì tốt bậc bằng kinh Duy Ma Cật. Tiếp độ tứ sanh cứu loại nhập Vô Dư Niết Bàn, nhưng thật sự chẳng độ, không gì hơn kinh Kim Cang Bát Nhã. Diệt tội, gom phước, tịnh hóa hết thảy đường ác, không gì nhanh chóng bằng kinh Phật Đảnh Tôn Thắng. Ứng niệm thuận nguyện, sanh vào cõi Cực Lạc, không gì nhanh chóng bằng kinh A Di Đà. Nêu rõ chánh quán Thật Tướng, không gì hơn kinh Phổ Hiền Quán. Diễn nói tự tánh, chấp nhận Bồn Giác, không gì sâu bằng kinh Thật Tướng Pháp Mật. Rỗng tuếch pháp trần, nương vào vô trí, không gì bằng Bát Nhã Tâm Kinh. Tám loại kinh ấy trọn đủ mười hai bộ loại, hợp thành mười một vạn sáu ngàn tám trăm năm mươi bảy chữ, bao gồm ý chỉ trọng yếu của tam thừa, trọn hết tạng bí mật của chư Phật.

Vách đá ấy gồm bốn tầng, cao một tầm (tám thước), dài mười lăm trượng, dày một thước tám tấc. Có hoa sen bằng đá che phủ trên dưới, có

thần bằng đá tạc để bảo vệ trước sau. Nước chẳng thể nhân chìm, lửa chẳng thể đốt cháy, gió chẳng thể thổi nát. Đó gọi là “*thí pháp vô thượng cho đến hết đời vị lai*”. Vách đá khắc kinh ấy được làm vào năm Trường Khánh thứ hai (822) đời Đường, hoàn thành vào năm Đại Hòa thứ ba (829), sa-môn Thanh Hoảng vạch ra kế hoạch, tăng Khế Nguyên viết chữ, quan Đô Thủ Bạch Cư Dị ban lời ca tụng (*trích từ Bạch Thị Trường Khánh Tập*).

**\* *Kinh sen tại chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai***

Tôi vừa đến Thiên Thai lễ tổ tháp. Tới chùa Quốc Thanh, nghe nói người coi kho cất giữ các di vật lạ; do vậy, kéo nài cho xem. Vị ấy đem ra rất nhiều vật, nay nêu đại lược bốn món:

- Một là khám chứa tượng thờ bằng Tử Đàn Hương, cao chừng một thước. Trong ấy, điêu khắc tám tướng thánh dung của Thích Ca Như Lai như tướng giáng sanh v.v... Khám thờ gồm hơn bảy trăm hình tượng, tinh xảo thần diệu, thật sự khó nghĩ tưởng. Đây là tổ Trí Giả khi truyền Bồ Tát Giới cho Tùy Dượng Đế đã được ban tặng.

- Hai là bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ vàng do tổ Trí Giả chép tay. Toàn bộ bản kinh bút pháp thuần túy, khác nào do trời tạo ra. Đây là khi tổ chúng ta vâng chiếu của Trần Tuyên Đế mà viết ở Kim Lăng.

- Ba là Tâm Kinh viết trên lá bối tại Thiên Trúc. Vào triều đại Đại Tùy, một vị Phạm tăng đã mang đến tặng cho tổ Trí Giả.

- Bốn là kinh Pháp Hoa viết bằng chữ vàng do Tiền Việt Vương chép, vi diệu, tinh xảo, mẫu mực. Phía sau đề: “*Ngô Việt quốc vương Tiền Thục kính chép*”. [Các bản trân quý của] kinh này [tại chùa Quốc Thanh] gồm hai mươi bộ, bộ kinh ấy là một trong hai mươi bộ đó. Nay lại thấy Thọ thiền sư dâng bài Pháp Hoa Kinh Linh Thụy Phú [lên Ngô Việt Vương], Tiền Việt Vương soạn văn tán dương. Do đó, vua truyền lệnh dùng vàng để chép một trăm bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa, [đó là] chuyện thù thắng tột bậc lắm thay! Xét ra, từ xưa để vương lưu truyền Phật giáo cố nhiên là nhiều, nhưng chưa hề nghe [có vua chúa nào] biên chép siêng năng như thế. Ấy là vì [nhà vua] chẳng phụ trong hội Linh Sơn [được đức Phật] phó chúc mà đặc biệt đến Chấn Đán làm đầu mỗi quy y cho quần sanh vậy! Tông Hiều do sưu tập, biên soạn đã xong, đối với chuyện đã được thấy khi trước cứ canh cánh trong lòng, nguyện khiến cho người chưa nghe sẽ được nghe, bèn nâng bút ghi lại.

***Pháp Hoa Kinh Hiện Ứng Lục, quyển thượng chung***

## **II. Pháp Hoa Kinh Hiển Ứng Lục Quyển Hạ**

### **法華經顯應錄卷上**

#### **\* Đạt thiên sư ở Hồng Châu**

Thiên sư Pháp Đạt, người xứ Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia, tụng kinh Pháp Hoa. Sau khi đã xuống tóc, thọ Cụ Túc Giới, Sư đến lễ thiên sư Lục Tổ Huệ Năng ở Tào Khê. Tổ bảo: “Ông lễ mà đầu không sát đất, chẳng bằng không lễ! Xem ra, trong tâm ông ắt chứa đựng vật gì đó!” Pháp Đạt thưa: “Con đã niệm kinh Pháp Hoa ba ngàn bộ”. Tổ nói: “Lễ vốn để đánh gãy tràng ngạo mạn, [thế mà ông lễ bái] đầu chẳng hề chạm đất”. Tổ lại nói: “Ông nay tên là Pháp Đạt, siêng tụng chưa ngưng nghỉ, chỉ là tụng suông theo âm thanh, minh tâm thì gọi là Bồ Tát, chỉ tin theo lời Phật vô ngôn, hoa sen từ miệng phát ra”. Tổ lại nói: “Kinh ấy lấy gì làm tông?” Pháp Đạt thưa: “Học nhân ngu độn không biết”. Tổ nói: “Kinh ấy lấy nhân duyên xuất thế làm tông. Chỉ có một đại sư là tri kiến của Phật! Ông chớ nên hiểu sai rằng khai thị ngộ nhập chính là tri kiến của Phật, chứ bọn ta chẳng có phần! Ngài đã là Phật, đã đầy đủ tri kiến, có sao lại phải khai? Hãy nên biết tri kiến của Phật chỉ là tự tâm của ông, chẳng có cái Thể nào khác! Chỉ vì tự che lấp quang minh, tham ái trần cảnh, nhọc công Phật phải từ tam-muội khởi, dùng các thứ khuyên nhủ để [chúng sanh] ngưng dứt [trần lao]. Ông chỉ chấp niệm kinh là công đức, có khác gì mao ngưu yêu chuộng cái đuôi?”

Pháp Đạt thưa: “Nếu đúng như Tổ dạy, con chẳng cần tụng kinh ư?” Tổ bảo: “Kinh có lỗi gì mà ngăn chướng ông niệm. Hãy nghe ta nói kệ: Tâm mê, Pháp Hoa chuyển. Tâm ngộ, chuyển Pháp Hoa. Tụng lâu, chẳng hiểu mình, là oán cừu của nghĩa. Vô niệm, niệm tức chánh. Hữu niệm, niệm thành tà. Hữu vô đều chẳng được, xe trâu trắng ngựa hoai”. Pháp Đạt đã được khai mở, hoan hỷ nói kệ rằng: “Tụng kinh ba ngàn bộ. Tào Khê một câu quên. Chẳng hiểu ý xuất thế, đâu hết cuồng nhiều đời. Dê, nai, trâu quyền lập. Trước, giữa, sau khéo bày. Ai biết trong nhà lửa. Vốn sẵn đáng pháp vương”. Tổ nói: “Nay ông mới đáng gọi là vị tăng niệm kinh”. Pháp Đạt đã lãnh thọ huyền chỉ; từ đó, tụng trì chẳng thiếu sót. Xem tường tận [chuyện này] trong Truyền Đăng Lục.

**\* Dung thiền sư núi Ngưu Đầu**

Bộ Đường Tục Tăng Truyện có chép vị tăng Pháp Dung, họ ngoài đời là Vi, người xứ Nhuận Châu. Gia đình Sư nhiều đời học Nho; Sư thông thạo rộng khắp sử sách, nhưng chẳng có ý định kinh bang tế thế. Một hôm, Sư ngẫu nhiên đọc Bát Nhã, liễu đạt Chân Không, bèn bỏ Nho, trốn vào Lữ Sơn, đổi áo phùng dịch<sup>252</sup> thành nâu sòng, tham cứu đạo này. Trong suốt hai mươi năm, Sư chuyên rỗng chẳng biếng nhác. Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư ở thạch thất núi Ngưu Đầu vì tứ chúng hơn bốn trăm người, giảng kinh Pháp Hoa. Khi đó, tuyết đọng đầy bậc thềm. Bỗng từ trong băng đọng, nảy sanh hai đóa hoa, hình dạng như hoa phù dung, rạng rỡ như sắc vàng, suốt cả bảy ngày mới ản.

Lại có vị quan lớn là Tiêu Nguyên Thiện thỉnh Sư giảng Bát Nhã, cảm vờ đại địa rung động. Chuông, khánh, hương án thấy đều rung động, bay ra ngoài chùa, Sư vẫn điềm nhiên chẳng hay. Lưu Vũ Tích lại viết bia nơi tháp Sư rằng: “*Công đức thần diệu của Sư cảm sùng núi không hạn có suối trào ra, sen trở giữa tuyết mênh mông, rắn to khuấy phục, bày nai nghe pháp. Xét ra, Sư trụ tại Ngưu Đầu... Tứ Tổ Đạo Tín thiền sư giữa trông núi ấy có khí lành, hỏi thăm thì quả nhiên thấy có nhiều... dấu tích*<sup>253</sup>. Một lời khế ngộ, truyền đại pháp của Phật. Từ đó, ứng duyên giảng kinh, đều đạt được linh nghiệm”. Bèn biết xưa nay Thiện và Giáo vận dụng lẫn nhau, nhưng hiện thời chẳng phải là như vậy!

**\* Thiền sư Thái Bạch ở Minh Châu**

Cảnh Đức Thiên Tự tại núi Thiên Đòng đã có từ thời Tây Tấn. [Thoạt đầu], có người học Phật lập đền thờ trên gộp đá, trải qua bốn trăm năm. Tới năm Khai Nguyên 20 (732) đời Đường, cao tăng Pháp Tuyên dựa theo đồ ký<sup>254</sup>, vạch lùm bụi, tìm được dấu tích cũ, bèn tạo tinh xá ở

---

<sup>252</sup> Phùng Dịch (逢掖) vốn là một loại áo rộng tay mà Nho sĩ thường mặc. Do phần nách áo (thân áo nối với tay áo) may rất rộng nên gọi là Phùng Dịch (Dịch (掖) là chữ giả tá của Dịch (腋) có nghĩa là nách).

<sup>253</sup> Do trong nguyên bản có nhiều chữ bị mất, nên câu này dịch không trọn vẹn.

<sup>254</sup> Đồ Ký (圖記) là cách gọi khác của Phương Chí (方志), tức sách vở ghi lại hình thế, đặc điểm, phong tục của một địa phương.



sườn núi phía Đông. Quan Chánh Tự của Bí Thư Tỉnh<sup>255</sup> là Vạn Tế Dung trước hết dựng tháp Đa Bảo ở góc Tây Nam, cao vót tới mây nhận<sup>256</sup>. Ngài Pháp Tuyên sống tại đó, hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa, cảm đồng tử cõi trời đập mây thẳng giáng, đem thức ăn cõi trời dâng cúng. Đến đêm, Sư nhiễu tháp, kính hành. Người khác từ xa thấy thân Sư cao bằng Tướng Luân trên đỉnh tháp. Thoạt đầu, mẹ Sư nằm mộng thấy thiên nữ Cát Tường<sup>257</sup> dẫn bà đến cung của Ma Lợi Chi Thiên<sup>258</sup>.

---

<sup>255</sup> Bí Thư Tỉnh còn gọi là Lan Đài, Lân Đài, Phùng Sơn, hoặc Bí Thư Giám, là một cơ quan hành chính được thiết lập từ thời Hoàn Đế nhà Đông Hán, trực thuộc Thái Thường Tự, về sau thành một cơ quan chuyên biệt. Cơ quan này có trách nhiệm quản lý tất cả hồ sơ, sổ sách, thư tịch, các trước tác của hoàng gia, cũng như soạn thảo các văn bản dùng trong tế lễ của hoàng tộc. Từ đời Đường trở đi, trong Bí Thư Tỉnh lại thiết lập các chức quan Bí Thư Giám (đứng đầu Bí Thư Tỉnh), Bí Thư Thiếu Giám (còn gọi là Lan Đài Thị Lang) làm phó, Bí Thư Thừa (giống như người xử lý thường vụ), Bí Thư Lang, Giáo Thư Lang, Chánh Tự, Chủ Sự, Lệnh Sử, Thư Lệnh Sử, Điền Thư, Khải Thư, Đình Trưởng, Chương Cố, Thục Chi, Trang Hoàng, Bút Tượng, tổng số đến tám mươi tám người.

<sup>256</sup> Nhận (仞, còn đọc là Nhẫn) là đơn vị đo lường thời cổ, được quy định là chiều dài khi giang thẳng hai tay của một người đàn ông trưởng thành. Đời Châu quy định tám thước là một Nhận, đời Hán thì bảy thước là một Nhận.

<sup>257</sup> Cát Tường thiên nữ (Lakṣmī), còn dịch là Công Đức Thiên Nữ, Tài Bảo Thiên Nữ, Bảo Tạng Thiên Nữ, Công Đức Thiên Nữ (Sridevi), Thê Mẫu, Nhũ Hải Nữ, Cát Khánh Nữ, Liên Hoa Nghiêm Sứ, Cự Tài, Bạch Sắc, Đại Danh Xung, Liên Hoa Nhãn, Đại Quang Diệu, Bảo Quang... là vị thiên nữ chủ trì tài bảo, ban phước lạc cho chúng sanh, giữ vai trò hộ pháp trong Phật giáo (thuộc nhóm Nhị Thập Chư Thiên). Bà là vợ của Tỳ Nữ Thiên (Vishnu, Tỳ Thấp Nô). Thần chú Thiện Nữ Thiên thuộc Thập Tiểu Chú trong khóa tụng buổi sáng của Thiền môn là bài chú do bà đã nói trong kinh Kim Quang Minh. Trong Phật giáo Tây Tạng, bà được coi là vị hộ pháp bảo hộ riêng của Đại Lai Lạt Ma. Điểm đặc biệt là khác với các hình tượng xinh đẹp hiền hậu như thường thấy trong Ấn giáo hoặc Phật giáo Bắc Tông nói chung, Tạng truyền Phật giáo tạc tượng bà dưới dạng phần nộ, da đen đúa, nhe nanh, trợn mắt, bốn tay, da xanh dương, cười lừa, dùng yên cương bằng các con rắn, đeo chuỗi anh lạc kết bằng đầu lâu v.v...

<sup>258</sup> Ma Lợi Chi Thiên (Marici, có nghĩa là “tia sáng”) là một vị Bồ Tát thị hiện thân thiên nữ, thuộc nhóm Nhị Thập Tứ Thiên thường được mô tả trong các mạn đà la của Phật giáo. Ngài được coi là vị thiên nữ tương ứng với ánh sáng mặt trời, chủ trì việc trừ si ám cho chúng sanh. Ngài thường được tạc tượng dưới hình dạng thiên nữ có ba mặt, hình dung tươi trẻ xinh đẹp, tám tay, ngồi trên tòa sen đặt trên lưng của tám con lợn. Theo các nhà nghiên cứu, Đạo Giáo đã vay mượn vị Bồ Tát này từ Phật giáo để tạo ra nữ thần Đầu Mẫu Nguyên Quân (mẹ của Cửu Hoàng Đại Đế tức chín vì sao trong chùm sao Bắc Đẩu (Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân) cộng với Tả Phù và Hữu Bật).

Sau đó, bà hoài thai Sư. Do vậy, Sư được gọi là thiền sư Thái Bạch. Trong chùa có Phạm Địch soạn bài ký thuật rõ chuyện này (*theo Tứ Minh Đồ Kinh*).

**\* Tích thiền sư ở Hồ Châu**

Ni sư húy là Đạo Tích, hiệu Tổng Trì, không rõ người xứ nào. Ngài đắc pháp nơi tổ Bồ Đề Đạt Ma. Xét theo Truyền Đăng Lục, ngài Đạt Ma chẳng khế hợp Lương Vũ Đế, bèn sang Thiệu Lâm, nhìn vách chín năm. Một hôm, Tổ bảo đại chúng: “Ta muốn về lại Thiên Trúc ở phương Tây, các vị hãy nói sở đắc của chính mình”. Khi đó, ngài Đạo Dục nói: “*Như con thấy, chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, đó là công dụng của đạo*”. Tổ bảo: “Ông đạt được phần da của ta”. Ni Tổng Trì thưa: “*Nay con hiểu: Như ngài Khánh Hỷ (A Nan) thấy côi của A Súc Phạt, hễ thấy rồi sẽ chẳng thấy nữa*”. Tổ bảo: “Bà được phần thịt của ta”. Ngài Đạo Phó thưa: “*Tứ Đại vốn là Không, Ngũ Âm chẳng phải là có, nhưng theo chỗ con thấy thì chẳng có một pháp*”. Tổ bảo: “Ông được phần xương của ta”. Ngài Huệ Khả lễ bái, đứng nguyên tại chỗ mình. Tổ bảo: “Ông đạt được phần tủy của ta”. Tổ Đạt Ma bèn phó pháp cho ngài Huệ Khả để lập tông.

Ngài Đạo Tích tuy chưa đạt được phần tủy [trong giáo pháp của tổ Đạt Ma], nhưng chí hành đạo chưa hề quên. Ngài liền ẩn cư trên đỉnh núi của rừng Biện Lãnh tại Hồ Châu, ngày đêm tụng kinh Pháp Hoa trọn mười vạn bộ. Gần hai mươi năm chẳng xuống núi. Về sau, Ngài quy tịch. [Môn nhân] dựng tháp dựng toàn thân tại chỗ Ngài kết am tranh. Tới Đại Đồng nguyên niên (535), trong tháp bỗng có một đóa hoa sen xanh. Đạo tục đều lấy làm lạ; do vậy, mở tháp ra xem, thấy nhục thân của ni sư bất hoại. Hoa ấy sanh từ lưỡi của Ngài. Lại từ trong tháp tìm thấy một bộ kinh Sen (kinh Pháp Hoa). Châu quận dâng biểu tâu trình sự việc, triều đình sắc truyền dựng chùa Pháp Hoa. Chùa ấy đến đời Đại Tống sửa biển đề thành Quán Âm Viện, dùng Pháp Hoa để đặt tên cho núi. Tháp của ni sư hãy còn. Trong niên hiệu Thuần Hy<sup>259</sup>, vị tăng trụ trì là Tịnh Nhiên lại xây Tổ Đường để phụng sự hương khói, khắc đá ghi lại [sự tích của ngài Đạo Tích].

---

<sup>259</sup> Thuần Hy là niên hiệu của Tống Hiếu Tông (Triệu Thận) từ năm 1174 đến năm 1189.

**\* Thượng tọa Thiên Hạ ở Hồ Châu**

Sư vốn tên là Bão Ngọc (抱玉, ôm ngọc), họ Đường, người xứ An Cát ở Ngô Hưng. Mẹ họ Mai, khi mới vừa ôm nghén đã ghét thức ăn mặn tanh hôi. Đến khi Sư sanh ra, trong độ tuổi mọc răng sữa, Sư đã nghĩ tới Phật thừa. Sư bèn theo xuất gia với ni Tổng Trì chùa Pháp Hoa, nguyện tụng kinh Pháp Hoa. Ba tháng đã đọc thông suốt. Từ đó, hằng ngày Sư trì bảy bộ. Lúc vừa hai mươi tuổi, Sư lên kinh đô thọ giới. Khi đó, hoàng đế Đường Túc Tông đêm mộng thấy một vị tăng ở xứ Ngô tụng kinh Pháp Hoa, miệng tỏa quang minh năm màu, giọng xứ Ngô trong trẻo. Cho tới sáng ra châu, vua sắc truyền hơn hai trăm vị tăng tại kinh thành có thể tụng Pháp Hoa vào cung cấm. Vua nhìn thì thấy họ đều chẳng phải là người trong giấc mộng.

Bão Ngọc vừa vào cửa ải, vị quan coi cửa ải hỏi “vì sao Sư từ xa đến?” Sư đáp: “Tôi khéo tụng kinh Pháp Hoa, cầm kinh đến thọ giới”. Vị quan tâu lên; vua liền giáng chỉ triệu kiến. Vua viết: “Giọng nói và dáng vẻ của Sư giống như người trăm đã mộng thấy”. Vua liền ban pháp tòa cho ngồi để tụng kinh. Tới phẩm Tùy Hỷ Công Đức, khéo miệng Sư phóng quang minh năm màu. Vua hết sức vui sướng, nói: “Chính là ánh sáng như trăm đã thấy trong mộng”. Kinh tụng vừa xong, vua ban canh thất bảo, sai đắp đàn thơm riêng để Sư thọ giới, ban hiệu là Đại Quang, phong làm “Thiên Hạ thượng tọa”. Sư ở kinh đô ba năm, chuyên nhất trì tụng. Lại vâng sắc chỉ tới hành đạo tại chùa Thiên Phước, trải qua hai mươi tám ngày, Phạm âm trọn khắp, vua [ở trong cung] còn nghe tiếng. Sư ở riêng tại Lam Điền tinh xá. Sư lại vâng chiếu trụ trì chùa Tư Thánh.

Sư Đại Quang viện có mẹ còn ở đất Ngô, dâng biểu xin quay về báo ân. Vua chẳng đồng ý. Sư lại đeo vật trang hoàng lên đầu, đội kinh Pháp Hoa tụng niệm, liền có chiếu chấp thuận cho Sư trở về. Đại Quang tâu rằng: “Thần trở về quê hương, có ba điều nguyện: Một là phụng dưỡng mẹ già. Hai là xin bệ hạ độ tăng trong thiên hạ. Ba là mong tu bổ chùa Pháp Hoa”. Vua xuống chiếu ban tiền cho Hồ Châu để dựng một tòa tháp Đa Bảo, tượng Di Lặc, một bộ kinh Pháp Hoa, một người hầu. Đã về quê, Sư dựng am tại Tùng Kính của chùa Pháp Hoa, hằng ngày trì kinh kệ Pháp Hoa để báo đại ân của vua. Tới cuối Đông, khi niên hiệu

đổi thành Vĩnh Trinh<sup>260</sup>, Sư sang từ biệt thứ sử Nhan Phòng Thiện, nói: “Tôi phải đi. Cõi người vô thường, giống như mộng huyễn”. Trở về chùa, Sư điềm nhiên ngồi qua đời, cảm mùi hương lạ phảng phất suốt ba ngày chẳng tan. Sư được chôn cạnh am. Thử ấy, đại chúng đều nói Sư là hậu thân của ni sư Tổng Trì đời Lương. Sự giáo hóa của bậc chí nhân ai có thể luận bàn được thay! Chuyện này được thấy ghi trên bia do Nhiên sư đã lập.

Nếu xét theo Đại Tông Tăng Truyện, sách ấy cho rằng Đại Quang và Bão Ngọc là hai người [khác nhau], tức là do sưu tầm tài liệu sai lệch. Nay tôi lại trích lục tiểu truyện trong sách ấy để chép thêm: Khi Sư trụ tại Lam Điền, tăng chúng trong chùa trước đó mộng thấy đồng tử cõi trời giáng hạ, bảo: “Tiếng tụng kinh của ngài Đại Quang thấu tới trời Hữu Đảnh, chẳng phải là chuyện nói suông”. Sư Đại Quang một hôm ngồi yên nơi đạo tràng, tự thấy thần nhân từ trời giáng xuống, dùng tay xoa bóp tim Sư. Từ đấy, Sư công lực càng thêm mạnh hơn, thân thể, tinh thần chẳng mệt nhọc. Có lần Sư vô tình đi trong núi, bỗng rơi xuống giếng, liền nghĩ tới tháp Phật Đa Bảo, nguyện trì phẩm ấy mười vạn lượt, bỗng dung tung mình thoát ra, dường như có thần nhân nâng lên.

Về sau, Sư vâng chiếu trụ chùa Tư Thánh, chùa do Văn Đức hoàng hậu<sup>261</sup> xây dựng. Chùa bỗng bị hỏa tai, từ trong ngôi, gạch, tìm được mấy bộ kinh không tổn hại một chữ. Dem chuyện ấy trình tâu lên, vua giáng chỉ xây lại. Đại Quang nhận lãnh kinh văn, tinh tấn gấp bội. Kế đó, Sư xin trở về đất Ngô. Đã trở về, Sư đến huyện Ô Trình. Tướng quốc Lý Thân làm thứ sử của Ngô Hưng, ở lại đạo tràng trì kinh [của sư Đại Quang]. Ông bỗng thấy bạch quang đầy khắp hư không. Tìm xem thì thấy ngài Đại Quang đang ngồi yên, trì kinh; ánh sáng tỏa ra từ mặt Ngài. Áo ca-sa của Sư bốn mươi năm chưa từng giặt giũ, nhưng giới hương ngào ngạt. Sư mỗi ngày ăn một bữa, suốt bảy mươi năm chưa hề

---

<sup>260</sup> Vĩnh Trinh là niên hiệu của Đường Thuận Tông (Lý Tụng) sử dụng từ năm 805 đến năm 806.

<sup>261</sup> Văn Đức hoàng hậu (601-636) chính là vợ vua Đường Thái Tông. Sử không chép tên bà, chỉ biết bà là người Tiên Ty, họ Trương Tôn, có hiệu là Quán Âm Ty (đây là tên của đức Quán Âm), con gái của quan Hữu Kiêu Vệ Tướng Quân Trương Tôn Thịnh. Anh bà là Trương Tôn Vô Kỵ được xếp vào hàng khai quốc công thần của nhà Đường. Bà mồ côi cha từ lúc tám tuổi, được cậu là Cao Sĩ Liêm nuôi dưỡng. Bà lấy Lý Thế Dân (Đường Thái Tông) lúc 13 tuổi, được phong là Tàn Vương Phi. Bà là người hiền hậu, luôn can ngăn chồng, tận lực bảo vệ các vị đại thần trung chính qua thăng tể làm trái ý vua. Bà mất khi mới 36 tuổi, được chôn tại Chiêu Lăng.

ăn phi thời. Lý tướng quốc trọn chẳng tin tưởng Không môn cho mấy, nhưng hết sức kính trọng Sư, đích thân viết văn bia, ghi là Mặc Chiêu Trì Kinh Đại Đức Thần Dị Bi Minh (bài minh ngự chế nơi văn bia ghi lại chuyện thần dị của vị đại đức trì kinh).

**\* Thiên sư Đại Viên ở Tây Kinh**

Tên húy của ngài là Sở Kim, sanh trong nhà họ Trần ở đất Kinh Triệu (kinh đô). Mẹ Ngài do mộng thấy chư Phật, bèn có thai Sư. Sư quả thật là con đáng pháp vương, bảy tuổi đã chán cõi tục, theo xuất gia tại chùa Long Hưng ở phủ nhà. Tới khi lễ tạng thám kinh<sup>262</sup>, rút được kinh Pháp Hoa, liền tụng thông suốt, thanh vận như nước chảy. Sau khi đã thọ Cụ Túc Giới, Sư thẳng đường nghe giảng, nhanh chóng thấu nhận tạng báu. Sư từng trong đêm thanh phôi diễn, tán vịnh kinh này, tụng tới phẩm Bảo Tháp, thân tâm nhẹ nhàng, bỗng thấy tháp báu ở đằng trước, phân thân của Phật Thích Ca đầy dẫy trên hư không. Từ đó, Sư không ra khỏi Thiên phòng, tụng niệm suốt sáu năm, thề dựng tháp ấy để đền đáp sự linh ứng.

Hoài bão chân thành vừa dậy, đàn-na tín thí tìm đến, liền khởi công xây cất. Tại chỗ đắp nền, Sư mỗi đêm trì niệm công khóa. Đại chúng bỗng nghe tiếng nhạc trời, mùi hương lạ ngào ngạt. Sư đã khế lý, tiến nhập Phật tâm, liền cảm vời vua mộng thấy. Đường Huyền Tông thấy dưới pháp danh [của người dựng tháp] có chữ Kim<sup>263</sup>, thẳng triều hỏi [các quan đó] là ai, nhưng chẳng ai biết. Thanh danh của Sư truyền đến kinh đô, phù hợp với điều vua tìm cầu từ giấc mộng. Do vậy, vua ban năm mươi vạn đồng, một ngàn xấp lụa để [dùng làm chi phí] xây

---

<sup>262</sup> Lễ tạng thám kinh: Khi chưa biết chắc nên tu tập pháp môn nào hòng phù hợp căn cơ, cổ đức thường lễ sám tinh thành, sau đó vào Tàng Kinh Các, lễ bái Đại Tạng Kinh, nhắm mắt rút một quyển kinh, mở ra trúng kinh nào thì tu theo pháp môn dạy trong kinh đó.

<sup>263</sup> Theo bi ký tại tháp Đa Bảo tại chùa Thiên Phước, sự kiện này được ghi chép rõ ràng hơn: Đường Huyền Tông trong năm Thiên Bảo nguyên niên (742) mộng thấy mình bước lên một tòa bảo tháp chín tầng. Vua thấy trên đó có đề pháp danh của người kiến tạo, phía dưới có ghi một chữ Kim. Vua hỏi triều đình, mới biết có thiên sư Sở Kim [đang quyên góp dựng tháp Đa Bảo], bèn thưởng vàng lụa để dựng tháp. Mất bốn năm, tháp mới xây xong, được vua đích thân ngự đề tên tháp. Lối chữ viết của Nhan Chân Khanh trên bia tháp này được coi là mẫu mực thư pháp, nên có nhiều người rập chữ (tức là dùng giấy than chà lên bia để lấy nét chữ đem bán cho người đang tập viết).

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

cát. Lại ngự đề bức hoành Đa Bảo Tháp đề treo nơi tháp... [Tháp xây xong], Sư hành sám pháp, liền cảm mây ngũ sắc vờn quanh trên tháp... [Sư bày tỏ ước nguyện] *“ta muốn tập hợp bảy vị tăng, hợp thành cùng một chí nguyện, ngày đêm tụng trì dưới tháp, khiến cho khói hương chẳng dứt, pháp âm vô cùng”*. Mọi người vui vẻ vâng theo. Mỗi dịp Xuân Thu, Sư tập hợp bốn mươi chín người đồng hạnh cùng hành trì Pháp Hoa tam-muội. Sư liền được vua hạ chiếu chấp thuận thành thường lệ. Trong đạo tràng, thấu được rất nhiều xá-lợi. Một hôm, Sư vẽ tượng Phổ Hiền, cảm được mười chín viên xá-lợi hiện ra từ ngọn bút. Sư lại trích huyết chép các kinh như Pháp Hoa Hành Pháp v.v... cũng dùng vàng ròng [hòa mực] chép ba mươi sáu bộ kinh màu nhiệm này để trần tháp báu. Lại chép một ngàn bộ phân phát cho đại chúng thọ trì.

Hóa duyên hoàn tất, ngày Thất Tịch (mùng Bảy tháng Bảy) năm Càn Nguyên thứ hai (759) [đời Đường Túc Tông], Sư nằm bên hông phải, an nhiên qua đời. Xuân thu sáu mươi hai năm. Thiên tử đau xót, sai sứ phúng điếu. Sư được dựng tháp tại Pháp Hoa Lan Nhã ở phía Tây thành ấy. Từ thuở để chòm, Sư đã cam phận đạm bạc, chẳng mặc tơ lụa, chân chỉ đi hài bằng cỏ bện, mỗi ngày ăn một bữa trưa, khổ học suốt ba Đông. Đức hạnh [của Sư] nhiều đến nỗi chẳng thể tuyên dương, ghi chép trọn đủ. Tới năm Trinh Nguyên 13 (797), Đậu Văn Trường tâu rằng: *“Trong năm Thiên Bảo, ngài Sở Kim đã vì nước dựng tháp, đặt tại Pháp Hoa đạo tràng, nay đã hơn sáu mươi năm, tăng chúng lễ niệm, tiếng tụng kinh chẳng dứt. Đã trải qua bốn đời vua mà chưa từng biểu dương phẩm đức”*. Vua xuống chiếu chấp thuận, sắc truyền thụ hiệu là Tại Viên thiên sư (*sự tích của Sư ghi trong Đại Tổng Cao Tăng Truyện do dựa theo bia Phi Tích Thiên Sư. Tương lãnh linh dị được chép trong bài ký của Sầm Huân. Do ghi chép bất đồng, có chỗ sai khác. Nay tổng hợp cả hai bài văn ấy để mong [hành trạng của Sư] được toàn mỹ*).

### ***\* Tuân pháp sư ở Tô Châu***

Sư giữ chí nguyện cao khiết khác vời, chẳng màng sự vinh diệu... Nhất tâm tam quán, sùng phụng Phật thừa. Do chép rộng kinh Pháp Hoa, bèn lập Khán Kinh Viện tại núi Chi Hình ở Tô Châu. Ngày thứ nhất phát tâm, ngày thứ hai liền quy hoạch nền móng, chẳng vượt khỏi lẽ lối. Điện các xây dựng hoàn tất. Đại Lịch nguyên niên (766), các quan đứng đầu Tô Châu như Vi Nguyên Phủ v.v... đều cùng thấy tướng thù thắng, bèn cùng nhau dâng biểu. Vua xuống chiếu đặc biệt dựng Pháp Hoa Đạo

Tràng. Đọc theo Trường Giang về phương Đông, kiến lập mười bảy chỗ, đều do sức của Tuân pháp sư. Sư lại còn chọn ra hai mươi bảy vị tăng hạnh chuyên ròng để thường trì kinh này hòng báo ân vua. Sư lại đúc tượng Lô Xá Na Phật, dựng tháp Đa Bảo, tạo tượng Di Đà, chép ba bộ lớn (Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú, Ma Ha Chỉ Quán) đầy khắp đạo tràng.

Về sau, Sư hành Pháp Hoa tam-muội tại Linh Nham, bỗng thấy ánh sáng to lớn tủa lên trời. Tuân pháp sư ngự trong chánh niệm, nghiêm nhiên ở trong quang minh. Hôm sau, Sư đem chuyện ấy hỏi ngài Kinh Khê Tràm Nhiên, Ngài bảo: “*Quang minh trí huệ từ tâm lưu xuất, chẳng phải là do lòng tinh thành đạt đến cùng cực ư?*” Lại có lần Sư ở trong chùa mình, vào Pháp Hoa đạo tràng, tự thấy thân mình ngồi trên không trung. Bậc đã chứng ngộ trước biết đây chính là tướng trạng đã gột sạch phiền cấu. Sư quy tịch, [trước hôm đó], trong núi ấy có hai vị tăng là Ích pháp sư và Hàn pháp sư cùng nằm mộng thấy đại điện đồ nát. Thật ra, đây là điềm báo Tuân pháp sư đã mất (*theo Đại Tóng Tăng Truyện*).

**\* Vận pháp sư ở Tây Hà**

Trong niên hiệu Trinh Quán, có pháp sư Đàm Vận. Từ bé, Sư đã khác thể tục, chuyên tụng kinh Pháp Hoa; nhưng hãy còn hai quyển [chưa tụng xong]. Sư vào Hằng Nhạc tìm nơi yên tĩnh để tụng cho xong bộ kinh ấy. Bỗng gặp một vị ẩn thiền sư nói: “*Tụng kinh không gì chẳng phải là đạo duyên!*”... [Nói xong], Ngài đem âm vận tụng niệm mà mình thường hành để dạy bảo, Sư kính cẩn hành theo. Sư đọc kinh tới khi trụ tại Ngũ Đài suốt hai mươi năm. Thân mặc áo cũ nát, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Đối với kinh đã tụng khi trước, tâm chẳng nghĩ mà miệng niệm suốt ba mươi năm, chẳng sót một chữ nào! Về sau, Sư thông suốt cả hai quyển sau.

Sư thường muốn khiết tịnh chép một bộ kinh ấy. Đã mấy năm mà chẳng thực hiện được, bỗng cảm vờ một thư sinh đến nói [chính mình] giỏi sao chép. Ngài Đàm Vận bèn lập quy củ, [thư sinh ấy] liền [tuân theo quy củ ấy], ở trong nhà đá sao chép. Sáng vào, chiều ra, bộ dạng khác lạ, thâm sâu. Chưa đầy mười ngày, bảy quyển đã trọn đủ. Sư vui mừng, nấu cơm đáp tạ, bỗng chẳng thấy [thư sinh ấy] đâu nữa. Về sau, giặc giã loạn lạc, Sư giấu kinh trong hang đá. Giặc yên, Sư trở về tìm kinh. Do chôn trong rừng, rương và vải gói kinh đã mục nát, nhưng kinh vẫn y như thuở đầu. Sư ngồi mất tại núi Bình Dao ở Tây Hà. [Sư thọ]

hơn tám mươi tuổi. Sư ẩn cư trong núi rừng sáu mươi năm, chẳng màng danh lợi, chẳng nuôi người hầu, không ghi tên vào sổ sách [quản lý tăng ni của triều đình], chẳng cô phụ trách nhiệm của chính mình. Đứng là bậc thượng sĩ đức nghiệp vĩ đại, thanh khiết (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**\* Chương pháp sư ở Đông Kinh**

Pháp sư Phó Chương, người phủ Khai Phong. Cha Sư là phú nông tại ấp Bành Ân. Ngoài việc thế tục, [ông cụ] luôn tụng niệm kinh Phật, lại còn hiểu ý chỉ giảng nói [trong kinh]. Mẹ Sư họ Hình, mộng thấy vào chùa, tay ôm lấy pháp khí, do vậy mà hoài thai Sư. Cha biết con là đứa bé khác lạ, chỉ tay vào bụng vợ, thề sẽ cho con xuất gia. Sư mười một tuổi nhập đạo, được thầy dạy kinh Pháp Hoa, Nhân Vương, Tịnh Danh, chẳng bao lâu đã thông suốt. Tới khi thôi để chỏm, Sư bèn nghe giảng, học tập kinh Pháp Hoa ở chỗ Lãng pháp sư. Sư miệt mài nơi pháp thủy suốt hai mươi năm, chưa từng xao lãng ngày nào. Sư nói kệ tịch diệt. Khi trà-tỳ, khói hết, lửa tắt, lưỡi chẳng cháy thành tro. Trước đó, cha của Sư đọc tụng kinh Pháp Hoa, sau khi mất, hỏa thiêu, lưỡi cũng chẳng hoại. Cha con có cùng một chứng nghiệm, đúng là hiếm có! (theo *Đại Tạng Truyện*).

**\* Luân Tăng Lục ở Tinh Châu**

Sa-môn Kế Luân, họ Tào, quê ở Tấn Dương. Tuổi thiếu niên, Sư đã mang chí lớn, quyết cầu xuất gia. Bỏ Sư truyền dạy kinh Pháp Hoa, Sư mỗi ngày niệm ba trang, lay động sự tu tập trong quá khứ. Sau khi đã làm tăng<sup>264</sup>, Sư học thông thuộc kinh này, thấu hiểu giáo nghĩa uẩn tàng tốt bậc. Do vậy, soạn Pháp Hoa Kinh Sao ba quyển. Họ Lưu chiếm cứ vùng Tinh Phần, coi trọng đạo hạnh của Sư, phong cho Sư làm Hữu Nhai Tăng Lục<sup>265</sup>. Sư đối xử với đại chúng vừa khoan dung vừa kiên

---

<sup>264</sup> Ý nói: Sau khi đã thọ Cụ Túc Giới thì mới chính thức là tăng.

<sup>265</sup> Đây là một chức vụ quản lý các tăng ni để đảm bảo không có tăng sĩ giả danh chẳng thọ giới trà trộn vào hàng ngũ tăng ni. Chức quan này được thiết lập dưới đời Đường và Tống nhằm quản trị tăng ni và bổ nhiệm các vị tăng giữ chức vụ quản lý, kiểm tăng, trực xuất tăng sĩ giả mạo hoặc vi phạm giới luật. Thoạt đầu, trong niên hiệu Trinh Nguyên, lập ra chức Tả Nhai và Hữu Nhai Công Đức Sứ, sau đó đặt thêm chức Hữu Nhai và Tả Nhai Tăng Lục để giúp. Đến đời Tống, lập ra riêng một cơ cấu



## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

quyết, chẳng ai dám trái nghịch, chống đối. Một ngày nọ, Sư thị hiện ngã bệnh, nêu ý nguyện muốn sanh về Tri Túc Thiên (Đâu Suất Thiên). Sau khi Sư mất, đỉnh đầu vẫn nóng cả nửa ngày mới lạnh. Sau khi xà-duy (trà-tỳ, hỏa thiêu), xá-lợi sáng bóng, xa gần tranh nhau thỉnh về cúng dường (theo Đại Tổng Tăng Truyện).

### *\* Anh pháp sư ở Ngũ Đài*

Trong niên hiệu Khai Nguyên đời Đường, có vị tăng tên Thần Anh, người xứ Thương Châu. Sư phúng tụng kinh điển, ngày đêm chẳng lười nhác. Sư tham học khắp các tri thức, tới núi Ngũ Đài. Một hôm, Sư vào chơi khu rừng ở phía Tây chùa, bỗng nhiên thấy một tòa viện, có biển đề là Pháp Hoa. Ngài Thần Anh thông thả bước vào, thấy một tòa tháp Đa Bảo Phật rực rỡ, tráng lệ y như kinh Pháp Hoa đã nói. Lại có tượng Văn Thù và Phổ Hiền bằng ngọc thạch tinh tế, đẹp đẽ rạng ngời, khéo léo khó lường. Quy mô của tòa viện giống như Thập Tự tại núi Ngũ Đài... Ngài Thần Anh ra khỏi chùa, kể với chúng tăng những điều phi thường đã thấy. [Họ cùng Sư đi tìm], đi chừng ba mươi dặm, chẳng thấy có gì. Ngài Thần Anh buồn khóc nói: “Đây chính là đức đại thánh cảnh tịnh, giác ngộ tôi”. Sư liền kết lều tranh ở lại chỗ đường như có tháp Đa Bảo, phát nguyện rằng: “Con sẽ ở trên nền của viện biến hóa này mà dựng một ngôi chùa, hòng đáp tạ sự linh ứng”. Lâu ngày chầy tháng, đàn tín như rừng, Sư bèn tậu ngọc thạch từ Dịch Châu cách đó ngàn dặm để tạo tượng hai vị Bồ Tát, xinh khéo như đã từng trông thấy. Viện đã hoàn thành, lại đặt tên là Pháp Hoa. Ngài Thần Anh thuyết pháp, trụ trì, chỉnh tề như được cát xén vậy! (theo Đại Tổng Tăng Truyện).

### *\* Lân cung phụng ở kinh đô*

Sư họ ngoài đời là Phạm, người Duyện Châu. Cha Ngài không thích Tam Bảo, hề thấy tăng ắt khắc nhỏ. Sư có nhũ danh là Lân Nhi, từ

---

quản trị gọi là Tăng Lục Ty. Tăng sĩ phải thông qua khảo hạch mới được Tăng Lục Ty cho phép thọ giới và cấp giấy chứng nhận gọi là Độ Điệp. Trong Tăng Lục Ty, lại đặt ra các chức Tăng Lục (đứng đầu tăng sĩ cả nước), không còn chức Công Đức Sư, phía dưới có các vị phụ tá như Giảng Kinh Thủ Tòa, Giảng Luận Thủ Tòa, Giám Nghĩa v.v... Các chức vụ này dưới thời Minh - Thanh được coi như quan chức của triều đình có phẩm trật và lương bổng, nhưng bỏ các danh xưng Tả Nhai và Hữu Nhai.

bé, hễ gặp tăng liền ngưỡng mộ. Do vậy, Sư trốn nhà xuất gia, nương vào chùa Quảng Ái tại Đông Đô. Tới lúc được thọ giới, pháp danh là Tử Lân. Sau mười một năm, Sư bỗng nhớ cha mẹ, trở về thăm. Cha đã mù mắt, mẹ mất đã ba năm rồi. Sư muốn báo ân nuôi nấng, vì thế, tới đền thờ thần Thái Sơn (Đông Nhạc Đại Đế) cầu biết chỗ mẹ sanh về đâu trong cõi âm. Sư liền trải tọa cụ, một dạ tụng kinh Pháp Hoa, thề gặp Thiên Tề Vương<sup>266</sup>. Vương thương xót tâm Sư khẩn thiết, hiện hình hỏi han. Ngài Tử Lân nói: “Mẹ tôi họ Vương mất đã ba năm rồi, nay ở nơi đâu?” Kẻ giữ sổ sách của vua nói: “Vương thị nay đang bị giam trong ngục chịu khổ!” Tử Lân hỏi: “Mẹ tôi tội gì mà đến nỗi ấy?” Vua nói: “Lúc sanh hòa thượng, mẹ Ngài ăn nhiều trứng gà. Lại lấy lòng trắng trứng để bôi lên ghẻ nhọt trên đầu”. [Sư than khóc]: “Mẹ do Lân mà tạo nghiệp, phải chịu khổ trong ngày nay, há Lân chẳng có phần ư?” [Sư cầu xin mẹ được phóng thích. Vua nói]: “Không có cách nào phóng thích. Nếu Sư qua Mậu Sơn lễ tháp A Dục Vương...”<sup>267</sup> Sư đối trước [tháp thờ xá-lợi] tại chùa Chương Sơn, dập đầu xót xa thưa thỉnh. Lễ tới bốn vạn lạy, bỗng nghe có tiếng gọi “*Tử Lân*”. Nhìn lên hư không, Sư thấy mẹ ở trong đám mây, cảm tạ: “Do sức của con, mẹ được sanh lên trời Đạo Lợi. Do vậy, tới báo với con”. Nói xong ắt mất. Nay trên đỉnh núi sau chùa A Dục Vương, có Thụy Vi Am chính là nơi Sư cư trú. Về sau, Sư giảng giải rộng rãi kinh luận, thanh danh rất hậu. Túc Tông hoàng đế triệu vào cung cấm để thưa hỏi. Sư biện tài cao thâm, mẫn tiệp, được vua ban cho áo tía, phong làm quan Cung Phụng<sup>268</sup> (theo *Đại Tổng Tăng Truyện*).

---

<sup>266</sup> Thiên Tề Vương chính là tước hiệu của thần núi Thái Sơn. Vị thần này được Đạo Giáo tôn xưng là Đông Nhạc Thái Sơn Thiên Tề Đại Sanh Nhân Thánh Đại Đế, nên được gọi tắt là Thiên Tề Vương, đôi khi còn gọi là Thái Sơn Phủ Quân, Đông Nhạc Đế Quân, Nhạc Đế Gia, Nhạc Đế v.v... Theo Đạo Giáo, Ngài đứng đầu năm vị đại đế cai quản ngũ nhạc, có chức trách cai trị cõi âm. Ngài được coi là một vị thần hộ pháp trong Hán truyền Phật giáo.

<sup>267</sup> Phần này nguyên bản bị mất chữ.

<sup>268</sup> Cung Phụng quan là danh xưng để chỉ chung các quan viên thuộc Trung Thư Tỉnh và Môn Hạ Tỉnh. Đôi khi, quan viên thuộc Ngự Sử Đài cũng gọi là Cung Phụng Quan. Xét ra, Trung Thư Tỉnh và Môn Hạ Tỉnh đều là các cơ cấu hành chánh, không thích hợp cho một vị tăng, Ngự Sử Đài cũng thế. Đời Đường, có lập ra Cung Phụng Cục bao gồm những người có một tài khéo đặc biệt nào đó để công hiến đế vương; những người thuộc Cung Phụng Cục đều gọi là Cung Phụng Quan. Có lẽ Sư thuộc trường hợp này vì Sư là vị thầy hỏi đạo của nhà vua.

**\* Siêu pháp sư ở Lư Sơn**

Vị tăng Cảnh Siêu luôn trì giới, bảm tánh khuôn phép, chất trực, chẳng hề cầu thả, lười nhác. Sư trụ tại Lư Sơn, chỉ lấy việc tụng kinh Pháp Hoa làm sự vụ thường nhật. Sư lễ kinh Hoa Nghiêm mỗi chữ là một lạy, [lễ như thế] đã hai lượt. Sư đốt một ngón tay để cúng dường. Kế đó, lễ Pháp Hoa, Sư cũng đốt ngón tay như thế. Từ đó, dưới da nơi thân Sư ần ần xuất hiện xá-lợi, tròn trặn, bóng sáng. Hễ có người xin, nơi chiếu Sư ngồi, hoặc chỗ Sư đi đều có [xá-lợi rơi ra]. Trong năm Thiên Phước<sup>269</sup> đời Thạch Tấn, Sư mất tại am (theo Đại Tổng Tăng Truyện).

**\* Chân pháp sư ở Lạc Kinh (kinh đô Lạc Dương)**

Pháp sư tên là Hồng Chân, là con nhà họ Thuần Vu ở Hoạt Châu. Sư ngộ cõi trần là lòng rọ từ bé, quyết cầu xuất ly, bảm tánh chuyên nhất, xuất trần. Thầy dạy cho diệu pháp, Sư học một lượt đã thông suốt. Cả đời Sư tụng kinh Pháp Hoa khoảng một vạn lần... Về sau, Sư đến triều đình dâng biểu xin thiêu thân để cúng dường tháp thờ Phật. Vua chẳng đồng ý, ngài Hồng Chân than thở: “*Thiện căn kém cõi, ma chướng càng mạnh*”. Bèn lui về chùa Quảng Ái, xả sạch y bát, bỏ thí bất kể lúc nào. Bỗng Sư ngồi điềm nhiên qua đời. Qua mấy ngày mà vẻ mặt vẫn như còn sống. Khi đưa Sư đi thiêu hóa, lưỡi nghiễm nhiên hầy còn, càng thêm tươi đỏ. Người vùng Y Lạc (Lạc Dương) kính trọng Sư như Phật. Đó là chuyện vào thời Lưu Hán<sup>270</sup> (theo Đại Tổng Tăng Truyện).

---

<sup>269</sup> Thiên Phước là niên hiệu của Hậu Tấn Cao Tổ (Thạch Kính Đường) từ năm 936 tới năm 944. Vào thời Ngũ Đại, Thạch Kính Đường thuộc sắc dân Sa Đà, do lập nhiều công lao với nhà Hậu Đường, trở thành quyền thần. Ông ta diệt nhà Hậu Đường năm 936, lập ra nhà Hậu Tấn. Triều đại này trước sau chỉ tồn tại được hai đời vua, tồn tại 12 năm. Nhà Hậu Tấn bị Khiết Đan diệt quốc, vì khởi đầu, Thạch Kính Đường nhờ quân Khiết Đan ủng hộ mà đủ sức diệt Hậu Đường. Sau đó, để lấy lòng người Khiết Đan, Thạch Kính Đường đã cắt đất của mười sáu châu thuộc các tỉnh Hà Bắc và Sơn Tây cho vương triều Liêu của người Khiết Đan, tôn vua Liêu (Da Luật Đức Quang) làm cha, dẫn tới việc các ngoại tộc như Mông Cổ, Khiết Đan, Đảng Hạng, Nữ Chân v.v... chiếm đóng miền Bắc Trung Hoa hơn 400 năm cho tới khi Châu Nguyên Chương thống nhất Trung Hoa.

<sup>270</sup> Nhà Lưu Hán (còn gọi là Hậu Hán) là triều đại do Lưu Trí Viễn (thuộc sắc tộc Sa Đà) thành lập vào thời Ngũ Đại sau khi nhà Hậu Tấn (Thạch Tấn) diệt vong và Liêu Thái Tông (Da Luật Đức Quang) của nhà Liêu vừa chết, khiến cho tình hình nước Liêu rối ren. Trí Viễn đã thừa cơ sáng lập nhà Hậu Hán, nhưng chỉ làm vua được một

**\* Vị tăng quên mất tên ở Đàm Châu**

Trong niên hiệu Càn Hựu (948) đời Hán, tại Đàm Châu có một vị tăng đã quên mất tên, luôn tụng kinh Pháp Hoa, miệng chẳng nói lời chi khác. Trường Sa Văn Chiêu Vương (Mã Hy Phạm) đặc biệt tôn trọng, triệu vời Sư về Trương Tây Viện ở phủ Thiên Sách để cúng dường. Nhưng Sư nói chuyện quý dị, một hôm gọi vị tri điện tăng<sup>271</sup> sai ông ta hãy mau đi chuyển tượng Phật sang hai chái. Đại chúng đều cho là Sư đã phát cuồng. Sư trợn mắt cười, trong khoảnh khắc tự vào chánh điện, chiếm tòa Phật, nghiêm nhiên ngồi qua đời. Đạo tục trong cả châu đều tôn kính, lấy làm lạ (*theo Đại Tổng Tăng Truyện*).

**\* Vị thần tăng núi Tuyên Thành**

Dưới thời Tiền Vũ Túc Vương (Tiền Lưu), có vị tăng tên Tự Tân, trụ tại Thụy Ứng Viện, từng vào núi Tuyên Thành hái thuốc. Sư đi vào động chùng mây dậm, bỗng thấy dưới cội tùng bên khe suối có am tranh. Một vị tăng lông mày trắng như tuyết, khoác ca-sa tọa Thiền, bên cạnh có một cái khánh. Tự Tân gõ khánh, vị tăng mở mắt hỏi “do duyên nào mà đến đây?” Sư bèn nôi lửa, nấu trà tiếp đãi. Chiều xuống, Tự Tân được vị tăng nhường chỗ cho ngủ, chính mình thì vào trong một cái ổ lớn trên chót cây tùng để tụng kinh Pháp Hoa, âm thanh tốt bậc trong trẻo, khiến người khác ưa thích nghe. Chốc lát lại nghe quở mắng: “Bây sức sanh lông lá này sao lại khổ sở khiến cho chúng sanh sợ hãi, mau trở về rừng đi, đi nhanh đi!” Tự Tân liếc nhìn thì ra là hổ báo. Sáng hôm sau, Tự Tân xin ở lại hầu hạ Sư. Sư đáp: “Nơi này toàn là cỏ khô, bốn phía tuyết chẳng có khói bếp, chẳng phải là chỗ thầy cư ngụ được!” Sư lại hái kê, nấu thành cơm đãi ăn rồi tiễn về, còn nói: “Ông ăn món này, cả đời chẳng thiếu cái ăn”. Tự Tân trở về tự viện, [mới biết đã rời chùa] hơn một tháng rồi. Tới khi trở lại tìm [chỗ vị thần tăng ở] thì đã quên mất đường (*theo Đại Tổng Tăng Truyện*).

---

năm rồi chết, con là Lưu Thừa Hựu (Hán Ân Đế) lên ngôi, chẳng biết cách cai trị, lại nghi kỵ công thần Quách Oai, toan giết chết ông ta. Quách Oai làm phản, diệt nhà Hậu Hán, lập ra nhà Hậu Châu. Trước sau, nhà Hậu Hán chỉ tồn tại chưa đầy bốn năm!

<sup>271</sup> Tri Điện Tăng là vị tăng trông coi chánh điện trong một tông lâm, chuyên lo bảo trì, sắp đặt, trang hoàng trong chánh điện.

**\* Vị tăng ở phủ Thành Đô**

Phủ Thành Đô có vị tăng tụng kinh Pháp Hoa hữu công. Tuy Vương Quân và Lý Thuận<sup>272</sup> hai phen dấy loạn đất Thục, Sư cũng chẳng gặp hại. Một hôm, Sư bỗng thấy sơn bộc<sup>273</sup> nói: “Sáng mai tiên sinh thỉnh Sư tụng kinh, sẽ nghênh đón ở chợ bán thuốc”. Sư tới nơi thì có người đã chờ ở đó, dẫn vào Khê Lãn, [trông thấy] mấy tầng khói biếc rồi thấy một ngôi gác trên Khê Sơn, đó chính là chỗ người ấy ở. Người hầu ra thưa: “Tiên sinh thỉnh Sư tụng kinh; do già bệnh nên [tiên sinh] thức dậy chậm trễ. Nếu tụng tới phẩm Bảo Tháp, xin báo cho biết”. Sư báo [đã tụng tới phẩm đó], tiên sinh quả nhiên đi ra, mặc y phục nhà quê, cầm gậy bằng gỗ lê, hai mày rủ xuống tận vai, lạng lẽ chấp tay, thấp hương, nghe kinh ở bên cạnh. Lúc mời Sư thọ trai thì mâm đan bằng dây mây, đĩa tre, cơm nấu bằng hạt kê, [rau bằng] củ kỷ và hoa cúc, chẳng nêm muối hay dầu, nhưng ăn ngon như cam lộ. Dùng cơm xong, biểu

---

<sup>272</sup> Vương Quân vốn xuất thân là nông dân vốn là thuộc hạ của quan Kiềm Hạt Ích Châu (nay là Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên) là Phù Thiệu Thọ. Năm Hàm Bình thứ ba (1000), quân đồn thú là Triệu Diên Thuận chẳng chịu nổi thượng cấp chèn ép, tụ họp đồng bạn giết chết Phù Thiệu Thọ, tôn Vương Quân làm lãnh tụ, đặt quốc hiệu là Đại Thục, niên hiệu là Hóa Thuận, công phá Hán Châu (nay là huyện Quảng Hán tỉnh Tứ Xuyên). Số người đi theo lên đến mười mấy vạn. Quân khởi nghĩa đánh bại tướng nhà Tống là Dương Hoài Trung. Mãi cho đến tháng Chín năm ấy, tướng nhà Tống là Trương Cát vận chuyển lương thảo đến nơi, sai bộ tướng là Lôi Hữu Chung phản công, phá tan quân phản loạn tại Thành Đô. Vương Quân phá vòng vây, chạy đến Phú Thuận. Thế cùng lực kiệt, ông ta tự tử vào tháng Mười năm ấy.

Năm Thuận Hóa thứ tư (993), tại huyện Thanh Thành một tay phú nông chuyên trồng trà là Vương Tiểu Ba đề ra khẩu hiệu “san bằng giàu nghèo”, tuyên bố “ta ghét giàu nghèo bất bình đẳng, ta sẽ vì các người thực hiện công bằng”, phát động khởi nghĩa. Sau khi hấn tử trận năm ấy, em vợ hấn là Lý Thuận trở thành lãnh tụ quân khởi nghĩa. Lý Thuận suất lĩnh đại quân từ Giang Nguyên tấn công Thục Châu, Cung Châu, giết chết quan tri châu, thông phán v.v... Sau đó, chia quân thành hai tấn công và chiếm đóng một loạt các quận huyện tại Tứ Xuyên như Song Lưu, Ôn Giang, Bì Huyện v.v... Cánh quân do Lý Thuận suất lĩnh thì tấn công Thành Đô, Hán Châu, Bành Châu. Quân phản loạn đông tới mấy chục vạn người. Hai lượt triều đình nhà Tống sai người dẹp loạn đều đại bại, Lý Thuận bèn xưng là Đại Thục Vương, lấy niên hiệu là Ứng Vận. Về sau, Tống Thái Tông phải phái các tướng lãnh nhiều kinh nghiệm như Vương Kế Ân, Lôi Hữu Chung, Doãn Nguyên v.v... từ nhiều ngả phối hợp tấn công, mất một năm mới giết chết Lý Thuận, cầm tù các lãnh tụ quân phản loạn khác. Dư đảng vẫn dấy binh các nơi, mãi cho đến năm Chí Đạo thứ hai (996) mới hoàn toàn dẹp yên.

<sup>273</sup> Sơn bộc: Tùỳ tùng, người hầu của thần núi.

tặng Sư sáu lượng tiền bạc. Người hầu thưa: “Tiên sinh gửi lời nhắn Sư đã từ xa đến, tạ lỗi chẳng kịp đón tiếp”. Người hầu liền đưa Sư về. Ở trên đường, tăng hỏi: “Tiên sinh họ là gì?” Đáp: “Họ Tôn”. Hỏi: “Tên gì?” Người hầu liền viết hai chữ *Tư Mạc*<sup>274</sup> trên bàn tay của Sư. Sư kinh hãi, người hầu chẳng thấy đâu nữa. Tìm kiếm suốt ba ngày, hoàn toàn đã quên mất lối. Trở về, nhìn lại món tiền tặng thì là một trăm đồng vàng. Trong ấy, có năm sáu phần là vàng, một nửa còn là sắt. Do một bữa cơm ấy mà Sư thân nhẹ nhàng, chẳng bệnh tật. Tới niên hiệu Nguyên Hy đời Tống, Sư đã một trăm năm mươi tuổi, dạo chơi mãi nơi đô thị. Về sau, ắt mắt chẳng thấy nữa! (*theo Sơn Dã Lục*).

**\* *Ngang pháp sư ở Tương Châu***

Tại Tương Châu, có pháp sư Đạo Ngang, trụ tại chùa Khai Nguyên. Sư thường giảng kinh Pháp Hoa. Một hôm giảng xong, Sư bỗng thấy thánh chúng cầm tràng phan và tấu nhạc từ không trung hạ xuống, bảo rằng: “Đâu Suất Đà Thiên đặc biệt đến đón tiếp”. Ngài Đạo Ngang nói: “*Cõi trời là căn bản sanh tử, trước nay tôi chưa hề mong. Nguyễn của tôi là Tây Phương*”. Nói xong, họ chẳng hiện nữa. Trong khoảnh

---

<sup>274</sup> Tôn Tư Mạc (541-682) là một y sĩ kiêm đạo sĩ trứ danh đời Đường. Ông được coi là một thầy thuốc kiêm hóa học gia vĩ đại thời cổ, được tôn xưng là Dược Vương. Triều Tống sắc phong tôn hiệu là Diệu Ứng Chân Nhân, Đạo Giáo tôn ông là Thiên Y Diệu Ứng Quảng Viện Thiện Tế Chân Quán, tôn thờ làm Y Thần. Ông sống vào thời Tây Ngụy, nổi tiếng thông minh và nhớ dai từ bé. Ông tinh thông học thuyết của bách gia chư tử, hứng thú sâu đậm với đạo Lão Trang, giỏi lý luận âm dương, giỏi bói toán. Điểm đặc biệt là ông cũng hiểu kinh Phật rất sâu. Ông bẩm bệnh tật từ bé, đến nỗi than thở “tiền mua thuốc làm khánh kiệt gia sản”. Nhận thấy dân nghèo chết vì không có tiền mua thuốc, nên từ lúc mười tám tuổi, ông lập chí học y để cứu người, trở thành một vị y sư lỗi lạc. Các đời vua Châu Tuyên Đế, Châu Tĩnh Đế, Tùy Văn Đế, Đường Thái Tông, Đường Cao Tông đều ra sức dùng quan cao lộc cả để chèo kéo ông làm ngự y, nhưng ông đều uyển chuyển từ chối, hoặc chỉ làm ngự y một thời gian ngắn cho vua Đường Thái Tông. Ông cáo bệnh, xin về hưu, ẩn cư trong núi Vương Ốc. Tác phẩm *Bị Cấp Thiên Kim Yếu Phương* (các toa thuốc trọng yếu đáng giá ngàn vàng ứng dụng cho các trường hợp cấp bách) của ông được đánh giá rất cao. Dân gian Trung Hoa truyền tụng rằng sau khi chết, trở thành thần, ông kết bái huynh đệ với hai vị thầy thuốc nổi tiếng khác là Ngô Thao và Hứa Tồn, gọi chung là Bảo Sanh Tam Chân Nhân. Có nơi như vùng Mân Nam, Đài Loan lại tương truyền rằng Tôn Tư Mạc, Ngô Thao và Hứa Tồn thật ra chỉ là cùng một người, tái sanh trong các triều đại khác nhau để cứu đời và được gọi chung là Bảo Sanh Đại Đế.

khắc, liền nghe tiếng nhạc ở Tây Phương rộn rã, khác hẳn nhạc khi trước. Sư vui vẻ, nói: “*Đã tới lúc rồi, ta sẽ đi đây. Mọi người hãy khéo trụ, siêng niệm Di Đà, cùng sanh về cõi tịnh*”. Nói xong, lư hương rơi khỏi tay, Sư liền ở trên tòa cao, nhắm mắt, qua đời. Tứ chúng hết sức kính ngạc, tán thán (*theo Văn Sanh Lược Truyện*).

**\* Trí Giác thiền sư ở Hàng Châu**

Sư húy Diên Thọ, người đất Du Hàng. Từ thuở bé, Sư đã biết kính trọng Phật thừa. Tuổi hai mươi học tập, tụng niệm Pháp Hoa, thực hiện cả năm hạnh, mới vừa sáu mươi ngày đã xong xuôi. Thuở đó, có con dê quý nghe kinh. Sư từng làm quan trông coi tiền thuế ở Bắc Quách, thấy tôm cá liền mua ngay để phóng sanh hết cả. Sư lấy trộm tiền công quỹ để dùng phóng sanh. Sự việc bị phát giác, Sư mắc tội chết. Tiền vương (vua xứ Ngô Việt) sai sứ quan sát. Nếu Sư sợ hãi liền giết chết; nếu không thì tha. Tới khi [đạo phủ] sắp vung đao, sắc diện Sư chẳng thay đổi, [sứ giả liền vâng lệnh vua] xá tội ấy. Do vậy, Sư xin xuất gia tại Thúc Nham ở Minh Châu. Văn Mục Vương (Tiền Nguyên Quán, vua xứ Ngô Việt) cho phép Sư xuống tóc. Sư từng hành Pháp Hoa tam-muội tại chùa Quốc Thanh. Ban đêm thấy thần cảm kích tiến vào. Sư trách kẻ đó tự tiện bước vào. Thần thưa: “Con gieo tịnh nghiệp đã lâu mới đến được nơi đây”.

Lại có một lần, Sư giữa đêm tu hành xong, hoa sen cúng dường trước tượng Phổ Hiền bỗng rơi vào tay. Do vậy, Sư nghĩ tới hai điều nguyện: Một là nguyện suốt đời thường tụng Pháp Hoa, hai là nguyện suốt đời rộng lợi ích các phẩm (các loại chúng sanh). Nhớ tới hai điều nguyện ấy, Sư lại thích Thiền tịch (tọa Thiền), chẳng thể tự quyết. Sư bèn làm hai cái thăm, một đề là “nhất tâm thiền định”, hai là đề “tụng kinh, vạn thiện trang nghiêm”. Giữa hai con đường ấy, sẽ có một con đường thành công, cần phải rút thăm bảy lượt. Sư bèn tinh thành cầu đảo Phật, Tổ, thuận tay rút thăm. Cả bảy lượt, đều rút được cái thăm “*tụng kinh, vạn thiện trang nghiêm*”. Do vậy, Sư một dạ chuyên tu Tịnh nghiệp. Sư liền qua đỉnh núi Thiên Trụ, tụng kinh suốt ba năm. Trong Thiên Quán, Sư thấy đức Quán Âm dùng cam lộ rưới vào miệng, từ đó, Sư phát khởi biện tài của đức Quán Âm.

Thoạt đầu, Sư trụ tại Tuyết Đậu, sau chọn [trụ tích tại] Vĩnh Minh. Đại chúng [theo học] tới hai ngàn người. Người đương thời gọi Sư là Di Lặc Hạ Sanh. Sư hết sức siêng năng tinh tấn, mỗi ngày hành một trăm lễ

tám thiện sự. Sư bình sanh tụng kinh khoảng một vạn ba ngàn bộ, soạn Tông Kính Lục gồm một trăm quyển. Tác phẩm ấy được đưa vào Đại Tạng. Tới niên hiệu Khai Bảo<sup>275</sup> nhà Đại Tống, Sư thị hiện ngã bệnh, dâng hương, bảo ban đại chúng rồi ngồi xếp bằng mà tịch (*sự tích của Sư đều được chép cặn kẽ trong Đại Tống Tăng Truyện, Tăng Bảo Truyện, Bảo Châu Tập. Chuyện Sư dùng tiền công quỹ để phóng sanh, xem trong bộ Đông Pha Đại Toàn*).

**\* Đức pháp sư ở Tứ Châu**

Trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc<sup>276</sup>, vị tăng tên Hoài Đức ở Giang Nam, tự là tục, kính cẩn dùng nguyện để trang nghiêm thân. Sư tụng thông thuộc Pháp Hoa, do vậy đắc độ. Từ đó, tuy lên tòa giảng, Sư rất cuộc chuyên chú tụng trì. Tuổi già, Sư du hóa bốn phương, lễ tháp của ngài Tăng Già. Nhà Đại Tống sai sứ giả cầm phan, hoa dâng cúng. Ngài Hoài Đức thề muốn đốt thân cúng dường. Trước hết, Sư xả y bát để đãi trai tăng. Kế đó, dùng giấy làm y phục quán thân, tưới sáp, lễ bái, từ tạ tăng chúng, tay cầm hai cây đuốc, lên đỉnh đóng củi, nỏ lửa tụng kinh. Ngọn lửa bốc cao, thân Ngài nghiêng ngửa, vẫn nghe tiếng tụng kinh. Người xem không ai chẳng buồn tiếc. Cho tới khi thu thập tàn cốt, xá-lợi rất nhiều. Sứ giả trở về tâu trình, vua còn phải biến sắc mặt (*theo Đại Tống Tăng Truyện*).

**\* Nham pháp sư ở Hàng Châu**

Vị tăng tên Thiệu Nham là con nhà họ Lưu ở Ung Châu, bảy tuổi nhập đạo. Kinh sách hễ xem qua, sẽ giống như ôn tập. Sư du hành khắp nơi, tới Hàng Châu, quải tích tại chùa Thủy Tâm. Sư luôn trì kinh Pháp Hoa chẳng xả suốt ngày đêm. Chợt cảm vờ trên đất nảy sanh hoa sen, cả thành chiêm ngưỡng, sư Thiệu Nham vội đập cho nát. Nhân đó, Sư phát thệ phóng theo ngài Dược Vương thiêu thân. Khi đó, Tiền vương dốc lòng tôn trọng, quy kính, khẩn khoản xin Sư đừng làm. Sư lại ngầm gieo thân xuống sông Tào Nga để nuôi cá. Sư nhảy xuống sông, nhưng chẳng

---

<sup>275</sup> Khai Bảo là niên hiệu của Tống Thái Tổ (Triệu Khuông Dẫn) sử dụng từ năm 968 cho đến năm 976.

<sup>276</sup> Thái Bình Hưng Quốc là niên hiệu của Tống Thái Tông (Triệu Quang Nghĩa) từ năm 976 đến năm 984.



chìm, nói: “Dường như có thần nhân nâng chân”. Đúng lúc gặp ngư dân vớt lên. Tiền vương liền dựng Thượng Phương Viện, vời Sư sống tại đó. Trong niên hiệu Khai Bảo, Sư cảm bệnh, chẳng dùng thuốc thang, cơm nước, liền dặn dò rằng: “*Ta tụng kinh Pháp Hoa tới hai vạn bộ, quyết dùng đó để mong về An Dưỡng. Nay may mắn thỏa lòng ấp ủ*”. Nói xong bèn ngồi mát. [Môn đồ] di quan đến trà-tỳ ở núi Long Tĩnh, thu được xá-lợi chẳng đếm xiết. Xương sáng bóng như ngọc. Họ bèn dùng hộp đá đựng lấy, đặt ở Ảnh Đường. Thái Sư Tôn Thừa Hựu soạn văn bia (theo Đại Tổng Tăng Truyện).

**\* Vân thượng nhân ở Hành Nhạc**

Sở Vân thượng nhân ở Hành Nhạc, sanh vào cuối đời Đường, là người có chí hạnh. Sư từng trích máu chép một bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dài bảy tấc, rộng bốn tấc, dày hai tấc. Sư làm hộp đựng bằng Chiên Đàn cất trong Phước Nghiêm Tam Sanh Tạng. Lại khắc tám chữ trên hộp rằng: “*Nếu mở kinh này, thẻ đồng Từ Thị*”. Trong niên hiệu Hoàng Hựu<sup>277</sup> có quý nhân đến chơi núi, trông thấy, nghi là hư vọng, sai người dùng kèm phá [niêm phong], liền có máu như từng sợi chảy ra. Trong khoảnh khắc, gió, sấm rung chuyển núi, khói mây ùa vào nhà, [mọi người] sờ soạng, chẳng thấy đường suốt cả ngày. Quý nhân hết sức kinh hãi, dốc lòng thành sám hối. Than ôi! Nguyên lực dường ấy!

Tôi từng đến thăm nơi đó, đến đánh lễ, nhìn kỹ vẫn thấy tơ máu như cũ. Thiên Nguyệt Quán Hưu có thơ vịnh rằng: “*Dịch bì, thích huyết thành hà khổ, vị tả Linh Sơn tam hội vấn. Thập chỉ lịch càn chung thất trực. Hậu lai cầu pháp cánh vô quân*” (Tạm dịch: Lột da trích máu, vì sao khổ? Vì chép Linh Sơn tam hội vấn. Huyết mười ngón cạn thành bảy quyển, cầu pháp sau này ai bằng ông). Chuyện này được thấy chép trong Lâm Gian Lục. Trong niên hiệu Thuần Hy, quan Tham Chánh Phạm Thành Đại đã đi qua chùa này, xin được thấy bộ kinh ấy, dùng kệ tán thán rằng: “*Phật tử chân pháp thân, hoảng diệu tử kim sắc, tán mãn thập phương giới, tụ vi thất quyển thư. Thất quyển biến hà sa, chấn được thuyết diệu pháp, phi tụ diệc phi tán, thị tắc pháp nhãn quán*” (Chân pháp thân Phật tử, màu vàng tía chói ngời, tỏa khắp mười phương cõi, tụ

---

<sup>277</sup> Hoàng Hựu là niên hiệu của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) từ năm 1049 đến năm 1054.

thành sách bảy quyển. Bảy quyển cát sông Hằng, phần chân nói diệu pháp, chẳng tụ cũng chẳng tán, chính là pháp nhãn quán).

**\* Quang pháp sư ở Kỳ Châu**

Tại chùa Vĩnh Lạc ở Kỳ Châu, có vị tăng tên là Đạo Quang. Sư là người thuần hậu, được xóm làng tôn kính. Sư từng trích huyết hòa mực để chép một bộ kinh Pháp Hoa. Bên cạnh mỗi dòng đều vẽ vờn tô điểm như giọt mưa trên hư không, chĩnh tề như cá bàng chài<sup>278</sup> quây quần, đều do sức tinh tấn tạo thành, hương tri kiến hun xông. Nếu chẳng phải như vậy, sao có thể vi diệu dường ấy? Lại nữa, trong một hào tướng, thấy một vạn tám ngàn cõi Phật, trong một sát-na nhập Vô Lượng Nghĩa tam-muội, gọi là “*báo Phật ân*”. Kinh hành, nói năng, im lặng, không gì chẳng phải là thọ dụng. Tôi từ phương Bắc trở về, trông thấy bộ kinh ấy do Sư chép, xét hành vi của Sư, đúng là tương ứng với ngôn ngữ của Phật, Bồ Tát, há còn có ý niệm thế gian ư? Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Niệm niệm bất dữ thế gian tâm hợp, thị đại tinh tấn*” (Niệm nào cũng chẳng dính dáng đến thế gian, thì là đại tinh tấn). Đó chính là [nói về] sư Đạo Quang vậy (theo Thạch Môn Văn Tự Thiên).

**\* Ngôn Pháp Hoa ở kinh đô**

Ngôn Pháp Hoa chẳng biết từ đâu tới, Ngài du hành tại kinh đô. Thoạt đầu, thấy Sư trụ tại Câu Chi Viện thuộc Cảnh Đức, phạm tướng lạ lùng, cổ xưa, nhìn thẳng chẳng nháy, mồm luôn mấp máy chẳng biết Sư đang nói gì. Tương truyền là Sư đang tụng kinh Pháp Hoa; vì thế, [đại chúng] gọi là [Ngôn Pháp Hoa]. Ngài ăn uống chẳng chọn lựa, đạo tục gọi Ngài là “*cuồng tăng*”. Khi Tống Nhân Tông, chưa lập Thái Tử, vào ban đêm, thắp hương cầu khẩn: “Ngày mai, con thiết trai tại điện Hóa Thành, thỉnh Pháp Hoa đại sĩ giáng lâm”. Sáng ra, vua khoác pháp phục chờ đợi. Bỗng có người tâu rằng: “Ngôn Pháp Hoa từ cửa gác bên phải đi vào tâm điện, quát Sư ngưng lại chẳng được”. Vua cười bảo: “Trẫm thỉnh Ngài đến”. Đã đến nơi, Sư thẳng lên giường ngự, ngồi xếp bằng, thọ cúng xong. Vua nói: “Trẫm do chưa lập Thái Tử, các đại thần

---

<sup>278</sup> Nguyên văn “*lai ngư*” (瀬魚, wrasse, rainbow fish) là một loại cá biển nhỏ, nhiều màu sắc rực rỡ. Chúng có tập tính bơi thành bầy ngay ngắn, nương theo các đàn cá lớn hơn để kiếm ăn.

đều bàn tán. Vì thế trăm muôn biết có con cái hay không, xin Đại Sĩ quyết đoán cho!” Sư cầm bút viết: “*Thập tam, thập tam*” mấy chục hàng. Vua không hiểu ý Sư. Về sau, Tống Anh Tông<sup>279</sup> lên ngôi vua, chính là con trai thứ mười ba của Bộc An Ý Vương, mọi người mới hiểu ý ấy. Lúc sắp mất, Sư nói: “*Ta từ vô lượng kiếp đến nay, thành tựu quốc độ Thệ Đa, phân thân hồng dương, giáo hóa, nay trở về Nam*”. Nói xong bèn tịch (theo Tăng Bảo Truyện).

### **\* Ân Pháp Hoa ở Diêu Giang**

Phía trên Long Tuyền ở Dur Diêu có vị tăng tên là Thiệu Ân, chẳng biết người thời nào! Sư chuyên tụng kinh Pháp Hoa làm đức nghiệp. Khi đó, tại Hồ Khâu có bậc tu nhã trong họ Thích<sup>280</sup> soạn ca từ đề tán dương chuyện ấy. Ý nghĩa ca từ rạn rỡ, trác tuyệt xưa nay. Hạnh nghiệp của ngài Thiệu Ân tuy chưa được ghi chép trong truyện ký, nhưng xem kỹ bài ca ấy, đủ thấy công hạnh tụng niệm, tu tập của Sư. Nêu đại lược như sau: “*Sắc núi trầm trầm, khói từng bảng lảng, dưới khu rừng vắng, trên tảng đá to, có một vị tăng, xếp bằng trên đó, cầm ngang tích trượng, tụng kinh Sen Trắng, từ sáng đến tối. Bên phải, bên trái, dấu cạp, vết sói, mười đống, năm đống, hoa chát tán loạn. Ngẫu nhiên gặp gỡ, chưa biết sâu xa, chẳng biết người thời nay, hay người thời xưa. Sư là Đàm Ngạn, hay là Đàm Dục?*” Cho đến nói: “*Người đời nếu thấy, hình dáng của Sư, ai biết tâm Sư? Người đời đâu biết tâm Sư, ai có thể biết tên Sư? Sư tên Ý Vương Hành Phật Lệnh, đến trị tâm bệnh cho chúng sanh nhọc nhằn, có thể khiến cho kẻ cuồng đặc định, kẻ nhơ được tịnh, kẻ tà được chánh, kẻ phạm thành thánh. Như thế thì không chỉ loài người cung kính, mà cũng sẽ khiến cho rồng, quỷ tán vịnh. Há phường trái giác xuôi theo trần lao chẳng đánh lễ, quy mạng ư?*”

---

<sup>279</sup> Tống Anh Tông vốn tên là Triệu Tông Thật, về sau đổi tên thành Triệu Thự, là con của Bộc An Ý Vương (Triệu Doãn Nhưộng), cháu nội của Triệu Nguyên Phân (con trai thứ tư của Tống Thái Tông). Khi ba tuổi, được Tống Nhân Tông (do ba người con trai của Tống Nhân Tông đều chết sớm) đưa vào cung nuôi dưỡng. Anh em của Tống Nhân Tông đều chết cả rồi, nên Triệu Thự được lập làm hoàng tử khi ông đã ba mươi tuổi. Ông lên ngôi vua năm Gia Hựu thứ tám (1063) sau khi Tống Nhân Tông chết.

<sup>280</sup> “*Tu nhã*” (修雅) là từ ngữ tán thán người thanh cao, không thô tục. “*Tu nhã trong họ Thích*” tức là một vị tăng thanh cao.

**\* Cổ thiên sư ở Linh Phong**

Trong niên hiệu Kiến Trung Tĩnh Quốc (1011), có Cổ thiên sư, đạo hiệu là Linh Phong Tâu (ông già ở Linh Phong). Lúc mười ba tuổi, Sư do nghe người khác tụng kinh Pháp Hoa, bỗng như trở về chốn cũ, do vậy bèn niệm kinh ấy. Chẳng mấy tháng đã thông suốt. Các anh cho là có thể dạy bảo, bèn ngăn cấm, bắt đọc sách Nho. Sư liền bị bệnh mắt chẳng lành, bèn cầu nguyện với Tăng Già đại sĩ<sup>281</sup>. Bỗng Sư mộng thấy sét đánh trúng mắt, đang ngủ gào to, mọi người kinh hãi đến xem, thấy mắt đã hết bệnh. Sư bèn xin xuất gia, quả nhiên thi đậu [cuộc khảo hạch về] kinh này. [Tăng quan] tâu lên [triều đình], Sư được phép xuống tóc. Sau đó, Sư tham học ba mươi năm; do vậy, lo là việc tụng niệm. Tuổi già, Sư nghĩ tới, bèn tụng thử, chẳng sót một chữ. Sư lại tham cứu rộng rang ý chỉ của kinh, tham cứu thấu hiểu “*ý tổ sư từ Tây qua*”, cảm ân sâu của Phật, liền dựa theo đề cương của từng phẩm, viết thành ba mươi hai bài tụng. Bài đầu tiên là: “*Huýnh tuyệt ngôn tư xung diệu pháp. Bồn lai thanh tịnh dụ liên hoa. Hội Quyền quy Thật chân phương tiện. Phổ vị nhân trừ nhĩ lý sa*” (Nói nghĩ dứt bật gọi diệu pháp. Vốn sẵn thanh tịnh ví liên hoa. Hội Quyền về Thật, chân phương tiện. Trừ cát trong mắt cho mọi người). Bài tụng cuối cùng như sau: “*Bất thuyết thuyết kinh siêu tích tích. Bất ngôn ngôn cú hiển huyền huyền. Thảng nhân kích tiết khai tâm nhĩ. Nhất hội Linh Sơn thượng nghiệm nhiên*” (Chẳng nói, nói kinh vượt mọi Tích. Chẳng bảo, mọi câu hiển lẽ huyền. Nếu do khơi gợi, khai tâm nhĩ. Một hội Linh Sơn vẫn nghiệm nhiên).

**\* Khả thiên sư ở Lư Sơn**

---

<sup>281</sup> Ngài Tăng Già (628-710) là cao tăng đời Đường, được tôn xưng là Tứ Châu Đại Thánh, còn được dân gian tôn xưng là Tứ Châu Phật. Ngài từ Lương Châu vào Trung Hoa khuyên hóa, hóa duyên chủ yếu tại các vùng Tần, Lạc, Ngô, Sở. Năm Long Sóc nguyên niên (601), Ngài nhận lời thỉnh đến Tứ Châu truyền giáo. Sư thuyết pháp xong, bảo chủ nhân: “Nơi này chính là đất già lam xưa kia, đào đất lên sẽ biết”. Chủ nhân sai người đào lên, quả nhiên tìm được một tấm bia, đề tên Hương Tích Tự, một tượng Phật, đại sư bảo đó là Phổ Chiếu Vương Phật. Chủ nhân liền phát tâm biến nhà thành chùa, tức Phổ Chiếu Vương Tự. Đường Trung Tôn tôn Ngài làm quốc sư, đón về kinh làm phương trượng chùa Tiên Phước. Từng có người đàm luận Phật pháp với Sư, bỗng thấy Ngài hóa thành Thập Nhất Diện Quán Âm. Sư nhập Niết Bàn năm Cảnh Long thứ tư (710), chân thân chẳng mục nát.

Thích Tổ Khả, tự Chánh Bình, là con của Tô Bá Cố<sup>282</sup> ở Tây Thục, em của Dưỡng Trực (Tô Tường). Trong niên hiệu Sùng Ninh<sup>283</sup>, Sư trụ tại Lư Sơn. Thuở bé, theo đuổi học vấn trong gia đình, dự vào Giang Tây Thi Phái<sup>284</sup>, tài năng sâu thẳm, ý tưởng sâu xa, tao nhã, chẳng kém cô nhân. Một hôm, Sư bỗng mạnh mẽ tỉnh ngộ, nói: “*Diện mạo đã vào Thu, cứ chuyên ngâm vịnh, nếu bỗng bị ma chết lòi đi, chiến tướng nào bày ra để đối địch?*” Do vậy, Sư yết kiến bậc kỳ túc, thưa: “Trong tạng thừa bí điển, kinh nào là thù thắng?” Bậc kỳ túc bảo: “*Pháp Hoa là vua trong các kinh*”. Cố nhiên, Tổ Khả tin tưởng, bèn cung kính xem xong, nói: “*Kinh này tạm được, chỉ có hai câu ‘huong phong xuy ủy hoa, cánh vũ tân hảo giá’ (gió thơm cuốn đi hoa héo, lại mưa hoa mới đẹp) là khá xứng hợp với ý trong đoạn sau!*” Do Khả Cố coi thường, thốt ra lời ấy, liền mắc bệnh Ca Ma La (bệnh cùi), khắp thân thối nát, chẳng thể gàn, cả ba mươi năm mới mất. Vì thế, trong tông lâm gọi Sư là Lại Khả (ông Khả cùi). Kinh dạy: “*Nhược kiến thọ trì thị kinh giả, xuất kỳ quá ác, thử nhân hiện thế đắc bạch lại bệnh*” (Nếu thấy người thọ trì kinh này mà nói lỗi ác của kẻ đó, người ấy trong đời này sẽ bị bệnh bạch lại) có thể suy ra mà biết: Phật ngôn chẳng hư huyền vậy! (theo Chú Pháp Hoa Kinh).

**\* Quán đại sư ở Hàng Châu**

Sư tên là Thiện Thắng, là hậu duệ của họ Trọng tại Tiền Đường. Sư mười tuổi xuất gia, mười lăm tuổi thông thạo kinh Pháp Hoa. Mười bảy xuống tóc, sang Đông Kinh học đạo ba mươi năm, giao du với bậc cao nho, hoặc người thông đạt đạo Thích, thấu hiểu Phật học sâu xa. Trong niên hiệu Thiên Hy<sup>285</sup>, Sư vâng chiếu làm Tăng Lục, cùng với

---

<sup>282</sup> Bá Cố chính là tên tự của Tô Kiên, một thi nhân nổi danh đời Bắc Tống. Ông này quê ở Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến, làm quan đến chức Kiến Xương Quân Thông Phán, bạn rất thân với Tô Đông Pha.

<sup>283</sup> Sùng Ninh là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1102 đến năm 1106.

<sup>284</sup> Giang Tây Thi Phái là một trào lưu thơ ca đời Tống, do Hoàng Đình Kiên chủ xướng, các thành viên bao gồm Trần Sư Đạo, Phan Đại Lâm, Tạ Dật, Hồng Sô, Nhiêu Tiết, Tăng Tổ Khả, Từ Phủ, Hồng Bằng, Lâm Mẫn Tu, Tô Dương v.v... Đại đa số các thành viên là người Giang Tây. Thơ của họ chuộng dùng điển cố, gieo những vần hiểm, âm điệu du dương, phần nhiều chú trọng hình thức.

<sup>285</sup> Thiên Hy là niên hiệu của Tống Chân Tông (Triệu Đức Xương) từ năm 1017 tới năm 1021.

Giản Trường v.v... chú thích Ngự Chế Pháp Âm Tập, Sư được dự vào trong số những người biên soạn. Xong việc, được vua ban hiệu, Sư liền trở về quê. Trong niên hiệu Khang Định<sup>286</sup>, Sư vào núi Thiên Trúc, sống tại Nhật Quán Am của Tuân Thúc Sám Chủ. Sư chẳng xuống núi suốt mười mấy năm, tụng kinh Pháp Hoa hơn một vạn biến. Tôi tới Tiền Đường, liền vào núi gặp. Sư khỏe mạnh, tinh tường, sáng suốt, nói năng như cũ. Một hôm, Sư gửi thư nói: “*Nguyện của tôi đã trọn rồi, sắp qua đời. Người ta ắt sẽ chôn tôi dưới tháp. Xin ông ghi nhớ, ngày sau sẽ đem thiêu hóa*”. Do vậy, tôi soạn bài minh rằng: “*Sơn nguyệt đình đình hê Sư chi tâm, sơn tuyền lãn lãn hê Sư chi cảm. Kỳ tánh tồn hê thực vi cổ kim. Liễu chí chi hê Thiên Trúc chi sầm*” (Trăng soi đỉnh núi vôi vọi, ấy là tâm Sư, nước khe núi lành lạnh, ấy là tiếng đàn của Sư. Tánh ấy tồn tại nào phân xưa nay. Tạm gởi chí nơi đỉnh Thiên Trúc) (*Phạm Văn Hy ghi, xem trong bộ Thánh Tông Văn Hải*).

**\* Doan Sư Tử ở Hồ Châu**

Sư tên là Pháp Doan, họ ngoài đời là Khâu, người xứ Ô Trình. Từ lúc thôi bú sữa, Sư liền chẳng ăn mặn. Chưa đến tuổi hai mươi, Sư đã thi khảo hạch kinh điển. [Trúng tuyển], Sư xuống tóc, theo tu học tại Giải Không Viện ở Ngô Sơn. Thoạt đầu, theo pháp sư Tường Phù Tịnh Giác học Thai Hành Tam Quán. Về sau, Sư đi tham học khắp nơi. Sư đắc pháp đạo [của thiền phái] Hoàng Long, ba lượt chuyển dời đến Tây Du, thường thực hiện sư tử hồng. Lại còn làm sư tử hý, mọi người gọi Sư là Doan Sư Tử. Về sau, Sư lui về trụ tại Quy Vân Am ở Ngô Sơn, suốt ngày đêm tụng kinh Pháp Hoa. Làm thơ rằng: “*Niên lão hoàng hoàng thần cánh thanh, dạ thâm u thất tụng liên kinh. Nhi tôn thùy giác ung hiềm ngã, thạch bản thời xao tam tứ thanh*” (Tuổi già hoàng hốt, càng thanh tịnh, đêm sâu thất kín tụng kinh sen. Cháu con say giác càng bực lão, khánh đá lại khua ba bốn phen).

Có mộ của mẹ Sư ở trước núi khoảng một dặm. Mỗi sáng, Sư thông thả đi đến đó tụng kinh một bộ rồi mới về. Người ở Hồ Châu tranh nhau thỉnh Sư tụng kinh. Sư nhất quyết [người thỉnh] phải có đủ năm trăm đồng mới bắt đầu tụng kinh. Đọc mấy câu rồi Sư liền cầm tiền bỏ đi, hễ gặp người đói lạnh bèn cho hết. Sư chuộng lời ca từ của ngư phủ,

---

<sup>286</sup> Khang Định là niên hiệu của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) từ năm 1040 đến năm 1041.

hề sáng trắng bèn ngâm ngợi cho tới sáng! Tại Tráp Khê (Chiết Giang), có vị tăng tên là Hồi Đầu, đầu hàng sĩ phu cũng tin vào sự hư vọng của hắn; Tú Châu có gã cuồng tăng hiệu là Bất Thác, thuyết pháp cuồng loạn cõi đời, Sư đều có thể phá trừ<sup>287</sup>. Du Tú Lão viết bài sớ trần thuật chuyện Sư khai đường thuyết pháp như sau: “*Xô ngã Hồi Đầu, đập ngã Bất Thác, bảy quyển kinh Sen chưa tụng, một tiếng ca ngư phủ đã nghe trước*”. Sư nghe lời ấy, liền lên tòa ngâm rằng: “*Vốn là một gã câu cá ở Tiêu Tương, từ Đông, từ Nam, từ Tây, từ Bắc*”. Đại chúng khen hay. Sư nói: “*Ta quán pháp của đấng pháp vương, pháp của đấng pháp vương là như thế*”, liền bước xuống tòa. Về sau, Sư do bị bệnh liền mất, thọ bảy mươi hai tuổi. Người Đông Ngô thờ phụng, gọi Ngài là Tán Thánh (Sư có ngữ lục, cũng xem trong Tăng Bảo Truyện).

**\* Oánh giáo chủ ở Minh Châu**

Sư húy là Oánh, chẳng biết pháp tự, trụ tại Quảng Nghiêm Viện ở Giang Đông, là môn đệ của tôn giả Diên Khánh Pháp Trí, bảm thừa Giáo Quán, bản lãnh sâu xa. Vì thế, người ta gọi Sư là Giáo Chủ. Sư từng dùng bạc [hòa mực] để chép một bộ kinh Pháp Hoa gồm bảy quyển. [Đối với] danh tự của Phật, Bồ Tát trong ấy thì đổi sang viết bằng chữ vàng. Bút pháp cứng cáp, vượt xa giới thư pháp, kinh đựng trong hộp có trục ngọc, người trông thấy đều kính sợ. Rốt cuộc, Sư quy tịch tại viện ấy, mộ tháp hãy còn. Nay kinh ấy tuy đã trải qua nhiều năm, vẫn nghiêm nhiên còn đó. Trong niên hiệu Kiến Viêm<sup>288</sup>, viện đường bị cướp phá nát, trong đồng ngói sỏi, chỉ tìm được một bộ kinh ấy. Trong niên hiệu Thuần Hy<sup>289</sup>, có Pháp Liên Giảng Chủ trụ trì [chùa ấy]. Một hôm, Sư đang ngủ say, bỗng nghe có tiếng huyền não như tiếng ngàn vạn người. Sư kinh hãi, chồm dậy mới thấy là Phương Trượng Biệt Thất bị hỏa

---

<sup>287</sup> Trong tác phẩm Lâm Gian Lục do pháp sư Huệ Hồng biên tập, chuyện này được nói rõ ràng hơn: “*Khi đó, có một gã cuồng tăng sách động mọi người tuân theo thói tục, ngay cả hàng sĩ đại phu cũng tin theo lời hư vọng của hắn. Hắn mới vừa cùng Thái Thú Nhuận Châu ăn thịt, Sư đã xông tới, chỉ vào hắn nói: ‘Ngay trong lúc này, Phật là như thế nào?’ Hồi Đầu quần bách, chẳng trả lời được. Sư đập vào đầu hắn, xô ngã rồi bỏ đi. Lại có cuồng tăng hiệu là Bất Thác, thuyết pháp ở Tú Châu. Người nghe đông nghịt cả thành. Sư nắm chặt hắn, hỏi: ‘Phật là như thế nào?’ Bất Thác còn đang nghĩ ngợi, Sư đập ngã hắn rồi đi*”.

<sup>288</sup> Kiến Viêm là niên hiệu của Tống Cao Tông từ năm 1127 đến năm 1129.

<sup>289</sup> Thuần Hy là niên hiệu của Tống Hiếu Tông từ năm 1174 đến năm 1189.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

hoạn. Lửa đã bao trùm cả tòa nhà. Kinh ấy được đặt trên chiếc đài nhỏ gác lên trụ. Sư xông vào lửa, đỡ xuống, kinh chẳng bị tổn hại gì. Than ôi! Kinh này hai lượt trải qua lửa dữ, xa là do công huân Đại Thừa được thiên long bảo vệ, gần thì do hạnh nguyện kiên cố của pháp sư gìn giữ. Phật dạy người đọc kinh này, lửa chẳng thể đốt, đã được ứng nghiệm vậy (*Tông Hiếu đích thân được Pháp Liên Giảng Chủ kể lại*).

### *\* Cứu Pháp Hoa ở Minh Châu*

Vị tăng tên Khả Cứu ở Khai Nguyên thuộc Minh Châu thường tụng kinh Pháp Hoa. Người đương thời gọi Sư là Cứu Pháp Hoa. Bình sanh, Sư hồi hướng thiện căn trì tụng để trang nghiêm Tịnh Độ. Năm Nguyên Hựu thứ tám (1092), Sư không bệnh mà ngồi ngay ngắn qua đời. Qua ba ngày sau, Sư bỗng sống lại, nói: “*Thần thức của ta dạo chơi Tịnh Độ. Tương trạng cõi ấy hết như sự trang nghiêm mà Thập Lục Quán Kinh đã nói. Đài sen trong ao bảy báu đều ghi tên họ người sẽ vãng sanh. Một đài sen tử kim ghi tên Huân Pháp Hoa thuộc Quảng Giáo Viện tại phủ Thành Đô xứ Đại Tống đã sanh về đó. Lại có một đài vàng ghi tên Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu. Lại có một đài vàng ghi tên Cứu Pháp Hoa ở Minh Châu. Lại còn một đài bạc ghi tên Từ đạo cô ở Minh Châu*”. Nói xong, Sư lại ngồi mất. Năm năm sau, quả nhiên Từ đạo cô ngồi qua đời. Lúc bà mất, mùi hương lạ đầy thất. Mười hai năm sau, Tôn Thập Nhị Lang mất; khi đó, nghe tiếng thiên nhạc. Tương lãnh linh ứng trùng điệp, mọi người đều ngưỡng mộ (*theo Long Thư Tịnh Độ Văn*).

### *\* Phạm pháp chủ ở Tô Châu*

Sư tên là Tịnh Phạm, người xứ Gia Hòa, họ ngoài đời là Thả. Mẹ mộng thấy quang minh đầy nhà, thấy thần nhân giống như Phật; do vậy hoài thai Sư. Sư sanh ra, mới mười tuổi, đã nương vào chùa Thắng Quả để xuất gia, xuống tóc. Sư theo hai vị pháp sư là Trạm và Khiêm học giáo, đạt được truyền thừa. Thoạt đầu, Sư trụ tại Vô Lượng Thọ Viện, giảng kinh Pháp Hoa mười mấy lượt. Trong niên hiệu Đại Quán<sup>290</sup>, Sư tập hợp hai mươi bảy vị tăng tu Pháp Hoa Sám. Mỗi kỳ, phương tiện và

---

<sup>290</sup> Đại Quán là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1107 đến năm 1110.



chánh tu gồm hai mươi tám ngày, thực hiện liên tiếp ba hội. Lòng tinh thành cảm thông bề trên, cảm đức Phổ Hiền truyền thọ pháp Yết Ma, gọi tên “*Tịnh Phạm tỳ-kheo*”, tiếng như gõ chuông. Khi đó, tri huyện Trường Châu là Vương Công Độ đích thân thấy chuyện ấy, khắc đá ghi lại bài ký.

Sư lại từng mộng thấy một người mặc áo vàng mời vào cõi âm, thấy vua (Diêm vương) sai thuộc hạ kiểm sổ sách, nói: “*Tịnh Phạm tỳ-kheo trải nhiều kiếp số giảng kinh Pháp Hoa*”. Liền sai sứ giả đưa Sư về. Một hôm, trong khi Thiền Quán, toàn thể đại chúng thấy kim giáp thân nhân hồ quỳ trước mặt Sư. Lại nữa, trong kỳ tu Sám ở nơi khác, được Vi Đà Thiên kiểm điểm trong đại chúng có kẻ nào giới hạnh chẳng nghiêm tịnh. Sám kỳ tuy đã dự định từ trước, nhưng sau đó, quả nhiên chẳng tu sám pháp toàn vẹn được. Lúc đó, quan thái thú ở Cô Tô là Ứng Công có đứa tớ gái bị quỷ mị gây rối, liền thỉnh Sư truyền giới. Yêu quái ấy liền diệt. Cát thị thỉnh Sư thí giới để siêu độ chồng, thấy chồng nhiều quanh Sư ba vòng rồi rời đi. Ông Giả là quan Đãi Chế<sup>291</sup>, thấy đạo hạnh của Sư liền bổ nhiệm Sư làm quản nội pháp chủ. Sư truyền trì hơn bốn mươi năm. Sau khi mất, hỏa thiêu, thân được xá-lợi ngũ sắc (*theo Bảo Châu Tập*).

### **\* Minh Ngô pháp sư ở Hồ Châu**

Đại sư Nhược Quán, người ở trấn Thê Ô, họ ngoài đời là Tiền. Sư xuất gia tại Gia Hội Viện, lập hạnh tốt vời, tứ chúng khâm ngưỡng. Năm Thiệu Hưng 18 (1148), Sư từng kết mười vạn người cùng tu hành Tịnh nghiệp.

Bảng khuyến hóa ghi: “*Tôi trộm nghĩ sanh tử không ngăn mé, luân hồi chẳng dứt. Chỉ có về An Dưỡng là chẳng thoái chuyển. Tôi ản*

---

<sup>291</sup> Đãi Chế là chức quan được thiết lập từ đời Đường, từ ngũ phẩm trở lên, có nhiệm vụ trực ban hằng ngày tại Trung Thư Tỉnh và Môn Hạ Tỉnh để vua tham khảo ý kiến khi có chánh sự cần phải giải quyết. Năm Văn Minh nguyên niên (684), triều đình hạ lệnh: Quan ngũ phẩm trở lên, có tiếng thanh liêm, phải luân phiên túc trực ở Chương Thiện Môn và Minh Phước Môn để làm cố vấn cho hoàng đế. Chuyện này được gọi là Đãi Chế (chờ chiếu chỉ). Đến đời Tống, triều đình thiết lập chức vụ này thành chức quan thường trực, có trách nhiệm vừa làm cố vấn vừa truyền đạt chiếu chỉ của nhà vua. Đối với mỗi điện đường để thiết tiêu triều hay đại triều, đều lập quan Đãi Chế riêng, như Bảo Hòa Điện Đãi Chế, Long Đồ Các Đãi Chế, Thiên Chương Các Đãi Chế v.v...

giấu tung tích chốn núi non, sanh diệt mộng huyễn gần hai mươi năm, chẳng vào thành thị. Thường xem hai kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh, mỗi ngày một trăm lượt. Tính ra đã sáu mươi vạn bộ, thề cùng pháp giới chúng sanh trang nghiêm Tịnh Độ. Người nhập hội mỗi người niệm Phật hiệu mười vạn tiếng. Người đắc đạo trước sẽ lần lượt độ thoát người sau. Người mạng chung trước sau đều cầm hoa sen vãng sanh Tịnh Độ”. Một hôm, Không Tướng Giảng Chủ đến thăm. Thọ trai xong, Sư bồng cầm bút viết kệ, rồi ngồi xếp bằng qua đời. Ngài Không Tướng chứng minh [tướng trạng vãng sanh của Sư] hết sức khác lạ thù thắng. Hôm trà-tỳ nhằm ngay lúc giữa trưa, xá-lợi đua nhau xuất hiện, sáng ngời chói mắt. Đạo tục tranh nhau nhặt lấy, xương cũng chẳng còn. Than ôi! Sự tụng trì của Sư trong cõi đời chưa từng có. Phàm kẻ thấy nghe, không ai chẳng bội phần ca ngợi! (theo Bảo Châu Tập).

**\* Bao pháp sư ở Ôn Châu**

Sa-môn Khê Bao, gởi thân trong nhà họ Từ, là người xứ Hoàn Dương nơi đất Đại. Từ bé, Sư đã ôm chí hướng xuất tục. Sư đắc độ nơi Thọ Thánh Viện, là người giản dị, thận trọng, thông sáng. Cho đến khi tham học, do đến Bách Việt, trông thấy hạnh nghiệp của thiền sư Đàm Dục ở núi Thiên Y, Sư xúc động, ngưỡng mộ, bèn phát tâm suốt đời tụng kinh Pháp Hoa. Từ đấy, Sư trở về quê nhà, chẳng dính líu đến việc đời, một dạ tuyên dương, trì tụng. Cho đến cuối Đông, khi niên hiệu đổi thành Chí Hòa (1054), Sư niệm Phật suốt bảy ngày, tắm gội, thay áo, xưng tụng Phật hiệu mà qua đời. Thường ngày, đối với các kinh chú Đại Thừa, danh hiệu của Phật, Bồ Tát thì Sư hoặc ra rả niệm, hoặc trích máu biên chép. Nếu nhìn vào các ghi chép, sẽ [thấy hành trạng của Sư] được ghi chép trong các tác phẩm riêng; ở đây, chẳng thể thuật trọn.

Đương thời, hàng văn sĩ đến thăm tháp của Ngài, phần nhiều để lại thơ vịnh. Nay nêu đại lược ba chương, ngõ hầu [độc giả] có thể thấy muôn một công hạnh của Sư vậy! Châu Khản ở Vĩnh Gia đề thơ rằng: “Phi sương phi lộ. Hàn không, hàn dạ, dạ dạ bán băng, lan can tử hoàng, thiên chúng hiệp chỉ, chưởng thính tụng tự. Tự đáo nhật thượng” (Sương tuôn, móc rưới, trời đêm rét buốt, đêm lạnh băng đọng, lan can sắc tía, chư thiên chấp tay, lắng nghe giọng tụng, cho đến sáng bùng). Trường Cát ở Thiên Thai đề thơ: “Kim nghệ hương phún không nhàn đường. Kinh thanh tùng vận hòa thanh thương. Tây phong nguyệt lạc hàn dạ trường. Bạch phù dung mãn tâm địa hương” (Tạm dịch: Nghệ

vàng<sup>292</sup> hương tỏa việm thanh nhàn, thông quyện tiếng kinh vang thánh thót. Trăng lặn, gió Tây, đêm buốt lạnh. Phù dung thơm ngát cõi tâm điền). Có danh nhân chẳng ghi tên họ nói: “*Ứng hưởng Thửu phong thân đắc ký. Đề hồ hương vị mãn tâm điền. Nhân gian kiếp thạch chung tu hoại. Nan hoại ngô Sư thiết thượng liên*” (Linh Sơn đáng được thân thọ ký. Hương vị đề hồ ngập tự tâm. Kiếp thạch<sup>293</sup> nhân gian dầu có hoại. Luối thầy vẫn khó hoại sen hồng) (theo Chi Viên Tập).

**\* Pháp sư Thanh Biện ở Nam Bình**

Pháp sư Ôn Tề sanh trong nhà họ Châu ở Tiền Đường. Sư xuất gia chuyên học tập giáo nghĩa Thiên Thai, thâm nhập chỗ sâu thẳm của Pháp Hoa, tiếng tăm rền khắp. Sư bảy lượt ngồi đạo tràng, người theo về như mây. Lúc Sư trụ trì Nam Bình, viên Xu Mật Sứ là Tướng Dĩnh Thúc tặng thơ rằng: “*Đạo nhân trùng diễn liên hoa giáo. Phật Lũng gia phong hảo để thính*” (Đạo nhân nhiều lượt giảng kinh Sen. Phật Lũng gia phong mãi khéo truyền). Sư từng nói: “*Ta thấy Pháp Hoa Nhất Thừa đã được bậc tiên hiền nhiều phen tán dương, trần thuật, nhưng chưa nghe nói có vị nào dùng kệ để phụ dương. Xưa kia, Thiện Huệ đại sĩ<sup>294</sup> ca tụng kinh Kim Cang trọn chẳng chán. Ta thuở bé đã từng học theo cái học của bá gia trong sáu kinh đạo Nho, thích viết thơ thần. Nay tuy già lùn, đối với chuyện này, gieo vần cũng chẳng xấu hổ vậy!*” Do vậy, đối với mỗi phẩm trong hai mươi tám phẩm [của kinh Pháp Hoa], Sư đều đặt một bài tụng. Đối với phẩm Tự, Sư viết: “*Nhất đa thâm diệu tích niên hy, vân ảnh phi hoa ảnh tượng kỳ, Di Lạc, Văn Thù lưỡng nhiều thiết, thi*

---

<sup>292</sup> Nghê ở đây là con Toan Nghê, tức một loại sư tử, do có truyền thuyết nói Toan Nghê là một trong chín đứa con của rồng, thích ngửi và phun khói hương, cho nên người ta thường đắp hình nó trên các cái lư hay đỉnh đốt hương.

<sup>293</sup> Kiếp thạch: Để giải thích một đại kiếp dài lâu như thế nào, kinh văn thường dùng tỷ dụ như sau: Có một hòn đá mỗi bề rộng bốn mươi dặm. Cứ mỗi trăm năm, thiên nhân giáng xuống dùng áo trời phủ qua một lần cho đến khi hòn đá ấy mòn hết thì là một đại kiếp.

<sup>294</sup> Thiện Huệ đại sĩ tức là Phó Đại Sĩ. Phó Đại Sĩ (497-569), tên là Phó Hấp, tự Huyền Phong, tự hiệu là Thiện Huệ đại sĩ, người huyện Nghĩa Ô thuộc Vụ Châu, là một cư sĩ trú danh trong Phật giáo sống vào thời Lương Vũ Đế, hành tụng thần dị. Ngài cùng với tổ Đạt Ma và Bảo Chí thiên sư được gọi là Lương Đại Tam Đại Sĩ (ba vị đại sĩ đời Lương). Ngài được coi là hóa thân của Di Lạc Bồ Tát, giảng giải kinh Kim Cang theo một phong cách riêng biệt, và được đánh giá là người tiên phong khiến cho Thiên Tông hưng thịnh tại Trung Hoa.

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

*tri cung bầm cựu oai nghi*” (Tạm dịch: Một nhiều thâm diệu nhiều năm hiêm, mây rợp hoa bay cũng lạ kỳ, Văn Thù, Di Lặc cùng đua tiếng, mới hay vốn giữ cựu oai nghi). Đối với phẩm Phương Tiện thì viết: “*Trùng quan vô kiện thán nan nhập, diệu thủ xao khai xứ xứ thông. Mật điệp tàn chi đốn linh lạc. Trác nhiên cao cách chiến thanh phong*” (Tạm dịch: Cửa nhiều tầng mà không chìa khóa, chỉ đành than thở khó vào sông. Tay khéo nếu như vừa gõ, mở. Nơi nơi chón chón thả đều thông. Lá dầy, cành úa mau rơi rụng. Phong cách cao vời thách gió Đông). Các bài tụng này đã có bản in lưu hành từ trước, chỉ chép một hai bài, ngõ hầu đồng đạo ngưỡng mộ!

### ***\* Dĩnh pháp sư ở Hồ Châu***

Trong niên hiệu Đại Quán, tại Ngô Hưng có pháp sư Nguyên Dĩnh truyền dạy tông [Thiên Thai] tại Phật Lũng. Sư nghĩa học rộng sâu, tôi đích thân thấy trước thuật của Sư được ghi rất nhiều trong các mục lục giáo điển. Trong đó, có bộ Pháp Hoa Tục Linh Thụy Tập, cõi đời chưa được thấy tác phẩm ấy. Về sau, tìm cầu khắp nơi, quả nhiên tìm được. Sách ấy gồm hai quyển, ghi chép hơn một trăm người, chia thành mười khoa: Một là Phổ Hiền chứng minh, hai là diệu nhân thành tựu, ba là quỷ thần cung kính, bốn là cảm thú khâm phục, năm là sở nguyện thành tựu, sáu là hóa Phật đến đón, bảy là vãng sanh Tịnh Độ, tám là quả báo sanh thiên, chín là lưới chẳng hư hoại, mười là hương quang biểu lộ điềm lành. Ấy là vì Phật Thừa là một, nhưng cảm vờ tùy theo cơ nghi, thụy tướng rất nhiều. Nếu Sư chẳng tổng hợp lại để nêu bày, cõi đời sao có thể biết được? Cuối cùng Sư kết xướng rằng: “*Nếu coi Thật Tướng là Pháp Hoa thì các kinh, các hạnh, không gì chẳng phải là Pháp Hoa. Nếu coi chuyện hy hữu là điềm linh ứng tốt lành, thân này, thân khác, không gì chẳng phải là điềm lành linh ứng. Nay riêng vì lẽ này, gom các sự tích lạ lùng, nguyện cho người thấy nghe cũng sẽ đạt được điều mà người con Phật đáng nên đạt được*”.

### ***\* Nhã xà-lê ở Hàng Châu***

A-xà-lê Tùng Nhã, người xứ Tiền Đường, dốc lòng tu tập tại Tịnh Trụ Viện, nương theo thầy Hải Nguyệt Đô chùa Thiên Trúc, đạt được truyền thừa Tam Quán của tông Thiên Thai, nhưng không có ý dẫn mình vào cõi đời, bèn nói: “*Hâm mộ hư danh sao bằng tu thật hạnh; nói năng*

*thanh tịnh mà hạnh ô trước, [sẽ bị] hiển thánh quả trách”*. Sư nấu mình tại Thiên Vương Viện ở Nam Sơn, chuyên lấy đọc tụng làm nghiệp hạnh. Bình sanh, Sư xem kinh Pháp Hoa năm tạng<sup>295</sup>, kinh Kim Cang bốn tạng, kinh Di Đà mười tạng, lễ Phật Thích Ca ba mươi vạn lạy, lễ tháp thờ chân thân [của ứng thân Phật, Bồ Tát] mười lượt. [Đối với] mỗi chữ [trong kinh văn] đều lễ ba lạy thì Sư lễ kinh Pháp Hoa [như thế] ba lượt. Lễ Phật Di Đà một trăm vạn lạy. Tụng Phật hiệu của Ngài năm ngàn vạn câu. Khi đó, Hiến Sứ<sup>296</sup> Dương Kiệt khâm phục sự tinh tu của Ngài, tự soạn An Lạc Quốc Tán gồm ba mươi chương biểu tặng. Sư muốn cho hóa đạo vô cùng, bèn vẽ chân dung tam bối cửu phẩm, ghép vào bài văn tán dương ấy, cho khắc lên đá tại Tịnh Trụ Viện. Suốt đời, Sư chẳng xoay lưng về phía Tây. Lòng tinh thành như thế đó. Về sau, Sư chẳng bệnh tật mà ngồi qua đời, cảm mùi hương lạ đầy nhà, nhạc trời rền vang hư không. Mọi người đều nói đó là điềm cảm vời thánh chúng từ Tây Phương đến đón Sư vậy (*theo Bảo Châu Tập*).

### *\* Ác pháp sư ở Hàng Châu*

Thích Duy Ác là con nhà họ Kim ở Tiên Đường, lìa tục từ thuở thơ dại. Sư siêng năng dốc sức nơi kinh Pháp Hoa. [Sau khi] thi đậu kỳ khảo thí kinh sách, bèn được dự vào dòng pháp. Sư lập chí sâu xa, tĩnh

---

<sup>295</sup> Theo Phật Học Từ Điển của Đinh Phước Bảo, Tạng là cách tính số lượng kinh đã đọc tụng. Cứ năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển (lần đọc tụng) được tính là một tạng. Cách tính này bắt nguồn từ Khai Nguyên Thích Giáo Lục thống kê trong thời ấy, kinh điển nhà Phật [được dịch sang tiếng Hán] gồm năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển. Nếu tính theo các Đại Tạng Kinh đời sau như Tổng Tạng, Vĩnh Lạc Đại Tạng, Càn Long Tạng thì số lượng các quyển trong Đại Tạng Kinh càng nhiều hơn nữa, nhưng thế tục đã quen gọi con số năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển (lượt) là một Tạng. Ngoài ra, còn có những cách hiểu khác như năm trăm là một tạng (hiểu tương ứng theo ngũ vị tấn tu có năm trăm môn Ba La Mật), hoặc coi một ngàn là một tạng (nhằm hiển thị bách giới thiên như), hoặc coi ba ngàn là một tạng (theo quan điểm ba ngàn tánh tướng của tông Thiên Thai), hoặc coi năm ngàn là một tạng (do năm trăm môn Ba La Mật, mỗi môn đều có Thập Như Thị), hoặc coi một vạn là một tạng (hiển thị ý nghĩa: Vạn đức cùng phô bày), hoặc coi tám vạn bốn ngàn là một tạng, hiển thị ý nghĩa tám vạn bốn ngàn trần lao. Tuy có nhiều cách nói, nhưng cách hiểu “*một tạng là năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển*” vẫn là cách hiểu phổ biến nhất.

<sup>296</sup> Hiến Sứ là danh thông tục để gọi chức quan Đề Hình (Đề Diêm Hình Lộ), còn gọi là Hiến Ty, tức chức quan chương quản việc tố tụng, chấp pháp, và quản trị tù ngục tại các châu huyện.

lặng, đóng cửa, tạ tuyệt mọi chuyện, lắng lòng tụng kinh này đủ năm ngàn lượt. Từ năm Khang Định thứ hai (1041), Sư bắt đầu duyệt Tạng (xem Đại Tạng Kinh). Cứ hết một quyển bèn tụng năm quyển Tâm Kinh. Một tạng đã mãn, năm tạng Tâm Kinh cũng trọn vẹn. Sư ba lượt duyệt Đại Tạng như thế. Sư xem kinh Hoa Nghiêm hai trăm bộ, kinh Kim Quang Minh năm ngàn bộ, Tâm Kinh một trăm tạng. Kim Cang, Tiểu Di Đà, chú Đại Bi, mỗi thứ hai mươi tạng. Lăng Nghiêm, Viên Giác, Duy Ma, mỗi thứ ba ngàn bộ, kinh Thiên Phật Danh hai ngàn bộ, tôn hiệu Di Đà một ngàn vạn tiếng. Tất cả nhân lành đều một dạ trang nghiêm Tịnh Độ. Mùa Thu năm Sùng Ninh nguyên niên (1102), Sư bỗng mắc bệnh, kết ấn, ngồi mất, thọ tám mươi chín tuổi. Hòa thiêu thì mấy chiếc răng chẳng cháy thành tro. Linh Chi Đại Trí Luật Sư ngưỡng mộ phẩm đức của Sư, đề rằng: *“Tôi từng thấy các vị cao tăng trong ba triều đại chỉ tu Thiền, tụng kinh, tướng lạ lúc lâm chung há chẳng phải là tâm thần tĩnh lặng, chú mục nơi thánh cảnh đó ư? Môn trọng yếu để xuất ly, không gì hơn được pháp này! Cổ đức đã nói: Làm tăng mà chẳng dùng mười khoa để phụng sự Phật, uổng phí trăm năm. Nhấn nhủ học nhân trong tương lai, há chẳng mong được bằng Ngài ư?”* (theo Bảo Châu Tập).

**\* Dị xà-lê ở Dư Diêu**

A-xà-lê Đàm Dị sanh trong nhà họ Đỗ ở Diêu Giang, thoát tục tại chùa Long Tuyên. Trong niên hiệu Hoàng Hựu (1049-1054), Sư được ân chuẩn đắc độ, tu tập giáo pháp Thiên Thai tại vùng Lương Chiết<sup>297</sup>. Sở nghiệp đã toại, Sư trở về chốn cũ. Nếu ép Sư làm trụ trì, Sư đều kiên quyết chẳng thuận. Tuổi già, Sư bế quan, dứt tuyệt mọi chuyện, chuyên tu Tịnh nghiệp.

Sư tụng kinh Pháp Hoa đủ năm ngàn bộ. Kinh Phổ Hiền Quán, kinh Di Đà, [mỗi thứ] một vạn quyển, Phật hiệu chẳng thể tính số. Khi

---

<sup>297</sup> Do Sư sống vào thời Tống Nhân Tông, Lương Chiết ở đây phải hiểu là Lương Chiết Lộ (Lộ là một khu vực hành chánh đời Tống. Lãnh thổ Đại Tống được chia thành mười lăm lộ), bao gồm mười bốn châu như Tô Châu, Thường Châu, Nhuận Châu, Hàng Châu, Hồ Châu, Minh Châu, Việt Châu v.v... Tức là bao gồm toàn bộ tỉnh Chiết Giang, thành phố Trấn Giang của tỉnh Giang Tô, và Thượng Hải hiện thời. Sở dĩ gọi là Lương Chiết vì dựa theo tên gọi Chiết Giang Đông Đạo và Chiết Giang Tây Đạo thời Ngũ Đại. Lương Chiết Lộ thoát đầu có tên là Lương Chiết Đông Bắc Lộ được lập ra trong năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba (978). Đến thời Nam Tống, lại tách ra thành Lương Chiết Tây Lộ và Lương Chiết Đông Lộ.

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

đổi sang niên hiệu Sùng Ninh (1102), Sư bỗng mắc bệnh, gọi đồ đệ, dặn họ dâng hương, bảo rằng: “*Đã tới lúc ta sanh về Tịnh Độ. Ta sẽ nương đài kim cang theo Phật về Tây. Nguyện [đại chúng] nỗ lực tán tu hồng được gặp gỡ!*” Nói xong, tay kết Phật ấn, đấm bạc ngời qua đời. Khi trà-tỳ, lưỡi và râu chuối chẳng hoại, mọi người đều kính trọng (*theo Chi Viên Tập*).

### ***\* Thông thượng nhân ở Tiên Đường***

Vị tăng tên Tư Thông, người Tiên Đường. Lúc mười lăm tuổi, cha mẹ muốn con lấy vợ, Sư chán ghét sâu xa tù ngục gia đình, liền trốn vào núi Thiên Trúc Linh Ân, xuất gia tại chùa Pháp An. Sư lập chí siêng khổ. Hằng ngày, Sư ra ngoài thành khát thực, đêm chẳng ngủ, chuyên tụng kinh Pháp Hoa.

Tới lúc hai mươi tuổi, Sư ôm kinh đi thi, liền đỗ kỳ thi tuyển tăng. Từ đó, Sư mỗi ngày trì hai bộ; ngoài ra thì niệm Phật hiệu. Nếu có kẻ nói: “Tụng kinh là đủ rồi, cần gì phải niệm thêm Phật hiệu?” Sư đáp: “*Mạng chung muốn sanh về nước ấy, há chẳng hệ niệm trong tâm?*” Một hôm, Sư mắc bệnh thời khí, bèn nói: “*Ta trong đêm đã thấy Phật, Bồ Tát, thánh chúng cùng nói đều đến tiếp dẫn; hai ngày nữa, ta sẽ ra đi*”. Đệ tử là Tổ An thưa: “Sợ là ma cảnh, chẳng thể vội vàng theo ngay!” Sư đáp: “*Lúc ta mạng chung, nếu nơi ngực sanh hoa sen, tức là điềm ứng nghiệm đã sanh về Tịnh Độ vậy*”. Hai ngày sau, trời mới hừng sáng, Sư bảo Tổ An gõ khánh, nói: “*Phật và Bồ Tát đã đầy trong hư không*”. Đại chúng cùng niệm Phật, Sư lặng lẽ qua đời. Dò thử, toàn thân đều lạnh, chỉ có nơi ngực có một khoảng chừng bằng bàn tay ôn nhuận, hình dạng như hoa sen xò nở, quả nhiên phù hợp với lời Sư đã nói (*theo Bảo Châu Tập*).

### ***\* Chiếu pháp sư ở Tú Châu***

Pháp sư Linh Chiếu, người Đông Dương, sanh ra đã cao cả bất phàm, có chí nguyện làm tăng. Từ khi vào Không Môn, Sư chưa từng nằm xuống, ngày đêm lễ tụng. Chưa đầy một tháng, Sư đã thông thuộc hai kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh. Đến tuổi hai mươi, Sư thi đỗ khoa khảo hạch kinh điển. Sau khi thọ Cụ Túc, Sư quảy tráp theo học các nơi, thấu đạt trọn hết đạo Tam Quán của tông Thiên Thai, thăm viếng các chùa nổi tiếng. Tuổi già, Sư trụ tại chùa Siêu Quả ở Hoa Đình.

Trong niên hiệu Nguyên Phong<sup>298</sup>, Sư kết xã hơn hai vạn người, phỏng theo phong thái của Đông Lâm, hâm mộ giáo huấn sanh về Tây Phương. Sư từng mộng thấy Di Đà Tam Thánh, Sư quỳ hỏi: “Con suốt đời tụng kinh câu sanh Tịnh Độ, có được thỏa nguyện hay chăng?” Ngài Quán Âm chỉ dạy: “*Tịnh Độ chẳng xa, hễ có nguyện liền sanh, chớ nên ngờ nữa!*”

Lại nữa, trong đêm thanh, Sư tụng kinh, mộng thấy ngài Phổ Hiền, do vậy liền phát tâm tạo tượng Bồ Tát, thề tụng một vạn bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa để trang nghiêm quả báo nơi Tịnh Độ. Sư tụng các kinh khác chẳng tính nổi số. Sư bỗng nằm bệnh, bảo đại chúng rằng: “*Ta trong khi bệnh thấy có tướng lạ, quyết sẽ thỏa nguyện sanh về Tịnh Độ*”. Sư bèn xếp chân qua đời. Lúc xà-duy (hỏa táng), lưỡi chẳng hoại, mềm mại, tươi nhuận như lúc còn sống, xá-lợi tràn trề, đỏ trắng xen lẫn, há có thể nói chẳng phải là do sức tinh tấn duy trì ư? (*theo Chi Viên Tập*).

### **\* Trạng pháp sư ở Ô Trấn**

Sư họ Tiêu, tên là Duy Trạng, [gia tộc] nhiều đời sống ở Vĩnh Gia. Mẹ Sư ban đêm mộng thấy nuốt bảo tháp mà có thai Sư. Sư lia tục từ bé, chuyên tụng Pháp Hoa. Khảo thí trúng cách, được xuất gia. Sư theo học với Đông Linh Khâm công, Huệ Giác Ngọc công, Phổ Từ Thâm công, giỏi mài nghiêm mật, đạt trọn hết lẽ huyền áo. Trong niên hiệu Kiến Viêm, Sư thuyết pháp tại Thọ Thánh Viện, viết các bộ Quang Minh Ký, Hộ Quốc Ký v.v... Phàm thực hiện Phật sự, đều đạt ứng nghiệm. Sư mỗi ngày tụng một bộ Pháp Hoa, niệm Phật hiệu hai vạn tiếng. Bình nhật, Sư ít ngủ. Mỗi lúc nắng gắt hoàng hôn, Sư ngồi ngay ngắn trong chỗ cỏ cây rậm rạp để thí cho muỗi mòng đốt. Đệ tử thấy Sư tuổi đã cao, xin thôi khổ hạnh. Sư nói: “*Các loài xuẩn động sao có thể kết duyên thù thắng cùng Pháp Hoa? Khiến cho chúng nó hút máu ta để gieo chủng tử Đại Thừa! Nguyện đời đời giải thoát*”.

Về sau, Sư thoái cư am thất, suốt mấy năm chuyên ròng tu Tịnh nghiệp. Một hôm, Sư nhiễm bệnh, ngồi nghiêm nhiên qua đời. Khói trà-tỳ bay tới đâu, chỗ đó có xá-lợi. Dân chúng thỉnh cầu, đều được như nguyện. Đoan Sư Tử từng tham học với Sư, có bài kệ khóc rằng: “*Son*

---

<sup>298</sup> Nguyên Phong là niên hiệu của Tống Thần Tông (Triệu Húc) từ năm 1078 đến năm 1085.



## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

*tăng hà sự dã bi tình? Vị ức lâm gian thiện hữu nhân. Vạn bộ liên kinh do vị mãn, thập phương duyên thực dĩ phân thân. Đình tiền lão thụ phiêu hoàng diệp, vân ngoại thiềm quang tổ mãn luân. Nhược vấn ngã Sư hành xử khứ? Vô biên giới nội dĩ thế thân”* (Tạm dịch: Sơn tăng sao cũng đắm buồn thương? Vì nhớ bạn lành chốn núi rừng. Vạn bộ kinh sen còn chưa trọn, mười phương duyên chín đã phân thân. Cây cối trước sân vàng lá rụng, vượt mây vàng nguyệt sáng mười phần. Thầy tôi nếu hỏi về đâu tá? Vô biên cõi nước thấy hiện thân) (theo *Bảo Châu Tập*).

### **\* Minh Trí pháp sư ở Minh Châu**

Sư hứ Trung Lập, con nhà họ Trần ở Ngân Chi. Mẹ mộng thấy vàng mặt trời xuyên vào bụng mà sanh ra Sư. Sư từ bé đã cao vòi bất phàm, bèn cho xuất gia. Mới chín tuổi, được thầy dạy kinh Pháp Hoa, Sư vừa mới đọc đã in sâu vào thần thức. Trong niên hiệu Gia Hựu<sup>299</sup>, Sư dự thi [khảo hạch kinh điển] ở phủ Khai Phong, đắc độ, theo xuất gia với ngài Quảng Trí chùa Diên Khánh tại quận nhà. Sư siêng năng học đạo, chẳng biết bản lãnh sâu tới đâu. Về sau, Sư được thỉnh trụ trì chùa ấy. Từ đầu đến cuối, trong mười năm, Sư mở rộng pháp tòa. Mỗi năm đều chọn lựa đồ chúng cùng tu Pháp Hoa Sám. Một hôm, trong khi Thiền Quán, bỗng [mọi người] thấy một chiếc thuyền to. Đại chúng muốn lên thuyền đều không thể, một mình Sư qua lại trong đó. Từ đó, huệ giải phát khởi như suối trào, Sư giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú, Ma Ha Chỉ Quán, mỗi bộ mấy chục lượt. Bình thời, dường như chẳng thể nói, nhưng khi giảng giải, biện định, thì Sư hùng hồn, cương nghị, thính giả nghe quên mệt. Suốt đời, Sư tụng kinh Pháp Hoa cả vạn lần. Các hạnh môn khác chẳng dễ gì chép đủ. Sư bỗng mắc bệnh, hai lượt người thấy mùi hương lạ, bèn triệu tập học trò, bảo: “*Ai nấy hãy nên tấn tu, sẽ lại gặp gỡ trong hội của chư Phật*”. Nói xong, Sư hướng về Tây ngòai mất. Quan Đãi Chế Triều Thuyết Chi soạn văn bia ghi lại đức hạnh của Ngài, quả thật là của báu văn chương tại Tứ Minh vậy!

### **\* Pháp sư Vô Úy ở Minh Châu**

---

<sup>299</sup> Gia Hựu là niên hiệu của Tống Nhân Tông từ năm 1056 đến năm 1063.

Sư tên là Pháp Cửu, họ ngoài đời là Trịnh, người xứ Diêu Giang. Bảy tuổi, Sư xuất gia tại Long Tuyên Tự. Trong niên hiệu Chánh Hòa<sup>300</sup>, Sư thi đỗ khóa khảo thí kinh Pháp Hoa, được xuống tóc. Tới tuổi năm mươi, quy ẩn nơi núi Thanh Tu thuộc Minh Châu. Sư phong thái cao đẹp, trí huệ sắc bén hơn người, đối với chúng sanh chẳng hề vui giận, cười nói như xuân về. Thoạt đầu, Sư nghe giảng, tu tập dưới tòa của ngài Quảng Nghiêm Trí Dững. Kế đó, tham học khắp nơi rồi ở dưới pháp tòa của ngài Tô Đài Huệ Giác, khăng khăng dốc sức, chẳng ngại nóng lạnh, đạt được trọn hết truyền thừa huyền diệu của tông Thiên Thai. Kế đó, Sư quảy gói đạo chơi mây nước, gặp ngài Đại Huệ tại Song Kính, được ấn khả sâu xa. Hiềm rằng tông phong lôi kéo Sư nhập thế, buộc Ngài trụ trì Thanh Tu Viện bảy năm. Ngài mở học đường, dạy dỗ đại chúng, thầy trò nghiêm túc, hết sức có phong độ của từng lâm thời cổ. Trong núi có Sư Tử Nham, Sư bèn lập Vô Úy Thất, an trụ trong đó. Khóa tụng thường nhật là mười bộ kinh. Riêng một bộ Pháp Hoa, Sư tụng tới hai mươi vạn lượt. Cảnh giới u thâm chẳng ai có thể đạt tới được!

Thầy Tuyết Khê Hy Nhan từng làm thơ truy điệu rằng: “*Sa khám minh diệt triện yên tàn, thất trực liên kinh tại thiệt đoạn. Cảo mộc thân chi song kỷ lãnh, lưu tuyên thanh lạc xỉ nha hàn. Hiểm di nhất tiết chung vô biến. Phục lập tam y cánh độc nan. Do hận tê chi từng thử thử, đàm huyền vô phục khẩu lan phiên*” (Tạm dịch: Bảy quyển kinh sen trên chót lưỡi, giảng tòa đèn tắt, khói hương tàn. Thân gỗ héo gầy, song ghé lạnh. Suối tuôn róc rách, rét run người. Hiểm, yên một tiết không thay đổi, càng hiểm ba y suốt trọn năm. Vẫn hận cơ phong nay dứt bật, đàm huyền thôi vắng tiếng thầy tuyên). Khi đó, có Hà Khuê thuộc Lại Bộ ngưỡng vọng đạo hạnh của Sư, kết giao làm bạn phương ngoại. Ông ta từng trong ngày giỗ của mẹ, cậy Sư thăng tòa tụng kinh Pháp Hoa. Do lòng tinh thành cảm vùi [điềm lành], bèn soạn Nhất Thừa Am Ký để ghi lại phẩm đức của Sư.

### **\* *Chiếu xà-lê ở Hàng Châu***

Sư Tư Chiếu người Tiền Đường. Sau khi đã là tăng, Sư tham học khắp nơi, nghiên cứu tông thừa. Do giải đã đạt được, liền lập hạnh. Mỗi đêm cho đến canh tư, Sư liền thức dậy, huân luyện Tịnh nghiệp, xưng

---

<sup>300</sup> Chánh Hòa là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1111 đến năm 1118.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

tụng Phật danh. Các tỳ-kheo giải đãi nghe tiếng Sư [tụng niệm], chẳng dám ngủ yên! Xưa kia, tỳ-kheo Pháp Tạng phát ra bốn mươi tám nguyện, Sư cũng ngưỡng vọng phông theo, liền cầm lư hương, bạch rằng: “*Cổ Phật chẳng đoạt nguyện của kim Phật. Kim Phật há trái nguyện của cổ Phật ư?*” Sư tự tin dường ấy. Sư từng trích máu chép một bộ Pháp Hoa, cứ mỗi chữ là một lễ. Thực hiện mười lượt như thế. Như thế cho đến các kinh Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm v.v... tổng cộng lễ hơn hai trăm bảy mươi quyển. Sư đọc kinh Pháp Hoa một ngàn bộ, Quán Kinh năm tạng, Di Đà mười tạng. Lại còn giáo hóa đạo tục kết hệ niệm tịnh nghiệp hội suốt ba mươi năm. Một hôm, Sư bị bệnh, đêm mộng thấy thân vàng trượng sáu. Từ đó, mỗi ngày luân phiên thỉnh bảy vị tăng giúp Sư thành tựu mười niệm. Đủ bảy ngày, Sư ngồi dậy, chấp tay, cùng đại chúng lớn tiếng xưng Phật hiệu. Hồi lâu, Sư gập ngón tay kết ấn, lặng lẽ ngồi qua đời. Xà-duy, răng và râu chuồi chẳng hoại, đại chúng đều thấy. Vì thế, chẳng phải là giả trá, hư huyền vậy (*theo Bảo Châu Tập*).

### *\* Nam thượng nhân ở Hành Châu*

Đầu niên hiệu Thiệu Hưng<sup>301</sup>, tại Hành Châu có vị tăng tên Tô Nam, trụ tại chùa Pháp Luân thuộc quận ấy. Kể từ khi xuống tóc, Sư chuyên tu khổ hạnh, cắt ngón tay lấy máu chép kinh Pháp Hoa mười mấy bộ, kinh Kim Cang một trăm quyển, kinh Di Đà năm vạn quyển. Biên chép như thế suốt hai mươi bảy năm, từ đầu đến cuối hết như nhau. Sư thường niệm Di Đà cầu sanh Tịnh Độ. Lúc tuổi già, huyết cạn, thân khô, không bệnh tật, vẫn có thể đi và ngồi được. Một hôm, Sư yết kiến phương trượng, gập mặt rồi tròn chẳng nói gì, bỗng Sư ngồi ngay ngắn, nhắm mắt qua đời. Hóa ra, ý Sư muốn vị Đường Đầu chứng minh hậu sự vậy. Sau khi hỏa táng, nơi giữa mày của Sư tuôn ra ngũ sắc xá-lợi, chẳng đếm nổi bao nhiêu viên. Đạo tục thỉnh cầu, đều được như nguyện. To lớn thay! Phật tử khắc khổ, xét khắp xưa nay, hiếm ai sánh bằng! Trong lúc tọa thoát, há chẳng phải là trở về Tây Phương ư? (*theo Bảo Châu Tập*).

### *\* Tông đại sư ở Minh Châu*

---

<sup>301</sup> Thiệu Hưng là niên hiệu của Tống Cao Tông (Triệu Cấu) từ năm 1131 đến năm 1162.

Tại Quảng Phước Viện ở trong thành, vị tăng Khả Tông, họ ngoài đời là Dương, người Ngân huyện. Sư bảy tuổi xuất gia, tụng thông thuộc kinh Pháp Hoa. Hai mươi hai tuổi, thi đậu khảo thí về kinh điển, bèn xuống tóc. Sư cốt cách thanh cao hơn người, chí thú khác người, oai nghi tề chỉnh, nói năng thận trọng, lập công khóa thường nhật đọc tụng sách Phật. Hễ rảnh rỗi thì giờ xem ngoại điển, giỏi thơ phú, khéo viết thư pháp theo lối chữ Thảo. Đến già, một hôm Sư bỏ sạch [thơ phú, thư pháp, xem đọc ngoại điển], dốc lòng thành tu Tịnh nghiệp. Sư xem trọn Đại Tạng Kinh một lượt, chín năm huân tu Pháp Hoa Sám. Đi, đứng, nằm ngồi thường ở trong đó, chẳng thấy lầm lỗi của thế gian. Một hôm, Sư ngã bệnh, gọi đệ tử nói: *“Đại sự của ta sắp tới rồi, các con hãy nên tinh tấn hành đạo, đừng quên mất lời ta. Ta bình sanh tấn tu, chưa từng phạm giới. Nếu thật sự đắc đạo, chết rồi ắt có điềm lạ”*. Sau mấy ngày, bỗng trên chân giường nảy sanh một gốc cỏ Chi màu trắng, có vân như hoa sen. Sư trông thấy bèn nói rằng: *“Chỗ ta ở hiện ra điềm này, đã đến lúc phải đi rồi”*. Liên viết kệ rằng: *“Vô kinh khả tụng, vô Phật khả niệm. Kim nhật lâm hành, đại gia chứng nghiệm”* (Chẳng có kinh để tụng, chẳng có Phật để niệm, hôm nay sẽ ra đi, mọi người hãy chứng nghiệm). Sư buông bút, ngồi xếp bằng qua đời. Người trong quận chen nhau đến xem.

Quan Thái Thú Đãi Chế là ông Tàn cũng dốc lòng muốn thấy, bèn khoét đất chỗ hoa mọc, thấy điềm lạ lòng là đất khô ran mà rễ cành và hoa mơn mớn. Mọi người tấm tắc hỏi lâu, dâng hương rồi quay về. Bậc hiền nhân thuở trước đã tán thán rằng: *“Kinh khán nhất Đại Tạng giáo, sám-ma cứu tải huân tu, dĩ chứng Pháp Hoa tam-muội, bạch liên bình địa sanh thu”* (Xem kinh trọn một giáo pháp Đại Tạng, huân tu sám hối suốt chín năm, đã chứng Pháp Hoa tam-muội, đất bằng sen trắng trở tươi tấn). Chuyện này xảy ra vào năm Thiệu Hưng 16 (1146). Viện ấy có ghi lại tình trạng, hoa ấy tới nay vẫn còn, nay ghép thêm [hình vẽ hoa ấy] vào tiểu truyện để người đọc có thể hình dung.

### **\* *Thật thiên sư ở Minh Châu***

Vị tăng trụ trì truyền pháp của thiên viện Nhiều Ích tại Thạch Môn, huyện Tứ Minh, là Ngạn Thật xuất tục từ nhỏ, tụng kinh Pháp Hoa. Đến tuổi hai mươi, Sư thi kinh sách, được ân chuẩn đặc độ. Từ đấy, suốt sáu mươi năm, chẳng quên kinh nơi tâm và miệng. Tuổi già, Sư trụ tại chùa Thiên Y ở Thiệu Hưng, giữ chức Thủ Tọa Liêu. Ngày Hai Mươi

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Lăm tháng Năm năm Càn Đạo thứ năm (1170), bỗng từ chỗ chiếu trúc trải dưới án kinh, sanh ra một đóa hoa lạ. Hoa ấy màu xanh và trắng, hai cánh có gân nhỏ giống như hoa sen, mỗi ngày một to hơn, cao chừng một thước. Tới khi hoa tàn, đến ngày Mười Bốn tháng Sáu, lại mọc ra một cành, cũng có hai lá, dài bốn tấc, linh thụy dị thường. Cõi đời truyền tụng ca ngợi rất nhiều. Trong quận, có quan thừa ở huyện Vũ Khang là Tăng Tấn yêu chuộng đạo bèn trần thuật duyên có, cho khắc gỗ in rồi biếu tặng, chỉ có ba ngàn bản. Nay tôi lại đăng tải, ngõ hầu chuyện này chẳng bị thất truyền.

### *\* Pháp sư Trùng Chiếu ở Minh Châu*

Dòng họ của pháp sư nhiều đời sống tại Từ Khê. Sư họ Trần, tên là Giác Tiên. Trùng Chiếu là pháp hiệu được ban tặng. Sư sanh ra thông minh, mẫn tiệp, xuất gia tại Tịnh Tấn Viện. Thầy dạy kinh Pháp Hoa, Sư vừa đọc đã thông thuộc. Sau khi thọ giới, thoát đầu, Sư theo học với ngài Diên Khánh Minh Trí, lại theo học với ngài Thiên Trúc Huệ Giác. Sư học hỏi, suy tư, đối với Giáo Quán của tông Thiên Thai, không gì chẳng thấu hiểu. Mọi người thỉnh Sư trụ trì Bảo Lâm Viện. Sư liên hoàn giảng tập Pháp Hoa Tam Đại Bộ (Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú, Ma Ha Chỉ Quán), truyền dạy chưa từng phí uổng ngày nào. Mùa Xuân năm Tĩnh Khang (1127), trời đại hạn, Sư đối trước long thiên giảng kinh, trời liền mưa dầm suốt ba ngày, trăm dặm hoan hô. Đạo tục cảm kích sự thần dị của Sư, bèn dựng Quang Minh Tràng để vĩnh viễn nêu bày.

Kế đó, Sư dời sang pháp tòa Diên Khánh, khôi phục, hoàng dương giáo pháp của Tổ, đi khắp trong ngoài. Năm Thiệu Hưng thứ tám (1138), Sư lui về Bảo Lâm để tính an cư cho đến hết đời. Ngoài việc giáo hóa, Sư chỉ lấy Pháp Hoa làm tâm yếu, khóa tụng hằng ngày chưa hề thiếu khuyết. Sư đã tụng kinh đến một vạn bộ. Sư chọn chỗ sâu kín trong [cuộc đất đất] Phương Trượng để dựng một gian thất, đặt tên là Diệu Liên Đường. Sư an trụ trong đó, chỉ chú trọng một chuyện ấy, chí mong về Tây. Sư trì kinh Di Đà bốn mươi bảy tạng, tam tâm (tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai) đặt nơi Tịnh nghiệp, có thể nói là “chuyên chú”. Về sau, Sư cảm bệnh nhẹ, vì đại chúng thuyết pháp, an nhiên qua đời.

Liên Bồ soạn văn bia ghi đức hạnh của Sư có đoạn: “*Khi Sư trụ tại Diên Khánh, thầy Nguyệt Đường vừa tới tham học. Sư biết đó là căn khí thích đáng, liền bảo rằng: ‘Ông ắt trụ tại núi này’. Sau này, quả nhiên phù hợp lời ấy. Ngài Nguyệt Đường sắp mất, liền bảo môn nhân*

rằng: ‘Nơi tháp của cụ Trùng Chiếu ở trong lùm cỏ tại Bảo Lâm, thường có người trong đêm sâu thanh tĩnh nghe tiếng tụng kinh Pháp Hoa’. Chuyện này rất lạ, huống hồ Sư trụ trong núi này, truyền trì cật lực. Ta chết rồi, các ông hãy nên dựng riêng một tòa tháp tại Tổ Lũng để đón [linh cốt] của Ngài dời về đó”. Tới khi mở tháp [của ngài Trùng Chiếu] để rước [linh cốt] về, thấy trên linh cốt của Sư mọc một cành ngọc trúc, màu sắc như đồng xanh!

**\* Pháp sư Nguyệt Đường tại Minh Châu**

Sư húy Huệ Tuân, đạo hiệu Nguyệt Đường, họ Trần. Tổ tiên là người Vĩnh Gia, đến đời ông Ngài, bèn dời sang Cù Sơn thuộc Minh Châu. Mẹ Ngài từng mộng thấy một vị tăng đến nhà hóa duyên, sau đó có thai Ngài. Từ thuở để chớm, Ngài cử chỉ cao vời bất phàm. Do vậy, xả gia vào cửa Phật, giới mài trong Tổ Ấn Viện. Thầy dạy kinh Pháp Hoa, Sư xem đọc mấy lượt liền thông thuộc, mọi người đều kinh hãi, lấy làm lạ.

Sau khi đã thọ Cụ Túc, Sư trở về thăm cha mẹ. Bà nội khuyên nhủ: “Cháu đã xuất gia, hãy nên là vị tăng giống như một Phật tử trung hậu của Ôn Châu, đừng quan tâm lưu luyến nhà cha mẹ!” Sư vâng theo lời dạy ấy, dốc chí học tập. Thoạt đầu, theo học với ngài Trùng Chiếu chùa Diên Khánh. Thầy vừa thấy, liền biết là pháp khí. Thuở đó, ngài Thảo Am là bậc nhất, Sư liền lên phương Bắc cầu đạo, thông hiểu trọn hết đạo trọng yếu. Kế đó, Sư lại muốn học thêm, bèn tham học khắp vùng Lương Chiết. Quay về, gặp thầy Viên Biện tại Nam Hồ đang khôi phục, hoằng dương tông chỉ. Sư trí giải cao ngất, cơ phong lãnh ngộ sắc bén.

Cuối niên hiệu Thiệu Hưng, Sư được chọn làm Trụ Trì. [Sau đó] qua bốn lượt chuyển dời, Ngài dời tới Diên Khánh. Pháp tòa vời vọi, muôn ý chỉ đông đầy, mọi người ca ngợi Ngài biện tài tuyên dương thông dong chẳng khác ngài Phú Lô Na, há chẳng phải đúng như vậy ư? Sư tuy thuận duyên tiếp độ chúng sanh, nhưng nội hạnh càng siêng gắng. Công khóa hằng ngày lấy [tụng trọn hết] bảy quyển kinh Pháp Hoa là lệ thường. Dầu lạnh buốt, nắng gắt, bệnh tật, vẫn chẳng lười nhác. Suốt mười năm đều như thế, ngôn lẫn hạnh đều trọn vẹn. Một hôm, Sư ngã bệnh, khí sắc dường như sắp ra đi. Đệ tử thỉnh Sư thuyết pháp. Sư nói: “Há pháp có nói năng ư?” Sư liền cầm bút viết kệ để bảo ban đại chúng, xưng Phật hiệu liên tiếp. [Sau đó], hai tay buông xuống, kết Di

Đà Ấn<sup>302</sup>, ngồi xếp bằng qua đời. Theo di ngôn, tuân theo chế định của Phật [quần xác] năm ngày sau mới hỏa thiêu, pháp cốt chia làm hai phần: Một phần đưa về Thân Lũng ở Cù Sơn, một phần dựng tháp ở Nam Thành Tổ Nguyên. Có kẻ bàn rằng chư Tổ đều được táng toàn thân, [không nên chia đôi pháp cốt, họ] bèn dùng tóc cắt từ đỉnh đầu của Sư để biểu thị chí nguyện của Sư. Chưa đầy một năm sau, ngẫu nhiên có học nhân đến xin mở tháp thờ tóc Sư để chiêm lễ, bỗng thấy cả một vốc xá-lợi, tươi sáng lóng lánh. Ghi chép lại chuyện này thì có quan Đề Cử là ông Lục Nguyên soạn bài tán. Ở đây, chỉ ghi lại các điểm chánh yếu đó thôi!

**\* Hòa Pháp Hoa ở Minh Châu**

Đời Tống, tại Quảng Tế thuộc huyện Phụng Hóa, có vị tăng tên là Pháp Hòa, sanh trong nhà họ Giang. Sư lìa tục từ bé, bẩm tánh bình dị,

---

<sup>302</sup> Di Đà Ấn gần giống như ấn Thiên Định, hai tay xếp lại đặt trước bụng, lòng bàn tay ngửa lên, tay phải đặt trên tay trái, đặt ở trước bụng, hai ngón nhỏ và ngón cái của mỗi tay tạo thành hình khuyên tròn, lưng hai ngón trở đặt sát nhau. Ấn này còn gọi là Thượng Phẩm Thượng Sanh Ấn (tượng Phật Di Đà ngồi thường được tạc kết ấn này). Cũng kết ấn như thế, nhưng thay ngón trở bằng ngón giữa thì thành Thượng Phẩm Trung Sanh Ấn. Vẫn kết ấn như thế, nhưng thay ngón giữa bằng ngón đeo nhẫn thì gọi là Thượng Phẩm Hạ Sanh Ấn. Hai tay nâng lên ngang ngực, hai bàn tay đặt trước hai vai, lòng bàn tay hướng ra trước, ngón trở và ngón cái tạo thành hình khuyên nơi mỗi bàn tay thì gọi là Trung Phẩm Thượng Sanh Ấn. Cũng giữ nguyên tư thế ấy, nhưng thay ngón trở bằng ngón giữa thì là Trung Phẩm Trung Sanh Ấn. Cũng làm như thế, thay ngón giữa bằng ngón áp út thì gọi là Trung Phẩm Hạ Sanh Ấn. Hai lòng bàn tay hướng ra trước, tay phải giơ lên đặt gần vai, tay trái hướng xuống dưới, ngón trở và ngón cái kết thành hình khuyên. Đó là Hạ Phẩm Thượng Sanh Ấn. Lần lượt thay ngón trở bằng ngón giữa và ngón áp út, sẽ có Hạ Phẩm Trung Sanh Ấn và Hạ Phẩm Hạ Sanh Ấn. Trong Mật Tông còn dạy một loại ấn Di Đà nữa, tức là ấn được Phật Di Đà sử dụng trong Kim Cang Giới Mạn Đà La: Hai bàn tay chấp lại, giơ ngang ngực, hai ngón giữa dựng lên hơi cong chống vào nhau như cánh sen. Hai ngón cái đặt chéo nhau, các ngón còn lại đan chéo vào nhau, sao cho ngón phải ở trên, ngón trái ở dưới. Sách Mật Tông chú giải rằng: Các ngón đan vào nhau biểu thị sanh tử kết phược, cong xòe giống như hoa sen tám cánh, biểu thị Như Lai Tạng Thức, đồng thời biểu thị phạm thánh bất nhị. Ngón giữa cong như cánh sen biểu thị Bản Tôn tức Phật tánh siêu xuất trần phược. Nói cách khác, trong sanh tử triền phược, chân tánh chẳng mất. Để tiến nhập Chân Như pháp giới, không thể nào tìm cầu phương tiện ở ngoài triền phược, phải tự chuyển hóa triền phược thành cảnh giới như như bất nhị.

mặc áo vải chằm vá, có phong độ của cô nhân, thường tụng kinh Pháp Hoa, sáng tối chẳng nghỉ. Vì thế, người thuở đó gọi Sư là Hòa Pháp Hoa. Trong viện có giảng tăng để có thể nương tựa. Một hôm, Sư đáp y đến thưa hỏi về chuyện Dược Vương thiêu thân. Thầy chẳng hiểu dụng tâm của Sư, bèn giảng giải ý chỉ “*chân pháp cúng dường*”. Pháp Hòa nghe lời ấy, hoan hỷ, hớn hở rời đi. Khi đó, nhằm đêm Hai Mươi Bốn trong tiết Thượng Nguyên, nơi góc Đông Bắc của Phương Trung Viện, lửa lớn cháy tận trời. Một vị tăng chạy tới chữa lửa, bỗng thấy Sư chấp tay ngồi xếp bằng trong lửa, miệng ra rải tụng kinh. Trước mặt, bày hương đèn cúng dường kinh Pháp Hoa. Lại còn đặt bài tụng già biệt cõi đời vào văn phát nguyện. Bài tụng như sau: “*Nước xiết chèo thuyền, đến bờ chẳng trôi. Tàn tuyết theo lửa hồng tan sạch. Thân thanh thảo theo bước thánh hiền phiêu du*”. Nguyện văn đại lược như sau: “*Pháp Hòa nguyện đốt thân hư huyễn này để thành hương vô giá. Trước là dâng lên mười phương Tam Bảo diệu pháp thượng thừa. Kế đến, dâng thiên long bát bộ. Trước là mong nhị thánh hồi loan<sup>303</sup> trùng hưng xã tắc, sau là nguyện con khi tái sanh trong đời sau, thường diễn Đại Thừa, rộng độ các phẩm*” v.v...

Lửa bốc cao, trong ấy có luồng sáng năm màu chiếu lên không. Đêm ấy chẳng có gió lộng, bỗng nghe có tiếng trống rền lẫm liệt, lại có mùi hương lạ ngào ngạt. Hôm sau, bốn sư râu liễm hài cốt ở ngoài

---

<sup>303</sup> Trong tháng Mười Một năm 1125, do triều đình nhà Tống hủ bại, nhà Liêu yếu kém, Kim Thái Tông của người Nữ Chân (tức dân Mãn Thanh sau này) xua quân Nam Hạ. Quân Kim thiện chiến, tiên công chiếm sạch vùng Bắc Hoàng Hà. Tống Huy Tông hốt hoảng, muốn trốn khỏi kinh đô. Triều thần xin nhà vua nhường ngôi cho Thái Tử Triệu Hoàn. Ngày 7 tháng 1, Huy Tông xuống chiếu nhường ngôi cho thái tử, xưng Giáo Chủ Đạo Quân Thái Thượng Hoàng, thái tử Triệu Hoàn trở thành Khâm Tông, niên hiệu là Tĩnh Khang. Khâm Tông nhu nhược, thiếu quyết đoán, chỉ tính kế tháo chạy, một lòng nghị hòa, tuy nhiều trung thần, tướng giỏi, quân dân quyết tâm kháng địch. Vua lại mê tín, cấp vũ khí cho bọn du đảng lập ra đội quân gồm 7777 người, gọi là Lục Giáp Binh, nhưng họ không chống nổi quân Kim. Lúc bấy giờ có gã đạo sĩ bịp bợm là Quách Kinh xưng có pháp thuật đánh tan quân Kim. Tướng lãnh cần vương là Trương Thúc Dạ sai hấn cầm quân, hấn lén mở cửa thành bỏ trốn, quân Kim thừa cơ đánh úp kinh đô Biện Kinh. Thấy quân Tống còn đông, dân chúng nhiều người yêu nước, quân Kim nhân nhượng, đòi nhà Tống đầu hàng. Cuối cùng, cha con Huy Tông và Khâm Tông bị Kim Thái Tông ra lệnh bắt giải về Bắc, các tông thất nhà Tống bị cầm tù, nhà Bắc Tống diệt vong. Sự gọi sự kiện này là Tĩnh Khang Chi Biến (biến loạn trong năm Tĩnh Khang) hay Tĩnh Khang Chi Sĩ (nổi nhục Tĩnh Khang). Ở đây, sư Pháp Hòa nguyện hai vua được thả về để trùng hưng xã tắc nhà Tống.



phòng. Có bốn tín nữ đến lễ chỗ Ngài hóa thân, thấy chỗ tro còn lại rúng động, bèn thử bói ra tìm, ngẫu nhiên được hai mươi mấy viên xá-lợi. Mọi người kéo nhau tới xem. Di cốt như các viên châu chông chất. Từ đó, tiếng đồn lan xa, người đến thỉnh càng đông, ứng hiện càng nhiều. Xương và tro đều bị thỉnh sạch.

Có người thỉnh được một cái răng, chứa trong tráp, có nhà giàu ưa thích, mong đổi lấy bằng ba mươi ngàn đồng. Sư được mọi người dốc lòng tôn kính như thế đó... Hiềm rằng tứ chúng lũ lượt kéo tới chiêm lễ, người kính mộ khác nào ong đùn kiến tụ, khiến cho việc lễ chân thân nơi đình Ngọc Kỳ gây trở ngại. Liền có người thưa kiện là nhà chùa làm chuyện mê hoặc quần chúng. Thái Thú Thiếu Bảo Quách công cai trị nghiêm ngặt, bắt vị tăng chủ chùa tống giam. Mấy ngày sau, sau khi bản án trình lên, [quan cầm bút toan phê án xử tội], bỗng có một con ruồi bám vào đầu bút, phát ra tiếng khóc ai oán, xua đuổi chẳng được. Quan biết là do di thân (thân thể còn sót lại của sư Pháp Hòa) cảm thông, liền quăng bút tha cho. Đó là năm Giáp Dần tức năm Thiệu Hưng thứ tư (1134). Viện chẳng lập bia nêu chí, Tông Hiệu đến thăm, hãy còn bậc kỳ túc trong viện từng đích thân thấy nghe. Do vậy, ghi lại để mong ngày sau sẽ chép vào tăng sử.

### *\* Tá Pháp Hoa ở Minh Châu*

Vị tăng tên Vân Tá xuất gia tại Hải Huệ Viện ở đất Ngạn, chuyên trì kinh Pháp Hoa. Sư thi đậu [cuộc khảo hạch kinh điển], được phép xuất gia. Từ đấy, Sư tham học tông Thiên Thai. Dẫu qua lại nhiều nơi [để tham học] đã nhiều năm, nhưng Sư chưa hề phé bỏ hạnh nghiệp. Về già, Sư trở về Diên Khánh. Bốn mươi mấy năm, Sư quanh quẩn nơi tĩnh thất, tụng đọc rõ ràng, du dương. Hằng ngày, Sư lấy chuyện tụng đủ bốn bộ [kinh Pháp Hoa] làm chuẩn. Lúc ngoài tám mươi, Sư ngẫu nhiên mắc bệnh cũ, chẳng đến nổi suy sụp, khốn khổ, liền tắm gội, thay áo chỉnh tề, nghiêm túc, bảo các huynh đệ phúng tụng phẩm An Lạc Hạnh. Trong khoảng bữa ăn, Sư ngồi ngay ngắn qua đời. Cho tới lúc hỏa táng, khói lửa như kim sắc, hoặc có năm màu thơm ngát. Tới lúc thâu thập di cốt, thì thấy xương Ngài có màu đen, kiên cố, trong rỗng, ngoài tròn, có hình dạng như [các hạt] xâu chuỗi bằng gỗ Mộc Hoạn<sup>304</sup>, mọi người đều lấy làm lạ.

---

<sup>304</sup> Mộc Hoạn (Aristakāksa) là một loại cây thân gỗ, rụng lá theo mùa, nở hoa nhỏ

**\* Kinh Pháp Hoa tại chùa Nhạc Lâm ở Minh Châu**

Chùa Tông Phước tại Nhạc Lâm, huyện Phụng Hóa thuộc Minh Châu có Sắc Tứ Sùng Ninh Các, là nơi thờ phụng chân tượng của ngài Bồ Đại hòa thượng. Năm Thiệu Hưng 31 (1161) bị hỏa hoạn, cháy sạch. Từ trong ngói gạch, tìm được một bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chẳng tổn hại mảy may, đó là đầu mối linh ứng của chân pháp môn vậy. Khi đó, có pháp sư Nguyệt Đường Huệ Tuân làm thơ ca ngợi rằng: “Ngọc trục kim văn khởi phạm cung, tín tri diệu kế diệc nan đồng. Kỳ tăng lâu các tùy yên mặc, nhất bộ liên kinh xuất hỏa hồng. Hương phùng thụ quang phân bảo giám, nguyệt hàm chân sắc xạ hàn không. Khả lân pháp mạt nhân kiêu mạn, trùng hiển Ma Đằng trúc phạm công” (Trục ngọc, kinh vàng, dựng phạm cung, biết rõ diệu kế cũng khó đồng. Mấy tầng lâu gác tan thành khói, một bộ kinh Sen thoát lửa hồng. Hương tỏa thụ quang nâng quyển báu, trăng soi chân sắc rực hư không. Đáng thương pháp mạt, người kiêu mạn, hiện lại Ma Đằng đã dày công)<sup>305</sup>.

Có người nói: “Trước kia, tại Tuyên Châu có một tòa gác báu thuộc Tịnh Nhân Thiên Viện bị hỏa hoạn. Trong đám tro tàn, chỉ riêng có một bộ kinh Pháp Hoa nghiêm nhiên như cũ. Tứ chúng không ai chẳng khâm ngưỡng công đức thần diệu của Phật pháp. Vị tăng tên là Triều Phụng bèn làm bài thơ ấy”. Nhưng người và vật ở hai nơi quá xa, không cách nào hỏi han biết được. Nay tôi ghi lại cả hai chuyện, mong người biết đầu mối sẽ dính chánh cho.

**\* Bài thơ của thầy Giám Tông ở Minh Châu**

---

màu vàng vào mùa Hạ. Quả của nó tách ra làm ba, chứa nhiều hạt cứng, tròn, đen tuyền, kích thước từ 5 đến 8 mm, có thể dùng làm hạt xâu chuỗi.

<sup>305</sup> Ở đây, do cố gắng chuyển ngữ thành thơ, nhưng vì văn bút vụng về, ý thơ của ngài Nguyệt Đường đã bị bỏ sót, xin dịch nghĩa như sau: Trục ngọc, kinh văn bằng chữ vàng, được dựng phạm cung (chùa tháp) để thờ phụng. Biết chắc là các bài kệ màu nhiệm trong kinh văn cũng khó có gì để có thể sánh bằng! Mấy tầng lâu gác do hỏa hoạn đã bị ám khói đen như mực, chỉ riêng bộ kinh Pháp Hoa thoát khỏi lửa đỏ. Kinh điển quý báu được hương thơm, ánh sáng tốt lành nâng đỡ. Ánh trăng chứa đựng màu sắc chân thật chiếu lên hư không trong đêm lạnh. Đáng thương người đời Mạt Pháp kiêu mạn, cho nên [Tam Bảo] lại hiển hiện lần nữa công lao đắp nền (tạo cơ sở truyền trì Phật pháp tại Trung Hoa) của ngài Ca Diếp Ma Đằng.

Cuối niên hiệu Thiệu Hưng, tại Vân Giám Tự Phòng của Từ Khê Đông Tự thuộc Minh Châu có một đứa trẻ từ vùng núi tên là Hồng Chí, xuất gia lúc bảy tuổi. Do được thầy răn dạy đúng mực, nó tụng thông suốt kinh Pháp Hoa. Mỗi ngày tới lúc đêm thâu, nó nhiễu quanh điện Phổ Hiền tụng kinh, âm thanh thanh nhã, người nghe đều lấy làm lạ. Trong chùa có Tuyết Am Tông Sư Giám Công tặng thơ rằng: “*Sở sở sơn đồng tình tự nhàn. Vị tri thân thể lưỡng tương can, thời tương bích triện dao song hạ, mỗi bả thanh liên vị thiết đoan. Hồ nguyệt phi lai vân ốc lãnh. Tùng phong xuy lạc tiến sàng hàn. Thử thời lưu thủy thanh thê uyển, trắc nhĩ thiên tiên phạ dạ lan*” (Đứa bé vùng núi thanh tao, tâm tình thanh nhàn, chẳng biết thân thể hai đấng liên quan, đúng thời ở bên dưới khung cửa sổ chạm trổ, nó sẽ dùng chót lưỡi như đóa sen xanh [để tụng niệm]. Ánh trăng bên hồ chiếu tới ngôi nhà phủ trong mây lạnh. Gió lùa cuốn lá thông rơi trên giường lạnh. Khi đó, tiếng nước chảy róc rách êm ả, nghiêng tai nghe tiếng thiên tiên, sợ [vô ý] làm vỡ đêm thâu).

**\* Toàn Pháp Hoa ở Minh Châu**

Trong niên hiệu Nguyên Hựu, tại Từ Phước Viện ở Minh Châu có Toàn Pháp Hoa, tụng kinh ba mươi năm. Tính theo bộ, sẽ là một vạn năm ngàn. Sư thường ở trong một cái thất tiêu điều, ngồi lọt thỏm trong ghé, tay cầm râu chuôi, chí thành tụng niệm trong tâm. Ngoài cửa lảng xãng, Sư vẫn bất động. Ngày là vậy, mà đêm cũng vậy, chẳng có mảy may lười nhác. Sư có đệ tử là Phạm Dung, lên kinh đô tham học. Khi đó, Tả Nhai Tăng Lục là Tịnh Chiếu Thiền Sư Đạo Trăn, trụ tại Thập Phương Tịnh Nhân Lễ Tự, nghe đức hạnh của Sư, bèn gởi thi phú [biểu tặng]. Bậc hiền nhân trong triều đình trông thấy, đều gởi lời chúc tụng rất nhiều. Quan Tả Triệu Tán Lang Đại Lý Tự Bạ là Từ Vân soạn lời tựa, khắc vào đá nơi viện.

Nay ghi lại sáu bài, để truyền tụng đức hạnh của Sư. Tăng Lục viết: “*Kỷ hồi thất trục đoạn vi biên, trì tụng do tâm cứu dữ kiên. Văn thuyết cao niên bội tinh tấn. Thiết căn ung tự nhất hồng liên*” (Mấy lần bảy quyển dây lè đứt<sup>306</sup>, trì tụng tâm thành càng vững bền, nghe nói tuổi

---

<sup>306</sup> Vi biên (韋編) là cái dây buộc lè sách bằng da trâu. Thuở xưa, chưa có giấy, sách viết lên các thẻ tre rồi dùng dây bằng da trâu buộc lại cho khỏi thất lạc, cái dây ấy gọi là Vi Biên. Khổng Tử đọc kinh Dịch đến nổi ba lượt vi biên bị đứt. Ở đây do Sư

cao càng tinh tấn, lưỡi Ngài nhất định nẩy hồng liên). Tả Triều Nghị Đại Phu Thượng Thư Đồn Điền Lang Trung là Lý Chi Thuần viết: “*Khử lý vi tăng thoát hộ biên, tinh trì diệu pháp cứu di kiên. Thân tâm thanh tịnh tương hà tịnh? Đại hoa phong điền ngọc tinh liên*” (Lìa tục, xuất gia, thoát buộc ràng, chuyên trì diệu pháp vững lòng son. Thân tâm đều tịnh, còn gì tịnh? Giếng ngọc sen tươi đỉnh Đại Hoa). Tả Triều Phụng Đại Phu Thượng Thư Hộ Bộ Lang Trung là Lâm Thiệu viết: “*Ẩn kỹ tiêu nhiên tụng bảo biên. Chân Như bất động thử tâm kiên. Thanh thân sở quyển liêu giá nhãn. Hào đối Khuông Lư xã lý liên*” (Dựa ghé lạng thỉnh tụng kinh báu, Chân Như bất động tâm càng bền, tinh mơ mấy quyển lướt qua mắt, khéo xứng Khuông Lư dự hội sen). Tả Triều Tán Đại Phu Thượng Thư Hình Bộ Lang Trung là Mạc Quân Trần viết: “*Đại sự nhân duyên tụng thất biên, nhất lô hương hỏa lão di kiên. Sư ung ngộ nhập thân thanh tịnh. Nguyên hiệu đương niên tán bích liên*” (Đại sự nhân duyên tụng bảy quyển, một lò hương đốt vững bền tâm. Sư đã ngộ nhập thân thanh tịnh, sen biếc mong Sư rải hiện tiền). Tả Triều Phụng Lang Hành Bí Thư Tỉnh Trước Tác là Hoàng Đình Kiên nói: “*Nhiếp ý trì kinh tận kiếp hôi, nhân gian xừ xừ diệu liên khai. Đà niên tụng mãn tam thiên bộ, hựu mịch Tào Khê nhất cú lai*” (Nhiếp ý trì kinh tận kiếp trần, nhân gian chồn chồn nở sen tươi, bao năm tụng trọn ba ngàn bộ, lại kiếm Tào Khê một câu thiên) (*Khắc đá chép hai mươi bài*).

**\* Thân Pháp Hoa ở Minh Châu**

Vị tăng tên Trí Thân, họ ngoài đời là Tiết, người làng Vạn Linh thuộc huyện Ngân. Từ thuở bé, Sư xuất gia tại chùa Thê Tâm, được thầy dạy kinh Pháp Hoa, thề đọc thuộc lòng. Đầu niên hiệu Thiệu Hưng, triều đình mở khoa thi kinh sách, Sư trúng tuyển làm tăng. Từ đó, học trọn khắp giáo luật. Đã khai phát bản tâm, Sư bèn trở về chỗ cũ, đóng cửa ở trong một cái thất, dứt hẳn danh lợi. Hằng ngày, Sư lấy trì một bộ kinh Pháp Hoa làm chuẩn. Khi đó, ở phía Đông thành, đại chúng nhóm họp tụng tập kinh này, thỉnh Sư làm giáo thọ. Sư chẳng từ chối được, bèn tận lực chủ trì. Sư đặt tên cho hội ấy là Đàm Hoa Xã, đến nay hãy còn. Về già, Sư càng thêm dụng công tu hành, mỗi ngày tụng hai bộ, hoặc đến ba bộ. Sư thập phần xứng chức, chẳng thiếu sót trong việc giảng dạy lẫn trì

---

đọc kinh Pháp Hoa nhiều lượt, nên Từ Vân cũng dùng điển tích này để sánh ví sự dụng công của Sư chẳng kém Không Tử.

tụng. Khi đó, có nhiều vị học Thiên, học Giáo bèn [xướng vịnh] lan truyền danh tiếng của Sư. Thơ ca tích tập từ các trước tác của hơn ba mươi người, cũng là chuyện nổi tiếng một thời.

Đệ tử Sư là Pháp Mâu vẫn còn giữ được bút tích của Sư, nay tóm tắt các điều trọng yếu, ngõ hầu truyền xa. Thiên sư Huệ Phổ ở Thương Châu làm thơ xướng rằng: “*Thiệt thương thanh liên phún dị hương. Công thành vạn bộ khả du dương. Vị thường an tâm trường tinh tấn. Cá thị tăng trung chân đồng lương*” (Trên lưỡi sen xanh phun hương lạ, kinh tụng vạn bộ đáng tuyên dương. Chưa từng ngủ nghỉ, luôn tinh tấn, quả đúng tăng nhân bậc đồng lương). La Nguyệt thiên sư đề: “*Kinh liêm chung nhật đối lô hương. Lưu thủy thanh thanh tự ức dương, hữu đạo chỉ ứng sanh gián thế. Cao tăng bất độc tại Tề Lương*” (Nước chảy êm đềm dường khen ngợi, tụng kinh suốt buổi trước lò hương, bậc hữu đạo chỉ ứng sanh gián thế, cao tăng đâu phải chỉ Tề Lương<sup>307</sup>). Sư Huệ Vân nói: “*Mật thất liên phương viễn thấu hương. Tam châu đại sự quảng phu dương. Lữ tỳ hạ hữu kinh thiên trụ. Đại hạ cao đường không đồng lương*” (Mật thất hương sen tỏa ngát hương, tam châu đại sự rộng phu dương, trụ chống trời cao lều tranh có, viện lớn tòa cao thiếu cột rường)<sup>308</sup>. Thầy Trí Tâm viết: “*Trúc phần cúng khóa bảo văn hương, thiệt quyển triều âm biến cử dương. Thước đỉnh hữu hoài huân tịnh Phạm. Yên nê vô phục nọa điều lương*” (Mộ trúc tụng kinh hương sực nức, triều âm lưỡi chuyển tiếng vang rền, sớ quần đỉnh hương xông Phạm hạnh. Yên thôi kết tổ bản kèo hoa)<sup>309</sup>.

### **\* Thuần Pháp Hoa tại Minh Châu**

---

<sup>307</sup> Ý nói: Không phải chỉ đời Tề, đời Lương mới có bậc cao tăng!

<sup>308</sup> Hai câu này mang ý nghĩa ca ngợi sư Trí Thân: Ngài tuy sống trong lều tranh rách nát nhưng là bậc lương đồng (rường cột chính yếu) cho Phật pháp, ví như trụ chống trời, còn các nơi tự viện cao lớn, nguy nga lại không có người làm rường cột cho Phật pháp như Ngài.

<sup>309</sup> Ý nói: Sư ẩn cư trong lều tranh nơi rừng trúc, không bon chen với đời, giống như vùi thân trong nắm mộ bằng trúc, nhưng hương thơm giới hạnh bát ngát. Âm thanh tụng kinh của Sư cuộn cuộn như sóng biển, vì lều vắng, chim sẽ bay quần quanh nơi lò hương, vô tình được hun đúc bởi Phạm hạnh của Sư. Chim én cũng thôi làm tổ nơi nhà cao sang (thôi tha bunn kết tổ nơi chôn có rường kèo chạm khắc của nhà giàu có) để kéo về nơi Sư hòng nghe kinh.

Vị tăng tên Đạo Thuần tại Huệ Đăng Viện thuộc Ngân Thủy, họ ngoài đời là Vương. Sư nhập đạo trong niên hiệu Chánh Hòa. Tới niên hiệu Kiến Viêm, giặc giã (quân Kim) tràn vào cõi, sát hại lương dân không thể đếm. Sư trông thấy ô m lòng trắc ẩn, nghĩ chỉ có Phật pháp là có thể cứu vớt. Do vậy phát đại tâm, công khóa chuyên tụng niệm Pháp Hoa. Chỉ trong hai mươi năm, Sư tụng trọn một vạn bốn ngàn bộ. Tụng tập [kinh Pháp Hoa] trước đó chẳng tính vào số ấy. Bước vào tuổi bảy mươi, Sư thiết trai tăng, lễ sám. Sau đó, được Tuần thiền sư ở Nguyễn Sơn soạn sớ, đại lược như sau: “*Kể từ khi nước nhà gặp nạn đao binh, con người gặp phải nỗi lo đồ thán. Do vậy, cảm phát tâm lòng son, càng thêm tu tập bạch nghiệp, thọ trì bí cáo Nhất Thừa<sup>310</sup>, quyết để lại dư phong siêng năng, tinh tấn, khói hương chẳng ngừng vờn quanh nơi song cửa sáng ngời. Kinh văn giở mãi trên án kinh thanh tịnh. Xuân thu qua mắt, mây phen lá rụng, hoa thắm, sự vật hư hoại, vạn cảnh nước chảy mây tan. Thấy long nữ thành Phật, biết rõ chẳng phải là tướng. Ngưỡng mộ Dược Vương thiêu cánh tay, thề muốn vong thân. Ba lần tắm gội, ba phen hun đúc, tiêu tháng ngày nơi bảy ngàn hai trăm<sup>311</sup>. Một duỗi, một cuộn, lật quyển vàng nơi chín vạn tám ngàn<sup>312</sup>, đạt được duyên không nạn, vui mừng sâu xa*”. Sư thọ tám mươi bảy tuổi. Ngày Rằm tháng Mười năm Thiệu Hưng 27 (1157), Sư tắm gội, rửa tay, thay áo sạch, bảo ban đại chúng rồi ra đi. Sau khi trà-tỳ, đại chúng tranh nhau thu thập xá-lợi, chẳng biết số lượng. Sự giáo hóa của Phật chẳng phải càng thêm sáng ngời bởi vị này ư?

**\* Giới giảng sư ở Minh Châu**

---

<sup>310</sup> Bí cáo Nhất Thừa chính là kinh Pháp Hoa, do kinh phôi bày bảo ban lễ bí mật nên gọi là “bí cáo”.

<sup>311</sup> Sư tụng kinh trong 20 năm, một năm âm lịch chỉ có 360 ngày, tức là  $360 \times 20 = 7.200$  ngày. Vì thế nói là “*tiêu tháng ngày nơi bảy ngàn hai trăm*”. Trước mỗi lần tụng kinh, Sư đều tắm gội, xông hương thanh tịnh, nên nói là “*ba lần tắm gội, ba lần xông*”.

<sup>312</sup> Sư tụng được một vạn bốn ngàn bộ, mà kinh Pháp Hoa có bảy quyển nên  $14.000 \times 7 = 98.000$  quyển, do vậy nói “*lật quyển vàng nơi chín vạn tám ngàn*”. Hơn nữa, đời Tống chưa in kinh theo lối đóng thành sách (phương sách) mà vẫn in kinh trên một miếng giấy dài, hai đầu có trục gỗ để tiện mở kinh, nên mới gọi là Quyển. Khi đọc kinh phải mở ra một đầu, cuộn vào một đầu để đọc phần kế tiếp, nên nói là “*một cuộn, một duỗi*”. Giấy in kinh thường tẩm nhựa cây hòe để giấy vừa dai vừa chống mối mọt nên có sắc vàng. Vì thế gọi là “*quyển vàng*” (hoàng quyển).

Tại Pháp Khánh Viện ở Quán Giang thuộc Ngân Xuyên, có vị tăng tên là Pháp Giới, họ ngoài đời là Đỗ. Chánh nhân xuất gia, hạnh nghiệp chân thật. Bình sanh, Sư ăn rau, chẳng đoái tưởng hình hài. Sư từng tạo Đại Phật Điện tại viện ấy, dựng tháp Đa Bảo, đào vét ao to để tưới tắm ruộng đất. Đại chúng chịu ân chẳng ít. Năm Thiệu Hưng 20 (1150), pháp đường hư nát, Sư phát tâm sửa chữa. Sư liền lặn lội trong nhân gian, trích máu chép một bộ kinh Pháp Hoa, gom góp tiền bố thí để hoàn thành. Xây dựng xong, Sư chia các cuộn kinh chép làm ba phần, bọc trong ba tầng vải bọc. Phía ngoài quấn giấy dầu, đặt trong ba viên hỏa châu [gắn ở kèo chính của đại điện], ý muốn dùng để trấn tự viện vĩnh viễn chẳng hư hoại. Hai mươi năm sau, kèo chính lại bị hư, ngài Pháp Giới lại trùng tu. Sư lấy hỏa châu xuống, xem kinh đã đặt trong đó thì trọn chẳng thấy trang nào, đạo tục đều than lạ. Có người hiểu biết bảo do thành ý của của Sư, cảm vờ thiên long đón về thờ phụng rồi. Vị tăng ấy về sau truyền thừa giáo nghĩa Thiên Thai, trụ trì núi này, Tông Hiếu từng đích thân bái phỏng; bởi thế, biết tường tận chuyện này.

### **3. Cao ni (gồm mười ba vị)**

#### **\* Hình pháp sư ở Lạc Dương**

Thời Đông Tấn có ni sư Trúc Đạo Hình, sanh trong nhà họ Dương ở Thái Sơn. Sư bẩm tánh chuyên chú, cẩn thận, chẳng hề trái nghịch chúng sanh. Khi làm sa-di-ni, bị đại chúng sai khiến, Sư cam chịu khổ, chẳng mệt mỏi. Lúc hai mươi tuổi, Sư tụng hai kinh Pháp Hoa và Duy Ma, nghiên cứu, tìm cầu ý vị nơi nghĩa lý. Đến già, càng thêm siêng năng. [Truyền thống] tỳ-kheo-ni tụng kinh được khởi đầu từ ngài Đạo Hình vậy. Sư trụ tại Đông Tự ở Lạc Dương, tuân giữ khí tiết, giới hạnh, được mọi người tôn kính. Khi đó, có một ả tên là Dương Lệnh Biện, chuyên tu tập thuật hít thở của Hoàng Lão, cũng được mọi người kính trọng, nhưng ganh ghét ngài Đạo Hình, liền ngầm đem thuốc độc bỏ vào thức ăn của Ngài. Ngài Đạo Hình trúng độc, đệ tử hỏi nguyên do bị bệnh. Ni sư đáp: “Đạo chẳng thành đều là nhằm đền trả tức duyên đó thôi!” Sư liền qua đời (*Theo Đại Tạng Cao Ni Truyện trong hòm kinh chữ Quán*).

#### **\* Hiền pháp sư ở Tư Châu**

Ni sư hý Trí Hiền, họ ngoài đời là Triệu, người Thường Sơn. Sư tu giới hạnh cẩn trọng, tuy phóng khoáng nhưng chẳng xen tạp. Khi đó, quan cai quản châu quận là Thái Thú Đỗ Bá tin phục Hoàng Lão, đố kỵ đạo Phật, tìm cách kiềm chế, đặt ra các quy định ngặt nghèo chẳng thể thực hiện được để thử thách ngài Trí Hiền. Thấy ngài Trí Hiền thừa sức chịu đựng, liền ép buộc Sư ở một mình [không được có đồ chúng]. Ngài Trí Hiền biết ý hấn, thề chẳng vi phạm [lệnh cấm của hấn]. Tới khi Phù Kiên lên ngôi, đặc biệt kính trọng ni sư, vì ni sư mà tạo áo ca-sa thêu thùa [để ban tặng]. Về sau, Sư trụ tại Tây Tự, hiển dương rộng lớn đại pháp. Sư tụng kinh Chánh Pháp Hoa cứ một ngày đêm là hết một bộ. Chỗ Ngài ở thường có các loài chim nưong đậu; khi Ngài kinh hành, chúng liền bay theo (*theo Cao Ni Truyện*).

**\* Thọ pháp sư ở Giang Lăng**

Trong niên hiệu Nguyên Gia nhà Tống, có ni sư Đạo Thọ, chẳng rõ là người ở đâu. Sư thanh cao, hòa nhã, điềm đạm, tĩnh lặng, được ca ngợi là người có hiếu, cung kính. Từ bé, Sư đã thọ Ngũ Giới, chưa từng hủy phá. Do buồn vì nỗi tang cha mà Sư trở thành ốm yếu, bệnh tật đã lâu năm chẳng lành. Sư từng phát nguyện: “Nếu tôi lành bệnh, sẽ liền xuất gia”. Quả nhiên lành bệnh; do vậy bèn xuống tóc. Tuổi già, Sư trụ tại chùa Kỳ Hoàn ở Giang Lăng, siêng khổ hơn người. Sư tụng kinh Pháp Hoa trọn ba ngàn lượt, thường thấy điềm lành quang minh, nhưng chẳng nói. Một đêm, Sư bỗng thấy trên hư không có lọng báu rủ xuống che đỉnh đầu. Người đương thời nói đó là sự ứng nghiệm do trì tụng (*theo Cao Ni Truyện*).

**\* Ngọc pháp sư ở Giang Lăng**

Ni sư Huệ Ngọc, người Trường An, siêng hành giới thiện, đạo đức đều hoàn bị. Sư giáo hóa du hành chẳng ngại nóng lạnh. Sư trụ tại chùa Mục Ngưu ở Giang Lăng, tụng kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm v.v... trong vòng mười ngày đã thông suốt, cõi đời cho là kỳ lạ. Trong niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, Sư khổ hạnh trai giới, phát thệ rằng: “*Nếu con thành tâm có cảm ứng, sau khi xả thân, ắt thấy cõi Phật. Trong bảy ngày, nguyện thấy Phật quang*”. Tới đêm thứ năm, trong rừng cây ở phía Đông chùa bỗng hiện tướng quang minh, hình sắc chói ngời. Mọi người



## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

trông thấy đều hoan hỷ. Sư liền lập Thiên Đường nơi cuộc đất tỏa quang minh để an trụ thanh chúng (*theo Cao Ni Truyện*).

### *\* Tuyên pháp sư ở Sơn Âm*

Ni sư Pháp Tuyên là con gái nhà họ Vương ở Diệm Xuyên. Từ bé, Sư đã quyết chí lìa tục, bảy tuổi liền ăn chay. Mười tám tuổi, Sư tụng thông thuộc kinh Pháp Hoa, lại còn có thể thấu hiểu chỉ quy. Trong lúc ngồi, nằm, Sư liền thấy trướng lọng che phía trên. Bỗng có kẻ mai mối, Sư đều từ khước. Đến tuổi hai mươi, cha mẹ dẫn Ngài đến chùa Tề Minh xuất gia. Ngay trong hôm đó, trướng lọng chẳng hiện nữa. Từ đó, Sư thông thạo rộng khắp kinh luận, nghiên cứu thông hiểu lý sâu. Tuổi già, Sư dời sang chùa Chiêu Minh ở Sơn Âm, nhiều lượt giảng kinh luật, thanh danh rền khắp vùng Vũ Huyệt. Hễ được cúng thí, Sư đều dùng để tạc tượng, chép kinh. Đời Lương, Vương Nguyên Giản ở Hành Dương đến quận thỉnh Sư làm thầy cho mẹ mình (*theo Cao Ni Truyện*).

### *\* Ni sư Hoa Thủ ở Cao Bru*

Ni sư người huyện Cao Bru, chí tiết thanh sạch, ngôn ngữ và hành vi thanh cao, tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa suốt ngày đêm chẳng bỏ. Thoạt đầu, Sư tụng một quyển, bỗng trên móng tay phải sanh một đóa hoa có hình dạng như lụa buộc. Theo thứ tự, tụng tới quyển thứ năm, trên năm móng tay đều sanh một hoa. Tụng đến quyển thứ sáu và thứ bảy, trên bàn tay cùng sanh hai hoa to hơn hoa trên móng tay. Do vậy, thanh danh truyền đến cung vua. Trần Vũ Hoàng (Trần Bá Tiên)<sup>313</sup> sắc truyền nhập cung cho vua xem, Từ đấy trở đi, người trong quận đua nhau gọi bà là Hoa Thủ Ni (*theo Linh Thụy Tập*).

### *\* Ni sư Pháp Tín ở Hà Đông*

Trong niên hiệu Vũ Đức đời Đường, có ni sư Pháp Tín, trì tụng thông suốt kinh Pháp Hoa. Sư thệ nguyện nghiêm cẩn từ đầu đến cuối, còn muốn chép một bộ thật tinh tường, bèn tìm kiếm người chép, hứa trả giá gấp bội. Mỗi sáng thức dậy, [người chép kinh phải] tắm gội, thay áo

---

<sup>313</sup> Trần Vũ Hoàng là thụy hiệu của Trần Bá Tiên (Trần Cao Tổ), người sáng lập vương triều nhà Trần trong thời Nam Bắc Triều.

mới sạch. Trên án kinh, lại còn khoét vách, [đặt ống] thông ra ngoài, hình dạng như ống trúc. Người viết hễ thở ra, liền nhẹ ngậm ống trúc phun hơi thở ra ngoài. Chép kinh bảy quyển, mất tám năm mới xong. Ni sư bày cỗ chay, bái sám ăn mừng, lập đạo tràng thanh tịnh, hương, hoa tín phụng. Tới năm Trinh Quán 13 (639), có vị tăng ở chùa Long Môn là Pháp Đoan thường giảng kinh này. Do bản kinh này của Sư tốt đẹp tốt bậc, ông ta liền sai người đi thỉnh. Sư cố từ chối, chẳng được, đành tự đưa đến. Tới khi Pháp Đoan mở ra đọc, chỉ thấy giấy vàng, trọn chẳng có một chữ nào! Pháp Đoan xấu hổ, sợ hãi, liền trao trả. Sư biết là do mạo phạm, bèn dùng nước thơm xối rửa hộp đựng kinh, dội kinh nhiều Phật kinh hành suốt bảy ngày đêm. Tới lúc mở ra xem, kinh hoàn phục như cũ! (theo *Pháp Uyển Châu Lâm*).

**\* Hai vị pháp sư Pháp Nhân ở Đông Kinh**

Họ Hoàng ở Tân Lăng sanh hai con gái, chị năm tuổi, em ba tuổi. Thấy có người tụng kinh Pháp Hoa trong sân, chị em nghe xong bèn nói: “Tôi hiểu kinh này”. Từ đấy trở đi, họ bèn có thể đàm luận nghĩa Thật Tướng. Về sau, cùng làm ni tại chùa An Quốc ở kinh đô. Chị pháp danh là Trì Pháp, em là Huệ Nhân. Hai vị cùng chí hướng tu Pháp Hoa tam-muội. Bỗng có một vị ni tự xưng là Không Cô, dung mạo, ngôn từ rất lạ lùng, cùng ở chung với họ. Thường là tới nửa đêm, quang minh nơi thân chói ngời. Ba năm như thế rồi đi. Nếu có ai hỏi, hai vị ni cười xòa chẳng đáp. Người hiểu biết đoán đây là đức Phổ Hiền. Do vậy, danh rền kinh đô, dấu là thiền sư Nhất Hạnh<sup>314</sup> cũng dốc lòng kính ngưỡng. Lương Túc đã ghi chép hành trạng của họ.

---

<sup>314</sup> Nhất Hạnh (683-727) là một vị cao tăng đời Đường. Ngài họ Trương, pháp hiệu là Kính Hiền, đạo hiệu Đại Huệ thiền sư, còn gọi là Nhất Hạnh A-xà-lê. Ngài còn được xưng tụng là nhà thiên văn học, lịch pháp gia, toán học gia, phong thủy gia lỗi lạc nhất thời ấy. Ngài được tôn xưng là một vị tổ trong bát tổ của Chân Ngôn Tông (Mật Tông Đông Độ). Ngài là hậu duệ của Trương Công Cẩn (đại thần thời Đường Thái Tông). Năm hai mươi tuổi, do song thân đều khuất bóng, lại gặp gỡ Hoàng Cảnh đại sư chùa Ngọc Tuyền điểm hóa, Ngài manh nha ý niệm xuất gia. Sau đó, Ngài xin xuất gia với pháp sư Phổ Tịch ở Tung Sơn. Do thâm nhập Nhất Hạnh tam-muội, cho nên có pháp danh là Nhất Hạnh. Khi pháp sư Thiện Vô Úy từ Na Lan Đà tại Thiên Trúc đến Trường An, Sư theo ngài học Thai Tạng giáo pháp. Ngài vâng lệnh Đường Huyền Tông, theo hầu Sư và tham gia đạo tràng dịch kinh Đại Nhật. Khi ngài Kim Cang Trí đến Lạc Dương, Ngài lại được truyền thọ giáo pháp Kim Cang Giới. Ngài thông thạo Phạm văn, đồng thời hiểu sâu xa toán pháp và thiên văn học

**\* Hai chị em ni sư ở Kinh Châu**

Đầu thời Trinh Quán, tại Kinh Châu có hai vị ni là chị em, cùng tụng Pháp Hoa, nhằm chán sâu xa thân thể, đều muốn xả thân để cầu vô thượng đạo. Từ đây, trở đi, họ liền đoạn ngũ cốc, uống các loại dầu thơm, bảo sẵn đạo tục ngày ước hẹn đốt thân. Trên phố lớn, họ bày hai tòa cao, dùng vải thấm sáp quấn thân, chỉ chừa khuôn mặt. Hai vị tụng kinh Pháp Hoa tới phẩm Dược Vương, chị dùng lửa đốt đỉnh đầu em, em dùng lửa đốt đỉnh đầu chị. Trong đêm khuya thanh tĩnh, hai bó đuốc cháy rực sáng ngời. Lửa cháy tới mắt, tiếng tụng kinh vẫn còn vang vọng. Cho tới sáng, cả tòa [họ ngồi] cũng cháy, xương thịt đều tiêu, chỉ lưỡi vẫn còn. Đại chúng dựng tháp để biểu dương muôn đời, xem khoa Di Thân trong Tục Cao Tăng Truyện.

**\* Nhuận pháp sư ở Nhuận Châu**

Ni sư Pháp Nhuận, trụ tại chùa Tam Muội Vương ở Đan Dương. Từ bé, Sư đã ít nói, tu rỗng thiền huệ, tụng thông thạo kinh Diệu Pháp Liên Hoa suốt ngày đêm chẳng thiếu sót. Tới lúc bảy mươi bốn tuổi, Sư mạng chung, di ngôn để lộ xác thí cho chúng sanh, căn dặn đệ tử vâng theo. Trùng, thú ăn sạch, chỉ còn lưỡi và tim, lưỡi vẫn đỏ, tim hơi đen. Đại chúng liền dựng tháp thờ phụng (*theo Linh Thụ Tập*).

**\* Ni sư Trí Thông ở kinh đô**

Trong niên hiệu Nguyên Gia đời Lưu Tống, tại chùa Giản Tĩnh ở kinh đô, có ni sư Trí Thông, tuổi tác và diện mạo đều đẹp đẽ. Ni sư tin

---

của Ấn Độ. Do vậy, Ngài là người có trình độ thiên văn học và lịch pháp cao nhất thời ấy. Đặc biệt, Ngài là người thông thạo lượng giác học (trigonometry), vận dụng chúng rất xảo diệu trong công cuộc trắc địa, tính quỹ đạo tinh tú. Do tinh thông lịch số, Ngài được vua Đường sai tu chỉnh Đại Diễn Lịch, cùng với Lương Lệnh Toàn chế tạo hoàng đạo du nghi, hỗn nghi, phục cử v.v... để xem thiên văn, tính toán quỹ đạo của các tinh tú để tính lịch chính xác hơn, thực hiện công cuộc trắc địa đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa. Tác phẩm nổi tiếng nhất của Ngài là Đại Nhật Kinh Sớ (chú giải kinh Đại Nhật). Có lẽ do quá lao碌, Ngài mất khi mới 45 tuổi, nhưng khi mất, Ngài ngồi xếp bằng, an nhiên thị tịch. Các tác phẩm nổi tiếng của Ngài là Đại Nhật Kinh Sớ, Đại Diễn Lịch, Nhiếp Điều Phục Tạng, Đại Tỳ Lô Giá Na Phật Nhân Tu Hành Nghi Quỹ.

đạo chẳng chuyên dốc, bèn hoàn tục làm vợ của ông Lương Quân Phủ. Về sau, bà ta sanh một trai tròn bảy tuổi thì nhà nghèo chẳng trông cậy vào đâu được! Thuở làm ni, bà ta có mấy quyển kinh như Pháp Hoa v.v... đều viết trên lụa, bèn giặt giũ, gột tẩy để may áo. Con mặc vào ngã bệnh. Bà ta hoảng hốt, kinh hãi, hổ thẹn, khắp thân biến thành tróc lở, hư nát, trông giống như bị bỏng lửa, sanh ra trùng trắng. Mỗi ngày, có hơn một thung [trùng như thế]. Đau đớn, bứt rứt, ngày đêm kêu gào. Bỗng nghe trên không trung có tiếng bảo: “*Hoại kinh làm áo, mắc phải báo ứng kịch liệt ấy*”. Hơn mười ngày sau, bà ta bèn chết (*theo Pháp Uyển Châu Lâm*).

#### **4. Tín nam (ba mươi hai người)**

##### **\* Lưu Di Dân ở Lư Sơn**

Lưu Trình Chi đức hiệu là Di Dân, là hậu duệ của Sở Nguyên Vương (Lưu Giao)<sup>315</sup> đời Hán. Ông thông thạo sách vở của bách gia, ưa chuộng nhất Phật lý, đạo nghĩa khiến bậc công hầu kính trọng, nhưng hễ được mời mọc, chèo kéo, ông đều thoái thác, tránh né. Viễn công ở Lư Sơn kết liên xã gồm mười tám vị hiền nhân, tôn ông làm thượng khách. Từ đó, ông chọn sống tại Tây Lâm, suốt mười hai năm tu Niệm Phật tam-muội. Một hôm, ông mắc bệnh, chú tâm niệm xong, thấy quang minh từ tướng bạch hào của Phật. Lại thấy thân Phật Di Đà như núi tử kim, hào quang tỏa ra các màu sắc. Trình Chi tỉnh Phật xoa đỉnh đầu, dùng y che cho con. Phật liền xoa đầu ông, kéo y che cho. Ông lại thấy thân mình vào ao bảy báu, uống nước tám công đức. Uống vào, [cảm thấy] nước thơm ngọt, mùi hương lạ toát ra từ lỗ chân lông. Do vậy, ông bảo đại chúng: “*Khi tướng này đã hiện thì duyên Tịnh Độ của tôi đã tới*”. Ông liền đối trước tôn tượng, dâng hương, chúc nguyện rằng: “*Con vâng theo di giáo của đức Thích Ca, biết đến Tây Phương Tịnh Độ. Trước là cảm hương này dâng lên đức Thích Ca, kể đó, cúng Phật Di Đà, nguyện đều chiết phục, nhiếp thọ. Ba là phụng trì kinh Pháp Hoa màu nhiệm, do vậy được vãng sanh. Công do kinh này*”. Nói xong, ông

---

<sup>315</sup> Ông này chính là em ruột của Hán Cao Tổ (Lưu Bang). Ông này từng theo học với Phù Khâu Bá (học trò của Tuân Tử), từng chú thích kinh Thi. Khi Lưu Bang khởi nghĩa chống Tần, ông theo phù tá anh, rất được Lưu Bang tín nhiệm. Sau này, khi đã thành hoàng đế, Lưu Bang nghi kỵ các công thần, bèn giả vờ đi chơi đến Vân Mộng, lập kế bắt giam Hàn Tín đang làm Sở Vương, giáng xuống làm Hoài Âm Hầu, chia nước Sở thành hai: Lưu Cổ làm Kinh Vương, Lưu Giao làm Sở Vương.

hướng về Tây, chấp tay, qua đời. Ông Lưu được như thế, toàn là do sức của kinh Pháp Hoa. Do vậy, thỉnh tăng chúng cùng tụng kinh này mấy trăm biến để làm trợ hạnh (*theo Lư Sơn Tập của pháp sư Huệ Viễn*).

**\* Người do tụng kinh mà lười thông lợi tại Tinh Châu**

Dưới triều đại Vũ Thành hoàng đế nhà Bắc Tề<sup>316</sup>, ở sườn núi Đông Hãn tại Tinh Châu, có người đào đất, thấy có một chỗ trắng vàng xen lẫn. Bỗng tìm được một vật, có hình dạng như hai cái môi. Trong đó, có một cái lưỡi màu đỏ tươi nhuận. Châu huyện lấy làm lạ, đem chuyện ấy tâu lên. Vua hỏi quan lại, không ai đáp được. Vua bèn xuống chiếu sai sa-môn Đại Thống Pháp Thượng [xem xét]. Pháp Thượng tâu: “*Đây là quả báo của người trì kinh Pháp Hoa lục căn bất hoại. Người này tụng ngàn bộ, hiện ra sự ứng nghiệm như thế*”. Vua bèn sắc truyền quan Trung Thư là Cao Trân: “Khanh là người tin tưởng, tự đến xem, ắt có sự linh dị”. Cao Trân vâng mệnh đến đó, bèn tụ tập các vị tăng trì kinh Pháp Hoa, cầm lò hương nhiều quanh, tuyên tụng kinh này, bảo rằng: “*Bồ Tát Niết Bàn đã nhằm lúc Tạng Pháp lưu hành; nếu không sai lầm, xin hiện tướng lành linh ứng*”. Nói rồi cao giọng tụng kinh. Lưỡi và môi ấy ngay lập tức chấn động, có dáng vẻ như đang đọc tụng. Tứ chúng trông thấy, không ai chẳng rỏ da gà. Đạo Trân trở về tâu lên, vua hạ chiếu dùng hộp đá đựng, lập tháp để biểu dương (*theo Luong Cao Tăng Truyện*).

**\* Trưởng sử Trương Sướng**

Đời Tấn có Trương Sướng làm trưởng sử<sup>317</sup> của Tiểu vương<sup>318</sup>. Vương và Trương Sướng do có chuyện bị trói buộc ở chỗ Đình Úy<sup>319</sup>.

---

<sup>316</sup> Vũ Thành hoàng đế chính là Cao Tràm, là con trai thứ tư của Cao Hoan (quyền thần nhà Đông Ngụy). Sau khi Cao Hoan và người anh cả là Cao Trừng chết, người anh thứ hai của ông là Cao Dương nắm trọn quyền hành. Cao Dương thao túng Đông Ngụy, cuối cùng ép Ngụy Hiếu Tĩnh Đế (Nguyên Thiện Kiến) phải nhường ngôi, lập ra nhà Cao Tề.

<sup>317</sup> Trưởng Sử là chức quan có nhiệm vụ tương đương với Bí Thư Trưởng, còn gọi là Biệt Giá. Chức quan này có tánh chất không nhất định. Thời Hán, Trưởng Sử là quan phụ tá của Thái Thú (người đứng đầu một quận). Đến thời Nam Bắc Triều, Trưởng Sử là cấp dưới của Thứ Sử, nhưng thường cai trị một quận, hoặc các châu phủ. Trong các vương phủ, người đứng đầu coi việc hành chánh cũng gọi là Trưởng Sử. Đền

Trương Sướng đã có chánh tín từ trước, liền phát tâm tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa một ngàn lần để cầu thoát nạn. Tiếng niệm vang ra, gông cùm liền hư gãy, hai người đều được thoát ra. Quán Âm Truyện của Tạ Phu đời Tấn có ghi chép truyện này, sách Thiên Thai Biệt Hành Nghĩa Số<sup>320</sup> có trích dẫn.

**\* *Trình Tiết xử sĩ Dữu Sân***

Dữu Sân đời Lương, tự là Ngạn Bảo, người Tân Dã. Thuở bé, do nghe răn nhắc, bèn dốc sức học kinh sử. Ông bẩm tánh hiền lành, đơn giản, đặc biệt yêu thích chôn lâm tuyền, ăn rau, áo vải thô, chẳng chú trọng sản nghiệp. Thuở bé, ông đã quen biết Lương Vũ Đế. Tới khi vua khởi binh, phong cho ông làm Bình Tây Phủ Ký Thất<sup>321</sup>. Lại hạ chiếu phong làm Hoàng Môn Thị Lang<sup>322</sup>, ông đều lấy cớ bị bệnh không dấy

---

thời Đường, người đứng đầu hành chánh các vương phủ, đô hộ phủ, đô đốc phủ, tướng soái phủ, châu phủ, đều gọi là Trưởng Sử. Nếu là Đại Đô Đốc Phủ, Trưởng Sử có quyền điều khiển Tiết Độ Sứ. Đến đời Tống thì chỉ có thân vương phủ (vương gia thuộc hoàng tộc), công chúa phủ mới có chức quan Trưởng Sử.

<sup>318</sup> Tiểu Vương ở đây là Tư Mã Thừa (264-322). Ông là cháu nội của Tư Mã Tấn (con trai thứ sáu của Tư Mã Ý). Thời Đông Tấn, ông làm quan đến chức Thứ Sử Tương Châu. Khi Vương Đôn dấy loạn, ông cầm binh đánh dẹp, bị vây khốn tại Trường Sa (trị sở của Tương Châu). Cuối cùng, Trường Sa thất thủ, Tư Mã Thừa và thuộc hạ bị bắt, không lâu sau, bị giết chết.

<sup>319</sup> Đình Úy (còn gọi là Đại Lý Tự Khanh, hoặc Tác Sĩ) là chức quan được thiết lập vào đời Tấn, chương quản hình ngục, dự vào Cửu Khanh. Có thể hiểu Đình Úy tương đương với Bộ Trưởng Tư Pháp, đồng thời là Chánh Án Tối Cao Pháp Viện hiện thời.

<sup>320</sup> Tức là bộ Quán Âm Nghĩa Số. Tác phẩm này nhằm chú giải phẩm Phổ Môn do tổ Trí Khải giảng, đệ tử là Chương An Quán Đánh ghi lại. Tuân theo cách giải thích như trong Pháp Hoa Văn Cú, tổ cũng dùng tứ giáo, tứ thích (nhân duyên, ước giáo, bản tích và quán tâm) để giải thích phẩm Phổ Môn. Về sau, ngài Tri Lễ lại còn soạn Quán Âm Nghĩa Số Ký để chú giải bộ số này.

<sup>321</sup> Ký Thất là chức quan văn chương quản văn thư. Từ đời Tấn trở đi, các quan địa phương, vương gia, vương phủ đều có chức quan Ký Thất để quản trị văn thư. Trong quân đội thì lập ra Ký Thất Tham Quân để soạn thảo các văn thư thông cáo, báo tin, tấu trình tình hình chiến trận về triều đình, ghi chép công huân, lịch công tác v.v...

<sup>322</sup> Hoàng Môn Thị Lang còn gọi là Hoàng Môn Lang, hoặc Cấp Sự Hoàng Môn Thị Lang, tức là chức quan hầu cận thân cận nhất của hoàng đế. Thoạt đầu, người giữ chức vị này là người đóng vai trò truyền đạt chiếu chỉ của hoàng đế. Về sau, với guồng máy hành chính phình to, Hoàng Môn Thị Lang trực thuộc Môn Hạ Tỉnh (cơ quan có trách nhiệm thẩm tra chiếu lệnh, tức là đóng vai trò giám sát các chiếu lệnh

nổi. Tuổi già, ông chuyên dốc lòng nơi đạo Thích. Trong nhà lập đạo tràng, sáu thời lễ sám, tụng kinh Pháp Hoa mỗi ngày một lượt. Bỗng trong một đêm thanh, ông thấy một đạo nhân tự xưng là Nguyễn Công, dung mạo và cử chỉ rất lạ, gọi Dữu Sơn là Thượng Hạnh tiên sinh, trao cho hương rồi đi. Về sau, ông mắc bệnh, kinh ngạc nói: “Nguyễn Công lại đến, chẳng thể ở lâu”. Về mặt ông chẳng thay đổi, bỗng dung qua đời. Cả nhà đều nghe trên hư không xướng rằng: “*Thượng Hạnh tiên sinh đã sanh về Di Đà tịnh vực*”. Vua xuống chiếu ban thụy hiệu là Trinh Tiết Xử Sĩ để hiển lộ khí tiết cao cả của ông (*theo Nam Sử*).

**\* Thứ sử Ngụy Châu Thôi Ngạn Vũ**

Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, thứ sử Ngụy Châu là Thôi Ngạn Vũ ở Bắc Lăng lên đường nhận chức. Tới một ấp, ông bỗng bảo người theo hầu: “Xưa kia, ta đã từng làm vợ người khác trong ấp này, nay biết chỗ ở cũ”. Do vậy, cuội ngựa theo đường nẻo quanh co đến một căn nhà, sai người hầu gõ cửa. Chủ nhà là một ông lão ra chào, mời vào. Ông Vũ thẳng đường, ngồi xuống. Ông cụ hỏi: “Quan nhân do chuyện gì mà đến đây?” Ông Vũ nói: “Đời trước tôi là vợ ông”. Ông cụ nói: “Lấy gì làm bằng chứng để kiểm nghiệm?” Ông Vũ nói: “Quyển kinh Pháp Hoa do tôi đã tụng khi trước và năm chiếc thoa vàng giấu trong vách phía Đông, cách mặt đất chừng sáu bảy thước. Chỗ cao gồ lên trên tường chính là chỗ đó. Trang cuối của quyển thứ bảy kinh ấy bị lửa đốt mất chữ. Tôi nay tụng kinh ấy, phần sau thường quên mất”. Do vậy, sai người khoét chỗ cao trên tường, quả nhiên tìm được kinh bị lửa thiêu mất trang cuối, và cũng kiếm được thoa vàng, giống hệt như lời ông Vũ đã nói. Chủ nhà khóc nói: “Lúc vợ tôi còn sống thường tụng kinh này,

---

đã ban hành có được thực hiện đúng với quy định hay không. Nói cách khác, trong cơ cấu Tam Tỉnh, Thượng Thư Tỉnh tương đương với cơ quan hành pháp tối cao, người đứng đầu Thượng Thư Tỉnh tương đương với Thủ Tướng hiện thời (Lục Bộ trực thuộc Thượng Thư Tỉnh). Trung Thư Tỉnh tương đương với guồng máy lập pháp, quyết định quốc sách, soạn thảo chiếu chỉ. Môn Hạ Tỉnh đóng vai trò giám sát, đàn hặc các quan chức, quan chức đứng đầu Môn Hạ Tỉnh gọi là Thị Trung. Từ đời Tùy trở đi, Hoàng Môn Thị Lang (Môn Hạ Thị Lang) là phó thủ trưởng của Môn Hạ Tỉnh. Đến đời Tống, vai trò của tam tỉnh bị xóa nhòa vì người đứng đầu các quan được gọi là Thượng Thư Tả Bộc Xạ kiêm Môn Hạ Thị Lang. Tuy danh xưng tam tỉnh vẫn còn, nhưng thực chất chỉ là một tỉnh. Dưới Hoàng Môn Thị Lang là quan Trung Thường Thị (đến đời Đường Tống gọi là Tả Tán Kỵ Thường Thị), và dưới nữa là các quan gián nghị đại phu.

thoa vàng cũng là của bà ta”. Ngạn Vũ lại nói: “Bọng cây hòe trước sân là chỗ tôi chứa tóc rụng khi sanh nở”. Thử cho kẻ khác tìm, quả nhiên thấy tóc ấy. Chủ nhà trông thấy, vui buồn đan xen. Ngạn Vũ bèn tặng y phục, vật dụng rồi đi (theo *Linh Thụy Tập*).

**\* *Thư sinh ở Tinh Châu***

Phía Tây thành Tinh Châu có một thư sinh, chưa tới tuổi ba mươi, tụng trì kinh Pháp Hoa, đạt được ý của Phật pháp, thệ nguyện đốt thân cúng dường Đại Thừa. Anh ta bèn gom góp mấy trăm bó rơm khô, xếp thành một cái lều. Ai hỏi nguyên do, đều giấu kín chẳng nói. Anh ta bỗng nửa đêm nổi lửa tự thiêu, đến khi có người tới cứu thì đã cháy đến bụng rồi! (theo *Linh Thụy Tập*).

**\* *Sâm Văn Bồn ở Giang Lăng***

Trung Thư Lệnh<sup>323</sup> Sâm Văn Bồn là người Giang Lăng, ôm lòng chánh tín từ nhỏ, thường tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Ngẫu nhiên do công cán, ông ngồi thuyền vượt Tùng Giang ở đất Ngô. Giữa dòng nổi gió, người lái thuyền đều chìm. Văn Bồn nổi lên mặt nước, nghe có người nói: “*Chỉ niệm Phật, tụng kinh ắt chẳng chết*”. Nói như thế ba lượt. Do đó, ông theo sóng cuốn lên được bờ Bắc. Sau đó, ông trai tăng tại Giang Lăng, chúng tăng đều tụng tập. Có một vị tăng rồi đi

---

<sup>323</sup> Trung Thư Lệnh là người đứng đầu cơ quan Trung Thư Tỉnh. Thoạt đầu, Trung Thư Tỉnh chỉ có trách nhiệm quản trị văn khố, thư phòng của hoàng đế, do các hoạn quan đảm nhiệm. Do vua khi đọc chiếu chỉ, lúc muốn quyết định thường hỏi ý kiến của người hầu chung quanh, mà hoạn quan không đủ học thức, cũng như do họ sống lẫn quân trong cung cấm, bị hoen ố bởi các chuyện đấu đá trong cung đình, nên dễ đưa ra những ý kiến sai lạc. Do vậy, Trung Thư Tỉnh dần dần mở rộng cho các đại sĩ phu tham dự và trở thành một cơ cấu tham vấn giúp hoàng đế quyết định quyết sách, thậm chí soạn thảo chiếu chỉ. Sau này, các chức vị Trung Thư Lệnh, Thượng Thư Lệnh, Thượng Thư Bộc Xạ... dần dần trở thành hư vị, chỉ là tước do các trọng thần giữ quyền hành trọng yếu kiêm nhiệm. Dưới đời Đường Thái Tông, Sâm Văn Bồn thoát đầu làm Bí Thư Lang, Trung Thư Thị Lang, cùng với Lệnh Hồ Đức Phân biên soạn Châu Thư (sử ký nhà Bắc Châu). Về sau, ông được bổ làm Trung Thư Lệnh, cùng giữ ngôi tể tướng với các vị Trương Tôn Vô Kỵ, Cao Sĩ Liêm, Đường Kiệt, Dương Sư Đạo, Lưu Tự, Mã Châu, Chủ Toại Lương... Ông là người điềm tĩnh, trung hậu, chân thật, rất được Đường Thái Tông tín nhiệm. Khi Đường Thái Tông chinh phạt Cao Ly, đã ủy nhiệm ông phù tá thái tử Lý Trị giám quốc, đồng thời quản trị mọi việc hậu cần điều phối quân lương, chiến phí cho chiến dịch.



## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

sau cùng, bảo Văn Bôn: “Thiên hạ mới loạn, ông may mắn chẳng bị hại, sẽ gặp lúc thái bình mà được phú quý”. Nói xong đi mất, Văn Bôn có một lúc trong chén ăn cơm tìm được hai viên xá-lợi, đạt được phú quý thái bình đều đúng như lời vị tăng đã nói (*theo Linh Thụ Tập*).

### ***\* Vương Phạm Hạnh ở Lâm Nghi***

Trong niên hiệu Khai Hoàng, tại Lâm Nghi có Vương Phạm Hạnh, từ bé đã mù hai mắt. Mẹ thương xót, dạy truyền khẩu kinh Pháp Hoa. Phạm Hạnh tụng được một vạn bảy ngàn bộ. Sau đó, mắt tuy mù, nhưng các chuyện như ngày đêm đi lại, bện đệm, may áo v.v... đều chẳng trở ngại. Người khác nghi ông có sở đắc riêng biệt, hỏi thì trọn chẳng chịu nói. Ông áo vải, ăn rau, suốt đời không lấy vợ. Lúc bảy mươi mốt tuổi bèn mất, di ngôn bỏ xác trong thi lâm mặc cho chim thú ăn nuốt. Thịt hết, xương còn, lưỡi chẳng hoại, màu như hoa sen. Người em trai là Huệ Nghĩa dùng hộp sứ đựng lấy, hương đèn tôn kính thờ phụng (*theo Linh Thụ Tập*).

### ***\* Vương Yêm ở Lâm Nghi***

Vương Yêm là người Lâm Nghi thuộc Lang Gia, ông nội và cha đều làm quan to. Vương Yêm làm quan tới chức Hoàng Môn Thị Lang, bẩm tánh vụng về, chậm lụt, chuyên ưa thích Đại Thừa, tụng một bộ Pháp Hoa từ đầu tới cuối thông suốt. Về sau, ông chết vì bệnh. Ông có em trai là Cố, tức thái thú Tân An, cũng tụng kinh Pháp Hoa. Ông Cố bỗng mộng thấy anh trai nói: “*Ta sanh về Tây Phương trong thai hoa sen cánh sắt. Sau năm trăm năm hoa nở mới được thấy Phật. Do chuyên chí siêng khổ tụng kinh, cho nên được sanh về Tây Phương. Do chậm lụt nên vẫn còn phải thọ thai báo. Nay báo cho các người biết, hãy nên nghĩ đến quả báo sau này mà dốc lòng siêng năng nơi kinh điển, đừng biếng nhác*”. Nói xong liền từ biệt (*theo Linh Thụ Tập*).

### ***\* Lục Thuần ở Ngô Quận***

Lục Thuần là người Ngô Quận, tuy tại gia, tâm thường mộ đạo. Một bộ kinh Pháp Hoa ngày đêm trì tụng. Về sau, ông bỗng bị bệnh, một mực nằm ngửa, mở mắt nhìn lên trần nhà, trọn chẳng tạm nháy mắt. Có vị tăng quen biết đến hỏi: “Ông nằm ngửa để nhìn trần nhà làm gì vậy?” Đáp: “Phật thọ ký Lục Thuần sẽ sanh lên trời Dạ Ma. Nay tôi trông thấy

cung điện, thành khuyết và các thiên chúng trên cõi trời ấy. Vì thế, tôi nay ngấm nhìn chẳng mệt”. Bốn ngày sau, ông mất. Đó là chuyện trong niên hiệu Đại Nghiệp (*theo Linh Thụ Tập*).

**\* *Nghiêm Pháp Hoa ở Dương Châu***

Trong triều đại Đại Tùy, có Nghiêm Cung là người Đan Dương, cả nhà tin tưởng, thường tụng kinh Pháp Hoa. Có lúc, tụng tới phẩm Bảo Tháp, ông bèn buông kinh than thở: “*Trong tháp báu có hai vị Như Lai. Phân thân chư Phật số lượng chẳng ít, vì sao ta nay chẳng thể cảm thấy?*” Ông than thở, cảm khái rất lâu. Tới đêm, mộng thấy một vị Hộ tạng, tự xưng là Pháp Thoát bảo: “*Nếu tụng kinh này, muốn thấy chư Phật, hãy nên giải nói, lưu thông, cúng dường, nguyện ấy có thể thỏa*”. Nhân đó, Nghiêm Cung phát tâm tạo một trăm bộ kinh. Chưa kịp thực hiện, ông bỗng mắc bệnh nặng, bèn phát nguyện tạo thêm một ngàn bộ. Bệnh đã lành, ông liền dựng Tạo Kinh Đường trong nhà mình ở Dương Đô. Dù giấy hay bút [để chép kinh], ắt đều phải tịnh tâm, chẳng được dôi trá, hễ cần liền lo liệu. Thụ sinh [chép kinh] thường có mười mấy người, ông đúng pháp cung cấp. Nghiêm Cung đích thân kiểm giáo [các bản kinh đã chép], dầu nhọc nhằn chẳng than mệt.

Tùng có người vay một vạn đồng từ số tiền tạo kinh. Nghiêm Cung bắt đắc dĩ phải đưa cho. Kẻ đó được tiền, thuyền ra giữa dòng, bỗng thuyền bị lật, tiền mất, người còn. Ngày hôm ấy, ông Cung vào kho, thấy tiền bạc ẩm ướt, khá ngạc nhiên! Về sau, gặp người vay tiền, mới biết ông ta bị chìm thuyền. Một hôm, bỗng có một vị dị tăng khoảng tám mươi tuổi, tự nói: “*Ta từ nước Quy Tư đến, nay sẽ sang núi La Phù, nghe ông tạo kinh, xin thỉnh một bộ*”. Nghiêm Cung trao kinh, tặng tặng một bình vàng nặng bốn mươi lượng, nguyện giúp tạo kinh. Nói xong rời đi. Nghiêm Cung dò theo, chẳng biết vị ấy ở đâu!

Lại có Hầu Chí từ Bà Dương đến, tới hồ Cung Đình gặp trận gió, người cùng thuyền đều chết chìm, chỉ có Hầu Chí còn sống. Có người dẫn ông ta vào miếu, thấy thần nhân cầm gương ngời, hỏi Hầu Chí: “*Có biết ông Nghiêm Cung tạo kinh Pháp Hoa ở Tương Sơn hay không? Ta muốn gởi một vạn đồng để dự vào công đức đó!*” Nói xong, ẩn mất. Ngày kế đó, Hầu Chí tới Dương Đô, bỗng thấy có một người tự nói là họ Hứa đến tìm Hầu Chí, để lại một vạn đồng, ép ông ta nhận lấy rồi đi. Hầu Chí suy nghĩ, mới biết là tiền của thần, liền chở đến Giang Ninh, giao tiền cho Nghiêm Cung.

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

Nghiêm Cung càng vững chí, tạo tới ba ngàn bộ. Lại có người đánh cá trong đêm thấy có ngọn lửa lấp loáng nổi trên mặt sông, bèn lấy thuyền ra đón lấy, thì ra là một rương kinh do ông Nghiêm Cung tạo. Sau đó, ông phát nguyện rằng: “*Không một chữ nào chẳng qua mắt, không chữ nào mà chẳng dụng tâm*”. Do Nghiêm Cung tạo nhiều kinh, con cháu vẫn nối tiếp nghiệp ấy. Cõi đời gọi ông là Cung Pháp Hoa. Cuối đời Tùy, đạo tắc tung hoành, nghe ông tích thiện, đều cùng ước hẹn chẳng vào làng ấy, người làng đều được nhờ! (*xem trong Linh Thụy Tập và Nam Sơn Tam Bảo Cảm Ứng Lục*).

### ***\* Sử Ha Thệ ở kinh đô***

Đời Đường, tại làng Phong Cốc ở phía Tây Nam kinh thành, có Sử Ha Thệ lòng ôm ấp thiện đạo từ bé, giữ khí tiết thanh cao, thường tụng phẩm An Lạc Hạnh của kinh Pháp Hoa chẳng sót thời khắc nào. Ông ôm lòng bi nhẫn, thề chẳng cưới vợ, do kinh dạy thương xót hết thấy, ngậm giữ trong tâm, thanh danh truyền đến tận quan lại đứng đầu địa phương. Ông qua lại giữa kinh thành và quê nhà, tâm luôn ngậm trì tụng, do sợ gặp kẻ quen biết, toàn đi ngõ rẽ. Tới ngày lâm chung, cảm hương lạ ngập nhà. Thân thích, làng xóm đều ngửi thấy. An táng mười năm, vợ ông ta chết, [con cái] bèn chôn chung một chỗ [với cha]. Do vậy, mở quan tài ra xem, thấy lưỡi vẫn tươi hồng. Do vậy, dời đi, chôn ông riêng một chỗ để hiển lộ công hạnh (*theo Pháp Uyển Châu Lâm*).

### ***\* Lý Sơn Long ở Phùng Dục***

Tả Giám Môn Hiệu Úy<sup>324</sup> Lý Sơn Long, người xứ Phùng Dục. Trong niên hiệu Vũ Đức<sup>325</sup> đời Đường bỗng chết đột ngột. Do sờ thấy

---

<sup>324</sup> Tả Giám Môn Vệ là một trong mười sáu vệ tức là các cơ cấu quản lý cấm vệ quân (quân binh bảo vệ hoàng thành và hoàng cung). Tả Giám Môn Vệ và Hữu Giám Môn Vệ có trách nhiệm bảo vệ các cửa cung (nhất là chống lại phản loạn khi họ tấn công vào cung cấm, toan hại vua), nhưng không được quyền điều động quân đội thuộc quyền quan phủ doãn (quan cai trị kinh đô). Đứng đầu mỗi vệ là tướng quân, phó quan gọi là lang tướng. Dưới đó đặt các chức hiệu úy và trực trưởng. Lại còn lập ra các chức trưởng sử, tư mã, lục sự và thương tào tham vận sứ, binh tào tham vận sứ v.v... Hiệu úy trực tiếp cầm quân, huấn luyện quân đội, do vậy, đôi khi có sức ảnh hưởng mạnh hơn các tướng quân và có nhiều thủ hạ trung thành hơn. Chẳng hạn vào thời Đông Hán, khi đại tướng quân Hà Tiến bị hoạn quan mưu sát, các thủ hạ như

tim còn nóng, người nhà không nở an táng. Bảy ngày sau, ông sống lại, nói rằng: “Thoạt đầu bị một sứ giả bắt tới trước điện Diêm Vương, thấy mấy ngàn tù nhân. Vua hỏi Sơn Long rằng: “Người tạo phước nghiệp gì?” Đáp: “Tụng được hai quyển kinh Pháp Hoa”. Vua khen đại thiện, liền sai trái tòa, thỉnh ông tụng kinh. Sơn Long xướng “*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Tự phẩm đệ nhất*”, vua liền bảo thôi. Sơn Long hạ tòa. Nhìn lại, các tù nhân đều bay lên không mà đi. Vương xung tụng do công đức của kinh, khiến cho mọi người đều được giải thoát. Vua liền sai đưa Sơn Long tái sanh. Lại truyền sứ giả dẫn dạo chơi các ngục. Sơn Long thấy một tòa thành sắt cao lớn, phía trên có nhà, chung quanh có nhiều cửa sổ nhỏ. Nam nữ đều bay vào, chẳng thoát ra được nữa! Sơn Long buồn đau, sợ hãi, xưng “*nam-mô Phật*”, xin sứ giả dẫn ra. Lại thấy các chuyện như vạc sôi sùng sục v.v... Sứ giả nói: “Nay ông được thoát, đều là do sức của kinh. Ông trở về hãy nên đãi ăn chúng tôi”. Sơn Long bèn hứa. Đã sống lại, ông thấy thân thuộc đang chuẩn bị đồ liệm, liền sai chuẩn bị đồ ăn đặt bên chỗ có nước để cúng tế. Bỗng thấy ba người đến cảm tạ: “Ông chẳng thất tín”. Nói xong, họ ẩn mất (*theo Thái Bình Quảng Ký*).

### **\* *Lệnh Hồ Nguyên Quỳ ở Long Châu***

Năm Trinh Quán thứ năm (631), Lệnh Hồ Nguyên Quỳ là người huyện Ba Tây thuộc Long Châu, tin tưởng, coi trọng Phật pháp, chép các kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Niết Bàn v.v... Ông sợ phạm sai lầm, bèn cậy Kháng thiên sư kiểm giáo. Kinh chép xong liền mang đến trang trại ở Kỳ Châu. Một hôm, ông đi khỏi, trang trại ấy bị lửa từ bên ngoài cháy lan, trong chốc lát cháy rụi. Nguyên Quỳ trở về than thở khôn xiết. Do vậy, bảo người khác gạt tro, tìm thấy ông đồng bịt vàng, bỗng thấy các kinh còn y nguyên, màu vàng vẫn chẳng thay đổi, nhưng tựa đề Kim Cang Bát Nhã bị cháy đen. Ông bèn tự nói nguyên nhân: Do lúc viết, có một vị quan nhân có thể viết, người ấy do đi gấp, chẳng rảnh để khiết tịnh, mà cầm bút viết ngay. Do vậy bị lửa thiêu. Người ấy hiện thời còn sống, kinh tốt lành cũng còn. Chuyện này do sư Thần Sát chủ chùa Tây Minh tại kinh đô chính mắt trông thấy bèn kể lại (*trích từ Nam Sơn Cảm Thông Lục*).

---

Viên Thiệu, Tào Tháo đã dấy binh báo thù và trở thành các quân phiệt đáng gờm thử ấy.

<sup>325</sup> Vũ Đức là niên hiệu của Đường Cao Tổ (Lý Uyên) từ năm 618-626.

**\* *Đông Hùng ở Hà Đông***

Đông Hùng người Hà Đông. Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường, ông ta làm Đại Lý Thừa<sup>326</sup>, chánh tể, thờ Phật, ăn chay đã nhiều năm. Về sau, do có chuyện, ông cùng với đồng sự Lý Kính Huyền, Vương Hân bị tù đày. Đông Hùng chuyên niệm phẩm Phổ Môn đủ ba ngàn lượt để cầu thoát khỏi. Bỗng một đêm, gông cùm tự rơi rớt, lính coi ngục kinh hoảng. Họ xích lại, niêm phong rồi rời đi. Đông Hùng lại phúng tụng đến khi trống đổ canh năm, xiềng xích lại tự tuột ra. Kính Huyền trọn chẳng tin Phật, tới khi thấy Đông Hùng có chuyện ấy, mới biết Phật pháp linh ứng. Vương Hân cũng niệm tôn hiệu của tám vị Bồ Tát ba vạn lần, cùng với Đông Hùng đều được xá tội (*theo Pháp Uyển Châu Lâm*).

**\* *Viên Chí Thông ở Lũng Thành***

Viên Chí Thông người huyện Lũng Thành. Từ bé, ông đã trai giới, tụng hai kinh Pháp Hoa và Kim Cang. Lúc hai mươi tuổi, bị bắt lính, bị sai đi đánh dẹp tám giặc man, cách nhà vạn dặm. Trên đường, ông trì tụng chẳng dứt. Tới biên cương phía Nam, quân đại bại, phần nhiều bị tổn thương, kinh hoảng không cùng. Bỗng có năm người cuỡi ngựa đi đằng trước, người cuối cùng nói với Chí Thông: “Ông tu thiện quá, tụng niệm kinh văn, chúng tôi thủ hộ những người tốt lành khiến cho họ chẳng thể bị hại. Ông đi thêm chừng bảy dặm, có một tòa tháp, có thể vào núp trong đó. Quân man sẽ trở về doanh trại của họ”. Lại thấy hai vị tăng bảo Chí Thông: “Đàn việt do sức đọc tụng, cho nên vừa sai năm người hộ vệ. Ông hãy nên tinh tấn, sẽ luôn có thiện thần khuông phù, tán trợ”. Nói xong, nương theo hư không bay đi. Ông tự nghĩ mình đã trải qua ba trận, không có tác sứt trong tay. Giặc man bình định, ông được trở về.

Năm Trinh Quán thứ tám (634), ông mắc bệnh qua đời, thấy sứ giả bắt tới trước điện Diêm Vương. Vua hỏi làm thiện hạnh gì? Chí

---

<sup>326</sup> Đại Lý Thừa là chức quan phụ tá cho trưởng quan của Đại Lý Tự. Đại Lý Tự là cơ quan tư pháp, đảm nhiệm việc chấp pháp, xét án, điều tra và xử phạt v.v... Thoạt đầu, đời Tân Hán có quan Đinh Úy, đến đời Bắc Tề đổi thành Đại Lý Tự, người đứng đầu Đại Lý Tự là Đại Lý Tự Khanh, phó quan thì gọi là Thiếu Khanh, và các cấp cộng sự thuộc hạ gọi chung là Thừa.

Thông thừa: “Thường trì hai kinh Pháp Hoa và Kim Cang, trai giới, lễ sám”. Vua nghe nói, chấp tay khen “lành thay”, truy xét xem nguyên nhân giả thật nào khiến cho ông tới đây? Vua tâu lên thiên tào kiểm điểm, vua lại lấy án từ viết rằng: “Người này hãy còn sáu năm tuổi thọ”. Vua sai đem giường vàng, ghế ngọc lên điện, xếp bày mền đệm, thỉnh Chí Thông ngồi trên đó để tụng kinh, mỗi kinh vừa hết một quyển liền thôi. Vua sai người giữ sổ sách đem sổ ghi công đức tới, thấy trong đó viết: “*Chí Thông tụng Pháp Hoa và Kim Cang mỗi thứ một vạn lượt*”. Lễ Phật, trai sám đều ghi rõ từng điều trong ấy. Vua nói: “Đức nghiệp của ông quá sâu, hãy nên cho xem địa ngục để biết tội phước chẳng sai!” Sai người dẫn ông đi về phía Tây chừng năm dặm, thấy một tòa thành lớn, lầu canh chen chúc, lưới sắt buông phủ. Trong cửa có ngục tốt, thân hình cao lớn, tay cầm chìa sắt, đứng ở hai bên. Chó bằng đồng ở ngay trước cửa, phun nước đồng sôi thiêu đốt tội nhân. Mười tám địa ngục đều ở trong đó. Chí Thông trông thấy run sợ, lại đến chỗ vua. Vua bảo: “Ông thấy địa ngục, càng phải nên siêng tu. Vì thế, nay tôi xin cho ông được sống thọ”. Chí Thông sống lại, thuật chuyện như trên (*theo Linh Thụ Tập*).

### **\* Mộ Dung Văn Sách ở Tân Châu**

Trong niên hiệu Đại Nghiệp, tại Tân Châu có Mộ Dung Văn Sách tụng kinh Pháp Hoa và Kim Cang suốt ngày đêm không ngớt. Một hôm, bỗng có hai người cầm một tờ văn thiếp cho xem nói: “Diêm La đại vương sai tới bắt ông, ông hãy đi ngay”. Văn Sách kinh sợ, theo sứ giả tới một tòa thành lớn, có sáu tầng tường vây, cửa nẻo hắc ám. Bước vào, liền thấy cung điện, có Diêm Vương đang ngồi, bộ hạ hộ vệ oai nghiêm. Phía dưới có nam nữ thuộc các nước, hình dáng khác biệt. Mỗi người đều được gọi tên, tới Văn Sách, vua hỏi có hạnh nghiệp gì? Văn Sách thưa các chuyện có thể thực hiện như tụng kinh Kim Cang, Pháp Hoa, trai giới v.v... Vua chấp tay, sai tra sổ sách, bảo: “Chưa đáng chết!” Vua phán đưa về. Văn Sách đi về phía Tây chẳng biết đường nẻo, bỗng gặp một vị sa-di nói: “Ông có thể đi theo tôi”. Qua khỏi sáu tầng cửa, gặp chỗ hắc ám, sa-di tay cầm bó đuốc sáng [soi đường]. Ông liền được thoát ra, sống lại. Do vậy, Văn Sách tụng niệm chuyên ròng, siêng gắng (*theo Linh Thụ Tập*).

### **\* Người cùi ở Giáng Châu**

Đời Đường, tại chùa Hãm Tuyền thuộc Cô Sơn, Giáng Châu, có thiền sư Pháp Triệt. Sư đi trong núi, thấy một người cùi ở trong huyệt đất xin Sư thức ăn. Sư thương xót, dẫn về sống trong chùa, vẫn đào huyệt đất cho người ấy ở, trao cho cơm áo, căn dặn người ấy tụng kinh Pháp Hoa. Kẻ ấy hoàn toàn chẳng biết chữ, đã thế còn dốt nát. Sư dạy từng câu một, trọn chẳng nề hà mệt nhọc. Sư dạy được một nửa, người ấy bỗng mộng thấy được một vị tăng chỉ dạy. Từ đó về sau, dần dần thông huệ. Tới quyển thứ năm, thứ sáu, lở loét trên thân dần dần lành. Khi thông thuộc cả bộ kinh, toàn thân lành bệnh. Đức Phật nói kinh là thuốc lành chữa bệnh tật, lời ấy đã được chứng nghiệm (*theo Linh Thụ Tập*).

**\* Cao Văn ở kinh đô**

Trong niên hiệu Long Sóc<sup>327</sup>, tại kinh đô có Cao Văn là cháu nội của Cao Biều Nhân<sup>328</sup>, từng đọc kinh Pháp Hoa. Một hôm, anh ta cưỡi ngựa ra ngoài cửa Thuận Nghĩa, bỗng thấy hai kỵ sĩ đuổi theo. Hỏi han thì họ nói: “Ta là sứ giả của Diêm Vương đến bắt ngươi!” Cao Văn kinh hoảng, trốn tránh đều chẳng khỏi, liền bị họ túm xuống ngựa, lông tuột đầu tóc giống như dao cắt. Người nhà cáng về, tới khi sống lại, bèn nói: “Diêm Vương hỏi ta vì sao ăn trộm trái cây của tăng? Vì sao kể lỗi Tam Bảo? Bèn theo đúng pháp chịu tội, chẳng dám thốt lời. Vua phán tội trộm trái cây đáng nuốt bốn trăm năm mươi viên sắt, chịu phạt trong bốn năm. Cái tội kể lỗi đáng bị cày lưỡi. Sau đó, sai thả ra, bèn sống lại”. Được ít lâu sau, Cao Văn lại chết ngất, miệng như nuốt vật, toàn thân đỏ au, có tướng trạng khổ sở. Lại trải qua một ngày mới tỉnh lại, nói: “Ta trải qua bốn ngày trong địa ngục, nuốt hết hòn sắt, khổ sở chẳng thể nói nổi! [Quý sứ] vừa mới muốn kéo lưỡi ra cày, nhưng kéo không ra, tra hồ sơ thì nguyên nhân là do từng đọc kinh Pháp Hoa, cho nên chẳng thể lôi lưỡi ra được, bèn thả cho sống lại”. Nay thấy ông ta đang ở chùa Hóa Độ, nghe pháp, sám hối nơi pháp sư Viên Mãn (*theo Nam Sơn Tam Bảo Cảm Thông Lục*).

---

<sup>327</sup> Long Sóc là niên hiệu của Đường Cao Tông (Lý Trị) từ năm 661 đến năm 663.

<sup>328</sup> Cao Biều Nhân là con trai thứ ba của Cao Huýnh (Thượng Thư Tả Bộc Xạ đời Tùy), được phong làm Bột Hải Quận Công. Tới nhà Đường, ông làm Thứ Sử Tân Châu, từng phụng mạng đi sứ Nhật Bản.

**\* Tiêu Khanh và tỳ nữ Tố Ngọc**

Trong năm Long Sóc thứ ba (663), có vợ chồng Tư Nguyên Thiệu Thường Bá Thôi Nghĩa Khởi chẳng tin Phật pháp cho lắm! Cha vợ của ông ta là Tiêu Khanh, rượu thịt chẳng cho vào cửa, chuyên tụng Pháp Hoa, Bát Nhã mấy ngàn lượt. Một hôm, vợ ông ta (vợ Thôi Nghĩa Khởi) chết, ông vì bà ta tu phước ba thất. Cúng chay xong, bà ta nhập vào cô tở gái tên Tố Ngọc nói: “Lúc sống, tôi tuy nghe nói đến địa ngục nhưng chẳng tin, nay chịu khổ chẳng thể nói được! Do các vị vì tôi tụng kinh, thấp đèn, bèn được tạm trở về. Mấy ngày nữa, tôi sẽ đến dẫn Tố Ngọc tới cõi âm”. Tới kỳ, quả nhiên Tố Ngọc chết đột ngột. Cô ta bỗng thấy một tòa quan phủ to lớn. Phu nhân vào biệt viện. Trong chốc lát, vạc lửa, giường sắt đều kéo tới, phu nhân hứng chịu các sự khổ sở. Bỗng nhiên, Tố Ngọc thấy cha bà ta là Tiêu Khanh ngồi trên đài hoa sen, bảo Tố Ngọc rằng: “Con gái ta lúc sống chẳng nghe lời ta, chẳng tin thiện ác, thường có nhiều sân hận, đố kỵ, nay chịu nỗi khổ này. Người trở về, hãy nên bảo con cái cô ta làm các công đức để cô ta được giải thoát”. Lúc bấy giờ, [Tố Ngọc] lại thấy một vị tăng Bà La Môn từ không trung hạ xuống, dạy Tố Ngọc tụng kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Dược Sư, mỗi thứ một biến, hoàn toàn dùng tiếng Phạm để tụng. Tố Ngọc hoàn toàn hiểu ngôn âm. Như thế suốt ba ngày, Tố Ngọc mới sống lại, thuật căn kẽ chuyện trên đây. Khi đó, có Tiết tướng quân nghe chuyện, bèn kính trọng, sắp đặt cỗ chay mời Tố Ngọc, bảo cô hãy thử niệm các kinh ấy. Cô ta liền lên tòa tụng niệm, chẳng sót chữ nào. Một vị Phạm tăng hiện diện tại đó, chấp tay tán thán: “Giống hệt như tại Tây Vực, ngữ âm chẳng khác”. Toàn thể đại chúng kinh ngạc. Ông Tiết bèn tâu lên thiên tử, thiên tử tán thán: “Trong bá quan cũng có người chẳng tin Phật pháp, [thế mà] cõi âm như thế đó, há chẳng sợ hãi ư?” Quý nhân trong triều nghe nói, đều sanh chánh tín (*theo Cảm Thông Lục*).

**\* Ưu-bà-tắc ở Phủ Châu**

Tại Phủ Châu có chùa Hoa Tạng cách huyện về phía Nam bảy mươi bước. Xưa kia, trong thời Lý Đường, chùa có tên là Quang Độ Tự. Vì đời Đường có ưu-bà-tắc chuyên tụng kinh Pháp Hoa tại đây. Một hôm, ông đột nhiên thấy một cụ già nói: “Thất Lang Quân ở Đàm Pha



(miếu thờ Đám Pha Thất Lang Quân có chép trong tự điển<sup>329</sup> của quận ấy) bảo rằng: Xin hãy ngưng trì tụng chốc lát để mượn đường đi qua. Trong ngày hôm nay, sẽ kiến tạo tinh xá”. Chiều hôm ấy, sấm sét, mưa gió ồ ạt, khi trời quang tạnh, bỗng thấy kèo, xà, cột, chất chồng phía trên. Sau này, vị ưu-bà-tắc ấy quy tịch, được dựng tháp thờ toàn thân ở phía Nam chùa. Tới niên hiệu Tường Phù<sup>330</sup> thuộc bốn triều, trong tháp bỗng sanh bảy đóa hoa sen, cả quận đều lấy làm lạ. Thái Thú đích thân lên, [vua truyền] sửa biển đề theo tên được ban hiện thời (*theo Phủ Châu Đồ Kinh*).

**\* Trương Bình ở Ký Châu**

Trương Bình cai trị Ký Châu. Một hôm, có gã trộm cướp bóc tài vật của dân, lại gian dâm con gái của họ. Cha mẹ tố cáo, ông tức giận, sai bày giàn đóng đinh tên cướp ở cửa [công đường]. Ba ngày sau, sai người băm vụn hắn. Mọi người bàn tán [ông làm như vậy] khiến dân chúng thỏa dạ. Mấy năm sau, ông bỗng bị bắt tới âm phủ, nghe trên điện, sau rèm châu có tiếng quát vang: “Trương Bình sao dám phi pháp sát hại mạng người?” [Quý sứ] dẫn ông đến trước ngục để đối chất, ông liền thấy một tù nhân máu thịt đầm đìa, khóc rằng: “Mày phi pháp giết tao, nay tao không có chỗ thọ sanh”! Ông mới nhớ đó là gã giặc ở Ký Châu, liền mắng nhiếc: “Dẫu giết vạn cái thân của mày cũng chẳng đủ rửa nhục cho cha mẹ của họ, mày còn dám tố cáo ư?” Có một viên nha lại bên cạnh nói: “Ngũ hình<sup>331</sup> đều có thường diễn, cũng chẳng trách bị thua

---

<sup>329</sup> Tự điển (祀典): Sách ghi chép các vị thần thánh được sắc phong, tức là các vị thần được coi là chánh thần được công nhận, có thần phủ đằng hoàng, và những vị thượng đẳng thần còn được quan viên địa phương chủ trì tế lễ (Tự (祀) ở đây có nghĩa là “thờ cúng”). Những thần thánh không được ghi tên vào tự điển của châu huyện, sẽ gọi là tà thần, hay dâm thần (hiểu theo ý nghĩa là vị thần bậy bạ, vớ vẩn, do quý mi nương vào, không phải là thần thánh công chánh).

<sup>330</sup> Tường Phù gọi đủ là Đại Trung Tường Phù là niên hiệu thứ ba của Tống Chân Tông, sử dụng từ năm 1008 đến năm 1016.

<sup>331</sup> Ngũ Hình là năm loại hình phạt nhằm trừng trị kẻ phạm tội thời cổ, theo thời điểm mà hơi khác nhau:

- Thời Tiên Tần (trước khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Nguyên), ngũ hình là Mặc (墨, còn gọi là Kinh (黥), tức là xăm chữ vào trán hoặc mặt tội nhân), Ty (劓, cắt mũi), Nguyệt (劓, hoặc tẩn (膑), chặt một chân, hai chân, hoặc phá vỡ xương bánh chè), Cung (宮, còn gọi là dâm hình (淫刑), hủ hình (腐刑), tằm thất hình (蠶室刑), tức

kiện vậy!”<sup>332</sup> Ông nhìn lại thì ra đó là một thuộc hạ khi ông giữ chức ở Hà Dương. Ông hỏi: “Nên làm như thế nào?” Viên nha lại đáp: “May là tuổi thọ của ông chưa hết, chỉ cần khiến cho nó thọ sanh là được rồi!” Ông bối rối, hỏi viên nha lại cách thực hiện. Viên nha lại nói: “Công đức chuyển đời to lớn không gì bằng kinh Diệu Pháp Liên Hoa”. Ông liền hứa tụng một trăm bộ; tăng thêm đến một ngàn bộ, gã tù nhân đó vẫn chẳng buông tha. Viên nha lại nói: “Chẳng cần nhiều như vậy. Chỉ cốt sao [trì niệm] lâu dài, sao bằng mỗi ngày trì một bộ, cho đến hết đời chẳng bỏ ư?” Trương Bình bằng lòng làm theo lời đó, gã tù nhân bỗng được thả đi. Trương Bình đã sống lại, liền suốt đời chẳng quên trì tụng! (theo Nhạo Thiện Tập).

### \* Vô Vi Quân Lý Ngô

Năm Thiệu Hưng 28 (1158), Vô Vi Quân Chỉ Huy Sứ Lý Ngô đón tiếp vị quận thái thú<sup>333</sup> mới ở phía Tây thành. Đã đi hơn mười dặm, nghe thái thú còn ở xa, ông liền trở về nhà. Bỗng nhiên thấy khoảng một trăm người từ bên cạnh đường xuất hiện, đều như những đứa trẻ dăm ba tuổi,

---

là thiên), Đại Tịch (大辟, tử hình, lại chia thành chém, đâm cho chết, thắt cổ, chôn xuống hố cho chết, dùng ngựa hay xe kéo phanh thây, lăng trì, luộc trong vạc dầu...) - Từ thời Hán trở đi, ngũ hình là Xuy (笞, dùng roi nhỏ đánh vào mông, nặng nhất là năm mươi roi), Trượng (杖, dùng gậy thô to đánh vào mông, nặng nhất là 100 trượng. Tội nhân sau khi bị phạt trượng thường tan xương, nát thịt, tàn tật suốt đời), Đồ (杖, bắt làm lao dịch. Tội đồ thường bị phạt trượng trước khi làm lao dịch), Lưu (流, đi đày đến biên cương, không cho trở về quê nhà. Đi xa nhất là 3.000 dặm, còn bị phạt 100 trượng trước khi đi đày. Luật nhà Tống cho phép dùng tiền để khỏi bị phạt trượng), Tử (死, phạt chết).

Hình phạt dành cho nữ giới thì khác, nhưng cũng tàn nhẫn không kém, chẳng hạn như tẩn hình là dùng nhiều thanh gỗ xâu dây kẹp nát ngón tay để tra khảo.

<sup>332</sup> Câu này do hơi tối nghĩa nên xin diễn giải thêm: Để quy định xử phạt thì phải tuân theo mức độ quy định của pháp điển (luật lệ của quốc gia). Gã đó tuy đáng tội chết, nhưng ông xử phạt quá nghiêm khắc (bấm vụn hấn ra), cho nên hấn mới có dịp tố cáo trong cõi âm.

<sup>333</sup> Chỉ Huy Sứ là người đứng đầu quân đội tại một địa phương. Ở đây Vô Vi Quân là quân đội địa phương đóng tại lý sở thuộc Lô Châu thời ấy, bao gồm Sào Huyện, Lô Huyện và Giang Huyện. Quan thái thú đứng đầu một quận, nên gọi là quận thái thú. Quận và huyện tại Trung Hoa rất lớn, chẳng hạn cả miền Bắc nước ta cho đến vùng Thanh Nghệ thời Bắc Thuộc chỉ được gọi là Giao Chỉ Quận.

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

hồ to xông tới trước mặt, hợp lại công kích. Thoạt đầu, ông Lý chẳng sợ cùng chúng nó đấu sức. Mỗi nắm đấm vung ra, ắt có mười mấy đũa ngã lăn xuống đất. Chúng nó vừa ngã liền đứng dậy, đã tan tác rồi liền hợp lại. Như thế bốn lượt, có đũa hăm hờ treo lên vai, giựt khăn, nắm tóc. Ông Lý càng quẫn bách, chẳng thể chạy thoát được. Chúng nó vừa tấn công vừa lôi ông lên trước. Bỗng có một cụ già áo vải, giày cỏ, chẳng biết từ đâu đến, lớn tiếng quát rằng: “Vị quan nhân này thường trì kinh Pháp Hoa. Nếu tổn thương ông ta, há chẳng phiền lụy ta ư?” Cụ quát bảo chúng nó lui ra, quỳ liền tan mất, cụ già cũng chẳng thấy đâu nữa! Ông Lý trở về tới cửa thành, không thể đi nổi nữa. Người giữ cửa nâng trở về. Tới nhà, ông hôn mê bất tỉnh. Các con cởi áo nhìn xem, chỉ thấy vết bầm xanh khắp thân, liền chiêu hồn ở chỗ ấy, thỉnh tăng tụng kinh Pháp Hoa. Hơn nửa năm, ông mới có thể chống gậy đi lại, ông ngờ cụ già là thổ thần (*theo Di Kiên Đình Chí*).

### ***\* Tả Thân ở Thai Châu***

Tả Thân là người Lâm Hải thuộc Thai Châu. Tánh tình khiêm cung, ngay thẳng. Ông luôn giữ thái độ chẳng nhận của phi nghĩa dầu mấy may. Chưa đến tuổi trưởng thành, ông đã thọ Bồ Tát Giới từ pháp sư Thần Chiêu ở Đông Dịch. Từ đó, giữ vững, ngoài lúc thọ trai vào buổi trưa ra, dầu thuốc thang cũng không uống. Ông cho khắc tượng Tây Phương Tam Thánh, chuyên cần hương đèn, tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn bốn trăm bộ, kinh Kim Cang Bát Nhã hai vạn lần, dựng cầu, đắp đường, cứu trợ kẻ cô độc, túng thiếu. Năm Thiệu Thánh thứ ba (1096), ông ngã bệnh, vẫn gắng ngồi dậy lớn tiếng niệm Phật, căn dặn người thân cận, bảo con thỉnh vị tăng Tịnh Viên giảng Pháp Hoa đại nghĩa, lại còn thọ thêm giới pháp. Ông liền mộng thấy ba người vẻ mặt tươi nhuận, tinh sạch, đứng trên bờ sông, rủ ông lên thuyền, chớp mắt đi về phương Tây. Ông tỉnh giấc, liền thỉnh tăng phúng tụng kinh Di Đà. Chưa tụng xong, bèn nói: “*Ta đã thấy Phật quang, ắt sanh về Tịnh Độ*”. Ông bèn chồm dậy tắm rửa, thay áo, dặn dò đừng khóc, rồi xưng Phật hiệu, kết ấn, vui sướng qua đời (*theo Bảo Châu Tập*).

### ***\* Phạm Nghiễm tại phủ Lâm An***

Phạm Nghiễm người huyện Nhân Hòa. Ông thường ăn chay, chẳng dính líu chuyện đời. Con ông chẳng thể duy trì gia nghiệp, ông

chẳng màng tới, chỉ nói: “Ta là khách trọ mà thôi!” Do vậy, ông hằng ngày đọc kinh Pháp Hoa, chuyên tâm chẳng lười nhác. Lại còn biên chép một bộ kinh ấy. Trong niên hiệu Đại Quán, ông đã hơn bảy mươi tuổi, bỗng gọi cháu là Từ Khả bảo: “Cháu hãy nên vì ta lo liệu hậu sự. Ta chỉ sống đôi ba ngày nữa thôi”. Kế đó, Từ Khả nghe ông Phạm Nghiễm ở trong Phật đường lớn tiếng gọi Phổ Hiền Bồ Tát, vâng dạ mấy lượt, phần nhiều nói hai chữ “*cố thị*” (cố nhiên là như thế). Từ Khả hỏi han, ông đáp: “*Ta thấy Phổ Hiền Bồ Tát cười voi trắng sáu ngà, quang minh soi vào ta, thuần là kim sắc, cho biết: Do ta xem kinh Pháp Hoa, niệm Phật Di Đà, được sanh về Tịnh Độ. Cho nên Ngài đến báo cho biết, giờ Mão ngày mai, ta sẽ ra đi, Ngài và đức Phật sẽ cùng đến tiếp dẫn. Kể từ đây, ta vâng dạ*”. Tới lúc đó, ông Nghiễm liền niệm Phật, Bồ Tát, trông thấy thánh chúng xòe tay, tự nói: “*Nghiễm là người như thế nào mà được Phật, Bồ Tát tiếp dẫn?*” Ông nói liên tiếp: “*Thật là ngại quá*” rồi ngời chấp tay, nhắm mắt qua đời (*theo Bảo Châu Tập*).

### **\* Triều Đãi Ché ở Tung Sơn**

Vào thời Tống Huy Tông, ông Triều Thuyết Chi giữ chức Trung Thư Đãi Ché, tên tự là Dĩ Đạo, là cháu bốn đời của Văn Nguyên Công (Triều Quýnh)<sup>334</sup>. Văn Nguyên Công giữ tước Thái Tử Thiếu Phó, về dưỡng lão tại Thanh Phong, tâm vui hưởng cảnh nhàn, quy hướng Phật Thừa. Ông soạn bia Pháp Tạng, có Kim Đạo Viện Tập được lưu hành trong cõi đời. Ông hiểu lý màu nhiệm, cốt lõi của Nho và Mặc. Triều Đãi Ché do sẵn có gia học, xem khắp các kinh sách nhà Phật. Do làm quan mà tới Tứ Minh, dự vào hàng ngũ môn đệ của pháp sư Diên Khánh Minh Trí, đạt được chỗ sâu thẳm trong giáo nghĩa Thiên Thai. Tông Hiếu từng đọc mấy bài trong bộ Tung Sơn Tập của ông diễn giảng cặn kẽ các pháp như cảnh quán nhất niệm tam thiên v.v... Xét bản lãnh của

---

<sup>334</sup> Triều Quýnh (960-1126) người xứ Thanh Phong thuộc Thiên Châu. Ông đỗ tiến sĩ năm 980, được bổ làm Thái Thường Thừa, được nâng lên Tri Ché Cáo thời Tống Chân Tông, rồi được cử vào Hàn Lâm Viện, sau đó được thăng làm Tri Thẩm Quan Viện, Hàn Lâm Học Sĩ Thừa Chỉ. Ông được vua tín nhiệm, cử làm Công Bộ Thượng Thư rồi Lễ Bộ Thượng Thư, gia phong hàm Thái Tử Thiếu Phó. Khi ông mất, được ban thụy hiệu là Văn Nguyên Công. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Pháp Tạng Túy Kim Lục (tổng hợp những hiểu biết của ông về Phật học) và Chiêu Đức Tân Biên (ghi nhận những suy nghĩ của ông về đạo bình trị, khuyên mọi người sống đức hạnh).

ông, nếu chẳng có Lương Kính Chi<sup>335</sup> tái thế, không ai có thể sánh bằng ông được. Cháu nội của ông tên là Tử Kiện, có bài ký viết: “*Ông nội tôi học giáo pháp của ngài Thiên Thai Trí Giả, hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa, có đạo hiệu là Thiên Thai Giáo Tăng. Lại còn được gọi là Lão Pháp Hoa*”. Nhìn vào những điều được nói, đủ biết ông đã thọ dụng Phật thừa viên diệu, uẩn tàng chẳng cạn vậy!

**\* Lục Lang Trung tại Minh Châu**

Lục Nguyên Đạo hiệu là Tinh Am cư sĩ, sống tại Hoàn Khê thuộc Minh Châu, là cháu nội của Văn Chương Tả Thừa Tướng Lục Điền. Ông làm quan tới chức Hình Bộ Đô Quan Lang Trung<sup>336</sup>, đảm nhiệm chức Đề Cử tại Phước Kiến. Do tang mẹ nên về quê. Do va chạm lời nói với Trịnh Hưng Duệ, bèn xin từ quan, về nhà. Khách đến, ông ắt chấp tay nói: “Tôi cùng ông Trịnh chẳng có hiềm khích; đây là cừu oán nhiều đời. Nếu tâm này chẳng quên, ắt đôi bên sẽ ăn miếng trả miếng chẳng có lúc nào dứt. Tôi kính cần dùng thiện pháp để giải trừ”. Ông bèn dốc chí trì kinh Pháp Hoa. Mỗi sáng, ông thức dậy tắm gội, thay quần áo, vào tịnh thất, dâng hương, ngồi xếp bằng, mắt chẳng nhắm. Trước hết, xướng kệ rằng: “*Quán thủ thanh thân bối điệp khai, bất cầu chư phước, bất nhương tai. Thế duyên đoạn xir từng tha đoạn, kiếp hỏa quang trung vũ nhất hồi*” (Sáng dậy rửa tay để tụng kinh, chẳng cầu được phước, giải tai ương. Duyên đời nên đoạn đều nên đoạn, kiếp hỏa sáng lòà múa một hồi). Sau đó, ông mở quyển kinh ra tụng đọc, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp, tiếng tụng như chuỗi ngọc. Mỗi ngày, ông tụng một biến suốt ba mươi năm. Tới tuổi tám mươi, bèn tăng thành ba bộ.

Nhìn vào thơ phú của ông, sẽ thấy được ý ông; chẳng hạn như thơ ông có câu “*thanh thân tam độ đáo Linh Sơn*” (sáng sớm ba lượt đến Linh Sơn). Ông dùng giấy mực vẽ [cảnh pháp hội Linh Sơn] gồm một trăm bức, tạo thành một bức vẽ lớn, con ông tích lại thành một quyển to.

---

<sup>335</sup> Cư sĩ Lương Kính Chi (751-793), tên thật là Tiêu, Kính Chi là tên tự, người huyện Định Tây, tỉnh Cam Túc. Ông làm quan đến chức Hàn Lâm Học Sĩ, kiêm Hữu Bộc Khuyết (đảm nhiệm việc can gián vua, tiến cử hiền tài). Ông theo học Thiên Thai Chỉ Quán với ngài Kinh Khê Trạng Nhiên, đạt được tâm yếu, từng biên soạn các bộ Thiên Thai Chỉ Quán (sáu quyển) và Chỉ Quán Thống Lệ được đánh giá rất cao.

<sup>336</sup> Đô Quan Ty là một cơ cấu trực thuộc Hình Bộ, chuyên đặc trách xét án (điều tra và tái thẩm nếu có nghi vấn), đồng thời giám sát các trại giam. Khi gặp chiến sự, sẽ giúp sức cho việc quân sự. Đô Quan Lang Trung là người đứng đầu cơ quan này.

Tính chung số lượt tụng kinh là chín ngàn bốn trăm tám mươi lăm lần. Tính số quyển thì là sáu vạn sáu ngàn ba trăm chín mươi lăm quyển. Lúc rảnh rỗi, ông lại đọc Tỳ Lô Đại Tạng<sup>337</sup>. Phàm giáo nghĩa Thiên Thai, Luật Bộ, Thiếu Lâm tâm tông (Thiền Tông), không gì chẳng tham cứu rộng rãi. Ông lại tụng Phật hiệu Di Đà, một dạ về Tây. Năm Thiệu Hy thứ năm (1194), ông đã tám mươi lăm tuổi. Ngày mùng Sáu tháng Tư, ông đòi nước nóng để tắm gội, đội mũ, mặc áo chỉnh tề, liền nằm qua đời. Tới khi nhập liệm, [người nhà] bỗng ngửi thấy mùi hoa sen ngào ngạt, chẳng biết từ đâu đến. Tới khi dậy nắp quan tài, mới biết hơi thơm ấy phun ra từ miệng và mũi [của ông]. Khi đó, nữ nhân đa số chẳng ngửi thấy mùi hương, há có phải là do ngũ chướng ngăn lấp đó chăng? Em trai ông là Hoa Văn Các Học Sĩ<sup>338</sup> Lục Du soạn mộ chí cho ông, có nói cặn kẽ chuyện ấy.

**\* *Đỗ Tín ở Minh Châu***

Tại cuộc đất tên là Quán Giang thuộc làng Tường Phụng, huyện Ngân, có Đỗ Tín kết Bội Phục Xã để tụng kinh Pháp Hoa. Ông dành ra hai gian nhà để làm chỗ cho đại chúng tụ tập. Về sau, có một gã không ra gì họ Uất Trì sống ở đó, bèn phé bỏ chỗ ấy, biến thành chỗ giết chóc, nấu nướng. Năm Càn Đạo thứ tám (1172), mưa Thu khiến cho nước lụt dâng trào. Đỗ Tín ở gần suối, tuy nhà cao năm tầng vẫn bị lũ cuốn trôi, đất đá cũng chẳng còn. Kinh của ông ta tụng theo sóng trôi đi mười mấy

---

<sup>337</sup> Tỳ Lô Đại Tạng là Đại Tạng Kinh được khắc bởi chùa Khai Nguyên thuộc núi Đông Chi, huyện Mân của Phước Châu (Phước Kiến). Công cuộc khắc kinh này do các vị tăng như Bồn Minh, Bồn Ngộ, Hành Sùng v.v... phát khởi, và các vị cư sĩ tại địa phương như Sái Tuấn Thần, Trần Tuân, Trần Tĩnh, Lưu Tiệm v.v... tán trợ, khởi công từ năm Chánh Hòa thứ hai (1112) cho đến năm Thiệu Hưng 21 (1151), tức là mất 39 năm mới hoàn tất (công cuộc bị gián đoạn do quân Kim xâm lăng Bắc Tống). Kinh được chia thành 595 hòm, gồm 1.451 bộ, 6.132 quyển. Do quyển đầu tiên của tạng kinh này có đề "*Phước Châu Quán Nội chúng tăng ký Khai Nguyên thiên tự điều tạo Tỳ Lô Giá Na Đại Tạng Kinh ấn bản nhất phó ngữ bách dư hàm*" (Các vị tăng thuộc Phước Châu gởi thân nơi Khai Nguyên thiên tự khắc tạo bản in Tỳ Lô Giá Na Đại Tạng Kinh gồm hơn năm trăm hòm kinh), cho nên bản này được gọi là Tỳ Lô Đại Tạng.

<sup>338</sup> Hoa Văn Các là một ngôi lầu gác được thiết lập vào năm Khánh Nguyên thứ hai (1196) bởi Tống Ninh Tông (Triệu Khoách) để tàng trữ các tác phẩm ngự chế của ông nội là Tống Hiếu Tông (Triệu Thận). Vua cho đặt ra các chức quan Học Sĩ, Trục Học Sĩ, Đãi Chế, Trục Các v.v... để quản thủ, biên tập.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

dặm, ngừng ở bãi đất hoang thuộc Nam Hải. Ba bốn ngày sau nước rút, có người họ Kim ở Quán Sơn nhặt được. Thoạt đầu mở gói ra xem, thấy lầy nhầy nước bùn. Kế đó, mở kinh ra xem, trong ngoài thanh tịnh chẳng có một tí ướt át nào. Vĩ đại thay! Phật nói đọc tụng kinh này nước chẳng thể trôi; nhìn vào chuyện tốt lành kỳ lạ này, quả thật là phù hợp! Trong đời có gã ma hủy kinh Phật, chúng nó có biết là “có chỗ chẳng thể diệt tuyệt” như thế hay chẳng?

### *\* Ngô Chấn ở Minh Châu*

Tại huyện Từ Khê, có Phụng Công Ngô Chấn, tâm chú trọng thiện đạo. Ông từng dùng mực tự chép một bộ kinh Pháp Hoa, đọc tụng chẳng sơ sót. Ngày Hai Mươi tháng Sáu năm Nhâm Dần trong niên hiệu Thiệu Hy<sup>339</sup> [nhà ông] bị hỏa hoạn, mọi người vội vàng chữa lửa, đồ đạc bị thất tán. Sau cơn hỏa hoạn, ông nghĩ tới kinh ấy. Hôm sau, mới tìm được ở nhà hàng xóm, hiềm rằng đã mất quyển thứ tư. Ông biết là bị lửa đốt. Bảy ngày sau, con trai ông là Hưng Tông lật ngói gạch tìm kiếm, thấy kinh ấy nghiễm nhiên dưới đó, chỉ có phần đầu quyển hơi bị tổn hoại đôi chút. Tứ chúng trông thấy đều than thở là lạ lùng. Kinh ấy được con cháu ông trân quý, gìn giữ. Một hôm, thiền sư Nhật Chiêu do nhận lời mời, đi qua chỗ ấy, bèn xin đến thăm. Do vậy, họ xin Sư lưu lại một bài tụng, [Sư viết]: “*Cư sĩ Tứ Nhất ở Diên Lăng bảm tánh tinh thuần, chuyên dốc, nguyện lực vững chắc, đích thân chép kinh Liên Hoa, gặp hỏa hoạn chẳng hoại. Do vậy, đề bài kệ quê kệch để chứng minh như sau: “Kiếp hỏa trung tồn thất quyển kinh, duy bằng nhất niệm khế thiên chân, đảnh kim huy cổ hồn vô biến, tận thị Linh Sơn hội thượng nhân”* (Kiếp hỏa riêng còn bảy quyển kinh, chỉ nhờ một niệm khế thiên chân, sáng rực xưa nay không biến đổi, Linh Sơn toàn bậc thượng thiện nhân). Chuyết Am Đức Quang chùa A Dục Vương viết”.

### *\* Trần Thế Nhân ở Minh Châu*

---

<sup>339</sup> Có lẽ ở đây bị chép sai, vì trong niên hiệu Thiệu Hy (1190-1194), tức niên hiệu của Tống Quang Tông (Triệu Đôn) chỉ có Giáp Dần (1194) hoặc Nhâm Tý (1192).

Trong niên hiệu Thiệu Hy, phía sau Tuần Kiểm Ty<sup>340</sup> ở ngoài cửa Tây của Minh Châu, có Trần Thế Nhân, đêm mộng thấy một dị nhân, mũ xiêm hùng vĩ tựa như bậc vương giả, gọi Thế Nhân bảo: “Ta có bảy viên minh châu ban cho ngươi”. Thế Nhân thưa: “Nhà tôi thô hèn, chẳng dám tham nhận lấy”. Vị vua ấy nói: “Châu này là của báu vô giá. Ta đã cho ngươi, ngươi chỉ nên nhận lãnh”. Thế Nhân bèn ký tên, ôm về đặt trên bàn, bỗng dung [các viên châu] tỏa ra quang minh to lớn, người nhà không ai chẳng hoan hỷ. Ông tỉnh mộng, suy nghĩ, tuy chẳng biết nguyên do, nhưng trong tâm luôn cho là tướng lành. Sáng ra bỗng một người bạn thân đến cửa, khuyên nhủ hãy tụng kinh Pháp Hoa. Ông liền phát tâm dự hội [tụng kinh Pháp Hoa ấy]. Ghi tên xong, bỗng nhớ đến bảy viên châu và vị vua trong giấc mộng, đó chẳng phải là đấng pháp vương ban cho ta bảy quyển kinh Pháp Hoa đó ư? Tâm thần cảm vờ như thế đó. Người truyền dạy kinh là Tạ Văn Bản. Do giấc mộng ấy, thuận duyên phù hợp, bèn được làm tăng, tới nay vẫn còn. Khi đó, nhiều người dùng kệ tán thán, pháp sư Từ Thất Diệu Vân chùa Diên Khánh nói: “*Đắc châu thất khóa mộng phân minh, thiên hiệu phùng nhân khuyến tụng kinh, vị động xỉ nha tiên cảm ứng, phương tri diệu pháp bốn viên thành*” (Được châu bảy hạt mộng phân minh, sáng ra gặp bạn khuyến tụng kinh, chưa động môi răng đã cảm ứng, mới hay diệu pháp bốn viên thành). Vị thiền sư đã xin thôi làm trụ trì của chùa Báo Ân là Huệ Anh nói: “*Mộng lý minh châu thất khóa viên, toàn cai diệu pháp phi tâm truyền. Chỉ kim hội đắc cá trung ý, tận tại xuân phong bách thảo biên*” (Minh châu trong mộng bảy hạt tròn, toàn thể diệu pháp vốn tâm truyền. Hễ nay thấu hiểu chân ý ấy, gió xuân trăm cỏ thổi rập rờn).

**\* *Uông Kính ở phủ Khánh Nguyên***

Tại Lôi Phong thuộc Ngân Huyện có Uông Kính, con ông tên là Long Chuyên. Gia đình sống bằng nghề đồ tể. Lúc Uông Kính tám mươi tám tuổi, bỗng có thiện tâm, từ niên hiệu Càn Đạo<sup>341</sup> liền gia nhập Pháp Hoa xã. Tới ngày Mười Bảy giữa Đông năm Khánh Nguyên cải nguyên (1194), bị hỏa hoạn. Cả hai gian nhà tranh bắt lửa cháy rụi. Kinh Pháp

<sup>340</sup> Tuần Kiểm Ty là cơ quan trực thuộc quyền quản trị của các châu huyện, có trách nhiệm trông coi trị an, bắt cướp, tuần tiễu đề phòng giặc cướp, trộm cắp, nhất là các chỗ hoang vắng hay ít người ở.

<sup>341</sup> Càn Đạo là niên hiệu của Tống Hiếu Tông (Triệu Thận) từ năm 1165 đến năm 1173.



Hoa trong Phật đường được hàng xóm cứu ra, chỉ được một nửa, phần còn lại vẫn ở trong khói lửa bốc lên hừng hực. Người đứng gần xem thì nói là làn khí giống như lụa trắng, kẻ ở xa thì nói giống như rồng trắng cuộn mình. Làn hơi ấy nghi ngút bốc lên xông thẳng đến Từ Khê Áo cách đó mười mấy dặm, quện vào hàng cây. Có tiểu phu họ Chương nhật được, chính là bảy phẩm kinh từ phẩm Phương Tiện trở đi. Kế đó, có người phụ nữ vùng núi họ Thịnh, từ nơi đồng hoang lại nhật được phẩm Tự. Ông Kính nhất nhất thỉnh về, chỉ thiếu phần tựa hoàng truyền mà thôi. Tông Hiếu ẩn cư chẳng xa, nhưng nghe nói lại chẳng đích xác. Một hôm, tôi đến thăm ông Kính, xin xem kinh ấy, thì ra là bản kinh do tiền sĩ Ông Trạch cúng thí.

**\* Vương Văn Phú ở Minh Châu**

Trên hồ Quảng Đức ở phía Tây huyện Ngân, có hai anh em họ Vương, sống bằng nghề chài lưới. Anh là Văn Phú hơi có thiện tâm, lúc rảnh rỗi bèn đọc kinh Pháp Hoa. Kinh đặt trong Phật đường. Trong tháng Tư của năm Thuần Hy thứ năm (1178), mưa to trút xuống. Bỗng sấm sét đánh chết vợ người em, lửa trời đốt rụi nhà tranh, chỉ chừa lại ba cây cột đỡ bốn kèo nhà bắc trên Phật đường, kinh nghiễm nhiên đặt dưới đó. Cho tới khi thầy đồng bói toán, bốn phương đến xem, đều nói là “thần dị”.

**5. Tín nữ (gồm mười bốn người)**

**\* Vợ chàng họ Mã ở Thiểm Hữu**

Vợ chàng họ Mã, chẳng rõ xuất xứ. Thời Đại Đường, Phật giáo hưng thịnh, đất Thiểm Hữu<sup>342</sup> có tập tục cưới ngựa bán tên, nghe danh hiệu Tam Bảo bèn khinh miệt. Cô ta thương xót họ ngu muội, đến chỗ đó. Mọi người thấy thiếu nữ phong vận đơn chiếc, muốn che chở cô ta. Cô gái nói: “Tôi chẳng có cha mẹ, cũng mong có chỗ nương nhờ; nhưng chẳng ham muốn tài sản thế gian, chỉ cần là người thông minh, hiền thiện, có thể tụng kinh Phật thì tôi sẽ muốn theo”. Đám đàn ông đều ủa đến xem mắt. Cô ta bèn trao cho họ phẩm Phổ Môn, ai có thể trong một đêm đọc thông thuộc thì sẽ gả cho. Tới hôm sau, người tụng thông thuộc chỉ còn hai mươi mấy người. Cô ta nói: “Con gái chỉ một thân, gia thế

---

<sup>342</sup> Thiểm Hữu chính là tỉnh Thiểm Tây, cổ nhân gọi phía Tây là Hữu, phía Đông là Tả. Do vậy, Sơn Tả chính là Sơn Đông.

trình khiết, chẳng thể dùng một thân phụng sự nhiều người, hãy đổi sang tụng thứ khác”. Do vậy, dùng Kim Cang Bát Nhã. Tới hôm sau, có mười người thuộc. Cô gái lại trao cho họ bảy quyển Pháp Hoa, ước hẹn ba ngày đọc thông thuộc. Tới kỳ hạn, chỉ có chàng họ Mã có thể đọc thấu triệt. Cô gái nói: “Chàng đã có thể thắng mọi người, có thể thừa với cha mẹ, có đủ mai mối, sính lễ thì mới thành thân”.

Cho tới khi họ Mã dùng lễ đón về, sắp tới cửa, cô gái bèn nói: “Vừa mới phải ứng phó lễ lạc, trong người không khỏe, xin cho một căn phòng riêng. Chờ đến khi thân thể ổn rồi sẽ lại gặp chàng”. Do vậy, họ dọn riêng cho cô ta ở phòng khác. Tiệc đãi khách chưa tàn, cô ta đã qua đời, thân thể rữa nát; họ bèn chôn ngay. Chưa được mấy ngày, có một vị tăng mặc y tăng-già-lê màu tía, dáng vẻ quê mùa, cũ kỹ đến tìm cô gái. Họ Mã dẫn Sư tới chỗ chôn cất. Vị tăng liền dùng tích trượng gạt đất cát, thấy thi thể cô gái đã tiêu tan, chỉ còn xương như cái khóa vàng. Vị tăng liền nhặt lấy, gột rửa trong sông, treo lên tích trượng, bảo mọi người: “*Vị thánh nhân này thương xót các người chẳng tin chánh pháp, bèn phương tiện khuyến dụ, hóa độ. Hãy nghĩ tới cái nhân lành, hồng khôi đọa vào biển khổ*”. Sư bỗng nhiên vọt lên không đi mất. Mọi người trông thấy đều buồn khóc, chiêm lễ chẳng dừng.

Từ đây, cả xứ thờ Phật, tụng kinh là do sức của cô gái (*theo Thích Thị Biên Tân Lục*). Trong Quán Âm Tán của Sơn Cốc đạo nhân có đoạn ghi: “*Thiết dục chân kiến Quán Thế Âm, kim sa than đầu Mã lang phụ*” (Nếu muốn thấy đức Quán Thế Âm thật sự, [chính là] vợ chàng họ Mã trên bãi cát vàng). Lại nữa, Vạn Thọ Thế thiên sư ở Bình Giang làm kệ tụng rằng: “*Thập phần mỹ mạo thù gia nữ? Bách bội thông minh thị Mã lang. Kham tiểu kim sa than bạn ước, thử chung nhân á bất thành song*” (Gái nhà ai mười phần xin đẹp? Thông minh trăm về Mã lang quân. Nực cười ước hẹn bên cồn cát, dầu cho cưới gả chẳng thành đôi).

### **\* Hai người chị dâu, em chồng ở Hoài Ninh**

Bờ Bắc của sông bảo vệ thành gàn Hoài Ninh có chùa Hoa Đài. Thoạt đầu là trong một gia tộc lớn có cô con gái có thể tụng kinh Pháp Hoa. Anh cô ta lấy vợ, tâm [chị dâu] cũng ưa thích [Phật pháp]. Chẳng mấy chốc, chị dâu và em chồng đều có thể tụng thuộc. Thường đến lúc đêm khuya thanh tĩnh, gió mát trăng trong, hai người đồng thanh tụng niệm. Dầu là tiếng vàng khua ngọc chạm trong cõi đời, vẫn không gì có thể sánh bằng âm vận [tụng niệm] ấy. Một thưở nọ, họ ngã bệnh, chị dâu

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

lần em chồng đều chết. Một ngày kia, từ mộ chị dâu bỗng sanh một đóa sen hồng, nở xòe hết sức đẹp đẽ. Mọi người đều lấy làm lạ. Khai quật mộ thì thấy rễ sen từ miệng chị dâu quấn vòng quanh mộ cô em chồng. Lại đào mộ em chồng, [thì ra] rễ sen có gốc từ miệng cô em chồng. Ấy là do cô em chồng dạy chị dâu tụng kinh, cho nên biểu lộ nguyên do như thế. Châu quận nghe biết, bèn trình tâu. Vua bèn ban biểu đề Hoa Đài Tự để dựng chùa (*theo Linh Thụy Tập*).

### **\* Vương Huệ Xung đời Nam Tống**

Năm Nguyên Gia 14 (437) đời Tống, gia đình Tôn Ngạn Tăng nhiều đời thờ Phật. Ông có một người thiếp tên là Vương Huệ Xung, tin tưởng Phật pháp từ bé, tụng kinh Pháp Hoa lâu ngày. Một hôm, bỗng thấy ven sông có ánh sáng nhiều màu. Ông sai người đào sâu xuống ba thước, tìm được một bức tượng Phật bằng vàng. Kể cả quang minh và tòa sen [thì tượng cao] hai thước một tấc, bàn chân ghi: “*Năm Canh Tý nhằm Kiến Vũ nguyên niên (317), các đạo nhân như Pháp Tân v.v... thuộc chùa Ngõa Quan tạo*”, họ liền trau chuốt để thờ phụng (*theo Tam Bảo Cảm Thông Truyện*).

### **\* Đứa tớ gái của Tô thứ sử**

Trong niên hiệu Vũ Đức đời Đường [Cao Tổ, tức Lý Uyên], Đô Thủy Sứ<sup>343</sup> Tô Trường được phong làm thứ sử Ba Châu, đem cả gia đình đến chỗ trấn nhậm. Do vậy, họ vượt sông Giang Lăng. Giữa dòng gió bão, thuyền bè chìm đắm. Nam nữ hơn sáu mươi người đều cùng lúc mất mạng, chỉ có đứa tớ gái thường đọc kinh Pháp Hoa. Sóng bủa vào thuyền, cô ta bèn đội hộp đựng kinh lên đầu, thề cùng kinh chết, nhưng cô chẳng chìm ngay, cứ dập dềnh theo sóng. Khoảnh khắc đến bờ, cô ta nâng hộp đựng kinh, trèo lên, mở kinh ra xem, trọn chẳng bị thấm ướt. Về sau, cô ta lấy chồng ở Dương Châu, càng dốc lòng tin tưởng, tụng niệm hơn xưa (*theo Pháp Uyển Châu Lâm*).

### **\* Trần thị ở Trường An**

---

<sup>343</sup> Đô Thủy Sứ là chức trưởng quan của Đô Thủy Giám. Cơ quan này có trách nhiệm quản trị hệ thống tưới tiêu, sông ngòi, thủy lợi, ao hồ, tu bổ kiến thiết cầu cống, đê điều, kể cả quản trị các ngư dân đánh cá trong nội địa trên toàn quốc.

Lưu Công Tín tại phường Thông Quĩ ở Trường An, có vợ là Trần thị. Mẹ vợ do bệnh mà chết trước. Trần thị bỗng chết đột ngột, thấy một người dẫn vào địa ngục, thấy trọn khắp các tướng tội. Sau đó, bà ta thấy một cửa ngục bằng đá bỗng mở ra, mẹ ở trong đó đang chịu khổ cực nặng. Mẹ thấy con gái bèn nói: “Con hãy nên vì mẹ chép một bộ kinh Pháp Hoa để mẹ được thoát khỏi”. Nói xong, cửa đóng lại. Trần thị sống lại, kể chuyện, ông Lưu tin tưởng, liền cậy em rể là Triệu Sư Tử chép kinh ấy. Bỗng có kinh sanh (người chép kinh thuê) cầm một bộ kinh Pháp Hoa mới chép xong xin đổi lấy tiền. Họ Triệu nói: “May là có kinh này có thể mua, chẳng cần phải chép”. Ông Lưu nghe theo, trang hoàng [bộ kinh ấy] cho đẹp đẽ, đưa kinh cho Trần thị. Trần thị một hôm cúng cơm cho mẹ, mộng thấy mẹ nói: “Trước kia mẹ bảo con chép một bộ kinh, sao con không làm?” Con thưa: “Đã mua một bộ rồi”. Mẹ nói: “Ta vì kinh đó mà chịu tội nặng hơn. Ngục tốt đánh vỡ xương sống của ta vì chẳng nên lấy kinh của nhà họ Phạm làm của mình!” Người con tỉnh giấc, vội mời người viết. Kinh chép xong, lại mộng thấy mẹ bảo: “Mẹ nhờ sức kinh đã thoát khỏi âm ty, an thân nơi chốn tốt lành, nay đến báo với con. Con hãy giữ tín tâm, khéo sống trên thế gian”. Cô con gái bèn dò hỏi [xuất xứ] của bản kinh trước, quả nhiên là viết cho người họ Phạm. Đó là chuyện trong năm Long Sóc<sup>344</sup> đời Đường (*theo Pháp Uyển Châu Lâm*).

**\* *Phí thị ở Ninh Châu***

Đời Tống, vợ ông La Dư là Phí Thị, người xứ Ninh Thục. Cha bà húy là Duyệt, làm thái thú Ninh Châu. Bà Phí tín kính Tam Bảo, tụng kinh Pháp Hoa, trong khoảng mấy năm, siêng khổ chẳng lười nhác. Bà bỗng bị mắc bệnh đau tim, trở thành nguy ngập. Cả nhà hoảng sợ, bà Phí dấy lên ý niệm: “Ta tụng kinh siêng khổ, ắt được gia hộ tốt lành, trọn chẳng vì chuyện này mà lâm vào tử địa”. Nghĩ xong bèn nằm ngủ, liền mộng thấy Phật đích thân duỗi tay qua cửa sổ xoa lên tim, trong ngoài đều thấy kim quang đầy nhà. Lại nghe mùi hương lạ vẫy bùa người khác. Từ đó lành bệnh, người trông thấy không ai chẳng sanh lòng tin! (*theo Thái Bình Quảng Ký*).

---

<sup>344</sup> Long Sóc là niên hiệu của Đường Cao Tông (Lý Trị) từ năm 661 đến năm 663.

**\* Con gái Nhậm Trung Quân ở Thai Châu**

Chùa Dũng Tuyền ở huyện Lâm Hải ở Thai Châu, vào đời Đường trước kia là chỗ ở của ông Nhậm Trung Quân. Ông Nhậm đức chí thanh bạch, cao cả, kiên cường, lại còn tin sâu Phật pháp, tu nhiều thiện quả. Ông có cô con gái nhậm khóa chuyên tụng kinh Pháp Hoa. Có một lúc, trong gian phòng tụng kinh sanh ra bảy gốc sen xanh, cỗi đời đều lấy làm lạ. Trung Quân trông thấy, thiện tâm phát khởi, liền muốn xả nhà biến thành chùa. Chuyện ấy còn đang thăm tính, khi đó, có thiền sư Cao Ngọc trụ tích kết am tại núi Lô Thạch, cách nhà ông chẳng xa. Trong khi Sư Thiền Định, tích trượng của Sư bay đến cắm xuống sân nhà Trung Quân. Ông tận lực nhổ lên, nhưng tích trượng đã cắm sâu xuống ba thước đất. Nước suối phun lên cao ba thước. Do vậy, ông liền xây chùa tại ngôi nhà ấy, thỉnh thiền sư khai sơn thuyết pháp, trụ trì. Vì lẽ đó, chùa có tên là Dũng Tuyền Viện, hãy còn bài ký. Chuyện này nghe từ Tịnh Minh Giảng Sư Bảo Cái tại Phụng Hóa. Sư Bảo Cái từng đến chùa đó khắc bia [câu chuyện ấy].

**\* Chị dâu của Thái Thú quận Cao An**

Chị dâu của Triều Phụng Thái Thú Tôn Vu ở góa năm mười chín tuổi, tự thề mỗi ngày ăn một bữa, suốt đời tụng kinh Pháp Hoa, chẳng tái giá nữa. Khi ông Vu làm thái thú quận Cao An, chị dâu đã bảy mươi hơn, diện mạo tươi sáng, đi lại nhẹ nhàng. Vào tháng Sáu mùa Hạ năm Chánh Hòa thứ sáu (1117), bà bỗng thu dọn kinh bản, thu xếp quần áo chia cho người hầu. Ông Vu hỏi nguyên nhân, bà cười bảo: “Ba ngày nữa chị sẽ chết”. Đến lúc đó, quả nhiên bà không bệnh, an tĩnh qua đời (theo *Hồng Giác Phạm Trí Chứng Truyện*).

**\* Kỹ nữ Lô Mị Nhi tại Dĩnh Châu**

Âu Dương Văn Trung Công (Âu Dương Tu) khi cai trị tại Dĩnh Châu, có một quan nô<sup>345</sup> tên là Lô Mị Nhi, sắc diện, dáng vẻ đoan trang,

---

<sup>345</sup> Quan nô có hai nghĩa:

- Nô lệ trong các phủ thự của các quan.
- Kỹ nữ được cấp giấy phép hành nghề của triều đình, còn gọi là quan kỹ.

Ở đây, phải hiểu theo ý nghĩa thứ hai.

diễm lệ, khéo cười nói. Trong miệng cô ta thường có mùi hoa sen tỏa ra. Người ngồi xung quanh đều lấy làm lạ, nhưng chẳng biết nguyên do. Bỗng có một vị tăng từ đất Thục đến, khá hiểu biết chuyện đời trước. Do vậy, ông Âu kể với vị ấy chuyện này. Vị tăng nói: “Nàng ta đời trước từng làm ni, tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm, do một niệm sai lầm mà đến nông nổi này!” Ông Âu Dương Tu chưa tin. Về sau, ông gặp cô kỹ nữ ấy bèn hỏi: “Nàng có từng đọc kinh Pháp Hoa hay chưa?” Cô ta nói: “Thiếp thất thân nơi chôn này, chẳng rảnh rồi được!” Ông sai đem kinh cho cô ta. Cô ta vừa xem bèn tụng như đã thuộc lòng; đổi sang kinh khác thì không thể đọc được! Vị tăng ấy nói há có sai ư? Xem chuyện này trong bộ *Độn Tề Nhân Lãm* [của Trần Chánh Mẫn]. Than ôi! Làm ni ba mươi năm tụng kinh, đây cũng là hạng người tinh tấn, do một niệm sai lầm bèn sa chân. Ý niệm của người đời há nên bất chánh ư? Nay làm thân kỹ nữ, dùng thân tôn quý nhất trong loài người để hứng chịu sự hèn tẻ, bất tịnh của kẻ khác. Nếu có thể hồi quang phản chiếu, chán ngán chuyện đã làm, chuyên dốc lòng thành đọc tụng kinh Đại Thừa, thì long nữ trong một sát-na nhanh chóng thành Chứng Trí Giác, ai nấy đều có phần! Nếu chẳng tỉnh ngộ, ác cảnh hiện tiền, địa ngục, tam đồ chẳng có chỗ trốn tránh!

**\* *Kỹ nữ Dương Vận ở Hồ Châu***

Tại Hồ Châu có xưởng kỹ<sup>346</sup> tên Dương Vận, tự chép kinh Pháp Hoa. Mỗi lần cầm bút ắt đều trước đó ăn chay, tắm gội, thay áo. Về sau, cô ta bị bệnh chết trong đêm. Mẹ cô ta mộng thấy Dương Vận đến từ biệt: “Con do sức chép kinh, nay được thác sanh làm con gái nhà họ Thái là huyện lại<sup>347</sup> thuộc huyện sảnh Ô Trình”. Khi đó, vợ ông Thái là Phương Nương trong đêm ấy, mộng thấy có người khiêng kiệu đến nhà, ra đón thì là Dương Vận nói đến xin ở nhờ. Bà tỉnh dậy sanh ra một gái. Mẹ cô ngày sau tìm đến thăm, cô con gái lặng lẽ mỉm cười (*theo Khuê Xa Chí*).

**\* *Quách đạo nhân ở phủ Lâm An***

<sup>346</sup> Tức là kỹ nữ có tài hát múa, đánh đàn, chỉ bán nghệ không bán thân.

<sup>347</sup> Thuộc hạ của quan huyện, tức là các nha lại.

Đạo nhân Quách Thị, pháp danh Diệu Viên, là người huyện Nhân Hòa. Từ bé, bà đã được gả vào nhà họ Văn ở An Khê. Chồng bà ta thích ăn chơi, chẳng quan tâm tới gia nghiệp. Do vậy, bà ta xin về (trở lại nhà cha mẹ đẻ), khoác áo tu đạo tại gia, lập chí ăn chay trường, tụng kinh Pháp Hoa, tu Pháp Hoa Sám, tụng kinh Di Đà và niệm Phật hiệu. Bà thường hướng về Tây, quán kỹ mặt trời lặn. Một hôm, trên hư không có tiếng nói: “*Này Quách Diệu Viên! Như bà tu tập, chắc chắn sanh về An Dưỡng*”. Từ đấy, trở đi, bà càng thêm tinh tấn, tâm chẳng tạm nghỉ. Tới lúc lâm chung, bà tắm gội, thay áo, thỉnh tăng niệm Phật, ngồi ngay ngắn qua đời. Đó là chuyện trong năm Ất Sửu (1145) niên hiệu Thiệu Hưng (theo *Bảo Châu Tập*).

**\* Trâm thị ở Minh Châu**

Đầu niên hiệu Thiệu Hưng, họ Ngũ ở Thạch Thu có cô dâu mới họ Trâm, là người Định Hải thuộc Giang Nam. Cô ta bẩm tánh trinh thực, tự tu thiện quả. Mẹ chồng mỗi sáng tụng kinh Pháp Hoa, con dâu cẩn thận hầu hạ. Hễ mẹ mở kinh ra, đều đến nghe nhận, hoặc một hai phẩm cho đến một quyển, lâu ngày chẳng biết mỏi mệt. Một lúc nọ, cô ta mắc bệnh, liền thưa với mẹ chồng: “Do mẹ chồng tụng kinh, con dâu mới được nghe. Duyên trần gian đã hết, chẳng kịp hầu hạ, nguyện sẽ gặp gỡ trong hội của chư Phật vào đời khác. Con mạn phép làm bài kệ để lại: Bình sanh vui sướng, chết cũng phong lưu, đến bước cuối cùng, căn dặn đầu giường”. Nói xong, vươn mình ngồi dậy, xếp bằng qua đời. Mẹ chồng thấy con dâu siêu thoát như vậy, đến kể với thiền sư Hoàng Trí chùa Thiên Đồng. Sư nghe rồi tán thán, vui mừng. [Gia đình] bèn liệm vào khám, tới khi hỏa thiêu, từ trong tro, tìm được vô số hạt rang ngời cứng chắc, sáng lóng lánh, tứ chúng trông thấy đều than thở hy hữu. Đây là chuyện do Pháp Chánh Tông Sư thuộc chùa Hồ Tâm đích thân thấy nghe. Vì thế, được truyền tụng trong cõi đời.

**\* Đứa tớ gái nhà họ Triệu ở Minh Châu**

Cuối niên hiệu Thiệu Hưng, tại huyện Phụng Hóa, có người họ Triệu. An nhân<sup>348</sup> mẹ ông ta trọng Phật, trai giới, tụng kinh Pháp Hoa.

---

<sup>348</sup> An Nhân là phong hiệu của vợ quan. Thời Tống, vợ của quan chức từ Triều Phụng Lang trở lên thì gọi là An Nhân. Nhưng trong thời Minh - Thanh, vợ quan

Trong nhà có một đũa tở gái, lâu ngày nhớ được bốn câu, tức là “*thanh liên hoa hương, bạch liên hoa hương, hoa thụ hương, quả thụ hương*”. Từ đó, cô ta động tĩnh, làm lụng đều ngâm vịnh [bốn câu ấy] chẳng dứt. Người khác nghe thấy, cho là cô ta nói đùa, chẳng biết cô ta cũng có chỗ dụng tâm. Một ngày, làm việc trái ý chủ nhân, cô ta bị lãng trì đến chết. Họ bèn vùi thây cô ta ở hậu viên. Không lâu sau, nơi đó bỗng trở một đóa hoa sen xanh, hương sắc đáng yêu. Kẻ khác chẳng biết cô ta, chỉ có an nhân là ngầm biết. Đó là chỗ cảm ứng do tụng bốn câu kinh. An nhân lại chẳng ản giấu đức của cô ta, ngầm nói với Hư Đường pháp sư là Bồn Không, sư Bồn Không thường nói tương tự để giáo hóa người khác. Tông Hiếu từng đích thân nghe nói, bèn chép kèm vào đây!

**\* *Châu Như Nhất ở Minh Châu***

Châu Thị tên là Như Nhất, là vợ ông Tiết ở Tứ Minh, là hậu duệ của Khâm Thành Hoàng Hậu<sup>349</sup>, tức là cháu hai đời của Uyên Thánh Cung. Từ lúc gả cho ông Tiết, bà coi cõi đời như bụi đất, bùn lầy. Lúc ngoài hai mươi, liền nói với chồng muốn ở một mình thanh tịnh, tự khoác pháp phục tu tại gia, ăn chay trường. Bà từng dùng lụa vàng sai kinh sanh (người chép kinh thuê) biên chép bảy quyển của kinh Pháp Hoa, đích thân dùng nhung biếc để thêu trên đó. Nét thêu vờn quanh kín kẽ, trông như nét mực vừa viết xong. Mất mười năm mới hoàn thành. Bà lại thêu tượng Di Đà, Quán Âm, chẳng khác gì hội họa. Từ tựa đề kinh, bà tôn kính lạy tám vạn bốn ngàn lạy. Cứ mỗi câu, mỗi chữ, đều xướng lễ ba lần. Một bộ kinh Pháp Hoa mất ba tháng có thể tụng thuộc. Lại khuyên hai vạn người niệm Phật Di Đà. Bà cho khắc gỗ để in hình Phật, niệm mười vạn tiếng mới ngưng. Bà lại bán đồ tư trang để làm ba ngày pháp hội, tụ hội đạo tục cả vạn người, cúng trai một ngàn vị tỳ-kheo, tạo tràng báu chứa kinh Pháp Hoa và tên người niệm Phật để đón về chùa

---

thuộc lục phẩm gọi là An Nhân. Riêng tại Quảng Đông vào thời cổ, trong nhà quyền quý hay giàu có, con dâu thường gọi mẹ chồng là An Nhân.

<sup>349</sup> Khâm Thành Hoàng Hậu (1052-1102) không rõ tên, chỉ biết là họ Châu, là phi tần của Tống Thần Tông, mẹ đẻ của Tống Triết Tông. Bà sinh từ phủ Khai Phong. Cha bà là Thôi Kiệt mất sớm, mẹ cải giá lấy ông Châu Sĩ An, nên bà được đổi sang họ Châu. Bà được tuyển vào cung lúc 16 tuổi. Bà sanh được hai trai là Triệu Hú (Tống Triết Tông), Thái Vương Triệu Tự, và một gái là Hiền Tĩnh trưởng công chúa. Khi Triết Tông lên ngôi, bà được phong là Thánh Thụy Hoàng Thái Phi. Tới khi bà mất, Tống Huy Tông mới truy phong bà là Khâm Thành Hoàng Hậu.



*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Diên Khánh. Bà bỗng mắc bệnh nhẹ, tới lúc nhắm mắt, liền ngồi dậy, xếp bằng. Ông Tiết nói: “Trong nhà ta không có kiêu ấy, xin hãy nằm xuống”. Bà liền nằm bên hông phải, qua đời. Năm đó, bà ta ba mươi bảy tuổi, thiền sư Bảo Đàm ở Quất Châu tán thán.

*Pháp Hoa Kinh Hiện Ứng Lục, quyển hạ chung*

*\* Bài tựa khắc in bộ Pháp Hoa Kinh Hiện Ứng Lục*

Pháp Hoa kinh là vua các kinh, là lời luận đàm cùng cực rất ráo. Vì thế, kinh được trì tụng nhiều nhất, mà người đạt được linh nghiệm chẳng thể kể xiết. Nhưng các sự tích ấy được ghi chép rải rác trong sách vở, chẳng thể thấy trọn. Dẫu có người sưu tập, nhưng cũng chẳng đủ nhiều, sơ sót quả thật chẳng ít! Pháp sư Thạch Chi Tông Hiền đời Tống có hai quyển Hiện Ứng Lục đã chọn lựa các chuyện cảm ứng hiển nhiên xưa nay được chép rành mạch, rõ ràng trong sách vở, và những điều Sư được đích thân thấy nghe, biên tập hoàn thiện, quả thật đủ để nêu bày chứng cứ khơi gợi lòng tin từ đời trước hòng khuyến bảo mai sau. Bộ sách ấy đã được lưu truyền, nhưng lâu ngày bị khuất lấp. Tôi ngẫu nhiên có được [sách ấy] để xem đọc, muốn khắc ván để lưu truyền rộng rãi, nhưng duyên chưa tới. Gần đây, các vị lão túc thuộc Tịnh Nghiệp Xã trong núi thấy vậy, bảo tôi rằng: “*Năm thứ diệu hạnh chính là cái nhân thù thắng của Tịnh Độ. Sách này được lưu thông, há chẳng tùy hỷ ư?*” Bèn khuyến những người trong liên xã chia sẻ tịnh tài thơm thảo để cùng giúp cho chuyện này [thành tựu]. Tôi vui mừng, giáo chánh lần nữa để khắc in.

Hưởng Bảo<sup>350</sup>, thượng tuần giữa Thu năm Đinh Mùi (1727), Đông Duệ sa-môn Lượng Điền kính cẩn trần thuật.

*Phụ lục 2: Pháp Hoa Kinh Trì Nghiệm Kỳ*

**法華經持驗紀**

*\* Lời tựa của sách Pháp Hoa Kinh Trì Nghiệm Kỳ<sup>351</sup>*

<sup>350</sup> Hưởng Bảo (Kyōhō) là niên hiệu của Nhật Bản từ năm 1716 đến năm 1736 dưới đời thiên hoàng Trung Ngự Môn (Nakamikado).

<sup>351</sup> Kỳ ở đây được dùng theo ý nghĩa mô phỏng cách chép Sử trong lối biên niên sử truyền thống. Trong cách chép sử do Tư Mã Thiên đề ra, Bản Kỳ là tiểu truyện của hoàng đế trong một triều đại, trần thuật cặn kẽ những sự kiện trọng đại trong một

Pháp Hoa là vua trong các kinh, đức Thế Tôn dùng tướng lưỡi rộng dài, diễn giảng cái nhân thù thắng “*niêm hoa*” (拈華, giơ cành sen lên cho đại chúng thấy), dung hội lẽ bí yếu của các pháp, khai Quyền hiển Thật, tam thừa và nhất thừa đều viên, trước sau bảy quyển, hơn sáu vạn chữ. Mênh mông, bát ngát, đúng là quang cảnh to lớn! Tuy vậy, trong hội Linh Sơn thuở ấy, mỗi thời trong năm thời đều nói một pháp, Hoa Nghiêm là một, A Hàm là hai, Phương Đẳng là ba, Bát Nhã là bốn, vẫn chưa thỏa thích bốn hoài! Cuối cùng, Ngài lại nói kinh này, hóa hiện vô lượng vô biên Pháp Thân, diễn nói vô lượng vô biên pháp khẩu, nhắc đi nhắc lại, triền miên, chẳng ngại rườm rà! Ở đây, đức Thế Tôn lại nói nhiều đến thế ư?

Xưa kia, đức Phật sắp nhập Niết Bàn, ngài Văn Thù lại thỉnh đức Phật chuyển pháp luân. Đức Phật quả rằng: “*Ta trụ thế bốn mươi chín năm, chưa hề nói một chữ. Ông thỉnh ta lại chuyển pháp luân, ta đã từng chuyển pháp luân ư?*” Phàm một lời chẳng thốt ra được, chín năm ngồi nhìn vào vách. Đã từng nhìn vào vách chín năm, tức là một lời vậy, cũng chính là “*cần gì phải nói nữa?*” Có thể khéo hơn sáu vạn chữ này, sẽ có thể phá sáu vạn chữ thành một lời, lại còn có thể phá một lời để trở thành chẳng nói! Sao chẳng thể mở rộng “*vô ngôn*” thành hơn sáu vạn chữ? Sao chẳng thể hóa sáu vạn chữ thành trăm ngàn vạn ức chữ? Tri kiến đã khai, viên tông nhanh chóng thấu triệt. Diệu pháp như vậy, há nhiều ư? Chẳng nhiều! Nay lấy thế giới nhiều như vi trần, nhọc nhằn trong nhà lửa, may mắn sau khi được bạch quang<sup>352</sup> chiếu khắp, bèn được vâng nhận kinh này, quả thật là cầu bến trong nẻo sanh tử, là thang thêm cho Tịnh Độ môn!

Kinh nói gấp gáp dùng thọ ký để phó chúc. Pháp được lưu truyền, bèn có năm môn, tối thượng là thọ trì. Kế đó là giải nói, đọc tụng, biên chép, và cúng dường. Như đối với một câu hay một kệ, dốc chí quy y, dầu là kẻ trong thôn làng, hay người màn rủ trưởng buông, hoặc kẻ tù

---

quốc gia trong một triều đại cụ thể. Châu Khắc Phục sưu tập các sự tích linh ứng do trì kinh Pháp Hoa, phân loại theo mỗi triều đại, sắp xếp theo thứ tự các triều đại trong lịch sử. Đối với mỗi câu chuyện trong cùng một triều đại, lại dựa theo thời điểm trước sau trong từng triều đại ấy để sắp xếp. Khi một nhân vật sống qua hai vương triều như tổ Trí Giả (Tổ sanh vào đời Trần, tịch vào đời Tùy), sẽ chọn triều đại nào Ngài sống nhiều hơn để xếp Ngài vào triều đại đó.

<sup>352</sup> Tức là quang minh chiếu từ tướng bạch hào của đức Phật như đã nói trong phẩm Tự của kinh Pháp Hoa.

rac, bệnh tật triền miên, cho tới loài có huyết khí mang vảy, khoác lông có hiểu biết, hễ có lòng kiên thành tinh thuần, đều cùng được thấm đẫm mưa Từ, hưởng hồ người chấn hưng gia phong đại giác, tuyên bày giáo nghĩa sâu thẳm của đức Thích Ca, được gọi là bậc đạo sư long tượng, là thành trì của pháp giới ư?

Như hoa sen là loại hoa vốn nảy sanh từ bùn mà chẳng nhiễm. Nhà lửa trong vi trần ngũ trược, nào khác bùn lầy? Cầu riêng được vượt thoát chẳng nhiễm trong ấy, mà nếu chẳng nghe diệu pháp, sẽ không do đâu giải thoát được! Vì thế, hiện tiền dùng đó để đặt tên kinh. Chắc là đức Thế Tôn muốn dẫn dắt nước Chấn Đán bèn trồng trọn khắp một đóa sen xanh. Do hoa mà tìm thấy cuống, do cuống mà tìm thấy rễ. Giếng ngọc, ao thu, so với ao hoa nước tám đức, là một, hay là hai, xin hãy nhìn từ tòa báu giữa ba đời. Nếu lập tức hiện ngàn tầng, còn chỗ nào để riêng tìm hoa Ưu Bát? Chẳng lìa sắc hương, nêu tỏ nhân quả; há lừa dối ta ư? Há dối gạt ta ư?

Tôi đã sưu tập những chuyện linh nghiệm do trì kinh Kim Cang xong, nghĩ kinh này càng là biển thẳm trong âm giáo<sup>353</sup>, hoàng dương và lưu thông càng cấp bách. Chuyện cảm ứng linh dị, nhiều đời biên tập đầy đầy, bèn chọn lấy các sự ứng nghiệm của các vị cổ đức danh hiền trong nhiều triều đại đủ để làm chứng có khơi gợi tín tâm. Tôi phỏng theo điều lệ biên tập [Kim Cang Trì Nghiệm Ký] trước đó để tổng hợp theo thứ tự, ngõ hầu người thấy nghe xong, sẽ tinh tấn tu trì, cùng chứng tam-muội. Từ nói ba thừa, hội quy nhất thừa, rốt cuộc đạt đến ý chỉ kín nhiệm “*một cũng chẳng thể nói được*”! Ngài Tào Khê (Lục Tổ Huệ Năng) có bài kệ rằng: “*Tâm mê Pháp Hoa chuyển. Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa*”. Liễu giải “một đại sự nhân duyên khiến Phật xuất hiện trong thế gian” của kinh này, thật sự giác ngộ một hội Linh Sơn nghiêm nhiên ngàn đời, thì văn tự của tôi lại trở thành thừa thãi rồi chăng?

Tịnh nghiệp đệ tử Châu Khắc Phục ở Dương Tiễn trai giới, tầm gôi soạn

**\* Dẫn khởi nhằm khuyên lưu thông bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm**

Đôi với chỗ có kinh điển, lưu thông liền thuộc thiện duyên, phước báo vô lượng. Vì thế nói rằng: “*Có thể truyền pháp Đại Thừa cho một*

---

<sup>353</sup> Đức Phật dùng âm thanh để giáo hóa nên giáo pháp của Ngài gọi là âm giáo hoặc thanh giáo.

người sẽ là mười điều thiện. Truyền cho mười người sẽ là một trăm điều thiện. Truyền cho bậc đại quý hoặc đại hào kiệt, người có sức lực to lớn, sẽ là một ngàn điều thiện. In lại để lưu truyền rộng rãi, sẽ là một vạn điều thiện”. Huống hồ pháp môn Tịnh Độ vượt thoát sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển cho đến khi thành Phật mới thôi! Khuyến một người tu Tịnh Độ, chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật, Phàm người thành Phật, ắt độ vô lượng chúng sanh. Các chúng sanh được độ ấy đều do ta khởi đầu, phước báo ấy đúng là chẳng thể cùng tận! Vì thế, muốn khuyến hết thảy người thấy nghe hãy mở rộng cái tâm, lấy tâm Phật làm tâm của chính mình, khiến cho ai nấy đều biết, để đều được sanh hết về Tịnh Độ. Ông Vương Long Thư đã nói: “*Hãy tự nên tin chắc chẳng hư dối*”.

Còn như hai kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa càng là tối thượng thừa trong các diệu pháp do đức Phật đã nói. Quán Âm Đại Sĩ phổ độ thế gian, không cõi nào chẳng hiện. Sự tích cảm thông của các bậc hiền nhân trong quá khứ rành rẽ, rạng ngời, mỗi mỗi đều tóm gọn, thu thập, hồng khuyến tấn tu, đúng là chuông, khánh cho tương lai, là phương tiện môn tiếp dẫn tối thượng nơi đường cùng. Mùa Thu năm Mậu Tuất, tôi sưu tập các chuyện linh nghiệm do trì kinh Kim Cang, đã có bài tiểu dẫn lưu thông. Kính cần khẩn cầu những vị có cùng một nghiệp với tôi, nay tôi khắc in các chuyện về sự linh ứng do trì tụng Tịnh Độ, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Quán Âm, [những chuyện ấy] vốn sưu tầm từ các ghi chép trong sách vở, hồng nêu chứng có khơi gợi tín tâm xưa nay, khá tận lực vận dụng tâm lực và công sức nhỏ nhoi, với dụng ý [khiến cho người có duyên đọc đến, sẽ] noi theo [các tấm gương] bất hủ. Nhưng bản khắc vắn vụng về ở chốn này, chưa thể lưu truyền rộng rãi nơi tỉnh khác; người đã cùng sanh về cõi Phật trang nghiêm, há có nên thiếu khuyết pháp sự lưu thông thù thắng?

Lại thưa cùng bậc thiện tín trong hiện thời, hãy đừng thấy các bản in này, hãy chẳng tiếc sức khắc in bố thí rộng rãi, hoặc dùng nguyên bản, hoặc sửa chữa thêm. Nếu như có chuyện liên quan tới sự linh ứng do trì nghiệm do chính quý vị đã được thấy nghe mà sách này thiếu sót, càng mong sẽ ghi nối tiếp vào phần sau. Một câu tán dương chính là một câu hộ trì thiện căn. Một niệm cổ động chính là một niệm trừ khử tội nghiệp. Dùng đó để nối tiếp huệ mạng của Phật hồng tự lợi, lợi tha. Đó chính là các vị thần hộ pháp đã hộ trì pháp bảo, tự hộ trì người hoằng pháp, vâng đội của báu, chắc chắn chẳng sai! Hiền nhân thưở trước đã họa tranh to lớn để [thí tặng] khuyến người niệm Phật; sau đó, do người khác niệm

Phật phần nhiều sanh về Tịnh Độ, công đức bèn quy vào người thí tranh cũng được sanh về Tịnh Độ. Công đức pháp thí chẳng thể nghĩ bàn như thế đó. Nguyện các vị đồng nhân cùng gắng sức!

Đồng thiện đạo nhân Châu Khắc Phục kính cẩn khẩn thiết [thưa trình].

### **2.1. Lịch triều Pháp Hoa Trì Nghiệm Kỹ, quyển thượng**

*Đồng thiện đạo nhân Châu Khắc Phục thâm thập, biên soạn*

*Nam Châu Thạch giáo đối*

*Tiêm Xác cư sĩ Trần Tế Sanh kiểm nghiệm*

#### **\* Thích Đàm Ma La Sát ở quận Đôn Hoàng đời Tấn**

Tiếng Hán dịch [tên đại sư] là Pháp Hộ. Ngài vốn họ Chi, tám tuổi xuất gia. Hằng ngày, Sư tụng kinh một vạn chữ, dốc chí hoằng dương đại đạo. Ngài đi khắp các nước ở Tây Vực, mang kinh Phật bằng tiếng Phạn đến Hoa Hạ, dịch các bộ Hiền Kiếp, Chánh Pháp Hoa. Cuối đời Tấn Vũ Đế<sup>354</sup>, Ngài ẩn cư trong chốn núi sâu. Trong núi có khe suối trong lành, Sư luôn dùng nước ấy để tắm gội, rửa ráy. Về sau, do bị uế trước mà suối bỗng khô cạn, Sư bồi hồi than rằng: “*Con người thiếu đức khiến cho suối trong cạn giòng đó chăng?*” Nói vừa xong, suối tuôn nước tràn khe. Lòng u thành của Sư cảm vờn như thế đó. Thờ đó, [mọi người] gọi Sư là Đôn Hoàng Bồ Tát.

#### **\* Thích Cư Ma La Thập đời Tấn**

[Tên Sư] dịch sang tiếng Hán là Đồng Thọ. Sư là người Thiên Trúc, bảy tuổi xuất gia, hằng ngày tụng một ngàn bài kệ. Lúc mười hai tuổi, Sư tới nước Sa Lặc<sup>355</sup>. Ngoài lúc thuyết pháp, Sư chuyên dốc sức

---

<sup>354</sup> Tấn Vũ Đế chính là Tư Mã Viêm (235-290), người sáng lập triều đại Tấn. Cha ông là Tư Mã Chiêu đã nắm quyền thao túng nhà Tào Ngụy. Khi ông nội của ông ta là Tư Mã Ý chết, Tư Mã Sư là con trai trưởng lên thay. Khi Tư Mã Sư ốm chết, Tư Mã Viêm lên thay, kế thừa tước hiệu Tấn Vương. Không lâu sau, ông ép Tào Hoán (Ngụy Nguyên Đế) nhường ngôi cho mình, lập ra nhà Tấn.

<sup>355</sup> Sa Lặc (Shule, còn phiên âm là Sớ Lặc) là một vương quốc cổ của người Ba Tư thành lập trên một ốc đảo trong sa mạc Taklamarkan, nằm ở phía Bắc con đường tơ lụa, thủ đô là Kashgar (Khách Thập). Họ nói tiếng Sakan (một ngôn ngữ cổ ở phía Đông Iran). Tới thế kỷ thứ tám, họ bị Thổ Phiên (một vương quốc cổ của người Tây Tạng) chinh phục. Cuối cùng bị sát nhập vào Khách Lạt Hãn Quốc (Kara-Khanid

nơi Phương Đẳng. Do vậy, thanh danh vang khắp vùng Thông Tả<sup>356</sup>. Vua Quy Tư đón Sư về nước, xin Sư khai diễn chỗ uyên áo trong kinh Phương Đẳng. Sư vì họ biện định “*các pháp đều là không, vô ngã*”, phân biệt “*Ấm, Giới giả danh chẳng thật*”. Người nghe không ai chẳng cảm ngộ. Thời Phù Tàn<sup>357</sup>, quan Thái Sử tâu có ngôi sao hiện rõ nơi phần dã của ngoại quốc, sẽ có bậc đại trí vào phù tá Trung Hoa. Vua liền sai sứ sang thỉnh. Sau này, tới tháng Chạp năm Hoàng Thi thứ ba (401), [Diêu Hưng, vua nhà Hậu Tần] đón Sư tới Trường An, trụ tại vườn Tiêu Dao. Sư dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa, ý nghĩa đều viên thông, tâm đại chúng đều khiếp phục. Sư lại tiếp tục dịch các kinh như Tiểu Phẩm [Bát Nhã], Kim Cang Bát Nhã v.v... và các bộ luận hơn ba trăm quyển. Sư yêu thích Đại Thừa, ôm chí hướng giảng diễn rộng lớn. Lúc lâm chung, Sư bảo đại chúng: “*Nguyện các kinh do tôi tuyên dịch sẽ được đời sau cùng hoàng truyền, lưu thông. Nay đối trước đại chúng, thốt ra lời thề thành thật. Nếu các kinh luận do tôi truyền dịch chẳng sai lầm, sẽ khiến cho sau khi hỏa táng, lưỡi chẳng cháy nát*”. Năm Nghĩa Hy thứ năm (409) đời Tấn, Sư tịch tại Trường An. [Đồ đệ] tuân theo pháp ngoại quốc mà xà-duy (trà tỳ, hỏa thiêu). Cúi tắt, thân hình Sư tiêu thất, chỉ có lưỡi chẳng cháy thành tro!

**\* Vị tỳ-kheo Ma Ha La xú Thiên Trúc đời Tấn**

---

Khanate), một vương quốc cổ của người Thổ Nhĩ Kỳ. Vào thời Đường, Sa Lặc trở thành lãnh thổ phụ thuộc của nhà Đường.

<sup>356</sup> Tức vùng thung lũng thuộc rặng núi Pamir (Thông Lãn), nằm giữa phần giao tiếp giữa các rặng núi Thiên Sơn, Khách Lạt (Karakoram), Côn Luân, và Hưng Đô Khố Thập (Hindukush). Vùng này nằm giữa các quốc gia Tajikistan, Kyrgyzstan, A Phú Hãn, Pakistan và Trung Hoa.

<sup>357</sup> Phù Tàn tức là nhà Tiền Tần (350-394) do Phù Hồng sáng lập. Đây là một nước trong thời Thập Lục Quốc. Năm 350, một tướng lãnh thuộc dân tộc Đê là Phù Hồng chiếm cứ vùng Quan Trung, xưng là Tam Tần Vương. Chẳng lâu sau, ông ta bị Ma Thu đầu độc chết, con trai là Phù Kiên lên kế vị, xưng đế. Do Quan Trung là lãnh thổ của nhà Tần thời Chiến Quốc, cho nên Phù Kiên lấy quốc hiệu là Tần, đóng đô tại Trường An. Phù Kiên chinh phục các tiểu quốc lân cận, như diệt nhà Tiền Yên, đánh thắng Đông Tấn, chiếm cứ Lương Châu và Ích Châu, diệt Tiền Lương, diệt nước Đại của người Tiên Ty, sai Lữ Quang chiếm đóng Tây Vực. Thời cực thịnh, lãnh thổ nhà Tiền Tần gần như chiếm trọn vùng bắc Trung Hoa. Sử nói: “*Đông đến tận biển thẳm, Tây thôn tính Quy Tư, Nam bao gồm Tương Dương, Bắc đến tận sa mạc*”.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Sư đọc Ma Ha Diễn (Đại Thừa), đức hạnh lẫy lừng. Quốc vương chánh tín, thường trải tóc phủ bùn để Sư bước qua. Có người tâu vua: “Người này chẳng đọc tụng kinh nhiều, sao [bệ hạ] lại cúng dường to lớn?” Vua bảo: “*Ta từng vào nửa đêm, muốn gặp vị tỳ-kheo này, liền đến chỗ Ngài. Thấy Sư ở trong một cái hang đọc kinh Pháp Hoa. Có người quang minh kim sắc, cười voi chúa trắng, chấp tay cúng dường. Ta vừa mới tới gần, liền chẳng thấy [người ấy đâu nữa]. Do vậy, ta hỏi tỳ-kheo: ‘Vì trẫm đến mà người kim sắc diệt mất ư?’ Sư nói: ‘Đó chính là Biến Cát Bò Tát’. Ngài Biến Cát tự nói: ‘Nếu có người nào tụng kinh Pháp Hoa, ta sẽ cười voi trắng đến dạy bảo’. Tôi đọc kinh này, ngài Biến Cát tự đến. Biến Cát chính là Phổ Hiền Bồ Tát trong kinh. Ta nghe như thế xong, lễ dưới chân Ngài, lui ra. Vì thế, ta nay siêng năng cúng dường”.*

### *\* Thích Bạt Trùng ở Trường An vào đời Tấn*

Sư xuất gia lúc hai mươi tuổi, căn khí vụng về, chậm chạp. Sư thề tụng Pháp Hoa, mỗi ngày ghi nhớ một hàng, hoặc nửa bài kệ. Siêng khổ như thế, tới lúc tám mươi tuổi mới thông suốt một bộ. Một hôm, Sư bỗng thấy một vị thần mặc áo đỏ, cầm sớ đến nói: “Thiên đế phụng nghênh đón đại đức”. Sư đáp: “*Ta suốt đời tụng trì, chuyên cầu Cực Lạc. Đạo Lợi tuy thắng diệu, chẳng phải là điều ta mong mỏi!*” Thần bèn rời đi. Lại một tối, Sư mộng thấy tòa tháp lớn bằng bảy báu. Sư ở trên tầng thứ năm; nhìn ra xa, thấy bệ thành bằng bảy báu, chẳng có ngăn mé. Có hai vị thần kim cang cầm xử đứng, mây chục người mặc áo xanh, tay cầm phật trần trắng, phẩy bậc thang nói: “Đây là thành báu chón Tây Phương, đến đón ngài Bạt Trùng”. Sư tỉnh mộng, liền sai đem y bát [bán đi lấy tiền để] trai tăng đại chúng. Sư hỏi: “Các vị có thấy một ngàn vị Phật hay không?” Đại chúng nói: “Không thấy”. Lại hỏi: “Có người thấy mùi hương lạ hay không?” Đại chúng nói: “Đều người thấy”. Nói xong, Sư hướng về phương Tây, lặng lẽ qua đời.

### *\* Thích Huệ Viễn đời Tấn*

Sư họ Giả, người Nhạn Môn. Sư nghe sa-môn Thích Đạo An giảng kinh Bát Nhã, lập tức khai ngộ, bèn theo thầy tu học. Sư suy nghĩ, phụng tụng, trì niệm tinh tường. Năm Thái Nguyên thứ sáu (381), Sư tới Lư Sơn, trụ tại tinh xá Long Tuyền. Sư muốn dựng Lan Nhã, nhưng còn

thiếu vật liệu, cảm sơn thân hiện ra trong mộng. Một tối, đông tố to lớn. Đến sáng thì gỗ đã chát như rừng. Thứ Sử Hoàn Y kinh ngạc trước sự thần dị ấy, bèn vì Sư dựng chùa Đông Lâm, đặt tên đại điện là Thần Vận. Sư từng nói: *“Tam-muội trong các giáo, có rất nhiều danh tự, nhưng công cao, dễ tiến, niệm Phật đứng đầu”*. Sư bèn cùng Huệ Vĩnh, Huệ Trì v.v... kết xã niệm Phật. Người thuở ấy gọi họ là Thập Bát Hiền. Sư lại suất lãnh đại chúng gồm một trăm hai mươi ba người cùng tu Tịnh nghiệp. [Sư chế ra] đồng hồ sen để Thiên tụng sáu thời chẳng sót. Có pháp sư Huệ Nghĩa bộc trực, trẻ tuổi cậy tài, từng tới núi, gặp Sư đang giảng kinh Pháp Hoa, toan đến bắt bẻ, bỗng hổ thẹn, toát mồ hôi, lùi ra nói: *“Vị này lời lẽ, dung mạo thật đáng kính phục”*. Chư tăng ở Tây Thổ đều ca ngợi *“đất Hán có bậc khai sĩ Đại Thừa”*, thường hướng về phương Đông kính lễ.

Ba mươi mấy năm, Sư quyết chí nơi Tây Phương, ba lượt thấy thánh tượng, nhưng im lặng chẳng nói. Tối ngày Ba Mươi tháng Bảy năm Nghĩa Hy 12 (416), tại khám thất ở phía Đông đài Bát Nhã, Sư mới vừa từ Định khởi, thấy A Di Đà Phật, thân đầy khắp hư không. Trong viên quang, có vô lượng hóa Phật, Quán Âm và Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy nước chảy và quang minh, chia thành mười bốn nhánh, chảy vòng quanh cao thấp, diễn nói diệu pháp. Phật dạy: *“Ta do bốn nguyện lực đến an ủi ông. Bảy ngày sau, ông sẽ sanh về nước ta”*. Sư lại thấy Phật Đà Da Xá, Huệ Trì, Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân ở cạnh đức Phật, tiến lên trước, vòng tay thưa: *“Sư lập chí trước hết, sao lại đến trễ vậy?”* Sư biết đã tới lúc, bảo môn nhân rằng: *“Lúc ta mới ở nơi đây, đã ba lượt thấy thánh tượng, nay lại được thấy, ắt sẽ sanh về Tịnh Độ”*. Tối kỳ hạn, Sư ngồi ngay ngắn, nhập trong tịch tĩnh. Lúc đó là ngày Sáu tháng Tám. Sư có trước tác *Lư Sơn Tập* gồm mười quyển.

### **\* Thích Huệ Trì đời Tấn**

Sư là em cùng mẹ với tổ Huệ Viễn. Lúc mười tám tuổi, Sư học khắp các kinh với ngài Đạo An, thông hiểu Tam Tạng, tinh thông nhất là kinh Pháp Hoa. Thái Thú Dự Chương là Phạm Ninh từng thỉnh Sư giảng kinh Pháp Hoa và A Tỳ Đàm Luận. Bốn phương tụ tập như mây. Năm Long An thứ ba (399), Sư từ biệt anh để vào đất Thục. Ngài Huệ Viễn giữ lại. Sư nói: *“Đã muốn cắt bỏ ái dục thành đạo, đúng là nên mong cầu Tây Phương”*. Sư tới Thành Đô, trụ tại chùa Long Uyên, hoằng dương



Phật pháp rộng lớn. Người dự vào giảng đường của Sư nói là “*đăng Long Môn*”.

Tới tháng Tư năm Chánh Hòa thứ ba (1113) đời Tống, [quan lại ở] Gia Châu tâu trình gió đánh gãy cây to, có vị tăng đang nhập Định [trong thân cây ấy]. Vua sắc truyền đưa Sư về kinh đô. Tháng Tám, đưa Sư vào viện dịch kinh trong cung cấm. Gõ khánh vàng, vị tăng xuất định, nói: “*Tôi là Huệ Trì em của Huệ Viễn ở Đông Lâm. Do sang Tây đến Nga Mi, do vậy bèn nhập Định ở nơi ấy*”. Hỏi Sư muốn về đâu. Đáp: “*Trần Lưu*” rồi lại nhập Định. Tống Huy Tông sai người vẽ tượng Sư để ban hành, còn viết bài tán rằng: “*Thất bách niên tiền lão cổ trùy, định trung tiêu tức hứa thùy tri, tranh như chích lý Tây quy khứ, sanh tử đồ lao mộc tác bì*” (Búa cổ đã bảy trăm năm trước, trong Định tin tức há ai hay, khác nào dếp lẻ<sup>358</sup> về Tây Vực, nhọc nhằn sanh tử, gổ như da).

**\* Thích Tăng Duệ đời Tấn**

Sư là người Ký Châu, tham học khắp các nơi, đến trọn các cõi nước ở Thiên Trúc. Trở về Quan Trung, Sư theo ngài La Thập học kinh nghĩa. Ngài La Thập dịch kinh Pháp Hoa. Đối với câu “*thiên kiến nhân, nhân kiến thiên*” (người thấy trời, trời thấy người) trong bản dịch [kinh Chánh Pháp Hoa] của ngài Trúc Pháp Hộ, ngài La Thập nói: “*Câu này quá mộc mạc*”. Sư thưa: “*Chẳng phải là ‘nhân thiên giao tiếp, lưỡng đắc tương kiến’ (trời người giao tiếp, đôi bên trông thấy nhau) ư?*” Ngài La Thập hoan hỷ, bèn dùng câu văn ấy. Về sau, Sư vào Lư Sơn, nương theo Viễn công (tổ Huệ Viễn) tu Tịnh nghiệp. Sau đó, Sư dời sang kinh sư, trụ tại Ô Y Tự, giảng nói Pháp Hoa. Người nghe đều suy tôn khâm phục. Năm Nguyên Gia 16 (439), Sư hướng về Tây, chấp tay, qua đời. Mọi người thấy trước giường có một đóa sen vàng trong khoảnh khắc ầm mát. Khói hương năm màu từ trong thất tuôn ra.

**\* Thích Pháp Sùng tại Diệm Đông đời Tấn**

Sư họ Trúc, nhập đạo từ nhỏ, được xưng tụng là bậc giới hạnh, có tiết tháo. Sư dốc chí nơi kinh luận, giỏi nhất là Pháp Hoa. Sư từng sang

---

<sup>358</sup> Tô Đạt Ma sau khi đã tịch, có người sang sứ Tây Vực thấy Tô quấy một chiếc dếp đi. Người ấy về tâu lên, vua cho khai quật mộ, chỉ thấy trong quan tài còn một chiếc dếp. Câu này có ý sánh ví ngài Huệ Vĩnh thân dị chẳng khác gì tổ Đạt Ma.

Lộc Sơn ở Tương Châu. Sơn tinh hóa làm người cõi trời đến xin thọ giới với Sư. Do vậy, sơn tinh xả núi đang cư trú để dựng chùa. Sư ở đó ít lâu, biến chỗ ấy thành chốn thịnh vượng. Sau đó, Sư trở về núi Cát Hiện, kết lều tranh, uống nước suối, vui với thiên huệ. Sư có soạn Pháp Hoa Nghĩa Sớ gồm bốn quyển.

**\* Thích Đạo Dung tại quận Bành Thành đời Tấn**

Sư theo ngài La Thập vào vườn Tiêu Dao, tham dự dịch trường để dịch bản mới tường tận của kinh Pháp Hoa. Sư mở tòa giảng kinh, ngài La Thập tự đến nghe, than là rất tuyệt diệu. Sư và ngài Đàm Ảnh đều soạn Pháp Hoa Văn Sớ, cùng được lưu truyền trong cõi đời. Ngài Đàm Ảnh khéo giảng Chánh Pháp Hoa và Quang Tán Bát Nhã. Mỗi vị xiển dương, người nghe đến cả ngàn. Sư cũng giúp ngài La Thập dịch kinh, được đại sư hết sức quý trọng.

**\* Thích Đàm Dục đời Tấn**

Sư là người Dư Hàng. Trước kia, sa-môn Pháp Chí thường tụng Pháp Hoa, có con chim trĩ thường bay liệng nơi góc tòa, ra vẻ như đang lắng nghe. Bảy năm sau, chim trĩ chết, ngài Pháp Chí đem chôn nó. Ban đêm, Sư mộng thấy một bé trai đến bái tạ: “Do nghe kinh mà con thoát khỏi loài chim. Nay con sanh làm con của nhà họ Vương ở trước núi”. Nhà họ Vương một hôm thiết trai. Sư vừa đặt chân đến cửa, đứa bé nói: “Hòa thượng của ta đến rồi!” Pháp Chí vỗ về nói: “Đây là bé trĩ của ta”. Cởi áo ra xem, dưới nách quả nhiên có ba cọng lông chim trĩ. Do vậy, đặt tên là Dục (翼, cánh). Đàm Dục bảy tuổi xuất gia, mười sáu tuổi xuống tóc. Thoạt đầu, Sư vào Lư Sơn, nương cây Viễn công. Tiếp đó, vào Quan Trung, theo học với ngài La Thập. Năm Nghĩa Hy 13 (417), Sư trở về Cối Kê ở phương Đông. Sư vào núi Tân Vọng, kết am tranh, gọi đó là Pháp Hoa Tinh xá, chuyên tụng Pháp Hoa.

Mười hai năm sau, có một cô gái mặc áo màu, xách cái lồng, trong đó đựng một con lợn trắng và hai củ tỏi. Cô ta tới trước mặt Sư nói: “Thiếp vào núi hái rau Vi<sup>359</sup>, trời đã tối rồi, sài lang tung hoành, trở về sẽ chẳng còn nẻo sống! Dám xin ở nhờ Sư một đêm”. Sư tận lực khước từ,

---

<sup>359</sup> Vi (薇) là một loại rau dại, thuộc loài Dương Xi, tức Royal Fern, thường mọc dưới bóng cây, dọc bờ suối. Phần thường được dùng để ăn là búp non của nó.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

cô gái buồn khóc không ngừng! Sư bèn cho cô ta nằm trên giường cỏ. Nửa đêm, cô ta kêu đau bụng, xin Sư xoa bụng. Sư lấy vải bọc tích trượng, từ xa ấn lên bụng cô. Hôm sau, áo màu của cô gái biến thành mây lành, lợn biến thành voi trắng, tỏi hóa thành hai đóa sen, cô ta thăng lên không, bảo Sư rằng: “*Ta là Phổ Hiền Bồ Tát. Do không lâu nữa, ông sẽ quy thuộc đại chúng của ta, nên ta đặc biệt đến thử. Xem cái tâm của ông đúng là trắng trong nước, chẳng thể bị nhiễm ô!*” Ngài nói xong, trời đổ mưa hoa, đất đều chấn động. Thái Thú Mạnh Ký Phương sáng dậy xem xét công việc, bỗng thấy mây lành ở phương Nam, ánh sáng chiếu tận vào sân, biết là đức Phổ Hiền thị hiện ứng hóa, bèn tâu chuyện ấy lên triều đình. Vua sắc truyền kiến tạo chùa Pháp Hoa, tức là Thiên Y Tự hiện thời. Sư đã hóa, đại chúng dùng nhựa cây sơn bó thân Ngài, giữ trong núi!

### *\* Thích Pháp Khoáng chùa Ngõa Quan ở kinh đô đời Tấn*

Sư họ ngoài đời là Cao, ngụ cư tại Ngô Hưng; phong cách, tiết tháo cao vời. Sư từng vì thầy mình lễ sám, tới ngày thứ bảy, cảm vờ quang minh năm màu chiếu vào phòng, bệnh thầy liền lành. Về sau, Sư ở trong hang đá nơi núi Tiềm Thanh, mỗi ngày giảng ý chỉ “*hội tam thừa về nhất thừa*” trong kinh Pháp Hoa, dạy kinh Vô Lượng Thọ là cái nhân của Tịnh Độ. Sư thường ngâm vịnh hai bộ [kinh ấy]. Tạ An là thái thú Ngô Hưng, luôn hướng về Sư bày tỏ lòng tôn kính. Giản Văn Đế<sup>360</sup> vờ Sư đến hỏi về những sinh hoạt thường nhật. Khi đó, có sao chổi xuất hiện, vua đem chuyện đó cầu Sư. Sư dốc hết lòng thành sám hối để giải trừ tai nạn. Chẳng mấy chốc, sao chổi diệt mất. Trong niên hiệu Hưng Ninh<sup>361</sup>, Sư sang phương Đông đến Nhã Da, trụ tại chùa Xương Nguyên để cứu vớt những kẻ bệnh khổ, không gì chẳng thỏa lòng mong đợi. Người ta thường thấy nơi Sư đi ngồi có mấy chục vị quỷ thần hộ vệ trước sau!

### *\* Thích Pháp Tự tại núi Thạch Thất ở Tây Thục vào đời Tấn*

---

<sup>360</sup> Giản Văn Đế là Tư Mã Dục (320-372), tên tự là Đạo Vạn, vua thứ mười bốn của nhà Tấn.

<sup>361</sup> Hưng Ninh là niên hiệu sử dụng từ năm 363 đến năm 365 của Tấn Ai Đế (Tư Mã Phi).

Sư là người Cao Xương, đức hạnh thanh cao, cần trọng, ăn chay, tu Thiền. Về sau, vào đất Thục, sống trong khu mộ của Lưu sư, tu hạnh Đầu Đà trong sơn cốc. Cọp, rắn trông thấy Sư chẳng gây thương tổn. Sư tụng ba kinh Pháp Hoa, Duy Ma, và Kim Quang Minh, từng ở trong nhà đá, vừa tu Thiền, vừa tụng niệm. Trong lúc giữa Hạ, Sư bỗng nằm bên hông phải qua đời. Bảy ngày [thi thể] chẳng hoại, người làng bèn dựng tháp. Một đêm, tháp tỏa ánh sáng chiếu tỏ mây dậm!

**\* Thích Pháp Nghĩa đời Tấn**

Sư họ Trúc, nhập đạo từ thuở trẻ chớm, nghiên học tinh tường kinh Pháp Hoa. Về sau, ra kinh đô, mở tòa giảng pháp rộng rãi. Trong niên hiệu Hưng Ninh, Sư trở về Giang Tả<sup>362</sup>, ẩn dật tại tinh xá Bảo Sơn ở Cối Kê. Năm Hàm An thứ hai (372), Sư bỗng mắc bệnh, nhưng tụng kinh chẳng ngừng. Sư thường niệm Quán Âm, đêm mộng thấy một đạo nhân lôi ruột và bao tử Sư ra, gột rửa sạch hẳn rồi lại nhét vào bụng. Sư thức giấc, bệnh đã khỏi hẳn!

**\* Hoa sen mọc từ hòm sành**

Năm Kiến Hưng thứ hai (314) đời Tấn, cách huyện Trường Sa hơn một trăm dặm về phía Tây, từ trên đất bằng nảy sanh hai gốc hoa sen xanh. Đạo tục tranh nhau đến xem. Do vậy, đào đất xuống một trượng hai thước, tìm được một cỗ quan tài bằng sành. Sen trở từ chỗ quan tài bị hư hoại. Mở ra xem, thân rễ hoa sen mọc từ chỗ vòm miệng của đầu lâu. Phụ lão nói: “Xưa kia có vị tăng chẳng biết tên họ. Sư tụng kinh Pháp Hoa hơn một vạn bộ. Chẳng bệnh tật mà qua đời. Dùng sành làm quan tài, chính là cỗ quan tài này đây”. Mọi người dựng chùa tại đó, đặt tên là Ngõa Quan (瓦官, quan tài bằng sành).

**\* Lưu Trình Chi đời Tấn**

---

<sup>362</sup> Giang Tả chính là Giang Đông, tức vùng phía Đông sông Trường Giang (sông Dương Tử), bao gồm các tỉnh Giang Tô, An Huy, thành phố Thượng Hải, tỉnh Chiết Giang, tỉnh Giang Tây hiện thời.

Ông có tên tự là Trọng Tư, người Bành Thành. Thoạt đầu, ông ra làm quan, làm Tham Quân<sup>363</sup> tại phủ. Sau đó, vào Lư Sơn, do dốc lòng theo Phật, nên từ quan. Triều đình bàn định, ban hiệu cho ông là Di Dân. Ông cùng với Viễn công, Lô Thứ Tông, Châu Tục Chi, Tông Bình, Trương Thuyên v.v... kết liên xã cùng tu Tịnh Độ. Ông khắc lời thề trên đá, lại soạn thơ niệm Phật tam-muội để tỏ ý chuyên niệm và tọa Thiền. Mới tu tập được nửa năm, ông liền ở trong Định, thấy Phật quang chiếu đất đều thành kim sắc. Ông sống trong núi mười lăm năm, trong khi đang niệm Phật, thấy A Di Đà Phật, quang minh từ tướng ngọc hào chiếu soi, an ủi, xoa đỉnh đầu. Một hôm, ông niệm Phật, lại thấy vào ao bảy báu, hoa sen xanh trắng. Nước ấy trong lặng. Một người cổ có viên quang, lồng ngực có chữ Vạn, chỉ nước ao bảo: “Nước tám công đức, ông hãy nên uống”. Trình Chi uống nước, thơm ngọt phi thường. Tới khi tỉnh giấc, vẫn thấy mùi hương lạ tỏa ra từ lỗ chân lông. Ông than: “*Đây là duyên Tịnh Độ của ta đã tới*”.

Ông lại thỉnh tăng, chuyên đọc kinh Pháp Hoa vài trăm lượt. Chư tăng ở Lư Sơn đều nhóm tới, Trình Chi đối trước tượng, dâng hương, lại lay, chúc rằng: “*Con do di giáo của đức Thích Ca nên biết có từ phụ Di Đà. Hương này trước hết cúng dường Thích Ca Mâu Ni Như Lai, kế đến cúng A Di Đà Phật. Kế đó, cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sở dĩ được sanh về Tịnh Độ, đều do trì kinh này. Nguyên cho hết thấy hữu tình, đều sanh về Tịnh Độ*”. Ông hướng mặt về Tây, chấp tay, qua đời. Khi đó là năm Nghĩa Hy thứ sáu (410), mùi hương lạ ngào ngạt, suốt bảy ngày mới tan. Viễn công soạn bia ghi đức hạnh của ông.

**\* Sa-môn Cầu Na Bạt Ma (Guṇavarman) nước Kế Tân đời Tống**

Tên Sư dịch sang tiếng Hán là Công Đức Khải. Sư thọ giới lúc hai mươi tuổi, tụng kinh Pháp Hoa và các kinh, hơn trăm vạn câu. Nguyên Gia nguyên niên (424), Sư theo thuyền buôn thuận gió tới Quảng Châu. Tống Văn Đế (Lưu Nghĩa Long) nghe tin, sắc châu quận phát tiền. Sư theo đường bộ, tới trụ tại núi Hồ Thị, lập riêng một Thiền thất ở ngoài chùa trên núi. Núi trước đó vốn có nhiều hổ gây tai ương. Từ đó trở đi, [người] đến đi không sao cả. Hoặc có lúc gặp hổ, Sư lấy trượng ấn đầu nó mà đi. Sư từng có lúc tọa Thiền trong biệt thất, khi sa-di đến, thấy

---

<sup>363</sup> Tham Quân còn gọi là Tham Quân Sự, tức Tham Mưu Quân Vụ, là chức quan võ, làm cố vấn cho trưởng quan.

một con sư tử trắng đứng dựa vào cột. Khắp quanh thất trở hoa sen xanh, màu sắc, ánh sáng chói mắt. Sa-di kinh ngạc hô lên, bỗng chẳng thấy gì nữa. Tháng Giêng năm Nguyên Gia thứ tám (232), Sư tới Kiến Khang (Nam Kinh), vua sắc trụ trì chùa Kỳ Hoàn. Sư khai giảng Pháp Hoa, biện tài màu nhiệm lưu loát, người nghe đều sanh giải ngộ. Mùa Hạ năm ấy, Sư ở chùa Định Lâm, khi đó có người tin tưởng hái hoa xếp quanh tòa giảng, chỉ có chỗ Sư ngồi là sắc hoa càng tươi thắm, mọi người đều nói đó là dấu hiệu cho thấy Sư đã chứng thánh.

**\* Thích Đạo Sanh đời Tống**

Sư là người Cự Lộc. Từ bé, theo ngài Trúc Pháp Thái xuất gia. Thoạt đầu, Sư vào Lư Sơn, ở yên trong núi bảy năm. Khi đó, Sư tụng kinh Pháp Hoa, từng cho rằng trong lẽ trọng yếu để nhập đạo, huệ giải là gốc. Do vậy, Sư dùi mài nơi các kinh, chẳng ngại mệt khổ. Sư vào Quan Trung, theo học với ngài La Thập, biện tài vấn đáp cao vời, cõi đời đều gọi Ngài là “*thần ngộ*”. Về sau, Sư vào núi Hồ Khâu giảng kinh. Tới đoạn “*Xiển Đề đều có Phật tánh*”, các tảng đá đều gật đầu. Sư lại ở Bán Đường, tụng kinh Pháp Hoa. Có một bé trai theo Sư xuất gia, cũng tụng Pháp Hoa. Hiềm rằng bé trai mạng chung; do vậy, chôn nó trong rừng. Một tối, [nơi mộ nó] nghe tiếng tụng kinh, người làng lấy làm lạ. Đào lên xem, thấy lưỡi nó trở hoa sen xanh. Do vậy, dựng tháp, sau xây thành chùa (tức là chùa Bán Đường hiện thời).

Cao Khải Vi vịnh thơ rằng: “*Hoàng thổ đàn mai cốt, khởi năng mai tánh linh. Tích văn túc thảo gian, tăng phún liên hoa thanh. Thân quy trường dạ đài, khẩu tụng Tây Phương kinh. Tầm tích thù yếu yếu, văn thanh mỗi lãnh lãnh. Hàn đặng chiếu không tháp, thời hữu sơn tăng thính, ung sử lân trung văn, trầm mê tận giai tỉnh*” (Đất vàng chỉ vùi xương, há chôn nổi tánh linh? Xưa nghe trong đám cỏ, từng trở hoa sen xanh. Thân về cõi đêm thắm, miệng tụng kinh Tây Phương. Tìm dấu ôi buồn thắm, nghe tiếng mỗi lạnh lùng. Đèn lạnh soi tháp trông, sơn tăng vừa lắng nghe, khiến cho các mộ gần, trầm mê đều tỉnh ngộ).

**\* Thích Pháp Trang đời Tống**

Sư là người Hoài Nam; thuở trẻ, làm đệ tử của Viễn công, nổi danh khổ hạnh. Tuổi già, Sư sang Quan Trung, theo học với Duệ Công (ngài Tăng Duệ). Đầu niên hiệu Nguyên Gia, Sư trụ tại chùa Đạo Tràng.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Bâm tánh đơn giản, Sư mỗi ngày chỉ ăn một bữa Ngọ, tụng kinh Niết Bàn và Pháp Hoa, cảm thiên thần đến nghe. Vào cuối đêm, mỗi khi Sư phúng tụng, những người ở gần đó thường nghe trước thốt của Sư có tiếng binh khí [của thiên nhân] bảo vệ.

### *\* Thích Huệ Khánh đời Tống*

Sư họ Trúc, người Quảng Lăng, trụ tại chùa Lư Sơn, học thông tỏ kinh luật, là bậc thanh khiết, có giới hạnh. Sư tụng các kinh như Pháp Hoa, Tư Ích v.v... Mỗi đêm Sư phúng tụng, đều nghe trong bóng tối có tiếng khảy ngón tay, tán thán. Trong niên hiệu Nguyên Gia, Sư vượt sông gặp gió mạnh, thuyền sắp chìm, Sư chỉ tụng kinh không ngớt, cảm thấy thuyền ở trong sóng dữ, đón bão vượt dòng, như có người kéo đi vậy. Chốc lát bỗng đến được bờ!

### *\* Thích Đạo Quynh ở chùa Nam Giới tại kinh đô thời Tống*

Sư là người Phù Phong. Vì thầy bệnh, Sư cùng bạn học ba người, vào Hoắc Sơn ở Hà Nam để hái nhũ thạch. Vào trong hang mấy dặm, ba người chết chìm, đèn đuốc lại tắt ngóm. Đạo Quynh thầm tụng kinh Pháp Hoa, cậy vào lòng thành xin được cứu tế. Sư lại nghĩ tới đức Quán Âm, trong khoảnh khắc, có ánh sáng như đom đóm. Sư noi theo, bèn ra khỏi hang. Về sau, Sư cử hành Phổ Hiền Trai, có hai vị tăng đến lễ Phật, ra khỏi cửa bay lên không đi mất. Mọi người đều kinh dị.

### *\* Thích Đàm Đế đời Tống*

Sư họ Khang, tổ tiên là người nước Khang Cư<sup>364</sup>. Cuối đời Hán, chuyển vào Trung Hoa. Sau dời đến Ngô Hưng. Cha Sư tên là Đan, làm Biệt Giá<sup>365</sup> ở Ký Châu. Mẹ Sư họ Hoàng, đêm nằm ngủ, mộng thấy một

---

<sup>364</sup> Khang Cư (Sogdiana) là một quốc gia ở Trung Á, thuộc miền Đông nước Kazakhstan (tức thung lũng Ferghana hiện thời) và lưu vực sông Syr Daria. Sử Trung Hoa cho biết nước này nằm phía Bắc Đại Uyển, phía Tây nước Ngô Tôn, giáp giới Nhục Chi ở phía Nam. Người Khang Cư là dân du mục. Hậu duệ của họ là người Zhuz ở nước Kazakhstan.

<sup>365</sup> Chức quan này gọi đủ là Biệt Giá Tùng Sự Sứ, là quan phụ tá của Thứ Sử coi một châu. Do địa vị khá cao, khi du hành có xe riêng, chẳng ngồi cùng một xe với Thứ Sử, cho nên gọi là Biệt Giá, có trách nhiệm xử lý thường vụ (hay thường gọi là

vị tăng gọi bà Hoàng là mẹ, gởi một chiếc phát trần và hai cái chặn sách<sup>366</sup> bằng sắt chạm trổ. Tới khi bà thức, thấy cả hai món đồ đều còn đó. Do vậy, bà bèn có thai Sư. Khi năm tuổi, mẹ lấy các vật như phát trần v.v... cho xem, Sư nói: “Do Tần vương biếu tặng”. Mẹ hỏi: “Con đặt ở chỗ nào?” Đáp: “Quên mất rồi!” Sư mười tuổi xuất gia, chẳng theo thầy học mà tự giải ngộ. Đối với ý chỉ uyên áo của kinh Pháp Hoa, Sư biện giải như sông treo. Sư từng theo cha đến Phàn Đặng, gặp một vị tăng đến từ Quan Trung là Lược đạo nhân. Sư bỗng gọi tên vị ấy. Lược đạo nhân nói: “Vì sao bé trai lại gọi tên của bậc tôn túc?” Ngài Đạo Đệ đáp: “Xưa kia hòa thượng chính là sa-di của Đệ. [Hòa thượng] vì chúng tăng hái rau, bị lợn rừng làm bị thương. Nay bỗng gặp ông, ta bất giác kêu lên”. Thoạt đầu, Lược đạo nhân chẳng nhớ, bèn dò hỏi, Sư kể đầu đuôi, còn đem chặn sách và phát trần cho xem. Lược đạo nhân hiểu ra, khóc nói: “Ngài chính là tiên sư Hoàng Giác pháp sư. Tiên sư từng giảng kinh Pháp Hoa cho Diêu Thành, bản đạo làm đô giảng<sup>367</sup>. Diêu Thành tặng thầy hai món đồ”. Ông ta nhớ lại ngày sư Hoàng Giác nhập diệt, chính là ngày gởi gắm hai vật ấy. Lại nhớ đến chuyện hái rau, càng thêm bi ngưỡng. Đến già, Sư vào chùa Vũ Khâu ở đất Ngô, giảng Pháp Hoa, Đại Phẩm, Duy Ma, mỗi kinh mười lăm lượt. Về sau, Sư trở về Ngô Hưng, nhàn cư, uống nước suối suốt hai mươi mấy năm. Cuối niên hiệu Nguyên Gia, Sư thị tịch trong núi.

**\* Thích Đàm Thúy đời Tống**

Sư trụ tại chùa Bạch Mã ở Hà Âm, ăn rau, áo vải, tụng kinh Chánh Pháp Hoa mỗi ngày một lượt. Sư từng có lần trong đêm nghe có người gõ cửa, thưa: “*Thỉnh Sư giảng kinh chín mươi ngày*”. Sư từ chối, [người ấy] cứ cố kéo nài, Sư bèn chấp thuận. Sư vẫn đang ngủ, bỗng thấy thân mình đã ở trong đền Bạch Mã, cũng có một đệ tử cùng ở đó. Từ đấy, mỗi ngày Sư ngằm tới, chẳng có ai biết. Về sau, tăng sĩ trong chùa đi qua đền ấy, thấy có hai cái tòa cao. Sư ở phía Bắc, đệ tử ở phía Nam, dường như có tiếng giảng nói. Lại nghe mùi hương lạ. Do vậy, cùng nhau lan truyền chuyện thần dị. Sư giảng kinh tới Hạ mới xong.

---

Chánh Văn Phòng theo nghĩa hiện thời) trong phủ thự của quan tri châu (thứ sử). Đòi Tùy, chức quan này được gọi là Trưởng Sử. Đòi Tống, đổi thành Thông Phán.

<sup>366</sup> Chặn sách (thư trấn) tức là vật dùng để đề lên trang sách khi đọc để sách khỏi bị xếp lại.

<sup>367</sup> Người phụ tá sắp xếp cho pháp sư giảng kinh.



**\* Thích Phổ Minh đời Tống**

Sư họ Trương, người Lâm Truy, xuất gia từ bé, bẩm tánh thanh thuần, lấy sám tụng làm hạnh nghiệp. Khi Sư tụng kinh Pháp Hoa, bèn có tòa riêng, áo riêng, chưa từng uế tạp. Mỗi khi tụng tới phẩm Khuyến Phát, liền thấy đức Phổ Hiền cười voi sáu ngà đứng trước mặt.

**\* Thích Bảo Thông đời Tống**

Sư phạm hạnh tinh tu, tụng phẩm Đà La Ni của kinh Pháp Hoa đã lâu ngày. Lâu sau bèn có sự linh dị. Thuở đó, tại thôn Dương Kiều, có vợ người họ Triệu bị quỷ mị dựa, thỉnh Sư tụng phẩm Đà La Ni. [Sư đến nơi], có thần hiện hình, gọi quỷ ấy đến quở trách. Vợ ông Triệu lành bệnh. Về sau, bệnh lại tái phát. Sư qua đó, thấy con quỷ đã bị quở trách lần trước. Sư nói: “Lần trước ta đã răn dạy, nay sao ngươi lại đến nữa? Ta sẽ tụng chú, khiến cho đầu ngươi vỡ thành bảy miếng như cành cây A Lê!” Quỷ khấu đầu, ai oán van xin, bỏ đi. Bệnh [của vợ ông Triệu] liền lành!

**\* Thích Tăng Đăng đời Tống**

Sư trụ tại chùa Đại Lâm ở Lư Sơn, tụng thông suốt kinh Pháp Hoa, ngày đêm chẳng dứt. Một hôm, bỗng thấy trên hư không có một tòa điện bằng bạc, dần dần hạ xuống trong phòng, chợt biến thành điện vàng. Sư vào điện, ngồi, đứng, kinh hành. Suốt ba năm như thế. Xa gần tuân theo sự giáo hóa của Sư. Sư vì người khác thuyết giới, miệng tỏa quang minh. Một hôm, Sư ra ngoài, trở về, bảo đệ tử: “*Nay ta sẽ lên điện vàng, chẳng trở ra nữa!*” Sư lập tức thân nhiên thoát hóa. Mùi hương lạ quanh quẩn cả tháng!

**\* Thích Pháp Huệ đời Tống**

Sư vốn họ Hạ Hầu, giữ chí siêng khô, luật hạnh nghiêm cẩn, trong sạch. Cuối niên hiệu Đại Minh<sup>368</sup>, Sư sang Đông thăm Vũ Huyệt, ẩn cư

---

<sup>368</sup> Đại Minh là niên hiệu thứ hai của Tống Hiếu Vũ Đế (Lư Tuấn) sử dụng từ năm 457 đến 464.

tại núi Thiên Trụ, tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày trọn một bộ, chí vượt cõi trần. Sư ở đó hơn ba mươi năm, vương hầu, kẻ phú quý, chỉ đến bái lạy ở cửa rồi quay về. Chỉ riêng ông Châu Ngung ở Nhữ Nam, do tín lẫn giải đều sâu, đặc biệt được Sư tiếp xúc. Chỗ Sư tụng kinh luôn có mây màu bao phủ trên không trung.

**\* Thích Huệ Lượng đời Tống**

Từ bé, Sư đã có danh tiếng tốt đẹp. Sư lập chùa tại Lâm Truy, giảng Pháp Hoa, Đại Phẩm, Tiểu Phẩm [Bát Nhã]. Người theo học vân tập từ ngàn dặm. Về sau, Sư vượt sông, trụ tại chùa Hà Viên. Nhan Diên Chi, Trương Tự luyện mộ đức lưu luyện, thường than rằng: “*Lời lẽ thanh diệu, [pháp đạo] sắp dứt mà lại được phục hưng*”. Sư trước tác bộ Huyền Thông Luận được lưu hành trong cõi đời.

**\* Thích Huệ Quả ở Dương Châu đời Tống**

Sư từ bé đã ăn chay, giữ vững khí tiết. Trong niên hiệu Thái Thi<sup>369</sup>, Sư sang kinh đô, trụ tại chùa Ngõa Quan, tụng kinh Pháp Hoa và Thập Địa. Sư từng ở trong nhà xí gặp một con quỷ kính lễ, thưa: “Xưa kia tôi làm duy-na của chúng tăng, có chuyện nhỏ nhặt không đúng pháp, bị đọa làm quỷ trong nhà xí. Pháp sư từ bi hãy rủ lòng cứu bạt. Tôi có ba ngàn đồng chôn dưới gốc cây ấy. Xin Sư dùng đó để làm phước”. Sư bảo đại chúng đào tiền lên, vì ông ta tạo một bộ kinh Pháp Hoa. Sau đó, mộng thấy quỷ nói: “Do từ lực đã được thác sanh”, hết sức cảm tạ rồi đi!

**\* Thích Huệ Ích ở kinh đô đời Tống**

Sư người Quảng Lăng. Trong niên hiệu Hiếu Kiến<sup>370</sup>, Sư trụ tại chùa Trúc Lâm, tụng kinh Pháp Hoa, khổ hạnh chuyên ròng. Sư thề thiêu thân, phỏng theo chuyện của Dược Vương Bồ Tát. Vua sai sứ khuyển lon, nhưng Sư không nghe. Năm Đại Minh thứ bảy (463), nhằm ngày Phật Đản, Sư đến cung khuyết từ biệt nhà vua, dặn dò [vua gắng hộ trì]

---

<sup>369</sup> Thái Thi là niên hiệu của Tống Minh Đế (Lưu Úc) sử dụng từ năm 465 đến 471.

<sup>370</sup> Hiếu Kiến là niên hiệu đầu tiên của Tống Vũ Đế (Lưu Tuân) sử dụng từ năm 454 đến năm 456.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Phật pháp. Sư đặt vạc dầu ở Chung Sơn, dùng vải bông quấn thân, tay tự cầm đuốc đốt lửa, tụng phẩm Dược Vương. Lửa cháy tới mắt thì tiếng tụng kinh mới dứt. Khi đó, [mọi người] nghe tiếng kèn, sáo, mùi hương ngào ngạt. Ban đêm, vua mộng thấy Sư căn dặn hộ pháp. Hôm sau, vua mở đại hội, sắc truyền lập chùa Dược Vương tại chỗ Sư thiêu thân.

### *\* Thích Tăng Du đời Tống*

Sư quê ở Dư Hàng. Thoạt đầu, Sư trụ tại rừng phía Nam của Lu Sơn, dựng tinh xá Chiêu Đề, thường trì Pháp Hoa. Tháng Sáu năm Hiếu Kiến thứ hai (455), Sư bảo đại chúng: “*Kết lụy trong tam đồ là do tình kiến và thân xác. Tình kiến cũng sắp tận, thân hình cũng nên bỏ đi. Đường lối của Dược Vương, há có xa gì!*” Sư cáo biệt đại chúng, vào cái khám trong đồng củi, ngồi ngay ngắn, tụng phẩm Dược Vương đốt thân rồi lấy đuốc nhóm lửa. Đại chúng thấy khí màu tía vọt lên không. Mười ngày sau, chỗ Sư đốt thân sanh hai cây ngô đồng, người hiểu biết bảo đó là Sa La song thụ hiện ra.

### *\* Ni Huệ Ngọc đời Tống*

Ni sư người Trường An, trụ tại chùa Mục Ngưu ở Giang Lăng, tụng các kinh như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm v.v... mười ngày đã thông suốt. Trong niên hiệu Nguyên Gia<sup>371</sup>, Sư thấp hương, lễ Phật, thề rằng: “*Nếu lòng thành cảm ứng, sau khi xả thân, được thấy cõi Phật, thì trong vòng bảy ngày, nguyện thấy Phật quang*”. Tới đêm thứ năm, trong rừng cây ở phía Đông chùa, bỗng hiện tướng quang minh, hình sắc rạng rỡ. Đại chúng đều than hy hữu.

### *\* Ni Đạo Thọ đời Tống*

Trong niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, ni Đạo Thọ tụng kinh Pháp Hoa trọn ba ngàn bộ. Thường thấy trên không trung có quang minh, lọng báu rủ xuống che đỉnh đầu.

### *\* Phí Thị vợ ông La Dư ở Thục Đô đời Tống*

---

<sup>371</sup> Nguyên Gia là niên hiệu của Tống Văn Đế (Luu Nghĩa Long) từ năm 424 đến năm 453.

Bà tụng Pháp Hoa từ thuở trẻ, siêng năng tới mức chẳng mỗi mệt. Về sau, bà bị đau tim, chết ngất. Trong khi chờ khâm liệm, bà bỗng mộng thấy Phật đưa tay xoa tim, ngay khi đó bà liền lành bệnh. Mọi người trong nhà đều thấy kim quang, cũng nghe mùi hương.

**\* Ni Trí Thông chùa Giản Tĩnh đời Tống**

Bà xả giới (hoàn tục), lấy ông Lương Quần Phủ, sanh một trai được bảy tuổi. Nhà nghèo không có quần áo. Lúc bà làm ni, có lụa trắng chếp kinh Pháp Hoa, liền gột tẩy để làm quần áo cho con. Bỗng toàn thân bà sanh ghẻ lở, trùng trắng cùng khắp. Bà kêu gào mười ngày rồi chết, nghe trên không trung có tiếng nói: “*Hoại kinh làm áo, mắc hoa báo này. Quả báo là trong địa ngục*”. Đó cũng là chuyện trong niên hiệu Nguyên Gia.

**\* Vương Huyền Mô đời Tống**

Ông là người huyện Kỳ ở Thái Nguyên. Trong niên hiệu Nguyên Gia, ông dẫn quân chinh phạt miền Bắc, thất trận, Tiêu Bân<sup>372</sup> muốn giết chết. Thảm Khánh Chi can rằng: “Phật Ly (tên thuở bé của Ngụy Thế Tổ<sup>373</sup>) oai chấn thiên hạ, há Huyền Mô có khả năng chống nổi ư? Hơn nữa, giết chiến tướng chỉ khiến cho chính mình yếu thêm!” Tiêu Bân bèn thôi. Thoạt đầu, Huyền Mô thấy sắp bị giết, mộng thấy có người bảo: “*Có thể tụng phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa và Quán Âm thần chú một ngàn lần, sẽ có thể thoát khỏi*”. Ông thức dậy, tụng niệm chẳng lời

---

<sup>372</sup> Tiêu Bân là cháu họ của Tiêu Tư Thoại (Tiêu Tư Thoại là cháu gọi bà Tiêu Văn Thọ là cô). Bà Tiêu Văn Thọ lấy Lưu Kiêu (tức chú của vua khai sáng nhà Lưu Tống là Lưu Dụ). Mẹ Lưu Dụ mất ngay sau khi sanh, bà Tiêu Văn Thọ nuôi nấng Lưu Dụ như con ruột. Về sau, Lưu Dụ lên làm vua, bèn tôn Lưu Kiêu làm Hiếu Hoàng Đế, phong cho Tiêu Văn Thọ làm Hoàng Thái Hậu. Khi bà mất, được vua tôn phong thụy hiệu là Hiếu Ý Thái Hậu. Do vậy, Tiêu Tư Thoại và họ Tiêu được trọng dụng. Tiêu Bân do có tài thao lược, được Tống Văn Đế trọng dụng, phong làm chủ soái cuộc Bắc phạt đánh nhà Bắc Ngụy.

<sup>373</sup> Ngụy Thế Tổ tức là Ngụy Thái Vũ Đế, tên là Thác Bạt Đảo. Ông này cũng là người nghe theo lời sấm tấu của đạo sĩ Thôi Hạo, diệt trừ Phật giáo tại Bắc Ngụy. Đây là lần pháp nạn đầu tiên của Phật giáo Trung Hoa.

lông. Bỗng nghe tin báo đã ngưng hành hình. Về sau, ông làm quan tới chức Khai Phủ<sup>374</sup>.

**\* Vương Huệ Xung đòi Tống**

Năm Nguyên Gia thứ tư (427) đòi Tống, người xứ Sơ Đô là Tôn Ngạn Tăng gia đình nhiều đời thờ Phật, có người thiếp tên là Vương Huệ Xung thường tụng kinh Pháp Hoa. Cô bỗng thấy bên sông có quang minh. Đào lên, tìm được một bức tượng Phật bằng vàng, phía trước có khắc rằng: “*Năm Canh Tý thuộc niên hiệu Kiến Vũ thứ sáu (340), đạo nhân thuộc quan tự là Pháp Tân tạo*”; Pháp Tân chính là tiền thân của người thiếp ấy.

**\* Thích Huệ Tấn đòi Tề**

Trong niên hiệu Vĩnh Minh<sup>375</sup> đòi Tề, tại chùa Cao Tòa ở Dương Châu, có sư Thích Huệ Tấn là người xứ Ngô Hưng. Sư thuở trẻ hùng dũng, thích hành hiệp. Lúc bốn mươi tuổi, bỗng ngộ vô thường. Do vậy, Sư xuất gia, áo vải, ăn rau, thề tụng Pháp Hoa, dụng tâm siêng khổ. Sư vừa cầm quyền kinh liền bị bệnh, bèn phát nguyện tạo một trăm bộ Pháp Hoa để sám hối tội chướng đời trước. Nguyện tạo kinh đã mãn, Sư cũng lành bệnh. Sau đó, Sư nguyện hồi hướng hạnh nghiệp tụng niệm để được sanh về Tịnh Độ, nghe trên không trung có tiếng nói: “*Nguyện của ông đã trọn, nhất định được vãng sanh*”. Lúc Sư ngoài tám mươi tuổi, không bệnh tật mà mất.

**\* Thích Hoàng Minh đòi Tề**

Sư là người Cối Kê, vững chí siêng khổ, có khí tiết. Trong niên hiệu Vĩnh Minh, Sư trụ tại chùa Vân Môn ở Sơn Âm, tụng kinh Pháp Hoa, tu tập Thiền Định, sáu thời chẳng lười nhác. Mỗi sáng, bình đựng nước tự đầy, quả thật là do đồng tử cõi trời hầu hạ. Mỗi khi Sư tọa

---

<sup>374</sup> Khai Phủ hiệu theo nghĩa chung là quan viên có quyền hạn lớn, có thể mở riêng phủ thự. Thời Tây Ngụy và Bắc Châu, chia quân lực cả nước thành hai mươi bốn quân. Mỗi quân lập ra một Khai Phủ là người cầm đầu đội quân đó, mỗi quân chừng hai ngàn lính.

<sup>375</sup> Vĩnh Minh là niên hiệu của Nam Tề Vũ Đế (Tiêu Trách) từ năm 483 đến năm 493.

Thiền, hồ từng nằm phủ phục trong thất, thấy Sư hoàn toàn chẳng động đậy, hồi lâu mới bỏ đi.

**\* Thích Pháp Quỳ đời Tề**

Sư họ Nguyễn, người xứ Ư Tiềm thuộc Ngô Hưng, xuất gia tại Kỳ Viên Tự. Sư bản tánh chất phác, chẳng màng thế sự, tụng Pháp Hoa lâu ngày. Mỗi khi được cúng dường trong dịp trai hội, Sư gom góp lại để tạo tượng Phật bằng gỗ chiên đàn. Tượng tạc xong, Sư tự lập đại hội. Gia đình Sư vốn kiều cư tại kinh đô. Ngày hôm ấy, Sư trở về nhà, lại tới chùa Định Lâm, trở về chùa Kỳ Viên. Về sau, xét cả ba chốn, đều thấy Sư đến thọ trai giữa trưa, thật sự là cùng lúc đến cả ba chỗ. Ngay trong chiều hôm ấy, Sư trở về phòng, đóng cửa qua đời. Thi thể rất thơm tho, mềm mại, gập hai ngón tay, mọi người đều ngộ Sư đã đắc quả. Vì thế, dựng tháp tại chùa Kỳ Viên. Khi đó là năm Vĩnh Minh thứ bảy (489) nhà Tề.

**\* Thích Huệ Dự đời Tề**

Sư là người Hoàng Long, sang kinh sư, trụ tại chùa Linh Căn, tụng kinh Pháp Hoa hồng làm cầu bến để cứu khổ. Trong phòng ngủ của Sư, từng thấy ba người gõ cửa, áo mũ tươi sạch, cầm nắm lọng hoa. Ngài Huệ Dự hỏi vì lẽ nào? Họ đáp: “Pháp sư sắp tịch, cho nên chúng tôi đến đón”. Ngài Huệ Dự nói: “Có chút việc chưa xong, có thể đợi một năm hay không?” Họ đáp: “Được chứ!” Tới kỳ hẹn năm sau, Sư không bệnh mà mất. Đó là năm Vĩnh Minh thứ bảy (489) đời Tề, Xuân Thu của Sư là năm mươi bảy tuổi.

**\* Thích Siêu Biện đời Tề**

Sư họ Trương, người Đôn Hoàng. Từ thuở bé đã thần ngộ, trầm tĩnh. Sư lấy tụng kinh Pháp Hoa làm thường khóa. Do nghe nói tại kinh đô, Phật pháp chấn hưng mạnh mẽ, Sư từ Ba Sở tới Kiến Nghiệp, trụ tại chùa Định Lâm. Sư nhàn cư, tĩnh tọa nhìn vào vách, suốt hơn ba mươi năm, tụng kinh Pháp Hoa. Hằng ngày, Sư hạn định tụng một lần, tâm mãi tiếp, miệng đọc lưu loát luôn thừa sức. Sư thị tịch năm Vĩnh Minh thứ mười (492), luật sư Tăng Hựu tạo bia, Lưu Hiệp ở Đông Quán soạn văn. Chẳng lâu sau, nơi chỗ chôn Sư, nảy sanh một cành hoa sen xanh.

**\* Thích Huệ Cơ đời Tề**

Sư họ Lữ, là người xứ Tiền Đường thuộc đất Ngô. Mười lăm tuổi, Sư xuất gia tại chùa Kỳ Hoàn. Sư miệt mài hành trì siêng khổ, chuyên ròng, giỏi Tiểu Phẩm Bát Nhã và Pháp Hoa. Sư trở về, trụ tại chùa Pháp Hoa ở Sơn Âm, giảng tuyên kinh giáo. Người học lũ lượt kéo tới, Sư bèn lập tinh xá Bảo Lâm ở Hội Ấp. Sư mộng thấy đức Phổ Hiền phóng quang tiếp dẫn; do vậy, tạo tượng Phổ Hiền và voi trắng sáu ngà. Cánh Lăng Vương (Tiêu Tử Lương) từng thưa hỏi Sư yếu chỉ kinh Pháp Hoa, Sư bèn trước tác Pháp Hoa Nghĩa Sớ ba quyển. Năm Kiến Vũ thứ ba (496)<sup>376</sup>, Sư thị hiện mắc bệnh. Đệ tử mộng thấy mây vị Phạm tăng ngồi xếp bằng, nói từ nước Đại Thừa đến đón hòa thượng Huệ Cơ. Sư lặng lẽ qua đời!

**\* Thích Tăng Hầu đời Tề**

Sư họ Cung, người Tây Lương Châu, xuất gia từ nhỏ, liền biết khổ hạnh. Sư sang kinh đô, tụng kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh, cứ hai ngày là xong một bộ. Hơn sáu mươi năm, Thiền tụng chẳng hề bỏ phế. Sư đắp thất ở sau núi làm chỗ để tu Thiền. Nơi Sư ở thường có mùi hương lạ, cỏ cây lạ, chẳng biết từ đâu tới. Ai đến cửa, đều nghiêm túc, im lặng. Người thời ấy nói là do Sư có vị thần hộ giới ngậm hộ trì. Năm Vĩnh Nguyên thứ hai (500), Sư mắc bệnh nhẹ, chẳng ăn, đòi nước súc miệng, chấp tay, ngồi xếp bằng qua đời. Xuân thu tám mươi chín tuổi.

**\* Cánh Lăng Văn Tuyên Vương Tiêu Tử Lương đời Tề**

Ông có tên tự là Vân Anh<sup>377</sup>, chú trọng đạo nghĩa, chuộng phong cách đạo đức của cổ nhân, xem rộng khắp các kinh sách, được coi đời xưng tụng là “*bút hải*”. Ông cùng với thái tử Văn Huệ (Tiêu Trường Mậu) đều tinh thông Phật lý, thường triệu vời các danh tăng giảng các kinh điển, tôn trọng pháp rất mực, Giang Tả chẳng có ai bằng! Có lúc

---

<sup>376</sup> Kiến Vũ ở đây là niên hiệu của Tề Minh Đế (Tiêu Loan) sử dụng từ năm 494 đến năm 498; trong khi niên hiệu Kiến Vũ được nói trong chuyện Vương Huệ Xung là niên hiệu của Triệu Vũ Đế (Thạch Hổ) nhà Hậu Triệu sử dụng từ năm 335 đến năm 348.

<sup>377</sup> Tiêu Tử Lương (460-494) là con của Tề Vũ Đế (Tiêu Trách), được phong làm Cánh Lăng Vương, làm quan tới chức Tư Đồ. Văn Tuyên là thụy hiệu của ông sau khi mất.

ông đích thân vì chúng tăng sắp đặt cơm nước. Ông tụng kinh Pháp Hoa, ngâm cảm phạm âm thanh nhã... Trước tác có Tịnh Trụ Tử hai mươi quyển được lưu hành trong cõi đời. Tịnh Trụ, tiếng Phạn là Bồ Tát (Uposatttha), có nghĩa là thân, khẩu, ý thanh tịnh, theo đúng giới mà trụ.

**\* Lưu Cầu đời Tề**

Ông tên tự là Linh Dự, người quận Nam Dương, tin rờng đạo Phật. Áo vải thô lễ Phật, ăn chay trường tụng niệm, sáu thời chẳng khuyết. Đầu niên hiệu Kiến Nguyên (479), vua xuống chiếu sai ông làm Thông Trục Tán Kỵ Thị Lang<sup>378</sup>, ông chẳng vâng chiếu. Ông chuyên chú nơi hai kinh Pháp Hoa và Hoa Nghiêm, tự giảng Phật nghĩa. Năm Kiến Vũ thứ hai (495), ông được vời làm Quốc Tử Bác Sĩ<sup>379</sup>, dời chỗ ở sang Tây Sa Châu ở Giang Lăng. Trong ban ngày mùa Đông năm ấy, bỗng có mây trắng quấn quanh nơi cửa nhà, lại có mùi hương lạ, và tiếng chuông, tiếng tụng kinh. Ông ngồi ngay ngắn qua đời.

**\* Thích Huệ Ước đời Lương**

Sư họ Lô, người xứ Thương Ô thuộc Đông Dương. Lúc bé, Sư tự cát làm tháp, chất đá làm tòa. Khi mười bảy tuổi bèn xuống tóc xuất gia. Huyện lệnh đất Diệm là Châu Ngung hết sức cung kính, tạo chùa Thảo Đường ở Chung Sơn, thỉnh Sư đến đó ở. Thái Tể Trữ Uyên, Thái Úy Vương Kiệm thỉnh Sư giảng các kinh Pháp Hoa, Thắng Man v.v... để hoàng dương pháp giáo rộng lớn. Ông Trữ Uyên mắc bệnh, đang ngủ ban ngày, bỗng thấy một vị Phạm tăng nói: “Bồ Tát sẽ tới, vị đạo nhân sẽ đến chính là vị ấy”. Chốc lát, Sư đến thăm, Trữ Uyên ngay lập tức được lành bệnh. Sư chuộng Thiền tụng, cảm mùi hương lạ đầy thất, mãnh thú đi quanh thềm bậc. Sư từng vào khe suối Xích Tùng ở núi Kim Hoa. Khi đó, có thần quang, yêu quái dứt bật. Trong niên hiệu Thiên

---

<sup>378</sup> Chức quan này được đặt ra dưới thời Nguyên Đế nhà Đông Tấn, trực thuộc Tán Kỵ Tỉnh, có trách nhiệm theo hầu vua phê duyệt tấu chương, can gián khi vua phạm sai lầm, chuồng quản người hầu cận nhà vua.

<sup>379</sup> Quốc Tử Bác Sĩ là chức quan trông coi việc giáo dục, trông coi việc dạy dỗ các học sinh thuộc Quốc Tử Giám, đồng thời là cố vấn chánh trị và điển lễ, địa vị thấp hơn Quốc Học Tế Tửu (hiệu trưởng Quốc Tử Giám). Đến đời Tề, Quốc Học Bác Sĩ có địa vị ngang với Trung Thư Lang. Bác Sĩ có nghĩa là người học rộng, thấu hiểu sâu xa kinh điển Nho gia.



## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Giám<sup>380</sup>, vua thọ Bồ Tát Giới từ Sư. Còn như vương hầu, phu nhân quyền quý, đạo tục, [xin thọ giới với Sư] tính ra khoảng bốn vạn tám ngàn người. Thường khi thọ giới, có một con chim sẽ nhảy theo từng bậc. Truyền giới xong, nó mới bay đi. Lại có hai con công, đi thông thả tới giới đàn, duỗi cổ nghe pháp. Đại Đồng nguyên niên (535), Sư ngồi qua đời. Sư được dựng tháp ở bên trái mộ ngài Chí Công.

### *\* Thích Pháp Vân đời Lương*

Sư họ Châu, ở Dương Tiễn, xuất gia khi bảy tuổi. Sư cao vòi khôn sánh. Sư tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nghiên cứu, suy nghĩ tinh tường, cặn kẽ. Lúc ba mươi tuổi, Sư khai giảng Pháp Hoa và Tịnh Danh tại chùa Diệu Âm, biện tài như gió cuốn, người học chen chúc. Sư còn từng giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Quang Trạch, bỗng cảm hoa trời đầy hư không, rơi xuống như tuyết bay. Thuở đó, Chí Công đạo vượt xa mọi vị tăng, thường đến chỗ sư Pháp Vân, liền nghỉ lại hai đêm, gọi Sư là pháp sư Đại Lâm. Ngài từng nói: “Ta muốn hiểu sư tử hống”. Sư liền thăng tòa phân tích, ngài Chí Công khảy ngón tay, bảo: “*Lành thay! Vi diệu quá, oai nghi giống như Viên Ngang<sup>381</sup>*”. Có người từng cúng dường tăng, phát nguyện mong được huệ giải như Sư. Ban đêm, người ấy bỗng thấy một vị tăng bảo: “*Trong thời Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật, pháp sư đã từng giảng kinh này, ông làm sao sánh bằng được!*”

### *\* Pháp sư Vân Quang đời Lương*

Chưa rõ họ tên [thê tục] của Sư. Năm Phổ Thông thứ hai (521), vua (Lương Vũ Đế) xuống chiếu vời Sư giảng kinh Pháp Hoa trong nội điện, trời mưa hoa báu. Trong niên hiệu Thiên Giám (502-519), do đại hạn, vua hỏi Chí Công [cách nào cầu mưa]. Chí Công nói: “Vân Quang có thể tuôn mưa”. Do vậy, vua thỉnh Sư giảng Pháp Hoa. Tới câu “kỳ

---

<sup>380</sup> Thiên Giám là niên hiệu của Lương Vũ Đế từ năm 502 tới năm 519.

<sup>381</sup> Viên Ngang (461-540), tự là Thiên Lý, quan chức nhà Nam Tề và Nam Lương, nổi tiếng chánh trực. Khi em trai của Thượng Thư Lệnh Vương Yên là Vương Hủ lạm quyền hối lộ, ông đàn hặc thẳng thừng, không sợ quyền hào. Ông làm quan đến chức Tư Không, kiêm Thượng Thư Lệnh, Tả Quang Lộc Đại Phu, được Lương Vũ Đế rất kính trọng. Viên Ngang còn là một nhà đại thư pháp, văn tài lỗi lạc, khéo vẽ vời.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

*trạch phổ hiệp*” (thấm nhuần trọn khắp), trời liền mưa dầm, cao thấp đều được nhuần thấm trọn đủ.

### *\* Thích Đạo Lâm đời Lương*

Sư là người xứ Sơn Âm, có giới hạnh, giỏi Pháp Hoa và Niết Bàn. Trương Tự ở nước Ngô tôn kính phụng sự. Trong niên hiệu Thiên Giám, Sư sống tại chùa Tuyên Lâm thuộc huyện Phú Dương. Trong chùa có quý quái. Sư đến nơi, quý liền tiêu diệt. Đệ tử Huệ Thiệu bị nhà sụp dè, đầu lồm vào ngực. Sư vì ông ta tụng kinh Pháp Hoa cầu đảo. Ông Thiệu ban đêm mộng thấy hai vị đạo nhân người Hồ lôi đầu ông ra, tới sáng bèn bình phục. Mọi người đều khâm phục sự cảm ứng thần diệu ấy!

### *\* Thích Pháp Lâm đời Lương*

Sư họ Nghiêm, người Chi Giang, xuất gia tại Ngọc Tuyên sơn tự. Sư thường tụng Pháp Hoa, khát thực, mỗi ngày ăn một bữa, chẳng nằm, thường ngồi. Sư quấy tích trượng viễn du, ngọn Lư Sơn, đỉnh Ngũ Đài, Hành lãnh, La Phù, không chỗ xa xôi nào Sư chẳng tới. Sư trụ tại gộp đá hẻo lánh, nhất chí Thiền Định. Sư từng qua Đại Nhạc, sang Dư Châu, huyện lệnh xét giấy phép du hành, Sư chỉ vào tráp đựng kinh Pháp Hoa mang theo. Quan huyện tức giận, giam lại. Sư bảy ngày không ăn, âm thanh tụng kinh chẳng dứt. Huyện lệnh cảm ác mộng, liền đánh lễ, hỏi lỗi. Về sau, Sư trở về ẩn cư, dùng Thiền tụng làm nghiệp. Khi mất, mùi hương lạ tràn ngập, mười ngày mới hết.

### *\* Thích Pháp Nhẫn đời Lương*

Sư người Giang Lăng; thoát đầu xuất gia tại chùa Thiên Hoàng, tụng trì Pháp Hoa, mỗi ngày hai lượt. Do đại chúng tụ tập lắm huyện náo, Sư đến ở dưới Phúc Thuyền Nham ở phương Tây, tự tĩnh lặng hành Đầu Đà. Ba mươi mấy năm, ăn vỏ cây, mặc áo gai, hoặc ca-sa rách mà thôi! Sư tự sống trong chón rừng thẳm, chẳng cầu kẻ ngoại hộ. Bảy ngày ăn một bữa, ngồi xếp bằng quán tâm. Về sau, Sư nằm bên hông phải trong hang phía Bắc mà qua đời!

### *\* Thích Tăng Thiên ở Kinh Châu đời Lương*

Sư người đất Ngô. Thuở bé, đã thông minh, cao cả, khiến quan Thị Trung Vương Tích phải than lạ. Sư thường tụng kinh Pháp Hoa, số tròn sáu ngàn bộ. Một hôm, Sư ngủ mộng thấy Phổ Hiền đại sĩ, hương quang chói lòa, đích thân xoa đầu Sư. Sư kiêng không nói ra. Tới khi sắp thị tịch, mới kể với những người cùng chí hướng. Đối với các kinh như Pháp Hoa, Đại Phẩm, Niết Bàn v.v... mỗi thứ Sư đều giảng mười lần, đều soạn số để lưu truyền.

**\* Ni Đạo Tích xứ Ngô Hưng đời Lương**

Ni sư hiệu Tổng Trì, đặc pháp với Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Sư ẩn cư trên đỉnh Biện Lãnh, ngày đêm tụng kinh Pháp Hoa trọn một vạn bộ, chẳng ra khỏi núi suốt hai mươi năm. Về sau, Sư quy tịch, được dựng tháp chôn toàn thân tại chỗ Sư kết lều tranh. Đại Đồng nguyên niên (535), trong tháp bỗng có một đóa sen xanh. Đạo tục lấy làm lạ, mở tháp ra xem thì thấy hoa sanh từ cái lõi của Sư. Châu quận trình tấu, vua sắc truyền dựng chùa Pháp Hoa.

**\* Ni Pháp Tuyên ở Diệm Xuyên đời Lương**

Thoạt đầu, Sư tụng kinh Pháp Hoa, nằm ngời đều thấy trướng lọng che phía trên. Cha mẹ liền cho Sư xuất gia tại chùa Tề Minh. Từ đó, chẳng thấy trướng lọng nữa! Từ đấy trở đi, Sư đọc rộng các kinh luận, tham cứu sâu xa lý uyên áo. Vương Nguyên Giản ở Hành Dương làm thái thú tại quận ấy, thỉnh Sư làm thầy cho mẹ mình tại Việt Thành.

**\* Trung sĩ<sup>382</sup> Dữu Tiễn<sup>383</sup> đời Lương**

Ông có tên tự là Ngạn Bảo, người Tân Dã. Thông kinh sử từ bé, tánh hiền lành, giản dị, đặc biệt ưa thích chốn lâm tuyền. Ông ở nơi rộng mười mẫu, núi và ao chiếm một nửa. Thuở trẻ, ông chơi thân với Lương Vũ Đế. Tới lúc đế khởi binh, hạ chiếu phong cho ông làm Ký Thất ở phủ Bình Tây. Trong niên hiệu Phổ Thông, lại phong làm Hoàng Môn Thị Lang, ông đều từ chối. Lúc tuổi già, ông lập đạo tràng trong nhà, ở trong

---

<sup>382</sup> Trung Sĩ là danh xưng chỉ vị ẩn sĩ chẳng tiếp nhận chức tước của triều đình.

<sup>383</sup> Ở đây sách ghi tên ông là Tiễn (銑), trong khi sách Pháp Hoa Hiện Ứng Lục lại ghi tên ông là Sân (詵), có lẽ là lỗi lầm trong quá trình khắc ván ghi xưa.

núi, ăn chay, sáu thời lễ sám, tụng kinh Pháp Hoa. Mỗi ngày tụng một bộ. Bỗng trong đêm, ông thấy một đạo nhân, tự xưng là Nguyễn Công, dung mạo, cử chỉ rất lạ, gọi ông Tiên là Thượng Hạnh tiên sinh, trao cho hương rồi đi. Năm Trung Đại Thông thứ tư (532), ban ngày ông nằm ngủ, bỗng giật mình tỉnh giấc nói: “Nguyễn Công lại đến, chẳng thể ở lâu”. Nói xong bèn qua đời. Cả nhà đều nghe trên hư không xưng: “*Thượng Hạnh tiên sinh đã sanh về Di Đà tịnh vực*”. Lương Vũ Đế kính phục, xuống chiếu ban cho ông thụy hiệu là Trinh Tiết tiên sinh.

**\* *Chân Huyền Thành đời Lương***

Ông là người Trung Sơn, thông đạt rộng rãi kinh sử, được Lương Giản Văn Đế (Tiêu Cương) nhận biết, phong làm Lục Sự Tham Quân. Ông theo Tiêu Sát<sup>384</sup> trấn thủ Tương Dương, do binh lực tại Giang Lăng hùng mạnh, ông ngầm gửi thư kết thân. Có kẻ tố cáo với Tiêu Sát, Tiêu Sát tin sâu Phật pháp, thề nguyện chẳng giết người tụng kinh Pháp Hoa. Huyền Thành chuyên tụng Pháp Hoa, do vậy được miễn tội. Tiêu Sát về sau gặp mặt, thường nói: “*Ông Chân khéo đạt được sức của kinh Pháp Hoa*”.

**\* *Hoa Thủ ni đời Lương***

Năm Phổ Thông thứ hai (521) đời Lương, tại Cao Bưu có Hoa Thủ ni, chí tiết trong sạch, tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa ngày đêm chẳng sót. Về sau, cứ tụng một quyển, trên móng tay phải của Sư sanh ra một cái hoa, hình dạng như tơ lụa. Năm ngón tay đều có. Tụng đến quyển thứ sáu, thứ bảy, trên tay đều sanh hai hoa. Vũ Đế triệu kiến, hết sức kính trọng. Người đương thời gọi ni sư là Hoa Thủ ni.

**\* *Tôn giả Nam Nhạc Huệ Tư đời Trần***

Sư con nhà họ Lý ở Vũ Tân, trì giới từ bé, đánh lễ Pháp Hoa đến nỗi quên ngủ nghỉ. Do mưa dầm ẩm thấp, Sư bị phù thũng, gắng chịu đựng hương về kinh, liền được khỏi hẳn. Sư mộng thấy đức Phổ Hiền cười voi chúa trắng đích thân xoa đầu. Trên đỉnh đầu Sư ngầm nổi lên

---

<sup>384</sup> Tiêu Sát là con thứ ba của thái tử Tiêu Thống (Chiêu Minh thái tử), tức là cháu nội của Lương Vũ Đế. Về sau, ông này trở thành Lương Tuyên Đế.

nhục kê. Lúc mười lăm tuổi, Sư xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, chuyên tụng Pháp Hoa, tính ra phải một ngàn lượt, cảm vờ bình đựng nước chẳng cạn. Đồng tử cõi trời hầu hạ.

Khi đó thiên sư Huệ Văn do duyệt Đại Luận, đọc tới phẩm Tứ Đế, thấy bài kệ “*nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không, diệc sanh vi giả danh, diệc danh Trung Đạo nghĩa*” (pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là Không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi nghĩa Trung Đạo). Ngài Huệ Văn bưng tỉnh đại ngộ, liền vọng bái, tôn ngài Long Thọ làm thầy. Ngài nương theo luận, lập ra pháp Quán. Sư (ngài Huệ Tư) liền đến xin thọ pháp, ngày đêm nhiếp tâm, hông chẳng chạm chiếu, ngồi Thiền suốt ba mươi ngày, đắc Túc Mạng Thông, dững mãnh gấp bội. Bồng Thiên chướng đầy lên, tứ chi rã rời, thân chẳng thuận theo tâm. Sư liền tự nghĩ: “*Bệnh do nghiệp sanh, nghiệp do tâm khởi. Nguồn tâm chẳng khởi, ngoại cảnh làm gì được? Bệnh nghiệp và tâm, đều như bóng mây*”. Sư quán như thế, điên đảo tưởng diệt, khinh an như cũ. Nhưng [hành trì tinh tấn] suốt năm mà chẳng đạt được gì, Sư ôm lòng hổ thẹn sâu xa, thả lỏng thân, dựa vào vách tường, bồng dung đại ngộ Pháp Hoa tam-muội. Từ đó, đối với các kinh chưa được nghe, đều chẳng nghi ngờ, tự thông hiểu.

Kể đó, Sư sang núi Đại Tô ở Quang Châu (光州), giảng kinh Đại Bát Nhã, từng được cúng thí. Sư bèn ở chùa Tề Quang, [dùng tiền cúng thí ấy] tạo hai bộ kinh Đại Phẩm Bát Nhã và Pháp Hoa đều chép bằng chữ vàng. Lại tự soạn một bài nguyện văn, nguyện vào thời Phật Di Lặc, thân và kinh ấy sẽ cùng lúc xuất hiện, rộng hóa độ hết thảy. Năm Quang Đại thứ hai (568), Sư vào ở trong Nam Nhạc. Một hôm, Sư lên ngọn Chúc Dung, thần núi xin thọ giới. Sư bèn vì ông ta nói pháp yếu. Sư chỉ gộp đá nói: “Trong một đời, ta đã từng tọa Thiền ở đây, bị giặc chặt đầu”. [Môn nhân] liền tìm được một bộ xương khô (nay là Nhất Sanh Nham tại chùa Phước Nghiêm). Sư đến góc Tây Nam, chỉ tảng đá lớn nói: “Đời thứ hai, ta cũng từng sống ở đây”, liền nhặt lấy đầu lâu dựng tháp, để báo ơn tu tập đời trước (nay là tháp Nhị Sanh). Sư lại tới chỗ ẩn khuất, bảo: “Đây là chỗ chùa cổ, đời thứ ba ta từng sống nhờ ở đây”. Khai quật thì quả nhiên có các vật dụng của tăng và nền móng hầy còn, Sư liền đắp đài vì đại chúng thuyết pháp (nay là Tam Sanh Tạng).

Đại chúng sợ không có nước, Sư lấy tích trượng gõ vào đá, do đó, hồ bở chạy, suối trào ra. Từ đó, hóa đạo càng thịnh, vua Trần đặc biệt lễ kính. Người thời đó gọi Ngài là Sư đại thiên sư. Tháng Sáu năm Đại

Kiến thứ chín (577), Sư xướng Phật hiệu, chấp tay, qua đời. Mùi hương lạ đầy thất. Sư từng dạy đại chúng: “*Nguồn đạo chẳng xa, biển tánh chẳng xa, chỉ hướng về chính mình mà cầu, đừng tìm nơi nào khác. Hễ tìm sẽ chẳng được! Dầu có đạt được, cũng chẳng thật!*”

**\* Thích Huyền Quang đời Trần**

Sư là người nước Tân La, chuyên tu phạm hạnh. Sư vượt biển thăm, cầu thiền pháp nơi Trung Thổ. Do vậy, Sư đến Hành Sơn, tham yết Huệ Tư đại thiền sư. Tổ dạy Tứ An Lạc Hạnh, Sư bỗng chứng Pháp Hoa tam-muội. Quay trở lại Giang Nam, ngồi thuyền ra biển khơi. Bỗng thấy mây màu, [nghe tiếng] nhã nhạc, [trông thấy] cờ tiết rực rỡ kéo tới. Trên hư không, truyền tới tiếng hô: “*Thiên đế vời sư Huyền Quang nói pháp môn đã đích thân chứng đắc tại cung rồng*”. Sư chấp tay thoái thác. Thấy người áo xanh dẫn đường, liền vào cung thành, chẳng giống như phủ thự trong nhân gian. Chung quanh chẳng có ai không phải là loài có mai, có vảy, xen lẫn với quý thần. Đã lên đài cao, Sư đàm luận diệu pháp suốt bảy ngày. Sau đó, vua khom mình đưa tiễn, Sư lại lên thuyền. Người chèo thuyền nói mới trải qua nửa ngày. Tổ Nam Nhạc dựng ảnh đường, trong ấy có vẽ hình tượng Sư. Tổ đường chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai cũng thế.

**\* Từ Hiếu Khúc đời Trần**

Ông là người xứ Diệm thuộc Đông Hải. Từ nhỏ đã đàm luận huyền lý, đến lớn thông thạo ngũ kinh. Đầu niên hiệu Thái Thanh<sup>385</sup> đời Lương, ông bắt đầu làm quan, giữ chức Thái Học Bác Sĩ<sup>386</sup>. Tánh tình

---

<sup>385</sup> Thái Thanh là niên hiệu thứ bảy và là niên hiệu cuối cùng của Lương Vũ Đế sử dụng từ năm 547 đến năm 549. Lương Vũ Đế sử dụng các niên hiệu Thiên Giám, Phổ Thông, Đại Thông, Trung Đại Thông, Đại Đồng, Trung Đại Đồng, và Thái Thanh.

<sup>386</sup> Thái Học Bác Sĩ chính là chức quan Ngũ Kinh Bác Sĩ được lập ra từ đời Hán, được phong cho những người có trình độ hiểu biết uyên thâm về ngũ kinh của Nho gia để dạy các sĩ tử thuộc Quốc Tử Giám (thoạt đầu gọi là Thái Học). Thông thường, đời Hán - Ngụy, chia ra cụ thể các kinh như Thư Kinh Bác Sĩ chẳng hạn. Từ thời Đông Tấn trở đi, chỉ gọi chung là Thái Học Bác Sĩ. Trách nhiệm cụ thể là dạy học con các quan từ ngũ phẩm trở lên cũng như con cháu các quan đứng đầu quận huyện, cũng như con cháu của các quan từ tam phẩm trở lên được tuyển vào trường Thái Học.

chí hiếu, cha mất bèn đau buồn khôn ngần, thờ mẹ trọn hết đạo hiếu. Trong niên hiệu Thiên Gia (560-566), ông được phong làm huyện lệnh đất Diệm. Không lâu sau, ông lại từ chức. Trong niên hiệu Thái Kiến<sup>387</sup>, ông được vời ra làm Bí Thư Thừa, nhưng không ra làm quan. Ông ăn chay trường, giữ Bồ Tát giới. Ngày đêm giảng tụng kinh Pháp Hoa. Năm Thái Kiến thứ sáu (574), được phong chức Tế Tửu của Quốc Tử Giám. Lúc lâm chung, ông ngồi ngay ngắn, niệm Phật, trong nhà có mùi hương dị thường, xóm giềng đều kinh ngạc.

**\* Thích Tăng Chiếu đời Bắc Ngụy**

Sư trụ tại chùa Đan Lãnh ở Thái Sơn, thường dạo chơi sơn thủy, thích chỗ thâm u, hiểm trở. Phổ Thái nguyên niên (531), Sư tới Huynh Sơn, thấy chỗ thác nước tuôn xuống có huyết động, đi sâu vào trong năm sáu dặm thì ra khỏi hang. Sư đi về phía Đông Bắc, thấy có con suối chảy giữa các tảng đá. Nước suối trong suốt, cỏ thuốc mọc chen chúc. Phía Bắc khe suối có ba gian nhà ngói, hình dáng hết sức cổ xưa, thô lậu. Trước sân, lúa thóc mọc lung tung. Phía Đông căn nhà có mấy cái giá đặt đầy kinh sách nhà Phật. Gian giữa có cái cối xay phủ đầy bụi. Trong phía Tây căn nhà, có một vị sa-môn đang ngồi ngay ngắn nghiêm nhiên, bụi lấp đến gối. Nhìn bốn phía chỉ có rừng rậm, khe suối, chẳng còn ai khác ở. Trong chốc lát, Sư gặp một vị thần tăng, tuổi khoảng sáu mươi, lông mày dài cả trượng, vắt lên vành tai. Gặp nhau hoan hỷ như đã quen biết từ trước. Vị ấy hỏi Sư từ đâu đến rồi tự nói: “Bọn tôi gồm ba người đồng học, từ đây lánh đời. Một người ra ngoài chưa về, một người không tọa, tợ hồ nhập Diệt Tận Định. Nay đang ở trong căn nhà phía Tây, ông có thấy hay chẳng?” Sư thưa: “Đã thấy!”

Do vậy, vị ấy hái lúa, đem giã nấu cháo, lại vào rừng hái lê, táo cho ăn. Hỏi Sư: “Thường ngày, thầy tụng kinh gì?” Sư nói: “Tụng Pháp Hoa”. Vị tăng gật đầu, nói: “Nghệp tinh tấn quá tốt! Gian nhà phía Đông chất chùng đó kinh toàn là do tôi tự tụng. Thầy có muốn nghe hay không?” Sư chấp tay, thưa vâng. Vị tăng liền tụng kinh suốt đêm, thanh vận trong trẻo, rõ ràng. Sư buồn ngủ, vị tăng bảo; “Thầy cứ ngủ đi, đây là hằng nghiệp của tôi”. Tới sáng, vị tăng lại nấu ăn. Sư cảm tạ, từ biệt, vị tăng cũng chẳng giữ lại, chỉ nói: “Đồng học của tôi đã đi rồi, nếu thầy gặp gỡ sẽ khai ngộ to lớn, tiếc là chẳng gặp!” Sư trân trọng từ biệt. Sư

---

<sup>387</sup> Thái Kiến là niên hiệu của Trần Tuyên Đế (Trần Húc) từ năm 569 đến năm 582.

tìm đường trở về, kết bạn cùng trở lại, chẳng biết thác nước và huyệt động ở chỗ nào!

**\* Thích Chí Trạng đời Bắc Ngụy**

Sư người Tề Châu, trụ tại chùa Hàm Thảo trong hang thẳm ở phía Bắc Thái Sơn. Sư ít bày ra việc, ít nói, người lẫn chim đều chẳng khiến cho Sư loạn tâm được. Sư đọc tụng Pháp Hoa, người khác chẳng lường được hạnh nghiệp trong sạch của Sư. Khi Sư sắp mất, thần tăng Chí Công bảo Lương Vũ Đế: “*Vị thánh tăng đắc quả Tu Đà Hoàn ở chùa Hàm Thảo nơi phương Bắc hôm nay diệt độ*”. Quả nhiên trong ngày hôm ấy, Sư không bệnh mà tịch. Hai tay đều duỗi một ngón ra. Có vị Phạm tăng nói: “*Đó là [dấu hiệu cho biết Sư đã đắc] Sơ Quả!*” Môn nhân vẫn chôn Sư trong núi ấy. Sau đó, đào lên xem, chỉ có cái lưỡi chẳng hoại, bèn dựng tháp để khơi gợi tín tâm.

**\* Lô Cảnh Dụ đời Bắc Ngụy**

Đầu thời Tiết Mẫn Đế (Nguyên Cung) [nhà Bắc Ngụy], ông làm Quốc Tử Bác Sĩ. Do mắc lụy, bị giam trong ngục tại Tấn Dương<sup>388</sup>. Ông chí tâm tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa; hễ có sức thì cũng tụng tụng toàn bộ kinh ấy. Không lâu sau, gông xiềng tự rớt. Kẻ coi ngục tâu lên triều đình, ông được xá tội!

**\* Thích Pháp Thượng núi Lâm Lự đời Bắc Tề**

Sư họ Lưu, người Triều Ca. Mười hai tuổi vào Thiền gia, được gọi là “*thánh sa-di*”. Sư tụng Pháp Hoa và Duy Ma mới được hai mươi ngày thì cả hai bộ đều thông suốt. Sư bắt đầu giảng kinh Pháp Hoa, đối đáp các nghi vấn, cật vấn, không ai chẳng thán phục. Tề Văn Tuyên Đế (Cao Dương) xuống chiếu phong Sư làm Đại Thống Sư, trải tóc lột đất cho Sư đạp lên. Người thời đó nói: “*Tặng chúng bốn biển ngưỡng vọng pháp nơi đạo tràng*”. Tới đời Tề Vũ Thành Đế (Cao Trạng), người ở Đông Sơn thuộc Tinh Châu đào đất, thấy một vật giống như hai cái môi, trong đó có lưỡi màu đỏ tươi hồng. [Quan lại địa phương] tâu chuyện ấy lên, vua hỏi các đạo nhân, không ai biết. Sư tâu: “*Đấy là quả báo lục căn bất*

---

<sup>388</sup> Tấn Dương là kinh đô nhà Bắc Ngụy, nay thuộc thành phố Thái Nguyên. Nơi này còn được gọi là Tinh Châu hay Long Thành.



## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

hoại của người trì Pháp Hoa. Tụng trọn một ngàn biến sẽ có sự chứng nghiệm ấy”. Vua bèn sắc truyền đưa về chỗ thanh tịnh để cúng dường, nhóm họp những người trì kinh Pháp Hoa vây quanh tụng kinh, xin hiện thụy ứng (sự ứng hiện tốt lành). Vừa mới thốt lên tiếng [tụng niệm], cái miệng và lưỡi ấy cùng lúc mấp máy, người trông thấy không ai chẳng rón da gà. Vua xuống chiếu đựng trong hộp đá, cất trong hang núi.

### ***\* Thích Huệ Mạng đời Bắc Châu***

Sư họ Quách, người xứ Tấn Dương, Thái Nguyên, tài hoa xuất sắc. Tuổi mười lăm, Sư tụng kinh Pháp Hoa, trong hai mươi ngày, thấu triệt cả bộ. Sư liền xuất gia, chuyên hành các sám pháp Phương Đẳng, Phổ Hiền v.v... Về sau, Sư sang núi Tiên Thành ở Hà Dương, trụ tại Thiên Quang Tự, giảng diễn Đại Thừa. Đối với tông chỉ của Thiên Trí, không gì chẳng đào sâu. Có sách tập hợp thư từ trao đổi giữa Sư và Đới Quỳnh ở Tế Bắc, đáng gọi là sâu thẳm, thù thắng. Thiên sư Pháp Âm ở cùng quận và Sư đáng gọi là “đức bằng” (bằng hữu đức hạnh). Sư đến chỗ Năng thiên sư chùa Quả Nguyên ở Trường Sa cùng học tâm định, rồi trở về Tiên Thành. Một tối, Sư chống gậy, ở bên rừng tùng, ngó lại, cười nói: “*Ta quyết chí về Tây*”. Vào tháng Mười Một năm Thiên Hòa thứ ba (568) đời Châu, Sư ngồi xếp bằng, hướng về Tây niệm Phật, [đại chúng] đều thấy Phật đến. Sư chấp tay qua đời. Hương và nhạc lạ lùng xông khắp, vang rền chẳng dứt. Tám ngày sau, sư Pháp Âm cũng ngồi qua đời, tướng lành kỳ lạ đều giống như ngài Huệ Mạng vậy.

### ***\* Thích Huệ Viễn đời Bắc Châu***

Sư họ Lý, người Đôn Hoàng. Mười ba tuổi xuất gia, hai mươi tuổi thọ Cụ Túc, trụ tại chùa Thanh Hóa. Các duyên tụ tập, năm Thừa Quang thứ hai, Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) muốn diệt pháp giáo, mọi người đều câm lặng. Sư kháng chiếu, cực lực trình bày [chủ ý]. Cạn hết lý luận, chẳng lay chuyển được vua, Sư liền ẩn cư tại Tây Sơn thuộc Cấp Quận, tụng kinh Pháp Hoa. Tính ra trong ba năm, Sư tụng trọn một ngàn lượt với dụng ý [mong cho] di pháp [của đức Phật] được hoằng thông. Năm Đại Tạng thứ hai (580), vua hỏi lỗi, tại Đông Kinh và Tây Kinh, mỗi nơi dựng hai chùa Trắc Hồ. Sư bèn đến Thiêu Lâm, giảng kinh Pháp Hoa nhiều năm. Đầu niên hiệu Khai Hoàng [nhà Tùy], triều đình sắc phong Sư làm Sa Môn Đô (người đứng đầu tăng chúng) ở Lạc Châu

hòng không nhậm Phật pháp. Mỗi lượt Sư giảng nói, đều có một con ngỗng tới nghe. Nó chỉ cần nghe tiếng chuông gọi đại chúng tụ tập, liền vào trong điện, phủ phục nghe kinh. Nghe phạm bái kết thúc buổi giảng xong xuôi, nó kêu lên rồi bay ra khỏi điện. Suốt sáu năm như vậy, mọi người đều lấy làm lạ. Về sau, Sư thị tịch, trong thất có mùi hương lạ.

**\* Thiên Thai Tu Thiền Tự Trí Giả đại sư đời Tùy**

Sư húy là Trí Nghĩ (智顓), họ Trần, người Dĩnh Xuyên. Mẹ Ngài nằm mộng thấy khói hương năm màu vờn quanh chui vào lòng, bèn có thai Sư. Đêm sanh ra Sư, thần quang chiếu vào nhà. Bảy tuổi, Sư vào chùa Quả Nguyên, nghe tăng tụng phẩm Phổ Môn, vừa nghe một lượt đã nhớ ngay, giống như đã quen tu tập từ kiếp trước. Mười bảy tuổi, Sư lễ tượng Phật, quyết chí xuất gia. Bỗng như trong mộng, Sư thấy vách núi vạn tầng, mây che phủ nửa bóng mặt trời, biển xanh mênh mông, bát ngát. Từ dưới núi [nhìn lên, thấy] trên đỉnh núi có vị tăng vẫy tay. Trong khoảnh khắc, vị tăng ấy duỗi tay kéo Sư vào già-lam, nói: “Ông sẽ ở nơi đây”. Mười tám tuổi Sư xuất gia, đến núi Đại Hiền, tụng các kinh Pháp Hoa, Vô Lượng Nghĩa, Phổ Hiền Quán v.v... Trải qua hai mươi ngày, đã tụng thông suốt ba bộ.

Năm Thiên Gia nguyên niên (560) đời Trần, Sư nghe danh đại thiên sư Huệ Tư trụ tại núi Đại Tô, liền đến đánh lễ. Ngài Huệ Tư nói: “Xưa kia, tại Linh Sơn cùng nghe Pháp Hoa, do túc duyên theo đuổi, nay lại đến đây”. Do vậy, Tổ dạy Sư Phổ Hiền đạo tràng, giảng Tứ An Lạc Hạnh. Sư nhập quán mười bốn ngày, tụng kinh Pháp Hoa tới câu “thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai” (đấy là thật sự tinh tấn, là pháp cúng dường Như Lai chân thật) trong phẩm Dược Vương, thân tâm rộng rang, lặng lẽ nhập Định, bèn thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan, túc thông ngầm phát khởi. Sư bạch với ngài Huệ Tư sở chứng, ngài Nam Nhạc tán thán: “Đấy chẳng phải là ông không chứng, chẳng phải là ta không biết. Môn định mà ông đã nhập chính là tiền phương tiện của Pháp Hoa tam-muội. Môn tổng trì mà ông đã phát khởi chính là sơ bộ của Toàn Đa La Ni. Dẫu cho ngàn vạn các vị sư tinh thông văn tự vẫn chẳng thể biện định cùng tột [sở chứng ấy]!”

Đại Kiến nguyên niên (569), Sư tới chùa Ngõa Quan ở Kim Lăng, khai giảng tựa đề kinh Pháp Hoa. Vua truyền thôi châu một ngày, sai

quần thần đến nghe. Sư liền vào núi Thiên Thai, thấy đỉnh núi ở phía Nam rừng Phật Lũng liền bồi hồi lưu tâm. Trước đó, thần tăng Định Quang đã ở ngọn núi ấy ba mươi năm. Sư đến nơi, ngài Định Quang nói: “*Thầy có nhớ lúc tôi vẫy tay và dẫn vào chùa hay không?*” Do vậy, Sư bèn ngộ ra ý nghĩa của điều đã thấy khi lễ tượng. Bởi đó, Sư sáng lập già-lam ở ngọn núi phía Bắc, [nơi đó] tùng mọc thẳng tắp, suối chảy giống hệt như trong mộng xưa. Chùa ở tại ngọn núi phía Bắc được gọi là Hoa Đình. Sư một mình hành Đầu Đà. Từ đây, bầu trời Bát Nhã rộng mở, xiển dương rộng lớn Pháp Hoa. Thiên Thai gần bờ biển, dân sống bằng nghề đánh cá. Tâm Sư thương xót, dùng tiền được cúng thí để mua một khoảnh biển dùng làm ao phóng sanh. Sư dâng biểu lên vua Trần, xin sắc lệnh cấm đánh bắt [trong khoảnh biển ấy]. Sư vì họ giảng kinh Kim Quang Minh, ngư dân nghe pháp, đều quý sanh mạng, bỏ sát sanh. Sư gộp sáu mươi ba chỗ thuộc Giang Khê, Ba Lương, hơn ba trăm dặm, đều trở thành pháp trì.

Năm Khai Hoàng 12 (592), Sư sáng lập tinh xá tại núi Ngọc Tuyền ở Đương Dương. Cha con Vũ An Vương Quan Thánh<sup>389</sup> hiển linh xin thọ giới, xin được làm đệ tử hộ pháp. Sư trước tác các sách như Pháp Hoa Huyền Nghĩa v.v... là bậc đại pháp vương sư cả hai triều Tùy và Trần. Mùa Đông năm Khai Hoàng 17 (597), Sư sắp nhập diệt, sai thị giả xướng tụng kinh Pháp Hoa và Vô Lượng Thọ để nghe và tư duy lần cuối. Nghe xong kinh Pháp Hoa, Sư tán thán: “*Pháp môn là cha mẹ, huệ giải bởi đó mà sanh. Bốn Tích rộng lớn, vi diệu khó lường, quăng búa, đứt dây đàn vào ngày hôm nay vậy!*” Sư nghe kinh Vô Lượng Thọ xong, tán thán: “*Bốn mươi tám nguyện, trang nghiêm Tịnh Độ. Ao hoa, cây báu, dễ đi mà chẳng có người! Kẻ thấy tướng xe bốc lửa hiện mà có thể cải hối, còn được vãng sanh, hưởng hồ bậc giới huệ huân tu! Do sức hành đạo, thật sự chẳng luống uổng!*” Xướng kinh xong, Sư lại nói: “*Thập Như, tứ bát sanh, thập pháp giới, tam quán, tứ vô lượng, Tứ Tất Đàn, Tứ Đế, thập nhị nhân duyên, Lục Ba La Mật, mỗi mỗi pháp môn đều nhiếp hết thảy các pháp, đều có thể khiến cho tâm thông đến thanh lương địa*”. Nói xong, Sư xướng danh hiệu Tam Bảo, như nhập tam-

---

<sup>389</sup> Quan Công được gọi là Vũ An Vương vì năm Đại Quán thứ hai (1107), Tống Huy Tông gia phong ông là Vũ An Vương, rồi cùng năm đó lại phong tặng thụy hiệu là Chiêu Liệt Vũ An Vương. Tới năm 1123, lại gia phong Nghĩa Dũng Vũ An Vương. Tống Cao Tông gia phong thành Tráng Mục Nghĩa Dũng Vũ An Vương.

muội [mà thị tịch]. Sư được chôn tại Phật Lũng Nham trong rừng Thiên Thai. Nói căn kẽ thì như trong các sách Quốc Thanh Bách Lục v.v...

**\* Thích Tăng Chiêu chùa Hành Nhạc đời Tùy**

Sư nghe pháp tâm quán diệu thiện của ngài Nam Nhạc Huệ Tư bèn đặc biệt đến tham yết. Những điều Tổ chỉ dạy, không điều nào Sư chẳng nhận lãnh, giải ngộ. Về sau, Sư vâng theo mạng lệnh của tổ Nam Nhạc Huệ Tư, hành Pháp Hoa tam-muội hòng tiêu túc chướng. Diệu hạnh sắp viên mãn, Sư thấy Phổ Hiền đại sĩ cưỡi voi chúa trắng, phóng quang chứng minh. Lại cảm đấng Phổ Môn đại từ thuyết pháp cho Sư. Từ đây, đốn ngộ huyền chỉ, biện tài vô ngại. Ở trong đại chúng, Sư tu khổ hạnh và Thiền Định đều là bậc nhất.

**\* Thích Đại Thiện ở Hành Châu đời Tùy**

Sư thuở bé sống ở vùng rừng, thường tụng Pháp Hoa. Về sau, Sư tham yết ngài Nam Nhạc, được khai Quán Huệ, cung kính hành Pháp Hoa tam-muội, thâm nhập sâu nhất. Sau này, Sư ngồi xếp bằng qua đời. Trong suốt bảy ngày, trời đổ mưa hoa, mùi hương lạ lắng đọng. Viên quan cai trị Hành Dương là Trần Chánh Nghiệp thường hết sức lễ kính, gặp Nội Sử<sup>390</sup> Trịnh Tăng Cảo bèn mấy lượt ca ngợi đức hạnh của Sư. Thường có thợ săn vây bắt một bầy nai, ông Cảo nói với Chánh Nghiệp: “Ông thường xưng tụng Đại Thiện thiên sư có sức từ bi tam-muội, bầy nai hiện thời sẽ như thế nào đây?” Ông Chánh Nghiệp bèn xướng suốt thuộc hạ đồng thanh niệm “*Nam-mô Đại Thiện thiên sư*”, bầy nai bèn vọt lên không trung, chạy thoát, mọi người đều kinh hãi, thán phục.

**\* Thích Huệ Thành ở Kinh Châu đời Tùy**

---

<sup>390</sup> Nội Sử là một chức quan thân cận nhà vua, được lập ra từ thời Tây Châu. Trách nhiệm chủ yếu là chương quản pháp lệnh, giúp vua biên soạn văn thư, truyền lệnh cho các khanh đại phu. Đến đời Tùy, Nội Sử là danh xưng để gọi Trung Thư Lệnh vì nhà Tùy đổi cơ quan Trung Thư Tỉnh thành Nội Sử Tỉnh. Tới đời Đường, Nội Sử chính là Tể Tướng. Tới đời Thanh, Nội Sử tương đương với Đại Học Sĩ.

Sư họ Đoàn, người Lễ Dương, tụng thông thạo các kinh Pháp Hoa, Duy Ma, Thắng Thiên Vương<sup>391</sup> v.v... Sư gặp ngài Nam Nhạc Huệ Tư đại thiên sư, được dạy nhập Pháp Hoa tam-muội. Sư vâng lời hành trì suốt ba năm, ma nghiệp, thiên quỷ nhanh chóng tan mất, dứt tuyệt. Về sau, Sư tới Chi Giang, tạo chùa Thiên Huệ. Tháng Sáu, nước sông dâng cao, trong một đêm có được kèo gỗ tốt. Có ông Đoàn Hoàng Giả là chủ của tinh xá, bỗng tắt hơi. Sư đến nơi thì ông ta mới sống lại, thưa: “Con bị bắt tới chỗ vua, thấy Sư ở trên điện nói: ‘Người này công đức chưa hoàn tất, xin vua tha cho’. Vua đứng dậy, lễ dưới chân Sư, theo lời Sư nói, thả con về”. Lại có Thường luật sư nửa đêm bắt rận quăng xuống đất, tới sáng, Sư bảo: “Đêm qua có một đàn-việt bị lạnh cóng, đáng thương”. Thường luật sư hết sức hổ thẹn, vĩnh viễn tránh làm như vậy.

**\* Thích Huệ Siêu chùa Ngô Chân ở núi Chung Nam đời Tùy**

Sư họ Trầm, người xứ Đan Dương, xuất gia từ nhỏ, chuyên tụng Pháp Hoa. Nghe nói Huệ Tư đại thiên sư ở Quang Châu riêng ngộ Nhất Thừa, hiểu sâu xa Tam Quán, cùng với ngài Trí Giả trông lòng, khiết tịnh, ôm áo đến xin theo học. Ngài Huệ Tư nói: “*Tâm tánh ông siêu việt, là người sẽ đắc nhãn*”. Tới khi Sư sang Hành Lãn, lại cùng đường với ngài Trí Giả. Sư tụng kinh nhiều năm. Về sau, Sư ẩn cư tại Chung Nam, hành đạo tám năm. Tới khi nằm bệnh được ít lâu, Sư triệu tập đồ chúng bảo: “*Qua lại là chuyện thường, trường sanh chẳng mừng. [Sáng sanh] tới tử chẳng lo, Đệ Nhất Nghĩa Không, thanh tịnh trí quán là chỗ ta nương cậy*”. Nói xong, Sư hướng về Tây, qua đời. Sư nhập đạo lúc chín tuổi, liền tụng kinh Pháp Hoa. Hơn năm mươi năm, Sư tụng hơn một vạn lần, cảm được điều lành linh ứng chẳng thể thuật trọn!

**\* Thích Huệ Oai đời Tùy**

---

<sup>391</sup> Tức là kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã Ba La Mật (Pravaradevarāja-pariprcchā). Kinh gồm bảy quyển, do ngài Nguyệt Bà Thủ Na (Upāsūna) dịch vào năm Thiên Gia thứ sáu (565) đời Trần. Kinh còn có danh xưng là Thắng Thiên Vương Vấn Bát Nhã Kinh. Trong kinh này, thuận theo lời hỏi thiên vương Bát Bà La (Pravara), đức Phật giảng giải Bát Nhã thâm thâm và cách tu tập. Kinh gồm mười sáu phẩm, chia thành bảy quyển. Kinh này chính là bản dịch khác của hội thứ sáu trong bộ Đại Bát Nhã Kinh do ngài Huyền Trang dịch.

Sư là người Giang Lăng, thuở trẻ nương cây tổ Nam Nhạc, hành Pháp Hoa tam-muội, chuyên nghĩ đến huyền tịch, liền đắc Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn Đà La Ni, nghe hiểu tiếng người lẫn tiếng chim thú. Vừa biết âm thanh ấy, Sư lại phát khởi, chứng thần thông, bay lên không, đi trên nước như bước trên đất bằng, mặt hạnh khác thường, chẳng ai có thể lường được!

**\* Thích Quán Đảnh chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai đời Tùy**

Sư họ Ngô, người xứ Chương An, Lâm Hải. Sư sanh ra mới ba tháng có thể theo mẹ xưng danh Tam Bảo. Bảy tuổi, Sư xuất tục, mỗi ngày nhớ một vạn chữ. Hai mươi tuổi, Sư thọ Cụ Túc, yết kiến tổ Trí Giả, bảm thọ quán pháp. Sư nghiên cứu, dùi mài lâu ngày, nhanh chóng được ấn khả. Về sau, Sư theo tổ Trí Giả tới Quang Trạch ở Kim Lăng, nghe giảng Pháp Hoa. Lại ở Ngọc Tuyền thuộc Giang Lăng, thọ lãnh Pháp Hoa Huyền Nghĩa và Ma Ha Chỉ Quán. Về già, Sư trụ tại tinh xá Xứng Tâm ở Côi Kê, giảng nói Pháp Hoa. Khi đó, có những lời như “*nhảy vọt khỏi lồng rọ, vượt mây, thoát ấn*”. Tháng Tám năm Trinh Quán thứ sáu (632), Sư thị tịch, trong thất có mùi hương lạ.

Sư giáo hóa đạo tục, thần dụng khôn ngần. Mỗi lần Sư tụng kinh hay tĩnh tọa, thường có hoa trời rơi lãng đãng bên cạnh. Người trong thôn Pháp Long, cách núi ba mươi dặm, bị bệnh sắp chết. Con của người ấy tới núi xin Sư cứu. Sư vì người đó chuyển đọc kinh Pháp Hoa, đốt hương chiêm đàn. Bệnh nhân từ xa ngửi mùi hương xông vào mũi, ngay lập tức khỏi hẳn. Lại nữa, Nam Lĩnh ở Lạc An có cuộc đất tên là An Châu, cây biếc, khe trong, nước suối xoáy ngầm, đường xá chẳng thông. Sư lần quần yêu mến, đoái nhìn mà thề rằng: “*Nếu cuộc đất này phẳng phiu, sẽ tới đây giảng kinh*”. Chưa đầy mười ngày, cát trắng trào lên trọn khắp, đất bằng phẳng như gương ngọc. Sư bèn giảng kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh để đền đáp sự linh ứng ấy.

**\* Thích Chân Quán ở chùa Nam Thiên Trúc thuộc núi Linh Ẩn đời Tùy**

Sư họ Phạm, ở Tiên Đường. Từ thuở bé, Sư có tướng lạ, lưỡi có nhiều vân màu tím. Hai bàn tay trái và phải có đường chỉ hình thành chữ Tiên Nhân. Sư tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày hết một quyển. Năm Khai Hoàng 14 (594), trời đại hạn, [đại chúng] thỉnh Sư giảng kinh Hải Long

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

Vương. Sư giảng phần Tựa vừa xong, mưa rào ồ ạt trút xuống. Núi Linh Ẩn ở phía Tây huyện xưa kia được gọi là Tiên Cư. Sư hành Đầu Đà trong nhà đá, đại chúng dựng tinh xá, đặt tên là Nam Thiên Trúc, thỉnh Sư trụ tại đó. Sư thường giảng Pháp Hoa, coi đó là tâm yếu. Mỗi lần Sư rửa mặt, nước thừa rơi xuống chẳng ướt đất, mọi người đều lấy làm lạ. Một hôm, thần Cao Đình thỉnh Sư giảng kinh Pháp Hoa, Sư cảm thần xá nhà làm chùa!

### ***\* Thích Phổ Minh ở Thiên Thai đời Tùy***

Sư vốn tên là Pháp Kinh, họ Châu ở Cối Kê. Lúc còn bé, Sư đã chấp tay, xưng Phật hiệu. Bỗng có vị tăng chỉ bảo Sư đến núi Thiên Thai, nói: “Ở đó có vị Bồ Tát áo mỏng, thuyết pháp hóa độ cõi đời”. Do vậy, năm Đại Kiến 14 (582), Sư đến núi Thiên Thai, phụng sự tổ Trí Giả, chuyên tu sám pháp, hằng ngày tụng Pháp Hoa. Về sau, Sư tới Lu Sơn, ở gác thờ tượng [Văn Thù Bồ Tát do] Đào Khản [tìm được], hành Thỉnh Quán Âm tam-muội. Đang trong lúc Sư hành đạo, cảm một vị dị tăng đổi tên cho Sư thành Phổ Minh. Vì thế, Sư thưa với tổ Trí Giả, Ngài cũng thuận theo. Về già, Sư trở về chùa Quốc Thanh. Chỗ Sư ở cách chỗ có nước quá xa, Sư chỉ đá nói: “Đá phun ra suối thì cũng chẳng sướng lắm hay sao?” Suối lập tức từ đá phun ra, mỗi ngày cung cấp nước đủ cho cả ngàn người. Tích Trượng Tuyên hiện thời chính là con suối đó.

### ***\* Thích Trí Việt chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai đời Tùy***

Sư họ Trịnh, người xứ Nam Dương, lìa khỏi trần tục từ nhỏ. Sư đi khắp các nơi học đạo. Tới Kim Lăng, gặp tổ Trí Giả, liền chiêm lễ xin theo học, được mật truyền tâm yếu. Ngài Trí Giả về già, quay về Thiên Thai, đem đại chúng [tại Kim Lăng] giao cho Sư. Trong hai mươi năm, Sư lần lượt khéo khuyên dạy, người học quy tâm. Sư suốt đời tụng Pháp Hoa, tính ra hơn một vạn bộ. Chỗ Sư ở, bình chứa nước tự đầy. Năm Đại Nghiệp 12 (616), Sư nằm bên hông phải, qua đời. Trời mưa hoa lạ, cả cõi tối sầm.

### ***\* Thích Trí Tảo đời Tùy***

Sư họ Trương, người Lâm Hải. Lúc hai mươi tuổi, Sư lên Thiên Thai, tham yết Trí Giả đại sư, cầu xuất gia. Tổ Trí Giả dạy tụng Pháp

Hoa, kiêm tu tam-muội. Tới đêm thứ mười bốn, sau khi sám hối xong, Sư thấy chín con rồng từ dưới đất vọt lên, bay lên hư không. Tới sáng, Sư thưa hỏi, tổ Trí Giả bảo: “*Điều này biểu thị chúng sanh trong chín đường (chín pháp giới) nghe kinh Pháp Hoa sẽ phá vô minh trong đời tương lai, nhập pháp tánh Không*”. Về sau, Sư chuyên sang trụ tại chùa Bảo Lâm, chuyên tu Pháp Hoa tam-muội. Đêm đầu tiên có quỷ lay lắc cánh cửa. Trong hai mươi một ngày, mỗi đêm đều như thế, thậm chí các hiện tượng như đập cột, phá vách, tắt đèn. Sư chẳng bị lay động chút nào, chỉ tọa Thiền, tụng kinh mà thôi. Tới ngày hai mươi một hoàn tất, thấy một đồng tử áo xanh tán thán: “Lành thay!” Nói xong, [đồng tử ấy] biến mất.

**\* Thích Trí Hy đời Tùy**

Sư họ Trần ở Dĩnh Xuyên, xuất tục từ lúc thơ ấu. Sư tới chỗ tổ Trí Giả núi Thiên Thai, bảm thọ Thiền quyết và tu tịch định. Sư thường ở đạo tràng tu Thiền tại Phật Lũng, hành Pháp Hoa tam-muội. Khi đó, Sư muốn tạo đài hương. Do gỗ trong rừng cây ở ngọn Hương Lô đẹp để lạ thường, Sư muốn chặt để dùng. Đại chúng nghi rằng đó là chỗ thần ở, [khuyên Sư không nên đung đến]. Đêm đó, Sư mộng thấy thần tặng cho, bảo: “*Cây sanh bách ở ngọn Hương Lô đều xả hết để làm đài kinh*”. Sư bèn chặt cây. Có vị tăng tên Pháp Vân muốn lên đỉnh núi tọa Thiền, Sư ngăn trở bảo: “Ông đạo lực yếu ớt, sơn thần mạnh mẽ, chẳng nên đi”. Pháp Vân không nghe. Mới vừa một đêm, sơn thần hiện hình đuổi về, mới hiểu ý của Sư nói trước đó, sanh lòng kính ngưỡng Sư sâu xa. Sư từng đến tháp báu của vua A Dục, lễ tám vạn bốn ngàn lay. Trinh Quán nguyên niên (627), Sư ngồi ngay ngắn, xếp bằng, vẫn cảm Như Ý thuyết pháp, đệ tử hỏi: “Thầy sẽ sanh về chỗ nào?” Đáp rằng: “*Như ta thấy trong giấc mộng, sẽ sanh lên Đâu Suất*”. Sư nghiêm nhiên như nhập Thiền Định [mà qua đời]. Trên hư không có tiếng đàn sáo, rất lâu sau [tiếng nhạc] mới dứt.

**\* Thích Pháp Hưởng chùa Chánh Kiến ở Dương Châu đời Tùy**

Sư họ Lý, người Duy Dương. Sư xuất gia siêng ròng, theo học với tổ Trí Giả, chuyên tụng Pháp Hoa. Ở bên cạnh chùa Thê Hà tại Nhiếp Sơn, Sư lập Pháp Hoa đường, hành tam-muội sám pháp. Hai mươi một ngày tinh tấn, đạt được điềm lành linh ứng to lớn, Sư yên lặng chẳng nói.



*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Trong núi có hồ dữ gây hại, đại chúng thiết đại trai để giải trừ tai ương. Bỗng hồ xông vào đại chúng, quắp một người chạy đi. Sư lớn tiếng hô: “Hôm nay chuyên vì người lập trai đàn, hãy nên thả người đó”. Hồ liền thả kẻ đó trở về. Sau đó, mấy chục con hồ tụ tập nơi trai đàn, mọi người kinh sợ, tránh né. Sư lấy tích trượng gõ vào cổ hồ thuyết pháp. Kể từ đó, chúng lánh xa, chẳng thấy tung tích.

*\* Thích Đăng Quán đời Tùy*

Sư họ Tôn, người Phú Dương, thọ Tâm Quán từ tổ Trí Giả. Sư sống tại Thiên Thai, thường tụng Pháp Hoa. Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư sang chùa Pháp Nhãn ở Dur Hàng, khai giảng pháp tòa. Ngày mùng Một Tết, có người mặc y phục của bậc vương giả, xưng là thần Cao Đình đến yết kiến, xin nhận lãnh giới pháp. Sư liền lấy lò thắp hương, truyền thọ Bồ Tát đại giới. Thần lễ tạ ra đi.

*\* Thích Đại Chí chùa Phước Lâm tại Lư Sơn đời Tùy*

Sư họ Cố, người Cối Kê, xuất gia từ thuở trẻ chớm. Sư theo hầu ngài Thiên Thai Trí Giả. Năm Khai Hoàng thứ mười (590), Sư đến Lư Nhạc, trụ tại chùa Hoa Đăng, tụng kinh Pháp Hoa, thanh nhàn, tĩnh lặng. Tiếng tụng kinh trong trẻo, lan xa, mọi người đều thích nghe. Về sau, Sư dựng đạo tràng Tĩnh Quán trước ngọn Cam Lộ, tu hạnh Đầu Đà. Sư trợ một thân, chẳng tránh né hổ, sói. Mỗi khi Sư bước chân vào chỗ chúng, hổ đều tránh đi!

*\* Thích Đạo Duyệt ở núi Thanh Khê thuộc Kinh Châu đời Tùy*

Sư họ Trương ở Chiêu Khâu, xuất gia tại chùa Ngọc Tuyền. Sư tánh khí trầm tĩnh, sâu lắng, tụng Pháp Hoa lâu năm. Thoạt đầu, ngài Trí Giả vào Ngọc Tuyền, chẳng có chuông khánh. Từ nguồn nước, Sư tìm được một mảnh đá lạ, bèn treo lên để gõ, âm thanh ngân nga trong trẻo. Mỗi lần Sư tụng kinh, tiếng như nước suối trong tuôn róc rách. Trọn hết một quyển, Sư lại gõ khánh một tiếng, người nghe nghiêm túc. Sư thọ thực, thường lưu lại một chút để thí cho loài chim cá. Lòng từ thiện hun đúc, chúng hoặc bay đến đậu trên vai, hoặc bơi vẫy vùng trên tay, các điềm cảm ứng tốt lành chẳng phải chỉ một!

**\* Thích Đàm Tuân núi Bạch Tiêm ở Hoài Châu đời Tùy**

Sư họ Dương, người xứ Hoa Âm. Sư xuất gia tại núi Bạch Lộc, chuyên tụng Pháp Hoa. Sư nghe nói Trù thiền sư chùa Vân Môn thuộc Long Sơn là bậc tông tượng về Thiền Định, xưa nay ít ai sánh bằng, liền tìm đến đánh lễ. Về sau, Sư chuyển sang ở trong hang Lộc Thổ để tu Thiền, khiến cho suối khô có nước trở lại, hươu nai nhiều quanh viện. Khi đó, do giảng pháp, Sư tạm thời qua Vân Môn, gặp phải đường tối, sương mù mờ mịt, cảm vờn sơn thần chỉ đường. Sư lại còn đi trong núi gặp hổ đang đấu sức với nhau đã rất lâu chẳng ngừng, Sư dùng tích tượng tách ra, dùng thân ngăn trở chúng. Cọp cúi đầu, bỏ chạy. Sư thường nhập Thiền Định, lấy bảy ngày làm hạn. Trong niên hiệu Khai Hoàng, vua ban chiếu khen ngợi sự thần dị của Sư.

**\* Thích Đàm Vận ở Úy Châu đời Tùy**

Sư người Định Châu, xuất gia từ bé, luôn tụng Pháp Hoa. Sư dạo khắp Ngũ Đài, thấy trọn các tướng trạng linh ứng. Sư ngừng chân nơi chùa Mộc Qua ở Bắc Đài hơn hai mươi năm, Thiền Tụng chẳng sót. Cuối đời Tùy, rối ren, loạn lạc. Sư đã bảy mươi, bèn ẩn cư trong núi Tỷ Can, suốt ngày đêm nhiếp tâm chẳng biếng nhác. Sư thường muốn chép kinh Pháp Hoa, nhưng nhiều năm chưa thực hiện được. Chợt chứa ý nguyện đã lâu, bỗng có một thư sinh tới nói anh ta giỏi chép kinh, nguyện thành tựu chí nguyện của Sư. Do vậy, quét dọn thớt, dọn sạch đất, ngậm hương, lạng lễ chép, ra thì giữ giới, vào thì tắm rửa. Chưa đầy mười ngày, bảy quyển đều xong. Sư toan đưa tiền công thì khoảnh khắc chẳng thấy [thư sinh] đâu nữa. Về sau, do giặc Hồ bỗng ập tới, Sư giấu kinh trong hang đá. Sau một năm giặc mới yên, Sư trở về, tìm kinh chẳng thấy. Sau đó, tìm được kinh trong lùm cỏ dưới vách núi. Rương đựng kinh và vải bọc đều hư nát, nhưng quyển kinh vẫn y như cũ. Năm Trinh Quán 11 (637), Tuyên luật sư (ngài Đạo Tuyên) đích thân thấy chuyện ấy.

**\* Thích Huệ Hải chùa An Lạc ở Giang Đô đời Tùy**

Sư người Thanh Hà, họ Trương, tuổi thơ nhập đạo, lấy Tịnh Độ làm điều cầu mong. Sư chuyên rỗng nên được cảm vờn. Bỗng có vị tăng ở Tề Châu là Đạo Thuyên mang tượng Vô Lượng Thọ Phật đến, vi diệu,

*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

ting xảo chưa từng có trong đời, nói: “*Đây là do Ngũ Thông Bồ Tát ở chùa Kê Đầu Ma tại Thiên Trúc, bay lên không trung, đến thế giới An Lạc, vẽ vờn tôn dung*”. Sư ngẫm hiểu thịnh tình, ôm lòng lễ kính sâu xa, bèn thấy thần quang chiếu sáng rực, mừng rỡ trước diễm hiêm có. Tháng Năm năm Đại Nghiệp thứ năm (609), Sư bỗng hướng về Tây lễ bái xong, ngòi xếp bằng qua đời. Sư ngẫm hành Ban Châu, về già càng chuyên dốc, giảng kinh Pháp Hoa năm mươi lượt. Sư hoàng pháp lợi sanh, dốc lòng nơi Tịnh Độ, đáng gọi đứng đầu thuở ấy.

**\* Thích Huệ Cung chùa Chiêu Đề tại Ích Châu đời Tùy**

Sư kết bạn với vị tăng đồng học là Huệ Viễn. Về sau, Sư sang Kinh Dương hỏi đạo rồi trở về, thám thoát đã ba mươi năm. Ban đêm trò chuyện, Huệ Viễn nói như nước chảy, Sư lặng thinh, chẳng đáp được. Huệ Viễn nói: “*Nhân giả có sở đắc gì chăng?*” Sư thưa: “*Tánh tôi tối tăm, chẳng hiểu biết gì!*” Huệ Viễn nói: “*Có tụng nổi kinh nào hay không?*” Sư đáp: “*Chỉ tụng một quyển phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa, tôi sẽ tụng cho thầy nghe, chỉ nên chí tâm nghe*”. Sư bèn kết đàn, lên tòa cao, vừa mới thốt ra tiếng xướng đề kinh, đã cảm thấy có mùi hương. Lâu sau, nghe tiếng thiên nhạc rền trời, mưa hoa tán loạn. Kinh tụng xong, [các hiện tượng ấy] mới hết. Huệ Viễn kính lễ, cảm tạ.

**\* Thích Pháp Sung đời Tùy**

Sư là người Cửu Giang, họ Tất, thường tụng Pháp Hoa, kiêm thông Đại Phẩm. Sư trụ tại chùa Hóa Thành ở Lư Sơn, thường khuyên tăng chúng chẳng cho nữ nhân vào chùa, vì sẽ thương tổn sự giáo hóa của Phật, rơi vào sự đôn đãi của thói tục. Thoạt đầu, tăng chúng chẳng nghe theo. Sư liền ở trên đỉnh Hương Lô trong núi, gieo mình xuống, thê nát xương cốt, cầu sanh Tịnh Độ. Bỗng đang ở trong không trung, đầu tự xoay lên trên, nhẹ nhàng rơi xuống, thân chẳng tổn hoại tí nào! Đại chúng cảm động trước hiện tượng lạ ấy, cùng răn nhau bắt đầu chẳng cho nữ nhân vào chùa. Cuối niên hiệu Khai Hoàng, Sư ngòi qua đời, đang lúc nắng gắt mà thân thể chẳng hư hoại, mùi hương lạ ngập thất.

**\* Thích Pháp Lãng đời Tùy**

Sư họ Hứa, người Nam Dương, không cư trụ nhất định một chỗ nào; phần nhiều trụ tại Ngạc Châu. Khi đó, Sư tụng đọc các kinh, nhưng

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

chí chuyên chú nơi Pháp Hoa. Sư thề nguyện trong sạch tụng niệm: Hễ cứ một lần tụng là bảy lượt. Lâu ngày như thế, tiếng tụng kinh như sấm động, xa gần đều nghe rõ ràng. Người đời gọi Sư là Pháp Hoa Lãng. Có tỳ-kheo-ni bị quỷ dựa, siêu ngộ huyền giải, ai cũng gọi là bậc thông ngộ. Sư nói: “Đó là tà quỷ”. [Sư đến chỗ bà ni ấy], cao giọng quở trách, quỷ mị kinh sợ rời đi, bà ni ấy đột nhiên mắt sạch bệnh tài!

### ***\* Thích Pháp Hỷ ở Ung Châu đời Tùy***

Sư người Tương Dương, họ Lý, bảy tuổi xuất tục, dốc chí trì Pháp Hoa. Trong niên hiệu Nhân Thọ (601-604), Sư trụ tại chùa Thiên Định ở kinh đô, muốn ngậm cầu sự linh ứng, thề tụng kinh Pháp Hoa một ngàn lần. Do vậy, Sư không ở trong thất cũ, mà vừa đi kinh hành, vừa tụng niệm đủ số tám trăm lượt, thệ tâm chẳng tán loạn. Tăng chúng cùng chùa bỗng thấy có xe báu anh lạc vào trong phòng Sư, ép Sư cho vào xem, trọn chẳng thấy gì, mới biết là do ngậm thông mà cảm vờ vậy.

### ***\* Thích Pháp Thành ở chùa Ngô Chân núi Chung Nam đời Tùy***

Sư người Ung Châu, họ Phàn, trụ tại chùa Vương Hiệu ở Lam Điền, chuyên tụng Pháp Hoa. Sư quảy tráp đến thăm các danh sơn, thề dốc lòng phụng hành Pháp Hoa tam-muội, mộng cảm vờ Phổ Hiền Bồ Tát khuyên biên chép Đại Thừa. Sư liền mượn người chép tám bộ Bát Nhã. Lại tạo Hoa Nghiêm đường, dốc cạn lòng tinh thành để biên chép, thọ trì. Khi đó, Hoằng Văn Học Sĩ Trương Tĩnh vốn giỏi viết lách, Sư bèn thỉnh [ông ta] đến chùa trên núi, bảo ông ta ngậm hương chép trọn một bộ. Khi đó, cảm con chim lạ bay tới án chép kinh, tự nhiên nhảy vòng quanh. Đầu thời Trinh Quán, Sư đích thân chép Pháp Hoa. Khi đó, Sư đang ở nơi đất trống, do có chuyện phải đi, chẳng thu cát được, gặp lúc mưa to trút xuống. Sư vội vàng trở về xem, cả án chép kinh khô ráo, những thứ khác đều bị cuốn trôi. Mùa Hạ năm Trinh Quán 14 (640), Sư bảo người hầu: “*Ta nghe nói các hành vô thường, sanh diệt chẳng trụ, chín phẩm vãng sanh lời ấy ứng nghiệm. Nay có đồng tử đến đón rước, ta sẽ lìa đời*”. Nói xong, miệng Sư phóng quang minh, chiếu khắp cả nhà. Lại nghe mùi hương lạ ngào ngạt, Sư ngồi ngay ngắn, qua đời. Sư tụng tập Pháp Hoa, tính đại lược là mười năm, hơn một vạn lần!

### ***\* Thích Pháp An đời Tùy***

Sư trụ tại chùa Kiến Nguyên, thông thạo rộng khắp lẽ huyền yếu, tụng Pháp Hoa đã lâu, giảng hơn bốn mươi lần. Bỗng bốn góc của giảng tòa đều sanh một lùm hoa có mười mấy nhánh, trắng vàng xen lẫn, hình dạng giống như hoa sen, hương quang rạng rỡ. Mười ngày sau, lại ở bên bục giảng của Sư và chỗ ngồi của đại chúng, đều sanh tám chín đóa hoa, một tháng mới héo. Đạo tục kéo đến xem, tán thán là điềm lành lạ lùng.

**\* Thích Pháp Thái đời Tùy**

Sư là người Long Sơn ở My Châu, thường tụng Pháp Hoa, tự tay chép một bộ kinh, có mấy điều linh ứng. Sư mang kinh sang Ích Châu để trang hoàng, bỗng đánh rơi tráp đựng kinh xuống nước dưới cầu, tìm chẳng được. Sư buồn khóc, đi dọc theo hai bên bờ, bỗng thấy trên một cù lao nhỏ có một cái bọc, sai người ra lấy về thì ra là kinh. Được cỏ cây nâng đỡ, kinh trọn chẳng bị ướt chỗ nào. Sư hoan hỷ khôn cùng, liền đem tới Thành Đô trang hoàng xong, dùng đàn hương làm trục, trang hoàng tốt bậc trang nghiêm, đem về thờ ở chùa mình. Mỗi đêm, mùi hương lạ đầy nhà. Sư siêng năng trì tụng, mỗi đêm ắt tụng hết một bộ. Khi đó, có Bru pháp sư tới giảng kinh ở chùa đó. Đêm đến, Bru pháp sư tới chỗ Sư tụng kinh, thấy có nhiều người hồ quỳ chấp tay, Bru pháp sư toát mồ hôi, lui về.

**\* Thích Huyền Tú ở chùa Tế Hoa thuộc Hoàng Châu đời Tùy**

Sư luôn tụng Pháp Hoa, thường có tướng lạ. Khi đó, đang mùa hè nóng bức, Sư vừa mới tụng kinh xong. Tăng chúng trong chùa thấy có người hộ vệ nghiêm túc bên cạnh, sợ hãi bảo các đồng bạn cùng đến xem thì thấy không chỉ giống hệt như trước, mà lại còn đầy áp trên không. Tứ chúng đều xưng là thần dị.

**\* Thích Hạnh Kiên đời Tùy**

Sư thường tu Thiên Quán, tiết tháo nghiêm cẩn. Sư ngẫu nhiên đi sang phương Đông, trên đường ngang qua Thái Sơn. Đêm xuống, ngụ tại miếu thờ thần núi. Ông từ coi miếu nói: “Những người ngủ nhờ gần đây, phần nhiều bị chết bất ngờ, chớ nên ở lại”. Sư không nghe, cứ trải rơm bên gian xếp của miếu, ngồi ngay ngắn tụng kinh. Khoảng canh một,

nghe trong miếu có tiếng vòng ngọc rung. Trong chốc lát, thần xuất hiện, áo mũ rất to lớn, thuộc hạ rầm rộ. Thần hướng về Sư chấp tay; do vậy, Sư mời ngồi trò chuyện như trong khoảng bữa ăn, Sư hỏi: “Cõi đời truyền tụng Thái Sơn cai quản quỷ, có chuyện ấy hay không?” Thần đáp: “Có ạ, há chẳng phải là Sư muốn thấy người đã mất ư?” Sư đáp: “Tôi có hai vị tăng đồng học đã chết, mong gặp một lần”. Thần hỏi tên tuổi rồi thưa: “Một người đã sanh trong nhân gian, người kia còn trong ngục chịu đời chất, chẳng thể gọi đến. Sư đến gặp thì được”. [Thần liền sai người hầu] cùng Sư đến một chỗ, thấy trong ngục ánh lửa hết sức hùng hực. Sứ giả dẫn Sư vào. Từ xa, Sư thấy một người ở trong lửa kêu gào, máu thịt bị thiêu hôi thối. Sư chẳng nỡ lòng nhìn, thương xót xin trở ra, lại ngồi cùng với thần, Sư hỏi: “Tôi muốn cứu đồng học có được hay chẳng?” Thần nói: “Được chứ! Có thể vì người ấy chép kinh Pháp Hoa, ắt sẽ được miễn tội”. Sắp sáng, thần cáo từ trở vào miếu. Ông từ coi miếu thấy Sư chẳng chết rất lạ lùng. Sư rời đi, vội thực hiện nguyện trước. Chép kinh và trang hoàng xong xuôi, Sư cầm đến miếu ngủ lại. Thần hiện ra như lúc trước, hoan hỷ lễ bái nói đã biết Sư vì người ấy chép kinh: “Vừa mới viết đề kinh, người ấy đã được thoát nạn. Nay đã sanh trong nhân gian”. Đó là chuyện trong niên hiệu Đại Nghiệp.

**\* *Cư sĩ Lục Thuần đời Tùy***

Ông là người Ngô Quận, tâm thường mộ đạo. Ngày đêm tụng trì một bộ kinh Pháp Hoa. Về sau, ông bỗng bị bệnh, nằm ngửa, nhìn lên nóc nhà, mắt chẳng tạm nhắm. Có vị tăng quen biết đến thăm bệnh, nhân đó hỏi vì sao ông nằm ngửa ngó lên kèo nhà vậy? Ông nói: “*Phật thọ ký Lục Thuần sẽ sanh lên trời Dạ Ma. Nay tôi thấy cung điện, thành khuyết trên cõi trời và các thiên chúng, cho nên ngắm nhìn chẳng rời mắt*”.

**\* *Nghiêm Cung ở Tương Châu đời Tùy***

Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, người xứ Tương Châu là Nghiêm Cung suốt đời tịnh tâm quy y Phật pháp. Ông tạo tinh xá ở ngoài thành, chép kinh Pháp Hoa, thanh tịnh cúng dường. Giấy bút và biên chép đều chú trọng tinh sạch, tốt đẹp nhất, tín tâm bố thí, chẳng dám dối trá. Hễ có tiền liền thực hiện, chẳng hề xin xỏ ai. Chép xong quyển nào, ông đều đích thân dò theo từng chữ để kiểm giao, đã lâu ngày mà chẳng bỏ bê hay mỏi mệt. Từng có người vay ông một vạn đồng, ông Cung bắt đắc dĩ phải đưa cho. Người vay tiền ngồi thuyền bị

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

lật thuyền, tiền mất sạch, chỉ được thoát thân. Ngày hôm ấy, ông Cung vào kho trong nhà, thấy món tiền đã cho vay ướt như bị nhúng nước. Về sau, ông nghe chuyện ấy, mới biết là linh dị!

### ***\* Vương Phạm Hạnh ở Lâm Nghi đời Tùy***

Thuở bé ông bị mù, mẹ thương xót, dạy truyền khẩu kinh Pháp Hoa. Ông áo vải, ăn chay, thiền tụng chẳng thiếu sót. Tính ra đã tụng được một vạn bảy ngàn bộ. Về sau, ông ngồi xếp bằng qua đời. Di ngôn bỏ xác trong thi lâm (cánh rừng để bỏ xác). Lâu ngày, thịt da đã hết sạch, chỉ có lõi chẳng hoại, màu như hoa sen.

### ***\* Thôi Ngạn Vũ ở Ngụy Châu đời Tùy***

Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, thứ sử Ngụy Châu là Thôi Ngạn Vũ quê tại Bác Lăng, nhân đi đường bộ, tới một ấp, bảo người theo hầu: “Đời trước, ta từng làm một người đàn bà trong ấp này, nay muốn đến xem”. Do vậy, cưới ngựa đi vào ngõ hẹp, tới nhà đó, sai người gõ cửa. Một cụ già ra chào. Ngạn Vũ vào nhà, nhìn vào chỗ cao trên vách phía Đông, nói với chủ nhân: “Xưa kia, ta từng cất kinh Pháp Hoa và năm cây thoa vàng ở đó. Cuối quyển bảy của kinh bị lửa đốt mất mấy hàng chữ. Nay mỗi lần tụng kinh đến đó, tâm liền như quên mất”. Ông sai tả hữu đục tường ra xem, hoàn toàn đúng như ông đã nói. Chủ nhân khôn cầm nước mắt. Ngạn Vũ biểu xén trọng hậu rồi đi.

### ***\* Đạo Tuyên luật sư chùa Tây Minh ở kinh đô đời Đường***

Sư người Hồ Châu, con của Lại Bộ Thượng Thư Tiên Thân đời Tùy. Khi mẹ có thai, mộng thấy một vị Phạm tăng nói: “*Bà mang thai luật sư Tăng Hựu*”. Sư mười sáu tuổi tụng kinh Pháp Hoa, hai mươi ngày bèn thông suốt. Trong niên hiệu Vũ Đức, Sư ẩn tích tại Chung Nam. Chỗ ở thiếu nước, thân nhân chỉ chõ, đào xuống chừng hơn một thước, suối tự phun trào. Do vậy, đặt tên chùa là Bạch Tuyên Tự. Về sau, Sư dời sang chùa Phong Đức, do hành Ban Châu định, cảm các rồng lễ yết, cúng dường kỳ hoa dị quả. Sư giới đức vượt người, soạn Tứ Phần Luật Sao. Lại biên soạn Nội Điển Lục, Tam Bảo Cảm Thông Lục, Quảng Hoảng Minh Tập, Tục Cao Tăng Truyện.

Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư ẩn cư trong núi Vân Thất, mọi người thấy đồng tử cõi trời hầu hạ chung quanh. Ban đêm, Sư kinh hành tại Tây Minh, bước lên bậc vấp ngã, có thiếu niên mặc giáp trụ nâng đỡ. Sư hỏi: “Là vị thần nào vậy?” Đáp: “Tôi chính là Na Tra, con của thiên vương Tỳ Sa Môn. Do Sư giới đức cao diệu, cho nên đến hộ vệ bên cạnh”. Sư bèn hỏi cặn kẽ các chuyện trong Phật pháp, thần nhất nhất trả lời. Thần trao cho Sư rằng Phật và tay báu để làm chứng có tin tưởng rồi ẩn mất. Mùa Xuân năm Càn Phong thứ hai (667), Sư cảm thiên nhân đến đàm luận luật tướng. Một hôm, lại có một vị trời đến lễ yết, nói: “Luật sư sẽ sanh về cung trời Đâu Suất”. Vị ấy cầm một vật thưa: “Đây là Cức Lâm Hương”. Ngày mùng Ba tháng Mười, Sư an tọa qua đời, hiệu là Nam Sơn Giáo Chủ Trùng Chiếu đại sư. Khi Sư viết lời tựa cho kinh Pháp Hoa, Vì Đà Thiên do tôn sùng Pháp Hoa, chưa thay lời nói đầu, đã bâm báo mười phương chư Phật, chư Phật đều cùng ẩn khả, bài tựa ấy mới được lưu truyền, tức là bài tựa được hoằng truyền hiện thời.

**\* Thích Cát Tạng đời Đường**

Sư họ An, vốn là người An Tức<sup>392</sup>, đời tổ tiên di cư tới Nam Hải. Sư bảy tuổi xuất gia, sau đó thọ Cụ Túc Giới, mang chí hướng truyền giảng, tiếp tục chuyển pháp luân. Sư trụ tại chùa Nhật Nghiêm ở kinh đô, khai giảng Pháp Hoa. Người nghe tin kéo đến nghe, tính ra cả vạn. Đầu niên hiệu Đại Nghiệp, Sư chép một ngàn bộ Pháp Hoa, lại riêng đặt tượng Phổ Hiền Bồ Tát, cung kính đối trước tượng tọa Thiền, quán lý Thật Tướng. Năm Vũ Đức thứ sáu (623), Sư đổi sang trụ tại chùa Diên Hưng, các thứ cúng dường khác lạ đua nhau đưa đến. Sáng một ngày nọ, Sư đốt hương, ngồi xếp bằng qua đời. Lúc ấy đang nhằm khi nắng gắt, vẻ mặt Sư càng tươi sáng, [môn nhân] khắc đá chôn Sư ở Bắc Nham. Sư bình sanh giảng kinh Pháp Hoa hơn ba mươi lượt. Lúc sắp mất, Sư soạn bài luận Tử Bất Bồ (chết không sợ), [đại ý] như sau: “*Tử do sanh mà có,*

---

<sup>392</sup> An Tức là một vương quốc cổ tại Ba Tư (Iran hiện thời). Tiếng Ba Tư gọi là Ashkanian, hoặc Parthia tồn tại từ năm 247 đến năm 224 trước Công Nguyên. Đế quốc này do vua Arsaces đệ nhất sáng lập. Arsaces vốn là lãnh tụ bộ tộc Parni chiếm cứ vùng Parthia. Khi cực thịnh, đế quốc này trải dài từ lưu vực sông Âu Phát Lạp Đê (Euphrates) tới A Phú Hãn và phần Tây Pakistan. Do nằm trên con đường tơ lụa, vương quốc này trở thành trung tâm mậu dịch quan trọng thời ấy.



*hãy nên khóc vì được sanh ra, chớ nên sợ chết”*. Văn còn nhiều, chẳng chép thêm!

**\* Thích Huệ Chủ đời Đường**

Sư người Thi Châu, họ Giả. Thoạt đầu, Sư tới kinh đô thọ Cụ Túc Giới tại chùa Cam Lộ. Sư chuyên tụng kinh Pháp Hoa, cảm sơn thần dâng cúng. Sư sáu thời hành đạo, chim, thú bay theo, giống như ngưỡng mộ, lắng nghe. Sư còn trao truyền Bồ Tát giới cho u lãn hiền. Trong niên hiệu Vũ Đức, Sư ở tại chùa Hương Lâm. Khi đó Lăng Dương Công đến Ích Châu, dẫn theo hơn một trăm con vật chở nặng đến chùa, xếp chúng trong giảng đường, không ai dám trái ý. Sư thấy ứ tạp, liền vào tầng phòng, cầm tích trượng và ba y ra, giơ trượng, hướng về bọn la, lừa, chúng cùng lúc ngã nhào. Huyện quan hết sức kinh hoàng, bắt Sư lên tố cáo. Lăng Dương Công chẳng trách móc chút nào, chỉ nói: “Nhờ Sư phá keo tham, được lợi ích to lớn sâu xa”, tặng mười cân trầm hương. Sau khi trở về kinh, ông ta bèn thọ giới Bồ Tát.

**\* Thích Huyền Trang chùa Đại Từ Ân ở kinh đô đời Đường**

Sư họ Trần, người huyện Trần Lưu. Lúc mười một tuổi, Sư thường tụng Pháp Hoa và Duy Ma, tánh cương cứng, chánh trực, bất khuất. Năm Trinh Quán thứ ba (629), Sư sang Tây Vực thỉnh các kinh chưa được truyền sang Trung Hoa. Sư đến nước Khúc Xà, cùng các thương nhân vượt qua sông Căng Già (sông Hằng). Phong tục nước ấy chuyên dùng người để tế trời, họ sắp giết Sư để tế. Bỗng gió lớn nổi lên, cát bụi đầy trời, mặt trời đang giữa ban ngày mà tối sầm. Họ cho rằng Sư là thánh nhân, Sư bèn được thả ra. Sư tới Trung Thiên Trúc, được nghe luận Du Già Sư Địa. Sư vào thành Vương Xá, từ Thượng Phương Giới Hiền luận sư học sâu xa lẽ bí áo trong Đại Thừa, trí chứng ngày càng tăng. Sư đi qua hơn một trăm năm mươi nước. Mười chín năm sau, Sư chở kinh và tượng về kinh đô. Sau đó, Sư dịch kinh luận tính ra bảy mươi lăm bộ. Tháng Hai năm Lâm Đức nguyên niên (664), Sư từ biệt đại chúng, sai người xung quanh niệm Di Lạc Như Lai, năm an tường bên hông phải qua đời. Có dị tăng dâng hương để bồi lên thân thể Sư. Vua xuống chiếu chuẩn theo chuyện an táng Thế Tôn [để cử hành tang ma]. Tháp thờ Sư ở Bắc Nguyên thuộc Phàn Xuyên.

**\* Thích Huyền Uyển chùa Phổ Quang ở kinh đô đời Đường**

Sư họ Dương, người Hoa Âm, giảng diễn Pháp Hoa Đại Thừa v.v... và tham cứu sâu xa lý huyền áo, khéo trình bày chỗ u vi. Năm Nhân Thọ (602) thứ hai, Sư tạo tượng vàng Thích Ca Như Lai cao một trượng sáu. Lòng chí thành ngậm cảm ứng, trời mưa diệu hoa, bay lả tả như vân mầu<sup>393</sup>. Đêm ấy, nhạc trời vang rền khắp không trung, cho tới bình minh mới dứt. Vào giới kỳ nhằm ngày mùng Tám tháng Hai mỗi năm, Sư nương theo hai mươi lăm vị Phật để chuyển đọc thần chú một ngàn lượt, tinh khiết, trai giới, kinh hành. Đầu niên hiệu Trinh Quán, vua sắc truyền hoàng thái tử và các vương đến thọ Bồ Tát giới từ Sư. Anh em Tả Bộc Xạ<sup>394</sup> Tiêu Vũ thường thưa hỏi ý chỉ “*hội tam quy nhất*” trong hội Pháp Hoa, Sư vì họ phân tích lập đi lập lại chẳng mệt mỏi. Hữu Bộc Xạ Đỗ Như Hối để lại di ngôn, nguyện trái kiếp số làm đệ tử của Sư. Mỗi lần Sư truyền giới, thuyết pháp, có đồng cốt nói: “Thấy có dị loại quỷ thần từ các phương tụ lại, ra vẻ như đang nghe nhận”.

---

<sup>393</sup> Vân mầu (Micas) là tên gọi chung cho các khoáng chất thuộc nhóm Phyllosilicate (tức các hợp chất Silicate có thể tách ra thành từng miếng mỏng), có thể trong suốt hoặc trong mờ. Mica thường là hợp chất của Kalium, Natrium, hoặc Calcium kết hợp với nhôm, manganese, hoặc sắt, và một thành phần không thể thiếu là chất silicon bị oxyde hóa. Tùy theo cách kết hợp khác nhau mà thành ra các loại mica khác nhau.

<sup>394</sup> Bộc Xạ là chức quan đã có từ thời cổ. Theo Hán Quan Nghi Chú, Bộc có nghĩa là chủ chốt, quản trị, còn Xạ là vì thời cổ coi trọng vũ thuật. Do vậy, trong số những người cầm đầu thuộc hạ, luôn chọn người giỏi bắn tên. Vì thế gọi là Bộc Xạ. Từ đời Hán trở đi, Bộc Xạ là một danh xưng chung cho quan viên, từ Thị Trung, Thượng Thư, Bác Sĩ, các quan Lang, thậm chí người đứng đầu các cảng sông cũng gọi là Bộc Xạ. Hoặc nói riêng, Thượng Thư Bộc Xạ là phó quan cho Thượng Thư Lệnh. Từ đời Tùy, chức trưởng quan đứng đầu Thượng Thư Tỉnh gọi là Bộc Xạ, tức Thượng Thư Bộc Xạ (không còn danh xưng Thượng Thư Lệnh), các danh xưng khác về Bộc Xạ đều bị phế trừ. Như vậy, Tả Hữu Bộc Xạ chính là Tể Tướng (Thừa Tướng), Tả Bộc Xạ cao hơn Hữu Bộc Xạ. Từ đời Tống Huy Tông, đổi Tả Hữu Bộc Xạ thành Thái Tể và Thiếu Tể, từ đó, không còn danh xưng này nữa. Trong các triều đại Tùy, Đường, Ngũ Đại, chức Thượng Thư Bộc Xạ chính là Tể Tướng. Tả Bộc Xạ đứng đầu các quan, quản trị các bộ Lại, bộ Hộ, bộ Lễ. Hữu Bộc Xạ quản trị bộ Binh, bộ Hình và bộ Công. Trong đời Đường, Cao Tông đổi Bộc Xạ thành Quốc Chánh, Vũ Tắc Thiên đổi thành Văn Chương Tả Hữu Tướng, Huyền Tông đổi thành Tả Hữu Thừa Tướng. Cuối đời Đường, Bộc Xạ trở thành hư chức (chức vụ không có thực quyền, chỉ để gia tặng cho các Tiết Độ Sứ).

**\* Thích Khuy Cơ chùa Đại Từ Ân đời Đường**

Sư họ Uất Trì, người Trường An, là đệ tử của ngài Huyền Trang. Sư thông hiểu giáo pháp Đại Tiểu Thừa. Về sau, Sư đến Ngũ Đài, trụ tại Tây Hà Cổ Tự, thấy quyển kinh tỏa ánh sáng. Tìm xem thì ra là Di Lạc Thượng Sanh Kinh. Sư bèn cất bút soạn sớ. Từ đầu ngọn bút, thu được hai mươi bảy viên xá-lợi, hồng nhuận, đáng yêu. Sư tướng mạo trông thô to, nhưng tâm từ bi, hóa đạo khắp chốn. Sư sang Đông tới Bắc Lãng, giảng kinh Pháp Hoa, lại còn soạn đại sớ. Sư từng tạo tượng Văn Thù Bồ Tát bằng ngọc, viết kinh Đại Bát Nhã bằng chữ vàng. [Tượng và kinh] đều tỏa thân quang sáng ngời khắp thất. Thoạt đầu, ngài Huyền Trang đích thân truyền dạy Du Già Sư Địa Luận, Sư lãnh thọ trọn hết chỗ mầu nhiệm. Trong nước gọi Sư là Từ Ân pháp sư.

Khi đó, Đạo Tuyên luật sư do hoàng dương Luật, cảm bếp trời cúng dường thức ăn, thường chê trách Sư đi đâu cũng phải có ba xe<sup>395</sup>, chẳng đáng kính lễ. Sư từng tới thăm ngài Đạo Tuyên, hôm ấy đã quá Ngọ mà thiên nhân chẳng dâng thức ăn. Sư đi rồi, thiên thần mới giáng xuống. Ngài Đạo Tuyên gạn hỏi vì sao lại đến sau giờ Ngọ. Vị trời ấy đáp: “Vừa rồi tôi thấy bậc Đại Thừa Bồ Tát ở đây, được [chư thiên, quý thân] hộ vệ chung quanh rất nghiêm. Thần thông của bọn tôi không đủ sức để tiến vào!” Ngài Đạo Tuyên nghe nói mới bắt đầu kính phục [ngài Khuy Cơ].

**\* Thích Trí Thông ở chùa Thê Hà Tự thuộc Nhiếp Sơn đời Đường**

Sư trụ tại chùa Bạch Mã ở Dương Châu, chuyên học tập Tam Luận (Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận, và Bách Luận). Sau đó, vượt sông, trụ tại An Lạc Tự. Gặp lúc nhà Tùy mất nước, Sư nghĩ cách trở về, nhưng chẳng có cách nào, ẩn mình trong đám lau lách bên sông, tụng kinh Pháp Hoa. Bảy ngày chẳng đói, luôn có bốn con hồ đi tuần chung quanh. Bỗng Sư thấy một ông lão cắp nách một chiếc thuyền bé, đến nói: “Mời Sư vượt sông”. Trí Thông lên thuyền, bốn con hồ ẩn núp, không

---

<sup>395</sup> Ngài Khuy Cơ đi đâu cũng có ba chiếc xe: Xe đầu tiên chở kinh sách, xe thứ hai do ngài tự ngồi, xe thứ ba chở nữ nhạc công, tớ gái, thức ăn, nên có xước danh là Tam Xa Pháp Sư. Tuy vậy, có người nói đây là ngoa truyền, phóng đại, dựa trên chuyện khi được pháp sư Huyền Trang khuyên xuất gia, Sư nói chẳng buộc Sư đoạn thế duyên, chẳng bắt Sư không ăn mặn mới chịu đi tu. Đó là chuyện trước khi Ngài giác ngộ.

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

chịu đi. Sư nói: “Chẳng vượt sông ư?” Hồ bèn đứng lên, liền cùng Sư vượt sông sang bờ Nam. Thuyền cập bờ, bỗng chẳng thấy ông lão đâu nữa. Sư dẫn bốn con hồ trụ tại chùa Thê Hà. Trong niên hiệu Trinh Quán, khi Sư chín mươi chín tuổi, ngồi ngay ngắn qua đời. Hồ gào rống bi thương rồi bỏ đi.

### ***\* Thích Trí Diễm ở chùa Thông Huyền tại Tô Châu đời Đường***

Sư họ Châu, người Ngô Quận. Lúc mười hai tuổi, tụng thông thạo kinh Pháp Hoa. Về sau, thọ Cụ Túc Giới từ Diên pháp sư chùa Tần Hoàng. Sư giữ oai nghi trang nghiêm, đạt sâu xa căn bản của giới. Năm Vũ Đức thứ bảy (624), Sư trở lại núi cũ, thường hành các sám pháp Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Phổ Hiền v.v... Tụng kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn lượt, giảng Niết Bàn và Pháp Hoa mỗi kinh ba mươi lượt, Quán Kinh một trăm mười lượt. Sư khắc khổ, siêng gắng, lò hương không đốt mà tự cháy, bình đựng nước hễ cạn sẽ tự đầy, các điều cảm ứng tốt lành chẳng phải là một chuyện. Năm Trinh Quán thứ tám (634), Sư thị hiện bị bệnh. Sư thấy Phạm tăng tay cầm bình báu, nói: “*Ta là Vô Biên Quang; sau này, Tịnh Độ gọi là Công Đức Bảo Vương chính là ta vậy*”. Sư bảo môn đệ: “*Vô Biên Quang Đại Thế Chí đã tới. Công Đức Bảo Vương chính là danh hiệu khi Ngài thành Phật. Do nhân mà nói đến quả, ta sẽ về Tây lúc này đó chẳng?*” Sư liền ngồi xếp bằng qua đời.

### ***\* Thích Trí Thông ở Tứ Châu đời Đường***

Sư họ Trần, tám tuổi lìa tục, chuyên tụng Pháp Hoa, rất siêng giảng dạy. Sư trụ tại núi Ngưu Đầu, khéo giữ oai nghi, siêng khổ giữ vững giới hạnh. Thường có hai con ngỗng đứng thời đến nghe pháp. Sư giảng hơn trăm lượt, hai lần phóng quang minh. Sư thị tịch trong niên hiệu Trinh Quán. Khi đó các điện đường, phòng ốc trong chùa đều biến thành sắc trắng, đều chấn động trong khoảng một bữa ăn mới thôi!

### ***\* Thích Trí Oai ở chùa Pháp Hoa núi Thiên Thai đời Đường***

Sư họ Tường, người xứ Tấn Vân, gia đình nhiều đời theo đạo Nho. Lúc Sư mười tám tuổi, sắp cưới vợ, trên đường gặp vị Phạm tăng bảo: “*Tiền thân của chàng thiếu niên này là quan Bộc Xạ Từ Lăng đời Trần. Do nghe ngài Trí Giả giảng kinh Pháp Hoa, tự lập năm nguyện: Một là lâm chung chánh niệm; hai là chẳng đọa tam đồ; ba là thác sanh*

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

*trong loài người; bốn là đồng chân xuất gia; năm là chẳng đọa thành tăng sĩ chạy theo thói tục. Nay ý người như thế nào? Muốn trái lời thế xưa ư?”* Sư nghe xong liền cảm ngộ, chẳng trở về nhà nữa, liền sang chùa Quốc Thanh, xin thờ ngài Chương An làm thầy, thưa hỏi, nhận lãnh tâm yếu. Định huệ đều phát, liền chứng Pháp Hoa tam-muội.

Thượng Nguyên nguyên niên (674), Sư muốn lựa chọn chỗ đất thù thắng để thuyết pháp, cầm tích trượng thề rằng: *“Tích trượng dừng lại ở chỗ nào, chính là nơi tôi sẽ trụ”*. Tích trượng từ chùa Quốc Thanh bay đến núi Phổ Thông trong rừng Thương Lĩnh cách đó năm trăm dặm. Do cuộc đất chật hẹp, chẳng thể rộng dung đồ chúng. Sư lại bay lên không ném tích trượng. [Tích trượng bay] tới núi Hiên Viên Luyện Đan. Sư bèn quyết tới đó, chặt gai, cắt tranh, ngày giảng, đêm tọa Thiền, biên chép kinh điển.

Người theo học ngày một đông dần, chia thành chín chỗ để ở. Do vậy, đặt tên chỗ ấy là Pháp Hoa. Sư có phong cách thanh tú theo lối cổ. Mỗi lần đăng tòa, có mây tía che đỉnh, hình dạng như lọng báu, chim chóc đậu bên cạnh, hết sức ngoạn ngoạn thân thiết. Từ chùa Pháp Hoa tới Thương Bản là chỗ Sư ở riêng khoảng tám mươi dặm. Mỗi ngày Sư qua lại, thọ trai, dùng cháo, thiền giảng, chưa từng thiếu sót. Mọi người đều nói Sư có Thần Túc Thông. Vĩnh Long nguyên niên (680), Sư ngồi qua đời, mùi hương lạ bảy ngày chẳng tan. Người thuở đó gọi Sư là Pháp Hoa tôn giả.

### ***\* Thích Huệ Đạt đời Đường***

Sư người Thái Nguyên, chuyên tụng Pháp Hoa hơn năm ngàn lượt. Trong các oai nghi đi ngồi, tiếng tụng kinh chẳng thiếu sót. Sư giữ lòng yêu mến sanh mạng loài vật, mỗi lúc đi lại đều một mực nhìn xuống. Hễ đất có trùng bọ, Sư ắt xoay mình tránh né. Nếu có ai hỏi, Sư đáp: *“Bọn chúng và ta đều thặng trầm bất định! Biết đâu chúng nó thành Chánh Giác trước ta, sao dám xằng bậy khinh thường ư?”* Năm Trinh Quán thứ tám (634), Sư ngồi qua đời, qua năm đêm mà vẻ mặt vẫn như lúc đầu.

### ***\* Thích Di Tục chùa Lễ Tuyên ở Ung Châu đời Đường***

Sư tụng Pháp Hoa một ngàn lượt. Trong niên hiệu Trinh Quán, do bị bệnh, Sư bảo bạn là thiền sư Huệ Khoách rằng: *“Tôi suốt đời tụng kinh, ý mong có chứng nghiệm. Nếu sanh vào đường lành thì cái lưới*

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

*chẳng hoại. Chôn độ mười năm thì hãy đào lên xem. Nếu lười hư hoại thì biết là tôi tụng kinh chẳng có công trạng gì! Nếu chẳng hoại thì dựng một tháp để người khác tin tưởng, hướng theo”.* Nói xong liền tịch. Mười năm sau, mở hòm ra xem, quả nhiên lười chẳng hoại. Người mộ đạo [kéo đến chiêm ngưỡng] đông như cái chợ, đại chúng dựng tháp ở Cam Cốc Nhai. Các vị Thích tử trước sau do tụng kinh Pháp Hoa mà đạt được lười chẳng hoại rất đông, chẳng thể ghi hết được!

### ***\* Thích Nghĩa Trung chùa Đại Từ Ân ở kinh đô đời Đường***

Sư họ Doãn, người Tương Viên. Hai mươi tuổi, thọ Cụ Túc Giới, nghe pháp sư Khuy Cơ ở Trường An vừa mới soạn bộ Pháp Hoa Nghĩa Sớ, liền tới giảng tòa của Ngài. Chưa hết năm năm, Sư đã thông hiểu hai kinh Pháp Hoa, Vô Cấu Xung (kinh Duy Ma Cát), và năm luận Duy Thức v.v... Sư bèn soạn Pháp Hoa Kinh Sao hai mươi quyển. Những người cùng hàng đọc xong, không ai chẳng gật đầu thán phục. Mỗi khi Sư kinh hành, hướng mặt về phía Tây Bắc, tâm ngẫm nội quán, nguyện đức Từ Thị (Di Lạc Bồ Tát).

Một ngày nọ, Sư buổi sáng thức dậy, tắm rửa, súc miệng, bỗng thấy mây hương đầy khắp hư không, Sư ngẩng lên nhìn, chấp tay nói: “*Tỳ-kheo phạm trước nhọc công đại thánh khuất thân đến tiếp dẫn”.* Nói xong, Sư qua đời.

### ***\* Thích Pháp Dung đời Đường***

Sư họ Vi, người Diên Lăng thuộc Nhuận Châu. Khi mười chín tuổi, Sư vào Mao Sơn, nương theo Linh pháp sư, hai mươi năm chuyên rờn chẳng lười nhác. Sau này, Sư lập riêng lều tranh dưới vách đá phía Bắc chùa U Thê ở núi Ngưu Đầu, lấy Thiên tụng làm nghiệp. Núi vốn nhiều hổ, văng bắt đầu tiêu phu. Sư vào núi, qua lại vô ngại. Lại có bầy nai nhiều quanh thốt, nằm nghe. Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư giảng kinh Pháp Hoa dưới vách núi. Lúc bảy giờ, tuyết trắng đọng đầy thềm. Trong băng ngưng đọng, thấy hai nhánh hoa, hình dạng như hoa phù dung, kim sắc rạng rỡ, bảy ngày mới tàn!

### ***\* Thích Pháp Triệt ở Bồ Châu đời Đường***

Sư là người Giáng Châu, siêng khổ từ bé, thông thạo kinh Pháp Hoa, thường dùng phẩm Hóa Thành của kinh ấy để hóa độ hết thảy.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Trong ấp có Cô Sơn, Sư nương vào đó để kết nghiệp, sáng lập lan nhã. Cuộc đất ấy vốn cao vót, hiểm trở, từ trước chẳng có nguồn nước hay suối. Sư nhiều năm sùng đạo, một hôm, [tự nhiên có] suối trong chảy ra. Thứ sử Phòng Nhân Dụ đích thân xin biển ngạch cho chùa, liền đặt tên là chùa Hãm Tuyên. Sư từng gặp một người cùi trên đường, bèn dẫn về núi, đào hang, cho người ấy thức ăn, bảo người ấy tụng Pháp Hoa. Người ấy hoàn toàn chẳng biết chữ, lại còn đần độn, phải dạy từng câu một. Sư trọn chẳng nề hà, mệt mỏi. Dạy tới quyển thứ sáu, bệnh cùi dần dần lành. Dạy xong kinh, lông mày mọc lại, da dẻ như cũ.

### *\* Thích Pháp Đạt chùa Nam Hoa tại Thiệu Châu đời Đường*

Sư người Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia, tụng Pháp Hoa lâu dài. Sau Sư sang Tào Khê lễ Lục Tổ. Tổ hỏi: “Ông tụng kinh này, lấy gì làm tông?” Sư nói: “Con chỉ dựa theo kinh văn mà niệm, chẳng biết tông thú!” Tổ bảo lấy kinh mở ra tụng [cho Tổ nghe]. Sư liền lớn tiếng tụng tới phẩm Thí Dụ, Tổ bảo: “*Thôi! Kinh này lấy nhân duyên xuất thế làm tông. Kinh dạy: ‘Do một đại sự nhân duyên xuất hiện trong cõi đời’. Một đại sự chính là tri kiến của Phật. Nếu có thể từ nơi tướng mà lìa tướng, ở nơi không mà lìa không, nhất niệm tâm khai, đó là khai tri kiến của Phật. Ông hãy nên tin tri kiến của Phật chính là tự tâm của ông, trọn chẳng phải là vật nào khác! Đừng hướng ra ngoài để cầu, [chính mình] với Phật chẳng hai!*” Tổ bèn nói kệ rằng: “*Tâm mê, Pháp Hoa chuyển. Tâm ngộ, chuyển Pháp Hoa. Tụng kinh lâu không rõ. Thành oán thù của nghĩa. Vô niệm, niệm tức chánh. Hữu niệm, niệm thành tà. Hữu vô, chẳng bận lòng, mãi ngồi xe trâu trắng*”. Sư nghe xong, bất giác buồn khóc, cũng dùng kệ tán thán, có câu: “*Tụng kinh ba ngàn bộ, Tào Khê một câu quên*”. Từ đó, Sư đôn ngộ huyền chỉ.

### *\* Thích Pháp Tuyên đời Đường*

Trong niên hiệu Khai Nguyên, Sư ở chân núi phía Đông rặng Thiên Đồng, lập tinh xá để cư trú. Về sau, Sư dời sang ở tháp Đa Bảo nơi góc Tây Nam. Hằng ngày, Sư tụng kinh Pháp Hoa, cảm động tử cõi trời đập mây lên xuống, cảm thức ăn đến cúng dường. Ban đêm, Sư liền nhiều tháp kinh hành. Người khác nhìn từ xa thấy thân Sư ngang bằng tướng luân của tháp. Người đương thời gọi Sư là Thái Bạch thiên sư.

**\* Thích Vô Úy chùa Thánh Thiện tại kinh đô Lạc Dương đời Đường**

Sư vốn là người Trung Ấn Độ, tên tiếng Phạn là Thâu Ba Ca La (Śubhakarasiṃha, còn dịch là Thiện Vô Úy). Sinh ra, Sư đã có bẩm tánh thần ngộ. Lúc mười ba tuổi, Sư nương nước, xuất gia, đạo đức và danh xưng đứng đầu Thiên Trúc. Sư xuống phương Nam tới bờ biển, gặp một Chiêu Đề<sup>396</sup> thù thắng, đắc Pháp Hoa tam-muội. Sư tới đâu giảng pháp, cũng đều luôn có tướng lạ. Về sau, Sư theo thuyền buôn đến các nước, ngâm tu Thiền tụng, miệng phóng bạch quang. Khi đó, Trung Ấn Độ đại hạn, Sư ngâm cầu nguyện, liền thấy đức Quán Âm ở trong mặt trời, tay cầm bình quân trì<sup>397</sup>, rưới nước xuống đất. Khi đó, đại chúng vui mừng cảm kích, đạt được điều chưa từng có.

Sư sang Chấn Đán, dùng lạc đà chở kinh. Lạc đà chìm trong sông, Sư cũng theo vào, ở trong cung rồng ba đêm, vì họ tuyên nói pháp yếu. Lúc trở ra, kinh Phật đã chở theo, chẳng ướt một chữ nào. Năm Khai Nguyên thứ tư (716), Sư tới Trường An. Vua sắc truyền trụ tại chùa Tây Minh, dịch các kinh Hư Không Tạng và Đại Tỳ Lô Giá Na v.v... Từng gặp lúc đại hạn, vua sai cầu mưa. Sư đựng đầy một bát nước, tụng chú mấy trăm lượt. Trong khoảnh khắc, có vật như con ếch ngẩng đầu trên mặt nước. Chốc lát sau, có làn hơi trắng từ bát bốc lên giống như một xấp lụa trắng bay lên không. Trời nổi gió, rền sấm, tối đen, mưa to như trút. Lại từng có lúc mưa dầm dề quá lâu, Sư nặn đất sét thành năm tượng bà già, dùng Phạm ngữ tụng chú, tức khắc trời tạnh.

**\* Thích Huyền Lãng chùa Thanh Thái ở Đông Dương đời Đường**

Sư họ Phó, cháu sáu đời của Song Lâm Đại Sĩ đời Lương (Phó Hấp, tức Phó đại sĩ). Sư xuất gia từ bé, thọ giới lúc hai mươi tuổi. Nghe tông Thiên Thai hoằng truyền Chỉ Quán rất thịnh, Sư đến chùa Thiên Quan tại Đông Dương, yết kiến pháp sư Huệ Oai, tu Pháp Hoa tam-

---

<sup>396</sup> Chiêu Đề (Caturdeśa), dịch nghĩa là Tứ Phương, vốn là danh xưng khác của tự viện.

<sup>397</sup> Quân Trì (Kundikā), dịch nghĩa là Bình, Tháo Bình (bình để đựng nước rửa ráy), Thủy Bình. Đây là một trong mười tám món mà hàng tỳ-kheo thường mang theo để múc nước. Cũng có thể dùng để chứa dầu, muối, thạch mật v.v... Tùy theo công dụng mà sẽ có tên gọi khác nhau, như tịnh bình (bình dùng để đựng nước uống), tháo thủy bình (bình để múc nước rửa tay, rửa mặt), tẩy túc bình (bình để múc nước rửa chân), hoặc bát tịnh bình (bình chứa nước dùng để rửa ráy khi đại tiện) v.v...



muội. Sư nhàm chán nhân gian, chí gởi nơi rừng núi, chỉ chú trọng mười tám thứ Thập Nhị Đầu Đà, ẩn cư nơi Tả Khê Nham. Bốn mươi mấy năm, Sư ở yên trong một thất, tự cho là rộng như pháp giới. Sư từng nơi vách điện vẽ tượng Quán Âm và [tôn giả] Tân Đầu Lô, dâng hương, thâu liễm ý niệm, cảm thân quang năm màu chói ngời cả thất. Đạo tục đều đến xem, than là chưa từng có! Sư thị tịch năm Thiên Bảo 13 (754), người thuở ấy gọi Sư là Tả Khê tôn giả.

**\* Thích Trạng Nhiên chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai đời Đường**

Sư người Kinh Khê, họ Thích. Lúc hai mươi tuổi, Sư được học kinh với thiền sư Tả Khê Huyền Lăng. Sư Tả Khê hết sức kinh ngạc, lạ lùng [trước sự lãnh hội mẫn tiệp của ngài Trạng Nhiên]. Sư (ngài Trạng Nhiên) từng mộng thấy chính mình mặc tăng phục, cắp sách hai cái bánh xe vào trong sông to. Ngài Tả Khê nói: “Ôi! Ông sẽ dùng hai pháp Chỉ và Quán để độ chúng sanh trong vực thẳm sanh tử đầy chằng?” Bèn truyền dạy pháp Chỉ Quán mà Ngài đã được truyền dạy [từ ngài Huệ Oai]. Năm Thiên Bảo thứ bảy (748), Sư mới bỏ áo Nho xuất gia, đến chùa Khai Nguyên ở đất Ngô, tận lực hành diệu pháp, biên soạn trần thuật các chương cú do chư tổ truyền thừa tới mấy chục vạn chữ. Sư hoàng dương rộng lớn giáo pháp Nhất Tâm Tam Quán. Sư thường cùng bốn mươi vị danh tăng ở Giang Hoài cùng lễ Ngũ Đài. Ngài Thanh Lương Trường Quán suất lãnh đồ chúng cả ngàn người đón tiếp, đưa tiễn; khi đó, mọi người đều ca ngợi. Có môn nhân của Bất Không Tam Tạng<sup>398</sup> là Hàm Quang bạch với Sư rằng: “Con vừa theo ngài Bất Không sang Thiên Trúc, gặp một vị Phạm tăng nói: “Nghe nói Đại Đường có bậc Thiên Thai giáo tông, có thể hiểu Thiên và Viên, phân biệt tà chánh,

---

<sup>398</sup> Bất Không (Amoghavajra, 705-774) là một vị cao tăng dịch kinh lỗi lạc đời Đường. Do Ngài dịch chủ yếu là kinh Mật Tông nên được tôn xưng là tổ của Đường Mật. Ngài là người nước Sư Tử (Samarkand) của Thiên Trúc, thông minh, mẫn tiệp từ bé. Lúc 14 tuổi, Sư theo học với ngài Kim Cang Trí, theo thầy đến Lạc Dương vào năm 720. Sư thông hiểu nhiều ngôn ngữ. Các kinh do ngài Kim Cang Trí dạy phần nhiều do ngài Bất Không dịch sang tiếng Hán. Ngài được tổ Kim Cang Trí dạy rất nhiều Mật pháp như Ngũ Bộ Quán Đảnh, Hộ Ma A Xà Lê Giáo Pháp, Đại Nhật Kinh Tô Tất Địa Nghi Quỹ, Chư Phật Đảnh Bộ. Tháng 12 năm 741, Ngài suất lãnh các đệ tử như Hàm Quang, Huệ Biện v.v... hơn ba mươi người xuất phát từ Quảng Châu ngòai thuyền trở về Sư Tử Quốc. Ngài học được pháp Kim Cang Đảnh Du Già, Tỳ Lô Giá Na Đại Bi Thai Tạng. Ngài cần mẫn học tập, đạt được chỗ thâm yếu, thu thập nhiều kinh bản. Năm 746, Ngài trở lại Trung Hoa và bắt tay công việc dịch thuật.

hiều rõ Chỉ Quán, có thể dịch ra để truyền đến cõi này hay chăng?” Sư nghe nói, than rằng: “Có thể nói là Trung Hoa mất pháp, cầu nơi bốn góc!” Tuổi già, Sư quay về Thiên Thai. Tháng Hai năm Kiến Trung thứ hai (781), Sư dạy đại chúng rằng: “*Nhất niệm vô tướng gọi là Không. Không pháp nào chẳng trọn gọi là Giả. Chẳng một, chẳng khác thì gọi là Trung. Nơi phàm thì gọi là ba nhân, nơi thánh là ba đức. Tự lợi, lợi người khác, cốt như thế mà thôi!*” Nói xong, Sư dựa vào ghế mà qua đời. Sư trước tác các bộ sách như Pháp Hoa Thích Thiêm Sớ Ký v.v... được lưu truyền rất rộng trong cõi đời.

**\* Thích Thân Ung chùa Đại Lịch ở Việt Châu đời Đường**

Sư là người Chư Kỵ, họ Thái, mười hai tuổi nhập đạo, nương theo thiên sư Tả Khê Huyền Lăng [để tu học]. Sư tu tập Thiên Thai Chỉ Quán, Pháp Hoa Huyền Sớ, giảng diễn suốt trong năm hạ. Người học vùng Ngô Cối kéo đến như mây. Trong niên hiệu Thiên Bảo<sup>399</sup>, Sư sang Trường An, ở chùa An Quốc. Về sau, Sư sang phương Đông trở về Tương Hán. Có Trước Tác Lang<sup>400</sup> Vi Tử Xuân học rộng, kiêu hãnh, Sư bèn cùng ông ta tranh biện, Tử Xuân chịu phục. Trung Thư Xá Nhân<sup>401</sup> Uyển Hàm than rằng: “*Có thể nói Sư là Ma Ni ở ngoài cõi trần, sư tử trong các luận*”. Người thời ấy cho đó là lời khéo diễn tả vậy!

**\* Thích Đạo Tiêm ở Phật Lũng đời Đường**

---

<sup>399</sup> Thiên Bảo là niên hiệu của Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng) từ năm 742 tới năm 756.

<sup>400</sup> Trước Tác Lang là chức quan được đặt ra từ đời Ngụy, trực thuộc Trung Thư Tỉnh, có trách nhiệm biên soạn quốc sử. Đến đời Tấn, đổi thành trực thuộc Bí Thư Tỉnh. Đến thời Đường Cao Tông, đổi Bí Thư Tỉnh thành Tư Văn Cục, Trước Tác Lang bị đổi thành Tư Văn Lang Trung, nhưng đến năm Hàm Hanh nguyên niên (670), đổi lại danh xưng cũ. Tuy nói là biên soạn quốc sử, nhưng Trước Tác Lang chuyên soạn thuật bí chí, chúc văn, văn tế... hơn là chú trọng ghi chép sử.

<sup>401</sup> Đây là một chức quan đặt ra từ đời Ngụy Tấn, trực thuộc Trung Thư Tỉnh, thoạt đầu gọi là Trung Thư Thông Sự Xá Nhân. Đến đời Lương bỏ đi hai chữ Thông Sự, gọi là Trung Thư Xá Nhân, có trách nhiệm biên soạn chiếu lệnh, tham dự bàn chuyện cơ mật. Tới đời Đường, Trung Thư Xá Nhân quản trị việc soạn thảo và ban hành chế cáo (chiếu chỉ, thông cáo) theo lệnh vua mà thôi.

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

Sư đọc trọn khắp các trước tác của bách gia, tinh tường nhất là kinh Pháp Hoa. Trong niên hiệu Đại Lịch<sup>402</sup>, Sư vào kinh đô hoàng hóa, trước thuật rất nhiều. Sư có thể du hành qua lại trên hư không. Khi đó, có người nói Sư đã chứng Thần Túc Thông.

### ***\* Thích Đạo Tuân núi Chi Hình ở Tô Châu đời Đường***

Sư họ Trương, người Ngô Hưng, tham học ngài Tả Khê, học Thiên Thai Chỉ Quán. Sư muốn rộng chép kinh Pháp Hoa, bèn sáng lập Tịch Kinh Viện ở Chi Hình, cử mười bốn vị sa-môn hạnh nghiệp chuyên ròng, thường trì Pháp Hoa, đêm thì thắp đuốc tiếp nối ban ngày, hồng hoàng dương Đại Thừa. Vua sắc truyền chốn ấy là đạo tràng Pháp Hoa. Ở trong núi, Sư đúc tượng Lô Xá Na, và Đa Bảo Phật tháp, lấy tu Tịnh Độ làm hạnh nghiệp trong hiện đời. Sư tạc tượng A Di Đà Phật, bình thời giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa, cả năm chẳng luống uổng ngày nào. Thiên Bảo nguyên niên (742), tại đạo tràng Linh Nham, Sư hành Pháp Hoa tam-muội, bỗng thấy ánh sáng to lớn xông lên trời, thân Sư ở trong quang minh. Ngày hôm sau, Sư hỏi Kinh Khê Tràm Nhiên đại sư. Ngài Tràm Nhiên bảo: “*Quang minh trí huệ từ tâm lưu xuất, sẽ dùng đó để hiển phát Đệ Nhất Nghĩa Thiên*”. Sư lại nhập Pháp Hoa đạo tràng, thấy thân mình đang ngồi trên không trung, biết là tướng trạng sạch hết tội cấu. Hưng Nguyên nguyên niên (784), Sư ngồi qua đời. Môn nhân như Linh Hàn v.v... dựng tháp.

### ***\* Thích Thân Ngô ở núi Thạch Di tại Nhuận Châu đời Đường***

Sư người Lũng Tây, họ Lý. Thuở bé, Sư mắc bệnh ngặt nghèo. Trong niên hiệu Khai Nguyên, Sư đối trước tượng Bồ Đề, nồng nhiệt sám hối, mong trừ túc nghiệp, cảm ánh sáng lạ như tia sáng mặt trăng mông lung chiếu khắp nhà. Bệnh khổ nhanh chóng tiêu trừ. Năm Thiên Bảo thứ tư (745), Sư xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, thường vào đạo tràng Pháp Hoa, lễ niệm suốt chín mươi ngày. Do vậy, Quán Phật tam-muội hiện tiền. Vì thế, Sư nói với môn nhân: “*Tối tâm ẩm đạm ảnh hưởng gì đến mặt trời, gió xoay chuyển nhưng hư không bất động. Nếu thấu đạt vọng, có gì chẳng phải là tánh?*” Sư dựng nhà tại phía Đông núi Lao Lao, thường hành Thiền Định. Ban đêm có sơn thân hiện hình, xưng là

---

<sup>402</sup> Đại Lịch là niên hiệu của Đường Đại Tông (Lý Dục) từ năm 766 đến năm 779.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

cố Tân Thành Hầu đời Tùy, sống tại Nam Lĩnh đã lâu. Nay nguyện dâng đất này vĩnh viễn làm chỗ kinh hành. Nói xong, chẳng thấy nữa. Mười năm sau, Sư ngồi xếp bằng qua đời. Xà-duy, xá lợi chồng chất, tươi đẹp khá nhiều!

### *\* Thích Chí Lân ở chùa Đại An Quốc nơi kinh đô đời Đường*

Sư họ Phạm, người Duyện Châu. Mẹ Sư họ Vương chẳng tin Tam Bảo. Ngài Chí Lân trốn sang Đông Đô, theo xuất gia với Tu Luật Sư chùa Quảng Thọ. Năm Khai Nguyên thứ mười (722), Sư nghĩ đến mẹ bèn về thăm. Mẹ mất đã ba năm. Do vậy, Sư đến miếu thờ thần Đông Nhạc trải tọa cụ, tụng kinh Pháp Hoa, mong thấy Nhạc Đế để hỏi mẹ sanh về chốn nào. Đến đêm, Sư thấy Nhạc Đế triệu vời, nói: “Mẹ thầy đã bị giam trong ngục, đang chịu các khổ”. Sư buồn khóc, mong mẹ thoát tội. Nhạc Đế nói: “Sư hãy qua Mậu Sơn lễ tháp A Dục Vương, sẽ có thể cứu”. Sư liền qua triều bái chùa ấy, buồn khóc, lễ bái tới bốn vạn lạy. Bỗng nghe trên không trung có tiếng gọi “Lân nhi”. Sư thấy mẹ cảm tạ rằng: “Nhờ sức của con, mẹ được sanh lên trời Đạo Lợi”. Chốc lát chẳng thấy đâu nữa!

### *\* Thích Sở Kim chùa Long Hưng ở kinh đô đời Đường*

Sư người Quảng Bình, họ Trình, bảy tuổi xuất gia, tụng kinh Pháp Hoa. Đủ tuổi thọ Cụ Túc Giới, Sư thăng tòa giảng pháp. Sau đó, nhân lúc đêm thanh, trì tụng Pháp Hoa. Tụng tới phẩm Đa Bảo Tháp, thân tâm và tinh thần nhẹ nhàng như nhập Thiên Định. Đột nhiên, Sư thấy tháp báu rành rành trước mắt, phân thân của Phật Thích Ca đầy đầy hư không. Sư cảm ngộ đã sâu, lệ tuôn như mưa, liền mặc áo vải, ngày ăn một bữa, chẳng ra khỏi cửa, thề trong sáu năm sẽ dựng tháp ấy. Sư thấy chùa Thiên Phước u nhàn, rộng rãi, tính tạo tháp ở đó. Khéo sao, tại chùa Thiên Phước có sư Hoài Nhẫn bỗng nửa đêm thấy có một dòng nước bắt nguồn từ chùa Long Hưng, chảy tuôn vào Thiên Phước, lặn trong, sáng ngời. Trong ấy có chiếc thuyền vuông, lại thấy tháp báu từ trên không giáng xuống. Hồi lâu mới biến mất. Tới khi Sư đến đề nghị, Hoài Nhẫn hân hoan giúp sức.

Sư mỗi đêm tới chỗ đắp nền, siêng róng kinh hành. Đại chúng nghe tiếng nhạc trời, đều nghĩ thấy mùi hương lạ. Thiên Bảo nguyên niên (742), bắt đầu đặt tượng luân [trên đỉnh tháp], cảm thông vua năm

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

mộng. Vua bèn đích thân đề biển “Đa Bảo Tháp”, ban cho năm mươi vạn đồng. Tháp xây xong, có mây ngũ sắc vờn quanh tháp. Vạn người chiêm lễ, Sư nói với đồng học: “Các tăng sĩ chúng ta hãy nên ôm ấp cùng một chí hướng, hãy nên ngày đêm ở dưới tháp, tụng trì Pháp Hoa, dầu chết chẳng bỏ”. [Sư và chúng tăng] ngâm vịnh kinh Pháp Hoa [tại đó] hơn sáu ngàn bộ. Mỗi năm vào hai dịp Xuân Thu, tập hợp các vị đại đức có cùng chí hướng, gồm bốn mươi chín người, hành Pháp Hoa tam-muội. Trước sau, cảm được bảy trăm hạt xá-lợi. Tới năm thứ sáu, Sư muốn cất giữ xá-lợi hồng trang nghiêm đạo tràng, lại giáng xuống một trăm lẻ tám viên xá-lợi. Sư vẽ Phổ Hiền Biến Tướng Đồ, từ ngọn bút thu được liên tiếp mười chín hạt xá-lợi, không hạt nào chẳng tự chuyển động xoay tròn, tỏa ánh sáng chói rực. Sư bèn thâu thập xá-lợi, đựng trong hộp đá, tạc tượng chính mình bằng đá quý đội xá-lợi, cùng đặt dưới tháp để biểu lộ lòng tôn kính. Từ thuở để chỏm, Sư tự chép kinh Pháp Hoa, từng trích máu chép một bộ, dùng chữ vàng để chép ba mươi sáu bộ, chép một ngàn bản bằng mực thường để trấn tháp. Lại chép một ngàn bộ để bố thí cho người thọ trì. Chuyện linh ứng rất nhiều, căn kẽ như trong bia thiếp chùa Thiên Phước.

### *\* Thích Đại Quang đời Đường*

Sư người Ngô Hưng, họ Đường. Từ tuổi còn mọc răng sữa, Sư đã niệm Pháp Hoa, chỉ ba tháng là thông thạo. Tới khi xuất gia, mỗi ngày Sư trì bảy quyển. Sư đi sang phương Tây đến kinh đô. Đường Túc Tông triệu vời vào cung cấm. Vua sắc truyền Sư tụng kinh. Tới phẩm Tùy Hỷ Công Đức, miệng Sư phóng quang minh năm màu. Vua hết sức vui mừng, than thở: “Xưa ta mộng thấy một vị tăng ở đất Ngô miệng trì Đại Thừa. Ánh sáng năm màu theo tiếng tụng mà phát ra. Nay giọng nói và dáng vẻ của Sư giống hệt như trong mộng”. Do vậy, vua ban tên là Đại Quang, sắc truyền hành đạo tại chùa Thiên Phước. Qua hai mươi tám ngày, Phạm âm vang xa thấu đến hoàng cung, vua rất ngạc nhiên trước chuyện ấy.

Sau đó, Sư trụ tại tinh xá Lam Điền. Trước đây, tăng chúng trong chùa mộng thấy có đồng tử cõi trời giáng xuống, bảo rằng: “Tiếng tụng kinh của sư Đại Quang thấu đến trời Hữu Đảnh”. Một hôm, Sư đi trong núi, bỗng rơi xuống hang sâu. Do vậy, Sư nghĩ tới tháp Phật Đa Bảo trong kinh Pháp Hoa, nguyện trì phẩm ấy mười vạn lần. Chớp mắt, vọt thân lên khỏi suối như có thần nâng đỡ vậy. Về sau, Sư dâng biểu xin trở

về đất Ngô, bèn nương vào Tùng Kính thuộc chùa Pháp Hoa, dựng am để ở. Sư hằng ngày trì kinh kệ Pháp Hoa để báo nguyện trước. Tướng Quốc Lý Thân làm thứ sử Ngô Hưng, đêm nghỉ tại đạo tràng trì kinh, đột nhiên thấy bạch quang đầy khắp hư không rạng ngời như ban ngày. Lần theo ánh sáng, ông ta thấy Sư đang ngồi yên, trì kinh, ánh sáng tỏa ra từ mặt Sư, như mở hào tướng. Tiếng tụng kinh vừa dứt, quang minh cũng theo đó mà tiêu hồi. Sư thị tịch trong đầu niên hiệu Vĩnh Trinh<sup>403</sup>, mùi hương lạ ba ngày chẳng tan.

**\* Thanh Lương quốc Sư Trùng Quán núi Ngũ Đài đời Đường**

Sư người xứ Sơn Âm, họ Hạ Hầu, xuất gia lúc mười một tuổi, tụng thông thuộc kinh Pháp Hoa. Sư bẩm tánh cao vời, thanh khiết. Sư chuyên ròng tìm cầu học hỏi bí tạng. Trong niên hiệu Đại Lịch<sup>404</sup>, Sư theo thiền sư Kinh Khê Tràm Nhiên học các bộ kinh số Thiên Thai Chỉ Quán, Pháp Hoa, Duy Ma v.v... Giải do trí huệ bậc thượng phát sanh, bẩm tánh tự nhiên. Năm Đại Lịch 11 (776), Sư thề đến Ngũ Đài, đánh lễ ngài Diệu Cát (Văn Thù), lại còn sang Nga Mi, chiêm ngưỡng trọn khắp thánh tượng Biến Cát (Phổ Hiền). Sư trở về Ngũ Đài, soạn Hoa Nghiêm Tân Sớ, [diễn giải] tột cùng ý chỉ viên đốn. Về sau, Sư trụ tại chùa Thê Nham núi Trung Điều. Trong chùa có vị tăng áo ngắn, cuồng ca. Phàm những gì vị đó chỉ bày, chê trách, phần nhiều đều ứng nghiệm. Khi Sư chưa đến, vị đó xua đuổi tăng chúng, bắt họ quét dọn, nói: “Chẳng lâu sau, Bồ Tát sẽ đến”.

Trước đó, Tán Chi đại tướng<sup>405</sup> vẽ trên vách chùa và quỳ quái sơn mị đều là những thứ gây họa. Khi Sư đến trụ chùa này, chúng bèn tuyệt tích. Năm Trinh Nguyên 15 (799), vua xuống chiếu vời Sư vào nội điện, thăng tòa xiển dương tông chỉ kinh Hoa Nghiêm, ban cho Sư mỹ hiệu là Thanh Lương. Sư bình nhật luôn phát đại nguyện. Nguyện thứ năm là “*chưa xả báo thân này, sẽ luôn tụng Pháp Hoa*”. Lúc mới tạo sớ, cái ao trước tòa nhà sanh ra năm cành sen mọc đôi, mỗi đóa hoa đều có ba đót. Mọi người đều tán thán, ngưỡng mộ. Sư thị tịch năm Khai Thành thứ ba

---

<sup>403</sup> Vĩnh Trinh là niên hiệu của Đường Thuận Tông (Lý Tụng) từ năm 805 tới 806.

<sup>404</sup> Đại Lịch là niên hiệu của Đường Đại Tông (Lý Dục) từ năm 766 đến năm 779.

<sup>405</sup> Tán Chi (Pāñcika), còn phiên âm là Tán Chi Ca, Bán Chi Ca, Ban Xá Ca, Bán Chi Dạ Xoa, Tán Chi Dạ Xoa, là một trong tám vị đại tướng dạ xoa dưới quyền Tỳ Sa Môn thiên vương, chồng của Quỷ Tử Mẫu.

(838), được dựng tháp thờ toàn thân tại Chung Nam. Vua có soạn bài văn tán thán.

**\* Thích Huệ Nhân chùa Bao Sơn ở Ngô Quận đời Đường**

Sư thông hiểu Pháp Hoa, Kim Cang, siêng rông giảng tụng. Trong niên hiệu Chí Đức<sup>406</sup>, vào lúc hoàng hôn, Sư thấy một người vào thưa: “Vua thỉnh pháp sư”, thân Sư liền cứng đờ, ngã lãn ra, chỉ có vùng tim vẫn ấm. Bảy ngày sau, Sư mới tỉnh lại, tự nói: - Ta theo sứ giả tới một tòa thành. Tòa thành ấy hết sức rộng rãi, tráng lệ. Vào thành gặp vua, tùy tùng của vua tới mấy trăm người. Vua bước xuống điện, tới trước cửa, vái chào, thưa: “Đệ tử bất hạnh, chủ danh vọng tài lộc trong cõi đời và trừng trị tội nhân, rất khổ sở. Nghe thượng nhân khéo giảng Pháp Hoa, mong thầy hãy giảng giải, phân tích”. Do vậy, ta thắng tòa giảng giải xong. Vua biểu tặng ba trăm xấp lụa, sai người đưa về. Lại thấy bên cạnh có hơn một trăm vị tăng, ngón tay đều sanh móng sắt cầu xé nhau, máu thịt nhầy nhựa trên đất. Do vậy, hoảng sợ sống lại. Sư ngồi dậy, lụa đã chất trong phòng.

**\* Vị tăng trong niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường**

Trong niên hiệu Nguyên Hòa<sup>407</sup> đời Đường, có vị tăng vào cõi âm, thấy Địa Tạng Bồ Tát. Đức Địa Tạng hỏi Sư bình thời tu nghiệp gì? Sư thưa: “Con niệm kinh Pháp Hoa”, Bồ Tát nói: “*Chỉ chỉ bất tu thuyết, ngã pháp diệu nan tư (Thôi thôi chẳng cần nói, pháp ta diệu khó nghĩ), đó là nói hay chẳng nói?*” Tăng không đáp được, Quy Tông đáp thay. [Bồ Tát dạy]: “Lần này hãy trở về, lần lượt truyền dạy cho người khác lưu thông”.

**\* Thích Giám Không chùa Hương Sơn ở Lạc Dương đời Đường**

Sư họ Tề, người Ngô Quận. Tuổi tráng niên, Sư dạo chơi khắp vùng Ngô Việt. Đầu niên hiệu Nguyên Hòa, gặp lúc Tiên Đường mất mùa, đói kém, Sư tính đến xin ăn tại chùa Thiên Trúc. Sư tới phía Tây

---

<sup>406</sup> Chí Đức là niên hiệu của Đường Túc Tông (Lý Hanh) từ năm 756 đến năm 758.

<sup>407</sup> Nguyên Hòa là niên hiệu của Đường Hiến Tông (Lý Thuần) từ năm 806 đến năm 821.

chùa Cô Sơn, đôi đến nỗi không đi nổi. Do vậy, tới bên sông, trào nước mắt, ngâm ngợi bi thương để tiêu sầu. Bỗng có một vị Phạm tăng cũng đến ngồi bên sông, nhìn Sư cười nói: “Pháp sư tú tài, tư vị lữ du đã đủ chưa?” Sư nói: “Tư vị lữ du là được rồi, sao lại gọi là pháp sư?” Vị Phạm tăng nói: “Ông không nhớ đã từng giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Đồng Đức ở Lạc Dương ư?” Sư đáp: “Tôi sanh ra đến nay bốn mươi lăm năm, chỉ quần quanh nơi vùng Ngô Việt, làm sao có thể nói đến chuyện Lạc Dương cho được?” Vị Phạm tăng nói: “Hẳn là ông bị lừa dối thiêu đốt, chẳng rảnh đâu mà ghi nhớ”. Liền lục trong đay, lấy ra một quả táo to như nắm tay, trao cho Sư, bảo: “Táo này là sản vật của nước tôi, ăn vào sẽ đắc thượng trí, biết quá khứ, vị lai”.

Sư quá đói, ăn táo, vốc nước uống, bỗng ngáp dài, duỗi mình, gói đầu lên đá ngủ. Chốc lát tỉnh giấc, Sư nhớ lại chuyện giảng kinh ở chùa Đồng Đức rõ ràng như chuyện đêm qua. Do vậy, bùi ngùi rơi nước mắt, hỏi: “Chấn hòa thượng còn sống hay không?” Phạm tăng nói: “Do chưa chuyên tinh đạt mức, lại tái sanh làm vị tăng ở đất Thục”. “Thần thượng nhân còn không?” Phạm tăng đáp: “Nguyện trước chưa mãn, đọa vào chốn hung y chiến mã”. “Ngộ pháp sư còn không?” Phạm tăng nói: “Thầy chẳng nhớ hay chẳng? Ông ta đối trước tượng đá ở Hương Sơn đùa bỡn phát nguyện rằng: ‘Nếu chẳng chúng Vô Thượng Bồ Đề, ắt nguyện làm vị quan oai hùng, quyền quý’, nay đã làm đại tướng quân rồi! Năm vị tăng vân thủy thuở ấy, chỉ mình tôi được giải thoát, chỉ riêng ông chịu cảnh đói lạnh!”

Sư khóc, nói: “Tôi suốt bốn mươi mấy năm, ngày chỉ ăn một bữa, một tấm áo nâu sòng, đối với chuyện thế tục hư huyền, quyết đoạn cội nguồn. Nào ngờ phước chẳng hoàn bị, gặp phải cảnh đói lạnh này”. Vị Phạm tăng nói: “Trên tòa sư tử, Sư nói quá nhiều lẽ dị đoan, khiến cho người học pháp Không tâm sanh nghi hoặc, giới hạnh thiếu sót. Tập khí xấu hãy còn đôi chút! Hình cong thì bóng vẹo, quả báo cũng phải nên là như thế!” Sư nói: “Làm như thế nào đây?” Phạm tăng bảo: “Nay sự việc đã định, tôi dùng cái duyên đời khác để cảnh tỉnh ông”. Sư bèn lục đay, lấy ra một tấm gương, bảo Sư rằng: “Muốn biết sang hèn sai khác, thời hạn dài hay ngắn, Phật pháp hưng suy, ông hãy nên soi một phen”. Sư soi hồi lâu, cảm tạ: “Điềm báo ứng, lý tươi tốt hay héo khô, chỉ nghe theo mạng”. Sư bèn cùng bạn nắm tay đi mấy bước, bỗng chẳng thấy vị Phạm tăng đâu nữa.

Đêm hôm ấy, Sư xin xuất gia tại chùa Linh Ân. Sư thọ Cụ Túc Giới, chuyên tụng Pháp Hoa, càng nêu cao khí tiết khắc khổ. Về sau, Sư



tới Lạc Dương, gặp Liễu Trinh ở Hà Đông nói chuyện ấy. Lại nói: “*Tôi sống trên đời bảy mươi bảy năm, cầm bút khát thực, hãy còn sống chín năm nữa. Sau khi tôi diệt, Phật pháp sẽ suy vi*”. Ông Trinh gạn hỏi, Sư cầm bút đề rằng: “*Hung nhất sa, suy Hằng sa. Thỏ nhi trí, khuyến nhi noa. Ngưu hổ tương giao dữ giác nha, bảo đàn chung bắt diệt kỳ hoa*” (Hung thịnh một hạt cát, suy vi nhiều như cát sông Hằng. Thỏ đặt bẫy, chó bắt bớ. Trâu cọp cùng nhau đấu răng sừng, đàn bấu trọn chẳng diệt hoa ấy)<sup>408</sup>. Về sau, quả nhiên phù hợp lời sấm ấy, vì Sư nói đến chuyện triều đình sa thải [tăng sĩ, đóng cửa chùa] trong năm Hội Xương (niên hiệu của Đường Vũ Tông).

**\* Thích Thủ Tổ đời Đường**

Sư trụ tại chùa Hưng Thiện ở Trường An, luôn chú trọng tụng trì, thề chẳng ra khỏi chùa. Sư tụng kinh Pháp Hoa ba vạn bảy ngàn bộ. Trong đêm, thường có con lửng chó (raccoon) nhiễu quanh nghe kinh. Khi Sư thọ trai, chim chóc mổ thức ăn trên tay. Trong sân chùa, có bốn gốc thanh đồng. Trong niên hiệu Nguyên Hòa, công khanh, quan lại nhiều người đến văn cảnh chùa. Cây thanh đồng tới hạ đổ mồ hôi, khiến

---

<sup>408</sup> Câu đầu có ý nói: “Đạo pháp bị suy vi là chuyện phổ biến. Hưng thịnh thì ít ỏi, mà suy vi thì rất thường”. Theo chánh sử, ngày Kỷ Mão (8 tháng 2 năm 840), vua lúc đó là Đường Văn Tông lâm trọng bệnh, sai bọn Lưu Hoảng Dật, Tiết Quý Lăng triệu tể tướng Dương Tư Phục và Lý Giác vào cung để phó thác thái tử. Bọn hoạn quan Cừ Sĩ Lương, Ngưu Hoảng Chỉ vốn kiểm soát Văn Tông từ lâu, không muốn lập Thái Tử, bèn giả mạo chiếu chỉ, phong em vua là Lý Triền làm Hoàng Thái Đế, viện cớ Thái Tử quá nhỏ, không thể đảm đương triều chính được. Sau khi Văn Tông chết vào hai ngày sau, chúng thừa cơ đưa Lý Triền lên ngôi, tức Đường Vũ Tông. Đó là ứng với câu “*thỏ phục trí*” (thỏ lại đặt bẫy. Mèo là thỏ, không phải là mèo như trong cách hiểu của người Việt). Năm Nhâm Tuất, tức năm Hội Xương thứ hai (842), Đường Vũ Tông nghe lời xúi giục của đạo sĩ Triệu Quy Chân ra lệnh đuổi tăng ni phạm giới hoặc phạm tội hoàn tục, tịch thu tài sản nhà chùa. Thừa dịp này, vua cho đuổi 3.459 tăng ni (dù có tội hay không có tội) hoàn tục, đóng tất cả các chùa, chỉ giữ lại bốn chùa Từ Ân, Tiến Phước, Tây Minh và Trang Nghiêm. Đó là ứng với câu “*khuyến nhi noa*” (chó lại bắt bớ). Năm Hội Xương thứ năm (845), tức năm Ất Sửu, vua hạ lệnh bắt tăng ni toàn quốc hoàn tục, đồ đồng kể cả tượng Phật trong các chùa đem đúc thành tiền, đồ sắt chế thành nông cụ, phá hủy bốn ngàn sáu trăm ngôi chùa, đuổi gần 27 vạn tăng ni hoàn tục và bắt họ phải nộp thuế như dân thường. Vũ Tông chết vào năm Hội Xương thứ sáu (846), tức năm Canh Dần, ứng với câu “*ngưu hổ tương giao dữ giác nha*”. Phật giáo lại được phục hồi dưới thời Đường Tuyên Tông (ứng với “*bảo đàn chung bắt diệt kỳ hoa*”).

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

cho áo người khác bị lem luốc không thể gột rửa được. Trịnh tướng quốc do vậy từng muốn chặt bỏ. Sư căn dặn cây: “Người dùng mồ hôi làm bẩn người ta, người ta sẽ đốn người. Nếu có thể chẳng đổ mồ hôi thì đừng đổ nữa”. Từ đấy, cây quả nhiên chẳng đổ mồ hôi nữa. Đầu niên hiệu Trường Khánh<sup>409</sup>, có vị tăng Huyền U đề thơ nơi viện này rằng: “*Ba vạn kinh Sen, ba mươi xuân, nửa đời chẳng dẫm bụi ngoài sân*”. Người đương thời coi đó là chuyện đáng đề ghi lại.

### ***\* Thích Vô Ngôn đời Đường***

Sư họ Lý, giáo pháp tinh mật. Sư từng cầm một cái bát sắt nhập Định. Trời sắp quang đặng thì trong bát có ánh lửa chiếu lên trời, trời liền quang tạnh. Trời sắp mưa thì trong bát có hơi trắng bốc lên, liền đổ mưa. Họ Mông phong Sư làm Quán Đánh pháp sư. Sư một hôm giảng kinh Pháp Hoa, có ông lão đứng nghe xong rồi cười gió mây mà đi. Đại chúng kinh ngạc hỏi han, Sư bảo: “Đó là rồng ở Nhị Thủy”.

### ***\* Thích Diệu Hạnh đời Đường***

Sư tinh thông Thiên Thai Giáo Quán, vào ở trong Thái Sơn, kết cỏ làm áo, hái trái cây làm thức ăn. Sư hành Pháp Hoa tam-muội, cảm đức Phổ Hiền hiện thân chứng minh. Về sau, một buổi chiều, Sư thấy trên đất lưu ly có một vị Phật và hai vị Bồ Tát, vọt lên đứng giữa hư không. Đường Hy Tông nghe danh Ngài, xuống chiếu ban hiệu là Thường Tinh Tấn. Về sau, một ngày nọ, Sư lại thấy đất báu, bảo người chung quanh rằng: “*Ta chẳng quán tướng mà lại thấy thật địa, kỳ hạn về An Dưỡng đã đến rồi*”. Ngay trong ngày hôm đó, Sư nằm an tường bên hông phải qua đời.

### ***\* Thích Toại Đoan đời Đường***

Sư người Minh Châu, họ Trương, bỏ nhà xuất gia tại chùa Đức Nhuận. Thầy dạy kinh Pháp Hoa, Sư tụng như đã quen tu tập từ trước, mọi người đều kinh hãi, tán thán. Trong mười hai thời, Sư luôn phúng tụng chẳng để luống qua. Năm Hàm Thông thứ hai (861), Sư bỗng ngồi xếp bằng mà qua đời. Trong khoảnh khắc, miệng sanh ra bảy nhánh hoa

---

<sup>409</sup> Trường Khánh là niên hiệu của Đường Mục Tông (Lý Hằng) từ năm 821 đến năm 825.

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

sen xanh, tỏa hương ngào ngạt, xa gần tới chiêm lễ. Do vậy, tạo khám chôn Sư ở dưới Đông Sơn. Hai mươi mấy năm sau, mở ra xem, thấy hình hài như đang còn sống, bèn đón về chùa, bó nhựa cây sơn ta thành tượng. Nay đặt tên nơi ấy là Chân Thân Viện.

### ***\* Thích Nguyên Huệ đời Đường***

Sư trụ tại chùa Pháp Không Vương ở Gia Hưng, bình sanh tụng Pháp Hoa, chẳng tính nổi số. Sư lập chí giữ ba bạch pháp. Ba bạch pháp là thân chẳng vọng động, miệng chẳng nói dối, ý chẳng vọng duyên. Đó là ba bạch nghiệp. Người thuở đó gọi Sư là Tam Bạch Hòa Thượng. Trong niên hiệu Hàm Thông, Sư đưa xá-lợi Phật cốt đến Phụng Tường, đốt ngón cái bên trái, miệng tụng kinh Pháp Hoa. Chẳng đầy một tháng, ngón ấy lại mọc ra.

### ***\* Thích Công Quán chùa Quảng Phước tại Biện Châu đời Đường***

Sư người xứ Tuấn Nghi thuộc Biện Châu. Lúc sáu tuổi, mẹ dạy truyền khẩu kinh Quán Âm, Sư học một ngày bèn thuộc. Mười sáu tuổi, Sư xả tục, vào Thái Sơn, phụng sự sư Hoàng Pháp. Sư thiếu dục, giữ vững khí tiết, áo vải ngồi trong lều tranh. Sư tự suy nghĩ: “*Khoanh tay ngồi yên trong chốn núi rừng, một mực tốt lành cho riêng mình [thì được]. Nếu như duy trì, gởi gắm những ước vọng khác mà chẳng giáo hóa, khuyên dụ, sẽ chẳng thể hoằng dương*”. Sư bèn đi tham học, trụ tại chùa Huệ Phước, chuyên tụng Pháp Hoa, soạn số giải gồm năm quyển. Sư thường diễn giảng. Một hôm, Phở Hiền Bồ Tát hiện thân, cưỡi voi sáu ngà, đất đều trắng như bạc. Trước sau, Sư giảng Pháp Hoa hơn năm mươi lần. Mỗi lần Sư giảng tới phẩm Dược Thảo Dụ, trời ắt đổ mưa.

### ***\* Thích Sở Vân đời Đường***

Sư sanh vào cuối đời Đường, xuất gia tại Hành Nhạc, từng trích máu chép một bộ kinh Pháp Hoa, dài bảy tấc, rộng bốn tấc, dày hai tấc. Sư dùng đàn hương làm hộp đựng, cất trong Tam Sanh Tạng chùa Phước Nghiêm. Lại khắc tám chữ trên đó rằng: “*Nhược khai thử kinh, thệ đồng Từ Thị*” (nếu [ai muốn] mở kinh này ra thì phải có thệ nguyện giống như

đức Di Lặc). Trong niên hiệu Hoàng Hựu<sup>410</sup>, có quý nhân đến chơi núi, trông thấy, nghi là hư vọng, sai người dùng kèm phá niêm phong, có máu từng sợi tràn ra. Trong khoảnh khắc, bão tố sét đánh xuống sơn cốc. Khói mây tràn vào chùa, sờ soạng chẳng thấy nhau, suốt ngày chẳng hết. Quý nhân hết sức kinh sợ, gieo lòng thành sám hối. Vị tăng tên Giác Phạm chùa Thạch Môn ở Quan Khê vào đời Tống đã từng đến thăm, kính cẩn vâng đợi, nhìn kỹ thì thấy sợi máu vẫn còn đó. Người cùng thời là sư Thiên Nguyệt Quán Hưu, có thơ đề tặng rằng: “*Lóc da, trích máu sao mà khổ? Vì chép Linh Sơn chín hội văn. Huyết mười ngón cạy thành bảy quyển, câu pháp sau này ai bằng ông?*”

**\* Vị tăng chùa Ngô Chân đời Đường**

Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường, vị tăng ở Ngô Chân Tự tại Trường An, đêm nghỉ lại Lam Khê, bỗng nghe có tiếng tụng kinh Pháp Hoa. Âm thanh nhỏ nhẹ, lan xa. Dưới ánh trăng nhìn bốn phía, tịch mịch chẳng thấy ai. Sư hoảng sợ, trở về chùa thưa với chư tăng, rủ họ đêm sau cùng đến nghe. Họ nghe thấy tiếng tụng kinh từ dưới đất vọng lên, bèn đánh dấu chỗ đó. Ngày hôm sau, đào chỗ đánh dấu, kiếm được một đầu lâu trong đồng đất, xương đã khô rạn, chỉ có miệng và lưỡi tươi nhuận, bèn đem về chùa, dùng hộp đá đựng trong chái Tây của Phật điện. Từ đó, mỗi đêm thường có tiếng tụng kinh Pháp Hoa phát ra từ hộp đá. Trai gái ở Trường An đến xem cả ngàn người. Về sau, hộp đá ấy bị một vị tăng ở Tân La lén trộm đi.

**\* Tôn Hàm đời Đường**

Ông làm hiệu úy trong quân của Lương Sùng Nghĩa tại Tương Châu. Tuy ở trong quân, ông luôn kiên thành chép kinh Pháp Hoa. Một hôm, ông chết đột ngột. Hai ngày sau sống lại, nói mình tới một vương phủ, nghi vệ rất nghiêm. Nha lại dẫn ra một ông tăng đôi chát, ông tăng tên là Hoài Tú, chết đã cả năm. Tăng lúc sống phạm giới, vào cõi âm thì không thấy ghi chép điều thiện nào, bèn nói dối rằng: “Tôi từng sai Tôn Hàm chép kinh Pháp Hoa”. Vua (Diêm vương) sai triệu Tôn Hàm đến đối chát. Tôn Hàm thoạt đầu chẳng biết, thưa là chẳng có. Ông tăng cứ

---

<sup>410</sup> Hoàng Hựu là niên hiệu của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) từ năm 1049 đến năm 1054.

khăng khăng. Tôn Hàm bỗng thấy Địa Tạng Bồ Tát bảo: “Nếu ông chấp nhận, thì người ấy cũng được hưởng ân, cũng sẽ được gia hộ”. Tôn Hàm vâng lời, ông tặng bèn được thả.

Ngay trong lúc đang đối chất, ông thấy một vị vua mặc nhung phục từ ngoài đi vào, tùy tùng cả trăm người. Vua cỡi âm xuống bệ đón vào, mời ngồi lên bệ. Chẳng lâu sau, có trận gió lớn cuốn đi mất. Lại có một người thường trì kinh Kim Cang, nhưng thích ăn thịt. Phía bên trái có mấy ngàn quyền kinh, bên phải chất thịt như núi, do thịt nhiều, [Diêm vương] bèn sắp luận tội. Bỗng từ trong đồng kính, văng ra một đốm lửa, bay đến núi thịt. Trong khoảnh khắc, [núi thịt] cháy sạch. Người ấy bước lên không trung mà đi. Tôn Hàm hỏi đức Địa Tạng: “Vị vua mặc nhung phục trước đó bị gió cuốn tới đâu?” Ngài Địa Tạng nói: “Vị vua ấy sẽ vào Vô Giá. Trận gió ấy chính là nghiệp phong”. Do vậy, Bồ Tát dẫn Tôn Hàm đi xem địa ngục. Đến cửa, lửa khói bốc hùng hực, ông sợ chẳng dám nhìn, bỗng vạc sôi trào bọt, văng giọt nước trúng đùi trái của ông, đau thấu tâm tủy. Địa Tạng sai nha lại đưa ông về.

[Lúc ông sống lại], vợ con đang vây quanh khóc lóc, đã một ngày trôi qua rồi. Ông bèn dốc hết của cải trong nhà chép kinh Pháp Hoa, quyết chí thề xuất gia. Chỗ bị nước sôi văng trúng biến thành gẻ lở, suốt đời chẳng lành. Hoài Tú nói dối còn được miễn tội phá giới, huống hồ người còn sống thật sự chép kinh ư? Đức Địa Tạng khuyên như Tôn Hàm thừa nhận, chắc là ông tặng có điều túc thiện nào đó. Ông Hàm chịu tai ách vì vạc sôi, sao biết chẳng phải là nghiệp? Từ đầu đến cuối, ông vâng theo lời chỉ dạy của đức Địa Tạng, rốt cuộc được sống lại, tức là công đức chép kinh đã rành rành rồi!

### **\* Ni Pháp Tín ở Hà Đông đời Đường**

Đời Đường, tại Hà Đông có luyện hạnh ni tên là Pháp Tín, thường đọc Pháp Hoa. Bà đặc biệt tạo tịnh thất, mời người viết chữ đẹp chép kinh Pháp Hoa, trả công cao gấp mấy lần, cực lực trang nghiêm. [Người chép kinh] sáng dậy phải tắm rửa, thắp hương, thay áo, dụng công chép bảy quyển, tám năm mới xong. Năm Trinh Quán thứ hai (628), vị tăng chùa Long Môn là Pháp Đoan nhóm chúng giảng diễn, muốn mượn ni sư quyển kinh ấy, vì cho đó là bản khuôn mẫu. Ni sư cố từ chối, Pháp Đoan trách mắng. Bất đắc dĩ, bà tự đưa đến cho Pháp Đoan. Pháp Đoan mở ra xem, chỉ thấy giấy vàng, chẳng thấy chữ. Sư hổ thẹn, sợ hãi, đưa trả. Ni sư buồn khóc, nhận lấy, dùng nước thơm rửa hộp đựng kinh, tắm gội,

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

xông hương, đội kinh lên đầu, nhiễu Phật bảy ngày. Xong rồi mở ra xem, vẫn tự hiện ra như cũ. Lại có vị ni tên là Pháp Nhuận, trụ tại chùa Tam Muội Vương ở Đan Dương, nhập đạo từ bé, chuyên rông tu Thiền huệ, tụng thông thạo kinh Pháp Hoa, sáng tối không ngừng. Sau khi mất, da thịt đều tan hết, chỉ còn tim và lưỡi chẳng hư nát.

### *\* Sầm Văn Bản đời Đường*

Ông có tên tự là Cảnh Nhân, người Cức Dương, tin Phật từ bé, tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Ông từng ngồi thuyền sang Ngô Giang. Giữa dòng thuyền lật, mọi người đều chết đuối. Văn Bản cũng rơi xuống nước. Bỗng nghe có người nói: “Người có thể tụng kinh Pháp Hoa thì sẽ chẳng chết”. Nói như thế ba lượt, ông liền nổi lên mặt nước. Trong chốc lát, đến bờ. Một hôm, ông làm trai tăng tại nhà, một vị tăng rời đi sau cùng, nói: “Thiên hạ sắp loạn, ông may mắn chẳng bị tai ương. Rất cuộc được hưởng thái bình, phú quý”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Tới khi Văn Bản thọ trai, lại từ trong bát, tìm được hai viên xá-lợi. Về sau, ông làm quan cho nhà Đường tới chức Trung Thư Lệnh.

### *\* Hoàng Môn Thị Lang Vương Yên đời Đường*

Ông bẩm tánh vụng về, chậm chạp, một bộ kinh Pháp Hoa tụng lâu ngày mới thông thạo. Về sau, bệnh chết, báo mộng cho em trai là Thái Thú Tân An Vương Cố rằng: “Ta do tụng kinh được sanh về Tây Phương. Nhưng do chậm lụt, vẫn còn ở trong thai sen có cánh hoa bằng sắt. Báo cho các người biết, tâm hãy siêng gắng nơi kinh điển”. Nói xong bèn từ biệt.

### *\* Lệnh Hồ Nguyên Quỳ ở Long Châu đời Đường*

Ông là người xứ Ba Tây, kính tin Phật pháp, vâng theo lời dạy của Hàng thiên sư, chép một bộ kinh Pháp Hoa, sắp xếp thành quyển trang nghiêm, đẹp đẽ, kiên thành thờ ở trang trại tại Kỳ Châu. Một đêm, lửa rừng cháy lan đến trại, nhà cửa trong trang trại đều thành tro. Ông Quỳ sai bới tro, tìm được ống đồng đựng kinh, thì thấy lớp bọc bên ngoài đã thành tro, kinh vẫn ngồi ngồi, màu vàng chẳng thay đổi. Đó là chuyện trong năm Trinh Quán thứ năm (631).

**\* *Đổng Hùng ở Hà Nam đời Đường***

Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Đổng Hùng ở Hà Nam làm Đại Lý Thừa, do vướng vào chuyện Lý Tiên Đồng, chúa thượng tức giận, sai Thị Ngự là Vi Tông tra hỏi rất gấp. Lý Kính Huyền thuộc Đại Lý Tự, Tư Trục Vương Hân v.v... mấy chục người bị hạ ngục. Đổng Hùng chuyên niệm phâm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, hằng ngày tụng ba mươi lượt, đêm cũng chẳng ngủ. Gông xiềng bỗng tự tháo ra. [Ngục tốt] kinh hãi báo lên người coi ngục. Đêm ấy, Giám Sát Ngự Sử Trương Thủ Nhất trực đêm, đích thân trông thấy, rất lạ lùng, bèn xiềng chặt, niệm phong mới rời đi. Đổng Hùng vẫn tụng kinh. Tới canh năm, xiềng tuột ra, rơi xuống đất vang ra tiếng, mà giấy niệm phong còn nguyên. Trong ngoài Ngự Sử Đài nghe chuyện ấy, đều lấy làm lạ. Khi yên chuyện, những tù nhân cùng trại giam với ông đều được thoát tội.

**\* *Sử Ha Thệ tại Trường An đời Đường***

Đời Đường, tại thôn Nam Sử thuộc Phước Thủy, huyện Trường An, có Sử Ha Thệ bình sanh tụng kinh Pháp Hoa, được tuyển làm nha lại của huyện lệnh. Ông đi lại chuyên đi bộ, chưa từng cưỡi ngựa, bởi vâng theo kinh dạy mà thương xót hết thảy. Lúc lâm chung, có mùi hương lạ, mọi người đều lấy làm lạ. Mười năm sau, vợ ông mất, đào mồ lên để hợp táng, thấy lưỡi ông vẫn như lúc sống.

**\* *Hiệu Ủy Lý Sơn Long thuộc Hữu Giám Môn đời Đường***

Ông là người Phùng Dục. Trong niên hiệu Vũ Đức, bỗng chết đột ngột, chỉ có vùng tim vẫn còn ấm. Bảy ngày, ông mới sống lại, nói:

- Ta tới một quan thự (dinh thự của quan), trong đó có mấy ngàn tù nhân, đều bị xiềng, đứng hướng mặt về phía Bắc. Vua hỏi Sơn Long bình sanh làm phước thiện gì? Ta thưa: ‘Hễ gặp người làng luôn cho họ đồ vật’. Lại hỏi: ‘Ông lại còn làm đức nghiệp gì?’ Ta đáp: ‘Hằng ngày tụng hai quyển kinh Pháp Hoa’. Vua đứng dậy nói: ‘Rất lành! Ông có thể lên tòa cao ở phía Đông Bắc trước thềm mà tụng’. Ta liền cất giọng đọc tựa đề Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Tự Phâm đệ nhất. Vua nói: ‘Xin thôi! Ông tụng kinh không chỉ tự lợi, mà còn khiến cho các tù nhân trong sân nghe pháp đều được thoát tội! Lành thay!’ Các tù nhân bỗng chẳng thấy đau nữa. Vua sai thả ta trở về. Ta đi về phía Đông, thấy một tòa thành bằng sắt rất rộng lớn. Nha lại nói: ‘Đấy là đại địa ngục. Bên trong

chia ra từng ngăn, đều tùy theo bốn nghiệp mà vào từng ngục chịu tội'. Ta nghe nói buồn sợ, xưng Nam-mô Phật, lại xin nha lại dẫn ra. Ta bỗng thấy ngoài thành có người ngồi, nằm. Ta hỏi thì nha lại nói: 'Đấy là những kẻ mắc tội báo, đáng vào vạc sôi, do được hiền giả xưng Nam-mô Phật, các tội nhân tạm thời được nghỉ một ngày'.

**\* Cháu nội ông Cao Biểu Nhân ở Trường An đời Đường**

Ông thường đọc Pháp Hoa. Tháng Giêng năm Long Sóc thứ ba (663), ông cười ngựa ra cửa Thuận Nghĩa, có hai kỵ sĩ đuổi theo, xưng là sứ giả cõi âm, đặc biệt đến truy đuổi ông. Ông Cao hoảng sợ chạy về phía Tây, muốn vào chùa Phổ Quang. Quý nhanh chóng chặn đằng trước cửa, không cho ông vào. Ông lại chạy về phía Đông muốn vào chùa Khai Thiện. Quý lại ngăn đằng trước, ông bèn chạy vào phùng Lễ Tuyên. Một kỵ sĩ chặn đằng trước, ông Cao đâm cho quý đó rớt ngựa. Quý đằng sau tức giận, từ xa nắm tóc ông Cao lôi xuống ngựa. [Ông Cao hôn mê], người nhà khiêng về, tới đêm mới sống lại, tự nói:

- Ta đến gặp vua cõi âm. Vua nói: 'Cớ sao ngươi lấy trộm trái cây của tăng, lại còn kể lỗi Tam Bảo?' Ta nhận tội, không dám cãi, vua nói: 'Cái tội lấy trộm trái cây, đáng nuốt bốn trăm năm mươi hòn sắt, thọ tội bốn năm mới hết. Cái tội kể lỗi, đáng bị cày lưỡi'. Do đó, thả về.

Nói xong, ông lại đứt hơi, miệng như đang nuốt vật gì, toàn thân đỏ ửng, suốt một ngày mới tỉnh. Bốn năm như thế, quả báo nuốt hòn sắt mới hết. Ông bỗng lại tắt hơi, thần thức tới chỗ vua. Vua sai quý sứ kéo lưỡi ra cày. Quý cầm móc câu cạy miệng, sắc bén dị thường, trọn chẳng lôi lưỡi ra được. Vua bèn xem sổ sách, biết là do sức công đức vì từng đọc Pháp Hoa, chẳng thể kéo lưỡi ra được, bèn tha tội cho về. Từ đó, ông thường ở chùa Hóa Độ, hành ngũ hồi pháp để sám hối tiền khiên.

**\* Phan Quả ở kinh đô đời Đường**

Lúc hai mươi, ông làm chức Đô Thủy Tiểu Lại (nha lại giúp trông coi về đường thủy) tại huyện Phú Bình. Tới khi trở về nhà, cùng mấy thiếu niên đi chơi ngoài đồng. Thấy một con dê đang ăn cỏ, Phan Quả và bọn thiếu niên bắt đem về. Giữa đường, dê kêu ầm lên, Phan Quả sợ chủ nó nghe thấy, bèn cắt lưỡi nó, giết nó đem ăn. Sau một năm, lưỡi Phan Quả dần dần rút nhỏ, phải gởi đơn xin thôi làm tiểu lại. Huyện lệnh là Trịnh Du Khánh nghi dối trá, bắt mở miệng để xét nghiệm, thấy lưỡi chỉ



## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

nhỏ bằng hạt đậu chứ không mất. Quan hỏi nguyên có, ông lấy giấy viết ra để trả lời. Huyện lệnh dạy ông chép kinh Pháp Hoa, làm phước hồi hướng cho con dê. Phan Quả theo đúng lời dạy mà phát tâm biên chép, trai giới chẳng lười nhác. Sau một năm, lưỡi dần dần mọc ra, bình phục như cũ. Lại đến quan trình đơn, huyện lệnh dùng ông làm Lý Chánh (trưởng làng).

### *\* Thiều Thường Bá<sup>411</sup> Thôi Nghĩa Khởi đời Đường*

Cha vợ của ông là Tiêu Văn Khanh chuyên trì Pháp Hoa trọn mấy ngàn biến, vĩnh viễn thôi ăn mặn. Vợ ông Thôi là Tiêu thị chết vào tháng Năm năm Long Sóc thứ ba (663). Ông Thôi làm chay hai mươi một ngày. Cô tớ gái là Tố Ngọc bỗng nói giọng của phu nhân, cho biết lúc sống chẳng tin Tam Bảo, nay chịu khổ chẳng thể nói: “Do các vị vì tôi tụng kinh, thiết trai, tôi được tạm thả về. Tới ngày hai mươi sẽ trở lại, dẫn Tố Ngọc đi xem tôi chịu tội”. Tới kỳ hạn, quả nhiên Tố Ngọc chết. Ba ngày sau, cô ta sống lại nói thấy cung điện, phủ thự trong tòa thành lớn, phu nhân vào một viện riêng. Trong chốc lát vạc lửa, giường sắt đưa đến, [phu nhân] chịu đủ mọi nỗi khổ độc. Cô đột nhiên thấy ông Tiêu Văn Khanh ngồi trên đài hoa sen, bảo Tố Ngọc rằng: “Con gái ta lúc sống hay sân hận, ghen ghét, chẳng tin lời ta, chẳng tin nhân quả. Nay chịu nỗi khổ này, ta chẳng thể cứu được. Người quay về, hãy nên bảo với người nhà, khiến cho họ tu công đức hòng được giải thoát”. Lại thấy một vị Phạm tăng từ không trung hạ xuống, dạy Tố Ngọc tụng kinh Pháp Hoa. Sư dặn dò: “Người hãy nên nhớ trì kinh này, vì người Diêm Phù Đề truyền tụng, sẽ có người tin tưởng”. Lân Đức nguyên niên (664), tại nhà Tướng Tướng Quân thiết trai, đón Tố Ngọc tới để thử cô ta tụng kinh cõi âm. Có vị Phạm tăng nghe xong, chấp tay tán thán: “Giống hệt như kinh bản tại Tây Quốc chẳng khác”, đại chúng mới kinh hãi, tán phục.

### *\* Vợ chàng họ Mã*

---

<sup>411</sup> Thiều Thường Bá tức là chức vụ Thị Lang. Năm Long Sóc thứ ba (663), Đường Cao Tông đổi Thị Lang thành Thiều Thường Bá. Thị Lang thoát đầu vốn là quan viên hầu cận nhà vua, giúp vua các việc hành chánh. Từ thời Đông Hán trở đi, Thị Lang trực thuộc Thượng Thư Tỉnh, là phó quan của vị đứng đầu một bộ (Thượng Thư), tương đương với thứ trưởng hiện thời.

[Chuyện này] phát sanh tại Thiêm Hữu. Trước kia, tập tục của vùng đất này là cưới ngựa, bắn tên, chẳng biết đến danh hiệu Tam Bảo. Năm Nguyên Hòa 12 (817), bỗng có một cô gái xinh đẹp xách giỏ bán cá, Người ta tranh nhau muốn cưới cô. Cô gái nói: “Ai có thể trong một đêm tụng thuộc phẩm Phổ Môn, tôi sẽ theo người đó”. Tối sáng, tụng thấu triệt có hơn hai mươi người. Cô ta lại lấy kinh Kim Cang Bát Nhã [yêu cầu như trên]. Sáng ra, vẫn có mười người thông thuộc. Cô ta lại lấy toàn bộ kinh Pháp Hoa, hẹn ba ngày thông suốt, riêng chàng họ Mã là có thể [tụng thuộc]. Chàng ta bèn sửa sửa đủ lễ, đón cô về. Vào cửa, cô ta nói bị bệnh, xin cho ở riêng một phòng. Trong khoảnh khắc đã chết, thân thể liền hư nát, họ bèn đem chôn. Mấy hôm sau, có một vị lão tăng áo tía, tới chỗ chôn, sai đào lên xem. Chỉ còn có xương hoàng kim tỏa hầy còn. Sư bảo đại chúng: “*Đấy là Quán Âm đại sĩ thương xót các người chướng nặng, cho nên rủ lòng ban phương tiện, thị hiện hòng hóa độ các người*”. Nói xong, Sư bay lên không mà đi (Xem trong lời tựa tán thán bức tượng ở Tiềm Khê đời Tống, có bản ghi là Phổ Hiền [thay vì Quán Âm]).

**\* Hai cô con gái họ Hoàng đời Đường**

Họ là người Tấn Lăng, thuở nhỏ nghe tụng kinh Pháp Hoa, lắng nghe lâu ngày, bèn nói: “Tôi hiểu nghĩa này”. [Từ đó, họ] có thể đàm luận sâu xa về Thật Tướng. Về sau, họ vào chùa An Quốc ở kinh đô làm ni, chị tên là Trì Pháp, em tên là Huệ Nhẫn, cùng tu Pháp Hoa tam-muội. Chợt có vị ni hiệu là Không Cô, từ ngữ, dung mạo rất lạ, đến chỗ họ lễ sám, cùng họ hành đạo. Mỗi khi tới giữa đêm, thân [Không Cô] tỏa quang minh rạng rỡ. Như thế suốt ba năm, [Không Cô] bèn rời đi. Có người nghi [Không Cô chính] là đức Phổ Hiền hóa hiện. Năm Hưng Nguyên thứ ba, Lương Túc ghi.

**\* Người thiếp của Đô Thủy Sứ Tô Trường**

Trong niên hiệu Vũ Đức đời Đường, Đô Thủy Sứ Tô Trường được phong làm thứ sử Ba Châu, vượt sông Gia Lăng. Giữa dòng gió nổi, thuyền lật. Mọi người cùng lúc chết chìm. Chỉ có người thiếp thường đọc kinh Pháp Hoa, khi nước tràn vào thuyền, cô bèn đội hộp đựng kinh lên đầu, thề cùng kinh chết chìm. Sau đó, chỉ có mình cô chẳng chìm,

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

theo sóng dập dềnh. Trong khoảnh khắc tới bờ. Cô nâng hộp kinh lên bờ, mở ra xem chẳng thấy bị ướt. Rốt cuộc cô thiếp được toàn mạng.

Lại ở phía Bắc thành Hoài Ninh, có chị dâu và cô em chồng cùng tụng Pháp Hoa, tiếng như vàng ngọc. Sau khi họ chết, mộ sanh một đóa sen hồng, nở xòe rất đẹp. Người đời sau bèn dựng chùa Hoa Đài nơi cuộc đất ấy.

### *2.2. Lịch triều Pháp Hoa Trì Nghiệm Kỳ, quyển hạ*

#### *\* Vị tăng chùa Đại Từ*

Thời Ngũ Đại, tại chùa Đại Từ ở Thành Đô, có vị tăng luôn tụng kinh Pháp Hoa. Một hôm, Sư vào núi Thanh Thành hái thuốc. Sư men theo suối, vượt qua chỗ hiểm, bỗng mây mù nổi lên bốn phía, chẳng biết theo đường nào. Chốc lát, mây tan, thấy một tòa gác bên khe suối rất cao đẹp. Sư đến cửa, người hầu vào báo, bước ra nói: “Tiên sinh thỉnh thầy tụng kinh mà thầy thường hành trì”. Vị tăng lớn tiếng tụng, tới phẩm Bảo Thập, tiên sinh mặc đồ dân quê, cầm gậy lê, hai mày dài chấm vai, đốt hương, chấp tay nghe hồi lâu. Tụng xong, họ dọn cơm nấu bằng hạt kê, kỷ tử, rau cúc, thơm như cam lộ, biếu một hoàn (sáu lượng) tiền. Người hầu đưa Sư lên đường, Sư hỏi [tiên sinh] tên họ là gì, người hầu đáp: “Đó là tiên sinh Tôn Tư Mạc”. Sư mới than thở, người hầu bỗng chẳng thấy đâu nữa. Sư lại tìm trọn ba ngày, nhưng đã quên mất chốn cũ. Quay về, xem lại món tiền được biếu, chính là tiền vàng. Do ăn một bữa cơm ấy, thân Sư nhẹ nhàng, không bệnh tật. Đường Sử nói ông Tôn một trăm năm mươi tuổi. Cho đến lúc thỉnh tụng kinh thì đã cách trước đó ba trăm năm rồi. [Chuyện này] trích từ Tương Sơn Dã Lục<sup>412</sup>.

#### *\* Thích Đạo Tiềm chùa Vĩnh Minh ở Tiền Đường thời Ngô Việt*

Sư người Bồ Tân, họ Vũ, từng ở trong sơn trai (trai phòng trên núi) hành Pháp Hoa Sám hai mươi một ngày, bỗng thấy đức Phổ Hiền ngự trên voi, đứng trên cửa tam quan trước chùa tháp. Vòi voi gác thẳng

---

<sup>412</sup> Tương Sơn Dã Lục là tác phẩm theo thể loại bút ký đã sử ghi rất nhiều sự kiện lẫn các câu chuyện truyền thuyết từ thời Bắc Tống mới mở nước cho đến thời Tống Thần Tông, cũng như các phong tục, tập quán thời ấy. Sách do sư Văn Oánh biên soạn trong niên hiệu Hưng Ninh đời Tống Thần Tông, do chủ yếu nói về chùa Kim Loan tại Tương Sơn ở Kinh Châu, cho nên đặt tên sách như vậy.

lên chỗ hành sám. Hán Nam quốc Tiền vương dựng chùa Huệ Nhật mời Sư ở đó. Sư từng duyệt Đại Tạng Kinh, trong khi ngồi yên lặng, Sư thấy ngài Văn Thù hiện thân. Về sau, Sư lễ tháp A Dục Vương, quỳ thẳng đánh lễ, lệ tuôn như mưa. Bỗng thấy xá-lợi ở ngoài chiếc chuông treo, bèn nhiễu quanh. Sư bị hỷ xen lẫn. Năm Kiến Long thứ hai (961), Sư ngồi qua đời. Xá-duy có xá-lợi rất nhiều. [Môn nhân] dựng tháp để chứa, đỉnh tháp phóng bạch quang như lúc Sư mới mất vậy.

**\* *Thiền sư Trí Giác chùa Vĩnh Minh thời Ngô Việt***

Sư húy Diên Thọ, người Đan Dương, họ Vương, đời sang sống ở Đur Hàng. Thuở niên thiếu, Sư tụng kinh Pháp Hoa, vừa tụng xong bảy hàng đã cảm bầy dê quỳ nghe. Lúc hai mươi tám tuổi, Sư làm trấn tướng ở Hoa Đình, dùng công quỹ để phóng sanh, mắc tội, bị phán xử tử. Lúc sắp bị hành hình, về mặt Sư chẳng thay đổi. Văn Mục Vương<sup>413</sup> lấy làm lạ, tha cho, bảo Sư đi xuất gia. Sư nương theo thiền sư Thúc Nham ở Tứ Minh [để xin thế độ], trụ tại chùa Long Sách, làm việc nặng phụng sự đại chúng. Mỗi ngày, Sư chỉ ăn một bữa, ngồi mãi chẳng nằm. Không lâu sau, Sư yết kiến Thiên Thai Thiền quốc sư<sup>414</sup>, trụ tại chùa Quốc Thanh, hành Pháp Hoa Sám. Nửa đêm, Sư thấy Phổ Hiền Bồ Tát cầm hoa sen bỗng trao cho Sư. Sư lại còn tu Định chín mươi ngày trên đỉnh Thiên Trụ trong rừng Thiên Thai, thấy Quán Âm đại sĩ dùng cam lộ rưới cho, bèn đạt được biện tài vô ngại.

Năm Kiến Long thứ hai (961), Trung Ý Vương<sup>415</sup> thỉnh Sư trụ tại đạo tràng Vĩnh Minh. Tăng hỏi: “Kinh dạy hết thầy chư Phật và pháp

---

<sup>413</sup> Văn Mục Vương tức là Tiền Nguyên Quán (887-941), chính là hoàng đế thứ hai của nước Ngô Việt thời Ngũ Đại. Ông là con thứ năm của Ngô Việt Thái Tổ Vũ Túc Vương Tiền Lưu. Ngô Việt là vương quốc nhỏ độc lập, lãnh thổ bao gồm các tỉnh Chiết Giang, Thượng Hải, và phía Nam tỉnh Giang Tô.

<sup>414</sup> Tức ngài Đức Thiệu, thầy của Ngô Việt Vương. Sư pháp húy là Đức Thiệu, người huyện Long Xuyên thuộc Xử Châu, kế thừa dòng thiền Pháp Nhãn. Sư vào núi Thiên Thai dựng chùa nên gọi là Thiên Thai Đức Thiệu, chứ Sư không thuộc tông Thiên Thai. Khi đó, các tác phẩm của tổ Trí Giả bị tán lạc, chỉ xứ Tân La giữ được toàn vẹn. Sư liền sang nước ấy chép lại toàn bộ, đem về Trung Hoa, đưa vào Đại Tạng Kinh.

<sup>415</sup> Trung Ý Vương chính là Tiền Thục. Ông là con trai thứ chín của Văn Mục Vương, là vị vua cuối cùng của Ngô Việt. Khi nhà Tống thành lập, ông đã thần phục, và sát nhập vào nhà Tống để giữ yên sự ổn định cho vùng hạ lưu sông Dương Tử. Tống Thái Tông đã ban cho ông tước hiệu là Hán Nam quốc vương, cho nên đôi khi

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

của chư Phật đều từ kinh này lưu xuất, ‘kinh này’ là gì vậy?” Sư đáp: “*Lâu dài chuyển chẳng chuyển, chẳng nghĩa, cũng chẳng thanh*”. Hỏi: “Thọ trì như thế nào?” Sư đáp: “*Nếu muốn thọ trì, cần phải dùng mắt mà nghe!*” Sư ở Vĩnh Minh mười lăm năm, đại chúng thường là hai ngàn người. Sư được ban hiệu là Trí Giác. Năm Khai Bảo thứ bảy (974), Sư vào núi Thiên Thai, truyền giới tiếp độ khoảng hơn một vạn người. Sư thường truyền Bồ Tát Giới cho bảy chúng, đêm thí thực, sáng phóng sanh. Sáu thời rải hoa, hành đạo, công khóa mỗi ngày một trăm lễ tám thiện sự, chưa từng tạm phế. Hễ còn có sức thì tụng kinh Pháp Hoa. Tính ra, Sư tụng được một vạn ba ngàn bộ, đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ. Người đương thời gọi Sư là Từ Thị Hạ Sanh. Sư soạn bộ Tông Kính Lục một trăm quyển để dung hội các chỗ tương đồng và dị biệt trong tông chỉ của Thiên Thai, Hiền Thủ và Từ Ân. Sư lại soạn Tâm Phú, và các sách Duy Tâm Quyết, Vạn Thiện Đồng Quy v.v... Sư từng ban đêm qua ngọn núi khác đi kinh hành, trên không trung khi đó nghe có tiếng tù và, nhạc trời tấu vang. Tháng Hai năm Khai Bảo thứ tám (975), Sư chín mươi tám tuổi, đốt hương, ngồi xếp bằng mà tịch. Tháp ở núi Đại Từ, vua coi âm vẽ tượng đánh lễ, chi tiết thì như trong biệt truyện.

### ***\* Thích Hồng Sở chùa Đại Vân ở Ôn Châu thời Ngô Việt***

Sư là người Vĩnh Gia, con nhà họ Đường. Sư vốn nghi dung thanh cao, thần nhiên xuất tục. Trong thời đầu của niên hiệu Càn Hóa<sup>416</sup>, Tiền Vũ Túc Vương thỉnh Sư trụ tại chùa Hưng Long, khai giới đàn tiếp độ. Vua ban y tía, Sư không nhận. Khi đó, thi nhân Trịnh Thuyết sang chơi phương Nam, đích thân chiêm ngưỡng cao hạnh của Sư, đã làm thơ tặng Sư rằng: “*Y tía trên giàn không mặc tới, chữ vàng trên án chẳng buồn nhìn*”. Sư giảng kinh Pháp Hoa tính ra hơn năm mươi hội. Một hôm, trong giảng đường bỗng nảy sanh hoa sen, đài kép, cánh kép, mùi thơm nồng nàn. Cho tới nay, tại Vĩnh Gia vẫn tôn là Tăng Bảo.

### ***\* Thích Khả Châu chùa Long Hưng tại Hàng Châu thời Ngô Việt***

---

Trung Ý Vương được gọi là Hán Nam quốc vương như trong câu chuyện ngài Thích Đạo Tiềm thuộc phần trên.

<sup>416</sup> Càn Hóa là niên hiệu của Hậu Lương Thái Tổ Châu Toàn Trung (Châu Ôn) từ năm 911 đến năm 913.

Sư người Tấn Lăng, họ Phó. Đã xuất gia, bèn sang Dự Chương, tham cứu cùng tột Pháp Hoa Đại Sớ của ngài Từ Ân (Khuy Cơ). Sư đến chùa Long Hưng, khai diễn Pháp Hoa, đạo tục tham dự luôn là mấy trăm người. Tiên Vũ Túc Vương truyền lệnh Sư ban đêm giảng kinh cho cõi âm tại Thiên Bảo Đường, thường thấy có các quỷ thần hiện hình hộ vệ. Từng có đồng cốt cúng tế thần ở đền Đồng Quan, thỉnh mãi mà thần chẳng giáng hạ. Về sau, thần nhập thân đồng cốt nói: “*Ta mới từ Đại Thần Thiên Bảo Đường nghe pháp trở về*”. Vũ Túc Vương lấy làm lạ, biếu tặng Sư như ý và bát bằng vàng, ban hiệu là Thông Minh. Sư soạn Pháp Hoa Tự Sao một quyển.

**\* Thích Tự Tân thuộc Ứng Thụy Viện ở Tuyên Châu đời Tấn<sup>417</sup>**

Sư trai giới tinh sạch, tìm thầy [học đạo], nghiên cứu tinh tường Pháp Hoa chưa từng lười nhác, phế bỏ. Sư từng vào núi Tuyên Thành hái thuốc, đi vào một cái hang sâu. Thoạt đầu tối tăm rồi thấy mặt trời chiếu sáng. Đi mấy dặm, bên động có một cái hang ngách, nước suối róc rách. Sư thấy dưới cội tùng to có am tranh, một vị tăng lông mày trắng như tuyết, khoác áo chàm vá, tọa Thiền. Bên cạnh có một cái khánh và đồ đánh lửa. Sư gõ khánh, vị tăng xuất định, mở mắt, kinh ngạc hỏi: “*Ủa! Sư do duyên gì mà đến đây?*” Sư bèn thuật hành tung, vị tăng chấp tay mời ngồi, đánh lửa đun trà, hương vị [trà] đáng yêu. Chiều tối, vị tăng nhường am cho Sư ngủ. Nhìn ra thì tăng leo lên cái ổ to trên ngọn tùng, nghe tiếng Ngài tụng kinh Pháp Hoa, âm thanh rất trong trẻo. Trong khoảnh khắc, nghe Sư quở mắng: “*Lũ súc sanh này, nay đã làm loài lông lá, sao lại khổ sở khiến cho con người sợ hãi, hãy mau trở về rừng rậm, chẳng nên tự tiện xuất hiện!*” Sư liếc nhìn thì ra hổ báo riu riu bỏ đi. Tối sáng, tăng từ cội tùng trèo xuống, an ủi. Sư xin ở lại hầu hạ. Tăng nói: “*Từ chỗ này nhìn ra, toàn là cỏ cây khô héo, bốn phía trọn chẳng có khói bếp của con người, chẳng phải là chỗ Sư ở được!*” Lại

---

<sup>417</sup> Tấn ở đây là một vương triều thời Ngũ Đại Thập Quốc, không phải là nhà Tấn do Tư Mã Viêm sáng lập sau thời Tam Quốc. Do tác phẩm này được viết theo thể loại biên niên sử, nhà Tấn trong câu chuyện này chỉ có thể là nhà Tiền Tấn (896-923) do Lý Khắc Dụng sáng lập, hoặc nhà Hậu Tấn (936-947) do Thạch Kính Đường sáng lập. Câu cuối cùng trong chuyện nói rõ là niên hiệu Thiên Phước, mà Thiên Phước chính là niên hiệu của Thạch Kính Đường từ năm 936 đến 944, cho nên Tấn ở đây phải là nhà Hậu Tấn.

hỏi: “Ông chẳng đói ư?” Bên khe suối có mấy trăm gốc lúa. Tăng hái lúa, tách ra được ba vốc gạo, nhỏ rau dại, nấu chung thành thức ăn, bảo Sư trở về. Vị tăng đưa tới cửa động nói: “Gặp nhau chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Ông đã uống trà và ăn cháo rau, cả đời sẽ chẳng thiếu cái ăn!” Sư theo đường trở về chùa mình, thì ra đã hơn một tháng, bèn dẫn những người bạn thân thiết quay lại tìm, chẳng biết động ở chỗ nào. Đó là chuyện trong năm Thiên Phước đời Văn Mục Vương xứ Ngô Việt.

**\* Thích Nghĩa Sở chùa Khai Nguyên ở Tề Châu đời Châu<sup>418</sup>**

Sư người Tương Châu, họ Bùi, bảy tuổi xuất gia. Sư lễ kinh Pháp Hoa, cứ mỗi chữ là một lạy, lạy trọn một bộ. Đối với tông Câu Xá, Sư thấu đạt chỗ u vi, tột bậc. Sư biên soạn Thích Thị Lục Thiếp<sup>419</sup>, khởi đầu bằng Pháp Vương Lợi Kiến Bộ, kết thúc bằng Sư Tử Thú Loại Bộ, tập hợp thành một bộ sách lớn. Hiễn Đức nguyên niên (954), vua sắc truyền đưa bộ sách vào Sử Quán. Thoạt đầu, Sư biên soạn, hai mắt bị mù, thầy thuốc chữa không được. Sư bèn ngậm sấm hôi trong tâm. Kiên thành như thế chẳng gián đoạn, sau một năm, mắt sáng lại, mọi người nói đó là điềm chứng tỏ sự cảm ứng.

---

<sup>418</sup> Châu ở đây là Hậu Châu (951-960) thời Ngũ Đại, do Quách Oai diệt nhà Hậu Hán của Lưu Trí Viễn mà lập ra triều đại này (do vậy, đôi khi còn gọi là Quách Châu). Lãnh thổ nhà Hậu Châu bao gồm các tỉnh Hà Nam, Sơn Đông, nam bộ Sơn Tây, nam bộ tỉnh Hà Bắc, Thiểm Tây, phía Đông Cam Túc, phía Bắc tỉnh Hồ Bắc và một phần tỉnh An Huy và Giang Tô. Quách Oai không có con, sau khi ông ta chết, cháu là Sài Vinh lên làm vua (tức Châu Thế Tông). Tuy Sài Vinh này chỉ làm vua được 5 năm, nhưng đã dốc sức diệt Phật pháp tại vùng Hoa Bắc. Khi Sài Vinh chết, con là Sài Tông Huân (Hậu Châu Cung Đế) bảy tuổi lên ngôi. Năm 960, do nghe tin đồn liên quân Bắc Hán và Liêu tấn công, triều đình sai Điện Tiền Đô Kiểm Điểm Triệu Khuông Dẫn đi đánh. Triệu Khuông Dẫn dẫn quân đến Trần Kiều; đạo diễn binh lính tôn Triệu Khuông Dẫn lên làm vua (lấy cớ vua quá nhỏ không thể bảo vệ được đất nước). Triệu Khuông Dẫn dẫn quân về Biện Kinh, ép Cung Đế phải nhường ngôi. Do trước đó Triệu Khuông Dẫn từng làm Quy Đức Tiết Độ Sứ cai quản Tống Châu, cho nên lấy quốc hiệu là Đại Tống.

<sup>419</sup> Thích Thị Lục Thiếp là tác phẩm mô phỏng theo Lục Thiếp của Bạch Cư Dị, nội dung là tập hợp tất cả văn chương và nghĩa lý liên quan đến họ Thích trong Đại Tạng, chia thành nhiều môn (mỗi môn được gọi là một Bộ, sách gồm năm mươi bộ), đầu tiên là Phật, Pháp, Tăng Bảo, thân hộ pháp, vua tôi, cho tự xá thập điện, cảm thú, thảo mộc v.v... Đối với mỗi điều đều ghi rõ xuất xứ. Hậu Châu Thế Tông truyền đưa sách này vào Sử Quán và ban cho ngài Thích Nghĩa Sở mỹ hiệu Minh Giáo đại sư.

**\* Thích Thiệu Nham đời Tống**

Sư người Ung Châu, họ Lưu. Phàm kinh sách trăm loại, hễ đọc tới, Sư đều như ôn tập. Tới khi vào đất Ngô Cối, Sư trụ tích tại chùa Thủy Tâm ở Hàng Châu, luôn phúng tụng kinh Pháp Hoa chẳng bỏ suốt ngày đêm. Bỗng cảm trên đất bằng sanh ra hoa sen. Cả thành kéo đến xem. Năm Kiến Long thứ hai (961), ý nguyện tụng kinh đã viên mãn, Sư thề phỏng theo Dược Vương Bồ Tát thiêu thân. Khi đó, Hán Nam quốc vương họ Tiền cố sức can ngăn. Sư liền lại gieo mình xuống sông Tào Nga<sup>420</sup> để nuôi bụng cá, dường như có thần nhân nâng chân, sóng to vỗ bủa mà Sư như ngồi trên đài báu. Vua bèn tạo Thượng Phương Viện, thỉnh Sư ở đó. Năm Khai Bảo thứ tư (971), Sư nói với người hầu: “*Ta tụng kinh Pháp Hoa đã hai vạn bộ, quyết mong sanh về An Dưỡng, nay may đã được thỏa bốn hoài*”. Nói xong, Sư ngồi xếp bằng qua đời. Trà-tỳ, xá-lợi vô số, di cốt sáng ngời như ngọc.

**\* Thích Hy Tịch đời Tống**

Sư người Vĩnh Gia, họ Hồ, từ bé đã tụng kinh Pháp Hoa, trọn một tháng liền thông suốt. Sau khi đã thọ Cụ Túc, Sư yết kiến Tụng pháp sư ở Thiên Thai để tham cứu, học tập Chỉ Quán. Sư từng ngụ tại chùa Dược Vương ở Tứ Minh, mộng thấy lên chùa Quốc Thanh, có tòa tràng báu, ghi là đài Văn Thù. Phía ngoài có lan can chặn lại, muốn vào chẳng thể được. Bỗng thấy Quán Âm từ bên trong bước ra, khom mình đón tiếp. Từ đó, Sư nhạo thuyết vô tận, bèn ở tại chùa Quốc Thanh thuộc Phật Lũng để tiếp tục giảng huấn, và lập đạo tràng Loa Khê. Người học kéo đến như mây. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980), Sư sang Phù Giang ở Hoàng Nham phóng sanh, giảng phẩm Lưu Thủy Trường Giả [của kinh Kim Quang Minh]. Sư tới linh thạch ở Hải Môn, phục hoạt đạo tràng an cư mùa Đông của tổ Trí Giả, khiến cho nơi đó trở thành một ngôi chùa danh tiếng sầm uất. Sư suốt đời giảng kinh Pháp Hoa

---

<sup>420</sup> Sông Tào Nga (còn gọi là Kha Thủy, Thượng Ngu giang, Đông Tiểu giang, Hiếu Nữ giang) ở phía Đông tỉnh Chiết Giang, là chi lưu lớn thứ hai của sông Tiền Đường. Sông dài đến 192 km. Chỗ rộng nhất đến 600m, lưu vực sông rộng đến 5.922 km<sup>2</sup>. Tương truyền, vào đời Đông Hán, cô gái có hiệu là Tào Nga đã vì vớt xác cha (cha cô chết đuối trong sông này) mà tự trầm để xác mình đầy xác cha lên bờ, cho nên sông có tên như thế.



mười mấy lượt. Dân Âu Việt<sup>421</sup> chuộng sẵn bần, từ khi nghe Sư giáo huấn, đều quăng cung, xé lưới. Công thuyết pháp của Sư chưa từng có!

**\* Thích Nghĩa Thông đời Tống**

Sư họ Doãn, thuộc hoàng tộc Cao Ly, có phạm tướng dị thường: Lòng mày dài hơn năm tấc. Thuở bé, Sư xuất gia ở Quy Sơn Viện. Vào niên hiệu Thiên Phước đời Hậu Tấn, Sư sang trung thổ, tới chỗ Vân Cư Thiệu quốc sư ở Thiên Thai, bỗng có chỗ khế ngộ. Tới khi tham yết Loa Khê (tức ngài Thích Hy Tịch, tổ thứ mười lăm của tông Thiên Thai, vừa được nhắc tới trong đoạn trên), nghe tông chỉ “*nhất tâm tam quán*”, Sư bèn than rằng: “*Cái học viên đốn từ nay đều thấu triệt rồi*”. Sư bèn ở lại đó thọ nghiệp. Lâu sau, Sư muốn giông buồm trở về Đông; thái thú Tứ Minh là Tiền Duy Trị cố giữ Sư lại, nói: “Chỉ mong lợi sanh, cứ gì phải trở về Kê Lâm<sup>422</sup>?” Sư bèn trụ tại Truyền Giáo Viện (thuộc Loa Khê).

---

<sup>421</sup> Âu Việt còn gọi là Đông Việt, hay Đông Âu, là vùng đất ở phía Nam tỉnh Chiết Giang, thuộc lưu vực Âu giang và Linh giang, bao gồm Ôn Châu, Thái Châu, Lê Thủy v.v... Đây là lãnh thổ của một thị tộc Bách Việt. Bách Việt là một cộng đồng nhiều sắc tộc khác nhau sống từ phía Nam Trường giang cho đến Bắc Việt Nam. Theo các nhà nghiên cứu, Việt (越) là biến thể của Việt (鉞, nghĩa gốc là cái búa hay cái rìu bằng đồng) bắt nguồn từ sự khéo léo của người Việt trong kỹ thuật đúc đồng làm mũi tên, lưỡi cày, rìu đồng, trống đồng. Theo Lộ Sử của La Bí đời Tống thì “*Việt Thường, Lạc Việt, Mân Việt, Âu Việt, Âu Ngai, Thả Âu, Tây Âu, Cung Nhân, Mục Thâm, Tồi Phu, Cầm Nhân, Thương Ngô, Việt Âu, Quế Quốc, Tôn Tử, Sân Ký, Hải Quý, Cửu Khuẩn, Kê Dur, Bắc Đới, Bộc Cú, Âu Ngô được gọi chung là Bách Việt*”. Sở dĩ có danh xưng Âu Việt vì họ sống trong lưu vực của Âu giang. Lãnh tụ của Âu Việt được coi là hậu duệ của Việt Vương Câu Tiễn khi nước Việt bị diệt cuối đời Chiến Quốc. Thời Tiền Hán, lãnh tụ của người Âu Việt là Sô Dao từng đem quân giúp Lưu Bang đánh Hạng Vũ, nên khi Lưu Bang lên ngôi, lập ra nhà Hán, đã phong cho Sô Dao làm Đông Hải Vương cai quản vùng này. Lúc đó, tiểu quốc này được gọi là Đông Âu quốc (tức thái ấp của Sô Dao).

<sup>422</sup> Kê Lâm (雞林, Gyerim) là tên cũ để gọi một khu vực của cổ vương quốc Tân La (Silla) trên bán đảo Đại Hàn. Theo truyền thuyết, vào năm 65, vua Thoát Giải Ni Sư Kim (脫解尼師今, Talhae Isageum) của vương quốc Tân La nghe gà gáy trong khu rừng phía Tây Khánh Châu (Gyeongju), sai cận thần đi xem xét thì tìm được một cái hộp vàng treo trên cành cây, quang minh tỏa ra từ cái hộp đó. Trên nắp hộp, có một con gà trắng đang gáy liên tục. Vua sai mở hộp, trong đó có một bé trai. Vua thích thú nhận nuôi đứa bé, đặt tên là Kim Át Trí (Kim Alji, Kim và Alji đều có nghĩa là vàng). Khu rừng ấy được gọi là Kê Lâm. Kim Át Trí trở thành thi tổ của hoàng tộc họ Kim của Tân La.

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ sáu (981), [Truyền Giáo Viện] được ban biên ngạch đề tên là Bảo Vân. Sư hoàng dương Giáo Quán gần hai mươi năm. Đoan Cung nguyên niên (988), Sư nằm bên hông phải qua đời.

**\* Thích Ngộ Ân đời Tống**

Sư họ Lộ, người Hải Ngu. Trong niên hiệu Trường Hưng<sup>423</sup>, Sư đến chùa Huệ Tự ở Côn Sơn, học Nam Sơn Luật. Sau đó, nghe Tam Quán của tông Thiên Thai, ngầm khế hợp huyền giải, liền tạo Từ Quang Viện Chí Nhân Sư ở Tiền Đường, giảng dạy nhiều năm. Đối với Pháp Hoa, Kim Quang Minh, và Chỉ Quán Luận, Sư đều hiểu rõ chỗ huyền vi. Tháng Tám năm Ung Hy thứ ba (986), Sư mộng thấy sa-môn khoác ca-sa, cầm lò vàng đốt hương, nhiều quanh thất ba vòng, tự nói là “*Tổ Sư Quán Đánh đến đây tiếp đón*”. Tỉnh mộng, Sư còn ngửi thấy mùi hương lạ, bèn hướng về Tây, chấp tay qua đời. Trong viện đều nghe trên hư không có tiếng tơ trúc, linh, đặc. Sư thản nhiên về Tây.

**\* Thích Tĩnh Niệm ở Thủ Sơn thuộc Nhữ Châu đời Tống**

Sư người Lai Châu, họ Dịch, thọ học tại chùa Nam Thiên thuộc quận nhà. Sư đến khắp giảng tòa tại các tùng lâm. Sư thường ngầm tụng kinh Pháp Hoa, mọi người gọi Sư là Niệm Pháp Hoa. Về già, Sư hầu ngài Phong Huyệt [Diên Chiêu thiên sư]. Một hôm, Sư cùng vị Chân viên đầu<sup>424</sup> cùng hỏi han xong, Phong Huyệt hỏi: “Nhu thế nào là Thế Tôn chẳng nói mà nói?” Chân viên đầu nói: “Bột curu thụ đầu curu” (chim bột curu<sup>425</sup> là con bò câu đậu trên cành cây). Phong Huyệt nói: “Ông tạo nhiều si phước để làm gì, sao không tham cứu để thấu hiểu ngôn cú?” Ngài lại hỏi Sư, Sư đáp: “*Động dung dương cổ lộ, bất đọa*

---

<sup>423</sup> Trường Hưng là niên hiệu của vua Minh Tông (Lý Tự Nguyên) nhà Hậu Đường từ năm 930 đến năm 934. Do Sư mất trong đời vua Tống Thái Tông nên vẫn coi Sư thuộc đời Tống. Hậu Đường là triều đại thứ hai trong thời Ngũ Đại (Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Châu) trước khi Triệu Khuông Dẫn thống nhất phần lớn Trung Hoa (phần lớn phía Bắc Trung Hoa thời đó đã thuộc Liêu và Kim).

<sup>424</sup> Viên đầu (園頭) là vị Sư trông nom vườn tược trong chùa.

<sup>425</sup> Bột curu (鵲鳩, còn gọi là bột cô) là một loài bò câu thường biết dưới danh xưng Turtle Dove, lông cánh có vằn đen và nâu xen lẫn. Khi nó kêu nhiều thì trời sẽ mưa.

*tiểu nhiên cơ*” (Mỉm cười nêu lời cũ, cơ duyên chẳng để sót)<sup>426</sup>. Ngài Phong Huyệt bảo Chân viên đầu: “Sao ông không xem câu hạ ngữ (câu đáp) của Niệm Pháp Hoa?” Ngày mồng Bốn tháng Chạp năm Thuần Hóa thứ ba (992), Sư thượng đường nói kệ, có câu “*kim niên ký khước lai niên sự*” (năm nay hãy nhớ chuyện sang năm). Tới ngày tháng đó trong năm Thuần Hóa thứ tư (993), chẳng sai lời dự ký trước đó, Sư vẫn thượng đường nói kệ rằng: “*Chư tử mạn ba ba, quá khước kỷ Hằng hà. Quán Âm chỉ Di Lặc, Văn Thù bất nại hà?*” (Các ông cứ ồn ào, đã qua mấy sông Hằng? Quán Âm chỉ Di Lặc, Văn Thù biết làm sao?) Hồi lâu sau, Sư lặng lẽ qua đời. Xà-duy tìm được xá-lợi ngũ sắc.

### \* *Thích Tri Lễ đời Tống*

Sư hiệu là Pháp Trí, họ Kim, người Tứ Minh. Từ ngài Bảo Vân Thông, Sư được truyền dạy Thiên Thai Giáo Quán. Trong niên hiệu Thuần Hóa<sup>427</sup>, Sư giáo hóa cực thịnh, học trò như rừng. Sư tận lực hành Pháp Hoa và Ban Châu tam-muội, mong sanh về An Dưỡng. Sư từng kết bạn với mười người có cùng chí hướng để tu sám. Kỳ hạn ba năm đã mãn, Sư toan thiêu thân để báo đền kinh mầu nhiệm. Văn công Dương Úc, Lý công Tuân Úc, tâu lên triều đình ban cho Sư y tía và đạo hiệu Pháp Trí đại sư. [Hai vị ấy] vâng chỉ khuyên Sư trụ thế. Môn nhân là Bồn Như thưa hỏi về tông chỉ của kinh vương, Sư nói: “Ngươi hãy làm giám viện cho ta ba năm”. Bồn Như vâng lời, ba năm đã mãn, lại đến thưa hỏi. Sư ra oai, hét một tiếng, Bồn Như rống rang khai ngộ, bèn trình kệ tụng rằng: “*Xứ xứ phùng quy lộ, thời thời phục cổ hương, bôn lai thành hiện sự, hà tất đãi tư lượng?*” (Chón chón gặp nẻo về, luôn luôn về quê cũ, vốn thành chuyện hiện thời, cần gì đợi suy nghĩ). Sư tùy cơ khai ngộ như thế đó. Sư suốt đời tu sám; bảy lần hành sám, mỗi kỳ hai mươi một ngày. Trong tông Thiên Thai, Sư là chuẩn đích. Sư trước tác [Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh] Diệu Tông Sao để nêu tỏ rộng khắp ý chỉ “*quán tâm, quán Phật*”. Ngày mồng Một Tết năm Thiên Thánh thứ

---

<sup>426</sup> Mục Vô Thiên Pháp Uyển trong tạp chí Bồ Đề Thụ đã giải thích câu này như sau: “*Động dung là khi Phật Thích Ca giờ cành hoa lên, ngài Ca Diếp mỉm cười; đó là động dung. ‘Dương cổ lộ’ là phù hợp với đường lối xưa kia. ‘Bất đoạ tiểu nhiên cơ’ là chẳng để lỡ thời tiết nhân duyên, tức là người chứng đạo mới có thể cảm nhận sự huyền diệu trong từng phút giây, chẳng thể nào diễn tả được*”.

<sup>427</sup> Thuần Hóa là niên hiệu của Tống Thái Tông (Triệu Khuông Nghĩa), sử dụng từ năm 990 đến năm 994.

sáu (1028), Sư tu Quang Minh sám. Tới ngày mồng Năm, Sư triệu tập đại chúng thuyết pháp, bỗng xưng Phật hiệu mấy trăm câu, ngồi xếp bằng, thoát hóa. [Môn nhân đặt thi thể Sư] trong khám chằng đóng lại, suốt mười bốn ngày, vẻ mặt Sư vẫn như còn sống, móng tay và tóc đều mọc dài ra, lưỡi chằng hoại như hoa sen vậy. Thanh Hiến Công Triệu Biện viết bài minh đề tháp. Từ tổ Long Thọ truyền cho ngài Huệ Văn đời Bắc Tề, Huệ Văn truyền cho Nam Nhạc Huệ Tư, Huệ Tư truyền cho Thiên Thai Trí Khải, cho tới ngài Pháp Trí, Sư được tôn là vị tổ thứ mười bảy của tông Thiên Thai.

**\* Thích Tuân Thức chùa Thiên Trúc núi Linh Ẩn đời Tống**

Sư tự Tri Bạch, họ Diệp ở Ninh Hải. Sư vào chùa Quốc Thanh, đối trước tượng Phổ Hiền Bồ Tát đốt một ngón tay, thề truyền Thiên Thai Giáo Quán. Đầu niên hiệu Ung Hy, Sư yết kiến ngài Bảo Vân Thông, huệ giải phát khởi đẹp đẽ. Nhằm ngày kỵ tổ Trí Giả, Sư đốt đỉnh đầu, thề tận lực hành bốn môn tam-muội. Sư trở về Thiên Thai, do siêng khổ học tập đến nổi ói ra máu, nhưng vẫn kiên quyết hành đạo, mãi bốn mươi chín ngày, chợt như mộng thấy đức Quán Âm duỗi tay vào miệng Sư, lôi ra mấy con trùng. Ngài lại duỗi ngón tay, rút cam lộ vào miệng Sư. [Sư liền cảm thấy] thân tâm thanh lương, bệnh từ trước nhanh chóng khỏi hẳn.

Năm Tường Phù thứ tám (1015), Sư chuyển sang sống tại Thiên Trúc. Trong niên hiệu Thiên Hy<sup>428</sup>, Văn Mục Công cai quản đất Hàng, chuyện đầu tiên là tìm đến thăm Sư trong núi, xin Sư giảng kinh Pháp Hoa và ý nghĩa “*tâm, Phật, chúng sanh, ba pháp đều như*”, biện tài phát khởi rõ rệt. Văn Mục Công tán thưởng chằng ngót. Ở phía Đông chùa, Sư dựng Quán Nhật Am để vận dụng quán tưởng pháp quán Tây Phương. Sư nương theo kinh Vô Lượng Thọ, soạn thuật Vãng Sanh Tịnh Độ Sám Nghi và Hạnh Nguyện Pháp Môn được lưu hành rất rộng trong cõi đời. Sư thường hành Pháp Hoa tam-muội, lấy chín mươi ngày làm kỳ hạn, cảm ứng chằng phải chỉ có một chuyện. Sư dựng Quang Minh Sám Đường, đối với mỗi cây cột, mỗi viên ngói, ất đều tụng chú Đại Bi bảy biến. Trải qua nhiều lượt binh hỏa, tòa nhà ấy nghiêm nhiên một mình

---

<sup>428</sup> Thiên Hy là niên hiệu thứ tư của Tống Chân Tông (Triệu Hằng), sử dụng từ năm 1017 đến năm 1021. Tống Chân Tông dùng các niên hiệu Hàm Bình, Cảnh Đức, Đại Trung Tường Phù, Thiên Hy và Càn Hưng.

tồn tại là do nguyện lực tạo thành. Năm Thiên Thánh thứ mười (1032), Sư thị tịch. Người đương thời gọi Sư là Từ Vân Sám Chủ.

**\* *Pháp Hoa Đại Sĩ Chí Ngôn chùa Khai Bảo đời Tống***

Sư tự nói ngài họ Hứa ở Thọ Xuân. Tuổi hai mươi, Sư sang Đông Đô, đắc độ nơi Thất Câu Chi Viện. Một hôm, Sư đọc Văn Môn Lục, bỗng khế ngộ. Chẳng lâu sau, Sư bèn thông hiểu Túc Mạng. Sư dung mạo lạ lùng, nhìn thẳng chẳng nháy, miệng mấp máy chẳng biết Sư đang nói gì, thường ngày chẳng thể thiếu sót, luôn thích tụng kinh Pháp Hoa. Do vậy, được đặt hiệu [là Ngôn Pháp Hoa đại sĩ]. Khi Sư sắp mất, bảo mọi người: “*Ta từ vô lượng kiếp đến nay thành tựu quốc độ Thế Đa, phân thân hoằng dương, giáo hóa, nay trở về Nam*”. Sau đó, Sư an tường qua đời. Tống Nhân Tông từng dâng hương, ngầm cầu nguyện rằng: “Sáng mai, thỉnh Pháp Hoa đại sĩ thọ trai tại Hóa Thành Điện”. Sáng ra, nội thị tâu rằng: “Ngôn Pháp Hoa từ cửa ngạch bên phải bước vào, sắp đến tấm điện, quát mà chẳng thể ngăn được!” Chúa thượng cười nói: “Trẫm thỉnh Ngài đến”. Sư đến nơi, liền ngồi lên giường ngự, xếp bằng thọ cúng. Chúa thượng hỏi về chuyện trừ quân (thái tử), Sư cầm bút, viết chữ to “*mười ba, mười ba*”. Sau, Anh Tông tức vị, tức là con trai thứ mười ba của Bộc An Ý Vương. Văn Mục Công Lữ Mông Chánh<sup>429</sup> thỉnh Ngôn Pháp Hoa thọ trai, hỏi tương lai tốt xấu như thế nào? Sư chỉ viết hai chữ Bạc Châu. Tới khi ông bị bãi chức Tể Tướng, được cử ra coi Bạc Châu mới hiểu ý lời sấm khi trước.

**\* *Thích Bồn Như chùa Năng Nhân ở Đông Dịch Sơn đời Tống***

Sư là người huyện Cú Chương, Tứ Minh. Thưở nhỏ, Sư nương theo ngài Pháp Trí. Năm Tường Phù thứ tư (1011), Sư tới Đông Sơn, hoằng dương Giáo Quán rộng lớn, giảng các kinh Pháp Hoa, Kim Quang

---

<sup>429</sup> Lữ Mông Chánh (946-1011), tự là Thánh Công, người xứ Lạc Dương. Ông là một vị đại thần nổi danh đời Tống, ba lượt được phong làm Tể Tướng. Ông đỗ trạng nguyên khi 21 tuổi, được phong làm Tương Tác Giám Thừa Thông Phán Thăng Châu. Ông được phong làm Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự (Tể Tướng) ba lần vào năm 988, 993 và 1011. Bảy người con trai của ông đều làm quan. Cháu trai ông là Lữ Di Giản (tức cháu nội của Lữ Quy Tường. Lữ Quy Tường là em trai của cha Lữ Mông Chánh) cũng được phong làm Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự.

Minh, Quán Vô Lượng Thọ v.v... mỗi kinh đều hơn sáu bảy lượt. Sư lại tụ tập một trăm vị tăng, tu Pháp Hoa trường sám suốt một năm. Sư từng ở phía Tây Nam của núi, thấy một con hổ đang nằm, bèn lấy trượng chạm nó, bảo: “Đây chẳng phải là chỗ người ở!” Hổ gục đầu bỏ đi. Sau Sư ở chỗ hổ nằm kết am, an dưỡng trong ấy. Trước đó, đã có ngũ thông thần ở đó. Mỗi khi Sư tọa Thiền, họ liền khiêng giường đi trên hư không. Sư hâm mộ di phong Lư Sơn, bèn cùng với các hiền nhân như Tuân công Chương Đắc Tượng kết Bạch Liên Xã. Trong niên hiệu Khánh Lịch<sup>430</sup>, triều đình sắc tứ ban hiệu cho Sư là Thần Chiếu, và áo hậu màu tía, ban biển đề tên chùa là Bạch Liên. Về sau, Sư thuyết pháp, giã biệt đại chúng. Giang thượng nhân thấy trên chót mây có vị tăng đi về Tây. Năm Gia Định thứ tư (1211) cải táng, khi đó đã là hai trăm năm sau, mở hòm thấy từ nhan nghiêm nhiên, râu tóc mọc dài, xá-lợi đầy quan tài.

**\* Thích Tổ Thiền chùa Thiên Trúc núi Linh Ẩn đời Tống**

Sư người huyện Thiên Thai, họ Lưu. Mười chín tuổi đã tụng thông thuộc kinh Pháp Hoa. Sư vào Đông Dịch tham yết ngài Từ Vân, đắc trọn ý chỉ huyền áo. Sư chỉ hành Pháp Hoa tam-muội, dùng đó làm thường khóa. Sư từng tu Quang Minh Sám một trăm ngày đêm. Tới khi đã tu được một nửa, bỗng thấy cờ quạt, tràng phan đầy dẫy trước mặt. Người dẫn đường hô là Đại Biện Thiên Tôn. Sư liền đứng dậy, chấp tay. Vị trời ấy nói: “Sư truyền bá, hoằng thông Đại Thừa, lợi ích rộng nhiều”. Nói xong biến mất. Sư lại đến Hoài Tứ, mộng thấy có vị tăng xoa đầu, bảo: “*Ta là hòa thượng Văn Thù, dạy cho ông năm nghĩa vô sanh*”. Sư thức giấc, ngũ tạng rỗng rang như nhai băng tuyết.

**\* Thích Hữu Nghiêm đời Tống**

Sư người huyện Lâm Hải, họ Hồ. Mười bốn tuổi, Sư sang Đông Sơn, nương theo ngài Thần Chiếu, tu tập Thiên Thai Giáo Quán. Trong niên hiệu Thiệu Thánh<sup>431</sup>, Sư ẩn cư tại đỉnh núi phía Đông của rừng Xích Thành, kết am tranh dưới cội cây Tra. Do vậy, tự đặt tên là Tra Am. Sư hành Pháp Hoa tam-muội, hễ cầu giải trừ hạn hán hay lụt lội, Sư vừa trì

---

<sup>430</sup> Khánh Lịch là niên hiệu của Tống Nhân Tông từ năm 1041 đến năm 1048.

<sup>431</sup> Thiệu Thánh là niên hiệu của Tống Triết Tông (Triệu Hú) từ năm 1094 đến năm 1098.

tụng đã có cảm ứng lạ kỳ như [hô to trong sơn cốc bèn lập tức có] tiếng vang. Mẹ của Sư bị bệnh mắt, Sư đối trước Quán Âm đại sĩ, tưởng tay cầm Nhật Quang Ma Ni [trong số ngàn cánh tay của Bồ Tát]. Mẹ liền mộng thấy Sư cầm mặt trời ở trước mặt. Tỉnh giấc, mắt sáng lại. Một hôm, Sư ở trong Định, thấy thiên thần bảo rằng: “Tịnh nghiệp của Sư đã thành”. Lại mộng thấy trong ao sanh đóa sen to lớn, thiên nhạc vang rền bốn phía. Sư bèn soạn một bài Tây Quy Tự Tiễn để dạy đại chúng. Bảy ngày sau, Sư ngồi xếp bằng qua đời. Trên tháp có quang minh như mặt trăng suốt cả ba đêm rồi mới ảm.

**\* Thích Xử Hàm đời Tống**

Sư họ Vương ở Thiên Thai. Sau khi thọ Cụ Túc, Sư nghĩ Phật pháp rộng lớn, nếu chẳng tận lực học, sao có thể kiến đạo. Sư liền vào Thiên Phong duyệt Đại Tạng Kinh. Ba năm đã xong, Sư đến yết kiến ngài Thần Chiếu, ngộ sâu xa ý chỉ trong giáo pháp. Về sau, Sư trụ trì chùa Bạch Liên, truyền Thiên Thai Giáo Quán, thường tu Pháp Hoa tam-muội. Tháng Bảy Nguyên Hựu nguyên niên (1086), Sư triệu tập đồ chúng, phân chia y bát, bảo rằng: “Ngày Hai Mươi Ba này ta sẽ trở về Tịnh Độ”. Sư bảo thị giả vào lúc thỉnh chuông buổi sáng sẽ báo cho mọi người biết. Đến thời, Sư thông thả ngồi dậy, xếp bằng mà tịch. Dương Thứ Công soạn bài tán có câu: “*Di thư phong rồi, ngồi xếp bằng, chẳng trụ bạch liên, sanh bạch liên*”.

**\* Thích Linh Chiếu đời Tống**

Sư người Đông Dương, họ Lô. Bẩm sanh thề dốc chí nơi Không môn. [Dụng công học kinh] chưa đầy một tháng, Sư đã thông thuộc hai kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh. Sư quảy tráp đến các giảng tòa, nghiên cứu tinh tường Tam Quán của Thiên Thai. Về già, Sư trụ tại chùa Siêu Quả ở Hoa Đình. Trong niên hiệu Nguyên Phong<sup>432</sup>, Sư kết các thiện lữ thành tịnh xã, hồng phông theo di phong của Đông Lâm. Sư từng mộng thấy Di Đà Tam Thánh. Sư quỳ hỏi: “Con suốt đời tụng kinh, mong sanh về Tịnh Độ, có được thỏa nguyện hay không?” Quán Âm nói: “*Tịnh Độ chẳng xa. Có nguyện liền sanh, chẳng cần ngờ nữa*”. Sư lại trong đêm thanh tụng kinh, mộng thấy đức Phổ Hiền. Do vậy, phát

---

<sup>432</sup> Nguyên Phong là niên hiệu của Tống Thần Tông (Triệu Húc) từ năm 1078 đến năm 1085.

tâm tạo tượng Phổ Hiền Bồ Tát, thề tụng kinh Pháp Hoa một vạn bộ, hồng trang nghiêm tịnh báo. Một hôm, trong Định, Sư thấy có dị tượng, liền nằm chổng chân qua đời. Xà-duy, lưỡi chẳng hoại, xá-lợi vô số.

**\* Thích Khả Cứu đời Tống**

Sư trụ tại chùa Khai Nguyên ở Tứ Minh, thường tụng kinh Pháp Hoa. Sư cùng Văn Trung Công Tô Thức thân thiết nhất. Sư thường ở Tường Phù thuộc Tây Hồ, một căn phòng tiêu điều, thanh bạch giữ phận nghèo. Đang lúc xem đèn nơi Cửu Khúc, Tô Thức rời khỏi người hầu, một mình đi vào thất của Sư, trợn chẳng có đèn đuốc, chỉ nghe mùi hoa Chiêm Bặc đọng lại. Ông ngưỡng mộ, tán thán, đề thơ, trong đó có câu: “*Bất bả lưu ly nhàn chiếu Phật, thí tri vô tận bốn phi đặng*” (Chẳng dùng đèn soi chiếu bàn Phật, mới hay vô tận chẳng phải đèn). Năm Nguyên Hựu thứ tám (1091), Sư không bệnh, ngòì qua đời. Ba ngày sau, Sư sống lại nói: “*Thần thức của ta đã dạo nơi Tịnh Độ. Thấy tướng trang cõi ấy giống hết sự trang nghiêm được nói trong Thập Lục Quán Kinh. Tất cả đài sen trong ao bảy báu đều ghi tên họ của người sẽ vãng sanh. Một đài tử kim đề Huân Công thuộc Quảng Giáo Viện tại phủ Thành Đô đã sanh trong đó. Lại có một đài vàng, đề Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu, một đề Khả Cứu. Lại có một đài bạc đề Từ Đạo Cô ở Minh Châu*”. Nói xong, Sư lại qua đời. Năm năm sau, Từ đạo cô mất, mùi hương lạ đầy thất. Lại bảy năm nữa, Tôn Nhị Lang mất. Khi đó, mọi người nghe tiếng nhạc trời nghênh đón trên hư không, đều đúng như Sư đã nói.

**\* Thích Kế Trung thuộc Pháp Minh Viện tại Ôn Châu đời Tống**

Sư ở Vĩnh Gia, họ Khâu. Tám tuổi được xuất gia, đến Nam Hồ nương theo ngài Quảng Trí, ngộ rành rẽ Giáo Quán hành Pháp Hoa và Kim Quang Minh tam-muội, chẳng để thiếu sót ngày nào. Sư trừ bệnh, đuổi tà quái, thần ứng khó lường! Năm Nguyên Phong thứ năm (1082), Sư nhóm họp đại chúng thuyết pháp rồi qua đời. Quang minh màu đỏ chiếu thấu hư không. Các thành viên trong tịnh nghiệp xã và toàn giáo đều mộng thấy thần nhân mặc giáp vàng bảo: “*Trung pháp sư đã sanh lên Đâu Suất*”.

**\* Thích Tư Chiêu đời Tống**



Sư người Tiền Đường, họ Dương. Sư tham cứu thần ngộ, có khế hợp rồi bèn trích máu chép kinh Pháp Hoa gồm bảy quyển. Sư dựng tiểu am, đặt tên là Đức Vân, chuyên tu Niệm Phật tam-muội suốt ba mươi năm. Mùa Xuân Tuyên Hòa nguyên niên (1191), một tối, Sư thấy Phật hiện thân kim sắc, liền kết ấn, ngồi qua đời. Sư tụng kinh Pháp Hoa một ngàn bộ và bảy kinh Tịnh Độ, mỗi chữ lễ một lay, lễ Pháp Hoa như thế đã mười lần, khổ hạnh không hai.

**\* Thích Trung Lập ở Minh Châu đời Tống**

Sư ở Ngân Huyện, họ Trần. Xuất gia từ bé, được ban hiệu là Trí Minh. Trong niên hiệu Hy Ninh<sup>433</sup>, Sư ở Nam Hồ, kế thừa pháp tòa của ngài Thần Trí, hằng ngày tuyên giảng Chỉ Quán. Trong niên hiệu Nguyên Hựu<sup>434</sup>, Sư lại trụ trì chùa Diên Khánh, tu Pháp Hoa tam-muội sám pháp suốt bảy năm. Khi hành pháp sắp viên mãn, một hôm trong khi Thiền Quán, Sư thấy một chiếc thuyền to. Đại chúng muốn lên thuyền đều chẳng được, chỉ mình Sư ngồi trong đó ra đi. Từ đấy, trí huệ biện tài của Sư như suối trào. Sư tụng Pháp Hoa hơn một vạn bộ. Sư nhường tai, cứu nạn, không gì chẳng thần nghiệm! Phù Tông ở Vĩnh Gia thưa với Sư: “Tôi từng thấy Đại Ma Lợi Chi Thiên và Vi Đà ở trong mộng cầu hộ pháp, mong có ngày nào đó, họ được đặt bài vị trong sám đường và Sư làm chủ sám”. Do vậy, chuyện lập tượng [Ma Lợi Chi Thiên và Vi Đà trong sám đường] bắt nguồn từ Sư. Trần Oánh Trung từng tán thán Sư rằng: “*Nghiêm tịnh Mộc Xoa, giữ vững tịnh lực, dùng thân làm lưỡi, nói trăm ức sự*”.

**\* Thích Tịnh Phạm thuộc Vô Lượng Thọ Viện tại Cô Tô đời Tống**

Sư người Gia Hòa, họ Trúc. Đầu niên hiệu Nguyên Hựu, Sư trụ trì chùa Đại Từ ở Cô Tô, đã giảng kinh Pháp Hoa mười mấy lượt. Trong niên hiệu Đại Quán<sup>435</sup>, Sư kết xã gồm hai mươi bảy vị tăng tu Pháp Hoa Sám. Mỗi kỳ phương tiện, lấy hai mươi tám ngày làm hạn. Ba hội như

---

<sup>433</sup> Hy Ninh là niên hiệu của Tống Thần Tông (Triệu Húc) từ năm 1068 đến năm 1077.

<sup>434</sup> Nguyên Hựu là niên hiệu của Tống Triết Tông (Triệu Hú) sử dụng từ năm 1086 đến năm 1094.

<sup>435</sup> Đại Quán là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1107 đến năm 1110.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

thế, cảm đức Phổ Hiền trao giới Yết Ma. Tới khi Bồ Tát hô “*tịnh phạm tỳ-kheo*” thì âm thanh to lớn vang rền như thỉnh chuông lớn. Tam-muội sắp thành, có hai vị tăng làm lễ, thưa: “*Mùa Xuân năm nay, chúng con đến Thạch Kiều lễ thánh tích. Bỗng thấy không trung rưới hoa, mùi hương lạ khác thường. Một vị tăng bèn nói: ‘Phạm pháp chủ ở Cô Tô chủ trì kỳ sám hối tán hoa đến tận đây’. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Do vậy, [chúng con] tới chiêm lễ*”. Sau đó, trong hội sám, lại thấy Vi Đà Thiên tuần hành sám thất, hể xét thấy hành nhân nào có chút sai trái bèn gây chướng ngại, khiến họ phải thoái lui. Trong niên hiệu Nguyên Phù<sup>436</sup>, Sư từng mộng thấy mình tới cõi âm, bậc vương giả đón lên tòa, sai nha lại xét sổ bộ, nói: “*Tịnh Phạm tỳ-kheo đã trải nhiều kiếp luân giảng Pháp Hoa*”. Vua liền đứng dậy đánh lễ, sai sứ đưa Sư về. Vào cuối niên hiệu Chánh Hòa<sup>437</sup>, sau khi Sư thị tịch, có xá-lợi năm màu.

### *\* Thích Đàm Di đời Tống*

Sư người Dư Diêu, họ Đỗ. Thuở bé, Sư xuất gia tại chùa Long Tuyên, đã học tập Thiên Thai Giáo Quán. Sư bế quan, chuyên tu Tịnh nghiệp, tụng kinh Pháp Hoa đủ năm ngàn bộ, Phổ Hiền Quán Hạnh và kinh Di Đà, mỗi thứ đều một vạn quyển. Hằng ngày, Sư trì Phật hiệu chẳng dứt. Đầu niên hiệu Sùng Ninh<sup>438</sup>, Sư dâng hương, bảo đại chúng: “*Đã tới lúc tôi sanh vào Tịnh Độ, sẽ nương đài kim cương theo Phật về Tây! Nguyện [đại chúng] nỗ lực tấn tu, sẽ có thể gặp gỡ*”. Nói xong, Sư điềm nhiên qua đời.

### *\* Thích Tông Lợi ở núi Đạo Vị tại Cối Kê đời Tống*

Sư người Cối Kê, họ Cao. Đã thọ giới Cụ Túc, sang Cô Tô, nương cây ngài Thần Ngô. Sư tu Pháp Hoa Sám, toan định kỳ hạn là ba năm. Bỗng thấy Phổ Hiền Bồ Tát ngự trên không lướt qua, liền đi theo Ngài đến Bích Chiêu ở Tân Thành, chuyên tu Niệm Phật tam-muội. Chánh Hòa nguyên niên (1111), do trời hạn, Sư cầu mưa, cảm long vương hiện

---

<sup>436</sup> Nguyên Phù là niên hiệu thứ ba của Tống Triết Tông sử dụng từ năm 1098 tới năm 1100.

<sup>437</sup> Chánh Hòa là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1111 đến năm 1118.

<sup>438</sup> Sùng Ninh là niên hiệu của Tống Huy Tông từ năm 1102 đến năm 1106.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

thân kim sắc, mưa lạnh nhuần thấm. Cuối niên hiệu Kiến Viêm<sup>439</sup>, Sư ở núi Đạo Vị, buộc lòng nơi Tịnh Độ. Tới đêm thứ ba, đánh châu ở trên tượng vẽ bông tỏa sáng. Một hôm, Sư bảo đệ tử rằng: “*Phật đến rồi, ta sắp về An Dưỡng*”. Sư liền viết kệ, có câu “*Nhất tướng đạo nhân quy khứ lai, kim đài tọa đoạn càn khôn trách*” (Nhất tướng đạo nhân hãy trở về, đài vàng đã đoạn, càn khôn hẹp). Sư lặng lẽ qua đời.

### *\* Thích Đạo Sâm ở Ôn Châu đời Tống*

Sư người Nhạc Thanh, họ Bành. Mười tám tuổi thọ Cụ Túc Giới, tới Nam Hồ nương cây ngài Viên Chiếu. Trong Thiên Định, Sư thấy tôn giả Tứ Minh tọa Thiền trên giường, đàm luận pháp tướng sâu xa. Từ đây, tâm địa Sư rộng rang, do vậy, hành Pháp Hoa tam-muội, cảm Phổ Hiền đại sĩ phóng quang. Trí huệ biện tài càng tăng thêm. Có người bị bệnh đã lâu, Sư vì người đó thuyết pháp, thí thực, phần nhiều được lành bệnh. Cuối niên hiệu Thiệu Hưng<sup>440</sup>, Sư bỗng nhóm chúng tụng Quán Kinh, ngày đêm chẳng dứt. Đại chúng ngửi thấy mùi hương đầy thất. Sư nói: “*Phật đến tiếp dẫn ta*”. Sư liền tắm rửa, thay quần áo, bảo đại chúng phúng tụng phẩm An Lạc Hạnh. Tụng chưa xong thì Sư đã đột ngột qua đời. Lưu khám<sup>441</sup> hơn cả tháng, sắc diện và thân thể vẫn như đang còn sống.

### *\* Thích Tùng Nhã đời Tống*

Sư là người Tiền Đường. Thoạt đầu, Sư theo ngài Hải Nguyệt học thông thạo Chỉ Quán, liền vào Thiên Vương Viện ở Nam Sơn, tụng kinh Pháp Hoa hơn hai vạn bộ. Sư tụng các kinh khác và lễ Phật tới một trăm vạn lay. Sư lễ kinh Pháp Hoa, cứ một chữ là một lay, hành như thế ba lượt. Tâm sư mong mỏi Tịnh Độ, suốt đời chẳng ngồi xoay lưng về phía Tây, lòng tinh thành như thế đó. Hiến Sứ<sup>442</sup> Dương Kiệt đã soạn An Lạc Quốc gồm ba mươi bài tán tặng Sư. Bài thứ nhất là “*Tịnh Độ trọn khắp các pháp giới, nhọc công sao chỉ riêng Tây Phương? Chỉ cần được nhập*

---

<sup>439</sup> Kiến Viêm là niên hiệu của Tống Cao Tông từ năm 1127 đến năm 1130.

<sup>440</sup> Thiệu Hưng là niên hiệu của Tống Cao Tông từ năm 1130 đến năm 1162.

<sup>441</sup> Lưu khám: Quản quan tài chưa chôn hay thiêu.

<sup>442</sup> Hiến Sứ còn gọi là Hiến Ty, tức Đề Điểm Hình ngục Công Sự tại các Lộ (nhà Tống chia nước nhiều Lộ, giống như khái niệm tỉnh sau này). Chức quan này phụ trách thẩm tra các nghi án, khảo sát, đàn hạch quan lại các cấp, tương đương chức Án Sát Sứ về sau này. Hiến Sứ còn là danh xưng để gọi các quan Ngự Sử.

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

vào cõi ấy, chón chón thấy đều là Bồ Đề”. Tại chùa Tịnh Trụ, Sư vẽ bức họa cứu phẩm tam-muội, cho khắc lên đá. Nhiều người được cảm hóa. Về sau, Sư không bệnh tật qua đời, cảm mùi hương lạ, nhạc trời. Mọi người đều nói đó là điềm chứng tỏ Tây Phương thánh chúng tới đón.

### ***\* Thích Hàm Oánh đời Tống***

Sư bẩm thừa Thiên Thai Giáo Quán, từng dùng chữ bạc để chép kinh Pháp Hoa, hễ gặp danh hiệu Phật, Bồ Tát bèn dùng chữ vàng. Cõi đời xung tụng là “*pháp môn chí bảo*”. Trong niên hiệu Kiến Viêm, giặc Kim tràn tới, chùa viện bị đốt sạch. Tìm trong đồng gạch ngói thì thấy bản kinh này chẳng bị tổn hoại chữ nào.

### ***\* Thích Tổ Nam đời Tống***

Sư sống trên ngọn Vân Phong của Nam Nhạc, trích huyết chép kinh A Di Đà năm trăm quyển, kinh Kim Cang một trăm quyển, kinh Pháp Hoa mười bộ. Tốn hết hai mươi bảy năm, đều dùng máu để chép. Những năm cuối đời, Sư máu cạn, thân lộ xương, nhưng tiếng niệm Phật chẳng dứt. Một hôm, Sư ngồi qua đời tại Phương Trượng, giữa hai mày nhô ra xá-lợi, cứ lấy đi lại sanh ra viên khác.

### ***\* Dụ Tư Tịnh đời Tống***

Ông là người Tiền Đường, tự đặt hiệu là Tịnh Độ Tử, đã sớm theo hầu Anh pháp sư giảng kinh Pháp Hoa. Sau đó, ông thường trì tụng, chuyên tâm niệm Phật. Hễ rảnh thì vẽ tượng Phật. Hễ vẽ, ắt sẽ ở trong tịnh thất, tĩnh lặng tâm tưởng, thấy quang minh của A Di Đà Phật rồi mới hạ bút. Năm Đinh Tỵ (1137) trong niên hiệu Thiệu Hưng, ông ngồi ngay ngắn bảy ngày, nhất tâm niệm Phật, lặng lẽ qua đời.

### ***\* Trung sĩ Tả Thân đời Tống***

Ông là người huyện Lâm Hải, Thiên Thai, thọ Bồ Tát giới từ ngài Thần Chiêu, khắc tượng Tây Phương Tam Thánh, đêm ngày chú trọng kiên thành. Ông tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn bốn trăm bộ, Kim Cang Bát Nhã hai vạn quyển. Mùa Thu năm Thiệu Thánh thứ hai (1095), ông cày sa-môn xướng tựa đề kinh Pháp Hoa, lại thọ thêm Bồ Tát Giới, liền thấy ba người to lớn đứng ở bờ sông, mời ông Tả Thân lên thuyền. Ông

liền thỉnh tụng tụng kinh Di Đà, rồi nói: “Ta đã thấy Phật quang”. Ông ngồi ngay ngắn qua đời.

**\* Phạm Nghiễm ở Nhân Hòa đời Tống**

Ông thường ăn chay, đạ bạc đối với thế duyên, nói: “Ta từ nay là kẻ ăn nhờ ở đậu”. Hằng ngày, ông tụng kinh Pháp Hoa. Lại còn tự tay viết một bộ kinh, tốt bậc trang nghiêm. Trong niên hiệu Đại Quán, ông bỗng thấy đức Phổ Hiền cưỡi voi trắng sáu ngà, phóng kim sắc quang, bảo ông Nghiễm rằng: “*Ông từng tụng Pháp Hoa, niệm A Di Đà Phật, được sanh về Tịnh Độ, cho nên ta đến báo với ông*”. Qua một đêm, ông thấy thánh chúng xòe tay [tiếp dẫn], bèn ngồi chấp tay, qua đời.

**\* Trương Khánh ở Biện Kinh đời Tống**

Trong niên hiệu Tường Phù, ông làm người coi ngục, thường giữ lòng Từ và thận trọng. Ban ngày, ông cẩn thận quét dọn. Trong tháng nóng, càng thêm siêng năng. Thức ăn, thuốc men, đồ trải nằm ắt đều tinh sạch. Ông thường khuyên răn các đồng nghiệp: “Người ta bất hạnh vướng vòng lao lý, nếu chúng ta chẳng biết thương xót thì kẻ mắc tội biết kêu van vào đâu?” Ông suốt đời trì tụng kinh Pháp Hoa. Mỗi khi gặp tù trọng tội bị hành hình, ông đều trai giới, tụng kinh suốt một tháng mới thôi. Ông thường dạy tù nhân, có tội thì hãy nên chấp nhận; đừng vu cáo người lương thiện khiến cho oan nghiệt của mình càng nặng hơn. Vợ ông là Viên Thi lúc bốn mươi tám tuổi, nhiễm dịch chết ba ngày, bỗng tỉnh lại nói: “*Thoạt đầu tôi tới một chỗ bản thú, mong đến được chỗ thanh lương. Bỗng thấy Bạch Y đại sĩ nói: ‘Bà chẳng nên tới đây, lại còn chưa có người nối dòng. Chồng bà có nhiều âm đức, con cháu sẽ hưng thịnh’.* Ngài bèn dùng tay kéo tôi ra, tôi được sống lại”. Năm sau, bà sanh con tên là Hanh, làm quan tới chức Tam Ban Tá<sup>443</sup>. Trương Khánh tám mươi hai tuổi, không bệnh tật mà mất. Sáu đứa cháu nội đều làm quan vinh hiển, được gọi là “*thế tộc*”.

---

<sup>443</sup> Thời Tống, chức quan võ được chia thành ba ban là Đông, Tây, và Hoành, gọi chung là Tam Ban. Chức quan võ khởi đầu sẽ gọi là Tam Ban Tá, cao hơn là Tam Ban Phụng Chức, cao nhất là Tiết Độ Sứ. Tống Sử cho biết thời Tống Nhân Tông, lập ra chức Nội Điện Sùng Ban, Tả Hữu Thị Cầm để bảo vệ hoàng cung, đổi chức Điện Tiền Thừa Chi thành Tam Ban Phụng Chức.

**\* Vô Vi Quân Sư Lý Ngộ đời Tống**

Ông chuyên tụng Pháp Hoa, bỗng đi đường trong đêm tối gặp lũ quỷ khinh nhờn. Bỗng thấy một cụ già áo vải, giày rơm, lớn tiếng quát rằng: “*Người này thường tụng Pháp Hoa, không được xâm phạm!*” Quỷ tan chạy, cụ già cũng chẳng thấy đâu!

**\* Hình Bộ Đô Quan<sup>444</sup> Lục Nguyên đời Tống**

Ông hiệu là Tĩnh Am, sống tại Hoàn Khê thuộc huyện Tứ Minh. Mỗi sáng thức dậy, ông liền rửa ráy, súc miệng, vào tịnh thất, dâng hương, ngồi xếp bằng, tụng kinh Pháp Hoa, mắt chẳng nhìn ngó điều gì khác. Thoạt tiên, ông xướng kệ rằng: “*Rửa tay, buổi sáng mở kinh văn, chẳng cầu được phước hoặc tiêu tai, thế duyên đoạn hết từ đây đoạn, trong ánh kiếp hỏa múa một hồi*”. Liền mở quyển kinh ra tụng, tiếng thanh thúy như chuỗi ngọc. Hằng ngày, ông tụng một biến suốt ba mươi năm. Lúc tuổi tám mươi, ông tăng lên thành [mỗi ngày] tụng ba bộ. Từ thơ phú có thể thấy được ý ông. Trong thơ có câu “*thanh thần tam độ đáo Linh Sơn*” (ba lượt đến Linh sơn vào sáng sớm). Ông tụng được chín ngàn bốn trăm tám mươi lăm bộ [kinh Pháp Hoa]. Lại duyệt Tỳ Lô Đại Tạng. Phàm Thai tông (tông Thiên Thai), Luật Bộ, Thiếu Thất Tâm Tông (Thiền Tông), không gì chẳng tham cứu rộng rãi. Ông lại tụng thánh hiệu Di Đà, nhất ý về Tây. Tháng Tư năm Thiệu Hưng thứ năm (1135), ông đã tám mươi lăm tuổi, tắm rửa, đội mũ, mặc áo qua đời, bỗng nghe từ nơi miệng và mũi tỏa ra hương hoa sen thơm ngát cả ngày mới hết.

**\* Đãi Chế Triều Thuyết Chi đời Tống**

Ông có tên tự là Dĩ Đạo, từng sang Hồ Nam tham yết ngài Trí Minh, nghe nói tam thiên cảnh quán liền hoan hỷ nguyện học. Tuổi già, ông hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa không thiếu sót, tự đặt biệt hiệu là Vị Thượng Lão Pháp Hoa (ông lão tụng Pháp Hoa trên sông Vị).

---

<sup>444</sup> Hình Bộ được gọi là Đô Quan Ty vào đời Tào Ngụy, trưởng quan của ty ấy được gọi là Đô Quan Lang. Về sau, mới đổi thành Hình Bộ, cho nên gọi chung là Hình Bộ Đô Quan.

**\* Trương Bình đòi Tống**

Ông cai trị Ký Châu. Một tên cướp lớn đoạt tài sản của dân, lại còn dâm loạn con gái của người ta. Trương Bình phẫn nộ cùng cực, lập giàn, đóng đinh gã đó ở cửa [phủ nha], ba ngày sau sai người bằm vụn hắn. Về sau, ông mắc bệnh sốt rét. Một hôm, đúng Ngọ, bệnh phát nguy kịch. Bỗng thấy trung sứ đến gọi Trương Bình, ông gượng bệnh đến nơi. Tới một tâm điện, nghe tiên đế Chân Tông lớn tiếng quát trong rèm: “Sao Trương Bình phi pháp giết người? Cho hắn đối biện với nạn nhân”. [Quý sứ] dẫn ông Bình tới góc Tây Nam của điện, mở cửa ngục, tù nhân bị cùm trói muôn vẻ. Ông mới biết mình chẳng ở trong cũi người. Một tội nhân bị xiềng chặt, huyết nhục đầm đìa, khóc lóc, tố cáo: “Mày phi pháp giết tao, chi thể rải rác, vĩnh viễn chẳng được thọ sanh, làm sao bây giờ?” Ông Bình mới nhận ra đó là gã cướp, bèn quát mắng: “Mày phạm tội chỉ chết một lần. Dẫu giết mày vạn lần cũng chẳng đủ rửa nhục cho cô ta! Còn dám tố cáo ư?” Gần đó có một nha lại, chính là viên nha lại cũ đã theo ông Bình lúc ông tòng sự tại Hà Dương, nói: “Ngũ hình còn có thường điển, cũng chẳng trách hắn tố cáo!” Ông Bình hỏi: “Làm thế nào đây?” Viên nha lại nói: “Chỉ khiến cho hắn được thác sanh thì Ngài có thể trở về”. Ông Bình sợ hãi, hỏi cách nào khiến cho gã đó thác sanh. Viên nha lại nói: “Không gì bằng kinh Pháp Hoa, nhưng phải chí thành hứa hẹn”. Ông Bình bèn hứa khi trở về, sẽ thỉnh tặng tụng một trăm bộ. Gã tù chẳng buông, tặng tới một ngàn bộ vẫn thế. Ông Bình càng sợ, viên nha lại nói: “Chẳng cần nhiều! Chỉ cốt sao tụng lâu dài, hằng ngày thỉnh tặng tụng một bộ, hứa thực hiện suốt đời thì sẽ có thể đưa hắn đi thác sanh”. Ông Bình hứa sẽ làm đúng như vậy, quả nhiên chẳng thấy [gã cướp ấy]. Ba ngày sau, ông mới hoàn hồn, bèn mời tặng mỗi ngày tụng một bộ, tới chết chẳng bỏ. Chuyện này trích từ Tương Sơn Dã Lục.

**\* Khương học sĩ ở Toại Châu đòi Tống**

Ông tuổi hai mươi bị chết đột ngột, vua cõi âm quở trách: - Người đời trước làm lành, đời này đáng lẽ thọ tám mươi hai tuổi, năm Đinh Sửu thi đỗ Tiến Sĩ, địa vị đạt tới công khanh. Lẽ ra, người chớ nên giết trâu ăn thịt đến nỗi bị giảm thọ, tuyệt lộc. Người há chẳng nghe bài ký về chuyện Hải Châu bảy ngày đêm đông tố, trời giáng xuống cái trống đá ư? Bài ký ấy viết rằng: “*Lục súc đều do nghiệp trước, chỉ có trâu khổ sở nhất*”. Người thấy đó, kẻ bị chết ngang xương đều là kẻ ăn thịt trâu!

Nói xong, một nha lại bên cạnh bảo: “Người hãy nên gấp cầu được hoàn hồn để sửa lỗi. Nếu không, bị phán vào địa ngục, sẽ chẳng có thuở thoát ra!” Ông Khương cầu chỉ dạy. Nha lại nói: “Âm phủ kính trọng người biên chép, thọ trì Diệu Pháp Liên Hoa Kinh và kinh Kim Cang, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên nhất. Nếu người phát tâm, sẽ có thể được thoát nạn”. Ông Khương vâng theo, xin hoàn hồn hồng sửa lỗi, chép kinh, phụng dưỡng cha mẹ. Vua cỡi âm chấp thuận, ông liền được tái sanh. Từ đó, ông hiếu dưỡng song thân, giữ giới kiêng dâm và giết, chép kinh, trì chú, thường thuật chuyện ấy để khuyên người khác, cảm hóa ngày càng đông. Về sau, ông đỗ đạt, làm quan tới Học Sĩ.

**\* Phan Miện Giả ở Nam Hải đời Tống**

Ông giả điên chẳng lường được, người đời gọi ông là Phan Áng; ấy là vì thông tục gọi kẻ điên là Áng (盎). Áng thường nói kệ tụng Pháp Hoa với người ở kinh đô, lui tới mỗi ngày một nhiều hơn. Một dị nhân bảo: “Ông Áng chính là Nhật Quang Phật”. Có Triệu Đường thoát đầu làm mặc quan<sup>445</sup>, bỏ việc theo ông Áng đi khắp nơi, đạt trọn hết đạo của ông. Ông Áng liền ẩn mất, ông Đường cũng ngồi qua đời. Hỏa thiêu, thu được mấy thưng xá-lợi. Văn Trung Công Tô Thức do giao du với Đường Tử Sưởng mà nhận được bốn mươi tám hạt, từng viết bài Triệu Tiên Sinh Xá Lợi Ký

**\* Ông Lục đồ tể ở Thành Nam, Hồ Châu đời Tống**

Lúc ông hai mươi ba tuổi, thấy một vân thủy tăng<sup>446</sup> tới cửa, miệng nói “giáo hóa người hữu duyên”. Ông Lục chẳng hiểu. Vị tăng nói: “Ông giết trâu dê vô số, sao không đổi nghề?” Ông Lục nói: “Tôi thừa kế nghề của tổ tiên, rất khó bỏ được!” Vị tăng nói: “Ông không đổi nghề, đời sau ắt đọa vào loài ấy, phải thọ oán báo, chẳng có thuở thoát

---

<sup>445</sup> Mặc quan: Chức quan giúp việc cho các quan chức lớn từ cấp Tri Châu trở lên, thường gọi là Sư Gia, Mặc Khách, Mặc Tân, Mặc Hữu. Chức vụ này bắt nguồn từ thời Đường. Sau khi loạn An Lộc Sơn bình định, các quan chức lớn như Tiết Độ Sứ, Quan Sát Sứ, Đoàn Luyện Sứ, Phòng Ngự Sứ v.v... thiết lập hệ thống hành chánh của riêng mình, tự lựa chọn các quan văn phù tá. Các viên quan đó được gọi chung là Mặc Quan. Chẳng hạn như Tiết Độ Sứ lập ra các chức quan Hành Quân Tư Mã, Phó Sứ, Phán Quan, Chi Sứ, Trưởng Thư Ký, Thôi Quan, Tuần Quan v.v...

<sup>446</sup> Vị tăng đi hành cước, hoặc du tăng, không có trụ xứ nhất định.



ra. Tôi thấy ông đời trước đã có thiện căn, hãy nên gấp chuyên tâm thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa và kinh Kim Cang để tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện phước”. Nói xong, bỗng chẳng thấy Sư đâu nữa! Ông Lục bèn tỉnh ngộ, ăn chay, thề chẳng làm nghề giết chóc nữa. Ông vẽ một bức A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, kiên thành sắp đặt cúng dường, theo thầy tập luyện tụng hai kinh. Chưa tới năm năm, ông đã có thể tụng thuộc lòng. Mỗi ngày, ông đối trước Phật dâng hương, tụng một bộ kinh Pháp Hoa, một quyển kinh Kim Cang, sám hối, nguyện độ các chúng sanh đã bị ông giết sẽ sớm được sanh về Tịnh Độ. Lúc tám mươi mốt tuổi, khi sắp tạ thế, khoảng nửa tháng trước đó, ông đã hẹn khắp với các thân hữu, vào ngày mùng Chín tháng Mười Một, sẽ đãi cơm để từ biệt. Đến hẹn, mọi người đều đến ăn cơm chay xong, ông bỗng đòi tắm rửa, thay áo, ngồi ngay ngắn, đọc kệ, qua đời. Kệ rằng: “*Sáu mươi năm lẽ lia sát nghiệp, tay ném đao, cân, ngăm tu hành. Hôm nay tìm được lối Bồ Đề, lửa đỏ sao mà sen bỗng sanh*”.

**\* Châu Thị Như Nhất đời Tống**

Bà thuở nhỏ được gả về nhà họ Tiết ở Tứ Minh. Lúc hai mươi mảy tuổi, liền tự giữ mình thanh tịnh, mặc đạo phục tại gia, ở nơi rừng vắng, thêu bảy quyển kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Mười năm mới xong, tới phẩm Hóa Thành Dụ, nơi mũi thêu nhặt được xá-lợi như hạt gạo, liên tiếp thu được mấy chục hạt. Đối với mỗi câu, mỗi chữ, bà đều xướng lễ ba lần. Tới khi bà thêu tượng Di Đà Tam Thánh, tốt bậc kỳ diệu. Bà tụng các kinh Đại Thừa xuôi thuận như nước rót từ trên cao xuống. Bà từng khắc gỗ để tạo tranh khuyên người niệm Phật. Người được bà giáo hóa cả hai mươi vạn. Năm Thiệu Hy thứ tư (1134), bà thị hiện mắc bệnh nhẹ, y sĩ kê thuốc đan sa, bà nói: “Ta chắc chắn vãng sanh, đan sa<sup>447</sup> để làm gì?” Bà lặng lẽ nằm bên hông phải qua đời. Đàm thiên sư ở Quát Châu có soạn truyện về bà.

---

<sup>447</sup> Đan sa (丹砂, Cinnabar) còn gọi là Châu Sa (朱砂), Xích Đan (赤丹), Hồng Sa (汞沙), Thần Sa (辰砂), chính là sulfur thủy ngân, có màu đỏ sậm. Chất này thường được dùng để chiết xuất thủy ngân. Người Hoa dùng nó làm thuốc trấn kinh, giải nhiệt, an thần, điều trị chứng mất ngủ, cũng như dùng trị các bệnh ngoài da, tuy đây là chất độc. Các nhà luyện kim của Đạo Giáo còn sử dụng châu sa để luyện đan, pha với các kim loại nặng như chì, và các chất độc khác với tham vọng tăng tuổi thọ, hoặc thành tiên bay lên trời. Rất nhiều vua chúa uống vào đã bị điên loạn, hay lở loét đến chết.

**\* Lý Thị mẹ ông Đông ở huyện Đức Hưng đời Tống**

Bà tụng phẩm Phổ Môn ba mươi mấy năm. Về sau, vào cõi âm, thấy đức Quán Âm xòe tay dẫn dắt, quang minh như ban ngày, bảo: “Số bà đã tận, nhưng vì có thiện căn, nên ta đến giúp đỡ”. Bà bỗng sống lại.

**\* Kỹ nữ Lô Mị ở Dĩnh Châu đời Tống**

Trong niên hiệu Khánh Lịch<sup>448</sup> đời Tống, Văn Trung Công Âu Dương Tu coi Dĩnh Châu. Có quan kỹ tên là Lô Mị, dáng dấp, phong vận đoan trang, diễm lệ, trong miệng thường tỏa hương hoa sen, lan tỏa khắp cả chỗ ngồi. Có một vị tăng người đất Thục, khá biết chuyện trong đời trước của mọi người, nói: “*Nàng này kiếp trước làm ni, tụng kinh Pháp Hoa suốt ba mươi năm. Do một niệm sai lầm, bèn đến nông nổi này!*” Ông hỏi kỹ nữ: “Người đã từng đọc kinh Pháp Hoa hay chưa?” Cô ta đáp: “Thiếp đã thất thân nơi chốn này, chẳng rảnh đâu mà đọc!” Ông sai người mang kinh tới đưa cho xem, cô ta vừa xem liền tụng ngay, như đã trọn quen tập luyện từ trước. Đổi sang kinh khác thì cô ta chẳng thể đọc được! Do vậy, ông mới tin chủng tử tu tập chẳng phải là hư vọng.

**\* Đứa tới gái của bà Triệu đời Tống**

Trong niên hiệu Thiệu Hưng đời Tống, Triệu mẫu tại Phụng Hóa chuyên trì Pháp Hoa. Một đứa tới gái trộm nghe lâu ngày, bỗng nhớ bốn câu “*thanh liên hoa hương, bạch liên hoa hương, hoa thụ hương, quả thụ hương*”. Do vậy, cô ta cứ ngâm ngợi, phúng tụng chẳng dứt. Về sau chết đi. Nơi chỗ được an táng sanh một đóa sen xanh. Thích Bồn Không trần thuật.

**\* Bà Hoàng ở Triều Sơn đời Tống**

Bà chuyên tụng Pháp Hoa và Kim Cang, chuyên tâm niệm Phật. Bỗng bà bị kiệt lý, chỉ uống nước, không ăn. Một vị tăng tu Thiền ở trong am gần đó, mộng thấy bà đến nói: “Sẽ sang Tây Phương”. Hai ngày sau, bà hướng về Tây niệm Phật, ngồi ngay ngắn qua đời. Xa gần đều thấy ráng đỏ che trên nhà bà.

---

<sup>448</sup> Khánh Lịch là niên hiệu của Tống Nhân Tông từ năm 1041 đến năm 1048.

**\* Tân Thị Tịnh Kiên đời Tống**

Bà nhà ở Tùng Giang, tự nhàm chán thân nữ, không cùng ở một chỗ với chồng nữa, tinh ròng trì trai giới, tụng niệm các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Kim Quang Minh, Bát Nhã làm thường khóa, nóng lạnh chẳng gián đoạn. Sáng tối bà lễ Phật, tu Di Đà sám. Lâu ngày có quang minh chiếu vào thất, bà hướng về Tây, ngồi yên qua đời.

**\* Nghi nhân<sup>449</sup> Lục Thị đời Tống**

Bà là người Tiền Đường, là vợ ông Vương Dư thời đó. Bà thường tụng Pháp Hoa, ý chuyên dốc nơi Tịnh Độ. Một hội lễ sám của bà là một vạn câu niệm Phật, suốt ba mươi năm chẳng thiếu sót. Về sau, bà mắc bệnh nhẹ, bỗng nghe tiếng trống trời tự vang ra tiếng, mọi người mới kinh dị. Bà liền hướng mặt về Tây, hai tay kết ấn, qua đời.

**\* Thích Hoàng Tế chùa Phổ Phước tại Tiền Đường đời Nguyên**

Sư có pháp hiệu là Thiên Ngạn, người xứ Dư Diêu, họ Diêu. Sư mồ côi từ bé, nương theo chú là Mãn công xuất gia. Sư thiên tánh cao tột tuyệt luân. Được dạy kinh Pháp Hoa, chẳng mấy chốc Sư đã có thể ghi nhớ. Mười sáu tuổi, Sư được thọ giới, liền trì luật chẳng biếng nhác. Sư cảm khái, có chí hướng hoàng dương đại pháp, liền sang huyện Ngân, nương theo Toàn công ở Bán Sơn, để học Thiên Thai Chỉ Quán, chuyên tu Pháp Hoa và Tịnh Độ sám pháp. Dường như trong khi quán định, Sư thấy tôn giả ban cho như ý bằng sừng tê giác. Từ đó, Sư biện luận ngày càng khéo, bèn khai pháp ở vùng Đông Ngô Lương Chiết. Sư coi lưu thông giáo pháp là Đệ Nhất Nghĩa, giảng Pháp Hoa một trăm mười hội, nhiều lần cảm điềm lành hoa trời. Diêm quan<sup>450</sup> thấy bờ biển sục lở,

---

<sup>449</sup> Nghi nhân là phong hiệu của vợ quan. Từ niên hiệu Chánh Hòa đời Tống Huy Tông, mẹ và vợ của quan văn từ Triều Phụng đại phu cho tới Triều Nghị đại phu (tức là thuộc hàm chánh ngũ phẩm) được phong làm Nghi Nhân, cao hơn An Nhân, và thấp hơn Cung Nhân. Đời Nguyên thì vợ và mẹ của quan chức từ thất phẩm trở lên được phong là Nghi Nhân. Thời Minh - Thanh thì vợ và mẹ của quan ngũ phẩm trở lên mới được phong là Nghi Nhân.

<sup>450</sup> Diêm Quan là chức quan chuyên kiểm soát việc sản xuất và kinh doanh muối. Trách nhiệm chủ yếu là bảo đảm không có chuyện buôn muối lậu vì Trung Hoa đất

thỉnh Sư mở đại hội Thủy Lục. Sư ngâm vận tâm quán tướng, cầm cát biển chú nguyện, quăng khắp các chỗ. Vết chân Sư đi tới đâu, bờ biển chẳng sụt lở nữa. Năm Chí Chánh thứ bảy (1347), Sư triệu tập đại chúng, dặn dò “*duy tâm Tịnh Độ*” rồi ngồi ngay ngắn, viết kệ, qua đời.

**\* *Trần Quân Chương đời Nguyên***

Ông là người Hoàng Nham, đoan nghiêm, thận trọng, ít nói. Lúc bốn mươi tuổi, ông lấy bà Diệp, tụng niệm Pháp Hoa, niệm Phật kính cẩn. Lúc sáu mươi tuổi, bệnh nguy ngập. Một tối, ông bảo con trai là Cảnh Tinh đỡ ngồi lên, bảo rằng: “Ta trở về”. Hỏi: “Về nơi nào?” Đáp: “Chẳng có chỗ đến”. Lại nói: “Ta chết rồi hãy nên xà-duy (hỏa thiêu) theo cách của tăng lữ”. Nói xong, chấp tay xưng Nam-mô A Di Đà Phật mà qua đời.

**\* *Thích Thiện Kế chùa Năng Nhân tại Thiên Thai đời Minh***

Sư hiệu Hải Huệ, người xứ Chư Kỳ. Sư vừa mới biết nói, nghe mẹ niệm Phật hiệu, liền chấp tay cất giọng hòa theo. Mười tuổi, Sư xuống tóc tại chùa Linh Bí ở Sơn Âm, theo ngài Đại Sơn Khôi tu tập Thiên Thai Giáo Quán. Về sau, Sư đắc pháp nơi ngài Trạm Đường Trưng. Sư ba lần trụ trì danh lam, hoằng xiển Pháp Hoa Huyền Nghĩa và Văn Cú, sáng giảng, tối giải, ngũ chương, tứ thích<sup>451</sup>, nghĩa lý uyên áo rạng ngời. Trong khi giảng giải, Sư từng cảm mộng tôn giả Tứ Minh. Lúc tuổi già, Sư ẩn cư nơi Hoa Kính, nghiêm túc tu Tịnh nghiệp. Bình sanh Sư giảng Pháp Hoa, Kim Quang Minh, chủ tu là Pháp Hoa và Tịnh Độ Sám, cảm ứng linh dị chẳng phải chỉ là một chuyện.

---

rộng, các tỉnh nội địa phải mua muối từ vùng biển với giá cao, do đó, kinh doanh muối là một nguồn lợi rất lớn để đánh thuế của triều đình.

<sup>451</sup> Tức là dùng ngũ trùng huyền nghĩa để giảng một bộ kinh, gồm: Thích danh (giải thích tên kinh), biện thể, minh tông (biện định tông thú, tức kinh này chủ yếu dạy về giáo pháp nào, đó là Tông. Do vâng theo cái tông ấy để tu hành sẽ đạt được cái quả gì. Đó là Thú), luận dụng (luận định tác dụng) và phán giáo (phán định thuộc giáo tướng nào trong Tạng, Thông, Biệt, Viên, thuộc Bồ Tát tạng hay Thanh Văn tạng). Tứ thích là cách giải thích kinh văn dựa theo bốn phương diện như ngài Ngẫu Ích đã sử dụng trong Pháp Hoa Thai Tông Hội Nghĩa trước đó: Nhân duyên, ước giáo (dựa theo từng giáo trong bốn giáo đề luận định ý nghĩa của từng đoạn kinh văn), Bản Tích và quán tâm.

**\* Liên Trì đại sư chùa Vân Thê núi Ngũ Vân đời Minh**

Sư hứu Châu Hoằng, người đất Cổ Hàng, họ Trầm. Tuổi hai mươi, Sư gởi lòng nơi Phật thừa. Năm Bính Dần (1566) thời Gia Tĩnh, Sư nương theo ngài Vô Môn Tánh Thiên để xuống tóc; không lâu sau, thọ Cụ Túc Giới. Một bầu, dép lể<sup>452</sup>, tham học trọn khắp các phương. Sư đến Ngũ Đài ở phương Bắc, cảm Văn Thù Bồ Tát phóng quang. Năm Tân Mùi (1571) trong niên hiệu Long Khánh, Sư thấy núi Vân Thê sơn thủy u tịch, bèn kết lều tranh để suốt đời sống tại đó. Vùng Hoàn Sơn có nhiều hổ gây tai họa. Sư vì chúng nó phúng kinh, thí thực, tai họa do hổ bèn yên. Gặp năm hạn hán, Sư đi dọc theo ruộng niệm Phật, chân Sư bước tới đâu, mưa đúng thời nhuần thấm [tới đó]. Từ đấy, hóa đạo đại thịnh.

Sư ở riêng một mình, một môn Tịnh Độ dung hội Tam Tạng, chỉ quy lễ duy tâm. Tăng tục bốn phương đánh lễ dưới đài sen, mỗi ngày tính ra cả ngàn người. Các bậc hiền hào nổi gót tới cửa hỏi đạo, đều được điểm hóa, tham cứu đại sự, không ai chẳng chế ngự được cái tâm. Sư lại ôm lòng bi mẫn tội bậc, soạn bài Giới Sát Phóng Sanh Văn (văn kiêng giết, phóng sanh) để khuyên đời. Trong ngoài thành, chỗ có núi, Sư đều lập ao phóng sanh, quanh năm cứu vớt các sanh mạng thuộc loài có lông, có vảy chẳng kể xiết.

Trong niên hiệu Vạn Lịch<sup>453</sup>, Từ Thánh thái hậu sai nội thị đem áo ca-sa tía, cúng dường trai tăng, thưa hỏi pháp yếu. Người trong nước

---

<sup>452</sup> Ý nói hành cước tham học, dựa theo điển cổ: Tổ Đạt Ma sau khi mất được chôn tại núi Hùng Nhĩ. Sứ giả đi Tây Vực trở về tâu với vua gặp Tổ bên Tây Vực, trên vai quấy một chiếc dép. Vua cho người khai quật mộ thì thấy trong mộ chỉ còn lại một chiếc dép.

<sup>453</sup> Vạn Lịch là niên hiệu của Minh Thần Tông (Châu Dục Quân) từ năm 1573 đến năm 1620. Từ Thánh Thái Hậu chính là Hiếu Định Thái Hậu (1545-1614), mẹ của vua Minh Thần Tông. Bà họ Lý, không biết tên, chỉ biết quê bà ở Thành Huyện, phủ Tây Dục, tỉnh Sơn Tây, được phong làm hoàng quý phi của Minh Mục Tông (Châu Tải Kỵ). Bà được đưa vào làm cung nhân cho Dụ Vương Châu Tải Kỵ lúc 15 tuổi. Do bà xinh đẹp, thông minh, hiền thực, Châu Tải Kỵ ưa thích bèn nạp bà làm thiếp thất. Khi Châu Tải Kỵ lên ngôi, trở thành Minh Mục Tông, bà được phong làm Hoàng Quý Phi. Tuy bà sanh nhiều con nhất, được vua hết sức sủng ái, nhưng đối với Trần Hoàng Hậu không con, lại bị thất sủng, bà vẫn giữ trọn lễ nghĩa, cung kính, không kiêu căng. Khi Minh Mục Tông tạ thế, con trai của bà lên ngôi tức Minh Thần Tông, bà được phong là Từ Thánh Hoàng Thái Hậu. Khi Minh Thần Tông còn nhỏ,

nghe danh Sư, đều xưng ngài là Vân Thê Cổ Phật. Sư ngẫm tu Tứ An Lạc Hạnh, gánh vác chánh pháp, mật hạnh khó thấy. Sư dùng Niệm Phật tam-muội để nhiếp trọn ba căn, trở thành người kế thừa tổ Vĩnh Minh. Thiền sư Hám Sơn soạn bài minh đề ở tháp của đại sư rằng: “*Nếu chẳng phải là phó chúc, chắc chắn từ đất vọt lên*”, vì biết Sư là người kín nhiệm vậy. Sư từng soạn bài tán bức tranh thêu kinh Pháp Hoa rằng: “*Trong bốn mươi chín năm, khai thị Phật tri kiến. Đạt được đầu mối ấy, hiện trong hết thấy trần, người ta dùng bút mực, người dùng kim và chỉ, mỗi cánh hoa sen sanh, từng chữ quang minh khắp. Tâm tướng vốn vô hình, tức cảnh có thể chuyển. Ta dùng bút làm lưỡi, để đề cao chuyện này, cùng kết duyên Bồ Đề, mãi chuyển Không Vương điện*”. Sư lại còn từng soạn kệ số cho kinh Pháp Hoa, được chép trong Vân Thê Pháp Vụng.

**\* Thích Đức Thanh đời Minh**

Sư là người đất Toàn Tiêu, họ Thái. Chín tuổi, Sư đã có thể tụng phẩm Phổ Môn. Mười hai tuổi, được thầy dạy Pháp Hoa, học ba tháng Sư đã đọc tụng thông suốt. Hai mươi tuổi tu Thiền, quyết chí tham cứu. Sư lên kinh đô, yết kiến An pháp sư, nghe giảng Pháp Hoa, Duy Thức. Sư đã tới Thanh Lương, tới Hám Sơn ở Bắc Đài, thích vẻ đẹp lạ lùng của núi ấy, nên lấy hiệu là Hám Sơn. Sư trở về Nam đến Thiệu Lâm, chiêm lễ tượng Sơ Tổ (Bồ Đề Đạt Ma). Trên đường Đông A, Sư rỗng rang liễu

---

bà dạy con rất nghiêm khắc, hễ vua phạm lỗi bèn bị phạt quỳ. Ngay cả khi ông ta đã là vua, bà không khoan nhượng trước sai lầm của vua. Khi Minh Thần Tông say rượu hãm hiếp Vương Thị là cung nhân hầu Thái Hậu, bị Thái Hậu cật vấn, vua chối phắt, tới khi Thái Hậu đem sổ sách ghi chuyện lâm hạnh của vua ra cho vua đọc, ông ta mới miễn cưỡng thừa nhận. Thái Hậu bắt vua phải phong cho Vương Thị làm phi tần. Từ đó, vua mang dạ oán mẹ. Thái Hậu sùng Phật, thường bố thí xây dựng chùa, vua lại mê Đạo Giáo, mâu thuẫn giữa hai mẹ con càng sâu. Khi Vương Thị sanh con là Châu Thường Lạc, vua gọi Thường Lạc là Đô Nhân Tử (con của cung nữ), mà Thái Hậu lại xuất thân là cung nữ, cho nên bà càng bức tức. Điều đó dẫn đến chuyện các thiền sư được Thái Hậu coi trọng cũng bị vạ lây như ngài Hám Sơn Đức Thanh chẳng hạn; do Thái Hậu tặng vàng cho Sư chép kinh, vua đã ghét ngài Đức Thanh sẵn, nhất là khi vua sủng ái Trịnh Quý Phi, còn Thái Hậu thích Vương Thị, cậy ngài Đức Thanh chủ trì lễ cầu tự cho Vương Thị sanh con trai. Tới khi vua ban Đại Tạng cho các chùa trong nước, Thái Hậu đã đặc biệt dành riêng một bộ cho ngôi chùa Hải Ân nơi Sư trụ trì. Tới khi Sư trùng tu chùa, vua bèn sai người vu cáo Sư tự tiện tu bổ chùa không xin phép, lén dùng công quỹ để phạt Sư đi đày.

ngộ, bèn có kệ rằng: “*Từ sanh đêm ngày, nước chảy hoa rụng, ngày nay mới biết, lỗ mũi hướng xuống*”. Sư bèn đến Bắc Đài, ở lại chỗ sâu thẳm, hiểm trở nhất tại Long Môn, [ở trong căn] nhà cũ chỉ còn mấy cây cột. Khi đó, Sư thấy băng tuyết trên vạn quả núi, thân tâm tiêu sái. Nước khe chảy cuộn cuộn [phát ra tiếng] như sấm. Sư nhất niệm chẳng sanh, muôn tiếng vang dường như im bật. Sư phát nguyện trích máu hòa bột vàng, chép một bộ kinh Hoa Nghiêm hồng kết duyên Bát Nhã, kiêm báo ơn cha mẹ. Khi đó, Sư nhiều lần cảm dị mộng, thấy đức Từ Thị trong lầu gác rộng lớn, nói pháp vi diệu. Lại mộng thấy vào hang Kim Cang, thấy Thanh Lương đại sư ngồi tựa giường báu lớn, khai thị quán cảnh viên dung. Từ đấy, tức chướng tan rã.

Năm Ất Mùi (1595) triều Vạn Lịch, do chuyện tặng đại tạng kinh gây liên lụy, Sư bị đày tới Lôi Châu. Đến Kim Lăng, Sư gặp thiền sư Đạt Quán. Lúc đến đường rẽ, ngài Đạt Quán cầm tay nói: “Tôi nghe chuyện thầy mắc nạn, sẽ đối trước Phật, tụng một trăm bộ Pháp Hoa để sám hối tội khiên từ trước, đó là tấm lòng của tôi mà là lưỡi của thầy”. Sư vâng dạ. Về sau, đến lãnh ngoại<sup>454</sup>, Sư dựng Thiền thất nơi lũy đá, nhóm đại chúng tụng niệm công khóa để đáp đền nguyện trước. Sư bèn giảng kinh Pháp Hoa một lượt. Tới phẩm Kiến Bảo Tháp, Sư cảm ngộ ý Phật. Năm Mậu Ngọ (1618), Sư định cư tại chùa Pháp Vân thuộc ngọn Ngũ Nhũ ở Lư Sơn, phỏng theo sáu thời [tụng niệm] của tổ Huệ Viễn, khắc hương thay cho đồng hồ, chuyên tâm tu Tịnh nghiệp. Sư từng dùng khai thị ngộ nhập để phán thích toàn thể bản kinh, viết thành Pháp Hoa Thông Nghĩa gồm bảy quyển.

### **\* Thích Hồng Ân chùa Đại Báo Ân ở Kim Lăng đời Minh**

Sư họ Hoàng, người Kim Lăng. Mười ba tuổi, Sư nghe giảng Pháp Hoa. Tới đoạn “*tam giới vô an, do như hỏa trạch*” (ba cõi chẳng yên, ví như nhà lửa), Sư rỗng rang khai ngộ, xin cha cho xuất gia. Sư với ngài Hám Sơn Đức Thanh cùng theo thầy là hòa thượng Vô Cực. Sư đến Thiếu Lâm ở Tung Sơn, tới Phục Ngưu an cư kết đông rồi quay về. Sư lại sang Ngũ Đài, [có chí hướng] cao cả lấy pháp làm trách nhiệm của

---

<sup>454</sup> Lãnh ngoại còn gọi là Lãnh Nam, tức là vùng đất ở phía Nam rặng Ngũ Lĩnh, tức vùng đất bao gồm các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam hiện thời. Rặng Ngũ Lĩnh bằng đá hoa cương chạy từ Đông sang Tây dài 600 km, gồm năm rặng núi nhỏ (Việt Thành Lĩnh, Đô Bằng Lĩnh, Manh Chử Lĩnh, Kỳ Điền Lĩnh, và Đại Dữu Lĩnh), là ranh giới tự nhiên phân cách vùng Lưỡng Quảng với Giang Nam.

mình. Trong niên hiệu Vạn Lịch, Sư ngồi trên nghê tòa<sup>455</sup>, giảng diễn Pháp Hoa. Hằng ngày xoay quanh muôn vạn ý chỉ để riêng nêu ra [chỗ thù thắng, độc đáo] của kinh Pháp Hoa, tham cứu thẳng vào ý Phật. Một trận mưa nhuần thấm, hai loại cây, ba loại cỏ thảy đều được thấm nhuần, người nghe than là chưa từng có. Sư thuyết pháp gần ba mươi năm. Mỗi lần chẳng giảng bèn tu Thiên Quán. Sư từng kết lều tranh trong núi Trường Hưng để tu tập tĩnh lự. Sư nhập Định hai ngày, cỏ cây, nhà cửa đều chấn động. Hám Sơn trần thuật khí khái cứng cỏi của Sư đúng là bậc hưng pháp truyền đạo.

**\* Thích Chân Giác ở Phật Lũng Nham núi Thiên Thai đời Minh**

Sư có pháp tự là Bách Tùng, người Côn Sơn, họ Vương, phạm tướng lạ lùng, vốn sẵn có linh tri. Về sau, do tìm tòi trong kinh Phật, Sư biết cõi đời vô thường, xuất gia, thọ Cụ Túc Giới. Sư đến Ngô Hưng tham yết pháp sư Nguyệt Đình, dự vào giảng tòa kinh Pháp Hoa. Nghe tới phẩm Phương Tiện liền khai ngộ. Năm Giáp Tý (1564) đời Gia Tĩnh, núi Thiên Thai thỉnh Sư giảng Pháp Hoa. Ý Sư không muốn tới, mộng thấy thần nhân mặc áo đỏ bảo rằng: “Duyên của Sư đã tới, ta sẽ hộ trì Sư đến”. Dân chúng ở Thiên Thai thoát đầu theo tà giáo, Sư vận dụng mạnh mẽ biện tài xảo diệu, quét sạch hết [các tà kiến]. Họ đều biết niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Kể từ đó, suốt hai mươi sáu năm, không năm nào chẳng có giảng tòa, xa gần đều nghe tiếng. Người học tôn Sư là pháp sư Diệu Phong. Sư giảng kinh Pháp Hoa và Diệu Tông Sao, hoằng dương rộng lớn Giáo Quán, khiến cho người đương thời biết tông chỉ tánh lẫn tướng đều do sự đức hóa của Sư. Lâm chung, Sư viết Tam Tự Tinh rồi qua đời. Sư từng tu Tùy Tự Ý tam-muội, mỗi khi gặp bệnh cảnh, Chi Quán càng gắng công, Sư có trước tác bộ Tịnh Độ Mộng Đàm Ký.

**\* Thích Chân Thanh đời Minh**

---

<sup>455</sup> Nghê tòa (猊座) chính là tòa sư tử. Sư tử còn được gọi là Toan Nghê (狻猊) trong các thư tịch cổ. Về sau, Toan Nghê lại biến thành một trong chín con của rồng, và người ta cho rằng Toan Nghê thích ngửi khói hương, cho nên các lư, đỉnh thường tạc hình tượng con nghê (tức toan nghê) ngồi trên nắp. Đặc điểm của Toan Nghê khi tạo hình là bờm thành hình xoắn ốc, không có vảy, thân hình nhất là trên chỗ tiếp giáp giữa chân và mình thường có xoắn ốc. Trong khi đó, kỳ lân phải có sừng và vảy.



Sư hiệu là Tượng Tiên, người xứ Tương Đàm, họ La. Thuở trẻ, Sư vào Nam Nhạc, theo hòa thượng Bảo Lâm xuống tóc rồi thọ Cụ Túc Giới. Hằng ngày, Sư trì kinh Pháp Hoa, kiêm tu khổ hạnh. Lúc hai mươi lăm tuổi, Sư ngồi thuyền vượt biển lễ Phổ Đà. Trong thuyền, Sư bỗng có điều tỉnh ngộ. Do đến thăm di tích Diêm Quan, Sư trụ tích tại chùa Giác Hoàng. Bỗng Sư mắc bệnh, chợt thấy Quan Thánh (Quan Công) trao cho linh dược, bảo: “Sư là bậc chí nhân, xin hãy mở rộng quy củ huyền diệu, hòng cảnh tỉnh thói tục trong đời mạt”. Bệnh liền lành. Sau đó, Sư đi về phương Nam, đến chơi Thiên Thai, chuyên rông tu Chỉ Quán. Năm năm sau, lại vào ngọn núi phía Nam của Hoa Đảnh, bảo: “*Đời Tống, Vĩnh Minh đại sư từng Thiên Định chín mươi ngày ở đây*”. Sư ngưỡng mộ phong cách ấy, bèn kết am tranh trên nền cũ, kết xã tu Đại Tiểu Di Đà Sám Pháp mỗi loại suốt ba năm, rộng tán dương tông Thiên Thai và chuyên rông phô diễn ngũ hồi.

Một tối, Sư mộng thấy một tòa cung điện tráng lệ, Di Đà Tam Thánh ngồi theo từng hàng. Do vậy, Sư lễ bái trọn khắp, thấy sa-di trao cho một tấm thẻ trên đề bốn chữ “*giới hương huân tu*”. Năm Đinh Hợi (1587) thời Vạn Lịch, Từ Thánh thái hậu đặc biệt ban tặng Sư bốn bộ áo hậu tử kim, giáng chỉ khen ngợi, tôn sùng. Quan Trùng Tể là Ngũ Đài Lục Quang Tổ<sup>456</sup> mời Sư chủ trì pháp tịch Hư Phù Dung. Sư từ chối, chẳng nhận. Về sau, Sư dời sang chùa Từ Vân núi Đông Dịch là chỗ tôn giả Tuân Thức đắc đạo. Suối róc rách trong khe, bóng tùng lô nhô, Sư lặng lẽ Thiên Định tại đó. Về sau, Sư nhận lời thỉnh của quan Tông Bá là Lục Thụ Thanh tại Vân Gian thỉnh cầu, xiển dương sự màu nhiệm của kinh Pháp Hoa tại Bồn Nhất Thiên Viện. Tháng Giêng năm Quý Tỵ (1593), Sư ngồi qua đời. Đã năm ngày mà mặt vẫn như còn sống. Trà-tỳ có mùi hương lạ, xa gần có mấy vạn người tới dự.

**\* Thích Tánh Chuyên ở Thạch Thành thuộc Thiên Thai đời Minh**

Sư người Côn Sơn, họ Trương, hiệu là Thủ Am. Thuở nhỏ, Sư đã xuống tóc, tham học thiện tri thức các nơi. Sư yết kiến ngài Diệu Phong, thọ giới, dự nghe giảng tòa Pháp Hoa của Ngài. Về sau, Sư từ biệt ngài

---

<sup>456</sup> Ông Lục Quang Tổ (1521-1597) tự là Dữ Thằng, biệt hiệu là Ngũ Đài cư sĩ. Ông làm quan đến chức Lại Bộ Thượng Thư, chức vụ này tương ứng với chức Thiên Quan Trùng Tể thời cổ, nên người đời vẫn quen gọi Lại Bộ Thượng Thư là Trùng Tể, tuy Lại Bộ Thượng Thư không phải là người đứng đầu các quan như Trùng Tể trong quy chế thời cổ.

Diệu Phong, qua Phong Đảnh, hành hạnh Đầu Đà. Trong mười hai thời, Sư chỉ tụng Pháp Hoa, hành Thiền Định sâu. Sư từng ở trong Định, thấy ao báu ở Tây Phương biến thành màu lưu ly, dài rộng không ngần mé. Sư đem chuyện ấy thưa với ngài Diệu Phong. Ngài Diệu Phong nói: “*Đó là tướng trạng Quán Hạnh mới kiến lập, đừng sanh lòng chấp trước thì sẽ là thiện cảnh giới. Nếu chấp lấy, hoặc nói ra, sẽ vướng vào các thứ tà*”. Do vậy, Sư giữ sâu kín, chẳng nói ra. Thạch Thành có tượng Di Lạc cao trăm thước. Thời cổ nói [tượng ấy] là tượng Tam Sanh Phật, do ba vị Tăng Hộ, Tăng Thục, Tăng Hựu qua ba đời tạo tác mới hoàn tất. Trong thời Gia Tĩnh, do chiến tranh, vàng thếp trên tượng bị lột mất. Sư thếp mới lại. Sư lại dựng điện bằng đá tương xứng với tượng, cảm Phật phóng quang, ban đêm mà sáng như ban ngày.

Mùa Thu năm Giáp Thìn, thiền sư được mời truyền đăng, giảng Tiểu Bản Di Đà Kinh. Có người thỉnh Sư đổi sang giảng kinh Di Lạc Thượng Sanh Hạ Sanh, Sư nói: “*Chẳng phải vậy! Tôi nghe Di Đà và Di Lạc, một thân một trí huệ, lực, vô úy cũng thế. Tôi vốn mong hải chúng cùng ngộ bản tánh Di Đà chính là bản tánh Di Lạc. Trước hết, hãy đến liên hoa Tịnh Độ rồi mới dự Long Hoa Thắng Hội*”. Giữa Đông năm Bính Ngọ, Sư tắm rửa, thay áo, bảo đại chúng thỉnh chuông, tụng kinh. Sư ngồi xếp bằng, niệm Phật mà hóa. Máy hôm trước đó, trong Đại Phật Nê Hoàn Diệp<sup>457</sup>, sanh một góc Linh Chi, to bằng nắm tay, màu trắng xen hồng, mềm mại, sạch sẽ, đáng yêu. Người trông thấy đều nói là điều ứng nghiệm Sư sẽ vãng sanh Tịnh Độ.

### **\* Thích Truyền Đăng đời Minh**

Sư họ Diệp, người đất Cô Miệt, từ bé đã theo xuống tóc với Hiền Ánh Am thiền sư. Sau đó, Sư yết kiến pháp sư Bách Tùng, nghe giảng Pháp Hoa, chợt có sự thần hội. Kế đó, Sư nghe giảng Lăng Nghiêm. Nửa đêm, Sư vào thất hỏi yếu chỉ của Lăng Nghiêm đại định. Ngài Bách Tùng trừng mắt, ngó Sư lom lom, Sư liền khế nhập. Ngài Bách Tùng phó thác áo ca-sa kim vân tử lữ. Sư suốt đời tu các pháp sám Pháp Hoa, Đại Bi, Kim Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm v.v... chẳng bỏ sót ngày

---

<sup>457</sup> Diệp là cái váy xếp nhiều lớp. Ở đây, Nê Hoàn Diệp chính là Nê Hoàn Tăng (Nivasana, còn phiên âm là Nê Phục Ta Na, hoặc Nê Phật Tán Na), hay còn gọi là Nội Y, Hạ Y, chính là cái xà rộng để che phần dưới thân thể của chư tăng. Trong đoạn này, ông Châu Khắc Phục có ý nói nơi chiếc xà rộng (hay chiếc xiêm) của tượng nơi chính điện tự nhiên trở nắm Linh Chi.

nào. Từ đó, thanh danh giảng pháp của Sư truyền xa. Tư Thành Phùng Mộng Trinh, Thái Tử Lục Quang Tổ quyền tiền mua đất trên núi biểu tặng. Do vậy, Sư ở chùa Cao Minh thuộc U Khê. Trước đó, có nông dân ở vùng núi là Diệp Kỳ chôn cha mẹ ở sau núi, bỗng mộng thấy Huyền Bật Chân Quân nói rằng: “*Đây là cuộc đất thánh đạo tràng, ngày sau sẽ có bậc nhục thân Bồ Tát thực hiện Phật sự to lớn. Người hãy mau chóng cải táng để khỏi mắc họa*”. Diệp Kỳ chẳng tin, bỗng cả nhà đều ngã bệnh. Họ Diệp sợ hãi bèn dời mộ. Ngày hôm sau Sư tới, bèn lập tổ đình Thiên Thai ở nơi ấy. Người học ủa tới. Sư ngự trên cỗ xe to rộng, ban cam lộ biện tài. Sư từng soạn [Tịnh Độ Sanh] Vô Sanh Luận nhằm giảng rõ ý nghĩa vắng sanh Tịnh Độ. Năm Giáp Thìn, Sư nhận lời thỉnh của thiền sư Thủ Am, đối trước Tân Xương Đại Phật, thăng tòa giảng nghĩa. Toàn thể đại chúng khi đó nghe trong hang đá tấu nhạc trời, tiếng tơ trúc réo rắt, chẳng phải là âm nhạc trong thế gian. Giảng xong, nhạc bèn im bật. Mỗi năm, tu bốn thứ tam-muội, Sư đích thân suất lãnh đại chúng, tinh tấn dũng mãnh tụng chú Lăng Nghiêm, kinh Duy Ma v.v... Hễ ai chẳng phải là Nho sĩ ắt đều mặc áo chàm, cầm quạt thần hộ vệ bên cạnh. Trước sau, Sư nhận lời thỉnh giảng hơn bảy mươi kỳ. Lúc bảy mươi lăm tuổi, Sư biết trước thời giờ, chính tay viết năm chữ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, lại cao giọng xướng tựa đề kinh đôi lượt, thản nhiên qua đời. Sư có hiệu là Vô Tận. Người đồng thời là thiền sư Hoàng Bá Thâm Hữu, hiệu là Vô Niệm, thiền sư Bác Sơn Đại Nghi, hiệu là Vô Di, đều là các bậc y vương trong cõi trược, là tròng mắt của trời người. Người thuở đó gọi các Ngài là Tam Vô.

**\* Thích Truyền Ký ở Tây Khê thuộc Vũ Lâm đời Minh**

Sư là người Ngân Thủy, cõi đời gọi là Hòa Thượng Pháp Hoa, là cao đồ của ngài Diệu Phong. Sư tánh chuộng ở một mình, ẩn tích tại Tây Khê. Ẩn thân Long Thọ suốt ba mươi mấy năm. Sư hằng ngày lấy tụng Pháp Hoa làm nghiệp, đã tụng hơn chín ngàn bảy trăm bộ. Năm Bính Tuất (1586) thời Vạn Lịch, ngu ty<sup>458</sup> Huân Thuần Hy cử hành [pháp hội] Pháp Hoa tam-muội sám. Sư dốc sức quên mệt, tận lực tu trường kỳ ba lượt, trải qua chín đợt nóng lạnh, thường đạt được điềm lành ứng hiện,

---

<sup>458</sup> Ngu ty tức là ngu bộ ty, là một trong bốn ty trực thuộc bộ Công, có trách nhiệm quản trị núi rừng, sông hồ, cây cỏ, các vườn tược của chánh quyền, điều hành các hoạt động sản xuất, cung ứng, cấm người dân tùy tiện khai thác hoặc phá hoại môi sinh.

## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

nhưng Sư im lặng chẳng nói. Về sau, Sư ngưng lễ tụng, ở trên đường Tây Khê, gánh nước, vác củi, hành các Phật sự. Nếu có ai nói: “Hòa thượng còn làm chuyện công đức hữu vi đó chẳng?” Sư lớn tiếng đáp: “Vô vi há ở ngoài hữu vi hay sao?” Tháng Bảy năm Quý Sửu, Sư già từ các đệ tử, niệm Phật ba ngàn câu, xướng tựa đề kinh Diệu Pháp Liên Hoa bốn lượt, mặt hướng về Tây, chấp tay qua đời. Tới sáng hôm sau, đánh đầu vẫn còn ấm. Mùi hương lạ lâu sau mới tan.

### ***\* Thích Quảng Mạc chùa Vân Thê đời Minh***

Sư có pháp tự là Nhân An. Thoạt đầu, Sư đến Thiên Tùng Môn, cầm kinh cật vấn, [nhưng rồi qua vấn đáp, trở nên hết sức] ngưỡng phục Mật Tạng Khai công. Sau đó, Sư kết giới tại Đại Vân, tập hạnh Thiên Na. Do Khai công khuyến bảo, Sư mới lại học Giáo. Do vậy, Sư đến khắp các giảng tòa. Năm Ất Dậu (1585) thời Vạn Lịch, pháp sư Bách Tùng giảng Pháp Hoa ở chùa Phước Điền tại Hồ Lâm. Năm Bính Tuất (1586), [pháp sư Bách Tùng] lại ở Linh Phong Sơn Tự, giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa. Sư đều quảy traps đến nghe, khế hợp rỗng rang ý chỉ “*hội tam quy nhất*”. Năm Đinh Hợi (1587), Thiên Tùng lão nhân giảng Thủ Lăng Nghiêm tại Lý Đông Thiên. Sư lại rong ruổi đến nghe. Đương thời, trong số những người có thể đối đáp, lão nhân tính Sư là một người trong số đó. Từ đây, nghĩa biện của Sư ngày một tăng, đối với các kinh văn khác nhau trong Tam Tạng, các học thuyết khác nhau của bách gia, hễ mở sách ra, Sư biết ngay chỗ quy túc. Sư bùi ngùi bảo: “*Văn tự Bát Nhã đều lưu xuất từ hạnh Thiên Na. Xét theo căn khí của tôi, chẳng thể thẳng thừng cắt đứt tình căn, bị hai món chướng ấy gây khó. Dùng Pháp Hoa làm cầu bến để vượt biển sanh tử, làm thang, cầu để lên bờ Niết Bàn*”. Năm Nhâm Thìn (1592), Sư lễ ngài Vân Thê, nghe pháp môn Tịnh Độ, tam tâm viên phát, thề giữ lấy hoa đài. Sư viết kệ có câu “*chịu ân đều là pháp, đặt chân chợt như về*”. Sư làm chín bài thơ Hoài Tịnh Độ đều cổ kính, điềm đạm, sâu xa, khúc chiết, thẳng thừng khế hợp bi nguyện của Tây Phương Phật. Sư có chí nguyện hoàng dương đại pháp, từng biên soạn một quyển Pháp Hoa Cảm Ứng lưu hành trong cõi đời.

### ***\* Thích Quảng Thừa đời Minh***

Sư có pháp tự là Thiệu Giác. Tuổi hai mươi, Sư thọ nghiệp nơi ngài Đại Giác, tham cứu sâu xa các tông Thiên Thai và Hiền Thủ. Cơ

biện<sup>459</sup> như gió, người nghe đều kính phục. Về sau, Sư nương theo ngài Thúy Phong thọ giới, cạo tóc. Vân Thê đại sư thấy Tịnh Độ Văn do Sư biên soạn, gọi Sư là “*ngũ hử*”. Sư siêng tu sám pháp, chứng nhập Pháp Hoa tam-muội. Từ đấy, duyệt các kinh điển, nghi vấn tan vỡ, rạng ngời. Sư vì đại chúng giảng giải nhiều năm chẳng lười nhác. Về sau, Sư không bệnh tật mà qua đời. Hoàng Hải Ngạn Đoan Bá soạn bài minh đề tháp.

**\* Thích Tăng Phục ở Giang Âm đời Minh**

Sư đạo đức cao trọng. Cuối đời Vạn Lịch, Sư thường chép kinh Pháp Hoa, nhiều năm mới xong. Viết xong, Sư ném bút trong ao. Khi đó, đang nhằm lúc rét buốt giữa tháng Chạp, bỗng có một đóa hoa sen từ trong băng mọc ra, vươn cao thẳng tắp. Sư bèn đặt tự hiệu là Băng Liên Đạo Nhân. Hiếu Liêm<sup>460</sup> Hạ Thụ Phương phụng sự Sư, tận mắt thấy chuyện lạ ấy.

**\* Thích Tánh Thiên đời Minh**

Sư hiệu là Lãng Nhiên, người đất Ngô Tùng, xuất gia tại Phổ Đà. Năm Canh Thân (1620) trong niên hiệu Thái Xương, Châu Đông Uyên ở Vân Gian qua Nam Hải lễ đại sĩ, thỉnh Sư tụng kinh Pháp Hoa để cầu siêu cho mẹ. Sư vì bà ta tụng kinh, hồi hướng trước tượng Vi Đà Thiên. Ông Châu có một con trâu rất khỏe, từ đấy bỗng lăn ra chết. Không lâu sau, [hồn mẹ] nhập vào thân vợ ông, gọi con bảo: “Trước kia, do khẩu nghiệp nặng nề nên làm trâu. Nay do công đức của kinh Pháp Hoa, đã thoát khỏi nỗi khổ làm trâu. Lại cầu ngài Lãng Nhiên lễ sám để có thể thác sanh”. Do vậy, Sư vì bà ta lễ sám, thí Diệm Khẩu Thực. Đêm hôm ấy, ông Châu mơ màng thấy mẹ đến cảm tạ: “Nhờ sức lễ sám, sanh vào

---

<sup>459</sup> Ứng đối trong nhà Thiền.

<sup>460</sup> Thoạt đầu, Hiếu Liêm có nghĩa là “*hiếu thuận với cha mẹ, khiêm tốn, có tài năng, chánh trực*”. Theo kiến nghị của Đồng Trọng Thu, Hán Vũ Đế vào năm Nguyên Quang nguyên niên (134 trước Công Nguyên) đã hạ chiếu cho các châu, quận cử ra một người hiếu thảo, liêm khiết để bổ nhiệm làm quan, nhưng họ không có thật chức. Thoạt đầu, họ được phái vào các bộ để tập sự, hồng xem xét tài năng và phẩm hạnh. Sau một thời gian dài quan sát, thấy phẩm đức tốt đẹp, mới thật sự bổ nhiệm vào các chức vụ. Về sau, để bảo đảm khả năng phụng sự của các hiếu liêm, các hiếu liêm được đưa về kinh phải thông qua kỳ khảo hạch kinh học (thông thạo kinh điển Nho gia) cũng như các kỹ năng hành chánh cần thiết thì mới được bổ nhiệm. Sau này, đến đời Minh - Thanh, Hiếu Liêm trở thành một danh xưng chung để gọi người đậu Cử Nhân.

nhà hàng xóm”. Tới sáng, ông kể lại với Sư giấc mộng. Vừa khéo, Trịnh thị ở hàng xóm mới sanh một trai. Họ nhìn nhau kinh ngạc, hỏi vào lúc nào, thì ra đúng vào lúc đạo tràng vừa mới hoàn tất. Sư từng trích máu chép kinh Pháp Hoa. Chép xong hơn sáu ngàn chữ lưu loát như đã quen làm từ trước. Tình thật nơi Sư ở, trên bức tường đất đều có các hình dạng của các cành, lá hoa sen. Người lễ Phổ Đà ai cũng tùy hỷ, chấp tay tán thán.

**\* Thích Tế Châu đời Minh**

Vào đời Minh, chùa Thụ Phong trên đường Hình Bộ ở Bắc Kinh là chỗ thờ một bức tượng Phật bằng chiêm đàn từ thời cổ. Trụ trì thần miếu vào những năm cuối là vị tăng tên Tế Châu, bẩm tánh chất trực, thờ Phật khâm ngưỡng, nghiêm túc, nhưng giữ giới không uống rượu chẳng nghiêm ngặt. Một hôm, có người mặc áo ngắn đến bảo: “Ta là Vô Thường ở địa phủ, bà cụ X... do lúc còn sống chẳng có một điều thiện nào, bị vướng trong địa ngục chẳng thể thoát được! Mong Một và ngày Rằm mỗi tháng, bà từng đến chùa lễ Phật, mang hoa quả tới cúng dường thầy. Do nhân duyên ấy, bà ta hy vọng thầy sẽ tụng một bộ kinh Pháp Hoa để được thác sanh”. Tế Châu ngờ vực, chưa tin, nói: “Ông đã là quý, khó đến được đất Phật, sao không chiêm lễ?” Quý đáp: “Có đô thành hoàng ở trong, tôi chẳng dám vào”. Do vậy, sư Tế Châu nghĩ: “Canh năm ngày hôm ấy, có người muốn làm thiện sự, bèn lập bài vị Thành Hoàng ở cạnh chánh điện. Lời ấy đúng là chẳng hư dối”. Sư bèn vào ngày Rằm tháng Bảy, quỳ trước Phật điện phụng tụng kinh Pháp Hoa. Tới quyển thứ năm, do trời nóng nên Sư quá khát, tìm trà chẳng được. Thấy trên bàn có một bầu rượu. Lắc thử thì hãy còn rượu, bèn hớp một ngụm rượu lạnh. Sư vẫn quỳ trước Phật để hoàn kinh.

Ngày hôm sau, Vô Thường lại đến bảo: “Bà cụ nhờ Sư tụng kinh, trọn bốn quyển, khắp cõi âm đều tỏa kim quang. Ngay trong lúc bà ta sắp lìa địa ngục thác sanh, bỗng một luồng hơi rượu xông vào cõi âm. Từ quyển thứ năm cho tới quyển thứ bảy đều như thế. Vì vậy, vẫn chẳng đắc lực”. Sư Tế Châu nghe nói, rợn da gà, bèn phát nguyện chí thành, tụng kinh bù cho bà ta. Vì thế, Sư nghiêm giữ giới không uống rượu, vĩnh viễn chẳng dám phạm. Đường Công Thời từng khắc chuyện này ở mặt sau tấm bia nghiêm tịnh đạo tràng của chùa ấy.

Xưa kia, lại có một vị cao tăng, quỳ tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm, bỗng thấy một thanh y đồng tử bảo: “Sư tụng Pháp Hoa đã rất lâu,

nhưng mỗi lần rửa tay, chỉ là nhúng nước mà thôi, chẳng đúng pháp tẩy tịnh, dơ bẩn chạm vào Pháp Bảo, sẽ còn thọ tội”. Sư kinh sợ nói: “Bị tội báo gì?” Đồng tử nói: “Sẽ đọa làm giòi trong phân”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Vị tăng hết sức sợ hãi; từ đó, tẩy tịnh đúng như pháp. Xét ra pháp tẩy tịnh, trước là dùng tro bụi, sau là dùng thảo đậu (tức xà phòng) chà xát. Rửa tay thì có bài chú Tịnh Thủ, rửa thân thì có Tịnh Thân Chú, mỗi chú đều niệm bảy lần. Chẳng niệm chú, dầu rửa bằng trọn hết nước bốn biển cũng chẳng thể tịnh. Tịnh Thủ Chú là “*Án, chủ ca lạt da, sa ha*”. Tẩy Thân Chú là “*Án, hạ năng mật lạt đế, sa ha*”.

**\* Thích Hành Nhân đời Minh**

Sư có pháp tự là Chỉ Nhất, người đất Quang Sơn, tỉnh Hà Nam, họ Trương. Hai mươi tuổi, đọc sách tại động Bạch Lộc. Sư gặp vị dị tăng nói: “Ông có đại nạn, hãy nên trì thánh hiệu Đại Bi thì sẽ có thể thoát”. Sư lắng lòng thọ trì. Năm Tân Ty (1641) trong niên hiệu Sùng Trinh, giặc Hiến<sup>461</sup> phá huyện, giết chóc đến Sư thì gươm đao bỗng tự gãy. Giặc lấy làm lạ, Sư thoát chết, quyết chí xuống tóc. Năm Giáp Thân (1644), Sư tới Kim Lăng, theo hòa thượng Thiên Hoa Muội thọ Cụ Túc Giới xong, do thấy giặc giã nổi lên, bèn men theo dòng [Trường Giang] đi về Đông. Tới Côn Sơn, Sư giảng các kinh Kim Cang, Lăng Nghiêm v.v... nơi tịnh thất. Đạo tục đều quy ngưỡng. Mùa Xuân năm Mậu Tý (1648), họ Từ xá nhà ở Tây Giao [biến thành chùa], mời Sư đến ở. Mùa Xuân năm Canh Dần (1650), Sư giảng diễn Pháp Hoa, biện huệ (trí huệ biện tài) như mây nổi, thính chúng mỗi ngày đông đến vạn người. Có bạch hạc từ trên không đáp xuống, vòng quanh pháp tòa mấy vòng. Nghe giảng xong, nó bèn nghiêm nghị kêu dài rồi bay đi. Sư bèn đặt tên

---

<sup>461</sup> Túc quân phản loạn do Trương Hiến Trung cầm đầu. Minh Tư Tông (Sùng Trinh Đế) tin dùng hoạn quan, tăng thuế nặng nề, lo tích trữ vàng bạc trong kho riêng. Vua lại ngờ vực, nghe lời sàm tấu, bỏ tù dũng tướng Viên Sùng Hoán (người anh hùng đã ba lần đánh bại quân Thanh toan xâm chiếm Trung Nguyên) khiến cho quốc gia suy yếu, nhân tâm chán nản. Dân chúng đói khát làm than bèn nổi loạn. Năm Sùng Trinh thứ 3 (1630), Trương Hiến Trung tụ tập 18 trại nông dân, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Vương Gia Dật tại Thiểm Tây, chiến đấu chủ yếu tại các tỉnh Thiểm Tây, Sơn Tây, Hà Nam, An Huy, Hồ Bắc, Tứ Xuyên v.v... Về sau, ông ta xưng là Đại Tây Vương, đặt quốc hiệu là Đại Tây, thủ đô là Thành Đô (Tứ Xuyên), chông phá đảng dai cho đến khi nhà Minh mất nước, quân Thanh vào Trung Nguyên, Trương Hiến Trung mới bị tướng nhà Thanh giết chết.

am là Pháp Vũ. Năm Tân Mão (1651), Côn Ấp đói to, Sư chủ trì thí cháo. Tâm lực đều dốc hết, cho nên ngã bệnh. Ngày mùng Hai tháng Giêng năm Nhâm Thìn (1652), Sư ngồi ngay ngắn, nói kệ rồi qua đời.

**\* Con ngựa của sư Vĩnh Minh chùa Báo Ân đời Minh**

Trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh, trụ trì chùa Báo Ân là tăng Vĩnh Minh, pháp hiệu Tây Lâm. Sư nuôi một con ngựa. Sư thường cưỡi nó từ chùa đến bộ Lễ. Khi lên ngựa, Sư thàm niệm kinh Pháp Hoa. Tới cửa bộ Lễ xuống ngựa, vừa đứng hết một quyển, coi đó là lệ thường. Đối diện trước chùa ấy có một thai phụ, đêm mộng thấy con ngựa ấy vào nhà, bèn sanh một trai. Sáng ra, đến chùa hỏi thăm, con ngựa chết vào đúng lúc ấy. Nhà ấy về sau cho đưa con đó làm đồ đệ sư Tây Lâm. Nó cực ngu xuẩn, dạy chữ, một chữ cũng khó nhớ! Chỉ dạy truyền khẩu một quyển Pháp Hoa, liền có thể tụng thuộc, đúng là ngựa do nghe kinh mà đắc độ! Truyện này trích từ Kim Lăng Tỏa Sự.

Lại có vị tăng tụng kinh Pháp Hoa bên hồ. Một con cóc nghe tiếng tụng kinh, bống làm ra vẻ ngẩng đầu, chấp tay quỳ nhiều lần. Có lúc làm như tọa Thiền. Không lâu sau nó tắt hơi, Pháp sư Đường Tu Nhã nói: “*Ý Phật, cốt tủy của tổ, tâm của ta, ý chỉ của kinh. Nhắm mắt, lắng lòng nghe cận kề, giọt đê hồ thấm vào trong gan ruột. Dẫu là loài trùng, há chẳng say đê hồ mà ngủ vùi ư?*” Chuyện này thấy ghi trong Đạt Quán Ngũ Lục.

**\* Thích Minh Huân đời Minh**

Sư là người An Huy, vốn có tên là Hồ Văn Trụ. Trong niên hiệu Thiên Khải, Sư làm Trung Thư Xá Nhân. Do chẳng nghe theo lệnh Ngụy Đương (Ngụy Trung Hiền)<sup>462</sup> chép kinh, bèn cáo quan. Tới năm Bính

---

<sup>462</sup> Đây là một hoạn quan lũng đoạn triều chánh nhà Minh. Ông ta tên thật là Ngụy Tứ, sau khi vào cung đổi tên thành Lý Tấn Trung; về sau đổi lại họ Ngụy. Do khéo lấy lòng vua, ông ta được Minh Hy Tông ban tên là Ngụy Trung Hiền. Ngụy Trung Hiền dựa thế của vú nuôi là Khách Thị. Khi Hy Tông lên ngôi vua, sủng ái Khách Thị, trao cho bà rất nhiều quyền hạn. Ngụy Trung Hiền vốn là tâm phúc của Khách Thị cũng được vua tin dùng, cho hẳn nhiều quyền hạn. Đặc biệt là giao cho hẳn coi Đông Xưởng (cơ quan mật vụ của triều đình). Hẳn gài người vào Nội Các khiến cả triều đình toàn là tay chân của hẳn, giết chóc, hãm hại những người chống đối không khoan nhượng. Các quan lại hùa theo nịnh bợ hẳn. Một tuần phủ Chiết Giang đê xướng lập sanh tử (đền thờ sống) cho hẳn, ai đi qua cũng phải lạy 5 lạy và hô to



Tuất (1646), ông bỗng bị ghẻ mặt người, đau đớn chẳng thể chịu nổi. Mùa Đông năm Tân Mão (1651), ông ngắt lỵm đi. Đang trong lúc mơ màng, nghe ghẻ mặt người nói: “Ta là Lô Chiêu Dung đời Lương. Trong cung tại Lạc Dương, gặp giặc giết chết. Nay đã hơn sáu trăm năm, vẫn còn vương trong số quý, mà ông chính là người đã giết ta thuở đó. Nay ông đã được chuyển thân làm nam tử, hãy nên chép các kinh như Pháp Hoa v.v... để tự cứu và cứu ta”. Văn Trụ xót xa cầu xin ngưng đau sẽ liền chép. Lúc đó, ông đang ở Nghi Chân, lập tức sắm sửa giấy bút, chép các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Kim Cang, Lăng Nghiêm v.v... và Thủy Sám. Mỗi lần chép liền hết đau, ngừng bút lại đau trở lại. Mất một năm mới chép xong kinh, bệnh liền lành.

Mùa Hạ năm Đinh Dậu (1657), ông gặp ngài Đồi Sơn ở Đức Khánh, thuật cặn kẽ chuyện này, nhưng chưa đoan chắc là Tiêu Lương hay Châu Lương. [Trước đó, ông đã hỏi ý những vị có học vấn rộng thời đó như] Thái Sử Lý Minh Duệ, Tử Do Vương Định, mọi người đều nêu ý kiến, nhưng cũng chưa đoan quyết được! Đồi Sơn nói: “Đó là thời Châu Lương, vì thời Tiêu Lương, Lạc Dương thuộc nhà Ngụy. Hơn nữa, Chiêu Dung cũng là danh hiệu địa vị của cung nhân thời Đường, do ủng hộ Chiêu Tông<sup>463</sup> mà bị hại. Nếu ông chẳng phải là Châu Hữu Khuê thì cũng là Thị Thúc Tông vậy!” Ông bèn ghi điều này vào sách, xem chương Tiết Công Thảm. Nay Đồi Sơn Đạo tức là Mễ Bút Ký. Xét ra, lời khảo luận của Đồi Sơn cặn kẽ nhất. Chỉ có điều như thế thì Lương

---

“*cửu bách tuế*” (tức là chỉ kém “thiên tuế” là danh xưng dành cho các thân vương). Mãi cho đến khi Minh Tư Tông lên ngôi, triệt hạ Khách Thị và truy bắt hần, hần sợ tội, thất cổ chết.

<sup>463</sup> Đường Chiêu Tông (Lý Kiệt) là vua áp chót của nhà Đường. Cuối đời Đường, hoạn quan lũng đoạn triều chánh, các phiến trấn tung hoành, không nghe lệnh chính quyền trung ương. Khi quân nổi loạn Hoàng Sào đã bị dẹp yên, Đường Hy Tông (Lý Huyền) trở về Trường An, lâm bệnh nặng, không qua khỏi. Các quan muốn đưa hoàng đệ Lý Bảo lên nối ngôi, nhưng hoạn quan Dương Phục Cung ủng hộ một người em khác của vua là Lý Kiệt, vì thế, Lý Kiệt được phong làm Hoàng Thái Đệ và lên ngôi khi Hy Tông qua đời. Trong các nỗ lực chống lại các Tiết Độ Sứ Lý Khắc Dụng, Trần Kính Tuyên, và Lý Mậu Trinh, Đường Chiêu Tông lâm vào bế tắc, phải nhờ tay quân phiệt Châu Toàn Trung (Châu Ôn) giúp đỡ. Cuối cùng, Châu Ôn thâm tóm quyền hành. Đến năm 904 thì Châu Ôn sát hại Đường Chiêu Tông. Châu Ôn sai con nuôi là Châu Hữu Cung (tức Hữu Khuê) và thống quân Thị Thúc Tông đem quân vào cung giết Chiêu Tông, đưa con ông ta là Lý Chúc lên làm vua, tức Đường Ai Đế. Năm 905, Châu Ôn giết chết Đường Ai Đế, soán ngôi, lập ra nhà Hậu Lương, tức Châu Lương.

Chiêu Dung phải nên ghi là Đường Chiêu Dung. Hoặc là ông Hồ trong lúc ngất đi, do âm Đường và Lương gần nhau mà nghe sai cũng chưa biết chừng. Châu Thạch Tục ghi lại.

**\* *Đồng tử chép kinh đời Minh***

Vào đời Minh, tương truyền tại chùa Bảo Lâm ở Tô Châu có đứa bé mười ba tuổi tới chùa, nói muốn có một tịnh thất để chép kinh. Tăng chúng trong chùa để cho nó ở riêng một phòng. Nó lấy giấy bút chép kinh Pháp Hoa, dùng nửa bức giấy tằm của Cao Ly vẽ một cái tháp bảy tầng. Mỗi tầng là một quyển. Giấy dài chừng bốn thước, rộng chừng một thước rưỡi. Kinh văn hơn sáu ngàn chữ đều đầy đủ, mấy ngày là xong, giữ trong chùa. Đồng tử chẳng biết đi đâu. Người làng là Trần Văn Cương đích thân thấy tháp ấy, chữ to bằng hạt mè, nghiêm ngặt, phân minh, bên trái về phía dưới ghi: “*Hành đồng hải vương Sư Quang viết*”. Nay [bức vẽ ấy] thuộc về họ Hoa ở Đãng Khẩu.

**\* *Long Đắc Phu đời Minh***

Ông là quận thừa ở Tứ Minh, thanh liêm, thẳng thắn, chuộng đạo. Khi đó, tại Phổ Đà có hai vị trụ trì, một vị là Trí Huệ, giới luật tinh nghiêm, đạo tục quy ngưỡng. Vị kia tên là Chân Biểu, tuy lãnh đạo từng lâm, nhưng tánh ương bướng, phá giới. Năm Nhâm Ngọ (1582) thời Vạn Lịch, ông vâng lệnh Giám Ty, tra hỏi Chân Biểu. Do [Chân Biểu phạm] lỗi nhỏ là đánh đập Sa Di, ông bèn đến núi để phân xử. Ông sai đem một bộ kinh Pháp Hoa ra đốt, bắt chúng tăng đều nhảy qua đó, thề chẳng tái phạm, còn chính mình tới hậu điện lễ bái. Ông bỗng cảm thấy hai đùi mềm oặt, chẳng thể động đợc, thân thể nóng bức kỳ lạ, nhanh chóng hôn mê thiếp đi. Trong lúc mơ màng, nghe có tiếng truyền lệnh rằng: “*Phụng đạo mà hủy đạo, càng trừng phạt nặng hơn. Chỉ vì yêu dân, phạt ba con trâu đá đè quan tài*”. Quận thừa nghĩ đây ắt là mạng lệnh của quan cỡi âm, chết như thế sẽ vào đường ác, [bèn van nài]: “Tôi không biết tội hủy kinh to ngàn ấy! Từ nay trở đi, nguyện suốt đời trai giới, sẽ gấp từ quan để nhập đạo hồng tự chuộc tội”.

Sư Đại Trí cũng vì ông xót xa cầu xin, tụng kinh lễ sám. Trong định, Sư thấy một tòa thành bằng sắt vây quanh. Trong thành có thi thể lỏa lồ chồng chất. Quận thừa cũng ở trong số đó, riêng ông chẳng lỏa lồ. Sư chí tâm sám hối, bỗng thấy trên không giáng xuống một đạo bạch

quang. Quận thừa như có người lôi ra, sống lại. Quận thừa thấy sa-môn như mây tụ, hỏi: “Vì sao người thiêu hủy kinh, phạm điều răn to lớn này?” Quận thừa thưa: “Con đã biết tội rồi, nguyện dùng trăm điều để đền một. Trước hết, quyên hết bổng lộc để trai tăng một vạn vị Sư”. Các vị sa-môn đều ản. Đêm ấy, gia đồng của quận thừa thấy trong đêm tối có hai ngọc nữ đầu có hai búi tóc, tay cầm tràng, lọng, phẩy giuờng bước qua, vang ra tiếng. Cán tràng chạm vào mặt gia đồng, nó kinh sợ kêu âm lên, bệnh của quận thừa liền lành. Khi đó, ông không ăn, không chớp mắt đã mười ngày rồi. Đồ Nghi Bộ Long mục kích chuyện ấy bèn ghi lại.

**\* Châu Nguyên Chánh ở Hải Diêm đời Minh**

Lúc ông làm Chư Sanh, giảng học vấn của Không Mạnh thì đoạn chánh, chẳng cầu thả. Sau sáu mươi tuổi, ông thâm nhập Thiền duyệt. Chọn ba gian nhà xấu ở phía sau phủ trách để [làm chỗ] bế quan, chẳng dính đến việc nhà. Trên ngạch cửa, đề sáu chữ “*ví như ta đã chết rồi*”. Công khóa mỗi ngày, buổi sáng là một quyển kinh Pháp Hoa. Sau giờ Ngọ tĩnh tọa. Tháng Tư năm Canh Thân, Đường Nghi Chi và môn nhân của ông là Trần Tác Lương đến thăm. Tiên sinh bảo ông Lương: “Nghi Chi trước kia đã từng viết thư cho ông, khuyên ông bỏ cái học có lợi cho Thái Tây mà hãy học Phật. Đây là lời tốt lành, hãy nên tha thiết nghe theo”. Ông Lương thưa: “Thầy tuổi đã cao, có lẽ nên nói lỏng giới cấm rượu đôi chút”. Tiên sinh nói: “Ý ông là bước vào độ tuổi suy yếu, hãy nên nhờ vào mấy chén để điều huyết dưỡng khí đó chăng? Chẳng biết ta đối với chuyện sanh tử đã vạch đứt rồi, sao còn nói lời ấy?” Khi tiên sinh nói đã vạch đứt rồi, liền dùng tay vạch một đường trên ghế, ý nói đã liễu sanh tử rồi! Người trông thấy đều run sợ, tôn kính.

Tháng Bảy, ông không bệnh tật gì, bảo với con rằng: “Ở đây ta không có chuyện gì, có thể lên đường rồi!” Con hỏi: “Cha đến nơi nào?” Đáp: “Đến Tây Phương”. Con và cháu cố giữ lại, ông chấp thuận. Tới ngày mùng Một tháng Chạp, ông thị hiện bị bệnh, không ăn, người nhà hốt hoảng lo hậu sự. Tiên sinh bảo: “Đừng vội! Đó là chuyện vào nửa đêm ngày mùng Tám tháng Chạp”. Đến kỳ hạn, ông ngồi ngay ngắn sắp ra đi. Lại nói: “Ta cả đời chẳng có mấy may phụ người. Mùa Đông năm nay, người thợ mộc sau nhà vì ta sửa sang một khoảnh đất sau cổng, vì mong ta sẽ đãi khách vào Nguyên Đán, nên đã san bằng mặt đất cho người già tiện đi lại. Nhã ý ấy ta chưa báo đáp”. Ông lấy giấy viết một

bài thơ cảm tạ. Trong ấy có một chữ viết sai, ông lại cầm bút tô sửa. Ông thông dong ngòi vũng vàng rồi qua đời. Lúc đó, gà vừa gáy, tiên sinh đã răn nhắc sẵn người nhà: Khi ông ra đi, đừng cho phụ nữ đến! Hai ba giờ sau thì họ mới có thể đến. Có đến cũng đừng khóc lóc. Trời đã sáng, quyền thuộc mới tới cử ai<sup>464</sup>. Tiên sinh tỉnh lại, mở mắt nhưng không mở miệng, chỉ lắc đầu ra hiệu dẫn nữ nhân đi. Họ đi hết rồi ông mới nhắm mắt lìa đời. Khi đó, đến đi tự do đường ấy. Chuyện này được thấy trong sách Diệu Ý Am Kỳ Cầu.

### **\* Vương Lập Cốc đời Minh**

Ông tự là Bá Vô, người Thai Châu. Thuở bé, theo cha là Đại Trung Thừa Vương Sĩ Tánh đến núi Kê Túc. Họ vào trong một vách đá, thấy ngài Ca Diếp nói: “Các vị từ nơi đến?” Ông Vương giật mình. Ngài Ca Diếp nói: “*Ông đọa trong nhà lửa, hãy hành từ, nhẫn, giới, mai sau sẽ mạnh mẽ đẩy lùi dòng nước chảy xiết. Dưới cầu, thân trước vẫn còn đó*”. Trong khoảnh khắc, vách đá hợp lại như cũ. Từ đây, ông Vương giữ vững giới kiên giết. Năm Bính Ngọ (1606) trong niên hiệu Vạn Lịch, ông đỗ Hương Tiến<sup>465</sup>, mộng thấy cha có lời khuyên dụ “*trong mười năm thì có năm lần chết; hãy gieo đức để hóa giải tai ương*”. Ông bèn đổi trước Tam Bảo ở Gia Hòa, thề ăn chay trường, và ở Thiên Thai thề giữ bốn giới sát, đạo, dâm, vọng. Về sau, ông làm huyện lệnh ở Tân Cam.

Năm Mậu Ngọ (1618), ông vào đất Cận. Thuyền đến Dịch Cảng, ban đêm ông bị âm phủ bắt về. Vị chủ nhân cõi âm (Diêm vương) lớn tiếng quát: “Tuổi thọ của ngươi đến tháng Tám năm Bính Thìn (1616) đã tận, kéo dài đến nay là do sức trai giới, sao lại bỏ?” Ông Vương khấu đầu, cảm tạ: “Làm quan thì do tình thế chẳng thể không như vậy được!” Vị chủ nhân cõi âm nói: “Cố nhiên! Hiềm rằng mạng hết thì sao?” Vua sai người xua ông vào ngục. Một vị tể quan ở bên trái cầu thỉnh: “Xin hãy thử tính các chuyện [ông ta đã làm] sau khi đã phá giới!” Trong chốc lát, đưa tới hai cái rương: Các mệnh lệnh, văn quyền, và mỗi yết thị, mỗi lá thư khi ông làm huyện lệnh Tân Cam. Những câu nói đùa thường viết trên các mẫu giấy nhỏ cũng đều có. Mỗi thứ đều có hơi bốc lên, xanh,

---

<sup>464</sup> Theo cổ lễ, khi khâm liệm, con cháu và thân thuộc lớn tiếng kêu khóc tỏ lòng thương xót người đã mất, chuyện này được gọi là Cử Ai.

<sup>465</sup> Thí sinh đỗ kỳ thi châu huyện khảo hạch để thi Tấn Sĩ thì gọi là đỗ hương tiến.

đen, đỏ, trắng, màu sắc khác nhau. Vị chủ nhân sai phân loại để kiểm. Trước hết, kiểm những thứ có màu đen và xanh được chất thành đống. Kế đó là kiểm đống có khí màu trắng. Đống xanh dần dần thu nhỏ, lại kiểm đống trắng, đống xanh bèn ần mất. Đống có khí màu đen rút nhỏ bằng cái chén, nhưng đống có màu đỏ riêng bốc hơi hùng hực. Ông Vương liếc nhìn, thấy kinh Kim Cang do ông đã khắc in và Háo Sanh Biên, Xã Thương Quyên đều có. Vị chủ nhân nói: “Đây là biết gieo đức, hãy còn có lẽ sống, chỉ tổn hại ngũ quan, có thể cho ông ta bảo toàn tánh mạng được!”

Vua bèn ra lệnh khoét mắt, ông liền cảm thấy tối đen chẳng thấy được gì, chỉ cảm thấy có người lôi đi. Vừa cất bước bèn tỉnh giấc. Nhướng mắt thấy ánh đèn như bị đâm, trợn chẳng thể mở mắt ra được. Thầy thuốc cho uống thuốc sáng mắt, trong đêm tợ hồ có người lại dùng đinh đóng vào mắt, khổ sở cùng cực! Ông bèn thôi dùng thuốc, quyết ý xin từ quan trở về quê, bỏ nhà tu Tịnh nghiệp, thề trì Pháp Hoa một ngàn bộ, và hằng ngày tụng kinh Kim Cang, Phạm Võng để cầu được ngậm gia hộ. Tháng Bảy năm Canh Thân (1620), ông lễ sám ở U Khê, trong đêm, mộng thấy Đại Sĩ dùng cành dương rảy cam lộ chắm vào tròng mắt. Sáng dậy, bỗng thấy mọi vật, hai mắt sáng lại. Sau đó, ông đến khắp các môn đình Vân Thê và Bác Sơn, sống thêm mười hai năm nữa, hiệu là Bích Như đại sư, có ghi lại chuyện hồi sanh.

*\* Vụ Hoàng Viễn ở Tô Châu đời Minh*

Ông yêu thích một cô gái hàng xóm, lén ước định chung thân, cưới cô ta làm thiếp. Vợ ghen tuông, đối xử tàn tệ, lại còn dùng cách nguyên rửa, khiến cho cô ta mau chết. Chẳng lâu sau, người thiếp quả nhiên chết. Hơn một năm, vợ cũng mắc bệnh lâu ngày, gọi bà Lý bầu bạn. Trong đêm, người vợ thấy có người váy đỏ, áo xanh, tha thướt tới trước mặt, chỉ bà vợ quở: “Mạng ta chưa đáng chết, do người nguyên rửa, khiến cho ta chết yểu. Nay ta đã tố cáo ở Nhạc Ty truy bắt ngươi!” Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Đêm hôm sau, quả nhiên người vợ tắt hơi. Hoàng Viễn tâm niệm người thiếp chết oan, và các thệ nguyện mà vợ đã hứa trong lúc bình thời, và các loại văn thư quá nhiều, ắt sẽ khiến cho mình mắc lụy. Ông ta bèn hằng ngày trì tụng kinh Ngọc Hoàng được

mấy trăm bộ. Lại cầu người thờ Chân Vũ<sup>466</sup> là Trầm đạo sĩ ở Huyền Diệu Quán lập Thủy Lục Đạo Tràng để tạ lỗi trước.

Sau đó, trong khi bị bệnh, Hoàng Viễn thấy bị quỷ tốt hung hăng bắt đi. Tới một cung khuyết, biển đề là Nhạc Phủ. Vua ngồi trên điện, quát bảo Hoàng Viễn và vợ về chuyện cùng nguyên rủa. Hoàng Viễn khấu đầu biện bác chẳng phải lỗi mình! Vua hô tả hữu áp giải vợ và thiếp của Hoàng Viễn ra làm chứng. Người vợ nghẹn lời. Vua nói: “Người tuy không biết chuyện, nhưng văn án nguyên rủa của người đàn bà này rất nhiều, phá trừ như thế nào?” Hoàng Viễn chưa đáp. Trước án, một viên phán quan tâu với vua: “Từ chỗ Cao Chân đã có văn thư chuẩn án rồi!” Vua sai lấy quyển văn để xem, trao cho Hoàng Viễn. Hoàng Viễn hoảng hốt, chẳng rảnh để đọc kỹ, chỉ thấy chữ son mấy dòng ở cuối trang giấy. Vua nói: “Văn thư đã chuyển đến Phong Đô, nói sẽ tâu trình. Nay nói là công văn trình làm”. Trong khoảnh khắc, có hai thần tướng mặc giáp trụ hiện trong sân: Một vị là Quan Thánh, vị kia là tâm tướng Vương Linh Quan<sup>467</sup>. Linh Quan nhìn vua nói: “Sai lầm nhỏ này chẳng đáng hỏi tới!” Vua gật đầu. Linh Quan dùng chân khều chân Hoàng Viễn, nói “đi”, [Hoàng Viễn] bèn được đi ra. Đường quanh co mấy khúc, lại vào một ty. Có sáu vị tăng ngồi trong đó, gọi Hoàng Viễn cất vấn. Người đứng đầu nói: “Hãy trở lại, hãy nên gia nhập ty Ngũ Ôn<sup>468</sup> đi!”

---

<sup>466</sup> Chân Vũ tức Huyền Vũ Đại Đế (Bắc Cực Huyền Thiên Thượng Đế, Chân Vũ Đãng Ma Đại Đế, Vô Lượng Tổ Sư) là vị thần thống ngự phương Bắc trong Đạo Giáo. Do theo Ngũ Hành, phương Bắc thuộc Thủy, cho nên Chân Vũ thống trị thủy tộc, tất cả các sự vật liên quan đến nước. Do vậy, ông còn được gọi là Thủy Hắc Đế. Ông có một đạo hiệu nữa là Đãng Ma Thiên Tôn Chân Vũ Đại Đế, cùng với Phục Ma Đại Đế Quan Thánh Đế Quân và Khu Ma Chân Quân Chung Quỷ Đế Quân được gọi là Tam Phục Ma Đế Quân trong Đạo Giáo. Núi Vũ Đang là đạo tràng chánh yếu của ông. Đạo Kinh nói ông là hóa thân lần thứ tám mươi hai của Thái Thượng Lão Quân.

<sup>467</sup> Vương Linh Quan còn gọi là Vương Thiên Linh Quan, Long Ân Chân Nhân, hoặc Thái Ất Lô Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn, là vị thần trấn thủ sơn môn của Đạo Giáo, thuộc bộ Lô, bộ Hỏa và là thần hộ pháp được sùng bái nhất của Đạo Giáo. Ông chính là một vị trong tứ đại hộ pháp của Đạo Giáo (Ôn Thái Bảo, Mã Thiên Quân, Triệu Nguyên Soái, và Vương Linh Quan). Ông được coi là ngự tiền đại tướng của Ngọc Hoàng, đứng đầu năm trăm vị linh quan, cho nên còn có danh xưng là Đô Thiên Đại Linh Quan.

<sup>468</sup> Ngũ Ôn Ty là phủ thự của ngũ ôn thần, tức năm vị thần gây bệnh dịch (ôn dịch) trong Đạo Giáo, bao gồm Xuân Ôn Trương Nguyên Bá, Hạ Ôn Lưu Nguyên Đạt, Thu Ôn Triệu Công Minh, Đông Ôn Chung Sĩ Quý, và Tổng Quản Trung Ôn Sử Văn Nghiệp.

## *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2*

Hoàng Viễn kể rõ chuyện Cao Chân xá tội, vị tăng nói: “Người biết tuân phụng Đạo Giáo mà quên Phật, tức là lẽ lợi hại trong ấy cũng chẳng phải là nhỏ! Nay đã được sống lại, hãy gấp mời sáu vị tăng tuổi cao có đức, tụng sáu bộ kinh Pháp Hoa thì mới có thể tiêu diệt tội khiên!” Họ ra lệnh thả về, Hoàng Viễn mới sống lại. Hôm sau, lập tức thỉnh tăng tụng kinh đúng số. Cho tới nay, ngày Rằm mùng Một mỗi tháng đều niệm kinh sáu, dầu hết sức bận bịu vẫn chẳng bỏ!

### *\* Cát Uyển đời Minh*

Ông tên tự là Thạch Bình người Côn Sơn, dốc lòng thành học đạo. Ông đóng cửa tham cứu kinh Phật, quanh năm không biết mỏi mệt, quy tâm nơi Pháp Hoa nhiều nhất, dùng kinh này làm công khóa thường nhật. Ông nghĩ thời gian trôi qua như chớp xẹt, diệu pháp khó nghe, muốn báo ân Phật thì hoàng truyền kinh là trọng yếu. Do vậy, sưu tập truyện của tiên hiền cổ đức từ đời Tấn, Tống cho tới Nguyên, Minh, tạo thành bộ Cảm Thông Lục bốn quyển. Cuối mỗi quyển đều có luận định. Thấm thoát mấy năm chưa xong. Mùa Thu năm Tân Mão, do suy yếu mệt nhọc, ông bị bệnh trầm kha cả năm. Tới mùa Đông năm Nhâm Thìn, do liên tiếp mấy đêm đều cảm mộng khác lạ, thấy thần nhân đến khắc in tác phẩm ấy, bèn dốc cạn sức lực gắng hoàn thành. Sách soạn xong, bệnh cũng lành.

### *\* Trần Tế Sanh ở Ngô Môn đời Minh*

Ông tự là Hoàng Sĩ, là trưởng tử của Văn Trang Công, dốc sức làm thiện sự. Đối với những lời hay, hạnh đẹp xưa nay, không gì chẳng chính tay sưu tập, chép lại, chắt tọt tận kèo nhà. Ông chuộng nhất nội điển, thường kết liên xã, trì tụng Pháp Hoa lâu ngày chẳng giải đãi. Bỗng mộng thấy một cụ già, phong thái cổ xưa, lạ lùng, tay cầm kinh Pháp Hoa viết bằng chữ vàng cùng nhân quả sự tích trao cho. Ông Trần hớn hờ vái lạy, nhận lấy. Trời sáng, bộ Pháp Hoa Cảm Thông Lục do họ Cát ở Lộ Thành đã khắc in quả nhiên được chở tới Viễn Diệu Đường của ông Trần để lưu thông. Lại có một người bạn đem chuyện dùng mực pha bột vàng chép toàn bộ kinh Pháp Hoa đến hỏi, là chuyện trong cùng một ngày. Chẳng lâu sau, trên đường, ông thấy một bộ kinh Pháp Hoa do Lý Chánh Khanh ở Tân An chép bằng chữ vàng, liền thỉnh về để cúng

dường, tạo thành hợp bích<sup>469</sup>, trang nghiêm thắng diệu. Người khác nhìn vào, đều than là hy hữu, mới tin do lòng u thành cảm vờ, Phật sự nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn như thế. Trước tác của ông Trần có Cộng Tri Lục, Đồng Thiện Hội Toàn Lục, và Hương Lâm Quảng Thư v.v... đều được lưu hành trong cõi đời.

**\* Mẹ ông Công Bộ Đàm Trinh Mặc đời Minh**

Nghiêm thái phu nhân chăm lo gia đình, dạy con, đều đúng chừng mực. Tuy chồng con sang quý, bà vẫn áo vải, ăn rau, dốc lòng tin Phật pháp. Bà coi trọng kinh Pháp Hoa và kinh Kim Cang nhất, sáng tối lễ tụng. Tuổi già, thêm vào [thời khóa] kinh Hoa Nghiêm, mỗi ngày một quyển. Lại có thể vì các con dâu giảng giải ý nghĩa chánh yếu. Năm Nhâm Thân (1632) trong niên hiệu Sùng Trinh, bà thị hiện bị bệnh, bèn đứng dậy tắm rửa, thay áo, lễ Phật, nói: *“Ta một đời kính Phật, nếu thật sự có duyên với Phật, sẽ khiến cho di thể chẳng hôi thối”*. Do vậy, bà chấp tay, ngời xếp bằng qua đời. Lúc đó đang là tháng Bảy nắng gắt, bà vẻ mặt mỉm cười như hầy còn sống, mùi thơm phảng phất. Khi an táng, chẳng hề có ruồi bọ. Người trông thấy, chẳng ai không khen là lạ lùng.

**Pháp Hoa Trì Nghiệm Kỷ chung**

**Lời Hồi Hương**

*Kinh Pháp Hoa là một trong ba bộ kinh Viên Giáo Nhất Thừa (Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, và Phạm Võng), nghĩa lý sâu thẳm, dẫu có diễn giải, tán thán bao nhiêu đi nữa, vẫn chẳng khác nào nêu ra một hạt cát trong sa mạc mênh mông. Đệ tử nhờ phước thừa mà có cơ hội chuyển ngữ bộ hội nghĩa này của Tổ Ngẫu Ích, lại được đọc các sự tích cảm ứng của các bậc tiên hiền, vô cùng thẹn hổ vì học thức kém cỏi, chẳng thể diễn tả lời kinh ý Tổ suông sẻ, gãy gọn. Càng hổ thẹn vì tiền nhân chẳng tiếc sức hành trì, truyền bá, mà bản thân mình thì chẳng có*

---

<sup>469</sup> Ý nói kinh Pháp Hoa và sách Cảm Thông Lục đều quý báu, đẹp đẽ như một đôi ngọc bích đặt kề nhau.



## ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2***

*tí xú công hạnh nào, lại còn giải đãi, biếng nhác, cô phụ bi tâm của bao thế hệ thầy tổ. Càng đọc các sự tích, càng thêm tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, vì qua những chuyện cảm ứng được chép trong Hiền Ứng Lục và Trì Nghiệm Kỳ, có thể thấy rất rõ những bậc đại thiện tri thức quảng học đa văn, sau khi đã thâm đắc Thiên Tông và Giáo Quán, đều quy tâm Tịnh Độ, nhất tâm cầu sanh Cực Lạc. Càng thêm kính sợ trước gương cảnh tỉnh của những vị dày công đọc tụng, nhưng do chưa phát nguyện vãng sanh, đến nỗi vì một niệm tâm sai lầm, kiếp sau phải lưu lạc, phí uổng công lao tu tập cả đời thuở trước. Nếu việc làm kém cõi này của chúng con có chút công đức nào, đều xin hồi hướng về lịch đại tổ tiên, phụ mẫu, sư trưởng, tông thân quyến thuộc, lũy kiếp oán thân trái chủ và mười phương pháp giới chúng sanh, đặc biệt là các liên hữu đã luôn khuyến tấn, góp phần sửa chữa, tán trợ ẩn tống. Trân trọng cảm tạ các vị liên hữu Đức Phong, Huệ Trang và Diệu Âm Trịnh Lộc đã giúp giáo duyệt, góp ý sửa chữa. Nguyên do công đức này, thế giới hòa bình, tai ương tật bệnh của chúng sanh tiêu trừ, tứ chúng đồng tu tín tâm kiên cố, đạo nghiệp tinh chuyên, hoằng dương rộng lớn Phật pháp để chuyển cõi Sa Bà thành Tịnh Độ.*

*Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch.*

*Ngày 04 tháng 01 năm 2023.*

***“Hoan nghênh ẩn tống, công đức vô lượng”***